BÌNH GIẢNG LUẬN VỀ LỬA VŨ TRỤ

HỌC KỲ 5 (pgs 465-567)

Michael D. Robbins

TCF 465-475: S5S1

3 April – 17 April 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Our subject for immediate consideration concerns the [Page 466] *deva evolution,* and the effect of the incoming ray upon them.

1. The "incoming ray" is the seventh, directly related to the deva evolution.

2. However, it must be noted that the fourth ray is also "incoming" (having made an impact in 1925 with a still greater impact expected in the year 2025). The fourth ray is also related to the deva kingdom and upon the fourth plane the human and deva evolutions find "group unity" and a "definite and permanent alliance [between them] may be seen".

The first point to be noted is that this influence at this time affects primarily the devas of the physical plane, the devas of the ethers, or of the shadows, as they are

3 tháng 4 – 17 tháng 4 năm 2007

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Phần gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc cùng với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

Chủ đề chúng ta trực tiếp xem xét liên quan đến [Page 466] *sự tiến hoá thiên thần,* và ảnh hưởng của cung đang đi vào đối với họ.

1. "Cung đang đi vào" là cung bảy, trực tiếp liên hệ với sự tiến hoá thiên thần.

2. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng cung bốn cũng đang "đi vào" (đã tạo một tác động vào năm 1925 và một tác động còn lớn hơn nữa được chờ đợi vào năm 2025). Cung bốn cũng liên hệ với giới thiên thần, và trên cõi thứ tư, sự tiến hoá nhân loại và thiên thần tìm thấy "sự hợp nhất nhóm" và "một liên minh xác định và thường tồn [giữa họ] có thể được thấy".

Điểm đầu tiên cần lưu ý là ảnh hưởng này vào lúc này tác động chủ yếu đến các thiên thần của cõi hồng trần, các thiên thần của các cõi dĩ thái, hay của bóng tối, như đôi khi

sometimes called, and not, to the same extent, the devas of the astral or mental planes.

họ được gọi như vậy, chứ không tác động đến cùng mức độ ấy đối với các thiên thần của cõi cảm dục hay cõi trí.

3. All the devas are responsive to the seventh ray, but the devas of the physical plane ("of the shadows") are the *most* responsive. These devas are members of the "Army of the Voice" whereas the astral and mental devas are not.

3. Tất cả các thiên thần đều đáp ứng với cung bảy, nhưng các thiên thần của cõi hồng trần ("của bóng tối") là những vị đáp ứng *mạnh nhất*. Các thiên thần này là thành viên của "Đạo quân của Âm Thanh", trong khi các thiên thần cảm dục và trí tuệ thì không phải.

These particular devas in "their serried ranks" are the directive agents of the divine energy which implements the purposes of Deity upon the physical plane. **They work only on etheric levels—either upon our physical plane or on the cosmic etheric levels. They are therefore active in the realm of maya, which is the etheric plane as we usually understand it, or upon the planes of the Spiritual Triad. They are not active on the three gross physical levels or upon the astral or mental planes, nor are they active upon the highest or logoic plane.** There they are implicit or latent but not active. (R&I 179)

Những thiên thần đặc biệt này trong "hàng ngũ dày đặc" của họ là các tác nhân chỉ đạo của năng lượng thiêng liêng, năng lượng thực hiện các mục đích của Thượng đế trên cõi hồng trần. **Họ chỉ hoạt động trên các cấp độ dĩ thái—hoặc trên cõi hồng trần của chúng ta hoặc trên các cấp độ dĩ thái vũ trụ. Vì vậy, họ hoạt động trong lĩnh vực của ảo lực, tức cõi dĩ thái như chúng ta thường hiểu, hoặc trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần. Họ không hoạt động trên ba cấp độ hồng trần thô trược hay trên các cõi cảm dục hoặc trí tuệ, và họ cũng không hoạt động trên cõi cao nhất hay cõi Thượng đế.** Tại đó họ hàm ẩn hay tiềm tàng nhưng không hoạt động. (R&I 179)

Every Ray affects in more or less degree the plane or subplane which is its numerical correspondence;

Mỗi cung tác động ở mức độ nhiều hay ít lên cõi hay cõi phụ là tương ứng số học của nó;

4. This is an indispensable thought. All things are linked according to the principle of numerical affinity.

4. Đây là một tư tưởng không thể thiếu. Mọi sự vật đều được liên kết theo nguyên lý của sự tương hợp số học.

5. When training to utilize the Law of Correspondences it is useful to choose a number, for instance, the number *two,* and attempt to think of all relevant associations to this number. Much will be learnt thereby. We notice, actually, that DK frequently does this; at least there are a number of footnotes

5. Khi được huấn luyện để sử dụng định luật tương ứng, sẽ hữu ích nếu chọn một con số, chẳng hạn số *hai,* và cố gắng suy nghĩ về mọi liên hệ thích đáng với con số này. Nhờ đó sẽ học được nhiều điều. Thực ra, chúng ta nhận thấy rằng Chân sư DK thường xuyên làm điều này; ít nhất có một số chú thích tập

which focus on one number or another—for instance, the numbers one, four, five and six.

trung vào con số này hay con số khác—chẳng hạn các số một, bốn, năm và sáu.

the student should bear this in mind, and should therefore recollect that for all purposes of investigation at this time the seventh Ray of Ceremonial Magic will have a powerful influence:

đạo sinh nên ghi nhớ điều này, và vì vậy nên nhớ rằng đối với mọi mục đích khảo cứu vào lúc này, cung bảy của huyền thuật nghi lễ sẽ có một ảnh hưởng mạnh mẽ:

6. We are living in that period in which the seventh Ray of Ceremonial Magic is 'incoming'. It has been increasing in strength since 1675. Students of history will easily be able to confirm this increase.

6. Chúng ta đang sống trong giai đoạn mà cung bảy của huyền thuật nghi lễ đang "đi vào". Nó đã gia tăng sức mạnh từ năm 1675. Những người nghiên cứu lịch sử sẽ dễ dàng có thể xác nhận sự gia tăng này.

7. If we propose that the seventh ray has a cycle of 700 years, we can see the importance of the year 2025—the year in which "in all probability will be set for the first stage of the externalisation of the Hierarchy". (EXH 530)

7. Nếu chúng ta giả định rằng cung bảy có một chu kỳ 700 năm, chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của năm 2025—năm mà "rất có thể sẽ được ấn định cho giai đoạn đầu tiên của sự ngoại hiện của Thánh đoàn". (EXH 530)

On the seventh or physical plane, regarding it as a unit.

Trên cõi thứ bảy hay cõi hồng trần, xét nó như một đơn vị.

8. The systemic physical plane in both its etheric and dense aspects is here to be regarded as a unit. Because the seventh ray is peculiarly effective on etheric levels and because the dense levels are directly responsive to the ethers, the seventh ray influence may be considered pervasive throughout both aspects of the systemic physical plane.

8. Ở đây cõi hồng trần của hệ thống trong cả hai phương diện dĩ thái và đậm đặc của nó phải được xem như một đơn vị. Bởi vì cung bảy có hiệu lực đặc biệt trên các cấp độ dĩ thái và bởi vì các cấp độ đậm đặc trực tiếp đáp ứng với các cõi dĩ thái, ảnh hưởng của cung bảy có thể được xem là lan khắp cả hai phương diện của cõi hồng trần của hệ thống.

On the seventh subplane or the lowest subplane on the physical, the astral and the mental planes.

Trên cõi phụ thứ bảy hay cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần, cõi cảm dục và cõi trí.

9. The sub-plane influence is not to be forgotten.

9. Không được quên ảnh hưởng của cõi phụ.

10. Presumably this influence will also apply to the seventh subplanes of the buddhic, atmic, monadic and logoic systemic planes and to the entire cosmic physical plane.

10. Có lẽ ảnh hưởng này cũng sẽ áp dụng cho các cõi phụ thứ bảy của các cõi Bồ đề, atma, chân thần và logoic của hệ thống, và cho toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ.

On the seventh or lowest human principle: prana in the etheric body.

Trên nguyên khí nhân loại thứ bảy hay thấp nhất: prana trong thể dĩ thái.

11. Sometime prana is called the seventh principle, but usually it is accompanied by mention of the etheric body as a still lower 'principle' even thought the etheric body is a vehicle.

11. Đôi khi prana được gọi là nguyên khí thứ bảy, nhưng thường nó đi kèm với việc nhắc đến thể dĩ thái như một "nguyên khí" còn thấp hơn nữa, dù thể dĩ thái là một vận cụ.

12. Close study of TCF 260-269 will confirm this. When prana is mentioned as a principle, so is the etheric body. It is difficult to discern why the energy (prana) is always linked with the vehicle (the etheric body), even when the discussion focusses on energies.

12. Việc nghiên cứu kỹ TCF 260-269 sẽ xác nhận điều này. Khi prana được nhắc đến như một nguyên khí, thì thể dĩ thái cũng vậy. Thật khó phân biện vì sao năng lượng (prana) luôn được liên kết với vận cụ (thể dĩ thái), ngay cả khi cuộc thảo luận tập trung vào các năng lượng.

On all Monads in incarnation who are seventh Ray Monads.

Trên tất cả các chân thần đang lâm phàm là các chân thần cung bảy.

13. This statement at least confirms for us the existence of seventh ray Monads.

13. Ít nhất phát biểu này xác nhận cho chúng ta sự hiện hữu của các chân thần cung bảy.

14. When thinking of seventh ray Monads (and, for that matter, all Monads on the Rays of Attribute), we must realize that such monadic rays are not *major* or *principal* monadic rays, which can only be rays one, two or three).

14. Khi suy nghĩ về các chân thần cung bảy (và, về điểm này, tất cả các chân thần trên Các Cung Thuộc Tính), chúng ta phải nhận ra rằng các cung chân thần như thế không phải là các cung chân thần *chính yếu* hay *chủ yếu*, vốn chỉ có thể là cung một, hai hoặc ba).

On a peculiar group of devas who are the agents, or "mediates" between magicians (either white or black) and the elemental forces.

Trên một nhóm thiên thần đặc biệt là các tác nhân, hay "trung gian" giữa các nhà huyền thuật (hoặc chánh đạo hoặc hắc thuật) và các mãnh lực hành khí.

15. We are beginning that section of the book in which a considerable variety of devic lives will be described.

15. Chúng ta đang bắt đầu phần của quyển sách trong đó một sự đa dạng đáng kể của các sự sống thiên thần sẽ được mô tả.

16. It is interesting to see the word “mediates” used as a noun.

16. Thật thú vị khi thấy từ “trung gian” được dùng như một danh từ.

17. It will be important for us to distinguish between devas and elemental forces.

17. Điều quan trọng đối với chúng ta là phải phân biệt giữa thiên thần và các mãnh lực hành khí.

18. We note that the group of “mediates” can be enlisted by either the white or black magicians.

18. Chúng ta lưu ý rằng nhóm “trung gian” này có thể được cả các nhà huyền thuật chánh đạo lẫn hắc thuật sử dụng.

19. Can we distinguish between this group and the “devas of the shadows” in general?

19. Chúng ta có thể phân biệt nhóm này với “các thiên thần của bóng tối” nói chung hay không?

This group is occultly known as "The Mediatory Seventh," and is divided into two divisions:

Nhóm này được biết một cách huyền bí là “Thứ Bảy Trung Gian”, và được chia thành hai phân bộ:

a. Those working with evolutionary forces.

a. Những vị làm việc với các mãnh lực thăng thượng tiến hoá.

b. Those working with involutionary forces.

b. Những vị làm việc với các mãnh lực giáng hạ tiến hoá.

20. We see that the seventh ray is of importance for the progress of both involutionary and evolutionary forces.

20. Chúng ta thấy rằng cung bảy có tầm quan trọng đối với sự tiến triển của cả các mãnh lực giáng hạ tiến hoá lẫn thăng thượng tiến hoá.

One group is the agent of constructive purpose, and the other of destructive.

Một nhóm là tác nhân của mục đích kiến tạo, và nhóm kia là của sự phá huỷ.

21. There may have been a time when work with involutionary forces would have been considered “constructive”, but such is not now the case, especially in relation to man.

21. Có thể đã từng có một thời mà việc làm việc với các mãnh lực giáng hạ tiến hoá được xem là “kiến tạo”, nhưng hiện nay không còn

như vậy nữa, đặc biệt trong liên hệ với con người.

22. The implication is that the black magicians work with those members of the "Mediatory Seventh" who are engaged in working involutionary forces.

22. Hàm ý ở đây là các nhà hắc thuật làm việc với những thành viên của "Thứ Bảy Trung Gian" đang tham gia vận hành các mãnh lực giáng hạ tiến hoá.

23. Presumably, the white magicians would work with members of the "Mediatory Seventh" engaged in working with evolutionary forces.

23. Có lẽ các nhà huyền thuật chánh đạo sẽ làm việc với những thành viên của "Thứ Bảy Trung Gian" đang tham gia làm việc với các mãnh lực thăng thượng tiến hoá.

24. The destructive type of work has for its symbol the Moon, whereas the constructive work is symbolized by the Sun.

24. Loại công việc phá huỷ có biểu tượng là Mặt Trăng, trong khi công việc kiến tạo được biểu tượng bằng Mặt Trời.

More need not be submitted anent this group as they are not easily contacted, fortunately for man, and can as yet only be reached by a particular group ritual *accurately* performed,—a thing as yet practically unknown.

Không cần trình bày thêm về nhóm này vì họ không dễ được tiếp xúc, may mắn thay cho con người, và cho đến nay chỉ có thể được tiếp cận bằng một nghi thức nhóm đặc biệt *được thực hiện* một cách chính xác,—một điều cho đến nay hầu như chưa được biết đến.

25. The above sections seem to confirm that the members of the "Mediatory Seventh" are not the usual devas of the shadows.

25. Các phần trên dường như xác nhận rằng các thành viên của "Thứ Bảy Trung Gian" không phải là các thiên thần của bóng tối thông thường.

26. The Tibetan does not share why contact with this group of devas would be dangerous to man. We may presume that such devas would render man's desires and intentions physically effective; such is the selfishness and distortion of human consciousness that man is not yet ready for such power.

26. Chân sư Tây Tạng không chia sẻ vì sao việc tiếp xúc với nhóm thiên thần này lại nguy hiểm đối với con người. Chúng ta có thể giả định rằng các thiên thần như thế sẽ khiến các ham muốn và ý định của con người trở nên hữu hiệu về mặt hồng trần; sự ích kỷ và méo mó của tâm thức con người lớn đến mức con người chưa sẵn sàng cho quyền năng như thế.

27. Here DK hints at the potency of ritual and the need for its *accurate* performance if

27. Ở đây Chân sư DK gợi ý về uy lực của nghi thức và nhu cầu phải thực hiện nó một

certain devas are to be invoked and set to work.

cách *chính xác* nếu một số thiên thần nào đó được khẩn cầu và được đưa vào hoạt động.

28. He also comments on the degree of accuracy in rituals presently preformed; quite simply, hardly any of them are performed with occult accuracy.

28. Ngài cũng bình luận về mức độ chính xác trong các nghi thức hiện đang được thực hiện; nói đơn giản, hầu như không nghi thức nào trong số đó được thực hiện với sự chính xác huyền bí.

29. We will need the physical presence of advanced members of the Spiritual Hierarchy before such ritualistic accuracy is possible.

29. Chúng ta sẽ cần sự hiện diện hồng trần của các thành viên tiến hoá cao của Thánh đoàn tinh thần trước khi sự chính xác nghi lễ như thế trở nên khả hữu.

The Masons eventually will be one of the chief agents of contact, and as men are as yet not ready for such power as this will put into their hands, [Page 467] true masonry will develop but slowly. Nevertheless, under the magnetic force of this seventh Ray, the growth of masonry is inevitably sure.

Các Hội viên Tam Điểm rốt cuộc sẽ là một trong những tác nhân chính của sự tiếp xúc, và vì con người hiện chưa sẵn sàng cho quyền năng mà điều này sẽ đặt vào tay họ, [Page 467] nghề Tam Điểm chân chính sẽ chỉ phát triển chậm chạp. Tuy nhiên, dưới mãnh lực từ tính của cung bảy này, sự phát triển của Tam Điểm chắc chắn là điều không thể tránh khỏi.

30. We may presume that “slowly” means over the centuries.

30. Chúng ta có thể giả định rằng “chậm chạp” có nghĩa là qua nhiều thế kỷ.

31. What we have today, even in the best Masonic Lodges, is but an approximation of the Masonry of the future—a Masonry which will, at last, be effective in the wielding of occult energies and forces and not merely an allegorical method of education.

31. Điều chúng ta có ngày nay, ngay cả trong những Hội quán Tam Điểm tốt nhất, cũng chỉ là một sự xấp xỉ của Tam Điểm trong tương lai—một nền Tam Điểm mà cuối cùng sẽ hữu hiệu trong việc vận dụng các năng lượng và mãnh lực huyền bí chứ không chỉ là một phương pháp giáo dục mang tính ngụ ngôn.

32. It is clear that although Masonry (like the Church) has failed in the past (failed to keep humanity true to its deeper purposes) it will, at length, succeed. Such is the power of the incoming seventh ray.

32. Rõ ràng là mặc dù Tam Điểm (cũng như Giáo hội) đã thất bại trong quá khứ (thất bại trong việc giữ cho nhân loại trung thành với các mục đích sâu xa hơn của mình), cuối cùng nó sẽ thành công. Đó là quyền năng của cung bảy đang đi vào.

This Ray of Ceremonial Magic will consequently have a very profound effect upon the physical plane, for not only is this plane coming under its cyclic force but at all times its planetary Logos has a special effect upon it;

Do đó, Cung Huyền Thuật Nghi Lễ này sẽ có một ảnh hưởng rất sâu sắc lên cõi hồng trần, vì không những cõi này đang đi vào dưới mãnh lực chu kỳ của nó mà vào mọi lúc Hành Tinh Thượng Đế của nó cũng có một tác động đặc biệt lên nó;

33. Again we note that although the seventh ray is peculiarly related to etheric expression, the entire seventh plane comes strongly under its influence. DK tells us that effect of the seventh ray upon the lowest of the seven planes will be "profound". This word should be carefully weighed. The seventh ray reaches into the "depths".

33. Một lần nữa chúng ta lưu ý rằng mặc dù cung bảy có liên hệ đặc biệt với sự biểu hiện dĩ thái, toàn bộ cõi thứ bảy đều chịu mạnh mẽ ảnh hưởng của nó. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng tác động của cung bảy lên cõi thấp nhất trong bảy cõi sẽ là "sâu sắc". Từ này cần được cân nhắc cẩn thận. Cung bảy vươn xuống các "chiều sâu".

34. The "cyclic force" of the seventh ray relates to the fact that since 1675 its 'incoming' cycle began.

34. "Mãnh lực chu kỳ" của cung bảy liên hệ với sự kiện rằng từ năm 1675 chu kỳ "đi vào" của nó đã bắt đầu.

35. We may propose that the Planetary Logos of the seventh ray is, at this time, the Logos of the planet Uranus, which Logos has, we hypothesize, a seventh ray soul.

35. Chúng ta có thể đề xuất rằng Hành Tinh Thượng Đế của cung bảy vào lúc này là Thượng đế của hành tinh Sao Thiên Vương, mà chúng ta giả thuyết rằng có linh hồn cung bảy.

the Raja-Lord of this plane is what is occultly termed the "Reflection in the Water of Chaos" of the planetary Logos.

Raja-Lord của cõi này là điều được gọi một cách huyền bí là "Sự Phản Chiếu trong Nước của Hỗn Mang" của Hành Tinh Thượng Đế.

36. We find a quite extraordinary name for the physical plane. Is it strange to us that the etheric-physical plane should be considered the "Water of Chaos"? May it be that those who have 'seen' the etheric plane can confirm the validity of this appellation?

36. Chúng ta gặp một danh xưng thật phi thường cho cõi hồng trần. Có lạ chăng đối với chúng ta khi cõi dĩ thái-hồng trần được xem là "Nước của Hỗn Mang"? Có thể nào những ai đã "thấy" cõi dĩ thái có thể xác nhận tính xác đáng của danh xưng này?

37. What is perhaps more important is that Raja Deva Lords are *reflections* of the Planetary Logos on the various planes.

37. Điều có lẽ quan trọng hơn là các Raja Deva Lords là những *phản chiếu* của Hành Tinh Thượng Đế trên các cõi khác nhau.

Hence in the matter of this plane (which is the body of the Raja-Lord) certain very definite events are occurring which—though invisible to the ordinary man—are apparent to the eye of the spiritual man or adept.

Vì thế, trong chất liệu của cõi này (vốn là thể của Raja-Lord) một số biến cố rất xác định đang xảy ra, mà—dù vô hình đối với người bình thường—lại hiển nhiên trước mắt người tinh thần hay chân sư.

38. The Raja Lord in question is the Lord Kshiti. It is evident that His body comprises both the etheric and dense levels of the systemic etheric-physical plane.

38. Raja Lord được nói đến ở đây là Chúa Kshiti. Hiển nhiên là thân thể của Ngài bao gồm cả các cấp độ dĩ thái lẫn đậm đặc của cõi dĩ thái-hồng trần của hệ thống.

39. The human personality is, it seems, greatly focussed in that area of the divine expression in which certain important events of an occult nature are occurring.

39. Dường như phàm ngã con người được tập trung rất mạnh vào khu vực ấy của biểu hiện thiêng liêng, nơi một số biến cố quan trọng có tính huyền bí đang xảy ra.

40. Is DK giving the term "spiritual man" an equivalence to the word "adept", or does He mean to include those who have taken the third initiation and are thus focussed within the lowest level of the spiritual triad

40. Có phải Chân sư DK đang cho thuật ngữ "người tinh thần" tương đương với từ "chân sư", hay Ngài muốn bao gồm cả những ai đã trải qua lần điểm đạo thứ ba và do đó được tập trung trong cấp độ thấp nhất của Tam Nguyên Tinh Thần

The matter of the plane becomes receptive to positive force for the feminine or deva aspect, being negative, becomes responsive to the positive energy of the Heavenly Man.

Chất liệu của cõi trở nên tiếp nhận mãnh lực dương, vì phương diện nữ tính hay thiên thần, vốn là âm, trở nên đáp ứng với năng lượng dương của Đấng Thiên Nhân.

41. It would seem that the etheric-physical plane (being devic) is becoming receptive to the seventh ray energy of the Heavenly Man (transmitted to Him, let us hypothesize, through the planet Uranus.

41. Dường như cõi dĩ thái-hồng trần (vì thuộc thiên thần) đang trở nên tiếp nhận năng lượng cung bảy của Đấng Thiên Nhân (được truyền đến Ngài, hãy giả thuyết, qua hành tinh Sao Thiên Vương.

42. Ray cycles occur according to the increasing or decreasing 'intensity of attention' of the intra-planetary Ray Lords. An 'incoming ray' correlates with the augmented attentiveness of a Ray Lord in relation to the lower worlds (either three or five systemic planes); an 'outgoing ray" correlates with a decreasing attentiveness of

42. Các chu kỳ cung xảy ra tùy theo "cường độ chú ý" tăng hay giảm của các Đấng Chúa Tể Cung nội hành tinh. Một "cung đang đi vào" tương ứng với sự chú tâm gia tăng của một Đấng Chúa Tể Cung đối với các cõi thấp (hoặc ba hoặc năm cõi của hệ thống); một "cung đang đi ra" tương ứng với sự chú tâm suy giảm của một Đấng Chúa Tể Cung đối

a Ray Lord in relation to the lower worlds (either three or five". Such cycles may also be dependent upon cycles of extra-planetary Ray Lords to which the increasing and decreasing attentiveness of intra-planetary Ray Lords is correlated.

với các cõi thấp (hoặc ba hoặc năm cõi). Những chu kỳ như thế cũng có thể tùy thuộc vào các chu kỳ của các Đấng Chúa Tể Cung ngoại hành tinh, mà sự chú tâm tăng và giảm của các Đấng Chúa Tể Cung nội hành tinh có tương quan với chúng.

43. We recall that when ray cycles end, the ray in question is still expressed but it is not absorbed.

43. Chúng ta nhớ rằng khi các chu kỳ cung chấm dứt, cung được nói đến vẫn còn được biểu lộ nhưng không được hấp thụ.

When the cycle is drawing to a close more and more of the ray influence or magnetism will be felt elsewhere, until practically all of it will be passed on unabsorbed.(TCF 439)

Khi chu kỳ đang đi đến chỗ kết thúc, ngày càng nhiều ảnh hưởng hay từ điện của cung sẽ được cảm nhận ở nơi khác, cho đến khi thực tế hầu như toàn bộ nó sẽ được chuyển đi mà không được hấp thụ.(TCF 439)

This energy, finding the line of least resistance, pours into the **substance of the plane, or the substantial body of the Deva Lords.**

Năng lượng này, tìm thấy con đường ít trở ngại nhất, tuôn vào **chất liệu của cõi, hay thể chất liệu của các Deva Lords.**

44. The "line of least resistance" depends upon the particular ray cycles which are operative at any particular time in planetary unfoldment.

44. "Con đường ít trở ngại nhất" tùy thuộc vào các chu kỳ cung đặc biệt nào đang hoạt động vào bất kỳ thời điểm nào trong sự khai mở hành tinh.

45. We should hold firmly in mind that the substance of a plane is the substantial body of a Deva Lord.

45. Chúng ta nên ghi nhớ vững chắc rằng chất liệu của một cõi là thể chất liệu của một Deva Lord.

46. We note that DK has called such bodies "substantial" and not "material".

46. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đã gọi các thể như thế là "chất liệu" chứ không phải "vật chất".

47. It does seem however that the dense physical plane (which is "material") is part of the body of the Lord Kshiti.

47. Tuy nhiên, dường như cõi hồng trần đậm đặc (vốn là "vật chất") là một phần của thể của Chúa Kshiti.

Owing to the receptive condition of this body it follows certain lines and produces definitely *constructive* results.

Do tình trạng tiếp nhận của thể này, nó đi theo những đường hướng nhất định và tạo ra những kết quả rõ rệt có tính *kiến tạo*.

48. We are learning that constructiveness depends upon the receptivity of a Raja Deva Lord to those particular positive impulses of a Heavenly Man which are correlated with the energy condition of the Raja Deva Lord.

48. Chúng ta đang học rằng tính kiến tạo tùy thuộc vào sự tiếp nhận của một Raja Deva Lord đối với những xung lực dương đặc biệt của một Đấng Thiên Nhân, những xung lực có tương quan với tình trạng năng lượng của Raja Deva Lord.

Constructive results transpire in the negative etheric matter of the plane and on the four higher subplanes. **On the lower three a contrary effect is produced, and the energy of the Heavenly Man will lead to the destruction of form, preparatory to the building work.** The building ever originates on, and proceeds from, etheric levels.

Các kết quả kiến tạo diễn ra trong chất liệu dĩ thái âm của cõi và trên bốn cõi phụ cao hơn. **Trên ba cõi phụ thấp hơn, một tác động ngược lại được tạo ra, và năng lượng của Đấng Thiên Nhân sẽ dẫn đến sự phá huỷ hình tướng, chuẩnbị cho công việc xây dựng.** Công việc xây dựng luôn luôn khởi đầu trên, và tiến ra từ, các cấp độ dĩ thái.

49. Here is an important distinction. We have been studying positive and negative results related to two groups of the "Mediatory Seven".

49. Đây là một phân biệt quan trọng. Chúng ta đã nghiên cứu các kết quả dương và âm liên hệ với hai nhóm của "Thứ Bảy Trung Gian".

50. We are learning that constructiveness occurs via etheric matter, negative to the positive impulse of the Planetary Logos, and that destructiveness occurs upon the lower three, definitely material sub-planes.

50. Chúng ta đang học rằng tính kiến tạo xảy ra qua chất liệu dĩ thái, vốn âm đối với xung lực dương của Hành Tinh Thượng Đế, và rằng tính phá huỷ xảy ra trên ba cõi phụ thấp hơn, những cõi phụ vật chất rõ rệt.

51. We have learned at various times that the members of the Black Lodge also work within the ethers, but here it may suggest that their efforts are focussed upon the lower three sub-planes. Indeed it would seem that these Lords of Form are 'imprisoned' by a great material Deva.

51. Chúng ta đã học vào nhiều lúc rằng các thành viên của Hắc đoàn cũng làm việc trong các cõi dĩ thái, nhưng ở đây có thể gợi ý rằng các nỗ lực của họ được tập trung vào ba cõi phụ thấp hơn. Quả thật dường như các Chúa Tể của Hình Tướng này bị một Đại thiên thần vật chất "giam giữ".

52. Is there an implication that the 'work' of the Black Lodge is somehow made to fit in with the destructive intentions of the Planetary Logos—destructive in relation to old forms so that newer and more suitable forms may be created?

52. Có phải ở đây hàm ý rằng "công việc" của Hắc đoàn bằng cách nào đó được làm cho phù hợp với các ý định phá huỷ của Hành Tinh Thượng Đế—phá huỷ đối với các hình tướng cũ để những hình tướng mới hơn và thích hợp hơn có thể được tạo ra?

53. In any case we are learning to consider the etheric body as a realm of definitely *constructive* influence. This correlates with its general *solar* character. The denser three sub-planes are more specifically lunar in nature. From following the tendencies of the Moon, destruction results.

53. Dù sao đi nữa, chúng ta đang học cách xem thể dĩ thái như một lĩnh vực có ảnh hưởng rõ rệt mang tính *kiến tạo*. Điều này tương ứng với đặc tính *thái dương* tổng quát của nó. Ba cõi phụ đậm đặc hơn có bản chất nguyệt tính rõ rệt hơn. Từ việc đi theo các khuynh hướng của Mặt Trăng, sự phá huỷ phát sinh.

LAW VI

ĐỊNH LUẬT VI

When the building energies of the soul are active in the body, then there is health, clean interplay and right activity. When the builders are the lunar lords and those who work under the control of the moon and at the behest of the lower Personal self, then you have disease, ill health and death. (EH 191)

Khi các năng lượng xây dựng của linh hồn hoạt động trong thể, thì có sức khỏe, sự tương tác trong sạch và hoạt động đúng đắn. Khi các đấng kiến tạo là các nguyệt tinh quân và những vị làm việc dưới sự kiểm soát của mặt trăng và theo mệnh lệnh của phàm ngã thấp, thì bạn có bệnh tật, sức khỏe kém và cái chết. (EH 191)

Cataclysms of a world wide nature will occur during the next one thousand years; continents will be shaken; lands will be raised and submerged,

Những biến động có tính đại hồng thủy trên phạm vi toàn thế giới sẽ xảy ra trong một nghìn năm tới; các lục địa sẽ bị rung chuyển; đất đai sẽ được nâng lên và chìm xuống,

54. We see that the Department of the Manu will be greatly involved in the process, for it is that department which raises and lowers lands and continents.

54. Chúng ta thấy rằng Ban của Đức Manu sẽ can dự rất nhiều vào tiến trình này, vì chính ban đó nâng lên và hạ xuống các vùng đất và lục địa.

a—By the Manu, in manipulating that which is necessary in the moving of continents, and the submerging of lands. (LOM 189)

a—Bởi Đức Manu, trong việc điều khiển điều cần thiết cho sự chuyển động của các lục địa, và sự chìm xuống của các vùng đất. (LOM 189)

In this is the case, the higher psychism will begin to make itself felt. On the physical plane a great deal of interesting electrical phenomena will be seen, and the opportunity of the [Page 436] Manu to separate races, to segregate types, and to

Trong trường hợp này, thông linh cao hơn sẽ bắt đầu biểu lộ tác động của nó. Trên cõi hồng trần, rất nhiều hiện tượng điện lý thú sẽ được thấy, và cơ hội của [Page 436] Đức Manu để phân tách các nhân loại, phân ly các loại hình, và làm chìm xuống cũng như tách rời các lục địa sẽ rất lớn. (TCF 435-436)

submerge and detach continents will be great. (TCF 435-436)

55. The implication is that during the coming seventh ray Age, the agnichaitans will be very active, and that they are responsive to the seventh ray because it is the ray most influential on the seventh plane in relation to which the agnichaitans demonstrate most forcefully.

55. Hàm ý ở đây là trong Kỷ nguyên cung bảy sắp đến, các agnichaitans sẽ rất hoạt động, và rằng họ đáp ứng với cung bảy vì đó là cung có ảnh hưởng mạnh nhất trên cõi thứ bảy, là cõi mà các agnichaitans biểu lộ mãnh liệt nhất.

culminating in the profound material disaster which will overtake the world towards the close of the fourth branch race of the sixth subrace. **This will usher in the infant sixth rootrace.**

đạt đến cực điểm trong tai hoạ vật chất sâu sắc sẽ giáng xuống thế giới vào gần cuối giống dân phụ thứ tư của giống dân phụ thứ sáu. **Điều này sẽ mở đầu cho giống dân gốc thứ sáu còn non trẻ.**

56. We may wonder whether *two* periods are here discussed. One period seem to focus on the next one thousand years. The second period seems much more distant.

56. Chúng ta có thể tự hỏi liệu ở đây có đang bàn đến *hai* giai đoạn hay không. Một giai đoạn dường như tập trung vào một nghìn năm tới. Giai đoạn thứ hai dường như xa hơn nhiều.

57. This conclusion is based upon the thought that we are only now entering the sixth subrace of the fifth root race. The first branch race will naturally have its inception at the time the sixth subrace is beginning. HPB has suggested that branch races may last some twenty-five thousand years, and even more. The close the fourth branch-race of the sixth subrace of the fifth root race could, presumably, take us some hundred thousand or more years into the future (if HPB's figures can be applied in this instance).

57. Kết luận này dựa trên ý nghĩ rằng hiện nay chúng ta chỉ mới đang bước vào giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm. Giống dân nhánh thứ nhất tự nhiên sẽ khởi đầu vào lúc giống dân phụ thứ sáu đang bắt đầu. HPB đã gợi ý rằng các giống dân nhánh có thể kéo dài khoảng hai mươi lăm nghìn năm, và thậm chí còn hơn thế. Gần cuối giống dân nhánh thứ tư của giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm, có lẽ sẽ đưa chúng ta đến một trăm nghìn năm hoặc hơn trong tương lai (nếu các con số của HPB có thể được áp dụng trong trường hợp này).

58. If this were the case, the material disasters which will be so noticeable during the next thousand years, will only culminate many years later.

58. Nếu đúng như vậy, thì các tai hoạ vật chất sẽ rất đáng chú ý trong một nghìn năm tới chỉ đạt đến cực điểm nhiều năm về sau.

59. As always, we must be most careful when considering the subject of sub-races, branch-races and root races, as much overlapping of cycles can occur (in a manner confusing to us).

59. Như mọi khi, chúng ta phải hết sức cẩn trọng khi xem xét chủ đề các giống dân phụ, giống dân nhánh và giống dân gốc, vì có thể xảy ra nhiều sự chồng lấn chu kỳ (theo một cách khiến chúng ta bối rối).

60. One important piece of information is here given—that the infant sixth root race will begin as the fourth branch race of the sixth subrace and of the fifth root race is coming to a close.

60. Ở đây có một mẩu thông tin quan trọng được đưa ra—rằng giống dân gốc thứ sáu còn non trẻ sẽ bắt đầu khi giống dân nhánh thứ tư của giống dân phụ thứ sáu và của giống dân gốc thứ năm đang đi đến chỗ kết thúc.

61. In other references we are told of the duration of the sixth root race—namely that it will be coming to an end some ten million years from now. Given the great number of years before its conclusion, a beginning some hundred thousand or more years from now would not be surprising.

61. Trong các tham chiếu khác, chúng ta được biết về thời lượng của giống dân gốc thứ sáu—cụ thể là nó sẽ đi đến chỗ kết thúc vào khoảng mười triệu năm kể từ bây giờ. Với số năm rất lớn trước khi nó kết thúc, một sự khởi đầu vào khoảng một trăm nghìn năm hoặc hơn kể từ bây giờ sẽ không có gì đáng ngạc nhiên.

62. We may ask: are all beginnings of all root races correlated with the onset of planetary disaster? There was a great war in Atlantis followed by a "flood" (one of several in planetary history) which was considered by many a planetary disaster.

62. Chúng ta có thể hỏi: phải chăng mọi sự khởi đầu của mọi giống dân gốc đều tương quan với sự khởi phát của tai hoạ hành tinh? Đã có một cuộc đại chiến ở Atlantis tiếp theo là một "trận lụt" (một trong nhiều trận trong lịch sử hành tinh) mà nhiều người xem là một tai hoạ hành tinh.

63. Of the end of the timing of the end of the sixth root race, the following is said:

63. Về thời điểm kết thúc của giống dân gốc thứ sáu, điều sau đây được nói đến:

Later, we shall have a transition period again, analogous to that period wherein kama-manas was developed, and we shall then have the entire race expressing a developed synthesis of intellect-intuition, preparatory to that advanced stage which will come at the close of the next root race, the sixth. **This takes us to a period ten million years hence,** when the intellect will have in its turn slipped below the threshold

Về sau, chúng ta sẽ lại có một giai đoạn chuyển tiếp, tương tự với giai đoạn trong đó kama-manas đã được phát triển, và khi ấy chúng ta sẽ có toàn thể nhân loại biểu lộ một tổng hợp đã phát triển của trí năng-trực giác, chuẩn bị cho giai đoạn tiến bộ ấy sẽ đến vào lúc kết thúc giống dân gốc kế tiếp, tức giống dân gốc thứ sáu. **Điều này đưa chúng ta đến một thời kỳ mười triệu năm nữa,** khi trí năng đến lượt nó sẽ trượt xuống dưới

of consciousness, as did the instinct. (EP I 357)

ngưỡng tâm thức, như bản năng đã từng như vậy. (EP I 357)

64. In any case we are warned that we should not be too 'systematic' in our proposals about the beginning of sub-races and branch races. One would expect, perhaps, the sixth root race to begin with the onset of the sixth subrace or, even more precisely, with the onset of the sixth branch race of the sixth subrace of the fifth root race, but apparently this is not entirely the case.

64. Dù sao đi nữa, chúng ta được cảnh báo rằng không nên quá "có hệ thống" trong các đề xuất của mình về sự khởi đầu của các giống dân phụ và giống dân nhánh. Có lẽ người ta sẽ mong đợi giống dân gốc thứ sáu bắt đầu với sự khởi phát của giống dân phụ thứ sáu hoặc, chính xác hơn nữa, với sự khởi phát của giống dân nhánh thứ sáu của giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm, nhưng rõ ràng không hoàn toàn là như vậy.

The devas of the ethers, with which we are most concerned, [Page 468] will be affected in several ways, and the results upon the other evolutions will be far-reaching.

Các thiên thần của các cõi dĩ thái, là những vị mà chúng ta quan tâm nhất, [Page 468] sẽ bị tác động theo nhiều cách, và các kết quả đối với những sự tiến hoá khác sẽ có tầm ảnh hưởng sâu rộng.

65. We are alerted to the great interdependency of all living beings and their forms.

65. Chúng ta được cảnh báo về sự phụ thuộc lẫn nhau to lớn của mọi sinh thể và các hình tướng của chúng.

We must remember always that the devas are the qualities and attributes of matter, the active builders, who work consciously or unconsciously upon the plane.

Chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng các thiên thần là các phẩm tính và thuộc tính của vật chất, là các đấng kiến tạo hoạt động, làm việc một cách hữu thức hay vô thức trên cõi.

66. This is an important definition. To call devas "active builders" and to say that they work both consciously and unconsciously is not surprising, but to call them the "qualities and attributes of matter" seems to take away something of their independence from matter, per se.

66. Đây là một định nghĩa quan trọng. Gọi các thiên thần là "các đấng kiến tạo hoạt động" và nói rằng họ làm việc cả một cách hữu thức lẫn vô thức thì không có gì đáng ngạc nhiên, nhưng gọi họ là "các phẩm tính và thuộc tính của vật chất" dường như lấy đi phần nào tính độc lập của họ đối với chính vật chất.

67. The suggestion is that matter would have not qualities or attributes were it not for the work of the deva kingdom. Qualities

67. Gợi ý ở đây là vật chất sẽ không có phẩm tính hay thuộc tính nào nếu không có công việc của giới thiên thần. Vì vậy, các phẩm

and attributes must therefore be related to devic motion (devic suppliancy).

tính và thuộc tính phải liên hệ với chuyển động thiên thần (sự mềm dẻo thiên thần).

Here I would point out that all the devas of the higher levels of the mental plane, for instance, and of the systemic planes from there on to the centre (**the divine plane, the plane of the Logos, sometimes called Adi**) co-operate consciously, and are of high rank in the system, and **of position equal to all the ranks and grades of the Hierarchy from a first degree initiate up to, but not including, the Lord of the World Himself.**

Ở đây tôi muốn chỉ ra rằng tất cả các thiên thần của các cấp độ cao hơn của cõi trí, chẳng hạn, và của các cõi của hệ thống từ đó tiến vào trung tâm (**cõi thiêng liêng, cõi của Thượng đế, đôi khi được gọi là Adi**) đều hợp tác một cách hữu thức, và có cấp bậc cao trong hệ thống, và **có địa vị tương đương với mọi cấp bậc và đẳng cấp của Thánh đoàn từ một điểm đạo đồ bậc một cho đến, nhưng không bao gồm, chính Đức Chúa Tể Thế Giới.**

68. This is a profound section.

68. Đây là một đoạn sâu sắc.

69. We learn that *conscious* cooperation in the deva kingdom seems to begin on the higher mental plane of the cosmic physical plane.

69. Chúng ta học được rằng sự hợp tác *hữu thức* trong giới thiên thần dường như bắt đầu trên cõi thượng trí của cõi hồng trần vũ trụ.

70. The higher mental plane is that level of nature on which the human being becomes for the first time an initiate—a *first degree* initiate, for initiations are taken in the causal body.

70. Cõi thượng trí là cấp độ của bản chất nơi con người lần đầu tiên trở thành một điểm đạo đồ—một điểm đạo đồ *bậc một*, vì các cuộc điểm đạo được thực hiện trong thể nguyên nhân.

71. We know that there are many ranks of initiates from initiates of the first degree, through the initiates of Hierarchy, Masters, Chohans, and even those of greater status such as the Buddhas of Activity.

71. Chúng ta biết rằng có nhiều cấp bậc điểm đạo đồ từ các điểm đạo đồ bậc một, qua các điểm đạo đồ của Thánh đoàn, các Chân sư, các Chohan, và thậm chí cả những vị có địa vị cao hơn như các Đức Phật Hoạt Động.

72. Here we learn that there are members of the deva kingdom who correspond to all these grades of initiates.

72. Ở đây chúng ta học được rằng có những thành viên của giới thiên thần tương ứng với tất cả các cấp bậc điểm đạo đồ ấy.

73. The implication is that there are devas in our planetary system whose status corresponds to the Kumaras surrounding Sanat Kumara, but does not equal the spiritual status of Sanat Kumara, Himself.

73. Hàm ý ở đây là có những thiên thần trong hệ hành tinh của chúng ta có địa vị tương ứng với các Kumaras bao quanh Đức Sanat Kumara, nhưng không ngang bằng địa vị tinh thần của chính Đức Sanat Kumara.

74. Additionally, we note the special connection of the plane of Adi to the Logos (i.e., Solar Logos). This is true just as the Planetary Logos has a special relationship to the monadic plane.

74. Ngoài ra, chúng ta lưu ý mối liên hệ đặc biệt của cõi Adi với Thượng đế (tức Thái dương Thượng đế). Điều này đúng cũng như Hành Tinh Thượng Đế có một liên hệ đặc biệt với cõi chân thần.

75. Further, the manner in which the planes are described is important; the idea of 'ascent' is not emphasized; rather, a progressive 'journey' towards the "centre". The planet of Adi, therefore, is the inner most plane of the cosmic physical plane, not just the 'highest'.

75. Hơn nữa, cách các cõi được mô tả là quan trọng; ý tưởng về "sự đi lên" không được nhấn mạnh; đúng hơn là một "hành trình" tiến dần về phía "trung tâm". Vì vậy, cõi Adi là cõi bên trong nhất của cõi hồng trần vũ trụ, chứ không chỉ là cõi "cao nhất".

76. May there be devas which are equivalent in consciousness to man at *all* his various levels of consciousness below that of first degree initiate, or is there a strange 'cut-off point' signaling that all devas below the rank of initiate of the first degree are *unconscious workers.*

76. Có thể nào có những thiên thần tương đương về tâm thức với con người ở *mọi* cấp độ tâm thức khác nhau của y dưới cấp độ của điểm đạo đồ bậc một, hay có một "điểm cắt" kỳ lạ báo hiệu rằng mọi thiên thần dưới cấp bậc điểm đạo đồ bậc một đều là những *người hoạt động vô thức.*

77. We have learned that some devas become self-conscious by passing through the human kingdom. Have all self-conscious devas been men at some point? It does not seem to be the case. May it be that from the time of the first degree, men may enter the deva kingdom as self-conscious devas?

77. Chúng ta đã học rằng một số thiên thần trở nên ngã thức bằng cách đi qua giới nhân loại. Phải chăng mọi thiên thần ngã thức đều đã từng là con người ở một thời điểm nào đó? Dường như không phải vậy. Có thể nào từ bậc một, con người có thể đi vào giới thiên thần như những thiên thần ngã thức?

78. If we think carefully about all this, there seems to be strange hiatus between self-conscious devas of the first degree and the usual *unconscious* (unselfconscious devic workers upon the concrete sub-planes).

78. Nếu chúng ta suy nghĩ cẩn thận về tất cả điều này, dường như có một khoảng gián đoạn kỳ lạ giữa các thiên thần ngã thức bậc một và các *vô thức* thông thường (các người hoạt động thiên thần vô ngã thức trên các cõi phụ cụ thể).

79. The following paragraph is most interesting in regard to the relation between the deva and human kingdoms:

Certain groups of devas who desire to pass into the human kingdom, having developed certain faculties, can do so via the bird kingdom, and certain devas who wish to get in communication with human beings can do so via the bird kingdom. This truth is hinted at in the Christian Bible and Christian religious representations by angels or devas being frequently represented as having wings. **These cases are not many, as the usual method is for the devas gradually to work themselves towards individualisation through expansive feeling,** but in the cases which do occur these devas pass several cycles in the bird kingdom, building in a response to a vibration which will ultimately swing them into the human family. In this way they become accustomed to the use of a gross form without the limitations, and impurities, which the animal kingdom engenders. (TCF 895)

80. It would appear that devas do individualize without having to pass through the human kingdom, but when they first individualize they cannot yet be equivalent to first degree initiates. Rather they might be somewhat parallel in consciousness to newly individualized man. Yet in the sections above, self-conscious devas below possessing a consciousness less than that of the first degree human are not mentioned. Instead, we learn that the devas who work below the abstract planes (where deva-initiates of the first degree can be found) are unconscious. Obviously, the information necessary to solve this puzzle is missing.

79. Đoạn sau đây rất thú vị liên quan đến mối quan hệ giữa giới thiên thần và giới nhân loại:

Một số nhóm thiên thần mong muốn đi vào giới nhân loại, sau khi đã phát triển một số năng lực nhất định, có thể làm như vậy qua giới chim, và một số thiên thần muốn tiếp xúc với con người có thể làm như vậy qua giới chim. Chân lý này được gợi ý trong Kinh Thánh Cơ Đốc giáo và trong các hình tượng tôn giáo Cơ Đốc giáo khi các thiên thần hay devas thường được mô tả là có cánh. **Những trường hợp này không nhiều, vì phương pháp thông thường là các thiên thần dần dần tự tiến tới biệt ngã hóa qua cảm xúc mở rộng,** nhưng trong những trường hợp có xảy ra, các thiên thần này trải qua vài chu kỳ trong giới chim, xây dựng trong mình một sự đáp ứng với một rung động mà cuối cùng sẽ đưa họ vào gia đình nhân loại. Bằng cách này họ trở nên quen với việc sử dụng một hình tướng thô nặng mà không có những giới hạn và tạp chất do giới động vật tạo ra. (TCF 895)

80. Dường như các thiên thần biệt ngã hóa mà không cần phải đi qua giới nhân loại, nhưng khi họ lần đầu biệt ngã hóa thì họ chưa thể tương đương với các điểm đạo đồ bậc một. Đúng hơn, họ có thể phần nào song song về tâm thức với con người mới biệt ngã hóa. Tuy nhiên, trong các phần trên, các thiên thần ngã thức có tâm thức thấp hơn tâm thức của con người bậc một không được nhắc đến. Thay vào đó, chúng ta học được rằng các thiên thần làm việc dưới các cõi trừu tượng (nơi có thể tìm thấy các thiên thần-điểm đạo đồ bậc một) là vô thức. Rõ ràng là thiếu thông tin cần thiết để giải quyết câu đố này.

81. Obviously, men who are not yet first degree initiates work on the eighteen concrete sub-planes. Why are there no devas parallel to the human being (i.e., self-conscious) on these sub-planes? Why are the devic workers on these concrete planes all *unconscious*—or *are* they?

81. Rõ ràng, những người chưa phải là điểm đạo đồ bậc một vẫn làm việc trên mười tám cõi phụ cụ thể. Vì sao không có các thiên thần song song với con người (tức ngã thức) trên các cõi phụ này? Vì sao các người hoạt động thiên thần trên các cõi cụ thể này đều *vô thức*—hay *có phải* họ như vậy không?

Below these higher levels, where the concrete is touched, we have lesser grades of devas who work unconsciously,

Dưới các cấp độ cao hơn này, nơi cái cụ thể được chạm đến, chúng ta có các cấp bậc thiên thần thấp hơn làm việc một cách vô thức,

82. Yes, but do we have *only* "lesser grades of devas who work unconsciously"? Are there not also *other* grades of devas who may be self-conscious?

82. Đúng vậy, nhưng có phải chúng ta *chỉ* có "các cấp bậc thiên thần thấp hơn làm việc một cách vô thức" hay không? Chẳng lẽ không có cả những *cấp bậc khác* của thiên thần có thể là ngã thức sao?

83. The sentence above seems to point in only one direction, but it may not be complete. In any case, one of the important pieces of information with respect to the deva kingdom concerns which groups of devas work consciously and which unconsciously, and *where* they work.

83. Câu trên dường như chỉ theo một hướng, nhưng có thể chưa trọn vẹn. Dù sao đi nữa, một trong những mẩu thông tin quan trọng liên quan đến giới thiên thần là nhóm thiên thần nào hoạt động một cách hữu thức và nhóm nào hoạt động một cách vô thức, và *ở đâu* họ hoạt động.

84. The lower eighteen sub-planes are 'lunar' and hence the work of (at least the majority of) devas expressing through those planes is unconscious. The higher mental plane and the planes above it are 'solar', and hence the work of the devas which express through these planes is conscious—and, so it would seem *highly* conscious.

84. Mười tám cõi phụ thấp là "thái âm", và do đó công việc của (ít nhất là đa số) các thiên thần biểu lộ qua những cõi ấy là vô thức. Cõi thượng trí và các cõi bên trên nó là "thái dương", và do đó công việc của các thiên thần biểu lộ qua những cõi này là hữu thức—và, dường như là như vậy, *rất* hữu thức.

with the following exceptions, who are conscious forces and entities and of high position:

với những ngoại lệ sau đây, là những mãnh lực và thực thể hữu thức và có địa vị cao:

85. The following Entities work on the lower eighteen sub-planes but they work *consciously*.

a. The Raja-lord of a plane.

86. We could call the seven Raja-lords the "Seven Sons of Fohat".

b. Seven devas who work under Him, and are the entities who inform the matter of the seven subplanes.

87. Taken together these seven devas on each systemic plane constitute the forty-nine fires.

c. **Fourteen representatives of the Rays,** Who cycle into and out of power, according to the Ray, waxing or waning.

88. Do we find it surprising that there are *fourteen* representatives of the rays rather than seven? We must consider the rays in relation to both the Great Bear and Little Bear.

89. The "fourteen representatives of the Rays" are, in fact, devic lives. Are They intra-planetary Ray Lords? Do they represent the rays in relation to two of the aspects of divinity, such as the will aspect and the intelligence aspect? Or two others?

90. Can it be that these representatives control the two processes of "incoming" and "outgoing"?

91. When the number fourteen in mentioned, one must also think of the

85. Các Thực Thể sau đây hoạt động trên mười tám cõi phụ thấp nhưng các vị ấy hoạt động *một cách hữu thức*.

a. Raja-Lord của một cõi.

86. Chúng ta có thể gọi bảy Raja-Lord là "Bảy Con của Fohat".

b. Bảy thiên thần hoạt động dưới quyền Ngài, và là những thực thể thấm nhuần vật chất của bảy cõi phụ.

87. Gộp lại, bảy thiên thần này trên mỗi cõi của hệ mặt trời cấu thành bốn mươi chín ngọn lửa.

c. **Mười bốn đại diện của các cung,** Các Ngài luân phiên đi vào và ra khỏi quyền lực, tùy theo cung, tăng hay giảm.

88. Chúng ta có thấy ngạc nhiên rằng có *mười bốn* đại diện của các cung thay vì bảy không? Chúng ta phải xét các cung trong liên hệ với cả Đại Hùng Tinh và Tiểu Hùng Tinh.

89. "Mười bốn đại diện của các cung" này thật ra là các sự sống thiên thần. Các Ngài có phải là những Đấng Chúa Tể Cung nội hành tinh không? Các Ngài có đại diện cho các cung trong liên hệ với hai phương diện của thiên tính, chẳng hạn phương diện ý chí và phương diện trí tuệ không? Hay là hai phương diện khác?

90. Có thể nào những đại diện này kiểm soát hai tiến trình "đi vào" và "đi ra" không?

91. Khi số mười bốn được nhắc đến, người ta cũng phải nghĩ đến mười bốn Đức Manu của

fourteen Manus of our planetary chain, and perhaps of fourteen greater *scheme* manus.

92. The number fourteen suggests that the usual seven are divided according to polarity.

93. The following is important in relation to the seven major stars of both the Great Bear and Little Bear.

A steady recollection of the twelve basic energies [85] (five major and seven minor which are in reality, and apart from astral reversion due to the Great Illusion, seven major and five minor) will be of value. These work out into human expression via the Lords of the twelve signs and the twelve planetary Rulers. **These twelve basic energies emanate from the seven stars of the Great Bear (transmitted through seven stars of the Little Bear)**; two of them come from Sirius and three from the Pleiades. This set-up (if I may use such an unorthodox term) will be the condition of the major solar sphere of influence at the end of the Great Age of Brahma, as it is esoterically called. In the "interim or interlude of evolution" (which is the inadequate translation of an occult phrase given to a world cycle in the Masters' Archives) these energies are stepped down into forces and are literally sixteen all told—from the angle of manifestation, I would remind you—and make literally: 7+7+2=16=7. (EA 84-85)

d. Four devas who are the *plane* representatives of the four Maharajahs (the Lords of Karma) and are the focal points for karmic influence in connection with man.

94. Which planes are here indicated? *All* the planes of the cosmic physical plane? Or the

dãy hành tinh chúng ta, và có lẽ cả mười bốn manu lớn hơn của *hệ hành tinh*.

92. Số mười bốn gợi ý rằng con số bảy thông thường được phân chia theo cực tính.

93. Điều sau đây rất quan trọng liên quan đến bảy ngôi sao chính của cả Đại Hùng Tinh lẫn Tiểu Hùng Tinh.

Việc luôn ghi nhớ mười hai năng lượng căn bản [85] (năm chính và bảy phụ, mà trên thực tế, và tách khỏi sự đảo ngược cảm dục do Đại Ảo Tưởng, là bảy chính và năm phụ) sẽ có giá trị. Chúng biểu hiện thành sự biểu lộ nơi con người qua các Chúa Tể của mười hai dấu hiệu và mười hai chủ tinh hành tinh. **Mười hai năng lượng căn bản này phát xạ từ bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh (được truyền qua bảy ngôi sao của Tiểu Hùng Tinh)**; hai trong số đó đến từ Sirius và ba từ Pleiades. Cấu trúc này (nếu tôi có thể dùng một thuật ngữ không chính thống như vậy) sẽ là điều kiện của khối cầu ảnh hưởng thái dương chính vào cuối Đại giai kỳ sinh hóa của Brahma, như nó được gọi một cách huyền bí. Trong "khoảng giữa hay quãng ngừng của tiến hoá" (là bản dịch chưa đầy đủ của một cụm từ huyền bí dùng cho một chu kỳ thế giới trong Văn Khố của các Chân sư), các năng lượng này được hạ xuống thành các mãnh lực và theo nghĩa đen là mười sáu tất cả—xét từ góc độ biểu hiện, tôi xin nhắc các bạn như vậy—và theo nghĩa đen tạo thành: 7+7+2=16=7. (EA 84-85)

d. Bốn thiên thần là những đại diện *cõi* của bốn Maharajah (các Đấng Chúa Tể của Nghiệp Quả) và là các tiêu điểm cho ảnh hưởng nghiệp quả liên quan đến con người.

94. Ở đây những cõi nào được chỉ ra? *Tất cả* các cõi của cõi hồng trần vũ trụ chăng? Hay

customary lower four divisions of the eighteen lower sub-planes—the lower mental, the astral, the etheric and the physical?

là bốn phân bộ thấp thông thường của mười tám cõi phụ thấp—cõi hạ trí, cõi cảm dục, cõi dĩ thái và cõi hồng trần?

95. As we realize, the Four Maharajas are not the only Lords of Karma to be found within the confines of our solar system. The three Lipika Lords are even greater.

95. Như chúng ta nhận ra, Bốn Maharajah không phải là những Đấng Chúa Tể của Nghiệp Quả duy nhất được tìm thấy trong phạm vi hệ mặt trời của chúng ta. Ba Đấng Chúa Tể Lipika còn vĩ đại hơn nữa.

96. We realize that the four plane representatives of the Four Maharajas are the administrators of karma in relation to man.

96. Chúng ta nhận ra rằng bốn đại diện cõi của Bốn Maharajah là những vị quản trị nghiệp quả liên quan đến con người.

The four Maharajahs are the dispensers of karma to the Heavenly Men, and thus to the cells, centres, and organs of His body necessarily;

Bốn Maharajah là những vị phân phối nghiệp quả cho các Đấng Thiên Nhân, và do đó tất yếu cũng cho các tế bào, các trung tâm và các cơ quan trong thân thể của Ngài;

97. This gives us an idea of the status of the four Maharajas. They are lives of such great magnitude that They can dispense karma to the Heavenly Men. It appears that They work through Their representatives on the plane level who dispense karma to man.

97. Điều này cho chúng ta một ý niệm về địa vị của bốn Maharajah. Các Ngài là những sự sống có tầm mức lớn lao đến nỗi có thể phân phối nghiệp quả cho các Đấng Thiên Nhân. Dường như Các Ngài hoạt động qua các đại diện của mình ở cấp độ cõi, những vị phân phối nghiệp quả cho con người.

98. The Four Maharajas, therefore, reach man via the plane representatives, among other channels.

98. Vì vậy, Bốn Maharajah tiếp cận con người qua các đại diện cõi, cùng với những kênh khác.

99. Since the Solar Angels who have man under supervision are also Sirianly related karmic agents, we may wonder about the relation of the Solar Angels to the Four Maharajas and Their plane representatives.

99. Vì các Thái dương Thiên Thần giám sát con người cũng là những tác nhân nghiệp quả có liên hệ với Sirius, nên chúng ta có thể tự hỏi về mối liên hệ của các Thái dương Thiên Thần với Bốn Maharajah và các đại diện cõi của Các Ngài.

but the whole system works through graded representatives;

nhưng toàn bộ hệ thống hoạt động qua những đại diện theo cấp bậc;

100. If we could but envision the many graded representatives we would envision the 'Ladder of Hierarchy'

100. Giá như chúng ta có thể hình dung nhiều đại diện theo cấp bậc ấy, chúng ta sẽ hình dung được "Nấc Thang của Thánh Đoàn"

the same laws govern these agents of plane karma as govern the systemic and cosmic, and **during plane manifestation they are, for instance, the only unit *in form* [Page 469] permitted to pass beyond the plane ring-pass-not.** All other units in manifestation on a plane have to discard the vehicle through which they function before they can pass on to subtler levels.

các định luật chi phối những tác nhân của nghiệp quả cõi này cũng chi phối nghiệp quả của hệ thống và vũ trụ, và **trong thời kỳ biểu hiện trên cõi, chẳng hạn, họ là đơn vị duy nhất *trong hình tướng* [Page 469] được phép vượt ra ngoài vòng-giới-hạn của cõi.** Mọi đơn vị khác đang biểu hiện trên một cõi đều phải loại bỏ vận cụ mà họ hoạt động qua đó trước khi có thể chuyển sang các cấp độ vi tế hơn.

101. These statements have considerable consequences.

101. Những phát biểu này có những hệ quả đáng kể.

102. First of all it appears that the plane representatives of the Four Maharajas are to be considered 'units in form'.

102. Trước hết, dường như các đại diện cõi của Bốn Maharajah phải được xem là những "đơn vị trong hình tướng".

103. Further, it would appear that the plane representatives of the Four Maharajas can (as they pass to higher planes) retain the vehicles they use when expressing through the lower planes.

103. Hơn nữa, dường như các đại diện cõi của Bốn Maharajah có thể (khi họ chuyển sang các cõi cao hơn) giữ lại các vận cụ mà họ dùng khi biểu lộ qua các cõi thấp hơn.

104. Man passes to levels higher than the physical every night when asleep, and appropriately, functions while doing so in vehicles 'higher' than the sleeping physical body. Were he to focus permanently on that subtler level called the astral plane, he would have to discard the etheric physical vehicle.

104. Con người đi đến các cấp độ cao hơn cõi hồng trần mỗi đêm khi ngủ, và một cách thích hợp, hoạt động khi ấy trong những vận cụ "cao hơn" thể xác đang ngủ. Nếu y tập trung thường trực trên cấp độ vi tế hơn ấy gọi là cõi cảm dục, y sẽ phải loại bỏ vận cụ hồng trần dĩ thái.

105. From these statements, it would seem that the plane representatives of the Four Maharajas do not necessarily act exclusively on one or other of the four lower planes

105. Từ những phát biểu này, dường như các đại diện cõi của Bốn Maharajah không nhất thiết chỉ hoạt động riêng biệt trên một hay cõi nào khác trong bốn cõi thấp (được liệt kê

(enumerated by dividing the physical plane into its etheric and physical components).

106. Further a most important hint is given and one, really, that is quite enigmatical. How can a being function on a higher plane using a vehicle of a lower plane? Or is this not really what is meant?

107. If the vehicle of such a representative retained on the physical plane, or on any particular plane before the passage to a higher plane, or is it, as it were, 'taken along'?

108. The discarding of a vehicle may not be a permanent discarding. As stated, man working on the astral plane 'leaves' rather than discards his physical vehicle while such work is proceeding.

109. The manner of the passage of energies from one plane to another (whether ascending or descending) has many unsuspected complexities associated with it.

c. Types of Karma. We might here enumerate the different types of KARMA, even though we have not the time to enlarge upon the subject. A book by itself of vast proportions could not contain all that might be said.

110. We gather a small hint at the vast scope of Master DK's knowledge in this regard.

We should bear in mind that KARMA is imposed upon the ensouling entity through the medium of matter or of substance itself (which is coloured by it) and that this matter

bằng cách chia cõi hồng trần thành các thành phần dĩ thái và hồng trần của nó).

106. Hơn nữa, một gợi ý hết sức quan trọng được đưa ra, và thật ra là một gợi ý khá bí ẩn. Làm sao một hữu thể có thể hoạt động trên một cõi cao hơn bằng cách dùng một vận cụ của cõi thấp hơn? Hay đó thật ra không phải là điều được hàm ý?

107. Vận cụ của một đại diện như thế có được giữ lại trên cõi hồng trần, hay trên bất kỳ cõi đặc thù nào trước khi chuyển sang cõi cao hơn, hay là, nói như vậy, nó được "mang theo"?

108. Việc loại bỏ một vận cụ có thể không phải là sự loại bỏ vĩnh viễn. Như đã nói, con người hoạt động trên cõi cảm dục thì "rời" hơn là loại bỏ vận cụ hồng trần của mình trong khi công việc ấy đang diễn ra.

109. Cách thức các năng lượng đi từ cõi này sang cõi khác (dù đi lên hay đi xuống) có liên hệ với nhiều sự phức tạp chưa được ngờ tới.

c. Các loại nghiệp quả. Ở đây chúng ta có thể liệt kê các loại NGHIỆP QUẢ khác nhau, dù chúng ta không có thời gian để khai triển chủ đề này. Chỉ riêng một quyển sách đồ sộ cũng không thể chứa hết mọi điều có thể nói ra.

110. Chúng ta thu nhận được một gợi ý nhỏ về phạm vi bao la trong tri thức của Chân sư DK về phương diện này.

Chúng ta nên ghi nhớ rằng NGHIỆP QUẢ được áp đặt lên thực thể phú linh qua trung gian của chính vật chất hay chất liệu (vốn được nhuốm màu bởi nó) và rằng vật chất

or substance is *intelligent material composed of deva essence.*

hay chất liệu này là *vật liệu thông minh được cấu thành từ tinh chất thiên thần.*

111. We note the presence of the first ray (the ray of imposition) in the appearance of Karma, as Karma is *imposed.*

111. Chúng ta lưu ý sự hiện diện của cung một (cung của sự áp đặt) trong sắc tướng của Nghiệp Quả, vì Nghiệp Quả được *áp đặt.*

112. The Law of Karma reaches entities *via* the medium of matter and/or substance.

112. Định luật Nghiệp Quả tiếp cận các thực thể *qua* trung gian của vật chất và/hoặc chất liệu.

113. Devas, because the are *substantial* are necessarily karmic agents. Devas are the 'limiting' kingdom—powerfully ruled by Saturn, the chief Lord of Karma among the Planetary Deities.

113. Các thiên thần, bởi vì họ là *chất liệu*, tất yếu là những tác nhân nghiệp quả. Các thiên thần là giới "giới hạn"—được Sao Thổ, Đấng Chúa Tể chính của Nghiệp Quả trong số các Thượng đế Hành Tinh, cai quản một cách mạnh mẽ.

114. Matter/substance is coloured by karma —an interesting thought. As the colour of any substance is dependent upon its frequency, we may infer that karma is the controller of the frequency of matter/ substance. Ones limitations or opportunities relate directly to the frequency of the matter through which one expresses.

114. Vật chất/chất liệu được nhuốm màu bởi nghiệp quả—một ý tưởng thú vị. Vì màu sắc của bất kỳ chất liệu nào cũng tùy thuộc vào tần số của nó, chúng ta có thể suy ra rằng nghiệp quả là yếu tố kiểm soát tần số của vật chất/chất liệu. Những giới hạn hay cơ hội của một người liên hệ trực tiếp với tần số của vật chất mà qua đó người ấy biểu lộ.

115. We also are given an excellent definition of matter-substance or substance-matter. We note that it is both intelligent and composed of deva essence. Its intelligence is inherent and need not be imposed. Intelligence is inherent in matter-substance, i.e., within deva essence. This type of inherent intelligence is the intelligence of the third aspect of divinity, the Brahma aspect.

115. Chúng ta cũng được trao cho một định nghĩa rất hay về vật chất-chất liệu hay chất liệu-vật chất. Chúng ta lưu ý rằng nó vừa thông minh vừa được cấu thành từ tinh chất thiên thần. Trí tuệ của nó là cố hữu và không cần được áp đặt. Trí tuệ là cố hữu trong vật chất-chất liệu, tức là trong tinh chất thiên thần. Loại trí tuệ cố hữu này là trí tuệ của phương diện thứ ba của thiên tính, phương diện Brahma.

116. We also realize that Karma is particularly related to the third aspect of divinity—again suggesting the association with Brahma and Saturn.

116. Chúng ta cũng nhận ra rằng Nghiệp Quả đặc biệt liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính—một lần nữa gợi ý sự liên kết với Brahma và Sao Thổ.

117. We may also infer that, as all Entities in cosmos are subject to karma of some kind, the type of matter/substance through which they express will be the medium for the imposition of that karma.

117. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng, vì mọi Thực Thể trong vũ trụ đều chịu một loại nghiệp quả nào đó, nên loại vật chất/chất liệu mà qua đó các vị ấy biểu lộ sẽ là trung gian cho sự áp đặt nghiệp quả ấy.

118. Karma is the nature of 'conditioning', and all conditioning operates with respect to the deva kingdom. Without the D/devas, the Spirit is utterly free in its own Essence; the Deva Kingdom (even as that Kingdom expresses on the symbolic 'Heights of the Universe') is a limiting, conditioning kingdom. It was born of the Self-Perception of the Universal Logos. From another perspective, the Deva Kingdom (*universally considered*) was born of division. We note that Saturn is the 'Planet of Division' separating 'this' from 'that'.

118. Nghiệp Quả là bản chất của sự "tác động định hình", và mọi sự tác động định hình đều vận hành đối với giới thiên thần. Không có các thiên thần, Tinh thần hoàn toàn tự do trong Bản Thể riêng của nó; Giới Thiên Thần (ngay cả khi Giới ấy biểu lộ trên những "Đỉnh Cao của Vũ Trụ" mang tính biểu tượng) là một giới giới hạn, định hình. Nó được sinh ra từ Sự Tự Tri Giác của Thượng đế Vũ Trụ. Từ một góc nhìn khác, Giới Thiên Thần (*xét một cách phổ quát*) được sinh ra từ sự phân chia. Chúng ta lưu ý rằng Sao Thổ là "Hành Tinh của Sự Phân Chia", tách biệt "cái này" khỏi "cái kia".

119. In short, D/devas are the Self-Reflection of 'God' the Universal Logos.

119. Tóm lại, các thiên thần là Sự Tự Phản Chiếu của "Thượng đế", tức Thượng đế Vũ Trụ.

Cosmic Karma—Imposed upon the solar Logos from outside of the system.

Nghiệp quả vũ trụ—Được áp đặt lên Thái dương Thượng đế từ bên ngoài hệ thống.

120. We may presume that the Karmic Lords of Sirius are one of the chief Agents of this imposition.

120. Chúng ta có thể giả định rằng các Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả của Sirius là một trong những Tác Nhân chính của sự áp đặt này.

Systemic Karma—The working out by the Logos of effects set in motion in previous Kalpas, and which influence His present type of Body.

Nghiệp quả hệ thống—Sự triển khai của Thượng đế đối với các hiệu quả đã được khởi động trong những Kalpa trước, và những hiệu quả ấy ảnh hưởng đến loại Thể hiện tại của Ngài.

121. We gather that the conditioning of the body of any entity (great or of lesser scope) is karmically determined.

121. Chúng ta hiểu rằng sự định hình của thể của bất kỳ thực thể nào (lớn hay nhỏ hơn) đều được quyết định bởi nghiệp quả.

122. The term “Kalpas” in this context provably means mahamanvantaras. We understand that our Solar Logos (*as a Solar Logos* and not as some lesser B/being) has passed through four such Kalpas prior to His expression through our present solar system.

122. Thuật ngữ “Kalpas” trong ngữ cảnh này có thể được chứng minh là có nghĩa Đại giai kỳ sinh hóa. Chúng ta hiểu rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta (*với tư cách là một Thái dương Thượng đế* chứ không phải như một hữu thể nhỏ hơn nào đó) đã trải qua bốn Kalpas như thế trước khi biểu lộ qua hệ mặt trời hiện tại của Ngài.

123. We are also given a simple definition of karma—“the working out of effects set in motion”. All created patterns exist because they have been created. Because they exist, they present themselves as *conditions* or as karma. We are presented with that which we create and have to deal with it—modifying it, neutralizing it, offsetting it, or using it as a constructive foundation.

123. Chúng ta cũng được trao cho một định nghĩa đơn giản về nghiệp quả—“sự triển khai của các hiệu quả đã được khởi động”. Mọi mô hình được tạo ra đều tồn tại vì chúng đã được tạo ra. Bởi vì chúng tồn tại, chúng tự trình hiện như những *điều kiện* hay như nghiệp quả. Chúng ta được đặt trước điều mà mình tạo ra và phải xử lý nó—biến đổi nó, trung hòa nó, hóa giải nó, hoặc dùng nó như một nền tảng xây dựng.

124. Colloquially, we “make our bed…”

124. Nói theo cách thông thường, chúng ta “tự trải giường cho mình…”

125. Karma is intimately related to the factor if *creativity.* That which we create is that which we meet and re-meet until our creations accord with a will higher than our own.

125. Nghiệp quả liên hệ mật thiết với yếu tố *sáng tạo.* Điều chúng ta tạo ra là điều chúng ta gặp đi gặp lại cho đến khi những sáng tạo của chúng ta phù hợp với một ý chí cao hơn ý chí riêng của mình.

Planetary Karma—The individual karma of a Heavenly Man, which is just as different from that of another Heavenly Man, as is the karma of the different members of the human family.

Nghiệp quả hành tinh—Nghiệp quả cá biệt của một Đấng Thiên Nhân, khác với nghiệp quả của một Đấng Thiên Nhân khác cũng như nghiệp quả của các thành viên khác nhau trong gia đình nhân loại.

126. It is easy to forget that the great Entities called Planetary Logoi also possess a unique individuality. Because we cannot fathom Their character with any degree of completeness, we often overlook Their uniqueness. Astrology, however, reminds us of this uniqueness.

126. Thật dễ quên rằng những Thực Thể vĩ đại được gọi là các Hành Tinh Thượng Đế cũng sở hữu một cá tính độc đáo. Vì chúng ta không thể thấu hiểu Tính cách của Các Ngài ở bất kỳ mức độ trọn vẹn nào, chúng ta thường bỏ qua tính độc đáo ấy. Tuy nhiên, chiêm tinh học nhắc chúng ta về tính độc đáo này.

127. We are reminded that our particular Planetary Logos has a heavy karma related to the mystery of personality. It would seem that His personality elemental has not been mastered.

127. Chúng ta được nhắc rằng Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta có một nghiệp quả nặng nề liên quan đến huyền nhiệm của phàm ngã. Dường như hành khí phàm ngã của Ngài chưa được chế ngự.

Herein lies the mystery of our planet, the most mysterious of all the planets. **Just as the karma of individuals differs, so differs the karma of the various Logoi, and the karma of our planetary Logos has been a heavy one, and veiled in the mystery of personality at this time.** (TCF 207)

Chính trong đó có huyền nhiệm của hành tinh chúng ta, bí ẩn nhất trong mọi hành tinh. **Cũng như nghiệp quả của các cá nhân khác nhau, nghiệp quả của các Logoi khác nhau cũng khác nhau, và nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là một nghiệp quả nặng nề, và hiện nay được che phủ trong huyền nhiệm của phàm ngã.** (TCF 207)

The Karma of a chain, which is bound up in the life experience of that entity who ensouls a chain, and is a centre in the body of a Heavenly Man, in the same sense as a Heavenly Man within His scheme is a centre in the body of the solar Logos.

Nghiệp quả của một dãy, gắn liền với kinh nghiệm sống của thực thể phú linh một dãy, và là một trung tâm trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân, theo cùng ý nghĩa như một Đấng Thiên Nhân trong hệ hành tinh của Ngài là một trung tâm trong thân thể của Thái dương Thượng đế.

128. Here the status of a chain as a center within a Planetary Logos is clearly set forth.

128. Ở đây địa vị của một dãy như một trung tâm bên trong một Hành Tinh Thượng Đế được trình bày rõ ràng.

129. Just as a Planetary Logos ensouls a planetary scheme, so a Being called a Chain-Lord ensouls a planetary chain.

129. Cũng như một Hành Tinh Thượng Đế phú linh một hệ hành tinh, thì một Hữu Thể được gọi là Chúa Tể Dãy phú linh một dãy hành tinh.

130. Such a Chain-Lord is not the Planetary Logos per se and would have a relative degree of autonomy in determining His own, individual karma just as a Planetary Logos, though an aspect of the body corporate of a Solar Logos and His solar system, has a relative degree of autonomy in determining His individual karma.

130. Một Chúa Tể Dãy như thế không phải là chính Hành Tinh Thượng Đế, và sẽ có một mức độ tự trị tương đối trong việc quyết định nghiệp quả cá biệt của riêng Ngài, cũng như một Hành Tinh Thượng Đế, dù là một phương diện của toàn thể hợp nhất nơi thể của một Thái dương Thượng đế và hệ mặt trời của Ngài, vẫn có một mức độ tự trị tương đối trong việc quyết định nghiệp quả cá biệt của Ngài.

131. On these high levels we are dealing with the appearance of "Mind-born Sons". There is a clear understanding that although great Beings are some what autonomous of the still greater Beings Who incorporate Them, nevertheless, They are expressions or emanations of these still greater Beings.

131. Ở những cấp độ cao này, chúng ta đang đề cập đến sự xuất hiện của các "Con sinh ra từ Trí Tuệ". Có một sự hiểu biết rõ ràng rằng mặc dù các Hữu Thể vĩ đại có phần nào tự trị đối với những Hữu Thể còn vĩ đại hơn đang bao hàm Các Ngài, tuy nhiên, Các Ngài vẫn là những biểu lộ hay phát xạ của những Hữu Thể còn vĩ đại hơn ấy.

132. We come to understand that the 'behavior' of entities is not entirely determined by the will of the larger Entity within whose body of manifestation they form a corporate part.

132. Chúng ta đi đến chỗ hiểu rằng "hành vi" của các thực thể không hoàn toàn do ý chí của Thực Thể lớn hơn quyết định, trong thể biểu hiện của Ngài họ tạo thành một phần hợp nhất.

133. The Lord of the Moon-chain, for instance, is to be considered, from one perspective, as an expression of our Planetary Logos and yet as an independent, Karma-generating Being in His own right.

133. Chẳng hạn, Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng phải được xem, từ một góc độ, như một biểu lộ của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, nhưng đồng thời cũng là một Hữu Thể độc lập tự tạo nghiệp quả theo quyền riêng của Ngài.

134. We generate Karma according to the nature, quality and scope of our consciousness.

134. Chúng ta tạo ra Nghiệp Quả tùy theo bản chất, phẩm tính và phạm vi của tâm thức mình.

Globe Karma—The individual destiny of the entity who is a centre in the body of the ensouling Life of a chain.

Nghiệp quả của bầu hành tinh—Định mệnh cá biệt của thực thể là một trung tâm trong thể của Sự Sống phú linh một dãy.

135. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng có những Chúa Tể Bầu Hành Tinh cũng như

135. DK is informing us that there are Globe-Lords just as there are Lords of Chains and of planetary schemes. (cf. TCF 648)

có những Chúa Tể Dãy và Chúa Tể các hệ hành tinh. (xem TCF 648)

136. All self-conscious entities incorporated within a greater system have *individual* destinies as well something we might call 'shared destiny'—the destiny (and associated Karma) of the greater system in which they are incorporated.

136. Mọi thực thể tự ý thức được bao hàm trong một hệ thống lớn hơn đều có những định mệnh *cá biệt* cũng như điều mà chúng ta có thể gọi là "định mệnh chung"—định mệnh (và Nghiệp Quả đi kèm) của hệ thống lớn hơn mà trong đó họ được bao hàm.

137. Planetary karma affects the human being over and above his individual karma. We could say that chain karma is necessarily experienced (as an imposition) by a Globe-Lord and that scheme karma is experienced by both a Globe-Lord and the Chain-Lord, while not *replacing* the individual Karma of either of these Entities.

137. Nghiệp quả hành tinh ảnh hưởng đến con người vượt lên trên nghiệp quả cá biệt của y. Chúng ta có thể nói rằng nghiệp quả của dãy tất yếu được một Chúa Tể Bầu Hành Tinh trải nghiệm (như một sự áp đặt), và nghiệp quả của hệ hành tinh được cả Chúa Tể Bầu Hành Tinh lẫn Chúa Tể Dãy trải nghiệm, trong khi không *thay thế* Nghiệp Quả cá biệt của một trong hai Thực Thể này.

138. We see that there is a fascinating interplay between compulsion and freedom.

138. Chúng ta thấy có một sự tương tác đầy hấp dẫn giữa cưỡng bách và tự do.

These five existences above enumerated, who are worked upon by karma, are all **cosmic and solar Lords of Light,** Who achieved intelligence, and passed through the human kingdom many kalpas ago.

Năm hiện hữu được liệt kê ở trên này, những vị chịu sự tác động của nghiệp quả, đều là **các Chúa Tể Ánh Sáng vũ trụ và thái dương,** những vị đã đạt được trí tuệ, và đã đi qua giới nhân loại từ nhiều kalpa trước.

139. It is affirmed that even great Entities ("solar Lords of Light") are "worked upon" by karma. This simply means that they are 'conditioned' by the nature, quality, pattern and destiny of the One in Whom They live and move and have Their being.

139. Ở đây khẳng định rằng ngay cả những Thực Thể vĩ đại ("các Chúa Tể Ánh Sáng thái dương") cũng "chịu sự tác động" của nghiệp quả. Điều này đơn giản có nghĩa là các vị ấy được "định hình" bởi bản chất, phẩm tính, mô hình và định mệnh của Đấng mà trong Ngài Các Ngài sống, vận động và hiện hữu.

140. Are the "kalpas" here mentioned equivalent to mahamanvantaras? It may well be the case. A human being is separated in development from a Solar Angel by just such a mahamanvantara.

140. Những "kalpas" được nhắc đến ở đây có tương đương với Đại giai kỳ sinh hóa không? Rất có thể là như vậy. Một con người được tách biệt về mặt phát triển với một Thái

dương Thiên Thần bởi chính một Đại giai kỳ sinh hóa như thế.

141. We are being told, apparently, that Chain-Lords and even Globe-Lords are Beings far in advance of man.

141. Dường như ở đây chúng ta được cho biết rằng các Chúa Tể Dãy và ngay cả các Chúa Tể Bầu Hành Tinh cũng là những Hữu Thể vượt xa con người.

142. We note that we are not told that such Lords were *individual* human beings but that They passed *through* the human kingdom. This is so because such greater Entities are to be considered *corporate Entities*—made of *many* human beings or (so we are told) of cooperative congeries of Solar Angels.

142. Chúng ta lưu ý rằng không hề nói với chúng ta rằng những Chúa Tể như thế từng là những con người *cá biệt*, mà là Các Ngài đã đi *qua* giới nhân loại. Điều này là như vậy bởi vì những Thực Thể lớn hơn ấy phải được xem là những *Thực Thể hợp nhất*—được tạo thành từ *nhiều* con người hay (như chúng ta được cho biết) từ những tập hợp hợp tác của các Thái dương Thiên Thần.

Plane Karma—This is inextricably mixed up with the [Page 470] karma of the planetary Logos and of the Raja-Lord, and is dependent upon the interplay between these two opposite poles,—the masculine and feminine aspect of the Divine Hermaphrodite.

Nghiệp quả cõi—Điều này gắn chặt không thể tách rời với [Page 470] nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế và của Raja-Lord, và tùy thuộc vào sự tương tác giữa hai cực đối nghịch này,—phương diện nam và nữ của Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng.

143. Here is an important revelation: Raja-Lords are to be considered the polar opposites of Planetary Logoi. Together They are the major components of the “Divine Hermaphrodite”. The Planetary Logos is to be considered a “Divine Hermaphrodite” because of His intimate association with the Raja-Deva Lords.

143. Đây là một mặc khải quan trọng: các Raja-Lord phải được xem là những cực đối nghịch với các Hành Tinh Thượng Đế. Cùng nhau Các Ngài là những thành phần chính của “Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng”. Hành Tinh Thượng Đế phải được xem là một “Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng” vì mối liên hệ mật thiết của Ngài với các Raja-Deva Lords.

144. When considering the "Divine Hermaphrodite" the Planetary Logos is to be considered as the masculine pole and the Raja Deva Lords as the feminine pole.

144. Khi xét đến “Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng”, Hành Tinh Thượng Đế phải được xem là cực nam và các Raja Deva Lords là cực nữ.

145. Not only to Planetary Logoi have karma but, predictably, so do Raja Deva Lords.

145. Không chỉ các Hành Tinh Thượng Đế mới có nghiệp quả mà, như có thể dự đoán, các Raja Deva Lords cũng vậy.

146. The term “Divine Hermaphrodite” has needed explaining, and now we are given an important explanation.

146. Thuật ngữ “Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng” vốn cần được giải thích, và giờ đây chúng ta được trao cho một lời giải thích quan trọng.

147. The “Hermes” of the “Divine Hermaphrodite” is masculine. The “Aphrodite” is feminine. Hermes is Mercury —a male. Aphrodite is Venus, a female.

147. “Hermes” trong “Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng” là nam tính. “Aphrodite” là nữ tính. Hermes là Mercury—một nam thần. Aphrodite là Venus, một nữ thần.

148. Had we realized that Venus is intimately related to both form and the devas? Yet, in practice, Mercury, with its “wings” cannot evolution dissociated from the devas.

148. Liệu chúng ta đã nhận ra rằng Venus liên hệ mật thiết với cả hình tướng lẫn các thiên thần chưa? Tuy nhiên, trên thực tế, Mercury, với “đôi cánh” của nó, không thể tiến hoá tách rời khỏi các thiên thần.

The Karma of a subplane, or the destiny of certain lesser entities who manifest through these planes.

Nghiệp quả của một cõi phụ, hay định mệnh của một số thực thể nhỏ hơn biểu lộ qua các cõi ấy.

149. These lesser entities may be conceived as related to Raja Deva Lords just as Chain-Lords are related to Planetary Logoi. In both cases a lesser septenate is expressive of a greater unity.

149. Những thực thể nhỏ hơn này có thể được quan niệm là liên hệ với các Raja Deva Lords cũng như các Chúa Tể Dãy liên hệ với các Hành Tinh Thượng Đế. Trong cả hai trường hợp, một bộ bảy nhỏ hơn biểu lộ một hợp nhất lớn hơn.

150. Planar destiny is devic destiny. The factors of destiny, division and entity cannot be separated.

150. Định mệnh cõi là định mệnh thiên thần. Các yếu tố định mệnh, phân chia và thực thể không thể tách rời nhau.

In these two types of karma,

Trong hai loại nghiệp quả này,

151. We are speaking of the karma of planes and of subplanes.

151. Chúng ta đang nói về nghiệp quả của các cõi và các cõi phụ.

we have what one might term the "Karma of the Hierarchies" as it has been brought about since the manifesting of the solar system.

chúng ta có điều mà người ta có thể gọi là "Nghiệp quả của các Huyền Giai" như nó đã được tạo ra kể từ khi hệ mặt trời biểu hiện.

152. By "Hierarchies" we mean Creative Hierarchies. Creative Hierarchies are solar systemic congeries of lives and do not pertain only the Planetary Logoi.

152. Bởi "các Huyền Giai" chúng ta muốn nói đến Các Huyền Giai Sáng Tạo. Các Huyền Giai Sáng Tạo là những tập hợp sự sống của hệ mặt trời và không chỉ liên quan đến các Hành Tinh Thượng Đế.

153. We must recall that karma is always *imposed* from 'above' partially on the basis of that which has transpired 'below' and partially because of the very nature of that which is 'above'.

153. Chúng ta phải nhớ rằng nghiệp quả luôn được *áp đặt* từ "trên cao", một phần dựa trên điều đã xảy ra ở "bên dưới" và một phần do chính bản chất của điều ở "trên cao".

It is the result of the past of this system, and not so much the working out of effects originating in previous solar systems.

Đó là kết quả của quá khứ của hệ thống này, chứ không hẳn là sự triển khai của những hiệu quả phát sinh trong các hệ mặt trời trước.

154. This is a significant statement tending to minimize in our minds the karmic effects of past solar systems upon the Creative Hierarchies.

154. Đây là một phát biểu quan trọng, có xu hướng làm giảm trong tâm trí chúng ta những hiệu quả nghiệp quả của các hệ mặt trời quá khứ đối với Các Huyền Giai Sáng Tạo.

155. When we were discussing the various types of Entities along the '*Man*-line' (i.e., Solar Logoi, Planetary Logoi, Chain-Lords and Globe-Lords), the strong karmic influence of past solar systems was suggested.

155. Khi chúng ta đang bàn đến các loại Thực Thể khác nhau dọc theo "đường *Con Người*" (tức là các Thái dương Thượng đế, các Hành Tinh Thượng Đế, các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu Hành Tinh), ảnh hưởng nghiệp quả mạnh mẽ của các hệ mặt trời quá khứ đã được gợi ý.

156. We are invited to examine the closer relationship between the evolution of the Creative Hierarchies and the condition of the planes and sub-planes.

156. Chúng ta được mời khảo sát mối liên hệ gần gũi hơn giữa sự tiến hoá của Các Huyền Giai Sáng Tạo và điều kiện của các cõi và cõi phụ.

157. Yet, some of the lower Creative Hierarchy are definitely related to

157. Tuy nhiên, một số Huyền Giai Sáng Tạo thấp chắc chắn có liên hệ với các điều kiện

conditions in the past solar system, and the highest of the Creative Hierarchy discussed in TCF and EA achieved liberation in the previous solar system—so there is a relationship which cannot be ignored.

trong hệ mặt trời quá khứ, và cao nhất trong các Huyền Giai Sáng Tạo được bàn đến trong TCF và EA đã đạt giải thoát trong hệ mặt trời trước—vì thế có một mối liên hệ không thể bỏ qua.

The Karma of the kingdoms of nature as we know them on our planet:

Nghiệp quả của các giới trong thiên nhiên như chúng ta biết trên hành tinh của mình:

a. The mineral kingdom.

a. giới kim thạch.

b. The vegetable kingdom.

b. giới thực vật.

c. The animal kingdom.

c. giới động vật.

158. It is significant that certain kingdoms of nature are not mentioned—the Kingdom of Souls, the Kingdom of Planetary Lives, the Kingdom of Solar Lives and as well the Human Kingdom.

158. Điều đáng chú ý là một số giới trong thiên nhiên không được nhắc đến—Thiên Giới, giới Các Sự Sống Hành tinh, giới Các Sự sống Thái Dương và cả giới nhân loại nữa.

159. Of course, the karma of such kingdoms has already been mentioned, though not in relation to the idea of "kingdoms" per se.

159. Dĩ nhiên, nghiệp quả của những giới như thế đã được nhắc đến rồi, dù không liên hệ với ý niệm "giới" chính nó.

This is necessarily the karma of the different lunar Lords who ensoul these kingdoms, and who are working out their purposes through them.

Đây tất yếu là nghiệp quả của các nguyệt tinh quân khác nhau phú linh những giới này, và đang triển khai các mục đích của họ qua chúng.

160. We note that even "lunar Lords" *ensoul* kingdoms. Lunar Lords are possessed of the soul aspect just as are the members of higher kingdoms (though what might be called the 'scope of soul' is far more curtailed).

160. Chúng ta lưu ý rằng ngay cả các "nguyệt tinh quân" cũng *phú linh* các giới. Các nguyệt tinh quân sở hữu phương diện linh hồn cũng như các thành viên của những giới cao hơn (dù điều có thể gọi là "phạm vi của linh hồn" bị giới hạn hơn rất nhiều).

We must note that we have touched therefore upon cosmic, solar, and lunar karma. In the latter is hid the great mystery of the Moon, and her place in the planetary scheme.

Vì vậy, chúng ta phải lưu ý rằng mình đã chạm đến nghiệp quả vũ trụ, thái dương và thái âm. Trong loại sau cùng này ẩn giấu huyền nhiệm lớn lao của Mặt Trăng, và vị trí của nó trong hệ hành tinh.

161. These are the three types of karma which can engage the understanding of man.

161. Đây là ba loại nghiệp quả có thể thu hút sự thấu hiểu của con người.

162. We have learned various things about the "mystery of the Moon", but, increasingly, we come to understand that it is a "great" mystery. Much of the mystery of our Heavenly Man (who ensouls "the most mysterious of all the planets") is probably connected with the "great mystery of the Moon". These mysteries will be revealed in due time. All we can do presently is to gather the evidence.

162. Chúng ta đã học được nhiều điều về "huyền nhiệm của Mặt Trăng", nhưng càng lúc chúng ta càng hiểu rằng đó là một huyền nhiệm "lớn lao". Phần lớn huyền nhiệm của Đấng Thiên Nhân của chúng ta (Đấng phú linh "hành tinh bí ẩn nhất trong mọi hành tinh") có lẽ liên hệ với "huyền nhiệm lớn lao của Mặt Trăng". Những huyền nhiệm này sẽ được mặc khải đúng lúc. Hiện nay tất cả những gì chúng ta có thể làm là thu thập chứng cứ.

The Karma of the Human Hierarchy[54],[55],[56] in its seven groups, and of the individual Monads.

Nghiệp quả của Huyền Giai Nhân Loại54,55,56 trong bảy nhóm của nó, và của các chân thần cá biệt.

163. How shall we look at the "seven groups" of the Human Hierarchy?

163. Chúng ta nên nhìn "bảy nhóm" của Huyền Giai Nhân Loại như thế nào?

a. According to monadic rays?

a. Theo các cung chân thần chăng?

b. According to soul rays?

b. Theo các cung linh hồn chăng?

c. According to the seven root races?

c. Theo bảy giống dân gốc chăng?

164. In a way we cannot consider the Monads as "individual", and yet for purposes of normal human understanding, the Monads are considered individual. If there is no "my soul and thine" how much less is there no 'my Monad and thine'?!

164. Theo một nghĩa nào đó, chúng ta không thể xem các chân thần là "cá biệt", nhưng vì mục đích thấu hiểu thông thường của con người, các chân thần được xem là cá biệt. Nếu không có "linh hồn của tôi và của bạn" thì lại càng không có "chân thần của tôi và của bạn" biết bao!

This in itself is a vast and intricate subject and—during the particular cycle of the Earth globe—can be divided into:

Bản thân điều này là một chủ đề bao la và phức tạp, và—trong chu kỳ đặc thù của bầu hành tinh Trái Đất—có thể được chia thành:

165. The particular cycle on the Earth globe through which we are presently passing is the fourth round (as this round 'passes through' the Earth-globe).

[Page 471]

a. World karma. (The seven root-races.)

166. We realize that on our globe we have already passed through a great deal of "world karma", since five root races have nearly concluded.

b. Racial karma, or the destiny and purpose of each root-race.

167. We have learned much about the functioning of various of the root races. It would be well to frame for ourselves the *purpose* of each root race. What has been the destiny of the Lemurian and Atlantean root races? We know something of the developments achieved during them and of how they met their end. Their purpose appears to have been the development and cultivation of certain aspects of the human energy system and the consciousness pertaining to those aspects, or perhaps (since the expansion of consciousness is the goal of this solar system, the purpose of the rootraces should be expressed primarily in terms of consciousness and only secondary in terms of the improvement of the quality of the form which expresses that consciousness). The physical-etheric vehicle and the consciousness pertaining to it were developed in Lemuria and the astral vehicle and the consciousness pertaining to it were developed in Atlantis.

168. The Aryan root race has been destined to cultivate the principle of mentality in all

165. Chu kỳ đặc thù trên bầu hành tinh Trái Đất mà hiện nay chúng ta đang đi qua là cuộc tuần hoàn thứ tư (khi cuộc tuần hoàn này "đi qua" bầu hành tinh Trái Đất).

[Page 471]

a. Nghiệp quả thế giới. (Bảy giống dân gốc.)

166. Chúng ta nhận ra rằng trên bầu hành tinh của mình, chúng ta đã đi qua rất nhiều "nghiệp quả thế giới", vì năm giống dân gốc gần như đã kết thúc.

b. Nghiệp quả chủng tộc, hay định mệnh và mục đích của mỗi giống dân gốc.

167. Chúng ta đã học được nhiều điều về hoạt động của các giống dân gốc khác nhau. Sẽ là điều tốt nếu tự mình xác định *mục đích* của mỗi giống dân gốc. Định mệnh của các giống dân gốc Lemuria và Atlantis là gì? Chúng ta biết phần nào về những phát triển đã đạt được trong các thời kỳ ấy và về cách chúng đi đến chỗ kết thúc. Mục đích của chúng dường như là sự phát triển và trau dồi một số phương diện của hệ thống năng lượng con người và tâm thức liên hệ với những phương diện ấy, hoặc có lẽ (vì sự mở rộng tâm thức là mục tiêu của hệ mặt trời này, nên mục đích của các giống dân gốc trước hết nên được diễn tả theo tâm thức và chỉ thứ yếu theo sự cải thiện phẩm tính của hình tướng biểu lộ tâm thức ấy). Vận cụ hồng trần-dĩ thái và tâm thức liên hệ với nó đã được phát triển trong Lemuria, còn vận cụ cảm dục và tâm thức liên hệ với nó đã được phát triển trong Atlantis.

168. Giống dân gốc Arya đã được định sẵn để trau dồi nguyên khí trí tuệ trong mọi

its aspects. The Word of Power "Three Minds Unite" applies to this root race particularly.

phương diện của nó. Quyền năng từ "ba trí hợp nhất" đặc biệt áp dụng cho giống dân gốc này.

c. Subrace karma, for each subrace has its own destiny to work out.

c. Nghiệp quả giống dân phụ, vì mỗi giống dân phụ đều có định mệnh riêng cần triển khai.

169. This idea follows naturally. At the present time sub-races three, four and five of the Aryan root race are engaged in interactions with far reaching implications for the destiny of humanity.

169. Ý tưởng này tiếp nối một cách tự nhiên. Hiện nay, các giống dân phụ thứ ba, thứ tư và thứ năm của giống dân gốc Arya đang tham gia vào những tương tác có hàm ý sâu rộng đối với định mệnh của nhân loại.

d. National karma.

d. Nghiệp quả quốc gia.

170. This type of karma may be considered to work out at the "branch race" level, though a branch race may include a number of nations.

170. Loại nghiệp quả này có thể được xem là triển khai ở cấp độ "chủng tộc nhánh", dù một chủng tộc nhánh có thể bao gồm một số quốc gia.

171. A study of human history (even in the very truncated form available to us) will reveal much of the rise, flourishing and fall of nations.

171. Việc nghiên cứu lịch sử nhân loại (ngay cả dưới hình thức rất rút gọn mà chúng ta có được) sẽ cho thấy nhiều điều về sự trỗi dậy, hưng thịnh và suy tàn của các quốc gia.

e. Family karma.

e. Nghiệp quả gia đình.

172. This would be a fascinating study but would require a reliable ability to trace the incarnations of related human beings.

172. Đây sẽ là một nghiên cứu hấp dẫn nhưng đòi hỏi một khả năng đáng tin cậy trong việc truy dấu các lần lâm phàm của những con người có liên hệ với nhau.

173. Something of this type of karma may be understood from the study of significant dynasties—great "families" prominent in the history of our planet.

173. Một phần của loại nghiệp quả này có thể được hiểu qua việc nghiên cứu những triều đại quan trọng—những "gia đình" lớn nổi bật trong lịch sử hành tinh chúng ta.

f. Individual karma.

f. Nghiệp quả cá nhân.

174. This seems to be the type of karma which captures the greatest share of

students' attention though, relatively, it is of the smallest moment.

174. Đây dường như là loại nghiệp quả thu hút phần chú ý lớn nhất của các đạo sinh, dù xét tương đối, nó lại là điều nhỏ nhất.

All these different types of karma are intermingled and bound up in a manner inconceivable and inextricable [Page 472] to man;

Tất cả những loại nghiệp quả khác nhau này đan xen và gắn chặt với nhau theo một cách không thể quan niệm nổi và không thể tháo gỡ [Page 472] đối với con người;

175. To the Lords of Karma and Their higher agents, the intermingling of these various types of karma is 'conceivable'.

175. Đối với các Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả và các tác nhân cao hơn của Các Ngài, sự đan xen của những loại nghiệp quả khác nhau này là điều "có thể quan niệm được".

even the adepts cannot untangle the mystery beyond that of the groups affiliated with them,

ngay cả các chân sư cũng không thể tháo gỡ huyền nhiệm vượt quá phạm vi những nhóm liên kết với Các Ngài,

176. This untangling presumably includes a knowledge of the karma of the individuals in such groups.

176. Việc tháo gỡ này hẳn nhiên bao gồm sự hiểu biết về nghiệp quả của các cá nhân trong những nhóm như thế.

177. Not all karma needs to be known by an adept—only that which might be called *relevant* karma—the karma relevant to the carrying out of present group purposes.

177. Không phải mọi nghiệp quả đều cần được một chân sư biết đến—chỉ cần biết điều có thể gọi là *nghiệp quả liên hệ*—nghiệp quả liên hệ đến việc thực hiện các mục đích nhóm hiện tại.

178. While it may be necessary for the adepts to understand something of the karma of the units participating in Their groups, the focus of Their attention is not particularly upon the individual. To Them, group karma is naturally more important.

178. Tuy có thể cần thiết để các chân sư hiểu phần nào về nghiệp quả của những đơn vị tham gia trong các nhóm của Các Ngài, nhưng trọng tâm chú ý của Các Ngài không đặc biệt đặt trên cá nhân. Đối với Các Ngài, nghiệp quả nhóm tự nhiên quan trọng hơn.

179. The ideas of tangling and untangling suggests the close relation to the Third Ray of Active Intelligence—the Ray of the Weaver.

179. Những ý niệm về sự rối buộc và tháo gỡ gợi ra mối liên hệ mật thiết với cung ba Hoạt Động Trí Tuệ—Cung của Đấng Dệt.

while the Chohans of the higher degrees work with the karma of the larger groups

trong khi các Chohan ở những cấp cao hơn làm việc với nghiệp quả của các nhóm lớn

(which are the aggregates of the lesser groups).

180. Presumably, the adepts cannot yet understand this greater type of karma which the Chohans *can* understand.

181. The karma of the individual units in the group is of still less moment to the Chohan than to the adept, though Chohans would be capable of understanding individual karma if there were a necessity to do so. Master Morya said something to this effect: "Show me the man and I will tell you his past."

182. Hereafter follow extensive footnotes on the subject of karma.

54: Karma and Reincarnation, the fourth and fifth doctrines of the Wisdom-religion.

183. Such numbering is interesting. Karma as the Law of Action and Reaction is naturally associated with the number four. The Fourth Path is the Path to Sirius which, for our solar system, is the great Source of karmic administration.

184. Reincarnation is associated with the number five because the impulse for reincarnation emanates from the higher mental plane—the higher sub-planes of the *fifth* plane. This is the case not only for the incarnation of a human being but also for a Heavenly Man or Solar Logos (though in Their cases the impulse emanates from the fifth *cosmic* plane).

These two are, in reality, the A, B, C, of the Wisdom-religion.

hơn (là những tổng thể của các nhóm nhỏ hơn).

180. Hẳn nhiên, các chân sư chưa thể hiểu loại nghiệp quả lớn lao hơn này mà các Chohan *có thể* hiểu.

181. Nghiệp quả của các đơn vị cá nhân trong nhóm còn ít quan trọng đối với Chohan hơn là đối với chân sư, dù các Chohan vẫn có khả năng hiểu nghiệp quả cá nhân nếu có nhu cầu phải làm như vậy. Chân sư Morya đã nói điều gì đó theo ý này: "Hãy chỉ cho tôi người ấy và tôi sẽ nói cho các bạn biết quá khứ của y."

182. Sau đây là những cước chú dài về đề tài nghiệp quả.

54: Nghiệp quả và Luân hồi, giáo lý thứ tư và thứ năm của Minh Triết Ngàn Đời.

183. Cách đánh số như vậy thật đáng chú ý. Nghiệp quả như Định luật Hành Động và Phản Ứng tự nhiên được liên kết với số bốn. Con Đường thứ tư là Con Đường đến Sirius, vốn đối với hệ mặt trời chúng ta là Nguồn lớn của sự quản trị nghiệp quả.

184. Luân hồi được liên kết với số năm vì xung lực luân hồi phát ra từ Cõi thượng trí—các cõi phụ cao hơn của cõi *thứ năm*. Điều này không chỉ đúng đối với sự nhập thể của một con người mà còn đúng đối với một Đấng Thiên Nhân hay Thái dương Thượng đế (dù trong trường hợp của Các Ngài, xung lực phát ra từ cõi *vũ trụ* thứ năm).

Hai điều này, thật ra, là A, B, C của Minh Triết Ngàn Đời.

185. It can be safely stated that if Karma and Reincarnation are understood, the essence of the Wisdom-Religion can also be understood with relative ease. Western religions have either eliminated or deemphasized both, with detrimental effect upon the followers of those religions.

185. Có thể khẳng định chắc chắn rằng nếu Nghiệp quả và Luân hồi được thấu hiểu, thì tinh túy của Minh Triết Ngàn Đời cũng có thể được thấu hiểu tương đối dễ dàng. Các tôn giáo phương Tây hoặc đã loại bỏ hoặc đã giảm nhẹ cả hai điều này, gây tác hại cho những người theo các tôn giáo ấy.

Karma is the sum total of our acts, both in the present life and in the preceding births. It is of three kinds:—

Nghiệp quả là tổng số các hành vi của chúng ta, cả trong đời sống hiện tại lẫn trong các lần sinh trước. Nó có ba loại:—

1. Sanchita karma

1. Sanchita karma

2. Prarabdha karma

2. Prarabdha karma

3. Agami karma

3. Agami karma

186. We are reminded that the true definition of “karma” is “action”.

186. Chúng ta được nhắc rằng định nghĩa đích thực của “karma” là “hành động”.

187. The principal idea is that a man (or any self-conscious being) faces that which he has created.

187. Ý chính là con người (hay bất kỳ hữu thể ngã thức nào) phải đối diện với điều mà y đã tạo ra.

"*Sanchita karma* includes human merits and demerits accumulated in the preceding and in all other previous births.

"*Sanchita karma* bao gồm công và tội của con người được tích lũy trong lần sinh trước và trong tất cả các lần sinh trước đó.

188. Merit and demerit are always determined relative to some standard of behavior. The standard or standards relate specifically to Law—either the laws of the land or the laws of the soul.

188. Công và tội luôn được xác định tương đối theo một tiêu chuẩn hành vi nào đó. Tiêu chuẩn hay các tiêu chuẩn ấy liên hệ đặc biệt đến Định luật—hoặc các luật lệ của quốc gia hoặc các định luật của linh hồn.

189. Merit suggests bestowal and demerit, theft. The meritorious person is contributing to the welfare of the system within which he must, perforce, play his part; a person who has accumulated many demerits has subtly or overtly taken or

189. Công gợi ý sự ban cho, còn tội gợi ý sự lấy cắp. Người có công đang đóng góp vào phúc lợi của hệ thống mà trong đó y buộc phải đóng vai trò của mình; một người đã tích lũy nhiều tội đã một cách kín đáo hay

stolen valuable energy from that same system.

công khai lấy đi hoặc đánh cắp năng lượng quý giá từ chính hệ thống ấy.

That portion of the Sanchita karma destined to influence human life in one or the present incarnation is called *Prarabdha.*

Phần của Sanchita karma được định để ảnh hưởng đến đời sống con người trong một hay lần nhập thể hiện tại được gọi là *Prarabdha.*

190. Each human being has a large backlog of merit and demerit. The karma based upon demerit naturally decreases as the human unit reaches higher stages of evolution. Much demerit is offset by the more highly evolved soul who (as well) no longer generates the karma of demerit.

190. Mỗi con người đều có một tồn kho lớn về công và tội. Nghiệp quả dựa trên tội tự nhiên giảm đi khi đơn vị nhân loại đạt đến các giai đoạn tiến hoá cao hơn. Nhiều tội được hóa giải bởi linh hồn tiến hóa cao hơn, Đấng cũng không còn tạo ra nghiệp quả của tội nữa.

191. It becomes clear that no one incarnation will serve to express the sum of all merit and demerit. All such expression is justly, wisely and mathematically apportioned so as to promote the best conditions for the evolution of the soul, the group, humanity and the planet as a whole. The mathematics involved must be of an extraordinary intricacy.

191. Rõ ràng là không một lần nhập thể nào có thể biểu lộ tổng số toàn bộ công và tội. Mọi sự biểu lộ như thế đều được phân phối một cách công bằng, minh triết và toán học nhằm thúc đẩy những điều kiện tốt nhất cho sự tiến hoá của linh hồn, của nhóm, của nhân loại và của toàn thể hành tinh. Toán học liên hệ ở đây hẳn phải có mức độ phức tạp phi thường.

The third kind of karma is the result of **the merits and demerits of the present acts.**

Loại nghiệp quả thứ ba là kết quả của **công và tội của các hành vi hiện tại.**

192. This is the karma being generated in the present—from moment to moment. Once generated it becomes part of Sanchita karma.

192. Đây là nghiệp quả đang được tạo ra trong hiện tại—từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc khác. Một khi đã được tạo ra, nó trở thành một phần của Sanchita karma.

Agami extends over all your words, thoughts, and acts.

Agami bao trùm mọi lời nói, tư tưởng và hành vi của bạn.

193. We note that Agami karma does not extend over emotional *re-actions* unless such reactions are perpetuated in such a manner as to become *acts.*

193. Chúng ta lưu ý rằng Agami karma không bao trùm các *phản ứng* cảm xúc trừ khi những phản ứng ấy được kéo dài theo cách khiến chúng trở thành các *hành vi.*

What you think, what you speak, what you do, as well as whatever results your thoughts, words, and acts produce on yourself, and on those affected by them, fall under the category of the present karma, which will be sure to sway the balance of your life for good or for evil in your future development."—*The Theosophist,* Vol. X, p. 235.

Điều bạn nghĩ, điều bạn nói, điều bạn làm, cũng như bất cứ kết quả nào mà các tư tưởng, lời nói và hành vi của bạn tạo ra trên chính bạn và trên những người bị chúng tác động, đều thuộc vào loại nghiệp quả hiện tại, vốn chắc chắn sẽ làm nghiêng cán cân đời sống của bạn theo hướng thiện hay ác trong sự phát triển tương lai của bạn."—*The Theosophist,* Vol. X, p. 235.

194. We can see how closely related are thoughts, words and acts to the third ray—the Ray of Activity as well as the Ray of Thought. The third ray also rules the throat center from which words arise.

194. Chúng ta có thể thấy tư tưởng, lời nói và hành vi liên hệ chặt chẽ thế nào với cung ba —Cung của Hoạt Động cũng như Cung của Tư Tưởng. Cung ba cũng cai quản trung tâm cổ họng, từ đó lời nói phát sinh.

195. The domain of karma is the third aspect —the matter and intelligence aspect of divinity. Adjustments are made within this aspect in order to promote the better and fuller expression of the other two aspects *through* the third aspect.

195. Phạm vi của nghiệp quả là phương diện thứ ba—phương diện vật chất và trí tuệ của thiên tính. Những sự điều chỉnh được thực hiện trong phương diện này để thúc đẩy sự biểu lộ tốt hơn và đầy đủ hơn của hai phương diện kia *qua* phương diện thứ ba.

196. In this section we are examining karma from a very individual perspective, but the thought can be extended to the karma of Entities far greater than a human being.

196. Trong phần này chúng ta đang khảo sát nghiệp quả từ một góc nhìn rất cá nhân, nhưng tư tưởng này có thể được mở rộng đến nghiệp quả của những Thực Thể lớn lao hơn con người rất nhiều.

55: "Karma (action) is of three kinds:—

55: Nghiệp quả (hành động) có ba loại:—

1. Agami:—The bodily actions good and bad —done after the acquisition of the discriminative knowledge. (Vide Sri Sankaracharya's Tatwa Bodh, question 34).

1. Agami:—Những hành động của thân, tốt và xấu—được thực hiện sau khi đạt được tri thức phân biện. (Xem Sri Sankaracharya's Tatwa Bodh, câu hỏi 34).

197. We note that there can be no individual karma unless there is discriminative knowledge. This knowledge means that individualization has occurred at that the consciousness can discriminate between a

197. Chúng ta lưu ý rằng không thể có nghiệp quả cá nhân nếu không có tri thức phân biện. Tri thức này có nghĩa là sự biệt ngã hóa đã xảy ra và tâm thức có thể phân biệt giữa một *ngã* và một *phi-ngã*—giữa một "tôi" và một "không-phải-tôi".

self and a *not-self*—between an "I" and a "not-I".

198. Quite simply, if we are self-consciousness beings, knowledge is responsibility. We are obliged to *act* according to what we *know*. If according to our present knowledge, we act *well,* the result is the karma of merit; if we act poorly or badly (i.e., beneath the standard of our present knowledge) the result is the karma of demerit).

198. Nói đơn giản, nếu chúng ta là những hữu thể ngã thức, thì tri thức là trách nhiệm. Chúng ta buộc phải *hành động* theo điều chúng ta *biết*. Nếu theo tri thức hiện tại của mình, chúng ta hành động *đúng đắn,* kết quả là nghiệp quả của công; nếu chúng ta hành động kém hay sai (tức là dưới tiêu chuẩn của tri thức hiện tại của mình) thì kết quả là nghiệp quả của tội).

199. When we speak of "bodily actions" we can consider the entire personality is the *body.* We act through out minds and speech (inner and outer) as well as through the physical vehicle.

199. Khi nói đến "những hành động của thân", chúng ta có thể xem toàn bộ phàm ngã là *thể.* Chúng ta hành động qua thể trí và lời nói (bên trong và bên ngoài) cũng như qua vận cụ hồng trần.

2. Sanchita:—The **actions formerly done**, serving as **seeds to grow the countless births;** the store of former actions preserved. Ibid., question 35).

2. Sanchita:—Những **hành động đã làm trước đây**, đóng vai trò như **những hạt giống làm nảy sinh vô số lần sinh;** kho tàng những hành động trước kia được lưu giữ. Ibid., câu hỏi 35).

200. Actions are as seeds to "grow the countless births". It is as if incarnations are generated to deal with the effects of former actions.

200. Các hành động giống như những hạt giống để "làm nảy sinh vô số lần sinh". Dường như các lần nhập thể được tạo ra để xử lý các hậu quả của những hành động trước kia.

201. Every action has its effects and the effects must be confronted by the originator of the action.

201. Mọi hành động đều có hậu quả của nó và những hậu quả ấy phải được chính người khởi tạo hành động đối diện.

202. Births are generated for various purposes (one of which is "soul-purpose"), but one such purpose is to balance the effects generated by actions. Dissonant effects must be harmonized with the purpose of the Divine Plan.

202. Các lần sinh được tạo ra vì nhiều mục đích khác nhau (một trong số đó là "mục đích của linh hồn"), nhưng một mục đích như thế là quân bình các hậu quả do hành động tạo ra. Những hậu quả bất hòa phải được hài hòa với mục đích của Thiên Cơ.

And 3. Prarabdha:—The actions of this body (i.e. birth) which give pleasure or pain in this life alone. (Ibid., question 36.)."—*The Theosophist*, Vol. VIII, p. 170.

203. It must be remembered that these actions have originated in past incarnations. Prarabdha karma is an aspect of a larger category of karma—Sanchita karma (the sum of accumulated karma—both positive and negative).

56: Karma. "It must be remembered that **in every action of man the influence of his prior karma constitutes an important element.** For the accomplishment of every action, says, Sri Krishna, we need five essentials:—

1. The actor.

2. The determined will.

3. Implements for committing the act, such as hands, tongue, etc.

204. The five organs of action are the mouth, hands, legs, anus and genitals. (cf. TCF 194, footnote)

4. The exercise of these implements.

5. The influence of antecedent conduct.

205. There may have been a time when the Christ (Sri Krishna) possessed the fifth ray (as seems natural to one taking repeating incarnations in the first subrace of the fifth root-race). The fifth ray seems indicated in the manner in which the accomplishment of action is described above.

Và 3. Prarabdha:—Những hành động của thể này (tức là lần sinh này) đem lại lạc thú hay đau khổ chỉ trong đời này mà thôi. (Ibid., câu hỏi 36.)."—*The Theosophist*, Vol. VIII, p. 170.

203. Cần nhớ rằng những hành động này đã phát sinh trong các lần nhập thể quá khứ. Prarabdha karma là một phương diện của một loại nghiệp quả lớn hơn—Sanchita karma (tổng số nghiệp quả tích lũy—cả tích cực lẫn tiêu cực).

56: Nghiệp quả. "Cần nhớ rằng **trong mọi hành động của con người, ảnh hưởng của nghiệp quả trước đó của y tạo thành một yếu tố quan trọng.** Để hoàn thành mọi hành động, Sri Krishna nói, chúng ta cần năm điều thiết yếu:—

1. Tác nhân.

2. Ý chí kiên định.

3. Những công cụ để thực hiện hành động, như tay, lưỡi, v.v.

204. Năm cơ quan hành động là miệng, tay, chân, hậu môn và cơ quan sinh dục. (xem TCF 194, cước chú)

4. Sự vận dụng những công cụ này.

5. Ảnh hưởng của hạnh kiểm trước đó.

205. Có thể đã có một thời Đức Christ (Sri Krishna) sở hữu cung năm (điều này dường như tự nhiên đối với một Đấng mang các lần nhập thể lặp lại trong giống dân phụ thứ nhất của giống dân gốc thứ năm). Cung năm dường như được chỉ ra trong cách sự hoàn thành hành động được mô tả ở trên.

206. Man does not commit acts in a manner totally unconditioned by the past; antecedent conduct affects the manner in which acts are committed in the present.

206. Con người không thực hiện hành động theo cách hoàn toàn không bị quá khứ tác động; hạnh kiểm trước đó ảnh hưởng đến cách các hành động được thực hiện trong hiện tại.

207. Point #2 suggests that a "determined will" is necessary for the commission of acts. It would seem that the '*desire* to commit' might also be effective and operative (and would be operative in the majority of instances).

207. Điểm số 2 gợi ý rằng một "ý chí kiên định" là cần thiết cho việc thực hiện các hành động. Dường như '*ham muốn* thực hiện' cũng có thể hữu hiệu và tác động được (và sẽ tác động trong đa số trường hợp).

208. When there is no determined will or sufficient desire, action may still occur but it will be the repetition of past tendencies and will result in the perpetuation in the present of karma related to past action.

208. Khi không có ý chí kiên định hay ham muốn đủ mạnh, hành động vẫn có thể xảy ra nhưng đó sẽ là sự lặp lại của các khuynh hướng quá khứ và sẽ dẫn đến sự kéo dài trong hiện tại của nghiệp quả liên hệ đến hành động quá khứ.

The work which a man does with his body, speech or mind, whether it be just or unjust, has these five essentials or factors engaged in the performance. (Gita, XVIII, 13, 14, 15.)

Công việc mà con người làm bằng thân, lời nói hay trí tuệ, dù công chính hay bất công, đều có năm điều thiết yếu hay yếu tố này tham gia vào việc thực hiện. (Gita, XVIII, 13, 14, 15.)

209. We may ponder with care over these five essentials or factors as we analyze the karma we are in the process of generating.

209. Chúng ta có thể cẩn trọng suy ngẫm về năm điều thiết yếu hay yếu tố này khi phân tích nghiệp quả mà chúng ta đang trong tiến trình tạo ra.

These five essentials of karma are divided into 2 groups in the Mahabharata:—1, man's present action (including the first four essentials) and, 2, the result of his past action (which forms the fifth essential).

Năm điều thiết yếu của nghiệp quả này được chia thành 2 nhóm trong Mahabharata:—1, hành động hiện tại của con người (bao gồm bốn điều thiết yếu đầu tiên) và, 2, kết quả của hành động quá khứ của y (tạo thành điều thiết yếu thứ năm).

210. The production of action, therefore, depends upon predispositions present in the moment and tendencies from the past.

210. Vì vậy, việc tạo ra hành động tùy thuộc vào những thiên hướng hiện diện trong khoảnh khắc hiện tại và những xu hướng từ quá khứ.

"At the same time it must be remarked that the result of human existence is not the work of a day or even a cycle. **It is the aggregate sum of actions committed during innumerable previous existences.**

"Đồng thời cũng phải nhận xét rằng kết quả của sự tồn tại con người không phải là công việc của một ngày hay thậm chí của một chu kỳ. **Nó là tổng số cộng gộp của những hành động đã được thực hiện trong vô số kiếp sống trước.**

211. We are learning that the past is highly effective in producing action originating in the present moment. We can understand why a foundation of good spiritual habits is a great asset to the man who seeks to extricate himself from karma of a binding kind.

211. Chúng ta đang học rằng quá khứ có hiệu lực rất lớn trong việc tạo ra hành động phát sinh trong khoảnh khắc hiện tại. Chúng ta có thể hiểu vì sao một nền tảng những thói quen tinh thần tốt là một tài sản lớn đối với con người đang tìm cách tự giải thoát khỏi nghiệp quả có tính ràng buộc.

Each action may in itself be as slight as can be conceived, like the minutest filaments of cotton,—such that hundreds of them may be blown away by a single breath; and yet, as similar filaments when closely packed and twisted together form a rope, so heavy and strong that it can be used to pull elephants and even huge ships with, so the articles of man's karma, **however trivial each of them may be in itself**, would yet by the natural process of accretion, combine themselves closely and form a formidable Pasa (rope) to pull the man with, i.e. to influence his conduct for good or evil."—The Theosophist, Vol. VII, p. 60.

Mỗi hành động tự nó có thể nhỏ bé đến mức có thể tưởng tượng được, như những sợi bông nhỏ nhất,—đến nỗi hàng trăm sợi như thế có thể bị thổi bay chỉ bởi một hơi thở; thế nhưng, cũng như những sợi tương tự khi được nén chặt và xoắn lại với nhau tạo thành một sợi dây nặng và bền đến mức có thể dùng để kéo voi và cả những con tàu lớn, thì những phần tử trong nghiệp quả của con người, **dù mỗi phần tử tự nó có thể tầm thường đến đâu**, vẫn sẽ, qua tiến trình bồi tích tự nhiên, kết hợp chặt chẽ với nhau và tạo thành một Pasa (sợi dây) đáng sợ để kéo con người, tức là để ảnh hưởng đến hạnh kiểm của y theo hướng thiện hay ác."—The Theosophist, Vol. VII, p. 60.

212. We learn that acts, negligible in themselves, tend to aggregate and accrete so that, in combination, they form strong tendencies or inclinations towards the accomplishment of good or evil.

212. Chúng ta học được rằng những hành vi, tự chúng không đáng kể, có khuynh hướng kết tụ và bồi tích để rồi, khi kết hợp lại, chúng tạo thành những xu hướng hay khuynh hướng mạnh mẽ hướng đến việc thực hiện điều thiện hay điều ác.

213. We judge that even the slightest action must be considered of consequence; thoughts are slighter far than physical actions, but the inclination of the smallest

213. Chúng ta phán đoán rằng ngay cả hành động nhỏ nhất cũng phải được xem là có hệ quả; tư tưởng còn nhỏ nhẹ hơn nhiều so với hành động hồng trần, nhưng khuynh hướng

thought towards good or evil cannot be ignored.

của tư tưởng nhỏ nhất hướng về thiện hay ác không thể bị bỏ qua.

All the lesser grades of devas, "The Army of the Voice," on each plane, the lesser builders and elementals in their myriads, work unconsciously, being guided and directed by words and sound.

Tất cả các cấp thiên thần thấp hơn, "Đạo quân của Tiếng Nói," trên mỗi cõi, các vị tiểu kiến tạo và các hành khí vô số của họ, làm việc một cách vô thức, được hướng dẫn và chỉ đạo bởi lời nói và âm thanh.

214. We must remember that the "Army of the Voice" does not consist *only* of devas of the lesser grades. They are active also upon the planes of the spiritual triad (even if not on the logoic plane).

214. Chúng ta phải nhớ rằng "Đạo quân của Tiếng Nói" không *chỉ* gồm các thiên thần ở những cấp thấp hơn. Họ cũng hoạt động trên các cõi của Tam nguyên tinh thần (dù không ở cõi logoic).

215. Within themselves, these higher members of the "Army of the Voice" are agents for the expression of the Divine Will. We are told the following:

215. Trong chính bản thân mình, những thành viên cao hơn này của "Đạo quân của Tiếng Nói" là các tác nhân cho sự biểu lộ của Ý Chí thiêng liêng. Chúng ta được cho biết như sau:

In a peculiar sense, they are the embodiment of the divine purpose upon the planes of the Monad and of the Triad,... (R&I 179)

Theo một ý nghĩa đặc biệt, họ là hiện thân của thiên ý trên các cõi của chân thần và của Tam nguyên tinh thần,... (R&I 179)

216. Because words and sounds are produced by the throat center, and the throat center is ruled by the third ray, this “Army” (guided and directed by words and sound) is directly related to the third ray and to the third aspect of divinity. It is, after all, the “Army of the *Voice*”.

216. Bởi vì lời nói và âm thanh được tạo ra bởi trung tâm cổ họng, và trung tâm cổ họng được cai quản bởi cung ba, nên “Đạo quân” này (được hướng dẫn và chỉ đạo bởi lời nói và âm thanh) liên hệ trực tiếp với cung ba và với phương diện thứ ba của thiên tính. Rốt cuộc, đó là “Đạo quân của *Tiếng Nói*”.

In this way vibrations are set up in the essence of the planes by the conscious Builders.

Theo cách này, các rung động được thiết lập trong tinh chất của các cõi bởi các đấng kiến tạo hữu thức.

217. The “essence of the planes” is the intelligent essence of the elemental kingdoms. The “conscious Builders” impose vibrations of various, largely constructive kinds on this elemental essence.

217. “Tinh chất của các cõi” là tinh chất thông minh của các giới hành khí. Các “đấng kiến tạo hữu thức” áp đặt những rung động thuộc nhiều loại khác nhau, phần lớn mang tính kiến tạo, lên tinh chất hành khí này.

There is not much to be added at this point anent the deva evolution; much that might be imparted is perforce withheld owing to the danger arising from superficial knowledge, unaccompanied by wisdom and the inner vision.

Không có nhiều điều để thêm vào lúc này liên quan đến tiến hoá thiên thần; nhiều điều có thể được truyền đạt buộc phải bị giữ lại do mối nguy phát sinh từ tri thức hời hợt, không đi kèm minh triết và linh thị nội tại.

218. If more information anent the deva kingdom is to be imparted to us (and throughout TCF *much is* imparted) we must deepen our knowledge of the inner realities and possess the faculties increased wisdom and inner vision.

218. Nếu thêm thông tin liên quan đến giới thiên thần được truyền đạt cho chúng ta (và xuyên suốt TCF *nhiều điều* được truyền đạt) thì chúng ta phải đào sâu tri thức của mình về các thực tại bên trong và sở hữu những năng lực của minh triết gia tăng cùng linh thị nội tại.

219. "A little knowledge is a dangerous thing", especially in relation to engagement with the deva kingdom.

219. "Một ít tri thức là điều nguy hiểm", đặc biệt trong liên hệ với việc tiếp xúc với giới thiên thần.

There are three more points to add to the four already given, concerning primarily the relationship of the devas to man in the future, and their closer approximation to him through the incoming type of force.

Còn ba điểm nữa cần thêm vào bốn điểm đã nêu, chủ yếu liên quan đến mối quan hệ của các thiên thần với con người trong tương lai, và sự xích lại gần hơn của họ với con người qua loại mãnh lực đang đi vào.

220. We remember that this approximation reaches a high point of development on the buddhic plane.

220. Chúng ta nhớ rằng sự xích lại gần này đạt đến một điểm phát triển cao trên cõi Bồ đề.

221. The seventh ray force (related as it is to the *fourth* plane—as the plane which, holding the lower chakras of any system, induces precipitation) naturally facilitates this approximation.

221. Mãnh lực cung bảy (liên hệ như nó vốn có với cõi *thứ tư*—là cõi mà, giữ các luân xa thấp của bất kỳ hệ thống nào, gây ra sự ngưng tụ) tự nhiên tạo điều kiện cho sự xích lại gần này.

This approximation, though inevitable, will not have for the human hierarchy results entirely beneficent, and before the true method of contact is comprehended, and the consequent association wisely utilised, **much suffering will eventuate and much bitter experience will be undergone.**

Sự xích lại gần này, dù không thể tránh khỏi, sẽ không mang lại cho thang tiến hoá nhân loại những kết quả hoàn toàn tốt lành, và trước khi phương pháp tiếp xúc chân chính được thấu hiểu, và sự liên kết hệ quả được sử dụng một cách minh triết, **nhiều đau khổ sẽ**

xảy ra và nhiều kinh nghiệm cay đắng sẽ phải trải qua.

222. These solemn words are to be taken into consideration by those who over-optimistically and lacking due preparation, seek to engage with the deva kingdom.

222. Những lời nghiêm trọng này cần được những ai quá lạc quan và thiếu chuẩn bị thích đáng mà tìm cách tiếp xúc với giới thiên thần lưu tâm.

223. DK suggests that there will be beneficent results but also those that are quite otherwise. For instance, early experimenters with radioactive elements learned much at great expense to their health.

223. Chân sư DK gợi ý rằng sẽ có những kết quả tốt lành nhưng cũng có những kết quả hoàn toàn ngược lại. Chẳng hạn, những người thử nghiệm sớm với các nguyên tố phóng xạ đã học được nhiều điều với cái giá rất lớn cho sức khỏe của họ.

224. What must emerge is knowledge of the "true method of contact". Such knowledge is in the possession of the Members of the Spiritual Hierarchy and will be vouchsafed to certain members of humanity when they can truly be trusted.

224. Điều phải xuất hiện là tri thức về "phương pháp tiếp xúc chân chính". Tri thức ấy nằm trong sự sở hữu của các Thành Viên của Thánh đoàn tinh thần và sẽ được ban cho một số thành viên của nhân loại khi họ thật sự có thể được tín nhiệm.

When it is remembered that the devas are, in their totality, the mother aspect, the great builders of form, and the nourishers of that which is as yet unable to guard itself,

Khi nhớ rằng các thiên thần, trong tổng thể của họ, là phương diện mẹ, là những đấng kiến tạo vĩ đại của hình tướng, và là những đấng nuôi dưỡng điều còn chưa thể tự bảo vệ mình,

225. Let us tabulate those qualities of the deva kingdom which Master DK would have us remembers:

225. Chúng ta hãy lập bảng những phẩm tính của giới thiên thần mà Chân sư DK muốn chúng ta ghi nhớ:

a. They are, in their totality, the "mother aspect"

a. Trong tổng thể của họ, họ là "phương diện mẹ"

b. They are the great builders of form

b. Họ là những đấng kiến tạo vĩ đại của hình tướng

c. They are the "nourishers of that which is as yet unable to guard itself". Thus it is as that "Mother Aspect" of divinity guards that divine aspect called the "Son"—*until* the "Son" can function independently not only

c. Họ là "những đấng nuôi dưỡng điều còn chưa thể tự bảo vệ mình". Như thế, chính "Phương diện Mẹ" của thiên tính bảo vệ phương diện thiêng liêng được gọi là "Người Con"—*cho đến khi* "Người Con" có thể hoạt

on its own planes but *through* those planes on which the "Mother" usually expresses—i.e., the most material planes.

any return of man to a closer dependence upon the devas is as if a full grown man returned to the care of his mother, offering up his self-reliance in exchange for material benefit.

226. In this little section Master DK offers us a strong word of warning while simultaneously describing much that transpires in the life of millions of human beings today.

227. Those who seek to return to the care and nurture of the deva kingdom are relinquishing their hard-won freedoms. This is hardly appreciated as intercourse with the deva kingdom seems something relatively new. Our ancient intercourse with them is well-nigh forgotten.

The devas are the mother of the form, but the self-conscious unit, MAN, should realize his independence of the form, and should follow the path of Self-expression.

228. If we look at these statements in astrological terms we are speaking of the contrast between lunar and solar living. There is also an implied contrast between the signs Cancer and Virgo (both of them "Mothers of the Form") and the sign Leo, the sign of "Self-expression".

229. Long ages of materialistic living (millions of years) have set the stage for liberation from the form. Uranus, in its

động độc lập không chỉ trên các cõi riêng của mình mà còn *qua* những cõi mà "Người Mẹ" thường biểu lộ—tức là các cõi vật chất nhất.

bất kỳ sự quay trở lại nào của con người đến một sự lệ thuộc gần gũi hơn vào các thiên thần cũng giống như một người trưởng thành quay lại với sự chăm sóc của mẹ mình, dâng nộp tính tự lực của mình để đổi lấy lợi ích vật chất.

226. Trong đoạn ngắn này Chân sư DK đưa ra cho chúng ta một lời cảnh báo mạnh mẽ đồng thời mô tả nhiều điều đang diễn ra trong đời sống của hàng triệu con người ngày nay.

227. Những ai tìm cách quay lại với sự chăm sóc và nuôi dưỡng của giới thiên thần đang từ bỏ những tự do khó nhọc mới giành được của mình. Điều này hầu như không được nhận ra vì sự giao tiếp với giới thiên thần dường như là điều tương đối mới. Sự giao tiếp cổ xưa của chúng ta với họ gần như đã bị quên lãng.

Các thiên thần là mẹ của hình tướng, nhưng đơn vị ngã thức, CON NGƯỜI, nên nhận ra sự độc lập của mình đối với hình tướng, và nên đi theo con đường Tự-biểu lộ.

228. Nếu nhìn những phát biểu này theo thuật ngữ chiêm tinh, chúng ta đang nói đến sự tương phản giữa đời sống nguyệt tính và đời sống thái dương. Cũng có một sự tương phản hàm ẩn giữa các dấu hiệu Cự Giải và Xử Nữ (cả hai đều là "Những Người Mẹ của Hình Tướng") và dấu hiệu Sư Tử, dấu hiệu của "Tự-biểu lộ".

229. Những thời đại dài của đời sống duy vật (hàng triệu năm) đã chuẩn bị sân khấu cho sự giải thoát khỏi hình tướng. Sao Thiên

hierarchical relation to Leo, is the energy guaranteeing this liberation and producing, at length, the Master of the Wisdom.

Vương, trong mối liên hệ huyền giai của nó với Sư Tử, là năng lượng bảo đảm sự giải thoát này và cuối cùng tạo ra Chân sư Minh Triết.

230. The "path of Self-expression" leads eventually to Mastership.

230. "Con đường Tự-biểu lộ" cuối cùng dẫn đến địa vị Chân sư.

This should be pondered on, for in days to come (when units here and there contact the devas, and inevitably pay the penalty) it may be helpful [Page 473] if the reason is understood, and **man realises his necessary separation from these Essences *in the three worlds*.**

Điều này nên được suy ngẫm, vì trong những ngày sắp tới (khi các đơn vị đây đó tiếp xúc với các thiên thần, và tất yếu phải trả giá) điều đó có thể hữu ích [Page 473] nếu lý do được thấu hiểu, và **con người nhận ra sự tách biệt cần thiết của mình khỏi những Tinh Chất này *trong ba cõi thấp*.**

231. This warning is even more solemn. It is as if all contact with the deva kingdom (and it will not yet be common) will entail a price —inevitably. DK uses the word "penalty" suggesting that much of the kind of contact which will eventuate is forbidden. Much of such contact will not be "the true method of contact".

231. Lời cảnh báo này còn nghiêm trọng hơn nữa. Dường như mọi tiếp xúc với giới thiên thần (và điều đó sẽ chưa phổ biến) đều sẽ kéo theo một cái giá—một cách tất yếu. Chân sư DK dùng từ "hình phạt", gợi ý rằng nhiều loại tiếp xúc sẽ xảy ra là bị cấm. Phần lớn những tiếp xúc như thế sẽ không phải là "phương pháp tiếp xúc chân chính".

232. It is as if, through suffering, man will be warned that he must not go backwards by reuniting with the deva kingdom.

232. Dường như qua đau khổ, con người sẽ được cảnh báo rằng y không được đi lùi bằng cách tái hợp với giới thiên thần.

233. DK seems to be speaking specifically of the deva essences of the three lower worlds, from which man must finally learn to separate. Contact with the devas of higher planes (a contact likely to be somewhat mediated or attenuated at first) may result more in inspiration than in harm to and destruction of man's personality vehicles.

233. Chân sư DK dường như đang nói riêng về các tinh chất thiên thần của ba cõi thấp, khỏi đó con người cuối cùng phải học cách tách biệt. Tiếp xúc với các thiên thần của những cõi cao hơn (một sự tiếp xúc lúc đầu có thể phần nào được trung gian hóa hay làm giảm nhẹ) có thể dẫn nhiều hơn đến cảm hứng thay vì gây tổn hại và hủy hoại các vận cụ phàm ngã của con người.

Approach between the two lines of evolution becomes possible on the plane of buddhi, but then it is an approach of two

Sự tiếp cận giữa hai đường tiến hoá trở nên có thể có trên cõi Bồ đề, nhưng khi ấy đó là sự tiếp cận của hai tinh chất, chứ không

essences, and not an approach of the concrete to the essence.

234. Here is suggested the hierarchically sanctioned method of approach—the approach of two *essences* rather than the approach of concrete to the essence.

235. Devas have already been called "essences". It is only when man can approach them *as an essence* that he will be safe.

236. On the plane of buddhi (through which the fourth ray, so important to both evolutions, expresses itself) each of the kingdoms expresses its essence.

Man, while functioning in material, substantial forms in the three worlds, may not trespass across the separating line between the two evolutions.

237. We are learning that man *as a personality* must not approach the deva kingdom nor trespass the boundary which separates the two kingdoms.

238. The devas do not have "substantial forms in the three worlds" in the same way that man does. Man's densest form is material which is not true of the devas.

Only on the planes of solar fire or on the cosmic etheric levels may contact be permitted;

239. Realizing that the spiritual triad is the true Ego, we understand why DK calls the cosmic etheric levels "the planes of solar fire". The higher mental subplanes *may* also be considered subplanes of solar fire (and

phải sự tiếp cận của cái cụ thể đến tinh chất.

234. Ở đây gợi ra phương pháp tiếp cận được huyền giai chuẩn thuận—sự tiếp cận của hai *tinh chất* hơn là sự tiếp cận của cái cụ thể đến tinh chất.

235. Các thiên thần đã được gọi là "những tinh chất". Chỉ khi nào con người có thể tiếp cận họ *như một tinh chất* thì y mới được an toàn.

236. Trên cõi Bồ đề (qua đó cung bốn, rất quan trọng đối với cả hai đường tiến hoá, biểu lộ), mỗi giới biểu lộ tinh chất của mình.

Con người, trong khi hoạt động trong những hình tướng vật chất, chất liệu ở ba cõi thấp, không được xâm phạm qua ranh giới phân cách giữa hai đường tiến hoá.

237. Chúng ta đang học rằng con người *với tư cách phàm ngã* không được tiếp cận giới thiên thần cũng không được vượt qua ranh giới phân cách hai giới.

238. Các thiên thần không có "những hình tướng chất liệu ở ba cõi thấp" theo cùng cách như con người. Hình tướng đậm đặc nhất của con người là vật chất, điều này không đúng với các thiên thần.

Chỉ trên các cõi của Lửa Thái dương hay trên các cấp độ dĩ thái vũ trụ thì sự tiếp xúc mới có thể được cho phép;

239. Nhận ra rằng Tam nguyên tinh thần là chân ngã đích thực, chúng ta hiểu vì sao Chân sư DK gọi các cấp độ dĩ thái vũ trụ là "các cõi của Lửa Thái dương". Các cõi phụ thượng trí *cũng có thể* được xem là các cõi

from the human perspective, *are*), though they are not designated here as such. Does DK have a reason for not including the higher mental plane as a plane of sanctioned intercourse between the two kingdoms?

phụ của Lửa Thái dương (và từ góc nhìn con người, chúng *là* như vậy), dù chúng không được chỉ định ở đây như thế. Phải chăng Chân sư DK có lý do nào đó khi không bao gồm Cõi thượng trí như một cõi của sự giao tiếp được chuẩn thuận giữa hai giới?

on the planes of the cosmic dense physical plane (our mental, astral and physical planes) disaster only results from contact. I have dwelt on this point, for the danger is real, and near at hand.

trên các cõi của cõi hồng trần đậm đặc vũ trụ (các cõi trí, cảm dục và hồng trần của chúng ta), chỉ có tai họa phát sinh từ sự tiếp xúc. Tôi đã bàn kỹ về điểm này, vì mối nguy là có thật, và đang ở rất gần.

240. It is clear that DK is indicating that human contact with *all* twenty-one lower sub-planes invites disaster.

240. Rõ ràng Chân sư DK đang chỉ ra rằng sự tiếp xúc của con người với *tất cả* hai mươi mốt cõi phụ thấp đều mời gọi tai họa.

241. This is hard to conceive, as an aspect of the beneficent Solar Angel is definitely 'located' on the 19th, 20th and 21st sub-planes.

241. Điều này khó hình dung, vì một phương diện của Thái dương Thiên Thần tốt lành rõ ràng được 'định vị' trên các cõi phụ thứ 19th, 20th và 21st.

242. It would seem, however that hierarchically sanctioned contact can only occur on planes beginning with the buddhic. Yet the Solar Angel (with Whom contact is eminently desirable) is contacted on the higher mental subplanes.

242. Tuy nhiên, dường như sự tiếp xúc được huyền giai chuẩn thuận chỉ có thể xảy ra trên các cõi bắt đầu từ cõi Bồ đề. Tuy thế, Thái dương Thiên Thần (Đấng mà sự tiếp xúc với Ngài là điều hết sức đáng mong muốn) lại được tiếp xúc trên các cõi phụ thượng trí.

243. The danger of which DK speaks is close at hand; perhaps immediately future decades (and certainly centuries) will see the danger emerge. The Piscean influence in almost spent and the influence of Aquarian force (uninterrupted by Piscean expression) will invite human and deva intercourse.

243. Mối nguy mà Chân sư DK nói đến đang ở rất gần; có lẽ những thập niên tương lai gần nhất (và chắc chắn là các thế kỷ) sẽ thấy mối nguy ấy xuất hiện. Ảnh hưởng Song Ngư hầu như đã cạn kiệt và ảnh hưởng của mãnh lực Bảo Bình (không bị gián đoạn bởi biểu lộ Song Ngư) sẽ mời gọi sự giao tiếp giữa con người và thiên thần.

The deva evolution will, through this seventh Ray force **have much to do with the transmission of prana to units of the three higher kingdoms of nature,** and this easier

Tiến hoá thiên thần, qua mãnh lực cung bảy này, **sẽ có rất nhiều liên hệ với sự truyền dẫn prana đến các đơn vị của ba giới cao hơn của thiên nhiên,** và sự truyền dẫn dễ

transmission (from the etheric levels of the physical plane) will parallel a correspondingly easier transmission of **spiritual or psychical force from the fourth cosmic ether**, the buddhic plane.

dàng hơn này (từ các cấp dĩ thái của cõi hồng trần) sẽ song hành với một sự truyền dẫn dễ dàng tương ứng của **mãnh lực tinh thần hay thông linh từ dĩ thái vũ trụ thứ tư**, cõi Bồ đề.

244. Here we are given one of the chief functions of the deva kingdom relative to the human—the facilitation of the transmission of prana to the human kingdom.

244. Ở đây chúng ta được cho biết một trong những chức năng chính của giới thiên thần đối với giới nhân loại—sự tạo điều kiện cho việc truyền dẫn prana đến giới nhân loại.

245. There is a predictable parallelism between this pranic transmission and the easier transmission of "spiritual or psychical force from the fourth cosmic ether…"

245. Có một tính song hành có thể dự đoán được giữa sự truyền dẫn prana này và sự truyền dẫn dễ dàng hơn của "mãnh lực tinh thần hay thông linh từ dĩ thái vũ trụ thứ tư…"

246. The energies of both types of ether—systemic and cosmic—will reach man with greater ease thanks to the facilitating effect of the seventh ray and the deva kingdom.

246. Các năng lượng của cả hai loại dĩ thái—hệ thống và vũ trụ—sẽ đến với con người dễ dàng hơn nhờ tác dụng tạo điều kiện của cung bảy và giới thiên thần.

247. We note that in connection with the buddhic plane, the terms "spiritual" and "psychical" are used to describe the type of energy or force which emanates from that plane.

247. Chúng ta lưu ý rằng liên hệ với cõi Bồ đề, các từ "tinh thần" và "thông linh" được dùng để mô tả loại năng lượng hay mãnh lực phát ra từ cõi ấy.

248. Is it reasonable to say that man's true psyche concerns the buddhic plane as its initial point of departure and that there is no truly "spiritual" force until the buddhic level of the spiritual triad is accessed?

248. Có hợp lý không khi nói rằng psyche đích thực của con người liên hệ đến cõi Bồ đề như điểm khởi đầu ban sơ của nó và rằng không có mãnh lực nào thật sự "tinh thần" cho đến khi cấp độ Bồ đề của Tam nguyên tinh thần được tiếp cận?

The results of this pranic transmission will be more healthy physical bodies among the sons of men.

Kết quả của sự truyền dẫn prana này sẽ là những thể xác khỏe mạnh hơn nơi những người con của nhân loại.

249. We find here a very practical result of the pranic transmission between the deva and human kingdoms.

249. Ở đây chúng ta thấy một kết quả rất thực tiễn của sự truyền dẫn prana giữa giới thiên thần và giới nhân loại.

This need not be looked for at this time, and will only begin to be noticeable **about three hundred years hence,** when the incoming seventh Ray Egos will be numerically strong enough to be **recognised as the prevailing type for a certain period.**

Điều này không cần được mong đợi vào lúc này, và sẽ chỉ bắt đầu trở nên đáng chú ý **khoảng ba trăm năm nữa,** khi các chân ngã cung bảy đang đi vào sẽ đủ mạnh về số lượng để được **nhận ra là loại hình chiếm ưu thế trong một thời kỳ nhất định.**

250. Here are some important suggestions. The book was published in 1925, so we may expect that by 2225, or so, the seventh ray Egos will be the "prevailing type". This is hardly yet the case.

250. Ở đây có vài gợi ý quan trọng. Cuốn sách được xuất bản năm 1925, vì vậy chúng ta có thể mong đợi rằng vào khoảng năm 2225, các chân ngã cung bảy sẽ là "loại hình chiếm ưu thế". Điều này rõ ràng chưa phải như vậy.

251. It seems a long time to wait for the appearance of the healthier bodies which DK promises.

251. Có vẻ là một thời gian dài phải chờ đợi để những thể xác khỏe mạnh hơn mà Chân sư DK hứa hẹn xuất hiện.

252. We note that seventh ray Egos will not be the prevailing type indefinitely, but only "for a certain period".

252. Chúng ta lưu ý rằng các chân ngã cung bảy sẽ không chiếm ưu thế mãi mãi, mà chỉ "trong một thời kỳ nhất định".

253. The salutary effects we may expect from the incoming seventh ray will be most pronounced during this period of prevalence.

253. Những tác dụng tốt lành mà chúng ta có thể mong đợi từ cung bảy đang đi vào sẽ rõ rệt nhất trong thời kỳ chiếm ưu thế này.

Their physical bodies, **owing to their being built for seventh Ray force** will respond more readily than the others,

Các thể xác của họ, **vì được xây dựng cho mãnh lực cung bảy** sẽ đáp ứng dễ dàng hơn những thể khác,

254. Here is a hint that the bodies of those whose Egos are upon a given ray will be built for the handling of that type of ray force.

254. Ở đây có một gợi ý rằng các thể của những người có chân ngã thuộc một cung nhất định sẽ được xây dựng để xử lý loại mãnh lực cung ấy.

255. Is the physical body, then, always a kind of reflection of the ray force of the Ego, even

255. Vậy thì thể xác có luôn luôn là một loại phản chiếu của mãnh lực cung của chân ngã,

though the actual ray of the body may not be the egoic ray?

dù cung thực sự của thể có thể không phải là cung chân ngã hay không?

though first Ray egos and fifth Ray Egos will benefit enormously from this influence.

mặc dù các chân ngã cung một và các chân ngã cung năm sẽ được hưởng lợi rất lớn từ ảnh hưởng này.

256. We can understand the close connection between the first ray and the seventh. The fifth and seventh rays also cooperate closely at this time, and both of them are related to the planet Uranus.

256. Chúng ta có thể hiểu mối liên hệ mật thiết giữa cung một và cung bảy. Cung năm và cung bảy cũng hợp tác chặt chẽ vào lúc này, và cả hai đều liên hệ với hành tinh Uranus.

257. As Master R. has transferred to the third ray from the seventh with a number of His initiates of the second and third initiation, it is difficult to understand why third ray Egos (on a ray related in many ways to the seventh) should not benefit from this influence.

257. Vì Chân sư R. đã chuyển sang cung ba từ cung bảy cùng với một số điểm đạo đồ của Ngài ở lần điểm đạo thứ hai và lần điểm đạo thứ ba, nên thật khó hiểu tại sao các chân ngã cung ba (trên một cung có nhiều phương diện liên hệ với cung bảy) lại không được hưởng lợi từ ảnh hưởng này.

258. Are we being given a hint through the capitalization and non-capitalization of the word *egos/Egos*? We see that the word "egos" is in lower case in relation to the first ray and in upper case ("Egos") in relation to the fifth ray. Or is this simply an overlooked typo?

258. Có phải chúng ta đang được gợi ý qua việc viết hoa và không viết hoa của từ *egos/Egos* chăng? Chúng ta thấy rằng từ "egos" được viết thường khi liên hệ với cung một và viết hoa ("Egos") khi liên hệ với cung năm. Hay đây chỉ đơn giản là một lỗi in ấn bị bỏ sót?

259. Perhaps we are to remember that there are no true first ray Egos in incarnation on the planet at this time:

259. Có lẽ chúng ta nên nhớ rằng hiện nay không có chân ngã cung một đích thực nào đang lâm phàm trên hành tinh này:

As to the first ray egos, there are no pure first ray types on the planet. All so-called first ray egos are on the first subray of the second ray, which is in incarnation. (EP I 26-27)

Đối với các chân ngã cung một, không có kiểu người cung một thuần túy nào trên hành tinh. Tất cả những cái gọi là chân ngã cung một đều thuộc cung phụ một của cung hai, là cung đang lâm phàm. (EP I 26-27)

260. We must also remember that the fifth ray is a Ray of Attribute just as is the seventh, whereas the first ray is not.

260. Chúng ta cũng phải nhớ rằng cung năm là một Cung Thuộc Tính cũng như cung bảy, còn cung một thì không phải.

261. The term “on the planet” has to be analyzed. Perhaps it means that there are first ray egos within our planetary scheme but not specifically on or within the Earth-globe.

261. Cụm từ “trên hành tinh” cần được phân tích. Có lẽ điều đó có nghĩa là có những chân ngã cung một trong hệ hành tinh của chúng ta nhưng không đặc biệt ở trên hay trong Bầu Địa Cầu.

The etheric devas will build during a peculiarly favourable period,

Các thiên thần dĩ thái sẽ kiến tạo trong một giai đoạn đặc biệt thuận lợi,

262. What will determine this “peculiarly favourable period”? Will it be a sub-ray cycle of the larger seventh ray cycle which will characterize the Aquarian Age? Obviously, DK sees the forthcoming cycles and their favorable or unfavorable nature for such building.

262. Điều gì sẽ quyết định giai đoạn “đặc biệt thuận lợi” này? Có phải đó sẽ là một chu kỳ cung phụ của chu kỳ cung bảy lớn hơn, chu kỳ sẽ đặc trưng cho Kỷ Nguyên Bảo Bình? Rõ ràng, Chân sư DK nhìn thấy các chu kỳ sắp đến và tính chất thuận lợi hay bất lợi của chúng đối với công việc kiến tạo như thế.

263. He is telling, however, that beginning approximately with the year 2225, conditions will be unusually favorable for seventh ray influence on the physical-etheric vehicle.

263. Tuy nhiên, Ngài đang nói rằng bắt đầu khoảng năm 2225, các điều kiện sẽ thuận lợi khác thường cho ảnh hưởng cung bảy trên vận cụ hồng trần-dĩ thái.

264. That cycle will occur about 550 years from 1675 when the seventh ray first began its incoming cycle. If the seventh ray has seventy ray sub-cycles, seven of them will have elapsed and a sub-cycle under the first subray of the seventh ray will be in effect, though not for long.

264. Chu kỳ đó sẽ xuất hiện khoảng 550 năm kể từ năm 1675 khi cung bảy lần đầu bắt đầu chu kỳ đi vào của nó. Nếu cung bảy có bảy mươi chu kỳ phụ của cung, thì bảy chu kỳ trong số đó sẽ đã trôi qua và một chu kỳ phụ dưới cung phụ một của cung bảy sẽ có hiệu lực, dù không kéo dài lâu.

265. Such speculations must be considered with due reservation as too little is actually known about the duration of sub-cycles within a larger cycle.

265. Những suy đoán như thế phải được xem xét với sự dè dặt thích đáng vì thực sự người ta biết quá ít về thời lượng của các chu kỳ phụ trong một chu kỳ lớn hơn.

and the physical bodies then constructed will be distinguished by:

và các thể xác được cấu tạo khi ấy sẽ nổi bật bởi:

a. Resilience,

a. Tính đàn hồi,

266. The ability to recover from reverses rapidly…

b. Enormous physical magnetism, [Page 474]

267. Presumably substances with favorable magnetism could be easily attracted. This will conduce to the building and sustenance of the vehicles.

c. Ability to reject false magnetism,

268. Thus, will the integrity of the vehicles be protected.

d. Capacity to absorb solar rays,

269. This will lead to greatly increased vitality.

e. Great strength and resistance,

270. Opportunities for sustained manifestation will be greatly aided by strong physical vehicles resistant to the usual forces of debilitation. The Kingdom of God can more readily manifest through such vehicles.

f. A delicacy and refinement in appearance as yet unknown.

271. We note that vehicles can be strong, resistant and enormously magnetic and still be both delicate and refined. When rays seven and four combine (as they soon will) the result will be beautification.

272. Our attention is drawn to the refining and transformative power of the seventh ray.

266. Khả năng phục hồi nhanh chóng sau những nghịch cảnh…

b. Từ tính hồng trần to lớn, [Page 474]

267. Có lẽ các chất liệu có từ tính thuận lợi có thể dễ dàng được thu hút. Điều này sẽ góp phần vào việc kiến tạo và duy trì các vận cụ.

c. Khả năng loại bỏ từ tính sai lệch,

268. Nhờ đó, tính toàn vẹn của các vận cụ sẽ được bảo vệ.

d. Năng lực hấp thụ các tia thái dương,

269. Điều này sẽ dẫn đến sinh lực gia tăng rất lớn.

e. Sức mạnh và sức đề kháng lớn,

270. Những cơ hội cho sự biểu hiện bền vững sẽ được hỗ trợ rất nhiều nhờ các vận cụ hồng trần mạnh mẽ, có sức đề kháng với các lực làm suy nhược thông thường. Thiên Giới có thể biểu hiện dễ dàng hơn qua những vận cụ như thế.

f. Một sự tinh tế và thanh nhã trong sắc tướng mà hiện nay chưa được biết đến.

271. Chúng ta lưu ý rằng các vận cụ có thể mạnh mẽ, bền bỉ và có từ tính vô cùng lớn mà vẫn vừa tinh tế vừa thanh nhã. Khi cung bảy và cung bốn kết hợp (như chúng sẽ sớm làm), kết quả sẽ là sự mỹ hóa.

272. Sự chú ý của chúng ta được hướng đến quyền năng tinh luyện và chuyển đổi của cung bảy.

The etheric levels of the plane will be full of an increased activity, and slowly but surely, **as the decades slip away, man will become conscious of these levels, and aware of their inhabitants.**

Các cấp dĩ thái của cõi sẽ tràn đầy hoạt động gia tăng, và chậm mà chắc, **khi các thập niên dần trôi qua, con người sẽ trở nên hữu thức về các cấp này, và nhận biết các cư dân của chúng.**

273. When a dimension of nature becomes more active it attracts attention. DK told us that even at the end of the twentieth century greater etheric activity could be expected along with more wide-spread acknowledgement of the reality of the etheric planes.

273. Khi một chiều kích của bản chất trở nên hoạt động hơn, nó sẽ thu hút sự chú ý. Chân sư DK đã nói với chúng ta rằng ngay cả vào cuối thế kỷ hai mươi cũng có thể chờ đợi hoạt động dĩ thái lớn hơn cùng với sự thừa nhận rộng rãi hơn về thực tại của các cõi dĩ thái.

274. DK seems to be predicting that after approximately three hundred years—now about two hundred and twenty years—acknowledgement of the inhabitants of the etheric planes will occur.

274. Chân sư DK dường như đang tiên đoán rằng sau khoảng ba trăm năm—nay là khoảng hai trăm hai mươi năm—sự thừa nhận các cư dân của các cõi dĩ thái sẽ xảy ra.

275. Widespread consciousness on etheric levels is not yet possible, but the time is rapidly approaching.

275. Tâm thức phổ biến trên các cấp dĩ thái vẫn chưa thể có được, nhưng thời điểm ấy đang đến rất nhanh.

The immediate effect of this greater etheric energy will be that a numerically larger number of people will possess etheric vision, **and will be able normally and naturally to live consciously on etheric levels.**

Hiệu quả tức thời của năng lượng dĩ thái lớn hơn này sẽ là một số lượng người đông hơn về mặt số học sẽ sở hữu linh thị dĩ thái, **và sẽ có thể một cách bình thường và tự nhiên sống một cách hữu thức trên các cấp dĩ thái.**

276. Again, this is promised to begin in significant fulness around the year 2225.

276. Một lần nữa, điều này được hứa hẹn sẽ bắt đầu với mức độ đáng kể vào khoảng năm 2225.

The majority of men only function consciously on the three lower levels of the physical—the gaseous, the liquid, and the dense—and the etheric levels are as sealed to them as are the astral.

Đa số con người chỉ hoạt động một cách hữu thức trên ba cấp thấp của cõi hồng trần—thể khí, thể lỏng, và thể đậm đặc—và các cấp dĩ thái bị phong kín đối với họ cũng như các cấp cảm dục vậy.

277. DK is speaking of the growth of etheric consciousness. There have been times when He has said that there is no such thing as etheric consciousness, but here He states otherwise.

277. Chân sư DK đang nói về sự tăng trưởng của tâm thức dĩ thái. Đã có những lúc Ngài nói rằng không có cái gọi là tâm thức dĩ thái, nhưng ở đây Ngài lại phát biểu khác.

The four planes which constitute the etheric levels of the physical plane are the lowest correspondence to the four planes whereon the Monad and the Spiritual Triad are active, and—as I have oft told you—**upon those levels there is no such thing as consciousness as we understand it.** There is only a state of being and of activity for which we have no adequate or illustrative words. (R&I 178)

Bốn cõi cấu thành các cấp dĩ thái của cõi hồng trần là sự tương ứng thấp nhất với bốn cõi nơi chân thần và Tam Nguyên Tinh Thần hoạt động, và—như tôi đã thường nói với các bạn—**trên những cấp đó không có cái gọi là tâm thức như chúng ta hiểu.** Chỉ có một trạng thái hiện hữu và hoạt động mà chúng ta không có từ ngữ thích đáng hay minh họa để diễn tả. (R&I 178)

278. Already among those who are refined and sensitive, a movement towards what we may call “etheric consciousness” can be sensed.

278. Ngay từ bây giờ, nơi những người tinh luyện và nhạy cảm, có thể cảm nhận được một sự chuyển động hướng tới điều mà chúng ta có thể gọi là “tâm thức dĩ thái”.

279. We have been told that such consciousness is dependent upon a normal (through, today, rare) development of the physical eye.

279. Chúng ta đã được cho biết rằng tâm thức như thế tùy thuộc vào sự phát triển bình thường (dù ngày nay hiếm) của mắt hồng trần.

280. Etheric vision is even today emerging rapidly and can be enhanced through the refinement of the etheric-physical mechanism.

280. Linh thị dĩ thái ngay cả ngày nay cũng đang xuất hiện nhanh chóng và có thể được tăng cường qua sự tinh luyện của bộ máy dĩ thái-hồng trần.

In the coming centuries, man's normal habitat will be the entire physical plane up to, though not including, the second subplane. The fourth and third etheric levels will be as familiar to him as the usual physical landscape to which he is now accustomed.

Trong các thế kỷ sắp tới, môi trường cư trú bình thường của con người sẽ là toàn bộ cõi hồng trần cho đến, nhưng không bao gồm, cõi phụ thứ hai. Các cấp dĩ thái thứ tư và thứ ba sẽ quen thuộc với y như phong cảnh hồng trần thông thường mà hiện nay y đã quen thuộc.

281. Here is an amazing prophecy and its fulfillment is suggested "in the coming centuries".

281. Đây là một lời tiên tri đáng kinh ngạc và sự ứng nghiệm của nó được gợi ý là sẽ diễn ra "trong các thế kỷ sắp tới".

282. One may imagine that when the Mercury decanate of Aquarius supervenes, these developments will occur. Mercury restores sight to the blind and is also a significant planetary ruler of the etheric body.

282. Người ta có thể hình dung rằng khi thập độ Mercury của Aquarius xuất hiện, những phát triển này sẽ xảy ra. Mercury phục hồi thị lực cho người mù và cũng là một chủ tinh hành tinh quan trọng của thể dĩ thái.

283. Interestingly only five sub-planes of the physical plane will be open to 'sight'. This number corresponds with one of the chief numbers of Brahma—*five.* The *subjective* sub-planes (two and one) will not yet be open for inspection. It would seem that greater buddhic (and atmic) development will be required for their opening.

283. Điều thú vị là chỉ có năm cõi phụ của cõi hồng trần sẽ mở ra cho 'thị giác'. Con số này tương ứng với một trong những con số chủ yếu của Brahma—*năm.* Các cõi phụ *chủ quan* (hai và một) sẽ chưa mở ra để khảo sát. Có vẻ như sẽ cần sự phát triển Bồ đề (và atma) lớn hơn để chúng được mở ra.

284. The higher two sub-planes of every system of seven sub-planes are considered *subjective,* and access to them unfolds only after access to the brahmic sub-planes has been achieved.

284. Hai cõi phụ cao hơn của mọi hệ thống bảy cõi phụ đều được xem là *chủ quan,* và việc tiếp cận chúng chỉ khai mở sau khi đã đạt được sự tiếp cận các cõi phụ brahmic.

The centre of attention of medical and scientific students will be focussed on the etheric body, and the dependence of the physical body upon the etheric body will be recognised.

Trung tâm chú ý của các đạo sinh y khoa và khoa học sẽ được tập trung vào thể dĩ thái, và sự lệ thuộc của thể xác vào thể dĩ thái sẽ được thừa nhận.

285. As it is now by the most progressive (and sensitive) members of the human race…

285. Như hiện nay đã được thừa nhận bởi những thành viên tiến bộ nhất (và nhạy cảm nhất) của nhân loại…

286. The medical and scientific communities are populated largely by those upon the fifth and seventh rays. Students and practitioners on these two rays tend to work closely together.

286. Các cộng đồng y khoa và khoa học phần lớn gồm những người thuộc cung năm và cung bảy. Các đạo sinh và người hành nghề trên hai cung này có khuynh hướng làm việc rất chặt chẽ với nhau.

This will change the attitude of the medical profession, and **magnetic healing and vibratory stimulation** will supersede the present methods of surgery and drug assimilation.

Điều này sẽ thay đổi thái độ của giới y khoa, và **trị liệu từ tính và kích thích rung động** sẽ thay thế các phương pháp phẫu thuật và hấp thụ dược chất hiện nay.

287. Again, we are not speaking of immediate developments, but by 2225, these prophecies will, we expect, unfold as realities.

287. Một lần nữa, chúng ta không nói về những phát triển tức thời, nhưng đến năm 2225, chúng ta kỳ vọng những lời tiên tri này sẽ mở ra như những thực tại.

288. Already great strides are being made in "magnetic healing and vibratory stimulation".

288. Ngay từ bây giờ, những bước tiến lớn đang được thực hiện trong "trị liệu từ tính và kích thích rung động".

289. Astrologically, Uranus (the planet of subtle energy transmission) will supersede in strength Mars (the planet of surgery). Neptune relates to drugs but also to subtle methods of energy transmission. Vulcan (the planet most related to *vibration)* will, likely, have been discovered, and the systemic law known as the Law of Vibration will be more fully understood.

289. Về mặt chiêm tinh, Uranus (hành tinh của sự truyền dẫn năng lượng vi tế) sẽ vượt Mars (hành tinh của phẫu thuật) về sức mạnh. Neptune liên hệ với dược chất nhưng cũng liên hệ với các phương pháp truyền dẫn năng lượng vi tế. Vulcan (hành tinh liên hệ nhiều nhất với *rung động)* có lẽ sẽ đã được khám phá, và định luật hệ thống được biết đến như Định luật Rung Động sẽ được thấu hiểu đầy đủ hơn.

290. The following statement from Esoteric Healing is significant in this regard:

290. Phát biểu sau đây từ Trị Liệu Huyền Môn có ý nghĩa quan trọng về phương diện này:

1. The etheric vehicle from the circulatory angle, is governed by the Moon, as it veils Vulcan. (EH 143)

1. Vận cụ dĩ thái, xét từ góc độ tuần hoàn, được Mặt Trăng cai quản, vì nó che phủ Vulcan. (EH 143)

Man's vision being then normally etheric, will have the effect of **forcing** him to recognise that which is now called the "unseen world," or the superphysical.

Linh thị của con người khi ấy vốn bình thường là dĩ thái, sẽ có tác dụng **buộc** y phải thừa nhận điều hiện nay được gọi là "thế giới vô hình," hay siêu hồng trần.

291. With subtler vision forced upon him by the growing acuity of his senses, man will experience the necessary for a broad

291. Với linh thị vi tế hơn được áp đặt lên y bởi sự sắc bén ngày càng tăng của các giác quan, con người sẽ trải nghiệm điều cần

paradigm shift. Science (and a philosophy which is forced to acknowledge unprecedented scientific findings concerning the subtle worlds) will both be altered considerably.

thiết cho một sự chuyển đổi mô thức rộng lớn. Khoa học (và một triết học bị buộc phải thừa nhận những phát hiện khoa học chưa từng có liên quan đến các thế giới vi tế) cả hai sẽ đều thay đổi đáng kể.

Men in their etheric bodies will be noted, and communicated with, and the devas and elementals of the ethers will be studied and recognised.

Con người trong các thể dĩ thái của họ sẽ được nhận thấy và được giao tiếp, và các thiên thần cùng các hành khí của các cõi dĩ thái sẽ được nghiên cứu và thừa nhận.

292. There will be a revelation of the inhabitants of the etheric planes

292. Sẽ có một sự mặc khải về các cư dân của các cõi dĩ thái

a. Devas

a. Thiên thần

b. Elementals

b. Hành khí

c. Men in etheric bodies

c. Con người trong các thể dĩ thái

293. When DK speaks of "man in etheric bodies", He may be referring to those who have recently passed on, or to those who are consciously doing specific work on the etheric planes.

293. Khi Chân sư DK nói về "con người trong các thể dĩ thái", Ngài có thể đang chỉ những người vừa mới qua đời, hoặc những người đang hữu thức thực hiện công việc chuyên biệt trên các cõi dĩ thái.

294. He may also be speaking of living human beings who have the ability to exteriorize their etheric bodies.

294. Ngài cũng có thể đang nói về những con người đang sống có khả năng ngoại hiện các thể dĩ thái của họ.

295. We can see that as regards humanity in general, the contents of their consciousness will be greatly increased. They will be aware of far more than presently is possible.

295. Chúng ta có thể thấy rằng xét về nhân loại nói chung, nội dung tâm thức của họ sẽ được gia tăng rất nhiều. Họ sẽ nhận biết được nhiều hơn rất xa so với điều hiện nay có thể.

When this is so, then the true use of **ceremonial ritual as a protection and safeguard to man will assume its right place.**

Khi điều này xảy ra, thì công dụng chân chính của **nghi lễ huyền môn như một sự bảo vệ và che chở cho con người sẽ đảm nhận vị trí đúng đắn của nó.**

296. Presently it is assumed that ceremonial ritual is of value to humanity, but the accurate modus operandi of such ritual is largely unknown.

297. Later it will be possible to 'see' the inner processes accompanying such ritual and to understand the nature of those who cooperate all unseen in rendering properly executed ceremonial ritual effective.

298. There is given an important hint: ceremonial ritual (presumably only that type of ceremonial ritual which is properly and wisely executed) provides a "protection and safeguard to man".

299. One wonder about how many such rituals are already performed on behalf of humanity by Those Who *know.*

300. Presumably, through accurately preformed ceremonial ritual, certain lives are brought into closer connection with humanity and other influences (inimical to man) are warded off—kept at a distance.

301. The seventh ray is most effective in determining what influences shall be admitted into consciousness and presence, and which shall not.

[Page 475]

The work of the devas in connection with the animal and the vegetable kingdoms will be likewise recognised, **and much that is now possible through ignorance will become impossible and obsolete.**

296. Hiện nay người ta cho rằng nghi lễ huyền môn có giá trị đối với nhân loại, nhưng phương thức vận hành chính xác của nghi lễ ấy phần lớn vẫn chưa được biết.

297. Về sau sẽ có thể 'thấy' các tiến trình bên trong đi kèm với nghi lễ như thế và hiểu được bản chất của những ai hợp tác một cách vô hình trong việc làm cho nghi lễ huyền môn được thực hiện đúng đắn trở nên hữu hiệu.

298. Ở đây có một gợi ý quan trọng: nghi lễ huyền môn (có lẽ chỉ loại nghi lễ huyền môn được thực hiện đúng đắn và minh triết) cung cấp một "sự bảo vệ và che chở cho con người".

299. Người ta tự hỏi có bao nhiêu nghi lễ như thế đã được thực hiện thay mặt cho nhân loại bởi Những Đấng *biết.*

300. Có lẽ, qua nghi lễ huyền môn được thực hiện chính xác, một số sự sống nào đó được đưa vào mối liên hệ gần gũi hơn với nhân loại và những ảnh hưởng khác (thù nghịch với con người) bị xua đuổi—bị giữ ở khoảng cách xa.

301. Cung bảy hữu hiệu nhất trong việc quyết định những ảnh hưởng nào sẽ được cho phép đi vào tâm thức và hiện diện, và những ảnh hưởng nào sẽ không được phép.

[Page 475]

Công việc của các thiên thần liên hệ với giới động vật và giới thực vật cũng sẽ được thừa nhận, **và nhiều điều hiện nay còn có thể do vô minh sẽ trở nên bất khả và lỗi thời.**

302. The implication is that man will learn to use the vegetable and animal kingdoms wisely. Present abuse will cease as will the tendency to tamper genetically with the development of members of those kingdoms.

302. Hàm ý ở đây là con người sẽ học cách sử dụng giới thực vật và giới động vật một cách minh triết. Sự lạm dụng hiện nay sẽ chấm dứt, cũng như khuynh hướng can thiệp di truyền vào sự phát triển của các thành viên trong những giới ấy.

303. There is also the implication that vegetarianism will be far more prevalent and that the "cruel and inhuman meat eating.

303. Cũng còn có hàm ý rằng việc ăn chay sẽ phổ biến hơn rất nhiều và rằng "sự ăn thịt tàn nhẫn và vô nhân đạo.

This might be illustrated by pointing out that by the gradual coming in of human beings who are vegetarians by natural inclination and by the appearance of egos who are interested specifically in the welfare and nurture of the animals (as is the case so noticeably now) we have the cyclic appearance of a whole group of human units who have a definite karmic relation to the third kingdom. **This relation is of a kind differing in specific detail from the meat-eating, and oft inhuman, groups of the past five hundred years.** (TCF 1080)

Điều này có thể được minh họa bằng cách chỉ ra rằng do sự dần dần xuất hiện của những con người ăn chay theo khuynh hướng tự nhiên và do sự xuất hiện của các chân ngã đặc biệt quan tâm đến phúc lợi và sự nuôi dưỡng loài vật (như trường hợp hiện nay thấy rất rõ), chúng ta có sự xuất hiện theo chu kỳ của cả một nhóm đơn vị nhân loại có mối liên hệ nghiệp quả xác định với giới thứ ba. **Mối liên hệ này thuộc một loại khác biệt về chi tiết chuyên biệt so với các nhóm ăn thịt, và thường là vô nhân đạo, của năm trăm năm qua.** (TCF 1080)

304. All this will be part of the gradual refinement of the human vehicles and of human behavior expected under the incoming seventh ray.

304. Tất cả điều này sẽ là một phần của sự tinh luyện dần dần các vận cụ của con người và của hành vi con người được chờ đợi dưới cung bảy đang đi vào.

The time will come, when the attitude of man to the animal kingdom will be revolutionised, and the slaughter, ill-treatment, and that form of cruelty called "sport," will be done away with.

Thời điểm sẽ đến khi thái độ của con người đối với giới động vật sẽ được cách mạng hóa, và việc tàn sát, ngược đãi, cùng hình thức tàn nhẫn được gọi là "thể thao," sẽ bị xóa bỏ.

305. Much of this so-called "sport" takes place under an abuse of Martian energy as it relates to Aries and Sagittarius.

305. Phần lớn cái gọi là "thể thao" này diễn ra dưới sự lạm dụng năng lượng Martian khi nó liên hệ với Aries và Sagittarius.

306. The strained relationship between the Entities informing or ensouling the human

306. Mối quan hệ căng thẳng giữa các Thực Thể đang thấm nhuần hay phú linh cho giới

and animal kingdoms will, through the instrumentality of the seventh ray and the Aquarian energy, be adjusted.

307. It will become evident to man that the 'animal' which he must learn to subdue is the animal of his own physical nature. From another perspective the entire personality nature can be considered the 'animal' expressing under the Martian energy. The energies of Uranus, Jupiter, Saturn, Mercury and Venus will teach man how this personality can be trained, subdued and made to fulfill its proper function.

A mysterious change in the attitude of men and women to the sex question, marriage and the work of procreation will result from the development of etheric vision, and the consequent recognition of the devas.

308. Probably the growth of the human foetus will be 'seen' directly and appreciated.

309. We must remember that the progressive planet Uranus is a predominant ruler of the sacral center.

310. The responsibility entailed in sexual intercourse will be seen and understand far more directly than is now possible.

311. The depth and beauty of the processes of sex and procreation will be rendered evident. The transition will be from Mars to Uranus.

nhân loại và giới động vật sẽ, thông qua công cụ của cung bảy và năng lượng Bảo Bình, được điều chỉnh.

307. Con người sẽ thấy rõ rằng 'con vật' mà y phải học cách chế ngự chính là con vật của bản chất hồng trần của riêng y. Từ một góc nhìn khác, toàn bộ bản chất phàm ngã có thể được xem là 'con vật' biểu lộ dưới năng lượng Martian. Các năng lượng của Uranus, Jupiter, Saturn, Mercury và Venus sẽ dạy con người cách phàm ngã này có thể được huấn luyện, chế ngự và khiến nó hoàn thành chức năng thích hợp của mình.

Một sự thay đổi huyền nhiệm trong thái độ của những người nam và nữ đối với vấn đề tính dục, hôn nhân và công việc sinh sản sẽ phát sinh từ sự phát triển của linh thị dĩ thái, và sự thừa nhận tiếp theo đó về các thiên thần.

308. Có lẽ sự phát triển của thai nhi con người sẽ được 'thấy' trực tiếp và được trân trọng.

309. Chúng ta phải nhớ rằng hành tinh tiến bộ Uranus là một chủ tinh nổi trội của trung tâm xương cùng.

310. Trách nhiệm hàm chứa trong giao hợp sẽ được thấy và thấu hiểu trực tiếp hơn rất nhiều so với hiện nay có thể.

311. Chiều sâu và vẻ đẹp của các tiến trình tính dục và sinh sản sẽ trở nên hiển nhiên. Sự chuyển tiếp sẽ là từ Mars sang Uranus.

This change will be based on the realisation of the true nature of matter, or of the mother aspect, and of the effect of the Sun upon substance.

Sự thay đổi này sẽ dựa trên sự chứng nghiệm về bản chất chân thực của vật chất, hay phương diện mẹ, và về tác động của Mặt Trời lên chất liệu.

312. DK amplifies the reason for this mysterious change.

312. Chân sư DK làm sáng tỏ thêm lý do của sự thay đổi huyền nhiệm này.

313. We shall come to an appreciation of the real nature of life and vitality. The vitalizing effect of prana will be seen. The devitalizing result of irresponsible sex will also be directly appreciated. The fate of matter (elemental life) and its development will be understood as dependent upon human understanding and practice.

313. Chúng ta sẽ đi đến chỗ trân trọng bản chất thực sự của sự sống và sinh lực. Tác động tiếp sinh lực của prana sẽ được thấy. Kết quả làm mất sinh lực của tính dục vô trách nhiệm cũng sẽ được nhận biết trực tiếp. Số phận của vật chất (sự sống hành khí) và sự phát triển của nó sẽ được hiểu là tùy thuộc vào sự thấu hiểu và thực hành của con người.

The unity of life will be a known and scientific fact, and *life in matter* will no longer be a theory but a fundamental of science. This cannot be enlarged upon here.

Sự nhất thể của sự sống sẽ là một sự kiện đã biết và có tính khoa học, và *sự sống trong vật chất* sẽ không còn là một lý thuyết mà là một nền tảng của khoa học. Điều này không thể được khai triển thêm ở đây.

314. The group implications of sex, marriage and procreation will be understood and responsibility to the 'larger energy context' will be appreciated.

314. Những hàm ý nhóm của tính dục, hôn nhân và sinh sản sẽ được thấu hiểu và trách nhiệm đối với 'bối cảnh năng lượng lớn hơn' sẽ được trân trọng.

315. At the present moment man sins in relation to matter largely through ignorance. Within the next few centuries any excuse for sinning in this way will be removed by direct etheric vision and an understanding of that which is newly seen.

315. Hiện nay con người phạm tội liên hệ với vật chất phần lớn do vô minh. Trong vài thế kỷ tới, mọi sự bào chữa cho việc phạm tội theo cách này sẽ bị loại bỏ bởi linh thị dĩ thái trực tiếp và sự thấu hiểu điều vừa được thấy.

TCF 475-488: S5S2

17 April – 2 May 2007

17 tháng 4 – 2 tháng 5 năm 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Phần gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn.

3. Manas in the Final Rounds.

3. Manas trong các cuộc tuần hoàn cuối cùng.

a. The transmutative process. Transmutation is a subject that from the earliest ages has occupied the attention of students, scientists and alchemists. The power to change, through the application of heat, is of course universally recognised, but **the key to the mystery, or the secret of the systemic formula is advisedly guarded from all searchers, and is only gradually revealed after the second Initiation.**

a. Tiến trình chuyển hoá. Chuyển hoá là một chủ đề từ những thời đại sớm nhất đã chiếm giữ sự chú ý của các đạo sinh, các nhà khoa học và các nhà luyện kim. Quyền năng thay đổi, thông qua việc áp dụng nhiệt, dĩ nhiên được thừa nhận một cách phổ quát, nhưng **chìa khóa của huyền nhiệm, hay bí mật của công thức hệ thống được cố ý gìn giữ khỏi mọi người tìm kiếm, và chỉ dần dần được mặc khải sau lần điểm đạo thứ hai.**

1. We should remind ourselves of the definition of transmutation: "the passage across from one state of being to another through the agency of fire".

1. Chúng ta nên nhắc mình về định nghĩa của chuyển hoá: "sự đi qua từ trạng thái hiện hữu này sang trạng thái hiện hữu khác thông qua tác nhân của lửa".

2. Heat is the great agent of change. We recognize this fact from our own life processes. When the fires of mind, emotions or body are engaged at levels more intense than usual, change occurs.

2. Nhiệt là tác nhân lớn của sự thay đổi. Chúng ta nhận ra sự kiện này từ chính các tiến trình sự sống của mình. Khi các lửa của trí tuệ, cảm xúc hay thể xác được khơi động ở những cấp độ mãnh liệt hơn thường lệ, sự thay đổi xảy ra.

3. The ability to change one thing into another (and higher) would hold the key to the gratification of all desire. Thus it is indispensable that desire be of a quality which serves the Divine Plan.

3. Khả năng biến đổi một thứ thành một thứ khác (và cao hơn) sẽ nắm giữ chìa khóa cho sự thỏa mãn mọi ham muốn. Vì vậy, điều không thể thiếu là ham muốn phải có phẩm tính phụng sự Thiên Cơ.

4. Why is the "key to mystery" only gradually revealed *after* the second initiation? Is it because at that time the individual, having largely transmuted his astral body (and elevated his lower desires into aspiration) can at last be *trusted*?

4. Tại sao "chìa khóa của huyền nhiệm" chỉ dần dần được mặc khải *sau* lần điểm đạo thứ hai? Có phải vì vào lúc đó cá nhân, sau khi đã phần lớn chuyển hoá thể cảm dục của mình (và nâng các ham muốn thấp của mình thành khát vọng), cuối cùng có thể được *tin cậy* chăng?

5. The time for revelation of the secret may well be *after* the "Temptations in the Desert" are 'passed' and it is no longer possible for a man to revert to possession by the deva kingdom.

5. Thời điểm để mặc khải bí mật rất có thể là *sau* khi "Những Cám Dỗ trong Sa Mạc" đã được 'vượt qua' và con người không còn có thể quay trở lại tình trạng bị giới thiên thần chiếm hữu nữa.

The subject is so tremendous that it is only possible to indicate in broad general outlines how it may be approached.

Chủ đề này quá bao la đến nỗi chỉ có thể nêu ra bằng những nét đại cương rộng lớn về cách có thể tiếp cận nó.

6. DK indicates another opportunity to write a massive volume (and perhaps even more) on the subject.

6. Chân sư DK chỉ ra thêm một cơ hội khác để viết một bộ sách đồ sộ (và có lẽ còn hơn thế nữa) về chủ đề này.

7. We may wonder how such vast realms of knowledge may open up to the student. Fortunately, it is a natural process, and at a certain stage of advanced development, the synthesis of knowledge develops quickly.

7. Chúng ta có thể tự hỏi làm sao những lĩnh vực tri thức bao la như thế có thể mở ra cho đạo sinh. May thay, đó là một tiến trình tự nhiên, và ở một giai đoạn phát triển cao cấp nào đó, sự tổng hợp tri thức phát triển nhanh chóng.

The mind of the public turns naturally to the transmutation of metals into gold with the aim in view of the alleviation of poverty.

Trí tuệ của công chúng tự nhiên hướng đến việc chuyển hoá kim loại thành vàng với mục tiêu làm giảm nghèo đói.

8. The mind of the public is naturally materialistic and seeks to use transmutation for the production of that which it considers

8. Trí tuệ của công chúng vốn có tính vật chất và tìm cách dùng chuyển hoá để sản

valuable—namely gold (the symbol of material wealth).

xuất điều mà nó xem là có giá trị—tức vàng (biểu tượng của của cải vật chất).

9. The positive side of this tendency is the motive towards the alleviation of poverty. If however, base metal (lead) could generally be transmuted into gold, gold would cease to be a symbol of wealth, and poverty would not be alleviated.

9. Mặt tích cực của khuynh hướng này là động cơ muốn làm giảm nghèo đói. Tuy nhiên, nếu kim loại hèn (chì) nói chung có thể được chuyển hoá thành vàng, thì vàng sẽ không còn là biểu tượng của sự giàu có, và nghèo đói sẽ không được giảm bớt.

The mind of the scientist seeks **the universal solvent which will reduce matter to its primordial substance, release energy, and thus reveal the processes of evolution, and enable the seeker to build for himself (from the primordial base) the desired forms.**

Trí tuệ của nhà khoa học tìm kiếm **dung môi phổ quát sẽ làm giảm vật chất về chất liệu nguyên sơ của nó, giải phóng năng lượng, và nhờ đó mặc khải các tiến trình tiến hoá, đồng thời giúp người tìm kiếm có thể tự mình kiến tạo (từ nền tảng nguyên sơ) những hình tướng mong muốn.**

10. To discover the “universal solvent” would give mastery over matter and its many conditions. Undesirable conditions could be changed to desirable.

10. Khám phá ra “dung môi phổ quát” sẽ đem lại quyền làm chủ vật chất và nhiều trạng thái của nó. Những trạng thái không mong muốn có thể được biến đổi thành những trạng thái mong muốn.

11. Let us tabulate the advantages to the discovery of the universal solvent:

11. Chúng ta hãy liệt kê những lợi ích của việc khám phá dung môi phổ quát:

a. The reduction of matter to its primordial substance

a. Sự làm giảm vật chất về chất liệu nguyên sơ của nó

b. The release of energy

b. Sự giải phóng năng lượng

c. The revelation of the processes of evolution

c. Sự mặc khải các tiến trình tiến hoá

d. The ability to build for a primordial base desired forms. The “primordial base” must be utterly protean—capable of being moulded by mind into any configuration.

d. Khả năng kiến tạo từ một nền tảng nguyên sơ những hình tướng mong muốn. “Nền tảng nguyên sơ” ấy hẳn phải hoàn toàn có tính biến hình—có khả năng được nắn đúc bởi trí tuệ thành bất kỳ cấu hình nào.

12. What is the primordial form of matter? The book *Occult Chemistry* tells of "bubbles in the koilon" of which all matter within the cosmic physical plane us composed. When we speak of primordial matter we are almost certainly dealing with the matter of the cosmic physical plane. Planes higher than the cosmic physical plane may also be 'material' in ways we cannot possibly understand. The information given on the "bubbles in the koilon" is (as far as we understand) confined to the cosmic physical plane.

12. Hình thức nguyên sơ của vật chất là gì? Quyển sách *Occult Chemistry* nói về "những bong bóng trong koilon" mà từ đó mọi vật chất trong cõi hồng trần vũ trụ được cấu thành. Khi chúng ta nói về vật chất nguyên sơ, gần như chắc chắn chúng ta đang đề cập đến vật chất của cõi hồng trần vũ trụ. Những cõi cao hơn cõi hồng trần vũ trụ cũng có thể là 'vật chất' theo những cách mà chúng ta hoàn toàn không thể hiểu. Thông tin được đưa ra về "những bong bóng trong koilon" được giới hạn (theo như chúng ta hiểu) trong cõi hồng trần vũ trụ.

13. The Fifth Key to the Seven Ray Methods is related to this potential discovery:

13. Chìa Khóa thứ Năm của Bảy Phương Pháp Cung có liên hệ với khám phá tiềm năng này:

FIFTH RAY

CUNG NĂM

"Let the three forms of energy electric pass upward to the Place of Power. Let the forces of the head and heart and all the nether aspects blend. Then let the Soul look out upon the inner world of light divine. Let the word triumphant go forth: 'I mastered energy for I am energy itself. The Master and the mastered are but One.' (EP I 417)

"Hãy để ba hình thức năng lượng điện đi lên đến Nơi Quyền Năng. Hãy để các mãnh lực của đầu và tim cùng mọi phương diện thấp hơn hòa trộn. Rồi hãy để linh hồn nhìn ra thế giới bên trong của ánh sáng thiêng liêng. Hãy để lời chiến thắng phát ra: 'Ta đã làm chủ năng lượng vì ta chính là năng lượng. Chân sư và điều được làm chủ chỉ là Một.' (EP I 417)

The mind of the alchemist [Page 476] searches for the Philosopher's Stone, **that effective transmuting agent which will bring about revelation,** and the power to impose the will of the chemist upon the elemental forces, which work in, by, and through matter.

Trí tuệ của nhà luyện kim [Page 476] tìm kiếm Hòn Đá Triết Gia, **tác nhân chuyển hoá hữu hiệu sẽ mang lại sự mặc khải,** và quyền năng áp đặt ý chí của nhà hóa học lên các mãnh lực hành khí, những mãnh lực hoạt động trong, bởi, và xuyên qua vật chất.

14. There are many definitions of the "Philosopher's Stone". Here are two more from the Tibetan's Teaching

14. Có nhiều định nghĩa về "Hòn Đá Triết Gia". Dưới đây là thêm hai định nghĩa từ Giáo Huấn của Chân sư Tây Tạng

When to these elements the Philosopher's [Page 119] Stone is added and has done its magical work, then you have the symbolic representation of the control by the soul of the four higher levels of the physical plane, the etheric or energy levels. **Of this desirable consummation, the Philosopher's Stone is the emblem.** (DON 118-119)

Khi Hòn Đá Triết Gia [Page 119] được thêm vào các nguyên tố này và đã hoàn thành công việc huyền diệu của nó, thì bạn có sự biểu trưng tượng trưng cho sự kiểm soát của linh hồn đối với bốn cấp cao hơn của cõi hồng trần, tức các cấp dĩ thái hay năng lượng. **Đối với sự thành tựu đáng mong muốn này, Hòn Đá Triết Gia là biểu tượng.** (DON 118-119)

In connection with this matter of transmutation comes the legend of **the Philosopher's Stone, which is literally the application of the Rod of Initiation, in one sense.** (TCF 307)

Liên hệ với vấn đề chuyển hoá này có truyền thuyết về **Hòn Đá Triết Gia, vốn theo nghĩa đen là sự áp dụng Thần Trượng Điểm đạo, theo một nghĩa nào đó.** (TCF 307)

15. We learn that the Philosopher's Stone is an "effective transmuting agent". This is certainly the case in relation to the Rod of Initiation the touch of which lifts the energy/force of the candidate's energy system from one vibrational state to a still higher state.

15. Chúng ta biết rằng Hòn Đá Triết Gia là một "tác nhân chuyển hoá hữu hiệu". Điều này chắc chắn đúng trong liên hệ với Thần Trượng Điểm đạo, mà sự chạm đến của nó nâng năng lượng/mãnh lực của hệ thống năng lượng của ứng viên từ một trạng thái rung động lên một trạng thái còn cao hơn nữa.

16. The alchemist had two objectives:

16. Nhà luyện kim có hai mục tiêu:

a. Revelations

a. Những sự mặc khải

b. The power to impose his will upon the elemental forces. This would involve the alteration of the vibration within the objects receiving imposition. With it would come the ability to change something into something else more desirable.

b. Quyền năng áp đặt ý chí của mình lên các mãnh lực hành khí. Điều này sẽ bao hàm sự thay đổi rung động trong các đối tượng tiếp nhận sự áp đặt. Cùng với đó sẽ đến khả năng biến đổi một cái gì đó thành một cái gì khác đáng mong muốn hơn.

17. We gather, as well, that there is a close relation between the "Philosopher's Stone' and the "Jewel in the Lotus". When the "Jewel in the Lotus" is on the point of revelation, the four systemic ethers are on the point of mastery. Man stands ready for the fourth initiation. The development of

17. Chúng ta cũng thu thập được rằng có một mối liên hệ mật thiết giữa "Hòn Đá Triết Gia" và "Ngọc trong Hoa Sen". Khi "Ngọc trong Hoa Sen" sắp được mặc khải, bốn dĩ thái hệ thống cũng sắp được làm chủ. Con người đứng sẵn sàng cho lần điểm đạo thứ tư. Sự phát triển của mỗi một trong bốn dĩ

each of these four ethers corresponds to the one of the four initiations.

thái này tương ứng với một trong bốn lần điểm đạo.

18. To what degree is the "Jewel in the Lotus" a “transmuting agent” in the life of developing man? One can think of it as a source of great alchemical power, subtly at work even before its moment of complete disclosure.

18. "Ngọc trong Hoa Sen" là một “tác nhân chuyển hoá” ở mức độ nào trong đời sống của con người đang phát triển? Người ta có thể nghĩ về nó như một nguồn quyền năng luyện kim lớn lao, âm thầm hoạt động ngay cả trước thời điểm nó được bộc lộ hoàn toàn.

The religious man, especially the Christian, recognises the psychic quality of this transmutative power, and frequently speaks in the sacred books, **of the soul being tried or tested seven times in the fire.**

Người có tôn giáo, đặc biệt là người Kitô giáo, nhận ra phẩm tính thông linh của quyền năng chuyển hoá này, và thường nói trong các sách thiêng liêng, **rằng linh hồn được thử luyện hay khảo nghiệm bảy lần trong lửa.**

19. We can see that the focus of the religious man is usually far more subjective and less material than that of the alchemist.

19. Chúng ta có thể thấy rằng trọng tâm của người có tôn giáo thường mang tính chủ quan hơn nhiều và ít vật chất hơn so với nhà luyện kim.

20. For the religionist the soul is that ‘substance’ which must be subjected to transmutation—in fact *seven* transmutations. Although the terminology of the religionist is mystical (and although the mystic can reach only so high in the process of elevating consciousness) the *seven* initiations are suggested by the seven trials or tests in the fire.

20. Đối với người theo tôn giáo, linh hồn là ‘chất liệu’ phải chịu sự chuyển hoá—thực ra là *bảy* lần chuyển hoá. Dù thuật ngữ của người theo tôn giáo mang tính thần bí (và dù nhà thần bí chỉ có thể vươn cao đến một mức nào đó trong tiến trình nâng cao tâm thức), *bảy* lần điểm đạo vẫn được gợi ý qua bảy lần thử luyện hay khảo nghiệm trong lửa.

All these students and investigators are recognising one great truth from their own constricted angle, and the whole lies not with one or another, but in the aggregate.

Tất cả những đạo sinh và nhà khảo cứu này đều đang nhận ra một chân lý lớn từ góc nhìn hạn hẹp của riêng mình, và toàn thể không nằm ở người này hay người kia, mà ở trong tổng thể.

21. Thus is the need to achieve a synthetic point of view—ultimately an ‘omni-angled’ point of view

21. Như vậy, nhu cầu đạt được một quan điểm tổng hợp—cuối cùng là một quan điểm ‘toàn góc độ’—được xác lập.

22. We note that the point of view, not only of the average individual, but, of the scientist, the alchemist or the religionist, are all *constricted*. This could be a sobering thought for any adherent to a single discipline.

22. Chúng ta lưu ý rằng quan điểm, không chỉ của cá nhân trung bình, mà cả của nhà khoa học, nhà luyện kim hay người theo tôn giáo, đều *hạn hẹp*. Đây có thể là một ý nghĩ khiến bất kỳ người theo một bộ môn đơn lẻ nào cũng phải tỉnh táo.

In defining transmutation as it is occultly understood, we might express it thus: ***Transmutation is the passage across from one state of being to another through the agency of fire.***

Khi định nghĩa chuyển hoá như nó được hiểu một cách huyền bí, chúng ta có thể diễn đạt như sau: ***Chuyển hoá là sự đi qua từ trạng thái hiện hữu này sang trạng thái hiện hữu khác thông qua tác nhân của lửa.***

23. This is DK's famous definition of transmutation.

23. Đây là định nghĩa nổi tiếng của Chân sư DK về chuyển hoá.

24. The planet Uranus is involved in this process. Exoterically, Uranus rules migrations and all transferences or passages from one location or state to another. Naturally, higher 'passages' would apply.

24. Hành tinh Uranus có liên quan đến tiến trình này. Theo ngoại môn, Uranus cai quản các cuộc di cư và mọi sự chuyển dịch hay đi qua từ địa điểm hay trạng thái này sang địa điểm hay trạng thái khác. Đương nhiên, những 'sự đi qua' cao hơn cũng được áp dụng.

25. The type of "passage" we are discussing always involves an elevation of vibration.

25. Loại "sự đi qua" mà chúng ta đang bàn đến luôn luôn bao hàm một sự nâng cao rung động.

30. Applied "fire" is the method of this elevation. In one respect, fire is motion itself and the chakras (which are fire) are (we have been told) "consummated motion".

30. "Lửa" được áp dụng là phương pháp của sự nâng cao này. Theo một phương diện, lửa chính là chuyển động, và các luân xa (vốn là lửa) là (như chúng ta đã được cho biết) "chuyển động được hoàn tất".

The due comprehension of this is based on certain postulates, mainly four in number. These postulates must be expressed in terms of the Old Commentary, **which is so worded that it reveals to those who have eyes to see,** but remains enigmatic to those who are not ready, or who would misuse the knowledge gained for selfish ends.

Sự thấu hiểu đúng đắn điều này dựa trên một số định đề, chủ yếu là bốn định đề. Những định đề này phải được diễn đạt theo Cổ Luận, **được viết theo cách mặc khải cho những ai có mắt để thấy,** nhưng vẫn bí ẩn đối với những ai chưa sẵn sàng, hoặc những ai sẽ lạm dụng tri thức đạt được cho những mục đích ích kỷ.

31. It is interesting that the expression of truth through the Old Commentary filters out selfishness.

31. Thật thú vị khi sự diễn đạt chân lý qua Cổ Luận lại lọc bỏ tính ích kỷ.

32. Let us see if we can gather some hints in relation to the meaning of these four postulates from the Old Commentary.

32. Chúng ta hãy xem liệu chúng ta có thể thu thập được một vài gợi ý liên quan đến ý nghĩa của bốn định đề này từ Cổ Luận hay không.

33. From the four postulates it will be clear that we are dealing with different phases of alchemy—from the alchemy that binds to the alchemy that releases. Transmutation is usually associated with liberation, but here is also a transmutation which can be related to progressive densification, materialization, and to precipitation.

33. Từ bốn định đề, sẽ rõ rằng chúng ta đang đề cập đến những giai đoạn khác nhau của thuật luyện kim—từ thuật luyện kim trói buộc đến thuật luyện kim giải thoát. Chuyển hoá thường được gắn liền với sự giải thoát, nhưng ở đây cũng có một sự chuyển hoá có thể liên hệ với sự đậm đặc hoá tăng dần, sự hiện hình, và sự ngưng tụ.

The phrases are as follows:

Các cụm từ như sau:

I. He who transfers the Father's life to the lower three seeketh the agency of fire, hid in the heart of Mother. He worketh with the Agnichaitans, that hide, that burn, and thus produce the needed moisture.

I. Kẻ chuyển sự sống của Cha xuống ba cõi thấp tìm kiếm tác nhân của lửa, ẩn trong tim của Mẹ. Y làm việc với các Agnichaitan, những vị che giấu, những vị thiêu đốt, và nhờ đó tạo ra độ ẩm cần thiết.

34. The direction of the energy is from 'above' to 'below'.

34. Chiều hướng của năng lượng là từ "trên" xuống "dưới".

35. This type of worker is seeking to work with the fire in the heart of the Mother—i.e., with fire by friction. There are those who seek to work with the lower fires.

35. Loại người hoạt động này đang tìm cách làm việc với ngọn lửa trong tim của Mẹ—tức là, với Lửa ma sát. Có những người tìm cách làm việc với các lửa thấp.

36. The Agnichaitans are the devas, particularly, of the etheric-physical plane (though there are *cosmic* Agnichaitans as well).

36. Các Agnichaitan là các thiên thần, đặc biệt, của cõi dĩ thái-hồng trần (mặc dù cũng có những *vũ trụ* Agnichaitan).

37. The Agnichaitans veil the energies of the higher planes.

37. Các Agnichaitan che phủ các năng lượng của các cõi cao hơn.

38. Their production of the "needed moisture" relates them to the Agnisuryans of the astral plane—the plane of water, of moisture.

38. Việc chúng tạo ra "độ ẩm cần thiết" liên hệ chúng với các Agnisuryan của cõi cảm dục—cõi của nước, của độ ẩm.

39. From another perspective, moisture is related to "water" and "water" is "matter".

39. Từ một góc nhìn khác, độ ẩm liên hệ với "nước" và "nước" là "vật chất".

40. We may assume that "moisture" is needed for the continued work of the Agnichaitans.

40. Chúng ta có thể giả định rằng "độ ẩm" là cần thiết cho công việc tiếp diễn của các Agnichaitan.

41. Moisture is, in a way, a condensate. What is to arise through the burning of the Agnichaitans? Many valuable substances can appear in a semi-vaporous form.

41. Độ ẩm, theo một nghĩa nào đó, là một chất ngưng tụ. Điều gì sẽ phát sinh qua sự thiêu đốt của các Agnichaitan? Nhiều chất liệu có giá trị có thể xuất hiện trong một dạng bán hơi.

42. More mundanely, we may relate "moisture" to desire. Desires arise as moisture arises and attach themselves to physical plane processes.

42. Theo nghĩa trần thế hơn, chúng ta có thể liên hệ "độ ẩm" với dục vọng. Các dục vọng phát sinh như độ ẩm phát sinh và gắn chúng vào các tiến trình của cõi hồng trần.

II. He who transfers the life from out the lower three into the ready fourth seeketh the agency of fire hid in the heart of Brahma.

II. Kẻ chuyển sự sống từ ba cõi thấp vào giới thứ tư đã sẵn sàng tìm kiếm tác nhân của lửa ẩn trong tim của Brahma.

43. Brahma (the Holy Spirit) is other than the Mother (Matter).

43. Brahma (Chúa Thánh Thần) khác với Mẹ (Vật chất).

44. From one perspective, the lower three are the lower three kingdoms and the "ready fourth" is the human kingdom.

44. Từ một góc nhìn, ba cõi thấp là ba giới thấp và "giới thứ tư đã sẵn sàng" là giới nhân loại.

45. We can, in fact, be speaking of those alchemical processes which promote the rising of "life" from one kingdom to the next higher. Man as macrocosm contains the lower three kingdoms. These kingdoms 'tend towards' the state of man.

45. Thật ra, chúng ta có thể đang nói về những tiến trình luyện kim thúc đẩy sự vươn lên của "sự sống" từ giới này sang giới cao hơn kế tiếp. Con người như Đại thiên địa chứa đựng ba giới thấp. Các giới này "có xu hướng hướng tới" trạng thái con người.

46. From another perspective, the lower three are the lower three planes and the ready fourth is the buddhic plane whereon the Agnishvattas have special power.

46. Từ một góc nhìn khác, ba cõi thấp là ba cõi thấp và giới thứ tư đã sẵn sàng là cõi Bồ đề, nơi các Agnishvatta có quyền năng đặc biệt.

47. The fire sought in the heart of Brahma can be considered a kind of etheric fire.

47. Ngọn lửa được tìm kiếm trong tim của Brahma có thể được xem là một loại lửa dĩ thái.

48. From one perspective, Brahma rules the entire cosmic physical plane.

48. Từ một góc nhìn, Brahma cai quản toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ.

49. Is it the fire of "Brahmic Intelligence" which is being sought.

49. Có phải ngọn lửa của "Trí Tuệ Brahma" đang được tìm kiếm chăng.

He worketh with the forces of the Agnishvattas, that emanate, that blend, and thus produce the needed warmth.

Y làm việc với các mãnh lực của các Agnishvatta, những vị phát xạ, những vị dung hợp, và nhờ đó tạo ra sự ấm áp cần thiết.

50. This type of worker works with human personalities as they aspire to contact the Solar Angels and not with the elemental lives and lunar lords.

50. Loại người hoạt động này làm việc với các phàm ngã nhân loại khi chúng khát vọng tiếp xúc với các Thái dương Thiên Thần chứ không làm việc với các sự sống hành khí và các nguyệt tinh quân.

51. His objective is work with solar fire and not with fire by friction. This type of working is making a transition from the fire of personality into the fire of soul.

51. Mục tiêu của y là làm việc với Lửa Thái dương chứ không phải với Lửa ma sát. Loại công việc này đang tạo nên một sự chuyển tiếp từ lửa của phàm ngã sang lửa của linh hồn.

52. What are the qualities of the Agnishvattas and their forces?

52. Những phẩm tính của các Agnishvatta và các mãnh lực của họ là gì?

a. The Agnishvattas blend

a. Các Agnishvatta dung hợp

b. The Agnishvattas emanate

b. Các Agnishvatta phát xạ

c. The Agnishvattas produce the needed warmth.

c. Các Agnishvatta tạo ra sự ấm áp cần thiết.

53. The warmth sought is that of solar fire—the fire found on the higher mental plane, the fire of the soul aspect.

53. Sự ấm áp được tìm kiếm là sự ấm áp của Lửa Thái dương—ngọn lửa được tìm thấy trên Cõi thượng trí, ngọn lửa của phương diện linh hồn.

54. All that transpires within the personality life must be transmuted into soul quality. Thus, is the personality elevated and the causal body built.

54. Tất cả những gì diễn ra trong đời sống phàm ngã phải được chuyển hoá thành phẩm tính linh hồn. Nhờ đó, phàm ngã được nâng lên và thể nguyên nhân được xây dựng.

55. The Agnishvattas are a dual Hierarchy and one aspect of this Creative Hierarchy is related to the human personality (cf. EA 35).

55. Các Agnishvatta là một Thánh Đoàn nhị nguyên và một phương diện của Huyền Giai Sáng Tạo này có liên hệ với phàm ngã nhân loại (xem EA 35).

56. We must remember that the human personality is related to the Brahma aspect of divinity.

56. Chúng ta phải nhớ rằng phàm ngã nhân loại có liên hệ với phương diện Brahma của thiên tính.

57. The heart of Brahma can be considered the heart center found within the human personality on both the etheric and astral planes.

57. Tim của Brahma có thể được xem là trung tâm tim được tìm thấy trong phàm ngã nhân loại trên cả cõi dĩ thái lẫn cõi cảm dục.

58. From another perspective, Brahma is found upon the lower twenty one sub-planes and not only on the lower eighteen. From this perspective (the solar logoic perspective), the Egoic Lotus is but an aspect of brahmic life.

58. Từ một góc nhìn khác, Brahma được tìm thấy trên hai mươi mốt cõi phụ thấp chứ không chỉ trên mười tám cõi phụ thấp. Từ góc nhìn này (góc nhìn thái dương thượng đế), Hoa Sen Chân Ngã chỉ là một phương diện của sự sống brahmic.

III. He who transfers the life into the gathering fifth seeketh the agency of fire hid in the heart of Vishnu.

III. Kẻ chuyển sự sống vào giới thứ năm đang tập hợp tìm kiếm tác nhân của lửa ẩn trong tim của Vishnu.

59. The "gathering fifth" is the fifth kingdom of nature in process of formation.

59. "Giới thứ năm đang tập hợp" là giới thứ năm của bản chất trong tiến trình hình thành.

60. What is gathered? From one perspective, *quality* is gathered to be stored in the causal body. As causal bodies become more

60. Điều gì được tập hợp? Từ một góc nhìn, *phẩm tính* được tập hợp để được lưu giữ trong thể nguyên nhân. Khi các thể nguyên

equipped, the members of the fifth kingdom increase in number.

nhân trở nên được trang bị đầy đủ hơn, số lượng các thành viên của giới thứ năm tăng lên.

61. The "heat of Vishnu" may not be the Egoic Lotus at all, but the buddhic plane.

61. "Nhiệt của Vishnu" có thể hoàn toàn không phải là Hoa Sen Chân Ngã, mà là cõi Bồ đề.

62. We must remember that those Who are actually *focussed* within the spiritual triad are members of the fifth kingdom of nature. Even a Master (focussed to a considerable extent atmically) is a member of the fifth kingdom.

62. Chúng ta phải nhớ rằng những Đấng thực sự được *tập trung* trong Tam nguyên tinh thần là các thành viên của giới thứ năm của bản chất. Ngay cả một Chân sư (được tập trung ở mức độ đáng kể trong atma) cũng là một thành viên của giới thứ năm.

He worketh with the forces of the Agnisuryans, that blaze, that liberate the essence, and thus produce the needed radiance.

Y làm việc với các mãnh lực của các Agnisuryan, những vị bừng cháy, những vị giải thoát tinh chất, và nhờ đó tạo ra sự rạng ngời cần thiết.

63. The Agnisuryans do not work only upon the astral plane. The higher type of Agnisuryans work upon the buddhic plane.

63. Các Agnisuryan không chỉ làm việc trên cõi cảm dục. Loại Agnisuryan cao hơn làm việc trên cõi Bồ đề.

These elementals and devas are called the Agnisuryans, and in [68] their totality are the fiery essences of buddhi, hence their lowest manifestation is on the sixth plane, the astral. (TCF 68)

Các hành khí và thiên thần này được gọi là các Agnisuryan, và trong [68] tổng thể của chúng là các tinh chất rực lửa của Bồ đề, vì thế biểu hiện thấp nhất của chúng là trên cõi thứ sáu, cõi cảm dục. (TCF 68)

64. The liberation of the essence refers to the essence liberated and translated into the spiritual triad when the causal body is destroyed.

64. Sự giải thoát tinh chất nói đến tinh chất được giải thoát và được chuyển dịch vào Tam nguyên tinh thần khi thể nguyên nhân bị phá huỷ.

65. The radiance may be the radiance liberated at this destruction and the perhaps greater radiance created within the spiritual triad when the liberated essence ascends and it absorbed into it.

65. Sự rạng ngời có thể là sự rạng ngời được giải phóng trong sự phá huỷ này và có lẽ là sự rạng ngời lớn hơn được tạo ra trong Tam nguyên tinh thần khi tinh chất được giải thoát thăng lên và được hấp thụ vào đó.

66. We have been told that the causal body is destroyed largely by the second aspect of the

66. Chúng ta đã được cho biết rằng thể nguyên nhân bị phá huỷ phần lớn bởi

will. Another way of considering this is that the causal body is destroyed so that buddhic love may no longer be confined in its expression by higher mental substance. The Agnisuryans of the buddhic plane may be considered related to the second aspect of the will and to the necessary processes of destruction.

phương diện thứ hai của ý chí. Một cách khác để xem xét điều này là thể nguyên nhân bị phá huỷ để bác ái Bồ đề không còn bị chất liệu thượng trí giới hạn trong sự biểu lộ của nó nữa. Các Agnisuryan của cõi Bồ đề có thể được xem là có liên hệ với phương diện thứ hai của ý chí và với các tiến trình phá huỷ cần thiết.

What, therefore, brings about the destruction of the soul body? **The destroying agent is the second aspect of the Will.** The third or lowest aspect of the Will, working through the mind or the manasic principle, was the sustaining factor in the long cycle of personality development; it was the principle of intelligent synthesis, holding the life principle intact and individualised through the long series of successive incarnations. (R&I 216)

Vậy thì, điều gì mang lại sự phá huỷ của thể linh hồn? **Tác nhân phá huỷ là phương diện thứ hai của Ý Chí.** Phương diện thứ ba hay thấp nhất của Ý Chí, hoạt động qua trí tuệ hay nguyên khí manas, là yếu tố duy trì trong chu kỳ dài của sự phát triển phàm ngã; đó là nguyên khí của sự tổng hợp thông tuệ, giữ cho nguyên khí sự sống còn nguyên vẹn và được biệt ngã hóa qua chuỗi dài những lần lâm phàm liên tiếp. (R&I 216)

IV. First moisture, slow and all enveloping; then heat with ever-growing warmth and fierce intensity; then force that presses, drives and concentrates. Thus is radiance [Page 477] produced; thus the exudation; thus mutation; thus change of form. Finally liberation, escape of the volatile essence, and the gathering of the residue back to primordial stuff.

IV. Trước hết là độ ẩm, chậm và bao trùm tất cả; rồi đến nhiệt với sự ấm áp ngày càng tăng và cường độ mãnh liệt; rồi đến mãnh lực ép, thúc đẩy và tập trung. Nhờ đó sự rạng ngời [Page 477] được tạo ra; nhờ đó có sự tiết xuất; nhờ đó có sự biến đổi; nhờ đó có sự thay đổi hình tướng. Sau cùng là sự giải thoát, sự thoát ra của tinh chất dễ bay hơi, và sự tập hợp phần cặn trở lại chất liệu nguyên sơ.

67. This is the final phrase and contains the summary of the alchemical work.

67. Đây là cụm từ cuối cùng và chứa đựng phần tóm lược của công việc luyện kim.

68. The entire evolution of man is here contained—albeit from an alchemical perspective.

68. Toàn bộ sự tiến hoá của con người được chứa đựng ở đây—dù là từ một góc nhìn luyện kim.

69. The work is protected by moisture—produced by the Agnichaitans. This is the tamasic phase and concerns the preparation of the elemental life.

69. Công việc được bảo vệ bởi độ ẩm—do các Agnichaitan tạo ra. Đây là giai đoạn tamas và liên quan đến sự chuẩn bị của sự sống hành khí.

70. We find that moisture (in one of its meanings) is necessary to sustain life in form. Living bodies are largely water or moisture.

70. Chúng ta thấy rằng độ ẩm (trong một trong những ý nghĩa của nó) là cần thiết để duy trì sự sống trong hình tướng. Các thể sống phần lớn là nước hay độ ẩm.

71. Moisture is adhesive and creates binding relationships—the kind that hold the body together. Perhaps all the lower vehicles are held together by moisture of some kind. This is especially true of the physical and astral vehicles.

71. Độ ẩm có tính kết dính và tạo ra các mối liên hệ ràng buộc—loại liên hệ giữ cho thể được gắn kết. Có lẽ tất cả các vận cụ thấp đều được giữ lại với nhau bởi một loại độ ẩm nào đó. Điều này đặc biệt đúng đối với các vận cụ hồng trần và cảm dục.

72. The rajasic phase of the process follows next. The fire is applied with greater intensity. The chakras increase their rotation. The vibration of the atoms of the vehicles is raised. This is an increasingly brahmic phase rising above the strictly material phase.

72. Giai đoạn rajas của tiến trình tiếp theo sau đó. Lửa được áp dụng với cường độ lớn hơn. Các luân xa tăng tốc độ quay. Rung động của các nguyên tử trong các vận cụ được nâng cao. Đây là một giai đoạn ngày càng brahmic vượt lên trên giai đoạn thuần vật chất.

73. The next phase concerns personality aspiration for soul living. Aspiration presses and drives 'upwards' and such a state of concentration is achieved that soul life can infuse the personality.

73. Giai đoạn kế tiếp liên quan đến khát vọng của phàm ngã đối với đời sống linh hồn. Khát vọng ép và thúc đẩy "đi lên", và một trạng thái tập trung như thế được đạt đến để đời sống linh hồn có thể thấm nhuần phàm ngã.

74. The causal body demonstrates an increasing radiance as (under Vulcan—which pressed, drives and concentrates) do the atoms of the personality nature.

74. Thể nguyên nhân biểu lộ một sự rạng ngời ngày càng tăng, cũng như (dưới Vulcan—đấng ép, thúc đẩy và tập trung) các nguyên tử của bản chất phàm ngã cũng vậy.

75. The exudation, mutation and change of form suggest the process of transfiguration which precedes the escape of the volatile essence at the fourth initiation. Exudation, per se, is related to sweat and thus to the necessary process of purification which must precede transfiguration. Exudation occurs through the application of heat—both external and internal.

75. Sự tiết xuất, sự biến đổi và sự thay đổi hình tướng gợi ý tiến trình Biến hình, vốn đi trước sự thoát ra của tinh chất dễ bay hơi ở lần điểm đạo thứ tư. Chính sự tiết xuất liên hệ với mồ hôi và do đó với tiến trình thanh luyện cần thiết phải đi trước Biến hình. Sự tiết xuất xảy ra qua việc áp dụng nhiệt—cả bên ngoài lẫn bên trong.

76. From this point of view, the original production of moisture may be an exudation which is equivalent to the production of emotional responses in the midst of physical plane living. We remember that in the strictly Lemurian stage of human development, there is little emotion per se. Emotion supervenes later, in the Atlantean phase.

76. Từ quan điểm này, sự tạo ra độ ẩm ban đầu có thể là một sự tiết xuất tương đương với việc tạo ra các đáp ứng cảm xúc giữa đời sống cõi hồng trần. Chúng ta nhớ rằng trong giai đoạn phát triển nhân loại thuần Lemuria, bản thân cảm xúc hầu như không có. Cảm xúc xuất hiện về sau, trong giai đoạn Atlantis.

77. There are physical and subtle exudations and they both contribute to the expansion of the causal body and the mutations which lead it towards fulfilled unfoldment.

77. Có những sự tiết xuất hồng trần và vi tế, và cả hai đều góp phần vào sự mở rộng của thể nguyên nhân và những biến đổi dẫn nó đến sự khai mở viên mãn.

78. May we say that Transfiguration is a kind of "mutation"—the change of form and figure into that which represents abstract or archetypal patterns?

78. Chúng ta có thể nói rằng Biến hình là một loại "biến đổi"—sự thay đổi hình tướng và hình thể thành điều biểu hiện các mô hình trừu tượng hay nguyên mẫu chăng?

79. The "volatile essence" is the life aspect within the causal body which has gathered to itself the sublimation of all experience in the three lower worlds.

79. "Tinh chất dễ bay hơi" là phương diện sự sống bên trong thể nguyên nhân, vốn đã tập hợp vào chính nó sự thăng hoa của mọi kinh nghiệm trong ba cõi thấp.

80. From one perspective, the "Jiva" is the volatile essence; it is life imprisoned and destined for release. The volatile essence is, like the Jiva, a monadic projection into the lower worlds.

80. Từ một góc nhìn, "Jiva" là tinh chất dễ bay hơi; đó là sự sống bị giam cầm và được định sẵn để giải thoát. Tinh chất dễ bay hơi, cũng như Jiva, là một sự phóng chiếu chân thần vào các cõi thấp.

81. Once the this volatile essence escapes, it signals the destruction of the causal body and perhaps of the personality. The lesser lives within both (causal body and personality—i.e., elemental lives in relation to the personality and manasadevas in relation to the causal body) are gathered back to the appropriate reservoirs. Although these lives return to the "Reservoir of Life" much had been added to them through their experience of association with an evolving human unit.

81. Một khi tinh chất dễ bay hơi này thoát ra, nó báo hiệu sự phá huỷ của thể nguyên nhân và có lẽ cả của phàm ngã. Các sự sống nhỏ hơn trong cả hai (thể nguyên nhân và phàm ngã—tức là, các sự sống hành khí liên hệ với phàm ngã và manasadevas liên hệ với thể nguyên nhân) được tập hợp trở lại các kho chứa thích hợp. Mặc dù các sự sống này trở về "Kho Chứa của Sự Sống", rất nhiều điều đã được thêm vào chúng qua kinh nghiệm kết hợp với một đơn vị nhân loại đang tiến hoá.

82. This same formula could be applied to the evolution and liberation of any type of self-conscious unit—even those units far above the status of man.

82. Cùng công thức này có thể được áp dụng cho sự tiến hoá và giải thoát của bất kỳ loại đơn vị ngã thức nào—ngay cả những đơn vị vượt xa địa vị của con người.

83. The fourfold process largely follows this sequence:

83. Tiến trình tứ phân phần lớn theo chuỗi này:

a. Exudation

a. Sự tiết xuất

b. Mutation

b. Sự biến đổi

c. Change of Form

c. Sự thay đổi Hình tướng

d. Liberation

d. Sự giải thoát

e. Re-gathering

e. Sự tập hợp lại

84. There are many secrets of the utmost importance still hidden in these four phrases from the Old Commentary, but perhaps what is here said will help us think in a direction which will reveal a few of the many unknowns.

84. Vẫn còn nhiều bí mật cực kỳ quan trọng ẩn giấu trong bốn cụm từ này từ Cổ Luận, nhưng có lẽ điều được nói ở đây sẽ giúp chúng ta suy nghĩ theo một hướng có thể mặc khải một vài trong số rất nhiều điều chưa biết.

He who ponders these formulas and who meditates upon the method and suggested process **will receive a general idea of the evolutionary process of transmutation**

Kẻ suy ngẫm về các công thức này và tham thiền về phương pháp cùng tiến trình được gợi ý **sẽ nhận được một ý niệm tổng quát về tiến trình tiến hoá của sự chuyển hoá, điều**

which will be of more value to him than the formulas whereby the devas transmute the various minerals.

85. DK is attempting to direct us away from the material form of alchemy related strictly to the third aspect and the transmutation of matter into higher forms of matter. This lower form of transmutation was more appropriate to those who may have undertaken the alchemical work when the matter aspect was most prominent—for instance, in the last solar system or upon the Moon-chain.

86. Thus, even a general idea of the transmutation process is of value to us.

87. In general we have to remember that the work falls into four stages:

a. Work with the personality elementals

b. Work with the personality as it aspires towards the soul

c. Work with the Solar Angels or Agnishvattas

d. Work to liberate the volatile essence form the causal sheath and thus, release, as well, the Solar Angels from their confinement.

88. It will be found that the four alchemical phrases will relate to one (or, in one instance, perhaps two) of the four stages listed above.

89. It would repay each of us to assess our relation to this fourfold alchemical process

sẽ có giá trị đối với y hơn là các công thức nhờ đó các thiên thần chuyển hoá các khoáng chất khác nhau.

85. Chân sư DK đang cố gắng hướng chúng ta rời khỏi hình thức vật chất của thuật luyện kim chỉ liên hệ với phương diện thứ ba và sự chuyển hoá vật chất thành các hình thức vật chất cao hơn. Hình thức chuyển hoá thấp này thích hợp hơn với những ai có thể đã đảm nhận công việc luyện kim khi phương diện vật chất nổi trội nhất—chẳng hạn, trong hệ mặt trời trước hay trên Dãy Mặt Trăng.

86. Vì vậy, ngay cả một ý niệm tổng quát về tiến trình chuyển hoá cũng có giá trị đối với chúng ta.

87. Nói chung, chúng ta phải nhớ rằng công việc rơi vào bốn giai đoạn:

a. Làm việc với các hành khí của phàm ngã

b. Làm việc với phàm ngã khi nó khát vọng hướng tới linh hồn

c. Làm việc với các Thái dương Thiên Thần hay các Agnishvatta

d. Làm việc để giải thoát tinh chất dễ bay hơi khỏi vỏ nguyên nhân và nhờ đó cũng giải thoát các Thái dương Thiên Thần khỏi sự giam hãm của các vị.

88. Người ta sẽ thấy rằng bốn cụm từ luyện kim sẽ liên hệ với một (hoặc, trong một trường hợp, có lẽ là hai) trong bốn giai đoạn được liệt kê ở trên.

89. Sẽ rất đáng để mỗi chúng ta đánh giá mối liên hệ của mình với tiến trình luyện kim tứ

and the stage in which we presently find ourselves, and why.

Transmutation concerns the life of the atom, and is hidden in a knowledge of the laws governing radioactivity.

90. Scientists who read this statement may dispute the Tibetan's assertion, but He considers the life of the atom and radioactivity in a manner different from even the most progressive scientists.

It is interesting to note how in the scientific expression 'radioactivity,' we have the eastern conception of Vishnu-Brahma, or the Rays of Light vibrating through matter.

91. This is a most important idea—conceiving radioactivity as "Vishnu-Brahma".

92. In this context, Vishnu is the source of the Rays of Light and Brahma provides the matter through which this Rays of Light vibrate.

93. From another perspective (a Kabbalistic one), light *is* matter, and so one might question why Rays of Light must vibrate *through* matter.

94. Yet, there is always 'Light within light'—ever a greater Light impulsing and impacting lesser lights.

phân này và giai đoạn mà hiện nay chúng ta đang ở trong đó, cùng lý do tại sao.

Sự chuyển hoá liên quan đến sự sống của nguyên tử, và được ẩn giấu trong tri thức về các định luật chi phối tính phóng xạ.

90. Các nhà khoa học đọc phát biểu này có thể tranh luận với khẳng định của Chân sư Tây Tạng, nhưng Ngài xem xét sự sống của nguyên tử và tính phóng xạ theo một cách khác với ngay cả những nhà khoa học tiến bộ nhất.

Thật thú vị khi lưu ý rằng trong cách diễn đạt khoa học "radioactivity", chúng ta có quan niệm phương Đông về Vishnu-Brahma, hay Các Cung Ánh Sáng rung động xuyên qua vật chất.

91. Đây là một ý tưởng cực kỳ quan trọng—hình dung tính phóng xạ như "Vishnu-Brahma".

92. Trong ngữ cảnh này, Vishnu là nguồn của Các Cung Ánh Sáng và Brahma cung cấp vật chất mà qua đó các Cung Ánh Sáng này rung động.

93. Từ một góc nhìn khác (một góc nhìn Kabbalah), ánh sáng *là* vật chất, và vì thế người ta có thể đặt câu hỏi tại sao Các Cung Ánh Sáng phải rung động *xuyên qua* vật chất.

94. Tuy nhiên, luôn luôn có "Ánh sáng trong ánh sáng"—luôn luôn có một Ánh Sáng lớn hơn thúc đẩy và tác động lên những ánh sáng nhỏ hơn.

Do đó, cách giải thích thường được chấp nhận về thuật ngữ "nguyên tử" phải được

Hence the usually accepted interpretation of the term 'atom' must be extended from that of the atom of chemistry to include:

mở rộng từ nguyên tử của hoá học để bao gồm:

95. DK expands the usual concept of the atom in a manner with which we are now familiar.

95. Chân sư DK mở rộng khái niệm thông thường về nguyên tử theo một cách mà giờ đây chúng ta đã quen thuộc.

a. All atoms or spheres upon the physical plane.

a. Mọi nguyên tử hay khối cầu trên cõi hồng trần.

96. Here we are dealing either with tiny etheric and physical atoms or with aggregations or congeries of the atoms of matter/substance. From this perspective, molecules are also “atoms”.

96. Ở đây chúng ta đang đề cập hoặc đến các nguyên tử dĩ thái và hồng trần cực nhỏ hoặc đến các tập hợp hay cụm của các nguyên tử vật chất/chất liệu. Từ góc nhìn này, các phân tử cũng là “nguyên tử”.

97. It is being suggested that atoms are of a generally spherical nature. DK offer distinctions now and then, for different atoms are somewhat differently ‘shaped’, but over-all, they are spherical.

97. Ở đây đang gợi ý rằng các nguyên tử có bản chất nhìn chung là hình cầu. Chân sư DK đôi khi đưa ra những phân biệt, vì các nguyên tử khác nhau có “hình dạng” hơi khác nhau, nhưng nhìn tổng thể, chúng là hình cầu.

98. Planets and suns, we must by now realize, are spherical atoms.

98. Đến lúc này, hẳn chúng ta phải nhận ra rằng các hành tinh và các mặt trời là những nguyên tử hình cầu.

b. All atoms or spheres upon the astral and mental planes.

b. Mọi nguyên tử hay khối cầu trên cõi cảm dục và cõi trí.

99. The astral and mental planes are also atomic in nature. The nature of these subtler atoms can be studied in the book *Occult Chemistry* or in the Theosophical texts of Jinarajadasa.

99. Cõi cảm dục và cõi trí cũng có bản chất nguyên tử. Bản chất của các nguyên tử vi tế hơn này có thể được nghiên cứu trong sách *Occult Chemistry* hoặc trong các văn bản Thông Thiên Học của Jinarajadasa.

c. The human being in physical incarnation.

c. Con người trong lâm phàm hồng trần.

100. The human being in physical incarnation is considered an atom. This type of human atom (as we learn below) is

100. Con người trong lâm phàm hồng trần được xem là một nguyên tử. Loại nguyên tử nhân loại này (như chúng ta sẽ thấy bên

distinct from the causal body of man which is also considered an atom.

d. The causal body of man on its own plane.

101. Usually the human unit as a whole is considered an atom—especially when comparisons are drawn between it and the Heavenly Man or Grand Heavenly Man.

102. In this enumeration, the human atom is divided into two atoms—one related to the personality sphere, the other to the sphere of the Ego on the higher mental plane.

103. The astral, mental spheres are part of the human atom. Is there, strictly speaking a 'personality sphere'. One might think so, although it is never portrayed in the usual diagrams. As for the etheric body, it is not a sphere per se, and of course, the physical body is not (yet) a sphere.

e. All planes as entified spheres.

104. These "entified spheres" are ensouled by Raja Deva Lords. Sub-planes are also entified spheres, though lesser in scope. Sub-planes are ensouled by deva entities who may be considered aspects of a Raja Deva Lord.

f. All planets, chains and globes within the solar system.

105. In this case the term "planets" does not refer only to the globe level—especially to

dưới) khác với thể nguyên nhân của con người, vốn cũng được xem là một nguyên tử.

d. Thể nguyên nhân của con người trên cõi riêng của nó.

101. Thông thường, toàn bộ đơn vị nhân loại được xem là một nguyên tử—đặc biệt khi có sự so sánh giữa nó với Đấng Thiên Nhân hay Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại.

102. Trong sự liệt kê này, nguyên tử nhân loại được chia thành hai nguyên tử—một liên hệ với khối cầu phàm ngã, nguyên tử kia liên hệ với khối cầu của chân ngã trên Cõi thượng trí.

103. Các khối cầu cảm dục, trí tuệ là một phần của nguyên tử nhân loại. Nói một cách nghiêm ngặt, có một "khối cầu phàm ngã" chăng? Người ta có thể nghĩ là có, mặc dù nó không bao giờ được mô tả trong các sơ đồ thông thường. Còn đối với thể dĩ thái, bản thân nó không phải là một khối cầu, và dĩ nhiên, thể xác (chưa) phải là một khối cầu.

e. Mọi cõi như những khối cầu được phú linh.

104. Những "khối cầu được phú linh" này được phú linh bởi các Raja Deva Lords. Các cõi phụ cũng là những khối cầu được phú linh, dù nhỏ hơn về phạm vi. Các cõi phụ được phú linh bởi các thực thể thiên thần có thể được xem là các phương diện của một Raja Deva Lord.

f. Mọi hành tinh, dãy và bầu hành tinh trong hệ mặt trời.

105. Trong trường hợp này, thuật ngữ "hành tinh" không chỉ nói đến cấp độ bầu hành tinh—đặc biệt là bầu hồng trần đậm đặc của

the dense physical globe of the Earth-scheme as sometimes the term does.

106. Rather the term "planets" seems to relate to *entire* planetary schemes.

107. In short, all the three major aspects of planetary schemes are as atoms.

g. All monads on their own plane, whether human monads or Heavenly Men.

108. This may come as a new idea—that Monads are as atoms.

109. We see now that the human unit has been divided into three parts—personality, soul and Monad and *each* of these parts is to be considered as an atom.

110. Perhaps it is the Monad in its sheath that is to be considered the atom. The Monad, per se, is *essential being* and should not be considered atomic in the spherical sense.

h. The solar Ring-Pass-Not, the aggregate of all lesser atoms.

111. We are by now familiar with the idea that the solar system as the etheric- physical expression of the Solar Logos is to be considered as the macrocosmic atom in relation to the minute atom, man.

112. This enumeration of atoms is one of the most complete in the book, transcending in scope the *usual* mention of but four types of atoms, as follows:

hệ hành tinh Địa Cầu như đôi khi thuật ngữ này vẫn được dùng.

106. Đúng hơn, thuật ngữ "hành tinh" dường như liên hệ với các hệ hành tinh *trọn vẹn*.

107. Tóm lại, cả ba phương diện chính của các hệ hành tinh đều như những nguyên tử.

g. Mọi chân thần trên cõi riêng của chúng, dù là chân thần nhân loại hay các Đấng Thiên Nhân.

108. Đây có thể là một ý tưởng mới—rằng các Chân thần là như những nguyên tử.

109. Giờ đây chúng ta thấy rằng đơn vị nhân loại đã được chia thành ba phần—phàm ngã, linh hồn và chân thần, và *mỗi* phần trong số này đều được xem như một nguyên tử.

110. Có lẽ chính Chân thần trong vỏ của nó mới được xem là nguyên tử. Bản thân Chân thần là *bản thể cốt yếu* và không nên được xem là có tính nguyên tử theo nghĩa hình cầu.

h. Vòng-giới-hạn thái dương, tổng thể của mọi nguyên tử nhỏ hơn.

111. Đến nay chúng ta đã quen thuộc với ý tưởng rằng hệ mặt trời như biểu hiện dĩ thái-hồng trần của Thái dương Thượng đế phải được xem là nguyên tử đại thiên địa trong tương quan với nguyên tử nhỏ bé là con người.

112. Sự liệt kê các nguyên tử này là một trong những sự liệt kê đầy đủ nhất trong sách, vượt xa về phạm vi so với sự đề cập

thông thường chỉ đến bốn loại nguyên tử như sau:

a. The atom of matter/substance

a. Nguyên tử của vật chất/chất liệu

b. Man as an atom

b. Con người như một nguyên tử

c. A Planetary Logos or Heavenly Man as an atom

c. Một Hành Tinh Thượng Đế hay Đấng Thiên Nhân như một nguyên tử

d. A Solar Logos as an atom.

d. Một Thái dương Thượng đế như một nguyên tử.

In all these atoms, stupendous or minute, microcosmic or macrocosmic, *the central life corresponds to the positive charge of electrical force predicated by science*, whether it is the life of a cosmic Entity such as a solar Logos, or **the tiny elemental life** within a physical atom.

Trong tất cả những nguyên tử này, vĩ đại hay cực nhỏ, tiểu thiên địa hay đại thiên địa, *Sự sống trung tâm tương ứng với điện tích dương của mãnh lực điện mà khoa học giả định*, dù đó là sự sống của một Thực Thể vũ trụ như một Thái dương Thượng đế, hay **sự sống hành khí nhỏ bé** bên trong một nguyên tử hồng trần.

113. The "positive charge of electrical force" within an atom of matter-substance is a *proton.*

113. "Điện tích dương của mãnh lực điện" bên trong một nguyên tử vật chất-chất liệu là một *proton.*

114. It is interesting to consider the positive life at the heart of a Solar Logos as a kind of 'solar proton' and the tiny elemental life within the physical atom equally as a proton.

114. Thật thú vị khi xem xét sự sống dương ở tim của một Thái dương Thượng đế như một loại "proton thái dương" và sự sống hành khí nhỏ bé trong nguyên tử hồng trần cũng tương tự như một proton.

115. Shall we consider the essential Monad as a proton as well?

115. Chúng ta có nên xem Chân thần cốt yếu cũng như một proton không?

116. And when the Monad, itself, is being considered as an atom, what shall we find at its core that shall be considered as a proton? Surely there is a central life at the heart of the monadic vehicle which is the *true* Monad.

116. Và khi chính Chân thần được xem như một nguyên tử, chúng ta sẽ tìm thấy điều gì ở lõi của nó để được xem như một proton? Chắc chắn có một sự sống trung tâm ở tim của vận cụ chân thần, vốn là Chân thần *đích thực*.

117. We are faced with the issue of whether we shall differentiate *pure being* from a positive charge of electrical force, or whether that positive charge is really an emanation of pure being. The idea is that there is a point in the center of the triangle, and three types of expression—positive, negative and equilibrised.

117. Chúng ta đối diện với vấn đề liệu chúng ta có nên phân biệt *bản thể thuần tuý* với một điện tích dương của mãnh lực điện hay không, hay liệu điện tích dương đó thực sự là một phát xạ của bản thể thuần tuý. Ý tưởng là có một điểm ở trung tâm của tam giác, và ba loại biểu hiện—dương, âm và cân bằng.

118. We might say that the positive charge is the emanation most representative of pure or essential being, just as atma is the principle most representative of the nature of the Monad.

118. Chúng ta có thể nói rằng điện tích dương là phát xạ tiêu biểu nhất cho bản thể thuần tuý hay cốt yếu, cũng như atma là nguyên khí tiêu biểu nhất cho bản chất của Chân thần.

The lesser atoms which revolve round their positive centre, and which are at present termed electrons by science,

Các nguyên tử nhỏ hơn quay quanh trung tâm dương của chúng, và hiện nay được khoa học gọi là electron,

119. Will such lives be called something else as science develops and pays more attention to occult hypotheses?

119. Liệu những sự sống như thế rồi sẽ được gọi bằng một tên khác khi khoa học phát triển và chú ý nhiều hơn đến các giả thuyết huyền bí học chăng?

120. In any case, given the generalizing offered by Master DK, the electron as well is to be considered a kind of atom.

120. Dù sao đi nữa, theo sự khái quát hoá do Chân sư DK đưa ra, electron cũng phải được xem là một loại nguyên tử.

are the negative aspect, and this is true not only of the atom on the physical plane, but of the human atoms, held to their central attractive point, a Heavenly Man, **or the [Page 478] atomic forms** which in their aggregate form the recognised solar system.

là phương diện âm, và điều này đúng không chỉ đối với nguyên tử trên cõi hồng trần, mà còn đối với các nguyên tử nhân loại, được giữ vào điểm hấp dẫn trung tâm của chúng là một Đấng Thiên Nhân, **hay các [Page 478]hình tướng nguyên tử** mà trong tổng thể của chúng tạo thành hệ mặt trời được công nhận.

121. DK is extending the analogy, helping us discern not only the positive aspect at the center of any atom but the negative aspects also.

121. Chân sư DK đang mở rộng phép loại suy, giúp chúng ta phân biện không chỉ phương diện dương ở trung tâm của bất kỳ nguyên tử nào mà cả các phương diện âm nữa.

122. Just as atoms of substance have, in electrons, examples of the "negative aspect", so Heavenly Men have in human atoms, an example of the negative aspect. Human beings are as electrons to the Planetary Logoi. This seems to be the implication expressed in the section above.

122. Cũng như các nguyên tử của chất liệu có, trong các electron, những ví dụ về "phương diện âm", thì các Đấng Thiên Nhân có, trong các nguyên tử nhân loại, một ví dụ về phương diện âm. Con người như những electron đối với các Hành Tinh Thượng Đế. Dường như đó là hàm ý được diễn đạt trong đoạn trên.

123. If human beings are to be considered electrons in relation to a Heavenly Man (though the scale does seem rather too large), what is the implication of the fact that human beings (as Monads) go to the constitution of certain chakras in the Heavenly Man? Are these chakras, in some respect, atomic, composed as they are of many lesser atoms called human Monads?

123. Nếu con người được xem là các electron trong tương quan với một Đấng Thiên Nhân (mặc dù quy mô dường như quá lớn), thì hàm ý của sự kiện rằng con người (như các Chân thần) đi vào cấu tạo của một số luân xa trong Đấng Thiên Nhân là gì? Có phải các luân xa này, trong một phương diện nào đó, có tính nguyên tử, vì chúng được cấu thành bởi nhiều nguyên tử nhỏ hơn gọi là các Chân thần nhân loại?

124. In other discussions human beings in relation to a Planetary Logos are seen as "cells" and not electrons.

124. Trong những bàn luận khác, con người trong tương quan với một Hành Tinh Thượng Đế được xem là "tế bào" chứ không phải electron.

125. We are also given a hint about what types of forms are to be considered electrons in relation to a Solar Logos. Clearly planetary schemes are too large to be considered as electrons in relation to a Solar Logos.

125. Chúng ta cũng được cho một gợi ý về những loại hình tướng nào được xem là electron trong tương quan với một Thái dương Thượng đế. Rõ ràng các hệ hành tinh quá lớn để được xem là electron trong tương quan với một Thái dương Thượng đế.

126. Certain atomic forms (in aggregate) are to be considered as electrons to the Solar Logos.

126. Một số hình tướng nguyên tử nào đó (trong tổng thể) được xem là các electron đối với Thái dương Thượng đế.

127. If man is as an electron to the Planetary Logos, are aggregates of men (in different ashramic or chakric configurations, to be considered as electrons to the Solar Logos?

127. Nếu con người như một electron đối với Hành Tinh Thượng Đế, thì các tập hợp người (trong những cấu hình ashram hay luân xa khác nhau) có được xem là các electron đối với Thái dương Thượng đế không?

All forms are built up in an analogous manner and the only difference consists—as the text-books teach—in the arrangement and the number of the electrons.[57]

Mọi hình tướng đều được xây dựng theo một cách tương tự và sự khác biệt duy nhất nằm ở—như các sách giáo khoa dạy—sự sắp xếp và số lượng các electron.57

128. DK is hinting at the fundamental similarity of all forms, differentiated only by the arrangement and number of electrons in relation to the positive nucleus.

128. Chân sư DK đang gợi ý về sự tương đồng căn bản của mọi hình tướng, chỉ được phân biệt bởi sự sắp xếp và số lượng electron trong tương quan với hạt nhân dương.

129. Are we being told of the ways that one Planetary Logos differs from another? In the "arrangement and the number of electrons"? Human beings, let us remember, are as electrons to a Planetary Logos and they may be differently arranged (in groupings) within different planetary schemes.

129. Có phải chúng ta đang được cho biết những cách mà Hành Tinh Thượng Đế này khác với Hành Tinh Thượng Đế khác? Trong "sự sắp xếp và số lượng các electron" chăng? Xin nhớ rằng con người như các electron đối với một Hành Tinh Thượng Đế và họ có thể được sắp xếp khác nhau (thành các nhóm) trong các hệ hành tinh khác nhau.

130. What may be considered as electrons in relation to the human being? The elemental lives which compose the various lunar vehicles? There are too few lunar lords for them to be considered as electrons to the positive nucleus of the human being.

130. Điều gì có thể được xem là các electron trong tương quan với con người? Các sự sống hành khí cấu thành các vận cụ nguyệt tinh khác nhau chăng? Có quá ít nguyệt tinh quân để chúng được xem là các electron đối với hạt nhân dương của con người.

131. Perhaps, the answer is simple. The atom of substance-matter may be considered 'electronic' in relation to a human being. The scale comparing atoms to human being and human beings to a Heavenly Man or Planetary Logos does not match. The analogy would come closer if cells within the body of a human being were to be considered as electrons in relation to that human being. Still, there are too many cells.

131. Có lẽ câu trả lời là đơn giản. Nguyên tử của chất liệu-vật chất có thể được xem là "điện tử" trong tương quan với con người. Quy mô so sánh các nguyên tử với con người và con người với một Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế không tương ứng. Phép loại suy sẽ gần hơn nếu các tế bào trong thân thể của con người được xem là các electron trong tương quan với con người đó. Tuy nhiên, vẫn có quá nhiều tế bào.

The electron itself will eventually be found to be an elemental, tiny life.

Bản thân electron cuối cùng sẽ được phát hiện là một hành khí, một sự sống nhỏ bé.

132. This is an important and fascinating thought. We remember that the positive life

at the heart of the atom is also an elemental life.

132. Đây là một tư tưởng quan trọng và hấp dẫn. Chúng ta nhớ rằng sự sống dương ở tim của nguyên tử cũng là một sự sống hành khí.

133. All tiny lives are really *one* Life. We are led to consider how the One may be divided into the Many, and yet remain the One. The phrase, 'articulated presences of the One at different levels of intensity'.

133. Mọi sự sống nhỏ bé thực sự là *một* Sự Sống. Chúng ta được dẫn đến việc xem xét làm thế nào Đấng Duy Nhất có thể được phân chia thành Nhiều, mà vẫn là Đấng Duy Nhất. Cụm từ là, "những hiện diện được phân tiết của Đấng Duy Nhất ở các cấp độ cường độ khác nhau".

FOOTNOTE [57]: Atom and Electron: *See Consciousness of the Atom,* page 17-22.

CHÚ THÍCH 57: Nguyên tử và Electron: *Xem Consciousness of the Atom,* trang 17-22.

The second point I seek to make now is*:* ***Radiation is transmutation in process of accomplishment.***

Điểm thứ hai mà tôi muốn nêu ra lúc này là*:* ***Phóng xạ là sự chuyển hoá trong tiến trình được hoàn thành.***

134. This is an entirely new and occultly progressive way of thinking about radiation.

134. Đây là một cách hoàn toàn mới và tiến bộ về mặt huyền bí học để suy nghĩ về phóng xạ.

135. Transmutation is "the passage across from one state of being to another through the agency of fire" and radiation is evidence that this transmutation is in process.

135. Chuyển hoá là "sự đi qua từ trạng thái hiện hữu này sang trạng thái hiện hữu khác qua tác nhân của lửa" và phóng xạ là bằng chứng rằng sự chuyển hoá này đang trong tiến trình.

136. As aspirants and disciples (for we are both), we should be in the midst of one or other stage of the transmutative process and thus, in some measure, I lives should be *radiant* or at least, *radiating.*

136. Là những người chí nguyện và đệ tử (vì chúng ta là cả hai), chúng ta nên đang ở giữa giai đoạn này hay giai đoạn khác của tiến trình chuyển hoá và vì vậy, ở một mức độ nào đó, đời sống của tôi phải *rạng ngời* hoặc ít nhất là *đang toả chiếu.*

Transmutation being the liberation of the essence in order that it may seek a new centre, the process may be recognised as radioactivity technically understood and applied to all atomic bodies without exception.

Vì chuyển hoá là sự giải thoát tinh chất để nó có thể tìm kiếm một trung tâm mới, nên tiến trình này có thể được nhận biết như tính phóng xạ được hiểu theo nghĩa kỹ thuật và được áp dụng cho mọi thể nguyên tử không ngoại lệ.

137. This is a higher definition of transmutation than that which suggests the elevation of the quality of matter in any vehicle. There is elevation of frequency and hence of quality, but the purpose of the transmutative elevation is *liberation*.

137. Đây là một định nghĩa cao hơn về sự chuyển hoá so với định nghĩa gợi ý việc nâng cao phẩm tính của vật chất trong bất kỳ vận cụ nào. Có sự nâng cao tần số và do đó nâng cao phẩm tính, nhưng mục đích của sự nâng cao chuyển hoá là *sự giải thoát*.

138. Usually transmutation is considered as a process preliminary to transformation and transfiguration. In this context, transmutation leads directly to liberation of the volatile essence.

138. Thông thường, sự chuyển hoá được xem là một tiến trình sơ khởi dẫn đến sự chuyển đổi và Biến hình. Trong ngữ cảnh này, sự chuyển hoá dẫn trực tiếp đến sự giải thoát tinh chất linh động.

139. Every time we are able to identify the presence of radioactivity, we recognize that a transmutative process is underway.

139. Mỗi khi chúng ta có thể nhận ra sự hiện diện của tính phóng xạ, chúng ta nhận biết rằng một tiến trình chuyển hoá đang diễn ra.

140. From this perspective, the destruction of the causal body and the liberation of its volatile essence into the spiritual triad is a process of transmutation.

140. Từ góc nhìn này, sự hủy diệt thể nguyên nhân và sự giải thoát tinh chất linh động của nó vào Tam nguyên tinh thần là một tiến trình chuyển hoá.

That science has but recently become aware of radium (an example of the process of transmutation) is but the fault of science.

Việc khoa học chỉ mới gần đây nhận biết được radium (một ví dụ về tiến trình chuyển hoá) chỉ là lỗi của khoa học mà thôi.

141. This is a curious statement indicating that science may have *unnecessarily* followed false tracks or refused to follow evident hints in a proper manner.

141. Đây là một phát biểu kỳ lạ, cho thấy rằng khoa học có thể đã *không cần thiết* đi theo những lối sai lạc hoặc từ chối theo đuổi những gợi ý hiển nhiên một cách đúng đắn.

142. We may presume that radioactive atoms are atoms of higher development than those which are not (yet) radioactive.

142. Chúng ta có thể giả định rằng các nguyên tử phóng xạ là những nguyên tử có mức phát triển cao hơn những nguyên tử chưa phóng xạ.

143. This, of course, is true of human beings: 'radioactive' human beings are more highly developed than those who are not yet 'radioactive'

143. Dĩ nhiên, điều này cũng đúng với con người: những con người "phóng xạ" phát triển cao hơn những người chưa "phóng xạ".

As this is more comprehended it will be found that all radiations, such as magnetism or psychic exhalation, are but the transmuting process proceeding on a large scale.

Khi điều này được thấu hiểu nhiều hơn, người ta sẽ thấy rằng mọi bức xạ, như từ điện hay sự toả ra thông linh, chỉ là tiến trình chuyển hoá đang diễn ra trên quy mô lớn.

144. DK has raised the concept of radiation to the psychic realm

144. Chân sư DK đã nâng khái niệm bức xạ lên cõi thông linh.

a. Magnetism is a form of radiation

a. Từ điện là một hình thức bức xạ.

b. Psychic exhalation is a form of radiation

b. Sự toả ra thông linh là một hình thức bức xạ.

145. When magnetism appears through association with electricity, is a form of radiation and hence transmutation in process?

145. Khi từ điện xuất hiện qua sự kết hợp với điện, phải chăng đó là một hình thức bức xạ và do đó là sự chuyển hoá đang diễn ra?

146. The term "large scale" is interesting. Is this suggesting that when magnetism and psychic exhalation are detected, transmutation is proceeding on a larger scale than in relation to the more etheric-physical radiations.

146. Cụm từ "quy mô lớn" thật đáng chú ý. Phải chăng điều này gợi ý rằng khi từ điện và sự toả ra thông linh được phát hiện, sự chuyển hoá đang diễn ra trên quy mô lớn hơn so với các bức xạ dĩ thái-hồng trần hơn?

The point to be grasped here is that the transmuting process, when effective, is superficially the result of outside factors.

Điểm cần nắm bắt ở đây là tiến trình chuyển hoá, khi hữu hiệu, bề ngoài là kết quả của các yếu tố bên ngoài.

147. DK is suggesting the *inner causes* of the transmutative process. Outer causes may be contributory but they do not cause the onset of the process.

147. Chân sư DK đang gợi ý về các *nguyên nhân bên trong* của tiến trình chuyển hoá. Các nguyên nhân bên ngoài có thể góp phần, nhưng chúng không gây ra sự khởi phát của tiến trình này.

Basically it is the result of the inner positive nucleus of force or life reaching such a terrific rate of vibration, that it eventually scatters the electrons or negative points which compose its sphere of influence, and scatters them to such a

Về căn bản, đó là kết quả của việc hạt nhân dương bên trong của mãnh lực hay sự sống đạt đến một tốc độ rung động mãnh liệt đến mức cuối cùng nó làm phân tán các electron hay các điểm âm cấu thành khối

distance that the Law of Repulsion dominates.

148. This is perhaps DK's clearest presentation of the cause of the transmutative process.

149. From one perspective, the inner positive nucleus of force may be considered the "Jewel in the Lotus". When it reaches the requisite intensity of vibration it will shatter the causal body (or the correspondence to the causal body) in which it is confined.

150. We find, therefore, that the liberative climax of the transmutative process is related to the Law of Repulsion. It must not be forgotten that the repulsion is part of the Law of Attraction (and Repulsion), and hence transmutation has an intimate association with this second cosmic law.

151. That which is scattered, we must remember, was once attracted.

152. We note that the "inner positive nucleus" is a something capable of vibration. We may gather, then, that it is *substantial* as is not *Spirit* per se. If we think deeply, I think we shall agree, that Spirit, per se, cannot vibrate. This is to be pondered.

153. Shall man, serving as an electron to a Heavenly Man or Planetary Logos be scattered to a distance? Interestingly, we are passing through a minor *fourth initiation* on within this fourth chain of the Earth-scheme. The fourth initiation contains destructive processes in which scattering and dispersion are to be expected.

cầu ảnh hưởng của nó, và phân tán chúng ra xa đến mức Định luật Đẩy Lùi chi phối.

148. Đây có lẽ là cách trình bày rõ ràng nhất của Chân sư DK về nguyên nhân của tiến trình chuyển hoá.

149. Từ một góc nhìn, hạt nhân dương bên trong của mãnh lực có thể được xem là "Viên Ngọc trong Hoa Sen". Khi nó đạt đến cường độ rung động cần thiết, nó sẽ phá vỡ thể nguyên nhân (hay sự tương ứng với thể nguyên nhân) trong đó nó bị giam giữ.

150. Vì vậy, chúng ta thấy rằng cao điểm giải thoát của tiến trình chuyển hoá có liên hệ với Định luật Đẩy Lùi. Không được quên rằng sự đẩy lùi là một phần của Định luật Hấp Dẫn (và Đẩy Lùi), và do đó sự chuyển hoá có liên hệ mật thiết với định luật vũ trụ thứ hai này.

151. Chúng ta phải nhớ rằng điều bị phân tán đã từng được hấp dẫn.

152. Chúng ta lưu ý rằng "hạt nhân dương bên trong" là một cái gì đó có khả năng rung động. Vậy thì, chúng ta có thể suy ra rằng nó là *có chất liệu* chứ không phải là *Tinh thần* chính nó. Nếu suy nghĩ sâu sắc, tôi nghĩ chúng ta sẽ đồng ý rằng Tinh thần, chính nó, không thể rung động. Điều này cần được suy gẫm.

153. Phải chăng con người, khi phục vụ như một electron đối với một Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế, sẽ bị phân tán ra xa? Điều thú vị là chúng ta đang đi qua một *lần điểm đạo thứ tư* nhỏ bên trong dãy thứ tư này của hệ hành tinh Địa Cầu. Lần điểm đạo thứ tư bao hàm các tiến trình hủy diệt, trong đó sự phân tán và phân tỏa là điều có thể chờ đợi.

They are then no more attracted to their original centre but seek another.

154. The other centre to be sought is usually of a higher nature than the center to which the “negative points” were once attracted and from which they are scattered in the transmutative process.

155. We can understand that, in the case of man, the "Jewel in the Lotus" engineers the rising of the volatile life at the center of the Egoic Lotus into the spiritual triad.

156. From a still higher perspective, at the destruction of the Temple of Ezekiel on the monadic plane, the volatile essence lies at the very center of the Monad and may be presumed to seek a relationship not with the Heavenly Man Who held the Monad as an electron, but with the Solar Logos to which the liberated Monad may now become ‘electronic’.

157. Will this development arise as our Planetary Logos takes his *scheme-wide* fourth initiation (which is distinct from the fourth initiation processes now occurring through the fourth chain)?

The atomic sphere, if I might so express it, dissipates, **the electrons come under the Law of Repulsion,** and the central essence escapes and seeks a new sphere, occultly understood.

158. Whether the central essence in the case of man is the life at the heart of the Egoic

Khi đó chúng không còn bị hấp dẫn về trung tâm nguyên thủy của mình nữa mà tìm kiếm một trung tâm khác.

154. Trung tâm khác cần được tìm kiếm thường có bản chất cao hơn trung tâm mà các “điểm âm” đã từng bị hấp dẫn đến và từ đó chúng bị phân tán trong tiến trình chuyển hoá.

155. Chúng ta có thể hiểu rằng, trong trường hợp con người, “Viên Ngọc trong Hoa Sen” điều động sự thăng lên của sự sống linh động tại trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã vào Tam nguyên tinh thần.

156. Từ một góc nhìn còn cao hơn nữa, khi Đền thờ Ezekiel bị hủy diệt trên cõi chân thần, tinh chất linh động nằm ngay tại trung tâm của Chân thần và có thể được giả định là sẽ tìm kiếm một mối liên hệ không phải với Đấng Thiên Nhân đã giữ Chân thần như một electron, mà với Thái dương Thượng đế mà Chân thần được giải thoát giờ đây có thể trở nên ‘điện tử’ đối với Ngài.

157. Phải chăng sự phát triển này sẽ xuất hiện khi Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta thực hiện lần điểm đạo thứ tư *trên toàn hệ hành tinh* của Ngài (khác với các tiến trình lần điểm đạo thứ tư hiện đang xảy ra qua dãy thứ tư)?

Khối cầu nguyên tử, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy, tan biến, **các electron chịu dưới Định luật Đẩy Lùi,** và tinh chất trung tâm thoát ra và tìm kiếm một khối cầu mới, theo nghĩa huyền bí.

158. Dù tinh chất trung tâm trong trường hợp con người là sự sống nơi tim của Hoa

Lotus or the life at the heart of the Monad, an 'escape' is engineered.

159. The "new sphere" for the life at the heart of the Egoic Lotus is the spiritual triad; the "new sphere" for the escaping life at the heart of the Monad may well be the solar logoic sphere of which that sphere called the logoic plane is a part. The Solar Logos is especially expressive through the logoic plane just as the Heavenly Men are expressive through the monadic plane.

160. One may wonder what happens to 'man-the-electron' when the central life of his Planetary Logos is seeking liberation through transmutative radiation. To what advanced "Reservoir of Life" will 'man-repulsed' return? Will it be a *solar* reservoir?

161. The phrase "seeks a new sphere" must always be applied to processes of liberation. The "new sphere" will always differ according to the unit of life achieving liberation. No liberation within Cosmos is an *ultimate* liberation. Only the liberation of the Volatile Essence which informs the entire Cosmos is an ultimate liberation—yet infinitudinously practiced.

We must remember **always that all within the solar system is dual,** and is in itself both negative and positive: positive as regards its own form, **but negative as regards its greater sphere.**

162. The life at the heart of any atom is positive as regards the lesser lives which have been gathered into the atom, but negative to that greater life to which it is as an electron.

Sen Chân Ngã hay sự sống nơi tim của Chân thần, một sự 'thoát ra' đều được điều động.

159. "Khối cầu mới" đối với sự sống nơi tim của Hoa Sen Chân Ngã là Tam nguyên tinh thần; "khối cầu mới" đối với sự sống đang thoát ra nơi tim của Chân thần rất có thể là khối cầu logoi thái dương mà khối cầu gọi là cõi logoi là một phần của nó. Thái dương Thượng đế biểu lộ đặc biệt qua cõi logoi cũng như các Đấng Thiên Nhân biểu lộ qua cõi chân thần.

160. Người ta có thể tự hỏi điều gì xảy ra với 'con người-electron' khi sự sống trung tâm của Hành Tinh Thượng Đế của y đang tìm kiếm sự giải thoát qua bức xạ chuyển hoá. 'Con người-bị-đẩy-lùi' sẽ trở về "Kho Chứa Sự Sống" cao cấp nào? Phải chăng đó sẽ là một kho chứa *thái dương*?

161. Cụm từ "tìm kiếm một khối cầu mới" phải luôn luôn được áp dụng cho các tiến trình giải thoát. "Khối cầu mới" sẽ luôn khác nhau tùy theo đơn vị sự sống đạt được giải thoát. Không có sự giải thoát nào trong Vũ trụ là sự giải thoát *tối hậu*. Chỉ sự giải thoát của Tinh Chất Linh Động đang phú linh toàn thể Vũ trụ mới là sự giải thoát tối hậu—nhưng lại được thực hành một cách vô hạn.

Chúng ta phải **luôn luôn nhớ rằng mọi sự trong hệ mặt trời đều là nhị nguyên,** và tự nó vừa âm vừa dương: dương đối với hình tướng riêng của nó, **nhưng âm đối với khối cầu lớn hơn của nó.**

162. Sự sống nơi tim của bất kỳ nguyên tử nào là dương đối với các sự sống nhỏ hơn đã được tập hợp vào nguyên tử ấy, nhưng lại âm đối với sự sống lớn hơn mà nó là như một electron đối với sự sống đó.

163. To what greater sphere is man negative: to the life of the Heavenly Man we are old. Later He will become negative to the Solar Logos. And later still…?

163. Con người âm đối với khối cầu lớn hơn nào? Đối với sự sống của Đấng Thiên Nhân, như chúng ta đã biết. Về sau Ngài sẽ trở nên âm đối với Thái dương Thượng đế. Và còn về sau nữa…?

164. Every unit of life, therefore, has both a positive and negative polarity.

164. Vì vậy, mọi đơn vị sự sống đều có cả cực tính dương lẫn âm.

165. From a practical view point, we must be aware of those lives whom we can assist and those greater Lives from whom we must seek assistance.

165. Từ quan điểm thực tiễn, chúng ta phải ý thức về những sự sống mà chúng ta có thể trợ giúp và những Sự Sống lớn hơn mà từ Các Ngài chúng ta phải tìm kiếm sự trợ giúp.

Every atom therefore is [Page 479] both positive and negative,—it is an electron as well as an atom.

Vì vậy, mọi nguyên tử đều là [Page 479] cả dương lẫn âm,—nó vừa là một electron vừa là một nguyên tử.

166. This is succinctly put and tremendously important if we are to grasp the constant relativity of Master DK's presentation of the Ageless Wisdom.

166. Điều này được nói ra thật súc tích và vô cùng quan trọng nếu chúng ta muốn nắm được tính tương đối không ngừng trong cách trình bày Minh Triết Ngàn Đời của Chân sư DK.

167. When it comes to the greater Lives, it is of great interest to determine those *still greater* Lives to which they are as electrons. We cannot say that a Planetary Logos and His scheme are as an electron to a Solar Logos. To which Being, therefore, is a Planetary Logos as an electron? Much understanding of 'occult scope' will be necessary to solve such as puzzle.

167. Khi nói đến các Sự Sống lớn hơn, điều rất đáng quan tâm là xác định những Sự Sống *còn lớn hơn nữa* mà đối với Các Ngài, các Sự Sống lớn hơn kia là như những electron. Chúng ta không thể nói rằng một Hành Tinh Thượng Đế và hệ hành tinh của Ngài là như một electron đối với một Thái dương Thượng đế. Vậy thì, đối với Hữu thể nào một Hành Tinh Thượng Đế là như một electron? Cần rất nhiều sự thấu hiểu về 'phạm vi huyền bí' để giải được loại câu đố như thế.

168. Perhaps some work with those books which illustrate the universe from the perspective of "the powers of ten" will be illuminative in this regard.

168. Có lẽ một số công trình với những sách minh họa vũ trụ từ góc nhìn của "lũy thừa của mười" sẽ soi sáng về phương diện này.

169. Yet, given our rather sense-bound and materialistic perspective, many "rungs" on "Jacobs Ladder" are uncognized by our consciousness.

169. Tuy nhiên, với góc nhìn khá bị ràng buộc bởi giác quan và duy vật của chúng ta, nhiều "nấc thang" trên "Chiếc Thang của Jacob" vẫn chưa được tâm thức chúng ta nhận biết.

Therefore, the process of transmutation is dual and necessitates **a preliminary stage of application of external factors,** a **fanning** and care and development of the inner positive nucleus,

Vì vậy, tiến trình chuyển hoá là nhị phân và đòi hỏi **một giai đoạn sơ khởi áp dụng các yếu tố bên ngoài,** một sự **quạt bùng** cùng sự chăm sóc và phát triển hạt nhân dương bên trong,

170. When the word "fanning" is used we are reminded of the manner in which the Solar Angels fanned into a blaze the latent mentality of animal man (a mentality centered around the functioning of the mental unit upon the fourth sub-plane of the systemic mental plane).

170. Khi từ "quạt bùng" được dùng, chúng ta được nhắc nhớ đến cách mà các Thái dương Thiên Thần đã quạt bùng thành ngọn lửa trí tuệ tiềm ẩn của người thú (một trí tuệ tập trung quanh hoạt động của đơn vị hạ trí trên cõi phụ thứ tư của cõi trí hệ thống).

171. The relevant analogy can be seen in the use of kindling wood to make possible the burning of great logs.

171. Sự tương đồng thích hợp có thể thấy trong việc dùng củi mồi để làm cho những khúc gỗ lớn có thể cháy được.

172. The care of the inner positive nucleus is engineered by the third aspect of divinity through the application of fire by friction.

172. Sự chăm sóc hạt nhân dương bên trong được điều động bởi phương diện thứ ba của thiên tính qua việc áp dụng Lửa ma sát.

173. When we work to assist others in their transmutative process, we shall inevitably be considered 'external agents'. The inner nucleus cannot be compelled. No matter how relatively subjective the assistance we may offer, compared to the interiority of the inner nucleus, such assistance remains external.

173. Khi chúng ta làm việc để trợ giúp người khác trong tiến trình chuyển hoá của họ, chắc chắn chúng ta sẽ được xem là những 'tác nhân bên ngoài'. Hạt nhân bên trong không thể bị cưỡng bách. Dù sự trợ giúp chúng ta có thể cống hiến có tương đối chủ quan đến đâu, so với tính nội tại của hạt nhân bên trong, sự trợ giúp ấy vẫn là bên ngoài.

174. The stage related to the section immediately above may be alchemically expressed as follows:

174. Giai đoạn liên hệ với phần ngay trên có thể được diễn tả theo thuật luyện kim như sau:

First moisture, slow and all enveloping;

Trước hết là độ ẩm, chậm rãi và bao trùm khắp nơi;

a period of incubation or of the systematic feeding of the inner flame, and an increase of voltage.

một thời kỳ ấp ủ hay nuôi dưỡng có hệ thống ngọn lửa bên trong, và sự gia tăng điện thế.

175. If we go back to an analysis of the alchemical process we shall see these stages represented.

175. Nếu quay lại phân tích tiến trình luyện kim, chúng ta sẽ thấy các giai đoạn này được biểu hiện.

176. The stage of "incubation or of... systematic feeding of the inner plane" represented immediately above may be expressed as follows:

176. Giai đoạn "ấp ủ hay...nuôi dưỡng có hệ thống ngọn lửa bên trong" được trình bày ngay trên có thể được diễn tả như sau:

then heat with ever-growing warmth and fierce intensity;

rồi đến nhiệt với hơi ấm ngày càng tăng và cường độ mãnh liệt;

There is next a secondary stage wherein the external factors do not count so much, and wherein the inner centre of energy in the atom may be left to do its own work.

Tiếp theo là một giai đoạn thứ yếu, trong đó các yếu tố bên ngoài không còn quan trọng nhiều nữa, và trong đó trung tâm năng lượng bên trong của nguyên tử có thể được để cho tự làm công việc của nó.

177. This is the stage of autonomous soul development.

177. Đây là giai đoạn phát triển linh hồn tự chủ.

178. We all know (as regards our students) there is a time when they no longer need constant attention and supervision and in which they can be left to their own devices with no fear of lapse or deviation. DK and other Masters are looking towards *us* to become spiritually Self-reliant. In such a case, we are an atom in whom the "inner centre of energy" may be "left to do its own work".

178. Tất cả chúng ta đều biết (đối với các đạo sinh của mình) rằng có một thời điểm khi họ không còn cần sự chú ý và giám sát liên tục nữa, và có thể được để cho tự xoay xở mà không sợ sa sút hay lệch hướng. Chân sư DK và các Chân sư khác đang hướng về *chúng ta* để trở nên tự lực về mặt tinh thần. Trong trường hợp như vậy, chúng ta là một nguyên tử mà trong đó "trung tâm năng lượng bên trong" có thể được "để cho tự làm công việc của nó".

179. The stage represented by this section of text may be expressed as follows, involving

179. Giai đoạn được phần văn bản này biểu hiện có thể được diễn tả như sau, bao gồm

the earlier and later stages of soul development.

các giai đoạn sớm hơn và muộn hơn của sự phát triển linh hồn.

then force that presses, drives and concentrates. Thus is radiance produced; thus the exudation; thus mutation; thus change of form.

rồi đến mãnh lực thúc ép, đẩy mạnh và tập trung. Nhờ đó bức xạ được tạo ra; nhờ đó có sự toát ra; nhờ đó có sự biến dị; nhờ đó có sự thay đổi hình tướng.

180. Progressive human beings find themselves at this secondary stage of the alchemical process. The outer stimulation has done its work and their inner soul essence has 'caught fire'. They now progress as a result of their own, inherent motivation, driven by *their own* fire.

180. Những con người tiến bộ dần dần thấy mình ở giai đoạn thứ yếu này của tiến trình luyện kim. Sự kích thích bên ngoài đã hoàn thành công việc của nó và tinh chất linh hồn bên trong của họ đã 'bắt lửa'. Giờ đây họ tiến bộ do động lực vốn có của chính mình, được thúc đẩy bởi *chính* ngọn lửa của họ.

These factors may be applied equally to all atoms; to the mineral atoms which have occupied the attention of alchemists so much, to the atom, called man who pursues the same general procedure being governed by the same laws; and to all greater atoms, such as a Heavenly Man or a solar Logos.

Những yếu tố này có thể được áp dụng đồng đều cho mọi nguyên tử; cho các nguyên tử khoáng vật vốn đã chiếm nhiều sự chú ý của các nhà luyện kim, cho nguyên tử gọi là con người, kẻ theo đuổi cùng một thủ tục tổng quát dưới sự chi phối của cùng những định luật; và cho mọi nguyên tử lớn hơn, như một Đấng Thiên Nhân hay một Thái dương Thượng đế.

181. The parallel between all atoms holds good. The specifics of the parallel processes must be identified and comparison carefully made.

181. Sự song hành giữa mọi nguyên tử đều đúng. Những chi tiết đặc thù của các tiến trình song hành phải được nhận diện và sự so sánh phải được thực hiện cẩn thận.

182. We understand the extraordinary extent to which DK perceives Cosmos *analogically.* Certainly the second ray is at work, and the fourth (which like the second is an 'analogical' ray).

182. Chúng ta hiểu mức độ phi thường mà Chân sư DK nhận thức Vũ trụ theo *định luật tương đồng.* Chắc chắn cung hai đang hoạt động, và cả cung bốn nữa (vốn cũng như cung hai là một cung 'tương đồng').

183. Below we have a detailed elucidation of the alchemical process—a process to be applied to all manner of atoms.

183. Dưới đây chúng ta có một sự khai minh chi tiết về tiến trình luyện kim—một tiến trình được áp dụng cho mọi loại nguyên tử.

The process might be tabulated as follows:

Tiến trình có thể được lập bảng như sau:

1. The life takes primitive form.

184. We are dealing with the very earliest stage of the incarnational process.

2. The form is subjected to outer heat.

185. This is the work of fire by friction—the application of external heat intended to stimulate the activation of an internal process.

3. Heat, playing on the form, produces exudation and the factor of moisture supervenes.

186. The Agnichaitans are involved in the production of this protective and nurturing moisture.

187. We infer that the heat of the Agnichaitans (a form of external heat) produces exudation (understood as the process of stimulating desire and later of *purifying* that desire). Desire arises in relation to the objects of sense; but sweat also arises in the processes of living and sweat is *purification.*

188. A lower type of fusion process is in progress. Moisture enables the process of fusion.

4. Moisture and heat perform their function in unison.

189. An integration process is suggested within the atom concerned.

1. Sự sống mang lấy hình tướng sơ khai.

184. Chúng ta đang bàn đến giai đoạn sớm nhất của tiến trình nhập thể.

2. Hình tướng chịu tác động của nhiệt bên ngoài.

185. Đây là công việc của Lửa ma sát—sự áp dụng nhiệt bên ngoài nhằm kích thích sự hoạt hóa của một tiến trình bên trong.

3. Nhiệt tác động lên hình tướng tạo ra sự toát ra và yếu tố độ ẩm xuất hiện.

186. Các Agnichaitan có liên quan đến việc tạo ra độ ẩm bảo vệ và nuôi dưỡng này.

187. Chúng ta suy ra rằng nhiệt của các Agnichaitan (một hình thức nhiệt bên ngoài) tạo ra sự toát ra (được hiểu là tiến trình kích thích dục vọng và về sau *thanh lọc* dục vọng ấy). Dục vọng phát sinh trong liên hệ với các đối tượng của giác quan; nhưng mồ hôi cũng phát sinh trong các tiến trình sống, và mồ hôi là sự *thanh lọc.*

188. Một loại tiến trình dung hợp thấp hơn đang diễn ra. Độ ẩm làm cho tiến trình dung hợp trở nên khả hữu.

4. Độ ẩm và nhiệt thực hiện chức năng của chúng trong sự hợp nhất.

189. Một tiến trình tích hợp được gợi ý bên trong nguyên tử liên hệ.

190. Moisture contributes to fusion; it contributes to cohesion.

190. Độ ẩm góp phần vào sự dung hợp; nó góp phần vào sự kết dính.

5. Elemental lives tend all lesser lives.

5. Các sự sống hành khí chăm nom mọi sự sống nhỏ hơn.

191. There are lives lesser in comparison with elemental lives.

191. Có những sự sống nhỏ hơn so với các sự sống hành khí.

192. A miniature hierarchy is set up with lives tending lives immediately inferior in status.

192. Một hệ thống thứ bậc thu nhỏ được thiết lập với các sự sống chăm nom những sự sống thấp hơn ngay dưới chúng về địa vị.

193. All beings (whether conscious of the nature of their activity or not) both "look above and help below".

193. Mọi hữu thể (dù có ý thức về bản chất hoạt động của mình hay không) đều vừa "ngước lên trên vừa giúp xuống dưới".

6. The devas co-operate under rule, order and sound.

6. Các thiên thần hợp tác dưới quy luật, trật tự và âm thanh.

194. Presumably, the devas organize the and promote the correct activation of the elemental lives.

194. Có lẽ các thiên thần tổ chức và thúc đẩy sự hoạt hóa đúng đắn của các sự sống hành khí.

195. We see that we are entering an area in which the alchemical process touches upon the magical process.

195. Chúng ta thấy rằng mình đang đi vào một lĩnh vực trong đó tiến trình luyện kim chạm đến tiến trình huyền thuật.

7. The internal heat of the atom increases.

7. Nhiệt bên trong của nguyên tử gia tăng.

196. This signifies a growing state of aspiration—the mounting of the inner fire fanned by external agencies of heat.

196. Điều này biểu thị một trạng thái khát vọng ngày càng tăng—sự dâng lên của ngọn lửa bên trong được quạt bùng bởi các tác nhân nhiệt bên ngoài.

197. To make a true aspirant it takes much external application of vivifying heat. At length, the inner flame reaches a sufficient degree of intensity to characterize the one (a *true* aspirant) who will aspire even without receiving constant external stimulation.

197. Để tạo nên một người chí nguyện chân chính cần rất nhiều sự áp dụng từ bên ngoài của nhiệt tiếp sinh lực. Cuối cùng, ngọn lửa bên trong đạt đến một mức cường độ đủ để đặc trưng cho người ấy (một người chí nguyện *chân chính*), người sẽ khát vọng ngay

cả khi không còn nhận được sự kích thích liên tục từ bên ngoài.

8. The heat of the atom mounts rapidly and surpasses the external heat of its environing.

8. Nhiệt của nguyên tử tăng nhanh và vượt quá nhiệt bên ngoài của môi trường quanh nó.

198. The atom becomes positive to its external environment. The atom is not longer reliant upon the external environment for stimulation.

198. Nguyên tử trở nên dương đối với môi trường bên ngoài của nó. Nguyên tử không còn lệ thuộc vào môi trường bên ngoài để được kích thích nữa.

199. It is the central heat of the atom which is growing in intensity.

199. Chính nhiệt trung tâm của nguyên tử đang tăng cường độ.

200. The second aspect of divinity overcomes (in intensity) the third, and eventually the first aspect overcomes both the second and third.

200. Phương diện thứ hai của thiên tính vượt thắng (về cường độ) phương diện thứ ba, và cuối cùng phương diện thứ nhất vượt thắng cả phương diện thứ hai lẫn thứ ba.

9. The atom radiates.

9. Nguyên tử bức xạ.

201. The positive nucleus is now tremendously stimulated and is exerting upon the once-attracted lesser lives the energy of repulsion.

201. Hạt nhân dương giờ đây được kích thích mạnh mẽ và đang tác động lên những sự sống nhỏ hơn từng bị hấp dẫn bằng năng lượng của sự đẩy lùi.

10. The spheroidal wall of the atom is eventually broken down.

10. Vách hình cầu của nguyên tử cuối cùng bị phá vỡ.

202. The nucleus of the atom is breaking out of its confining sphere. The electrons are dispersed.

202. Hạt nhân của nguyên tử đang bứt ra khỏi khối cầu giam hãm nó. Các electron bị phân tán.

203. From the human perspective, the causal body is being shattered (in one of seven ways —cf. physical plane. 15-18 of LOM).

203. Từ góc nhìn con người, thể nguyên nhân đang bị phá vỡ (theo một trong bảy cách—xem cõi hồng trần. 15-18 của LOM).

204. The “Temple” (which is always occultly spherical) is in process of destruction.

204. “Đền thờ” (vốn luôn luôn có dạng cầu theo nghĩa huyền bí) đang trong tiến trình bị hủy diệt.

205. Many temples appear to be destroyed 'from without', but a temple is intended to be destroyed from within; it no longer serves to express the intensifying inner *life* at its center.

205. Nhiều đền thờ dường như bị hủy diệt 'từ bên ngoài', nhưng một đền thờ được định là phải bị hủy diệt từ bên trong; nó không còn phục vụ để biểu lộ *sự sống* ngày càng tăng cường tại trung tâm của nó nữa.

11. The electrons or negative units seek a new centre.

11. Các electron hay các đơn vị âm tìm kiếm một trung tâm mới.

206. The once magnetized electrons seek to affiliate themselves with a new center (probably of greater potency) or return to the appropriate "Reservoir of Life"

206. Những electron từng bị từ hóa tìm cách liên kết với một trung tâm mới (có lẽ có năng lực lớn hơn) hoặc trở về "Kho Chứa Sự Sống" thích hợp.

12. The central life escapes to merge with its polar opposite becoming itself negative and seeking the positive.

12. Sự sống trung tâm thoát ra để hòa nhập với cực đối nghịch của nó, tự nó trở nên âm và tìm kiếm cái dương.

207. The central life escapes into a still greater ring-pass-not than the one through which it previously expressed.

207. Sự sống trung tâm thoát vào một vòng-giới-hạn còn lớn hơn vòng mà trước đây nó đã biểu lộ qua đó.

208. The central life had been positive to its environing 'electrons' but now (negative) seeks a positive center.

208. Sự sống trung tâm từng là dương đối với các 'electron' quanh nó nhưng giờ đây (âm) lại tìm kiếm một trung tâm dương.

209. From the human perspective the spiritual triad is positive to the causal body.

209. Từ góc nhìn con người, Tam nguyên tinh thần là dương đối với thể nguyên nhân.

13. This is occultly obscuration, the going-out of the light temporarily, until it again emerges and blazes forth.

13. Theo nghĩa huyền bí, đây là sự che mờ, ánh sáng tắt đi tạm thời, cho đến khi nó lại xuất hiện và bùng cháy rực rỡ.

210. The ring-pass-not from which escape has been made now falls into darkness and dispersion.

210. Vòng-giới-hạn mà từ đó sự thoát ra đã được thực hiện giờ đây rơi vào bóng tối và sự phân tán.

211. The light of the escaping life no longer shines forth brilliantly. Its light is absorbed into the new processes of the greater ring-pass-not into which it has entered.

211. Ánh sáng của sự sống đang thoát ra không còn chiếu rạng rỡ nữa. Ánh sáng của nó được hấp thụ vào những tiến trình mới của vòng-giới-hạn lớn hơn mà nó đã đi vào.

212. Consulting earlier descriptions of the later stages of the process we have the following:

Finally liberation, escape of the volatile essence, and the gathering of the residue back to primordial stuff.

More detailed elucidation will not be possible here nor advisable:

213. The elucidation has been sufficiently detailed to inform those who are ready to be informed.

214. Some brief parallels have been suggested linking the alchemical process to the process of initiation. The analogy can be carried forward in greater detail and illumination received.

It will be apparent, therefore, that it should be possible, [Page 480] from the standpoint of each kingdom of nature, to aid the transmuting process of all lesser atoms.

215. Would such aid signify the application of external fire?

216. Actually, solar fire can also be stimulated.

217. Those of us who seek to instruct students in the esoteric arts an sciences are somewhat engaging in this process.

218. With respect to our constituent electrons, our efforts to evolve spiritually are most definitely aiding in the transmutation of lesser atoms.

212. Tham khảo những mô tả trước đó về các giai đoạn sau của tiến trình, chúng ta có điều sau đây:

Sau cùng là sự giải thoát, sự thoát ra của tinh chất linh động, và sự thu hồi phần cặn trở về chất liệu nguyên sơ.

Ở đây, sự khai minh chi tiết hơn sẽ không thể thực hiện được và cũng không nên:

213. Sự khai minh đã đủ chi tiết để thông tin cho những ai sẵn sàng được thông tin.

214. Một vài sự song hành ngắn gọn đã được gợi ra để nối kết tiến trình luyện kim với tiến trình điểm đạo. Sự tương đồng ấy có thể được triển khai chi tiết hơn và tiếp nhận sự soi sáng.

Do đó, hiển nhiên là từ quan điểm của mỗi giới trong thiên nhiên, phải có thể trợ giúp tiến trình chuyển hoá của mọi nguyên tử nhỏ hơn. [Page 480]

215. Sự trợ giúp như vậy có hàm ý việc áp dụng lửa bên ngoài chăng?

216. Thực ra, Lửa Thái dương cũng có thể được kích thích.

217. Những người trong chúng ta tìm cách huấn luyện các đạo sinh trong các nghệ thuật và khoa học huyền bí phần nào đang tham gia vào tiến trình này.

218. Đối với các electron cấu thành của chúng ta, những nỗ lực tiến hoá tinh thần của chúng ta chắc chắn đang trợ giúp trong sự chuyển hoá các nguyên tử nhỏ hơn.

This is so, even though it is not recognised; it is only when the human kingdom is reached that it is possible for an entity consciously and intelligently to do two things:

Điều này là như vậy, dù không được nhận ra; chỉ khi đạt đến giới nhân loại thì một thực thể mới có thể làm hai điều một cách hữu thức và thông minh:

219. We are speaking of *conscious* assistance with the process of transmutation.

219. Chúng ta đang nói về sự trợ giúp *hữu thức* đối với tiến trình chuyển hoá.

220. The entity capable of transmutation can aid the process within this own ring-pass-not and in relation to the ring-pass-not of others.

220. Thực thể có khả năng chuyển hoá có thể trợ giúp tiến trình bên trong vòng-giới-hạn riêng của mình và trong liên hệ với vòng-giới-hạn của những kẻ khác.

221. There is always an unconscious assistance in the transmutation of lesser lives. The vegetable kingdom is active in the transmutation of the mineral kingdom, the animal of the vegetable and the human kingdom of the animal kingdom. The fifth kingdom aids in the transmutation of the fourth kingdom.

221. Luôn luôn có một sự trợ giúp vô thức trong việc chuyển hoá các sự sống nhỏ hơn. Giới thực vật hoạt động trong việc chuyển hoá giới kim thạch, giới động vật đối với giới thực vật, và giới nhân loại đối với giới động vật. Giới thứ năm trợ giúp trong việc chuyển hoá giới thứ tư.

222. To the extent that we are beginning to enter the fifth kingdom, we can contribute to the elevation/transmutation of members of the fourth kingdom who are not yet spiritually aware.

222. Trong chừng mực chúng ta đang bắt đầu đi vào giới thứ năm, chúng ta có thể góp phần vào sự nâng cao/chuyển hoá các thành viên của giới thứ tư chưa có nhận thức tinh thần.

First: aid in the transmutation of his own positive atomic centre from the human into the spiritual.

Thứ nhất: trợ giúp trong sự chuyển hoá trung tâm nguyên tử dương của chính y từ nhân loại sang tinh thần.

223. That which is "spiritual" begins minimally on the higher sub-planes of the mental plane. The term is even more fittingly applied to the levels of the spiritual triad, including the buddhic and atmic levels.

223. Điều được gọi là "tinh thần" bắt đầu ở mức tối thiểu trên các cõi phụ cao hơn của cõi trí. Thuật ngữ này còn thích hợp hơn nữa khi áp dụng cho các cấp độ của Tam nguyên tinh thần, bao gồm các cấp độ Bồ đề và atma.

224. A positive center may (using the model here presented) be "transmuted" from one center to a higher center. That which can be

224. Một trung tâm dương có thể (theo mô hình được trình bày ở đây) được "chuyển hoá" từ một trung tâm này sang một trung

transmuted is *structural.* Pure being is not structural and cannot be transmuted.

tâm cao hơn. Điều có thể được chuyển hoá là cái *có cấu trúc.* Bản thể thuần túy không có cấu trúc và không thể được chuyển hoá.

225. When we 'leave' the human kingdom and enter the spiritual kingdom, we do so through an act of transmutation.

225. Khi chúng ta 'rời' giới nhân loại và đi vào giới tinh thần, chúng ta làm như vậy qua một hành động chuyển hoá.

226. DK is telling us that the human unit in process of transmutation may help his own process forward.

226. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng đơn vị nhân loại trong tiến trình chuyển hoá có thể tự mình giúp đẩy tiến trình ấy tiến lên.

Second: assist at the transmutation

Thứ hai: trợ giúp trong sự chuyển hoá

a. From the lower mineral forms into the higher forms.

a. Từ các hình tướng khoáng vật thấp lên các hình tướng cao hơn.

b. From the mineral forms into the vegetable.

b. Từ các hình tướng khoáng vật sang giới thực vật.

c. From vegetable forms into the animal forms.

c. Từ các hình tướng thực vật sang các hình tướng động vật.

d. From animal forms into the human or consciously and definitely to bring about individualisation.

d. Từ các hình tướng động vật sang nhân loại hay một cách hữu thức và xác định là tạo ra sự biệt ngã hóa.

227. Here we find suggested the service which human beings can offer those members of lower kingdoms which are in process of transmuting their own "positive atomic center" into a higher kingdom.

227. Ở đây chúng ta thấy được gợi ý loại phụng sự mà con người có thể cống hiến cho những thành viên của các giới thấp hơn đang trong tiến trình chuyển hoá "trung tâm nguyên tử dương" riêng của họ vào một giới cao hơn.

228. None of the secrets of these four types of transmutation are in the possession of the average student of esotericism.

228. Không bí mật nào của bốn loại chuyển hoá này nằm trong tay đạo sinh huyền bí học trung bình.

That it is not done as yet is due to the danger of imparting the necessary knowledge.

Việc điều này chưa được thực hiện là do sự nguy hiểm của việc truyền đạt tri thức cần thiết.

229. An exquisite sense of timing would be needed when assisting in the transmutative process from kingdom to kingdom. How, when, and for whom…these would be critical issues. The danger of interfering with the evolutionary process is too great to trust the secrets to those who are insufficiently developed or trained.

229. Một ý thức về thời điểm hết sức tinh tế sẽ cần thiết khi trợ giúp trong tiến trình chuyển hoá từ giới này sang giới khác. Làm thế nào, khi nào, và cho ai… đó sẽ là những vấn đề then chốt. Sự nguy hiểm của việc can thiệp vào tiến trình tiến hoá là quá lớn để có thể giao phó các bí mật ấy cho những người chưa đủ phát triển hay chưa được huấn luyện.

The adepts understand the transmuting process in the three worlds, and in the four kingdoms of nature, **which make them a temporary esoteric three and exoteric four.**

Các chân sư hiểu tiến trình chuyển hoá trong ba cõi thấp, và trong bốn giới của thiên nhiên, **điều khiển chúng trở thành một bộ ba nội môn tạm thời và một bộ bốn ngoại môn.**

230. What man does not yet understand, the adepts do. The knowledge *could* be imparted but it is withheld for good reason.

230. Điều con người chưa hiểu thì các chân sư hiểu. Tri thức ấy *có thể* được truyền đạt nhưng bị giữ lại vì lý do chính đáng.

231. How shall the exoteric four be changed into an esoteric three? Will there be a merging of the animal and human kingdoms since they both share an animal body?

231. Bộ bốn ngoại môn sẽ được đổi thành bộ ba nội môn như thế nào? Phải chăng sẽ có sự hòa nhập của giới động vật và giới nhân loại vì cả hai cùng chia sẻ một thể động vật?

232. There are four kingdoms who focus within three worlds. The kingdom of souls focuses above the three worlds.

232. Có bốn giới tập trung trong ba cõi giới. Giới các linh hồn tập trung ở trên ba cõi giới.

233. There are three transmutative processes which are active *within* the three lower worlds. The transmutative process relevant to man, takes him beyond the confines of these worlds.

233. Có ba tiến trình chuyển hoá đang hoạt động *trong* ba cõi thấp. Tiến trình chuyển hoá liên quan đến con người đưa y vượt ra ngoài giới hạn của các cõi này.

Man will eventually work with the three kingdoms **but, only when brotherhood is a practice and not a concept.**

Con người cuối cùng sẽ làm việc với ba giới **nhưng chỉ khi tình huynh đệ là một thực hành chứ không phải một khái niệm.**

234. The era of brotherhood is scheduled to supervene when the Venus decanate of

234. Kỷ nguyên của tình huynh đệ được định là sẽ xuất hiện khi thập độ Sao Kim của

Aquarius begins to holds sway—some fifteen hundred years from now. Then will brotherhood be a practice and not a concept.

Bảo Bình bắt đầu nắm quyền chi phối—khoảng một ngàn năm trăm năm nữa. Khi ấy tình huynh đệ sẽ là một thực hành chứ không phải một khái niệm.

235. Man is to play the role of transmutative Venus to the lower three kingdoms.

235. Con người sẽ đóng vai trò của Sao Kim chuyển hoá đối với ba giới thấp hơn.

236. When the influence of Venus prevails in human relations, then will Venus be exercised in relation to the three lower kingdoms.

236. Khi ảnh hưởng của Sao Kim chiếm ưu thế trong các quan hệ nhân loại, khi ấy Sao Kim sẽ được vận dụng trong liên hệ với ba giới thấp.

Three points must now be considered in this connection:

Giờ đây phải xem xét ba điểm trong mối liên hệ này:

Conscious manipulation of the fires.

Sự điều khiển hữu thức các ngọn lửa.

Devas and transmutation.

Các thiên thần và sự chuyển hoá.

Sound and colour in transmutation.

Âm thanh và màu sắc trong sự chuyển hoá.

237. Vast subjects are opened for consideration.

237. Những chủ đề rộng lớn được mở ra để xem xét.

238. We see that the subject touches on the skills to be acquired by a white magician.

238. Chúng ta thấy rằng chủ đề này chạm đến những kỹ năng mà một nhà huyền thuật chánh đạo phải thủ đắc.

It is necessary here to point out, as I have done in other matters under consideration, that only certain facts can be imparted, whilst the detailed work concerning process may not be dealt with owing to the inability of the race as yet to act altruistically.

Ở đây cần chỉ ra, như tôi đã làm trong những vấn đề khác đang được xem xét, rằng chỉ một số sự kiện nhất định mới có thể được truyền đạt, trong khi công việc chi tiết liên quan đến tiến trình thì không thể bàn đến vì nhân loại hiện עדיין chưa có khả năng hành động một cách vị tha.

239. Knowledge is power. The Hierarchy assesses man's moral development and assesses what type of knowledge may be safely released to him.

239. Tri thức là quyền năng. Thánh Đoàn đánh giá sự phát triển đạo đức của con người và đánh giá loại tri thức nào có thể được trao cho y một cách an toàn.

240. We may remember from our readings in *A Treatise on White Magic*—Fifteen Rules for Magic are given, but the magical *formulas* which would transform the Rules from theories to practical methods are not given.

240. Chúng ta có thể nhớ từ những lần đọc của mình trong *Luận về Chánh Thuật*—Mười lăm Quy luật Huyền thuật được đưa ra, nhưng các *công thức* huyền thuật có thể chuyển các Quy luật từ lý thuyết thành phương pháp thực hành thì không được đưa ra.

Much misapprehension crept in, owing to this very thing, in the early days of hierarchical effort to give out some of the Wisdom fundamentals in book form, and this is bravely dealt [Page 481] with by H. P. B.[58,59]

Nhiều sự hiểu sai đã len vào, chính vì điều này, trong những ngày đầu của nỗ lực từ Thánh đoàn nhằm truyền ra một số nền tảng của Minh triết dưới hình thức sách, và điều này được H. P. B.58,59 xử lý một cách can đảm [Page 481]

241. Errors were made. Presentations in book form were flawed. The fundamentals were truly understood by only a few and the rest appropriated these fundamentals personally and consequently tended to misuse them.

241. Đã có những sai lầm. Những trình bày dưới hình thức sách có thiếu sót. Các nền tảng chỉ được một số ít thực sự hiểu đúng, còn phần còn lại thì chiếm dụng các nền tảng ấy một cách cá nhân và do đó có khuynh hướng lạm dụng chúng.

FOOTNOTE 58: The difficulty of giving one the Wisdom Religion is dealt with by H. P. B. in the *Secret Doctrine* as follows:—

CHÚ THÍCH 58: Sự khó khăn trong việc truyền đạt cho một người Minh Triết Tôn Giáo được H. P. B. bàn đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* như sau:—

1. Opinion must be reserved because:—

1. Phải giữ lại phán đoán vì:—

a. Complete explanation for initiates only.

a. Sự giải thích trọn vẹn chỉ dành cho những người được điểm đạo.

242. In the works of AAB, complete explanation is *not* given, but much is hinted for those who have eyes to see and ears to hear.

242. Trong các tác phẩm của AAB, sự giải thích trọn vẹn *không* được đưa ra, nhưng nhiều điều được gợi ý cho những ai có mắt để thấy và tai để nghe.

b. Only a fragmentary portion of the esoteric meaning given.

b. Chỉ một phần rời rạc của ý nghĩa nội môn được đưa ra.

243. This is the case so that the Great Work may be protected from misunderstanding and misapplication.

243. Đây là trường hợp như vậy để Đại Công Trình được bảo vệ khỏi sự hiểu sai và áp dụng sai.

c. Only adepts can speak with authority.—S. D., I, 188, 190. II, 55, 90.

c. Chỉ các chân sư mới có thể nói với thẩm quyền.—S. D., I, 188, 190. II, 55, 90.

244. DK is an adept and HPB at the time she wrote the Secret Doctrine was probably an arhat.

244. Chân sư DK là một chân sư, và HPB vào lúc bà viết Giáo Lý Bí Nhiệm có lẽ là một arhat.

245. The inference to be gathered is that we may trust what DK tells us.

245. Điều suy ra cần rút ra là chúng ta có thể tin cậy điều Chân sư DK nói với chúng ta.

246. At our stage of development we cannot speak with authority (at least on many matters). But AAB did discuss the type of authority which justifies our attempts to help others—"the authority of love". A beautiful thought worth pondering.

246. Ở giai đoạn phát triển của chúng ta, chúng ta không thể nói với thẩm quyền (ít nhất là về nhiều vấn đề). Nhưng AAB đã bàn đến loại thẩm quyền biện minh cho những nỗ lực giúp đỡ người khác của chúng ta —"thẩm quyền của tình thương". Một tư tưởng đẹp đáng để suy gẫm.

d. The teachings are offered as a hypothesis. —II, 469.

d. Các giáo huấn được đưa ra như một giả thuyết.—II, 469.

247. We must develop our powers of discrimination and discernment. The Masters do not seek credulity in Their students.

247. Chúng ta phải phát triển các năng lực phân biện và phân biện tinh thần của mình. Các Chân sư không tìm kiếm sự cả tin nơi các đạo sinh của Các Ngài.

2. We must lose sight entirely of:—

2. Chúng ta phải hoàn toàn không để tâm đến:—

a. Personalities.

a. Các phàm ngã.

248. Personalities distort the truth for their own ends.

248. Các phàm ngã bóp méo chân lý vì những mục đích riêng của chúng.

249. The lower ego refracts the Truth.

249. Phàm ngã khúc xạ Chân Lý.

b. Dogmatic beliefs.

b. Những niềm tin giáo điều.

250. Dogmatic beliefs prevent a necessary spirit of free enquiry and, therefore, limit access both to truth and confirmatory spiritual experience.

250. Những niềm tin giáo điều ngăn cản tinh thần tự do khảo cứu cần thiết và, do đó, hạn chế sự tiếp cận cả chân lý lẫn kinh nghiệm tinh thần xác chứng.

251. Under dogmatism, the powers of the human being cannot be unfolded.

251. Dưới sự giáo điều, các năng lực của con người không thể được khai mở.

c. Special religions.—S. D., I, 3, 4.

c. Những tôn giáo đặc thù.—S. D., I, 3, 4.

252. In relation to such religions, an unwholesome attitude of 'specialness' abounds.

252. Liên quan đến những tôn giáo như thế, một thái độ không lành mạnh về "tính đặc biệt" rất phổ biến.

3. We must be free from prejudice.—S. D., III, 1.

3. Chúng ta phải thoát khỏi thành kiến.—S. D., III, 1.

253. Prejudice always militates against the apprehension of the truth.

253. Thành kiến luôn cản trở sự lĩnh hội chân lý.

We must also:

Chúng ta cũng phải:

a. Be free from conceit.

a. Không tự phụ.

254. Conceits stifles sincere inquiry and receptivity towards the truth.

254. Tự phụ bóp nghẹt sự truy cứu chân thành và tính tiếp nhận đối với chân lý.

255. In short, conceit leads inevitably to ignorance.

255. Tóm lại, tự phụ tất yếu dẫn đến vô minh.

b. Free from selfishness.

b. Thoát khỏi tính ích kỷ.

256. Selfishness inclines towards the misuse of spiritual energies for personal purposes. No Master will ever reveal true secrets of occultism to selfish individuals. Nor will the soul!

256. Tính ích kỷ nghiêng về việc lạm dụng các năng lượng tinh thần cho những mục đích cá nhân. Không một Chân sư nào sẽ tiết lộ những bí mật chân chính của huyền bí học cho những cá nhân ích kỷ. Linh hồn cũng vậy!

c. Ready to accept demonstrated truth.

257. It is only honest to accept that which has been convincingly demonstrated even though it may contradict one's long held or long cherished beliefs.

4. We must find the highest meaning possible. S. D., III, 487.

258. No true interpreter stops short at an interpretation offered merely by the concrete mind.

5. We must be also non-sectarian.—S. D., III, 110.

259. The truth can be found in many quarters. A separative attitude guarantees that the separative one will not arrive at any wholeness of truth.

6. We must remember the handicap of language.—S. D., I, 197, 290, 293.

260. This is constantly emphasized by Master DK. Words both conceal and mislead. The finer experiences cannot easily (if at all) be put into words.

7. We must aim to become a disciple.—S. D., 188. II, 246. III, 129.

261. The second most important Teaching presented by Master DK dealt entirely with this matter—the question of the meaning and practice of the new discipleship.

c. Sẵn sàng chấp nhận chân lý đã được chứng minh.

257. Chỉ khi chấp nhận điều đã được chứng minh một cách thuyết phục, dù điều ấy có thể mâu thuẫn với những niềm tin được giữ gìn hay trân quý từ lâu của mình, thì mới là thành thật.

4. Chúng ta phải tìm ra ý nghĩa cao nhất có thể. S. D., III, 487.

258. Không một nhà diễn giải chân chính nào dừng lại ở một cách diễn giải chỉ do trí cụ thể đưa ra.

5. Chúng ta cũng phải không bè phái.—S. D., III, 110.

259. Chân lý có thể được tìm thấy ở nhiều nơi. Một thái độ phân ly bảo đảm rằng kẻ phân ly sẽ không đạt tới bất kỳ tính toàn vẹn nào của chân lý.

6. Chúng ta phải nhớ đến sự hạn chế của ngôn ngữ.—S. D., I, 197, 290, 293.

260. Điều này được Chân sư DK nhấn mạnh không ngừng. Từ ngữ vừa che giấu vừa gây ngộ nhận. Những kinh nghiệm tinh tế hơn không dễ gì có thể được diễn đạt thành lời (nếu quả thật có thể).

7. Chúng ta phải nhắm đến việc trở thành một đệ tử.—S. D., 188. II, 246. III, 129.

261. Giáo Huấn quan trọng thứ hai do Chân sư DK trình bày hoàn toàn bàn về vấn đề này —câu hỏi về ý nghĩa và việc thực hành địa vị đệ tử mới.

262. This sentence expresses the attitude or the aspirant who aspires towards discipleship.

262. Câu này diễn tả thái độ của người chí nguyện khát vọng hướng tới địa vị đệ tử.

8. We must eventually develop powers.—S. D., I, 518. II, 85.

8. Cuối cùng chúng ta phải phát triển các năng lực.—S. D., I, 518. II, 85.

263. This, of course, is not our *first* objective, as powers may be appropriated by the lower ego with disastrous results and (if prematurely accessed, especially by the unready and untrained) are often considered an impediment to true spiritual development. The Buddha did not look favorably upon the attempt by His Arhats to perform "miracles", as related to us in the Agni Yoga books.

263. Dĩ nhiên, đây không phải là *mục tiêu đầu tiên* của chúng ta, vì các năng lực có thể bị phàm ngã chiếm dụng với những hậu quả tai hại và (nếu được tiếp cận quá sớm, nhất là bởi những người chưa sẵn sàng và chưa được huấn luyện) thường bị xem là một chướng ngại đối với sự phát triển tinh thần chân chính. Đức Phật đã không nhìn một cách thuận lợi vào nỗ lực của các vị A-la-hán của Ngài nhằm thực hiện "phép lạ", như được thuật lại cho chúng ta trong các sách Agni Yoga.

264. The development of powers will occur in due course as meditation, study and service are wisely and sincerely pursued. As powers are truly needed in service, they will appear. Trust is needed and the rules sanctioned by Hierarchy must be followed.

264. Sự phát triển các năng lực sẽ diễn ra đúng lúc khi tham thiền, học hỏi và phụng sự được theo đuổi một cách khôn ngoan và chân thành. Khi các năng lực thật sự cần thiết cho việc phụng sự, chúng sẽ xuất hiện. Cần có lòng tin, và phải tuân theo các quy luật được Thánh Đoàn chuẩn thuận.

9. We must lead the life of Brotherhood. S. D., I, 190.

9. Chúng ta phải sống đời sống Huynh đệ. S. D., I, 190.

265. This is an objective in relation to which the Theosophical Society eventually failed. Let us be sure that we do not likewise fail.

265. Đây là một mục tiêu mà Hội Thông Thiên Học cuối cùng đã thất bại trong mối liên hệ với nó. Chúng ta hãy chắc chắn rằng mình cũng không thất bại như vậy.

10. We must remember that H. P. B. makes no claim to infallibility.—S. D., II, 25 note, 273. I, 293.

10. Chúng ta phải nhớ rằng H. P. B. không hề tuyên bố mình là bất khả ngộ.—S. D., II, 25 note, 273. I, 293.

266. The *Secret Doctrine* is not a Bible. A number of errors are evident to close

266. *Giáo Lý Bí Nhiệm* không phải là một Kinh Thánh. Một số sai lầm là điều hiển

students of HPB's works and those of the Tibetan.

nhiên đối với những đạo sinh nghiên cứu kỹ các tác phẩm của HPB và của Chân sư Tây Tạng.

267. When a source book is turned into a Bible, the spirit of sincere, scientific enquiry dies.

267. Khi một cuốn sách nguồn được biến thành Kinh Thánh, tinh thần khảo cứu chân thành và khoa học sẽ chết đi.

H. P. B. says:—

H. P. B. nói:—

"I speak with 'absolute certainty' only so far as my own personal belief is concerned. Those who have not the same warrant for their belief as I have would be very credulous and foolish to accept it on blind faith

"Tôi chỉ nói với 'sự chắc chắn tuyệt đối' trong chừng mực liên quan đến niềm tin cá nhân của riêng tôi. Những ai không có cùng một bảo chứng cho niềm tin của họ như tôi có thì sẽ rất cả tin và ngu xuẩn nếu chấp nhận điều đó bằng đức tin mù quáng

268. In examining what HPB has said about her relation to the truth, we see in her a humble attitude.

268. Khi khảo sát điều HPB đã nói về mối liên hệ của bà với chân lý, chúng ta thấy nơi bà một thái độ khiêm tốn.

269. The Masters of the Wisdom do not encourage credulity in Their students and neither did HPB.

269. Các Chân sư của minh triết không khuyến khích sự cả tin nơi các đạo sinh của Các Ngài, và HPB cũng vậy.

....What I do believe in is:—

....Điều tôi thật sự tin là:—

1. The unbroken oral tradition revealed by living divine men during the infancy of mankind to the elect among men.

1. Truyền thống khẩu truyền không gián đoạn được các đấng thiêng liêng đang sống mặc khải trong thời kỳ ấu thơ của nhân loại cho những người được tuyển chọn trong loài người.

270. It is reputed that this oral tradition still exists to this day.

270. Người ta cho rằng truyền thống khẩu truyền này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

271. The "living divine men" are the Kumaras Who came from another globe and chain to impart the assimilable truth to infant humanity.

271. Những "đấng thiêng liêng đang sống" là các Kumaras, Đấng đã đến từ một bầu hành tinh và Dãy khác để truyền đạt chân lý có thể được đồng hóa cho nhân loại còn non trẻ.

272. HPB reputedly had direct contact with certain of the Masters and Their pupils.

272. Theo truyền tụng, HPB đã có tiếp xúc trực tiếp với một số Chân sư và các đệ tử của Các Ngài.

2. That it has reached us unaltered.

2. Rằng nó đã đến với chúng ta mà không bị thay đổi.

273. HPB has great faith in the integrity of the process by means of which the ancient oral tradition was handed down to those who practice it today.

273. HPB có niềm tin lớn vào tính toàn vẹn của tiến trình nhờ đó truyền thống khẩu truyền cổ xưa được truyền lại cho những người thực hành nó ngày nay.

3. That the Masters are thoroughly versed in the science based on such uninterrupted teaching."—Lucifer, Vol. V, p. 157.

3. Rằng các Chân sư hoàn toàn tinh thông khoa học dựa trên giáo huấn không gián đoạn ấy."—Lucifer, Vol. V, p. 157.

274. For HPB the Masters are true and trusted Recipients of this ancient oral tradition.

274. Đối với HPB, các Chân sư là những Đấng Tiếp Nhận chân chính và đáng tin cậy của truyền thống khẩu truyền cổ xưa này.

"The *Secret Doctrine* is no 'authority' per se; but being full of quotations and texts from the Sacred Scriptures and philosophies of almost every great religion and school, those who belong to any of these are sure to find support for their arguments on some page or another.

"*Giáo Lý Bí Nhiệm* tự nó không phải là một 'thẩm quyền'; nhưng vì đầy những trích dẫn và văn bản từ các Kinh điển Thiêng liêng và các triết học của hầu như mọi tôn giáo và trường phái lớn, nên những ai thuộc về bất kỳ truyền thống nào trong số đó chắc chắn sẽ tìm thấy sự hỗ trợ cho các lập luận của mình ở trang này hay trang khác.

275. The *Secret Doctrine* has, because of its inclusiveness, wide appeal to those of widely differing religions.

275. *Giáo Lý Bí Nhiệm* do tính bao gồm của nó, có sức hấp dẫn rộng lớn đối với những người thuộc nhiều tôn giáo rất khác nhau.

276. One of the aims of the *Secret Doctrine* was to present the case for the universality of the world's religions. In this great book and in *Isis Unveiled* the close relationship between the esoteric aspects of the world's religions is clearly delineated.

276. Một trong những mục đích của *Giáo Lý Bí Nhiệm* là trình bày luận cứ về tính phổ quát của các tôn giáo trên thế giới. Trong tác phẩm vĩ đại này và trong *Isis Unveiled*, mối liên hệ mật thiết giữa các phương diện huyền bí của các tôn giáo trên thế giới được phác họa rõ ràng.

There are, however, Theosophists, and of the best and most devoted, who do suffer from such weakness for authority."—Lucifer, Vol. III, p. 15

Tuy nhiên, có những người Thông Thiên Học, và thuộc loại tốt nhất và tận tụy nhất, lại thật sự mắc phải sự yếu đuối như thế đối với thẩm quyền."—Lucifer, Vol. III, p. 15

277. AAB and DK commented that many Theosophists were of the devotional type. This was considered a liability.

277. AAB và DK nhận xét rằng nhiều người Thông Thiên Học thuộc kiểu sùng tín. Điều này được xem là một bất lợi.

FOOTNOTE 59: See Preface and Introduction, *Secret Doctrine,* Vol. I.

CHÚ THÍCH 59: Xem Lời Tựa và Dẫn Nhập, *Giáo Lý Bí Nhiệm,* Tập I.

The danger still persists,

Mối nguy ấy vẫn còn tồn tại,

278. We are speaking of the danger of handing out magical and alchemical formulas to the unwary and unready.

278. Chúng ta đang nói về mối nguy của việc trao các công thức huyền thuật và luyện kim cho những người bất cẩn và chưa sẵn sàng.

and greatly handicaps the efforts of Those, Who—working on the inner side—feel that the thoughts of men should be lifted from the study of the ways of physical existence to broader concepts, wider vision, and synthetic comprehension.

và gây cản trở rất lớn cho những nỗ lực của Các Đấng—Đấng đang hoạt động ở mặt bên trong—cảm thấy rằng tư tưởng của con người nên được nâng lên khỏi việc nghiên cứu những phương cách của sự tồn tại hồng trần để hướng tới những khái niệm rộng lớn hơn, tầm nhìn bao quát hơn, và sự thấu hiểu tổng hợp.

279. DK is seeking to encourage a less materialistic attitude in students of esotericism and occultism.

279. DK đang tìm cách khuyến khích một thái độ bớt duy vật hơn nơi các đạo sinh của huyền bí học và huyền bí học.

Indication only is possible; it is not permissible here to give out the transmutative formulas, or the mantrams that manipulate the matter of space.

Chỉ có thể đưa ra chỉ dẫn; ở đây không được phép công bố các công thức chuyển hoá, hay các mantram thao tác chất liệu của không gian.

280. The transmutative formulas which might have been given out (had humanity been ready) produce changes of one type of atom into another.

280. Những công thức chuyển hoá có thể đã được công bố (nếu nhân loại đã sẵn sàng) tạo ra sự biến đổi từ loại nguyên tử này sang loại nguyên tử khác.

281. They also are accompanied by mantrams through which the matter of space can be manipulated. No doubt the transmutative formulas have a mantric form. In relation to all this, it is to be said that 'God geometrizes through Sound'.

281. Chúng cũng đi kèm với các mantram nhờ đó chất liệu của không gian có thể được thao tác. Hẳn nhiên các công thức chuyển hoá có một hình thức mantram. Liên quan đến tất cả điều này, cần nói rằng 'Thượng đế hình học hóa qua Âm Thanh'.

282. Transmutative formulas are will confer upon prepared humanity the power to be truly creative in line with the Divine Plan.

282. Các công thức chuyển hoá sẽ trao cho nhân loại đã được chuẩn bị quyền năng để thật sự sáng tạo phù hợp với Thiên Cơ.

Only the way can be pointed to those who are ready, or who are recovering [Page 482] old knowledge (gained through approach to the Path, or latent through experience undergone in Atlantean days)

Chỉ có thể chỉ ra con đường cho những ai đã sẵn sàng, hoặc đang phục hồi [Page 482] tri thức xưa (đạt được qua sự tiếp cận Con Đường, hoặc tiềm tàng nhờ kinh nghiệm đã trải qua trong thời Atlantis)

283. DK will proceed only through the impartation of hints.

283. DK sẽ chỉ tiến hành thông qua việc truyền đạt những gợi ý.

284. Much was imparted in Atlantean days, however, and this old knowledge is being rapidly recovered. Hopefully, it will be better used in Aryan times than it was in former days.

284. Tuy nhiên, nhiều điều đã được truyền đạt trong thời Atlantis, và tri thức xưa này đang được phục hồi nhanh chóng. Hy vọng rằng nó sẽ được sử dụng tốt hơn trong thời Arya so với những thời trước.

285. Those who are approaching the Path (and who have not necessarily gained such knowledge in Atlantean days) also are beginning to have access to such knowledge.

285. Những ai đang tiếp cận Con Đường (và không nhất thiết đã đạt được tri thức ấy trong thời Atlantis) cũng đang bắt đầu có quyền tiếp cận tri thức như thế.

286. The Path eventually opens the portal to the 'Treasury of the Soul'; in relation to a human being, the Solar Angel is virtually omniscient.

286. Con Đường cuối cùng mở ra cánh cổng dẫn vào "Kho Tàng của Linh Hồn"; liên quan đến một con người, Thái dương Thiên Thần hầu như toàn tri.

and **the landmarks indicated hold sufficient guidance to enable them to penetrate deeper into the arcana of knowledge.**

và **những cột mốc được chỉ ra chứa đựng sự hướng dẫn đầy đủ để giúp họ thâm nhập sâu hơn vào các huyền bí của tri thức.**

287. There are always indicative "landmarks" (the "ancient landmarks") which reliably suggest the ways of deeper penetration into the Mysteries.

287. Luôn luôn có những "cột mốc" chỉ dẫn (những "cột mốc cổ xưa") gợi ra một cách đáng tin cậy những con đường thâm nhập sâu hơn vào các Huyền Nhiệm.

288. Our task is to recognize the ancient landmarks and that which they indicate, even if not explicitly so.

288. Nhiệm vụ của chúng ta là nhận ra những cột mốc cổ xưa và điều mà chúng chỉ ra, dù không được nói rõ.

289. Suffice it to say that the necessary knowledge and formulas will find their way into the possession of those who truly need them and who can be relied upon to use the formulas wisely and under law.

289. Chỉ cần nói rằng tri thức và các công thức cần thiết sẽ tự tìm đường đến tay những ai thật sự cần chúng và có thể được tin cậy để sử dụng các công thức ấy một cách khôn ngoan và đúng luật.

290. Guidance is ever available to us, but we have to notice it and apply our interpretative faculty correctly if we are benefit from this ever-implicit guidance.

290. Sự hướng dẫn luôn luôn sẵn có cho chúng ta, nhưng chúng ta phải nhận ra nó và vận dụng đúng năng lực diễn giải của mình nếu muốn được lợi từ sự hướng dẫn luôn hàm ẩn này.

The danger consists in the very fact that the whole matter of transmutation concerns the material form, and deva substance.

Mối nguy nằm chính ở sự kiện rằng toàn bộ vấn đề chuyển hoá liên quan đến hình tướng vật chất, và chất liệu thiên thần.

291. We have learned that there is a line that man (as a *personality*) must not cross. Trespass is not allowed. His interplay and communion with the deva kingdom is to occur only on levels above the lower twenty one sub-planes—unless, it is presumed, under expert guidance.

291. Chúng ta đã học rằng có một ranh giới mà con người (với tư cách một *phàm ngã*) không được vượt qua. Không được phép xâm phạm. Sự tương tác và giao cảm của y với giới thiên thần chỉ được diễn ra trên những cấp độ cao hơn hai mươi mốt cõi phụ thấp—trừ phi, có thể giả định, dưới sự hướng dẫn của chuyên gia.

Man, **being not yet master even of the substance of his own sheaths,** nor in vibratory control of his third aspect, incurs risk when he concentrates his attention on the Not-Self.

Con người, **vì chưa phải là chủ nhân ngay cả của chất liệu trong các thể vỏ của mình,** cũng chưa kiểm soát được bằng rung động phương diện thứ ba của mình, nên sẽ gặp nguy hiểm khi tập trung sự chú ý vào Phi-Ngã.

292. Contact with the devas of a material nature runs the risk of overstimulating the sheaths, making them still more difficult to control—perhaps even bringing them into a condition in which they overwhelm the indweller.

292. Tiếp xúc với các thiên thần có bản chất vật chất mang nguy cơ kích thích quá mức các thể vỏ, khiến chúng càng khó kiểm soát hơn—thậm chí có thể đưa chúng vào tình trạng áp đảo kẻ cư ngụ bên trong.

293. The magician must be one who is in control of his lower nature otherwise he cannot safely encounter the devas related to that lower nature.

293. Nhà huyền thuật phải là người kiểm soát được bản chất thấp của mình, nếu không y không thể an toàn đối diện với các thiên thần liên hệ với bản chất thấp ấy.

294. We might question whether a magician must be a Master in order to deal with the devas of the lower eighteen sub-planes, but it may be suggested that sufficient control (for some measure of useful work) can be instituted before that high point of attainment is reached.

294. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu một nhà huyền thuật có phải là một Chân sư mới có thể đề cập đến các thiên thần của mười tám cõi phụ thấp hay không, nhưng có thể gợi ý rằng sự kiểm soát đầy đủ (cho một mức độ công việc hữu ích nào đó) có thể được thiết lập trước khi đạt đến điểm thành tựu cao ấy.

It can only be safely done when the magician knows five things:

Điều này chỉ có thể được thực hiện một cách an toàn khi nhà huyền thuật biết năm điều:

1. The nature of the atom.

1. Bản chất của nguyên tử.

295. This means that the magician must know himself thoroughly—including all aspects of that which can be considered his not-Self.

295. Điều này có nghĩa là nhà huyền thuật phải biết mình một cách thấu đáo—bao gồm mọi phương diện của điều có thể được xem là phi-ngã của mình.

296. He must also know the nature of the lesser atoms which He intends to manipulate.

296. Y cũng phải biết bản chất của những nguyên tử nhỏ hơn mà Ngài dự định thao tác.

2. The keynote of the planes.

2. Chủ âm của các cõi.

297. This is technical/musical knowledge which when mastered confers control over the matter of the various planes and sub-planes.

297. Đây là tri thức kỹ thuật/âm nhạc mà khi được làm chủ sẽ ban cho sự kiểm soát đối với vật chất của các cõi và các cõi phụ khác nhau.

3. The method of working from the egoic level through conscious control, knowledge of the protective sounds and formulas, and pure altruistic endeavour.

3. Phương pháp làm việc từ cấp độ chân ngã thông qua sự kiểm soát có ý thức, tri thức về các âm thanh và công thức bảo vệ, cùng nỗ lực vị tha thuần khiết.

298. This, we recognize as the white-magical process. The worker must understand how to center himself in the causal body. Let us tabulate. He must achieve:

298. Chúng ta nhận ra đây là tiến trình huyền thuật chánh đạo. Người hoạt động phải hiểu cách định tâm mình trong thể nguyên nhân. Chúng ta hãy lập bảng. Y phải đạt được:

a. Conscious control from of lower vibratory realms as he works from egoic levels

a. Sự kiểm soát có ý thức đối với các cõi rung động thấp khi y làm việc từ các cấp độ chân ngã

b. Knowledge of protective sounds

b. Tri thức về các âm thanh bảo vệ

c. Knowledge of protective formulas. (He is protecting himself from the unconscious predations of the lower devas)

c. Tri thức về các công thức bảo vệ. (Y đang tự bảo vệ mình khỏi những sự săn mồi vô thức của các thiên thần thấp)

d. Pure altruistic motive and subsequent endeavor

d. Động cơ vị tha thuần khiết và nỗ lực tiếp theo sau đó

299. It is evident that all these requirements must be in place if the work is to be safely and successfully accomplished.

299. Rõ ràng là tất cả những yêu cầu này phải hiện diện nếu công việc được thực hiện một cách an toàn và thành công.

4. The interaction of the three fires, the lunar words, the solar words, and later a cosmic word.

4. Sự tương tác của ba ngọn lửa, các linh từ thái âm, các linh từ thái dương, và về sau là một linh từ vũ trụ.

300. The three fires, as we realize, are fire by friction, solar fire and electric fire.

300. Như chúng ta nhận ra, ba ngọn lửa là Lửa ma sát, Lửa Thái dương và Lửa Điện.

301. The lunar words (for the control of the lunar elementals and the devas which work with them) concern fire by friction. The solar words concern solar fire and the invocation of the Agnishvattas. A cosmic

301. Các linh từ thái âm (để kiểm soát các hành khí thái âm và các thiên thần làm việc với chúng) liên quan đến Lửa ma sát. Các linh từ thái dương liên quan đến Lửa Thái dương và sự Khẩn Cầu các Agnishvattas. Một

word presumably applies to the realm of electric fire.

302. The Monad is the "cosmic" factor in man. At the fifth initiation man is said to take his first "cosmic" initiation.

5. The secret of electrical vibration, which is only realised in an elementary way when a man knows the keynote of his own planetary Logos.

303. We begin to realize how much is required if man is to work safely with the devas of the lower eighteen sub-planes and even of the lower twenty one sub-planes.

304. We may have been informed regarding the personality and soul rays of our Planetary Logos, but how does this knowledge reveal to us the "keynote" of our Planetary Logos?

305. From one perspective, every ray has its particular "key" or "keynote". Because the major rays of our Planetary Logos are the third and second rays, two of the keynotes through which He words could be the notes F and G.

306. On the other hand, the idea of "keynote" also has it purposive and philosophical implications. Perhaps, then, we are also speaking about a formula for planetary purpose within the solar system.

307. All manipulation of the devas and elementals of the lower sub-planes concerns knowledge of electricity. Their interplay with man is electrical in nature and until

linh từ vũ trụ có lẽ áp dụng cho lĩnh vực của Lửa Điện.

302. Chân thần là yếu tố "vũ trụ" trong con người. Ở lần điểm đạo thứ năm, con người được nói là nhận cuộc điểm đạo "vũ trụ" đầu tiên của mình.

5. Bí mật của rung động điện, điều chỉ được chứng nghiệm theo cách sơ đẳng khi một người biết chủ âm của Hành Tinh Thượng Đế của mình.

303. Chúng ta bắt đầu nhận ra cần biết bao nhiêu điều nếu con người muốn làm việc an toàn với các thiên thần của mười tám cõi phụ thấp và thậm chí của hai mươi mốt cõi phụ thấp.

304. Có thể chúng ta đã được thông báo về các cung phàm ngã và cung linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, nhưng tri thức này mặc khải cho chúng ta "chủ âm" của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta như thế nào?

305. Từ một góc nhìn, mỗi cung đều có "khóa" hay "chủ âm" riêng của nó. Bởi vì các cung chính của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là cung ba và cung hai, nên hai chủ âm qua đó Ngài phát ngôn có thể là các nốt F và G.

306. Mặt khác, ý niệm "chủ âm" cũng có những hàm ý về mục đích và triết học của nó. Có lẽ, vậy thì, chúng ta cũng đang nói về một công thức cho mục đích hành tinh bên trong hệ mặt trời.

307. Mọi sự thao tác các thiên thần và hành khí của các cõi phụ thấp đều liên quan đến tri thức về điện. Sự tương tác của chúng với con người có bản chất điện, và cho đến khi

man knows “the secret of electrical vibration” it can be assumed that he is at their mercy.

con người biết “bí mật của rung động điện” thì có thể giả định rằng y vẫn ở dưới quyền lực của chúng.

All this knowledge as it concerns the three worlds is in the hands of the Masters of the Wisdom, and **enables Them to work along the lines of energy or force,** and **not with what is usually understood when the word 'substance' is used.**

Toàn bộ tri thức này, trong chừng mực nó liên quan đến ba cõi giới, nằm trong tay các Chân sư của minh triết, và **giúp Các Ngài làm việc theo các đường của năng lượng hay mãnh lực,** chứ **không phải với điều thường được hiểu khi dùng từ ‘chất liệu’.**

308. We are presented with three factors: energy, force and substance. Substance, we may presume, concerns the elemental kingdoms. Energy and force concern devic life. Perhaps we can associate force with the devas of the lower sub-planes and energy with the Agnishvattas who focus primarily on the higher mental sub-planes.

308. Chúng ta được trình bày ba yếu tố: năng lượng, mãnh lực và chất liệu. Có thể giả định rằng chất liệu liên quan đến các giới hành khí. Năng lượng và mãnh lực liên quan đến sự sống thiên thần. Có lẽ chúng ta có thể gắn mãnh lực với các thiên thần của các cõi phụ thấp và năng lượng với các Agnishvattas, Đấng tập trung chủ yếu trên các cõi phụ thượng trí.

309. In the five requirements listed above, we have seen that work must proceed from egoic levels, control exerted from that high point.

309. Trong năm yêu cầu được liệt kê ở trên, chúng ta đã thấy rằng công việc phải tiến hành từ các cấp độ chân ngã, với sự kiểm soát được vận dụng từ điểm cao ấy.

310. Masters are initiates of the fifth degree, and are, therefore, capable of using the fifth ray in a manner inaccessible to lower initiates. They are (within a certain ring-pass-not) *Masters-of-Energy.*

310. Các Chân sư là các điểm đạo đồ bậc năm, và do đó có khả năng sử dụng cung năm theo cách mà các điểm đạo đồ thấp hơn không thể tiếp cận. Các Ngài là (trong một vòng-giới-hạn nhất định) *Các Chân sư về Năng lượng.*

They work with electrical energy, concerning Themselves with positive electricity, or with the energy of the positive nucleus of force within the atom, whether it is the atom of chemistry, for instance, or the human atom. **They *deal with the soul of things*.**

Các Ngài làm việc với năng lượng điện, tự mình quan tâm đến điện dương, hay với năng lượng của hạt nhân dương của mãnh lực bên trong nguyên tử, dù đó là nguyên tử hóa học chẳng hạn, hay nguyên tử con người. **Các Ngài *đề cập đến linh hồn của vạn vật*.**

311. For practical purpose the “energy of the positive nucleus of force” can be considered

311. Vì những mục đích thực tiễn, “năng lượng của hạt nhân dương của mãnh lực” có

a combination of soul and Spirit. In our solar system, Spirit and soul are blended into Spirit-soul. In the next solar system, they will be functionally distinct.

thể được xem là sự kết hợp của linh hồn và tinh thần. Trong hệ mặt trời của chúng ta, tinh thần và linh hồn được hòa trộn thành tinh thần-linh hồn. Trong hệ mặt trời kế tiếp, chúng sẽ phân biệt nhau về mặt chức năng.

312. We are gathering that the proficient adept works with electrical *energy* more than with electrical force.

312. Chúng ta đang dần hiểu rằng chân sư thành thạo làm việc với *năng lượng* điện nhiều hơn là với mãnh lực điện.

313. The work of the beneficent occultists proceeds from the 'inside out'. This is not the case with the black brother.

313. Công việc của các nhà huyền bí học từ thiện tiến hành từ "bên trong ra ngoài". Điều này không đúng với huynh đệ bóng tối.

The black magician works with the negative aspect, with the electrons, if I might so term it, with the sheath, and not with the soul. This distinction must be clearly borne in mind.

Nhà hắc thuật làm việc với phương diện âm, với các điện tử, nếu tôi có thể gọi như vậy, với thể vỏ, chứ không phải với linh hồn. Sự phân biệt này phải được ghi nhớ rõ ràng.

314. Here is a most important distinction clarifying the contrasting 'work' of white and black magicians.

314. Đây là một sự phân biệt hết sức quan trọng, làm sáng tỏ công việc tương phản của các nhà huyền thuật chánh đạo và các nhà hắc thuật.

315. The black magician is *materialistic* in every respect. He cares not for the soul aspect within the atom but, rather, manipulates the negative force which has been attracted to the positive nucleus. He words from the 'outside' seeking to imprison the life at the nucleus.

315. Nhà hắc thuật *duy vật* về mọi phương diện. Y không quan tâm đến phương diện linh hồn bên trong nguyên tử mà đúng hơn thao tác mãnh lực âm đã bị hút vào hạt nhân dương. Y phát ngôn từ "bên ngoài", tìm cách giam hãm sự sống tại hạt nhân.

316. Thus work with the nucleus (and thus with the soul) is contrasted with work with electrons and work with the soul is contrasted with work with the sheath.

316. Như vậy, công việc với hạt nhân (và do đó với linh hồn) được đối chiếu với công việc với các điện tử, và công việc với linh hồn được đối chiếu với công việc với thể vỏ.

317. In our service work, do we find ourselves working with the positive inner nucleus or working more manipulatively with the electronic nature of the sheath?

317. Trong công việc phụng sự của mình, chúng ta có thấy mình đang làm việc với hạt nhân dương bên trong hay đang thao tác

nhiều hơn với bản chất điện tử của thể vỏ không?

It holds the **clue to the non-interference of the [Page 483] whole Brotherhood in material matters and affairs**, and **Their concentration upon the force aspect, upon the centres of energy.**

Điều này nắm giữ **manh mối cho sự không can thiệp của toàn thể [Page 483] Huynh đệ Đoàn trong các vấn đề và sự vụ vật chất**, và **sự tập trung của Các Ngài vào phương diện mãnh lực, vào các trung tâm năng lượng.**

318. The white brothers do not interfere with material affairs. These will work out according to karmic law. They leave the subject in freedom with regard to such 'matters'.

318. Các huynh đệ chánh đạo không can thiệp vào các sự vụ vật chất. Những điều này sẽ tự diễn ra theo định luật nghiệp quả. Các Ngài để cho chủ đề ấy được tự do đối với những "vấn đề" như vậy.

319. The "force aspect" as expressing through the centers/chakras has its source of emanation in the Monad via the Egoic Lotus. Thus the chakras are agents of nucleic power.

319. "Phương diện mãnh lực" khi biểu lộ qua các trung tâm/luân xa có nguồn xuất lộ từ chân thần qua Hoa Sen Chân Ngã. Vì thế các luân xa là những tác nhân của quyền năng hạt nhân.

320. The purpose of the white magician is to gain control over the negative aspects of the atom through the assertion of the potencies of the nucleus.

320. Mục đích của nhà huyền thuật chánh đạo là giành quyền kiểm soát các phương diện âm của nguyên tử thông qua việc khẳng định các tiềm lực của hạt nhân.

321. Control of the outer factors will be established when the nucleus has reached a condition of sufficient strength and skill.

321. Sự kiểm soát các yếu tố bên ngoài sẽ được thiết lập khi hạt nhân đạt đến tình trạng đủ mạnh và đủ khéo léo.

322. The white brother, therefore, works with the higher principles and is not interested (under most circumstances) in manipulating unprincipled substance—though He would be capable of doing so, just as the lower psychic powers are available to Him although He works almost exclusively with the higher powers.

322. Vì vậy, huynh đệ chánh đạo làm việc với các nguyên khí cao hơn và không quan tâm (trong phần lớn hoàn cảnh) đến việc thao tác chất liệu vô nguyên khí—dù Ngài có khả năng làm như vậy, cũng như các năng lực thông linh thấp vẫn sẵn có đối với Ngài mặc dù Ngài hầu như chỉ làm việc với các năng lực cao hơn.

They reach the whole through the agency of the few centres in a form. With this preamble we will now take up the consideration of the

323. We see that the white brother works through *simplicity*—reaching the whole through the few. This suggests the greater materialistic complexity in the work of the black brother.

Conscious Manipulation of the Fires

It will now be apparent that the whole process of transmutation, as we can deal with it at present, concerns itself with the two fires which reached a high stage of perfection in a past solar system:

a. The fire of an atom in its twofold aspect—internal and radiatory.

b. The fires of mind.

324. We are really dealing with two fires each of which is dual. We have studied this fourfold division in the first part of TCF.

325. If we concentrate on those fires which reached a high stage of development in the previous solar system, it may be that only the elemental fire of mind should be included and not solar fire, which seems to be the object of the attention of the Solar Logos in this present solar system.

326. Yet the blending of two fires within the periphery of the causal body will require solar fire.

Các Ngài đạt tới toàn thể thông qua tác nhân của một vài trung tâm trong một hình tướng. Với lời dẫn nhập này, giờ đây chúng ta sẽ xét đến

323. Chúng ta thấy rằng huynh đệ chánh đạo làm việc qua *sự đơn giản*—đạt tới toàn thể qua số ít. Điều này gợi ý sự phức tạp duy vật lớn hơn trong công việc của huynh đệ bóng tối.

Sự Thao Tác Có Ý Thức các Ngọn Lửa

Giờ đây sẽ rõ rằng toàn bộ tiến trình chuyển hoá, trong chừng mực chúng ta có thể bàn đến nó hiện nay, tự nó liên quan đến hai ngọn lửa đã đạt đến một giai đoạn hoàn thiện cao trong một hệ mặt trời quá khứ:

a. Lửa của một nguyên tử trong phương diện nhị phân của nó—nội tại và bức xạ.

b. Những ngọn lửa của trí tuệ.

324. Thật ra chúng ta đang bàn đến hai ngọn lửa, mỗi ngọn đều là nhị phân. Chúng ta đã nghiên cứu sự phân chia tứ phân này trong phần đầu của Luận về Lửa Vũ Trụ.

325. Nếu chúng ta tập trung vào những ngọn lửa đã đạt đến một giai đoạn phát triển cao trong hệ mặt trời trước, thì có thể chỉ nên bao gồm lửa hành khí của trí tuệ chứ không phải Lửa Thái dương, vốn dường như là đối tượng chú ý của Thái dương Thượng đế trong hệ mặt trời hiện tại này.

326. Tuy nhiên, sự hòa trộn của hai ngọn lửa trong chu vi nhân thể sẽ đòi hỏi Lửa Thái dương.

It is with these that transmutation concerns itself from the human standpoint, and the third fire of Spirit is not at this stage to be considered.

Từ quan điểm con người, chính với những điều này mà sự chuyển hoá liên quan đến, và ngọn lửa thứ ba của tinh thần ở giai đoạn này không được xét đến.

327. Even if solar fire is included, the sphere of concentration will be confined to the lower twenty-one sub-planes. We recall that man, at his present stage of evolution, is permitted intercourse with the deva kingdom on sub-planes 'above' the lower twenty one.

327. Ngay cả nếu Lửa Thái dương được bao gồm, phạm vi tập trung vẫn sẽ bị giới hạn trong hai mươi mốt cõi phụ thấp. Chúng ta nhớ rằng con người, ở giai đoạn tiến hoá hiện nay, được phép giao tiếp với giới thiên thần trên các cõi phụ "cao hơn" hai mươi mốt cõi phụ thấp.

328. Solar fire, however, pertains as well to the levels of the spiritual triad and is not confined in its expression to the higher three sub-planes of the mental plane.

328. Tuy nhiên, Lửa Thái dương cũng thuộc về các cấp độ của Tam Nguyên Tinh Thần và không bị giới hạn trong sự biểu lộ của nó nơi ba cõi phụ cao của cõi trí.

329. In short, and for man as presently constituted, transmutation concerns the material and mental aspects. We are in no position to understand the nature of transmutation in relation to the Spirit aspect, though, in this regard, there will also be the eventual release of the volatile essence.

329. Tóm lại, và đối với con người như hiện đang được cấu thành, sự chuyển hoá liên quan đến các phương diện vật chất và trí tuệ. Chúng ta không ở vị thế để hiểu bản chất của sự chuyển hoá liên quan đến phương diện tinh thần, dù trong phương diện này cũng sẽ có sự giải phóng cuối cùng của tinh chất dễ bay hơi.

330. Presumably the Monad as the positive nucleus will one day destroy the "Temple of Ezekiel" and achieve liberation onto the logoic plane.

330. Có lẽ chân thần với tư cách hạt nhân dương một ngày nào đó sẽ phá hủy "Đền Thờ Ezekiel" và đạt được sự giải thoát lên cõi logoi.

This *conscious* manipulation of the fires is the prerogative of man when he has reached a certain point in his evolution;

Sự thao tác *có ý thức* này đối với các ngọn lửa là đặc quyền của con người khi y đã đạt đến một điểm nhất định trong tiến hoá của mình;

331. Presumably this point begins in earnest at the point of the *third* initiation which gives the man initial control over the *third* aspect through the conquest of Martian and Lunar tendencies.

331. Có lẽ điểm này thật sự bắt đầu từ lần điểm đạo thứ *ba*, vốn trao cho con người sự kiểm soát ban đầu đối với phương diện thứ *ba* thông qua việc chinh phục các khuynh hướng Sao Hỏa và thái âm.

332. The fifth ray, so prominent at the third initiation, is intimately involved in the mastery of energy.

332. Cung năm, rất nổi bật ở lần điểm đạo thứ ba, có liên hệ mật thiết với việc làm chủ năng lượng.

the unconscious realisation of this has led naturally to the attempts of the alchemist to transmute in the mineral kingdom.

sự chứng nghiệm vô thức về điều này đã tự nhiên dẫn đến những nỗ lực của nhà luyện kim nhằm chuyển hoá trong giới kim thạch.

333. These alchemists possessed an *unconscious* realization and hence (it would seem) did not yet stand at the high point of evolution signified by the third degree.

333. Những nhà luyện kim này sở hữu một sự chứng nghiệm *vô thức* và vì thế (dường như vậy) chưa đứng ở điểm tiến hoá cao được biểu thị bởi bậc thứ ba.

334. This type of transmutation is the very first and preliminary transmutation. Deeper and more subtle transmutations should occupy the disciple in the modern age.

334. Loại chuyển hoá này là sự chuyển hoá đầu tiên và sơ khởi nhất. Những sự chuyển hoá sâu hơn và tinh tế hơn nên là điều chiếm lĩnh đệ tử trong thời hiện đại.

A few of the older students right through the ages have comprehended the vastness of the endeavour of which the transmutation of the baser metals into gold was but preliminary and a symbol, a pictorial, allegorical, concrete step.

Một vài đạo sinh lớn tuổi hơn xuyên suốt các thời đại đã hiểu được tính bao la của nỗ lực mà trong đó việc chuyển các kim loại hèn thành vàng chỉ là bước sơ khởi và là một biểu tượng, một bước cụ thể mang tính hình ảnh và ngụ ngôn.

335. By "older students' DK is probably referring to the relative "age of the soul"; He means, it would seem, those with greater esoteric experience.

335. Bằng "những đạo sinh lớn tuổi hơn", DK có lẽ đang nói đến "tuổi của linh hồn" tương đối; dường như Ngài muốn nói đến những người có kinh nghiệm huyền bí học lớn hơn.

336. The implication is that alchemical effort has been undertaken for a very long time—"right through the ages".

336. Hàm ý ở đây là nỗ lực luyện kim đã được thực hiện trong một thời gian rất dài —"xuyên suốt các thời đại".

The whole subject of transmutation is covered by the work of the Hierarchy in all its three departments on this planet, and we might get some idea of the matters involved if we studied this vast hierarchical standpoint, getting thereby a concept of the work done in aiding the evolutionary process.

Toàn bộ chủ đề chuyển hoá được bao trùm bởi công việc của Thánh Đoàn trong cả ba ban của Thánh Đoàn trên hành tinh này, và chúng ta có thể có được một vài ý niệm về những vấn đề liên hệ nếu nghiên cứu quan điểm thánh đoàn rộng lớn này, nhờ đó đạt được một khái niệm về công việc được thực hiện để trợ giúp tiến trình tiến hoá.

337. DK is suggesting that Hierarchy, itself, is a great transmutative Agent, responsible for the initiation of transmutative processes —not only in relation to the individual, but in connection with humanity as a whole and even the planet.

337. DK đang gợi ý rằng chính Thánh Đoàn là một Tác Nhân chuyển hoá vĩ đại, chịu trách nhiệm khởi xướng các tiến trình chuyển hoá—không chỉ liên quan đến cá nhân, mà còn liên hệ với toàn thể nhân loại và thậm chí cả hành tinh.

338. We might find that each of the three departments of Hierarchy approaches transmutation differently. The third department would have a special facility with matter/form; the second with soul and the third with Spirit. The final stage in the transmutative process requires access, especially, to the first aspect.

338. Chúng ta có thể thấy rằng mỗi một trong ba ban của Thánh Đoàn tiếp cận sự chuyển hoá theo cách khác nhau. Ban thứ ba sẽ có năng lực đặc biệt đối với vật chất/hình tướng; ban thứ hai đối với linh hồn và ban thứ ba đối với tinh thần. Giai đoạn cuối cùng trong tiến trình chuyển hoá đòi hỏi đặc biệt phải tiếp cận phương diện thứ nhất.

It is the work of transferring the life from one stage of atomic existence to another,

Đó là công việc chuyển dịch sự sống từ một giai đoạn tồn tại nguyên tử này sang một giai đoạn khác,

339. Essentially, transmutative work is the work of *occult liberation*. It is Uranian in nature (for the Divine Alchemical Worker is the Seventh Ray Lord); Uranus, we need not be reminded, is a major planet of freedom and liberation. The relation between seventh ray Uranus and the Seventh Ray Lord must also be obvious.

339. Về bản chất, công việc chuyển hoá là công việc của *sự giải thoát huyền bí*. Nó có bản chất Uranus (vì Đấng Hoạt Động Luyện Kim Thiêng Liêng là Đấng Chúa Tể Cung bảy); như chúng ta không cần phải được nhắc lại, Sao Thiên Vương là một hành tinh lớn của tự do và giải thoát. Mối liên hệ giữa Uranus cung bảy và Đấng Chúa Tể Cung bảy cũng phải là điều hiển nhiên.

340. As well, the liberative factor of transmutation is related to the monadic ray of Uranus—the first ray.

340. Ngoài ra, yếu tố giải thoát của sự chuyển hoá còn liên hệ với cung chân thần của Uranus—cung một.

341. Every liberation into a new and greater ring-pass-not is a transference from one stage of atomic existence to a greater stage; the movement is from expression through a lesser atom to expression through a greater.

341. Mỗi sự giải thoát vào một vòng-giới-hạn mới và lớn hơn đều là một sự chuyển dịch từ một giai đoạn tồn tại nguyên tử sang một giai đoạn lớn hơn; sự chuyển động là từ biểu lộ qua một nguyên tử nhỏ hơn sang biểu lộ qua một nguyên tử lớn hơn.

342. The destruction of the causal body is essentially a liberation from that aspect of

342. Sự hủy diệt thể nguyên nhân về bản chất là một sự giải thoát khỏi phương diện

man we may call the 'causal atom' into the greatest of the human aspects which we may designate as the 'monadic atom'.

ấy của con người mà chúng ta có thể gọi là "nguyên tử nguyên nhân" để đi vào phương diện lớn nhất của con người mà chúng ta có thể gọi là "nguyên tử chân thần".

343. From this perspective, the Universe, itself, is an Atom—the greatest of all possible atoms (at least with respect to that particular expression of the ALL-SELF through which we are presently living.

343. Từ góc nhìn này, chính Vũ Trụ là một Nguyên Tử—nguyên tử lớn nhất trong mọi nguyên tử có thể có (ít nhất là xét theo biểu lộ đặc thù ấy của ĐẠI-NGÃ mà qua đó chúng ta hiện đang sống.

and it involves three distinct steps, which can be seen and traced by means of the higher clairvoyance, and from the higher planes.

và nó bao gồm ba bước riêng biệt, có thể được thấy và truy dấu bằng thông nhãn cao hơn, và từ các cõi cao hơn.

344. We are reminded that "higher clairvoyance" is a psychic faculty found upon the fifth level of the mental plane (counting from above). We cannot be certain that DK is indicating this specific quality but the planar 'location' of that faculty is worth noting.

344. Chúng ta được nhắc rằng "thông nhãn cao hơn" là một năng lực thông linh được tìm thấy trên cấp độ thứ năm của cõi trí (đếm từ trên xuống). Chúng ta không thể chắc chắn rằng DK đang chỉ ra chính phẩm tính đặc thù này, nhưng "vị trí" theo cõi của năng lực ấy đáng được lưu ý.

These steps or stages are: [Page 484]

Những bước hay giai đoạn này là: [Page 484]

345. The alchemical work is being presented from a few perspectives, and the sequences given have different emphases. Of course, these sequences of activity can be correctly correlated.

345. Công việc thuật luyện kim đang được trình bày từ một vài góc độ, và các trình tự được nêu ra có những điểm nhấn khác nhau. Dĩ nhiên, các trình tự hoạt động này có thể được đối chiếu tương quan một cách đúng đắn.

346. Here we are dealing with the final stage in which transference of the life from one stage of atomic existence to another has already begun.

346. Ở đây chúng ta đang bàn đến giai đoạn cuối cùng, trong đó sự chuyển dịch sự sống từ một giai đoạn tồn tại nguyên tử này sang một giai đoạn khác đã bắt đầu.

The fiery stage—the blending, fusing, burning period, through which all atoms pass during the disintegration of form.

Giai đoạn rực lửa—giai đoạn pha trộn, dung hợp, thiêu đốt, mà qua đó mọi nguyên tử đều đi qua trong tiến trình tan rã của hình tướng.

347. In the case of the human being, we are reminded that the lower atomic triangle undergoes a great activation through the application of fire. The three constituents of this triangle are fused and blended into one rapidly rotating triangle of energy.

347. Trong trường hợp con người, chúng ta được nhắc rằng tam giác nguyên tử thấp chịu một sự hoạt hóa lớn lao qua việc áp dụng lửa. Ba thành phần của tam giác này được dung hợp và pha trộn thành một tam giác năng lượng quay nhanh duy nhất.

348. In general the constituents of the entire system of chakras upon the eighteen lower sub-planes is greatly activated and drawn into triangular interrelation.

348. Nói chung, các thành phần của toàn bộ hệ thống luân xa trên mười tám cõi phụ thấp được hoạt hóa mạnh mẽ và được kéo vào mối tương quan tam giác.

The solvent stage, in which the form is dissipated and substance is held in solution, the atom being resolved into its essential duality.

Giai đoạn dung môi, trong đó hình tướng bị làm tiêu tan và chất liệu được giữ trong trạng thái hòa tan, nguyên tử được phân giải thành nhị nguyên tính cốt yếu của nó.

349. We are here learning much concerning the stages of destruction of the causal body. This learning can, of course, be applied to an understanding of the destruction of all kinds of atoms.

349. Ở đây chúng ta đang học được nhiều điều liên quan đến các giai đoạn hủy diệt của thể nguyên nhân. Dĩ nhiên, sự học hỏi này có thể được áp dụng vào việc thấu hiểu sự hủy diệt của mọi loại nguyên tử.

350. As regards the causal body, the solvent stage suggests that all accumulated quality formerly held in the causal body is now held, as it were, *in solution* and is being absorbed by that unit of life energy which will soon escape into a greater ring-pass-not.

350. Đối với thể nguyên nhân, giai đoạn dung môi gợi ý rằng mọi phẩm tính tích lũy trước đây được giữ trong thể nguyên nhân nay được giữ, như thể, *trong trạng thái hòa tan* và đang được hấp thụ bởi đơn vị năng lượng sự sống ấy, đơn vị sẽ sớm thoát vào một vòng-giới-hạn lớn hơn.

351. The essential duality of the atom must be soul/matter—nucleus and electrons. The first aspect cannot be *fully* present within the "Jewel in the Lotus" which, though inspired by the first aspect, is really the highest demonstration of the second aspect —the Divine Son. The mental unit and two lower permanent atoms may be considered as electronic in relation to the "Jewel in the Lotus".

351. Nhị nguyên tính cốt yếu của nguyên tử hẳn phải là linh hồn/vật chất—hạt nhân và các điện tử. Phương diện thứ nhất không thể hiện diện *trọn vẹn* trong "Ngọc trong Hoa Sen", vốn tuy được cảm hứng bởi phương diện thứ nhất, nhưng thực ra là sự biểu hiện cao nhất của phương diện thứ hai—Con thiêng liêng. Đơn vị hạ trí và hai nguyên tử trường tồn thấp có thể được xem là có tính điện tử trong tương quan với "Ngọc trong Hoa Sen".

352. It would seem that the actual *contents* of the causal body are dissolved awaiting transference or translation.

352. Có vẻ như chính các *nội dung* thực sự của thể nguyên nhân đang bị hòa tan để chờ sự chuyển dịch hay chuyển hóa sang trạng thái khác.

353. When we think of the term “solvent” we cannot escape association with the buddhic energy; love or buddhi is the great resolvent, holding all in solution and, in fact, holding the *solution* to all things (at least in our present solar system).

353. Khi chúng ta nghĩ đến thuật ngữ “dung môi”, chúng ta không thể tránh khỏi sự liên tưởng với năng lượng Bồ đề; bác ái hay Bồ đề là tác nhân phân giải vĩ đại, giữ mọi sự trong trạng thái hòa tan và, thực ra, nắm giữ *giải pháp* cho mọi sự (ít nhất là trong hệ mặt trời hiện tại của chúng ta).

The volatile stage, which concerns primarily **the essential quality of the atom**, and the escape of this essence, later to take a new form.

Giai đoạn bay hơi, chủ yếu liên quan đến **phẩm tính cốt yếu của nguyên tử**, và sự thoát ra của tinh túy này, để rồi về sau mang lấy một hình tướng mới.

354. With respect to the causal body, the "Jewel in the Lotus" may be considered the essential resolver and the life unit which, laden with ‘dissolved quality’ gathered over millions of years of personal process, rises in a transmuted ‘form’ or state which can be absorbed by the spiritual triad.

354. Xét về thể nguyên nhân, “Ngọc trong Hoa Sen” có thể được xem là tác nhân phân giải cốt yếu và là đơn vị sự sống, vốn mang theo ‘phẩm tính đã được hòa tan’ được thu thập qua hàng triệu năm của tiến trình phàm ngã, vươn lên trong một ‘hình tướng’ hay trạng thái đã được chuyển hoá, trạng thái có thể được Tam Nguyên Tinh Thần hấp thụ.

355. The most *essential* factor within the causal body is the "Jewel in the Lotus"; it is the factor most related to essence.

355. Nhân tố *cốt yếu* nhất bên trong thể nguyên nhân là “Ngọc trong Hoa Sen”; đó là nhân tố liên hệ nhiều nhất với tinh túy.

356. Does the "Jewel in the Lotus" represent the “essential quality of the atom”? Certainly the quality of the Jewel is dependent upon the ray of the Monad, for the "Jewel in the Lotus" is an extension of the Monad (which, itself, can be considered as a still higher ‘Jewel’).

356. “Ngọc trong Hoa Sen” có đại diện cho “phẩm tính cốt yếu của nguyên tử” không? Chắc chắn phẩm tính của Ngọc tùy thuộc vào cung của chân thần, vì “Ngọc trong Hoa Sen” là một sự mở rộng của chân thần (mà chính nó cũng có thể được xem như một ‘Ngọc’ còn cao hơn nữa).

357. Pure being does not have *quality,* but the Monad (as it demonstrates on the higher cosmic ethers) is *not* pure being; the *essence*

357. Bản thể thuần túy không có *phẩm tính,* nhưng chân thần (khi nó biểu lộ trên các cõi dĩ thái vũ trụ cao) *không phải* là bản thể

of that which we call the Monad *is* pure being.

358. The three stages may thus be considered:

a. Fiery fusion

b. Dissolution

c. Transference

Radioactivity, pralayic solution, and essential volatility might express the thought.

359. DK uses other terms to explain the final stages of the transmutative process:

a. The stage of radioactivity is fiery

b. The stage of pralaya is accompanied by dissolution

c. The stage of "essential volatility" leads to the ascension and transference of the volatile essence

360. It is interesting, is it not, to think of our inmost life essence as *volatile*—i.e., unstable and rapidly moving.

361. It is possible to relate these three processes to the three higher foci of man:

a. The causal body

b. The spiritual triad

thuần túy; *tinh túy* của điều mà chúng ta gọi là chân thần *là* bản thể thuần túy.

358. Vì vậy, ba giai đoạn có thể được xem là:

a. Dung hợp rực lửa

b. Hòa tan

c. Chuyển dịch

Phóng xạ, sự hòa tan pralaya, và tính bay hơi cốt yếu có thể diễn đạt ý tưởng này.

359. Chân sư DK dùng những thuật ngữ khác để giải thích các giai đoạn cuối cùng của tiến trình chuyển hoá:

a. Giai đoạn phóng xạ là giai đoạn rực lửa

b. Giai đoạn pralaya đi kèm với sự hòa tan

c. Giai đoạn "tính bay hơi cốt yếu" dẫn đến sự thăng lên và chuyển dịch của tinh túy bay hơi

360. Thật thú vị, phải không, khi nghĩ đến tinh túy sự sống thâm sâu nhất của chúng ta như là *bay hơi*—nghĩa là bất ổn định và chuyển động nhanh chóng.

361. Có thể liên hệ ba tiến trình này với ba tiêu điểm cao của con người:

a. Thể nguyên nhân

b. Tam nguyên tinh thần

c. The Monad

In every transmuting process without exception these three steps are followed.

362. The stage of "pralayic solution" easily relates to synthesis and obscuration. The process by means of which the synthesizing planets absorb the essences of the other planets (and, later, are themselves absorbed by the "One Resolver"—the Sun) suggests the stage of "pralayic solution").

363. It is important to realize that every "pralayic solution" prefigures a imminent *rising.*

364. The glyph of the planet Pluto (the upward-pointing arrow of death) suggests this rising. Pluto is powerful and active in relation to both the end and the beginning—Pisces (where it is the hierarchical ruler) and Aries (in relation to which it has a special function as suggested by the Triangle, Aries/Pluto/Shamballa)

365. From another perspective, the causal body holds in solution the quality generated in the lower worlds.

Occultly expressed in the old Commentary they are thus stated:

"The fiery lives burn within the bosom of Mother.

366. In human terms, we have the incandescence of the tiny units within the atomic triangle.

367. All the atomic lives within the personality are also activated and the

c. Chân thần

Trong mọi tiến trình chuyển hoá không có ngoại lệ, ba bước này đều được tuân theo.

362. Giai đoạn "sự hòa tan pralaya" dễ dàng liên hệ với tổng hợp và sự che khuất. Tiến trình nhờ đó các hành tinh tổng hợp hấp thụ tinh túy của các hành tinh khác (và về sau chính chúng lại được hấp thụ bởi "Đấng Phân Giải Duy Nhất"—Mặt Trời) gợi ra giai đoạn "sự hòa tan pralaya".

363. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng mọi "sự hòa tan pralaya" đều báo trước một sự *vươn lên* sắp xảy ra.

364. Biểu tượng của hành tinh Pluto (mũi tên hướng lên của cái chết) gợi ra sự vươn lên này. Pluto mạnh mẽ và hoạt động trong liên hệ với cả kết thúc lẫn khởi đầu—Song Ngư (nơi nó là chủ tinh huyền giai) và Bạch Dương (mà đối với dấu hiệu này nó có một chức năng đặc biệt như được gợi ra bởi Tam Giác, Bạch Dương/Pluto/Shamballa)

365. Từ một góc độ khác, thể nguyên nhân giữ trong trạng thái hòa tan phẩm tính được tạo ra trong các cõi thấp.

Được diễn đạt một cách huyền bí trong Cổ Luận, chúng được phát biểu như sau:

"Các sự sống rực lửa cháy trong lòng Mẹ.

366. Theo ngôn ngữ nhân loại, chúng ta có sự nung sáng của các đơn vị nhỏ bé bên trong tam giác nguyên tử.

367. Mọi sự sống nguyên tử bên trong phàm ngã cũng được hoạt hóa và các luân xa đạt

chakras reach a point of full fiery stimulation and of extra-dimensional rotation. We have been told that two additional types of dimensional rotation follow after the achievement of fourth dimensional rotation—a most intriguing thought.

đến một điểm kích thích rực lửa trọn vẹn và sự quay đa chiều. Chúng ta đã được bảo rằng sau khi đạt được sự quay bốn chiều sẽ còn có thêm hai loại quay theo chiều khác nữa—một ý tưởng hết sức hấp dẫn.

"The fiery centre extends to the periphery of the circle and dissipation supervenes and pralayic peace.

“Trung tâm rực lửa mở rộng đến chu vi của vòng tròn và sự tiêu tan xảy đến cùng sự an bình pralaya.

368. In human terms there is suggested a relationship between the fiery center of the causal body and the periphery. The repellant power of the "Jewel in the Lotus" extends to the periphery causing dispersion and dissipation, absorption of necessary quality and, then, pralayic peace within whatever remnants of the causal body remains before the final dispersion.

368. Theo ngôn ngữ nhân loại, ở đây gợi ra một mối liên hệ giữa trung tâm rực lửa của thể nguyên nhân và chu vi. Quyền năng đẩy lùi của “Ngọc trong Hoa Sen” mở rộng đến chu vi, gây ra sự phân tán và tiêu tan, sự hấp thụ phẩm tính cần thiết, rồi sau đó là sự an bình pralaya bên trong bất cứ tàn dư nào của thể nguyên nhân còn lại trước khi phân tán cuối cùng.

"The Son returns to the bosom of Father, and Mother rests quiescent."

“Người Con trở về lòng Cha, và Mẹ nghỉ ngơi trong tĩnh lặng.”

369. The “Son” is that aspect of the Monad which has been projected into the causal confines.

369. “Người Con” là phương diện của chân thần đã được phóng chiếu vào các giới hạn nhân quả.

370. The Jiva is *in process* of returning to the Father, but, it would seem, must first focus itself within the spiritual triad—which, itself, can be considered an extension of the Father’s life. This means that, in a way, the spiritual triad *is* the Monad—the Monad ‘trinitized in expression’.

370. Jiva đang *trong tiến trình* trở về với Cha, nhưng dường như trước hết phải tự tập trung bên trong Tam Nguyên Tinh Thần—mà chính nó cũng có thể được xem là một sự mở rộng của sự sống của Cha. Điều này có nghĩa là, theo một cách nào đó, Tam Nguyên Tinh Thần *là* chân thần—chân thần ‘được tam vị hóa trong biểu hiện’.

371. That which goes forth from the Father is no longer considered the Father. Rather, we are to think of it as the emanated Son. And yet, the “Son” *is* the “Father”. “He who hath seen Me hath seen the Father.”

371. Điều phát ra từ Cha không còn được xem là Cha nữa. Đúng hơn, chúng ta phải nghĩ về nó như Người Con được xuất lộ. Tuy nhiên, “Người Con” *là* “Người Cha”. “Ai đã thấy Ta là đã thấy Cha.”

372. The material of which the causal body was composed must return to the “Reservoir of Life”. There would appear to be several domains within this Reservoir, each domain receiving a specific kind of returning lesser live.

372. Chất liệu mà thể nguyên nhân được cấu thành từ đó phải trở về “Bể Chứa của Sự Sống”. Có vẻ như có một số miền bên trong Bể Chứa này, mỗi miền tiếp nhận một loại sự sống nhỏ bé trở về riêng biệt.

373. We may presume that one such “Reservoir” is to be found within the Heart of the Sun and also within the Central Spiritual Sun to which the Solar Angels and Manasadevas return. There are, as it were, lesser types of Solar Angels which also manifest in that demonstration on the higher mental plane called the causal body. Sometimes these lesser solar angelic lives are called Manasadevas.

373. Chúng ta có thể giả định rằng một “Bể Chứa” như vậy được tìm thấy trong Trái Tim Mặt Trời và cũng trong Mặt trời Tinh thần Trung Ương, nơi các Thái dương Thiên Thần và Manasadevas trở về. Có, như thể, những loại Thái dương Thiên Thần thấp hơn cũng biểu hiện trong sự biểu lộ trên Cõi thượng trí được gọi là thể nguyên nhân. Đôi khi những sự sống thiên thần thái dương thấp hơn này cũng được gọi là Manasadevas.

The Masters, in concert with the great Devas, concern Themselves with this transmutative process, and each department might be considered as dealing with one of the three stages:

Các Chân sư, cùng phối hợp với các thiên thần vĩ đại, quan tâm đến tiến trình chuyển hoá này, và mỗi ban có thể được xem là xử lý một trong ba giai đoạn:

374. Each divine aspect is thus correlated with a certain aspect of the transmutative process.

374. Vì vậy, mỗi phương diện thiêng liêng được tương quan với một phương diện nhất định của tiến trình chuyển hoá.

The Mahachohan's department in its five divisions deals with the burning of the fiery lives.

Ban của Đức Mahachohan trong năm phân ban của Ngài xử lý việc thiêu đốt các sự sống rực lửa.

375. This is the brahmic phase of transmutative process.

375. Đây là giai đoạn brahmic của tiến trình chuyển hoá.

376. The entire personality nature is set ablaze and this is most vividly symbolized by the conflagration of the rapidly rotating atomic triangle which contributes to the destruction of the personality vehicles.

376. Toàn bộ bản chất phàm ngã được đốt cháy bừng lên và điều này được biểu tượng hóa sống động nhất bằng sự bốc cháy của tam giác nguyên tử quay nhanh, vốn góp phần vào sự hủy diệt các vận cụ của phàm ngã.

The Manu's department concerns itself with the form or the ring-pass-not which encloses the burning lives.

Ban của Đức Manu quan tâm đến hình tướng hay vòng-giới-hạn bao bọc các sự sống đang cháy.

377. This form or ring-pass-not is destroyed by the dissipative power of the central nucleus. The ring-pass-not is destroyed by first ray power.

377. Hình tướng hay vòng-giới-hạn này bị hủy diệt bởi quyền năng làm tiêu tan của hạt nhân trung tâm. Vòng-giới-hạn bị hủy diệt bởi quyền năng cung một.

378. It is important to realize that the first ray is closely related to both the *life* and the *form.* That abstraction we call *Spirit* is expressed as *matter* on the 'lowest' levels of manifestation.

378. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng cung một liên hệ mật thiết với cả *sự sống* lẫn *hình tướng.* Sự trừu tượng mà chúng ta gọi là *Tinh thần* được biểu lộ thành *vật chất* trên những cấp độ 'thấp nhất' của biểu hiện.

The Bodhisattva's department deals with the return of the Son to the bosom of the Father.

Ban của Đức Bồ Tát xử lý sự trở về của Người Con vào lòng Cha.

379. This return of the Son to the "bosom of the Father" occurs under the Law of Attraction. We remember how potent is the second aspect of the Will in relation to the destruction of the causal body. The magnetism existing between the Father aspect (demonstrating within the spiritual triad) and the Son (immersed in higher mental matter), works towards the determination of the Son to liberate himself from the unprincipled matter of the higher mental plane (unprincipled in the eyes of the Solar Logos) through an act of destruction caused by the intensification of the power of the nucleus.

379. Sự trở về của Người Con vào "lòng Cha" này diễn ra dưới Định luật Hấp Dẫn. Chúng ta nhớ quyền năng mạnh mẽ của phương diện thứ hai của Ý Chí trong liên hệ với sự hủy diệt thể nguyên nhân. Từ tính tồn tại giữa phương diện Cha (biểu lộ trong Tam Nguyên Tinh Thần) và Người Con (đắm mình trong vật chất thượng trí) vận hành hướng đến việc xác định quyết tâm của Người Con tự giải thoát mình khỏi vật chất không nguyên khí của Cõi thượng trí (không nguyên khí trong mắt của Thái dương Thượng đế) qua một hành động hủy diệt do sự tăng cường quyền năng của hạt nhân gây ra.

380. The term "bosom" is somehow important, suggesting a feminine aspect of a masculine principle (the "Father").

380. Thuật ngữ "lòng" dường như có tầm quan trọng nào đó, gợi ra một phương diện nữ tính của một nguyên khí nam tính ("Người Cha").

381. It is important to remember that, in this solar system, the second and first rays

381. Điều quan trọng là phải nhớ rằng, trong hệ mặt trời này, cung hai và cung một cùng

work closely together. This justifies the statement: "He who hath seen Me hath seen the Father."

Within the department of the Mahachohan, a secondary division along these lives might be outlined:

The seventh and fifth Rays are occupied with the return of the Son to the Father and are largely centred in pouring forth energising power when it becomes necessary to transfer the life of the Son from an old form into a new, from one kingdom of nature to another on the Path of Return. [Page 485] (TCF 484)

382. We should not find surprising the assistance given by the fifth and seventh rays to the process of the "return of the Son to the bosom of the Father". Rays seven and five are intimately related to ray one. Souls upon the seventh and fifth rays often resolve onto the first ray.

383. Then there is the relation of the seventh and fifth rays to the intensification of energy: the seventh ray is directly related to the kundalini (and to the power of "transference") and the fifth ray to the liberation of energy from matter.

384. From another perspective, however, the fifth and seventh rays may also be foundational to a *second* ray process, occurring within the Department of the Bodhisattva (i.e., the return of the Son to the bosom of the Father).

The third and sixth Rays deal with the burning of the fiery lives.

hoạt động mật thiết với nhau. Điều này biện minh cho phát biểu: "Ai đã thấy Ta là đã thấy Cha."

Trong ban của Đức Mahachohan, một sự phân chia thứ yếu theo các sự sống này có thể được phác họa:

Cung bảy và cung năm bận rộn với sự trở về của Người Con với Cha và phần lớn tập trung vào việc tuôn đổ quyền năng tiếpsinh lực khi trở nên cần thiết phải chuyển dịch sự sống của Người Con từ một hình tướng cũ sang một hình tướng mới, từ một giới tự nhiên này sang một giới khác trên Con Đường Trở Về. [Page 485] (TCF 484)

382. Chúng ta không nên thấy ngạc nhiên trước sự trợ giúp do cung năm và cung bảy dành cho tiến trình "sự trở về của Người Con vào lòng Cha". Cung bảy và cung năm liên hệ mật thiết với cung một. Các linh hồn trên cung bảy và cung năm thường quy về cung một.

383. Rồi còn có mối liên hệ của cung bảy và cung năm với sự tăng cường năng lượng: cung bảy liên hệ trực tiếp với kundalini (và với quyền năng của "sự chuyển dịch") và cung năm liên hệ với sự giải phóng năng lượng khỏi vật chất.

384. Tuy nhiên, từ một góc độ khác, cung năm và cung bảy cũng có thể là nền tảng cho một tiến trình cung *hai*, diễn ra trong Ban của Đức Bồ Tát (tức là sự trở về của Người Con vào lòng Cha).

Cung ba và cung sáu xử lý việc thiêu đốt các sự sống rực lửa.

385. These fiery lives reach a state of great *activity* which is equivalent to a state of burning. We remember that both the third and sixth rays are closely related to the *activity* aspect of divinity.

385. Các sự sống rực lửa này đạt đến một trạng thái *hoạt động* lớn lao tương đương với một trạng thái bốc cháy. Chúng ta nhớ rằng cả cung ba lẫn cung sáu đều liên hệ mật thiết với phương diện *hoạt động* của thiên tính.

386. The third and sixth rays, thus, are specifically allied to *destructive* processes occurring in the Mahachohan's department.

386. Vì vậy, cung ba và cung sáu đặc biệt liên kết với các tiến trình *hủy diệt* diễn ra trong ban của Đức Mahachohan.

The fourth blends the two fires within the atomic form.

Cung bốn hòa trộn hai ngọn lửa bên trong hình tướng nguyên tử.

387. The fires to be blended are basically the fire of mind and the fire of matter. At the heart of the "Jewel in the Lotus" is the highest example of the second divine aspect to be found within the lower twenty-one sub-planes. It is, in a way, *buddhic* in essence.

387. Hai ngọn lửa cần được hòa trộn về căn bản là lửa của trí tuệ và lửa của vật chất. Tại trung tâm của "Ngọc trong Hoa Sen" là ví dụ cao nhất của phương diện thiêng liêng thứ hai có thể tìm thấy trong hai mươi mốt cõi phụ thấp. Theo một cách nào đó, nó có bản chất *Bồ đề*.

388. The fourth ray is well known for its fusing and blending power. Sometimes the word "blending" is associated with the potency of the Third Logos. (cf. TCF 433)

388. Cung bốn vốn nổi tiếng về quyền năng dung hợp và pha trộn. Đôi khi từ "pha trộn" được gắn với tiềm lực của Đấng Thượng đế thứ ba. (xem TCF 433)

389. Whereas the fifth and seventh rays set up conditions for 'magnetic release' and the third and sixth rays contribute to destruction through burning, the fourth ray contributes to the blending of the two fires which must be united before transfer.

389. Trong khi cung năm và cung bảy thiết lập các điều kiện cho 'sự giải phóng từ tính' và cung ba cùng cung sáu góp phần vào sự hủy diệt qua thiêu đốt, thì cung bốn góp phần vào sự hòa trộn hai ngọn lửa phải được hợp nhất trước khi chuyển dịch.

It will be seen from a close study of these subdivisions, how close is the co-operation between the different groups, and how inter-related are their activities.

Qua việc nghiên cứu kỹ các phân ban này, sẽ thấy rõ sự hợp tác mật thiết giữa các nhóm khác nhau và các hoạt động của họ liên hệ chặt chẽ với nhau như thế nào.

390. All five of the 'Brahmic Rays' are needed to effect the liberation of the volatile essence.

390. Cả năm 'Cung Brahmic' đều cần thiết để thực hiện sự giải phóng tinh túy bay hơi.

The work of the Hierarchy can be interpreted always in terms of alchemy, and Their activities deal with a threefold transmutation.

391. This is a powerful statement. It becomes clear that there is a kind of 'alchemical key' to the understanding of the work of the Spiritual Hierarchy.

392. The Three Great Lords symbolize the threefold labor of fiery activation, destruction and return.

393. We note that a sequence is established: *three, one, two.* This sequence (with the second ray occupying the final position) is often found in *our* solar system.

394. Although the first ray is the ray of Spirit, the actual act of what we might call 'magnetic transference' is related, in the Tibetan's exposition, to the work of the second ray.

This work is carried on by Them consciously, **and supervenes upon Their own emancipation.**

395. One cannot be a hierarchical Alchemist until one has achieved liberation, emancipation.

396. To be effective in engineering the emancipation of others it is clear that one must be emancipated oneself.

397. When does "emancipation" occur? Is it at the fourth degree? The fifth? Perhaps we might say that what is begun at the fourth degree is completed at the fifth? The process of emancipation (as far as the human being

Công việc của Thánh Đoàn luôn có thể được diễn giải theo thuật luyện kim, và các hoạt động của Các Ngài xử lý một sự chuyển hoá tam phân.

391. Đây là một phát biểu mạnh mẽ. Rõ ràng là có một loại 'chìa khóa thuật luyện kim' để thấu hiểu công việc của Thánh đoàn tinh thần.

392. Ba Đấng Chúa Tể Vĩ Đại tượng trưng cho lao tác tam phân của sự hoạt hóa rực lửa, sự hủy diệt và sự trở về.

393. Chúng ta lưu ý rằng một trình tự được thiết lập: *ba, một, hai.* Trình tự này (với cung hai chiếm vị trí cuối cùng) thường được tìm thấy trong *hệ mặt trời* của chúng ta.

394. Mặc dù cung một là cung của Tinh thần, hành động thực sự của điều mà chúng ta có thể gọi là 'sự chuyển dịch từ tính' lại được liên hệ, trong phần trình bày của Chân sư Tây Tạng, với công việc của cung hai.

Công việc này được Các Ngài tiến hành một cách hữu thức, **và xảy đến sau sự giải thoát của chính Các Ngài.**

395. Không ai có thể là một Nhà Luyện Kim của Thánh đoàn cho đến khi đã đạt được giải thoát, giải phóng.

396. Để hữu hiệu trong việc tạo dựng sự giải phóng cho người khác, rõ ràng trước hết người ta phải tự mình được giải phóng.

397. "Sự giải phóng" xảy ra khi nào? Có phải ở cấp thứ tư? Thứ năm? Có lẽ chúng ta có thể nói rằng điều được bắt đầu ở cấp thứ tư được hoàn tất ở cấp thứ năm chăng? Tiến trình giải phóng (xét theo con người, là nhị phân).

is concerned, is twofold). We must remember that the Chohans "are no longer men as are the Masters").

Chúng ta phải nhớ rằng các Chohan "không còn là con người như các Chân sư nữa").

A Master transmutes in the three worlds and principally concerns Himself with the process upon the eighteen subplanes, the great field of human evolution, and with the passage of the life throughout the dense physical body of the Logos.

Một Chân sư chuyển hoá trong ba cõi thấp và chủ yếu quan tâm đến tiến trình trên mười tám cõi phụ, đại lĩnh vực của tiến hoá nhân loại, và với sự đi qua của sự sống xuyên suốt thể xác đậm đặc của Thượng đế.

398. A Master is master over the eighteen lower sub-planes. His work is principally to transmute the brahmic aspect into the second aspect, that of Lord Vishnu.

398. Một Chân sư làm chủ mười tám cõi phụ thấp. Công việc của Ngài chủ yếu là chuyển hoá phương diện brahmic thành phương diện thứ hai, tức phương diện của Chúa Vishnu.

399. Do the eighteen lower sub-planes constitute the "dense physical body of the Logos"? This may be true of the *Planetary* Logos but is it true of the Solar Logos? Should not the twenty-one lower sub-planes be included in the dense physical body of the Solar Logos?

399. Mười tám cõi phụ thấp có cấu thành "thể xác đậm đặc của Thượng đế" hay không? Điều này có thể đúng đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế, nhưng có đúng đối với Thái dương Thượng đế không? Chẳng phải hai mươi mốt cõi phụ thấp nên được bao gồm trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế sao?

The Chohans of the sixth Initiation work in the fourth and fifth ethers of the logoic etheric body (the buddhic and atmic planes),

Các Chohan của lần điểm đạo thứ sáu hoạt động trong cõi dĩ thái thứ tư và thứ năm của thể dĩ thái logoic (cõi Bồ đề và cõi atma),

400. It is interesting to hear the atmic plane called the *fifth* ether of the logoic etheric body. Usually it is called the *third* ether.

400. Thật thú vị khi nghe cõi atma được gọi là cõi dĩ thái *thứ năm* của thể dĩ thái logoic. Thông thường nó được gọi là cõi dĩ thái *thứ ba*.

401. The implication is that *all* the sub-planes of the cosmic physical plane are really *etheric* in nature. They are also, from one perspective, *akashic.* We must be alert to when terms are used in a specific manner and when they are meant to have a general meaning.

401. Hàm ý ở đây là *mọi* cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ thực ra đều có bản chất *dĩ thái*. Từ một góc độ nào đó, chúng cũng có tính *akashic.* Chúng ta phải tỉnh táo để nhận ra khi nào các thuật ngữ được dùng theo nghĩa chuyên biệt và khi nào chúng được dùng theo nghĩa tổng quát.

402. There are only *four* ethers, as ethers are usually considered. To discuss a *fifth* ether means, obviously, that there are more than *four.* The only way to arrive at more than four is to consider as etheric some of the sub-planes which are usually considered dense.

402. Chỉ có *bốn* cõi dĩ thái, nếu dĩ thái được hiểu theo cách thông thường. Việc bàn đến một cõi dĩ thái *thứ năm* rõ ràng có nghĩa là có nhiều hơn *bốn.* Cách duy nhất để đi đến con số nhiều hơn bốn là xem một số cõi phụ vốn thường được coi là đậm đặc như có tính dĩ thái.

403. Given this enumeration, the monadic plane will be called the sixth ether and the logoic plane the seventh!

403. Theo cách liệt kê này, cõi chân thần sẽ được gọi là cõi dĩ thái thứ sáu và cõi logoic là cõi dĩ thái thứ bảy!

and deal with the passage of the life of Spirit from form to form in those worlds,

và xử lý sự đi qua của sự sống của Tinh thần từ hình tướng này sang hình tướng khác trong những thế giới ấy,

404. Firstly, we find that, indeed, there are actually *forms* within the buddhic and atmic worlds and these forms are occupied by the "life of the Spirit".

404. Trước hết, chúng ta thấy rằng quả thực có những *hình tướng* trong các thế giới Bồ đề và atma, và những hình tướng này được "sự sống của Tinh thần" cư ngụ.

405. Presumably, the "life of the Spirit" must be liberated from the confines of the causal body before it can pass from form to 'form' in triadal worlds—interestingly, an arupa or "formless" world. Obviously, in this word there is *form* but it is of a different nature than form in the lower concrete worlds.

405. Có lẽ "sự sống của Tinh thần" phải được giải phóng khỏi các giới hạn của thể nguyên nhân trước khi nó có thể đi từ hình tướng này sang 'hình tướng' khác trong các thế giới tam nguyên tinh thần—thật thú vị, đó là một thế giới arupa hay "vô tướng". Rõ ràng, trong thế giới này vẫn có *hình tướng* nhưng nó có bản chất khác với hình tướng trong các thế giới cụ thể thấp.

406. This is an important realization (i.e., that Spirit passes "from form to form in those worlds"—triadal) for it contradicts the notion that the "life of the Spirit" will return *directly* to the Monad, per se, after being liberated from the causal confines.

406. Đây là một sự chứng nghiệm quan trọng (tức là Tinh thần đi "từ hình tướng này sang hình tướng khác trong những thế giới ấy"—các thế giới tam nguyên tinh thần), vì nó mâu thuẫn với quan niệm cho rằng "sự sống của Tinh thần" sẽ trở về *trực tiếp* với chính chân thần sau khi được giải phóng khỏi các giới hạn nhân quả.

407. All liberation proceeds by graded steps.

407. Mọi sự giải phóng đều tiến hành theo những bước tuần tự.

having in view the transmutation of units in the spiritual kingdom **into the monadic**.

nhắm đến sự chuyển hoá các đơn vị trong giới tinh thần **thành chân thần**.

408. There are units in the spiritual kingdom. They are initiates of the fourth and fifth degrees. Eventually They must be liberated into the domain of the Monad at the sixth initiation—that initiation which produces the Chohan.

408. Có những đơn vị trong giới tinh thần. Họ là các điểm đạo đồ cấp bốn và cấp năm. Cuối cùng Các Ngài phải được giải phóng vào lãnh vực của chân thần ở lần điểm đạo thứ sáu—lần điểm đạo tạo nên Chohan.

409. The "spiritual kingdom" is focussed on the planes of the spiritual triad.

409. "Giới tinh thần" được tập trung trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần.

Those on still higher levels—*the Buddhas and their Confreres of the first and third Rays* —**deal with the passage of the life into the sub-atomic, and atomic planes of the cosmic physical.**

Những Đấng ở các cấp còn cao hơn—*các Đức Phật và các Huynh Đệ của Các Ngài thuộc cung một và cung ba*—**xử lý sự đi qua của sự sống vào các cõi phụ nguyên tử và dưới nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ.**

410. The focus of Chohans is upon the sixth or monadic plane; at least this is a potential focus, as They are initiates of the sixth degree and an initiate of any particular degree is capable of a focus upon a plane the number of which corresponds to their initiatory degree.

410. Tiêu điểm của các Chohan là trên cõi thứ sáu hay cõi chân thần; ít nhất đây là một tiêu điểm tiềm năng, vì Các Ngài là các điểm đạo đồ cấp sáu và một điểm đạo đồ ở bất kỳ cấp nào cũng có khả năng tập trung trên một cõi có số tương ứng với cấp điểm đạo của mình.

411. From what is said above, the Buddhas seem (in general) to be on the second ray, while Their "Confreres" (or Brothers) appear to be on the first and third.

411. Từ những gì được nói ở trên, các Đức Phật dường như (nói chung) thuộc cung hai, trong khi các "Huynh Đệ" của Các Ngài dường như thuộc cung một và cung ba.

412. We may judge that the focus of the "Buddhas and their Confreres of the first and third Rays" is upon the logoic plane and that They hold a status of *at least* the seventh degree.

412. Chúng ta có thể phán đoán rằng tiêu điểm của "các Đức Phật và các Huynh Đệ của Các Ngài thuộc cung một và cung ba" là trên cõi logoic và rằng Các Ngài giữ một địa vị ít nhất là cấp *thứ bảy*.

413. DK is viewing these processes from the *cosmic* perspective, and thus looks as the seven systemic planes as seven cosmic sub-planes.

413. Chân sư DK đang nhìn các tiến trình này từ góc độ *vũ trụ*, và do đó xem bảy cõi hệ thống như bảy cõi phụ vũ trụ.

414. The volatile essence is at length liberated onto the monadic and logoic planes. (Liberation into the monadic, we must notice, occurred also in the previous stage.)

414. Tinh túy bay hơi cuối cùng được giải phóng lên các cõi chân thần và logoic. (Chúng ta cần lưu ý rằng sự giải phóng vào cõi chân thần cũng đã xảy ra trong giai đoạn trước.)

415. It would seem that Chohans of the sixth degree are involved in the promoting the liberation of the life essence onto the monadic plane, yet we are told that the Buddhas and Their Confreres are thus involved.

415. Có vẻ như các Chohan cấp sáu có liên quan đến việc thúc đẩy sự giải phóng tinh túy sự sống lên cõi chân thần, tuy nhiên chúng ta lại được bảo rằng các Đức Phật và các Huynh Đệ của Các Ngài cũng liên quan đến việc này.

416. In any case, liberation of the life essence onto the logoic plane (the *first* sub-plane of the cosmic physical plane and the *seventh ether* we have been told) requires the assistance of the Buddhas and Their Confreres.

416. Dù sao đi nữa, sự giải phóng tinh túy sự sống lên cõi logoic (cõi phụ *thứ nhất* của cõi hồng trần vũ trụ và là *cõi dĩ thái thứ bảy* như chúng ta đã được bảo) đòi hỏi sự trợ giúp của các Đức Phật và các Huynh Đệ của Các Ngài.

417. If DK means the Buddhas of Activity, we may have a problem in scale, as these Buddhas were already Planetary Logoi in the previous solar system?

417. Nếu Chân sư DK muốn nói đến các Đức Phật Hoạt Động, chúng ta có thể gặp một vấn đề về quy mô, vì các Đức Phật này đã là các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời trước?

418. But there are many kinds of Buddhas, and DK may not, after all, be speaking of Beings of so exalted a rank as the Buddhas of Activity.

418. Nhưng có nhiều loại Đức Phật, và rốt cuộc Chân sư DK có thể không nói đến những Đấng có cấp bậc cao siêu như các Đức Phật Hoạt Động.

What has been said applies to all hierarchical efforts in all schemes and on all globes, for the unity of effort is universal.

Những gì đã được nói áp dụng cho mọi nỗ lực của Thánh đoàn trong mọi hệ hành tinh và trên mọi bầu hành tinh, vì sự hợp nhất của nỗ lực là phổ quát.

419. We are given an important hint. Hierarchical effort goes on, on *all* schemes and globes.

419. Chúng ta được trao cho một gợi ý quan trọng. Nỗ lực của Thánh đoàn diễn ra trên *mọi* hệ hành tinh và bầu hành tinh.

420. Nếu nỗ lực của Thánh đoàn diễn ra trên mọi bầu hành tinh, thì không bầu hành tinh

420. If hierarchical effort goes transpires on all globes, none of them can be *strictly homogeneous* in its composition.

420. nào có thể *thuần nhất nghiêm ngặt* trong thành phần cấu tạo của nó.

421. The hint may be gathered that the Earth globe is not strictly composed of dense material substance, otherwise it would not sustain "hierarchical efforts"—which are, clearly, multidimensional.

421. Có thể rút ra gợi ý rằng bầu Địa Cầu không được cấu thành một cách nghiêm ngặt chỉ bởi chất liệu vật chất đậm đặc, nếu không nó sẽ không thể duy trì "những nỗ lực của Thánh đoàn"—vốn rõ ràng là đa chiều.

In every case, conscious self-induced control, or authority, precedes ability to transmute.

Trong mọi trường hợp, sự kiểm soát hữu thức do tự mình khởi phát, hay quyền uy, đều đi trước khả năng chuyển hoá.

422. The one who would transmute must achieve control over (what to him are) the lower lives. He must have "authority" over them so that they will obey and follow the law during the transmutative process.

422. Người muốn chuyển hoá phải đạt được sự kiểm soát đối với những sự sống thấp hơn (đối với y). Y phải có "quyền uy" đối với chúng để chúng sẽ vâng lời và tuân theo quy luật trong tiến trình chuyển hoá.

Initiates learn to transmute and superintend the passage of the life out of the animal kingdom into the human after the third Initiation,

Các điểm đạo đồ học cách chuyển hoá và giám sát sự đi qua của sự sống từ giới động vật vào giới nhân loại sau lần điểm đạo thứ ba,

423. This is fitting as the animal kingdom is the *third* kingdom and power to liberate its lives will correlate with powers accessed at the *third* degree.

423. Điều này là thích hợp vì giới động vật là giới *thứ ba* và quyền năng giải phóng các sự sống của nó sẽ tương ứng với các quyền năng được tiếp cận ở cấp *thứ ba*.

424. This type of transmutation and superintending is not presently in process, but during the fifth round it will again be so. The door to the fourth kingdom has also been left partially ajar during this fourth round and a relatively few animal lives will gain advantage from this.

424. Loại chuyển hoá và giám sát này hiện nay không đang diễn ra, nhưng trong cuộc tuần hoàn thứ năm nó sẽ lại như vậy. Cánh cửa vào giới thứ tư cũng đã được để hé mở phần nào trong cuộc tuần hoàn thứ tư này và tương đối ít sự sống động vật sẽ được hưởng lợi từ điều đó.

425. It would seem that some communion with the Agnishvattas would be required of such initiates were they to be successful in promoting the transfer of animal life into the fourth kingdom—unless we assume that

425. Có vẻ như những điểm đạo đồ như thế sẽ cần một sự giao cảm nào đó với các Agnishvatta nếu muốn thành công trong việc thúc đẩy sự chuyển dịch sự sống động vật vào giới thứ tư—trừ phi chúng ta giả

the Agnishvattas will not be involved in the individualization process during the next round. On the Moon-chain they were not involved, we are told.

định rằng các Agnishvatta sẽ không tham gia vào tiến trình biệt ngã hóa trong cuộc tuần hoàn kế tiếp. Chúng ta được bảo rằng trên Dãy Mặt Trăng, các Ngài đã không tham gia.

and during the earlier stages of initiation, formulas that control the lesser devas, and which produce results in the merging of the second and third kingdoms are communicated;

và trong các giai đoạn đầu của điểm đạo, các công thức kiểm soát các thiên thần thấp hơn, và tạo ra các kết quả trong sự hợp nhất của giới thứ hai và giới thứ ba, được truyền đạt;

426. Initiates lower than the third degree may receive formulas which—

426. Các điểm đạo đồ dưới cấp thứ ba có thể nhận được những công thức mà—

a. Control the lesser devas

a. Kiểm soát các thiên thần thấp hơn

b. Produce results in the merging of the second and third kingdoms

b. Tạo ra các kết quả trong sự hợp nhất của giới thứ hai và giới thứ ba

427. Perhaps there are present instances of this kind of merging, but exoterically, nothing about it is known.

427. Có lẽ hiện nay có những trường hợp của loại hợp nhất này, nhưng về mặt ngoại môn, không ai biết gì về nó.

428. We know that the requirements for initiation are always increasing. Presumably, the knowledge imparted at each initiation is also increasing in depth and scope.

428. Chúng ta biết rằng các yêu cầu đối với điểm đạo luôn luôn gia tăng. Có lẽ tri thức được truyền đạt ở mỗi lần điểm đạo cũng đang gia tăng về chiều sâu và phạm vi.

they work under safeguards and supervision.

họ làm việc dưới những biện pháp bảo vệ và sự giám sát.

429. Initiates of earlier degrees than the third are “probationary initiates” and have not earned the full trust of the Hierarchy. Their work must be supervised and they must be safeguarded from their natural tendency to make mistakes.

429. Các điểm đạo đồ ở những cấp thấp hơn lần điểm đạo thứ ba là “các điểm đạo đồ dự bị” và chưa giành được sự tín nhiệm trọn vẹn của Thánh đoàn. Công việc của họ phải được giám sát và họ phải được bảo vệ khỏi khuynh hướng tự nhiên là phạm sai lầm.

***Advanced intellectual man* should be able to co-operate in the synthesis of the work, and deal with the transmutation [Page 486]**

***Con người trí tuệ cao cấp* phải có khả năng hợp tác trong sự tổng hợp công việc, và đề cập đến sự chuyển hoá [Page 486] của các**

of the metals, as the ratio of their intellectual development to that of the mineral elements, and builders whom they would control, is the same as in the above mentioned cases and grades of consciousness,

kim loại, vì tỉ lệ giữa sự phát triển trí tuệ của họ với sự phát triển của các nguyên tố kim thạch, và các đấng kiến tạo mà họ sẽ kiểm soát, cũng giống như trong các trường hợp và cấp độ tâm thức đã được đề cập ở trên,

430. We have a fascinating hint. The ratio of development existing between the one who transmutes and that which is to be transmuted must be of a specific *magnitude* if transmutation is to be successful.

430. Ở đây chúng ta có một gợi ý đầy hấp dẫn. Tỉ lệ phát triển hiện hữu giữa kẻ chuyển hoá và cái sẽ được chuyển hoá phải có một *độ lớn* nhất định nếu sự chuyển hoá muốn thành công.

431. Advanced, intellectual man is related to the life and consciousness of the mineral elements and the devic builders who work in relation to the mineral elements, as probationary initiates are related to the life and consciousness of the vegetable kingdom and the devic builders who work in relation to the vegetable kingdom, and as initiates of the third degree are related to the animal kingdom and the corresponding builders.

431. Con người trí tuệ cao cấp liên hệ với sự sống và tâm thức của các nguyên tố kim thạch và các đấng kiến tạo thiên thần làm việc liên quan đến các nguyên tố kim thạch, cũng như các điểm đạo đồ dự bị liên hệ với sự sống và tâm thức của giới thực vật và các đấng kiến tạo thiên thần làm việc liên quan đến giới thực vật, và cũng như các điểm đạo đồ của lần điểm đạo thứ ba liên hệ với giới động vật và các đấng kiến tạo tương ứng.

432. The rigorous mathematics underlying the Ageless Wisdom can never be forgotten.

432. Nền toán học nghiêm ngặt làm cơ sở cho Minh Triết Ngàn Đời không bao giờ được quên lãng.

433. Different ray energies, it seems, will be required to effect these transmutations:

433. Dường như sẽ cần đến những năng lượng cung khác nhau để thực hiện các sự chuyển hoá này:

a. In the transmutations over which advanced, intellectual man presides, the seventh and fifth rays will be important

a. Trong các sự chuyển hoá mà con người trí tuệ cao cấp chủ trì, cung bảy và cung năm sẽ quan trọng

b. Probationary initiates will find the sixth and third rays useful.

b. Các điểm đạo đồ dự bị sẽ thấy cung sáu và cung ba hữu ích.

c. Third degree initiates will find the fifth and fourth rays useful. The second ray must also play its role as this transmutation involves the creation of a center of focus on

c. Các điểm đạo đồ bậc ba sẽ thấy cung năm và cung bốn hữu ích. Cung hai cũng phải giữ vai trò của nó vì sự chuyển hoá này bao hàm việc tạo ra một trung tâm tập chú trên Cõi

the higher mental plane (the home, as far as man in the three worlds is concerned, of the "soul").

thượng trí (nơi cư ngụ, xét theo con người trong ba cõi thấp, của "linh hồn").

434. These are simply suggestions. The final truth may be otherwise.

434. Đây chỉ đơn giản là những gợi ý. Chân lý sau cùng có thể khác đi.

but owing to the disastrous developments in Atlantean days, and the consequent **stultification of spiritual evolution for a time until karma has been adjusted,** the art has been lost;

nhưng do những diễn biến tai hại trong thời Atlantis, và hậu quả là **sự làm trì trệ tiến hoá tinh thần trong một thời gian cho đến khi nghiệp quả được điều chỉnh,** nghệ thuật ấy đã bị thất truyền;

435. The transmutative art was in the possession of humanity but the Atlantean disasters contributed to a dying out (or deliberate withdrawal) of the necessary knowledge.

435. Nghệ thuật chuyển hoá đã từng nằm trong tay nhân loại nhưng các tai hoạ Atlantis đã góp phần làm cho tri thức cần thiết ấy mai một dần (hoặc bị cố ý rút lại).

436. We usually hear of the "Moon-chain disaster", but the great wars on Atlantis (very reasonably due essentially to developments which occurred during the Moon-chain disaster) are also to be considered "disastrous".

436. Chúng ta thường nghe nói đến "tai hoạ Dãy Mặt Trăng", nhưng các cuộc đại chiến trên Atlantis (rất hợp lý khi về căn bản là do những diễn biến xảy ra trong tai hoạ Dãy Mặt Trăng) cũng phải được xem là "tai hại".

437. Perhaps we are just entering that period when the karma then generated has at last been adjusted. If this is the case, then knowledge concerning the transmutative art can be restored to humanity, accompanied by certain safeguards which apparently were not present in Atlantean times.

437. Có lẽ chúng ta đang vừa bước vào giai đoạn mà nghiệp quả được tạo ra khi ấy cuối cùng đã được điều chỉnh. Nếu đúng như vậy, thì tri thức liên quan đến nghệ thuật chuyển hoá có thể được phục hồi cho nhân loại, đi kèm với những biện pháp bảo vệ nhất định mà rõ ràng đã không hiện diện trong thời Atlantis.

or rather, the knowledge has been safeguarded until a period is reached in the racial progress wherein the physical body is pure enough to withstand the forces contacted, and to emerge from the process of chemical transmutation enriched, not only in knowledge and experience, but strengthened in its own inner fibre.

hay đúng hơn, tri thức ấy đã được bảo tồn cho đến khi đạt tới một giai đoạn trong sự tiến bộ của nhân loại mà ở đó thể xác đủ thanh khiết để chịu đựng các mãnh lực được tiếp xúc, và bước ra khỏi tiến trình chuyển hoá hoá học với sự phong phú hơn, không chỉ về tri thức và kinh nghiệm, mà

còn được tăng cường trong chính thớ chất bên trong của nó.

438. Here we read of the safeguarding of the necessary knowledge—presumably by the Hierarchy.

438. Ở đây chúng ta đọc thấy việc bảo tồn tri thức cần thiết—hẳn là bởi Thánh đoàn.

439. If bodies are impure, contact with the forces necessary for transmutation will only bring unintended ill effects.

439. Nếu các thể không thanh khiết, việc tiếp xúc với các mãnh lực cần thiết cho sự chuyển hoá sẽ chỉ mang lại những tác hại ngoài ý muốn.

440. The seventh ray is a ray of purification and a sponsor of alchemical process. During the coming seventh ray Age, the time would appear to be ripe for the restoration of the lost knowledge.

440. Cung bảy là một cung của sự thanh lọc và là vị bảo trợ cho tiến trình thuật luyện kim. Trong Kỷ nguyên cung bảy sắp đến, thời điểm dường như đã chín muồi cho việc phục hồi tri thức đã mất.

441. Human beings who are capable of withstanding the process of chemical transmutation must emerge as follows:

441. Những con người có khả năng chịu đựng tiến trình chuyển hoá hoá học phải xuất hiện như sau:

a. Enriched in knowledge

a. Được làm phong phú về tri thức

b. Enriched in experience

b. Được làm phong phú về kinh nghiệm

c. Strengthened in their own inner fibre

c. Được tăng cường trong chính thớ chất bên trong của họ

442. To guarantee these results, purification is of the utmost consequence.

442. Để bảo đảm những kết quả này, sự thanh lọc có tầm quan trọng tối thượng.

As time proceeds, man will gradually do four things:

Khi thời gian trôi qua, con người sẽ dần dần làm bốn điều:

443. The following list points the way to a future in which transmutative process will be knowledgably and safely followed.

443. Danh sách sau đây chỉ ra con đường dẫn đến một tương lai trong đó tiến trình chuyển hoá sẽ được theo đuổi một cách hiểu biết và an toàn.

1. Recover past knowledge and powers developed in Atlantean days.

444. This is already in process. The inner soul (we are told) will release this knowledge when the time is right. Much is also being learned from the investigative work of various occult researchers.

2. Produce bodies resistant to the fire elementals of the lower kind which work in the mineral kingdom.

445. Resistance to the work of the Agnichaitans must be developed. Without this resistance, the health of the one who transmutes the mineral elements will be jeopardized.

446. The relation of the sign Aquarius to the lowest of the Creative Hierarchies will help in the production of such bodies. For instance, bodies which have an 'airy' quality (Aquarius is an "air sign") will respond to burning more favorably than bodies which are dense or moist or both.

3. **Comprehend the inner meaning of radioactivity, or the setting loose of the power inherent in all elements and all atoms of chemistry, and in all true minerals.**

447. Radioactivity obviously has its inner and outer meanings. Occultists are those that must understand *both* meanings, but especially the inner meaning.

1. Phục hồi tri thức và quyền năng trong quá khứ đã được phát triển trong thời Atlantis.

444. Điều này đã đang diễn ra. Linh hồn nội tại (như chúng ta được cho biết) sẽ giải phóng tri thức này khi thời điểm thích hợp. Nhiều điều cũng đang được học hỏi từ công trình khảo cứu của nhiều nhà nghiên cứu huyền bí khác nhau.

2. Tạo ra những thể có sức đề kháng đối với các hành khí của lửa thuộc loại thấp hoạt động trong giới kim thạch.

445. Sức đề kháng đối với công việc của các Agnichaitans phải được phát triển. Không có sức đề kháng này, sức khoẻ của người chuyển hoá các nguyên tố kim thạch sẽ bị đe doạ.

446. Mối liên hệ của dấu hiệu Bảo Bình với Huyền Giai Sáng Tạo thấp nhất sẽ giúp tạo ra những thể như thế. Chẳng hạn, những thể có phẩm tính "khí" (Bảo Bình là một "dấu hiệu hành khí") sẽ đáp ứng với sự đốt cháy thuận lợi hơn những thể đậm đặc hoặc ẩm ướt hoặc cả hai.

3. **Thấu hiểu ý nghĩa nội tại của tính phóng xạ, hay sự giải phóng quyền năng vốn tiềm ẩn trong mọi nguyên tố và mọi nguyên tử của hoá học, và trong mọi khoáng chất chân chính.**

447. Tính phóng xạ hiển nhiên có những ý nghĩa nội tại và bên ngoài của nó. Các nhà huyền bí học là những người phải thấu hiểu *cả hai* ý nghĩa, nhưng đặc biệt là ý nghĩa nội tại.

448. Radioactivity (the first stage of the later phases of the transmutation process) is a liberative process.

448. Tính phóng xạ (giai đoạn đầu của các pha về sau của tiến trình chuyển hoá) là một tiến trình giải phóng.

449. Notice that the “power” set loose is equivalent to the “vital essence” which escapes or is released. The unit released or escaping, is a unit of *power.*

449. Hãy lưu ý rằng “quyền năng” được giải phóng tương đương với “tinh chất sinh lực” thoát ra hay được phóng thích. Đơn vị được phóng thích hay thoát ra là một đơn vị của *quyền năng.*

4. **Reduce the formulas of the coming chemists and scientists to SOUND,** and not simply formulate through experiment on paper. In this last statement lies (for those who can perceive) the most illuminating hint that it has been possible as yet to impart on this matter.

4. **Quy các công thức của các nhà hoá học và khoa học gia tương lai về thành ÂM THANH,** chứ không chỉ đơn giản hình thành chúng qua thí nghiệm trên giấy. Chính trong lời phát biểu cuối cùng này có (đối với những ai có thể nhận ra) gợi ý soi sáng nhất mà cho đến nay có thể được truyền đạt về vấn đề này.

450. If formulas are reduced to sound, then ‘formulas can be sounded’, and their very sounding will produce transmutative effect.

450. Nếu các công thức được quy về âm thanh, thì ‘các công thức có thể được xướng lên’, và chính sự xướng lên ấy sẽ tạo ra hiệu quả chuyển hoá.

451. What is hinted is the role of sound as a great transmutative agent.

451. Điều được gợi ý là vai trò của âm thanh như một tác nhân chuyển hoá vĩ đại.

452. The coming in of the seventh ray (ruling the throat centers of disciples), combined with the fourth and fifth will make this development possible. The Masters transmute through mantric formulas; we must learn to do likewise.

452. Sự xuất hiện của cung bảy (cai quản các trung tâm cổ họng của các đệ tử), kết hợp với cung bốn và cung năm, sẽ làm cho sự phát triển này trở nên khả hữu. Các Chân sư chuyển hoá qua các công thức mantram; chúng ta phải học làm như vậy.

453. The voice of man will move the Builders—the members of the "Army of the Voice". Scientists will succeed not only because of what they can “do”, but because of what they “are”. Knowledge, alone, will not be sufficient for such sounding. Only those who have attained will be able to sound.

453. Tiếng nói của con người sẽ làm chuyển động các Đấng Kiến Tạo—những thành viên của “Đạo Quân của Tiếng Nói”. Các nhà khoa học sẽ thành công không chỉ vì điều họ có thể “làm”, mà còn vì điều họ “là”. Chỉ riêng tri thức sẽ không đủ cho sự xướng lên như thế. Chỉ những ai đã đạt được mới có thể xướng.

454. In the discovery of the *sound* of the *formula* lies its potential for immediacy of application.

454. Chính trong việc khám phá ra *âm thanh* của *công thức* mà có tiềm năng áp dụng tức thời của nó.

It may seem that I have not communicated much information anent this conscious manipulation of the fires. **That lies in the inability of the student to read the esoteric background of the above communicated statements.**

Có thể dường như tôi đã không truyền đạt nhiều thông tin liên quan đến sự vận dụng có ý thức các ngọn lửa này. **Điều đó nằm ở sự bất lực của đạo sinh trong việc đọc được bối cảnh huyền bí của các phát biểu đã được truyền đạt ở trên.**

455. DK is asking us to pour over what He has said with utmost care and with the aid of the "esoteric sense". Much may thereby be revealed to us.

455. Chân sư DK đang yêu cầu chúng ta nghiền ngẫm điều Ngài đã nói với sự cẩn trọng tối đa và với sự trợ giúp của "giác quan huyền bí". Nhờ đó nhiều điều có thể được mặc khải cho chúng ta.

456. From what type of knowledge have the given statements emerged? Can we trace the statement to the background context of knowledge from which it emerged?

456. Những phát biểu đã được đưa ra này đã xuất hiện từ loại tri thức nào? Chúng ta có thể truy nguyên phát biểu ấy về bối cảnh nền tảng của tri thức mà từ đó nó xuất hiện không?

Conscious transmutation is possible only when a man has transmuted the elements in his own vehicles;

Sự chuyển hoá có ý thức chỉ có thể thực hiện khi một người đã chuyển hoá các nguyên tố trong chính các hiện thể của mình;

457. Again, before we can transmute on any of the levels discussed, we must be working through transmuted vehicles

457. Một lần nữa, trước khi chúng ta có thể chuyển hoá trên bất kỳ cấp độ nào đã được bàn đến, chúng ta phải đang hoạt động qua các hiện thể đã được chuyển hoá

458. Advanced intellectual man must transmute the elements in his physical-etheric vehicles; probationary initiates must transmute the elements in their astral vehicle especially; the initiate of the third degree must transmute the elements in his lower mental vehicle.

458. Con người trí tuệ cao cấp phải chuyển hoá các nguyên tố trong các hiện thể hồng trần-dĩ thái của mình; các điểm đạo đồ dự bị phải chuyển hoá các nguyên tố đặc biệt trong hiện thể cảm dục của họ; điểm đạo đồ bậc ba phải chuyển hoá các nguyên tố trong hiện thể hạ trí của y.

then only can he be trusted with the secrets of divine alchemy.

chỉ khi đó y mới có thể được tin cậy giao phó những bí mật của thuật luyện kim thiêng liêng.

459. Again, it would seem that such a trusted individual must be at least an initiate of the third degree, having overcome Mars in favor of Venus (a potent ruler of the third initiation and a major planet of transmutation).

459. Một lần nữa, dường như một cá nhân đáng tin cậy như thế ít nhất phải là một điểm đạo đồ bậc ba, đã vượt qua Sao Hỏa để hướng về Sao Kim (một chủ tinh mạnh mẽ của lần điểm đạo thứ ba và là một hành tinh lớn của sự chuyển hoá).

[Page 487] When through the **latent internal fires of the matter of his own sheaths** he has transmuted the chemical and mineral atoms of those sheaths, then can he safely—**through affinity of substance**—aid the work of mineral transmutation of the first order.

[Page 487] Khi qua **các ngọn lửa nội tại tiềm ẩn của vật chất trong chính các thể vỏ của mình** y đã chuyển hoá các nguyên tử hoá học và kim thạch của các thể vỏ ấy, khi đó y mới có thể một cách an toàn—**nhờ sự tương hợp của chất liệu**—hỗ trợ công việc chuyển hoá kim thạch bậc một.

460. Here we are given the requirements to be accomplished for transmutation of the first order—a type of transmutation related to chemical and mineral atoms.

460. Ở đây chúng ta được cho biết những yêu cầu phải hoàn thành đối với sự chuyển hoá bậc một—một loại chuyển hoá liên quan đến các nguyên tử hoá học và kim thạch.

461. The nature of this type of transmutation is not given, but may be inferred from what is said below. Are we dealing with the will 'creation' of mineral life—something at which Master R. (as the Comte de Saint-Germaine) was *adept*?

461. Bản chất của loại chuyển hoá này không được nêu ra, nhưng có thể được suy ra từ điều được nói bên dưới. Có phải chúng ta đang bàn đến sự "sáng tạo" bằng ý chí của sự sống kim thạch—điều mà Chân sư R. (với tư cách Bá tước de Saint-Germaine) là một *chân sư*?

462. In the attempt to understand what is said, it is important for us to remember the nature of "latent fire" and "active fire" (i.e., "radiatory fire").

462. Trong nỗ lực thấu hiểu điều được nói ra, điều quan trọng đối với chúng ta là ghi nhớ bản chất của "lửa tiềm ẩn" và "lửa hoạt động" (tức "lửa phóng xạ").

463. We note that this first order of transmutation relates to the *latent internal fires* and, thus, the fires of the relatively dense matter *of any sheath*. We may recall the every sheath, physical, astral and mental has sub-plane matter which is relatively

463. Chúng ta lưu ý rằng bậc chuyển hoá thứ nhất này liên hệ với các *ngọn lửa nội tại tiềm ẩn* và, do đó, với các ngọn lửa của vật chất tương đối đậm đặc *của bất kỳ thể vỏ nào*. Chúng ta có thể nhớ rằng mỗi thể vỏ, hồng trần, cảm dục và trí tuệ, đều có vật chất cõi

dense (as regards the plane on which it is found) and sub-plane matter which is, relatively, 'etheric' (as regards that plane).

phụ tương đối đậm đặc (xét theo cõi nơi nó được tìm thấy) và vật chất cõi phụ tương đối "dĩ thái" (xét theo cõi ấy).

Only when (through the **radiatory fires of the sheaths**) he has transmuted the correspondence to the vegetable kingdom within his own organism can he alchemically do work of the second order.

Chỉ khi nào (qua **các ngọn lửa phóng xạ của các thể vỏ**) y đã chuyển hoá sự tương ứng với giới thực vật bên trong chính cơ thể mình thì y mới có thể bằng thuật luyện kim thực hiện công việc bậc hai.

464. Here the *radiatory* fires of all the lower sheaths are involved.

464. Ở đây các ngọn lửa *phóng xạ* của tất cả các thể vỏ thấp đều được bao hàm.

465. We might consider that the radiatory fires will transmute at the *cellular level*—i.e., that aspect of man's nature which we can consider correlated to the vegetable kingdom.

465. Chúng ta có thể xét rằng các ngọn lửa phóng xạ sẽ chuyển hoá ở cấp độ *tế bào* §—tức phương diện bản chất con người mà chúng ta có thể xem là tương quan với giới thực vật.

466. Active fires are *vital* fires and, presumably, are related to the kind of pranic vitality displayed by the vegetable kingdom.

466. Các ngọn lửa hoạt động là các ngọn lửa *sinh lực* và, có lẽ, liên hệ với loại sinh lực prana được biểu lộ bởi giới thực vật.

467. We may suppose (judging from what is next said about transmutation and the fires of mind) that second order transmutation within his own system involves transmutation of the matter of the astral vehicle.

467. Chúng ta có thể giả định (phán đoán từ điều được nói tiếp theo về sự chuyển hoá và các ngọn lửa của trí tuệ) rằng sự chuyển hoá bậc hai trong hệ thống riêng của y bao hàm sự chuyển hoá vật chất của hiện thể cảm dục.

468. Presumably, second order transmutation involves, also, the transfer of mineral life into vegetable forms.

468. Có lẽ, sự chuyển hoá bậc hai cũng bao hàm việc chuyển dịch sự sống kim thạch vào các hình tướng thực vật.

469. It is suggested that the latent fires are more closely related to the mineral kingdom and the vital or active fires to the vegetable.

469. Có gợi ý rằng các ngọn lửa tiềm ẩn liên hệ chặt chẽ hơn với giới kim thạch và các ngọn lửa sinh lực hay hoạt động liên hệ với giới thực vật.

Only when the fires of mind in himself dominate, can he work with the transmutative processes of the third order,

Chỉ khi nào các ngọn lửa của trí tuệ trong chính y chi phối, y mới có thể làm việc với các tiến trình chuyển hoá bậc ba, hay với

or with the transference of life into the animal forms.

470. The fires of mind which are to dominate in order to make third order transmutation possible are the fires of *lower* mind—the mental elemental fires. The fires of higher mind are required for the next type of transmutation—transmutation of the fourth order.

471. By inference, second order transmutation seems to suggest the transference of life into vegetable forms.

472. Will first order transmutation suggest the transference of elemental essence into mineral forms?

Only when the Self within, or the Ego in the causal body,

473. We note that the Ego is *not* the causal body. The Ego, really, is a form of consciousness.

is in control of his threefold personality can he occultly be permitted to be an alchemist of the fourth order, and work in connection with the transmutation of the animal monad into the human kingdom, with all the vast knowledge that is included in that idea.

474. This is a type of transmutation which will be common when the individualization of members of the animal kingdom is again allowed on our globe. We are told that this will happen (to a small extent) during this fourth round.

việc chuyển dịch sự sống vào các hình tướng động vật.

470. Các ngọn lửa của trí tuệ phải chi phối để làm cho sự chuyển hoá bậc ba trở nên khả hữu là các ngọn lửa của *hạ* trí—các ngọn lửa hành khí trí tuệ. Các ngọn lửa của thượng trí được đòi hỏi cho loại chuyển hoá kế tiếp—sự chuyển hoá bậc bốn.

471. Theo suy luận, sự chuyển hoá bậc hai dường như gợi ý việc chuyển dịch sự sống vào các hình tướng thực vật.

472. Liệu sự chuyển hoá bậc một có gợi ý việc chuyển dịch Tinh chất hành khí vào các hình tướng kim thạch chăng?

Chỉ khi Bản Ngã Cao Siêu bên trong, hay Chân ngã trong thể nguyên nhân,

473. Chúng ta lưu ý rằng Chân ngã *không* phải là thể nguyên nhân. Thực ra, Chân ngã là một hình thức tâm thức.

kiểm soát được phàm nhân tam phân của y thì y mới có thể được phép một cách huyền bí trở thành một nhà luyện kim bậc bốn, và làm việc liên quan đến sự chuyển hoá chân thần động vật vào giới nhân loại, cùng với toàn bộ tri thức bao la được bao hàm trong ý tưởng đó.

474. Đây là một loại chuyển hoá sẽ trở nên phổ biến khi sự biệt ngã hóa của các thành viên giới động vật lại được cho phép trên bầu hành tinh của chúng ta. Chúng ta được cho biết rằng điều này sẽ xảy ra (ở mức độ nhỏ) trong cuộc tuần hoàn thứ tư này.

475. The Self within, the Ego in the causal body is in control of the threefold personality at the third initiation.

475. Bản Ngã Cao Siêu bên trong, Chân ngã trong thể nguyên nhân, kiểm soát phàm ngã tam phân ở lần điểm đạo thứ ba.

476. We note the terminology to describe the process of transferring the life of the animal into the human kingdom: "the transmutation of the animal monad into the human kingdom". This, we can imagine, is a hugely responsible undertaking requiring vast knowledge of a kind hardly suspected by the normal student of esotericism.

476. Chúng ta lưu ý thuật ngữ dùng để mô tả tiến trình chuyển dịch sự sống của động vật vào giới nhân loại: "sự chuyển hoá chân thần động vật vào giới nhân loại". Điều này, chúng ta có thể hình dung, là một công việc có trách nhiệm vô cùng lớn lao, đòi hỏi một tri thức bao la thuộc loại mà đạo sinh huyền bí học bình thường hầu như không ngờ tới.

477. A question arises: in what Creative Hierarchy can the "animal monad" be found? We know that this type of Monad is not found within the fourth *kingdom,* but could it, indeed, be found within the Fourth Creative Hierarchy (which is something more vast than the fourth kingdom)?

477. Một câu hỏi nảy sinh: "chân thần động vật" có thể được tìm thấy trong Huyền Giai Sáng Tạo nào? Chúng ta biết rằng loại Chân thần này không được tìm thấy trong *giới* thứ tư, nhưng liệu quả thật nó có thể được tìm thấy trong Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư (một điều gì đó bao la hơn giới thứ tư) chăng?

478. May we infer that members of the Fourth Creative Hierarchy (i.e., the units we now call "man") were once "in-mineralized", "in-vegetalized", "in-zoonated".

478. Chúng ta có thể suy ra rằng các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư (tức các đơn vị mà hiện nay chúng ta gọi là "con người") đã từng một thời "ở trong khoáng vật", "ở trong thực vật", "ở trong động vật" chăng.

479. A related question would come as follows: may we assume that it was the Monad of the Fourth Creative Hierarchy that took a physical permanent atom and an astral permanent atom? If so, such a Monad had everything necessary to participate for long ages in the mineral, vegetable and animal kingdoms?

479. Một câu hỏi liên hệ sẽ là như sau: chúng ta có thể giả định rằng chính Chân thần của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư đã lấy một nguyên tử trường tồn hồng trần và một nguyên tử trường tồn cảm dục chăng? Nếu vậy, một Chân thần như thế đã có mọi điều cần thiết để tham dự trong những thời đại dài lâu vào các giới kim thạch, thực vật và động vật?

480. The following possibility is suggested for pondering: that the "animal Monad" (though not yet a member of the fourth kingdom—the human—may yet be a

480. Khả năng sau đây được gợi ra để suy ngẫm: rằng "Chân thần động vật" (dù chưa là thành viên của giới thứ tư—giới nhân loại) vẫn có thể là một thành viên của Huyền Giai

member of the Fourth Creative Hierarchy). This may seem a preposterous thought until one thinks carefully about the history of the "human Monad".

Sáng Tạo Thứ Tư). Điều này có thể dường như là một ý nghĩ phi lý cho đến khi người ta suy nghĩ cẩn thận về lịch sử của "Chân thần nhân loại".

481. In general the *order* of the transmutation, relates to the kingdom *into which* the life is being transferred. From whence comes the life which is to be transferred into the mineral kingdom? Is that life not "elemental" and not yet participating in one of the lower four kingdoms of nature, of which the human is the highest?

481. Nói chung, *bậc* của sự chuyển hoá liên hệ với *giới mà vào đó* sự sống đang được chuyển dịch. Sự sống sẽ được chuyển dịch vào giới kim thạch đến từ đâu? Chẳng phải sự sống ấy là "hành khí" và chưa tham dự vào một trong bốn giới thấp của thiên nhiên, mà giới nhân loại là cao nhất, sao?

Much lies ahead to be accomplished, but in the appreciation of the magnitude of the task need be no place for discouragement, for in the wise outlining of the future, in the cautious promulgation of knowledge concerning the necessitated stages, will come strenuous effort and aim on the part of many aspirants, and the evolutionary bringing in of those who can achieve.

Còn rất nhiều điều phía trước phải được hoàn thành, nhưng trong việc nhận thức tầm vóc của nhiệm vụ không cần có chỗ cho sự nản lòng, vì trong sự phác hoạ khôn ngoan về tương lai, trong việc công bố thận trọng tri thức liên quan đến các giai đoạn tất yếu, sẽ xuất hiện nỗ lực mãnh liệt và mục tiêu nơi nhiều người chí nguyện, cùng với việc tiến hoá đưa vào những ai có thể thành tựu.

482. DK cautiously outlines future requirements, not to discourage us, but to produce in certain aspirants the strenuous effort necessary to meet those requirements.

482. Chân sư DK thận trọng phác hoạ các yêu cầu tương lai, không phải để làm chúng ta nản lòng, mà để khơi dậy nơi một số người chí nguyện nỗ lực mãnh liệt cần thiết để đáp ứng các yêu cầu ấy.

483. We may suppose progress in the field of Alchemy will be considerable with the incoming of many whose souls are focussed on the seventh ray—the Ray of the Divine Alchemical Worker (EP I 85) These seventh ray souls are the ones who are being 'brought in'—soon in large numbers.

483. Chúng ta có thể giả định rằng sự tiến bộ trong lĩnh vực Thuật luyện kim sẽ rất đáng kể với sự xuất hiện của nhiều người có linh hồn tập chú trên cung bảy—Cung của Người Hoạt Động Thuật Luyện Kim Thiêng Liêng (EP I 85). Những linh hồn cung bảy này là những người đang được "đưa vào"—và chẳng bao lâu nữa với số lượng lớn.

The problem of speaking clearly on this subject of transmutation is a very real one, owing to the vastness of the subject and the

Vấn đề nói một cách rõ ràng về chủ đề chuyển hoá này là một vấn đề rất thực tế, do tính bao la của chủ đề và sự kiện rằng trong

fact that in the transmutation process the magician or *alchemist works with deva essence through the control of the lesser Builders in co-operation with the greater Devas.*

tiến trình chuyển hoá, nhà huyền thuật hay *nhà luyện kim làm việc với tinh chất thiên thần qua sự kiểm soát các vị tiểu kiến tạo trong sự hợp tác với các thiên thần lớn hơn.*

484. The type of work discussed requires a definite alignment between at least two orders of devas.

484. Loại công việc được bàn đến đòi hỏi một sự chỉnh hợp xác định giữa ít nhất hai cấp thiên thần.

a. The alchemist works with deva essence by controlling the lesser Builders

a. Nhà luyện kim làm việc với tinh chất thiên thần bằng cách kiểm soát các vị tiểu kiến tạo

b. This work is performed "in cooperation with" (and, thus, in alignment) with the greater Devas.

b. Công việc này được thực hiện "trong sự hợp tác với" (và do đó, trong sự chỉnh hợp với) các thiên thần lớn hơn.

485. It is clear that the spiritual status of the alchemist must be such that alignment with greater Devas is possible. Only thus can he achieve proper relationship with and control of the lesser Builders.

485. Rõ ràng địa vị tinh thần của nhà luyện kim phải ở mức sao cho sự chỉnh hợp với các thiên thần lớn hơn là khả hữu. Chỉ như thế y mới có thể đạt được mối liên hệ đúng đắn với và sự kiểm soát các vị tiểu kiến tạo.

In order, therefore, to bring about clarity of thought and definiteness of conjecture in this respect, I desire primarily to lay down **certain postulates** which must be carefully borne in mind when considering this question of transmutation. **They are five in number** and concern specifically the field wherein the transmuting process is carried on.

Vì vậy, để đem lại sự sáng tỏ của tư tưởng và tính xác định của suy đoán về phương diện này, trước hết tôi muốn nêu ra **một số định đề** phải được ghi nhớ cẩn thận khi xem xét vấn đề chuyển hoá này. **Chúng gồm năm điều** và liên hệ đặc biệt đến lĩnh vực trong đó tiến trình chuyển hoá được tiến hành.

486. The subject is vast and DK has told us that He cannot speak of it with complete clarity—owing to the scope of the subject and to the general unpreparedness of those whom He addresses.

486. Chủ đề này rất bao la và Chân sư DK đã cho chúng ta biết rằng Ngài không thể nói về nó với sự rõ ràng hoàn toàn—do phạm vi của chủ đề và do sự chưa chuẩn bị nói chung của những người Ngài đang ngỏ lời.

The student must [Page 488] recollect at this juncture the distinction that is made between the work of the black and the white magician. It might be helpful here before

Đạo sinh phải [Page 488] nhớ lại vào lúc này sự phân biệt được đặt ra giữa công việc của nhà hắc thuật và nhà huyền thuật chánh đạo. Có thể sẽ hữu ích ở đây, trước khi đi xa

proceeding further to look at these distinctions as far as they concern the matter in hand:

487. Before undertaking the discussion of the five postulates, the Tibetan has a few things to say about the differences between white and black magicians. Both types of workers work with devas of various kinds. It is important for us to understand the differences in motivation and methods which characterize them.

488. The white brother understands the methods of the black brother but refuses to use them.

First. The white Brother deals with positive electrical energy. The dark Brother deals with the negative electrical energy.

489. This idea has already been brought forward. Positive electrical energy may be considered strictly the energy of electric fire and of the Spirit, or as a combination of solar and electric fire—especially in our solar system.

490. We remember that the Spirit, per se, is synthetic and includes both polarities and the relation between them. This is symbolized by the "Point within the Triangle".

Second. The white Brother occupies himself with the soul of things. The black Magician centres his attention upon the form.

491. The emphasis in our present solar system is upon consciousness. To the extent that form legitimately becomes a focus, it is for purposes of enhancing the

hơn, nếu xem xét những sự phân biệt này trong chừng mực chúng liên quan đến vấn đề đang bàn:

487. Trước khi bắt đầu bàn về năm định đề, Chân sư Tây Tạng có đôi điều muốn nói về những khác biệt giữa các nhà huyền thuật chánh đạo và các nhà hắc thuật. Cả hai loại người hoạt động đều làm việc với các thiên thần thuộc nhiều loại khác nhau. Điều quan trọng đối với chúng ta là phải thấu hiểu những khác biệt về động cơ và phương pháp đặc trưng cho họ.

488. Huynh đệ chánh đạo hiểu các phương pháp của huynh đệ bóng tối nhưng từ chối sử dụng chúng.

Thứ nhất. Huynh đệ chánh đạo làm việc với năng lượng điện dương. Huynh đệ bóng tối làm việc với năng lượng điện âm.

489. Ý tưởng này đã được nêu ra trước đây. Năng lượng điện dương có thể được xem một cách nghiêm ngặt là năng lượng của Lửa Điện và của tinh thần, hoặc là một sự kết hợp của Lửa Thái dương và Lửa Điện—đặc biệt trong hệ mặt trời của chúng ta.

490. Chúng ta nhớ rằng tinh thần, chính nó, có tính tổng hợp và bao gồm cả hai cực tính cùng mối liên hệ giữa chúng. Điều này được biểu tượng bằng "Điểm bên trong Tam giác".

Thứ hai. Huynh đệ chánh đạo bận tâm đến linh hồn của sự vật. Nhà hắc thuật tập trung sự chú ý của mình vào hình tướng.

491. Trọng tâm trong hệ mặt trời hiện nay của chúng ta là tâm thức. Trong chừng mực hình tướng một cách chính đáng trở thành một điểm tập chú, thì đó là vì mục đích tăng

consciousness. Focus upon matter/form *for its own sake* is retrogressive.

cường tâm thức. Việc tập chú vào vật chất/ hình tướng *vì chính nó* là thụt lùi.

Third. The white Magician develops the inherent energy of the sphere concerned (whether human, animal, vegetable or mineral) and produces results through the self-induced activities of the central life, subhuman, human or super-human.

Thứ ba. Nhà huyền thuật chánh đạo phát triển năng lượng cố hữu của khối cầu liên hệ (dù là nhân loại, động vật, thực vật hay kim thạch) và tạo ra kết quả qua các hoạt động tự khởi phát của sự sống trung tâm, dưới nhân loại, nhân loại hay siêu nhân loại.

492. We can see how much the white brother respects the integrity of the atoms which he attempts to assist. He always attempts to induce self-reliance and the growth of inner capacity. He seeks to strengthen the inner life rather than weaken it.

492. Chúng ta có thể thấy huynh đệ chánh đạo tôn trọng biết bao tính toàn vẹn của các nguyên tử mà y tìm cách trợ giúp. Y luôn tìm cách khơi dậy sự tự lực và sự tăng trưởng của năng lực nội tại. Y tìm cách tăng cường sự sống bên trong hơn là làm suy yếu nó.

The black Magician attains results through the agency of force external to the sphere involved,

Nhà hắc thuật đạt được kết quả qua tác nhân của mãnh lực bên ngoài khối cầu liên hệ,

493. This is a most important statement. The black magician has no interest in promoting the strengthening and growth of the inner life—a life which he seeks to imprison rather than liberate.

493. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Nhà hắc thuật không hề quan tâm đến việc thúc đẩy sự tăng cường và tăng trưởng của sự sống bên trong—một sự sống mà y tìm cách giam hãm hơn là giải phóng.

494. The inner life grows only through the exercise of its own potential. The black magician robs the inner life of this opportunity.

494. Sự sống bên trong chỉ tăng trưởng qua việc vận dụng chính tiềm năng của nó. Nhà hắc thuật cướp mất cơ hội này của sự sống bên trong.

and produces transmutation through the agency of resolvents (if so I might term it) or through the method of the reduction of the form, rather than through radiation, as does the white Magician.

và tạo ra sự chuyển hoá qua tác nhân của các chất phân giải (nếu tôi có thể gọi như vậy) hay qua phương pháp làm suy giảm hình tướng, thay vì qua phóng xạ, như nhà huyền thuật chánh đạo làm.

495. What may be the nature of this type of transmutation? It would seem that the desired mutation of the form is produced in an illegitimate manner without the

495. Bản chất của loại chuyển hoá này có thể là gì? Dường như sự biến đổi mong muốn của hình tướng được tạo ra theo một cách bất hợp pháp mà không có sự hợp tác của sự

cooperation of the inner life. The effect upon the inner life will be debilitation and capture.

sống bên trong. Ảnh hưởng đối với sự sống bên trong sẽ là sự suy nhược và bị bắt giữ.

496. If there is liberation of the inner life, it is a 'liberation into captivity'—the capture of the volatile essence for the sake of imprisonment.

496. Nếu có sự giải phóng sự sống bên trong, thì đó là một "sự giải phóng vào cảnh giam cầm"—sự bắt giữ tinh chất linh động vì mục đích giam hãm.

497. "Resolvents" weaken the outer form so that escape may occur, no through the strengthening of the inner life, but through the weakening of the resistance of the form.

497. "Các chất phân giải" làm suy yếu hình tướng bên ngoài để sự thoát ra có thể xảy ra, không phải qua việc tăng cường sự sống bên trong, mà qua việc làm suy yếu sức kháng cự của hình tướng.

These differences of method need to be carefully considered and **their reaction visualised** in connection with different elements, atoms, and forms.

Những khác biệt về phương pháp này cần được xem xét cẩn thận và **phản ứng của chúng được hình dung** trong liên hệ với các nguyên tố, nguyên tử và hình tướng khác nhau.

498. There is still some obscurity in what DK means by "resolvents" and "reduction of the form". For clarification, He advises visualization of the two types of processes in relation to different elements, atoms and forms. This represents an extensive undertaking by those when occult physico-chemical knowledge.

498. Vẫn còn một phần mơ hồ trong điều Chân sư DK muốn nói bằng "các chất phân giải" và "sự làm suy giảm hình tướng". Để làm sáng tỏ, Ngài khuyên nên hình dung hai loại tiến trình này trong liên hệ với các nguyên tố, nguyên tử và hình tướng khác nhau. Điều này biểu thị một công việc rộng lớn nơi những ai có tri thức huyền bí lý-hoá.

499. The idea of weakening the integrity of the outer form through resolvents is to be pondered. An inner life that is lured into a false 'escape' prematurely, will only become a captive of the agent who promoted the 'escape'.

499. Ý tưởng làm suy yếu tính toàn vẹn của hình tướng bên ngoài bằng các chất phân giải cần được suy ngẫm. Một sự sống bên trong bị dụ dỗ vào một sự "thoát ra" giả tạo quá sớm sẽ chỉ trở thành tù nhân của tác nhân đã thúc đẩy sự "thoát ra" ấy.

500. Indications as to meaning are given but much careful occult research will be required to follow them successfully. Pondering is suggested.

500. Những chỉ dẫn về ý nghĩa đã được đưa ra nhưng sẽ cần rất nhiều nghiên cứu huyền bí cẩn trọng để theo đuổi chúng một cách thành công. Việc suy ngẫm được gợi ý.

501. Although we have entered that portion of the book which deals with solar fire, we see that we are temporarily discussing a subject which still involves a close focus upon the dual fires of matter.

501. Mặc dù chúng ta đã bước vào phần của quyển sách bàn về Lửa Thái dương, chúng ta thấy rằng tạm thời mình đang thảo luận một chủ đề vẫn còn bao hàm sự tập chú chặt chẽ vào các ngọn lửa nhị nguyên của vật chất.

TCF 488-495: S5S3

2 May – 17 May 2007

2 May – 17 May 2007

((Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

((Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Có gợi ý rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để bảo đảm tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. This section continues with the subject of transmutation, let us recall the last pages we considered.

1. Phần này tiếp tục với chủ đề chuyển hoá; chúng ta hãy nhớ lại những trang cuối cùng đã xem xét.

In order, therefore, to bring about clarity of thought and definiteness of conjecture in this respect, I desire primarily to lay down **certain postulates** which must be carefully borne in mind when considering this question of transmutation. **They are five in number** and concern specifically the field wherein the transmuting process is carried on.

Vì vậy, để đem lại sự sáng tỏ của tư tưởng và tính xác định của suy đoán về phương diện này, trước hết tôi muốn nêu ra **một số định đề** phải được ghi nhớ cẩn thận khi xem xét vấn đề chuyển hoá này. **Chúng gồm năm điều** và liên hệ đặc biệt đến lĩnh vực trong đó tiến trình chuyển hoá được tiến hành.

2. The subject is vast and DK has told us that He cannot speak of it with complete clarity —owing to the scope of the subject and to

2. Chủ đề này rất bao la và Chân sư DK đã cho chúng ta biết rằng Ngài không thể nói về nó với sự rõ ràng hoàn toàn—do phạm vi của

the general unpreparedness of those whom He addresses.

chủ đề và do sự chưa chuẩn bị nói chung của những người Ngài đang ngỏ lời.

3. The number *five* (the number of postulates in relation to the process of transmutation) is apt as the seven of transmutation and the five of manas are invariably related.

3. Con số *năm* (số lượng các định đề liên hệ với tiến trình chuyển hoá) là thích hợp vì số bảy của sự chuyển hoá và số năm của manas luôn luôn có liên hệ với nhau.

The student must [Page 488] recollect at this juncture the distinction that is made between the work of the black and the white magician. It might be helpful here before proceeding further to look at these distinctions as far as they concern the matter in hand:

Đạo sinh phải [Page 488] nhớ lại vào lúc này sự phân biệt được đặt ra giữa công việc của nhà hắc thuật và nhà huyền thuật chánh đạo. Có thể sẽ hữu ích ở đây, trước khi đi xa hơn, nếu xem xét những sự phân biệt này trong chừng mực chúng liên quan đến vấn đề đang bàn:

4. Before undertaking the discussion of the five postulates, the Tibetan has a few things to say about the differences between white and black magicians. Both types of workers work with devas of various kinds. It is important for us to understand the differences in motivation and methods which characterize them.

4. Trước khi bắt đầu bàn về năm định đề, Chân sư Tây Tạng có đôi điều muốn nói về những khác biệt giữa các nhà huyền thuật chánh đạo và các nhà hắc thuật. Cả hai loại người hoạt động đều làm việc với các thiên thần thuộc nhiều loại khác nhau. Điều quan trọng đối với chúng ta là phải thấu hiểu những khác biệt về động cơ và phương pháp đặc trưng cho họ.

5. And, indeed, it is "matter—*in hand*"—the 'hand of intelligence' which is so astute in the art of alchemical manipulation.

5. Và quả thật, đó là "vật chất—*trong tay*"—'bàn tay của trí tuệ' vốn rất tinh xảo trong nghệ thuật vận dụng thuật luyện kim.

First. The white Brother deals with positive electrical energy. The dark Brother deals with the negative electrical energy.

Thứ nhất. Huynh đệ chánh đạo làm việc với năng lượng điện dương. Huynh đệ bóng tối làm việc với năng lượng điện âm.

6. This idea has already been brought forward. Positive electrical energy may be considered strictly the energy of electric fire and of the Spirit, or as a combination of solar and electric fire—especially in our solar system.

6. Ý tưởng này đã được nêu ra trước đây. Năng lượng điện dương có thể được xem một cách nghiêm ngặt là năng lượng của Lửa Điện và của tinh thần, hoặc là một sự kết hợp của Lửa Thái dương và Lửa Điện—đặc biệt trong hệ mặt trời của chúng ta.

7. The "dark Brother" always looks backwards, preferring the utilization of that which has been mastered to the development of newer approaches which are divinely intended in this solar system.

7. "Huynh đệ bóng tối" luôn luôn nhìn về phía sau, ưa thích việc sử dụng điều đã được làm chủ hơn là phát triển những cách tiếp cận mới hơn vốn được thiêng liêng dự định trong hệ mặt trời này.

8. The matter is one of *trust*—the "dark Brother" possesses not the "mine of trust" (in the words of Master M)

8. Vấn đề ở đây là *sự tín nhiệm*—"huynh đệ bóng tối" không sở hữu "mỏ tín nhiệm" (theo lời của Chân sư M.)

Second. The white Brother occupies himself with the soul of things. The black Magician centres his attention upon the form.

Thứ hai. Huynh đệ chánh đạo chuyên chú vào linh hồn của vạn vật. Nhà hắc thuật tập trung sự chú ý của mình vào hình tướng.

9. The emphasis in our present solar system is upon consciousness. To the extent that form legitimately becomes a focus, it is for purposes of enhancing the consciousness. Focus upon matter/form for its own sake is retrogressive.

9. Trọng tâm trong hệ mặt trời hiện nay của chúng ta là tâm thức. Trong chừng mực hình tướng một cách chính đáng trở thành một tiêu điểm, thì đó là nhằm mục đích tăng cường tâm thức. Tập trung vào vật chất/ hình tướng vì chính nó là sự thoái bộ.

10. Consciousness is causative to form; new forms of consciousness produce new forms.

10. Tâm thức là nguyên nhân tạo ra hình tướng; những hình thái tâm thức mới tạo ra những hình tướng mới.

11. It is evident that, for all his prowess, the "dark Brother" suffers greatly from *fear.*

11. Rõ ràng là, dù có mọi năng lực phi thường của mình, "huynh đệ bóng tối" vẫn chịu đau khổ rất nhiều vì *sợ hãi.*

Third. The white Magician develops the inherent energy of the sphere concerned (whether human, animal, vegetable or mineral) and produces results through the self-induced activities of the central life, subhuman, human or super-human.

Thứ ba. Nhà huyền thuật chánh đạo phát triển năng lượng cố hữu của khối cầu liên hệ (dù là người, động vật, thực vật hay khoáng vật) và tạo ra kết quả thông qua những hoạt động do tự thân khởi phát của sự sống trung tâm, dưới nhân loại, nhân loại hay siêu nhân loại.

12. We can see how much the white brother respects the integrity of the atoms (i.e., units of life) which he attempts to assist. He always attempts to induce self-reliance and the growth of inner capacity. He seeks to

12. Chúng ta có thể thấy huynh đệ chánh đạo tôn trọng biết bao sự toàn vẹn của các nguyên tử (tức các đơn vị sự sống) mà y tìm cách trợ giúp. Y luôn tìm cách khơi dậy sự tự lực và sự tăng trưởng của năng lực bên

strengthen the inner life rather than weaken it.

trong. Y tìm cách củng cố sự sống bên trong hơn là làm suy yếu nó.

13. The black magician is, essentially, a thief robbing his victim of the opportunity to express spiritually-inherent power. He works contrary to Divine Will which ever seeks to strengthen that which is divine in every unit—namely the central Divine Life.

13. Nhà hắc thuật, về bản chất, là một kẻ trộm cướp đi nơi nạn nhân của mình cơ hội biểu lộ quyền năng vốn có một cách tinh thần. Y làm việc trái với Ý Chí thiêng liêng, vốn luôn tìm cách củng cố điều thiêng liêng trong mọi đơn vị—tức là Sự sống Thiêng liêng trung tâm.

The black Magician attains results through the agency of force external to the sphere involved,

Nhà hắc thuật đạt được kết quả thông qua tác nhân của mãnh lực bên ngoài khối cầu liên hệ,

14. This is a most important statement. The black magician has no interest in promoting the strengthening and growth of the inner life—a life which he seeks to *imprison* rather than liberate.

14. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Nhà hắc thuật không hề quan tâm đến việc thúc đẩy sự tăng cường và phát triển của sự sống bên trong—một sự sống mà y tìm cách *giam hãm* hơn là giải phóng.

15. *Life* is *of the essence*; that which is external is not *of the essence.* The black magician is profoundly a victim of the 'illusion of separation'.

15. *Sự sống* là *điều cốt yếu*; cái ở bên ngoài không phải là *điều cốt yếu.* Nhà hắc thuật, một cách sâu xa, là nạn nhân của "ảo tưởng về sự chia cách".

16. Occasionally, in alchemy, there is the discussion of external agents, and this in a positive light. When this is the case, the energy of solar fire is applied, yet, withal, solar fire is *external* to the fire of Spirit. When the black brother applies external agents, such agents belong strictly to the third aspect of divinity.

16. Đôi khi, trong thuật luyện kim, có bàn đến các tác nhân bên ngoài, và điều này được nhìn trong ánh sáng tích cực. Khi là như vậy, năng lượng của Lửa Thái dương được áp dụng, tuy nhiên, Lửa Thái dương vẫn là *bên ngoài* đối với lửa của Tinh thần. Khi huynh đệ bóng tối áp dụng các tác nhân bên ngoài, những tác nhân ấy hoàn toàn thuộc về phương diện thứ ba của thiên tính.

and produces transmutation through the agency of resolvents (if so I might term it) or through the method of the reduction of the form, rather than through radiation, as does the white Magician.

và tạo ra sự chuyển hoá thông qua tác nhân của các chất phân giải (nếu tôi có thể gọi như vậy) hoặc thông qua phương pháp làm giảm hình tướng, thay vì thông qua bức xạ như nhà huyền thuật chánh đạo.

17. What may be the nature of this type of transmutation? It would seem that the desired mutation of the form is produced in an illegitimate manner without the cooperation of the inner life. The effect upon the inner life will be debilitation and capture.

17. Bản chất của loại chuyển hoá này có thể là gì? Dường như sự biến đổi mong muốn của hình tướng được tạo ra بطريقة bất hợp pháp mà không có sự hợp tác của sự sống bên trong. Tác động lên sự sống bên trong sẽ là sự suy nhược và bị bắt giữ.

18. The form is weakened from without rather than dispersed from within. The inner life is never given the opportunity to achieve the strength necessary to disperse the confining form.

18. Hình tướng bị làm suy yếu từ bên ngoài hơn là bị phân tán từ bên trong. Sự sống bên trong không bao giờ được trao cơ hội đạt tới sức mạnh cần thiết để phân tán hình tướng giam hãm.

These differences of method need to be carefully considered and **their reaction visualised** in connection with different elements, atoms, and forms.

Những khác biệt về phương pháp này cần được cân nhắc cẩn trọng và **phản ứng của chúng được hình dung** trong mối liên hệ với các nguyên tố, nguyên tử và hình tướng khác nhau.

19. There is still some obscurity in what DK means by “resolvents” and “reduction of the form”. For clarification, He advises visualization of the two types of processes in relation to different elements, atoms and forms. This represents an extensive undertaking with greater opportunity for success by those possessing occult physico-chemical knowledge.

19. Vẫn còn đôi chút mơ hồ trong điều Chân sư DK muốn nói qua “các chất phân giải” và “sự làm giảm hình tướng”. Để làm sáng tỏ, Ngài khuyên nên hình dung hai loại tiến trình này trong mối liên hệ với các nguyên tố, nguyên tử và hình tướng khác nhau. Điều này tiêu biểu cho một công việc rộng lớn, với cơ hội thành công lớn hơn nơi những ai sở hữu kiến thức huyền bí vật lý-hóa học.

20. Indications are given but much careful occult research will be required to follow them successfully.

20. Những chỉ dẫn đã được đưa ra, nhưng sẽ cần rất nhiều nghiên cứu huyền bí cẩn trọng mới có thể theo đuổi chúng thành công.

21. We may presume that if the form is weakened through the use of “resolvents” and through a “reduction of the form”, the inner life may, indeed, be detached from its form, but without the proven strength to ascend into the next sphere of expression, will be captured or imprisoned by the black one who applies these resolvents and ‘reducers’.

21. Chúng ta có thể giả định rằng nếu hình tướng bị làm suy yếu qua việc sử dụng “các chất phân giải” và qua “sự làm giảm hình tướng”, thì sự sống bên trong quả thật có thể bị tách rời khỏi hình tướng của nó, nhưng vì không có sức mạnh đã được chứng tỏ để thăng lên khối cầu biểu lộ kế tiếp, nó sẽ bị bắt giữ hoặc giam hãm bởi kẻ bóng tối áp

dụng những chất phân giải và "chất làm giảm" này.

22. Although we have entered that portion of the book which deals with solar fire, we see that we are temporarily discussing a subject which still involves a close focus upon the dual fires of matter.

22. Mặc dù chúng ta đã bước vào phần của cuốn sách bàn đến Lửa Thái dương, chúng ta thấy rằng hiện thời mình đang thảo luận một chủ đề vẫn còn bao hàm sự tập trung chặt chẽ vào hai lửa của vật chất.

23. Here our new section begins …

23. Tại đây phần mới của chúng ta bắt đầu …

To return to our statement of our **five postulates anent the transmutation of substance,** the resolution of the life, or the transference of energy into different forms.

Trở lại với phát biểu của chúng ta về **năm định đề liên quan đến sự chuyển hoá của chất liệu,** sự phân giải của sự sống, hay sự chuyển dịch năng lượng vào những hình tướng khác nhau.

24. We remember that the term "substance" is that which *substands.* It is a term which sometime is used as equivalent to gross matter, but, more technically, is that which 'lies underneath' or 'within' gross matter.

24. Chúng ta nhớ rằng thuật ngữ "chất liệu" là cái *nằm bên dưới.* Đó là một thuật ngữ đôi khi được dùng tương đương với vật chất thô, nhưng về mặt kỹ thuật hơn, là cái "nằm bên dưới" hay "ở bên trong" vật chất thô.

THE FIVE POSTULATES

NĂM ĐỊNH ĐỀ

Postulate I. All matter is living matter, or is the vital substance of deva entities.

Định đề I. Mọi vật chất đều là vật chất sống, hay là chất liệu sinh lực của các thực thể thiên thần.

25. There is no such thing as *inanimate* matter. All matter has *soul* (i.e. is intelligently responsive, even if unconsciously so) and is alive within the One Life.

25. Không có cái gọi là vật chất *vô tri.* Mọi vật chất đều có *linh hồn* (tức là đáp ứng một cách thông minh, dù là vô thức) và đều sống trong Một Sự Sống.

26. All matter is *ensouled;* within all that we call matter, *life* is deeply inherent.

26. Mọi vật chất đều được *phú linh;* bên trong tất cả những gì chúng ta gọi là vật chất, *sự sống* vốn hiện hữu sâu xa.

27. When possible, we must seek to discriminate between "deva entities" and "elemental lives".

27. Khi có thể, chúng ta phải tìm cách phân biện giữa "các thực thể thiên thần" và "sự sống hành khí".

For instance, a plane, and forms built of that particular plane substance, is the material form or sheath of a great deva, who is the essence back of manifestation and the soul of the plane. [Page 489]

28. Such a "great deva" is a Raja Deva Lord. The consciousness of this great deva entity ensouls all aspects of the plane through which He expresses.

29. We can see that the matter which constitutes the material form or sheath of a Raja Deva Lord takes on a multitude of forms which, in their totality are, really, but One Great Material Form.

30. It should be borne in mind that a Raja Deva Lord *also* has interior aspects to His nature. He has soul; He has essence. In fact, He *is* essence. When we speak of the substance of a particular sub-plane of the cosmic physical plane, we are speaking of His *material* form or material sheath. Essentially, however, a Raja Deva Lord is a Monad as are all "men" (whether human, heavenly or solar).

31. It can be inquired whether such a Deva Lord also has sheaths more subtle that the sheath through which He is principally known. If, for instance, He can *think*—and such Deva Lords most certainly can—He must have a mental sheath consisting of mental matter. Lord Kshiti of the systemic physical plane and Lord Varuna of the systemic astral plane, must definitely possess the means whereby They can *think* —even though Lord Kshiti is known for His expression through and *as* the systemic physical plane and Lord Varuna for His

Chẳng hạn, một cõi, và những hình tướng được xây dựng bằng chất liệu của cõi đặc thù ấy, là hình tướng vật chất hay vỏ bọc của một đại thiên thần, là tinh túy đứng sau biểu hiện và là linh hồn của cõi ấy. [Page 489]

28. Một "đại thiên thần" như thế là một Raja Deva Lord. Tâm thức của thực thể đại thiên thần này phú linh mọi phương diện của cõi mà qua đó Ngài biểu lộ.

29. Chúng ta có thể thấy rằng vật chất cấu thành hình tướng vật chất hay vỏ bọc của một Raja Deva Lord mang lấy vô số hình tướng mà trong tính toàn thể của chúng, thật ra, chỉ là Một Hình Tướng Vật Chất Vĩ Đại duy nhất.

30. Cần ghi nhớ rằng một Raja Deva Lord *cũng* có những phương diện nội tại trong bản chất của Ngài. Ngài có linh hồn; Ngài có tinh túy. Thật ra, Ngài *là* tinh túy. Khi chúng ta nói về chất liệu của một cõi phụ đặc thù thuộc cõi hồng trần vũ trụ, chúng ta đang nói về hình tướng *vật chất* hay vỏ bọc vật chất của Ngài. Tuy nhiên, về bản chất, một Raja Deva Lord là một chân thần như tất cả "con người" (dù là người, thiên nhân hay thái dương).

31. Có thể đặt câu hỏi liệu một Deva Lord như thế cũng có những vỏ bọc vi tế hơn vỏ bọc mà qua đó Ngài được biết đến chủ yếu hay không. Chẳng hạn, nếu Ngài có thể *suy nghĩ*—và những Deva Lord như thế chắc chắn có thể—thì Ngài hẳn phải có một vỏ bọc trí tuệ gồm vật chất trí tuệ. Chúa Kshiti của cõi hồng trần hệ thống và Chúa Varuna của cõi cảm dục hệ thống chắc chắn phải sở hữu phương tiện nhờ đó Các Ngài có thể *suy nghĩ*—dù Chúa Kshiti được biết đến vì sự biểu lộ của Ngài qua và *như* cõi hồng trần hệ thống, còn Chúa Varuna vì sự biểu lộ của

expression through and *as* the systemic astral plane. As beings equivalent to human initiates of the sixth degree, it would be inconceivable that they not be possessed with manas (and thus of a mental vehicle) or of its transmuted (and, thus, higher) equivalent.

Ngài qua và *như* cõi cảm dục hệ thống. Là những hữu thể tương đương với các điểm đạo đồ nhân loại bậc sáu, thật không thể nghĩ rằng Các Ngài lại không sở hữu manas (và do đó một vận cụ trí tuệ) hay tương đương đã được chuyển hoá của nó (và do đó cao hơn).

32. Let us remember that we are always dealing with consciousnesses *within* consciousnesses, and with lesser forms which are contained within greater forms.

32. Chúng ta hãy nhớ rằng chúng ta luôn luôn đang xử lý những tâm thức *bên trong* những tâm thức, và những hình tướng nhỏ hơn được chứa trong những hình tướng lớn hơn.

33. If we study the 'recession of consciousness' within any unit of consciousness, we shall always find (eventually) the One Consciousness.

33. Nếu chúng ta nghiên cứu "sự thoái lui của tâm thức" bên trong bất kỳ đơn vị tâm thức nào, chúng ta sẽ luôn luôn tìm thấy (rốt cuộc) Một Tâm Thức.

Postulate II. All forms, vibrating to any keynote, are fabricated by the building devas out of the matter of their own bodies.

Định đề II. Mọi hình tướng, rung động theo bất kỳ chủ âm nào, đều được chế tạo bởi các thiên thần kiến tạo từ vật chất của chính thể các vị ấy.

34. Building devas do not so much build in substances which are not their own but, rather, *build themselves into forms*. They assume form, changing shape according to intelligent purpose—even if that purpose is not their own.

34. Các thiên thần kiến tạo không hẳn xây dựng bằng những chất liệu không phải của chính mình mà đúng hơn, *tự xây chính mình thành những hình tướng*. Các vị ấy mang lấy hình tướng, thay đổi hình dạng theo mục đích thông minh—dù mục đích ấy không phải của chính họ.

35. We may recall that the art of 'shape changing' is much associated with the magician's or shaman's power. The magician gathers the ability to 'shape-shift' by close association with the devas to which kingdom the seventh ray relates him.

35. Chúng ta có thể nhớ rằng nghệ thuật "biến đổi hình dạng" gắn liền rất nhiều với quyền năng của nhà huyền thuật hay pháp sư. Nhà huyền thuật thu đạt khả năng "chuyển hình" nhờ sự liên kết mật thiết với các thiên thần, giới mà cung bảy liên hệ y với đó.

Hence they are called the great Mother aspect, for they produce the form out of their own substance.

Do đó các vị ấy được gọi là phương diện Mẹ vĩ đại, vì các vị ấy tạo ra hình tướng từ chính chất liệu của mình.

36. A mother evolves a new form out of her own substance. We see that this is the case with, for instance, a mother who is a member of the human family.

36. Một người mẹ tiến hoá một hình tướng mới từ chính chất liệu của mình. Chúng ta thấy điều này đúng, chẳng hạn, với một người mẹ là thành viên của gia đình nhân loại.

37. Thus we come to understand the pliability, the suppliancy, the malleability of the members of the deva kingdom. They are not, as is man, creators from without, acting upon, but create from within, literally *becoming* that which is created through their agency.

37. Như vậy chúng ta đi đến chỗ hiểu được tính uyển chuyển, tính mềm dẻo, tính dễ uốn nắn của các thành viên trong giới thiên thần. Các vị ấy không như con người, là những kẻ sáng tạo từ bên ngoài, tác động lên, mà sáng tạo từ bên trong, theo nghĩa đen là *trở thành* cái được tạo ra thông qua tác nhân của mình.

38. The Devas (as the "great Mother aspect") are intimately related to the Great Mother—the Pleiades.

38. Các thiên thần (với tư cách là "phương diện Mẹ vĩ đại") có liên hệ mật thiết với Đại Mẫu—Pleiades.

Postulate III. The devas are the life which produces form-cohesion. **They are the third and second aspects blended, and might be considered as the life of all forms that are subhuman**.

Định đề III. Các thiên thần là sự sống tạo ra sự cố kết của hình tướng. **Các vị ấy là phương diện thứ ba và thứ hai được hòa trộn, và có thể được xem như sự sống của mọi hình tướng dưới nhân loại**.

39. It is important to realized that the devas are not *only* the representatives of the third aspect of divinity.

39. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng các thiên thần không *chỉ* là những đại diện của phương diện thứ ba của thiên tính.

40. Being responsible for "form cohesion" they are also representatives of the *second* aspect of divinity, as has been earlier stated. The *cohesive* aspect is the second aspect. While man represents the first and second aspects, devas represent the second and third. Thus, they share representation of the second aspect.

40. Vì chịu trách nhiệm về "sự cố kết của hình tướng", các vị ấy cũng là những đại diện của phương diện *thứ hai* của thiên tính, như đã được nói trước đây. Phương diện *cố kết* là phương diện thứ hai. Trong khi con người đại diện cho phương diện thứ nhất và thứ hai, các thiên thần đại diện cho phương diện thứ hai và thứ ba. Như vậy, các vị ấy cùng chia sẻ sự đại diện cho phương diện thứ hai.

41. Fittingly, the Pleiades, which are, in many respects, the life behind all devic lives in our cosmo-system, send forth both the

41. Thật thích hợp, Pleiades, vốn trong nhiều phương diện là sự sống đứng sau mọi sự sống thiên thần trong hệ vũ trụ của

third and second rays—the manasic and buddhic influence. (cf. TCF 1162)

42. DK links the deva evolution particularly to the lower three kingdoms. As we know, in other references, many devas play a great role in the expression of higher kingdoms, but of the lower kingdoms they are considered the "life". This is the important distinction.

43. In the lower kingdoms, the form aspect is prominent and holds sway over the still dormant interior "life".

A magician, therefore, who transmutes in the mineral kingdom works practically with deva essence in its earliest form on the upward arc of evolution, and has to remember three things:

44. While deva essence (or, more specifically, elemental essence) can be found on the "downward arc of evolution", the transmuting magician is working with upwardly tending deva essence. In this respect, transmutation is not an involutionary act (though, from the involutionary perspective, it is possible to conceive it as such).

45. As the mineral kingdom is the lowest of our usual seven kingdoms, deva essence associated with this kingdom will be found in the earliest stages of unfoldment.

46. If we think carefully, we shall see that the alchemists of medieval times were, many of them, apprentice magicians. Their early efforts prepared them for eventual proficiency in the magical arts—especially

chúng ta, phát ra cả cung ba lẫn cung hai—ảnh hưởng manas và Bồ đề. (xem TCF 1162)

42. Chân sư DK liên kết sự tiến hoá thiên thần đặc biệt với ba giới thấp. Như chúng ta biết, trong những tham chiếu khác, nhiều thiên thần đóng vai trò lớn trong sự biểu lộ của các giới cao hơn, nhưng đối với các giới thấp, các vị ấy được xem là "sự sống". Đây là sự phân biệt quan trọng.

43. Trong các giới thấp, phương diện hình tướng nổi trội và nắm quyền trên "sự sống" nội tại vẫn còn đang ngủ yên.

Vì vậy, một nhà huyền thuật chuyển hoá trong giới kim thạch làm việc trên thực tế với tinh túy thiên thần trong hình thức sớm nhất của nó trên cung đi lên của tiến hoá, và phải nhớ ba điều:

44. Trong khi tinh túy thiên thần (hay, nói chính xác hơn, tinh chất hành khí) có thể được tìm thấy trên "cung đi xuống của tiến hoá", nhà huyền thuật chuyển hoá đang làm việc với tinh túy thiên thần có khuynh hướng đi lên. Về phương diện này, chuyển hoá không phải là một hành vi giáng hạ tiến hoá (dù từ quan điểm giáng hạ tiến hoá, có thể quan niệm nó như vậy).

45. Vì giới kim thạch là giới thấp nhất trong bảy giới thông thường của chúng ta, tinh túy thiên thần liên hệ với giới này sẽ được tìm thấy trong những giai đoạn khai mở sớm nhất.

46. Nếu suy nghĩ cẩn trọng, chúng ta sẽ thấy rằng nhiều nhà luyện kim thời trung cổ là những nhà huyền thuật tập sự. Những nỗ lực ban đầu của họ đã chuẩn bị cho họ đạt đến sự thành thạo sau này trong các nghệ

as those arts are applied to the mineral kingdom.

47. The following are to be noted by the magician who works transmutatively with the mineral kingdom:

a. The effect of the backward pull of the involutionary lives which lie back of the mineral, or, in effect, its heredity.

48. Every kingdom labors under the threat of retrogression. For kingdoms more evolved than the mineral, lives which are lower (though *evolutionary*) exert the retrogressive pull. For mineral lives, we may imagine that the pull is exerted by involutionary lives.

49. Though it is not here discussed, the process by which involutionary lives become mineral lives must be of the deepest interest to those who are students of the origin or matter *as we know it.*

50. It is clear that the alchemist must learn to negate this "backward pull" if he is to succeed in the transmutative process.

b. The sevenfold nature of the peculiar group of devas which constitute its being in an occult sense.

51. We gather that the members of the mineral kingdom can be found in seven principal formal groupings. We may assume the same of all higher kingdoms and Hierarchies.

thuật huyền thuật—đặc biệt khi những nghệ thuật ấy được áp dụng vào giới kim thạch.

47. Sau đây là những điều cần được lưu ý bởi nhà huyền thuật làm việc một cách chuyển hoá với giới kim thạch:

a. Tác động của sức kéo lùi lại từ các sự sống giáng hạ tiến hoá nằm phía sau giới kim thạch, hay thực chất là tính di truyền của nó.

48. Mọi giới đều lao động dưới mối đe dọa của sự thoái bộ. Đối với những giới tiến hoá hơn giới kim thạch, các sự sống thấp hơn (dù là *thăng thượng tiến hoá*) gây ra sức kéo thoái hóa. Đối với các sự sống khoáng vật, chúng ta có thể hình dung rằng sức kéo ấy được gây ra bởi các sự sống giáng hạ tiến hoá.

49. Dù ở đây không được bàn đến, tiến trình nhờ đó các sự sống giáng hạ tiến hoá trở thành các sự sống khoáng vật hẳn phải có sức hấp dẫn sâu sắc đối với những ai là đạo sinh của nguồn gốc của vật chất *như chúng ta biết nó.*

50. Rõ ràng là nhà luyện kim phải học cách hóa giải "sức kéo lùi lại" này nếu muốn thành công trong tiến trình chuyển hoá.

b. Bản chất thất phân của nhóm thiên thần đặc thù cấu thành hữu thể của nó theo nghĩa huyền bí.

51. Chúng ta hiểu rằng các thành viên của giới kim thạch có thể được tìm thấy trong bảy nhóm hình tướng chính. Chúng ta có thể giả định điều tương tự đối với mọi giới và Huyền Giai cao hơn.

52. Chúng ta đang học rằng "hữu thể" của các thành viên trong giới kim thạch có thể

52. We are learning that the "being" of the members of the mineral kingdom may be traced to a "peculiar group of devas".

được truy nguyên về một "nhóm thiên thần đặc thù".

53. May we trace this group of devas to the seventh manifested Creative Hierarchy? There is a distinct difference between a kingdom and a Creative Hierarchy, but here there does seem to be a potential relationship.

53. Liệu chúng ta có thể truy nguyên nhóm thiên thần này về Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện thứ bảy chăng? Có một khác biệt rõ rệt giữa một giới và một Huyền Giai Sáng Tạo, nhưng ở đây dường như quả có một mối liên hệ tiềm tàng.

b. The next transition stage ahead into the vegetable kingdom, or the occult effect of the second kingdom on the first.

b. Giai đoạn chuyển tiếp kế tiếp phía trước vào giới thực vật, hay tác động huyền bí của giới thứ hai lên giới thứ nhất.

54. In all matters of transmutation, we are not dealing simply with an upward movement disconnected from the lives of the succeeding kingdom into which entry is being made.

54. Trong mọi vấn đề chuyển hoá, chúng ta không chỉ xử lý một chuyển động đi lên tách rời khỏi các sự sống của giới kế tiếp mà sự gia nhập vào đó đang được thực hiện.

55. Transmutation, we are learning, requires an interplay between the members of the immediately superior kingdom and those within the kingdom undergoing transmutation (or transmutative elevation).

55. Chúng ta đang học rằng chuyển hoá đòi hỏi một sự tương tác giữa các thành viên của giới cao hơn liền kề và những thành viên bên trong giới đang trải qua sự chuyển hoá (hay sự nâng cao có tính chuyển hoá).

56. If we think of the human being (a member of the fourth kingdom of nature) we realize how important in humanity's transmutation process is the intervention of members of the fifth kingdom of nature and their growing interplay with members of the fourth kingdom.

56. Nếu nghĩ đến con người (một thành viên của giới thứ tư của thiên nhiên), chúng ta nhận ra sự can thiệp của các thành viên của giới thứ năm của thiên nhiên và sự tương tác ngày càng tăng của họ với các thành viên của giới thứ tư quan trọng biết bao trong tiến trình chuyển hoá của nhân loại.

Postulate IV. All deva essences and builders on the physical plane are peculiarly dangerous to man, for they work on the etheric levels and are—as I have earlier pointed out—the transmitters of prana, or the vital, animating substance, and hence they set loose upon the ignorant and the

Định đề IV. Mọi tinh túy thiên thần và các đấng kiến tạo trên cõi hồng trần đều đặc biệt nguy hiểm đối với con người, vì chúng hoạt động trên các cấp độ dĩ thái và—như tôi đã chỉ ra trước đây—là những kẻ truyền dẫn prana, hay chất liệu sinh động, tiếp sinh lực, và do đó chúng giải phóng lên kẻ vô minh và bất cẩn tinh túy lửa đốt cháy và hủy diệt.

unwary, fiery essence which burns and destroys.

57. We have learned of the importance of various etheric webs which prevent the premature release of higher energies within the etheric body (energies potentially destructive in the extreme to the physical body). The protective structures within the etheric body are threatened by unwise exposure to the deva essences which work through the etheric-physical plane. The study of white magic warns of the potency of these deva essences and builders.

57. Chúng ta đã học về tầm quan trọng của nhiều màng lưới dĩ thái khác nhau, vốn ngăn cản sự giải phóng quá sớm các năng lượng cao hơn bên trong thể dĩ thái (những năng lượng có thể cực kỳ hủy diệt đối với thể xác). Các cấu trúc bảo vệ bên trong thể dĩ thái bị đe dọa bởi sự phơi mở thiếu khôn ngoan trước các tinh túy thiên thần hoạt động qua cõi dĩ thái-hồng trần. Việc nghiên cứu Chánh Thuật cảnh báo về uy lực của những tinh túy thiên thần và các đấng kiến tạo này.

58. The process of development is wisely supervised from within by a human being's Solar Angel and eventually, by the Master, Himself.

58. Tiến trình phát triển được giám sát một cách khôn ngoan từ bên trong bởi Thái dương Thiên Thần của một con người và cuối cùng bởi chính Chân sư.

59. Some human beings will, however, seek unwarranted exposure to the devas of the lower eighteen sub-planes and, in so doing, will pay the price of their ignorance and folly.

59. Tuy nhiên, một số người sẽ tìm kiếm sự phơi mở không chính đáng trước các thiên thần của mười tám cõi phụ thấp hơn và khi làm như vậy, sẽ phải trả giá cho sự vô minh và ngu xuẩn của mình.

60. Along the Great Path, natural safeguards are everywhere to be found. Some 'students', however, step out of the circle of protection, preferring the illusion of speed to surety. Speed may be achieved, but it must be accompanied by knowledge, or else its pursuit (on the Path of Occultism) will end in disaster.

60. Dọc theo Đại Đạo, những biện pháp bảo vệ tự nhiên có thể được tìm thấy ở khắp nơi. Tuy nhiên, một số "đạo sinh" bước ra khỏi vòng tròn bảo vệ, ưa thích ảo tưởng về tốc độ hơn là sự chắc chắn. Tốc độ có thể đạt được, nhưng nó phải đi kèm với tri thức, nếu không việc theo đuổi nó (trên Con Đường Huyền Bí Học) sẽ kết thúc trong thảm họa.

61. This is where a sense of humility and right proportion are of such value.

61. Đây là nơi mà ý thức khiêm tốn và ý thức về tỉ lệ đúng đắn có giá trị lớn lao đến thế.

Postulate V. The devas do not work as individualised conscious units through self-initiating purposes as does a man, a Heavenly Man or a solar Logos (viewed as Egos) but they work in groups subject to:

Định đề V. Các thiên thần không hoạt động như những đơn vị tâm thức biệt ngã hóa riêng lẻ thông qua những mục đích do tự mình khởi xướng như con người, một Đấng Thiên Nhân hay một Thái dương Thượng đế

(được nhìn như các Chân ngã), mà chúng hoạt động theo nhóm, chịu sự chi phối của:

a. Inherent impulse, or latent active intelligence.

a. Xung lực cố hữu, hay trí thông minh hoạt động tiềm ẩn.

b. Orders issued by the greater Builders.

b. Những mệnh lệnh do các đấng đại kiến tạo ban ra.

c. Ritual, or compulsion induced through colour and sound. [Page 490]

c. Nghi lễ, hay sự cưỡng bách được gây ra thông qua màu sắc và âm thanh. [Page 490]

62. The devas here discussed are those who embody the lower eighteen sub-planes.

62. Các thiên thần được bàn đến ở đây là những vị hiện thân cho mười tám cõi phụ thấp hơn.

63. The greater devas (for instance Raja Deva Lords) have individualized and can work as "individualised conscious units through self-initiating purposes". Of course, in the higher reaches of his nature, man too (as a triad-soul) works in groups, and this must be said also of the great devas—but such groups necessarily consist of individualized units vast in their consciousness.

63. Các thiên thần lớn hơn (chẳng hạn các Raja Deva Lord) đã biệt ngã hóa và có thể hoạt động như "những đơn vị tâm thức biệt ngã hóa thông qua những mục đích do tự mình khởi xướng". Dĩ nhiên, trong những tầng cao hơn của bản chất mình, con người cũng (với tư cách linh hồn-tam nguyên tinh thần) hoạt động theo nhóm, và điều này cũng phải được nói về các đại thiên thần—nhưng những nhóm như thế tất yếu gồm những đơn vị biệt ngã hóa có tâm thức rộng lớn.

64. How do the lower devas work:

64. Các thiên thần thấp hơn hoạt động như thế nào:

a. Through "inherent impulse or latent active intelligence". The inherent impulse of these deva units is *intelligent.* However, though they act with "active intelligence", that intelligence is not *conscious.*

a. Thông qua "xung lực cố hữu hay trí thông minh hoạt động tiềm ẩn". Xung lực cố hữu của những đơn vị thiên thần này là *thông minh.* Tuy nhiên, dù chúng hành động với "trí thông minh hoạt động", trí thông minh ấy không *có ý thức.*

b. The lesser devas work under "orders". Again, since they are not self-conscious entities, they do not respond to these orders consciously, but they *do* respond. We do not

b. Các thiên thần nhỏ hơn hoạt động dưới "mệnh lệnh". Một lần nữa, vì chúng không phải là những thực thể ngã thức, chúng không đáp ứng những mệnh lệnh này một

know the manner in which these "orders" are delivered, but we are assured that they are delivered by fully self-conscious beings —for instance the Raja Deva Lords.

cách có ý thức, nhưng chúng *quả thật* có đáp ứng. Chúng ta không biết cách thức mà những "mệnh lệnh" này được truyền đạt, nhưng chúng ta được bảo đảm rằng chúng được truyền đạt bởi những hữu thể hoàn toàn ngã thức—chẳng hạn các Raja Deva Lord.

c. Through "ritual, or compulsion induced through colour and sound". We have long been familiar with the concept that the devas respond to color and sound, but it is truly fascinating to consider colour and sound as *compelling* forces—i.e., as forces which *compel* the devas to respond in a certain manner. The lesser devas have no choice but to respond to the patterning frequencies set up by colour and sound.

c. Thông qua "nghi lễ, hay sự cưỡng bách được gây ra thông qua màu sắc và âm thanh". Từ lâu chúng ta đã quen thuộc với quan niệm rằng các thiên thần đáp ứng với màu sắc và âm thanh, nhưng quả thật rất hấp dẫn khi xem màu sắc và âm thanh như những mãnh lực *cưỡng bách*—tức là như những mãnh lực *buộc* các thiên thần phải đáp ứng theo một cách thức nhất định. Các thiên thần nhỏ hơn không có lựa chọn nào ngoài việc đáp ứng với những tần số tạo khuôn do màu sắc và âm thanh thiết lập.

64. We human beings have to remember the automatic response of the lesser devas to the impulses we set in motion. Their responses become our responsibility. That which they 'build-by-becoming' (i.e., by 'self-shaping') is often caused by human action, desire and intent.

64. Chúng ta, những con người, phải nhớ đến sự đáp ứng tự động của các thiên thần nhỏ hơn đối với những xung lực mà chúng ta khởi động. Những đáp ứng của chúng trở thành trách nhiệm của chúng ta. Điều mà chúng "xây-dựng-bằng-cách-trở-thành" (tức bằng cách "tự tạo hình") thường do hành động, dục vọng và ý định của con người gây ra.

When these facts are remembered and considered, some comprehension of the place the devas play in transmutation may be achieved.

Khi những sự kiện này được ghi nhớ và suy xét, có thể đạt được một phần thấu hiểu về vai trò mà các thiên thần đảm nhiệm trong sự chuyển hoá.

65. Devas may be considered as 'fiery essences', and transmutation is accomplished through the agency of fire.

65. Các thiên thần có thể được xem như những "tinh túy lửa", và sự chuyển hoá được hoàn thành thông qua tác nhân của lửa.

66. Fire is motion and the devas are *activity* —intimately associated with the divine aspect of "*Active* Intelligence".

66. Lửa là chuyển động và các thiên thần là *hoạt động*—gắn bó mật thiết với phương

diện thiêng liêng của "Trí Thông Minh *Hoạt Động*".

67. We may also gather that transmutative processes may be set in motion through the appropriate use of colour and sound—factors which prove *compelling* to the lesser devic lives.

67. Chúng ta cũng có thể hiểu rằng các tiến trình chuyển hoá có thể được khởi động thông qua việc sử dụng thích đáng màu sắc và âm thanh—những yếu tố tỏ ra *cưỡng bách* đối với các sự sống thiên thần thấp hơn.

The position that fire occupies in the process is of peculiar interest here, for it brings out clearly the difference of method between the two schools.

Vị trí mà lửa chiếm giữ trong tiến trình này đặc biệt đáng quan tâm ở đây, vì nó làm nổi bật rõ ràng sự khác biệt về phương pháp giữa hai trường phái.

68. We note that the processes here described (one tending towards Good and the other, evil) are called "schools". By this we are to understand that knowledge, per se, is neutral, and can be used for either good or evil purposes.

68. Chúng ta lưu ý rằng các tiến trình được mô tả ở đây (một nghiêng về Thiện và một nghiêng về ác) được gọi là "trường phái". Qua đó chúng ta phải hiểu rằng tri thức, chính nó, là trung tính, và có thể được dùng cho những mục đích thiện hoặc ác.

69. The white Brothers know the techniques of the dark ones, for the greater includes the lesser. It cannot be said that the "dark Brothers" (those characterized by what the Tibetan has called "unique blindness") fully comprehend the techniques of the Members of the Great White Lodge.

69. Các huynh đệ chánh đạo biết các kỹ thuật của những kẻ bóng tối, vì cái lớn hơn bao hàm cái nhỏ hơn. Không thể nói rằng các "huynh đệ bóng tối" (những kẻ được đặc trưng bởi điều mà Chân sư Tây Tạng gọi là "sự mù lòa độc nhất") hoàn toàn thấu hiểu các kỹ thuật của các Thành Viên của Thánh đoàn.

In the transmutative process as carried on by the Brotherhood, the <u>inner fire</u> which animates the atom, form or man is stimulated, fanned and strengthened till it (through its own internal potency) burns up its sheaths, and escapes by radiation from within its ring-pass-not.

Trong tiến trình chuyển hoá như được Huynh Đệ Đoàn tiến hành, <u>lửa bên trong</u> làm sinh động nguyên tử, hình tướng hay con người được kích thích, được quạt lên và được tăng cường cho đến khi nó (nhờ chính uy lực nội tại của mình) thiêu rụi các vỏ bọc của nó, và thoát ra bằng bức xạ từ bên trong vòng-giới-hạn của nó.

70. Transmutation is always a 'change of state'; we are gathering that it need not necessarily be a *positive* change, for the work

70. Chuyển hoá luôn luôn là một "sự thay đổi trạng thái"; chúng ta đang hiểu rằng nó không nhất thiết phải là một thay đổi *tích cực*, vì công việc của Huynh Đệ Đoàn Bóng

of the Dark Brotherhood is also, in a manner of speaking, *transmutative.*

71. If transmutation is the "passage across from one state of being to another through the agency of fire", the Dark Brotherhood can, through its methods, produce a "passage across" to a *lesser* state of being.

72. The "inner fire" referenced in this section is the fire of Spirit or the fire of soul, or of both combined.

73. The Members of the Great White Lodge seek to promote an increase in the "inner potency" of all 'atoms' under Their supervision.

74. The Dark Brotherhood robs the inner life of its power, preventing it from achieving the degree of potency necessary for liberation through its own strength.

75. We should note the equivalence between "radiation" and escape. Radiatory processes are liberative. Were we to ask the question "How shall I be liberated?", the proper answer would be, "I, a unit of Divine Life, shall liberate myself through the increasingly potency of my own inner essence/fire". That I shall be assisted in this by the Great Ones is certain, but the work of liberation is *essentially* my own.

76. What may be the methods by which the "inner fire" is "stimulated, fanned and strengthened"? These are mysteries, but, no doubt, concern in some measure the Rod of Initiation.

Tối cũng, theo một nghĩa nào đó, *mang tính chuyển hoá.*

71. Nếu chuyển hoá là "sự vượt qua từ trạng thái hiện hữu này sang trạng thái hiện hữu khác thông qua tác nhân của lửa", thì Huynh Đệ Đoàn Bóng Tối, qua các phương pháp của mình, có thể tạo ra một "sự vượt qua" sang một trạng thái hiện hữu *thấp hơn*.

72. "Lửa bên trong" được nhắc đến trong phần này là lửa của Tinh thần hay lửa của linh hồn, hoặc của cả hai kết hợp.

73. Các Thành Viên của Thánh đoàn tìm cách thúc đẩy sự gia tăng "uy lực bên trong" của mọi "nguyên tử" dưới sự giám sát của Các Ngài.

74. Huynh Đệ Đoàn Bóng Tối cướp đi quyền năng của sự sống bên trong, ngăn cản nó đạt đến mức uy lực cần thiết để được giải thoát bằng chính sức mạnh của mình.

75. Chúng ta nên lưu ý sự tương đương giữa "bức xạ" và sự thoát ra. Các tiến trình bức xạ có tính giải phóng. Nếu chúng ta đặt câu hỏi "Làm sao tôi sẽ được giải thoát?", câu trả lời thích đáng sẽ là: "Tôi, một đơn vị của Sự Sống Thiêng liêng, sẽ tự giải thoát mình thông qua uy lực ngày càng tăng của tinh túy/lửa nội tại của chính mình". Rằng tôi sẽ được Các Đấng Cao Cả trợ giúp trong việc này là điều chắc chắn, nhưng công việc giải thoát, về *bản chất cốt yếu,* là của chính tôi.

76. Những phương pháp nào có thể được dùng để "lửa bên trong" được "kích thích, quạt lên và tăng cường"? Đây là những huyền nhiệm, nhưng hẳn là, ở một mức độ nào đó, có liên quan đến Thần Trượng Điểm đạo.

77. We may also be led to inquire, "Can Spirit strengthen Spirit?" Or is pure Spirit an *absolute* which cannot be further strengthened? It is possible that what *can* be strengthened is the influence or impact of Spirit upon matter. Certainly, in the case of any human being, the totality of that which he is *as Spirit* is not fully released into the vehicles he uses for expression.

77. Chúng ta cũng có thể được dẫn đến chỗ hỏi: "Tinh thần có thể làm mạnh thêm Tinh thần chăng?" Hay Tinh thần thuần túy là một cái *tuyệt đối* không thể được tăng cường thêm nữa? Có thể điều *có thể* được tăng cường là ảnh hưởng hay tác động của Tinh thần lên vật chất. Chắc chắn, trong trường hợp của bất kỳ con người nào, toàn thể điều mà y là *với tư cách Tinh thần* chưa được giải phóng trọn vẹn vào các vận cụ mà y sử dụng để biểu lộ.

This is seen in an interesting way as occurring during the process of the final initiations when the causal body is destroyed by fire. The fire within burns up all else and the electric fire escapes.

Điều này được thấy theo một cách thú vị là xảy ra trong tiến trình của những lần điểm đạo cuối cùng khi thể nguyên nhân bị lửa hủy diệt. Ngọn lửa bên trong thiêu rụi mọi thứ khác và Lửa Điện thoát ra.

78. VSK suggests that this section reminds one of the First Stanza of Dzyan in which the fire "burneth up the whole".

78. VSK gợi ý rằng phần này làm người ta nhớ đến Bài kệ thứ nhất của Dzyan, trong đó ngọn lửa "thiêu rụi toàn thể".

79. It is interesting that DK speaks of the "final initiations", in which the causal body is destroyed by fire. Does He, in fact, look at this destruction as a threefold process beginning with the third initiation and ending with the fifth?

79. Thật thú vị khi Chân sư DK nói về những "lần điểm đạo cuối", trong đó thể nguyên nhân bị lửa hủy diệt. Thật ra, phải chăng Ngài nhìn sự hủy diệt này như một tiến trình tam phân bắt đầu từ lần điểm đạo thứ ba và kết thúc ở lần điểm đạo thứ năm?

80. The knowledge petals of the causal body are already in process of disintegration at the third degree and the 'material' of the causal body is not completely dispersed until the achievement of the fifth degree.

80. Các cánh hoa tri thức của thể nguyên nhân đã ở trong tiến trình tan rã từ cấp độ thứ ba và "chất liệu" của thể nguyên nhân chỉ hoàn toàn phân tán khi đạt đến cấp độ thứ năm.

81. When we say that the "electric fire escapes", are we saying that electric fire is equivalent to Spirit? Probably, both "Yes" and "No". Electric fire is the fire closest to Spirit, but Spirit, itself, is *pure being,* and is, in a way, the synthesis of all the three fires and yet, essentially, more than any one of them.

81. Khi chúng ta nói rằng "Lửa Điện thoát ra", có phải chúng ta đang nói rằng Lửa Điện tương đương với tinh thần không? Có lẽ, vừa "Có" vừa "Không". Lửa Điện là ngọn lửa gần với tinh thần nhất, nhưng tinh thần, tự thân, là *Bản Thể thuần túy,* và theo một cách nào đó, là sự tổng hợp của cả ba ngọn lửa,

tuy nhiên về bản chất vẫn hơn bất kỳ ngọn lửa nào trong số đó.

82. We may also question the manner in which electric fire can be (has been) confined, for that which escapes surely has been confined. The confinement would necessarily be *voluntary,* for that which is confined may be considered a 'unit of will' (even though the immersed unit has lost consciousness of its original 'will-to-immersion[]. Through the process by which "all else" becomes increasingly responsive to electric fire (which, at the outset of Spirit's confinement, it is not), the escape of electric fire becomes possible.

82. Chúng ta cũng có thể đặt câu hỏi về cách thức mà Lửa Điện có thể bị giam giữ (đã từng bị giam giữ), vì điều gì thoát ra hẳn nhiên đã từng bị giam giữ. Sự giam giữ ấy tất yếu phải là *tự nguyện,* vì điều bị giam giữ có thể được xem như một "đơn vị ý chí" (dù đơn vị bị dìm ngập ấy đã mất tâm thức về "ý chí-hướng tới-sự-dìm-ngập" nguyên thủy của nó[). Thông qua tiến trình mà "mọi thứ khác" ngày càng trở nên đáp ứng với Lửa Điện (điều mà lúc khởi đầu của sự giam giữ tinh thần, chúng không như vậy), sự thoát ra của Lửa Điện trở nên khả hữu.

83. It is important to realize that that which (apparently) is *not* Spirit/electric fire becomes *only gradually* responsive to Spirit/electric fire.

83. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng điều (bề ngoài) *không* phải là tinh thần/Lửa Điện chỉ trở nên *dần dần* đáp ứng với tinh thần/Lửa Điện.

The true alchemist therefore in days to come will in every case seek to stimulate the radioactivity of the element or atom with which he is working and will centre his attention upon the positive nucleus.

Vì vậy, nhà huyền thuật chân chính trong những ngày sắp tới trong mọi trường hợp sẽ tìm cách kích thích tính phóng xạ của nguyên tố hay nguyên tử mà y đang làm việc cùng và sẽ tập trung sự chú ý của mình vào hạt nhân dương.

84. The stimulation of radioactivity demands an increased activation of the "positive nucleus".

84. Sự kích thích tính phóng xạ đòi hỏi sự hoạt hóa gia tăng của "hạt nhân dương".

85. We can perhaps realize that when attention is successfully given to the Spirit in man (to man-as-Monad) a process of stimulating man's radioactivity is underway.

85. Có lẽ chúng ta có thể chứng nghiệm rằng khi sự chú ý được hướng thành công đến tinh thần trong con người (đến con người-như-chân thần), một tiến trình kích thích tính phóng xạ của con người đang diễn ra.

By increasing its vibration, its activity, or its positivity, he will bring about the desired end.

Bằng cách gia tăng rung động, hoạt động hay tính dương của nó, y sẽ mang lại kết quả mong muốn.

86. The "positive nucleus" in man is not only His essential Spirit, but the vehicle most closely associated with and expressive of Monad/Spirit—in this case, his monadic vehicle.

86. "Hạt nhân dương" trong con người không chỉ là tinh thần cốt yếu của Ngài, mà còn là vận cụ gắn bó mật thiết nhất với và biểu lộ chân thần/tinh thần—trong trường hợp này là vận cụ chân thần của y.

87. We note that vibration, activity and positivity are rather equated. We may gather that that which exists in a state of heightened vibratory activity may be considered *positive.*

87. Chúng ta lưu ý rằng rung động, hoạt động và tính dương phần nào được đồng nhất với nhau. Chúng ta có thể suy ra rằng điều gì tồn tại trong trạng thái hoạt động rung động được nâng cao có thể được xem là *dương.*

88. Again, we must remind ourselves that Spirit, per se (and considered as pure BEING), cannot vibrate because it is 'individual' (i.e., indivisible) and being non-partite cannot 'move' in relation to anything else. This, of course, is a great and fundamental mystery to be fathomed, if possible, through philosophy.

88. Một lần nữa, chúng ta phải nhắc mình rằng tinh thần, chính nó (và được xét như BẢN THỂ thuần túy), không thể rung động vì nó là "cá thể" (tức là bất khả phân) và vì không có các phần nên không thể "chuyển động" trong tương quan với bất cứ điều gì khác. Dĩ nhiên, đây là một huyền nhiệm lớn lao và căn bản cần được thấu hiểu, nếu có thể, qua triết học.

89. The sheath of Spirit (i.e., the monadic sheath) *can* vibrate as can any energy-structure which most intimately surrounds Spirit. We may, for the time being, presume that *it is this energy-structure* most intimate to Spirit which in increased in vibration, activity or positivity.

89. Vỏ bọc của tinh thần (tức vỏ bọc chân thần) *có thể* rung động như bất kỳ cấu trúc năng lượng nào bao bọc tinh thần một cách mật thiết nhất. Tạm thời, chúng ta có thể giả định rằng *chính cấu trúc năng lượng này* gần gũi nhất với tinh thần là điều được gia tăng về rung động, hoạt động hay tính dương.

The Masters do this in connection with the human spirit and do not concern Themselves at all with his 'deva' aspect.

Các Chân sư làm điều này liên hệ với tinh thần nhân loại và hoàn toàn không bận tâm đến phương diện 'thiên thần' của y.

90. This sentence is of profound importance. When we understand the focus of the Masters we are given a hint concerning how *we* should focus.

90. Câu này có tầm quan trọng sâu xa. Khi chúng ta hiểu tiêu điểm của các Chân sư, chúng ta được trao cho một gợi ý về cách *chúng ta* nên tập trung.

91. Of course, man has a '*higher* deva aspect', and any energy-structure which circumscribes immersed Spirit must, in

91. Dĩ nhiên, con người có một phương diện thiên thần '*cao hơn*', và bất kỳ cấu trúc năng lượng nào bao quanh tinh thần bị dìm ngập

some fundamental sense, be considered *devic*—though not related to the lower devas.

đều phải, theo một ý nghĩa căn bản nào đó, được xem là *thuộc thiên thần*—dù không liên hệ với các thiên thần thấp.

92. We can perhaps begin to see the importance of learning to relate 'soul-to-soul' and, eventually, 'Spirit-to-Spirit' (though all Spirit(s) are One Spirit).

92. Có lẽ chúng ta có thể bắt đầu thấy tầm quan trọng của việc học cách liên hệ 'linh hồn với linh hồn' và cuối cùng là 'tinh thần với tinh thần' (dù mọi tinh thần đều là Một Tinh Thần).

The same basic rule will be found to apply in the case of a mineral as well as of a man.

Cùng một quy luật căn bản ấy sẽ được thấy là áp dụng trong trường hợp của một khoáng vật cũng như của một con người.

93. We are being told that all acts of spiritual transmutation depend upon stimulating the inner life or the inner fire—that such acts, essentially, are not a manipulation of the devic life of the being who is to undergo transmutation.

93. Chúng ta đang được cho biết rằng mọi hành vi chuyển hoá tinh thần đều tùy thuộc vào việc kích thích sự sống bên trong hay ngọn lửa bên trong—rằng những hành vi ấy, về bản chất, không phải là sự thao tác sự sống thiên thần của hữu thể sẽ trải qua chuyển hoá.

The process as carried on by the Dark Brotherhood is the reverse of this.

Tiến trình do Huynh đệ Đoàn Bóng tối thực hiện thì ngược lại với điều này.

94. Dark processes are always *in reverse* when compared to processes tending towards greater light. The so-called "Black Mass" is 'celebrated' in reverse of the true mass. What is suggested is the intention to return to the past—the burial of the self in the 'bygone'.

94. Các tiến trình tối tăm luôn luôn *đi ngược* khi so với các tiến trình hướng đến ánh sáng lớn hơn. Cái gọi là "Thánh lễ Đen" được 'cử hành' theo chiều ngược với thánh lễ chân chính. Điều được gợi ý là ý định quay trở về quá khứ—sự chôn vùi bản ngã trong cái 'đã qua'.

They centre the attention upon the form, and seek to shatter and break that form, or the combination of atoms, in order to permit the central electric life to escape.

Họ tập trung sự chú ý vào hình tướng, và tìm cách làm vỡ tan và phá hủy hình tướng ấy, hay sự kết hợp của các nguyên tử, để cho phép sự sống điện trung tâm thoát ra.

95. The dark forces also engineer the escape of the "central electric life", but what is their motive? We can be sure that the escaping life is not allowed to enter a sphere offering greater scope of *spiritual* expression.

95. Các mãnh lực tối tăm cũng tạo ra sự thoát ra của "sự sống điện trung tâm", nhưng động cơ của họ là gì? Chúng ta có thể chắc chắn rằng sự sống thoát ra ấy không

được phép đi vào một khối cầu đem lại phạm vi lớn hơn cho sự biểu lộ *tinh thần*.

96. We must remember that the dark brothers are *esotericists* but not ***spiritual*** *esotericists.*

96. Chúng ta phải nhớ rằng các huynh đệ bóng tối là *những nhà bí truyền học* nhưng không phải là ***những nhà bí truyền học tinh thần***.

They bring about this result through external agencies

Họ mang lại kết quả này thông qua các tác nhân bên ngoài

97. i.e., "resolvents" and reducing agents. Again, we must learn to discriminate concerning the meaning of the term "external".

97. tức là các "chất phân giải" và các tác nhân khử. Một lần nữa, chúng ta phải học cách phân biện về ý nghĩa của thuật ngữ "bên ngoài".

and by availing themselves of the destructive nature of the substance (deva essence) itself.

và bằng cách tận dụng bản chất hủy diệt của chính chất liệu (tinh chất thiên thần) ấy.

98. We may assume that the repelling power necessary to all acts of destruction is inherent in substance or deva essence. The third aspect of divinity, after all, functions under the "Law of Disintegration".

98. Chúng ta có thể giả định rằng năng lực đẩy lùi cần thiết cho mọi hành vi hủy diệt vốn có sẵn trong chất liệu hay tinh chất thiên thần. Xét cho cùng, phương diện thứ ba của thiên tính vận hành dưới "Định luật Tan Rã".

99. We can see that the dark brothers are, at root, 'destroyers', and that, even when they seem to build it is only for the purpose of an eventual destruction of that which is intended by the Divine Plan.

99. Chúng ta có thể thấy rằng các huynh đệ bóng tối, tận gốc, là những 'kẻ hủy diệt', và ngay cả khi họ dường như xây dựng thì cũng chỉ nhằm mục đích cuối cùng là hủy diệt điều được Thiên Cơ dự định.

They burn and destroy the material sheath, seeking to imprison the escaping volatile essence as the form disintegrates.

Họ đốt cháy và hủy diệt vỏ bọc vật chất, tìm cách giam cầm tinh chất dễ bay thoát ra khi hình tướng tan rã.

100. This is the key sentence revealing the motive of the dark brothers. In all acts of true liberation, the volatile essence is set free for greater scope of expression. In the case here described, however, that volatile essence or "central electric life", is 'captured'

100. Đây là câu then chốt phơi bày động cơ của các huynh đệ bóng tối. Trong mọi hành vi giải thoát chân chính, tinh chất dễ bay được giải phóng để có phạm vi biểu lộ lớn hơn. Tuy nhiên, trong trường hợp được mô tả ở đây, tinh chất dễ bay ấy hay "sự sống

and imprisoned and, no doubt, brought into servitude and bondage to dark entities, as slavery is the fate that the dark brothers invoke for all human beings other than themselves.

điện trung tâm" bị 'bắt giữ' và giam cầm, và hẳn nhiên bị đưa vào tình trạng phục dịch và nô lệ cho các thực thể tối tăm, vì nô lệ chính là số phận mà các huynh đệ bóng tối áp đặt lên mọi con người ngoài chính họ.

101. Since the volatile essence has not been inwardly strengthened by spiritually legitimate processes, it falls an easy prey to those who would bind it.

101. Vì tinh chất dễ bay ấy không được tăng cường từ bên trong bằng các tiến trình hợp pháp về mặt tinh thần, nó dễ dàng trở thành mồi cho những kẻ muốn trói buộc nó.

This hinders the evolutionary plan in the case of the life involved, delays the consummation, interferes with the ordered progress of development, and puts all [Page 491] the factors involved in a bad position.

Điều này cản trở Thiên Cơ tiếnhoá trong trường hợp của sự sống liên hệ, làm trì hoãn sự hoàn tất, cản trở tiến bộ có trật tự của sự phát triển, và đặt tất cả [Page 491] các yếu tố liên hệ vào một vị thế bất lợi.

102. Let us tabulate the ill effects arising from the unspiritual transmutative processes as practiced by the dark ones:

102. Chúng ta hãy lập bảng các hậu quả xấu phát sinh từ những tiến trình chuyển hoá phi tinh thần như được các thế lực tối tăm thực hành:

a. The evolutionary plan for the life involved is hindered

a. Thiên Cơ tiến hoá đối với sự sống liên hệ bị cản trở

b. Consummation is delayed for the life involved. By "consummation" one often means the fourth initiation.

b. Sự hoàn tất bị trì hoãn đối với sự sống liên hệ. "Sự hoàn tất" thường có nghĩa là lần điểm đạo thứ tư.

c. The dark process interferes with the ordered progress of development for the life involved.

c. Tiến trình tối tăm can thiệp vào tiến bộ có trật tự của sự phát triển đối với sự sống liên hệ.

d. All factors are put in a bad position. What is suggested is that there is a 'right positioning' which facilitates true liberation or emancipation. In occultism, right positioning in accordance with an appropriate geometry is always required for spiritual achievement. Witness the sacred geometry of the ceremonies of initiation.

d. Mọi yếu tố đều bị đặt vào một vị thế bất lợi. Điều được gợi ý là có một 'sự định vị đúng đắn' tạo thuận lợi cho sự giải thoát hay giải phóng chân chính. Trong huyền bí học, sự định vị đúng đắn phù hợp với một hình học thích hợp luôn luôn được đòi hỏi cho thành tựu tinh thần. Hãy xem hình học thiêng liêng của các nghi lễ điểm đạo.

103. We can see that, with justification, we can consider the dark brothers as 'Lords of Imprisonment'.

103. Chúng ta có thể thấy rằng, một cách chính đáng, chúng ta có thể xem các huynh đệ bóng tối như những 'Chúa Tể của Sự Giam Cầm'.

The life (or entity) concerned receives a setback, the devas work destructively,

Sự sống (hay thực thể) liên hệ chịu một bước lùi, các thiên thần làm việc một cách hủy diệt,

104. They could work constructively and, thus, under right guidance. Great is our responsibility in the guiding of the unconscious forces of nature.

104. Họ có thể làm việc một cách xây dựng và như vậy dưới sự hướng dẫn đúng đắn. Trách nhiệm của chúng ta trong việc hướng dẫn các mãnh lực vô thức của thiên nhiên thật lớn lao.

and without participation in the purpose of the plan, and the magician is in danger, under the Law of Karma, and through the materialising of his own substance by affinity with the third aspect.

và không có sự tham dự vào mục đích của Thiên Cơ, còn nhà huyền thuật thì lâm nguy, dưới Định luật Nghiệp quả, và thông qua sự hiện hình của chính chất liệu của y do ái lực với phương diện thứ ba.

105. We can see that through the machinations of the dark ones a process of materialising occurs. The lunar nature affiliated with the matter-force of the first solar system becomes ever stronger and more confining.

105. Chúng ta có thể thấy rằng qua những mưu toan của các thế lực tối tăm, một tiến trình hiện hình xảy ra. Bản chất thái âm liên kết với mãnh lực vật chất của hệ mặt trời thứ nhất trở nên ngày càng mạnh hơn và giam hãm hơn.

106. We know that the Law of Karma works out principally through the third aspect of divinity, but the true purpose of this Law is to *weaken* the hold of the third aspect upon the second and first.

106. Chúng ta biết rằng Định luật Nghiệp quả chủ yếu vận hành qua phương diện thứ ba của thiên tính, nhưng mục đích chân chính của Định luật này là *làm suy yếu* sự kềm giữ của phương diện thứ ba đối với phương diện thứ hai và thứ nhất.

107. The processes here under discussion reverse the proper procedure and strengthen (in the life of the black magician and in the life of his victim) that which should be transcended.

107. Những tiến trình đang được bàn đến ở đây đảo ngược thủ tục đúng đắn và làm mạnh thêm (trong đời sống của nhà hắc thuật và trong đời sống của nạn nhân của y) điều đáng lẽ phải được vượt qua.

108. We can imagine that by the phrase "the materialising of his own substance" DK is suggesting that the material aspect is densified and, thus, rendered more constraining.

108. Chúng ta có thể hình dung rằng qua cụm từ "sự hiện hình của chính chất liệu của y", Chân sư DK đang gợi ý rằng phương diện vật chất bị làm cho đậm đặc hơn và do đó trở nên ràng buộc hơn.

109. DK also suggests that the magician who works in this way upon others is laying up great future karma for himself and is imprisoning *himself* more deeply (even as he attempts to imprison others).

109. Chân sư DK cũng gợi ý rằng nhà huyền thuật làm việc theo cách này trên người khác đang tích lũy nghiệp quả lớn lao cho tương lai của chính mình và đang giam cầm *chính mình* sâu hơn nữa (ngay cả khi y cố gắng giam cầm người khác).

110. The victim is victimized and the perpetrator is, himself, victimized by his own deviation from the Divine Plan and the Good Law. Both victim and perpetrator are, thereby, the losers.

110. Nạn nhân bị hại và chính thủ phạm cũng bị hại bởi sự lệch hướng của y khỏi Thiên Cơ và Thiện Luật. Do đó, cả nạn nhân lẫn thủ phạm đều là kẻ thua thiệt.

Black magic of this nature creeps into all religions along this very line of the destruction of the form through outer agency, and not through the liberation of the life through inner development and preparedness.

Hắc thuật thuộc loại này len lỏi vào mọi tôn giáo chính theo đường lối hủy diệt hình tướng bằng tác nhân bên ngoài, chứ không phải qua sự giải phóng sự sống bằng sự phát triển và chuẩn bị từ bên trong.

111. The word "creeps" is significant and tells us much about the stealthy way the forces of darkness move into positions of greater control. Interestingly, people who have something weirdly unwholesome or threatening about them are often called "creeps".

111. Từ "len lỏi" rất có ý nghĩa và cho chúng ta biết nhiều về cách thức lén lút mà các mãnh lực bóng tối tiến vào những vị trí kiểm soát lớn hơn. Thú vị thay, những người có điều gì đó kỳ quái, không lành mạnh hay đe dọa nơi họ thường bị gọi là "creeps".

112. If we study current religions carefully, we shall see that many of them do not seek to strengthen the inner Sprit-soul, but rather to create a dependency upon outer agencies. These religions thus *weaken* their followers rendering them increasingly unfit for liberation.

112. Nếu chúng ta nghiên cứu kỹ các tôn giáo hiện nay, chúng ta sẽ thấy rằng nhiều tôn giáo trong số đó không tìm cách tăng cường tinh thần-linh hồn bên trong, mà đúng hơn là tạo ra sự lệ thuộc vào các tác nhân bên ngoài. Vì vậy, những tôn giáo này *làm suy yếu* các tín đồ của mình, khiến họ ngày càng không thích hợp cho sự giải thoát.

113. How perversely strange that religion should take its adherents away from Spirit rather than towards it!

113. Thật kỳ lạ một cách lệch lạc biết bao khi tôn giáo lại đưa những người theo mình rời xa tinh thần thay vì hướng về nó!

It produces the evils of Hatha Yoga in India and similar methods as practised in certain religious and occult orders in the Occident also.

Điều này tạo ra những tai hại của Hatha Yoga ở Ấn Độ và những phương pháp tương tự như được thực hành trong một số dòng tu tôn giáo và huyền bí ở phương Tây nữa.

114. In such orders and by such methods the magician (not really a black magician—yet) works upon himself causing only harm instead of the expected empowerment and liberation.

114. Trong những dòng tu như vậy và bằng những phương pháp như vậy, nhà huyền thuật (thực ra chưa phải là nhà hắc thuật—ít nhất là chưa) tác động lên chính mình, chỉ gây hại thay vì đem lại sự tăng quyền năng và giải thoát như mong đợi.

115. These methods do not empower the influence of Sprit through the form. They are outwardly manipulative and, ultimately, spiritually inefficient or worse.

115. Những phương pháp này không tăng quyền năng cho ảnh hưởng của tinh thần xuyên qua hình tướng. Chúng mang tính thao tác từ bên ngoài và rốt cuộc không hiệu quả về mặt tinh thần, hoặc còn tệ hơn thế.

116. These are practices engaged in by those who have forgotten the inner life or who have lost their rapport with it. Over millions of years human consciousness has been to a significant extent *materialized* (as HPB tells us). The focus of consciousness has become increasingly external and liberation is conceived in external terms.

116. Đây là những thực hành do những người đã quên sự sống bên trong hoặc đã mất sự giao cảm với nó tiến hành. Trong hàng triệu năm, tâm thức nhân loại đã ở một mức độ đáng kể bị *vật chất hóa* (như HPB nói với chúng ta). Tiêu điểm của tâm thức đã trở nên ngày càng hướng ngoại và sự giải thoát được quan niệm theo những thuật ngữ bên ngoài.

Both work with matter on some plane in the three worlds, and do evil that good may come;

Cả hai đều làm việc với vật chất trên một cõi nào đó trong ba cõi thấp, và làm điều ác để điều thiện có thể đến;

117. DK is speaking of Hatha Yogins and of those in certain religious and occult orders in the West.

117. Chân sư DK đang nói về các Hatha Yogin và những người trong một số dòng tu tôn giáo và huyền bí ở phương Tây.

118. At least the motive of the Hatha Yogins and of those within certain religious and

118. Ít nhất thì động cơ của các Hatha Yogin và của những người trong một số dòng tu

occult orders tends towards the Good (or, at least, towards what they imagine the Good to be). They are ill-advised, however, in their methods.

tôn giáo và huyền bí có xu hướng hướng đến Điều Thiện (hoặc ít nhất là hướng đến điều họ tưởng tượng là Điều Thiện). Tuy nhiên, họ bị chỉ dẫn sai lầm trong phương pháp của mình.

119. Doing evil, in this respect, must relate to the manipulation of (and thus the strengthening of) the outer form.

119. Trong phương diện này, việc làm điều ác hẳn phải liên hệ đến sự thao tác (và do đó làm mạnh thêm) hình tướng bên ngoài.

120. All such manipulation takes attention away from its intended focus—in the Spirit/soul aspect of man.

120. Mọi sự thao tác như vậy đều kéo sự chú ý ra khỏi tiêu điểm được định sẵn của nó—ở phương diện tinh thần/linh hồn của con người.

121. It is rare that the doing of evil can be long sustained if the objective is the emergence of the Good. In other words, the Laws of Cosmos are not structured in such a manner that "the ends justify the means".

121. Hiếm khi việc làm điều ác có thể được duy trì lâu dài nếu mục tiêu là sự xuất hiện của Điều Thiện. Nói cách khác, các Định luật của Vũ trụ không được cấu trúc theo cách mà "cứu cánh biện minh cho phương tiện".

both control the devas, and attempt to produce specific ends by manipulation of the matter of the form.

cả hai đều kiểm soát các thiên thần, và cố gắng tạo ra những kết quả đặc thù bằng sự thao tác vật chất của hình tướng.

122. We have often been told that the control of the devas is a necessary achievement for all magicians, but the *manner* of the control must align with spiritually sanctioned methods.

122. Chúng ta thường được bảo rằng việc kiểm soát các thiên thần là một thành tựu cần thiết đối với mọi nhà huyền thuật, nhưng *cách thức* kiểm soát phải chỉnh hợp với những phương pháp được chuẩn thuận về mặt tinh thần.

123. It is when manipulation of the lower devas is substituted for the emphasis upon inner, subjective development that the difficulty arises.

123. Khó khăn nảy sinh khi sự thao tác các thiên thần thấp được thay thế cho sự nhấn mạnh vào sự phát triển bên trong, chủ quan.

124. All this points to the thought that purely external work is no longer to be considered as *spiritual* work.

124. Tất cả điều này dẫn đến ý nghĩ rằng công việc thuần túy bên ngoài không còn được xem là công việc *tinh thần* nữa.

The Hierarchy works with the soul within the form and produces results that are intelligent, self-induced and permanent.

Thánh Đoàn làm việc với linh hồn bên trong hình tướng và tạo ra những kết quả thông minh, tự khởi phát và bền vững.

125. From what is here said, we may gather that the black magician produces results which are unconscious, externally-induced and impermanent.

125. Từ những gì được nói ở đây, chúng ta có thể suy ra rằng nhà hắc thuật tạo ra những kết quả vô thức, bị gây ra từ bên ngoài và vô thường.

126. The Members of the Hierarchy are interested in helping human beings to achieved *mastery* over the lunar and elemental forces. Facile solutions based upon manipulation and following the "line of least resistance" are understood to be ineffective.

126. Các Thành Viên của Thánh Đoàn quan tâm đến việc giúp con người đạt được *sự làm chủ* đối với các mãnh lực thái âm và hành khí. Những giải pháp dễ dãi dựa trên sự thao tác và đi theo "con đường ít trở ngại nhất" được hiểu là không hiệu quả.

127. We have seen that the Hierarchy works with *both* soul and Spirit.

127. Chúng ta đã thấy rằng Thánh Đoàn làm việc với *cả* linh hồn lẫn tinh thần.

128. Spiritual esotericism demands a keen respect for that in man which is truly *internal* and *essential*. The dark forces seek to prevent the *centralization of man*—his 'return' to the factor which is most *living* within him—i.e., the Spirit, the Center of Being.

128. Huyền bí học tinh thần đòi hỏi một sự tôn trọng sâu sắc đối với điều trong con người thực sự là *bên trong* và *cốt yếu*. Các mãnh lực tối tăm tìm cách ngăn cản sự *trung tâm hóa của con người*—sự 'trở về' của y với yếu tố sống động nhất *sống động* bên trong y—tức là tinh thần, Trung Tâm của Bản Thể.

Wherever attention is centred on the form and not on the Spirit, the tendency is to deva worship, deva contact and black magic, for the form is made of deva substance on all planes.

Bất cứ nơi nào sự chú ý được tập trung vào hình tướng chứ không vào tinh thần, thì xu hướng sẽ là thờ phụng thiên thần, tiếp xúc thiên thần và hắc thuật, vì hình tướng được tạo thành từ chất liệu thiên thần trên mọi cõi.

129. We are reminded that the dark brothers are called "Lords of Form".

129. Chúng ta được nhắc rằng các huynh đệ bóng tối được gọi là "Chúa Tể của Hình Tướng".

130. Man proceeds on his evolutionary Path through the destruction of the form and through a series of self-induced,

130. Con người tiến bước trên Con Đường tiến hoá của mình qua sự hủy diệt hình tướng và qua một chuỗi những giải thoát

consummating liberations. It is clear that the Lords of Form are doing all they can to ensure that the human Spirit remains confined by form.

hoàn tất do chính mình khởi phát. Rõ ràng là các Chúa Tể của Hình Tướng đang làm mọi điều có thể để bảo đảm rằng tinh thần nhân loại vẫn bị hình tướng giam hãm.

131. Some are eager to *contact* the devas, but only intercourse with the higher devas is allowed. As for "deva worship", it may seem to some a remote possibility, but it is clear than in Atlantean days, such practices abounded.

131. Một số người háo hức *tiếp xúc* với các thiên thần, nhưng chỉ sự giao tiếp với các thiên thần cao mới được cho phép. Còn về "thờ phụng thiên thần", điều đó có thể dường như là một khả năng xa vời đối với một số người, nhưng rõ ràng là trong thời Atlantis, những thực hành như vậy rất phổ biến.

132. We begin to realize, perhaps, how closely related are "deva worship, deva contact and black magic". We are entering a cycle under the seventh ray in which there will be ready access to certain levels of the deva kingdom. It will also be a period which may well see the revival of certain forms of black (or gray) magic. Deva contact and black magic seem to go hand in hand. Of this probability we should consider ourselves forewarned.

132. Có lẽ chúng ta bắt đầu nhận ra ba điều "thờ phụng thiên thần, tiếp xúc thiên thần và hắc thuật" liên hệ mật thiết với nhau đến mức nào. Chúng ta đang bước vào một chu kỳ dưới cung bảy, trong đó sẽ có sự tiếp cận dễ dàng đến một số cấp độ của giới thiên thần. Đây cũng sẽ là một giai đoạn rất có thể chứng kiến sự phục hưng của một số hình thức hắc thuật (hay huyền thuật xám). Tiếp xúc thiên thần và hắc thuật dường như luôn đi đôi với nhau. Trước khả năng này, chúng ta nên xem mình như đã được cảnh báo trước.

This must be considered well in connection with every form for it holds the key to many mysteries.

Điều này phải được cân nhắc kỹ liên hệ với mọi hình tướng vì nó nắm giữ chìa khóa của nhiều huyền nhiệm.

133. We may gather that there are legitimate and illegitimate ways to deal with 'atoms' of various kinds. The way designated by the Divine Plan for this solar system focuses on work with the reality which is interior to every form. This is the truly subjective approach and eschews ancient methods, the usefulness of which is now long past.

133. Chúng ta có thể suy ra rằng có những cách hợp pháp và bất hợp pháp để đề cập đến các 'nguyên tử' thuộc nhiều loại khác nhau. Con đường được Thiên Cơ chỉ định cho hệ mặt trời này tập trung vào công việc với thực tại ở bên trong mọi hình tướng. Đây là cách tiếp cận chủ quan đích thực và tránh dùng những phương pháp cổ xưa mà tính hữu dụng của chúng nay đã qua từ lâu.

We have seen how in this question of the transference of the life from form to form,

Chúng ta đã thấy rằng trong vấn đề chuyển dịch sự sống từ hình tướng này sang hình

the work proceeds under rule and order, and is effected through the co-operation of the devas in the **first** instance, and **the application of external agents** to the atom or form involved, and in the **second** place (involving the most important and lengthy stage of the procedure) through the subsequent reaction within the atom itself, which produces an intensification of the positive burning centre, and the consequent escape (through radioactivity) of the volatile essence.

tướng khác, công việc tiến hành dưới quy luật và trật tự, và được thực hiện qua sự hợp tác của các thiên thần ngay **trước hết**, và **sự áp dụng các tác nhân bên ngoài** lên nguyên tử hay hình tướng liên hệ, và ở vị trí **thứ hai** (bao gồm giai đoạn quan trọng nhất và kéo dài nhất của thủ tục) qua phản ứng tiếp theo bên trong chính nguyên tử, phản ứng này tạo ra sự tăng cường của trung tâm cháy dương, và hệ quả là sự thoát ra (qua tính phóng xạ) của tinh chất dễ bay.

134. Here we have a statement in summary.

134. Ở đây chúng ta có một phát biểu tóm lược.

135. When Master DK speaks of "the cooperation of the devas", He does not appear to mean *conscious* cooperation, as the devas involved are not self-conscious entities.

135. Khi Chân sư DK nói về "sự hợp tác của các thiên thần", dường như Ngài không có ý nói đến sự hợp tác *hữu thức*, vì các thiên thần liên hệ không phải là những thực thể có ngã thức.

136. Perhaps the word "participation" would be more suitable.

136. Có lẽ từ "sự tham dự" sẽ thích hợp hơn.

137. In this section DK does not seem to differentiate between the approach taken by white or black magicians. Both approaches involve the deva kingdom (though in different ways) and both approaches produce liberation through the destruction of form.

137. Trong phần này, Chân sư DK dường như không phân biệt giữa cách tiếp cận của các nhà huyền thuật chánh đạo hay nhà hắc thuật. Cả hai cách tiếp cận đều liên quan đến giới thiên thần (dù theo những cách khác nhau) và cả hai đều tạo ra sự giải thoát qua sự hủy diệt hình tướng.

138. If anything, He seems to be describing some combination of both methods.

138. Nếu có gì, thì dường như Ngài đang mô tả một sự kết hợp nào đó của cả hai phương pháp.

At all the different stages, the fire elementals perform their part, aided by the **fire devas** who are the controlling [Page 492] agents.

Ở mọi giai đoạn khác nhau, các hành khí của lửa thực hiện phần việc của chúng, được trợ giúp bởi các **thiên thần của lửa** là những tác nhân kiểm soát [Page 492].

139. We are presented with a kind of hierarchy. The fire elementals are controlled by fire devas and the fire devas are controlled by the will of the operating magician.

139. Chúng ta được trình bày một loại thứ bậc. Các hành khí của lửa bị các thiên thần của lửa kiểm soát, và các thiên thần của lửa bị ý chí của nhà huyền thuật đang vận hành kiểm soát.

140. In general, we are to consider fire devas as *evolutionary* lives and fire elementals as lives which are involutionary.

140. Nói chung, chúng ta phải xem các thiên thần của lửa là những sự sống *thăng thượng tiến hoá* và các hành khí của lửa là những sự sống giáng hạ tiến hoá.

141. None of the members of the two groups here under discussion are yet self-conscious beings.

141. Chưa một thành viên nào của hai nhóm đang được bàn đến ở đây là hữu thể có ngã thức.

142. By "fire devas" DK does not necessarily mean agnichaitans, though certain agnichaitans can rightfully be considered fire devas. Yet there are agnisuryans which are also fire devas and Agnishvattas as well. The hint, of course, is in the word "agni" which means "fire".

142. Bởi "các thiên thần của lửa", Chân sư DK không nhất thiết muốn nói đến agnichaitans, dù một số agnichaitans có thể được xem một cách chính đáng là các thiên thần của lửa. Tuy nhiên cũng có các agnisuryans cũng là các thiên thần của lửa, và cả Agnishvattas nữa. Dĩ nhiên, gợi ý nằm trong từ "agni" có nghĩa là "lửa".

This is so on all the planes which primarily concern us in the three worlds—different groups of devas coming into action according to the nature of the form concerned, and the plane on which the transmutation is to take place.

Điều này đúng trên mọi cõi chủ yếu liên quan đến chúng ta trong ba cõi thấp—những nhóm thiên thần khác nhau đi vào hoạt động tùy theo bản chất của hình tướng liênhệ, và cõi mà trên đó sự chuyển hoá sẽ diễn ra.

143. The three types of devas—agnichaitans, agnisuryans and agnishvattas—are those which relate to the first three solar planes—the physical-etheric, the astral and the mental. Usually, the Agnishvattas are considered as relating to the higher mental sub-planes.

143. Ba loại thiên thần—agnichaitans, agnisuryans và agnishvattas—là những loại liên hệ với ba cõi thái dương đầu tiên—cõi hồng trần-dĩ thái, cõi cảm dục và cõi trí. Thông thường, Agnishvattas được xem là liên hệ với các cõi phụ thượng trí.

144. It remains in question whether the devas of the lower mental plane should be called agnishvattas. If so, they are not

144. Vẫn còn là vấn đề cần xét xem các thiên thần của cõi hạ trí có nên được gọi là agnishvattas hay không. Nếu vậy, thì họ

Agnishvattas—i.e., Solar Angels. Note the capitalization.

Electric fire passes from atom to atom according to law, and "fire by friction" responds, being the latent fire of the atom, or its negative aspect;

145. Sometimes fire by friction is considered to include *both* latent fire *and* active or radiatory fire. As long as the fire is to be found expressing on the lower eighteen sub-planes, it is to be considered fire by friction.

146. Thus, it seems that the term “latent fire” is being here used more inclusively than during the earlier pages of TCF when it was carefully discriminated from “active fire” or “radiatory fire”.

147. Should solar fire be excluded from the atom of substance? It may be judged that solar fire can only be found *expressive* in those atoms which possess the fire of self-consciousness, yet all types of atoms must necessarily contain all three divine aspects.

148. In any case, the general idea here is that matter responds to Spirit.

149. We also note that the passage from atom to atom by electric fire is “according to law”. We recall that it is the monadic aspect of man which determines the measured and lawful progression of fire in his chakric system. Hiding under this little phrase “according to law” must exist a most intricately organized system of passage.

không phải là Agnishvattas—tức Thái dương Thiên Thần. Hãy lưu ý chữ viết hoa.

Lửa Điện truyền từ nguyên tử này sang nguyên tử khác theo định luật, và "Lửa ma sát" đáp ứng, vì đó là ngọn lửa tiềm ẩn của nguyên tử, hay phương diện âm của nó;

145. Đôi khi Lửa ma sát được xem là bao gồm *cả* ngọn lửa tiềm ẩn *và* ngọn lửa hoạt động hay phóng xạ. Chừng nào ngọn lửa còn được thấy biểu lộ trên mười tám cõi phụ thấp, thì nó phải được xem là Lửa ma sát.

146. Vì vậy, dường như thuật ngữ “ngọn lửa tiềm ẩn” ở đây đang được dùng theo nghĩa bao gồm hơn so với những trang đầu của Luận về Lửa Vũ Trụ, nơi nó được phân biệt cẩn thận với “ngọn lửa hoạt động” hay “ngọn lửa phóng xạ”.

147. Có nên loại trừ Lửa Thái dương khỏi nguyên tử của chất liệu không? Có thể phán đoán rằng Lửa Thái dương chỉ có thể được tìm thấy *biểu lộ* trong những nguyên tử sở hữu ngọn lửa của ngã thức, tuy nhiên mọi loại nguyên tử tất yếu đều phải chứa cả ba phương diện thiêng liêng.

148. Dù sao đi nữa, ý tưởng tổng quát ở đây là vật chất đáp ứng với tinh thần.

149. Chúng ta cũng lưu ý rằng sự truyền từ nguyên tử này sang nguyên tử khác bởi Lửa Điện là “theo định luật”. Chúng ta nhớ rằng chính phương diện chân thần của con người quyết định sự tiến triển có chừng mực và hợp luật của lửa trong hệ thống luân xa của y. Ẩn dưới cụm từ nhỏ bé “theo định luật” này hẳn phải tồn tại một hệ thống truyền dẫn được tổ chức cực kỳ tinh vi.

the process is carried on through the medium of solar fire, and herein lies the secret of transmutation and its most mysterious angle.

tiến trình được thực hiện qua trung gian của Lửa Thái dương, và chính trong đó có bí mật của sự chuyển hoá cùng góc độ huyền nhiệm nhất của nó.

150. From a planetary perspective, we understand that Venus is one of the major transmutative planets. It certainly is so in relation to the transmutation of the human kingdom into the kingdom of souls.

150. Từ góc nhìn hành tinh, chúng ta hiểu rằng Sao Kim là một trong những hành tinh chuyển hoá chủ yếu. Chắc chắn là như vậy trong liên hệ với sự chuyển hoá của giới nhân loại thành giới các linh hồn.

151. It will be recognized that Venus is also intimately associated with solar fire, being a planet which, in a way, 'sponsors' the activity of the Solar Angels, and which has at its esoteric root a very strong sixth and second ray.

151. Cần nhận ra rằng Sao Kim cũng liên hệ mật thiết với Lửa Thái dương, là một hành tinh mà theo một cách nào đó 'bảo trợ' hoạt động của các Thái dương Thiên Thần, và có ở gốc rễ huyền bí của nó một cung sáu và cung hai rất mạnh.

152. May we say that it is the magnetic power of solar fire which draws the life essence forth from a lower kingdom into the ring-pass-not of a higher?

152. Chúng ta có thể nói rằng chính quyền năng từ tính của Lửa Thái dương kéo tinh chất sự sống ra khỏi một giới thấp vào vòng-giới-hạn của một giới cao hơn chăng?

153. All transmutations are a kind of "death-unto-life", and in such processes the second aspect (represented by the magnetism of solar fire) is involved.

153. Mọi sự chuyển hoá đều là một loại "chết-để-sống", và trong những tiến trình như vậy, phương diện thứ hai (được biểu trưng bởi từ điện của Lửa Thái dương) có liên quan.

154. Just as the Mystery of the Solar Angels or of the Makara is profoundly impenetrable to man, given his present state of understanding, we learn of the most mysterious angle of the secret of transmutation.

154. Cũng như Huyền Nhiệm của các Thái dương Thiên Thần hay của Makara sâu xa đến mức con người không thể thâm nhập được, xét theo trạng thái thấu hiểu hiện nay của y, chúng ta học biết về góc độ huyền nhiệm nhất của bí mật chuyển hoá.

155. One may begin to gather than *love* is the sine qua non of the *spiritual*, transmutative process. We might study in this connection the transmutative effect of the Sacred Word, OM, the Word of the second aspect.

155. Người ta có thể bắt đầu nhận ra rằng *bác ái* là điều kiện tiên quyết tuyệt đối của tiến trình chuyển hoá *tinh thần*. Liên hệ với điều này, chúng ta có thể nghiên cứu hiệu quả chuyển hoá của Linh từ thiêng liêng, OM, Linh từ của phương diện thứ hai.

156. May we consider as a great transmutative mantram, "No man commeth to the Father except through Me"?

156. Chúng ta có thể xem như một mantram chuyển hoá vĩ đại câu này chăng: "Không ai đến được với Cha nếu không qua Ta"?

Fire by friction, the negative electricity of substance, has been for some time the subject of the attention of exoteric science, and investigation of the nature of positive electricity has become possible through the discovery of radium.

Lửa ma sát, điện âm của chất liệu, từ lâu đã là đối tượng chú ý của khoa học ngoại môn, và việc khảosát bản chất của điện dương đã trở nên khảhữu nhờ sự khám phá ra radium.

157. DK is discriminating the different types of electrical phenomena that have been studied.

157. Chân sư DK đang phân biện các loại hiện tượng điện khác nhau đã được nghiên cứu.

158. Had we realized that with the discovery of radioactive substances, we had been put into the position of being able to investigate "positive electricity"?

158. Nếu chúng ta đã chứng nghiệm rằng với việc khám phá ra các chất phóng xạ, chúng ta đã được đặt vào vị thế có thể khảo cứu "điện dương" thì sao?

159. If we wish to study "positive electricity" in the fourth Creative Hierarchy, we will have to study initiates of high degree in whom the monadic aspect is powerfully expressive.

159. Nếu chúng ta muốn nghiên cứu "điện dương" trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, chúng ta sẽ phải nghiên cứu các điểm đạo đồ cấp cao nơi phương diện chân thần biểu lộ một cách mãnh liệt.

Keely, as H. P. B. hinted,[60] [60: S. D., I, 172, 607-611.] had gone far along this path, and knew even more than he gave out, and others have approached, or are approaching, the same objective.

Keely, như H. P. B. đã ám chỉ,60 [60: S. D., I, 172, 607-611.] đã đi rất xa trên con đường này, và còn biết nhiều hơn điều ông đã công bố, và những người khác đã tiếp cận, hoặc đang tiếp cận, cùng mục tiêu ấy.

160. There is always the fascinating question of how much is known by outstanding scientific figures—especially by those who, like Keely, have been reviled because of their unconventional assertions. Tesla was another such.

160. Luôn luôn có câu hỏi đầy hấp dẫn về việc các nhân vật khoa học xuất chúng biết được bao nhiêu—đặc biệt là những người, như Keely, đã bị phỉ báng vì những khẳng định phi quy ước của ông. Tesla là một người như vậy khác.

161. We may note a certain orthodoxy of scientific approach which repudiates essential discoveries when they are first

161. Chúng ta có thể lưu ý một thứ chính thống nào đó trong cách tiếp cận khoa học, vốn bác bỏ những khám phá cốt yếu khi

made, only to arrive at the same 'discoveries' along a much slower path.

chúng lần đầu được thực hiện, chỉ để rồi đi đến chính những "khám phá" ấy theo một con đường chậm hơn rất nhiều.

The next step ahead for science lies in this direction, and should concern the potential force of the atom itself, and its harnessing for the use of man. This will let loose upon earth a stupendous amount of energy.

Bước tiến kế tiếp của khoa học nằm theo hướng này, và nên liên quan đến mãnh lực tiềm tàng của chính nguyên tử, cùng việc chế ngự nó để phục vụ con người. Điều này sẽ giải phóng trên Trái Đất một lượng năng lượng khổng lồ.

162. This, at least in some measure, has occurred. We have to remember that *A Treatise on Cosmic Fire* was published in the year 1925.

162. Điều này, ít nhất ở một mức độ nào đó, đã xảy ra. Chúng ta phải nhớ rằng *Luận về Lửa Vũ Trụ* đã được xuất bản vào năm 1925.

163. One thinks of the relation of the date of publication of TCF to the date of the twentieth century Hierarchical Conclave. Given the nature, depth and scope of TCF, the timing was significant.

163. Người ta nghĩ đến mối liên hệ giữa ngày xuất bản của TCF và ngày diễn ra Đại Mật Nghị của Thánh đoàn trong thế kỷ hai mươi. Xét theo bản chất, chiều sâu và phạm vi của TCF, thời điểm ấy thật có ý nghĩa.

164. DK may be suggesting that in the process we call the "splitting of the atom", there may be far more of what He calls "positive electricity" than we may suspect.

164. Chân sư DK có thể đang gợi ý rằng trong tiến trình chúng ta gọi là "phân tách nguyên tử", có thể có nhiều hơn rất nhiều điều mà Ngài gọi là "điện dương" so với điều chúng ta có thể ngờ tới.

165. We may also gather that the harnessing by man of the potential force of the atom is far from complete.

165. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng việc con người chế ngự mãnh lực tiềm tàng của nguyên tử còn rất xa mới hoàn tất.

Nevertheless, it is only when the third factor is comprehended, and science admits the **agency of mental fire** as embodied in certain groups of devas, that the force of energy that is triple, and yet one in the three worlds, will become available for the helping of man.

Tuy nhiên, chỉ khi yếu tố thứ ba được thấu hiểu, và khoa học thừa nhận **tác nhân của lửa trí tuệ** như được hiện thân trong một số nhóm thiên thần nhất định, thì mãnh lực năng lượng vốn tam phân, tuy vậy vẫn là một trong ba cõi thấp, mới trở nên khả dụng để trợ giúp con người.

166. We have quite an amazing hint here. It definitely affirms the presence of solar fire

166. Ở đây chúng ta có một gợi ý thật đáng kinh ngạc. Nó xác nhận dứt khoát sự hiện diện của Lửa Thái dương (trong một hình

(in some form of expression) as present in even the atom of substance.

167. Again we note the equivalence between solar fire and "mental fire".

168. Who are the "certain groups of devas" in whom "mental fire" is embodied? Are they the Agnishvattas as we usually consider them—i.e., as manasadevas or Solar Angels?

169. The point to keep in mind is that for the achievement of the full utilization of the potential force of the atom for the helping of humanity, mental fire (solar fire) must enter the equation, and the force of the atom must be expressed and experienced as *threefold.*

170. I think we can see how the Reappearance of the Christ and the emergence of the soul aspect of man (through initiation) will contribute to the release of the atom's full potential. Corresponding to the release of the full potential of the atom of substance will be the increasingly full release of the potential of the human atom.

171. We know that in human spiritual development love must be combined with both intelligence and will or the results may be disastrous. May we say the same in relation to the utilization of the powers of the atom of substance? "Love", in this case, is represented by "mental fire" or "solar fire".

172. It would also seem that DK may be hinting that the force of "mental fire" is really a *triple* force, yet is experienced as unitary in the three worlds. When dealing with the foundational trinity (Will, Love and

thức biểu lộ nào đó) ngay cả trong nguyên tử của chất liệu.

167. Một lần nữa chúng ta lưu ý sự tương đương giữa Lửa Thái dương và "lửa trí tuệ".

168. "Một số nhóm thiên thần nhất định" nơi "lửa trí tuệ" được hiện thân là ai? Có phải đó là các Agnishvatta như chúng ta thường quan niệm—tức là như các manasadevas hay các Thái dương Thiên Thần chăng?

169. Điểm cần ghi nhớ là để đạt được việc sử dụng trọn vẹn mãnh lực tiềm tàng của nguyên tử nhằm trợ giúp nhân loại, lửa trí tuệ (Lửa Thái dương) phải đi vào phương trình, và mãnh lực của nguyên tử phải được biểu lộ và kinh nghiệm như là *tam phân.*

170. Tôi nghĩ chúng ta có thể thấy việc Sự Tái Lâm của Đức Christ và sự xuất hiện của phương diện linh hồn nơi con người (thông qua điểm đạo) sẽ góp phần như thế nào vào việc giải phóng trọn vẹn tiềm năng của nguyên tử. Tương ứng với việc giải phóng trọn vẹn tiềm năng của nguyên tử chất liệu sẽ là sự giải phóng ngày càng đầy đủ tiềm năng của nguyên tử nhân loại.

171. Chúng ta biết rằng trong sự phát triển tinh thần của con người, bác ái phải được kết hợp với cả trí tuệ lẫn ý chí, nếu không kết quả có thể là tai hại. Chúng ta có thể nói điều tương tự liên quan đến việc sử dụng các quyền năng của nguyên tử chất liệu chăng? "Bác ái", trong trường hợp này, được biểu thị bởi "lửa trí tuệ" hay "Lửa Thái dương".

172. Dường như Chân sư DK cũng có thể đang gợi ý rằng mãnh lực của "lửa trí tuệ" thực sự là một mãnh lực *tam phân*, tuy vậy lại được kinh nghiệm như đơn nhất trong ba cõi thấp. Khi bàn đến bộ ba nền tảng (Ý Chí,

Intelligence), each of its aspects is, in fact, triple.

Bác Ái và Trí Tuệ), mỗi phương diện của nó thật ra đều là tam phân.

173. The main triplicity here discussed is, however, the triplicity of the energies within the atom of substance.

173. Tuy nhiên, bộ ba chính được bàn đến ở đây là bộ ba các năng lượng bên trong nguyên tử chất liệu.

This lies as yet far ahead, and will only become possible towards the end of this round;

Điều này vẫn còn ở rất xa phía trước, và chỉ có thể trở nên khả hữu vào gần cuối cuộc tuần hoàn này;

174. It would seem that towards the end of this fourth round (and this will precede the "Judgment Day") the “mental fire” related to the atom of substance will be recognized as a most significant aspect of the potential energy of the atom of substance. It seems a long time to wait. Yet the emergence of the soul aspect in man will certainly see what we call “atomic energy” more wisely managed.

174. Dường như vào gần cuối cuộc tuần hoàn thứ tư này (và điều này sẽ xảy ra trước “Ngày Phán Xét”), “lửa trí tuệ” liên hệ với nguyên tử chất liệu sẽ được nhìn nhận như một phương diện cực kỳ quan trọng của năng lượng tiềm tàng của nguyên tử chất liệu. Có vẻ là một thời gian chờ đợi rất dài. Tuy nhiên, sự xuất hiện của phương diện linh hồn nơi con người chắc chắn sẽ khiến điều chúng ta gọi là “năng lượng nguyên tử” được quản lý một cách minh triết hơn.

175. Are we speaking of a time at which science generally will recognize the fire of the soul aspect? Again, we would hope that (at least in relation to humanity) that day will be with us sooner than later.

175. Chúng ta có đang nói đến một thời điểm mà khoa học nói chung sẽ nhìn nhận lửa của phương diện linh hồn chăng? Một lần nữa, chúng ta hy vọng rằng (ít nhất trong liên hệ với nhân loại) ngày ấy sẽ đến với chúng ta sớm hơn là muộn.

and these potent forces will not be fully utilised, nor fully known till the middle of the next round.

và những mãnh lực mạnh mẽ này sẽ không được sử dụng trọn vẹn, cũng không được biết đến trọn vẹn cho đến giữa cuộc tuần hoàn kế tiếp.

176. We have on several occasions been told that the true "Judgment Day" will occur in the “middle” of the fifth round—presumably the fifth *chain* round and not the fifth *scheme* round.

176. Chúng ta đã nhiều lần được cho biết rằng “Ngày Phán Xét” đích thực sẽ xảy ra vào “giữa” cuộc tuần hoàn thứ năm—hẳn là cuộc tuần hoàn của dãy thứ năm chứ không phải cuộc tuần hoàn của *Dãy* thứ năm của *hệ hành tinh*.

At that time, much energy will become available through the removal of all that obstructs.

Vào lúc đó, nhiều năng lượng sẽ trở nên khả dụng nhờ việc loại bỏ mọi điều cản trở.

177. In this sentence is found the inference that two fifths of the then human race will be considered obstructive and will be removed. Until that time, the forces of obstruction will be with us, and even today, many of those who at *that* time will not be obstructive are so *now*.

177. Trong câu này có thể suy ra rằng hai phần năm của nhân loại lúc bấy giờ sẽ bị xem là có tính cản trở và sẽ bị loại bỏ. Cho đến thời điểm ấy, các mãnh lực cản trở sẽ vẫn ở cùng chúng ta, và ngay cả hôm nay, nhiều người trong số những kẻ vào *thời* điểm đó sẽ không còn cản trở thì lại đang như vậy *bây giờ*.

178. DK points to future developments and at least illuminates and steadies our understanding, even though at this stage of our development, we can only dimly anticipate the later, promised unfoldments.

178. Chân sư DK chỉ ra những phát triển tương lai và ít nhất cũng soi sáng, làm vững vàng sự thấu hiểu của chúng ta, dù ở giai đoạn phát triển này, chúng ta chỉ có thể mơ hồ dự cảm những sự khai mở về sau đã được hứa hẹn.

This is effected, in relation to man, at the Judgment separation, but it will produce results in the other kingdoms of nature also.

Điều này được thực hiện, liên hệ với con người, vào lúc Phán Xét phân ly, nhưng nó cũng sẽ tạo ra kết quả trong các giới khác của bản chất.

179. We note here that what is usually called the "Judgment Day" is here called “Judgment separation”. As the fifth ray will be potently effective during this fifth round event, we should remember that the fifth ray rules the “Law of Cleavages”.

179. Ở đây chúng ta lưu ý rằng điều thường được gọi là “Ngày Phán Xét” ở đây lại được gọi là “Phán Xét phân ly”. Vì cung năm sẽ tác động mạnh mẽ trong biến cố của cuộc tuần hoàn thứ năm này, chúng ta nên nhớ rằng cung năm cai quản “Định luật của các Sự Phân Cắt”.

180. We are to anticipate that at the "Judgment Day", a number of kingdoms on our planet will be affected—not only the human. This would stand to reason, certainly in relation to the three lower kingdoms through which the human kingdom expresses. As for kingdoms higher than the human—the Kingdom of Souls and the Kingdom of Planetary Lives—doors into those kingdoms will be more widely opened

180. Chúng ta phải dự đoán rằng vào “Ngày Phán Xét”, một số giới trên hành tinh chúng ta sẽ bị tác động—không chỉ riêng giới nhân loại. Điều này hẳn là hợp lý, chắc chắn trong liên hệ với ba giới thấp mà qua đó giới nhân loại biểu lộ. Còn đối với các giới cao hơn giới nhân loại—Thiên Giới của các linh hồn và giới của Các Sự Sống Hành tinh—những cánh cửa đi vào các giới ấy sẽ được mở rộng

at that time, and so, they too would naturally be affected.

hơn vào lúc đó, và vì thế, chúng cũng tự nhiên sẽ bị tác động.

181. During any planetary initiation (and the "Judgment Day" is certainly one such—perhaps a major one) one would expect all planetary lives to be affected.

181. Trong bất kỳ điểm đạo hành tinh nào (và "Ngày Phán Xét" chắc chắn là một điểm đạo như vậy—có lẽ là một điểm đạo lớn) người ta sẽ mong đợi mọi sự sống hành khí?

182. VSK would have us note that the Judgment is the midway point of the fifth round, and that the charts of the schemes and rounds, and those in *Esoteric Astrology* are relevant to this time, the span being: 'before judgment day' and after individualisation.

182. VSK muốn chúng ta lưu ý rằng Phán Xét là điểm ở giữa của cuộc tuần hoàn thứ năm, và rằng các biểu đồ của các hệ hành tinh và các cuộc tuần hoàn, cùng những biểu đồ trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn* đều có liên quan đến thời điểm này, khoảng thời gian là: 'trước ngày phán xét' và sau biệt ngã hóa.

A portion of the animal kingdom will enter into a temporary obscuration, thus releasing energy for [Page 493] the use of the remaining percentage, and producing results such as are hinted at by the prophet of Israel [62] [Bible, Isaiah 11:6.] when he speaks of "the wolf lying down with the lamb";

Một phần của giới động vật sẽ đi vào một sự che khuất tạm thời, nhờ đó giải phóng năng lượng để [Page 493] sử dụng cho phần trăm còn lại, và tạo ra những kết quả như đã được nhà tiên tri Israel ám chỉ 62 [Bible, Isaiah 11:6.] khi ông nói về "con sói nằm xuống với con chiên";

183. It is so illuminating to be presented with such clarifications.

183. Thật soi sáng biết bao khi được trình bày những sự làm sáng tỏ như thế này.

184. We see something of how the Law of Economy works in such instances. When, in any whole, a certain percentage of the units are withdrawn or removed to other spheres of development, the energy they had been consuming is liberated for the use of the remaining units.

184. Chúng ta thấy phần nào cách Định luật Tiết Kiệm vận hành trong những trường hợp như vậy. Khi, trong bất kỳ toàn thể nào, một tỷ lệ nhất định các đơn vị được rút đi hoặc chuyển sang các khối cầu phát triển khác, năng lượng mà chúng đã tiêu thụ được giải phóng để các đơn vị còn lại sử dụng.

185. Three fifths of the then humanity will remain with the planet Earth and two-fifths will be removed. We may assume that, through this process, energy will be released for the use of the remaining three-fifths.

185. Ba phần năm nhân loại lúc bấy giờ sẽ ở lại với hành tinh Trái Đất và hai phần năm sẽ bị loại đi. Chúng ta có thể giả định rằng, qua tiến trình này, năng lượng sẽ được giải phóng để ba phần năm còn lại sử dụng.

186. We are not given the percentage of those members of the animal kingdom which remain with the planet and those which go into temporary obscuration (whether within the planetary ring-pass-not or outside it) but the principal seems the same.

186. Chúng ta không được cho biết tỷ lệ phần trăm những thành viên của giới động vật ở lại với hành tinh và những thành viên đi vào sự che khuất tạm thời là bao nhiêu (dù ở trong vòng-giới-hạn hành tinh hay bên ngoài nó), nhưng nguyên lý dường như vẫn như nhau.

187. Just as the more primitive human beings are to removed into obscuration and, thence, perhaps, to Mars, may we assume that the more primitive members of the animal kingdom will also be removed, making for greater *amity* (with its Venusian implications) between the animals remaining in active expression on our planet? Hence the wolf lying down with the lamb.

187. Cũng như những con người nguyên thủy hơn sẽ bị đưa vào sự che khuất và từ đó, có lẽ, sang Sao Hỏa, liệu chúng ta có thể giả định rằng những thành viên nguyên thủy hơn của giới động vật cũng sẽ bị loại đi, tạo nên sự *hòa thuận* lớn hơn (với những hàm ý thuộc Sao Kim của nó) giữa các loài vật còn lại đang biểu lộ tích cực trên hành tinh chúng ta chăng? Do đó mới có hình ảnh con sói nằm xuống với con chiên.

188. Astrologically, one wonders if there will be a relationship between the constellation Lupus the Wolf and Aries the Ram.

188. Về mặt chiêm tinh, người ta tự hỏi liệu sẽ có một mối liên hệ giữa chòm sao Lupus Con Sói và Aries Con Cừu Đực hay không.

189. If the Prophet Isaiah really foresaw events at the time of the "Judgment Day", we must judge his vision as extraordinary. It is probable that he could not have realize how far ahead he had seen, and that if and when he attempted to apply his vision to practical life, he must not have thought of the hundreds of millions of years separating the fourth from the fifth round.

189. Nếu nhà tiên tri Isaiah thực sự đã thấy trước các biến cố vào thời "Ngày Phán Xét", chúng ta phải đánh giá linh ảnh của ông là phi thường. Có lẽ ông không thể nhận ra mình đã nhìn xa đến mức nào, và rằng nếu và khi ông cố áp dụng linh ảnh của mình vào đời sống thực tiễn, hẳn ông đã không nghĩ đến hàng trăm triệu năm ngăn cách cuộc tuần hoàn thứ tư với cuộc tuần hoàn thứ năm.

his comment "a little child shall lead them" is largely the esoteric enunciation of the fact that **three fifths of the human family will stand upon the Path,** 'a little child' being the name applied to probationers and disciples.

lời bình của ông "một đứa trẻ nhỏ sẽ dẫn dắt chúng phần lớn là sự tuyên bố huyền bí về sự kiện rằng **ba phần năm gia đình nhân loại sẽ đứng trên Con Đường,** 'một đứa trẻ nhỏ' là danh xưng áp dụng cho những người dự bị và các đệ tử.

190. We can see the danger of biblical interpretation by those who are unaware of

190. Chúng ta có thể thấy sự nguy hiểm của việc diễn giải Kinh Thánh bởi những người

esoteric symbolism. It is probably not widely realized that the great prophets and spiritual figures acknowledged by the Western Bible were, indeed, *esotericists* and often wrote and spoke in esoteric language.

không nhận biết biểu tượng học huyền bí. Có lẽ người ta chưa nhận ra rộng rãi rằng các nhà tiên tri vĩ đại và các nhân vật tinh thần được Kinh Thánh phương Tây thừa nhận quả thực là những *nhà bí truyền học* và thường viết cũng như nói bằng ngôn ngữ huyền bí.

191. We know something of humanity's beneficent dharma and destiny in relation to the lower kingdoms. DK seems to be writing of a time in which humanity's role as intermediary between the higher and lower kingdoms will be fulfilled. Already, indications of this 'leadership' can be seen among the more advanced human beings who are beneficently related to the lower three kingdoms.

191. Chúng ta biết phần nào về dharma và định mệnh từ thiện của nhân loại trong liên hệ với các giới thấp. Chân sư DK dường như đang viết về một thời kỳ mà vai trò trung gian của nhân loại giữa các giới cao và thấp sẽ được hoàn thành. Ngay từ bây giờ, những dấu hiệu của sự 'lãnh đạo' này đã có thể thấy nơi những con người tiến bộ hơn, những người có mối liên hệ từ thiện với ba giới thấp.

192. It is important to note that three-fifths of the then humanity will remain expressive upon our planet and that those three-fifths will be "upon the Path" all of them probationers and disciples. Indeed, many forces of obstruction will be removed.

192. Điều quan trọng là phải lưu ý rằng ba phần năm nhân loại lúc bấy giờ sẽ vẫn tiếp tục biểu lộ trên hành tinh chúng ta và rằng cả ba phần năm ấy sẽ đều "ở trên Con Đường", tất cả đều là những người dự bị và các đệ tử. Quả thật, nhiều mãnh lực cản trở sẽ bị loại bỏ.

193. May we also anticipate that the power of the Black Lodge over humanity will be powerfully lessened under the tremendous release of energy aligned with both Venus and Sirius?

193. Liệu chúng ta cũng có thể dự đoán rằng quyền lực của Hắc đoàn đối với nhân loại sẽ bị suy giảm mạnh mẽ dưới sự giải phóng năng lượng to lớn được chỉnh hợp với cả Sao Kim lẫn Sirius chăng?

In the vegetable and mineral kingdoms a corresponding demonstration will ensue, but of such a nature as to be too obscure for our comprehension.

Trong giới thực vật và giới kim thạch, một sự biểu hiện tương ứng cũng sẽ tiếp theo, nhưng có bản chất quá mơ hồ đối với sự thấu hiểu của chúng ta.

194. Though the lower two kingdoms are indeed *lower* it does not mean that the process of their development is easy for present humanity to understand.

194. Dù hai giới thấp quả thực là *thấp hơn*, điều đó không có nghĩa là tiến trình phát triển của chúng dễ để nhân loại hiện nay thấu hiểu.

195. In any case, looking far ahead, we can imagine great and corresponding changes in the vegetable and mineral kingdoms, with the cruder forms of expression in both kingdoms disappearing from the face of the Earth.

195. Dù sao đi nữa, nhìn xa về phía trước, chúng ta có thể hình dung những biến đổi lớn lao và tương ứng trong giới thực vật và giới kim thạch, với những hình thức biểu lộ thô trược hơn trong cả hai giới biến mất khỏi bề mặt Trái Đất.

196. We note that, for whatever reason, there is no footnote numbered 61.

196. Chúng ta lưu ý rằng, vì bất cứ lý do gì, không có cước chú nào mang số 61.

The central factor of solar fire in the work of transmutation will come to be understood through the study of the fire devas and elementals, who are fire, and who are, in themselves (essentially and through active magnetic radiation), the external heat or vibration which produces:

Yếu tố trung tâm của Lửa Thái dương trong công việc chuyển hoá sẽ được thấu hiểu qua việc nghiên cứu các thiên thần lửa và các hành khí, vốn là lửa, và tự bản thân chúng (một cách cốt yếu và qua sự phát xạ từ tính tích cực) là nhiệt bên ngoài hay rung động tạo ra:

197. One way of interpreting this section is that external fire will come to be understood through reference to internal fire.

197. Một cách diễn giải đoạn này là lửa bên ngoài sẽ được thấu hiểu qua việc quy chiếu đến lửa bên trong.

198. It is often the case that an energy more recessed comes to be understood through the study of an energy more accessible.

198. Thường thường, một năng lượng ẩn sâu hơn được thấu hiểu qua việc nghiên cứu một năng lượng dễ tiếp cận hơn.

199. However, if we study the sections below (relating to the process of transmutation within a Solar Logos) we shall see that the devas of the cosmic mental plane who embody cosmic mental fire are considered ***external agencies*** involved in the cosmic transmutation process! Indeed, the are *external* to the central nucleus.

199. Tuy nhiên, nếu chúng ta nghiên cứu các đoạn bên dưới (liên quan đến tiến trình chuyển hoá bên trong một Thái dương Thượng đế), chúng ta sẽ thấy rằng các thiên thần của cõi trí vũ trụ, những vị hiện thân cho lửa trí tuệ vũ trụ, được xem là các ***tác nhân bên ngoài*** tham gia vào tiến trình chuyển hoá vũ trụ! Quả thật, các vị ấy là *bên ngoài* đối với hạt nhân trung tâm.

200. Therefore, we have to be alert to the meaning of the word “external”. It *may* refer to the lower forms of devic essences, but it may also refer to devic essences who embody *solar fire.*

200. Vì vậy, chúng ta phải tỉnh táo đối với ý nghĩa của từ “bên ngoài”. Nó *có thể* chỉ các hình thức thấp hơn của các tinh chất thiên thần, nhưng cũng có thể chỉ các tinh chất thiên thần hiện thân cho *Lửa Thái dương.*

201. The fire devas and elementals here referenced *may* not be the devas who embody solar fire, though from another perspective, they may be.

201. Các thiên thần lửa và hành khí được nhắc đến ở đây *có thể* không phải là các thiên thần hiện thân cho Lửa Thái dương, dù từ một góc nhìn khác, chúng có thể là như vậy.

202. As we study the subject further we shall learn about the close interplay between the devas of all levels. The many types of "men" (Solar Men, Planetary Men and human men) are all interrelated, and so are the many types of devas in the Great Devic Hierarchy.

202. Khi nghiên cứu sâu hơn chủ đề này, chúng ta sẽ học được về sự tương tác mật thiết giữa các thiên thần ở mọi cấp độ. Nhiều loại "người" (Những Con Người Thái Dương, Những Con Người Hành Tinh và con người nhân loại) đều liên hệ với nhau, và nhiều loại thiên thần trong Đại Huyền Giai Thiên Thần cũng vậy.

The force which plays upon the spheroidal wall of the atom.

Mãnh lực tác động lên bức tường hình cầu của nguyên tử.

203. The spheroidal wall of the atom relates to negative electricity.

203. Bức tường hình cầu của nguyên tử liên hệ với điện âm.

204. If the "external heat" referenced above refers to magnetic solar fire, then it is solar fire that plays upon the spheroidal wall of the atom—at least in cases of *spiritual* alchemy.

204. Nếu "nhiệt bên ngoài" được nhắc đến ở trên chỉ Lửa Thái dương từ tính, thì chính Lửa Thái dương tác động lên bức tường hình cầu của nguyên tử—ít nhất trong các trường hợp luyện kim *tinh thần*.

The response within the atom which produces radiation or the escape of volatile essence.

Sự đáp ứng bên trong nguyên tử tạo ra sự phát xạ hay sự thoát ra của tinh chất dễ bay hơi.

205. The response within the atom is a 'nuclear' response and relates to the central unit of positive electricity.

205. Sự đáp ứng bên trong nguyên tử là một sự đáp ứng 'hạt nhân' và liên hệ với đơn vị trung tâm của điện dương.

206. If the "external heat" referenced above refers to magnetic solar fire, then it is solar fire which may be influential upon the nucleus of the atom and which may engineer the escape of the volatile essence—at least in cases of *spiritual* alchemy.

206. Nếu "nhiệt bên ngoài" được nhắc đến ở trên chỉ Lửa Thái dương từ tính, thì chính Lửa Thái dương có thể ảnh hưởng lên hạt nhân của nguyên tử và có thể tạo điều kiện cho tinh chất dễ bay hơi thoát ra—ít nhất trong các trường hợp luyện kim *tinh thần*.

207. We see that for liberation to occur, external heat or vibration must be active in relation to both the definitely external, material aspect and the internal aspect of the atom.

207. Chúng ta thấy rằng để sự giải thoát xảy ra, nhiệt bên ngoài hay rung động phải hoạt động trong liên hệ với cả phương diện vật chất, bên ngoài rõ rệt lẫn phương diện bên trong của nguyên tử.

208. The exact line of connection between the fires here discussed and the central positive life of the atom must at this time remain obscure.

208. Đường liên hệ chính xác giữa các loại lửa được bàn đến ở đây và sự sống dương trung tâm của nguyên tử hiện nay vẫn phải còn mơ hồ.

209. In general, however, it is important to note that the liberation we seek as human beings is effected through the empowerment of the volatile essence (the central positive life we call electric fire—that part of our nature closest to Spirit).

209. Tuy nhiên, nói chung, điều quan trọng là phải lưu ý rằng sự giải thoát mà chúng ta tìm kiếm với tư cách con người được thực hiện qua việc tăng cường quyền năng cho tinh chất dễ bay hơi (sự sống dương trung tâm mà chúng ta gọi là Lửa Điện—phần bản chất của chúng ta gần với Tinh thần nhất).

210. Until the ultimate universal “Day Be With Us”, the central positive life, or “central electric life” will always be an emanation, and not pure Spirit, per se.

210. Cho đến “Ngày Hãy Ở Cùng Chúng Ta” tối hậu và phổ quát, sự sống dương trung tâm, hay “sự sống điện trung tâm”, sẽ luôn luôn là một phát xạ, chứ không phải chính Tinh thần thuần túy.

Speaking cosmically, and regarding the solar system as itself a cosmic atom, we would consider that:

Nói theo vũ trụ, và xem hệ mặt trời như chính nó là một nguyên tử vũ trụ, chúng ta sẽ xét rằng:

The abstractions or entities who indwell the form are "electric fire."

Những trừu tượng thể hay thực thể cư ngụ trong hình tướng là “Lửa Điện”.

211. These “abstractions” or “entities” are the true *life* within the form.

211. Những “trừu tượng thể” hay “thực thể” này là *sự sống* đích thực bên trong hình tướng.

212. Is it not interesting to see the terms “abstractions” and “entities” equated? This tells us that, in essence, *we* human beings are *abstractions,* and that the yogic process of abstraction (or Pratyahara) leads us to

212. Thật thú vị biết bao khi thấy các thuật ngữ “trừu tượng thể” và “thực thể” được đồng nhất? Điều này cho chúng ta biết rằng, về bản chất, *chúng ta* là những con người *trừu tượng thể,* và rằng tiến trình trừu xuất của yoga (hay Pratyahara) dẫn chúng ta đến

ourselves—*through* abstraction *to* the abstraction which we are.

chính mình—*qua* sự trừu xuất *đến* trừu tượng thể mà chúng ta là.

The material substance which is enclosed within the ring-pass-not viewing it as a homogeneous whole, is "fire by friction."

Chất liệu vật chất được bao bọc trong vòng-giới-hạn, xét nó như một toàn thể đồng nhất, là "Lửa ma sát".

213. From a higher perspective, all matter of the lower two and a half cosmic planes could be considered cosmic fire by friction.

213. Từ một góc nhìn cao hơn, toàn bộ vật chất của hai cõi rưỡi vũ trụ thấp hơn có thể được xem là lửa ma sát vũ trụ.

214. To a Solar Logos, the lower eighteen cosmic sub-planes are "material substance".

214. Đối với một Thái dương Thượng đế, mười tám cõi phụ vũ trụ thấp hơn là "chất liệu vật chất".

215. The lower twenty-one systemic sub-planes are to this great Entity *grossly* material.

215. Hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp hơn đối với Thực Thể vĩ đại này là vật chất *thô trược*.

The fire devas from the cosmic mental plane (of whom Agni and Indra are the embodiers along with one whose name is not to be given) are the **external agencies** who carry on cosmic transmutation.

Các thiên thần lửa từ cõi trí vũ trụ (trong số đó Agni và Indra là những vị hiện thân cùng với một Đấng mà danh xưng không được tiết lộ) là các **tác nhân bên ngoài** thực hiện sự chuyển hoá vũ trụ.

216. From this section it becomes clear that we are speaking of solar fire from the *cosmic* perspective.

216. Từ đoạn này, rõ ràng là chúng ta đang nói về Lửa Thái dương từ góc nhìn *vũ trụ*.

217. Usually, Agni is considered the 'Fire God' of the cosmic mental plane, and Indra the God of the cosmic buddhic plane. If the sequence holds, then Brahma will be a God embodying the cosmic atmic plane.

217. Thông thường, Agni được xem là 'Thần Lửa' của cõi trí vũ trụ, còn Indra là Thượng đế của cõi Bồ đề vũ trụ. Nếu trình tự này được giữ nguyên, thì Brahma sẽ là một Thượng đế hiện thân cho cõi atma vũ trụ.

218. Yet, it seems strange to associate Indra with the cosmic mental plane. Would He not embody cosmic buddhic energy rather than cosmic mental energy?

218. Tuy nhiên, dường như thật lạ khi gắn Indra với cõi trí vũ trụ. Chẳng phải Ngài sẽ hiện thân cho năng lượng Bồ đề vũ trụ hơn là năng lượng trí tuệ vũ trụ sao?

219. More research concerning the nature of Indra is needed.

219. Cần có thêm nhiều nghiên cứu về bản chất của Indra.

220. As well, we may enquire as to the relation of solar fire to the spiritual triad. Since the spiritual triad is the true *soul,* it is not unreasonable to conclude that solar fire can be found demonstrating on the levels of the spiritual triad—systemically or cosmically considered. We already know that buddhic energy is a form of solar fire; surely it is not purely electric fire.

220. Ngoài ra, chúng ta có thể khảo cứu về mối liên hệ của Lửa Thái dương với Tam nguyên tinh thần. Vì Tam nguyên tinh thần là *linh hồn* đích thực, nên không phải là vô lý khi kết luận rằng có thể thấy Lửa Thái dương biểu hiện trên các cấp độ của Tam nguyên tinh thần—xét theo hệ thống hay theo vũ trụ. Chúng ta đã biết rằng năng lượng Bồ đề là một hình thức của Lửa Thái dương; chắc chắn nó không thuần túy là Lửa Điện.

221. Were this the case, then Indra, though directly associated with the cosmic buddhic plane, could be considered to express through the solar fire of the cosmic mental plane, and the same might be the case for the One Who expresses principally through the cosmic atmic plane—be He Brahma, or called by some other name.

221. Nếu đúng như vậy, thì Indra, dù trực tiếp liên hệ với cõi Bồ đề vũ trụ, vẫn có thể được xem là biểu lộ qua Lửa Thái dương của cõi trí vũ trụ, và điều tương tự cũng có thể đúng với Đấng biểu lộ chủ yếu qua cõi atma vũ trụ—dù Ngài là Brahma hay được gọi bằng một danh xưng nào khác.

222. This whole matter must necessarily lie beyond our comprehension at this time.

222. Toàn bộ vấn đề này tất yếu phải vượt ngoài sự thấu hiểu của chúng ta vào lúc này.

223. It is most important and illuminating that DK mentions the fire devas of the cosmic mental plane as "**external** agencies" in the process of cosmic transmutation. This can be used as a hint to clarify the nature of the term "external heat" in relation to the human process of transmutation.

223. Điều hết sức quan trọng và soi sáng là Chân sư DK nhắc đến các thiên thần lửa của cõi trí vũ trụ như những "**bên ngoài** tác nhân" trong tiến trình chuyển hoá vũ trụ. Điều này có thể được dùng như một gợi ý để làm sáng tỏ bản chất của thuật ngữ "nhiệt bên ngoài" trong liên hệ với tiến trình chuyển hoá của con người.

224. The conclusion to be drawn is that solar fire is, *relatively*, an "external" fire.

224. Kết luận cần rút ra là Lửa Thái dương, *tương đối mà nói*, là một ngọn lửa "bên ngoài".

225. We remind ourselves of how necessary (though mysterious) is solar fire in the spiritual process of transmutation. We also come to realize that the dark brothers do not use solar fire in the processes of 'transmutation' which they seek to effect.

225. Chúng ta tự nhắc mình rằng Lửa Thái dương cần thiết biết bao (dù đầy huyền nhiệm) trong tiến trình chuyển hoá tinh thần. Chúng ta cũng nhận ra rằng các huynh đệ bóng tối không sử dụng Lửa Thái dương trong các tiến trình 'chuyển hoá' mà họ tìm

This represents a considerable difference in their approach.

cách thực hiện. Điều này biểu thị một khác biệt đáng kể trong cách tiếp cận của họ.

This triple statement can be applied to a scheme, a chain, or a globe also, remembering ever that in connection [Page 494] with man the fire which is his third aspect emanates from the systemic mental.

Phát biểu tam phân này cũng có thể được áp dụng cho một hệ hành tinh, một dãy, hay một bầu hành tinh, luôn ghi nhớ rằng trong liên hệ [Page 494] với con người, ngọn lửa là phương diện thứ ba của y phát ra từ cõi trí hệ thống.

226. The "triple statement" here referenced was the one just given in relation to a Solar Logos.

226. "Phát biểu tam phân" được nhắc đến ở đây là phát biểu vừa được nêu ra trong liên hệ với một Thái dương Thượng đế.

227. At the heart of every "man" (whether that man be the life of a solar system, a scheme, chain or globe) is an essential abstraction or life. The man also has a material and soul aspect—a thought with which we are by now very familiar.

227. Ở trung tâm của mọi "người" (dù người ấy là sự sống của một hệ mặt trời, một hệ hành tinh, dãy hay bầu hành tinh) đều có một trừu tượng thể hay sự sống cốt yếu. Người ấy cũng có phương diện vật chất và phương diện linh hồn—một tư tưởng mà đến nay chúng ta đã rất quen thuộc.

228. When DK tells us that the fire of man's third aspect emanates from the systemic mental plane, He seems to be telling us that the soul aspect of man (connected to the systemic fire devas or Agnishvattas) is responsible for generating the personality nature of man through which the fires of the third aspect express.

228. Khi Chân sư DK nói với chúng ta rằng ngọn lửa của phương diện thứ ba của con người phát ra từ cõi trí hệ thống, Ngài dường như đang nói với chúng ta rằng phương diện linh hồn của con người (liên hệ với các thiên thần lửa hệ thống hay các Agnishvatta) chịu trách nhiệm tạo ra bản chất phàm ngã của con người, qua đó các ngọn lửa của phương diện thứ ba biểu lộ.

229. In all this discussion we must remember that the fire devas of the systemic mental plane or of the cosmic mental plane represent the second aspect of divinity and are solar fire—the mysterious "external agency" or "external heat" without which *spiritual* transmutation is impossible.

229. Trong toàn bộ cuộc thảo luận này, chúng ta phải nhớ rằng các thiên thần lửa của cõi trí hệ thống hay của cõi trí vũ trụ biểu thị phương diện thứ hai của thiên tính và là Lửa Thái dương—"tác nhân bên ngoài" hay "nhiệt bên ngoài" huyền nhiệm mà nếu không có nó thì sự chuyển hoá *tinh thần* là bất khả.

230. This will cause us to reflect upon the role of *love* in the spiritual transmutative process.

230. Điều này sẽ khiến chúng ta suy ngẫm về vai trò của *bác ái* trong tiến trình chuyển hoá tinh thần.

We have dealt in broad and general manner with this question of electricity and have seen that **fire essence or substance is resolved through internal activity and external heat** in such a manner that the electric fire at the centre of the atom is liberated and seeks a new form.

Chúng ta đã bàn đến một cách rộng rãi và tổng quát về vấn đề điện này và đã thấy rằng **tinh chất lửa hay chấtliệu được phân giải qua hoạt động bên trong và nhiệt bên ngoài** theo cách mà Lửa Điện ở trung tâm nguyên tử được giải phóng và tìm kiếm một hình tướng mới.

231. If we break this sentence down into its component parts we shall see that:

231. Nếu chúng ta phân tích câu này thành các thành phần của nó, chúng ta sẽ thấy rằng:

a. Fire essence is substance—material substance

a. Tinh chất lửa là chất liệu—chất liệu vật chất

b. "External heat" is really an "internal activity" a *soul* activity which resolves fire essence or substance. Remember that the Black Lodge uses artificial "resolvents" in this process, and the resolution they seek is not part of an "internal activity".

b. "Nhiệt bên ngoài" thực ra là một "hoạt động bên trong", một hoạt động của *linh hồn*, hoạt động này phân giải tinh chất lửa hay chất liệu. Hãy nhớ rằng Hắc đoàn sử dụng những "chất phân giải" nhân tạo trong tiến trình này, và sự phân giải mà họ tìm kiếm không phải là một phần của "hoạt động bên trong".

c. The electric fire at the center of the atom is the positive nucleus or volatile essence which seeks liberation from the previously confining ring-pass-not.

c. Lửa Điện ở trung tâm nguyên tử là hạt nhân dương hay tinh chất dễ bay hơi, vốn tìm cách được giải thoát khỏi vòng-giới-hạn trước đây từng giam hãm nó.

This is the aim of the transmutative process and the fact that hitherto alchemists working in the mineral kingdom have failed to achieve their objective has been due to three things:

Đây là mục tiêu của tiến trình chuyển hoá, và sự kiện rằng cho đến nay các nhà luyện kim làm việc trong giới kim thạch đã không đạt được mục tiêu của mình là do ba điều:

232. DK is telling us that most (if not almost all) have failed. A Master Alchemist such as the Comte de St. Germaine did not fail.

232. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng phần lớn (nếu không phải gần như tất cả)

đều đã thất bại. Một Chân sư Luyện kim như Bá tước de St. Germaine thì không thất bại.

First. Inability to contact the central electric spark. This is due to ignorance of certain of the laws of electricity, and above all, ignorance of the set formula which covers the range of the electrical influence of that spark.

Thứ nhất. Không có khả năng tiếp xúc với tia lửa điện trung tâm. Điều này là do sự vô minh đối với một số định luật về điện, và trên hết là sự vô minh đối với công thức cố định bao quát phạm vi ảnh hưởng điện của tia lửa ấy.

233. We are being given some deeply esoteric information. It appears that material alchemists (attempting transmutation in relation to the mineral kingdom) were working only with the external aspect of matter-substance.

233. Chúng ta đang được cung cấp một số thông tin huyền bí rất sâu xa. Dường như các nhà luyện kim vật chất (cố gắng chuyển hoá trong liên hệ với giới kim thạch) chỉ làm việc với phương diện bên ngoài của vật chất-chất liệu.

234. On the average, they did not suspect the presence of a "central electric spark" (the true *life* of the atom) nor did they know how to contact it.

234. Trung bình mà nói, họ không ngờ đến sự hiện diện của một "tia lửa điện trung tâm" (sự *sống* đích thực của nguyên tử), cũng không biết cách tiếp xúc với nó.

235. We are clearly into a fifth ray domain at which Master DK (a second ray Master) merely hints.

235. Rõ ràng chúng ta đang đi vào một lĩnh vực của cung năm mà Chân sư DK (một Chân sư cung hai) chỉ mới gợi ý.

236. In short, material alchemists did not fully know what they doing. Significant occulted matters remained well concealed from them.

236. Tóm lại, các nhà luyện kim vật chất không hoàn toàn biết mình đang làm gì. Những vấn đề huyền bí quan trọng vẫn còn bị che giấu kỹ lưỡng đối với họ.

Second. Inability to create the necessary channel or "path" along which the escaping life may travel into its new form.

Thứ hai. Không có khả năng tạo ra kênh hay "con đường" cần thiết dọc theo đó sự sống đang thoát ra có thể di chuyển vào hình tướng mới của nó.

237. This had to have been of extreme importance. The nature of the "path" here referenced would determine whether the transmutative process led to liberation or imprisonment of the volatile essence.

237. Điều này hẳn phải cực kỳ quan trọng. Bản chất của "con đường" được nhắc đến ở đây sẽ quyết định liệu tiến trình chuyển hoá dẫn đến sự giải thoát hay sự giam hãm của tinh chất dễ bay hơi.

Many have succeeded in breaking the form so that the life has escaped but they have not known how to harness or guide it and all their labour has consequently been lost.

Nhiều người đã thành công trong việc phá vỡ hình tướng để sự sống thoát ra, nhưng họ đã không biết cách khai thác hay hướng dẫn nó, và do đó tất cả công lao của họ đã vì thế mà mất hết.

238. The effort of these early material alchemists was to transmute base metal (such as lead) into gold (a precious metal). Yet gold is a *form* as is lead. If the leaden form is broken and the 'path to the golden form' is not understood or constructed, gold will not be produced.

238. Nỗ lực của các nhà luyện kim vật chất thời kỳ đầu này là chuyển hoá kim loại hèn (như chì) thành vàng (một kim loại quý). Tuy nhiên, vàng cũng là một *hình tướng* như chì. Nếu hình tướng bằng chì bị phá vỡ mà "con đường đến hình tướng vàng" không được hiểu hay kiến tạo, thì vàng sẽ không được tạo ra.

Third. Inability to control the fire elementals who are the external fire which affects that central spark through the medium of its environment.

Thứ ba. Sự bất lực trong việc kiểm soát các hành khí của lửa là những hành khí của lửa bên ngoài tác động lên tia lửa trung tâm ấy thông qua môi trường của nó.

239. These fire elementals are the correspondence in the atom to solar fire.

239. Các hành khí của lửa này là sự tương ứng trong nguyên tử với Lửa Thái dương.

240. We are seeing that these material alchemists may have understood something about the third aspect of divinity, but little if anything about the first and second aspects.

240. Chúng ta đang thấy rằng các nhà luyện kim vật chất này có thể đã hiểu được đôi điều về phương diện thứ ba của thiên tính, nhưng rất ít, nếu có, về phương diện thứ nhất và thứ hai.

241. Does this mean that they were manipulating the outer form (in order to engineer the escape of the volatile essence) just as black magicians do? Probably. We have been told by HPB that until they are fourth degree initiations, all human beings are "unconscious black magicians".

241. Điều này có nghĩa là họ đã thao tác hình tướng bên ngoài (để tạo ra sự thoát ra của tinh chất dễ bay hơi) giống như các nhà hắc thuật vẫn làm chăng? Có lẽ vậy. HPB đã cho chúng ta biết rằng cho đến khi đạt lần điểm đạo thứ tư, mọi con người đều là "những nhà hắc thuật vô thức".

242. The problem with the term "external fire" is that it seems so closely related to the third aspect of divinity which is the most external or peripheral of the three aspects. However, closer study seems to reveal that the term "external fire" (at least in relation

242. Vấn đề với thuật ngữ "lửa bên ngoài" là nó dường như liên hệ quá chặt với phương diện thứ ba của thiên tính, vốn là phương diện bên ngoài hay ngoại vi nhất trong ba phương diện. Tuy nhiên, sự khảo cứu kỹ hơn dường như cho thấy rằng thuật ngữ "lửa bên

to *spiritual* alchemy) is meant to be related to the magnetic, second aspect (the correspondence to solar fire). It may be called "external" because this fire is external or peripheral to the electric fire of Spirit.

ngoài" (ít nhất trong liên hệ với *thuật luyện kim tinh thần*) được dùng để liên hệ với phương diện từ tính, phương diện thứ hai (sự tương ứng với Lửa Thái dương). Nó có thể được gọi là "bên ngoài" vì lửa này ở bên ngoài hay ngoại vi đối với Lửa Điện của tinh thần.

243. When we speak of the "environment" of the "central spark", do we speak of a deeply interior environment (that which corresponds in an atom to the monadic sheath in man) or of its general vehicular environment including the usual third aspect components? Probably, in this case, the latter.

243. Khi chúng ta nói đến "môi trường" của "tia lửa trung tâm", chúng ta có đang nói đến một môi trường nội tại rất sâu (điều tương ứng trong nguyên tử với vỏ bọc chân thần nơi con người) hay môi trường vận cụ tổng quát của nó, bao gồm các thành phần thông thường của phương diện thứ ba? Có lẽ, trong trường hợp này, là điều sau.

This inability is especially distinctive of the alchemists of the fifth root race who have been practically incapable of this control, having lost the Words, the formulas, and the sounds.

Sự bất lực này đặcbiệt là đặc trưng nơi các nhà luyện kim của giống dân gốc thứ năm, những người trên thực tế hầu như không có khả năng kiểm soát này, vì đã đánh mất các Linh từ, các công thức và các âm thanh.

244. We may recall that the fifth ray type at the outset of the "Blessed One" Formula for the fifth ray wandered in ignorance:

244. Chúng ta có thể nhớ rằng người cung năm, vào lúc khởi đầu Công thức của "Đấng Chân Phúc" dành cho cung năm, đã lang thang trong vô minh:

"The Blessed One came forth in ignorance. He wandered in a darkness deep of spirit." (EP II 37)

"Đấng Chân Phúc xuất hiện trong vô minh. Ngài lang thang trong một bóng tối sâu thẳm của tinh thần." (EP II 37)

This is the consequence of undue success in Atlantean days, when the alchemists of the time, through colour and sound so entirely controlled the elementals that they utilised them for their own selfish ends and along lines of endeavours outside their legitimate province.

Đây là hậu quả của sự thành công quá mức trong thời Atlantis, khi các nhà luyện kim thời ấy, nhờ màu sắc và âm thanh đã kiểm soát các hành khí hoàn toàn đến mức họ sử dụng chúng cho những mục đích ích kỷ riêng của họ và theo những đường lối nỗ lực nằm ngoài phạm vi chính đáng của họ.

245. We have often been told of the many sins of the Atlantean Civilization.

245. Chúng ta thường được nghe nói về nhiều tội lỗi của Nền Văn Minh Atlantis.

246. We can see that the alchemists here under discussion were black magicians because they were selfish and egoistic. Their psyche was uninfluenced by solar fire and so they used the elemental forces for purposes at variance with the Divine Plan.

246. Chúng ta có thể thấy rằng các nhà luyện kim đang được bàn đến ở đây là các nhà hắc thuật vì họ ích kỷ và đầy tính vị ngã. Tâm lý của họ không chịu ảnh hưởng của Lửa Thái dương, nên họ đã sử dụng các mãnh lực hành khí cho những mục đích trái với Thiên Cơ.

247. Ever the balance is struck. The ignorance of the modern alchemist is the karmic price of knowledge previously misused.

247. Sự quân bình luôn được thiết lập. Sự vô minh của nhà luyện kim hiện đại là cái giá nghiệp quả của tri thức đã từng bị lạm dụng trước đây.

This knowledge of formulas and sounds can be comparatively [Page 495] easily acquired when man has developed the inner spiritual ear.

Tri thức về các công thức và âm thanh này có thể được tiếp thu một cách tươngđối [Page 495] dễ dàng khi con người đã phát triển nội nhĩ tinh thần.

248. We must presume that much soul-culture is needed for this development. The majority of alchemists and students are yet far from this acquisition, yet in centuries to come (after Aquarian purification) much may be restored.

248. Chúng ta phải giả định rằng cần rất nhiều sự tu dưỡng linh hồn cho sự phát triển này. Đa số các nhà luyện kim và đạo sinh còn rất xa mới đạt được điều này, tuy nhiên trong những thế kỷ sắp tới (sau sự thanh luyện của Bảo Bình), nhiều điều có thể được phục hồi.

When this is the case, the transmutative processes of the grosser kind (such as are involved in the manufacture of pure gold) will interest him not at all and only those subtler forms of activity which are connected with the transference of life from graded form to form will occupy his attention.

Khi điều này xảy ra, các tiếntrình chuyển hoá thuộc loại thô nặng hơn (như những gì liên quan đến việc chế tạo vàng ròng) sẽ hoàn toàn không còn hấp dẫn y, và chỉ những hình thức hoạt động tinh tế hơn, có liên hệ với sự chuyển dịch sự sống từ hình tướng cấp độ này sang hình tướng cấp độ khác, mới chiếm lĩnh sự chú ý của y.

249. Motive will change. The true student of spirituality, the true disciple, is never principally a material alchemist. It is the higher transmutations which interest him—principally the transmutation of the fourth kingdom into the fifth. Yet, he may as an act of service, interest himself in lower forms of

249. Động cơ sẽ thay đổi. Đạo sinh chân chính của tinh thần, đệ tử chân chính, không bao giờ chủ yếu là một nhà luyện kim vật chất. Chính những sự chuyển hoá cao hơn mới khiến y quan tâm—chủ yếu là sự chuyển hoá giới thứ tư thành giới thứ năm. Tuy nhiên, như một hành động phụng sự, y có thể quan tâm đến những hình thức

transmutation, in order to assist with the elevation of the lower kingdoms.

250. We recall studying the tasks of alchemists of various orders. The ranks of alchemists of the first order will rarely be filled by true students of spirituality.

chuyển hoá thấp hơn, để trợ giúp việc nâng cao các giới thấp hơn.

250. Chúng ta nhớ đã nghiên cứu các nhiệm vụ của những nhà luyện kim thuộc nhiều cấp bậc khác nhau. Hàng ngũ các nhà luyện kim bậc một hiếm khi được lấp đầy bởi những đạo sinh chân chính của tinh thần.

TCF 495-503: S5S4

17 May – 1 June 2007

17 tháng 5 – 1 tháng 6 năm 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Xin đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. We now continue with our discussion of transmutation of various kinds.

1. Giờ đây chúng ta tiếp tục cuộc thảo luận về những loại chuyển hoá khác nhau.

The following facts might also be pointed out:

Những sự kiện sau đây cũng có thể được nêu ra:

First. That every kingdom of nature has its note or tone, and the mantric sounds, which concern any transmutative process within that kingdom, will have that note as the key or base note.

Thứ nhất. Rằng mỗi giới trong thiên nhiên đều có âm điệu hay thanh điệu riêng của nó, và các âm thanh mantric liên quan đến bất kỳ tiếntrình chuyển hoá nào trong giới ấy sẽ lấy âm điệu đó làm chủ âm hay âm nền.

2. Let us register those points of focus which have their own notes, tones or mantric sounds:

a. Kingdoms of nature

b. Planes and Raja Deva Lords of the planes

c. Sub-planes and rulers of the sub-planes.

d. Creative Hierarchies, probably.

3. Let us presume that, in fact, every entity has its own note, tone or mantric sound.

4. A “base note” is, in musical terminology, a “fundamental”. In occultism, this note will be the tonic note of the key most related to that kingdom in nature.

5. On one fundamental tone many chordal relationships can be built by combining in various ways the overtones of that fundamental tone. Further the overtones of any fundamental continue through higher and higher octaves, clustering together in the higher octaves.

6. Transmutation requires movement, repatterning, change of relationship between the related factors to be transmuted. Mantric sounds provide the occult possibility for the necessary repatterning (the necessary change of relationship between constituents).

7. The mantrams of transmutation will have the note of the kingdom undergoing transmutation as their keynote. The mantrams will be intoned in that key. The

2. Chúng ta hãy ghi nhận những điểm tập trung có các âm điệu, thanh điệu hay âm thanh mantric riêng của chúng:

a. Các giới trong thiên nhiên

b. Các cõi và các Chúa Tể Raja Deva của các cõi

c. Các cõi phụ và các vị cai quản các cõi phụ.

d. Các Huyền Giai Sáng Tạo, có lẽ vậy.

3. Chúng ta hãy giả định rằng, trên thực tế, mọi thực thể đều có âm điệu, thanh điệu hay âm thanh mantric riêng của mình.

4. “Âm nền”, trong thuật ngữ âm nhạc, là “âm cơ bản”. Trong huyền bí học, âm này sẽ là âm chủ của điệu thức liên hệ nhiều nhất với giới ấy trong thiên nhiên.

5. Trên một âm cơ bản, nhiều tương quan hợp âm có thể được xây dựng bằng cách kết hợp theo nhiều cách khác nhau các bồi âm của âm cơ bản ấy. Hơn nữa, các bồi âm của bất kỳ âm cơ bản nào cũng tiếp tục qua những quãng tám ngày càng cao hơn, tụ lại với nhau trong các quãng tám cao hơn.

6. Chuyển hoá đòi hỏi sự vận động, sự tái lập mô hình, sự thay đổi tương quan giữa các yếu tố liên hệ cần được chuyển hoá. Các âm thanh mantric cung cấp khả năng huyền bí cho sự tái lập mô hình cần thiết ấy (sự thay đổi tương quan cần thiết giữa các thành phần).

7. Các mantram của sự chuyển hoá sẽ lấy âm điệu của giới đang trải qua chuyển hoá làm chủ âm của chúng. Các mantram sẽ được xướng trong điệu thức ấy. Những tổ hợp bồi

possible overtone combinations will arise from that fundamental keynote.

âm khả hữu sẽ phát sinh từ chủ âm cơ bản đó.

8. In the future it will be necessary understand the relationship between the elements of music and the process of transmutation.

8. Trong tương lai, sẽ cần phải hiểu mối liên hệ giữa các yếu tố của âm nhạc và tiến trình chuyển hoá.

Second. That the note of the mineral kingdom is the basic note of substance itself, and it is largely the **sounding of the note combinations, based on this key,** which produces the great world cataclysms, wrought through volcanic action.

Thứ hai. Rằng âm điệu của giới kim thạch là âm nền của chính chất liệu, và phần lớn chính là **sự xướng lên các tổ hợp âm điệu, dựa trên chủ âm này,** tạo ra những đại biến động thế giới, được gây nên qua hoạt động núi lửa.

9. This is a fascinating sentence relating musical changes to what we recognize as "great world cataclysms, wrought through volcanic action".

9. Đây là một câu thật hấp dẫn, liên hệ những biến đổi âm nhạc với điều chúng ta nhận ra là "những đại biến động thế giới, được gây nên qua hoạt động núi lửa".

10. DK is obviously choosing His words with care. There is a fundamental or base note for the mineral kingdom.

10. Chân sư DK rõ ràng đang chọn từ ngữ của Ngài một cách cẩn trọng. Có một âm cơ bản hay âm nền cho giới kim thạch.

11. Not only is the note in question the note of the mineral kingdom, but it is the basic note of the substance which all kingdoms must, perforce, use.

11. Âm điệu đang được nói đến không chỉ là âm điệu của giới kim thạch, mà còn là âm nền của chất liệu mà mọi giới đều buộc phải sử dụng.

12. What are "note combinations, based on this key"? Every key in music has a reference note we call the "tonic". It is the fundamental note of the key—the note after which the key is named. If the note is, for instance, "C", then the key derived from this note will be called the "Key of C"—either "C Minor" or "C Major".

12. "Các tổ hợp âm điệu, dựa trên chủ âm này" là gì? Mỗi điệu thức trong âm nhạc đều có một âm tham chiếu mà chúng ta gọi là "âm chủ". Đó là âm cơ bản của điệu thức—âm mà theo đó điệu thức được đặt tên. Chẳng hạn, nếu âm ấy là "C", thì điệu thức phát sinh từ âm này sẽ được gọi là "Điệu C"—hoặc "C thứ" hoặc "C trưởng".

13. By "note combinations", the Tibetan probably means "chords". A chord consists of at least three notes sounded simultaneously.

13. Bởi "các tổ hợp âm điệu", Chân sư Tây Tạng có lẽ muốn nói đến "hợp âm". Một hợp âm gồm ít nhất ba nốt được xướng đồng thời.

14. It is also possible that "note combinations" can be sounded in sequence with different effects produced depending upon the sequence.

14. Cũng có thể "các tổ hợp âm điệu" được xướng theo trình tự, với những hiệu quả khác nhau được tạo ra tùy theo trình tự ấy.

15. By "note combinations" DK could also mean "intervals". An interval consists of two notes sounded simultaneously. Both chords and intervals are "combinations of notes".

15. Bởi "các tổ hợp âm điệu", Chân sư DK cũng có thể muốn nói đến "quãng". Một quãng gồm hai nốt được xướng đồng thời. Cả hợp âm lẫn quãng đều là "những tổ hợp của các nốt".

16. In any one key, there are found only certain chords which have a direct relation to that key. If other than these certain "note combinations" are sounded, they cannot be said to be based on the key in question.

16. Trong bất kỳ một điệu thức nào, chỉ có một số hợp âm nhất định có liên hệ trực tiếp với điệu thức ấy. Nếu những "tổ hợp âm điệu" khác ngoài các tổ hợp nhất định này được xướng lên, thì không thể nói rằng chúng dựa trên điệu thức đang xét.

17. The foregoing is true in relation to "tonal music"—music that is still based on a key structure and which sustains a principal reference tone.

17. Điều vừa nói là đúng trong liên hệ với "âm nhạc điệu tính"—loại âm nhạc vẫn còn dựa trên một cấu trúc điệu thức và duy trì một âm tham chiếu chính yếu.

18. In the music of the last century, the structure of tonality has disintegrated and it is now common to hear music written in no particular key at all. In such music there is no "tonic" or principal reference note.

18. Trong âm nhạc của thế kỷ trước, cấu trúc điệu tính đã tan rã, và hiện nay người ta thường nghe loại nhạc không được viết trong bất kỳ điệu thức riêng biệt nào cả. Trong loại nhạc ấy không có "âm chủ" hay âm tham chiếu chính yếu.

19. It would seem that music as it relates to kingdoms of nature, planes, sub-planes, etc., is *tonal* in nature and depends upon the preservation of "key notes" or fundamental reference tones.

19. Dường như âm nhạc, trong mối liên hệ với các giới trong thiên nhiên, các cõi, các cõi phụ, v.v., về bản chất là *điệu tính* và tùy thuộc vào việc bảo tồn các "chủ âm" hay các âm tham chiếu cơ bản.

20. If note combinations are sounded sequentially, melody is produced. Within melody, the different notes can have different durations. This alters the rhythm of the melody. All melodies imply a chordal structure.

20. Nếu các tổ hợp âm điệu được xướng theo trình tự, giai điệu sẽ được tạo ra. Trong giai điệu, các nốt khác nhau có thể có độ dài khác nhau. Điều này làm thay đổi nhịp điệu của giai điệu. Mọi giai điệu đều hàm ý một cấu trúc hợp âm.

21. A huge variety of melodies and chord sequences can be derived from any fundamental note taken as the keynote of an entity or state of vibration.

21. Một sự đa dạng to lớn của các giai điệu và chuỗi hợp âm có thể được rút ra từ bất kỳ âm cơ bản nào được lấy làm chủ âm của một thực thể hay một trạng thái rung động.

22. Even without the science of the ancients at our disposal we can notice the psychologically transmutative effects of certain pieces of music. We can only imagine what could be done were we to work in the correct key, using correct melodies and chord progressions sounded in correct rhythms. The value of music in the transmutation process will be considerable.

22. Ngay cả khi không có khoa học của người xưa trong tay, chúng ta vẫn có thể nhận thấy những tác động chuyển hoá về mặt tâm lý của một số tác phẩm âm nhạc. Chúng ta chỉ có thể hình dung điều gì có thể được thực hiện nếu chúng ta làm việc trong đúng điệu thức, sử dụng đúng các giai điệu và tiến trình hợp âm được xướng trong đúng nhịp điệu. Giá trị của âm nhạc trong tiến trình chuyển hoá sẽ rất lớn.

Every volcano is sounding forth this note, and, for those who can see, the sound and colour (occultly understood) of a volcano are a truly marvellous thing.

Mọi núi lửa đều xướng lên âm điệu này, và, đối với những ai có thể thấy, âm thanh và màu sắc (được hiểu theo huyền bí học) của một núi lửa quả thật là một điều kỳ diệu phi thường.

23. Another amazing statement! It is as if we should look for the musical value of any natural phenomenon. We are being told that a volcano is sounding forth the note of the mineral kingdom (i.e., "this note"), no doubt expressing some unique variation upon that fundamental tone.

23. Lại thêm một phát biểu đáng kinh ngạc! Dường như chúng ta nên tìm kiếm giá trị âm nhạc của bất kỳ hiện tượng tự nhiên nào. Chúng ta được cho biết rằng một núi lửa đang xướng lên âm điệu của giới kim thạch (tức "âm điệu này"), hẳn là đang biểu lộ một biến thể độc đáo nào đó của âm cơ bản ấy.

Every gradation of that note is to be found in the mineral kingdom which is itself divided into three main kingdoms:

Mọi cấp độ của âm điệu ấy đều có thể được tìm thấy trong giới kim thạch mà bản thân giới này được chia thành ba giới chính:

24. It is curious to see the three divisions of the mineral kingdom also called "kingdoms".

24. Thật lạ khi thấy ba phân bộ của giới kim thạch cũng được gọi là "giới".

25. In the phrase "gradation of that note" the terminology of color and music is utilized. Gradations can suggest different octaves in which the note can be sounded and also

25. Trong cụm từ "cấp độ của âm điệu ấy", thuật ngữ của màu sắc và âm nhạc được sử dụng. Các cấp độ có thể gợi ý những quãng tám khác nhau trong đó âm điệu có thể được xướng lên, và cả những bán âm cùng những

semi-tones and quarter tones based on or related to that note.

phần tư cung dựa trên hay liên hệ với âm điệu ấy.

26. We do not know exactly what DK means by "gradation" or how many gradations (perhaps *increases or decreases in frequency*) can be applied to any one note.

26. Chúng ta không biết chính xác Chân sư DK muốn nói gì bởi "cấp độ", hay có bao nhiêu cấp độ (có lẽ là *sự tăng hay giảm về tần số*) có thể được áp dụng cho bất kỳ một âm điệu nào.

27. One thing of vital importance which we need to know, but do not know, is where to find, for instance, a true "A" or a true "C". The exact, occultly certain frequency of either of these notes or of *any* of the notes we use in music, in not determined.

27. Một điều có tầm quan trọng thiết yếu mà chúng ta cần biết nhưng lại không biết, là chẳng hạn phải tìm ở đâu một nốt "A" đích thực hay một nốt "C" đích thực. Tần số chính xác, chắc chắn theo huyền bí học, của một trong hai nốt này hay của *bất kỳ* nốt nào chúng ta dùng trong âm nhạc, đều chưa được xác định.

a. The baser metals, such as lead and iron, with all allied minerals.

a. Các kim loại hèn hơn, như chì và sắt, cùng mọi khoáng chất liên hệ với chúng.

28. Interestingly the two metals mentioned are ruled respectively by Saturn and Mars, considered in exoteric astrology to be "malefic" planets (even though, esoterically, one of them is a sacred planet).

28. Thật thú vị, hai kim loại được nhắc đến này lần lượt do Sao Thổ và Sao Hỏa cai quản, vốn trong chiêm tinh học ngoại môn được xem là các hành tinh "hung" (dù theo nội môn, một trong hai là hành tinh thiêng liêng).

29. Perhaps, by "allied minerals" DK means those compounds which involve the baser metals.

29. Có lẽ, bởi "các khoáng chất liên hệ", Chân sư DK muốn nói đến những hợp chất có liên quan đến các kim loại hèn hơn.

30. If, as we learn in the next section, the standard metals are the "mineral manifestation of the *second* aspect", then lead and iron must evolution the mineral manifestation of the *third* aspect.

30. Nếu, như chúng ta sẽ học trong phần kế tiếp, các kim loại tiêu chuẩn là "sự biểu hiện khoáng vật của phương diện *thứ hai*", thì chì và sắt hẳn phải tiến hoá thành sự biểu hiện khoáng vật của phương diện *thứ ba*.

b. The standard metals, such as gold and silver, which play such a vital part in the life of the race, and are the mineral manifestation of the second aspect.

b. Các kim loại tiêu chuẩn, như vàng và bạc, đóng một vai trò thiết yếu như thế trong đời sống của nhân loại, và là sự biểu hiện khoáng vật của phương diện thứ hai.

31. The vital part these metals play in the life of the race seems, today, to have more to do with symbolic standards of value than with technical uses (even though many examples of technical applications can be found). Probably the future will reveal many more occultly based technical uses for gold and silver.

31. Vai trò thiết yếu mà các kim loại này đóng trong đời sống của nhân loại, ngày nay, dường như liên quan nhiều hơn đến những tiêu chuẩn giá trị mang tính biểu tượng hơn là những công dụng kỹ thuật (dù có thể tìm thấy nhiều ví dụ về ứng dụng kỹ thuật). Có lẽ tương lai sẽ tiết lộ nhiều công dụng kỹ thuật dựa trên huyền bí học hơn nữa cho vàng và bạc.

32. It is interesting that the soul is the "quality of life" and related to the second aspect. The metals used as standards of *value*, not surprisingly, are related to the second aspect. A value is that which we most *desire* and desire (like love) is an aspect of the Law of Attraction (the *second* cosmic law).

32. Thật thú vị khi linh hồn là "phẩm tính của sự sống" và liên hệ với phương diện thứ hai. Các kim loại được dùng làm tiêu chuẩn *giá trị*, không có gì ngạc nhiên, cũng liên hệ với phương diện thứ hai. Một giá trị là điều mà chúng ta *mong muốn* nhất, và ham muốn (giống như tình thương) là một phương diện của Định luật Hấp Dẫn (định luật vũ trụ *thứ hai*).

33. Symbolically, gold and silver represent the major dichotomy with which man is faced spiritually—the relationship between the Solar Angel (gold) and the Lunar Lords (silver). The soul is golden (the heart) and the personality silver (the solar plexus—at least an admixture of silvery color is found within that chakra—cf. EP I 420).

33. Về mặt biểu tượng, vàng và bạc tượng trưng cho nhị nguyên lớn mà con người phải đối diện về mặt tinh thần—mối liên hệ giữa Thái dương Thiên Thần (vàng) và các thái âm tổ phụ (bạc). Linh hồn là vàng ròng (tim) và phàm ngã là bạc (tùng thái dương—ít nhất có thể tìm thấy một sự pha trộn màu bạc trong luân xa ấy—x. EP I 420).

d. The crystals and precious stones, the first aspect as it works out in the mineral kingdom—the consummation of the work of the mineral devas, and the product of their untiring efforts.

d. Các tinh thể và đá quý, phương diện thứ nhất khi nó biểu hiện trong giới kim thạch—sự viênmãn của công việc của các thiên thần khoáng vật, và là sảnphẩm của những nỗ lực không mệt mỏi của họ.

34. Here the planet Vulcan is suggested, the planet of "untiring" endurance and also a planet of the first ray (in its soul aspect).

34. Ở đây hành tinh Vulcan được gợi ý đến, hành tinh của sức bền "không mệt mỏi" và cũng là một hành tinh của cung một (trong phương diện linh hồn của nó).

35. In relation to man, the word "consummation" suggests the fourth initiation, at which Vulcan is so prominent,

35. Trong liên hệ với con người, từ "viên mãn" gợi ý lần điểm đạo thứ tư, tại đó Vulcan nổi bật đến thế, và trong đó cả cung

and during which the first and fourth rays (rays of Vulcan) both come into strong expression.

một lẫn cung bốn (các cung của Vulcan) đều biểu lộ mạnh mẽ.

36. The state of "diamond soul" reaches its consummation just before the destruction of the causal body at the third initiation.

36. Trạng thái "linh hồn kim cương" đạt đến sự viên mãn của nó ngay trước khi thể nguyên nhân bị hủy diệt ở lần điểm đạo thứ ba.

37. We are told that the "Army of the Voice, the devas in their serried ranks work ceaselessly". Constant, "untiring" activity, intelligently guided, has produced crystalline consummation.

37. Chúng ta được cho biết rằng "Đạo quân của Tiếng Nói, các thiên thần trong hàng ngũ chỉnh tề của họ làm việc không ngừng nghỉ". Hoạt động liên tục, "không mệt mỏi", được hướng dẫn một cách thông minh, đã tạo ra sự viên mãn kết tinh.

38. One of the important qualities of the best crystals and precious stones is not only their translucency but their transparency. This transparency is earned when, indeed, "the burning ground has done its work".

38. Một trong những phẩm tính quan trọng của những tinh thể và đá quý tốt nhất không chỉ là tính bán trong suốt mà còn là tính trong suốt. Tính trong suốt này đạt được khi quả thật "vùng đất cháy đã hoàn tất công việc của nó".

39. If there are three main divisions within the mineral kingdom, we can judge, by analogy, that there are three main divisions in all kingdoms.

39. Nếu có ba phân bộ chính trong giới kim thạch, chúng ta có thể phán đoán, theo định luật tương đồng, rằng có ba phân bộ chính trong mọi giới.

40. Depending upon the keynote of the mineral kingdom, the base metals can be arranged as the sub-dominant tone, and the standard metals (correlated with the second aspect) with the dominant tone. The tonic will always relate to the first aspect. The tonic, subdominant and dominant notes change with every key.

40. Tùy theo chủ âm của giới kim thạch, các kim loại hèn có thể được sắp xếp như âm dưới át, và các kim loại tiêu chuẩn (tương ứng với phương diện thứ hai) như âm át. Âm chủ sẽ luôn liên hệ với phương diện thứ nhất. Các nốt âm chủ, dưới át và át thay đổi theo từng điệu thức.

41. One can make a case for the fundamental tone of the mineral kingdom as "D.", a first ray note associated with the radiant Sun (which on occasion "veils" Vulcan). Other justifications can be made for the red note "C", also connected with the first ray and

41. Người ta có thể lập luận rằng âm cơ bản của giới kim thạch là "D", một nốt cung một liên hệ với Mặt Trời rạng ngời (đôi khi "che giấu" Vulcan). Những biện minh khác cũng có thể được đưa ra cho nốt đỏ "C", cũng liên hệ với cung một, và thậm chí với nốt "F", có

even with the note "F" which can be considered the note of the third aspect. One way of looking at the note "B" is as the note of the seventh ray—a ray which interestingly associated with the basic geometries displayed in the mineral kingdom.

thể được xem là nốt của phương diện thứ ba. Một cách nhìn nốt "B" là xem nó như nốt của cung bảy—một cung thật thú vị khi liên hệ với những hình học cơ bản được biểu lộ trong giới kim thạch.

42. While cases can be made for various of the notes in relation to various of the kingdoms, thus far, no certainty exists.

42. Dù có thể lập luận cho nhiều nốt khác nhau trong liên hệ với nhiều giới khác nhau, cho đến nay vẫn chưa có gì chắc chắn.

When scientists fully appreciate what it is which causes the difference between the sapphire and the ruby, they will have found out what constitutes one of the stages [Page 496] of the transmutative process, and this they cannot do until the fourth ether is controlled, and its secret discovered.

Khi các nhà khoa học hiểu trọn vẹn điều gì gây ra sự khác biệt giữa sapphire và ruby, họ sẽ khám phá ra điều cấu thành một trong những giai đoạn [Page 496] của tiến trình chuyển hoá, và họ không thể làm được điều này cho đến khi dĩ thái thứ tư được kiểm soát và bí mật của nó được khám phá.

43. A prophecy is here given. The precious stones here mentioned do not seem to be chosen at random. The sapphire (principally blue) seems to correlate with the second ray (one thinks of the "Sapphire Throne" of Sanat Kumara), and the red of the ruby with the Martian sixth ray. One might think of the ruby in relation to the red of the first ray, but probably the diamond, the hardest of all stones, best represents the first ray.

43. Ở đây một lời tiên tri được đưa ra. Những viên đá quý được nhắc đến ở đây dường như không được chọn một cách ngẫu nhiên. Sapphire (chủ yếu màu xanh lam) dường như tương ứng với cung hai (người ta nghĩ đến "Ngai Sapphire" của Đức Sanat Kumara), còn màu đỏ của ruby thì tương ứng với cung sáu của Sao Hỏa. Người ta có thể nghĩ đến ruby trong liên hệ với màu đỏ của cung một, nhưng có lẽ kim cương, cứng nhất trong mọi loại đá, biểu trưng cho cung một thích hợp hơn.

44. DK may be suggesting that one type of gem may be transmuted into another, just as the energy of the solar plexus may be lifted to the heart.

44. Chân sư DK có thể đang gợi ý rằng một loại ngọc có thể được chuyển hoá thành một loại khác, cũng như năng lượng của tùng thái dương có thể được nâng lên tim.

45. The fourth ether correlates in general with the buddhic plane, particularly the home of the second aspect of divinity which, we have learned, plays a fundamental role in all spiritual transmutative processes.

45. Dĩ thái thứ tư tương ứng nói chung với cõi Bồ đề, đặc biệt là nơi cư ngụ của phương diện thứ hai của thiên tính, mà chúng ta đã học rằng giữ một vai trò nền tảng trong mọi tiến trình chuyển hoá tinh thần.

46. The secret of the fourth ether may (using the buddhic analogy) have something to do with the merging and blending of one entity into another thus transcending the boundaries which usually define entification.

46. Bí mật của dĩ thái thứ tư có thể (dùng phép tương đồng Bồ đề) có liên hệ nào đó với sự hòa nhập và hòa trộn của một thực thể vào một thực thể khác, nhờ đó vượt qua những ranh giới vốn thường xác định tính thực thể hóa.

47. On the buddhic plane, the perception of oneness despite any differences in form, is achieve.

47. Trên cõi Bồ đề, sự tri nhận về nhất thể bất chấp mọi khác biệt về hình tướng được đạt tới.

As time progresses, the transmutation, for instance, of coal into diamonds, of lead into silver, or of certain metals into gold, will hold no appeal for man,

Khi thời gian tiến triển, sự chuyển hoá, chẳng hạn, than đá thành kim cương, chì thành bạc, hay một số kim loại thành vàng, sẽ không còn sức hấp dẫn nào đối với con người,

48. Again, the substances mentioned are not casually related.

48. Một lần nữa, các chất liệu được nhắc đến không liên hệ với nhau một cách ngẫu nhiên.

49. We know, of course, that coal, under pressure, becomes over many ages, the diamond. However, it would seem that there are more rapid methods of bringing about the change.

49. Dĩ nhiên, chúng ta biết rằng than đá, dưới áp lực, qua nhiều thời đại sẽ trở thành kim cương. Tuy nhiên, dường như có những phương pháp nhanh hơn để tạo ra sự thay đổi ấy.

50. In this transmutation there is a relationship between the number six (the shape of the atom of carbon) and the eight. What we usually call a “diamond” (in two dimensional drawings) can be expanded in three dimensions into an octahedron. This suggests a relationship between the cube (the six) and the octahedron—two of the platonic solids.

50. Trong sự chuyển hoá này có một mối liên hệ giữa số sáu (hình dạng của nguyên tử carbon) và số tám. Điều mà chúng ta thường gọi là một “viên kim cương” (trong các hình vẽ hai chiều) có thể được mở rộng trong ba chiều thành một khối bát diện. Điều này gợi ý một mối liên hệ giữa khối lập phương (số sáu) và khối bát diện—hai trong các khối đa diện Plato.

51. A planetary movement from Mars to Vulcan (with Vulcan representing the diamond) is also suggested. Even the glyph of Vulcan (with its “V”) suggests one half of the diamond.

51. Một sự chuyển động hành tinh từ Sao Hỏa đến Vulcan (với Vulcan tượng trưng cho kim cương) cũng được gợi ý. Ngay cả ký hiệu của Vulcan (với chữ “V” của nó) cũng gợi ra một nửa viên kim cương.

52. There is also suggested a transmutation from mortality to immortality. Carbon is often composed of the remnants of that which has been 'alive' organically; the diamond suggests that which is imperishable (ever the same)—pure being.

52. Ở đây cũng gợi ý một sự chuyển hoá từ tính phải chết sang tính bất tử. Carbon thường được cấu thành từ tàn dư của điều gì đó đã từng "sống" theo nghĩa hữu cơ; kim cương gợi ra điều bất hoại (luôn luôn như nhau)—bản thể thuần túy.

53. The symbolism of moving from that which is pitch black to that which is perfect in form and eventually transparent represents our entire evolutionary journey.

53. Biểu tượng của việc đi từ điều đen đặc như mực đến điều hoàn hảo về hình tướng và cuối cùng trong suốt tượng trưng cho toàn bộ hành trình tiến hoá của chúng ta.

54. Usually we think of transmuting lead into gold. Such a transmutation would be signified by the relationship between Saturn (lead) and the Sun (gold). The Sun was, classically, considered the center and Saturn the outermost boundary, the periphery.

54. Thông thường chúng ta nghĩ đến việc chuyển hoá chì thành vàng. Một sự chuyển hoá như vậy sẽ được biểu thị bởi mối liên hệ giữa Sao Thổ (chì) và Mặt Trời (vàng). Theo quan niệm cổ điển, Mặt Trời được xem là trung tâm còn Sao Thổ là ranh giới ngoài cùng, là ngoại vi.

55. There is also a fascinating link between lead and silver, for within the glyph of Saturn (representing lead), the glyph of the Moon (symbolically silver) can be found.

55. Cũng có một mối liên hệ thật hấp dẫn giữa chì và bạc, vì trong ký hiệu của Sao Thổ (tượng trưng cho chì), có thể tìm thấy ký hiệu của Mặt Trăng (tượng trưng cho bạc).

56. Saturn (in its lower aspect) and the Moon both symbolize that which is material and, in general, the personality.

56. Sao Thổ (trong phương diện thấp của nó) và Mặt Trăng đều tượng trưng cho điều thuộc vật chất và, nói chung, cho phàm ngã.

57. An unpurified personality is 'leaden'; a purified personality is silvery.

57. Một phàm ngã chưa được thanh luyện thì "nặng như chì"; một phàm ngã đã được thanh luyện thì có màu bạc.

58. Perhaps we may find a progressive, developmental relationship between lead, silver and that allotrope of silver on which the initiatory formulas for disciples are said to be inscribed (cf. DINA II 249)

58. Có lẽ chúng ta có thể tìm thấy một mối liên hệ tiến triển, phát triển giữa chì, bạc và dạng thù hình của bạc mà trên đó các công thức điểm đạo dành cho các đệ tử được nói là đã được ghi khắc (x. DINA II 249)

59. The relationship between the base of the spine (Saturn) and the silvery solar plexus (Moon) may also be suggested.

59. Mối liên hệ giữa đáy cột sống (Sao Thổ) và tùng thái dương màu bạc (Mặt Trăng) cũng có thể được gợi ý.

60. What are the metals which would be transmuted into gold? Usually, as stated, the metal most often considered in that transmutation is lead. However, there must be other base metals (iron, copper etc.,). DK may be hinting at which metals can be most easily transmuted into gold.

60. Những kim loại nào sẽ được chuyển hoá thành vàng? Thông thường, như đã nói, kim loại thường được xét đến nhất trong sự chuyển hoá ấy là chì. Tuy nhiên, hẳn phải có những kim loại hèn khác (sắt, đồng, v.v.). Chân sư DK có thể đang gợi ý những kim loại nào có thể được chuyển hoá thành vàng dễ dàng nhất.

61. Each method of transmutation would be different as would be the method of transmutatively assisting the various personality types/rays to become infused by the soul. The ray of the personality is to become the sub-ray of the soul.

61. Mỗi phương pháp chuyển hoá sẽ khác nhau, cũng như phương pháp mang tính chuyển hoá để trợ giúp các loại/cung phàm ngã khác nhau trở nên được linh hồn thấm nhuần. Cung của phàm ngã phải trở thành cung phụ của linh hồn.

62. The important part of this section however suggests that such transmutations will hold no appeal for man—especially for advanced man disciples and initiates.

62. Tuy nhiên, phần quan trọng của mục này gợi ý rằng những sự chuyển hoá như thế sẽ không còn hấp dẫn đối với con người—đặc biệt là đối với những đệ tử và điểm đạo đồ tiến bộ.

63. As human values change, so do human attitudes to those material substances which symbolized value. The substances will be used for their own *inherent* value and not for their symbolic value. It may be, however, that their symbolic value was derived from that which was occultly known about their inherent value.

63. Khi các giá trị của con người thay đổi, thái độ của con người đối với những chất liệu vật chất từng tượng trưng cho giá trị cũng thay đổi theo. Những chất liệu ấy sẽ được sử dụng vì giá trị *cố hữu* của chính chúng chứ không phải vì giá trị biểu tượng của chúng. Tuy nhiên, cũng có thể là giá trị biểu tượng của chúng đã phát sinh từ điều được biết một cách huyền bí về giá trị cố hữu của chúng.

for it will be recognised that the outcome of such action would cause deterioration of the standard, and result in poverty instead of the acquirement of riches;

vì người ta sẽ nhận ra rằng kếtquả của hành động như thế sẽ gây ra sự suy giảm tiêu chuẩn, và dẫn đến nghèo đói thay vì đạt được giàu có;

64. Mankind, in the future, will be more mature and will think in larger terms. He will realize the artificiality of the standards of value he has instituted. The value of gold and diamonds, for instance, has not been

64. Trong tương lai, nhân loại sẽ trưởng thành hơn và sẽ suy nghĩ theo những phạm vi rộng lớn hơn. Y sẽ nhận ra tính giả tạo của những tiêu chuẩn giá trị mà y đã thiết lập. Chẳng hạn, giá trị của vàng và kim cương

based on utilitarian considerations (even though they exist) but rather on rarity and durability of these substances.

65. Gold, silver and diamonds are not valuable in themselves (except for their aesthetic appeal and obvious utilitarian functions—some of which may be very occult in nature). When consensus regarding their symbolic value is dissipated (because of the ease with which such substances will soon be produced) their use as standards of value will be superseded.

66. Perhaps one day an abstract unit called a 'merit' will serve as a standard of value. If a 'merit' can command or demand a service (a serviceable expression of energy), then perhaps the fulfillment of such a service will itself lead to the accrual of 'merit units'.

67. Along this line we will arrive at a consideration of "treasures in Heaven" as opposed to "treasures on Earth". The problem of how human beings will engage in "energy exchange" will be up for serious reformulation.

68. The reformulation of humanity's 'media of exchange' will relate to the solution of the problem of desire. It is an issue related to the astrological sign, Taurus.

69. The old methods of barter and trade are cumbersome and, if universal, would slow human progress. New methods will have to be found—methods that are no longer arbitrary and artificial.

không dựa trên những cân nhắc công dụng (dù những công dụng ấy có tồn tại), mà đúng hơn dựa trên tính hiếm và độ bền của các chất liệu này.

65. Vàng, bạc và kim cương không có giá trị tự thân (ngoại trừ sức hấp dẫn thẩm mỹ và những chức năng công dụng hiển nhiên của chúng—một số trong đó có thể rất huyền bí về bản chất). Khi sự đồng thuận về giá trị biểu tượng của chúng bị làm tiêu tan (do sự dễ dàng mà những chất liệu như thế sẽ sớm được sản xuất), việc dùng chúng làm tiêu chuẩn giá trị sẽ bị thay thế.

66. Có lẽ một ngày nào đó một đơn vị trừu tượng gọi là "công trạng" sẽ làm tiêu chuẩn giá trị. Nếu một "công trạng" có thể yêu cầu hay đòi hỏi một sự phụng sự (một biểu hiện năng lượng hữu dụng), thì có lẽ việc hoàn thành sự phụng sự ấy tự nó sẽ dẫn đến sự tích lũy các "đơn vị công trạng".

67. Theo hướng này, chúng ta sẽ đi đến việc xem xét "của báu trên Trời" đối lập với "của báu trên Đất". Vấn đề con người sẽ tham gia vào "sự trao đổi năng lượng" như thế nào sẽ cần được tái công thức hóa một cách nghiêm túc.

68. Việc tái công thức hóa các "phương tiện trao đổi" của nhân loại sẽ liên hệ với việc giải quyết vấn đề ham muốn. Đây là một vấn đề liên hệ với dấu hiệu hoàng đạo Kim Ngưu.

69. Những phương pháp trao đổi và buôn bán cũ thì cồng kềnh và, nếu mang tính phổ quát, sẽ làm chậm sự tiến bộ của con người. Những phương pháp mới sẽ phải được tìm ra —những phương pháp không còn tùy tiện và giả tạo nữa.

70. Of course, if abundance replaces scarcity, then the energy of the third aspect will be plentifully available to one and all. The question of how or whether one can accomplish ones desires in the external world will not be a question of whether one has sufficient energy or force to do so.

70. Dĩ nhiên, nếu sự sung túc thay thế sự khan hiếm, thì năng lượng của phương diện thứ ba sẽ sẵn có dồi dào cho mọi người. Câu hỏi về việc một người có thể hay không thể hoàn thành những ham muốn của mình trong thế giới bên ngoài sẽ không còn là câu hỏi liệu người ấy có đủ năng lượng hay mãnh lực để làm điều đó hay không.

71. With abundant energy, one can understand the importance of the strict rule of law to regulate the ease with which man will be able to effectively create—both good and evil.

71. Với năng lượng dồi dào, người ta có thể hiểu tầm quan trọng của sự cai trị nghiêm minh của quy luật để điều tiết sự dễ dàng mà con người sẽ có thể sáng tạo một cách hữu hiệu—cả điều thiện lẫn điều ác.

man will eventually come to the realisation that in atomic energy, harnessed to his need, or in the inducing of increased radioactivity, lies for him the path to prosperity and riches.

con người rốt cuộc sẽ đi đến chỗ chứng nghiệm rằng chính trong năng lượng nguyên tử, được khai thác để đáp ứng nhu cầu của y, hay trong việc gây ra sự gia tăng phóng xạ, có đối với y con đường dẫn đến thịnh vượng và giàu có.

72. Another prophecy unfolds. Artificial methods of gaining wealth are set aside and the true source of future wealth is revealed. Wealth (conventionally considered) is, after all, determined by the quantity of energy at one's disposal. From the harnessing of atomic energy (in ways which have not yet appeared) and in the inducing of increased radioactivity (probably within the mineral kingdom, but certainly within man himself) will come that liberation which will transform the present poverty (material and spiritual) of the human race into the "life more abundant".

72. Một lời tiên tri khác được khai mở. Những phương pháp nhân tạo để đạt được của cải bị gạt sang một bên và nguồn gốc đích thực của sự giàu có trong tương lai được tiết lộ. Rốt cuộc, của cải (theo cách hiểu thông thường) được quyết định bởi lượng năng lượng mà một người có trong tay. Từ việc khai thác năng lượng nguyên tử (theo những cách thức chưa xuất hiện) và từ việc gây ra sự gia tăng phóng xạ (có lẽ trong giới kim thạch, nhưng chắc chắn trong chính con người) sẽ đến sự giải phóng ấy, sự giải phóng sẽ chuyển đổi tình trạng nghèo nàn hiện nay (vật chất và tinh thần) của nhân loại thành "sự sống dồi dào hơn".

He will, therefore concentrate his attention on this higher form of life transference

Do đó, y sẽ tập trung sự chú ý của mình vào hình thức chuyển dịch sự sống cao hơn này

73. By this is meant a form of "life transference" higher than that which would

73. Bởi điều này muốn nói đến một hình thức "chuyển dịch sự sống" cao hơn hình

allow man to transmute base metals into precious metals or coal into diamonds.

thức có thể cho phép con người chuyển hoá các kim loại hèn thành kim loại quý hay than đá thành kim cương.

74. DK is referring to that type of "life transference" which will liberate the power inherent in the atom for the use of man.

74. Chân sư DK đang nói đến loại "chuyển dịch sự sống" sẽ giải phóng quyền năng vốn có trong nguyên tử để con người sử dụng.

75. This higher form of "life transference" requires the following types of knowledge and methods of procedure:

75. Hình thức "chuyển dịch sự sống" cao hơn này đòi hỏi các loại tri thức và phương pháp tiến hành sau đây:

and

và

a. Through knowledge of the devas,

a. Qua tri thức về các thiên thần,

b. Through external pressure and vibration,

b. Qua áp lực và rung động từ bên ngoài,

c. Through internal stimulation,

c. Qua sự kích thích từ bên trong,

d. Through colour applied in stimulation and vitalisation,

d. Qua màu sắc được áp dụng trong sự kích thích và tiếp sinh lực,

e. Through mantric sounds

e. Qua các âm thanh mantram

76. DK is reviewing the subjects upon which He has touched earlier in this section on alchemy.

76. Chân sư DK đang điểm lại các chủ đề mà Ngài đã đề cập trước đó trong phần này về thuật luyện kim.

he will find the secret of atomic energy, latent in the mineral kingdom, and will bend that inconceivable power and force to the solution of the problems of existence.

y sẽ tìm ra bí mật của năng lượng nguyên tử, tiềm ẩn trong giới kim thạch, và sẽ uốn nắn quyền năng và mãnh lực không thể nghĩ bàn ấy để giải quyết các vấn đề của sự tồn tại.

77. Although some of the power of the atom has already been harnessed by man, we can see that present methods are primitive when compared to the several methods suggested above.

77. Mặc dù một phần quyền năng của nguyên tử đã được con người khai thác, chúng ta có thể thấy rằng các phương pháp hiện nay còn thô sơ khi so với một số phương pháp được gợi ý ở trên.

78. The five methods offered are all part of the alchemical process which requires the

78. Năm phương pháp được nêu ra đều là những phần của tiến trình luyện kim, đòi

participation (by means of lawful compulsion) of the lower devas, through the compelling agencies of color and mantric sounds. Work upon both the exterior and interior of the atom is also suggested. It can be assumed that methods will be revealed which will teach man to stimulate principally the nucleus of the atom and thus increase its measure of radioactivity leading to the release of its inherent power.

hỏi sự tham gia (bằng phương tiện cưỡng bách hợp pháp) của các thiên thần thấp, thông qua các tác nhân cưỡng bách là màu sắc và các âm thanh mantram. Công việc tác động lên cả bên ngoài lẫn bên trong của nguyên tử cũng được gợi ý. Có thể giả định rằng những phương pháp sẽ được mặc khải, dạy con người kích thích chủ yếu hạt nhân của nguyên tử và nhờ đó làm tăng mức độ phóng xạ của nó, dẫn đến sự giải phóng quyền năng vốn có của nó.

Only when atomic energy is better understood and the nature of the fourth ether somewhat comprehended, shall we see that control of the air which lies inevitably ahead.

Chỉ khi năng lượng nguyên tử được hiểu rõ hơn và bản chất của dĩ thái thứ tư được phần nào thấu hiểu, chúng ta mới thấy được sự kiểm soát không khí đang tất yếu ở phía trước.

79. By the "control of the air" may well be meant the overcoming of gravity and of friction which will introduce humanity into a new era of both abundant power and quietude.

79. Bởi "sự kiểm soát không khí" rất có thể muốn nói đến việc vượt thắng trọng lực và ma sát, điều sẽ đưa nhân loại vào một kỷ nguyên mới của cả quyền năng dồi dào lẫn sự tĩnh lặng.

80. The buddhic plane is, occultly, the "plane of air" and the fourth ether is numerically and correspondentially correlated with it.

80. Cõi Bồ đề, theo huyền bí học, là "cõi của không khí", và dĩ thái thứ tư có tương quan về số học và theo định luật tương ứng với cõi ấy.

81. Shall we see the overcoming of gravity through the agency of harmony?

81. Liệu chúng ta có thấy sự vượt thắng trọng lực thông qua tác nhân của sự hài hòa chăng?

82. By the control of the air, the control of Earth's weather patterns may also be suggested. All may be brought under wise, seventh ray regulation.

82. Bởi sự kiểm soát không khí, việc kiểm soát các mô hình thời tiết của Trái Đất cũng có thể được hàm ý. Tất cả có thể được đặt dưới sự điều hành khôn ngoan của cung bảy.

Third. By the discovery of the note of the vegetable kingdom, by its conjunction with other of nature's notes, and by its due sounding forth in different keys and combinations will come the possibility to

Thứ ba. Bằng sự khám phá âm điệu của giới thực vật, bằng sự kết hợp của nó với những âm điệu khác của thiên nhiên, và bằng việc xướng nó một cách thích đáng trong những cung bậc và tổ hợp khác nhau sẽ xuất hiện

produce marvellous results within that kingdom, and to stimulate the activities of those devas who work with flowers, fruits, trees and herbs.

83. We have been given several requirements which fulfilled will bring about the appearance of "marvellous results" within the vegetable kingdom:

a. The discovery of the note of the vegetable kingdom. This note will differ from the note of the mineral kingdom and will probably be related to the note of Venus just as the note of the mineral kingdom will be understood as related to Vulcan. The note of the animal kingdom, we may judge, would be related to Mars and that of the human kingdom to Mercury. From this planetary perspective (and allowing for gross over-simplification) the note of the mineral kingdom would be "D"; that of the vegetable kingdom "A"; that of the animal kingdom "C"; and that of the human kingdom "E". These notes are taken from HPB's assignment of notes to the various planets.

b. The conjunction of the note of the vegetable kingdom with other of nature's notes. This would occur, presumably, to preserve harmony between the vegetable kingdom and other kingdoms.

c. "The due sounding forth" of the note of the vegetable kingdom "in different keys and combinations". We notice that with regard to the *mineral* kingdom we were told "it is largely the sounding of the note combinations, based on this key" which produces world cataclysms. The chords to be sounded in relation to the mineral kingdom were all based (as far as we have been told) upon the *key* of the mineral kingdom.

khả năng tạo ra những kết quả kỳ diệu trong giới ấy, và kích thích các hoạt động của những thiên thần làm việc với hoa, quả, cây cối và thảo mộc.

83. Chúng ta đã được cho biết một số điều kiện mà khi được hoàn thành sẽ mang lại sự xuất hiện của những "kết quả kỳ diệu" trong giới thực vật:

a. Sự khám phá âm điệu của giới thực vật. Âm điệu này sẽ khác với âm điệu của giới kim thạch và có lẽ sẽ liên hệ với âm điệu của Sao Kim, cũng như âm điệu của giới kim thạch sẽ được hiểu là liên hệ với Vulcan. Âm điệu của giới động vật, chúng ta có thể phán đoán, sẽ liên hệ với Sao Hỏa và âm điệu của giới nhân loại với Sao Thủy. Từ viễn cảnh hành tinh này (và chấp nhận sự đơn giản hóa quá mức), âm điệu của giới kim thạch sẽ là "D"; của giới thực vật là "A"; của giới động vật là "C"; và của giới nhân loại là "E". Những âm điệu này được lấy từ sự quy định các nốt nhạc cho các hành tinh khác nhau của HPB.

b. Sự kết hợp âm điệu của giới thực vật với những âm điệu khác của thiên nhiên. Điều này, có lẽ, sẽ xảy ra để duy trì sự hài hòa giữa giới thực vật và các giới khác.

c. "Việc xướng một cách thích đáng" âm điệu của giới thực vật "trong những cung bậc và tổ hợp khác nhau". Chúng ta lưu ý rằng liên quan đến giới *kim thạch*, chúng ta đã được bảo rằng "phần lớn chính là việc xướng các tổ hợp âm điệu, dựa trên cung bậc này" tạo ra các đại biến động thế giới. Các hợp âm được xướng liên hệ với giới kim thạch đều dựa trên (theo như điều đã được cho biết) *cung bậc* của giới kim thạch.

The note of the vegetable kingdom is, however, sounded in a manner more complex. It is not only to be sounded in relation to its own key, but "in different keys and combinations". Every note means something distinct in relation to a given key. For instance, the note "A" may be the tonic note in the key of "A", but it will be the dominant in the key of "Disciple" and the sub-dominant in the key of "E". The note of the vegetable kingdom seems to be one that is to blend harmoniously into the sounding of different keys related to different kingdoms and/or divisions of nature. The matter is, of course, profoundly mysterious to those at our level of intelligence, and only the slightest hints have been given.

Tuy nhiên, âm điệu của giới thực vật được xướng theo một cách phức tạp hơn. Nó không chỉ được xướng liên hệ với cung bậc riêng của nó, mà còn "trong những cung bậc và tổ hợp khác nhau". Mỗi nốt nhạc mang một ý nghĩa riêng biệt trong liên hệ với một cung bậc nhất định. Chẳng hạn, nốt "A" có thể là chủ âm trong cung "A", nhưng nó sẽ là âm át trong cung "Disciple" và là âm dưới át trong cung "E". Âm điệu của giới thực vật dường như là một âm điệu phải hòa trộn một cách hài hòa vào việc xướng những cung bậc khác nhau liên hệ với những giới và/hoặc những phân bộ khác nhau của thiên nhiên. Dĩ nhiên, vấn đề này hết sức huyền nhiệm đối với những người ở cấp độ trí tuệ của chúng ta, và chỉ những gợi ý rất nhỏ đã được đưa ra.

Every root race **has** its own particular style of vegetation, or certain basic forms and designs which can be traced in all countries where the race locates.

Mỗi giống dân gốc **đều có** kiểu thực vật riêng của nó, hay những hình thức và mẫu thiết kế căn bản nhất định có thể được truy ra trong mọi quốc gia nơi giống dân ấy định cư.

84. We seem to be speaking of the great races —i.e., "root races" rather than sub-races.

84. Dường như chúng ta đang nói về các đại chủng tộc—tức là "giống dân gốc" hơn là các giống dân phụ.

85. It is as if the vegetation which appears is dependent in some mysterious manner upon the nature and quality of the root race then in expression. It is the word "has" that expresses this dependency.

85. Dường như thực vật xuất hiện phụ thuộc theo một cách huyền nhiệm nào đó vào bản chất và phẩm tính của giống dân gốc đang biểu hiện vào lúc ấy. Chính từ "đều có" diễn tả sự phụ thuộc này.

86. When we behold the vegetation still found uniquely in Australia, is there a possibility that it is vegetation uniquely related to the third or Lemurian root race? Is there Atlantean vegetation presently distinct from Aryan vegetation?

86. Khi chúng ta quan sát thảm thực vật vẫn còn thấy một cách độc đáo tại Úc, liệu có khả năng đó là thảm thực vật liên hệ độc nhất với giống dân gốc thứ ba hay Lemuria chăng? Hiện nay có thảm thực vật Atlantis khác biệt với thảm thực vật Arya chăng?

87. Perhaps if we examine the classification of plants in relation to their recent or

87. Có lẽ nếu chúng ta khảo sát sự phân loại thực vật liên hệ với sự xuất hiện gần đây hay

ancient emergence we shall come closer to the answer.

88. It is as if each root race carries its own form of geometry which is subtly imposed upon the geometry expressed through the vegetable kingdom.

89. When one cuts an apple one finds a five pointed star; does this fiveness correspond to the fifth root race? Would designs based upon the number four correspond to the Atlantean root race and those based upon the number three to the Lemurian root race?

These [Page 497] results are brought about by the interaction between the basic note of the vegetable kingdom itself, and the note of the race of men who are evolving simultaneously.

90. We have already recognized that the note of the vegetable kingdom achieved conjunction with other of nature's notes and is sounded in various keys. It should not be surprising that the notes of different kingdoms sounding simultaneously would influence each other—a greater note, it would seem, having a stronger influence upon a lesser note than the lesser upon a greater. We may presume that the note of the human kingdom is stronger or greater than the note of the vegetable kingdom, just as the note of the kingdom of souls can be presumed as stronger or greater than the note of the human race.

91. Evolution can be understood as a musical process and in musical processes the blending and tuning of simultaneously sounding notes is required. Further, not all notes sounding simultaneously (or in

cổ xưa của chúng, chúng ta sẽ tiến gần hơn đến câu trả lời.

88. Dường như mỗi giống dân gốc mang theo hình thức hình học riêng của nó, được áp đặt một cách tinh tế lên hình học biểu hiện qua giới thực vật.

89. Khi người ta cắt một quả táo, người ta thấy một ngôi sao năm cánh; tính năm này có tương ứng với giống dân gốc thứ năm chăng? Những mẫu thiết kế dựa trên số bốn có tương ứng với giống dân gốc Atlantis và những mẫu dựa trên số ba với giống dân gốc Lemuria chăng?

Những [Page 497] kết quả này được tạo ra bởi sự tương tác giữa âm điệu căn bản của chính giới thực vật, và âm điệu của giống dân những người nam và nữ đang đồng thời tiến hoá.

90. Chúng ta đã nhận ra rằng âm điệu của giới thực vật đạt được sự kết hợp với những âm điệu khác của thiên nhiên và được xướng trong nhiều cung bậc khác nhau. Không có gì đáng ngạc nhiên khi các âm điệu của những giới khác nhau được xướng đồng thời sẽ ảnh hưởng lẫn nhau—một âm điệu lớn hơn, dường như, có ảnh hưởng mạnh hơn lên một âm điệu nhỏ hơn là âm điệu nhỏ hơn ảnh hưởng lên âm điệu lớn hơn. Chúng ta có thể giả định rằng âm điệu của giới nhân loại mạnh hơn hay lớn hơn âm điệu của giới thực vật, cũng như âm điệu của giới linh hồn có thể được giả định là mạnh hơn hay lớn hơn âm điệu của nhân loại.

91. Tiến hoá có thể được hiểu như một tiến trình âm nhạc, và trong các tiến trình âm nhạc, sự hòa trộn và chỉnh âm của các âm điệu được xướng đồng thời là điều cần thiết. Hơn nữa, không phải mọi âm điệu được

melodic unfoldment) are of equal importance.

The union of these two notes is that which produces distinctive vegetation, though it should be remembered that when the human note dominates too strongly it is apt to drive out the life of the forms of this second kingdom.

92. Something of this kind may presently be happening on our planet. Those who think ecologically are attempting to have humanity show greater respect for the vegetable kingdom (upon which humanity and the animal kingdom decidedly depend for its nourishment).

93. In the ecological crisis through which the planet is presently passing, we might say that the strictly human note is sounding too strongly for the welfare of both the vegetable and animal kingdoms. Man must learn his place within the ecological whole, and that he is sharing this planet with other kingdoms equally necessary to his own.

The devas who work in this kingdom are a special group, and have a closer and more peculiar relation to it than have the builders or devas in any other kingdom.

94. The Teaching has reminded us of the relatively advanced status of the vegetable kingdom—more advanced *in its own way* than the mineral, animal and human kingdoms.

95. From what is said, we may gather that the vegetable kingdom is peculiarly responsive to devic life. Minerals, animals

xướng đồng thời (hay trong sự khai mở giai điệu) đều có tầm quan trọng ngang nhau.

Sự hợp nhất của hai âm điệu này là điều tạo ra thảm thực vật đặc thù, tuy nhiên cần nhớ rằng khi âm điệu nhân loại chi phối quá mạnh, nó có khuynh hướng xua đuổi sự sống ra khỏi các hình tướng của giới thứ hai này.

92. Một điều gì đó thuộc loại này có thể hiện đang xảy ra trên hành tinh của chúng ta. Những người suy nghĩ theo sinh thái học đang cố gắng khiến nhân loại biểu lộ sự tôn trọng lớn hơn đối với giới thực vật (giới mà nhân loại và giới động vật rõ ràng phụ thuộc vào để được nuôi dưỡng).

93. Trong cuộc khủng hoảng sinh thái mà hành tinh hiện đang trải qua, chúng ta có thể nói rằng âm điệu thuần túy nhân loại đang được xướng quá mạnh đối với phúc lợi của cả giới thực vật lẫn giới động vật. Con người phải học vị trí của mình trong toàn thể sinh thái, và rằng y đang chia sẻ hành tinh này với những giới khác cũng cần thiết cho chính y như vậy.

Các thiên thần làm việc trong giới này là một nhóm đặc biệt, và có một mối liên hệ gần gũi hơn và đặc thù hơn với giới ấy so với các đấng kiến tạo hay các thiên thần trong bất kỳ giới nào khác.

94. Giáo Huấn đã nhắc chúng ta về địa vị tương đối tiến bộ của giới thực vật—tiến bộ hơn *theo cách riêng của nó* so với các giới kim thạch, động vật và nhân loại.

95. Từ những gì được nói ra, chúng ta có thể suy ra rằng giới thực vật đáp ứng một cách đặc biệt với sự sống thiên thần. Các khoáng

and humans (we gather) are less responsive to devic life.

vật, động vật và con người (theo như chúng ta suy ra) ít đáp ứng hơn với sự sống thiên thần.

96. Venus rules or is closely associated with the vegetable kingdom and Venus is, as well, closely associated with devic life in all its variety and beauty.

96. Sao Kim cai quản hay có liên hệ mật thiết với giới thực vật, và Sao Kim cũng có liên hệ mật thiết với sự sống thiên thần trong toàn bộ tính đa dạng và vẻ đẹp của nó.

97. Venus is the planet most advanced in its unfoldment. This may provide a reason for the relatively greater advancement of the vegetable kingdom and of the closer interplay between the vegetable kingdom and the devic lives who superintend it.

97. Sao Kim là hành tinh tiến bộ nhất trong sự khai mở của nó. Điều này có thể cung cấp một lý do cho sự tiến bộ tương đối lớn hơn của giới thực vật và cho sự tương tác gần gũi hơn giữa giới thực vật với các sự sống thiên thần giám quản nó.

The transmutative process is effected more easily in the vegetable kingdom than in any other owing to this very factor, **and also to the incentive given to this second kingdom and its evolutionary process by the coming of the Lords of the Flame from the second or Venus globe—pre-eminently the globe with which this kingdom has a mysterious connection.**

Tiến trình chuyển hoá được thực hiện dễ dàng hơn trong giới thực vật so với bất kỳ giới nào khác do chính yếu tố này, **và cũng do sự thúc đẩy được ban cho giới thứ hai này và tiến trình tiến hoá của nó bởi sự giáng lâm của các Đấng Giải Thoát từ bầu hành tinh thứ hai hay bầu hành tinh Sao Kim—nổi trội nhất là bầu hành tinh mà giới này có một mối liên hệ huyền nhiệm.**

98. This section confirms the importance of Venusian energy in relation to both the vegetable kingdom and the angelic kingdom (of which the Lords of the Flame are a part).

98. Phần này xác nhận tầm quan trọng của năng lượng Sao Kim liên hệ với cả giới thực vật lẫn giới thiên thần (mà các Đấng Giải Thoát là một phần của giới ấy).

99. If we wish to study transmutation at work, the vegetable kingdom should become our principal focus.

99. Nếu chúng ta muốn nghiên cứu sự chuyển hoá đang hoạt động, giới thực vật nên trở thành trọng tâm chính của chúng ta.

100. It is quite amazing to consider that the coming of the Lord of the Flame gave a particular incentive to the vegetable kingdom. We understand from the Teaching that certain advanced members of the animal kingdom were profoundly affected (i.e., individualized) but the effect upon the vegetable kingdom of that time is rarely

100. Thật đáng kinh ngạc khi suy xét rằng sự giáng lâm của các Đấng Giải Thoát đã ban một sự thúc đẩy đặc biệt cho giới thực vật. Chúng ta hiểu từ Giáo Huấn rằng một số thành viên tiến bộ của giới động vật đã bị tác động sâu sắc (tức là được biệt ngã hóa), nhưng ảnh hưởng lên giới thực vật vào thời đó hiếm khi được bàn đến. Liệu chúng ta có

discussed. May we gather that the coming of the Lords of the Flame saw a great change in the vegetation of the period?

thể suy ra rằng sự giáng lâm của các Đấng Giải Thoát đã chứng kiến một sự thay đổi lớn trong thảm thực vật của thời kỳ ấy chăng?

101. From another perspective, even man can be considered a 'plant'—the sevenfold "Saptaparna".

101. Từ một góc nhìn khác, ngay cả con người cũng có thể được xem là một "thực vật"—"Saptaparna" thất phân.

102. In this section the second or Venus-globe of the Earth-chain is discussed as mysteriously connected to the vegetable kingdom on the Earth-globe. The Venus-globe of the Earth-chain, however, is necessarily resonant to the planet Venus, itself.

102. Trong phần này, bầu hành tinh thứ hai hay bầu hành tinh Sao Kim của Dãy Địa Cầu được bàn đến như có liên hệ huyền nhiệm với giới thực vật trên bầu hành tinh Trái Đất. Tuy nhiên, bầu hành tinh Sao Kim của Dãy Địa Cầu tất yếu cộng hưởng với chính hành tinh Sao Kim.

103. Perhaps it would be helpful to realize that the coming of the Lords of the Flame (under Venusian influence) transformed man into a 'flower'—a lotus called by us the "egoic lotus". We see through this process, the vegetalization of animal man simultaneously with his individualization (i.e., his humanization).

103. Có lẽ sẽ hữu ích nếu nhận ra rằng sự giáng lâm của các Đấng Giải Thoát (dưới ảnh hưởng của Sao Kim) đã chuyển đổi con người thành một "đóa hoa"—một hoa sen mà chúng ta gọi là "Hoa Sen Chân Ngã". Qua tiến trình này, chúng ta thấy sự thực vật hóa của người thú diễn ra đồng thời với sự biệt ngã hóa của y (tức là sự nhân loại hóa của y).

If I might express it in other words: the **cosmic Entity**, Who is the life of the second globe and its informing principle, has a close connection with the **solar Entity** Who is the informing life of the entire vegetable kingdom.

Nếu tôi có thể diễn đạt điều đó bằng những lời khác: Thực Thể **vũ trụ**, Đấng là sự sống của bầu hành tinh thứ hai và là nguyên khí thấm nhuần nó, có một mối liên hệ mật thiết với **Thực Thể thái dương** là sự sống thấm nhuần toàn bộ giới thực vật.

104. DK offers us the real occultism of relationship.

104. Chân sư DK trao cho chúng ta huyền bí học đích thực của các mối liên hệ.

105. It is important to note that the life which informs a globe is to be considered a "cosmic entity". We might have thought of such a being as purely solar or systemic.

105. Điều quan trọng cần lưu ý là sự sống thấm nhuần một bầu hành tinh phải được xem là một "thực thể vũ trụ". Chúng ta có thể đã nghĩ về một hữu thể như thế là thuần túy thái dương hay hệ thống.

106. Here we are dealing with solar systemic relations. The informing life of the vegetable

106. Ở đây chúng ta đang bàn đến các mối liên hệ trong hệ mặt trời. Sự sống thấm

kingdom is a "solar Entity". The informing life of the second globe is a "cosmic Entity".

107. Cosmic, solar and planetary entities have a definite interplay.

108. Is DK speaking of the vegetable kingdom as it exists *throughout* the solar system or only the vegetable kingdom on Earth? If there are "men" on other planets we may well assume that other kingdoms are also to be found on other planets—for instance, members of the vegetable or animal kingdoms. Mineral life, we know, is found throughout the solar system.

109. In a more general sense we can see that influence between entities proceeds on the basis of numerical affinity. The two Entities here discussed are united by means of their relation to the number *two.* We are speaking of the *second* globe and the *second* kingdom.

110. The section of text also seems to be saying that the second globe has *one* "informing principle". Perhaps we could say that one of its informing principles is *primary* to all the others. We have often discussed the apparent necessity for a number of principles to be present on or through *all* globes (especially the higher principles). Each globe is the expression of a monadic life (a cosmic Entity called a Globe-Lord). Any Monad needs a number of principles through which to express (though at different stages of its development it may do without some of the lower principles).

nhuần giới thực vật là một "Thực Thể thái dương". Sự sống thấm nhuần bầu hành tinh thứ hai là một "Thực Thể vũ trụ".

107. Các thực thể vũ trụ, thái dương và hành tinh có một sự tương tác xác định.

108. Chân sư DK có đang nói về giới thực vật như nó tồn tại *khắp* hệ mặt trời hay chỉ về giới thực vật trên Trái Đất? Nếu có "con người" trên các hành tinh khác, chúng ta hoàn toàn có thể giả định rằng các giới khác cũng được tìm thấy trên các hành tinh khác —chẳng hạn, các thành viên của giới thực vật hay giới động vật. Chúng ta biết rằng sự sống khoáng vật được tìm thấy khắp hệ mặt trời.

109. Theo một nghĩa tổng quát hơn, chúng ta có thể thấy rằng ảnh hưởng giữa các thực thể diễn ra trên cơ sở sự tương hợp số học. Hai Thực Thể được bàn đến ở đây được hợp nhất nhờ mối liên hệ của các Ngài với con số *hai.* Chúng ta đang nói về bầu hành tinh *thứ hai* và giới *thứ hai*.

110. Phần văn bản này dường như cũng đang nói rằng bầu hành tinh thứ hai có *một* "nguyên khí thấm nhuần". Có lẽ chúng ta có thể nói rằng một trong các nguyên khí thấm nhuần của nó là *chính yếu* so với tất cả những nguyên khí khác. Chúng ta thường bàn đến sự cần thiết hiển nhiên là phải có một số nguyên khí hiện diện trên hay xuyên qua *mọi* bầu hành tinh (đặc biệt là các nguyên khí cao). Mỗi bầu hành tinh là biểu hiện của một sự sống chân thần (một Thực Thể vũ trụ được gọi là Chúa Tể Bầu Hành Tinh). Bất kỳ Chân thần nào cũng cần một số nguyên khí để biểu hiện qua đó (dù ở những giai đoạn phát triển khác nhau, nó có thể không cần đến một số nguyên khí thấp hơn).

111. The matter is a difficult one but at stake is the definition of what a globe really is and of what substance or substances it is composed.

111. Đây là một vấn đề khó, nhưng điều đang được đặt ra là định nghĩa về việc một bầu hành tinh thực sự là gì và nó được cấu thành bởi chất liệu hay các chất liệu nào.

This analogy can be worked out in connection with the other kingdoms, globes and other forms and accounts somewhat for the fact that this fourth[63], [64] S. D., I, 107· globe is above everything else the globe of human evolution in this scheme;

Sự tương đồng này có thể được triển khai liên hệ với các giới khác, các bầu hành tinh khác và các hình tướng khác, và phần nào giải thích sự kiện rằng bầu hành tinh thứ tư này63, 64, Giáo Lý Bí Nhiệm, I, 107. trên hết mọi thứ là bầu hành tinh của sự tiến hoá nhân loại trong hệ hành tinh này;

112. The human kingdom is the *fourth* kingdom, and our globe is, of course, the *fourth*.

112. Giới nhân loại là giới *thứ tư*, và dĩ nhiên bầu hành tinh của chúng ta là bầu hành tinh *thứ tư*.

113. In the section immediately above DK is speaking of the intra-planetary relations brought about through numerical affinity.

113. Trong phần ngay phía trên, Chân sư DK đang nói về các mối liên hệ nội hành tinh được tạo ra thông qua sự tương hợp số học.

it gives also the clue to the mystery of the Presence of the great Kumara Himself upon earth.

điều đó cũng cho ta đầu mối để hiểu huyền nhiệm về sự Hiện Diện của chính Đại Kumara trên Trái Đất.

114. The "Great Kumara" is often called the "fourth Kumara", and, thus, according to numerical affinity, He chose this *fourth* globe as the scene of His redemptive manifestation.

114. "Đại Kumara" thường được gọi là "Kumara thứ tư", và như vậy, theo sự tương hợp số học, Ngài đã chọn bầu hành tinh *thứ tư* này làm sân khấu cho sự biểu hiện cứu chuộc của Ngài.

115. But He is also called the "first Kumara".

115. Nhưng Ngài cũng được gọi là "Kumara thứ nhất".

Footnote [63]: The Fourth Round. The present (our) Round being the middle Round (between the 1st, 2nd, and 3rd, and the 5th, 6th and 7th) is one of adjustment and final equipoise between Spirit and matter.

Chú thích 63: Cuộc tuần hoàn thứ tư. Cuộc tuần hoàn hiện tại (của chúng ta), là cuộc tuần hoàn ở giữa (giữa các cuộc tuần hoàn thứ 1, 2 và 3, và thứ 5, 6 và 7), là một cuộc tuần hoàn của sự điều chỉnh và quân bình tối hậu giữa tinh thần và vật chất.

116. From the point of view of balance, we could call our fourth round a Libran round and additionally, one in which the *fourth* Ray of Harmony Through Conflict is prominent.

116. Từ quan điểm của sự quân bình, chúng ta có thể gọi cuộc tuần hoàn thứ tư của mình là một cuộc tuần hoàn Thiên Bình, và thêm nữa, là một cuộc tuần hoàn trong đó cung *thứ tư* của Hài Hòa Qua Xung Đột nổi trội.

It is that point, in short, wherein the reign of true matter, its grossest state (which is as unknown to Science as its opposite pole—homogeneous matter or substance) stops and comes to an end.

Tóm lại, đó là điểm mà tại đó sự thống trị của vật chất đích thực, trong trạng thái thô nặng nhất của nó (trạng thái này khoa học cũng không biết gì như cực đối nghịch của nó—vật chất hay chất liệu đồng nhất), dừng lại và đi đến chấm dứt.

117. We are being told that we are not presently aware of the grossest state of matter. Perhaps this gross state is correlated with the number *eight* to which the number *four* is closely related. In this regard, we have to remember references to the "eighth sphere".

117. Chúng ta đang được cho biết rằng hiện nay chúng ta chưa nhận biết trạng thái thô nặng nhất của vật chất. Có lẽ trạng thái thô nặng này tương quan với con số *tám*, con số mà số *bốn* có liên hệ mật thiết. Về phương diện này, chúng ta phải nhớ đến những ám chỉ về "khối cầu thứ tám".

118. From the perspective of the cosmic physical plane, the plane of adi is that dimension within which homogeneous matter or substance can be found. Whether it is *truly* homogeneous is a deeper question and depends upon whether we consider the higher cosmic planes (such as the cosmic astral plane or cosmic mental) *prakritic*—i.e., composed of matter (at least of matter as we think we know it).

118. Từ góc nhìn của cõi hồng trần vũ trụ, cõi adi là chiều kích trong đó vật chất hay chất liệu đồng nhất có thể được tìm thấy. Liệu nó có *thực sự* đồng nhất hay không là một câu hỏi sâu xa hơn và tùy thuộc vào việc chúng ta có xem các cõi vũ trụ cao hơn (như cõi cảm dục vũ trụ hay cõi trí vũ trụ) *là prakritic*—tức là được cấu thành bằng vật chất (ít nhất là vật chất như chúng ta nghĩ mình biết).

From that point physical man begins to throw off "coat after coat," of his material molecules for the benefit and subsequent formation or clothing of the animal kingdom,

Từ điểm đó, con người hồng trần bắt đầu trút bỏ "hết lớp áo này đến lớp áo khác" của các phân tử vật chất của mình vì lợi ích và cho sự hình thành hay khoác áo tiếp theo của giới động vật,

119. Under the Law of Economy, there is no divinely intended waste in cosmos. It seems that every kingdom 'inherits' that which the immediately superior kingdom can no longer use.

119. Dưới Định luật Tiết Kiệm, trong vũ trụ không có sự lãng phí nào được thiêng liêng chủ định. Dường như mỗi giới "thừa hưởng" điều mà giới cao hơn ngay phía trên không còn có thể sử dụng nữa.

which in its turn is passing it on to the vegetable, and the latter to the mineral kingdoms.

giới này đến lượt mình lại chuyển nó sang giới thực vật, và giới sau cùng này sang các giới kim thạch.

120. The interdependence is complete.

120. Sự tương thuộc là hoàn toàn.

Man having evoluted in the first Round from the animal via the two other kingdoms, it stands to reason that in the present Round he should appear before the animal world of this manvantaric period. But see the *Secret Doctrine* for particulars.—*Lucifer,* Vol. III, p. 253.

Con người, sau khi đã tiến hoá trong cuộc tuần hoàn thứ nhất từ giới động vật qua hai giới kia, thì theo lẽ phải trong cuộc tuần hoàn hiện tại y phải xuất hiện trước thế giới động vật của thời kỳ giai kỳ sinh hóa này. Nhưng hãy xem *Giáo Lý Bí Nhiệm* để biết chi tiết.—*Lucifer,* Tập III, tr. 253.

121. In this section we have one of the very interesting tenets of occultism, a tenet which runs counter to commonly accepted evolutionary theory—namely, that man (in this round) appeared *before* the animal world, and especially before the mammals.

121. Trong phần này, chúng ta có một trong những giáo điều rất thú vị của huyền bí học, một giáo điều đi ngược với lý thuyết tiến hoá thường được chấp nhận—cụ thể là con người (trong cuộc tuần hoàn này) đã xuất hiện *trước* thế giới động vật, và đặc biệt trước các loài có vú.

122. What was it, really, that "evoluted in the first Round from the animal via the two other kingdoms"? Can we say it was a giant man-like ape? Usually, the appearance of this type of creature is assigned to the third round.

122. Thực sự thì điều gì đã "tiến hoá trong cuộc tuần hoàn thứ nhất từ giới động vật qua hai giới kia"? Chúng ta có thể nói đó là một loài vượn khổng lồ giống người chăng? Thông thường, sự xuất hiện của loại sinh vật này được quy cho cuộc tuần hoàn thứ ba.

123. In any case, man stands as the macrocosm in relation to the animal and other lesser kingdoms. Though man is preeminent over the vegetable and animal kingdoms, it is not stated that he appeared before them in this manvantaric period—only before the members of the animal world (and depending on the source)

123. Dù sao đi nữa, con người đứng như đại thiên địa trong mối liên hệ với giới động vật và các giới thấp hơn khác. Dù con người nổi trội hơn giới thực vật và giới động vật, không có lời nào nói rằng y đã xuất hiện trước chúng trong thời kỳ giai kỳ sinh hóa này—chỉ là trước các thành viên của thế giới động vật (và tùy theo nguồn), đặc biệt là trước

especially before the animals most closely related to man, namely the mammals.

124. We can see that some reconciliation of references is required in this question of the origin (in time and place) of man. The early Theosophical texts and the Bailey texts are (apparently, at least) not always in accord.

These thoughts merit close attention. [Page 498] The note of the human kingdom, **sounded in quadruple intensity** on this globe, has produced portentous happenings, and I would suggest to all occult investigators the close study and scrutiny of the following manifestations in time and space:

125. We are learning that not only does every kingdom have its own note, but that that note can be "sounded" with various degrees of intensity. The "quadruple intensity" with which the note of the human kingdom has been sounding on our present globe has naturally to do with the numbering of our globe—the *fourth.*

126. The happenings produced on this globe have not been called "momentous" but rather "portentous", which means that they *presage* important future developments on our globe (and probably on our chain and planetary scheme).

127. Presumably that which now manifests as the human kingdom was present (in some form) on other globes—sounding on those globes in lesser degrees of intensity.

những động vật gần gũi nhất với con người, tức là các loài có vú.

124. Chúng ta có thể thấy rằng cần có một sự hòa giải nào đó giữa các dẫn chiếu trong vấn đề nguồn gốc (về thời gian và nơi chốn) của con người này. Các văn bản Thông Thiên Học thời kỳ đầu và các văn bản của Bailey (ít nhất là bề ngoài) không phải lúc nào cũng phù hợp với nhau.

Những tư tưởng này đáng được chú ý kỹ lưỡng. [Page 498] Âm điệu của giới nhân loại, **được xướng với cường độ tứ phân** trên bầu hành tinh này, đã tạo ra những biến cố điềm báo, và tôi muốn gợi ý với tất cả các nhà nghiên cứu huyền bí học hãy nghiên cứu và khảo sát kỹ lưỡng các biểu hiện sau đây trong thời gian và không gian:

125. Chúng ta đang học rằng không chỉ mỗi giới có âm điệu riêng của nó, mà âm điệu ấy còn có thể được "xướng" với nhiều mức độ cường độ khác nhau. "Cường độ tứ phân" mà âm điệu của giới nhân loại đã vang lên trên bầu hành tinh hiện tại của chúng ta dĩ nhiên có liên hệ với số thứ tự của bầu hành tinh chúng ta—bầu hành tinh *thứ tư.*

126. Những biến cố được tạo ra trên bầu hành tinh này không được gọi là "trọng đại" mà đúng hơn là "điềm báo", nghĩa là chúng *báo trước* những phát triển quan trọng trong tương lai trên bầu hành tinh của chúng ta (và có lẽ trên dãy của chúng ta và hệ hành tinh của chúng ta).

127. Có lẽ điều hiện nay biểu hiện thành giới nhân loại đã hiện diện (dưới một hình thức nào đó) trên các bầu hành tinh khác—vang lên trên những bầu hành tinh ấy với mức cường độ thấp hơn.

128. The term “quadruple” has an association with the planet Jupiter which is called the “College of Quadruple Force Units” (TCF 1178)

128. Thuật ngữ “tứ phân” có một liên hệ với hành tinh Sao Mộc, hành tinh được gọi là “Học Viện của Các Đơn Vị Mãnh Lực Tứ Phân” (TCF 1178)

1. The fourth Creative Hierarchy The human.

1. Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư Giới nhân loại.

129. Humanity is the fourth of the *manifested* Creative Hierarchies.

129. Nhân loại là Huyền Giai Sáng Tạo *biểu hiện* thứ tư.

2. The fourth scheme Our earth scheme.

2. Hệ hành tinh thứ tư Hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta.

130. Our scheme can be numbered as the fourth if the Vulcan scheme is counted in the enumeration.

130. Hệ hành tinh của chúng ta có thể được đánh số là thứ tư nếu hệ hành tinh Vulcan được tính vào phép liệt kê.

3. The fourth chain The earth chain.

3. Dãy thứ tư Dãy Địa Cầu.

4. The fourth globe Our planet.

4. Bầu hành tinh thứ tư Hành tinh của chúng ta.

5. The fourth kingdom The human.

5. Giới thứ tư Giới nhân loại.

6. The fourth round The first strictly human round.

6. Cuộc tuần hoàn thứ tư Cuộc tuần hoàn đầu tiên hoàn toàn nhân loại.

131. By this is meant that man (an individualized being) appeared in the fourth round and became the dominant being within the lower three worlds.

131. Bởi điều này muốn nói rằng con người (một hữu thể đã được biệt ngã hóa) đã xuất hiện trong cuộc tuần hoàn thứ tư và trở thành hữu thể chi phối trong ba cõi thấp.

132. It also suggests that man as he *may* have appeared in earlier rounds was not “strictly human”.

132. Điều đó cũng gợi ý rằng con người như y *có thể* đã xuất hiện trong các cuộc tuần hoàn trước đó thì chưa phải là “hoàn toàn nhân loại”.

7. The four Kumaras Embodiers of humanity.

7. Bốn Kumara Những Đấng hiện thân của nhân loại.

133. It would seem that Sanat Kumara is included among these four. It would seem that these Kumaras pervade the human race with Their presence. From another perspective, the human race can be considered as a vehicle of the Kumaras. We have been taught that humanity serves, generally, as the throat center within the expression of Sanat Kumara.

133. Dường như Đức Sanat Kumara được bao gồm trong bốn vị này. Dường như các Kumara này thấm nhuần nhân loại bằng sự hiện diện của Các Ngài. Từ một góc nhìn khác, nhân loại có thể được xem như một vận cụ của các Kumara. Chúng ta đã được dạy rằng nhân loại, nói chung, phụng sự như trung tâm cổ họng trong biểu hiện của Đức Sanat Kumara.

134. Perhaps man represents some other chakra in the energy systems of other of the Kumaras.

134. Có lẽ con người đại diện cho một luân xa nào khác trong các hệ thống năng lượng của các Kumara khác.

8. The fourth plane The buddhic, the human goal.

8. Cõi thứ tư Cõi Bồ đề, mục tiêu của con người.

135. In the table of Creative Hierarchies found in *Esoteric Astrology*, 35, we note that the field of expression for the human Monads is the fourth or buddhic plane.

135. Trong bảng về các Huyền Giai Sáng Tạo được tìm thấy trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn*, 35, chúng ta lưu ý rằng trường biểu hiện của các chân thần nhân loại là cõi thứ tư hay cõi Bồ đề.

9. The fourth ether The physical correspondence

of the buddhic plane.

9. Dĩ thái thứ tư Sự tương ứng hồng trần

của cõi Bồ đề.

136. We note that the fourth ether is called “physical”. There is no hard and fast line of demarcation between systemic ethers and the denser aspects of the systemic physical plane.

136. Chúng ta lưu ý rằng dĩ thái thứ tư được gọi là “hồng trần”. Không có một ranh giới phân định cứng nhắc nào giữa các dĩ thái hệ thống và các phương diện đậm đặc hơn của cõi hồng trần hệ thống.

One fundamental sound is responded to by all these varied factors; it is the note that is the cause of their existence and the basis of their being.

Một âm thanh căn bản được tất cả các yếu tố đa dạng này đáp ứng; đó là âm điệu là nguyên nhân của sự tồn tại của chúng và là nền tảng của hữu thể tính của chúng.

137. There is a sound which relates all these centers, sources, agencies, dimensions. It must be a sound which resonates to the

137. Có một âm thanh liên hệ tất cả các trung tâm, nguồn, tác nhân và chiều kích này. Đó hẳn phải là một âm thanh cộng

number *four.* It is obviously a superior sound which is effective solar systemically and, perhaps, even cosmically.

hưởng với con số *bốn.* Hiển nhiên đó là một âm thanh cao hơn, có hiệu lực trong phạm vi hệ mặt trời và, có lẽ, thậm chí cả trong phạm vi vũ trụ.

138. In considering the identity of this note, the note "E" must be mentioned—at least as a preliminary consideration.

138. Khi xem xét bản sắc của âm điệu này, âm điệu "E" phải được nhắc đến—ít nhất như một xem xét sơ bộ.

This note, if sought for and found,

Âm điệu này, nếu được tìm kiếm và tìm ra,

139. Here, the Tibetan calls the "sound" a "note". It should be understood that a sound is not *always* a note.

139. Ở đây, Chân sư Tây Tạng gọi "âm thanh" là một "âm điệu". Cần hiểu rằng một âm thanh không *luôn luôn* là một âm điệu.

will bring into close alliance all of these factors till they are blended into a great occult unity; it will bring likewise into co-operation the band of devas who are the essences of the fourth human principle.

sẽ đưa tất cả các yếu tố này vào sự liên minh mật thiết cho đến khi chúng được hòa trộn thành một hợp nhất huyền bí vĩ đại; đồng thời cũng sẽ đưa vào sự hợp tác đoàn thiên thần là các tinh túy của nguyên khí nhân loại thứ tư.

140. DK is probably speaking of a *hierarchy* of devas comprising members of very different ranks, yet all responsive to the number *four.*

140. Có lẽ Chân sư DK đang nói về một *huyền giai* thiên thần gồm các thành viên thuộc những cấp bậc rất khác nhau, nhưng tất cả đều đáp ứng với con số *bốn.*

141. We are gathering that there are many notes sounding simultaneously—whether in unison, in harmony or discordantly.

141. Chúng ta đang nhận ra rằng có nhiều âm điệu đang vang lên đồng thời—dù là đồng thanh, hòa điệu hay bất hòa.

142. If we are to unify a wide range of related factors, we shall need the overarching power of a *greater* note—i.e., a systemic note or cosmic note.

142. Nếu chúng ta muốn hợp nhất một phạm vi rộng các yếu tố có liên hệ, chúng ta sẽ cần quyền năng bao trùm của một âm điệu *cao hơn*—tức là một âm điệu hệ thống hay âm điệu vũ trụ.

143. We are also given to understand that the alliances which can be produced between a wide range of factors have a musical basis—they are, occultly, *musical* alliances. This stands to reason given the great musical compositions at which every

143. Chúng ta cũng được cho hiểu rằng những liên minh có thể được tạo ra giữa một phạm vi rộng các yếu tố có một nền tảng âm nhạc—xét về mặt huyền bí, chúng là những liên minh *âm nhạc*. Điều này hợp lý nếu xét đến những tác phẩm âm nhạc vĩ đại mà mỗi

Logos labors. A kind of 'solar sonata' we are told.

The entire seven sections, then, complete the sonata of this solar system,—a part of the threefold masterpiece of the Logos or God, the Master-Musician. (LOM 4)

Forget not that sound permeates all forms; the planet itself has its own note or sound; each minute atom also has its sound; each form can be evoked into music and each human being has his peculiar chord and all chords contribute to the great symphony which the Hierarchy and Humanity are playing, and playing now. Every spiritual group has its own tune (if I may employ so inappropriate a word) and the groups which are in process of collaborating with the Hierarchy make music ceaselessly. **This rhythm of sound and this myriad of chords and notes blend with the music of the Hierarchy itself and this is a steadily enriching symphony**; as the centuries slip away, all these sounds slowly unite and are resolved into each other until some day **the planetary symphony which Sanat Kumara is composing will be completed** and our Earth will then make a notable contribution to the great chords of the solar system—and this is a part, intrinsic and real, of the music of the spheres. Then, as the Bible says, the Sons of God, the planetary Logoi, will sing together. This, my brother, will be the result of right breathing, of controlled and organised rhythm, of true pure thought and of the correct relation between all parts of the chorus. (GWP 259-260)

Thượng đế đều lao động để sáng tạo. Chúng ta được bảo đó là một loại 'sonata thái dương'.

Bảy phần trọn vẹn, như vậy, hoàn tất bản sonata của hệ mặt trời này,—một phần của kiệt tác tam phân của Thượng đế hay Thượng đế, Nhạc Sư-Chân sư. (LOM 4)

Đừng quên rằng âm thanh thấm nhập mọi hình tướng; chính hành tinh này có âm điệu hay âm thanh riêng của nó; mỗi nguyên tử cực vi cũng có âm thanh của nó; mỗi hình tướng có thể được gợi lên thành âm nhạc và mỗi con người đều có hợp âm đặc thù của mình và mọi hợp âm đều góp phần vào bản giao hưởng vĩ đại mà Thánh Đoàn và nhân loại đang trình tấu, và đang trình tấu ngay lúc này. Mỗi nhóm tinh thần đều có giai điệu riêng của mình (nếu tôi có thể dùng một từ không thích hợp đến thế) và các nhóm đang trong tiến trình cộng tác với Thánh Đoàn tạo ra âm nhạc không ngừng. **Nhịp điệu âm thanh này và vô số hợp âm cùng âm điệu này hòa trộn với âm nhạc của chính Thánh Đoàn và đây là một bản giao hưởng ngày càng phong phú hơn**; khi các thế kỷ trôi qua, tất cả những âm thanh này chậm rãi hợp nhất và được giải hòa vào nhau cho đến một ngày kia **bản giao hưởng hành tinh mà Đức Sanat Kumara đang sáng tác sẽ được hoàn tất** và khi đó Trái Đất của chúng ta sẽ đóng góp đáng kể vào những hợp âm vĩ đại của hệ mặt trời—và đây là một phần nội tại và chân thực của âm nhạc của các thiên cầu. Rồi, như Kinh Thánh nói, các Con của Thượng đế, các Hành Tinh Thượng Đế, sẽ cùng nhau ca hát. Điều này, Huynh đệ của Tôi, sẽ là kết quả của sự hô hấp đúng đắn, của nhịp điệu được kiểm soát và tổ chức, của tư tưởng chân chính thanh khiết và của mối liên hệ đúng đắn giữa mọi phần của hợp xướng. (GWP 259-260)

144. From another perspective, cooperation in cosmos has a *musical* basis.

145. As we are approaching a time on this planet when the *fourth* ray will come into increasing prominence as will the energy of the *fourth* plane, the buddhic, we can grasp that a new and far deeper understanding of music will be necessitated.

b. Synthesis. We have seen that during the coming races and subraces certain very definite development may be looked for in connection with manasic unfoldment; and it is worth while to note particularly that **as far as the evolution of manas in this round is concerned its highest efflorescence may be looked for during the next five hundred years.**

146. This is, in a way, a very provocative statement. The next five hundred years will have elapsed before the Mercury-decanate of Aquarius has come into power, and Mercury is, perhaps, the most manasic of our planets. May we expect that the buddhic influence of Mercury will emerge into increasing prominence during the Aquarian decanate ruled by Mercury?

147. We might very reasonably expect manas to continue to develop beyond the next five hundred years, but may suppose that it will be accompanied by a considerable growth of the intuition. The "highest efflorescence of manas", then, could be an efflorescence of manas pure and simple—of manas uncompounded by an admixture of buddhi.

148. Certainly, the development of manas will be powerful much later, i.e., during the fifth round, simply because of numerical

144. Từ một góc nhìn khác, sự hợp tác trong vũ trụ có một nền tảng *âm nhạc*.

145. Khi chúng ta đang tiến gần đến một thời kỳ trên hành tinh này mà cung *bốn* sẽ ngày càng nổi bật hơn, cũng như năng lượng của cõi *thứ tư*, cõi Bồ đề, chúng ta có thể nắm bắt rằng một sự thấu hiểu mới mẻ và sâu xa hơn nhiều về âm nhạc sẽ trở nên cần thiết.

b. Tổng hợp. Chúng ta đã thấy rằng trong các nhân loại và giống dân phụ sắp tới, có thể trông đợi một số phát triển rất xác định liên quan đến sự khai mở manas; và đặc biệt đáng lưu ý rằng **xét theo sự tiến hoá của manas trong cuộc tuần hoàn này, sự nở rộ cao nhất của nó có thể được trông đợi trong năm trăm năm tới.**

146. Theo một nghĩa nào đó, đây là một phát biểu rất gợi suy nghĩ. Năm trăm năm tới sẽ trôi qua trước khi thập độ Sao Thủy của Bảo Bình đi vào quyền lực, và Sao Thủy có lẽ là hành tinh manas nhất trong các hành tinh của chúng ta. Liệu chúng ta có thể mong đợi rằng ảnh hưởng Bồ đề của Sao Thủy sẽ xuất hiện ngày càng nổi bật trong thập độ Bảo Bình do Sao Thủy cai quản chăng?

147. Chúng ta có thể rất hợp lý mà mong đợi manas tiếp tục phát triển vượt quá năm trăm năm tới, nhưng có thể giả định rằng nó sẽ đi kèm với một sự tăng trưởng đáng kể của trực giác. Vậy thì "sự nở rộ cao nhất của manas" có thể là một sự nở rộ của manas thuần túy—của manas không pha trộn với một sự hòa lẫn của buddhi.

148. Chắc chắn, sự phát triển của manas sẽ mạnh mẽ hơn nhiều về sau, tức là trong cuộc tuần hoàn thứ năm, đơn giản vì sự cộng

resonance. In our present round, the present root race, the fifth, is giving way to the sixth, and this fact, too, may correlate with the culmination of manasic influence for this round.

hưởng số học. Trong cuộc tuần hoàn hiện tại của chúng ta, giống dân gốc hiện nay, giống dân thứ năm, đang nhường chỗ cho giống dân thứ sáu, và sự kiện này cũng có thể tương quan với sự cực điểm của ảnh hưởng manas đối với cuộc tuần hoàn này.

149. Does the timing of this efflorescence correlate with the efflorescence of the fifth sub-ray of the fifth root race? If so, an explanation would be evident.

149. Thời điểm của sự nở rộ này có tương quan với sự nở rộ của cung phụ thứ năm của giống dân gốc thứ năm không? Nếu vậy, một lời giải thích sẽ trở nên hiển nhiên.

150. We may recall that the influence of the fifth ray has been recently somewhat withdrawn due to unbalanced progress along the manasic line. We may wonder how this adjustment will affect the anticipated efflorescence in the next five hundred years.

150. Chúng ta có thể nhớ lại rằng ảnh hưởng của cung năm gần đây đã phần nào được rút bớt do sự tiến bộ mất quân bình theo đường manas. Chúng ta có thể tự hỏi sự điều chỉnh này sẽ ảnh hưởng thế nào đến sự nở rộ được dự kiến trong năm trăm năm tới.

The coming in of the two final root races marks the point of synthesis, and the gradual utilisation of that which has been manasically achieved;

Sự xuất hiện của hai giống dân gốc cuối cùng đánh dấu điểm tổng hợp, và sự dần dần sử dụng điều đã được thành tựu về mặt manas;

151. From this section of text we may infer that the relatively imminent culmination of manasic power during this round is directly related to the coming in of the sixth root race.

151. Từ phần văn bản này, chúng ta có thể suy ra rằng sự cực điểm tương đối cận kề của quyền năng manas trong cuộc tuần hoàn này có liên hệ trực tiếp với sự xuất hiện của giống dân gốc thứ sáu.

152. The wise use of that which has been produced by manas depends very much on spiritual intuition and spiritual will (buddhi and atma).

152. Việc sử dụng minh triết điều đã được manas tạo ra phụ thuộc rất nhiều vào trực giác tinh thần và ý chí tinh thần (buddhi và atma).

this will be brought about by a development of abstract **thought**, and of intuitive **recognition**.

điều này sẽ được mang lại nhờ sự pháttriển của tư tưởng **trừu tượng**, và của sự **nhận biết** trực giác.

153. When DK speaks of manas in this context (i.e., the impending efflorescence), He may well be referring to *concrete* manas. It would be hard to conceive that the highest

153. Khi Chân sư DK nói về manas trong ngữ cảnh này (tức là sự nở rộ sắp đến), rất có thể Ngài đang nói đến manas *cụ thể*. Thật khó hình dung rằng sự nở rộ cao nhất của manas

efflorescence of *abstract* manas (during this round) would be achieved in the next five hundred years, especially since this development is due to occur in the *sixth* sub-ray of the fifth root race.

trừu tượng (trong cuộc tuần hoàn này) lại sẽ đạt được trong năm trăm năm tới, nhất là khi sự phát triển này sẽ xảy ra trong cung phụ *thứ sáu* của giống dân gốc thứ năm.

154. We note that that which arises from intuition is not, in this context, called "thought" but rather, "recognition". The intuition reveals that which ***is***, and the intuitive individual re-cognizes (in his lower consciousness) that which he has always *known* in his higher.

154. Chúng ta lưu ý rằng điều phát sinh từ trực giác, trong ngữ cảnh này, không được gọi là "tư tưởng" mà đúng hơn là "nhận biết". Trực giác mặc khải điều ***là***, và cá nhân trực giác tái-nhận biết (trong tâm thức thấp của y) điều mà y luôn luôn đã *biết* trong phần cao hơn của mình.

In other words, manas has (during the past three root races) been principally applied to the understanding of objective existence,

Nói cách khác, manas đã (trong ba giống dân gốc vừa qua) được áp dụng chủ yếu vào việc thấu hiểu sự tồn tại khách quan,

155. We are speaking of *concrete* manas.

155. Chúng ta đang nói về manas *cụ thể*.

to the adaptation of the Dweller in the form to his [Page 499] environment on the physical plane.

vào sự thích nghi của Kẻ Chận Ngõ trong hình tướng với môi trường của nó trên [Page 499] cõi hồng trần.

156. The "Dweller in the form" is essentially the Spirit-soul, but can for practical purposes be conceived as the personality consciousness.

156. "Kẻ Chận Ngõ trong hình tướng" về bản chất là Tinh thần-linh hồn, nhưng vì mục đích thực tiễn có thể được quan niệm như tâm thức phàm ngã.

157. The word "adaptation" suggests the third aspect of divinity and the third ray—the ray of adaptability.

157. Từ "thích nghi" gợi ý phương diện thứ ba của thiên tính và cung ba—cung của tính thích ứng.

From now on the trend of activity will be towards the understanding of the subjective side of manifestation, and towards the comprehension of the psyche of the individual life, divine, planetary, or human.

Từ nay trở đi, xu hướng hoạt động sẽ hướng về sự thấu hiểu mặt chủ quan của biểu hiện, và hướng về sự lĩnh hội tâm linh của sự sống cá nhân, thiêng liêng, hành tinh hay nhân loại.

158. The movement is from the third aspect to the second. The subjective side of manifestation is correlated to the second

158. Sự chuyển động là từ phương diện thứ ba sang phương diện thứ hai. Mặt chủ quan của biểu hiện tương quan với phương diện

aspect. The fifth aspect of manas alone will not be sufficient.

159. The word "understanding" suggests the second aspect of divinity expressed through the second ray—the ray of loving-understanding.

In the next round, all the previous stages will be recapitulated, and manas will demonstrate in ways inconceivable as yet to the half awakened consciousness of man.

160. This is clearly stated; presently, we stand in a state of "half-awakened consciousness".

161. I think it is clear to all that *A Treatise on Cosmic Fire* helps us all take a long-range perspective on human, planetary, and systemic development.

162. Manas, of course, is a *cosmic* principle. We have no way of knowing the extent of cosmic manasic development. One hint has been given regarding our Solar Logos—He is in process of achieving cosmic mental polarisation.

163. We may gather, then, that it is a definitely limited form of manas which is achieving its highest efflorescence in the next five hundred years.

In that round three-fifths of the human family will be fully aware, functioning with uninterrupted continuity of recollection on the physical, astral, and lower mental planes.

164. This is a statement different to the one which stated that by the time of the

thứ hai. Chỉ riêng phương diện thứ năm của manas sẽ không đủ.

159. Từ "thấu hiểu" gợi ý phương diện thứ hai của thiên tính được biểu lộ qua cung hai —cung của sự thấu hiểu đầy bác ái.

Trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, tất cả các giai đoạn trước đó sẽ được lặp lại, và manas sẽ biểu lộ theo những cách hiện còn không thể nghĩ bàn đối với tâm thức nửa thức tỉnh của con người.

160. Điều này được nói rất rõ; hiện nay, chúng ta đang đứng trong một trạng thái "tâm thức nửa thức tỉnh".

161. Tôi nghĩ mọi người đều thấy rõ rằng *Luận về Lửa Vũ Trụ* giúp tất cả chúng ta có được một viễn quan dài hạn về sự phát triển của con người, hành tinh và hệ thống.

162. Dĩ nhiên, manas là một nguyên khí *vũ trụ*. Chúng ta không có cách nào biết được mức độ phát triển manas vũ trụ. Một gợi ý đã được đưa ra liên quan đến Thái dương Thượng đế của chúng ta—Ngài đang trong tiến trình đạt đến sự phân cực trí tuệ vũ trụ.

163. Vậy thì chúng ta có thể nhận ra rằng đó là một hình thức manas nhất định có giới hạn đang đạt đến sự nở rộ cao nhất của nó trong năm trăm năm tới.

Trong cuộc tuần hoàn đó ba phần năm gia đình nhân loại sẽ hoàn toàn tỉnh thức, hoạt động với sự liên tục không gián đoạn của hồi ức trên các cõi hồng trần, cảm dục và hạ trí.

164. Đây là một phát biểu khác với phát biểu cho rằng vào thời điểm "Ngày Phán Xét", ba

"Judgment Day", three fifths of humanity would be on the Spiritual Path.

165. Such “uninterrupted continuity of recollection” suggests the achievement of the third initiation.

166. The phrase “in that round” suggests that the developments promised will occur by the end of the round and not necessarily in the middle of the fifth round at the "Judgment Day".

167. We may remember that during the sixth root race of the fourth round there will be a great Transfiguration occurring within the human family. This will certainly pave the way for still fuller unfoldments in the fifth round (unfoldments of the kind we are here discussing).

4. An entirely new group of human beings will sweep into incarnation in our Earth scheme. **Three fifths of the present humanity, being on the Probationary Path, or the Path of Initiation, at that time,** will have their centre of consciousness definitely on the mental plane whilst two fifths will remain focussed on the astral. These two fifths will pass into temporary pralaya, preparatory to their transference to another scheme, as the Earth scheme will no longer provide for them an adequate place of nurture. (TCF 390-391)

All this again is due to the influence of fifth ray energy. This will begin to transform human living and human desires and also human affairs and attitudes, **and will lead eventually (in the middle of the sixth root race) to the great Transfiguration Initiation in which the reality that lies**

phần năm nhân loại sẽ ở trên Con Đường Tinh Thần.

165. Sự “liên tục không gián đoạn của hồi ức” như thế gợi ý sự thành tựu lần điểm đạo thứ ba.

166. Cụm từ “trong cuộc tuần hoàn đó” gợi ý rằng những phát triển được hứa hẹn sẽ xảy ra vào cuối cuộc tuần hoàn chứ không nhất thiết vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm trong “Ngày Phán Xét”.

167. Chúng ta có thể nhớ rằng trong giống dân gốc thứ sáu của cuộc tuần hoàn thứ tư sẽ có một cuộc Biến hình lớn xảy ra trong gia đình nhân loại. Điều này chắc chắn sẽ mở đường cho những sự khai mở còn đầy đủ hơn trong cuộc tuần hoàn thứ năm (khai mở thuộc loại mà chúng ta đang bàn đến ở đây).

4. Một nhóm người hoàn toàn mới sẽ ào vào lâm phàm trong hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta. **Ba phần năm nhân loại hiện nay, đang ở trên Con Đường Dự Bị, hay Con Đường Điểm Đạo, vào thời điểm đó,** sẽ có trung tâm tâm thức của họ dứt khoát ở trên cõi trí trong khi hai phần năm sẽ vẫn tập trung trên cõi cảm dục. Hai phần năm này sẽ đi vào giai kỳ qui nguyên tạm thời, để chuẩn bị cho sự chuyển dịch của họ sang một hệ hành tinh khác, vì hệ hành tinh Trái Đất sẽ không còn cung cấp cho họ một nơi nuôi dưỡng thích đáng nữa. (TCF 390-391)

Tất cả điều này một lần nữa là do ảnh hưởng của năng lượng cung năm. Điều này sẽ bắt đầu chuyển đổi đời sống con người và các ham muốn của con người, cũng như các công việc và thái độ của con người, **và cuối cùng sẽ dẫn đến (vào giữa giống dân gốc thứ sáu) Cuộc Điểm Đạo Biến hình vĩ đại,**

behind all human phenomena will stand revealed. (R&I 597)

The emphasis of manasic evolution will be laid upon the achievement of causal consciousness, and upon the scientific construction of the bridge which should unite the causal vehicle and the permanent manasic atom on the abstract levels.

168. We are speaking of developments to be expected during the fifth round (presumably of our chain).

169. Presently, it is the development of the concrete mind which is receiving the greatest attention within racial development. This is as it should be as the majority of highly developed humans are focussing in the fifth sub-race of the fifth root race.

170. It is evident that disciples and initiates are *now* engaged in spiritually developmental processes which will be far more common in the fifth round than they are now.

During the sixth and seventh rounds we shall again have the synthesising process at work in a manner analogous to that which lies ahead in the sixth and seventh root races of this round.

171. Always, the Law of Analogy holds good. The synthesis occurring within the context of rounds will naturally be far greater than those occurring within the context of root race development.

172. During the sixth and seventh root races all that has been developed manasically *on*

trong đó thực tại nằm sau mọi hiện tượng nhân loại sẽ được mặc khải. (R&I 597)

Trọng tâm của sự tiến hoá manas sẽ được đặt vào việc đạt tới tâm thức nguyên nhân, và vào sự kiến tạo một cách khoa học cây cầu vốn phải hợp nhất hiện thể nguyên nhân với nguyên tử manas trường tồn trên các cấp độ trừu tượng.

168. Chúng ta đang nói về những phát triển được trông đợi trong cuộc tuần hoàn thứ năm (có lẽ là của dãy chúng ta).

169. Hiện nay, chính sự phát triển của trí cụ thể đang nhận được sự chú ý lớn nhất trong sự phát triển của nhân loại. Điều này là đúng như phải vậy vì đa số những con người phát triển cao đang tập trung trong giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ năm.

170. Hiển nhiên là các đệ tử và các điểm đạo đồ *hiện nay* đang dấn thân vào những tiến trình phát triển tinh thần mà trong cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ phổ biến hơn nhiều so với hiện nay.

Trong các cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy, chúng ta sẽ lại có tiến trình tổng hợp hóa hoạt động theo một cách tương tự với điều đang ở phía trước trong các giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy của cuộc tuần hoàn này.

171. Luôn luôn, định luật tương đồng vẫn đúng. Sự tổng hợp xảy ra trong bối cảnh các cuộc tuần hoàn dĩ nhiên sẽ lớn lao hơn nhiều so với những sự tổng hợp xảy ra trong bối cảnh sự phát triển của các giống dân gốc.

172. Trong các giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy, tất cả những gì đã được phát triển về

our globe will be utilized and directed by buddhi and atma.

173. During the sixth and seventh rounds, all that has been developed manasically *within our chain* will be utilized and directed by a chain-level expression of buddhi and atma.

174. Eventually, during the sixth and seventh *scheme rounds,* all that has been developed manasically *within our scheme* will be utilized and directed by a scheme-level expression of buddhi and atma.

175. The correlation of all this information is important for those who would grasp a more complete picture of planetary and solar systemic processes. It will take some time to make the necessary correlations and to assimilate them. It may be supposed that in the esoteric schools of the future significant progress towards this end will be achieved.

To express the whole matter in larger terms: **The Heavenly Man will be achieving the consciousness of his causal body on cosmic levels**, with a consequent reaction, repolarisation and alignment of His body of manifestation. Under the law this will work out as demonstrated quality, and ordered intelligent purpose in every kingdom of nature, and will produce unifying results within those kingdoms of a kind inexplicable to man at his present stage of manasic development.

176. We are speaking of manasic and post-manasic development and looking for the

mặt manas *trên bầu hành tinh của chúng ta* sẽ được buddhi và atma sử dụng và định hướng.

173. Trong các cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy, tất cả những gì đã được phát triển về mặt manas *trong dãy của chúng ta* sẽ được một biểu hiện ở cấp dãy của buddhi và atma sử dụng và định hướng.

174. Cuối cùng, trong các *cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh* thứ sáu và thứ bảy, tất cả những gì đã được phát triển về mặt manas *trong hệ hành tinh của chúng ta* sẽ được một biểu hiện ở cấp hệ hành tinh của buddhi và atma sử dụng và định hướng.

175. Việc tương liên tất cả thông tin này là quan trọng đối với những ai muốn nắm bắt một bức tranh đầy đủ hơn về các tiến trình hành tinh và hệ mặt trời. Sẽ cần một thời gian để tạo ra những tương liên cần thiết và đồng hóa chúng. Có thể giả định rằng trong các trường nội môn của tương lai, sự tiến bộ đáng kể hướng đến mục tiêu này sẽ đạt được.

Để diễn đạt toàn bộ vấn đề theo những thuật ngữ rộng lớn hơn: **Đấng Thiên Nhân sẽ đạt được tâm thức của thể nguyên nhân của Ngài trên các cấp độ vũ trụ**, với một sự đáp ứng, tái phân cực và chỉnh hợp của thể biểu hiện của Ngài theo sau. Theo định luật, điều này sẽ được thể hiện thành phẩm tính được biểu lộ, và mục đích trí tuệ có trật tự trong mọi giới của bản chất, và sẽ tạo ra những kết quả hợp nhất trong các giới ấy thuộc một loại mà con người ở giai đoạn phát triển manas hiện nay không thể giải thích được.

176. Chúng ta đang nói về sự phát triển manas và hậu-manas, và tìm nguyên nhân

cause of it all within our planetary ring-pass-not.

177. When DK speaks of "the Heavenly Man" we may presume that He is speaking of the Heavenly Man of the Earth-scheme.

178. At the moment our Heavenly Man has not yet taken His second cosmic initiation. Analogizing from the human situation, no human being who has not yet taken the second initiation is achieving the consciousness of his causal body (or, at least, a causally polarized consciousness). When a human being approaches the third initiation, causal consciousness begins to become factual. May we then assume that we are discussing processes which, in the fifth round, will see the Heavenly Man of our planetary scheme taking a kind of third initiation? A *cosmic* third initiation? For the moment, His goal is the cosmic *second.*

179. The section above seems to describe states of alignment and coordination which are typical of a third degree initiate.

180. In response to the growing causal consciousness of our Planetary Logos there will be, 'below', a reaction within and a repolarization and alignment of His lower vehicles.

181. The results within these vehicles will be:

a. Demonstrated quality

b. Ordered intelligent purpose

của toàn bộ điều này trong vòng-giới-hạn hành tinh của chúng ta.

177. Khi Chân sư DK nói về "Đấng Thiên Nhân", chúng ta có thể giả định rằng Ngài đang nói về Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh Trái Đất.

178. Hiện tại Đấng Thiên Nhân của chúng ta vẫn chưa nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ hai của Ngài. Suy theo tình huống của con người, không một con người nào chưa nhận lần điểm đạo thứ hai lại đang đạt tới tâm thức của thể nguyên nhân của mình (hay ít nhất là một tâm thức phân cực nguyên nhân). Khi một con người tiến gần lần điểm đạo thứ ba, tâm thức nguyên nhân bắt đầu trở thành một thực tại. Vậy thì liệu chúng ta có thể giả định rằng chúng ta đang bàn đến những tiến trình mà trong cuộc tuần hoàn thứ năm, sẽ chứng kiến Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh chúng ta nhận một loại lần điểm đạo thứ ba chăng? Một lần điểm đạo thứ ba *vũ trụ*? Hiện tại, mục tiêu của Ngài là lần điểm đạo *thứ hai* vũ trụ.

179. Phần trên dường như mô tả những trạng thái chỉnh hợp và phối hợp vốn điển hình cho một điểm đạo đồ cấp ba.

180. Để đáp ứng với tâm thức nguyên nhân ngày càng tăng của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, ở 'bên dưới' sẽ có một phản ứng bên trong cùng một sự tái phân cực và chỉnh hợp các hiện thể thấp của Ngài.

181. Những kết quả trong các hiện thể này sẽ là:

a. Phẩm tính được biểu lộ

b. Mục đích trí tuệ có trật tự

c. Unification

182. The third initiation represents a great *unification* and it is precisely this which is described above.

We need not, therefore, give further time to the consideration of them, for the mental concept of man could not measure up to the magnitude of the theme.

183. The necessary hints are given. Those who seek a more complete picture can follow them. There are many pieces of knowledge to 'piece together'—too many for our capacity!

In summing up what I have written anent this matter of the discriminative faculty, the intelligent activity, the adaptability nature, and the transmutative power of manas, I would like to point out that so far-reaching are these developments that every department of nature, macrocosmic [Page 500] and microcosmic, will show forth these aspects, **and show them forth in a ninefold manner before the consummation is achieved, and man has found his course**.

184. Let us review. The Tibetan has been writing about the following:

a. Manas as discriminative activity

b. Manas as intelligent activity

c. Manas as adaptability

d. Manas as a transmutative power

c. Sự hợp nhất

182. Lần điểm đạo thứ ba biểu thị một sự *hợp nhất* lớn lao và chính xác đó là điều được mô tả ở trên.

Vì vậy, chúng ta không cần dành thêm thời gian cho việc xem xét chúng, vì khái niệm trí tuệ của con người không thể đo lường được tầm vóc của chủ đề này.

183. Những gợi ý cần thiết đã được đưa ra. Những ai tìm kiếm một bức tranh đầy đủ hơn có thể lần theo chúng. Có rất nhiều mảnh tri thức cần được 'ghép lại với nhau'—quá nhiều đối với năng lực của chúng ta!

Khi tổng kết điều tôi đã viết liên quan đến vấn đề này về năng lực phân biện, hoạt động trí tuệ, bản chất thích ứng, và quyền năng chuyển hoá của manas, tôi muốn chỉ ra rằng những phát triển này sâu rộng đến mức mọi bộ phận của bản chất, đại thiên địa [Page 500] và tiểu thiên địa, sẽ biểu lộ các phương diện này, **và biểu lộ chúng theo một cách cửu phân trước khi sự viên mãn được đạt tới, và con người đã tìm ra lộ trình của mình**.

184. Chúng ta hãy điểm lại. Chân sư Tây Tạng đã viết về những điều sau đây:

a. Manas như hoạt động phân biện

b. Manas như hoạt động trí tuệ

c. Manas như tính thích ứng

d. Manas như một quyền năng chuyển hoá

185. DK predicts far-reaching results beyond our ken.

185. Chân sư DK tiên đoán những kết quả sâu rộng vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta.

186. What can be meant by the "course" of man? Will it be His destiny to tread the Path to Sirius (the Fourth Cosmic Path)? Will man's "course" lead the majority of human beings eventually onto the cosmic astral plane?

186. "Lộ trình" của con người có thể hàm ý điều gì? Có phải định mệnh của Ngài là bước trên Con Đường đến Sirius (Con Đường Vũ Trụ thứ Tư) chăng? "Lộ trình" của con người có dẫn đa số nhân loại cuối cùng lên cõi cảm dục vũ trụ không?

187. Four is generally considered a number of consummation indicating, among other things, the fourth initiation, the consummating initiation of the strictly fourth or human kingdom. After that initiation, incarnation in the human kingdom is no longer necessary.

187. Bốn thường được xem là một con số của sự viên mãn, biểu thị, trong số những điều khác, lần điểm đạo thứ tư, lần điểm đạo viên mãn của giới thứ tư hay giới nhân loại theo nghĩa nghiêm ngặt. Sau lần điểm đạo đó, việc lâm phàm trong giới nhân loại không còn cần thiết nữa.

188. The human Creative Hierarchy (the fourth) is characterized by the numbers *four* and *nine*—numbers well represented in the section of text immediately above.

188. Huyền Giai Sáng Tạo nhân loại (thứ tư) được đặc trưng bởi các con số *bốn* và *chín*—những con số được biểu hiện rõ trong phần văn bản ngay phía trên.

189. Transmutation, we have learned, is directly related to the liberation or release of the volatile 'Spirit-essence', and it may be conceived that this does not *fully* occur (at least with respect to the cosmic physical plane) until the ninth initiation—hence, perhaps, the "ninefold manner" mentioned in the section above.

189. Chúng ta đã học rằng chuyển hoá liên hệ trực tiếp với sự giải phóng hay phóng thích 'Tinh chất-Tinh thần' dễ bay hơi, và có thể quan niệm rằng điều này không xảy ra *trọn vẹn* (ít nhất là xét đối với cõi hồng trần vũ trụ) cho đến lần điểm đạo thứ chín—do đó, có lẽ, mới có "cách cửu phân" được nhắc đến trong phần trên.

190. The effects of transmutation are, we are told, to be expected both microcosmically and macrocosmically. The entire planet is in the midst of a transmutative process. For that matter, so is the solar system.

190. Chúng ta được bảo rằng các hiệu quả của chuyển hoá có thể được trông đợi cả ở tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa. Toàn bộ hành tinh đang ở giữa một tiến trình chuyển hoá. Và hệ mặt trời cũng vậy.

191. We have learned how important is solar fire in the process of transmutation! But this fire is also called "mental fire", and it is the

191. Chúng ta đã học được Lửa Thái dương quan trọng biết bao trong tiến trình chuyển hoá! Nhưng ngọn lửa này cũng được gọi là "lửa trí tuệ", và chính *trí tuệ* là điều chúng ta

mind we are discussing as it relates to the achievement of transmutation.

192. We must conclude that the implications of the transmutative process are immense, and that far more than the tiny unit man is involved. Alchemy is a cosmic process and its consideration should expand far beyond its quite material application attempted in Medieval times.

Let us, therefore, look for a brief moment at the microcosmic manifestation, leaving the student as far as he is able to work out analogous ideas in relation to the Heavenly Man and the solar Logos:

193. It becomes clear that though much is given, much also remains to be worked out.

194. We are now about to enter a grand summary which should specify the characteristics of manas as they can be found in relation to each of six planes ending with the monadic.

195. This is a very important and practical summary as we wish to know exactly how manas will manifest on each of the systemic planes which concern our development.

Manasic characteristics and the planes

I. On the Physical Plane: Here this quality demonstrates as:

196. We are speaking of the expression of manasic characteristics on the systemic physical plane.

đang bàn đến trong mối liên hệ với việc đạt tới sự chuyển hoá.

192. Chúng ta phải kết luận rằng những hàm ý của tiến trình chuyển hoá là vô cùng to lớn, và rằng nhiều hơn rất nhiều so với đơn vị nhỏ bé là con người có liên quan ở đây. Thuật luyện kim là một tiến trình vũ trụ và việc xem xét nó phải mở rộng vượt xa ứng dụng khá vật chất đã được thử nghiệm trong thời Trung Cổ.

Vì vậy, chúng ta hãy nhìn trong chốc lát vào biểu hiện tiểu thiên địa, để lại cho đạo sinh, trong chừng mực y có thể, tự triển khai những ý tưởng tương đồng liên hệ với Đấng Thiên Nhân và Thái dương Thượng đế:

193. Rõ ràng là tuy nhiều điều đã được ban cho, nhiều điều cũng vẫn còn phải được tự mình triển khai.

194. Giờ đây chúng ta sắp đi vào một phần tổng kết lớn, phần này sẽ xác định các đặc tính của manas như chúng có thể được tìm thấy trong mối liên hệ với mỗi một trong sáu cõi, kết thúc bằng cõi chân thần.

195. Đây là một phần tổng kết rất quan trọng và thực tiễn vì chúng ta muốn biết chính xác manas sẽ biểu lộ như thế nào trên mỗi cõi hệ thống có liên quan đến sự phát triển của chúng ta.

Các đặc tính manas và các cõi

I. Trên Cõi Hồng Trần: Ở đây phẩm tính này biểu lộ như sau:

196. Chúng ta đang nói về sự biểu lộ của các đặc tính manas trên cõi hồng trần hệ thống.

197. We note the progression with which we have previously been acquainted when studying manas:

197. Chúng ta lưu ý sự tiến triển mà trước đây chúng ta đã quen thuộc khi nghiên cứu manas:

a. Discrimination/Selection

a. Phân biện/Lựa chọn

b. Adaptability

b. Tính thích ứng

c. Ordered purpose

c. Mục đích có trật tự

d. Transmutation

d. Chuyển hoá

198. These four are constantly referenced in relation to each of the planes.

198. Bốn điều này liên tục được nhắc đến trong mối liên hệ với mỗi cõi.

a. The selective power of the atoms of the body.

a. Quyền năng chọn lọc của các nguyên tử trong thể.

158. It is an unconscious selectivity though, of course, intelligent.

158. Tuy nhiên, đó là một tính chọn lọc vô thức, dù dĩ nhiên là thông minh.

b. The adaptability of the physical form to its environment and to its circumstances.

b. Tính thích ứng của hình tướng hồng trần với môi trường và hoàn cảnh của nó.

159. This quality of manas demonstrates in relation to the process of form-evolution on the dense levels of the systemic etheric-physical plane.

159. Phẩm tính này của manas biểu lộ trong mối liên hệ với tiến trình tiến hoá hình tướng trên các cấp độ đậm đặc của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống.

160. Through this adaptability evolution proceeds.

160. Chính nhờ tính thích ứng này mà tiến hoá tiếp diễn.

c. The ordered purpose of the informing Life, as it affects the physical form and atoms.

c. Mục đích có trật tự của Sự sống đang thấm nhuần, khi nó tác động đến hình tướng và các nguyên tử hồng trần.

161. We recall the constant association of manas with ordered purpose (the seventh and first rays combined).

161. Chúng ta nhớ lại sự liên kết thường xuyên của manas với mục đích có trật tự (cung bảy và cung một kết hợp).

162. The will of the "informing Life" is to work out through specific forms on the physical plane.

162. Ý chí của "Sự sống đang thấm nhuần" là triển khai qua những hình tướng đặc thù trên cõi hồng trần.

d. The transmutative power, inherent in man though as yet unrecognised by him, which has brought him to his present stage of physical existence from that of animal man. It concerns also the transference of the life on to manasic levels.

d. Quyền năng chuyển hoá, vốn tiềm ẩn trong con người nhưng cho đến nay vẫn chưa được y nhận biết, đã đưa y đến giai đoạn tồn tại hồng trần hiện nay từ trạng thái người thú. Nó cũng liên quan đến sự chuyển dịch của sự sống lên các cấp độ manas.

163. Much of man's early evolutionary process is simply physical-etheric. There is much to be refined and transmuted on the strictly physical-etheric level.

163. Phần lớn tiến trình tiến hoá ban đầu của con người đơn giản là hồng trần-dĩ thái. Có nhiều điều cần được tinh luyện và chuyển hoá trên cấp độ thuần hồng trần-dĩ thái.

164. There is a factor inherent in man which is constantly 'lifting' him and preparing him for the eventual day of release from the three worlds. We might call this something by the name of "transmutative power". We are reminded that the soul, itself, has anchored a strand of its energy within the physical brain of the evolving human being. That physical presence of the soul/Solar Angel is transmutative in effect.

164. Có một yếu tố cố hữu trong con người, luôn luôn "nâng" y lên và chuẩn bị y cho ngày giải thoát rốt ráo khỏi ba cõi giới. Chúng ta có thể gọi điều này bằng tên "quyền năng chuyển hoá". Chúng ta được nhắc rằng chính linh hồn đã neo giữ một sợi năng lượng của nó trong bộ não thể xác của con người đang tiến hoá. Sự hiện diện hồng trần ấy của linh hồn/Thái dương Thiên Thần có tác dụng chuyển hoá.

165. That which is learned through the processes of living on the physical plane adds to the intelligence of the human being.

165. Điều được học qua các tiến trình sống trên cõi hồng trần làm gia tăng trí tuệ của con người.

166. The second aspect of man is focussed on "manasic levels". The inherent "transmutative power" of man will raise him, one day, to a point of tension sufficient to live consciously as a soul on the higher mental plane.

166. Phương diện thứ hai của con người được tập trung trên các "cấp độ manas". "Quyền năng chuyển hoá" cố hữu của con người một ngày kia sẽ nâng y lên đến một điểm tập trung nhất tâm đủ để sống một cách hữu thức như một linh hồn trên Cõi thượng trí.

II. On the Astral Plane:

II. Trên Cõi Cảm Dục:

167. We are speaking of the expression of manasic characteristics on the astral plane.

a. The discriminative power of man to choose between the pairs of opposites.

168. Now we are speaking of man and not of the discriminative capacity of the atoms of the body or of the astral atoms. The discrimination here discussed is, of course, *conscious* discrimination rather than unconscious selectivity.

169. Through the power of discrimination here referenced, man develops his sense of values, discriminating between the desirable and undesirable and learning, essentially, the nature of good and evil.

b. His adaptability to emotional conditions, and his power to attain eventual equilibrium.

170. This type of adaptability prepares man for the second initiation at which time emotional equilibrium is attained.

171. The point to notice is that the attainment of emotional equilibrium cannot be effected *from* the emotional plane but requires the application of manas. The strongly manasic sign Libra (also the sign of equilibrium) is also involved in the process.

c. The power of man, through conscious purpose, to clear his astral body of foreign matter, and to ensure its translucence.

167. Chúng ta đang nói về sự biểu lộ các đặc tính manas trên cõi cảm dục.

a. Quyền năng phân biện của con người để chọn lựa giữa các cặp đối đãi.

168. Hiện nay chúng ta đang nói về con người chứ không nói về năng lực phân biện của các nguyên tử trong thể hay của các nguyên tử cảm dục. Sự phân biện được bàn đến ở đây, dĩ nhiên, là sự phân biện *hữu thức* hơn là tính chọn lọc vô thức.

169. Qua quyền năng phân biện được nói đến ở đây, con người phát triển ý thức về giá trị của mình, phân biện giữa điều đáng mong muốn và điều không đáng mong muốn, và về căn bản học được bản chất của thiện và ác.

b. Khả năng thích nghi của y với các điều kiện cảm xúc, và quyền năng đạt đến sự quân bình rốt ráo.

170. Loại khả năng thích nghi này chuẩn bị con người cho lần điểm đạo thứ hai, vào lúc đó sự quân bình cảm xúc được đạt đến.

171. Điểm cần lưu ý là việc đạt được sự quân bình cảm xúc không thể được thực hiện *từ* cõi cảm dục, mà đòi hỏi sự vận dụng manas. Dấu hiệu manas mạnh mẽ là Libra (cũng là dấu hiệu của sự quân bình) cũng dự phần vào tiến trình này.

c. Quyền năng của con người, thông qua mục đích hữu thức, để thanh lọc thể cảm dục của mình khỏi vật chất ngoại lai, và bảo đảm tính trong suốt của nó.

172. Một lần nữa, đây là một phần của sự chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai—sự *thanh*

172. Again, this is part of the preparation for the second initiation—this *clearing.* It is a process of deglamorization.

lọc này. Đó là một tiến trình làm tiêu tan ảo cảm.

173. This clearing is part of the "ordered purpose" of the "indwelling Life". A clear and ordered mind reflecting higher purpose is instrumental in this clearing process.

173. Sự thanh lọc này là một phần của "mục đích có trật tự" của "Sự sống nội tại". Một trí tuệ sáng suốt và có trật tự, phản chiếu mục đích cao hơn, là công cụ trong tiến trình thanh lọc này.

174. When we speak of translucence the influence of the planet Venus is suggested—a planet powerful in the reconditioning of the astral body and especially involved (astrally) at the second initiation.

174. Khi chúng ta nói đến tính trong suốt, ảnh hưởng của hành tinh Venus được gợi ra —một hành tinh đầy quyền năng trong việc tái điều kiện hoá thể cảm dục và đặc biệt dự phần (về mặt cảm dục) trong lần điểm đạo thứ hai.

175. Much of present psychotherapy focuses on the process indicated by point "c".

175. Phần lớn tâm lý trị liệu hiện nay tập trung vào tiến trình được chỉ ra bởi điểm "c".

d. The transmutative inherent power which transmutes, or transfers the life into buddhic forms eventually.

d. Quyền năng chuyển hoá cố hữu, rốt cuộc chuyển hoá, hay chuyển dịch, sự sống vào các hình tướng Bồ đề.

176. Through transmutative elevations, physical-etheric life becomes mental; astral life becomes buddhic; mental life becomes atmic. Lower octaves reflect higher octaves. This is the elevation (though it is also a 'descent' of the higher to condition the lower) through which advancing man passes on the Path of Initiation.

176. Qua những sự nâng cao có tính chuyển hoá, sự sống hồng trần-dĩ thái trở thành trí tuệ; sự sống cảm dục trở thành Bồ đề; sự sống trí tuệ trở thành atma. Những quãng tám thấp phản chiếu những quãng tám cao. Đây là sự nâng cao (dù đó cũng là một "sự giáng xuống" của cái cao hơn để tác động lên cái thấp hơn) mà con người đang tiến bộ đi qua trên Con Đường Điểm Đạo.

177. We note that there are "buddhic forms" and yet the buddhic plane is an aspect of the arupa or formless worlds.

177. Chúng ta lưu ý rằng có những "hình tướng Bồ đề", vậy mà cõi Bồ đề lại là một phương diện của các thế giới arupa hay vô tướng.

178. Whenever a lower plane comes under the influence of its higher correspondence, it

178. Bất cứ khi nào một cõi thấp chịu ảnh hưởng của tương ứng cao hơn của nó, chính

is the transmutative process which makes this possible.

179. The full transmutation here referenced will not occur until the fourth initiation but is indicated at the second.

180. Can we think of the majority of Ashrams as expressing through "buddhic forms"?

181. The buddhic vehicle has a form. There are 'forms' on the formless planes but such forms are unlike forms we encounter in the more concrete worlds.

III. On the Mental Plane:

182. We are speaking of the expression of manasic characteristics on the mental plane.

a. In the selective power of man to choose the form through which to manifest. [Page 501]

183. We are speaking here of the creative power of the mind, building thoughtforms which are to materialize and prove vehicles of expression.

184. It is clear that thoughtforms tend to become the forms found on planes lower than the mental.

185. Much discrimination is required to ensure that the chosen forms are suitable to intent.

tiến trình chuyển hoá làm cho điều này trở nên khả hữu.

179. Sự chuyển hoá trọn vẹn được nói đến ở đây sẽ không xảy ra cho đến lần điểm đạo thứ tư, nhưng đã được báo hiệu ở lần điểm đạo thứ hai.

180. Chúng ta có thể nghĩ rằng đa số các ashram biểu lộ qua "các hình tướng Bồ đề" chăng?

181. Vận cụ Bồ đề có một hình tướng. Có những "hình tướng" trên các cõi vô tướng, nhưng những hình tướng như thế không giống các hình tướng mà chúng ta gặp trong các thế giới cụ thể hơn.

III. Trên Cõi Trí:

182. Chúng ta đang nói về sự biểu lộ các đặc tính manas trên cõi trí.

a. Trong quyền năng chọn lọc của con người để chọn hình tướng qua đó biểu lộ. [Page 501]

183. Ở đây chúng ta đang nói về quyền năng sáng tạo của trí tuệ, xây dựng các Hình tư tưởng sẽ hiện hình và chứng tỏ là những vận cụ biểu lộ.

184. Rõ ràng là các Hình tư tưởng có khuynh hướng trở thành những hình tướng được tìm thấy trên các cõi thấp hơn cõi trí.

185. Cần rất nhiều sự phân biện để bảo đảm rằng các hình tướng được chọn là thích hợp với ý định.

b. His adaptability to mental currents and vibration, and his utilisation of them to control the lower forms.

186. Energy follows thought and thought power directs forms on the astral and physical-etheric planes.

187. The mental plane is definitely a plane of *control* and is, in a way, an extension of the faculty of will.

c. The working out of purpose through the medium of the two lower vehicles. Impulse emanates from the mental plane.

188. The third point of the four points always relates to that aspect of manas related to "ordered purpose".

189. Mind is a representative of plan and purpose. The disciple (a server who is mentally polarized) is focussed on the mental plane and from there directs all processes occurring in his lower two ('irrational') vehicles.

190. In order for purpose to work out, various arrangements must be made within the lower vehicles. It is the mind which organizes these arrangements, promoting and negating various emotional and physical-etheric patterns and processes.

e. The transmutative power which transforms the entire lower threefold man into a new form, the causal body. This process of transmutation is carried on through the entire series of incarnations.

b. Khả năng thích nghi của y với các dòng và rung động trí tuệ, và sự sử dụng chúng để kiểm soát các hình tướng thấp hơn.

186. Năng lượng đi theo tư tưởng và quyền năng tư tưởng điều khiển các hình tướng trên các cõi cảm dục và hồng trần-dĩ thái.

187. Cõi trí rõ ràng là một cõi của sự *kiểm soát* và, theo một nghĩa nào đó, là sự mở rộng của năng lực ý chí.

c. Sự triển khai mục đích qua trung gian của hai hiện thể thấp. Xung lực phát ra từ cõi trí.

188. Điểm thứ ba trong bốn điểm luôn luôn liên hệ đến phương diện của manas gắn với "mục đích có trật tự".

189. Trí tuệ là đại diện của kế hoạch và mục đích. Đệ tử (một người phụng sự phân cực trí tuệ) được tập trung trên cõi trí và từ đó điều khiển mọi tiến trình xảy ra trong hai hiện thể thấp hơn ("phi lý trí") của mình.

190. Để mục đích được triển khai, nhiều sự sắp xếp phải được thực hiện trong các hiện thể thấp. Chính trí tuệ tổ chức các sự sắp xếp này, thúc đẩy và phủ định nhiều mô hình và tiến trình cảm xúc và hồng trần-dĩ thái khác nhau.

e. Quyền năng chuyển hoá biến đổi toàn bộ con người tam phân thấp thành một hình tướng mới, thể nguyên nhân. Tiến trình chuyển hoá này được tiếp tục xuyên suốt toàn bộ chuỗi lâm phàm.

191. We come to understand that the constant building of the causal body is, essentially, a *transmutative* process.

191. Chúng ta đi đến chỗ hiểu rằng sự xây dựng liên tục của thể nguyên nhân, về bản chất, là một tiến trình *chuyển hoá*.

192. If we follow the words carefully, we shall note that "transmutative power" "transforms". In the threefold series—transmutation, transformation, transfiguration—transmutation is considered the preliminary process, preceding transformation.

192. Nếu theo dõi kỹ các từ ngữ, chúng ta sẽ lưu ý rằng "quyền năng chuyển hoá" "biến đổi". Trong chuỗi tam phân—chuyển hoá, chuyển đổi, Biến hình—chuyển hoá được xem là tiến trình sơ khởi, đi trước chuyển đổi.

193. The key to transformation (in this context) is the creation of a "new form" which lies beyond (i.e., "trans") the old.

193. Chìa khoá của sự chuyển đổi (trong ngữ cảnh này) là việc tạo ra một "hình tướng mới" nằm vượt ra ngoài (tức là "trans") hình tướng cũ.

194. Through this transmutative process a new ring-pass-not is being prepared for the future functioning of consciousness.

194. Qua tiến trình chuyển hoá này, một vòng-giới-hạn mới đang được chuẩn bị cho hoạt động tương lai của tâm thức.

195. The preparation of quality and its extraction into the causal body is a transmutative process carried on under the auspices of a powerful transmutative planet, Venus, one of the rulers of the causal body and the symbol of all that has value and high quality (i.e., of all that has been transmuted from baseness into something of great refinement).

195. Sự chuẩn bị phẩm tính và việc rút xuất nó vào thể nguyên nhân là một tiến trình chuyển hoá được tiến hành dưới sự bảo trợ của một hành tinh chuyển hoá đầy quyền năng, Venus, một trong những chủ tinh của thể nguyên nhân và là biểu tượng của mọi điều có giá trị và phẩm chất cao (tức là của mọi điều đã được chuyển hoá từ sự thấp kém thành một cái gì đó hết sức tinh luyện).

196. It is the power of discriminating choice (within the lower three worlds) which governs the development of those values and qualities which can be alchemically elevated into the causal body. Without manasic discrimination the development of value and quality in the three worlds of human experience would be retarded and, consequently, the enrichment of the causal body would be delayed.

196. Chính quyền năng chọn lựa có phân biện (trong ba cõi thấp) chi phối sự phát triển của những giá trị và phẩm tính có thể được nâng lên bằng thuật luyện kim vào thể nguyên nhân. Nếu không có sự phân biện manas, sự phát triển giá trị và phẩm tính trong ba cõi của kinh nghiệm nhân loại sẽ bị trì hoãn, và do đó sự làm phong phú thể nguyên nhân cũng sẽ bị chậm lại.

IV. On the Abstract Levels of the Mental Plane.

197. We are speaking of the expression of the four types of manasic characteristics on the higher mental plane.

a. The ability of the Ego to discriminate as to time and space in the three worlds.

198. The manasic energy here wielded stems from the level of the Ego (i.e., at least from the level of consciousness within the causal body located as it is on the abstract levels of the mental plane).

199. In order to fulfill its purposes the Ego needs to wisely handle its 'playthings'—time and space. The discrimination here referenced is necessitated in the planning of any incarnation.

200. Part of this discrimination may well be the choosing of an appropriate horoscope and ray structure fit for the fulfillment of egoic purpose through a personality.

b. Egoic adaptation of matter and circumstance of time and environment to the specific need under the Law of Karma.

201. We are dealing with egoic supervision of any given incarnation. The Ego (human consciousness free from personality limitations and aided by the wisdom of the Solar Angel) foresees the purpose of any incarnation and the 'materials' and circumstances to be used in the fulfillment of that purpose.

IV. Trên Các Cấp Độ Trừu Tượng của Cõi Trí.

197. Chúng ta đang nói về sự biểu lộ của bốn loại đặc tính manas trên Cõi thượng trí.

a. Khả năng của chân ngã phân biện về thời gian và không gian trong ba cõi giới.

198. Năng lượng manas được vận dụng ở đây phát sinh từ cấp độ của chân ngã (tức là ít nhất từ cấp độ tâm thức bên trong thể nguyên nhân, vốn tọa lạc trên các cấp độ trừu tượng của cõi trí).

199. Để hoàn thành các mục đích của mình, chân ngã cần xử lý một cách minh triết những "đồ chơi" của nó—thời gian và không gian. Sự phân biện được nói đến ở đây là điều cần thiết trong việc hoạch định bất kỳ lần lâm phàm nào.

200. Một phần của sự phân biện này rất có thể là việc chọn một lá số chiêm tinh và cấu trúc cung thích hợp cho việc hoàn thành mục đích chân ngã qua một phàm ngã.

b. Sự thích nghi chân ngã của vật chất và hoàn cảnh về thời gian và môi trường đối với nhu cầu đặc thù dưới Định luật Nghiệp quả.

201. Chúng ta đang đề cập đến sự giám sát của chân ngã đối với bất kỳ lần lâm phàm nào. Chân ngã (tâm thức con người thoát khỏi những giới hạn của phàm ngã và được minh triết của Thái dương Thiên Thần trợ giúp) thấy trước mục đích của bất kỳ lần lâm phàm nào và những "vật liệu" cùng hoàn cảnh sẽ được dùng để hoàn thành mục đích ấy.

202. The Solar Angel Who participates in the expression of Ego, is a minor lord of karma and wields the Law of Karma with respect to the human personality.

202. Thái dương Thiên Thần, Đấng tham dự vào sự biểu lộ của chân ngã, là một vị tiểu chúa tể nghiệp quả và vận dụng Định luật Nghiệp quả đối với phàm ngã con người.

203. With prescient forethought the Ego 'arranges the coming scene', both from the material aspect (choosing the character of the vehicles through which it will manifest,) and from the circumstantial aspect (arranging necessary intersections and encounters to be magnetically drawn to its projection into the three worlds—its personality).

203. Với sự tiên liệu sáng suốt, chân ngã "sắp đặt cảnh sắp đến", cả từ phương diện vật chất (chọn tính chất của các hiện thể qua đó nó sẽ biểu lộ) lẫn từ phương diện hoàn cảnh (sắp xếp những giao điểm và cuộc gặp gỡ cần thiết để được hút về mặt từ tính đến sự phóng chiếu của nó vào ba cõi giới—phàm ngã của nó).

204. The Ego has a potent intelligence aspect and is, in a way, a 'Divine Manipulator' of the incarnation to come.

204. Chân ngã có một phương diện trí tuệ mạnh mẽ và, theo một nghĩa nào đó, là một "Đấng Điều Phối Thiêng Liêng" của lần lâm phàm sắp tới.

205. Speaking in theatrical terms, the plot is determined and the stage is set, yet the actor (the personality) will improvise his part; he does not follow a prepared script.

205. Nói theo ngôn ngữ sân khấu, cốt truyện được xác định và sân khấu được dàn dựng, nhưng diễn viên (phàm ngã) sẽ ứng biến vai của mình; y không theo một kịch bản đã chuẩn bị sẵn.

c. The 'Intelligent Purpose' which lies back of all physical objectivity, and which is seen working out in every life.

c. "Mục Đích Thông Tuệ" nằm phía sau mọi tính khách quan hồng trần, và được thấy đang triển khai trong mọi sự sống.

206. We can think of this as 'egoic purpose'. The egoic choice of rays and horoscope determine patterns which are likely to lead towards the fulfillment of that purpose.

206. Chúng ta có thể nghĩ về điều này như là "mục đích chân ngã". Sự chọn lựa cung và lá số chiêm tinh của chân ngã xác định những mô hình có khả năng dẫn đến việc hoàn thành mục đích ấy.

207. From the manasic angle, every incarnation is well planned and backed by "Intelligent Purpose".

207. Từ góc độ manas, mọi lần lâm phàm đều được hoạch định kỹ lưỡng và được hậu thuẫn bởi "Mục Đích Thông Tuệ".

208. Every incarnation represents an opportunity to expand consciousness and to

208. Mỗi lần lâm phàm tượng trưng cho một cơ hội để mở rộng tâm thức và xây dựng thể

build the causal body. Every incarnation sees one aspect of the "Intelligent Purpose" enacted through an intelligent plan. All this is conceived and directed from the higher mental plane whereon the Ego is focussed.

nguyên nhân. Mỗi lần lâm phàm chứng kiến một phương diện của "Mục Đích Thông Tuệ" được diễn ra qua một kế hoạch thông tuệ. Tất cả điều này được quan niệm và điều khiển từ Cõi thượng trí, nơi chân ngã được tập trung.

d. The **transmutation or transference** into the Triad of the life of the Ego as it functions in the causal body. This results in dissociation from manifestation in the three worlds.

d. Sự **chuyển hoá hay chuyển dịch** sự sống của chân ngã, khi nó hoạt động trong thể nguyên nhân, vào Tam nguyên tinh thần. Điều này dẫn đến sự tách rời khỏi biểu lộ trong ba cõi giới.

209. As we read point "d.", we must realize that the Ego can also function upon the planes of the spiritual triad (especially the two higher planes—buddhic and atmic), which it does once liberated from the causal body.

209. Khi đọc điểm "d.", chúng ta phải nhận ra rằng chân ngã cũng có thể hoạt động trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần (đặc biệt là hai cõi cao hơn—Bồ đề và atma), điều mà nó thực hiện một khi được giải thoát khỏi thể nguyên nhân.

210. This fourth stage is precisely the process which is covered in Rule XI in *The Rays and the Initiations:*

210. Giai đoạn thứ tư này chính xác là tiến trình được trình bày trong Quy luật XI trong *Các Cung và Các Điểm Đạo:*

Let the group together move the fire within the Jewel in the Lotus into the Triad and let them find the Word which will carry out that task. Let them destroy by their dynamic Will that which has been created at the midway point. When the point of tension is reached by the brothers at the fourth great cycle of attainment, then will this work be done. (R&I 22-23)

Hãy để nhóm cùng nhau chuyển ngọn lửa bên trong Viên Ngọc trong Hoa Sen vào Tam nguyên tinh thần và hãy để họ tìm ra Linh từ sẽ thực hiện nhiệm vụ đó. Hãy để họ dùng Ý chí năng động của mình phá huỷ điều đã được tạo ra tại nơi ở giữa. Khi điểm tập trung nhất tâm được các huynh đệ đạt đến trong chu kỳ lớn thứ tư của sự thành tựu, khi ấy công việc này sẽ được hoàn tất. (R&I 22-23)

211. Three ideas are to be correlated:

211. Ba ý tưởng cần được liên hệ với nhau:

a. Transmutation

a. Chuyển hoá

b. Transference

b. Chuyển dịch

c. The alchemical transmuting, transferring effect of Uranus.

c. Tác dụng chuyển hoá, chuyển dịch theo thuật luyện kim của Uranus.

212. Transmutation (from the perspective we are considering it) always involves transference—of the volatile essence from one ring-pass-not to another and, hopefully, greater ring-pass-not.

212. Chuyển hoá (từ góc nhìn mà chúng ta đang xét) luôn luôn bao hàm sự chuyển dịch —của tinh chất dễ bay hơi từ vòng-giới-hạn này sang vòng-giới-hạn khác và, hy vọng, lớn hơn.

213. From this perspective, transmutation is spiritual opportunity and always involves an elevation (except in those instances when the black forces arrange for the capture of the weakened volatile essence).

213. Từ góc nhìn này, chuyển hoá là cơ hội tinh thần và luôn luôn bao hàm một sự nâng cao (ngoại trừ những trường hợp các lực lượng hắc ám sắp đặt để bắt giữ tinh chất dễ bay hơi đã bị suy yếu).

To effect this transmutation (which is a point at times overlooked) the Thinker in the causal vehicle has to do three things:

Để thực hiện sự chuyển hoá này (một điểm đôi khi bị bỏ qua), Thức giả trong vận cụ nguyên nhân phải làm ba điều:

214. This is a most important addition to the material to be found in R&I about the group transfer of the fire within the "Jewel in the Lotus" into the spiritual triad.

214. Đây là một bổ sung hết sức quan trọng cho tài liệu có thể tìm thấy trong R&I về sự chuyển dịch theo nhóm của ngọn lửa bên trong "Viên Ngọc trong Hoa Sen" vào Tam nguyên tinh thần.

215. When we think of the identity of the "Thinker" in the causal body, we can think of him as the "Ego"—man as the Higher Self, aided and sustained by the Solar Angel.

215. Khi nghĩ đến căn tính của "Thức giả" trong thể nguyên nhân, chúng ta có thể nghĩ đến y như là "chân ngã"—con người như Bản Ngã Cao Siêu, được Thái dương Thiên Thần trợ giúp và duy trì.

216. Here are the three things which the Thinker in the causal body must do to effect the transmutation and transference of Egoic life into the spiritual triad:

216. Đây là ba điều mà Thức giả trong thể nguyên nhân phải làm để thực hiện sự chuyển hoá và chuyển dịch sự sống chân ngã vào Tam nguyên tinh thần:

1. Build and equip the causal body.

1. Xây dựng và trang bị thể nguyên nhân.

217. There can be no transfer until the causal body is mature. There can be no premature release. Only a well equipped causal body has sufficient substance to *fuel* the necessary elevation into the higher dimensions of the triad.

217. Không thể có sự chuyển dịch cho đến khi thể nguyên nhân trưởng thành. Không thể có sự giải thoát non sớm. Chỉ một thể nguyên nhân được trang bị đầy đủ mới có đủ chất liệu để *tiếp nhiên liệu* cho sự nâng cao cần thiết vào các chiều kích cao hơn của Tam nguyên tinh thần.

2. Bring about conscious connection or control of the threefold lower nature through the agency of the permanent atoms.

2. Tạo ra sự nối kết hữu thức hay sự kiểm soát bản chất tam phân thấp thông qua các nguyên tử trường tồn.

218. The threefold lower man is controlled from a consciousness focussed within the causal body.

218. Con người tam phân thấp được kiểm soát từ một tâm thức tập trung bên trong thể nguyên nhân.

219. If control of the lower threefold nature is to be achieved through the permanent atoms, the disciple's consciousness must be merged with egoic consciousness.

219. Nếu sự kiểm soát bản chất tam phân thấp phải được đạt đến qua các nguyên tử trường tồn, tâm thức của đệ tử phải được dung hợp với tâm thức chân ngã.

220. The transmutative refinement of the substance of the lower vehicles is additionally necessary to bring about this conscious connection and control.

220. Sự tinh luyện có tính chuyển hoá của chất liệu trong các hiện thể thấp cũng cần thiết thêm để tạo ra sự nối kết và kiểm soát hữu thức này.

3. Bridge the interlude between the causal body on its own level, and the manasic permanent atom.

3. Bắt cầu khoảng gián cách giữa thể nguyên nhân trên cấp độ riêng của nó và nguyên tử trường tồn manas.

221. This is a different aspect of the antahkarana than the one upon which we usually focus. Our usual focus involves building the bridge between the mental unit and the manasic permanent atom. The bridging of the interlude here referenced involves uniting the causal body itself to the manasic permanent atom.

221. Đây là một phương diện khác của antahkarana so với phương diện mà chúng ta thường tập trung vào. Trọng tâm thông thường của chúng ta là xây dựng cây cầu giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas. Việc bắt cầu khoảng gián cách được nói đến ở đây bao hàm việc hợp nhất chính thể nguyên nhân với nguyên tử trường tồn manas.

222. Study of the diagram (Chart IX) on p. 823 of TCF will reveal the threefold antahkarana and will include the segment of the bridge here discussed.

222. Việc nghiên cứu sơ đồ (Biểu đồ IX) ở tr. 823 của TCF sẽ cho thấy antahkarana tam phân và sẽ bao gồm đoạn cầu được bàn đến ở đây.

223. Is there a hint in the use of the word "interlude"? Normally, we would speak of the 'interval' between the causal body and the manasic permanent atom. May it be that in the higher *interlude* (of the meditative

223. Có phải có một gợi ý trong việc dùng từ "interlude" không? Thông thường, chúng ta sẽ nói về "khoảng cách" giữa thể nguyên nhân và nguyên tử trường tồn manas. Có thể chăng trong *khoảng tạm ngưng* cao hơn (của

process—a *contemplative* interlude) the indicated bridging process can occur?

tiến trình tham thiền—một khoảng tạm ngưng *chiêm ngưỡng*) tiến trình bắt cầu được chỉ ra có thể xảy ra?

224. This interlude can be bridged *by extending unitive thought until it becomes abstract thought.* From the point of view of the siddhis, it is moving from "Response to Group Vibration" to "Spiritual Telepathy". This aspect of the bridge is essentially a link between Venus (representing the causal body on the second sub-plane of the higher mental plane) and Mercury (representing the manasic permanent atom on the highest sub-plane of the higher mental plane).

224. Khoảng tạm ngưng này có thể được bắt cầu *bằng cách mở rộng tư tưởng hợp nhất cho đến khi nó trở thành tư tưởng trừu tượng.* Xét từ quan điểm các siddhi, đó là sự chuyển động từ "Đáp Ứng với Rung Động Nhóm" sang "Giao tiếp viễn cảm Tinh thần". Phương diện này của cây cầu về bản chất là một liên kết giữa Venus (đại diện cho thể nguyên nhân trên cõi phụ thứ hai của Cõi thượng trí) và Mercury (đại diện cho nguyên tử trường tồn manas trên cõi phụ cao nhất của Cõi thượng trí).

V. On Buddhic Levels: [Page 502]

V. Trên Các Cấp Độ Bồ đề: [Page 502]

225. We are, apparently, still dealing with manas but at the buddhic level it will be a kind of *transcendental* manas—an intuitive mental apprehension which rests upon the development of a powerful abstract mind.

225. Hiển nhiên, chúng ta vẫn đang đề cập đến manas, nhưng ở cấp độ Bồ đề đó sẽ là một loại manas *siêu việt*—một sự nắm bắt trí tuệ trực giác đặt nền trên sự phát triển của một trí trừu tượng mạnh mẽ.

a. Discriminative power here demonstrates as ability to distinguish between the abstract and the concrete, and to arrive at conclusions apart from the ordinary apparatus—the mental body and the physical brain.

a. Ở đây quyền năng phân biện biểu lộ như khả năng phân biệt giữa trừu tượng và cụ thể, và đi đến kết luận tách khỏi bộ máy thông thường—thể trí và bộ não thể xác.

226. There is a direct 'heart' connection which delivers the truth as an immediate recognition of reality.

226. Có một sự nối kết trực tiếp của "tim" chuyển trao chân lý như một sự nhận biết tức thời về thực tại.

227. Discriminative power (an aspect of manas) is still required, but the discrimination is applied to the task of differentiating between the rupa and arupa worlds.

227. Quyền năng phân biện (một phương diện của manas) vẫn còn cần thiết, nhưng sự phân biện được áp dụng vào nhiệm vụ phân biệt giữa các thế giới rupa và arupa.

228. Such discrimination will not be the usual exercise of reason. It is not reason (as a mental activity) which reveals the difference between the abstract and the concrete, but another faculty. Perhaps this faculty is an aspect of "pure reason".

228. Sự phân biện như thế sẽ không phải là sự vận dụng lý trí thông thường. Không phải lý trí (như một hoạt động trí tuệ) mặc khải sự khác biệt giữa trừu tượng và cụ thể, mà là một năng lực khác. Có lẽ năng lực này là một phương diện của "lý trí thuần khiết".

229. From the perspective of buddhi, the world so-called "arupa" world of the higher mind is *concrete*.

229. Từ góc nhìn của Bồ đề, thế giới được gọi là thế giới "arupa" của thượng trí lại là *cụ thể*.

b. Adaptability to Hierarchical enterprise shown by the Initiate or Master, and His receptivity to life impulses and spiritual currents emanating from the planetary Logos of His Ray—a thing at this stage impossible of conscious realisation.

b. Khả năng thích nghi với công cuộc của Thánh đoàn được điểm đạo đồ hay Chân sư biểu lộ, và sự tiếp nhận của Ngài đối với các xung lực sự sống và các dòng tinh thần phát ra từ Hành Tinh Thượng Đế của cung của Ngài—một điều ở giai đoạn này không thể được chứng nghiệm một cách hữu thức.

230. Even though the Initiate or Master may be working within the Earth-scheme, He is nonetheless responsive to the Logos of His Ray (which may be any one of the seven Planetary Logoi of the seven sacred planets).

230. Dù điểm đạo đồ hay Chân sư có thể đang hoạt động trong hệ hành tinh Địa Cầu, Ngài vẫn đáp ứng với Thượng đế của cung của Ngài (có thể là bất kỳ một trong bảy Hành Tinh Thượng Đế của bảy hành tinh thiêng liêng).

231. This type of adaptability need not be reasoned; it is simply known and understood. The type of knowledge utilized has been called by Master M. "straight knowledge". Straight knowledge guides the adaptive activity of the Initiate or Master.

231. Loại khả năng thích nghi này không cần phải được lý luận; nó đơn giản là được biết và được thấu hiểu. Loại tri thức được sử dụng đã được Chân sư M. gọi là "tri thức trực tiếp". Tri thức trực tiếp hướng dẫn hoạt động thích nghi của điểm đạo đồ hay Chân sư.

232. If we wonder how manasic characteristics can express themselves on planes higher than the systemic manasic plane, we have but to remember that once the initiate has entered into the cosmic ethers he has entered a vibratory domain which is to some degree responsive to *cosmic mind*.

232. Nếu chúng ta tự hỏi làm thế nào các đặc tính manas có thể biểu lộ trên những cõi cao hơn cõi manas của hệ thống, chúng ta chỉ cần nhớ rằng một khi điểm đạo đồ đã đi vào các dĩ thái vũ trụ, y đã đi vào một lĩnh vực rung động ở một mức độ nào đó đáp ứng với *trí tuệ vũ trụ*.

233. The manas characteristic of cosmic mind must express itself in ways very different and far more advanced than manas as humanity understands that term.

233. Đặc tính manas của trí tuệ vũ trụ hẳn phải biểu lộ theo những cách rất khác biệt và tiến bộ hơn nhiều so với manas như nhân loại hiểu thuật ngữ ấy.

c. In the ordered purpose which guides the choice by a Master of one of the seven Paths of endeavour. Thus choice is based on KNOWLEDGE and not on desire.

c. Trong mục đích có trật tự hướng dẫn sự chọn lựa của một Chân sư đối với một trong bảy Con Đường nỗ lực. Vì vậy sự chọn lựa dựa trên TRI THỨC chứ không dựa trên dục vọng.

234. This is an important distinction—between knowledge and desire. The Master is controlled by the number *five*. He is not only a Master of the Wisdom in the three lower worlds; He is a Master of *knowledge* as it can be found within the three worlds.

234. Đây là một sự phân biệt quan trọng—giữa tri thức và dục vọng. Chân sư được kiểm soát bởi con số *năm*. Ngài không chỉ là một Chân sư của Minh triết trong ba cõi thấp; Ngài còn là một Chân sư của *tri thức* như nó có thể được tìm thấy trong ba cõi giới.

235. The choice of one of the Seven Paths (or, now, *nine*—cf. R&I, 412) is determined by ordered purpose and knowledge. May we say that the initiate is to a degree guided by the "Mind of God" to the degree than He can apprehend it? The Master is focused to a large extent on the atmic plane which can be conceived as reflective of the Universal Mind.

235. Sự chọn lựa một trong Bảy Con Đường (hay hiện nay là *chín*—xem R&I, 412) được quyết định bởi mục đích có trật tự và tri thức. Chúng ta có thể nói rằng điểm đạo đồ ở một mức độ nào đó được "Trí của Thượng đế" hướng dẫn theo mức độ mà Ngài có thể nắm bắt được chăng? Chân sư được tập trung phần lớn trên cõi atma, cõi có thể được quan niệm như phản chiếu của Vũ Trụ Trí.

236. In any case the choosing Master is aware of many relationships, and chooses with the aid of pure reason the Path He will tread.

236. Dù sao đi nữa, Chân sư đang chọn lựa ý thức được nhiều mối liên hệ, và chọn với sự trợ giúp của lý trí thuần khiết Con Đường mà Ngài sẽ bước đi.

237. The choosing Master seeks to preserve the divinely intended Order and Purpose of the Greater Lives in which He lives and moves and has His being. He has reached such a point of tension that He is removed from any personal or individual *desire* to tread this or that Path. He realizes that, in terms of the Greater Plan, there is only One Path which is correct for Him, and this Path He freely chooses—unless, of course (for

237. Chân sư đang chọn lựa tìm cách bảo tồn Trật Tự và Mục Đích do thiêng liêng dự định của các Sự sống Vĩ Đại mà trong đó Ngài sống, vận động và hiện hữu. Ngài đã đạt đến một điểm tập trung nhất tâm đến mức được tách khỏi bất kỳ *dục vọng* cá nhân hay biệt lập nào muốn bước trên Con Đường này hay Con Đường kia. Ngài nhận ra rằng, xét theo Thiên Cơ Vĩ Đại, chỉ có Một Con Đường là đúng cho Ngài, và Con Đường này Ngài tự do

other reasons, among them excessive compassion), He makes a mistake as some great souls have.

chọn lựa—trừ phi, dĩ nhiên (vì những lý do khác, trong đó có lòng từ bi quá mức), Ngài phạm sai lầm như một số linh hồn vĩ đại đã từng.

238. The term "KNOWLEDGE", so emphatically capitalized, is, again, straight, direct knowledge—pure reason. The KNOWLEDGE which guides a Master is the choice of His correct Cosmic Path is not a knowledge derived from *reasoning*.

238. Thuật ngữ "TRI THỨC", được viết hoa đầy nhấn mạnh như vậy, một lần nữa là tri thức trực tiếp, thẳng tắp—lý trí thuần khiết. TRI THỨC hướng dẫn một Chân sư trong việc chọn Con Đường Vũ Trụ đúng đắn của Ngài không phải là tri thức phát sinh từ sự *lý luận*.

d. In the conscious transmutation He undertakes in the work of evolution, and in the gradual transference of His own life, and the life of His group, **into the monadic aspect which is reflected in the buddhic**.

d. Trong sự chuyển hoá hữu thức mà Ngài đảm nhận trong công việc tiến hoá, và trong sự chuyển dịch dần dần sự sống của chính Ngài, và sự sống của nhóm Ngài, **vào phương diện chân thần được phản chiếu trong Bồ đề**.

239. This phase of the transmutation process makes it possible for the Initiate (now a conscious agent of transmutation) to lend His forces to the elevation of the group onto levels of pure being (monadic levels of which the buddhic levels are a reflection).

239. Giai đoạn này của tiến trình chuyển hoá làm cho điểm đạo đồ (nay là một tác nhân hữu thức của sự chuyển hoá) có thể đem các mãnh lực của Ngài hỗ trợ cho sự nâng cao của nhóm lên các cấp độ của bản thể thuần tuý (các cấp độ chân thần mà các cấp độ Bồ đề là một sự phản chiếu).

240. Whenever we have come to the section on transmutation (following discrimination/selection, adaptation and ordered purpose) there has always been presented the necessity for *elevation*.

240. Chúng ta đã lưu ý rằng bất cứ khi nào đến phần nói về chuyển hoá (sau phân biện/chọn lọc, thích nghi và mục đích có trật tự), luôn luôn xuất hiện sự cần thiết của việc *nâng cao*.

241. We have noted intended transferences/transmutations from the physical plane to the mental plane; from the astral to the buddhic plane; from the world of personality to the world of the causal body; from the world of the causal body into the world of the triad; and now from the buddhic plane into the world of the Monad.

241. Chúng ta đã ghi nhận những sự chuyển dịch/chuyển hoá được dự định từ cõi hồng trần lên cõi trí; từ cõi cảm dục lên cõi Bồ đề; từ thế giới của phàm ngã sang thế giới của thể nguyên nhân; từ thế giới của thể nguyên nhân vào thế giới của Tam nguyên tinh thần; và giờ đây từ cõi Bồ đề vào thế giới của chân thần.

242. Each transmutation or transference represents an expansion of scope for the expression of the elevated or liberated volatile essence—the unit of electric fire at the heart of the alchemized atom.

242. Mỗi sự chuyển hoá hay chuyển dịch tượng trưng cho một sự mở rộng phạm vi biểu lộ của tinh chất dễ bay hơi đã được nâng cao hay giải thoát—đơn vị lửa điện ở trung tâm của nguyên tử đã được luyện kim.

243. We note that the higher Initiate moves not only alone but *with His group.* The degree to which He has mastered transmutation as a manasic characteristic allows Him to facilitate the elevation of His entire group.

243. Chúng ta lưu ý rằng điểm đạo đồ cao cấp không chỉ tiến bước một mình mà còn *cùng với nhóm của Ngài.* Mức độ mà Ngài đã làm chủ sự chuyển hoá như một đặc tính manas cho phép Ngài tạo điều kiện cho sự nâng cao của toàn bộ nhóm Ngài.

244. We note that when dealing with the Fourteen Rules for Disciples and Initiates, the Rules so often begin with "Let the group..." The sense of any separative individualism has long been overcome.

244. Chúng ta lưu ý rằng khi đề cập đến Mười Bốn Quy luật cho Đệ tử và Điểm đạo đồ, các quy luật thường bắt đầu bằng "Hãy để nhóm..." Ý thức về bất kỳ chủ nghĩa cá nhân phân ly nào từ lâu đã được vượt qua.

VI. On Atmic Levels:

VI. Trên Các Cấp Độ Atma:

245. We are still dealing with the characteristics of manas, though it is a type of manas which is triadal, being found on atmic levels. We recognize that, as the third of the systemic planes, the atmic plane is a manasic plane.

245. Chúng ta vẫn đang đề cập đến các đặc tính của manas, dù đó là một loại manas thuộc tam nguyên tinh thần, được tìm thấy trên các cấp độ atma. Chúng ta nhận ra rằng, với tư cách là cõi thứ ba của hệ thống, cõi atma là một cõi manas.

a. In the selective work of the adept as it relates to planetary manifestation, and the discriminative power which guides all action relating to His own planet, and the two others associated with the Earth, as a systemic triangle.

a. Trong công việc chọn lọc của chân sư khi nó liên hệ đến biểu lộ hành tinh, và quyền năng phân biện hướng dẫn mọi hành động liên quan đến hành tinh riêng của Ngài, cùng hai hành tinh khác kết hợp với Trái Đất như một tam giác hệ thống.

246. We are speaking of selectivity and discriminative power—as we have at the outset of each consideration of the characteristics of manas in relation to the ascending planes.

246. Chúng ta đang nói về tính chọn lọc và quyền năng phân biện—như đã nói ở phần mở đầu của mỗi lần xem xét các đặc tính của manas trong liên hệ với các cõi thăng dần.

247. The adept (for that is the nature of the Individual here under consideration) now selects and discriminates in such a manner as to promote the expression of the Divine Plan within His planetary scheme and also within the two planetary schemes most closely associated with the Earth—probably Venus and Mars.

247. Chân sư (vì đó là bản chất của Cá Thể đang được xem xét ở đây) giờ đây chọn lọc và phân biện theo cách thúc đẩy sự biểu lộ của Thiên Cơ trong hệ hành tinh của Ngài và cả trong hai hệ hành tinh gắn bó mật thiết nhất với Trái Đất—có lẽ là Venus và Mars.

248. Two advanced atmic siddhis come to mind when thinking of this type of ability: Active Service (related to the sixth sub-plane of the atmic plane) and All Knowledge (related to the third sub-plane).

248. Hai siddhi atma cao cấp xuất hiện trong tâm trí khi nghĩ về loại năng lực này: Phụng Sự Tích Cực (liên hệ với cõi phụ thứ sáu của cõi atma) và Toàn Tri (liên hệ với cõi phụ thứ ba).

249. Always choice must be made; one possible line of action has to be selected in preference to another. Knowing something of the Divine Plan and Purpose for His Planetary Logos, the Master is now in a position to select and discriminate wisely. He is guided to the extent possible by the seven Purposes of Sanat Kumara as they have been presented for us in Rule XIII—though He cannot know the "unknown, unseen and unheard purpose of Sanat Kumara" (R&I 241)

249. Luôn luôn phải có sự chọn lựa; một đường lối hành động khả hữu phải được chọn thay vì một đường lối khác. Biết được phần nào về Thiên Cơ và Mục Đích thiêng liêng dành cho Đức Hành Tinh Thượng Đế của Ngài, Chân sư giờ đây ở vào vị thế có thể chọn lọc và phân biện một cách minh triết. Ngài được hướng dẫn trong mức độ có thể bởi bảy Mục Đích của Đức Sanat Kumara như chúng đã được trình bày cho chúng ta trong Quy luật XIII—dù Ngài không thể biết "mục đích vô tri, vô kiến và vô văn của Sanat Kumara" (R&I 241)

b. The adaptation of groups (deva and human) to certain types of influence, and vibration, which emanate extra-systemically, and which from high cosmic levels play upon groups, fostering certain attributes for which we have, as yet, no terminology.

b. Sự thích nghi của các nhóm (thiên thần và nhân loại) với một số loại ảnh hưởng và rung động nhất định, phát ra từ ngoài hệ thống, và từ các cấp độ vũ trụ cao tác động lên các nhóm, nuôi dưỡng một số thuộc tính mà hiện nay chúng ta vẫn chưa có thuật ngữ để gọi tên.

250. These are adaptations of which only Masters are capable. The Master promotes the adaptation not only of individuals but of groups (not only groups of human beings but groups of devas). The scope of His

250. Đây là những sự thích nghi mà chỉ các Chân sư mới có khả năng thực hiện. Chân sư thúc đẩy sự thích nghi không chỉ của các cá nhân mà còn của các nhóm (không chỉ các nhóm người mà cả các nhóm thiên thần).

effectiveness is greatly expanded over that possible to a disciple.

Phạm vi hiệu quả của Ngài được mở rộng rất lớn so với điều có thể có nơi một đệ tử.

251. May it be that we are speaking of constellational and zodiacal influences to which a Master can respond—for instance, Aquarian energy?

251. Có thể chăng ở đây chúng ta đang nói đến những ảnh hưởng từ các chòm sao và hoàng đạo mà một Chân sư có thể đáp ứng—thí dụ, năng lượng Bảo Bình?

252. If this is the case, we are attributing to a Master a high degree of sensitivity to very subtle influences, as well as a knowledge of how these influence can be rendered useful to those who cannot yet understand them or receive them directly.

252. Nếu đúng như vậy, thì chúng ta đang quy cho một Chân sư một mức độ nhạy cảm cao đối với những ảnh hưởng rất vi tế, cũng như một tri thức về cách những ảnh hưởng này có thể được làm cho hữu ích đối với những người chưa thể hiểu chúng hoặc tiếp nhận chúng một cách trực tiếp.

253. We must recall the implications of the word "Adept"; an Adept is an expert at adaptation. It is illuminating to focus on these high sorts of adaptations for which an Adept is responsible.

253. Chúng ta phải nhớ lại những hàm ý của từ "chân sư"; một chân sư là một bậc thiện xảo trong sự thích ứng. Thật soi sáng khi tập trung vào những loại thích ứng cao cả này mà một chân sư chịu trách nhiệm.

c. The synthesising work of the Brahma aspect as it works out in the blending of the four minor rays into the third major. [Page 503]

c. Công việc tổng hợp của phương diện Brahma khi nó được thể hiện trong sự hòa trộn bốn cung phụ vào cung chính thứ ba. [Page 503]

254. This is the section of the tabulation which usually comes under the heading "ordered purpose".

254. Đây là phần của bảng biểu thường nằm dưới tiêu đề "mục đích có trật tự".

255. The Brahma aspect is particularly associated with the atmic plane on which the Master finds a large measure of His focus.

255. Phương diện Brahma đặc biệt liên hệ với cõi atma, trên đó Chân sư tìm thấy một phần lớn điểm tập trung của Ngài.

256. Since a Master is ruled by the number *five* He is invariably a synthesizer of the *four* into the *one*, thus making the *five*.

256. Vì một Chân sư được chi phối bởi số *năm* nên Ngài luôn luôn là một đấng tổng hợp của *bốn* vào *một*, nhờ đó tạo thành *năm*.

257. We can think of the Master as Brahma; the sixth degree Chohan as Vishnu, and the seventh degree Chohan as Shiva.

257. Chúng ta có thể nghĩ về Chân sư như Brahma; Chohan cấp sáu như Vishnu, và Chohan cấp bảy như Shiva.

258. We are also given the hint that synthesis is inseparable from ordered purpose.

258. Chúng ta cũng được cho một gợi ý rằng sự tổng hợp là bất khả phân với mục đích có trật tự.

259. It may be that the Master is able to receive some aspect from the Third Person of the Logoic Trinity—the Logos, Brahma.

259. Có thể Chân sư có khả năng tiếp nhận một phương diện nào đó từ Ngôi Thứ Ba của Tam Vị Logoic—Logos, Brahma.

d. The transmutation which results in planetary **obscuration** in connection with five of the Heavenly Men and which—as in the **previous work of synthesis**—concerns microcosmic evolution and is participated in by man. I would call attention to an interesting point: as more and more of the **Monads are resolved back into their source** it produces a gradual obscuration of the particular Heavenly Man in Whose body they are the cells.

d. Sự chuyển hoá dẫn đến sự **che khuất** hành tinh liên quan đến năm Đấng Thiên Nhân và —cũng như trong **công việc tổng hợp trước đó**—liên quan đến tiến hoá vi mô và có sự tham gia của con người. Tôi muốn lưu ý đến một điểm thú vị: khi ngày càng nhiều **Chân Thần được phân giải trở lại vào nguồn cội của chúng** thì điều đó tạo ra sự che khuất dần dần của Đấng Thiên Nhân đặc thù mà trong thân thể của Ngài chúng là các tế bào.

260. We note that man participates in the “previous work of synthesis”. It can be questioned whether he participates in the subsequent work of obscuration.

260. Chúng ta lưu ý rằng con người tham gia vào “công việc tổng hợp trước đó”. Có thể đặt câu hỏi liệu y có tham gia vào công việc che khuất tiếp theo hay không.

261. We see that the transmutations suggested become increasingly abstruse. The transmutation impulsed from the buddhic plane reached the monadic. To what plane does this type of transmutation reach? The logoic?

261. Chúng ta thấy rằng những sự chuyển hoá được gợi ý trở nên ngày càng thâm áo. Sự chuyển hoá được thúc đẩy từ cõi Bồ đề đã vươn tới cõi chân thần. Loại chuyển hoá này vươn tới cõi nào? Cõi logoic chăng?

262. It seems to be a transmutation in which the entire Brahma aspect is prepared for absorption into the Vishnu and Shiva aspects.

262. Dường như đây là một sự chuyển hoá trong đó toàn bộ phương diện Brahma được chuẩn bị để được hấp thụ vào các phương diện Vishnu và Shiva.

263. In terms the planetary schemes, the schemes included in the Brahma aspect are prepared for absorption into the two principal synthesizing planets—Neptune and Uranus (though which of these is the *last* synthesizer cannot easily be determined).

263. Xét theo các hệ hành tinh, những hệ được bao gồm trong phương diện Brahma được chuẩn bị để được hấp thụ vào hai hành tinh tổng hợp chính—Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương (dù hành tinh nào trong hai hành tinh này là đấng tổng hợp *sau cùng* thì không dễ xác định).

264. What is the source of the Monad and on which plane is this source to be found? Is it the monadic plane or the plane still higher, the adic?

264. Nguồn cội của Chân Thần là gì và nguồn này được tìm thấy trên cõi nào? Có phải là cõi chân thần hay là cõi còn cao hơn nữa, cõi adic?

265. The sequence of processes may be understood as follows (though some might rearrange the words): synthesis, obscuration, (final) absorption. We note that in the section above the process of synthesis *precedes* obscuration.

265. Chuỗi tiến trình có thể được hiểu như sau (dù một số người có thể sắp xếp lại các từ): tổng hợp, che khuất, hấp thụ (sau cùng). Chúng ta lưu ý rằng trong phần trên, tiến trình tổng hợp *đi trước* sự che khuất.

266. We gather that in this type of obscuration, the Master is participating in the termination of the Brahmic aspect (in the solar system which encompasses the Master as a unit of life) and its absorption into the two higher aspects.

266. Chúng ta suy ra rằng trong loại che khuất này, Chân sư đang tham gia vào sự chấm dứt của phương diện Brahma (trong hệ mặt trời bao gồm Chân sư như một đơn vị sự sống) và sự hấp thụ của nó vào hai phương diện cao hơn.

267. Perhaps, it is 'man-as-Monad' who participates in the obscuration of his own Heavenly Man.

267. Có lẽ chính 'con người-với-tư-cách-Chân Thần' tham gia vào sự che khuất của chính Đấng Thiên Nhân của mình.

268. We see that the ultimate phases of human development are related to planetary obscuration.

268. Chúng ta thấy rằng các giai đoạn tối hậu của sự phát triển nhân loại có liên hệ với sự che khuất hành tinh.

Though this may look to human vision as extending over a profoundly long period, from the point of view of universal or group consciousness it is occurring NOW.

Dù điều này có thể trông như kéo dài qua một thời kỳ vô cùng lâu đối với tầm nhìn của con người, song từ quan điểm của tâm thức vũ trụ hay tâm thức nhóm, điều đó đang diễn ra NGAY BÂY GIỜ.

269. It is difficult for us to grasp huge perspectives. All may seem to be proceeding slowly, and yet culminating processes have even *now* begun (though few there are who can detect them).

269. Chúng ta khó nắm bắt được những viễn tượng bao la. Mọi sự có thể dường như đang tiến hành chậm chạp, nhưng các tiến trình kết thúc thậm chí *ngay bây giờ* đã bắt đầu (dù rất ít người có thể nhận ra chúng).

270. We may gather that processes of synthesis, obscuration and final absorption take a great deal of time to complete. Even while our attention may be focussed on less abstractive phases of the planetary process, the great abstractive phases are underway.

270. Chúng ta có thể suy ra rằng các tiến trình tổng hợp, che khuất và hấp thụ sau cùng cần rất nhiều thời gian để hoàn tất. Ngay cả khi sự chú ý của chúng ta có thể tập trung vào những giai đoạn ít trừu tượng hơn của tiến trình hành tinh, thì những giai đoạn trừu tượng lớn lao vẫn đang diễn ra.

For instance, such an event as the obscuration of the manifestation of the **Logos of our Earth scheme** is already in process and began in Lemurian days.

Chẳng hạn, một biến cố như sự che khuất của biểu hiện của **Logos của hệ Địa Cầu chúng ta** đã ở trong tiến trình và đã bắt đầu từ thời Lemuria.

271. This is an amazing statement. We are not just speaking of the obscuration of a Globe Lord or Chain-Lord, but of a Scheme-Lord (the Logos of our Earth-scheme)

271. Đây là một phát biểu đáng kinh ngạc. Chúng ta không chỉ nói về sự che khuất của một Chúa Tể Bầu hành tinh hay Chúa Tể Dãy, mà là của một Chúa Tể Hệ (Logos của hệ Địa Cầu chúng ta)

272. We may say that once the turn has been made, the process of obscuration is definitely (though practically imperceptibly) underway.

272. Chúng ta có thể nói rằng một khi bước ngoặt đã được thực hiện, tiến trình che khuất chắc chắn (dù hầu như không thể nhận thấy) đang diễn ra.

273. The coming of the Lords of the Flame in Lemurian days must have been an important part of the process for they signaled a new development in the planetary heart center. When there is a definite movement from the third aspect of divinity into the second we may say that obscuration has begun?

273. Sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa vào thời Lemuria hẳn phải là một phần quan trọng của tiến trình này vì Các Ngài báo hiệu một sự phát triển mới trong trung tâm tim hành tinh. Khi có một chuyển động rõ rệt từ phương diện thứ ba của thiên tính sang phương diện thứ hai, chúng ta có thể nói rằng sự che khuất đã bắt đầu chăng?

274. The inference from the text sections above is that ever since Lemurian Days and the coming of the Lords of the Flame, human Monads have begun to be resolved

274. Suy luận từ các phần văn bản trên là kể từ thời Lemuria và sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa, các Chân Thần nhân loại đã bắt đầu được phân giải trở lại

back into their source—certain of the chakras in the Planetary Logos.

VII. As regards monadic discrimination, adaptability, purpose and transmutative power it is needless to enlarge.

275. Here we would have the *final* type of (super) manasic activity—through discrimination/separation, adaptation, ordered purpose and transmutative power.

All these ideas and concepts are of value only in so far as they produce within the Thinker a more intelligent appreciation of the grandeur of the divine plan, an appropriation of the energy and force which is his by right of participation in the processes of manifestation, and a wise co-operation in the furtherance of the evolutionary plan as it affects him individually and his groups.

276. Let us tabulate what have been the objectives of the Tibetan:

a. To produce in the Thinker a more intelligent appreciation of the grandeur of the Divine Plan. This type of appreciation inspires and strengthens and produces a more stalwart server.

b. To produce an appropriation of energy and force which belongs to the Thinker by right of participation in the processes of manifestation. Through conformity to these studies have we accessed divine energies which, normally, we would be unable to access? To the extent that we are consciously and effectively participating in the Reappearance of the Christ, we will, in increasingly measure, be able to appropriate such energies and forces.

vào nguồn cội của chúng—những luân xa nào đó trong Đức Hành Tinh Thượng Đế.

VII. Về phương diện phân biện chân thần, khả năng thích ứng, mục đích và quyền năng chuyển hoá thì không cần phải nói thêm.

275. Ở đây chúng ta có loại hoạt động manas (siêu) *sau cùng*—thông qua phân biện/tách biệt, thích ứng, mục đích có trật tự và quyền năng chuyển hoá.

Tất cả những ý tưởng và khái niệm này chỉ có giá trị trong chừng mực chúng tạo ra bên trong Nhà Tư Tưởng một sự đánh giá thông minh hơn về sự vĩ đại của Thiên Cơ thiêng liêng, sự chiếm hữu năng lượng và mãnh lực vốn thuộc về y do quyền tham dự vào các tiến trình biểu hiện, và sự hợp tác minh triết trong việc thúc đẩy Thiên Cơ tiến hoá khi nó tác động đến y một cách cá nhân và đến các nhóm của y.

276. Chúng ta hãy lập bảng những gì đã là các mục tiêu của Chân sư Tây Tạng:

a. Tạo ra nơi Nhà Tư Tưởng một sự đánh giá thông minh hơn về sự vĩ đại của Thiên Cơ thiêng liêng. Loại đánh giá này truyền cảm hứng, tăng cường sức mạnh và tạo ra một người phụng sự kiên cường hơn.

b. Tạo ra sự chiếm hữu năng lượng và mãnh lực thuộc về Nhà Tư Tưởng do quyền tham dự vào các tiến trình biểu hiện. Thông qua sự tuân theo các nghiên cứu này, liệu chúng ta có tiếp cận được những năng lượng thiêng liêng mà thông thường chúng ta không thể tiếp cận không? Trong chừng mực chúng ta đang tham gia một cách hữu thức và hữu hiệu vào Sự Tái Lâm của Đức Christ, chúng ta sẽ ngày càng có khả năng chiếm hữu những năng lượng và mãnh lực như thế.

c. To produce a wise co-operation in the furtherance of the evolutionary plan as it affects the Thinker individually and his groups. Through these studies we should learn the wider objective of the Will behind our will, the Love behind our love and the Intelligence behind our intelligence. Our ability to cooperate should be enhanced. Our work with Hierarchy should become useful rather than impedimentary.

c. Tạo ra một sự hợp tác minh triết trong việc thúc đẩy Thiên Cơ tiến hoá khi nó tác động đến Nhà Tư Tưởng một cách cá nhân và đến các nhóm của y. Qua những nghiên cứu này, chúng ta nên học được mục tiêu rộng lớn hơn của Ý Chí đằng sau ý chí của chúng ta, Tình thương đằng sau tình thương của chúng ta và Trí tuệ đằng sau trí tuệ của chúng ta. Khả năng hợp tác của chúng ta nên được tăng cường. Công việc của chúng ta với Thánh Đoàn nên trở nên hữu ích thay vì cản trở.

277. One might speculate as to the nature of monadic discrimination, adaptability, ordered purpose and transmutation. We can imagine it would relate to the final plans and purposes of the *Solar* Logos and could conceivably entertain purposes still more cosmic. The Monad, we realize, finds its home within the Sun.

277. Người ta có thể suy đoán về bản chất của sự phân biện chân thần, khả năng thích ứng, mục đích có trật tự và sự chuyển hoá. Chúng ta có thể hình dung rằng nó sẽ liên hệ đến những kế hoạch và mục đích sau cùng của Thái dương *Thượng đế* và có thể còn bao hàm những mục đích mang tính vũ trụ hơn nữa. Chúng ta nhận ra rằng Chân Thần tìm thấy ngôi nhà của mình bên trong Mặt Trời.

278. The discriminative work, instead of focussing on three related planets within the solar system, might focus on the relations of *all* planetary spheres within the Solar Logoic ring-pass-not.

278. Công việc phân biện, thay vì tập trung vào ba hành tinh có liên hệ trong hệ mặt trời, có thể tập trung vào các mối quan hệ của *mọi* khối cầu hành tinh bên trong vòng-giới-hạn của Thái dương Thượng đế.

279. The adaptation might well provide a conduit for cosmic energies to reach *systemic* groups.

279. Sự thích ứng rất có thể cung cấp một ống dẫn để các năng lượng vũ trụ đến được các nhóm *hệ thống*.

280. The absorption through ordered purpose would be into the Solar Logos Himself and not simply into the higher order synthesizing planets as was the case with transmutation originating on the atmic plane.

280. Sự hấp thụ thông qua mục đích có trật tự sẽ là vào chính Thái dương Thượng đế chứ không chỉ đơn giản vào các hành tinh tổng hợp thuộc trật tự cao hơn như trường hợp của sự chuyển hoá phát sinh trên cõi atma.

281. As for the transmutation to be experienced, it would probably involve release onto the cosmic astral plane and,

281. Còn về sự chuyển hoá sẽ được kinh nghiệm, có lẽ nó sẽ bao hàm sự giải thoát lên cõi cảm dục vũ trụ và như vậy là thoát khỏi

thus, escape from what we usually call our solar system.

282. VSK has something to say here. It may require a bit of interpretation, but I think you'll get the message: "This means … that if you haven't been self-nuked by now, or benevolently nuked by divine hierarchical imperative, the reader should understand evolution and where he stands in a group of either 4.5 or 5.5 consciousnesses. If 4.5, he won't understand what I mean; if 4.6, he'll think he's transcended into the (insert exponent of choice) dimension and all is sweet, and 'why can't we all get along', one wonders?) Or if 5.1,2,3, or 4, he'll be trying to convince others about it in political forums."

điều mà chúng ta thường gọi là hệ mặt trời của mình.

282. VSK có điều gì đó để nói ở đây. Có thể cần một chút diễn giải, nhưng tôi nghĩ bạn sẽ nắm được thông điệp: "Điều này có nghĩa là … rằng nếu đến giờ bạn vẫn chưa bị tự-hạt-nhân-hoá, hoặc được hạt-nhân-hoá một cách từ bi bởi mệnh lệnh thiêng liêng của Thánh đoàn, thì người đọc nên hiểu tiến hoá và vị trí của y trong một nhóm gồm hoặc 4.5 hoặc 5.5 tâm thức. Nếu là 4.5, y sẽ không hiểu tôi muốn nói gì; nếu là 4.6, y sẽ nghĩ rằng y đã siêu vượt vào chiều kích (điền số mũ tùy chọn) và mọi sự đều ngọt ngào, và 'tại sao tất cả chúng ta không thể hòa thuận với nhau', người ta tự hỏi?) Hoặc nếu là 5.1,2,3, hay 4, y sẽ cố thuyết phục người khác về điều đó trong các diễn đàn chính trị."

TCF 504-515: S5S6

15 June – 1 July 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

[Page 504]

15 June – 1 July 2007

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn.

[Page 504]

1. We now begin our third division of Section Two, Solar Fire, focusing on the Egoic Ray and that of the nature of the causal body.

2. This very long section will be one of the most important and practical sections we study.

3. The following table of contents will be addressed over the next months.

4. There are statements below in the Table of Contents which epitomize certain essential facts and relationships.

5. I will append a few remarks, however the real development of these subjects will be taken up when they are studied in detail.

1. Giờ đây chúng ta bắt đầu phần thứ ba của Phần Hai, Lửa Thái dương, tập trung vào cung chân ngã và vào bản chất của thể nguyên nhân.

2. Phần rất dài này sẽ là một trong những phần quan trọng và thực tiễn nhất mà chúng ta nghiên cứu.

3. Bảng mục lục sau đây sẽ được đề cập đến trong những tháng tới.

4. Có những phát biểu dưới đây trong Bảng Mục Lục tóm lược một số sự kiện và mối liên hệ cốt yếu.

5. Tôi sẽ thêm vào một vài nhận xét, tuy nhiên sự triển khai thực sự của những chủ đề này sẽ được thực hiện khi chúng được nghiên cứu chi tiết.

SECTION TWO

DIVISION C

THE EGOIC RAY AND SOLAR FIRE [Page 504]

I. THE NATURE OF THE CAUSAL BODY

1. It is formed by the contact of the two fires of Spirit and matter.

6. It is not only the Solar Angels who produce the causal body in higher mental matter. The influence of the Monad must also be present, as is clear from an examination of Chart VIII

2. It is produced at individualisation.

PHẦN HAI

PHÂN ĐOẠN C

CUNG CHÂN NGÃ VÀ LỬA THÁI DƯƠNG [Page 504]

I. BẢN CHẤT CỦA THỂ NGUYÊN NHÂN

1. Nó được hình thành bởi sự tiếp xúc của hai ngọn lửa của tinh thần và vật chất.

6. Không chỉ các Thái dương Thiên Thần tạo ra thể nguyên nhân trong chất liệu thượng trí. Ảnh hưởng của Chân Thần cũng phải hiện diện, như điều này rõ ràng qua việc khảo sát Biểu Đồ VIII

2. Nó được tạo ra vào lúc biệt ngã hóa.

7. This is the case whether the individualization is produced by the divine intervention of the Solar Angels or as a result of the much slower and more natural method pursued on the Moon-chain.

7. Điều này đúng dù sự biệt ngã hóa được tạo ra bởi sự can thiệp thiêng liêng của các Thái dương Thiên Thần hay là kết quả của phương pháp chậm hơn nhiều và tự nhiên hơn được theo đuổi trên Dãy Mặt Trăng.

II. THE NATURE OF THE PERMANENT ATOMS

II. BẢN CHẤT CỦA CÁC NGUYÊN TỬ TRƯỜNG TỒN

1. Their purpose.

1. Mục đích của chúng.

a. They are force distributors.

a. Chúng là những bộ phân phối mãnh lực.

8. The permanent atoms distribute the especially the potency of *principles*. Their connection to the principles of the human being must always be remembered.

8. Các nguyên tử trường tồn phân phối đặc biệt là tiềm lực của các *nguyên khí*. Mối liên hệ của chúng với các nguyên khí của con người phải luôn được ghi nhớ.

b. Conservers of faculty.

b. Những kẻ bảo tồn năng lực.

9. The permanent atoms are the great "memory chips" of nature.

9. Các nguyên tử trường tồn là những "chip ký ức" lớn lao của bản chất.

c. Assimilators and transmuters.

c. Những kẻ đồng hoá và chuyển hoá.

10. These functions of the permanent atoms must be remembered. We have been studying transmutation—the methods by which it is achieved. DK has been careful not to reveal too much. Thus, it is important (for further amplification of the subject) to link the functions of the permanent atoms to the transmutation process.

10. Những chức năng này của các nguyên tử trường tồn phải được ghi nhớ. Chúng ta đã nghiên cứu sự chuyển hoá—những phương pháp nhờ đó nó được thực hiện. Chân sư DK đã cẩn trọng không tiết lộ quá nhiều. Vì vậy, điều quan trọng là (để khai triển thêm chủ đề này) phải liên kết các chức năng của các nguyên tử trường tồn với tiến trình chuyển hoá.

11. Life experience in the three worlds must be transmuted into quality (stored in the causal body). In this process the permanent atoms are definitely involved.

11. Kinh nghiệm sống trong ba cõi thấp phải được chuyển hoá thành phẩm tính (được lưu giữ trong thể nguyên nhân). Trong tiến trình này, các nguyên tử trường tồn chắc chắn có liên quan.

d. Vehicles of memory.

12. All registrations of impacts within the three worlds are here stored.

13. One presumes that much that the human being has not *noticed* in his waking consciousness is also stored.

2. Their place in the Egoic Body.

14. It is always a mystery how the permanent atoms can be "in" the Egoic Body and yet not *of the substance of* the Egoic Body.

15. From the same perspective, the mental, emotional and etheric-physical bodies are also *in* the Egoic Body.

a. The astral permanent atom.

16. For some reason the astral permanent atom is singled out from the other members of the atomic triangle. It is, after all, the most potent and influential at this time—especially as regards the great majority of human beings.

b. The atomic triangle.

17. This triangle is composed of the physical permanent atom, the astral permanent atom and the mental unit.

3. The Spirillae and the Egoic Ray.

a. The composition of the permanent atoms.

18. Their structure is complex, composed of many "bubbles in the koilon". The higher

d. Những vận cụ của ký ức.

12. Mọi sự ghi nhận các tác động bên trong ba cõi thấp đều được lưu giữ ở đây.

13. Người ta cho rằng nhiều điều mà con người đã không *nhận thấy* trong tâm thức thức tỉnh của y cũng được lưu giữ.

2. Vị trí của chúng trong Thể Chân Ngã.

14. Luôn là một điều bí ẩn làm sao các nguyên tử trường tồn có thể "ở trong" Thể Chân Ngã mà lại không *thuộc về chất liệu của* Thể Chân Ngã.

15. Từ cùng một góc nhìn, các thể trí, cảm xúc và dĩ thái-hồng trần cũng *ở trong* Thể Chân Ngã.

a. Nguyên tử trường tồn cảm dục.

16. Vì một lý do nào đó, nguyên tử trường tồn cảm dục được tách riêng khỏi các thành viên khác của tam giác nguyên tử. Rốt cuộc, vào thời điểm này nó là yếu tố mạnh nhất và có ảnh hưởng nhất—đặc biệt đối với đại đa số nhân loại.

b. Tam giác nguyên tử.

17. Tam giác này gồm nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí.

3. Các loa tuyến và cung chân ngã.

a. Cấu tạo của các nguyên tử trường tồn.

18. Cấu trúc của chúng phức tạp, được tạo thành từ nhiều "bọt trong koilon". Tuy

permanent atoms, however, have a structure which is less complex (or, rather, increasingly simple).

nhiên, các nguyên tử trường tồn cao hơn có một cấu trúc ít phức tạp hơn (hay đúng hơn, ngày càng đơn giản hơn).

b. The planes and fiery energy.

b. Các cõi và năng lượng lửa.

19. All planes are animated by *fires.*

19. Mọi cõi đều được làm sinh động bởi các *ngọn lửa.*

c. The three fires.

c. Ba ngọn lửa.

4. Summary.

4. Tóm lược.

III. THE EGOIC LOTUS

III. HOA SEN CHÂN NGÃ

1. Wheels or centres of energy.

1. Các bánh xe hay trung tâm năng lượng.

a. Centres of force.

a. Các trung tâm mãnh lực.

b. The causal body, the monadic heart centre.

b. Thể nguyên nhân, trung tâm tim chân thần.

20. Regardless of the ray which primarily characterizes the causal body, it is, nonetheless, the monadic heart center and is, thus, generically associated with the second ray.

20. Bất kể cung nào chủ yếu đặc trưng cho thể nguyên nhân, dù sao nó vẫn là trung tâm tim chân thần và do đó, một cách tổng quát, liên hệ với cung hai.

21. The Monad, itself, focusing on the *second* solar plane, is related to the energy of the *second* ray. This must always be remembered. The Monad is not purely a first ray center.

21. Chính Chân Thần, tập trung trên cõi thái dương *thứ hai*, có liên hệ với năng lượng của cung *thứ hai*. Điều này phải luôn được ghi nhớ. Chân Thần không thuần túy là một trung tâm cung một.

2. The twelve-petalled Lotus.

2. Hoa sen mười hai cánh.

a. The knowledge petals.

a. Các cánh hoa tri thức.

b. The love petals.

b. Các cánh hoa bác ái.

c. The sacrifice petals.

22. Through this type of study an understanding of human evolution can be gathered as in no other way.

3. Summary.

I. THE NATURE OF THE EGOIC OR CAUSAL BODY

The subject of the egoic Ray and its relation to the second fire is one of vital import to three types of people: Those who are interested in the true psychology, or in the evolution of the psyche; those who are on or nearing the Path, and hence are coming more and more into touch with their own Ego; those who work with the souls of men, the servers of the race.

23. The practical nature of this work and its service potential are set forth.

24. Let us tabulate references to the three types of people for whom the subject of the egoic ray and its relation to the second fire are of vital importance. I am sure that many of us will find ourselves in all three categories:

a. To those interested in the true psychology or in the evolution of the psyche. All members of the Spiritual Hierarchy are necessarily esoteric psychologists in some measure. There is no true understanding of the psyche without understanding the egoic ray and the nature of the causal body.

c. Các cánh hoa hi sinh.

22. Qua loại nghiên cứu này, sự thấu hiểu về tiến hoá nhân loại có thể đạt được theo cách mà không cách nào khác có thể làm được.

3. Tóm lược.

I. BẢN CHẤT CỦA THỂ CHÂN NGÃ HAY THỂ NGUYÊN NHÂN

Chủ đề về cung chân ngã và mối liên hệ của nó với ngọn lửa thứ hai có tầm quan trọng thiết yếu đối với ba loại người: Những người quan tâm đến tâm lý học chân chính, hay đến sự tiến hoá của psyche; những người đang ở trên hoặc đang tiến gần Con Đường, và do đó ngày càng tiếp xúc nhiều hơn với chính chân ngã của mình; những người làm việc với linh hồn của con người, những người phụng sự nhân loại.

23. Tính chất thực tiễn của công trình này và tiềm năng phụng sự của nó được nêu rõ.

24. Chúng ta hãy lập bảng các tham chiếu đến ba loại người mà đối với họ chủ đề về cung chân ngã và mối liên hệ của nó với ngọn lửa thứ hai có tầm quan trọng thiết yếu. Tôi chắc rằng nhiều người trong chúng ta sẽ thấy mình thuộc cả ba loại:

a. Đối với những người quan tâm đến tâm lý học chân chính hay đến sự tiến hoá của psyche. Mọi thành viên của Thánh đoàn tinh thần tất yếu đều là những nhà Tâm Lý Học Nội Môn ở một mức độ nào đó. Không có sự thấu hiểu chân chính nào về psyche nếu không hiểu cung chân ngã và bản chất của thể nguyên nhân.

b. To those who are on or nearing the Path. We would not be studying DK's material intensively if this were not true of us.

b. Đối với những người đang ở trên hoặc đang tiến gần Con Đường. Chúng ta đã không nghiên cứu chuyên sâu tài liệu của Chân sư DK nếu điều này không đúng với chúng ta.

c. To those who work with the souls of men. Every true server in the modern age is working with the human soul far more than with the matter aspect (though this, too, cannot be neglected).

c. Đối với những người làm việc với linh hồn của con người. Mọi người phụng sự chân chính trong thời hiện đại đều đang làm việc với linh hồn con người nhiều hơn rất nhiều so với phương diện vật chất (dù điều này cũng không thể bị bỏ quên).

25. It is clear that we have entered an area of the book in which the focus will be quite definitely upon the inner, subjective Self.

25. Rõ ràng là chúng ta đã bước vào một phần của quyển sách trong đó trọng tâm sẽ khá dứt khoát đặt vào Bản Ngã bên trong, chủ quan.

The reason for this is because in the due comprehension of this subject, that of the Ego functioning in the causal body, comes the ability to work scientifically with the problem of one's own evolution, and to do good work in aiding the evolution of one's brother.

Lý do của điều này là vì trong sự thấu hiểu đúng đắn chủ đề này, tức chủ đề về Chân ngã hoạt động trong thể nguyên nhân, nảy sinh khả năng làm việc một cách khoa học với vấn đề tiến hoá của chính mình, và làm tốt công việc trợ giúp sự tiến hoá của huynh đệ mình.

21. The matter is so entirely practical. Which one of us would not seek to be able to work scientifically with the problem of our evolution or to do good work in aiding our brothers? The implication, of course, is that presently we do *not* really work scientifically with the problem of our own evolution.

21. Vấn đề hoàn toàn thực tiễn đến thế. Ai trong chúng ta lại không muốn có khả năng làm việc một cách khoa học với vấn đề tiến hoá của mình hay làm tốt công việc trợ giúp các huynh đệ của mình? Dĩ nhiên, hàm ý là hiện nay chúng ta *chưa* thực sự làm việc một cách khoa học với vấn đề tiến hoá của chính mình.

22. We note that the Ego functions *in* the causal body. The Ego and the causal body are not the same. The Ego is a particular *focus in consciousness,* whereas the causal body is the vehicle of the Identity which sustains that focus.

22. Chúng ta lưu ý rằng Chân ngã hoạt động *trong* thể nguyên nhân. Chân ngã và thể nguyên nhân không phải là một. Chân ngã là một *điểm tập trung đặc thù trong tâm thức,* trong khi thể nguyên nhân là vận cụ của Bản Sắc duy trì điểm tập trung ấy.

23. We might consider the egoic lotus as the inner mechanism within the causal body and the causal body more as the radiation of the egoic lotus.

23. Chúng ta có thể xem hoa sen chân ngã như bộ máy bên trong của thể nguyên nhân và thể nguyên nhân như bức xạ của hoa sen chân ngã nhiều hơn.

1. Egoic manifestation is produced through the medium of two fires.

1. Biểu hiện chân ngã được tạo ra thông qua trung gian của hai ngọn lửa.

Let us therefore consider somewhat the subject of the egoic Ray and the causal body, viewing it from the standpoint of the microcosm, and leaving the student to work out for himself the analogies where the Logos is concerned,

Vì vậy, chúng ta hãy xét phần nào chủ đề về cung chân ngã và thể nguyên nhân, nhìn nó từ quan điểm của tiểu thiên địa, và để cho đạo sinh tự mình tìm ra các tương đồng khi Logos được xét đến,

24. By now we have become accustomed to doing this. Such exercises will be standard in the new esoteric schools.

24. Đến nay chúng ta đã quen với việc làm điều này. Những bài tập như thế sẽ là tiêu chuẩn trong các trường huyền bí học mới.

conjuring him to bear in mind that the analogy must ever be drawn with due emphasis upon the fact that all that the human unit can comprehend is the manifestation of the solar Logos in a physical body.

condồng thời khẩn khoản y ghi nhớ rằng sự tương đồng luôn phải được rút ra với sự nhấn mạnh thích đáng vào sự kiện rằng tất cả những gì đơn vị nhân loại có thể hiểu được là biểu hiện của Thái dương Thượng đế trong một thể xác.

25. This means that our comprehension is limited to our solar system, for the cosmic physical plane is the physical-etheric body of the Solar Logos.

25. Điều này có nghĩa là sự hiểu biết của chúng ta bị giới hạn trong hệ mặt trời của chúng ta, vì cõi hồng trần vũ trụ là thể hồng trần-dĩ thái của Thái dương Thượng đế.

26. Even such comprehension is far beyond the ability of the human mind as presently cultivated. The logoic physical body includes the cosmic ethers whereon man's true spiritual and even "divine" development takes place.

26. Ngay cả sự hiểu biết như thế cũng vượt xa khả năng của trí tuệ con người như hiện đang được phát triển. Thể xác logoic bao gồm các dĩ thái vũ trụ, nơi sự phát triển tinh thần chân chính và thậm chí cả sự phát triển "thiêng liêng" của con người diễn ra.

In all manifestation, as we well know, we have duality producing triplicity. Spirit meets and contacts matter; the result of that

Trong mọi biểu hiện, như chúng ta đều biết rõ, chúng ta có nhị nguyên tính tạo ra bộ ba. Tinh thần gặp gỡ và tiếp xúc với vật chất; kết

contact is the birth of the Son, or the Ego, the consciousness aspect.

27. Consciousness exists on all levels and is a universal principle. Yet, in man the microcosm, the focus of consciousness upon the higher mental plane (and later upon the triadal levels) is called the Ego which is particularly related to the consciousness, per se (rather than to action and to will).

The egoic manifestation is therefore the middle aspect, the place of at-one-ment, [Page 506] and (after due evolutionary cycles) the place of balance, or of equilibrium.

28. The three factors mentioned are at-one-ment, balance and equilibrium.

29. The Libran nature of egoic manifestation must be evident. As well, it is connected with the fourth ray and the fourth systemic Law of Magnetic Control.

30. One who demonstrates as a soul has fused will, love-wisdom and activity.

It should be noted that the analogy between the Logos and man is not accurate,

31. At least not *strictly* so…

for man has to undergo the whole process *within* the solar periphery, whilst the Logos (within that periphery) goes through the stage analogous to that which the man undergoes when his astral sheath clothes itself with etheric matter and he takes physical incarnation, which was touched

quả của sự tiếp xúc đó là sự ra đời của Con, hay Chân ngã, phương diện tâm thức.

27. Tâm thức tồn tại trên mọi cấp độ và là một nguyên khí phổ quát. Tuy nhiên, nơi con người, tiểu thiên địa, điểm tập trung của tâm thức trên cõi thượng trí (và về sau trên các cấp độ tam nguyên tinh thần) được gọi là Chân ngã, vốn đặc biệt liên hệ với chính tâm thức (hơn là với hoạt động và ý chí).

Do đó, biểu hiện chân ngã là phương diện trung gian, nơi của sự hợp nhất, [Page 506] và (sau những chu kỳ tiến hoá thích đáng) là nơi của sự quân bình, hay cân bằng.

28. Ba yếu tố được nêu là sự hợp nhất, sự quân bình và sự cân bằng.

29. Bản chất Thiên Bình của biểu hiện chân ngã hẳn phải rõ ràng. Đồng thời, nó cũng liên hệ với cung bốn và Định luật Xung Động Từ Tính hệ thống thứ tư.

30. Người biểu lộ như một linh hồn đã dung hợp ý chí, Bác Ái – Minh Triết và hoạt động.

Cần lưu ý rằng sự tương đồng giữa Logos và con người không chính xác,

31. Ít nhất không phải theo nghĩa *nghiêm ngặt*…

vì con người phải trải qua toàn bộ tiếntrình *bên trong* chu vi thái dương, trong khi Logos (bên trong chu vi đó) trải qua giai đoạn tương tự với giai đoạn mà con người trải qua khi vỏ bọc cảm dục của y khoác lấy vật chất dĩ thái và y lâm phàm hồng trần, điều đã được đề cập khi xem xét chủ đề "Lửa ma sát."

upon when considering the subject of "Fire by friction."

32. The astral body of the Logos is found upon the cosmic astral plane. It seems that DK is speaking of the relationship between the cosmic astral body of the Solar Logos and His cosmic etheric body (found *within* the solar system—or "solar periphery"—whereas His astral body is not).

32. Thể cảm dục của Logos được tìm thấy trên cõi cảm dục vũ trụ. Dường như Chân sư DK đang nói về mối liên hệ giữa thể cảm dục vũ trụ của Thái dương Thượng đế và thể dĩ thái vũ trụ của Ngài (được tìm thấy *bên trong* hệ mặt trời—hay "chu vi thái dương"—trong khi thể cảm dục của Ngài thì không).

33. DK is simply stating that there is more to the Solar Logos than is found *within* His solar system, just as there is more to a human being than is found within his etheric-physical body.

33. Chân sư DK chỉ đơn giản nói rằng nơi Thái dương Thượng đế có nhiều hơn những gì được tìm thấy *bên trong* hệ mặt trời của Ngài, cũng như nơi một con người có nhiều hơn những gì được tìm thấy trong thể dĩ thái-hồng trần của y.

It will consequently be apparent that, in considering the manifestation of the Ego, we are dealing with the point of central emphasis in man's threefold manifestation.

Do đó, sẽ hiển nhiên rằng, khi xem xét biểu hiện của Chân ngã, chúng ta đang đề cập đến điểm nhấn mạnh trung tâm trong biểu hiện tam phân của con người.

34. Entering into rapport with this point of "central emphasis" is the next objective before the human race, and humanity's readiness for the first initiation signals also a readiness to achieve this objective.

34. Việc đi vào tương giao với điểm "nhấn mạnh trung tâm" này là mục tiêu kế tiếp trước mắt nhân loại, và sự sẵn sàng của nhân loại cho lần điểm đạo thứ nhất cũng báo hiệu sự sẵn sàng để đạt được mục tiêu này.

We are concerning ourselves with that division of his nature which concerns the process of making him the perfect six-pointed star during the preliminary stage (the threefold personality and the threefold Triad merged and blended and perfectly produced through the intermediate point the causal body) and which, when the physical body is eliminated, makes him the five-pointed star or perfected manasaputra.

Chúng ta đang đề cập đến phân bộ ấy trong bản chất của y, phân bộ liên quan đến tiến trình làm cho y trở thành ngôi sao sáu cánh hoàn hảo trong giai đoạn sơ khởi (phàm ngã tam phân và Tam nguyên tinh thần tam phân được hợp nhất và dung hợp, và qua điểm trung gian là thể nguyên nhân mà được tạo thành một cách hoàn hảo) và phân bộ ấy, khi thể xác bị loại bỏ, làm cho y trở thành ngôi sao năm cánh hay manasaputra hoàn hảo.

35. This is perhaps the clearest explanation of the meaning of the five-pointed and six-pointed stars and of the difference between them.

35. Đây có lẽ là lời giải thích rõ ràng nhất về ý nghĩa của ngôi sao năm cánh và sáu cánh, cũng như về sự khác biệt giữa chúng.

36. The six-pointed star or Seal of Solomon has many meanings, some of the foremost of them, astrological. That star can also be taken as a symbol for the Monad ('located' on the sixth sub-plane of the cosmic physical plane).

36. Ngôi sao sáu cánh hay Ấn Triện Solomon có nhiều ý nghĩa, trong đó một số ý nghĩa nổi bật nhất là thuộc chiêm tinh học. Ngôi sao ấy cũng có thể được xem như một biểu tượng của chân thần ("tọa lạc" trên cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ).

37. Which is the *superior* type of star? It all depends upon the perspective from which one considers the question. The six-pointed star is the star of the deva kingdom and the five-pointed star, the star of man.

37. Loại ngôi sao nào là *cao hơn*? Điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào góc nhìn từ đó người ta xét câu hỏi này. Ngôi sao sáu cánh là ngôi sao của giới thiên thần, còn ngôi sao năm cánh là ngôi sao của con người.

38. It is as if spiritual progress moves from the six-pointed star through the five-pointed start to yet another (and higher) six-pointed star. Even the concrete mind (as the sixth sense) can be conceived as a six-pointed star.

38. Dường như sự tiến bộ tinh thần chuyển động từ ngôi sao sáu cánh qua ngôi sao năm cánh đến một ngôi sao sáu cánh khác nữa (và cao hơn). Ngay cả trí cụ thể (với tư cách là giác quan thứ sáu) cũng có thể được quan niệm như một ngôi sao sáu cánh.

39. We notice one factor of great importance —the elimination of the physical body (in this case, it seems, including the etheric-physical body) renders man the "perfected manasaputra". This elimination occurs at the fourth initiation (at which time the physical body is no longer necessary because physical incarnation is no longer necessary). The Solar Angel (considered as a manasaputra) has 'flown' back to the Sun and man has become, in its place, a "perfected manasaputra".

39. Chúng ta lưu ý một yếu tố hết sức quan trọng—việc loại bỏ thể xác (trong trường hợp này, dường như bao gồm cả thể dĩ thái-hồng trần) khiến con người trở thành "manasaputra hoàn hảo". Sự loại bỏ này xảy ra ở lần điểm đạo thứ tư (vào lúc ấy thể xác không còn cần thiết nữa vì sự lâm phàm hồng trần không còn cần thiết nữa). Thái dương Thiên Thần (được xem như một manasaputra) đã "bay" trở về Mặt Trời và con người, thay vào chỗ đó, đã trở thành một "manasaputra hoàn hảo".

40. Sometimes the six-pointed star is pictured with a point at its center. As we see from the section above, that central point can indicate the causal body or the "Jewel in the Lotus".

40. Đôi khi ngôi sao sáu cánh được mô tả với một điểm ở trung tâm. Như chúng ta thấy từ phần trên, điểm trung tâm ấy có thể chỉ thể nguyên nhân hoặc “Viên Ngọc trong Hoa Sen”.

41. If we suppose that the central point is elevated over all the other points of the star, then it can signify the Monad (who is truly the one within the six).

41. Nếu chúng ta giả định rằng điểm trung tâm được nâng cao hơn tất cả các điểm khác của ngôi sao, thì nó có thể biểu thị chân thần (đấng thực sự là một ở bên trong sáu).

42. From a planar perspective, the point in the center can represent the “Sea of Fire” which lies ‘within’ the six other planes—second third and fourth intersecting with the fifth, sixth and seventh.

42. Từ góc độ các cõi, điểm ở trung tâm có thể tượng trưng cho “Biển Lửa” nằm “bên trong” sáu cõi kia—cõi thứ hai, thứ ba và thứ tư giao nhau với cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy.

43. There are may ways to count and to envision. Meaning depends upon the angle of vision.

43. Có nhiều cách để đếm và để hình dung. Ý nghĩa tùy thuộc vào góc độ tầm nhìn.

To state the whole in terms of fire: The causal body is produced by means of the positive life, or fire,

Để phát biểu toàn bộ theo thuật ngữ của lửa: Thể nguyên nhân được tạothành nhờ sự sống dương, hay lửa,

44. We note that “life” and “fire” can be considered equivalent.

44. Chúng ta lưu ý rằng “sự sống” và “lửa” có thể được xem là tương đương.

of the Spirit (electric fire) meeting the negative fire of matter, or "fire by friction"; this causes the blazing forth of solar fire.

của Tinh thần (Lửa Điện) gặp lửa âm của vật chất, hay “Lửa ma sát”; điều này gây nên sự bùng cháy của Lửa Thái dương.

45. We are speaking in symbols for the sake of convenience. The actual technicalities must be far more difficult to comprehend than the most abstruse formulas of present-day theoretical physics. We are only in the beginning stages of lifting the veil on true occult dynamics.

45. Chúng ta đang nói bằng biểu tượng cho tiện. Các chi tiết kỹ thuật thực sự hẳn khó hiểu hơn nhiều so với những công thức uyên áo nhất của vật lý lý thuyết hiện đại. Chúng ta mới chỉ ở giai đoạn khởi đầu của việc vén màn động lực học huyền bí chân chính.

46. What are the actual types of motions and relationships which both distinguish

46. Những loại chuyển động và tương quan thực sự nào vừa phân biệt vừa đặc trưng cho

and characterize the three fires? One day the revelation will be made.

ba loại lửa? Một ngày kia sự mặc khải sẽ được ban ra.

This central blaze inevitably in due course **burns up the third fire, or absorbs its essence,** and is itself eventually blended with the fire of Spirit and passes out of objective display.

Ngọn lửa trung tâm này tất yếu đến đúng lúc sẽ **thiêu hủy ngọn lửa thứ ba, hay hấp thụ tinh chất của nó,** và bản thân nó cuối cùng cũng được dung hợp với lửa của Tinh thần và ra khỏi sự biểu lộ khách quan.

47. When we read of one fire being burnt up by another, what does it mean? We are given at least a little explanation. That burning is really an absorption of essence. Nothing essential is really destroyed.

47. Khi chúng ta đọc rằng một ngọn lửa bị một ngọn lửa khác thiêu hủy, điều đó có nghĩa là gì? Ít nhất chúng ta cũng được cho một chút giải thích. Sự thiêu hủy ấy thực ra là một sự hấp thụ tinh chất. Không có gì cốt yếu thực sự bị hủy diệt.

48. The solar fire absorbs fire by friction and is eventually blended with the fire of Spirit.

48. Lửa Thái dương hấp thụ Lửa ma sát và cuối cùng được dung hợp với lửa của Tinh thần.

49. The human being (unaware of the technicalities of the process) notices significant changes in his consciousness and in his powers to act. He also notices that he is far less preoccupied with things material, though his ability to manage them will increase rather than decrease.

49. Con người (không biết các chi tiết kỹ thuật của tiến trình) nhận thấy những thay đổi đáng kể trong tâm thức của y và trong các năng lực hành động của y. Y cũng nhận thấy rằng mình ít bận tâm hơn nhiều đến những sự vật vật chất, dù khả năng quản lý chúng của y sẽ tăng lên chứ không giảm đi.

I seek here to deal with the subject of the causal body in two different ways—one along the old lines and the other strictly along the lines of occult electrical phenomena.

Ở đây tôi tìm cách bàn đến chủ đề thể nguyên nhân theo hai cách khác nhau—một cách theo lối cũ và cách kia hoàn toàn theo đường lối của các hiện tượng điện huyền bí.

50. Through a study of our text, it must be apparent to us that a true study of occultism is inseparable from a deep study of the science of electricity—occultly considered. Thus are the first and fifth rays blended, for the first ray is the ray of the occultist and the fifth ray, the ray of those who most deeply understands electricity.

50. Qua việc nghiên cứu bản văn của chúng ta, hẳn phải rõ rằng một sự nghiên cứu chân chính về huyền bí học không thể tách rời khỏi một sự nghiên cứu sâu sắc về khoa học điện—được xét một cách huyền bí. Như vậy cung một và cung năm được dung hợp, vì cung một là cung của nhà huyền bí học và cung năm là cung của những người thấu hiểu điện một cách sâu sắc nhất.

51. It seems that DK would have us learn to relate the new presentation to the one with which we are long familiar. In this way knowledge expands and yet the best of the old presentation is preserved.

51. Dường như Chân sư DK muốn chúng ta học cách liên hệ cách trình bày mới với cách trình bày mà chúng ta đã quen thuộc từ lâu. Theo cách này, tri thức được mở rộng mà phần tốt nhất của cách trình bày cũ vẫn được bảo tồn.

2. Egoic manifestation is produced at individualisation.

2. Biểu hiện chân ngã được tạo ra vào lúc biệt ngã hóa.

The causal body is that sheath of mental substance which is formed at the moment of individualisation by [Page 507] the contact of the two fires.

Thể nguyên nhân là lớp vỏ bằng chất liệu trí tuệ được hình thành vào khoảnh khắc biệt ngã hóa bởi [Page 507] sự tiếp xúc của hai loại lửa.

52. The causal body is initially formed in a moment of time (though its unfoldment is gradual over millions of years).

52. Thể nguyên nhân lúc đầu được hình thành trong một khoảnh khắc thời gian (dù sự khai mở của nó diễn ra dần dần qua hàng triệu năm).

53. The vehicle itself is formed of mental substance—namely the substance of the higher mental plane.

53. Chính vận cụ này được tạo thành từ chất liệu trí tuệ—tức là chất liệu của Cõi thượng trí.

The force or energy that pours through from the higher planes (the breath of the Monad, if you care so to term it) produces a vacuum, or something analogous to a bubble in koilon, and the sheath of the causal body—the ring-pass-not of the central Life is formed.

Mãnh lực hay năng lượng tuôn xuống từ các cõi cao hơn (hơi thở của chân thần, nếu bạn muốn gọi như vậy) tạo ra một khoảng chân không, hay một cái gì đó tương tự như một bong bóng trong koilon, và lớp vỏ của thể nguyên nhân—vòng-giới-hạn của Sự sống trung tâm—được hình thành.

54. This is actually a most technical explanation.

54. Đây thực sự là một lời giải thích hết sức kỹ thuật.

55. From it, we see that the Monad is, indeed, involved in the formation of the causal body and not the Solar Angel alone.

55. Từ đó, chúng ta thấy rằng chân thần quả thật có dự phần vào sự hình thành thể nguyên nhân chứ không chỉ riêng Thái dương Thiên Thần.

56. There is an equivalence between force, energy and “breath”.

56. Có một sự tương đương giữa mãnh lực, năng lượng và “hơi thở”.

57. It would seem that this vacuum is formed within mental matter.

57. Dường như khoảng chân không này được hình thành bên trong vật chất trí tuệ.

58. A bubble in the koilon (we may remember) is the smallest unit of matter found upon the cosmic physical plane and is, actually, a vacuity in what we call “Mulaprakriti” (or “Root Matter”)—at least, Mulaprakriti of some kind, whether absolutely pure or not.

58. Một bong bóng trong koilon (như chúng ta có thể nhớ) là đơn vị vật chất nhỏ nhất được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ và thực ra là một khoảng trống trong cái mà chúng ta gọi là “Mulaprakriti” (hay “Vật Chất Căn Bản”)—ít nhất là một loại Mulaprakriti nào đó, dù tuyệt đối thuần khiết hay không.

59. The idea we are to hold in mind is that the sheath of the causal body arises from the monadically inspired formation of a vacuum.

59. Ý tưởng mà chúng ta phải giữ trong trí là lớp vỏ của thể nguyên nhân phát sinh từ sự hình thành một khoảng chân không do chân thần truyền cảm hứng.

60. It is also suggested that the “central life” at the heart of the causal body is, indeed, the Monad (or an attenuated presence of the Monad), which has entered the vacuum on the monadic breath.

60. Cũng có gợi ý rằng “sự sống trung tâm” ở trung tâm thể nguyên nhân quả thật là chân thần (hoặc một sự hiện diện được làm mỏng đi của chân thần), đã đi vào khoảng chân không trên hơi thở chân thần.

61. What is this vacuum? Is it a kind of ‘pressing back’ of the matter of the higher mental plane so that the presence of the Monad and of the triad can establish themselves upon and within a lower plane—in this case the higher mental plane?

61. Khoảng chân không này là gì? Có phải đó là một kiểu “đẩy lùi” vật chất của Cõi thượng trí để sự hiện diện của chân thần và của tam nguyên tinh thần có thể thiết lập chính mình trên và trong một cõi thấp hơn—trong trường hợp này là Cõi thượng trí?

62. We do know that if we wish a higher energy to enter the field of a lower energy, the process is facilitated through the presence of a vacuum. ‘Emptiness’ precedes ‘filling’.

62. Chúng ta quả thật biết rằng nếu muốn một năng lượng cao hơn đi vào trường của một năng lượng thấp hơn, tiến trình ấy được tạo thuận lợi nhờ sự hiện diện của một khoảng chân không. “Sự trống không” đi trước “sự lấp đầy”.

63. So two approaches are indicated:

63. Vì vậy, có hai cách tiếp cận được nêu ra:

a. Force from above produces the vacuum

a. Mãnh lực từ trên tạo ra khoảng chân không

b. And the creation of a vacuum induces the flow of forces from above.

b. Và việc tạo ra một khoảng chân không gây ra dòng chảy của các mãnh lực từ trên xuống.

64. One practical way of producing a vacuum is the psycho-spiritual expedient of 'emptying' one's consciousness of all that is unnecessary. Essentialization in life produces 'vacuum-like' conditions.

64. Một cách thực tiễn để tạo ra khoảng chân không là biện pháp tâm lý-tinh thần là "làm trống" tâm thức của mình khỏi mọi điều không cần thiết. Sự tinh yếu hóa trong đời sống tạo ra những điều kiện "giống như chân không".

Within this sheath are to be found three atoms, which have been termed the mental unit, the astral permanent atom and the physical permanent atom;

Bên trong lớp vỏ này có thể tìm thấy ba nguyên tử, được gọi là đơn vị hạ trí, nguyên tử trường tồn cảm dục và nguyên tử trường tồn hồng trần;

65. The sheath must, indeed, be 'expansive' if three points of focus (not resident to the higher mental plane) are to be found "within" it. That this can be so is dependent upon the interpenetration of the planes.

65. Lớp vỏ này quả thật phải có tính "mở rộng" nếu ba điểm tập trung ấy (không cư trú trên Cõi thượng trí) lại có thể được tìm thấy "bên trong" nó. Điều này có thể xảy ra là nhờ sự xuyên thấu lẫn nhau của các cõi.

66. We understand that the higher mental plane, although technically "arupa", is still a plane of form and has its own methods of indicating position and location.

66. Chúng ta hiểu rằng Cõi thượng trí, dù về mặt kỹ thuật là "arupa", vẫn là một cõi của hình tướng và có những phương pháp riêng để chỉ vị trí và nơi chốn.

they correspond individually to the seventh principle of each of the three persons of the microcosmic triad,

chúng tương ứng riêng rẽ với nguyên khí thứ bảy của mỗi một trong ba ngôi vị của tam nguyên tinh thần tiểu thiên địa,

67. The microcosmic triad consists of the physical-etheric, astral and lower mental natures.

67. Tam nguyên tinh thần tiểu thiên địa gồm các bản chất hồng trần-dĩ thái, cảm dục và hạ trí.

68. The seventh of seven principles is usually called "atma". We are being told that the permanent atoms hold a high place in relation to the three lower vehicles and that,

68. Nguyên khí thứ bảy trong bảy nguyên khí thường được gọi là "atma". Chúng ta đang được cho biết rằng các nguyên tử trường tồn giữ một vị trí cao trong tương

through them, the energy of will (the energy associated with the seventh principle) can be transmitted.

quan với ba vận cụ thấp và rằng, qua chúng, năng lượng ý chí (năng lượng gắn với nguyên khí thứ bảy) có thể được truyền dẫn.

a reflection (in the three worlds of the microcosm) of the three Persons of the logoic Trinity.

một sự phản chiếu (trong ba cõi thấp của tiểu thiên địa) của Ba Ngôi của Tam Vị logoi.

69. The value of our lower vehicles and their principles must never be utterly minimized. These vehicles reflect great divine factors.

69. Giá trị của các vận cụ thấp của chúng ta và các nguyên khí của chúng không bao giờ được bị hạ thấp hoàn toàn. Những vận cụ này phản chiếu các yếu tố thiêng liêng vĩ đại.

H. P. B. hints at this in connection with the Logos when she speaks of **the visible sun being the seventh principle of the Brahma aspect, the physical permanent atom of the Logos.**[65], S. D., III, 143. 66: S. D., I, 574.

H. P. B. gợi ý điều này liên quan đến Thượng đế khi bà nói về **mặt trời hữu hình là nguyên khí thứ bảy của phương diện Brahma, nguyên tử trường tồn hồng trần của Logos.**[65], S. D., III, 143. 66: S. D., I, 574.

70. This is another amazing thought. It leads one to think that the apparently physical sun is very etheric in nature. We realize that *physical* permanent atoms are found on *etheric* levels.

70. Đây là một tư tưởng đáng kinh ngạc khác. Nó khiến người ta nghĩ rằng mặt trời có vẻ như hồng trần ấy thực ra có bản chất rất dĩ thái. Chúng ta nhận ra rằng các nguyên tử trường tồn *hồng trần* được tìm thấy trên các cấp độ *dĩ thái*.

71. When we witness the blaze of the physical Sun, are we witnessing an essentially *etheric* blaze?

71. Khi chúng ta chứng kiến ngọn lửa chói sáng của Mặt Trời hồng trần, có phải chúng ta đang chứng kiến một ngọn lửa về bản chất là *dĩ thái* không?

72. From another perspective, we are told that Saturn corresponds to the physical permanent atom of the cosmic physical plane. (cf. TCF 406)

72. Từ một góc nhìn khác, chúng ta được cho biết rằng Sao Thổ tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của cõi hồng trần vũ trụ. (xem TCF 406)

73. Of course, we must be careful of the manner in which we interpret the "Brahma aspect". It may be etheric-physical or it may be far more.

73. Dĩ nhiên, chúng ta phải cẩn trọng trong cách diễn giải "phương diện Brahma". Nó có thể là dĩ thái-hồng trần hoặc có thể còn nhiều hơn thế.

74. In any case, we realize that there are three aspects connected with the Solar

74. Dù sao đi nữa, chúng ta nhận ra rằng có ba phương diện liên hệ với Thái dương

Logos as with all other E/entities. The physical sun represents one of these aspects (the lowest); the Heart of the Sun represents the Vishnu aspect and the Central Spiritual Sun the Shivic aspect.

Thượng đế cũng như với mọi Thực Thể khác. Mặt trời hồng trần tượng trưng cho một trong các phương diện ấy (phương diện thấp nhất); Trái Tim của Mặt Trời tượng trưng cho phương diện Vishnu và Mặt trời Tinh thần Trung Ương tượng trưng cho phương diện Shivic.

II. THE NATURE OF THE PERMANENT ATOMS

II. BẢN CHẤT CỦA CÁC NGUYÊN TỬ TRƯỜNG TỒN

75. We now enter a subject in which students of esotericism and occultism have evidence a great deal of interest. At various points in the discussion, however, we shall find Master DK warning us about too avid an interest in these very *material* matters.

75. Giờ đây chúng ta đi vào một chủ đề mà các đạo sinh của huyền bí học và huyền bí học đã tỏ ra rất quan tâm. Tuy nhiên, ở nhiều điểm trong cuộc thảo luận, chúng ta sẽ thấy Chân sư DK cảnh báo chúng ta về một sự quan tâm quá háo hức đối với những vấn đề rất *vật chất* này.

1. The purpose of the permanent atoms.

1. Mục đích của các nguyên tử trường tồn.

The three permanent atoms are in themselves centres of force, or those aspects of the personality which hold hid the fires of substance, or of objectivity;

Ba nguyên tử trường tồn tự thân là những trung tâm mãnh lực, hay là những phương diện của phàm ngã che giấu các ngọn lửa của chất liệu, hay của tính khách quan;

76. We must be watchful here. Sometimes all members of the atomic triangle are called "permanent atoms", even though one of them is incomplete as a permanent atom and is, rather, a "unit"—the mental unit.

76. Ở đây chúng ta phải cảnh giác. Đôi khi mọi thành viên của tam giác nguyên tử đều được gọi là "các nguyên tử trường tồn", dù một trong số đó không hoàn chỉnh như một nguyên tử trường tồn mà đúng hơn là một "đơn vị"—đơn vị hạ trí.

77. Since permanent atoms are "centers of force" they can affect the entirety of the vehicle of which they are the root cause.

77. Vì các nguyên tử trường tồn là "những trung tâm mãnh lực", chúng có thể ảnh hưởng đến toàn bộ vận cụ mà chúng là nguyên nhân gốc rễ.

78. We note that "fires" are to be found *within* the permanent atoms. Fires of substance are also found within the vehicles. The origin of these fires seems to be within the permanent atoms.

78. Chúng ta lưu ý rằng các "ngọn lửa" được tìm thấy *bên trong* các nguyên tử trường tồn. Các ngọn lửa của chất liệu cũng được tìm thấy bên trong các vận cụ. Nguồn gốc của

các ngọn lửa này dường như nằm trong các nguyên tử trường tồn.

79. It would seem that fires higher than the fires of lower substance can impact the permanent atoms, for the permanent atoms of the atomic triangle are representatives of the higher principles which express in the "Fiery World" of the cosmic ethers. Yet, the permanent atoms are *primarily* expressions of the "fires of substance, or of objectivity".

79. Dường như những ngọn lửa cao hơn các ngọn lửa của chất liệu thấp có thể tác động lên các nguyên tử trường tồn, vì các nguyên tử trường tồn của tam giác nguyên tử là những đại diện của các nguyên khí cao hơn biểu lộ trong "Thế Giới Lửa" của các dĩ thái vũ trụ. Tuy nhiên, các nguyên tử trường tồn chủ yếu là những biểu hiện của "các ngọn lửa của chất liệu, hay của tính khách quan".

it cannot be too strongly pointed out at this juncture that, in considering the threefold man in the three worlds, we are dealing with substance which (in connection with logoic manifestation) is considered the dense physical.

Ở thời điểm này, không thể nhấn mạnh quá mức rằng khi xét con người tam phân trong ba cõi thấp, chúng ta đang đề cập đến chất liệu mà (liên hệ với biểu hiện logoi) được xem là hồng trần đậm đặc.

80. The point is easily forgotten. To the Solar Logos, the twenty-one lower sub-planes are His dense physical nature. His etheric nature expresses through the twenty-eight higher sub-planes of the cosmic physical plane.

80. Điểm này rất dễ bị quên. Đối với Thái dương Thượng đế, hai mươi mốt cõi phụ thấp là bản chất hồng trần đậm đặc của Ngài. Bản chất dĩ thái của Ngài biểu lộ qua hai mươi tám cõi phụ cao của cõi hồng trần vũ trụ.

81. We might say that until man becomes polarized completely within the spiritual triad, he is confined to the dense physical vehicle of the Solar Logos which, cosmically considered, is *not* a principle.

81. Chúng ta có thể nói rằng cho đến khi con người phân cực hoàn toàn trong Tam Nguyên Tinh Thần, y vẫn bị giới hạn trong vận cụ hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế, vốn xét theo vũ trụ *không* phải là một nguyên khí.

82. That confinement ends with the fourth initiation.

82. Sự giới hạn ấy chấm dứt ở lần điểm đạo thứ tư.

Surrounding these three atoms is the causal sheath, answering the following purposes:

Bao quanh ba nguyên tử này là lớp vỏ nguyên nhân, đápứng các mục đích sau đây:

83. This "surrounding" is achieved through *extension.* We have already noted that the substance of the causal body and the

83. Sự "bao quanh" này đạt được nhờ *sự mở rộng.* Chúng ta đã lưu ý rằng chất liệu của thể nguyên nhân và chất liệu của ba điểm trong

substance of the three points in the atomic triangle are *not* co-substantial (i.e., of the same substance).

tam giác nguyên tử *không* đồng chất liệu (tức là không cùng một chất liệu).

It separates one unit of egoic consciousness from another unit of consciousness,

Nó tách biệt một đơn vị tâm thức chân ngã khỏi một đơn vị tâm thức khác,

84. This separation is necessary for the growth of individualized consciousnesses. On progressively higher planes, the factor of separation is less and less distinct.

84. Sự tách biệt này là cần thiết cho sự tăng trưởng của các tâm thức đã biệt ngã hóa. Trên các cõi ngày càng cao hơn, yếu tố tách biệt ngày càng ít rõ rệt hơn.

85. For those with causal consciousness, although separation of causal units is perceived, an enveloping unity is also perceived.

85. Đối với những ai có tâm thức nguyên nhân, dù sự tách biệt của các đơn vị nguyên nhân được nhận biết, một sự hợp nhất bao trùm cũng được nhận biết.

yet is itself part of the gaseous body (the fifth cosmic physical subplane) in the physical body of the planetary Logos, **Who is the central life of any particular group of Monads.**

nhưng bản thân nó lại là một phần của thể khí (cõi phụ hồng trần vũ trụ thứ năm) trong thể xác của Đức Hành Tinh Thượng Đế, **Đấng là sự sống trung tâm của bất kỳ nhóm chân thần đặc thù nào.**

86. This is an important point. May we say that each Planetary Logos is the "central life" of *a* "particular group of Monads"?

86. Đây là một điểm quan trọng. Chúng ta có thể nói rằng mỗi Đức Hành Tinh Thượng Đế là "sự sống trung tâm" của *một* "nhóm chân thần đặc thù" chăng?

87. The relationship of a Planetary Logos to a group of Monads would occur on the basis of identical ray.

87. Mối liên hệ của một Đức Hành Tinh Thượng Đế với một nhóm chân thần sẽ xảy ra trên cơ sở đồng nhất về cung.

88. Yet, from another perspective, it could be said, for instance, that the Planetary Logos of the Earth-scheme is the "central life" of *all* Monads which express through the Earth-scheme. Each group of human Monads goes to the constitution of one or other of seven centers upon the monadic plane. The centers (as regards the human kingdom) are probably the throat, heart and head centers. This will depend (we hypothesize) not only

88. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, chẳng hạn có thể nói rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu là "sự sống trung tâm" của *mọi* chân thần biểu lộ qua hệ hành tinh Địa Cầu. Mỗi nhóm chân thần nhân loại góp phần cấu thành một trong bảy trung tâm trên cõi chân thần. Các trung tâm ấy (xét theo giới nhân loại) có lẽ là các trung tâm cổ họng, tim và đầu. Điều này sẽ tùy thuộc (theo giả thuyết của chúng ta) không

upon the monadic ray but upon the point of evolution of the human unit.

89. We note that the "gaseous body" is seen to be located in the "physical body of the planetary Logos". This may be only partially the case, for DK may not here be emphasizing the exact particularities. Although the systemic mental plane is a gaseous sub-plane, we might say that its higher three sub-planes are not located in the strictly *physical* body of the Planetary Logos, although they are located in the strictly physical body of the *Solar* Logos.

This fact has been little appreciated, and merits careful consideration. [Page 508] It holds hid spiritual potentialities in its inherent ability to respond to the higher vibration;

90. Why does the causal body hold hid spiritual potentialities? Because it is able to respond to higher vibration. From the various charts we have been given, we realize that the causal body can respond to each aspect of the spiritual triad and also to the Monad.

91. When we, as human beings, respond to the higher vibration we are, potentially, able to respond to the energy of the Planetary Logos Who is the "central life" of that group of Monads within which our Monad is occultly located.

92. The power of the Monad is definitely expressive through its heart center, the causal body. This is increasingly the case from the time of the first initiation.

chỉ vào cung chân thần mà còn vào điểm tiến hoá của đơn vị nhân loại.

89. Chúng ta lưu ý rằng "thể khí" được xem là tọa lạc trong "thể xác của Đức Hành Tinh Thượng Đế". Điều này có thể chỉ đúng một phần, vì ở đây DK có thể không nhấn mạnh các chi tiết chính xác. Dù cõi trí của hệ là một cõi phụ khí, chúng ta có thể nói rằng ba cõi phụ cao của nó không nằm trong thể *hồng trần* theo nghĩa chặt chẽ của Đức Hành Tinh Thượng Đế, dù chúng nằm trong thể hồng trần theo nghĩa chặt chẽ của *Thái dương* Thượng đế.

Sự kiện này ít được đánh giá đúng mức, và đáng được xem xét cẩn trọng. [Page 508] Nó che giấu những tiềm năng tinh thần trong khả năng cố hữu của nó để đáp ứng với rung động cao hơn;

90. Tại sao thể nguyên nhân che giấu những tiềm năng tinh thần? Bởi vì nó có thể đáp ứng với rung động cao hơn. Từ các biểu đồ khác nhau đã được trao cho chúng ta, chúng ta nhận ra rằng thể nguyên nhân có thể đáp ứng với mỗi phương diện của Tam Nguyên Tinh Thần và cả với chân thần.

91. Khi chúng ta, với tư cách những con người, đáp ứng với rung động cao hơn, về tiềm năng chúng ta có thể đáp ứng với năng lượng của Đức Hành Tinh Thượng Đế, Đấng là "sự sống trung tâm" của nhóm chân thần mà trong đó chân thần của chúng ta được đặt vào một cách huyền bí.

92. Quyền năng của chân thần chắc chắn biểu lộ qua trung tâm tim của nó, tức thể nguyên nhân. Điều này ngày càng đúng hơn kể từ lần điểm đạo thứ nhất.

from the moment of individualisation till it is discarded at initiation, **the life within steadily develops these potentialities**, and produces certain definite results by the utilisation of the three permanent atoms.

93. The central life within the causal body is the *projected* or *emanated* life of the Monad (expressing through the "Jewel in the Lotus").

94. How interesting that the causal body is "discarded at initiation". Why is it not said that the causal body is discarded at the *fourth* initiation (which is standard knowledge in this matter)? May it be that the process of discarding actually begins at the third degree which, from the hierarchical perspective, is the beginning of the true initiation process?

It ["the life within"] gradually vivifies and awakens them until, on the three planes, the central life has an adequate point of contact which can originate the necessitated vibration in the matter of the plane.

95. We are speaking of the manner in which the "central life" of the causal body awakens the permanent atoms until, though them, it can affect the matter of the plane (and sub-planes) with which any particular permanent atom is connected.

từ khoảnh khắc biệt ngã hóa cho đến khi nó bị loạibỏ lúc điểm đạo, **sự sống bên trong đều đặn phát triển những tiềm năng này**, và tạo ra những kết quả xác định nào đó nhờ việc sử dụng ba nguyên tử trường tồn.

93. Sự sống trung tâm bên trong thể nguyên nhân là sự sống *được phóng chiếu* hay *được phát xạ* của chân thần (biểu lộ qua "Viên Ngọc trong Hoa Sen").

94. Thật thú vị khi thể nguyên nhân được "loại bỏ lúc điểm đạo". Tại sao không nói rằng thể nguyên nhân bị loại bỏ ở lần điểm đạo thứ *tư* (điều vốn là kiến thức tiêu chuẩn trong vấn đề này)? Có thể nào tiến trình loại bỏ thực sự bắt đầu ở cấp độ thứ ba, vốn theo góc nhìn của Thánh đoàn là sự khởi đầu của tiến trình điểm đạo chân chính?

Nó ["sự sống bên trong"] dần dần tiếp sinh lực và đánh thức chúng cho đến khi, trên ba cõi, sự sống trung tâm có một điểm tiếp xúc thích đáng có thể khởi phát rung động cần thiết trong vật chất của cõi.

95. Chúng ta đang nói về cách mà "sự sống trung tâm" của thể nguyên nhân đánh thức các nguyên tử trường tồn cho đến khi, qua chúng, nó có thể tác động đến vật chất của cõi (và các cõi phụ) mà bất kỳ nguyên tử trường tồn đặc thù nào có liên hệ.

96. We must remember that it is the Monad which, from the start, appropriated certain atoms and made them "permanent"—i.e., permanently associated with itself, the Monad. The life which gradually vivifies and awakes the permanent atoms is really the life of the Monad, though mediate through the egoic lotus in the causal body.

96. Chúng ta phải nhớ rằng chính chân thần, ngay từ đầu, đã chiếm dụng một số nguyên tử nhất định và làm cho chúng trở thành "trường tồn"—tức là gắn bó thường trực với chính nó, chân thần. Sự sống dần dần tiếp sinh lực và đánh thức các nguyên tử trường tồn thực ra là sự sống của chân thần, dù được trung gian qua hoa sen chân ngã trong thể nguyên nhân.

The permanent atoms on each plane serve a fourfold purpose as regards the central or egoic life:

Các nguyên tử trường tồn trên mỗi cõi phục vụ một mục đích tứ phân đối với sự sống trung tâm hay chân ngã:

They are the distributors of a certain type of force.

Chúng là những bộ phân phối một loại mãnh lực nhất định.

97. This type of force will relate to a specific one of the seven principles which expresses through the vehicle for which the permanent atom is the central point of focus. The mental unit and manasic permanent atom, for instance, will express the principle of manas—whether lower manas or higher manas—a somewhat arbitrary distinction which at a certain point of mental development proves unnecessary.

97. Loại mãnh lực này sẽ liên hệ với một nguyên khí đặc thù trong bảy nguyên khí, nguyên khí biểu lộ qua vận cụ mà nguyên tử trường tồn là điểm tập trung trung tâm của nó. Chẳng hạn, đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas sẽ biểu lộ nguyên khí manas—dù là hạ manas hay thượng manas—một sự phân biệt phần nào tùy tiện mà ở một điểm nào đó của sự phát triển trí tuệ sẽ chứng tỏ là không cần thiết.

They are the conservers of faculty or ability to respond to a particular vibration.

Chúng là những kẻ bảo tồn năng lực hay khả năng đáp ứng với một rung động đặc thù.

98. When the ability to respond is learned, that ability is conserved with the permanent atom. We may judge, then, that the participation of the permanent atom is vital to the process of *learning.* Learning is so closely related to remembering and the permanent atoms are repositories of memory.

98. Khi khả năng đáp ứng được học hỏi, khả năng ấy được bảo tồn cùng với nguyên tử trường tồn. Khi ấy, chúng ta có thể phán đoán rằng sự tham gia của nguyên tử trường tồn là thiết yếu đối với tiến trình *học hỏi.* Học hỏi liên hệ rất chặt chẽ với ghi nhớ, và các nguyên tử trường tồn là những kho chứa ký ức.

They are the assimilators of experience and the **transmuters of that experience into**

Chúng là những kẻ đồng hóa kinh nghiệm và là **những kẻ chuyển hoá kinh nghiệm ấy thành phẩm tính.** Đây là kết quả trực tiếp

quality. This is the direct result of the work of the egoic Ray as it plays upon the atom.

99. This is a most important capacity. All that has been experienced is absorbed by the permanent atom. But raw experience, per se, is not yet quality of the kind that can be stored in the causal body. An act of transmutation or of 'essentialization' must be performed upon the assimilated experience.

100. We are learning that the permanent atom can transmute experience into quality only when the "egoic Ray" plays upon the atom. We do not know the manner in which this occurs. We simply know that it requires both the permanent atom and the "egoic Ray" for the task to be accomplished. The vital relationship between the "egoic Ray" and the permanent atoms is to be held in consciousness for clarification.

101. DK is speaking largely in symbols. It becomes clear that the occult physics of these internal transmutative processes are far beyond our grasp.

They hold hid the memory of the unit of consciousness. When fully vibrant they are the raison d'être for the continuity of the consciousness of the man functioning in the causal body. This distinction must be carefully made.

102. All that has transpired is capable of retrieval, capable of being remembered.

103. It appears that members of the atomic triangle will only be fully vibrant at that point of development when a man can function in his causal body. When they are

của công việc của cung chân ngã khi nó tác động lên nguyên tử.

99. Đây là một năng lực hết sức quan trọng. Tất cả những gì đã được kinh nghiệm đều được nguyên tử trường tồn hấp thụ. Nhưng kinh nghiệm thô, chính nó, chưa phải là phẩm tính thuộc loại có thể được lưu trữ trong thể nguyên nhân. Một hành vi chuyển hoá hay "tinh yếu hóa" phải được thực hiện trên kinh nghiệm đã được đồng hóa.

100. Chúng ta đang học rằng nguyên tử trường tồn chỉ có thể chuyển hoá kinh nghiệm thành phẩm tính khi "cung chân ngã" tác động lên nguyên tử. Chúng ta không biết cách thức điều này xảy ra. Chúng ta chỉ biết rằng công việc ấy đòi hỏi cả nguyên tử trường tồn lẫn "cung chân ngã" thì mới có thể hoàn thành. Mối liên hệ thiết yếu giữa "cung chân ngã" và các nguyên tử trường tồn cần được giữ trong tâm thức để được làm sáng tỏ.

101. DK đang nói phần lớn bằng biểu tượng. Rõ ràng là môn vật lý huyền bí của các tiến trình chuyển hoá nội tại này vượt xa tầm nắm bắt của chúng ta.

Chúng che giấu ký ức của đơn vị tâm thức. Khi rung động trọn vẹn, chúng là lý do tồn tại cho tính liên tục của tâm thức của con người đang hoạt động trong thể nguyên nhân. Sự phân biệt này phải được thực hiện cẩn trọng.

102. Tất cả những gì đã xảy ra đều có thể được truy hồi, có thể được nhớ lại.

103. Dường như các thành viên của tam giác nguyên tử chỉ hoàn toàn rung động ở điểm phát triển mà tại đó một người có thể hoạt động trong thể nguyên nhân của mình. Khi

fully vibrant and a man can function in his causal body, continuity of consciousnesses is achieved.

chúng hoàn toàn rung động và một người có thể hoạt động trong thể nguyên nhân của mình, tính liên tục của tâm thức được đạt tới.

104. We may gather that the *ready* retrieval of long past memory (for instance, the memory of other incarnations) may be achieved following the third initiation and before the fourth. After the fourth, the permanent atoms and mental unit in the atomic triangle have been destroyed (unless deliberately preserved by some occult process).

104. Chúng ta có thể suy ra rằng việc truy hồi *sẵn sàng* ký ức từ quá khứ xa xưa (chẳng hạn ký ức về các lần nhập thể khác) có thể đạt được sau lần điểm đạo thứ ba và trước lần điểm đạo thứ tư. Sau lần điểm đạo thứ tư, các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí trong tam giác nguyên tử đã bị hủy diệt (trừ phi được cố ý bảo tồn bằng một tiến trình huyền bí nào đó).

105. Continuity of consciousness can also mean that the man upon the physical plane is fully aware of all that is transpiring in all his subtle vehicles—etheric-physical, emotional and mental.

105. Tính liên tục của tâm thức cũng có thể có nghĩa là con người trên cõi hồng trần hoàn toàn nhận biết mọi điều đang xảy ra trong tất cả các vận cụ vi tế của mình—dĩ thái-hồng trần, cảm xúc và trí tuệ.

106. We can ask ourselves: "How much information can we handle simultaneously?" If all information related to the functioning of all vehicles of the personality were simultaneously available, would we become more enlightened or more confused?

106. Chúng ta có thể tự hỏi: "Chúng ta có thể xử lý bao nhiêu thông tin cùng một lúc?" Nếu mọi thông tin liên hệ đến hoạt động của tất cả các vận cụ của phàm ngã đều đồng thời sẵn có, liệu chúng ta sẽ trở nên giác ngộ hơn hay bối rối hơn?

We must always remember in studying these difficult matters that we are dealing with the logoic dense physical body and that:

Khi nghiên cứu những vấn đề khó khăn này, chúng ta phải luôn nhớ rằng chúng ta đang đề cập đến thể hồng trần đậm đặc logoi và rằng:

107. These matters are so difficult because the presence of the permanent atom is largely inaccessible to our present consciousness and its existence is incapable of being proven (except through occult methods).

107. Những vấn đề này khó đến vậy vì sự hiện diện của nguyên tử trường tồn phần lớn không thể tiếp cận đối với tâm thức hiện tại của chúng ta và sự tồn tại của nó không thể được chứng minh (trừ bằng các phương pháp huyền bí).

The mental unit is found in logoic gaseous matter.

Đơn vị hạ trí được tìm thấy trong vật chất khí logoi.

108. From the perspective of the Solar Logos, the entire mental plane is considered to be the gaseous plane. From the perspective of the Planetary Logos, the *concrete* mental plane is considered to be gaseous. It remains to be determined whether the higher mental plane is considered etheric from the planetary logoic perspective.

108. Từ góc nhìn của Thái dương Thượng đế, toàn bộ cõi trí được xem là cõi khí. Từ góc nhìn của Đức Hành Tinh Thượng Đế, cõi trí *cụ thể* được xem là cõi khí. Vẫn còn phải xác định xem Cõi thượng trí có được xem là dĩ thái theo góc nhìn hành tinh logoi hay không.

The astral permanent atom in logoic liquid matter.

Nguyên tử trường tồn cảm dục trong vật chất lỏng logoi.

109. The astral plane is logoically liquid

109. Cõi cảm dục là lỏng theo nghĩa logoi.

The physical permanent atom in dense physical substance.

Nguyên tử trường tồn hồng trần trong chất liệu hồng trần đậm đặc.

110. The physical-etheric plane is logoically dense. Note that from the perspective of the Logoi (whether planetary or solar), the etheric aspect of the systemic etheric-physical plane is also considered an example of “dense physical substance”.

110. Cõi hồng trần-dĩ thái là đậm đặc theo nghĩa logoi. Lưu ý rằng từ góc nhìn của Các Thượng đế (dù hành tinh hay thái dương), phương diện dĩ thái của cõi dĩ thái-hồng trần của hệ cũng được xem là một ví dụ của “chất liệu hồng trần đậm đặc”.

And they therefore have their place in matter of the three lowest subplanes of the physical body of the Logos.

Và vì vậy chúng có vị trí của mình trong vật chất của ba cõi phụ thấp nhất của thể xác của Logos.

111. The lower two permanent atoms and mental unit, thus, express through that part of either the Solar Logos or Planetary Logos which is not a principle.

111. Do đó, hai nguyên tử trường tồn thấp hơn và đơn vị hạ trí biểu lộ qua phần ấy của Thái dương Thượng đế hoặc Đức Hành Tinh Thượng Đế vốn không phải là một nguyên khí.

Consequently when in the process of evolution, and through initiation, man achieves the consciousness of the Spiritual Triad, and transfers his polarisation into the three triadal [Page 509] permanent atoms, he is simply able to function consciously in the etheric body of his particular planetary Logos.

Do đó, khi trong tiến trình tiến hoá, và qua điểm đạo, con người đạt được tâm thức của Tam Nguyên Tinh Thần, và chuyển sự phân cực của mình vào ba nguyên tử trường tồn [Page 509] của tam nguyên, y đơn giản chỉ có thể hoạt động một cách hữu thức trong thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của y.

112. Initiation is the method through which the polarization of a man's consciousness is transferred from the lower permanent atoms (and mental unit) into the higher permanent atoms.

112. Điểm đạo là phương pháp nhờ đó sự phân cực của tâm thức con người được chuyển từ các nguyên tử trường tồn thấp (và đơn vị hạ trí) vào các nguyên tử trường tồn cao.

113. This transference represents a change from dense physical functioning to etheric functioning. In short, the initiate is functioning within a *principle* of the Planetary Logos or Solar Logos and no longer in unprincipled substance.

113. Sự chuyển dịch này biểu thị một sự thay đổi từ hoạt động hồng trần đậm đặc sang hoạt động dĩ thái. Tóm lại, điểm đạo đồ đang hoạt động bên trong một *nguyên khí* của Đức Hành Tinh Thượng Đế hoặc Thái dương Thượng đế và không còn trong chất liệu không nguyên khí nữa.

114. We must note carefully that not *all* the permanent atoms of the spiritual triad are in solar logoic etheric matter, but only two—the buddhic and the atmic. May it be, however, that, from the perspective of the Planetary Logos, even the manasic permanent atom is in etheric (and not gaseous) matter? There seems to be an important hint here given which indicates the etheric nature of the higher mental plane—at least from the perspective of the Planetary Logos.

114. Chúng ta phải lưu ý cẩn thận rằng không phải *tất cả* các nguyên tử trường tồn của tam nguyên tinh thần đều ở trong vật chất dĩ thái logoi thái dương, mà chỉ có hai—nguyên tử Bồ đề và nguyên tử atma. Tuy nhiên, có thể chăng, từ góc nhìn của Hành Tinh Thượng Đế, ngay cả nguyên tử trường tồn manas cũng ở trong vật chất dĩ thái (chứ không phải khí)? Dường như ở đây có một gợi ý quan trọng cho thấy bản chất dĩ thái của Cõi thượng trí—ít nhất là từ góc nhìn của Hành Tinh Thượng Đế.

Work out the analogy in the microcosmic development and note how in order to function consciously in his individual etheric body a man has to burn through what has been called the etheric web, and study how the fires of initiation produce something analogous in the planetary etheric body, and eventually in the cosmic etheric.

Hãy triển khai phép tương đồng trong sự phát triển của tiểu thiên địa và lưu ý cách mà để hoạt động một cách hữu thức trong thể dĩ thái cá nhân của mình, con người phải đốt xuyên qua cái đã được gọi là màng lưới dĩ thái, và hãy nghiên cứu cách các lửa của điểm đạo tạo ra một điều gì đó tương tự trong thể dĩ thái hành tinh, và cuối cùng trong dĩ thái vũ trụ.

115. There is an etheric web separating the systemic gaseous plane from the cosmic etheric planes.

115. Có một màng lưới dĩ thái ngăn cách cõi khí của hệ với các cõi dĩ thái vũ trụ.

116. The initiation of a Planetary Logos produces a burning through the etheric web

116. Điểm đạo của một Hành Tinh Thượng Đế tạo ra sự đốt xuyên qua màng lưới dĩ thái

separating His dense-dense level from His dense-etheric level.

117. We may gather that there is a web, 'curtain' or energy barrier separating the lower mental plane from the higher mental plane and that one also exists separating the higher mental plane from the buddhic plane (which, when burned through, gives access to the cosmic ethers).

118. Initiation is a process of burning and liberation leading to the ability to function in spheres of ever greater refinement.

119. It is the first initiation which gives first access to the fourth ether; the second initiation to the third ether; the third initiation to the second ether; and the fourth initiation to the atomic ether.

120. Microcosmically, the etheric web may be considered fivefold—with one found at the border of each of the sub-planes, and finally at the border between the atomic etheric plane and the systemic astral plane.

121. We may analogize and suppose that there are 'astral-etheric' webs found on the astral plane and that, when burned through, continuity of consciousness extends to the mental plane.

122. We may suspect that the necessary burning is not purely sequential but overlapping.

As each unit of consciousness, through self-induced effort, achieves the goal and crosses the 'burning-ground,'

123. Here is a literal description of the "burning ground". It is not simply a

ngăn cách cấp độ đậm đặc-đậm đặc của Ngài với cấp độ đậm đặc-dĩ thái của Ngài.

117. Chúng ta có thể suy ra rằng có một màng lưới, "bức màn" hay rào chắn năng lượng ngăn cách cõi hạ trí với Cõi thượng trí và cũng có một màng lưới khác ngăn cách Cõi thượng trí với cõi Bồ đề (màng lưới này, khi bị đốt xuyên qua, sẽ cho phép tiếp cận các dĩ thái vũ trụ).

118. Điểm đạo là một tiến trình đốt cháy và giải thoát dẫn đến khả năng hoạt động trong những khối cầu ngày càng tinh luyện hơn.

119. Chính lần điểm đạo thứ nhất đem lại sự tiếp cận đầu tiên với dĩ thái thứ tư; lần điểm đạo thứ hai với dĩ thái thứ ba; lần điểm đạo thứ ba với dĩ thái thứ hai; và lần điểm đạo thứ tư với dĩ thái nguyên tử.

120. Xét theo tiểu thiên địa, màng lưới dĩ thái có thể được xem là ngũ phân—một màng lưới ở ranh giới của mỗi cõi phụ, và cuối cùng ở ranh giới giữa cõi dĩ thái nguyên tử và cõi cảm dục của hệ.

121. Chúng ta có thể suy luận theo phép tương đồng và giả định rằng có những màng lưới "cảm dục-dĩ thái" hiện diện trên cõi cảm dục và rằng, khi bị đốt xuyên qua, sự liên tục của tâm thức sẽ mở rộng đến cõi trí.

122. Chúng ta có thể ngờ rằng sự đốt cháy cần thiết không hoàn toàn tuần tự mà có chồng lấn.

Khi mỗi đơn vị tâm thức, bằng nỗ lực tự phát khởi, đạt được mục tiêu và vượt qua "vùng đất cháy",

123. Đây là một mô tả theo nghĩa đen về "vùng đất cháy". Nó không chỉ đơn thuần là

metaphorical term but indicates an actual process of liberative burning in relation to ethers of some kind or another—whether ethers of the physical plane or of the astral, or even, of the mental, as the fourth sub-plane of the mental plane may be considered 'etheric' as it is one of the higher four mental sub-planes.

một thuật ngữ ẩn dụ mà chỉ ra một tiến trình đốt cháy giải thoát thực sự liên hệ với các dĩ thái thuộc loại này hay loại khác—dù là các dĩ thái của cõi hồng trần, hay của cõi cảm dục, hay thậm chí của cõi trí, vì cõi phụ thứ tư của cõi trí có thể được xem là "dĩ thái" vì nó là một trong bốn cõi phụ cao của cõi trí.

124. We note that the burning through occurs always through self-induced effort. One does not rely upon external agencies and inner strength would not be augmented thereby.

124. Chúng ta lưu ý rằng sự đốt xuyên qua luôn luôn xảy ra nhờ nỗ lực tự phát khởi. Người ta không dựa vào các tác nhân bên ngoài, và sức mạnh nội tại cũng sẽ không được tăng cường bằng cách ấy.

125. Every burning ground, successfully crossed, is intended to admit the inflow of a higher energy. The webs, for instance, prevent such an inflow and when burnt through, no longer serve as impediments.

125. Mỗi vùng đất cháy, khi được vượt qua thành công, đều nhằm cho phép một năng lượng cao hơn tuôn vào. Chẳng hạn, các màng lưới ngăn cản sự tuôn vào ấy, và khi bị đốt xuyên qua, chúng không còn là chướng ngại nữa.

126. We might say that the processes of the burning ground produce the capacity (in that which is lower) for resonance with that which is higher. It has long been proposed as an hypothesis, that the inflow of a higher energy into the field of a lower energy is a matter of resonant response.

126. Chúng ta có thể nói rằng các tiến trình của vùng đất cháy tạo ra năng lực (trong cái thấp hơn) để cộng hưởng với cái cao hơn. Từ lâu người ta đã đề xuất như một giả thuyết rằng sự tuôn vào của một năng lượng cao hơn trong trường của một năng lượng thấp hơn là vấn đề của sự đáp ứng cộng hưởng.

a microscopic portion of the etheric web of the planetary etheric body is consumed by fire; this results in a definite gain for that great Entity, the planetary Logos, through the relatively unimportant liberation of the force of one cell in His body.

một phần vi mô của màng lưới dĩ thái của thể dĩ thái hành tinh bị lửa thiêu hủy; điều này mang lại một sự thu hoạch xác định cho Thực Thể vĩ đại ấy, Hành Tinh Thượng Đế, thông qua sự giải thoát tương đối không quan trọng của mãnh lực của một tế bào trong thân thể của Ngài.

127. This process can be related to the injunction found in Rule X for Disciples and Initiates: "Let the group widen all the rents within… [the] veils [of maya] and thus let in the light."

127. Tiến trình này có thể được liên hệ với huấn thị tìm thấy trong Quy luật X dành cho các đệ tử và điểm đạo đồ: "Hãy để nhóm mở rộng mọi chỗ rách bên trong… các bức màn [của ảo lực] và như thế để ánh sáng đi vào."

128. Each initiation represents a burning through. The higher the initiation the higher the barrier burnt through.

128. Mỗi lần điểm đạo biểu thị một sự đốt xuyên qua. Điểm đạo càng cao thì rào chắn bị đốt xuyên qua càng cao.

129. We could wonder whether there are cells within our own body of manifestation which, in their own manner, are achieving an analogous liberation and thus contributing to our own.

129. Chúng ta có thể tự hỏi liệu có những tế bào trong chính thể biểu hiện của chúng ta, theo cách riêng của chúng, đang đạt được một sự giải thoát tương tự và nhờ đó góp phần vào sự giải thoát của chính chúng ta hay không.

When all the units or cells in His body have achieved, He too is set free from dense manifestation and *physically dies.*

Khi tất cả các đơn vị hay tế bào trong thân thể của Ngài đã đạt được, chính Ngài cũng được giải thoát khỏi biểu hiện đậm đặc và *chết về mặt thể xác.*

130. We see that the initiation of a Planetary Logos or Solar Logos depends upon the initiation of the cells within His vehicles of manifestation.

130. Chúng ta thấy rằng điểm đạo của một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế tùy thuộc vào điểm đạo của các tế bào bên trong các vận cụ biểu hiện của Ngài.

131. We seem to be speaking of the fourth initiation after which point the entity in question is no longer in need of a generated physical body—i.e., He "physically dies".

131. Dường như chúng ta đang nói đến lần điểm đạo thứ tư, sau đó thực thể được nói đến không còn cần một thể xác được tạo sinh nữa—nghĩa là, Ngài "chết về mặt thể xác".

132. If we think carefully, we will realize that through our own spiritual progress, we are contributing to the spiritual process of the Planetary Logos in Whom we live and move and have our being.

132. Nếu suy nghĩ cẩn thận, chúng ta sẽ nhận ra rằng qua sự tiến bộ tinh thần của chính mình, chúng ta đang góp phần vào tiến trình tinh thần của Hành Tinh Thượng Đế, trong Ngài chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu.

133. As our Planetary Logos is undergoing a kind of fourth initiation on our chain and upon our globe, it may be expected (at some point) that from the physical perspective, He will *die.* Will this 'death' be part of the etherealization of the *dense* physical plane so prominent on this fourth globe of the fourth chain?

133. Vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua một loại lần điểm đạo thứ tư trên dãy của chúng ta và trên bầu hành tinh của chúng ta, nên có thể chờ đợi (vào một thời điểm nào đó) rằng từ góc nhìn hồng trần, Ngài sẽ *chết.* Liệu "cái chết" này có phải là một phần của sự dĩ thái hóa cõi *hồng trần*

đậm đặc vốn rất nổi bật trên bầu hành tinh thứ tư của dãy thứ tư này không?

This stage is succeeded by the comparatively brief one of etheric existence (covering the period of planetary obscuration), and then He is liberated from incarnation altogether.

Giai đoạn này được tiếp nối bởi một giai đoạn tương đối ngắn của sự tồn tại dĩ thái (bao trùm thời kỳ hành tinh bị che mờ), rồi sau đó Ngài được giải thoát hoàn toàn khỏi lâm phàm.

134. The process of physical death takes longer to achieve that the succeeding etheric liberation.

134. Tiến trình chết về mặt thể xác mất nhiều thời gian hơn để hoàn tất so với sự giải thoát dĩ thái tiếp theo sau đó.

135. There are three culminating phases which end the incarnation of a planetary or solar Entity: synthesis, obscuration, absorption. It will be useful to remember that the period of obscuration is associated with a comparatively brief stage of "etheric existence". From this perspective, obscuration is the *etherealization* of dense physical life. During obscuration, therefore, it will be unlikely to find life manifesting through the dense physical level. This may be a useful perspective when considering those planets in our solar system which are said to be passing through a phase of obscuration.

135. Có ba giai đoạn cao điểm kết thúc sự lâm phàm của một Thực Thể hành tinh hay thái dương: tổng hợp, che mờ, hấp thu. Sẽ hữu ích nếu nhớ rằng thời kỳ che mờ gắn liền với một giai đoạn tương đối ngắn của sự tồn tại "dĩ thái". Từ góc nhìn này, sự che mờ là sự *dĩ thái hóa* của sự sống hồng trần đậm đặc. Vì vậy, trong thời kỳ che mờ, khó có khả năng tìm thấy sự sống biểu hiện qua cấp độ hồng trần đậm đặc. Đây có thể là một góc nhìn hữu ích khi xem xét những hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta được nói là đang đi qua một giai đoạn che mờ.

136. When DK tells us that certain planets (like Venus) will be, before long, passing into a state of obscuration, we will have to think of the *etheric* meaning of this stage. Strangely, however, it is said in the Secret Doctrine that "Mercury is just beginning to get out of a state of obscuration" (SD I 188,189). So it would seem that there are periodical obscurations and final obscurations.

136. Khi Chân sư DK cho chúng ta biết rằng một số hành tinh nào đó (như Sao Kim) chẳng bao lâu nữa sẽ đi vào trạng thái che mờ, chúng ta sẽ phải nghĩ đến ý nghĩa *dĩ thái* của giai đoạn này. Tuy nhiên, thật lạ là trong Giáo Lý Bí Nhiệm có nói rằng "Sao Thủy chỉ mới bắt đầu thoát ra khỏi một trạng thái che mờ" (SD I 188,189). Vì vậy dường như có những sự che mờ định kỳ và những sự che mờ chung cuộc.

137. The concepts of fire, refinement, buddhi and death go hand in hand.

137. Các khái niệm về lửa, sự tinh luyện, Bồ đề và cái chết đi liền với nhau.

138. Of course, it must be noted that obscuration may apply to a planetary globe, or chain or even to the entire scheme. Each will demonstrate differently.

138. Dĩ nhiên, cần lưu ý rằng sự che mờ có thể áp dụng cho một bầu hành tinh, hay một dãy, hay thậm chí toàn bộ hệ hành tinh. Mỗi trường hợp sẽ biểu hiện khác nhau.

Viewing this process from the standpoint of the Logos, the Brahma aspect passes out, or the life withdraws from the physical permanent atom, leaving later stages on cosmic levels, with which we need not concern ourselves.

Nhìn tiến trình này từ quan điểm của Thượng đế, phương diện Brahma đi ra ngoài, hay sự sống rút khỏi nguyên tử trường tồn hồng trần, để lại các giai đoạn sau đó trên các cấp độ vũ trụ, những điều mà chúng ta không cần bận tâm tới.

139. When this happens the solar system will disappear, but the manifestation of the Logos in question will not be completely abstracted. The abstracting Logos will still be demonstrating on the cosmic astral plane through the His astral permanent atom and on the cosmic mental plane through His correspondence to man's mental unit (if such exists) or through the manasic permanent atom on the cosmic mental plane.

139. Khi điều này xảy ra, hệ mặt trời sẽ biến mất, nhưng biểu hiện của Thượng đế được nói đến sẽ không bị trừu xuất hoàn toàn. Thượng đế đang trừu xuất ấy vẫn sẽ còn biểu hiện trên cõi cảm dục vũ trụ qua nguyên tử trường tồn cảm dục của Ngài và trên cõi trí vũ trụ qua đối ứng của Ngài với đơn vị hạ trí của con người (nếu điều đó tồn tại) hoặc qua nguyên tử trường tồn manas trên cõi trí vũ trụ.

140. The life passes out and the life withdraws from the physical permanent atom when the short etheric phase is concluded.

140. Sự sống đi ra ngoài và rút khỏi nguyên tử trường tồn hồng trần khi giai đoạn dĩ thái ngắn ngủi kết thúc.

These cover the withdrawal of the logoic life from out of the other two aspects.

Những điều này bao trùm sự rút lui của sự sống logoi ra khỏi hai phương diện kia.

141. There is a close parallel to here to the processes of microcosmic death.

141. Ở đây có một sự song hành chặt chẽ với các tiến trình chết của tiểu thiên địa.

In a solar system, which is a physical incarnation of the Logos, the Brahma aspect is apparently the most important, it being the medium of expression,

Trong một hệ mặt trời, vốn là một sự lâm phàm hồng trần của Thượng đế, phương diện Brahma hiển nhiên là quan trọng nhất, vì nó là môi trường biểu hiện,

142. Since we, as human beings, live and move and have our being within the

142. Vì chúng ta, với tư cách con người, sống, chuyển động và hiện hữu bên trong

physical-etheric nature of the Solar Logos, it is naturally His physical-etheric nature which would seem, to us, most important. In fact, we are not yet in a position to contact any other aspect of His nature directly.

bản chất hồng trần-dĩ thái của Thái dương Thượng đế, nên dĩ nhiên chính bản chất hồng trần-dĩ thái của Ngài dường như là quan trọng nhất đối với chúng ta. Thật ra, chúng ta chưa ở vào vị thế có thể tiếp xúc trực tiếp với bất kỳ phương diện nào khác trong bản chất của Ngài.

yet it is the subjective aspect, or the life-desire of the Logos which is fundamentally of moment;

nhưng chính phương diện chủ quan, hay sự sống-khát vọng của Thượng đế mới là điều căn bản quan trọng;

143. Both our Planetary Logos and our Solar Logos are (at this time) astrally polarized, and so it is their cosmic astral vehicle which is "fundamentally of moment". To be "of moment" means to be important *now.*

143. Cả Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta lẫn Thái dương Thượng đế của chúng ta đều đang (vào lúc này) phân cực cảm dục, và vì vậy vận cụ cảm dục vũ trụ của Các Ngài mới là điều "căn bản quan trọng". "Quan trọng" ở đây có nghĩa là quan trọng *ngay bây giờ.*

144. When the term "life" is added to that of "desire", planes even higher than the cosmic astral plane are suggested.

144. Khi thuật ngữ "sự sống" được thêm vào thuật ngữ "khát vọng", những cõi còn cao hơn cả cõi cảm dục vũ trụ được gợi ra.

this concerns His endeavour on high levels, and on cosmic planes beyond the ken of the highest Chohan.

điều này liên quan đến nỗ lực của Ngài trên các cấp độ cao và trên những cõi vũ trụ vượt ngoài tầm hiểu biết của vị Chohan cao nhất.

145. How far does the ken of the highest Chohan reach? Do we mean the highest Chohan found within the Fourth Creative Hierarchy? If so, even the cosmic astral plane would be beyond apprehension. The Christ, however, as a Chohan of the seventh degree, is, we may suppose, becoming responsive to energies from the cosmic astral plane as, like the Buddha who touched the cosmic mental plane, He is a "cosmic avatar". (cf. EP II 278)

145. Tầm hiểu biết của vị Chohan cao nhất vươn xa đến đâu? Có phải chúng ta muốn nói đến vị Chohan cao nhất được tìm thấy trong Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư không? Nếu vậy, ngay cả cõi cảm dục vũ trụ cũng sẽ vượt ngoài sự lĩnh hội. Tuy nhiên, Đức Christ, với tư cách một Chohan cấp bảy, theo chúng ta có thể giả định, đang trở nên đáp ứng với các năng lượng từ cõi cảm dục vũ trụ, cũng như Đức Phật, Đấng đã chạm đến cõi trí vũ trụ, Ngài là một "Đấng Hoá Thân vũ trụ". (xem EP II 278)

It might be of value here if I pointed out that the Egoic Ray of the human unit[67] with which we are concerning [Page 510]

Ở đây sẽ có giá trị nếu tôi chỉ ra rằng Cung Chân Ngã của đơn vị nhân loại67 mà chúng

ourselves, manifests as regards each ray just as does the logoic manifestation.

ta đang bàn đến [Page 510] biểu hiện nơi mỗi cung cũng giống như biểu hiện logoi.

146. The parallel between human and logoic manifestation is often quite exact, especially when the human being is being compared with the *Solar* Logos.

146. Sự song hành giữa biểu hiện nhân loại và biểu hiện logoi thường khá chính xác, đặc biệt khi con người được so sánh với Thái *dương* Thượng đế.

FOOTNOTE [67]: The human Ray. "Each human centre is a crystallised ray of the Absolute One that has worked through processes of evolution into what is known as a human being."—Some Thoughts on the Gita.

CHÚ THÍCH 67: Cung nhân loại. "Mỗi trung tâm nhân loại là một cung kết tinh của Đấng Tuyệt Đối Duy Nhất đã vận hành qua các tiến trình tiến hoá để trở thành điều được biết là một con người."—Some Thoughts on the Gita.

147. It is arresting to read that the "divine center of consciousness" in a human being is a "crystallised ray of the Absolute One". By the term "crystallized" a process of precipitation and densification must be indicated.

147. Thật đáng chú ý khi đọc rằng "trung tâm tâm thức thiêng liêng" trong một con người là một cung "kết tinh của Đấng Tuyệt Đối Duy Nhất". Bởi thuật ngữ "kết tinh", hẳn phải chỉ ra một tiến trình ngưng tụ và làm đậm đặc.

148. We are being told that we are crystalline precipitations of the "Absolute One".

148. Chúng ta đang được cho biết rằng chúng ta là những sự ngưng tụ kết tinh của "Đấng Tuyệt Đối Duy Nhất".

149. From another perspective, all lives are crystallised rays.

149. Từ một góc nhìn khác, mọi sự sống đều là những cung kết tinh.

Each of the seven Rays, viewed in connection with the causal bodies of men, demonstrates as a unity on the first subplane, as a triplicity on the second and as seven on the third, forming there the forty-nine groups which most concern evolving man.

Mỗi một trong bảy cung, khi được xem xét trong liên hệ với các thể nguyên nhân của con người, biểu hiện như một hợp nhất trên cõi phụ thứ nhất, như một bộ ba trên cõi phụ thứ hai và như bảy trên cõi phụ thứ ba, tại đó hình thành bốn mươi chín nhóm liên hệ nhiều nhất đến con người đang tiến hoá.

150. The sequence 1—3—7 is constantly found and is closely related to the appearance and disappearance of planetary chains in a planetary scheme.

150. Chuỗi 1—3—7 liên tục được tìm thấy và có liên hệ chặt chẽ với sự xuất hiện và biến mất của các dãy hành tinh trong một hệ hành tinh.

151. Although the causal body of men are usually found upon the third and second sub-planes of the mental plane, the text reference above suggests that their association with the first sub-plane cannot be dismissed.

151. Mặc dù các thể nguyên nhân của con người thường được tìm thấy trên cõi phụ thứ ba và thứ hai của cõi trí, đoạn văn trên cho thấy rằng không thể bác bỏ mối liên hệ của chúng với cõi phụ thứ nhất.

152. It has long been a vexed question whether the causal bodies of men *ever* focus entirely on the atomic sub-plane of the mental plane, or whether, up until the destruction of the causal body, the focus remains upon the second sub-plane.

152. Từ lâu đã có một câu hỏi gây tranh luận là liệu các thể nguyên nhân của con người có *bao giờ* tập trung hoàn toàn trên cõi phụ nguyên tử của cõi trí hay không, hay là cho đến khi thể nguyên nhân bị hủy diệt, tiêu điểm vẫn còn ở cõi phụ thứ hai.

153. The numbering (1—3—7) presents a most important piece of occult information and is to be correlated with the following from LOM:

153. Cách đánh số (1—3—7) trình bày một mẩu thông tin huyền bí cực kỳ quan trọng và cần được đối chiếu với đoạn sau đây trong LOM:

On the third subplane of the mental plane egos are separated into groups—individual separation exists not, but group separation can be felt, incidental to ray and point in evolution.

Trên cõi phụ thứ ba của cõi trí, các chân ngã được phân chia thành các nhóm—không có sự tách biệt cá nhân, nhưng có thể cảm nhận được sự tách biệt nhóm, tùy thuộc vào cung và điểm tiến hoá.

154. This touches on the manner in which unity is experienced on the higher mental plane. Group separation, at least, is perceived, if not individual separation.

154. Điều này chạm đến cách mà sự hợp nhất được trải nghiệm trên Cõi thượng trí. Ít nhất, sự tách biệt nhóm được nhận biết, dù không phải sự tách biệt cá nhân.

On the second subplane the groups become merged and blend, and from their forty-nine groups are formed (by merging) forty-two. The process of synthesis might be tabulated as follows:

Trên cõi phụ thứ hai, các nhóm trở nên hòa nhập và dung hợp, và từ bốn mươi chín nhóm của chúng hình thành (qua sự hòa nhập) bốn mươi hai. Tiến trình tổng hợp có thể được lập bảng như sau:

(1st subplane 35 groups, 7 x 5

(cõi phụ 1 35 nhóm, 7 x 5

Mental plane (2nd subplane 42 groups, 7 x 6

Cõi trí (cõi phụ 2 42 nhóm, 7 x 6

(3rd subplane 49 groups, 7 x 7 (LOM 38)

(cõi phụ 3 49 nhóm, 7 x 7 (LOM 38)

155. The *unity* correlates with the 35 groups; the *triplicity* with the 42 groups and the *septenate* with the 49 groups.

155. *Sự hợp nhất* tương ứng với 35 nhóm; *bộ ba* tương ứng với 42 nhóm và *bộ bảy* tương ứng với 49 nhóm.

156. In this same reference there are groupings to be found on the buddhic, atmic and monadic planes (sevenfoldness finally being achieved on the monadic plane). Such groupings may be considered as groupings of "Egos" (at least on triadal levels) but not of causal bodies.

156. Trong cùng tài liệu tham chiếu này, có những nhóm được tìm thấy trên các cõi Bồ đề, atma và chân thần (tính thất phân cuối cùng đạt được trên cõi chân thần). Những nhóm như vậy có thể được xem là các nhóm của "các Chân ngã" (ít nhất trên các cấp độ tam nguyên) nhưng không phải của các thể nguyên nhân.

157. It is easy to see how the septenate on the third sub-plane multiplied by seven produces the requisite 49 groups.

157. Thật dễ thấy cách bộ bảy trên cõi phụ thứ ba nhân với bảy tạo ra 49 nhóm cần thiết.

158. On the second sub-plane, the triad must be multiplied by 14 to produce the requisite 42.

158. Trên cõi phụ thứ hai, tam nguyên phải được nhân với 14 để tạo ra 42 cần thiết.

159. It is not easy to relate the ray-unity on the first subplane to the requisite 35 groups.

159. Không dễ liên hệ sự hợp nhất-cung trên cõi phụ thứ nhất với 35 nhóm cần thiết.

160. The different kinds of human beings manifesting on the physical plane have their essential differentiation in these carefully numbered groupings.

160. Những loại người khác nhau biểu hiện trên cõi hồng trần có sự biến phân cốt yếu trong các nhóm được đánh số cẩn thận này.

According to the angle of vision, this numbering of groups may be increased or lessened, but for purposes of studying the aspects of mind, the above enumeration suffices.

Tùy theo góc độ tầm nhìn, cách đánh số các nhóm này có thể tăng lên hoặc giảm xuống, nhưng vì mục đích nghiên cứu các phương diện của trí tuệ, sự liệt kê trên là đủ.

161. Such potential *increases* we have seen in studying LOM.

161. Những khả năng *gia tăng* như thế chúng ta đã thấy khi nghiên cứu LOM.

162. DK calls the numbering "this numbering of groups" obviously meaning groups of causal bodies.

162. Chân sư DK gọi cách đánh số ấy là "cách đánh số các nhóm này", hiển nhiên muốn nói đến các nhóm thể nguyên nhân.

163. There are probably different ways of deriving numberings to be found on various sub-planes.

163. Có lẽ có những cách khác nhau để suy ra các cách đánh số được tìm thấy trên các cõi phụ khác nhau.

164. One of the most important realizations, however, is that causal bodies (so it appears) are to be found upon the first sub-plane of the systemic mental plane. This is surprising as the causal bodies of initiates are found upon second sub-plane and even the fourth initiation (so it seems from certain references) occurs on the second sub-plane.

164. Tuy nhiên, một trong những chứng nghiệm quan trọng nhất là các thể nguyên nhân (dường như vậy) được tìm thấy trên cõi phụ thứ nhất của cõi trí của hệ. Điều này thật đáng ngạc nhiên vì các thể nguyên nhân của các điểm đạo đồ được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai và ngay cả lần điểm đạo thứ tư (dường như theo một số tài liệu tham chiếu) cũng xảy ra trên cõi phụ thứ hai.

165. Yet, it is impossible to refuse the inference here given that each of the seven rays demonstrates (in relation to causal bodies) as a *unity* on the highest sub-plane.

165. Tuy vậy, không thể từ chối suy luận được đưa ra ở đây rằng mỗi một trong bảy cung biểu hiện (trong liên hệ với các thể nguyên nhân) như một *hợp nhất* trên cõi phụ cao nhất.

166. We will have to defer judgment concerning the meaning of this apparent discrepancy until further information or insight is gathered.

166. Chúng ta sẽ phải hoãn phán đoán về ý nghĩa của sự bất nhất biểu kiến này cho đến khi có thêm thông tin hay linh thị.

In the course of his many septenary lives, and as the cyclic sevens pass over him, man passes under the influence of the seven sub-rays of his own Ray. Then he begins to synthesise and merge the seven into the major three sub-rays, returning thus to unity on his own egoic Ray.

Trong tiến trình của nhiều kiếp sống thất phân của mình, và khi các chu kỳ bảy đi qua y, con người đi vào dưới ảnh hưởng của bảy cung phụ của chính cung của mình. Rồi y bắt đầu tổng hợp và dung hợp bảy cung ấy vào ba cung phụ chính, nhờ đó trở về hợp nhất trên cung chân ngã của chính mình.

167. What is meant by “his many septenary lives”? Does the phrase refer to personality cycles or to soul cycles?

167. “Nhiều kiếp sống thất phân của mình” có nghĩa là gì? Cụm từ này có chỉ đến các chu kỳ phàm ngã hay các chu kỳ linh hồn không?

168. When we read of the “cyclic sevens” which “pass over him”, do we mean egoic cycles of seven or personality cycles of seven? Either could be the case.

168. Khi chúng ta đọc về “các chu kỳ bảy” “đi qua y”, có phải chúng ta muốn nói đến các chu kỳ chân ngã gồm bảy hay các chu kỳ

phàm ngã gồm bảy không? Cả hai đều có thể đúng.

169. Could we also mean (when referring to "many septenary lives") that each incarnation is sevenfold (as in considering the "seven ages of man)?

169. Liệu chúng ta cũng có thể hiểu (khi nói đến "nhiều kiếp sống thất phân") rằng mỗi kiếp lâm phàm đều là thất phân (như khi xét đến "bảy thời kỳ của con người") không?

170. When we read the phrase "his own Ray" we could think that this indicated the monadic ray, and yet in the next sentence it becomes clear that the "egoic Ray" is meant.

170. Khi đọc cụm từ "chính cung của mình", chúng ta có thể nghĩ rằng điều này chỉ cung chân thần, nhưng ở câu kế tiếp lại trở nên rõ ràng rằng "cung chân ngã" mới là điều được nói đến.

171. In any case, if a man passes "under the influence of the seven sub-rays of his own Ray", it would seem that he passes upon all the seven types of personality rays (perhaps even the same personality ray as the ray upon which his Ego is found).

171. Dù sao đi nữa, nếu một người đi "dưới ảnh hưởng của bảy cung phụ của chính cung của mình", dường như y đi qua cả bảy loại cung phàm ngã (có lẽ ngay cả cùng một cung phàm ngã với cung mà Chân ngã của y hiện diện trên đó).

172. As he advances, he tends to take a personality upon the major three sub-rays of his "egoic Ray" (probably not the same personality ray as his soul ray).

172. Khi tiến bộ, y có khuynh hướng nhận lấy một phàm ngã trên ba cung phụ chính của "cung chân ngã" của mình (có lẽ không phải cùng một cung phàm ngã với cung linh hồn của y).

173. From other references, it is less likely that he will choose a personality upon the same ray as his "egoic Ray". It is *possible* that this can be done, but a high degree of balance must be achieved before the Ego (when choosing the personality ray) will deem it wise to choose the ray upon which it finds itself.

173. Từ những tài liệu tham chiếu khác, có vẻ ít khả năng hơn rằng y sẽ chọn một phàm ngã trên cùng một cung với "cung chân ngã" của mình. Điều đó *có thể* thực hiện được, nhưng phải đạt đến một mức quân bình cao trước khi Chân ngã (khi chọn cung phàm ngã) cho là khôn ngoan để chọn cung mà chính nó đang hiện diện trên đó.

174. What will it mean to "return to unity on his own "egoic Ray"? Perhaps in this return to unity the personality ray chosen will be the same as the "egoic Ray".

174. "Trở về hợp nhất trên 'cung chân ngã' của mình" sẽ có nghĩa là gì? Có lẽ trong sự trở về hợp nhất này, cung phàm ngã được chọn sẽ là cùng một cung với "cung chân ngã".

175. We could also be dealing with sub-rays of the Ego upon the plane of soul (for thus the Ashrams are divided). It may be that not only a personality ray is chosen which is the same as the egoic ray, but that the same sub-ray as the "egoic Ray" is eventually chosen on *soul* levels.

175. Chúng ta cũng có thể đang bàn đến các cung phụ của Chân ngã trên cõi linh hồn (vì các ashram được phân chia như thế). Có thể không chỉ một cung phàm ngã được chọn trùng với cung chân ngã, mà cuối cùng cùng một cung phụ như "cung chân ngã" cũng được chọn trên các cấp độ *linh hồn*.

176. If the soul is on rays four, five, six or seven, then the return to unity (if it signifies choosing the same sub-ray (i.e., personality ray) as the soul ray, will signify a choice of one of the Rays of Attribute and *not* one of the three *major* sub-rays.

176. Nếu linh hồn ở trên cung bốn, năm, sáu hay bảy, thì sự trở về hợp nhất (nếu điều đó có nghĩa là chọn cùng một cung phụ (tức cung phàm ngã) như cung linh hồn) sẽ biểu thị sự chọn một trong Các Cung Thuộc Tính chứ *không* phải một trong ba cung phụ *chính*.

177. When we speak of "returning thus to unity on his own egoic ray" we must recall the teaching given on TCF 177. The true Ego is the spiritual triad. One focus in the triad (whether atmic, buddhic, or manasic) is strictly monadic, but another, secondary, focus also exists. Secondarily, every triad is either atmic, buddhic or manasic and the "return…to unity" may be a reference to a return to one of these three secondary triadal aspects.

177. Khi nói về việc "nhờ đó trở về hợp nhất trên cung chân ngã của chính mình", chúng ta phải nhớ lại giáo huấn được đưa ra trong TCF 177. Chân ngã đích thực là Tam Nguyên Tinh Thần. Một tiêu điểm trong tam nguyên (dù là atma, Bồ đề hay manas) thì hoàn toàn là chân thần, nhưng một tiêu điểm khác, thứ yếu, cũng tồn tại. Theo nghĩa thứ yếu, mỗi tam nguyên hoặc là atma, hoặc là Bồ đề, hoặc là manas, và "sự trở về… với hợp nhất" có thể là một quy chiếu đến sự trở về với một trong ba phương diện tam nguyên thứ yếu này.

178. May it be, ultimately, that the return to unity on a man's egoic Ray is a return to *monadic unity,* and that the "egoic Ray" is used as the means of this return? This requires amplification.

178. Cuối cùng, có thể chăng sự trở về hợp nhất trên cung chân ngã của một người là sự trở về với *sự hợp nhất chân thần,* và "cung chân ngã" được dùng như phương tiện của sự trở về này? Điều này cần được khai triển thêm.

179. When speaking of the merging of the seven into one of the major three—there may be a tendency for highly developed people to work through personalities which are on one of the three rays of aspect, but this is certainly not invariably the case.

179. Khi nói về việc dung hợp bảy vào một trong ba cung chính—có thể có một khuynh hướng nơi những người phát triển cao hoạt động qua các phàm ngã thuộc một trong ba cung trạng thái, nhưng điều này chắc chắn không phải luôn luôn như vậy.

180. There is definitely an implication that through the use of one of the major three subrays, a man may return to unity on his own egoic ray. We remember that the major three rays (as personality rays) can only exist when a man is, firstly, intelligent (ray three) and later, approaching the first initiation (rays two and one).

180. Chắc chắn có một hàm ý rằng qua việc sử dụng một trong ba cung phụ chính, con người có thể trở về hợp nhất trên cung chân ngã của chính mình. Chúng ta nhớ rằng ba cung chính (với tư cách các cung phàm ngã) chỉ có thể tồn tại khi con người trước hết là thông minh (cung ba) và về sau đang tiến gần lần điểm đạo thứ nhất (cung hai và cung một).

181. Please review the ninefold choice of rays for the Ego—i.e., for the man as spiritual triad.

181. Xin hãy xem lại sự lựa chọn chín phân của các cung cho Chân ngã—tức cho con người như tam nguyên tinh thần.

182. We can see how little is actually known of the process and how much occult research will be required in the future.

182. Chúng ta có thể thấy rằng thực sự người ta biết rất ít về tiến trình này và trong tương lai sẽ cần rất nhiều nghiên cứu huyền bí học.

183. The movement in this process is from seven to three to one, and from the third sub-plane to the second and thence (so it would seem, eventually) to the first. We will reserve judgment on this last possibility.

183. Sự chuyển động trong tiến trình này là từ bảy đến ba đến một, và từ cõi phụ thứ ba đến cõi phụ thứ hai rồi từ đó (dường như cuối cùng) đến cõi phụ thứ nhất. Chúng ta sẽ tạm giữ phán đoán về khả năng cuối cùng này.

184. We can see that the trend is ever towards simplification and synthesis.

184. Chúng ta có thể thấy rằng xu hướng luôn luôn hướng đến sự đơn giản hóa và tổng hợp.

First. The septenary status governs the time from individualisation till he enters upon the Path.

Thứ nhất. Trạng thái thất phân chi phối khoảng thời gian từ biệt ngã hóa cho đến khi y bước vào Con Đường.

185. Man enters the Path at the first degree.

185. Con người bước vào Con Đường ở cấp độ thứ nhất.

186. DK is suggesting that the rotation on seven sub-rays is the case until the man enters upon the Path.

186. Chân sư DK đang gợi ý rằng sự luân chuyển trên bảy cung phụ là trường hợp xảy ra cho đến khi con người bước vào Con Đường.

187. Yet, it must be remembered that newly individualized man can only individualize on the fourth, fifth, sixth or seventh rays and, similarly, only have personalities upon those rays.

187. Tuy nhiên, phải nhớ rằng con người mới được biệt ngã hóa chỉ có thể biệt ngã hóa trên các cung bốn, năm, sáu hay bảy và tương tự, chỉ có thể có các phàm ngã trên những cung ấy.

188. It is not until one is approaching the stage of intelligent humanity that one can have a personality upon the third ray, and not until one is approaching the first initiation that one can have a personality upon the first or second ray.

188. Chỉ khi một người đang tiến gần giai đoạn nhân loại thông minh thì mới có thể có một phàm ngã trên cung ba, và chỉ khi một người đang tiến gần lần điểm đạo thứ nhất thì mới có thể có một phàm ngã trên cung một hay cung hai.

189. So these factors have to be considered when thinking about a "septenary status that governs from the time of individualization" until entry upon the Path.

189. Vì vậy những yếu tố này phải được xét đến khi suy nghĩ về một "trạng thái thất phân chi phối từ thời điểm biệt ngã hóa" cho đến khi bước vào Con Đường.

190. From another perspective, the septenary status suggests the cycles of the personality rays (cycles of fours and sevens). During this time (the time preceding entry upon the Path at the first initiation) the causal body is focussed on the third level of the mental plane where the number *seven* prevails. The number *three* prevails upon the second plane and the number *one* upon the first.

190. Từ một góc nhìn khác, trạng thái thất phân gợi ý các chu kỳ của các cung phàm ngã (các chu kỳ của bốn và bảy). Trong thời gian này (thời gian trước khi bước vào Con Đường ở lần điểm đạo thứ nhất), thể nguyên nhân được tập trung trên cấp độ thứ ba của cõi trí, nơi con số *bảy* chiếm ưu thế. Con số *ba* chiếm ưu thế trên cõi phụ thứ hai và con số *một* trên cõi phụ thứ nhất.

Second. The threefold status governs the time up till the third Initiation.

Thứ hai. Trạng thái tam phân chi phối khoảng thời gian cho đến lần điểm đạo thứ ba.

191. Again, if we are speaking of the sub-rays as personality rays, this statement will present a problem when compared with other aspects of the Teaching.

191. Một lần nữa, nếu chúng ta đang nói về các cung phụ như các cung phàm ngã, phát biểu này sẽ gây ra một vấn đề khi so sánh với các phương diện khác của Giáo Huấn.

192. It is clear that between the first and third initiation there are many disciples who have personality rays which are not on the

192. Rõ ràng là giữa lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ ba có nhiều đệ tử có các cung phàm ngã không nằm trên ba cung phụ

three major sub-rays, if by "three major sub-rays" we mean rays one, two and three.

193. There may, however, be a tendency for the greater number of personalities during the period between the first and third initiations to be upon the major three sub-rays.

194. Only statistical research done at a time when one can be sure of rays and sub-rays will confirm or deny the possibility.

195. In any case, from the first to the third initiations, the causal body is focussed on the second sub-plane of the mental, which sub-plane is correlated with the number *three,* as given above.

Third. He achieves the unity of his Ray by the fifth Initiation, and is then consciously a part of the body of the Heavenly Man.

196. This is a most interesting statement and could cause us to re-evaluate the meaning of "his Ray", as we would suspect that by the time the fifth initiation is taken, the monadic ray would be very important and prominent.

197. Yet it cannot be denied that the fourth and fifth degree initiates are focussed within the spiritual triad and that the spiritual triad is the true Ego and thus continues to express the "egoic Ray"—perhaps until the fifth initiation.

198. By the time the fifth initiation is taken, the Master is capable of producing a mayavirupa, and the achievement of unity on His Ray could simply mean that the

chính, nếu bởi "ba cung phụ chính" chúng ta muốn nói đến cung một, hai và ba.

193. Tuy nhiên, có thể có một khuynh hướng là phần lớn các phàm ngã trong giai đoạn giữa lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ ba sẽ nằm trên ba cung phụ chính.

194. Chỉ có nghiên cứu thống kê được thực hiện vào lúc người ta có thể chắc chắn về các cung và cung phụ mới xác nhận hay phủ nhận khả năng này.

195. Dù sao đi nữa, từ lần điểm đạo thứ nhất đến lần điểm đạo thứ ba, thể nguyên nhân được tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi trí, cõi phụ này tương ứng với con số *ba,* như đã nêu ở trên.

Thứ ba. Y đạt được sự hợp nhất của cung mình vào lần điểm đạo thứ năm, và khi đó một cách hữu thức là một phần của thân thể của Đấng Thiên Nhân.

196. Đây là một phát biểu rất thú vị và có thể khiến chúng ta đánh giá lại ý nghĩa của "cung của y", vì chúng ta sẽ nghi ngờ rằng vào lúc lần điểm đạo thứ năm được tiếp nhận, cung chân thần hẳn sẽ rất quan trọng và nổi bật.

197. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng các điểm đạo đồ cấp bốn và cấp năm được tập trung trong Tam Nguyên Tinh Thần và Tam Nguyên Tinh Thần là Chân ngã đích thực, do đó tiếp tục biểu lộ "cung chân ngã"—có lẽ cho đến lần điểm đạo thứ năm.

198. Vào lúc lần điểm đạo thứ năm được tiếp nhận, Chân sư có khả năng tạo ra một mayavirupa, và việc đạt được sự hợp nhất trên Cung của Ngài có thể đơn giản chỉ có

mayavirupa is colored by the same ray as the Ego (i.e., the spiritual triad). We have never considered the 'ray' of the mayavirupa but there is no reason to think that it should not have one or be expressive *mainly* of one.

nghĩa là mayavirupa được nhuốm màu bởi cùng một cung như Chân ngã (tức Tam Nguyên Tinh Thần). Chúng ta chưa bao giờ xem xét "cung" của mayavirupa, nhưng không có lý do gì để nghĩ rằng nó không nên có một cung hay không biểu lộ *chủ yếu* một cung nào đó.

199. On the way to unity, it would be likely that the ray choice would change from threefold to twofold.

199. Trên đường đi đến hợp nhất, có khả năng là sự lựa chọn cung sẽ thay đổi từ tam phân sang nhị phân.

200. We gather the inference that before the fifth initiation the initiate is *not* consciously a part of the body of the Heavenly Man. And yet, to be consciously a part of such a body, the monadic ray is indispensable, for a man is cell within a center of His Heavenly Man according to His monadic ray.

200. Chúng ta rút ra suy luận rằng trước lần điểm đạo thứ năm, điểm đạo đồ *không* hữu thức là một phần của thân thể của Đấng Thiên Nhân. Tuy nhiên, để hữu thức là một phần của một thể như thế, cung chân thần là điều không thể thiếu, vì con người là một tế bào bên trong một trung tâm của Đấng Thiên Nhân của Ngài tùy theo cung chân thần của mình.

201. It becomes clear also that there is 'something' on the first subplane of the higher mental plane when the fifth initiation is taken. Can this something (that we must hesitate to call a causal body) be a higher mental vehicle built around the manasic permanent atom? Can it be, then, that each ray has one group of such higher mental bodies manifesting on the atomic sub-plane of the higher mental plane? It seems to be the only way to get round the necessity that there be no integrated causal body after the fourth initiation is taken.

201. Cũng trở nên rõ ràng rằng có một "điều gì đó" trên cõi phụ thứ nhất của Cõi thượng trí khi lần điểm đạo thứ năm được tiếp nhận. Điều gì đó này (mà chúng ta phải ngần ngại mới gọi là thể nguyên nhân) có thể là một vận cụ thượng trí được xây dựng quanh nguyên tử trường tồn manas chăng? Vậy thì, có thể chăng mỗi cung có một nhóm những thể thượng trí như thế biểu hiện trên cõi phụ nguyên tử của Cõi thượng trí? Dường như đó là cách duy nhất để vượt qua sự cần thiết rằng không thể có một thể nguyên nhân tích hợp sau khi lần điểm đạo thứ tư được tiếp nhận.

202. The return "to unity on his own egoic Ray" may also indicate that the "egoic Ray" is fully and expressively a subray of his monadic ray.

202. Sự trở về "với hợp nhất trên cung chân ngã của chính y" cũng có thể chỉ ra rằng "cung chân ngã" hoàn toàn và một cách biểu đạt là một cung phụ của cung chân thần của y.

203. Let us recall the manner in which the idea of the *seven, three, one* was presented above:

Each of the seven Rays, viewed in connection with the causal bodies of men, demonstrates as a unity on the first subplane, as a triplicity on the second and as seven on the third, forming there the forty-nine groups which most concern evolving man. (TCF 510)

204. When we speak of achieving unity upon a ray, we will find that it is possible to —

a. Achieve unity upon one's egoic ray

b. Achieve unity upon one's monadic ray

205. We must remember that soul cycles occur in sevens and threes. These two numbers correlate with the manner in which "each of the seven Rays" demonstrates—as seven on the third subplane of the mental plane and as a triplicity upon the second.

206. It would be well to remember that the causal body is build upon the manasic permanent atom and its ray. The demonstration of a Ray "as a unity on the first subplane" may relate to this fact.

207. By the time of the fifth initiation, the ray of the Ego (which is the same as the ray of the causal body) is fully the expressively a subray of the Monad.

203. Hãy nhớ lại cách mà ý tưởng về *bảy, ba, một* đã được trình bày ở trên:

Mỗi một trong bảy cung, khi được xem xét trong liên hệ với các thể nguyên nhân của con người, biểu lộ như một hợp nhất trên cõi phụ thứ nhất, như một bộ ba trên cõi phụ thứ hai và như bảy trên cõi phụ thứ ba, tại đó hình thành bốn mươi chín nhóm liên quan nhiều nhất đến con người đang tiến hoá. (TCF 510)

204. Khi chúng ta nói về việc đạt được hợp nhất trên một cung, chúng ta sẽ thấy rằng có thể—

a. Đạt được hợp nhất trên cung chân ngã của mình

b. Đạt được hợp nhất trên cung chân thần của mình

205. Chúng ta phải nhớ rằng các chu kỳ linh hồn diễn ra theo bảy và ba. Hai con số này tương quan với cách mà "mỗi một trong bảy cung" biểu lộ—như bảy trên cõi phụ thứ ba của cõi trí và như một bộ ba trên cõi phụ thứ hai.

206. Nên nhớ rằng thể nguyên nhân được xây dựng trên nguyên tử trường tồn manas và cung của nó. Sự biểu lộ của một cung "như một hợp nhất trên cõi phụ thứ nhất" có thể liên hệ với sự kiện này.

207. Vào thời điểm lần điểm đạo thứ năm, cung của Chân ngã (cũng là cung của thể nguyên nhân) hoàn toàn, một cách biểu đạt, là một cung phụ của Chân thần.

The same idea can be worked out in connection with the **awakening of the life forces** within the permanent atoms, viewing each atom as the seventh principle in each of the three aspects of the personality.

Cùng một ý tưởng có thể được triển khai liên hệ với **sự thức tỉnh của các mãnh lực sự sống** bên trong các nguyên tử trường tồn, xem mỗi nguyên tử như nguyên khí thứ bảy trong mỗi một của ba phương diện của phàm ngã.

208. When we speak of the "life forces" and their "awakening" we are speaking of the spirillae in the atoms.

208. Khi chúng ta nói về các "mãnh lực sự sống" và "sự thức tỉnh" của chúng, chúng ta đang nói về các loa tuyến trong các nguyên tử.

209. We may, in fact, be dealing with seven lesser spirillae which are active in earlier days of atomic expression and three higher spirillae which become active as the atom advances in development. Perhaps, at the end of the developmental process, the central life of the atom is represented only by one spirilla which has absorbed all the others.

209. Thật ra, chúng ta có thể đang đề cập đến bảy loa tuyến thấp hơn hoạt động trong những ngày đầu của sự biểu lộ nguyên tử và ba loa tuyến cao hơn trở nên hoạt động khi nguyên tử tiến triển trong sự phát triển. Có lẽ, vào cuối tiến trình phát triển, sự sống trung tâm của nguyên tử chỉ được biểu hiện bởi một loa tuyến đã hấp thụ tất cả các loa tuyến khác.

210. If the process within the permanent atoms proceeds in this manner (especially within the *full* permanent atoms and not the quite partial mental unit), then there will be a time when the first three of the greater spirillae are active, and then only two and finally only one—the absorption process having occurred. The process of absorption will proceed from seven, through three, to one.

210. Nếu tiến trình bên trong các nguyên tử trường tồn diễn ra theo cách này (đặc biệt là bên trong các nguyên tử trường tồn *đầy đủ* chứ không phải đơn vị hạ trí chỉ khá là bộ phận), thì sẽ có một thời kỳ khi ba loa tuyến đầu tiên trong các loa tuyến lớn hơn hoạt động, rồi sau đó chỉ còn hai và cuối cùng chỉ còn một—tiến trình hấp thụ đã xảy ra. Tiến trình hấp thụ sẽ diễn ra từ bảy, qua ba, đến một.

211. We could ask about groupings of permanent atoms. On the highest vibratory level, unity is achieved and there will be seven groupings of permanent atoms according with the seven rays. On the next lowest vibratory level the permanent atoms vibrating to each ray will be divided into three groupings and on the third vibratory level into seven groupings.

211. Chúng ta có thể đặt câu hỏi về các nhóm nguyên tử trường tồn. Ở cấp độ rung động cao nhất, hợp nhất được đạt tới và sẽ có bảy nhóm nguyên tử trường tồn tương ứng với bảy cung. Ở cấp độ rung động thấp hơn kế tiếp, các nguyên tử trường tồn rung động theo mỗi cung sẽ được chia thành ba nhóm và ở cấp độ rung động thứ ba thành bảy nhóm.

212. It should be remembered that each permanent atom will vibrate principally to one type of ray (i.e., if the correspondence between permanent atoms and causal bodies is to be upheld).

212. Cần nhớ rằng mỗi nguyên tử trường tồn sẽ rung động chủ yếu theo một loại cung (tức là, nếu sự tương ứng giữa các nguyên tử trường tồn và các thể nguyên nhân được duy trì).

213. Of course, the principal vibration of a permanent atom could change from life to life, depending upon the influence of the Ego. This introduces a complication.

213. Dĩ nhiên, rung động chính của một nguyên tử trường tồn có thể thay đổi từ kiếp này sang kiếp khác, tùy thuộc vào ảnh hưởng của Chân ngã. Điều này đưa vào một sự phức tạp.

214. Our problem was simply to find some analogy between the relation of the rays, sub-planes and causal bodies (on the one hand) and the rays, permanent atoms and their groupings according to numbers of spirillae active. The matter is complex and we are simply engaged in analogical speculation.

214. Vấn đề của chúng ta chỉ đơn giản là tìm một sự tương đồng nào đó giữa mối liên hệ của các cung, các cõi phụ và các thể nguyên nhân (một bên) với các cung, các nguyên tử trường tồn và các nhóm của chúng theo số lượng loa tuyến hoạt động. Vấn đề này phức tạp và chúng ta chỉ đang tham gia vào sự suy đoán theo tương đồng.

215. We always will be faced with the issue of the 10—7—3—1 and the manner in which they 'nest' or do not.

215. Chúng ta sẽ luôn phải đối diện với vấn đề của 10—7—3—1 và cách chúng 'lồng vào nhau' hay không.

2. Their Place In the Egoic Body.

2. Vị Trí của Chúng Trong Thể Chân Ngã.

a. The importance of the astral permanent atom. There is one fact to be grasped in connection with the place of the permanent atom within the causal periphery and its evolution, that needs to be emphasised with care, and that is that the *astral permanent atom* in this solar system is the recipient of a great flow of force or energy, and receives more stimulation and energising than any of the others, and this for the following reasons: [Page 511]

a. Tầm quan trọng của nguyên tử trường tồn cảm dục. Có một sự kiện cần được nắm bắt liên hệ với vị trí của nguyên tử trường tồn bên trong chu vi nhân thể và sự tiến hoá của nó, cần phải được nhấn mạnh một cách cẩn trọng, và đó là nguyên tử trường tồn *cảm dục* trong hệ mặt trời này là nơi tiếp nhận một dòng mãnh lực hay năng lượng lớn, và nhận được nhiều kích thích và tiếp sinh lực hơn bất kỳ nguyên tử nào khác, và điều này là vì các lý do sau đây: [Page 511]

216. We are exploring the reasons why, in this solar system, the astral permanent atom

216. Chúng ta đang khảo sát các lý do vì sao, trong hệ mặt trời này, nguyên tử trường tồn cảm dục nhận được nhiều kích thích và tiếp

receives more stimulation and energizing than any other permanent atom.

217. We live in an astral-buddhic solar system and the polarization of our Solar Logos is still definitely astral (though there is movement towards mental polarization).

218. The astral permanent atom in humanity also (at this time) receives more stimulation than any other. The astral body is the most powerful vehicle because it is undivided (whereas the mental plane and the physical plane are both divided).

219. The following four reasons are given to explain why the astral permanent atom (in relation to our Solar Logos an His solar system, but especially in relation to humanity) receives more stimulation than the other two members of the solar logoic atomic triangle.

220. Presumably this stimulation (as regards the solar logoic personality) comes from the egoic nature of the Solar Logos, just as in man, the microcosm, his permanent atoms are stimulated by his egoic nature.

First. The centre of polarisation for the fourth, or human kingdom, is in the astral consciousness viewing this kingdom as a unity in expression.

221. The human kingdom is *not* (yet fully) a "unity in expression" as there are many different kinds of human beings working at different stages of development.

222. But the majority of humanity upon our globe is Earth-chain humanity and closely

sinh lực hơn bất kỳ nguyên tử trường tồn nào khác.

217. Chúng ta sống trong một hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề và sự phân cực của Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn rõ rệt là cảm dục (dù đang có sự chuyển động hướng tới sự phân cực trí tuệ).

218. Nguyên tử trường tồn cảm dục trong nhân loại cũng vậy (vào lúc này) nhận được nhiều kích thích hơn bất kỳ nguyên tử nào khác. Thể cảm dục là vận cụ mạnh nhất vì nó không bị phân chia (trong khi cõi trí và cõi hồng trần đều bị phân chia).

219. Bốn lý do sau đây được nêu ra để giải thích vì sao nguyên tử trường tồn cảm dục (liên hệ với Thái dương Thượng đế của chúng ta và hệ mặt trời của Ngài, nhưng đặc biệt liên hệ với nhân loại) nhận được nhiều kích thích hơn hai thành viên kia của tam giác nguyên tử thái dương thượng đế.

220. Có lẽ sự kích thích này (xét theo phàm ngã thái dương thượng đế) đến từ bản chất chân ngã của Thái dương Thượng đế, cũng như nơi con người, tiểu thiên địa, các nguyên tử trường tồn của y được kích thích bởi bản chất chân ngã của y.

Thứ nhất. Trung tâm phân cực của giới thứ tư, hay giới nhân loại, nằm trong tâm thức cảm dục xem giới này như một hợp nhất trong biểu lộ.

221. Giới nhân loại *chưa* (hoàn toàn) là một "hợp nhất trong biểu lộ", vì có nhiều loại người khác nhau đang hoạt động ở những giai đoạn phát triển khác nhau.

222. Nhưng đa số nhân loại trên bầu hành tinh của chúng ta là nhân loại Dãy Địa Cầu

related to the number *four* (the number of our chain). Four is a number which correlates not only with the buddhic plane but with the astral plane (the reflections of the buddhic). As an example of the correlation of the number four with the astral plane, the very astral Atlantean root race was the *fourth* root race.

và có liên hệ chặt chẽ với con số *bốn* (con số của dãy chúng ta). Bốn là một con số tương quan không chỉ với cõi Bồ đề mà còn với cõi cảm dục (sự phản chiếu của cõi Bồ đề). Như một ví dụ về sự tương quan của số bốn với cõi cảm dục, giống dân gốc Atlantis rất cảm dục chính là giống dân gốc thứ *tư*.

223. Humanity, as a whole and on all the planets, must be important within this particular solar system and its condition may be supposed to contribute to the degree of influence upon the cosmic physical plane of the astral permanent atom of the Solar Logos

223. Nhân loại, xét như một toàn thể và trên mọi hành tinh, hẳn phải quan trọng trong hệ mặt trời đặc thù này và có thể giả định rằng tình trạng của nó góp phần vào mức độ ảnh hưởng trên cõi hồng trần vũ trụ của nguyên tử trường tồn cảm dục của Thái dương Thượng đế

From the astral, and through the desire nature, the majority of men inevitably direct and control the physical vehicle.

Từ cõi cảm dục, và thông qua bản chất dục vọng, đa số người nam và nữ tất yếu định hướng và kiểm soát vận cụ hồng trần.

224. This means that for the majority of men *desire* controls the physical vehicle. This means that the majority of men *do* that which they *want* to *do* rather than that which they *think* they should do or *will* to do.

224. Điều này có nghĩa là đối với đa số người nam và nữ, *dục vọng* kiểm soát vận cụ hồng trần. Điều này có nghĩa là đa số người nam và nữ *thực sự* làm điều mà họ *muốn* làm hơn là điều mà họ *nghĩ* mình nên làm hay *quyết chí* làm.

The astral body is in the direct line of force via the buddhic from monadic levels, 2-4-6.

Thể cảm dục nằm trên đường truyền mãnh lực trực tiếp, qua cõi Bồ đề, từ các cấp độ chân thần, 2-4-6.

225. The 2-4-6 line is the *abstract* line or the *life* line. It is not the line of form.

225. Đường 2-4-6 là đường *trừu tượng* hay đường của *sự sống*. Đó không phải là đường của hình tướng.

226. The colors involved are, sequentially, indigo, yellow and blue/rose.

226. Các màu sắc liên hệ, theo thứ tự, là chàm, vàng và lam/hồng.

Second. The goal set before humanity is that of becoming Masters of the Wisdom, or conscious units in the Body of the Dragon of Wisdom or of Love.

227. In occultism, dragons are (for the most part) beings of *love.*

228. A great number of human beings will also become Lords of Compassion Who are Masters in Whom the love aspect is even more strongly accentuated than in the Masters of Wisdom, per se.

229. The term "Masters of the Wisdom" is generic, but can be differentiated from the term "Lords of Compassion". In these terms two different times of Masters are discussed.

This a man achieves when he can function consciously in the buddhic vehicle, or when the astral permanent atom is superseded by the buddhic permanent atom.

230. This functioning in the buddhic vehicle begins at the fourth initiation but is firmly established by the fifth.

231. The Master of the fifth degree is also focussed quite strongly on the fifth or atmic plane (the fifth counting from below).

232. We could say that we do not have to wait for the fifth initiation to see the astral permanent atom superseded by the buddhic permanent atom. This does happen at the fourth degree. In fact by the time of the fifth initiation, the astral permanent atom has

Thứ hai. Mục tiêu đặt ra trước nhân loại là trở thành các Chân sư của minh triết, hay những đơn vị hữu thức trong Thể của Rồng Minh Triết hay của Bác ái.

227. Trong huyền bí học, rồng (phần lớn) là những hữu thể của *bác ái.*

228. Một số lượng lớn nhân loại cũng sẽ trở thành các Đấng Chúa Tể của Lòng Từ Bi, là những Chân sư nơi Các Ngài phương diện bác ái còn được nhấn mạnh mạnh mẽ hơn cả nơi chính các Chân sư của minh triết.

229. Thuật ngữ "các Chân sư của minh triết" là thuật ngữ tổng quát, nhưng có thể được phân biệt với thuật ngữ "các Đấng Chúa Tể của Lòng Từ Bi". Trong các thuật ngữ này, hai loại Chân sư khác nhau đang được bàn đến.

Con người đạt được điều này khi y có thể hoạt động một cách hữu thức trong vận cụ Bồ đề, hay khi nguyên tử trường tồn cảm dục được thay thế bởi nguyên tử trường tồn Bồ đề.

230. Sự hoạt động này trong vận cụ Bồ đề bắt đầu từ lần điểm đạo thứ tư nhưng được thiết lập vững chắc vào lần điểm đạo thứ năm.

231. Chân sư ở cấp độ thứ năm cũng được tập trung khá mạnh trên cõi thứ năm hay cõi atma (cõi thứ năm tính từ dưới lên).

232. Chúng ta có thể nói rằng không cần phải chờ đến lần điểm đạo thứ năm mới thấy nguyên tử trường tồn cảm dục được thay thế bởi nguyên tử trường tồn Bồ đề. Điều này xảy ra ở cấp độ thứ tư. Thật ra, vào thời điểm lần điểm đạo thứ năm, nguyên tử trường tồn

been destroyed and its energy sublimated into buddhi.

233. A careful reading of the following, however, will reveal that the fourth and fifth initiations have a close connection with the buddhic plane and that the atmic plane becomes the focal point for initiation only during the sixth and seventh initiations.

The five-pointed star at the initiations on the mental plane flashes out above the head of the initiate. This concerns the first three initiations which are undergone in the causal vehicle. It has been said that the first two initiations take place upon the astral plane and this is correct, but has given rise to a misunderstanding. They are felt profoundly in connection with the astral and physical bodies and with the lower mental, and effect their control. The chief effect being felt in those bodies, the initiate may interpret them as having taken place on the planes concerned, for the vividness of the effect, and the stimulation works out largely in the astral body. But it must ever be remembered that the major initiations are taken in the causal body or—dissociated from that body—on the buddhic plane. At the final two initiations, which set a man free from the three worlds and enable him to function in the logoic body of vitality and to wield the force which animates that logoic vehicle, the initiate becomes the five-pointed star, and it descends upon him, merges in him, and he is *seen at its very centre.* This descent is brought about through the action of the Initiator, wielding the Rod of Power, and puts a man in touch with the centre in the Body of the planetary Logos of which he is a part; this is consciously effected. The two initiations, called the sixth and seventh, take place on the atmic plane; the five-pointed star "blazes

cảm dục đã bị hủy diệt và năng lượng của nó được thăng hoa vào Bồ đề.

233. Tuy nhiên, việc đọc cẩn thận đoạn sau sẽ cho thấy rằng lần điểm đạo thứ tư và thứ năm có liên hệ chặt chẽ với cõi Bồ đề và rằng cõi atma chỉ trở thành tiêu điểm cho điểm đạo trong lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy.

Ngôi sao năm cánh tại các lần điểm đạo trên cõi trí lóe sáng phía trên đầu điểm đạo đồ. Điều này liên quan đến ba lần điểm đạo đầu tiên được trải qua trong vận cụ nguyên nhân. Đã có nói rằng hai lần điểm đạo đầu tiên diễn ra trên cõi cảm dục và điều này là đúng, nhưng đã làm nảy sinh một sự hiểu lầm. Chúng được cảm nhận sâu sắc trong liên hệ với thể cảm dục và thể xác cùng với hạ trí, và tạo ra sự kiểm soát đối với chúng. Vì tác động chính được cảm nhận trong những thể ấy, điểm đạo đồ có thể diễn giải rằng chúng đã diễn ra trên các cõi liên hệ, do tính sống động của tác động, và sự kích thích phần lớn biểu lộ trong thể cảm dục. Nhưng phải luôn nhớ rằng các lần điểm đạo chính yếu được tiếp nhận trong thể nguyên nhân hoặc—khi tách rời khỏi thể ấy—trên cõi Bồ đề. Trong hai lần điểm đạo cuối cùng, giải thoát con người khỏi ba cõi thấp và giúp y hoạt động trong thể sinh lực của Thượng đế và vận dụng mãnh lực làm sinh động vận cụ thượng đế ấy, điểm đạo đồ trở thành ngôi sao năm cánh, và nó giáng xuống trên y, hòa nhập vào y, và y *được thấy ở chính trung tâm của nó.* Sự giáng xuống này được tạo ra nhờ hành động của Đấng Điểm đạo, vận dụng Thần Trượng Điểm đạo, và đặt con người vào tiếp xúc với trung tâm trong Thể của Đức Hành Tinh Thượng Đế mà y là một phần của nó; điều này được thực hiện một cách hữu thức. Hai lần điểm đạo, được gọi là lần thứ sáu và thứ bảy, diễn ra trên cõi atma; ngôi sao năm cánh “bừng cháy từ bên trong

forth from within itself" as the esoteric phrase has it, and becomes the seven-pointed star; it descends upon the man and he enters into the Flame. (TCF 696-697)

chính nó" như cụm từ thần bí đã nói, và trở thành ngôi sao bảy cánh; nó giáng xuống trên con người và y đi vào Ngọn Lửa. (TCF 696-697)

Third. The next reason is that the second aspect of the Logos (that of love or the manifestation of the love nature of the Logos through the medium of the Son) is the one demonstrated in this system.

Thứ ba. Lý do kế tiếp là phương diện thứ hai của Thượng đế (đó là bác ái hay sự biểu lộ bản chất bác ái của Thượng đế qua trung gian của Con) là phương diện được biểu lộ trong hệ này.

234. Again, this is correlated with the fact that we live in an astral-buddhic solar system.

234. Một lần nữa, điều này tương quan với sự kiện rằng chúng ta sống trong một hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề.

This system is:

Hệ này là:

a. A Son of Necessity, or of desire

a. Một Con của Tất Yếu, hay của dục vọng

235. Necessity is a Saturnian term and is most related to the will and to the first aspect. Yet desire and will are (at times) virtually interchangeable terms.

235. Tất yếu là một thuật ngữ thuộc Sao Thổ và liên hệ nhiều nhất với ý chí và phương diện thứ nhất. Tuy nhiên, dục vọng và ý chí (đôi khi) hầu như là những thuật ngữ có thể thay thế cho nhau.

236. Great Desire has brought our particular solar system into being. The solar system is a product of the irresistible desire of our Solar Logos for expression and for the redemption of lesser lives.

236. Đại Dục Vọng đã đưa hệ mặt trời đặc thù của chúng ta vào hiện hữu. Hệ mặt trời là sản phẩm của dục vọng không thể cưỡng lại của Thái dương Thượng đế của chúng ta đối với sự biểu lộ và đối với sự cứu chuộc các sự sống nhỏ hơn.

b. Vibrant to the key of the cosmic Ray of Love

b. Rung động theo chủ âm của Cung Bác Ái vũ trụ

237. This key is the key of "G".

237. Chủ âm này là chủ âm "G".

238. Note in this case the Ray of our solar system has not been called the Ray of *Love-Wisdom,* but the Ray of *Love*.

238. Lưu ý rằng trong trường hợp này cung của hệ mặt trời chúng ta không được gọi là Cung của *Bác Ái – Minh Triết,* mà là Cung của *Bác Ái*.

c. The form through which this ray of cosmic Love (shown in the inter-relation between the Self and the Not-Self, or through duality) is expressing itself

239. Our solar system is a vehicle for the Ray of Cosmic Love. Love is especially the energy which relates the Self and the not-Self.

d. Governed by the cosmic Law of Attraction. The monads of love are the dominating quality. (I choose this word 'quality' specifically.)

240. In our solar system there are said to be 35 billion Monads of Love, 20 billion Monads of Intelligence and 5 billion Monads of Power.

241. This would be a small number of Monads for the entire solar system, and so it must be asked whether this figure of 60 billion applies only to those Monads which are in incarnation at any one time. Remembering that only one seventh of all units are actually in incarnation and six sevenths are not we could hypothesize a figure of approximately 420 billion Monads in totality (not just in incarnation)—an interesting figure, and yet we cannot be at all assured that this is a worthy hypothesis, for other reasons.

242. The hypothesis would be contradicted by the following. We have been told that the first solar system had 100 billion Monads of a dominant type; in the second solar system 200 billion human and deva Monads; and the third solar system will have 300 billion Monads—Monad, perhaps, which are not differentiated as either human or devic. No mentioned is made of whether these

c. Hình tướng mà qua đó cung Bác Ái vũ trụ này (được biểu lộ trong mối tương quan giữa Ngã và Phi-Ngã, hay qua nhị nguyên tính) đang tự biểu lộ

239. Hệ mặt trời của chúng ta là một vận cụ cho Cung Bác Ái Vũ Trụ. Bác ái đặc biệt là năng lượng liên kết Ngã và phi-Ngã.

d. Được cai quản bởi Định luật Hấp Dẫn vũ trụ. Các chân thần bác ái là phẩm tính chi phối. (Tôi chọn từ "phẩm tính" này một cách đặc biệt.)

240. Trong hệ mặt trời của chúng ta được nói là có 35 tỷ Chân thần Bác ái, 20 tỷ Chân thần Trí tuệ và 5 tỷ Chân thần Quyền năng.

241. Đây sẽ là một số lượng Chân thần nhỏ đối với toàn bộ hệ mặt trời, và vì vậy phải đặt câu hỏi liệu con số 60 tỷ này chỉ áp dụng cho những Chân thần đang lâm phàm tại bất kỳ một thời điểm nào hay không. Nhớ rằng chỉ một phần bảy của mọi đơn vị thực sự đang lâm phàm và sáu phần bảy thì không, chúng ta có thể giả thuyết một con số xấp xỉ 420 tỷ Chân thần trong toàn thể (không chỉ đang lâm phàm)—một con số thú vị, tuy nhiên chúng ta hoàn toàn không thể chắc chắn rằng đây là một giả thuyết xứng đáng, vì những lý do khác.

242. Giả thuyết này sẽ bị mâu thuẫn bởi điều sau đây. Chúng ta đã được cho biết rằng hệ mặt trời thứ nhất có 100 tỷ Chân thần thuộc một loại chi phối; trong hệ mặt trời thứ hai có 200 tỷ Chân thần người và thiên thần; và hệ mặt trời thứ ba sẽ có 300 tỷ Chân thần—có lẽ là Chân thần không được phân biệt là người hay thiên thần. Không có đề cập nào về việc những Chân thần này có hay không

Monads are or are not in incarnation, and the numbers seem to indicate totalities.

đang lâm phàm, và các con số dường như chỉ các toàn thể.

1. In the first solar system there was one dominant evolution, and it consisted of one hundred thousand million monads.

1. Trong hệ mặt trời thứ nhất có một tiến hoá chi phối, và nó gồm một trăm ngàn triệu chân thần.

2. In the present system, the second, there are two dominant evolutions, the human and the deva; there are—as earlier stated—sixty thousand million human monads. Add to this the feminine evolution of the devas, consisting of 140 thousand million, and you have the necessary two hundred thousand million. This elucidates my statement anent this being a feminine system.

2. Trong hệ hiện tại, hệ thứ hai, có hai tiến hoá chi phối, nhân loại và thiên thần; có—như đã nói trước đó—sáu mươi ngàn triệu chân thần người. Cộng thêm vào đó tiến hoá nữ tính của các thiên thần, gồm 140 ngàn triệu, và các bạn có con số hai trăm ngàn triệu cần thiết. Điều này làm sáng tỏ phát biểu của tôi liên quan đến việc đây là một hệ nữ tính.

3. In the third solar system, the total number in evolution will be the needed three hundred thousand million that perfection requires of the threefold Logos. (EH 109-110)

3. Trong hệ mặt trời thứ ba, tổng số đang tiến hoá sẽ là ba trăm ngàn triệu cần thiết mà sự toàn thiện đòi hỏi nơi Thượng đế tam phân. (EH 109-110)

243. The figure 420 billion (which would arise if the 60 billion human units are considered only those who are in incarnation) does not correlate with the figure of 200 billion human and deva Monads. 140 billion are said to be deva Monads.

243. Con số 420 tỷ (sẽ phát sinh nếu 60 tỷ đơn vị người được xem chỉ là những đơn vị đang lâm phàm) không tương quan với con số 200 tỷ Chân thần người và thiên thần. 140 tỷ được nói là các Chân thần thiên thần.

244. What does it mean that the Monads of Love are the “dominating quality”? The term “quality” is always related to the second aspect, the soul aspect, for the “soul is the quality of life”.

244. Điều đó có nghĩa gì khi các Chân thần Bác ái là “phẩm tính chi phối”? Thuật ngữ “phẩm tính” luôn liên hệ với phương diện thứ hai, phương diện linh hồn, vì “linh hồn là phẩm tính của sự sống”.

245. In addition, when Monads of a particular ray predominate, then the quality of those Monads is the predominating quality. Monads are here considered in relation to the quality of energy which they bring to solar systemic expression.

245. Ngoài ra, khi các Chân thần của một cung đặc thù chiếm ưu thế, thì phẩm tính của những Chân thần ấy là phẩm tính chiếm ưu thế. Ở đây các Chân thần được xét trong liên hệ với phẩm tính năng lượng mà chúng mang đến cho sự biểu lộ của hệ mặt trời.

246. The majority of these Monads was emanated in *this* solar system and may not have participated in the previous solar system. This is an abstruse matter, however, about which there can be no certainty for us.

246. Đa số những Chân thần này đã được phát xạ trong *hệ mặt trời này* và có thể đã không tham dự vào hệ mặt trời trước. Tuy nhiên, đây là một vấn đề thâm áo mà về đó chúng ta không thể có sự chắc chắn nào.

Fourth. The centre in the cosmic body of the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID of which our solar Logos is the embodied force is the heart centre.

Thứ tư. Trung tâm trong thể vũ trụ của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ mà Thái dương Thượng đế của chúng ta là mãnh lực nhập thể của trung tâm ấy chính là trung tâm tim.

247. There is a great blind surrounding the words "One About Whom Naught May Be Said". It is a title which can be used to denote a number of entities. In this case, it is hypothesized that the words refer to a *Cosmic* Logos (a Logos in Whom Solar Logoi are as chakras).

247. Có một bức màn che lớn bao quanh những lời "Đấng Bất Khả Tư Nghị". Đây là một tước hiệu có thể được dùng để chỉ một số thực thể. Trong trường hợp này, giả thuyết là những lời ấy chỉ một Thượng đế *Vũ Trụ* (một Thượng đế trong Ngài các Thái dương Thượng đế là những luân xa).

248. The title can also refer to a Super-Cosmic Logos, in Whom sevenfold solar systems are as chakras. In fact, this is *usually* they way in which this title is used.

248. Tước hiệu này cũng có thể chỉ một Thượng đế Siêu Vũ Trụ, trong Ngài các hệ mặt trời thất phân là những luân xa. Thật ra, đây *thường* là cách mà tước hiệu này được dùng.

249. The heart center is, of course the *fourth* chakra and has a particular resonance with the astral plane.

249. Trung tâm tim, dĩ nhiên, là luân xa thứ *tư* và có một sự cộng hưởng đặc biệt với cõi cảm dục.

Here we have one of the clues to the mystery of electricity.

Ở đây chúng ta có một trong những đầu mối của huyền nhiệm điện lực.

250. We may gather that the One About Whom Naught May Be Said and the position of our solar system within that Super-Cosmic Logos are related to the "mystery of electricity".

250. Chúng ta có thể suy ra rằng Đấng Bất Khả Tư Nghị và vị trí của hệ mặt trời chúng ta bên trong Thượng đế Siêu Vũ Trụ ấy có liên hệ với "huyền nhiệm điện lực".

251. The phenomenon of electricity is fundamentally based upon *bi-polarity,* of which our solar system is a great example.

251. Hiện tượng điện lực về căn bản dựa trên *lưỡng cực tính,* mà hệ mặt trời của chúng ta là một ví dụ lớn.

252. There are ways in which it can be hypothesized is inevitably related to the second ray and to the Law of Attraction. Without a division into positive and negative polarities, that which we call electricity could not exist.

252. Có những cách để giả thuyết rằng nó tất yếu liên hệ với cung hai và với Định luật Hấp Dẫn. Nếu không có sự phân chia thành cực dương và cực âm, điều mà chúng ta gọi là điện lực không thể tồn tại.

The sacred planets, with certain allied etheric spheres within the ring-pass-not,

Các hành tinh thiêng liêng, cùng với một số khối cầu dĩ thái liên kết bên trong vòng-giới-hạn,

253. The ring-pass-not must be our solar system…

253. Vòng-giới-hạn hẳn phải là hệ mặt trời của chúng ta…

254. We have been told elsewhere that there are a number of etheric planets within the ring-pass-not of our solar system. (cf. TCF 793-794)

254. Ở nơi khác chúng ta đã được cho biết rằng có một số hành tinh dĩ thái bên trong vòng-giới-hạn của hệ mặt trời chúng ta. (x. TCF 793-794)

255. Could the number of allied spheres be *five* which, with the seven sacred planets, would sum to the twelve of the twelve-petalled heart center?

255. Liệu số lượng các khối cầu liên kết có thể là *năm*, mà cùng với bảy hành tinh thiêng liêng sẽ thành mười hai của trung tâm tim mười hai cánh chăng?

256. Usually the synthesizing planets are included among the sacred planets and probably are so in this instance. Yet, we must reserve judgment on the question of whether they *are* to be included.

256. Thông thường các hành tinh tổng hợp được kể vào trong các hành tinh thiêng liêng và có lẽ cũng vậy trong trường hợp này. Tuy nhiên, chúng ta phải tạm giữ phán đoán về câu hỏi liệu chúng *có* được tính vào hay không.

257. It would seem that the non-sacred planets of our solar system are not being included as 'petals in the Lotus' discussed immediately below.

257. Dường như các hành tinh không thiêng liêng của hệ mặt trời chúng ta không được tính như những 'cánh hoa trong Hoa sen' được bàn đến ngay bên dưới.

are parts of that heart centre, and are 'petals in the Lotus,' or in the *heart centre* of that great unknown Existence Who stands to the solar Logos **as He in His turn stands to the Heavenly [Page 512] Men Who are His centres,** and specially as He stands to the

là những phần của trung tâm tim ấy, và là 'những cánh hoa trong Hoa sen', hay trong *trung tâm tim* của Đấng Hiện Hữu vĩ đại vô danh ấy, Đấng đứng đối với Thái dương Thượng đế **cũng như đến lượt Ngài đứng đối với các Đấng Thiên Nhân [Page 512] là**

particular Heavenly Man Who is the embodied force of the logoic Heart centre.

những trung tâm của Ngài, và đặc biệt như Ngài đứng đối với Đấng Thiên Nhân đặc thù là mãnh lực nhập thể của trung tâm Tim thượng đế.

258. Who is this "great unknown Existence"? It simply has to be a *Cosmic* Logos rather than a *Super-Cosmic* Logos for this Existence stands to the Solar Logos as the Solar Logos stands to the Heavenly Men. The Heavenly Man are chakras in the Solar Logos so the "Existence", in this case, has to be one in which the Solar Logoi can be considered as chakras. Only a *Cosmic* Logos is suitable.

258. "Đấng Hiện Hữu vĩ đại vô danh" này là ai? Đơn giản là phải là một Thượng đế *Vũ Trụ* chứ không phải một Thượng đế *Siêu Vũ Trụ* vì Đấng Hiện Hữu này đứng đối với Thái dương Thượng đế như Thái dương Thượng đế đứng đối với các Đấng Thiên Nhân. Các Đấng Thiên Nhân là các luân xa trong Thái dương Thượng đế, vì vậy "Đấng Hiện Hữu" trong trường hợp này phải là một Đấng trong đó các Thái dương Thượng đế có thể được xem như các luân xa. Chỉ một Thượng đế *Vũ Trụ* mới thích hợp.

259. It may be suggested that just as there are seven sacred planets plus a number of etheric planets (perhaps five) which are parts of the heart center of the "great unknown Existence", so there may be seven *sacred* Solar Logoi plus a certain number of additional *etheric* Solar Logoi (summing together to *ten?*) which may be part of the *solar plexus center* of a still greater Existence —a Super-Cosmic Logos. It is hypothesized that our Cosmic Logos is a solar plexus center in the One usually denotes as the One About Whom Naught May Be Said—a Super-Cosmic Logos. We are also analogizing, and thus hypothesizing that *ten* is the number of petals for the solar plexus center—not only for the human being, but for greater Entities. We may not be justified in doing this, but the number *twelve* does seem to hold in relation to heart centers of greater and lesser E/entities.

259. Có thể gợi ý rằng cũng như có bảy hành tinh thiêng liêng cộng với một số hành tinh dĩ thái (có lẽ là năm) là những phần của trung tâm tim của "Đấng Hiện Hữu vĩ đại vô danh", thì cũng có thể có bảy Thái dương Thượng đế *thiêng liêng* cộng với một số Thái dương Thượng đế *dĩ thái* bổ sung (cộng lại thành *mười?*) có thể là một phần của *trung tâm tùng thái dương* của một Đấng Hiện Hữu còn lớn lao hơn nữa—một Thượng đế Siêu Vũ Trụ. Giả thuyết là Thượng đế Vũ Trụ của chúng ta là một trung tâm tùng thái dương trong Đấng thường được gọi là Đấng Bất Khả Tư Nghị—một Thượng đế Siêu Vũ Trụ. Chúng ta cũng đang suy luận theo tương đồng, và do đó giả thuyết rằng *mười* là số cánh hoa của trung tâm tùng thái dương—không chỉ đối với con người, mà còn đối với các Thực Thể lớn hơn. Chúng ta có thể không có cơ sở để làm điều này, nhưng con số *mười hai* dường như vẫn đúng trong liên hệ với các trung tâm tim của các thực thể lớn hơn và nhỏ hơn.

260. We note that there is a Heavenly Man "Who is the embodied force of the logoic

260. Chúng ta lưu ý rằng có một Đấng Thiên Nhân "là mãnh lực nhập thể của trung tâm

Heart centre", but that this Heavenly Man is *not* the logoic "Heart center", itself. This is interesting and an important fact to remember.

Tim thượng đế", nhưng Đấng Thiên Nhân này *không* phải chính là "trung tâm Tim" thượng đế. Điều này thú vị và là một sự kiện quan trọng cần nhớ.

261. From what is said in certain sections of the text, Venus would seem to be the particular Heavenly Man Who is embodying the force of the logoic "Heart center", and yet, we should not dismiss Jupiter which, microcosmically, stands for the heart center in the lives of disciples.

261. Từ những gì được nói trong một số phần của bản văn, Sao Kim dường như là Đấng Thiên Nhân đặc thù đang nhập thể mãnh lực của "trung tâm Tim" thượng đế, tuy nhiên chúng ta không nên loại bỏ Sao Mộc, hành tinh ở cấp độ tiểu thiên địa tượng trưng cho trung tâm tim trong đời sống của các đệ tử.

262. What is evident is that our Solar Logos has a special relationship with *one* of our Planetary Logoi and it is a *'heart-to-heart'* relationship.

262. Điều hiển nhiên là Thái dương Thượng đế của chúng ta có một mối liên hệ đặc biệt với *một* trong các Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và đó là một mối liên hệ *'tim với tim'*.

263. The equation could be as following: One About Whom Naught May Be Said/Solar Logos = Solar Logos/Jupiter or Venus.

263. Phương trình có thể như sau: Đấng Bất Khả Tư Nghị/Thái dương Thượng đế = Thái dương Thượng đế/Sao Mộc hay Sao Kim.

264. The section of text immediately above is actually obscure. We are dealing with a Cosmic Logos in whom our Solar Logos is the embodied force of the heart center. Yet every center has petals, and the seven sacred Planetary Logoi of our solar system plus five other etheric planets (not named) serve the function of the twelve petals in the that cosmic logoic heart center (of which our Solar Logos is the totality). One must think carefully here, in order not to become confused.

264. Đoạn bản văn ngay bên trên thực sự tối nghĩa. Chúng ta đang đề cập đến một Thượng đế Vũ Trụ trong Ngài Thái dương Thượng đế của chúng ta là mãnh lực nhập thể của trung tâm tim. Tuy nhiên, mỗi trung tâm đều có các cánh hoa, và bảy Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng của hệ mặt trời chúng ta cộng với năm hành tinh dĩ thái khác (không được nêu tên) đảm nhiệm chức năng của mười hai cánh hoa trong trung tâm tim của Thượng đế Vũ Trụ ấy (mà Thái dương Thượng đế của chúng ta là toàn thể của nó). Ở đây người ta phải suy nghĩ cẩn thận để không trở nên lẫn lộn.

Therefore, it will be apparent to the **careful student** that the entire force and energy of the system and its life quality will be that

Do đó, điều sẽ hiển nhiên đối với **đạo sinh cẩn trọng** là toàn bộ mãnh lực và năng lượng của hệ cùng phẩm tính sự sống của nó sẽ là điều mà chúng ta gọi là (vì buộc phải

which we call (having perforce to use handicapping, misleading words) LOVE.

dùng những từ ngữ hạn hẹp, gây hiểu lầm) BÁC ÁI.

265. We have had this conclusion substantiated for us in many ways.

265. Kết luận này đã được xác chứng cho chúng ta bằng nhiều cách.

266. The word love is represented as "LOVE", signifying, perhaps, its *cosmic* quality. Our Solar Logos is, indeed, a *cosmic* Being.

266. Từ bác ái được trình bày là "BÁC ÁI", có lẽ biểu thị phẩm tính *vũ trụ* của nó. Quả thật, Thái dương Thượng đế của chúng ta là một Hữu thể *vũ trụ*.

267. We note that the Tibetan senses that the word "LOVE" is inadequate to describe the Energy for which it stands.

267. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng cảm thấy từ "BÁC ÁI" là không đầy đủ để mô tả Năng Lượng mà nó biểu thị.

268. Knowing so much of the true quality of the various planetary, systemic and cosmic energies, the Tibetan feels handicapped by the unexpressive human words He is compelled to use if He would communicate with us.

268. Biết quá nhiều về phẩm tính chân thực của các năng lượng hành tinh, hệ thống và vũ trụ khác nhau, Chân sư Tây Tạng cảm thấy bị hạn chế bởi những từ ngữ nhân loại thiếu sức biểu đạt mà Ngài buộc phải dùng nếu Ngài muốn truyền đạt với chúng ta.

This will account for the fact that **the force that plays through that cosmic heart centre will be the paramount force found in the manifestation of a solar Logos,**

Điều này sẽ giải thích sự kiện rằng **mãnh lực vận hành xuyên qua trung tâm tim vũ trụ ấy sẽ là mãnh lực tối thượng được tìm thấy trong sự biểu lộ của một Thái dương Thượng đế,**

269. Our Solar Logos is a cosmic heart center.

269. Thái dương Thượng đế của chúng ta là một trung tâm tim vũ trụ.

270. Because He is a heart center, the force which plays through Him predominantly is the force or energy of Love.

270. Bởi vì Ngài là một trung tâm tim, nên mãnh lực vận hành xuyên qua Ngài một cách nổi trội là mãnh lực hay năng lượng của Bác ái.

271. Our Solar Logos has a "Heart of the Sun" as well as a planet which is the embodied force of His heart expression—whether that planet be Venus or Jupiter. The distinction between the "Heart of the Sun" and the planet which most expresses the

271. Thái dương Thượng đế của chúng ta có một "Trái Tim của Mặt Trời" cũng như một hành tinh là mãnh lực nhập thể của biểu hiện tim của Ngài—dù hành tinh đó là Sao Kim hay Sao Mộc. Cần giữ sự phân biệt rõ ràng giữa "Trái Tim của Mặt Trời" và hành

energy of the “Heart of the Sun” should be kept distinct.

tinh biểu lộ mạnh mẽ nhất năng lượng của “Trái Tim của Mặt Trời”.

and of a Heavenly Man;

và của một Đấng Thiên Nhân;

272. The Heavenly Men are part of the expression of the Solar Logos and so, if for the Solar Logos, the heart center is the primary center, that heart influence will work through the Heavenly Men regardless of their particular ray.

272. Các Đấng Thiên Nhân là một phần trong biểu hiện của Thái dương Thượng đế, và vì vậy, nếu đối với Thái dương Thượng đế, trung tâm tim là trung tâm chính yếu, thì ảnh hưởng tim đó sẽ vận hành xuyên qua các Đấng Thiên Nhân bất kể cung riêng biệt của Các Ngài là gì.

it will likewise produce its microcosmic analogy, and reflective reactions;

điều đó cũng sẽ tạo ra sự tương đồng tiểu thiên địa của nó, và các phản ứng phản chiếu;

273. Even the human being will have the heart emphasized, because the human being, too, is a tiny aspect of the Solar Logos (Who is a great heart center).

273. Ngay cả con người cũng sẽ có tim được nhấn mạnh, bởi vì con người cũng là một phương diện nhỏ bé của Thái dương Thượng đế (Đấng là một trung tâm tim vĩ đại).

274. The heart center is (or will be) the most important chakra in this particular solar system.

274. Trung tâm tim là (hoặc sẽ là) luân xa quan trọng nhất trong hệ mặt trời đặc thù này.

hence the relative importance of the astral permanent atom within the causal periphery.

do đó có tầm quan trọng tương đối của nguyên tử trường tồn cảm dục bên trong chu vi nhân thể.

275. The astral permanent atom is on the “heart line”. That line contains the second, fourth and sixth energies, and any of them could stimulate this type of atom (though for different reasons).

275. Nguyên tử trường tồn cảm dục nằm trên “đường tim”. Đường đó chứa các năng lượng thứ hai, thứ tư và thứ sáu, và bất kỳ năng lượng nào trong số đó cũng có thể kích thích loại nguyên tử này (dù vì những lý do khác nhau).

276. We note that DK has offered us some impressive explanations concerning why the astral permanent atom is of such importance in our particular solar system.

276. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đã cống hiến cho chúng ta một số giải thích đầy ấn tượng về lý do tại sao nguyên tử trường tồn cảm dục lại có tầm quan trọng lớn lao

như thế trong hệ mặt trời đặc thù của chúng ta.

It [the astral permanent atom] is in the direct line of active force **emanating from the cosmic existence,** and passing to it in ever lessening degree, via the solar Logos in His system of love, and the planetary Logos within a scheme, the Dragon of Wisdom-Love.

Nó [nguyên tử trường tồn cảm dục] nằm trên đường trực tiếp của mãnh lực hoạt động **phát xạ từ sự tồn tại vũ trụ,** và truyền đến nó với mức độ ngày càng giảm dần, qua Thái dương Thượng đế trong hệ bác ái của Ngài, và Hành Tinh Thượng Đế bên trong một hệ hành tinh, Con Rồng của Minh Triết-Bác Ái.

277. There is a profound hint buried in this section—namely, that the "cosmic existence" (greater than the Solar Logos) is *also* on a line of force resonant with the astral permanent atom. Thus, the line of force on which the "cosmic existence" finds itself will be a "soft line". This tells us something very important about the quality of the Cosmic Logos (i.e., the "cosmic existence".

277. Có một gợi ý sâu xa được chôn giấu trong phần này—cụ thể là, "sự tồn tại vũ trụ" (lớn hơn Thái dương Thượng đế) *cũng* nằm trên một đường mãnh lực cộng hưởng với nguyên tử trường tồn cảm dục. Vì vậy, đường mãnh lực mà "sự tồn tại vũ trụ" tự thấy mình ở trên đó sẽ là một "đường mềm". Điều này cho chúng ta biết một điều rất quan trọng về phẩm tính của Vũ Trụ Thượng đế (tức là "sự tồn tại vũ trụ".

278. The line of passage is as follows: Cosmic Logos → Solar Logos → Planetary Logos → (other steps) → astral permanent atom.

278. Đường truyền dẫn như sau: Vũ Trụ Thượng đế → Thái dương Thượng đế → Hành Tinh Thượng Đế → (các bước khác) → nguyên tử trường tồn cảm dục.

279. Among thinkers pondering the Cosmic System in which our Solar Logos is a chakric part, it has been speculated that *our* Cosmic Logos is a *solar plexus center* in a still greater Super-Cosmic Logos. If this were the case, its line of energy would easily stimulate the astral permanent atom of the Solar Logos, the Planetary Logos or of a man.

279. Trong số các nhà tư tưởng suy ngẫm về Hệ Vũ Trụ mà trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta là một phần luân xa, đã có suy đoán rằng *Vũ Trụ* Thượng đế của chúng ta là một *trung tâm tùng thái dương* trong một Siêu-Vũ Trụ Thượng đế còn vĩ đại hơn nữa. Nếu đúng như vậy, đường năng lượng của Ngài sẽ dễ dàng kích thích nguyên tử trường tồn cảm dục của Thái dương Thượng đế, của Hành Tinh Thượng Đế hay của con người.

280. The section above makes it much less likely that the Cosmic Logos is on a hard-line ray or represents a 'hard-line' chakra.

280. Phần trên khiến khả năng Vũ Trụ Thượng đế ở trên một cung đường cứng hay đại diện cho một luân xa 'đường cứng' trở nên ít có khả năng hơn nhiều.

This force when rightly directed and properly controlled is the great transmuting agency, which eventually will make of the human unit a Master of the Wisdom, a Lord of Love, a Dragon of Wisdom in lesser degree.

Mãnh lực này khi được định hướng đúng đắn và kiểm soát thích đáng là tác nhân chuyển hoá vĩ đại, rốt cuộc sẽ làm cho đơn vị nhân loại trở thành một Chân sư Minh triết, một Chúa Tể của Bác ái, một Con Rồng của Minh Triết ở mức độ thấp hơn.

281. When we studied alchemy during the last two sections of Semester Five, we learned that solar fire or love is the key agent of transmutation. That thought is here reemphasized.

281. Khi chúng ta nghiên cứu thuật luyện kim trong hai phần cuối của Học kỳ Năm, chúng ta đã học rằng lửa thái dương hay bác ái là tác nhân chủ chốt của sự chuyển hoá. Tư tưởng ấy ở đây lại được nhấn mạnh thêm.

282. We should combine this thought with the thought that Venus is an important transmuting agency. Venus, we realize, correlates with higher mental fire (solar fire) and with the second ray (on some very deep level of its existence).

282. Chúng ta nên kết hợp tư tưởng này với tư tưởng rằng Sao Kim là một tác nhân chuyển hoá quan trọng. Chúng ta nhận ra rằng Sao Kim tương quan với lửa thượng trí (lửa thái dương) và với cung hai (ở một cấp độ rất sâu trong sự tồn tại của nó).

283. The great learning here is that if we wish to succeed in the transmutative process, the energy of *love* must be utilized.

283. Bài học lớn ở đây là nếu chúng ta muốn thành công trong tiến trình chuyển hoá, thì năng lượng của *bác ái* phải được sử dụng.

284. It is love that elevates and refines matter and arranges for the liberation of Spirit from matter.

284. Chính bác ái nâng vật chất lên, tinh luyện vật chất, và sắp đặt cho sự giải thoát của tinh thần khỏi vật chất.

285. We should note that the Masters are Dragons of Wisdom “in lesser degree”. A close reading of the material concerning the Path of Earth Service will reveal much about the ‘Dragon status’ of such Initiates.

285. Chúng ta nên lưu ý rằng các Chân sư là những Con Rồng của Minh Triết “ở mức độ thấp hơn”. Việc đọc kỹ tài liệu liên quan đến Con Đường Phụng Sự Địa Cầu sẽ tiết lộ nhiều điều về ‘địa vị Rồng’ của các Điểm đạo đồ như thế.

Finally: this solar system, the objective physical manifestation of the Logos, is interpenetrated by His astral body, as is the case with the human manifestation.

Sau cùng: hệ mặt trời này, sự biểu hiện hồng trần khách quan của Thượng đế, được thể cảm dục của Ngài thâm nhập xuyên suốt, cũng như trường hợp của biểu hiện nhân loại.

286. The astral body of any entity is of greater extent or expanse than its physical body.

286. Thể cảm dục của bất kỳ thực thể nào cũng có phạm vi hay độ rộng lớn hơn thể xác của nó.

287. Where is the cosmic astral plane? Certainly not 'above' the cosmic physical plane as is portrayed in highly stratified yet necessarily artificial diagrams.

287. Cõi cảm dục vũ trụ ở đâu? Chắc chắn không phải ở 'phía trên' cõi hồng trần vũ trụ như được mô tả trong những sơ đồ phân tầng cao độ nhưng tất yếu mang tính nhân tạo.

288. In fact the cosmic astral plane is right 'here', thoroughly interpenetrating all aspects of the solar system (gross and more subtle).

288. Thật ra, cõi cảm dục vũ trụ ở ngay 'đây', thâm nhập hoàn toàn mọi phương diện của hệ mặt trời (thô trọng và tinh tế hơn).

289. All the other planes and the vehicles made of their particular substances are also right 'here'. In this respect, there is no 'elsewhere' in relation to any of the vehicles of the Solar Logos.

289. Tất cả các cõi khác và các vận cụ được tạo nên từ chất liệu riêng của chúng cũng đều ở ngay 'đây'. Về phương diện này, không có 'nơi nào khác' liên hệ đến bất kỳ vận cụ nào của Thái dương Thượng đế.

290. This idea could be extended with some amazing implications.

290. Ý tưởng này có thể được mở rộng với một số hàm ý đáng kinh ngạc.

As the Logos is polarised in His cosmic astral sheath and has not yet attained cosmic mental polarisation His force or desire nature is the main incentive for the subjective Life and lives that underlie the form.

Vì Thượng đế được phân cực trong thể cảm dục vũ trụ của Ngài và chưa đạt đến sự phân cực trí tuệ vũ trụ nên mãnh lực hay bản chất dục vọng của Ngài là động lực chính cho Sự sống và các sự sống chủ quan nằm bên dưới hình tướng.

291. We learn something important concerning the present polarization of the Solar Logos. It must be compared however with the following which indicates the future trend:

291. Chúng ta học được điều gì đó quan trọng liên quan đến sự phân cực hiện tại của Thái dương Thượng đế. Tuy nhiên, điều này phải được so sánh với đoạn sau đây, vốn chỉ ra xu hướng tương lai:

Not till the seventh cycle of the greater cycle, not till the calling of the system into obscuration and out of manifestation will the cosmic mental atom in the body of the Logos achieve polarisation. (LOM 25)

Chỉ đến chu kỳ thứ bảy của đại chu kỳ, chỉ đến khi hệ được gọi vào sự che khuất và ra khỏi biểu hiện thì nguyên tử trí tuệ vũ trụ trong thân thể của Thượng đế mới đạt được sự phân cực. (LOM 25)

292. From certain references it would appear that the achievement of mental polarisation is still a long way off for the Solar Logos, yet from other references, we realize that He is called a "Lion of Cosmic Will" and, further, that He will achieve either the fourth or fifth cosmic initiation during this solar system. These discrepant indications must be held for resolution by the intuition.

292. Từ một số dẫn chiếu nhất định, dường như việc đạt được sự phân cực trí tuệ vẫn còn rất xa đối với Thái dương Thượng đế; tuy nhiên, từ những dẫn chiếu khác, chúng ta nhận ra rằng Ngài được gọi là một "Sư Tử của Ý Chí Vũ Trụ" và hơn nữa, Ngài sẽ đạt hoặc lần điểm đạo vũ trụ thứ tư hoặc thứ năm trong hệ mặt trời này. Những chỉ dấu bất nhất này phải được giữ lại để trực giác giải quyết.

If the student will ponder with care these five facts, he will get a clue to the problems of existence as realised around us, to the causes of the heat of the solar system,

Nếu đạo sinh suy ngẫm cẩn trọng về năm sự kiện này, y sẽ có được một đầu mối cho các vấn đề của sự tồn tại như được chứng nghiệm quanh chúng ta, cho các nguyên nhân của sức nóng của hệ mặt trời,

293. "Heat" is an astral factor. Since the Solar Logos' astral permanent atom is so powerfully stimulated, the "heat" factor in our solar system must be considerable.

293. "Sức nóng" là một yếu tố cảm dục. Vì nguyên tử trường tồn cảm dục của Thái dương Thượng đế được kích thích mạnh mẽ đến thế, nên yếu tố "sức nóng" trong hệ mặt trời của chúng ta hẳn phải rất đáng kể.

294. Mars is the planet of heat. It would seem that Mars (with its strong astral polarization) must be a planet highly stimulated in our particular solar system.

294. Sao Hỏa là hành tinh của sức nóng. Dường như Sao Hỏa (với sự phân cực cảm dục mạnh mẽ của nó) hẳn là một hành tinh được kích thích cao độ trong hệ mặt trời đặc thù của chúng ta.

295. Extending the idea, that particular 'Brother' of our Solar Logos Who represents the solar plexus center in our Cosmic Logos, must be very influential in relation to our Solar Logos and His system.

295. Mở rộng ý tưởng này, 'Huynh Đệ' đặc thù của Thái dương Thượng đế của chúng ta, Đấng đại diện cho trung tâm tùng thái dương trong Vũ Trụ Thượng đế của chúng ta, hẳn phải có ảnh hưởng rất lớn liên hệ đến Thái dương Thượng đế và hệ của Ngài.

296. It has been speculated that this particular Solar Logos in the Seven Solar Systems of Which Ours is One might be Fomalhaut, but there is no way to confirm this speculation.

296. Đã có suy đoán rằng Thái dương Thượng đế đặc thù này trong Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của chúng ta là một có thể là Fomalhaut, nhưng không có cách nào xác nhận suy đoán này.

297. It must also be clear that our Solar Logos is passing through a *rajasic* phase of existence rather than a sattvic phase. Rajas is associated with heat and with desire.

297. Cũng phải rõ ràng rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta đang trải qua một giai đoạn tồn tại *rajas* hơn là một giai đoạn sattva. Rajas gắn liền với sức nóng và với dục vọng.

to the method of the cosmic Law of Attraction and Repulsion, which governs all atomic forms,

đối với phương pháp của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi vũ trụ, vốn cai quản mọi hình tướng nguyên tử,

298. This cosmic Law is the foremost Law in our solar system.

298. Định luật vũ trụ này là Định luật hàng đầu trong hệ mặt trời của chúng ta.

and to the question of SEX which is apparent in every kingdom of nature.

và đối với vấn đề TÍNH DỤC vốn hiển nhiên trong mọi giới của bản chất.

299. The issue of sex is related directly to the Law of Attraction and Repulsion. For our Solar Logos (astrally polarized as He is), it must be a major issue up for *cosmic* resolution. Perhaps, processes working through our planet will contribute to a successful resolution if successfully handled by our Planetary Logos.

299. Vấn đề tính dục liên hệ trực tiếp với Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi. Đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta (được phân cực cảm dục như Ngài đang là), đó hẳn phải là một vấn đề lớn đang chờ được giải quyết ở cấp độ *vũ trụ*. Có lẽ các tiến trình vận hành xuyên qua hành tinh của chúng ta sẽ góp phần vào một sự giải quyết thành công nếu được Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta xử lý thành công.

300. We remember that the kingdoms in nature are not simply planetary in scope but appear throughout the solar system.

300. Chúng ta nhớ rằng các giới trong bản chất không chỉ có phạm vi hành tinh mà còn xuất hiện khắp hệ mặt trời.

They give the clue also to the constitution of the Divine Hermaphrodite. [Page 513]

Chúng cũng cho đầu mối về cấu tạo của Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng. [Page 513]

301. Here the Solar Logos is called the "Divine Hermaphrodite". The term is also applied to the Planetary Logos. Any being who succeeds in uniting the positive and receptive poles at a high level of spiritual expression can be called a "Divine Hermaphrodite".

301. Ở đây Thái dương Thượng đế được gọi là "Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng". Thuật ngữ này cũng được áp dụng cho Hành Tinh Thượng Đế. Bất kỳ hữu thể nào thành công trong việc hợp nhất cực dương và cực tiếp nhận ở một cấp độ biểu hiện tinh thần cao đều có thể được gọi là một "Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng".

302. In the constitution of our particular Solar Logos there would be appear to be much of "Aphrodite" and the need that more of "Hermes" be cultivated.

Therefore, it is necessary to bear in mind the relative importance of the permanent atom of the second aspect of the personality within the causal periphery, and to remember that the force which flows through that atom and which is the animating force of the astral body is following the lines of least resistance and really might be considered as bearing upon his physical manifestation **in a manner twice as strong as that reaching him through the other two.**

303. Here we are given a significant proportion. The force coming through the astral permanent atom of the Solar Logos is twice as strong as the force emanating from either the physical permanent atom or the mental unit.

304. Is this proportion found also in those beings who are related to or reflective of the Solar Logos?—such as the Planetary Logos, Chain-Lords, Globe-Lords or human man? Certainly, in the case of man, we know him for a profoundly emotional being (at least at this period of his development). We also know, in the case of our own Planetary Logos, that He is full of "passion".

305. We can see why it is so important to understand the astral body, to subdue it and to transform it. The condition within our solar system regarding the astral body suggests why the second initiation (the initiation, really, of the astral body) is so

302. Trong cấu tạo của Thái dương Thượng đế đặc thù của chúng ta dường như có nhiều "Aphrodite" và cần phải vun bồi thêm nhiều "Hermes" hơn.

Vì vậy, cần ghi nhớ tầm quan trọng tương đối của nguyên tử trường tồn của phương diện thứ hai của phàm ngã bên trong chu vi nhân thể, và nhớ rằng mãnh lực chảy xuyên qua nguyên tử đó và là mãnh lực tiếp sinh lực cho thể cảm dục đang đi theo các con đường ít trở ngại nhất và thực sự có thể được xem là tác động lên biểu hiện hồng trần của y **theo một cách mạnh gấp đôi so với mãnh lực đến với y qua hai nguyên tử kia.**

303. Ở đây chúng ta được cho một tỉ lệ có ý nghĩa. Mãnh lực đi qua nguyên tử trường tồn cảm dục của Thái dương Thượng đế mạnh gấp đôi mãnh lực phát ra từ nguyên tử trường tồn hồng trần hoặc đơn vị hạ trí.

304. Tỉ lệ này có được tìm thấy nơi những hữu thể cũng liên hệ với hay phản chiếu Thái dương Thượng đế không?—chẳng hạn như Hành Tinh Thượng Đế, các Chúa Tể Dãy, các Chúa Tể Bầu hành tinh hay con người? Chắc chắn, trong trường hợp con người, chúng ta biết y là một hữu thể cảm xúc sâu sắc (ít nhất trong giai đoạn phát triển này của y). Chúng ta cũng biết, trong trường hợp Hành Tinh Thượng Đế của chính chúng ta, rằng Ngài đầy "đam mê".

305. Chúng ta có thể thấy vì sao việc thấu hiểu thể cảm dục, chế ngự nó và chuyển đổi nó lại quan trọng đến vậy. Tình trạng bên trong hệ mặt trời của chúng ta liên quan đến thể cảm dục gợi ý vì sao lần điểm đạo thứ hai (thật ra là điểm đạo của thể cảm dục) lại khó

difficult for most human beings to take—especially if they are on one of the soft-line rays, or even on the rays of will—one and seven. For fifth and third ray types the second initiation is said to be a somewhat easier proposition.

khăn đến thế đối với phần lớn con người—đặc biệt nếu họ ở trên một trong các cung đường mềm, hoặc thậm chí trên các cung ý chí—một và bảy. Đối với những người cung năm và cung ba, lần điểm đạo thứ hai được nói là phần nào dễ hơn.

The Logos expresses Himself now through the Divine Ray, His second aspect, **and this Ray is the sumtotal of the radiation of the Lords of Wisdom,** the Heavenly Men, the Dragons Who are Unity and Who are Love.

Thượng đế biểu lộ chính Ngài hiện nay qua Cung Thiêng Liêng, phương diện thứ hai của Ngài, **và Cung này là tổng thể của sự bức xạ của các Đấng Chúa Tể Minh Triết,** các Đấng Thiên Nhân, các Con Rồng là Hợp Nhất và là Bác ái.

306. This is an important and profoundly synthetic statement. The Divine Ray is the great Second Ray. The Primordial Ray is the Third Ray of Intelligent Activity.

306. Đây là một phát biểu quan trọng và có tính tổng hợp sâu sắc. Cung Thiêng Liêng là Cung hai vĩ đại. Cung Nguyên Sơ là Cung ba của Hoạt Động Thông Tuệ.

307. Heavenly Men are here called "Lords of Wisdom". This is worth remembering. This appellation correlates with another of Their names: "Dragons of Wisdom".

307. Các Đấng Thiên Nhân ở đây được gọi là "các Đấng Chúa Tể Minh Triết". Điều này đáng ghi nhớ. Danh xưng này tương quan với một tên gọi khác của Các Ngài: "các Con Rồng của Minh Triết".

308. We recall that the "Will to Unify" is the second ray mode of expressing will. The Heavenly Men, it would seem, are profoundly representative of the quality of unity. Together, it would seem, they engineer the unification or integration of many lives within the solar system.

308. Chúng ta nhớ rằng "Ý Chí Hướng đến Hợp Nhất" là phương thức biểu lộ ý chí của cung hai. Dường như các Đấng Thiên Nhân đại diện sâu sắc cho phẩm tính hợp nhất. Cùng nhau, dường như Các Ngài điều phối sự hợp nhất hay sự tích hợp của nhiều sự sống trong hệ mặt trời.

309. When thinking of the integration process of the human being, we can understand how each Heavenly Man plays His part—even the non-sacred Heavenly Men.

309. Khi suy nghĩ về tiến trình tích hợp của con người, chúng ta có thể hiểu cách mỗi Đấng Thiên Nhân đóng vai trò của Ngài—ngay cả các Đấng Thiên Nhân không thiêng liêng.

310. We see that the Divine Ray is complex; it is not an entirely homogenous factor, but consists of the radiation of all the Heavenly Men or Lords of Wisdom. They are as sub-

310. Chúng ta thấy rằng Cung Thiêng Liêng là phức hợp; nó không phải là một yếu tố hoàn toàn đồng nhất, mà bao gồm sự bức xạ của tất cả các Đấng Thiên Nhân hay các

tones or sub-colors to the divine energy of Love.

Đấng Chúa Tể Minh Triết. Các Ngài như những âm phụ hay màu phụ đối với năng lượng bác ái thiêng liêng.

311. We see that the Solar Logos expresses Himself "now" through the Divine Ray. The suggestion is that later He will express Himself through yet another ray—even though His soul ray will remain the second.

311. Chúng ta thấy rằng Thái dương Thượng đế biểu lộ chính Ngài "hiện nay" qua Cung Thiêng Liêng. Hàm ý là về sau Ngài sẽ biểu lộ chính Ngài qua một cung khác nữa—dù cung linh hồn của Ngài vẫn sẽ là cung hai.

Through Them [i.e., the Planetary Logoi] this force flows, and They in turn clothe Themselves with form, or as H. P. B. expresses it 'The primordial Ray becomes the vahan for the Divine Ray.'[68]

Qua Các Ngài [tức là, các Hành Tinh Thượng Đế] mãnh lực này tuôn chảy, và đến lượt mình Các Ngài khoác lấy hình tướng, hay như H. P. B. diễn đạt: 'Cung nguyên sơ trở thành vahan cho Cung Thiêng Liêng.'68

312. The Ray of Love flows through *all* the Planetary Logoi, regardless of Their Ray.

312. Cung Bác ái chảy xuyên qua *mọi* Hành Tinh Thượng Đế, bất kể Cung của Các Ngài là gì.

313. Because these Logoi express through planets They are closer to the third aspect than is the Solar Logos. In forming planets They do provide the "vahan" or vehicle "for the Divine Ray".

313. Bởi vì các Thượng đế này biểu lộ qua các hành tinh nên Các Ngài gần với phương diện thứ ba hơn Thái dương Thượng đế. Khi hình thành các hành tinh, Các Ngài thực sự cung cấp "vahan" hay vận cụ "cho Cung Thiêng Liêng".

314. In another more abstract sense the third ray (systemically) becomes the vehicle of the second. The rays are really matter of the utmost tenuity.

314. Theo một nghĩa trừu tượng hơn khác, cung ba (trong hệ thống) trở thành vận cụ của cung hai. Các cung thực sự là vật chất ở mức cực kỳ tinh vi.

Each ray of light, no matter of what colour, is likewise a sphere of matter of the utmost tenuity, rotating in a direction opposite to that of the planes. (TCF 152)

Mỗi tia sáng, bất kể màu gì, cũng là một khối cầu vật chất ở mức cực kỳ tinh vi, quay theo hướng ngược với hướng của các cõi. (TCF 152)

Their life [i.e., the life of the Planetary Logoi] animates every atom of substance when built into form, and Their life is the sumtotal of Logoic magnetism, or the great desire nature of the Logos going out after the Not-Self, producing the cosmic Marriage;

Sự sống của Các Ngài [tức là, sự sống của các Hành Tinh Thượng Đế] tiếp sinh lực cho mọi nguyên tử của chất liệu khi được xây dựng thành hình tướng, và Sự sống của Các Ngài là tổng thể của từ điện logoic, hay bản chất dục vọng vĩ đại của Thượng đế hướng ra

ngoài tìm kiếm Phi-Ngã, tạo ra Cuộc Hôn Phối vũ trụ;

315. Here the Planetary Logoi are associated with the "great desire nature of the Logos". Desire is as closely related to the second aspect of divinity as it is (through the relation of will to desire) to the first.

315. Ở đây các Hành Tinh Thượng Đế được liên kết với "bản chất dục vọng vĩ đại của Thượng đế". Dục vọng liên hệ mật thiết với phương diện thứ hai của thiên tính cũng như nó liên hệ (qua mối quan hệ của ý chí với dục vọng) với phương diện thứ nhất.

316. The Dragons of Wisdom are (through Divine Desire) the unifiers of the solar system, and set up, eventually, the conditions under which the "cosmic Marriage" of the Solar Logos can be consummated. That day of consummation occurs as the result of a number of lesser consummations in which the Heavenly Men are directly involved.

316. Các Con Rồng của Minh Triết là (qua Dục Vọng Thiêng Liêng) những đấng hợp nhất của hệ mặt trời, và rốt cuộc thiết lập các điều kiện mà dưới đó "Cuộc Hôn Phối vũ trụ" của Thái dương Thượng đế có thể được hoàn tất. Ngày hoàn tất đó xảy ra như kết quả của một số sự hoàn tất nhỏ hơn mà trong đó các Đấng Thiên Nhân trực tiếp tham dự.

317. The Heavenly Men have to find Their Partners and merge with Them before the marriage of the Solar Logos can be consummated.

317. Các Đấng Thiên Nhân phải tìm ra Bạn Đồng Hành của Các Ngài và dung hợp với Các Đấng ấy trước khi cuộc hôn phối của Thái dương Thượng đế có thể được hoàn tất.

it is the logoic demonstration of the sex appeal, His search for His polar opposite, and their mystic union.

đó là sự biểu lộ logoic của sức hấp dẫn giới tính, cuộc tìm kiếm của Ngài đối với cực đối nghịch của Ngài, và sự hợp nhất thần bí của họ.

318. We see then, that the Heavenly Men are directly involved in the search of the Solar Logos "for His polar opposite and their mystic union".

318. Như vậy, chúng ta thấy rằng các Đấng Thiên Nhân trực tiếp tham dự vào cuộc tìm kiếm của Thái dương Thượng đế "đối với cực đối nghịch của Ngài và sự hợp nhất thần bí của họ".

319. The analogy can be carried down to lesser lives and lesser processes. We human beings (through our own amalgamations) will probably find ourselves to be involved in the amalgamation of greater Lives in which we live and move. Our rightful

319. Sự tương đồng có thể được hạ xuống các sự sống nhỏ hơn và các tiến trình nhỏ hơn. Chúng ta, những con người, (qua những sự kết hợp của chính mình) có lẽ sẽ thấy mình tham dự vào sự kết hợp của những Sự sống lớn hơn mà trong đó chúng ta sống và vận động. Những sự kết hợp đúng

amalgamations on the human level will contribute to theirs.

đắn của chúng ta ở cấp độ nhân loại sẽ góp phần vào những sự kết hợp của các Đấng ấy.

FOOTNOTE 68:

CHÚ THÍCH 68:

The Divine Ray contains within itself seven other rays.

Cung Thiêng Liêng chứa trong chính nó bảy cung khác.

320. The great Indigo Ray contains all the seven colors as sub-tones. Tone and color are synonymous.

320. Cung Chàm vĩ đại chứa tất cả bảy màu như những âm phụ. Âm điệu và màu sắc là đồng nghĩa.

321. A close study of *Letters on Occult Meditation* will reveal the relationship of the synthetic, Divine Ray to the other rays and their colors. (cf. LOM 213)

321. Việc nghiên cứu kỹ *Thư về Tham Thiền Huyền Bí* sẽ tiết lộ mối liên hệ của Cung Thiêng Liêng tổng hợp với các cung khác và màu sắc của chúng. (xem LOM 213)

It is the swan with the seven young ones.

Đó là thiên nga với bảy con non.

322. There must be a relation between the great Second Ray and that constellation called Cygnus, the Swan (found in relation to the constellation Aquarius).

322. Hẳn phải có một mối liên hệ giữa Cung hai vĩ đại và chòm sao gọi là Cygnus, Thiên Nga (được tìm thấy trong mối liên hệ với chòm Aquarius).

It is the Logos of love-wisdom with the seven planetary Logoi.

Đó là Thượng đế của bác ái-minh triết với bảy Hành Tinh Thượng Đế.

323. These are the seven *sacred* Planetary Logoi.

323. Đây là bảy Hành Tinh Thượng Đế *thiêng liêng*.

It is the Grand Man of the Heavens, with the seven Heavenly Men.

Đó là Đại Nhân của Thiên Giới, với bảy Đấng Thiên Nhân.

It is the One Boundless Principle, with the seven principles. This is subjectively.

Đó là Một Nguyên Khí Vô Biên, với bảy nguyên khí. Điều này là về mặt chủ quan.

324. Usually when we speak of the Boundless Immutable Principle, we mean that which is absolutely universal. We are assuming here that the "One Boundless Principle" is the equivalent of the "Boundless

324. Thông thường khi nói về Nguyên Khí Bất Biến Vô Biên, chúng ta muốn nói đến cái tuyệt đối phổ quát. Ở đây chúng ta giả định rằng "Một Nguyên Khí Vô Biên" tương đương với "Nguyên Khí Bất Biến Vô Biên", nhưng có lẽ không phải chủ ý là như vậy.

Immutable Principle", but perhaps it is not intended to be.

325. In any case, it seems strange to call anything associated with the very bounded Solar Logos by the word "boundless".

326. If we think analogically, we may gather that the Grand Man of the Heavens is as the Spirit aspect to His sevenfold solar system.

327. From a certain perspective, the atman (not atma) is pure being and can be considered a "Boundless Principle" (for who or what can bound the Spirit). Associated with Spirit are seven emanative principles, beginning with the atma. Such a meaning for this statement about the "One Boundless Principle" would be, at least, reasonable.

It is the seven planets with their informing entities.

328. The Divine Ray is presented as the composite of the seven planetary rays. And yet, I think we would have to agree, it is *more.*

It is the seven planes with their animating principles.

329. Again, the Divine Ray lies at the root of the life or animating principles of the seven planes, and yet, it is *more.*

Love-Wisdom is the manifestation of the astral (or desire) nature of the Solar Logos.—S. D., I, 103.

325. Dù sao đi nữa, có vẻ lạ khi gọi bất cứ điều gì gắn với Thái dương Thượng đế vốn rất hữu hạn bằng từ "vô biên".

326. Nếu suy nghĩ theo định luật tương đồng, chúng ta có thể suy ra rằng Đại Nhân của Thiên Giới giống như phương diện tinh thần đối với hệ mặt trời thất phân của Ngài.

327. Từ một góc nhìn nào đó, atman (không phải atma) là bản thể thuần túy và có thể được xem là một "Nguyên Khí Vô Biên" (vì ai hay cái gì có thể giới hạn Tinh thần?). Gắn với Tinh thần là bảy nguyên khí xuất lộ, bắt đầu bằng atma. Ít nhất, một ý nghĩa như thế cho phát biểu này về "Một Nguyên Khí Vô Biên" là hợp lý.

Đó là bảy hành tinh với các thực thể thấm nhuần chúng.

328. Cung Thiêng Liêng được trình bày như hợp thể của bảy cung hành tinh. Tuy nhiên, tôi nghĩ chúng ta sẽ phải đồng ý rằng, nó còn là *nhiều hơn thế.*

Đó là bảy cõi với các nguyên khí tiếp sinh lực cho chúng.

329. Một lần nữa, Cung Thiêng Liêng nằm ở gốc rễ của sự sống hay các nguyên khí tiếp sinh lực của bảy cõi, nhưng nó còn là *nhiều hơn thế.*

Bác Ái – Minh Triết là biểu hiện của bản chất cảm dục (hay dục vọng) của Thái dương Thượng đế.—S. D., I, 103.

330. Love-Wisdom is not specifically the astral or desire nature of the Solar Logos, but the astral or desire nature of the Solar Logos is a *manifestation* of Love-Wisdom, just as the sixth ray is a manifestation of the second.

330. Bác Ái – Minh Triết không đặc biệt là bản chất cảm dục hay dục vọng của Thái dương Thượng đế, nhưng bản chất cảm dục hay dục vọng của Thái dương Thượng đế là một *biểu hiện* của Bác Ái – Minh Triết, cũng như cung sáu là một biểu hiện của cung hai.

This process is repeated by the microcosm following the line of his being, and this brings him likewise into incarnation, or into mystic union with form.

Tiến trình này được tiểu thiên địa lặp lại theo đường lối hiện hữu của y, và điều này cũng đưa y vào lâm phàm, hay vào sự hợp nhất thần bí với hình tướng.

331. The Love-Wisdom energy is always linking, binding, producing unity. In this case it is conceived as the bridging energy uniting Spirit with form or matter.

331. Năng lượng Bác Ái – Minh Triết luôn luôn liên kết, ràng buộc, tạo ra hợp nhất. Trong trường hợp này, nó được quan niệm như năng lượng bắt cầu hợp nhất tinh thần với hình tướng hay vật chất.

332. This is why the Buddha realized that to break man's attachment to the "Wheel of Rebirth", He would have to find a way to break the power of desire (a reflection of the Love-Wisdom energy).

332. Đây là lý do vì sao Đức Phật nhận ra rằng để phá vỡ sự gắn chấp của con người vào "Bánh Xe Tái Sinh", Ngài sẽ phải tìm ra một cách để phá vỡ quyền lực của dục vọng (một phản ánh của năng lượng Bác Ái – Minh Triết).

b. The atomic triangle. The causal sheath is to the clairvoyant therefore a sphere of vibrant living substance; within it can be seen three fiery points.

b. Tam giác nguyên tử. Vì vậy, đối với nhà thông nhãn, vỏ nguyên nhân là một khối cầu chất liệu sống rung động; bên trong nó có thể thấy ba điểm lửa.

333. The fiery points here referenced are the members of the atomic triangle.

333. Những điểm lửa được nhắc đến ở đây là các thành viên của tam giác nguyên tử.

At the heart of the sphere is a central blaze of light, emitting [Page 514] rays;

Ở trung tâm của khối cầu là một ngọn lửa sáng trung tâm, phát ra [Page 514] các tia;

334. This is the "Jewel in the Lotus".

334. Đây là "Ngọc trong Hoa Sen".

these rays are given as seven in number, and play upon these points or circles (analogous to the electrons in the atoms of science) and

các tia này được cho là có số lượng bảy, và tác động lên các điểm hay vòng tròn này (tương tự như các electron trong các nguyên tử của

at this stage produce most effect upon the astral permanent atom.

335. The "Jewel in the Lotus" emits seven rays, and these rays play upon the permanent atoms (here called “points or circles”). Probably the particular vehicle which a given permanent atom or mental unit generates has something to do with the manner in which the rays of the "Jewel in the Lotus" play upon it.

336. In other places the radiation of the "Jewel in the Lotus" is seen to be eightfold.

The Jewel itself remains occultly static, and does not circulate. It is a point of peace; it pulsates rhythmically as does the heart of man, and from it ray forth eight streams of living fire which extend to the tips of the four love petals and the four sacrifice petals. This eight-fold energy is atma-buddhi. It is this final raying forth which produces the eventual disintegration of the body of the Ego. (TCF 1118-1119)

337. Can it be that the eighth radiation is that of pure being itself? Atma would be threefold, buddhi fourfold and the Spirit unitary.

338. We definitely seem to have a contradiction here. Either the radiation from the Jewel is sevenfold or it is eightfold.

339. We note however that in the case of the eightfold radiation, it extends to the tips of sacrifice and love petals. In the case of the sevenfold radiation, it extends to the members of the atomic triangle.

340. Are we then dealing with fifteen different rays, or with two sets of seven and

khoa học) và *ở giai đoạn này* tạo ra hiệu quả lớn nhất trên nguyên tử trường tồn cảm dục.

335. "Ngọc trong Hoa Sen" phát ra bảy tia, và các tia này tác động lên các nguyên tử trường tồn (ở đây được gọi là “các điểm hay vòng tròn”). Có lẽ vận cụ đặc thù mà một nguyên tử trường tồn hay đơn vị hạ trí nhất định tạo ra có liên quan đến cách các tia của "Ngọc trong Hoa Sen" tác động lên nó.

336. Ở những nơi khác, sự bức xạ của "Ngọc trong Hoa Sen" được thấy là bát phân.

Bản thân Ngọc vẫn bất động một cách huyền bí, và không tuần hoàn. Nó là một điểm bình an; nó đập theo nhịp điệu như tim con người, và từ đó phát ra tám dòng lửa sống vươn đến các chóp của bốn cánh hoa bác ái và bốn cánh hoa hi sinh. Năng lượng bát phân này là atma-buddhi. Chính sự phát tia cuối cùng này tạo ra sự tan rã sau cùng của thể của Chân ngã. (TCF 1118-1119)

337. Có thể nào sự bức xạ thứ tám là bức xạ của chính bản thể thuần túy? Atma sẽ là tam phân, buddhi tứ phân, và Tinh thần là nhất nguyên.

338. Rõ ràng dường như ở đây chúng ta có một mâu thuẫn. Hoặc sự bức xạ từ Ngọc là thất phân, hoặc là bát phân.

339. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng trong trường hợp bức xạ bát phân, nó vươn đến các chóp của các cánh hoa hi sinh và bác ái. Trong trường hợp bức xạ thất phân, nó vươn đến các thành viên của tam giác nguyên tử.

340. Vậy thì chúng ta đang xử lý mười lăm tia khác nhau, hay hai bộ bảy và một tia căn

one fundamental ray of being? The matter is obscure and must be held up for intuitive resolution after all requisite reasoning is accomplished.

bản của bản thể? Vấn đề này mơ hồ và phải được giữ lại để trực giác giải quyết sau khi mọi suy luận cần thiết đã hoàn tất.

The physical permanent atom has a position relatively close to the positive centre, and the force plays through it, and passes on to the astral permanent atom in the form of **five rays of parti-coloured light** which blend with the intensely vivid hue of the astral permanent atom,

Nguyên tử trường tồn hồng trần có một vị trí tương đối gần trung tâm dương, và mãnh lực vận hành xuyên qua nó, rồi truyền sang nguyên tử trường tồn cảm dục dưới hình thức **năm tia ánh sáng nhiều màu** hòa trộn với sắc thái cực kỳ rực rỡ của nguyên tử trường tồn cảm dục,

341. How interesting that the physical permanent atom is the closest to the "positive centre", the Jewel. Yet, in a sense, the Jewel is a 'spiritual mineral' and (in a way) Vulcan holds sway over both the Jewel and the physical permanent atom.

341. Thật thú vị khi nguyên tử trường tồn hồng trần lại gần "trung tâm dương", tức Ngọc, nhất. Tuy nhiên, theo một nghĩa nào đó, Ngọc là một 'khoáng vật tinh thần' và (theo một cách nào đó) Vulcan chi phối cả Ngọc lẫn nguyên tử trường tồn hồng trần.

342. The five rays emanating from the physical permanent atom make sense, since five is the number of the brahmic aspect and the physical permanent atom is, of all the members of the atomic triangle, most associated with the brahmic aspect.

342. Năm tia phát ra từ nguyên tử trường tồn hồng trần là điều hợp lý, vì năm là con số của phương diện brahmic và nguyên tử trường tồn hồng trần, trong tất cả các thành viên của tam giác nguyên tử, gắn với phương diện brahmic nhiều nhất.

343. We notice how intensely vivid is the astral permanent atom. Will its hue be identical in all cases or will it depend upon the ray of the astral vehicle?

343. Chúng ta lưu ý sắc thái của nguyên tử trường tồn cảm dục rực rỡ mãnh liệt đến mức nào. Liệu sắc thái của nó có giống hệt trong mọi trường hợp hay sẽ tùy thuộc vào cung của vận cụ cảm dục?

and increase its intensity until the blaze is so excessive that it appears to the onlooker as if the two points blended, or the two electrons merged, and (in merging) produce such an intensity of light that they are seen as dissolving.

và làm tăng cường độ của nó cho đến khi ánh chói trở nên quá mức đến nỗi đối với người quan sát, dường như hai điểm hòa lẫn, hay hai electron hợp nhất, và (trong sự hợp nhất) tạo ra một cường độ ánh sáng mạnh đến mức chúng được thấy như đang tan biến.

344. We have a five plus a one. At a certain point in the process of development, the

344. Chúng ta có một năm cộng một. Ở một điểm nào đó trong tiến trình phát triển,

physical permanent atom and the astral permanent atom merge and blend. These two permanent atoms are considered as "electrons" and in their merging a great intensity of light is released.

nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục hợp nhất và hòa trộn. Hai nguyên tử trường tồn này được xem như các "electron" và trong sự hợp nhất của chúng, một cường độ ánh sáng lớn được giải phóng.

345. Will this merging occur at the time of the second initiation? It could be reasonably argued.

345. Liệu sự hợp nhất này có xảy ra vào thời điểm lần điểm đạo thứ hai không? Có thể lập luận hợp lý như vậy.

346. Or will the merging occur as the two tiers of petals (knowledge and love petals) have sprung open and being rotating together?

346. Hay sự hợp nhất sẽ xảy ra khi hai tầng cánh hoa (các cánh hoa tri thức và các cánh hoa bác ái) đã bung nở và đang cùng quay?

The mental unit, having a position within the causal body analogous to the planet furthermost from the sun, becomes vibrant likewise,

Đơn vị hạ trí, có một vị trí bên trong thể nguyên nhân tương tự như hành tinh xa mặt trời nhất, cũng trở nên rung động,

347. Since Pluto is (or has been) the well-known planet positioned farthest from the Sun, it is reasonable to associate the manasic permanent atom with Pluto.

347. Vì Pluto là (hoặc đã từng là) hành tinh nổi tiếng nằm xa Mặt Trời nhất, nên việc liên kết nguyên tử trường tồn manas với Pluto là hợp lý.

348. It makes sense, in this context, to associate the astral permanent atom with Mars and the physical permanent atom with the Earth.

348. Trong ngữ cảnh này, việc liên kết nguyên tử trường tồn cảm dục với Sao Hỏa và nguyên tử trường tồn hồng trần với Trái Đất là điều hợp lý.

349. From another perspective, the mental unit can be associated with the Earth—their symbols are even the same.

349. Từ một góc nhìn khác, đơn vị hạ trí có thể được liên kết với Trái Đất—ngay cả các biểu tượng của chúng cũng giống nhau.

350. Of Pluto, we know that it has a strongly mental content; its monadic ray is probably one of the rays of intelligence (maybe the third).

350. Về Pluto, chúng ta biết rằng nó có một nội dung trí tuệ mạnh; cung chân thần của nó có lẽ là một trong các cung của trí tuệ (có thể là cung ba).

and the two other points (considered now as one) begin to interact with the mental unit, and a similar process is set up and is pursued

và hai điểm kia (nay được xem như một) bắt đầu tương tác với đơn vị hạ trí, và một tiến trình tương tự được thiết lập và tiếp diễn cho

until these two points—circulating around their positive centre—also approach each other, blend, merge, and dissolve.

351. One blending has already occurred. Now the mental unit is to blend with the unit consisting of two blended units (physical and astral).

352. All this merging and blending must parallel the process of personality and personality/soul integration.

353. The achievement of one initiation after another must also coincide with the merging and blending.

354. We are witnessing a process of synthesis, obscuration and absorption (analogous on a tiny scale to that undergone by the planets towards the closer of the solar system).

355. The merging blending process is characterized by the numbers 5 + 1 + 1. The two ones represent the energies of abstraction in relation to the fundamental five.

356. When comparing this set up to that of the planes, the five lower systemic planes correspond to the physical permanent atom, the monadic plane to the astral and the logoic plane to the mental unit.

357. VSK would call our attention to the relationship between this merging, blending and fiery dissolving and the First Stanza of Dzyan in which the "fire burneth up the whole".

358. We do know that the blended, merged and fiery members of the atomic triangle are

đến khi hai điểm này—tuần hoàn quanh trung tâm dương của chúng—cũng tiến lại gần nhau, dung hợp, hợp nhất và tan biến.

351. Một sự dung hợp đã xảy ra. Giờ đây đơn vị hạ trí phải dung hợp với đơn vị gồm hai đơn vị đã được dung hợp (hồng trần và cảm dục).

352. Tất cả sự hợp nhất và dung hợp này phải song hành với tiến trình tích hợp phàm ngã và phàm ngã/linh hồn.

353. Việc đạt được hết lần điểm đạo này đến lần điểm đạo khác cũng phải đồng thời với sự hợp nhất và dung hợp.

354. Chúng ta đang chứng kiến một tiến trình tổng hợp, che khuất và hấp thụ (tương tự ở một quy mô cực nhỏ với tiến trình mà các hành tinh trải qua đối với phần gần hơn của hệ mặt trời).

355. Tiến trình hợp nhất dung hợp được đặc trưng bởi các con số 5 + 1 + 1. Hai số một biểu thị các năng lượng trừu xuất trong tương quan với năm căn bản.

356. Khi so sánh cấu trúc này với cấu trúc của các cõi, năm cõi hệ thống thấp tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần, cõi chân thần tương ứng với cảm dục và cõi logoic tương ứng với đơn vị hạ trí.

357. VSK hẳn sẽ lưu ý chúng ta đến mối liên hệ giữa sự hợp nhất, dung hợp và tan rã trong lửa này với Bài Kệ thứ Nhất của Dzyan, trong đó "lửa thiêu rụi toàn thể".

358. Chúng ta biết rằng các thành phần đã được dung hợp, hợp nhất và bốc lửa của tam

instrumental in contributing to the destruction of the causal body. To their destructive role we must add the destructive role of the “raying forth” of the "Jewel in the Lotus".

giác nguyên tử là những tác nhân góp phần vào sự hủy diệt thể nguyên nhân. Vào vai trò hủy diệt của chúng, chúng ta còn phải thêm vai trò hủy diệt của sự “phóng chiếu ra” của "Jewel in the Lotus".

359. We should note that two of the points circulate around the positive center. This may tell us something about ‘revolution’ as it occurs within the causal body. Yet, elsewhere we are told that he atomic triangle is found in the lower part of the causal body.

359. Chúng ta nên lưu ý rằng hai điểm tuần hoàn quanh trung tâm dương. Điều này có thể cho chúng ta biết điều gì đó về ‘sự quay vòng’ như nó xảy ra bên trong thể nguyên nhân. Tuy vậy, ở nơi khác chúng ta được cho biết rằng tam giác nguyên tử nằm ở phần thấp của thể nguyên nhân.

360. We are given the image of something resembling the Sun (Jewel in the Lotus) and the planets (the circulating members of the atomic triangle).

360. Chúng ta được trao cho hình ảnh của một cái gì đó giống như Mặt Trời (Jewel in the Lotus) và các hành tinh (các thành phần tuần hoàn của tam giác nguyên tử).

The centre of positive life gathers or synthesises the three points,

trung tâm của sự sống dương thu góp hay tổng hợp ba điểm,

361. Note that they are called “points” which is a good way of getting around the fact that two of them are permanent atoms and one of them, a mental unit.

361. Lưu ý rằng chúng được gọi là “các điểm”, đây là một cách hay để tránh sự kiện rằng hai trong số đó là các nguyên tử trường tồn và một là đơn vị hạ trí.

362. The “centre of positive life” is that projection of the Monad which we call the "Jewel in the Lotus".

362. “Trung tâm của sự sống dương” là sự phóng chiếu của Chân thần mà chúng ta gọi là "Jewel in the Lotus".

363. If we have wondered about the process of disintegration and sublimation undergone by the three members of the atomic triangle, we have the explanation here. The "Jewel in the Lotus" “gathers or synthesizes” the three points.

363. Nếu chúng ta từng tự hỏi về tiến trình tan rã và thăng hoa mà ba thành phần của tam giác nguyên tử trải qua, thì ở đây chúng ta có lời giải thích. "Jewel in the Lotus" “thu góp hay tổng hợp” ba điểm.

364. Yet, so it would seem, it will be necessary for the "Jewel in the Lotus" to transfer that that which has been gathered to the higher permanent atoms, as other references suggest that the energy or quality

364. Tuy nhiên, dường như sẽ cần thiết để "Jewel in the Lotus" chuyển dịch điều đã được thu góp ấy sang các nguyên tử trường tồn cao hơn, vì những chỗ tham chiếu khác cho thấy rằng năng lượng hay phẩm tính

of the lower permanent atoms and mental unit are transferred to their higher correspondences in the spiritual triad.

của các nguyên tử trường tồn thấp hơn và của đơn vị hạ trí được chuyển dịch sang các đối phần cao hơn của chúng trong Tam Nguyên Tinh Thần.

and thus *the three fires of the personality* repeat on their tiny scale the microcosmic procedure as seen in the synthesis of electric fire, solar fire, and fire by friction, and only a blazing unit is left.

và như thế *ba ngọn lửa của phàm ngã* lặp lại trên quy mô cực nhỏ của chúng tiến trình vi mô như được thấy trong sự tổng hợp của Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát, và chỉ còn lại một đơn vị rực cháy.

365. That “blazing unit” corresponds to the Sun.

365. “Đơn vị rực cháy” ấy tương ứng với Mặt Trời.

366. Within the atomic triangle the physical permanent atom represents fire by friction; the astral permanent atom represents solar fire; and the mental unit represents electric fire.

366. Trong tam giác nguyên tử, nguyên tử trường tồn hồng trần biểu hiện Lửa ma sát; nguyên tử trường tồn cảm dục biểu hiện Lửa Thái dương; và đơn vị hạ trí biểu hiện Lửa Điện.

367. The "Jewel in the Lotus" has become as a synthesizing planets, or even as the Sun, having absorbed the three points which have previously undergone their own process of merging and synthesizing.

367. "Jewel in the Lotus" đã trở nên như một hành tinh tổng hợp, hay thậm chí như Mặt Trời, sau khi đã hấp thụ ba điểm vốn trước đó đã trải qua tiến trình riêng của chúng về hợp nhất và tổng hợp.

This blazing unit, through the combined heat of its being, burns up the causal body, and escapes back on to the **planes** of abstraction.

Đơn vị rực cháy này, nhờ nhiệt lực kết hợp của bản thể nó, thiêu hủy thể nguyên nhân, và thoát trở lại lên các **cõi** trừu xuất.

368. Here we have discussed the ‘fate’ of the "Jewel in the Lotus" at the fourth initiation.

368. Ở đây chúng ta đã bàn đến ‘số phận’ của "Jewel in the Lotus" ở lần điểm đạo thứ tư.

369. How is the causal body destroyed? It has been suggested that the members of the now blazing atomic triangle contributed greatly to its destruction. This is partially true. It seems that the "Jewel in the Lotus", having absorbed the blazing atomic triangle, is the factor which contributes most directly to the necessary destruction. We remember

369. Thể nguyên nhân bị hủy diệt như thế nào? Người ta đã gợi ý rằng các thành phần của tam giác nguyên tử nay đang rực cháy đã góp phần lớn vào sự hủy diệt của nó. Điều này đúng một phần. Có vẻ như "Jewel in the Lotus", sau khi đã hấp thụ tam giác nguyên tử rực cháy, là yếu tố góp phần trực tiếp nhất vào sự hủy diệt cần thiết. Chúng ta nhớ rằng

that the "Jewel in the Lotus" is an expression of monadic power.

"Jewel in the Lotus" là một biểu hiện của quyền năng chân thần.

370. It would appear that the "Jewel in the Lotus" does not go directly to the monadic plane (as some diagrams might suggest) because we are told that after it "burns up the causal body", it escapes back onto the "planes of abstraction".

370. Có vẻ như "Jewel in the Lotus" không đi trực tiếp đến cõi chân thần (như một số sơ đồ có thể gợi ý) bởi vì chúng ta được cho biết rằng sau khi nó "thiêu hủy thể nguyên nhân", nó thoát trở lại lên các "cõi trừu xuất".

371. Note the plural—"planes". If the escape were simply to one plane, the monadic plane, we might have been told so. But, in general, the "planes of abstractions" are the planes of the spiritual triad—each one of which is higher than the sub-plane on which the "Jewel in the Lotus" was positioned before its destruction.

371. Lưu ý số nhiều—"các cõi". Nếu sự thoát ra chỉ đơn giản là đến một cõi, tức cõi chân thần, hẳn chúng ta đã được nói như vậy. Nhưng nói chung, "các cõi trừu xuất" là các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần—mỗi cõi đều cao hơn cõi phụ mà trên đó "Jewel in the Lotus" đã được đặt trước khi bị hủy diệt.

372. So we have the picture of the "Jewel in the Lotus" escaping onto the triadal planes which sets up the possibility that the content of the atomic triangle which it has absorbed can be distributed to the permanent atoms of the spiritual triad.

372. Vì vậy chúng ta có hình ảnh "Jewel in the Lotus" thoát lên các cõi tam nguyên, điều này tạo ra khả năng rằng nội dung của tam giác nguyên tử mà nó đã hấp thụ có thể được phân phối đến các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần.

373. These are important points and reveal to us how little we understand, technically, of the process of release and liberation.

373. Đây là những điểm quan trọng và cho chúng ta thấy rằng, về mặt kỹ thuật, chúng ta hiểu biết ít ỏi biết bao về tiến trình giải thoát và giải phóng.

Thus man is the Path itself, and also the pilgrim upon the Path; thus does he burn, but is also the burning-ground.

Như thế con người chính là Con Đường, và cũng là người hành hương trên Con Đường; như thế y cháy lên, nhưng cũng chính là vùng đất cháy.

374. Here is a beautiful summary statement.

374. Đây là một phát biểu tổng kết đẹp đẽ.

375. Man is to be understood synthetically.

375. Con người phải được hiểu theo cách tổng hợp.

376. Man is the point consciousness but also the 'elongation' of that point which we call the "Path".

376. Con người là tâm thức điểm nhưng cũng là sự 'kéo dài' của điểm ấy mà chúng ta gọi là "Con Đường".

377. The "Path" is both the Path of Consciousness and the Path of *Life, sutratma.*

377. "Con Đường" vừa là Con Đường của Tâm thức vừa là Con Đường của *Sự sống, sutratma.*

378. Man is not only that which burns but He is the burning itself. Man is the monadic fire which is essentially responsible for the burning.

378. Con người không chỉ là cái đang cháy mà Ngài còn là chính sự cháy. Con người là lửa chân thần vốn chịu trách nhiệm cốt yếu cho sự cháy ấy.

379. Man, therefore, is both entity and process (as that process affects the entity).

379. Vì vậy, con người vừa là thực thể vừa là tiến trình (xét như tiến trình ấy tác động lên thực thể).

380. We may think that man is both particle and wave. The particle can be associated with the first ray (and the third) and the wave with the second.

380. Chúng ta có thể nghĩ rằng con người vừa là hạt vừa là sóng. Hạt có thể được liên kết với cung một (và cung ba), còn sóng thì với cung hai.

381. Man is all points and the relation between all points.

381. Con người là mọi điểm và là mối liên hệ giữa mọi điểm.

The analogy holds true in the case of the microcosm viewed from monadic levels in his manifestation as Monad, Ego and Personality, and thus the process is carried on as it concerns a Heavenly Man, and likewise a solar Logos.

Sự tương đồng này vẫn đúng trong trường hợp tiểu thiên địa khi được nhìn từ các cấp độ chân thần trong biểu hiện của y như Chân thần, Chân ngã và phàm ngã, và như thế tiến trình này cũng được tiếp tục khi liên quan đến một Đấng Thiên Nhân, và tương tự như vậy đối với một Thái dương Thượng đế.

382. Man is the three points mentioned and the relation between the three points. The picture of the Caduceus is apt. Man is all the crossing points, but he is also that which does the crossing.

382. Con người là ba điểm vừa được nhắc đến và là mối liên hệ giữa ba điểm ấy. Hình ảnh cây Caduceus là thích hợp. Con người là mọi điểm giao nhau, nhưng y cũng là cái thực hiện sự giao cắt ấy.

383. Man is a "point of sacrificial fire focussed within the fiery will of God". But man is also a "strand of loving energy within

383. Con người là một "điểm của lửa hi sinh được hội tụ trong ý chí rực lửa của Thượng đế". Nhưng con người cũng là một "sợi năng

the stream of love divine". Again, the point and the continuous extension of the point. Again, man is all things that can be related and, yet, the relation between those things.

lượng bác ái trong dòng chảy của tình thương thiêng liêng". Một lần nữa, điểm và sự kéo dài liên tục của điểm. Một lần nữa, con người là mọi sự vật có thể được liên hệ, và đồng thời là mối liên hệ giữa những sự vật ấy.

Should the brain suffice to hold the concept,

Nếu bộ não đủ sức nắm giữ khái niệm này,

384. Which is not a foregone conclusion…

384. Điều đó không phải là điều đương nhiên…

thus [Page 515] is the process also on cosmic levels for such high existences as the seven Rishis of the Great Bear, and that still greater Being, the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID.

như thế [Page 515] cũng là tiến trình trên các cấp độ vũ trụ đối với những Hiện Hữu cao cả như bảy vị Rishi của Đại Hùng Tinh, và Đấng còn vĩ đại hơn nữa, ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ.

385. In TCF the process of analogy always holds good, as long as the analogy is not pushed too far.

385. Trong Luận về Lửa Vũ Trụ, tiến trình tương đồng luôn luôn đúng, miễn là sự tương đồng không bị đẩy đi quá xa.

386. In this case the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID is a Super-Cosmic Logos, a being greater than the One Who ensouls the Seven Rishis of the Great Bear.

386. Trong trường hợp này, ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ là một Thượng đế Siêu Vũ Trụ, một hữu thể vĩ đại hơn Đấng phú linh cho Bảy vị Rishi của Đại Hùng Tinh.

387. The entire Universe was born of emanation. Man (and by this is meant all strata of 'Men'—planetary, systemic, cosmic and supercosmic) is the point that emanates on the stream of emanative energy. He is also the point from which the emanation began. From point to point on the stream—man is all points and all streams.

387. Toàn thể Vũ Trụ được sinh ra từ sự phát xạ. Con người (và bởi điều này muốn nói đến mọi tầng lớp 'Con Người'—hành tinh, hệ thống, vũ trụ và siêu vũ trụ) là điểm phát xạ trên dòng năng lượng phát xạ. Ngài cũng là điểm mà từ đó sự phát xạ bắt đầu. Từ điểm đến điểm trên dòng chảy—con người là mọi điểm và mọi dòng.

388. From another perspective, 'Men' are points and Devas are 'streams' or 'strands'.

388. Từ một góc nhìn khác, 'Con Người' là các điểm còn Chư thiên là các 'dòng' hay 'sợi'.

389. In pondering on the relationship between 'points' and 'streams' much may be learned about the relationship, cosmically, between 'Men' and 'Devas'. 'Men' are as

389. Khi suy ngẫm về mối liên hệ giữa 'các điểm' và 'các dòng', người ta có thể học được nhiều điều về mối liên hệ, trên bình diện vũ trụ, giữa 'Con Người' và 'Chư thiên'. 'Con

points of crystallization and 'Devas' are as relations between the points. Obviously, this matter needs much penetration and expansion.

Người' như những điểm kết tinh còn 'Chư thiên' như những mối liên hệ giữa các điểm. Hiển nhiên, vấn đề này cần rất nhiều sự thâm nhập và mở rộng.

TCF 515-526: S5S7

1 - 15 July 2007

1 - 15 July 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi trình chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Có gợi ý rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

3. The Spirillae and the Egoic Ray.

3. Các loa tuyến và cung chân ngã.

1. We are going to deal with a fascinating occult subject.

1. Chúng ta sắp bàn đến một chủ đề huyền bí học hấp dẫn.

2. We should be able to extend the subject to speculations concerning the Egoic Ray of the Solar Logos and the planes of the solar system.

2. Chúng ta hẳn có thể mở rộng chủ đề này đến những suy đoán liên quan đến cung chân ngã của Thái dương Thượng đế và các cõi của hệ mặt trời.

We will take up now the subject of the spirillae within the permanent atom, and see in what manner they are affected by the egoic ray, remembering always that we are considering *them* as:

Giờ đây chúng ta sẽ bàn đến chủ đề các loa tuyến bên trong nguyên tử trường tồn, và xem chúng bị ảnh hưởng bởi cung chân ngã theo cách nào, luôn luôn nhớ rằng chúng ta đang xem xét *chúng* như là:

3. Presumably they will also be affected by the personality ray, and perhaps by the rays of the other vehicles.

3. Có lẽ chúng cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi cung phàm ngã, và có thể bởi các cung của những hiện thể khác.

4. We remember to regard each permanent atom as a kind of seventh principle capable of affecting the vehicles of which it is the nucleus.

4. Chúng ta nhớ xem mỗi nguyên tử trường tồn như một loại nguyên khí thứ bảy có khả năng tác động đến các hiện thể mà nó là hạt nhân.

5. The ray of any vehicle works principally through the permanent atom which generates that vehicle, and that ray will have an effect upon the spirillae of the permanent atom and, also, the spirillae of all atoms gathered in the vehicle for which any permanent atom forms the nucleus.

5. Cung của bất kỳ hiện thể nào hoạt động chủ yếu thông qua nguyên tử trường tồn tạo ra hiện thể ấy, và cung đó sẽ có ảnh hưởng lên các loa tuyến của nguyên tử trường tồn và cả các loa tuyến của mọi nguyên tử được tập hợp trong hiện thể mà bất kỳ nguyên tử trường tồn nào tạo thành hạt nhân.

6. The following are ways we might consider permanent atoms.

6. Sau đây là những cách chúng ta có thể xem xét các nguyên tử trường tồn.

First. The interior economy of the life germ on the three planes which concern man in the three worlds; second, as the seventh principle in each of the three sheaths; and third, as the positive nucleus of force which holds together the matter of the three sheaths.

Thứ nhất. Cơ cấu nội tại của mầm sống trên ba cõi liên quan đến con người trong ba cõi thấp; thứ hai, như nguyên khí thứ bảy trong mỗi một trong ba thể vỏ; và thứ ba, như hạt nhân dương của mãnh lực giữ cho vật chất của ba thể vỏ kết hợp với nhau.

7. The third way to consider permanent atoms is perhaps easiest to understand. The permanent atoms have a cohesive force which holds together the vehicles they have magnetically gathered. This seems to be a second ray capacity.

7. Cách thứ ba để xem xét các nguyên tử trường tồn có lẽ là dễ hiểu nhất. Các nguyên tử trường tồn có một mãnh lực kết dính giữ cho các hiện thể mà chúng đã tập hợp bằng từ tính được gắn kết với nhau. Điều này dường như là một năng lực cung hai.

8. The permanent atoms are as the "seventh principle" in each of the sheaths. That principle can be associated with atma (from one perspective), and is thus a *directing* and *directive* principle. (This function of the permanent atoms suggests the quality of the first ray).

8. Các nguyên tử trường tồn như là "nguyên khí thứ bảy" trong mỗi thể vỏ. Nguyên khí ấy có thể được liên kết với atma (từ một góc nhìn), và do đó là một nguyên khí *chỉ đạo* và *mang tính chỉ đạo*. (Chức năng này của các nguyên tử trường tồn gợi ra phẩm tính của cung một).

9. They are also “the interior economy of the life germ on the three planes”. The word “economy” immediately suggests the third ray. The life germ is ‘Spirit-in-attenuation’ (at least, reduced in its capacity to impact environment, but Spirit nonetheless). The idea presented is one which designates the permanent atom as a kind of “administrative center” to carry out the purposes of the “life germ”. It does this with intelligence—albeit, unconscious intelligence.

9. Chúng cũng là “cơ cấu nội tại của mầm sống trên ba cõi”. Từ “cơ cấu” lập tức gợi đến cung ba. Mầm sống là ‘Tinh thần-trong-sự-suy-giảm’ (ít nhất là bị giảm trong khả năng tác động lên môi trường, nhưng vẫn là Tinh thần). Ý tưởng được trình bày ở đây chỉ định nguyên tử trường tồn như một loại “trung tâm hành chính” để thực hiện các mục đích của “mầm sống”. Nó làm điều này bằng trí tuệ—dù là trí tuệ vô thức.

Let us therefore study two things:

Vì vậy chúng ta hãy nghiên cứu hai điều:

The composition of the permanent atom.

Thành phần cấu tạo của nguyên tử trường tồn.

The difference between the mental unit and the astral and physical permanent atoms.

Sự khác biệt giữa đơn vị hạ trí và các nguyên tử trường tồn cảm dục và hồng trần.

10. We are entering the realm of the fifth ray and must be prepared for minute considerations.

10. Chúng ta đang bước vào lĩnh vực của cung năm và phải chuẩn bị cho những xem xét tỉ mỉ.

To do this with clarity, and so bring some kind of definite concept into being from the dark regions of abstraction, let us tabulate:

Để làm điều này một cách rõ ràng, và như thế đưa một loại khái niệm xác định nào đó vào hiện hữu từ những vùng tối của sự trừu xuất, chúng ta hãy lập bảng:

11. There is something about the process of tabulation which presents the mind with a linearity it finds reassuring and clarifying.

11. Có điều gì đó trong tiến trình lập bảng đem lại cho trí tuệ một tính tuyến tính mà nó thấy yên tâm và sáng tỏ.

a. The composition of the permanent atom: The permanent atom of the astral and physical planes is a sphere of physical or astral substance, composed of atomic matter, and characterised by the following qualities:

a. Thành phần cấu tạo của nguyên tử trường tồn: Nguyên tử trường tồn của cõi cảm dục và cõi hồng trần là một khối cầu chất liệu hồng trần hay cảm dục, được cấu thành từ vật chất nguyên tử, và được đặc trưng bởi các phẩm tính sau:

12. The first thing of importance is to notice the *sphericity* of the permanent atom. This statement is probably a generality or an approximation. Sometimes, different shapes are assigned to different types of permanent atoms—for instance, a heart shape to the astral permanent atom and a figure-eight shape to the buddhic permanent atom.

12. Điều đầu tiên quan trọng là lưu ý *tính hình cầu* của nguyên tử trường tồn. Phát biểu này có lẽ là một khái quát hay một sự gần đúng. Đôi khi, những hình dạng khác nhau được gán cho những loại nguyên tử trường tồn khác nhau—chẳng hạn, hình trái tim cho nguyên tử trường tồn cảm dục và hình số tám cho nguyên tử trường tồn Bồ đề.

13. We note that the Tibetan is not discussing the mental unit. We may question at this point whether it, too, has a spherical shape.

13. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng không bàn đến đơn vị hạ trí. Tại điểm này chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu nó cũng có hình cầu hay không.

Responsiveness. This is its inherent power to respond to the vibration of some one of the Heavenly Men, as it is transmitted via the deva, or Brahma aspect, of His threefold nature.

Tính đáp ứng. Đây là quyền năng cố hữu của nó để đáp ứng với rung động của một trong các Đấng Thiên Nhân, khi rung động ấy được truyền qua phương diện thiên thần, hay Brahma, của bản chất tam phân của Ngài.

14. It would seem that permanent atoms are selective in their response and respond to "some one of the Heavenly Men" more than others.

14. Có vẻ như các nguyên tử trường tồn có tính chọn lọc trong sự đáp ứng của chúng và đáp ứng với "một trong các Đấng Thiên Nhân" nhiều hơn những vị khác.

15. We infer that the permanent atom has aspects in its nature that correspond to the Vishnu and Shiva aspects, but that it is through the Brahma aspect that its primary response to the Heavenly Men occurs.

15. Chúng ta suy ra rằng nguyên tử trường tồn có những phương diện trong bản chất của nó tương ứng với các phương diện Vishnu và Shiva, nhưng chính qua phương diện Brahma mà sự đáp ứng chủ yếu của nó đối với các Đấng Thiên Nhân xảy ra.

16. If the ray which a permanent atom transmits changes from life to life, shall we gather that the type of Heavenly Man to which it may respond in any one incarnational cycle may change?

16. Nếu cung mà một nguyên tử trường tồn truyền dẫn thay đổi từ kiếp này sang kiếp khác, liệu chúng ta có nên kết luận rằng loại Đấng Thiên Nhân mà nó có thể đáp ứng trong bất kỳ chu kỳ nhập thể nào cũng có thể thay đổi không?

17. We note the important point that the influences of the Heavenly Men do not reach the permanent atoms *directly* but that such

17. Chúng ta lưu ý điểm quan trọng rằng các ảnh hưởng của các Đấng Thiên Nhân không đến các nguyên tử trường tồn một cách *trực*

influence is mediated via the deva or Brahma aspect.

18. This is certainly so as regards the manner in which Heavenly Men affect human beings, as well. Only a Master may have *direct contact* with another Planetary Logos. For the rest of us that influence reaches us via a stream of devic energy attuned to the Heavenly Man and yet capable of impacting a human being directly.

The permanent atom finds its place within the sphere of influence of one or other of the great devas who are the Raja-Lords of a plane.

19. Each permanent atom is found on the atomic sub-plane of a particular systemic plane. Each systemic plane is the body of expression of one of the Raja Deva Lords.

20. The physical permanent atom, therefore, will be influenced by Raja Deva Lord Kshiti; the astral permanent atom by Varuna; and the mental unit and manasic permanent atom by Agni, etc.

21. Below, we appear to speaking of matters microcosmic.

Form Building Power. These devas

22. We appear to be speaking of Raja Deva Lords when speaking of "these devas".

sound forth two syllables of the threefold microcosmic word and **are each (on their own plane) the coherent agency which gathers [Page 516] substance into form,**

tiếp mà ảnh hưởng ấy được trung gian qua phương diện thiên thần hay Brahma.

18. Điều này chắc chắn cũng đúng đối với cách các Đấng Thiên Nhân tác động đến con người. Chỉ một Chân sư mới có thể có *tiếp xúc trực tiếp* với một Hành Tinh Thượng Đế khác. Đối với phần còn lại của chúng ta, ảnh hưởng ấy đến với chúng ta qua một dòng năng lượng thiên thần được điều chỉnh theo Đấng Thiên Nhân nhưng vẫn có khả năng tác động trực tiếp đến một con người.

Nguyên tử trường tồn tìm thấy vị trí của nó trong phạm vi ảnh hưởng của một hay một vị khác trong các đại thiên thần là các Raja-Lord của một cõi.

19. Mỗi nguyên tử trường tồn được tìm thấy trên cõi phụ nguyên tử của một cõi hệ thống nhất định. Mỗi cõi hệ thống là thể biểu hiện của một trong các Raja Deva Lord.

20. Vì vậy, nguyên tử trường tồn hồng trần sẽ chịu ảnh hưởng của Raja Deva Lord Kshiti; nguyên tử trường tồn cảm dục bởi Varuna; và đơn vị hạ trí cùng nguyên tử trường tồn manas bởi Agni, v.v.

21. Ở dưới đây, dường như chúng ta đang nói về những vấn đề vi mô.

Quyền năng Xây dựng Hình tướng. Các thiên thần này

22. Dường như chúng ta đang nói về các Raja Deva Lord khi nói đến "các thiên thần này".

xướng lên hai âm tiết của linh từ vi mô tam phân và **mỗi vị đều là (trên cõi riêng của mình) tác nhân kết hợp mà thu góp [Page**

and attracts matter for purposes of objectivity.

23. Why *two* syllables? Is it because, thus far, we are dealing with only two permanent atoms, and not yet with the mental unit? The "threefold microcosmic word" would be a work referring to the three dimensions of the personality—etheric-physical, astral and lower mental.

24. We recall that the members of the deva kingdom are qualified by the third and second aspects, whereas man is qualified by the first and second.

25. In their role as "the coherent agency which gathers substance into form", it is the second aspect of divinity which is being exercised, according to the second systemic law—the Law of Cohesion.

The astral sound produces the microcosmic 'Son of Necessity,' and when it reverberates on the physical plane produces physical incarnation, and the sudden appearance on etheric levels of the seven centres.

26. We note that the centers appeared on the etheric levels *suddenly.* We may presume, I think, that on the astral plane, the centers pre-existed their etheric appearance.

27. The solar system is said to be a "Son of Necessity". The solar system is the physical-etheric vehicle of the Solar Logos. By analogy, the physical-etheric nature of a human being would be a microcosmic 'Son of Necessity'.

516] chất liệu vào hình tướng, và thu hút vật chất vì các mục đích khách quan hóa.

23. Tại sao lại là *hai* âm tiết? Có phải vì cho đến nay chúng ta mới chỉ đang bàn đến hai nguyên tử trường tồn, chứ chưa bàn đến đơn vị hạ trí? "Linh từ vi mô tam phân" hẳn là một cách nói quy chiếu đến ba chiều kích của phàm ngã—dĩ thái-hồng trần, cảm dục và hạ trí.

24. Chúng ta nhớ rằng các thành viên của giới thiên thần được định tính bởi phương diện thứ ba và thứ hai, trong khi con người được định tính bởi phương diện thứ nhất và thứ hai.

25. Trong vai trò của chúng như "tác nhân kết hợp mà thu góp chất liệu vào hình tướng", chính phương diện thứ hai của thiên tính đang được vận dụng, theo định luật hệ thống thứ hai—Định luật Cố kết.

Âm thanh cảm dục tạo ra 'Con của Tất Yếu' vi mô, và khi nó vang dội trên cõi hồng trần thì tạo ra sự nhập thể hồng trần, và sự xuất hiện đột ngột trên các cấp độ dĩ thái của bảy trung tâm.

26. Chúng ta lưu ý rằng các trung tâm xuất hiện trên các cấp độ dĩ thái một cách *đột ngột.* Tôi nghĩ rằng chúng ta có thể giả định rằng trên cõi cảm dục, các trung tâm đã hiện hữu trước khi xuất hiện trên dĩ thái.

27. Hệ mặt trời được nói là một "Con của Tất Yếu". Hệ mặt trời là hiện thể hồng trần-dĩ thái của Thái dương Thượng đế. Theo sự tương đồng, bản chất hồng trần-dĩ thái của một con người sẽ là một 'Con của Tất Yếu' vi mô.

28. We have often to question whether appearances occur suddenly (all at once) or sequentially, gradually in time. This type of question refers to *revelation* as well—is it sudden or more gradual?

28. Chúng ta thường phải đặt câu hỏi liệu các sắc tướng xuất hiện đột ngột (tất cả cùng một lúc) hay tuần tự, dần dần theo thời gian. Loại câu hỏi này cũng liên quan đến *sự mặc khải*—nó là đột ngột hay dần dần hơn?

29. There is often no easy way to solve the problem. One may speculate, but unless one observes or is told authoritatively, there is no way to be certain.

29. Thường không có cách dễ dàng nào để giải quyết vấn đề này. Người ta có thể suy đoán, nhưng trừ phi tự mình quan sát hoặc được nói cho biết một cách có thẩm quyền, không có cách nào để chắc chắn.

30. As all chakras are 'mutually necessary' (i.e., necessary to each other), there is a good argument for *sudden* appearance.

30. Vì mọi luân xa đều 'cần thiết lẫn nhau' (tức là cần thiết cho nhau), nên có một lập luận vững chắc ủng hộ sự xuất hiện *đột ngột*.

31. Perhaps the greatest problem related to simultaneous or gradual appearance concerns the Three Persons of the Universal Trinity (of Father, Mother and Son).

31. Có lẽ vấn đề lớn nhất liên quan đến sự xuất hiện đồng thời hay dần dần là vấn đề Ba Ngôi của Tam Vị Vũ Trụ (Cha, Mẹ và Con).

32. Perhaps there are certain methods which, while not simultaneous, are so close to each other *in time* as to be *virtually* simultaneous.

32. Có lẽ có những phương pháp nhất định mà, tuy không đồng thời, nhưng lại gần nhau đến mức *về thời gian* đến nỗi *hầu như* đồng thời.

33. We are assured by most cosmogonies that the state of Spirit-Matter preceded the appearance of the Trinity.

33. Hầu hết các vũ trụ luận đều khẳng định với chúng ta rằng trạng thái Tinh thần-Vật chất đã có trước sự xuất hiện của Tam Vị.

The building of the dense physical is the result of consequent automatic action in deva essence, for it must ever be borne in mind that man is essentially (as regards the physical plane) an etheric being,

Sự kiến tạo thể xác đậm đặc là kết quả của hành động tự động tiếp theo trong tinh chất thiên thần, vì phải luôn ghi nhớ rằng con người về bản chất cốt yếu (xét theo cõi hồng trần) là một hữu thể dĩ thái,

34. This is the constant occult assertion—that true physicality is *etheric.*

34. Đây là khẳng định huyền bí học không đổi—rằng tính hồng trần chân thực là *dĩ thái.*

35. The dense physical body, therefore, is an *automaton*, and its substance is gathered

35. Vì vậy, thể xác đậm đặc là một *cỗ máy tự động*, và chất liệu của nó được tập hợp một

automatically. The lowest type of matter responds automatically to the attractive nature of etheric deva essence.

cách tự động. Loại vật chất thấp nhất đáp ứng một cách tự động với bản chất hấp dẫn của tinh chất thiên thần dĩ thái.

and his dense physical body is esoterically regarded as 'below the threshold' and is not considered a principle.

và thể xác đậm đặc của y được xem một cách huyền bí là ‘ở dưới ngưỡng’ và không được coi là một nguyên khí.

36. The “threshold”, in this case, is (or should be) the threshold of consciousness for the developing human being. Physical consciousness, per se, is the most primitive kind of consciousness. Such consciousness is the involvement of consciousness with a level of vibration which is unprincipled and which pertains to an earlier system of development.

36. “Ngưỡng”, trong trường hợp này, là (hay nên là) ngưỡng của tâm thức đối với con người đang phát triển. Tâm thức hồng trần, chính nó, là loại tâm thức nguyên sơ nhất. Tâm thức như vậy là sự dính líu của tâm thức với một cấp độ rung động không có nguyên khí và thuộc về một hệ thống phát triển sớm hơn.

37. This fact tells us something about the relative degree of advancement of humanity today!

37. Sự kiện này cho chúng ta biết điều gì đó về mức độ tiến bộ tương đối của nhân loại ngày nay!

Relative Permanency. In the seventh principle of all manifesting entities is stored up and developed capacity, acquired ability, and the atomic memory, or in other words the heredity of the Thinker, viewing him from the physical standpoint or from the emotional.

Tính trường tồn tương đối. Trong nguyên khí thứ bảy của mọi thực thể đang biểu hiện đều được tích trữ và phát triển năng lực, khả năng đã đạt được, và ký ức nguyên tử, hay nói cách khác là di truyền tính của Đấng Tư Tưởng, khi nhìn y từ quan điểm hồng trần hay từ quan điểm cảm xúc.

38. Note that we are still not concerning ourselves with the mental unit.

38. Lưu ý rằng chúng ta vẫn chưa bàn đến đơn vị hạ trí.

39. Let us tabulate what is stored within the “seventh principle” of all manifesting entities:

39. Chúng ta hãy lập bảng những gì được tích trữ trong “nguyên khí thứ bảy” của mọi thực thể đang biểu hiện:

a. Developed capacity

a. Năng lực đã phát triển

b. Acquired ability

b. Khả năng đã đạt được

c. Atomic memory

c. Ký ức nguyên tử

d. The heredity of the Thinker

40. The number *seven* is associated with the act of *guarding.* Dragons (which can be associated with the seventh ray and the kundalini power at the base of the spine center) are often "guardians" of *treasure.*

41. Since the atmic permanent atom truly represents the seventh principle of man the microcosm, does it have the above faculties particularly pronounced as regards life on the lowest five planes of the cosmic physical plane?

42. Atma is a plane both of intelligence and of will. It is associated as much with the third ray as with the first. Of the five permanent atoms and mental unit, is the atmic permanent atom the *greatest* storehouse of incarnational memory?

43. Discrimination is in order. We must remember that the seventh principle is "atma" and not the Atman—which is a kind of eighth principle (not a principle really, but *essence* or pure being).

44. The planet Saturn, ruler of the physical permanent atom (whether systemic or cosmic) and also of the atmic plane, is directly related to both karma and heredity. In the functioning of the permanent atoms, in general, there is much that relates to Saturn, to karma and to the factor of control.

45. Permanent atoms are storehouses of those achieved patterns of adaptive activity we call capacities and faculties.

d. Di truyền tính của Đấng Tư Tưởng

40. Con số *bảy* được liên kết với hành động *canh giữ.* Rồng (có thể được liên kết với cung bảy và quyền năng kundalini tại trung tâm đáy cột sống) thường là những "người canh giữ" *kho báu.*

41. Vì nguyên tử trường tồn atma thực sự biểu hiện nguyên khí thứ bảy của con người là tiểu thiên địa, liệu nó có những năng lực nói trên đặc biệt nổi bật đối với sự sống trên năm cõi thấp nhất của cõi hồng trần vũ trụ hay không?

42. Atma là một cõi vừa của trí tuệ vừa của ý chí. Nó được liên kết với cung ba cũng nhiều như với cung một. Trong năm nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí, liệu nguyên tử trường tồn atma có phải là kho chứa *lớn nhất* của ký ức nhập thể hay không?

43. Phân biện là điều cần thiết. Chúng ta phải nhớ rằng nguyên khí thứ bảy là "atma" chứ không phải Atman—vốn là một loại nguyên khí thứ tám (thực ra không phải nguyên khí, mà là *tinh chất* hay hữu thể thuần túy).

44. Hành tinh Sao Thổ, chủ tinh của nguyên tử trường tồn hồng trần (dù là hệ thống hay vũ trụ) và cũng là chủ tinh của cõi atma, liên hệ trực tiếp với cả nghiệp quả lẫn di truyền tính. Trong hoạt động của các nguyên tử trường tồn nói chung, có rất nhiều điều liên quan đến Sao Thổ, đến nghiệp quả và đến yếu tố kiểm soát.

45. Các nguyên tử trường tồn là những kho chứa của các mô hình hoạt động thích nghi đã đạt được mà chúng ta gọi là các năng lực và khả năng.

There is no permanence whatever in the sheaths;

Không hề có tính trường tồn nào trong các thể vỏ;

46. Held together only by the power of the permanent atoms, the substance-matter of the sheaths is easily dissipated.

46. Chỉ được giữ lại với nhau bởi quyền năng của các nguyên tử trường tồn, chất liệu-vật chất của các thể vỏ dễ dàng bị làm tiêu tan.

they are built into temporary forms, and dissolved when the Thinker has exhausted their possibilities,

chúng được xây dựng thành những hình tướng tạm thời, và bị tan rã khi Đấng Tư Tưởng đã dùng cạn các khả năng của chúng,

47. The dissipation of the sheaths correlates with the processes of death.

47. Sự làm tiêu tan các thể vỏ tương ứng với các tiến trình của cái chết.

48. Exhaustion comes to the sheaths but the permanent atoms seem to abide, possessing a kind of internal 'fountain of youth'. It is probably their direct relation to the Monad (the representative of the *life* aspect) which gives them their *permanence.*

48. Sự kiệt sức đến với các thể, nhưng các Nguyên tử trường tồn dường như vẫn tồn tại, sở hữu một loại "suối nguồn tuổi trẻ" nội tại. Có lẽ chính mối liên hệ trực tiếp của chúng với chân thần (đại diện của phương diện *sự sống*) đã ban cho chúng tính *trường tồn.*

but the seventh principle of each sheath gathers to itself the achieved qualities and stores them up—under the Law of Karma—to work out again and to demonstrate as the **plane impulse** at each fresh cycle of manifestation.

nhưng nguyên khí thứ bảy của mỗi thể tự thu góp về mình các phẩm tính đã đạt được và tích trữ chúng lại—dưới Định luật Nghiệp quả—để lại triển khai và biểu lộ như **xung lực cõi** trong mỗi chu kỳ biểu hiện mới.

49. So the permanent atoms as the seventh principle of each sheath are *impulsive* factors at the onset of each incarnation, and *synthesizing* factors at its close. Impulsion and synthesis relate these functions of the permanent atoms to the *first* aspect of divinity.

49. Vì vậy, các Nguyên tử trường tồn, với tư cách là nguyên khí thứ bảy của mỗi thể, là những yếu tố *xung động* vào lúc khởi đầu mỗi lần lâm phàm, và là những yếu tố *tổng hợp* vào lúc kết thúc. Xung động và tổng hợp liên hệ các chức năng này của các Nguyên tử trường tồn với phương diện *thứ nhất* của thiên tính.

50. We see how closely related is Karma to memory—the Memory of Nature. The Third Ray Lord is the "Lord of Memory" and Saturn (the foremost of the planets of Karma in our

50. Chúng ta thấy nghiệp quả liên hệ mật thiết biết bao với ký ức—Ký Ức của Thiên Nhiên. Đấng Chúa Tể Cung ba là "Chúa Tể của Ký Ức", và Sao Thổ (hành tinh hàng đầu

solar system) is the planet most identified with the third ray.

của nghiệp quả trong hệ mặt trời chúng ta) là hành tinh được đồng nhất nhiều nhất với cung ba.

51. It is "plane impulse" which builds vehicles through which the soul can manifest. The impulse of the permanent atoms works out in the substance of that plane related to any particular permanent atom.

51. Chính "xung lực cõi" xây dựng các vận cụ mà qua đó linh hồn có thể biểu hiện. Xung lực của các Nguyên tử trường tồn được triển khai trong chất liệu của cõi liên hệ với bất kỳ Nguyên tử trường tồn đặc thù nào.

This permanency is itself likewise only a relative one, and as the inner fire within the atom burns more brightly, **as the external fires of the ego or solar fire beat upon it with ever increasing intensity,** the atom in due time is consumed, and the inner blaze becomes so great that it destroys its encompassing wall.

Tính trường tồn này tự nó cũng chỉ là tương đối, và khi ngọn lửa bên trong nguyên tử cháy sáng hơn, **khi các ngọn lửa bên ngoài của chân ngã hay Lửa Thái dương tác động lên nó với cường độ ngày càng tăng,** thì đến lúc thích hợp nguyên tử bị thiêu hủy, và ngọn lửa bên trong trở nên lớn đến mức phá hủy bức tường bao quanh nó.

52. We are discussing the life and death of permanent atoms, especially, at first, the permanent atoms related to the personality.

52. Chúng ta đang bàn đến sự sống và cái chết của các Nguyên tử trường tồn, đặc biệt trước hết là các Nguyên tử trường tồn liên hệ với phàm ngã.

53. How are the permanent atoms stimulated?

53. Các Nguyên tử trường tồn được kích thích như thế nào?

a. By their own inner fire

a. Bởi chính ngọn lửa nội tại của chúng

b. By "the external fires of the ego or solar fire".

b. Bởi "các ngọn lửa bên ngoài của chân ngã hay Lửa Thái dương".

54. In cosmos all permanency is relative. Only THAT is permanent (and no one can understand THAT).

54. Trong vũ trụ, mọi sự trường tồn đều là tương đối. Chỉ có CÁI ĐÓ là trường tồn (và không ai có thể hiểu được CÁI ĐÓ).

55. During our study of alchemy we saw solar fire or "mental fire" referred to as "external fire(s)" and here we do as well.

55. Trong khi nghiên cứu thuật luyện kim, chúng ta đã thấy Lửa Thái dương hay "lửa trí tuệ" được gọi là "(các) ngọn lửa bên ngoài", và ở đây cũng vậy.

56. What are the “external fires of the ego”? Are we to consider them the various rays of the Ego (emanating, perhaps, from various petals and tiers of petals) or, more particularly, the rays emanating from the "Jewel in the Lotus"?

56. “Các ngọn lửa bên ngoài của chân ngã” là gì? Chúng ta có nên xem chúng là các cung khác nhau của Chân ngã (có lẽ phát ra từ các cánh hoa và các tầng cánh hoa khác nhau) hay, cụ thể hơn, là các tia phát ra từ “Ngọc trong Hoa Sen”?

57. We do see with certainty that there is a definite relation between solar fire and fire by friction—solar fire emanating from the Ego and fire by friction represented by the permanent atoms.

57. Chúng ta quả thực thấy chắc chắn rằng có một mối liên hệ xác định giữa Lửa Thái dương và Lửa ma sát—Lửa Thái dương phát ra từ Chân ngã và Lửa ma sát được biểu trưng bởi các Nguyên tử trường tồn.

58. The atom, we see, is considered somewhat independently from its “encompassing wall”, which usually would be considered a part of it.

58. Như chúng ta thấy, nguyên tử được xét phần nào độc lập với “bức tường bao quanh” của nó, vốn thông thường sẽ được xem là một phần của nó.

59. By the “inner fire of the atom” we mean, primarily, the fire of its nucleus, linked to electric fire.

59. Bởi “ngọn lửa bên trong của nguyên tử”, trước hết chúng ta muốn nói đến lửa của hạt nhân nó, được nối kết với Lửa Điện.

60. Perhaps we can conceive why solar fire can be considered an ‘*external* fire’; it is not part of the atom’s inmost fire—*Spirit*-fire.

60. Có lẽ chúng ta có thể quan niệm vì sao Lửa Thái dương có thể được xem là một ngọn lửa ‘*bên ngoài*’; nó không phải là một phần của ngọn lửa thâm sâu nhất của nguyên tử—ngọn lửa của *Tinh thần*.

Heat. Herein lies the distinction between the permanent atoms on all planes, and the atomic matter of which they form a part.

Nhiệt. Chính trong đây có sự phân biệt giữa các Nguyên tử trường tồn trên mọi cõi và vật chất nguyên tử mà chúng là một phần của nó.

61. There are trillions of atoms which form the atomic matter over which the permanent atom has control. How shall we keep them distinct?

61. Có hàng ngàn tỷ nguyên tử tạo thành vật chất nguyên tử mà Nguyên tử trường tồn kiểm soát. Chúng ta sẽ phân biệt chúng như thế nào?

62. We judge here that “heat” has something significant to do with the distinction.

62. Ở đây chúng ta nhận định rằng “nhiệt” có điều gì đó quan trọng liên quan đến sự phân biệt này.

63. Can it be that the permanent atom (though its direct link to the Monad—and thus electric fire, and through a direct link, as well, with the Ego, and thus solar fire) has a greater measure of heat than the atoms of the sheath for which it is the seventh principle?

63. Có thể chăng Nguyên tử trường tồn (dù có liên kết trực tiếp với chân thần—và do đó với Lửa Điện, và cũng qua một liên kết trực tiếp với Chân ngã, do đó với Lửa Thái dương) có mức độ nhiệt lớn hơn các nguyên tử của thể mà nó là nguyên khí thứ bảy?

64. It is as if, through the rate of vibration of the permanent atom, the other atoms of any particular sheath (atoms less responsive, one would suppose, than the permanent atom) may be keyed-up to the vibratory measure of the permanent atom.

64. Dường như qua tốc độ rung động của Nguyên tử trường tồn, các nguyên tử khác của bất kỳ thể đặc thù nào (các nguyên tử kém đáp ứng hơn, người ta có thể giả định, so với Nguyên tử trường tồn) có thể được nâng lên đến mức rung động của Nguyên tử trường tồn.

It is not easy to make this distinction clear, nor is it desirable at this time;

Không dễ làm cho sự phân biệt này trở nên rõ ràng, và vào lúc này điều đó cũng không đáng mong muốn;

65. If we had wondered what makes a permanent atom a permanent atom, and had thought the matter obscure, here we see that light upon it is being deliberately withheld.

65. Nếu chúng ta từng tự hỏi điều gì làm cho một Nguyên tử trường tồn là một Nguyên tử trường tồn, và từng nghĩ vấn đề này mơ hồ, thì ở đây chúng ta thấy ánh sáng soi vào đó đang bị cố ý giữ lại.

the true facts of the case are one of the guarded secrets of initiation, but **the distinction between the permanent atom, and atomic matter, may be somewhat comprehended if we state:** [Page 517]

các sự kiện chân thực của vấn đề là một trong những bí mật được canh giữ của điểm đạo, nhưng **sự phân biệt giữa Nguyên tử trường tồn và vật chất nguyên tử có thể được phần nào thấu hiểu nếu chúng ta phát biểu:** [Page 517]

66. DK as usual will give us a few hints concerning this guarded and deliberately veiled subject.

66. Chân sư DK như thường lệ sẽ cho chúng ta một vài gợi ý liên quan đến chủ đề được canh giữ và cố ý che phủ này.

67. That

67. Rằng

The permanent atom is one that has been appropriated by **one of the lives that form the centres in the body of a solar Lord**,

Nguyên tử trường tồn là một nguyên tử đã được chiếm dụng bởi **một trong các sự sống tạo thành các trung tâm trong thể của một**

whilst atomic matter per se goes to the formation of other parts of His great body of light.

nhật tinh quân, trong khi vật chất nguyên tử chính nó đi vào việc hình thành các phần khác trong đại thể ánh sáng của Ngài.

68. From many theosophical books we have gathered that a permanent atom is one that has been selected, magnetized and life-infused by a Monad. A Monad is one of the "lives that form the centres in the body of a solar Lord"—in this case, a Planetary Logos.

68. Từ nhiều sách Thông Thiên Học, chúng ta đã thu thập được rằng một Nguyên tử trường tồn là một nguyên tử đã được một chân thần chọn lựa, từ hóa và được sự sống thấm nhuần. Một chân thần là một trong "các sự sống tạo thành các trung tâm trong thể của một nhật tinh quân"—trong trường hợp này là một Đức Hành Tinh Thượng Đế.

69. A Planetary Logos can, indeed, be considered a 'Solar Lord', and a Solar Logos is definitely so. Even a Chain-Lord and a Globe Lord are called 'solar Being(s).

69. Quả thực, một Hành Tinh Thượng Đế có thể được xem là một 'nhật tinh quân', và một Thái dương Thượng đế thì chắc chắn là như vậy. Ngay cả một Chúa Tể Dãy và một Chúa Tể Bầu hành tinh cũng được gọi là những 'Đấng thái dương'.

70. The following quotation makes this clear:

70. Trích dẫn sau đây làm rõ điều này:

This is equally true whether we are considering the incarnation of a man, of a group, of an idea, or of all entities of lesser grade to the **solar Being** Who manifests through a globe, or the regent of the globe under the planetary Logos. (TCF 445)

Điều này cũng đúng như nhau dù chúng ta đang xét sự lâm phàm của một con người, một nhóm, một ý tưởng, hay của mọi thực thể có cấp bậc thấp hơn **Đấng thái dương** biểu hiện qua một bầu hành tinh, hay vị nhiếp chính của bầu hành tinh dưới quyền Hành Tinh Thượng Đế. (TCF 445)

71. A human Monad is that which finds its home with the Sun and is a constituent of one of the centers of a Planetary Logos. So we may say, according to the section above, that a permanent atom is an atom of substance which has been appropriated by a Monad.

71. Chân thần nhân loại là cái tìm thấy nơi cư ngụ của nó trong Mặt Trời và là một thành phần của một trong các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế. Vì vậy, theo đoạn trên, chúng ta có thể nói rằng một Nguyên tử trường tồn là một nguyên tử của chất liệu đã được một chân thần chiếm dụng.

72. When thinking about any sheath, there is a hierarchy of constituents. Foremost within the sheath is the permanent atom,

72. Khi suy nghĩ về bất kỳ thể nào, có một hệ cấp bậc của các thành phần cấu tạo. Nổi bật nhất trong thể là chính Nguyên tử trường

itself. Of great but secondary importance are the many chakras within the sheath (major, minor and minute), and finally we have the substance of the sheath itself.

tồn. Có tầm quan trọng lớn nhưng thứ yếu là nhiều luân xa trong thể (chính, phụ và vi tế), và cuối cùng là chính chất liệu của thể.

73. So, in general, atomic matter is not part of the chakra system of a Planetary Logos. By "atomic matter" (in *this* context) we do not mean the matter specifically of the *atomic sub-plane* of any systemic plane, but, rather, the many atoms of matter (of *all* sub-planes) which go to the composition of any sheath. Within certain of the planetary logoic chakras are the Monads which, in order to manifest through the five dimensions lower than their own, appropriate permanent atoms.

73. Vì vậy, nói chung, vật chất nguyên tử không phải là một phần của hệ thống luân xa của một Hành Tinh Thượng Đế. Bởi "vật chất nguyên tử" (trong ngữ cảnh *này*) chúng ta không muốn nói đến vật chất riêng biệt của *cõi phụ nguyên tử* của bất kỳ cõi hệ thống nào, mà đúng hơn là nhiều nguyên tử vật chất (của *mọi* cõi phụ) góp phần vào cấu tạo của bất kỳ thể nào. Trong một số luân xa logoi hành tinh có các chân thần, và để biểu hiện qua năm chiều thấp hơn chiều của chính chúng, các chân thần chiếm dụng các Nguyên tử trường tồn.

A permanent atom is one which has come under the attractive power of the second aspect, whilst atomic matter itself is vitalised by the life of the third aspect.

Một Nguyên tử trường tồn là nguyên tử đã đi vào dưới quyền năng hấp dẫn của phương diện thứ hai, trong khi bản thân vật chất nguyên tử được tiếp sinh lực bởi sự sống của phương diện thứ ba.

74. This statement is important for its implications. We recognize that a permanent atom comes under the influence of what has been called the "divine centre of consciousness" (the Monad).

74. Phát biểu này quan trọng vì những hàm ý của nó. Chúng ta nhận ra rằng một Nguyên tử trường tồn đi vào dưới ảnh hưởng của cái đã được gọi là "trung tâm tâm thức thiêng liêng" (chân thần).

75. Usually, the Monad is considered an expression of the first aspect of divinity, but it cannot be ignored that the Monad is found upon the *second* systemic plane of the cosmic physical plane (a plane ruled by the second ray planet Jupiter—which may have some first ray deeply recessed its nature). That second plane is also ruled by Virgo, which is the constellation/sign through which pours at this time the greatest measure of second ray energy.

75. Thông thường, chân thần được xem là một biểu hiện của phương diện thứ nhất của thiên tính, nhưng không thể bỏ qua rằng chân thần được tìm thấy trên cõi hệ thống *thứ hai* của cõi hồng trần vũ trụ (một cõi do hành tinh cung hai Sao Mộc cai quản—hành tinh này có thể có một cung một nào đó ẩn sâu trong bản chất của nó). Cõi thứ hai ấy cũng do Xử Nữ cai quản, là chòm sao/dấu hiệu mà qua đó hiện nay tuôn đổ lượng năng lượng cung hai lớn nhất.

76. It was during the *second* outpouring, we are told, that the permanent atoms were appropriated by the "divine centre of consciousness" (i.e., the Monad)(cf. EP I 168-169).

76. Chúng ta được cho biết rằng chính trong lần tuôn đổ *thứ hai*, các Nguyên tử trường tồn đã được "trung tâm tâm thức thiêng liêng" (tức chân thần) chiếm dụng (x. EP I 168-169).

77. Further, the Monad is that which finds its home within the Sun, which, in our solar system, is a great second ray source (egoically and personally).

77. Hơn nữa, chân thần là cái tìm thấy nơi cư ngụ của nó trong Mặt Trời, mà trong hệ mặt trời chúng ta là một nguồn cung hai lớn (về mặt chân ngã và phàm ngã).

78. It is through the power of attraction that the Monad attracted and held the permanent atoms.

78. Chính nhờ quyền năng hấp dẫn mà chân thần đã hút lấy và giữ các Nguyên tử trường tồn.

79. In our solar system the ray which must be particularly cultivated is the second. This is the goal of our Solar Logos with His second ray personality *and* second ray soul.

79. Trong hệ mặt trời chúng ta, cung phải được đặc biệt vun bồi là cung hai. Đây là mục tiêu của Thái dương Thượng đế của chúng ta với phàm ngã cung hai *và* linh hồn cung hai của Ngài.

80. The other atomic matter is not so distinguished and still comes under the influence primarily of the great third ray, the Primordial Ray, which governed the past solar system.

80. Vật chất nguyên tử khác không được phân biệt như vậy và vẫn chủ yếu nằm dưới ảnh hưởng của cung ba vĩ đại, Cung Nguyên Sơ, vốn đã chi phối hệ mặt trời trước.

81. When we think of *monadic* essence and *elemental* essence, we may have a parallel which reminds us of the distinction between permanent atoms and normal atoms of substance.

81. Khi nghĩ đến tinh chất *chân thần* và tinh chất *hành khí*, chúng ta có thể có một sự song hành gợi nhắc đến sự phân biệt giữa các Nguyên tử trường tồn và các nguyên tử chất liệu thông thường.

A permanent atom follows the line of the least resistance of force, and is passing out of the control of the Deva Lord and coming under the control of positive life.

Một Nguyên tử trường tồn đi theo con đường ít trở ngại nhất của mãnh lực, và đang thoát ra khỏi sự kiểm soát của Chúa Tể thiên thần để đi vào dưới sự kiểm soát của sự sống dương tính.

82. A permanent atom is releasing itself from the sway of the deva kingdom.

82. Một Nguyên tử trường tồn đang tự giải thoát khỏi quyền chi phối của giới thiên thần.

83. The permanent atoms respond, each one, primarily to one of the seven principles which, ultimately, emanate from the Monad. Thus the permanent atom is coming under the control of the Monad or "positive life".

83. Các Nguyên tử trường tồn, mỗi nguyên tử, trước hết đáp ứng với một trong bảy nguyên khí mà rốt cuộc phát ra từ chân thần. Vì vậy Nguyên tử trường tồn đang đi vào dưới sự kiểm soát của chân thần hay "sự sống dương tính".

84. Presumably, normal atoms of substance are still very much under the sway of "the Deva Lord"—i.e., the Raja Deva Lord.

84. Có lẽ các nguyên tử chất liệu thông thường vẫn còn rất nhiều dưới quyền chi phối của "Chúa Tể thiên thần"—tức Raja Deva Lord.

This concerns the evolution of consciousness in substance.

Điều này liên quan đến sự tiến hoá của tâm thức trong chất liệu.

85. Via the permanent atoms, consciousness is gaining its victory over matter/form.

85. Thông qua các Nguyên tử trường tồn, tâm thức đang giành chiến thắng của nó đối với vật chất/hình tướng.

86. We know there is a constant transmutation process by means of which subservience to the third aspect is ended and consciousness is being released into higher dimensions and is discovering its own nature through 'subjectification'. The permanent atoms are involved in this process.

86. Chúng ta biết có một tiến trình chuyển hoá liên tục, nhờ đó sự lệ thuộc vào phương diện thứ ba chấm dứt và tâm thức đang được giải phóng vào các chiều cao hơn, đồng thời khám phá bản chất riêng của nó qua 'sự chủ thể hóa'. Các Nguyên tử trường tồn có liên quan trong tiến trình này.

A permanent atom **comes under the direct control of the lower of the three groups of Lipika Lords,** and is the agency through which They work in the imposition of karma upon the particular entity who may be utilising it. They work directly with the permanent atoms of men, and produce results through the agency of form until they have exhausted the vibratory capacity of any particular atom; when this is the case the atom passes into the stage of obscuration, as does the seventh principle of any sheath. It comes under the influence of the first aspect, manifesting as the Destroyer.

Một Nguyên tử trường tồn **đi vào dưới sự kiểm soát trực tiếp của nhóm thấp hơn trong ba nhóm các Đấng Lipika,** và là tác nhân mà qua đó Các Ngài hoạt động trong việc áp đặt nghiệp quả lên thực thể đặc thù nào có thể đang sử dụng nó. Các Ngài làm việc trực tiếp với các Nguyên tử trường tồn của con người, và tạo ra kết quả qua tác nhân của hình tướng cho đến khi các Ngài đã làm cạn kiệt năng lực rung động của bất kỳ nguyên tử đặc thù nào; khi điều này xảy ra, nguyên tử đi vào giai đoạn mờ khuất, cũng như nguyên khí thứ bảy của bất kỳ thể nào. Nó đi vào dưới ảnh hưởng của phương diện thứ nhất, biểu hiện như Đấng Hủy Diệt.

87. There is a lower group of Lipika Lords. May this lower group be, in itself, *threefold*—one group associated with each of the three permanent atoms (or two permanent atoms and the mental unit)?

87. Có một nhóm thấp hơn của các Đấng Lipika. Liệu nhóm thấp hơn này tự nó có thể là *tam phân*—mỗi nhóm liên kết với một trong ba Nguyên tử trường tồn (hay hai Nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí) chăng?

88. In relation to this matter of the kinds of Lipika Lords who operate upon the permanent atoms, we may think of the Solar Angels (who supervise the various aspects of the causal body, in which the lower permanent atoms are contained) to be as *lesser* Lipika Lords.

88. Liên quan đến vấn đề các loại Đấng Lipika hoạt động trên các Nguyên tử trường tồn này, chúng ta có thể nghĩ các Thái dương Thiên Thần (những Đấng giám sát các phương diện khác nhau của thể nguyên nhân, trong đó các Nguyên tử trường tồn thấp được chứa đựng) như là các Đấng Lipika *thấp hơn*.

89. In a larger sense, however, the three groups of greater Lipikas Lords are probably divided in Their focus—one of the groups focussing on each of the three aspects of divinity.

89. Tuy nhiên, theo nghĩa rộng hơn, ba nhóm lớn hơn của các Đấng Lipika có lẽ được phân chia theo tiêu điểm của Các Ngài—mỗi nhóm tập trung vào một trong ba phương diện của thiên tính.

90. When the vibratory capacity of any particular permanent atoms is exhausted, it would seem that we have reached the moment of balance—the Libran moment. Metaphorically, Libran *peace* supervenes.

90. Khi năng lực rung động của bất kỳ Nguyên tử trường tồn đặc thù nào bị cạn kiệt, dường như chúng ta đã đạt đến khoảnh khắc quân bình—khoảnh khắc Thiên Bình.

Theo nghĩa ẩn dụ, sự *an hòa* của Thiên Bình xuất hiện.

91. Once all forces within it are balanced, any center of force is ready for the obscuration process. Balance (and beauty) is a prelude to death.

91. Một khi mọi mãnh lực bên trong nó đã được quân bình, bất kỳ trung tâm mãnh lực nào cũng sẵn sàng cho tiến trình mờ khuất. Quân bình (và vẻ đẹp) là khúc dạo đầu của cái chết.

92. If the lower group of Lipikas works with the members of the atomic triangle, are there any karmic agencies which work with the normal atoms of substance? Would such work with atomic substance be the province of the Four Maharajas and Their agents? Are the Four Maharajas (and their agents) to numbered among the Lipikas? Usually, they are presented as quite another group.

92. Nếu nhóm thấp hơn của các Đấng Lipika làm việc với các thành viên của tam giác nguyên tử, thì có những tác nhân nghiệp quả nào làm việc với các nguyên tử chất liệu thông thường không? Công việc như vậy với chất liệu nguyên tử có phải thuộc phạm vi của Bốn Maharaja và các tác nhân của Các Ngài không? Bốn Maharaja (và các tác nhân của Các Ngài) có được kể vào hàng các Đấng Lipika không? Thông thường, các Ngài được trình bày như một nhóm hoàn toàn khác.

93. We note that Lipika Lords *impose* karma; this relates Them to the first ray, at least in Their modus operandi.

93. Chúng ta lưu ý rằng các Đấng Lipika *áp đặt* nghiệp quả; điều này liên hệ Các Ngài với cung một, ít nhất là trong phương thức hoạt động của Các Ngài.

94. We are gathering, then, that sheath karma unfolds largely through the permanent atoms (through which certain Lipika Lords and Their agents and the Ego work).

94. Như vậy, chúng ta đang thu thập được rằng nghiệp quả của thể phần lớn được triển khai qua các Nguyên tử trường tồn (qua đó một số Đấng Lipika và các tác nhân của Các Ngài cùng Chân ngã hoạt động).

95. May we say that it is the seventh principle of any sheath that is the last to be withdrawn from manifestation (whatever manifestation may actually mean to any particular entity). Once the permanent atom is destroyed or abstracted there will be no more expression on the particular plane on which it was focussed. After the departure of the permanent atom from the atomic sub-plane where it was positioned, no further

95. Chúng ta có thể nói rằng chính nguyên khí thứ bảy của bất kỳ thể nào là cái cuối cùng được rút khỏi biểu hiện chăng (dù biểu hiện thực sự có thể có nghĩa gì đối với bất kỳ thực thể đặc thù nào)? Một khi Nguyên tử trường tồn bị hủy diệt hay bị rút ra, sẽ không còn biểu lộ nào nữa trên cõi đặc thù mà nó đã được tập trung vào. Sau khi Nguyên tử trường tồn rời khỏi cõi phụ nguyên tử nơi nó đã được đặt định, sẽ không còn biểu hiện

manifestation on that plane through a permanent atom is possible or necessary.

nào thêm trên cõi đó qua một Nguyên tử trường tồn là có thể hay cần thiết.

96. Planetary Logoi, too, reach a point of balance after which obscuration begins.

96. Các Hành Tinh Thượng Đế cũng đạt đến một điểm quân bình, sau đó tiến trình mờ khuất bắt đầu.

97. Are there Planetary Logoi which are *actually* the permanent atoms of the Solar Logos, or are They simply correspondences to such permanent atoms? As stated elsewhere, the Planetary Logoi seem (as They manifest through planetary schemes) to be rather too *large* structures to serve in the role of permanent atoms.

97. Có những Hành Tinh Thượng Đế nào *thực sự* là các Nguyên tử trường tồn của Thái dương Thượng đế không, hay Các Ngài chỉ đơn giản là những tương ứng với các Nguyên tử trường tồn như thế? Như đã nói ở nơi khác, các Hành Tinh Thượng Đế dường như (khi Các Ngài biểu hiện qua các hệ hành tinh) là những cấu trúc *quá lớn* để đảm nhiệm vai trò các Nguyên tử trường tồn.

98. In conclusion, we note that permanent atoms, so long involved in the building and sustaining of sheaths, become, towards the conclusion of their cycle, *destroyers*—as they come under the influence of the first aspect.

98. Kết luận lại, chúng ta lưu ý rằng các Nguyên tử trường tồn, vốn từ lâu tham gia vào việc xây dựng và duy trì các thể, về cuối chu kỳ của chúng trở thành những *kẻ hủy diệt*—khi chúng đi vào dưới ảnh hưởng của phương diện thứ nhất.

99. Regarding the normal atoms of substance, are they simply receptors of karmic impulses rather than being distributors of such impulses? Perhaps.

99. Đối với các nguyên tử chất liệu thông thường, liệu chúng chỉ đơn giản là những bộ phận tiếp nhận các xung lực nghiệp quả thay vì là những bộ phận phân phối các xung lực ấy chăng? Có lẽ vậy.

Remember that in these affirmations we are concerning ourselves with the microcosm, and with the permanent atoms which are related to him;

Hãy nhớ rằng trong những khẳng định này, chúng ta đang quan tâm đến tiểu thiên địa, và đến các Nguyên tử trường tồn liên hệ với y;

100. Yes, this is true, but it is also possible to extrapolate analogically to larger systems and DK will often unexpectedly enlarge or reduce the context.

100. Đúng vậy, điều này là đúng, nhưng cũng có thể ngoại suy theo định luật tương đồng sang các hệ thống lớn hơn, và Chân sư DK thường bất ngờ mở rộng hoặc thu hẹp ngữ cảnh.

as regards the solar Logos manifesting in the system, we are concerned with but one

còn đối với Thái dương Thượng đế biểu hiện trong hệ thống, chúng ta chỉ quan tâm đến

permanent atom, and this is His physical permanent atom.

101. This is the permanent atom through which the Solar Logos manages His solar system. We have been told that Saturn is the correspondence to this permanent atom.

Uranus and Neptune are reflections of the logoic astral and mental permanent atoms. **Saturn is in fact the correspondence to the logoic physical permanent atom.** This is an occult mystery and must not be separated from its allied truth in the cosmic scheme. (TCF 406)

102. As stated, Saturn may be the correspondence to the "logoic physical permanent atom", but **it has not been said that Saturn *is* the "logoic physical permanent atom".**

103. Beyond the logoic physical permanent atom we cannot go, since this would involve the ability to relate meaningfully to the cosmic astral plane, and not even the Tibetan (when He wrote of these matters) could do that.

It is thus true that within the permanent physical atom of the solar Logos lies hid the ability to respond consciously to the vibration of all the planes, lies hid the secret of the karmic purpose of His incarnation, [Page 518] **and lies concealed the mystery of His functional activity**;

104. Let us tabulate that which lies hidden within the physical permanent atom of the Solar Logos:

một Nguyên tử trường tồn, và đó là Nguyên tử trường tồn hồng trần của Ngài.

101. Đây là Nguyên tử trường tồn mà qua đó Thái dương Thượng đế quản trị hệ mặt trời của Ngài. Chúng ta đã được cho biết rằng Sao Thổ là tương ứng với Nguyên tử trường tồn này.

Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương là những phản ánh của các Nguyên tử trường tồn cảm dục và trí tuệ logoi. **Thực ra, Sao Thổ là tương ứng với Nguyên tử trường tồn hồng trần logoi.** Đây là một huyền bí bí truyền và không được tách rời khỏi chân lý liên hệ của nó trong hệ thống vũ trụ. (TCF 406)

102. Như đã nói, Sao Thổ có thể là tương ứng với "Nguyên tử trường tồn hồng trần logoi", nhưng **không hề nói rằng Sao Thổ *là* "Nguyên tử trường tồn hồng trần logoi".**

103. Chúng ta không thể đi xa hơn Nguyên tử trường tồn hồng trần logoi, vì điều này sẽ bao hàm khả năng liên hệ một cách có ý nghĩa với cõi cảm dục vũ trụ, và ngay cả Chân sư Tây Tạng (khi Ngài viết về những vấn đề này) cũng không thể làm được điều đó.

Vì vậy, quả thật trong Nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế ẩn giấu khả năng đáp ứng một cách hữu thức với rung động của mọi cõi, ẩn giấu bí mật về mục đích nghiệp quả của sự lâm phàm của Ngài, [Page 518] **và ẩn kín huyền nhiệm về hoạt động chức năng của Ngài**;

104. Chúng ta hãy lập bảng điều được ẩn giấu trong Nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế:

a. The ability to respond consciously to the vibration of all planes. “All planes”, in this context, means all *systemic* planes

a. Khả năng đáp ứng một cách hữu thức với rung động của mọi cõi. “Mọi cõi”, trong ngữ cảnh này, có nghĩa là mọi cõi *hệ thống*

b. The karmic purpose of the Solar Logos’ incarnation. We remember that karma is closely related to the physical plane (at least that is the plane upon which karma works out). The physical permanent atom is, therefore, naturally associated with karma. Let us remember that the correspondence to the physical permanent atom of the cosmic physical plane is Saturn—of all Planetary Logoi, the greatest of the Lords of Karma.

b. Mục đích nghiệp quả của sự lâm phàm của Thái dương Thượng đế. Chúng ta nhớ rằng nghiệp quả liên hệ mật thiết với cõi hồng trần (ít nhất đó là cõi mà trên đó nghiệp quả được triển khai). Vì vậy, Nguyên tử trường tồn hồng trần tự nhiên gắn liền với nghiệp quả. Hãy nhớ rằng tương ứng với Nguyên tử trường tồn hồng trần của cõi hồng trần vũ trụ là Sao Thổ—trong tất cả các Hành Tinh Thượng Đế, là vị lớn nhất trong các Chúa Tể của Nghiệp quả.

c. The mystery of the functional activity of the Solar Logos. We must presume that “functional activity” is related to the physical plane considered as the plane of *activity.*

c. Huyền nhiệm về hoạt động chức năng của Thái dương Thượng đế. Chúng ta phải giả định rằng “hoạt động chức năng” liên hệ với cõi hồng trần được xem là cõi của *hoạt động.*

Saturn is one of the most potent of the four Lords of Karma and forces man to face up to the past, and in the present to prepare for the future. Such is the intention and purpose of karmic opportunity. (EA 164)

Sao Thổ là một trong bốn Chúa Tể của Nghiệp quả mạnh mẽ nhất và buộc con người phải đối diện với quá khứ, và trong hiện tại chuẩn bị cho tương lai. Đó là ý định và mục đích của cơ hội nghiệp quả. (EA 164)

95. If one can say these things of the Solar Logos and His physical permanent atom, can one say them of the human being and his permanent atom? Certain analogies can be preserved.

95. Nếu người ta có thể nói những điều này về Thái dương Thượng đế và Nguyên tử trường tồn hồng trần của Ngài, thì người ta có thể nói như vậy về con người và Nguyên tử trường tồn của y không? Một số tương đồng có thể được duy trì.

96. Does, Saturn, then hold hid these three secrets? We are long way from understanding enough planetary lore to understand the true nature of the other Planetary Logos (yet alone our own). I think however that the “karmic purpose” of this particular incarnation of the Solar Logos can be reasonably understood as related to

96. Vậy thì, Sao Thổ có ẩn giữ ba bí mật này chăng? Chúng ta còn cách rất xa việc hiểu đủ tri thức hành tinh để hiểu bản chất đích thực của các Hành Tinh Thượng Đế khác (chưa nói đến vị của chính chúng ta). Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng “mục đích nghiệp quả” của lần lâm phàm đặc thù này của Thái dương Thượng đế có thể được hiểu một cách hợp lý

Saturn and that Saturn may be a kind of 'Chief Administrator' of that purpose.

là liên hệ với Sao Thổ, và Sao Thổ có thể là một loại 'Tổng Quản Trị Viên' của mục đích ấy.

but we cannot penetrate the secret as yet of His three lower permanent atoms as they function as a unity within His causal vehicle.

nhưng chúng ta chưa thể xuyên thấu bí mật của ba Nguyên tử trường tồn thấp của Ngài khi chúng hoạt động như một hợp nhất trong vận cụ nguyên nhân của Ngài.

105. This causal vehicle will be on the higher mental plane cosmically considered. That, obviously, is a long way 'up'.

105. Vận cụ nguyên nhân này sẽ ở trên Cõi thượng trí nếu xét theo vũ trụ. Điều đó hiển nhiên là ở rất 'cao'.

106. When we seek to penetrate, for what shall we be looking? Shall we look for the meaning of planetary lore—i.e., look for planets (like Saturn) which are the correspondences to the Logos' atomic triangle? Or shall we look for other structures in relation to which the planetary schemes are the correspondences?

106. Khi tìm cách xuyên thấu, chúng ta sẽ tìm kiếm điều gì? Chúng ta có nên tìm ý nghĩa của tri thức hành tinh—tức là tìm những hành tinh (như Sao Thổ) là các tương ứng với tam giác nguyên tử của Thượng đế chăng? Hay chúng ta nên tìm những cấu trúc khác mà các hệ hành tinh là những tương ứng đối với chúng?

107. Sometimes planets are considered as correspondences to permanent atoms and sometimes they are considered as chakras. Can they be both? For instance, can Saturn be a correspondence to the physical permanent atom of the Solar Logos and yet also correlated with, for instance, the throat center of that Logos?

107. Đôi khi các hành tinh được xem là những tương ứng với các Nguyên tử trường tồn và đôi khi chúng được xem là các luân xa. Chúng có thể là cả hai chăng? Chẳng hạn, Sao Thổ có thể là một tương ứng với Nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế mà đồng thời cũng tương quan với, chẳng hạn, trung tâm cổ họng của Thượng đế ấy chăng?

108. Suffice it to say that such penetrations are beyond our ken. We can barely penetrate to the levels of the spiritual triad in our own microcosmic system.

108. Chỉ cần nói rằng những sự xuyên thấu như thế vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta. Chúng ta hầu như không thể xuyên thấu đến các cấp độ của Tam Nguyên Tinh Thần trong hệ tiểu thiên địa của chính mình.

Until we can do this it is useless for us to conjecture as to His fundamental Being.

Cho đến khi có thể làm được điều này, việc phỏng đoán về Bản Thể căn bản của Ngài là vô ích đối với chúng ta.

97. DK is advising us that the "fundamental Being" (i.e., the monadic nature of the Solar Logos) is totally beyond our ken. This must necessarily be so as even our *own* "fundamental Being" is inaccessible to any but initiates of the third degree (and, even to them, only minimally—at first).

97. Chân sư DK đang khuyên chúng ta rằng "Bản Thể căn bản" (tức bản chất chân thần của Thái dương Thượng đế) hoàn toàn vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta. Điều này tất yếu phải như vậy vì ngay cả "Bản Thể căn bản" *của chính* chúng ta cũng không thể tiếp cận đối với bất kỳ ai ngoài các điểm đạo đồ bậc ba (và ngay cả với họ, lúc đầu cũng chỉ rất ít).

The difference between them: The mental unit is in a unique and peculiar position as regards man, the Thinker in the causal body.

Sự khác biệt giữa chúng: Đơn vị hạ trí ở trong một vị trí độc nhất và đặc thù liên quan đến con người, Đấng Tư Tưởng trong thể nguyên nhân.

109. This we might judge to be the case as the apparently truncated structure of the mental unit is so very different from that of the other permanent atoms.

109. Chúng ta có thể phán đoán là như vậy vì cấu trúc dường như bị cắt cụt của đơn vị hạ trí rất khác với cấu trúc của các Nguyên tử trường tồn khác.

This point will be discussed shortly, suffice it to say here that its mystery lies hid in the nature of the Heavenly Men Themselves.

Điểm này sẽ được bàn đến ngay sau đây; ở đây chỉ cần nói rằng huyền nhiệm của nó ẩn giấu trong bản chất của chính các Đấng Thiên Nhân.

110. We have been speaking of the *microcosmic* permanent atoms, though occasionally, we have included speculations anent far greater permanent atoms, such as those of a Planetary Logos.

110. Chúng ta đã nói về các Nguyên tử trường tồn *vi mô* của tiểu thiên địa, dù đôi khi chúng ta cũng bao gồm những suy đoán liên quan đến các Nguyên tử trường tồn lớn lao hơn rất nhiều, chẳng hạn như của một Hành Tinh Thượng Đế.

111. In relation to the microcosm, we have been told the following of the mental unit:

111. Liên quan đến tiểu thiên địa, chúng ta đã được cho biết điều sau đây về đơn vị hạ trí:

There appears a triangle on the mental plane, produced by manasic activity, and this triangle of fire begins slowly to circulate between the manasic permanent atom, and a point at the centre of the egoic lotus, and thence to **the mental unit, which has appeared upon the fourth subplane**

Một tam giác xuất hiện trên cõi trí, được tạo ra bởi hoạt động manas, và tam giác lửa này bắt đầu tuần hoàn chậm chạp giữa nguyên tử trường tồn manas, và một điểm ở trung tâm của hoa sen chân ngã, rồi từ đó đến **đơn vị hạ trí, vốn đã xuất hiện trên cõi phụ thứ**

through innate instinct approximating mentality. (TCF 709)

112. Though the foregoing gives us some idea about how the mental unit appeared, it does not dispel the statement that the mystery of the mental unit lies hid in the nature of the Heavenly Men Themselves.

113. Do microcosmic mental units appear because of the concrete mind activity of the Planetary Logoi? What is occurring within the Planetary Logos which stimulates the movement in man from instinct to intellect?

114. We are not even sure whether *all* Heavenly Men have mental units as does man. The mental unit *may* have appeared because of arrested development in the evolutionary process of the Logos of the Earth-scheme. If so, how frequent are cases of arrested development amongst the Planetary Logoi?

115. On the other hand, on the planetary level, mental units may *always* appear at that certain stage of planetary logoic development which calls for the emergence of man. This matter remains obscure. On all planes other than the mental there are *not* two units; only on the mental plane are a manasic permanent atom and a mental unit to be found.

The following correspondence holds the key to this mystery, but it can only be indicated, leaving it to the student to work out the truth for himself. On the three planes of logoic manifestation—the highest three—we have the three aspects manifesting;

tư nhờ bản năng bẩm sinh tiệm cận trí tuệ. (TCF 709)

112. Dù đoạn trên cho chúng ta một số ý niệm về cách đơn vị hạ trí xuất hiện, nó không làm tan biến phát biểu rằng huyền nhiệm của đơn vị hạ trí ẩn giấu trong bản chất của chính các Đấng Thiên Nhân.

113. Các đơn vị hạ trí vi mô có xuất hiện do hoạt động của trí cụ thể của các Hành Tinh Thượng Đế không? Điều gì đang xảy ra bên trong Hành Tinh Thượng Đế mà kích thích sự chuyển động nơi con người từ bản năng sang trí năng?

114. Chúng ta thậm chí còn không chắc liệu *mọi* Đấng Thiên Nhân đều có đơn vị hạ trí như con người hay không. Đơn vị hạ trí *có thể* đã xuất hiện do sự phát triển bị đình trệ trong tiến trình tiến hoá của Thượng đế của hệ Địa Cầu. Nếu vậy, những trường hợp phát triển bị đình trệ nơi các Hành Tinh Thượng Đế xảy ra thường xuyên đến mức nào?

115. Mặt khác, ở cấp độ hành tinh, các đơn vị hạ trí có thể *luôn luôn* xuất hiện ở giai đoạn phát triển logoi hành tinh nhất định đòi hỏi sự xuất hiện của con người. Vấn đề này vẫn còn mơ hồ. Trên mọi cõi ngoài cõi trí, không có hai đơn vị; chỉ trên cõi trí mới tìm thấy một nguyên tử trường tồn manas và một đơn vị hạ trí.

Sự tương ứng sau đây nắm giữ chìa khóa của huyền nhiệm này, nhưng chỉ có thể được chỉ ra, để lại cho đạo sinh tự tự mình tìm ra chân lý. Trên ba cõi của biểu hiện logoi—ba cõi cao nhất—chúng ta có ba phương diện đang biểu hiện;

116. We are speaking of manifestation as it applies to the Solar Logos and we are speaking in terms of the solar or systemic planes

116. Chúng ta đang nói về biểu hiện như nó áp dụng cho Thái dương Thượng đế và đang nói theo các cõi thái dương hay cõi hệ thống

117. The first aspect manifests naturally through the logoic plane, the second through the monadic plane and the third through the atmic plane.

117. Phương diện thứ nhất biểu hiện một cách tự nhiên qua cõi logoi, phương diện thứ hai qua cõi chân thần và phương diện thứ ba qua cõi atma.

on the buddhic plane, the fourth cosmic ether, we have the logoic etheric centres demonstrating,

trên cõi Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư, chúng ta có các trung tâm dĩ thái logoi đang biểu lộ,

118. We do not necessarily have *all* the logoic etheric centers demonstrating on the buddhic plane. If the analogy to the microcosm holds good, some logoic etheric centers demonstrate on the higher three planes as well.

118. Chúng ta không nhất thiết có *mọi* trung tâm dĩ thái logoi đều biểu lộ trên cõi Bồ đề. Nếu sự tương đồng với tiểu thiên địa là đúng, thì một số trung tâm dĩ thái logoi cũng biểu lộ trên ba cõi cao hơn nữa.

or those force vortices which animate the three lower planes of the dense physical manifestation.

hay những xoáy lực tiếp sinh lực cho ba cõi thấp của biểu hiện hồng trần đậm đặc.

119. A close study of Chart VIII, TCF 817, is required to examine the analogy between the microcosm and macrocosm in relation to this question.

119. Cần có một nghiên cứu kỹ Biểu đồ VIII, TCF 817, để khảo sát sự tương đồng giữa tiểu thiên địa và đại thiên địa liên quan đến câu hỏi này.

120. Such a study (in relation to man) will reveal that the throat chakra is to be found on the third ether, the heart chakra on the second and the head chakra on the first.

120. Một nghiên cứu như vậy (liên quan đến con người) sẽ cho thấy rằng luân xa cổ họng được tìm thấy trên dĩ thái thứ ba, luân xa tim trên dĩ thái thứ hai và luân xa đầu trên dĩ thái thứ nhất.

In connection with the Heavenly Men we have a secondary manifestation, and on the buddhic plane we have Their third aspect found, leaving for Their paramount manifestation of force, the cosmic gaseous plane, or the manasic plane; They are

Liên quan đến các Đấng Thiên Nhân, chúng ta có một biểu hiện thứ yếu, và trên cõi Bồ đề chúng ta thấy phương diện thứ ba của Các Ngài, để dành cho biểu hiện mãnh lực tối cao của Các Ngài là cõi khí vũ trụ, hay cõi manas;

essentially the divine Thinkers, the Manasaputras.

98. The Planetary Logoi are not as advanced as Solar Logoi. Their scheme of manifestation begins one systemic plane lower than that of the Solar Logoi.

99. For the Solar Logos, His third aspect is found on the *atmic* plane. For a Planetary Logos, His third aspect is found on the *buddhic* plane.

100. Reference to TCF 331 and following should make this clear. Note that the plane of vibration for a Solar Logos is the logoic plane; the plane of vibration for a Planetary Logos is the monadic plane.

101. The phrase "paramount manifestation of force" is used. In connection with a Planetary Logos, the "paramount manifestation of force" is found in the higher mental plane; for a Solar Logos it is found on the buddhic plane.

102. Thus, for a Solar Logos, the buddhic plane is a plane of manifestation corresponding to the fourth ether. For a Planetary Logos, the buddhic plane corresponds, we may think, to the *third* ether and the higher mental plane to the fourth.

In connection, therefore, with the Microcosm, viewing him as part of a centre in the body of a Heavenly Man,

103. i.e., from the monadic perspective.

về bản chất, Các Ngài là các Đấng Tư Tưởng thiêng liêng, các Manasaputras.

98. Các Hành Tinh Thượng Đế không tiến hóa cao bằng các Thái dương Thượng đế. Hệ biểu hiện của Các Ngài bắt đầu thấp hơn một cõi hệ thống so với hệ biểu hiện của các Thái dương Thượng đế.

99. Đối với Thái dương Thượng đế, phương diện thứ ba của Ngài được tìm thấy trên cõi *atma*. Đối với một Hành Tinh Thượng Đế, phương diện thứ ba của Ngài được tìm thấy trên cõi *Bồ đề*.

100. Việc tham chiếu đến TCF 331 và các trang tiếp theo hẳn sẽ làm điều này rõ ràng. Lưu ý rằng cõi rung động của một Thái dương Thượng đế là cõi logoic; cõi rung động của một Hành Tinh Thượng Đế là cõi chân thần.

101. Cụm từ "biểu hiện tối thượng của mãnh lực" được dùng. Liên hệ với một Hành Tinh Thượng Đế, "biểu hiện tối thượng của mãnh lực" được tìm thấy trong Cõi thượng trí; đối với một Thái dương Thượng đế, nó được tìm thấy trên cõi Bồ đề.

102. Do đó, đối với một Thái dương Thượng đế, cõi Bồ đề là một cõi biểu hiện tương ứng với dĩ thái thứ tư. Đối với một Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta có thể nghĩ rằng cõi Bồ đề tương ứng với dĩ thái *thứ ba* và Cõi thượng trí tương ứng với dĩ thái thứ tư.

Vì vậy, liên hệ với Tiểu thiên địa, khi nhìn y như một phần của một trung tâm trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân,

103. tức là, từ viễn tượng chân thần.

we have a lesser descent within the gaseous or fire manifestation of a solar Lord.

chúng ta có một sự giáng hạ nhỏ hơn bên trong biểu hiện khí thể hay lửa của một nhật tinh quân.

104. We are looking in the microcosm for a parallel to the two 'descents' just described—one of the Solar Logos and the other for the Planetary Logos.

104. Trong tiểu thiên địa, chúng ta đang tìm một sự tương đồng với hai "sự giáng hạ" vừa được mô tả—một của Thái dương Thượng đế và một của Hành Tinh Thượng Đế.

105. The mental plane is the "gaseous or fire manifestation of a solar Lord". The "solar Lord" in this case is the Solar Logos.

105. Cõi trí là "biểu hiện khí thể hay lửa của một nhật tinh quân". Trong trường hợp này, "nhật tinh quân" là Thái dương Thượng đế.

This concerns the three higher subplanes of what might be considered as the manifestation of Man's three higher aspects in mental matter, whilst on the fourth subplane **we have the mental centres of man within the periphery of his mental body, of which the mental unit is the unifying factor.**

Điều này liên quan đến ba cõi phụ cao hơn của điều có thể được xem là biểu hiện của ba phương diện cao hơn của Con Người trong chất liệu trí tuệ, trong khi trên cõi phụ thứ tư **chúng ta có các trung tâm trí tuệ của con người bên trong chu vi thể trí của y, mà đơn vị hạ trí là nhân tố hợp nhất.**

106. When considering man, the microcosm and his centers, the analogy is closest to the positioning of the centers (and their descent) for the Solar Logos.

106. Khi xét con người, tiểu thiên địa và các trung tâm của y, sự tương đồng gần nhất là với vị trí của các trung tâm (và sự giáng hạ của chúng) nơi Thái dương Thượng đế.

107. The mental unit is, apparently, of greater power than any of the centers on the lower mental plane. The mental unit unifies the four mental plane chakras (solar plexus center, splenic center, sacral center and base of the spine center) which are found on the fourth level of the mental plane—the fourth sub-plane.

107. Đơn vị hạ trí, dường như, có quyền năng lớn hơn bất kỳ trung tâm nào trên cõi hạ trí. Đơn vị hạ trí hợp nhất bốn luân xa của cõi trí (trung tâm tùng thái dương, trung tâm lá lách, trung tâm xương cùng và trung tâm đáy cột sống) được tìm thấy trên cấp độ thứ tư của cõi trí—cõi phụ thứ tư.

108. Thus far we are looking at three systems of centers and their distribution on various planes and sub-planes of the cosmic physical plane.

108. Cho đến nay chúng ta đang xem xét ba hệ thống trung tâm và sự phân bố của chúng trên các cõi và cõi phụ khác nhau của cõi hồng trần vũ trụ.

109. If we wish to compare the "paramount manifestations of force" for the Solar Logos, the Planetary Logos and Man, we shall find them on the buddhic plane, the higher mental plane and the lower mental plane respectively.

109. Nếu chúng ta muốn so sánh các "biểu hiện tối thượng của mãnh lực" đối với Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và Con Người, chúng ta sẽ thấy chúng lần lượt trên cõi Bồ đề, Cõi thượng trí và cõi hạ trí.

This is—as has been earlier said—a deep mystery, and one that can be no further amplified.

Đây là—như đã được nói trước đây—một huyền nhiệm sâu xa, và không thể khai triển thêm nữa.

110. So then, has DK completed His giving of hints in relation to this abstruse subject? If so, are we any the wiser?

110. Vậy thì, Chân sư DK đã hoàn tất việc ban ra các gợi ý của Ngài liên quan đến chủ đề thâm áo này chưa? Nếu vậy, chúng ta có sáng suốt hơn được bao nhiêu chăng?

111. If the mental unit is a synthesizing center for four mental plane chakras, is there a parallel synthesizing center to be found on the *higher* mental plane for the lower chakras of a Planetary Logos, or on the buddhic plane for the lower chakras of a Solar Logos? We should probably hunt for such a center of force.

111. Nếu đơn vị hạ trí là một trung tâm tổng hợp cho bốn luân xa của cõi trí, thì có chăng một trung tâm tổng hợp tương ứng được tìm thấy trên Cõi *thượng* trí cho các luân xa thấp của một Hành Tinh Thượng Đế, hoặc trên cõi Bồ đề cho các luân xa thấp của một Thái dương Thượng đế? Có lẽ chúng ta nên tìm kiếm một trung tâm mãnh lực như thế.

112. Could such unifying factors be the manasic permanent atom for the Planetary Logos and the buddhic permanent atom for the Solar Logos? The mental unit and the four mental chakras are on the *same* sub-plane of the lower mental plane, but this would not be the case in the other two instances: the manasic permanent atom is *not* on the same sub-plane as the causal bodies of men (usually the third sub-plane or the second whereas the manasic permanent atom is on the first sub-plane). The buddhic permanent atom is *not* on the same sub-plane as the majority of Ashrams, for the buddhic permanent atom is on the first sub-plane of the buddhic plane.

112. Liệu các nhân tố hợp nhất như vậy có thể là nguyên tử trường tồn manas đối với Hành Tinh Thượng Đế và nguyên tử trường tồn Bồ đề đối với Thái dương Thượng đế chăng? Đơn vị hạ trí và bốn luân xa trí tuệ nằm trên *cùng* một cõi phụ của cõi hạ trí, nhưng điều này sẽ không đúng trong hai trường hợp kia: nguyên tử trường tồn manas *không* nằm trên cùng cõi phụ với các thể nguyên nhân của con người (thường là cõi phụ thứ ba hoặc thứ hai trong khi nguyên tử trường tồn manas ở trên cõi phụ thứ nhất). Nguyên tử trường tồn Bồ đề *không* nằm trên cùng cõi phụ với đa số các ashram, vì nguyên tử trường tồn Bồ đề ở trên cõi phụ thứ nhất của cõi Bồ đề.

113. For a Planetary Logos, the centers on the higher mental plane can be considered groups of causal bodies. For a Solar Logos, the centers on the buddhic plane can be considered ashrams or groupings of ashrams.

113. Đối với một Hành Tinh Thượng Đế, các trung tâm trên Cõi thượng trí có thể được xem là các nhóm thể nguyên nhân. Đối với một Thái dương Thượng đế, các trung tâm trên cõi Bồ đề có thể được xem là các ashram hoặc các nhóm ashram.

114. If we consider the Ashrams on the buddhic plane to be analogous to the chakras of man on the fourth systemic ether, perhaps we have a hint concerning the positioning of the various Ashrams on the buddhic plane. In other words, the Ashrams, now for the most part on the buddhic plane, would not be positioned any lower than the fourth buddhic sub-plane.

114. Nếu chúng ta xem các Ashram trên cõi Bồ đề là tương tự với các luân xa của con người trên dĩ thái hệ thống thứ tư, có lẽ chúng ta có một gợi ý liên quan đến vị trí của các Ashram khác nhau trên cõi Bồ đề. Nói cách khác, các Ashram, hiện nay phần lớn ở trên cõi Bồ đề, sẽ không được định vị thấp hơn cõi phụ Bồ đề thứ tư.

115. If Hierarchy is the heart center of the Planetary Logos, and the heart chakra of the Planetary Logos is found on the *atmic* (not buddhic) plane, is Hierarchy *as a whole* found on the atmic plane (the plane whereon Masters are *made*)?

115. Nếu Thánh Đoàn là trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế, và luân xa tim của Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên cõi *atma* (không phải cõi Bồ đề), thì phải chăng Thánh Đoàn *như một toàn thể* được tìm thấy trên cõi atma (cõi nơi các Chân sư được *tạo thành*)?

116. If we were considering what Hierarchy is in relation to the Solar Logos, we might have to think of it in terms of the *monadic* plane, for Hierarchy is a kind of 'heart center' and, in the etheric structure of the Solar Logos, the etheric heart center would have to be on the second plane.

116. Nếu chúng ta đang xét Thánh Đoàn là gì trong liên hệ với Thái dương Thượng đế, có lẽ chúng ta phải nghĩ về nó theo cõi *chân thần*, vì Thánh Đoàn là một loại "trung tâm tim" và, trong cấu trúc dĩ thái của Thái dương Thượng đế, trung tâm tim dĩ thái hẳn phải ở trên cõi thứ hai.

117. These thoughts are inferred from studying the chart on TCF, 817. Can one see why?

117. Những suy tưởng này được suy ra từ việc nghiên cứu biểu đồ ở TCF, 817. Có thể thấy vì sao chăng?

118. When considering that structure called a "mental unit", we simply must determine whether all type of "men" (on all planets) have them, or only those groups of "men" whose development has been in some way retarded. For instance, humanity's

118. Khi xét cấu trúc được gọi là "đơn vị hạ trí", chúng ta đơn giản phải xác định liệu mọi loại "người" (trên mọi hành tinh) đều có nó, hay chỉ những nhóm "người" mà sự phát triển của họ đã bị trì hoãn theo một cách nào đó. Chẳng hạn, sự phát triển của nhân loại

development has been retarded. The development of our Planetary Logos has also been retarded. Has the development of our Solar Logos been retarded?

đã bị trì hoãn. Sự phát triển của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta cũng đã bị trì hoãn. Sự phát triển của Thái dương Thượng đế của chúng ta có bị trì hoãn chăng?

119. DK's description of the origin of the mental unit, in fact, does make it seem inherent in the mental developmental process. Do we think that a mental unit is necessary in order to develop a causal body by the means used in the first solar system and on the Moon-chain? Or (in relation to these earlier methods of causal body development) could the causal body have arisen without the presence of a mental unit?

119. Thật ra, mô tả của Chân sư DK về nguồn gốc của đơn vị hạ trí khiến nó có vẻ cố hữu trong tiến trình phát triển trí tuệ. Chúng ta có nghĩ rằng đơn vị hạ trí là cần thiết để phát triển một thể nguyên nhân bằng những phương tiện được dùng trong hệ mặt trời thứ nhất và trên Dãy Mặt Trăng không? Hay (liên hệ với các phương pháp phát triển thể nguyên nhân trước kia này) thể nguyên nhân có thể đã phát sinh mà không có sự hiện diện của đơn vị hạ trí chăng?

120. What we are asking concerns the split on the mental plane between lower mind and higher mind. Was this split the result of planetary and even solar failure, or is it inherent in all processes of mental development even in those instances when there was no failure?

120. Điều chúng ta đang hỏi liên quan đến sự phân chia trên cõi trí giữa hạ trí và thượng trí. Sự phân chia này là kết quả của thất bại hành tinh và thậm chí thất bại thái dương, hay nó vốn cố hữu trong mọi tiến trình phát triển trí tuệ ngay cả trong những trường hợp không có thất bại?

121. We have been considering the "composition of the permanent atoms". Let us tabulate the headings which were found in this section.

121. Chúng ta đã xem xét "thành phần của các nguyên tử trường tồn". Hãy lập bảng các đề mục đã được tìm thấy trong phần này.

a. Responsiveness

a. Tính đáp ứng

b. Form Building Power

b. Quyền năng tạo hình

c. Relative Permanency

c. Tính trường tồn tương đối

d. Heat

d. Nhiệt

e. The Difference Between Them

e. Sự khác biệt giữa chúng

122. We will now deal with "The Planes and Fiery Energy"

122. Giờ đây chúng ta sẽ bàn đến "Các Cõi và Năng Lượng Lửa"

b. The Planes and Fiery Energy. It seems desirable [Page 519] that we should here discuss the analogies on each plane,[69] with the seven sub-planes, reminding the student that we are speaking of the **planes as the field of evolution of a solar Logos, and not only as a field for the development of man.**

123. There is the implication that the Solar Logos develops on systemic planes—especially the *higher* systemic planes, just as man develops on the lower systemic planes.

124. DK is trying to disabuse us from our anthropocentric point of view.

125. The conclusion to be drawn is that we share the higher systemic planes with Beings far greater than we.

FOOTNOTE 69

1. The seven systemic planes are:

1. Divine plane Logos 1st cosmic ether.

126. This is a good alternative name for the first plane. It is usually called the logoic plane or the plane of adi. Yet, we have been told that the term "divine" refers to Spirit, and there is no sub-plane among the sub-planes of the cosmic physical plane on which the Spirit is more free.

2. Monadic plane Monad 2nd cosmic ether.

b. Các Cõi và Năng Lượng Lửa. Có vẻ thích đáng [Page 519] là ở đây chúng ta nên thảo luận các sự tương đồng trên mỗi cõi,69 với bảy cõi phụ, nhắc cho đạo sinh rằng chúng ta đang nói về các **cõi như là trường tiến hoá của một Thái dương Thượng đế, chứ không chỉ như một trường cho sự phát triển của con người.**

123. Ở đây hàm ý rằng Thái dương Thượng đế phát triển trên các cõi hệ thống—đặc biệt là các cõi hệ thống *cao hơn*, cũng như con người phát triển trên các cõi hệ thống thấp hơn.

124. Chân sư DK đang cố gắng giải trừ nơi chúng ta quan điểm lấy con người làm trung tâm.

125. Kết luận cần rút ra là chúng ta cùng chia sẻ các cõi hệ thống cao hơn với những Đấng vĩ đại hơn chúng ta rất nhiều.

CHÚ THÍCH 69

1. Bảy cõi hệ thống là:

1. Cõi thiêng liêng Thượng đế dĩ thái vũ trụ thứ nhất.

126. Đây là một tên thay thế tốt cho cõi thứ nhất. Nó thường được gọi là cõi logoic hay cõi adi. Tuy nhiên, chúng ta đã được bảo rằng thuật ngữ "thiêng liêng" chỉ Tinh thần, và không có cõi phụ nào trong các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ mà trên đó Tinh thần được tự do hơn.

2. Cõi chân thần Chân thần dĩ thái vũ trụ thứ hai.

127. If we consider the numbering, we can understand the relation of the Monad to the *heart.*

127. Nếu chúng ta xét cách đánh số, chúng ta có thể hiểu mối liên hệ của chân thần với *tim.*

3. Spiritual plane 3rd cosmic ether.

3. Cõi tinh thần dĩ thái vũ trụ thứ ba.

128. The term “spiritual” has such variable use. When thinking of the atmic plane as the “spiritual triad”, we must think about what makes the spiritual triad “spiritual”.

128. Thuật ngữ “tinh thần” có cách dùng rất biến thiên. Khi nghĩ về cõi atma như là “Tam nguyên tinh thần”, chúng ta phải nghĩ xem điều gì làm cho Tam nguyên tinh thần là “tinh thần”.

4. Intuitional plane 4th cosmic ether.

4. Cõi trực giác dĩ thái vũ trụ thứ tư.

129. Whereas cogitation is needed for work upon the mental plane, a requisite point of tension and heightened receptivity are needed to access that which the intuition may bestow.

129. Trong khi sự suy tư là cần thiết cho công việc trên cõi trí, thì một điểm tập trung nhất tâm cần thiết và tính tiếp nhận được nâng cao là điều cần có để tiếp cận điều mà trực giác có thể ban cho.

5. Mental plane Ego gaseous plane.

5. Cõi trí Chân ngã cõi khí thể.

130. The juxtaposition of the terms “Ego” and “gaseous plane” is thought provoking. Gas is so dispersive. What holds the Ego together?

130. Sự đặt cạnh nhau của các thuật ngữ “Chân ngã” và “cõi khí thể” thật gợi nhiều suy nghĩ. Khí thì rất phân tán. Điều gì giữ Chân ngã lại thành một toàn thể?

131. We are given to understand that the mental unit and the "Jewel in the Lotus" are the two cohesive factors, one for the lower mental body and the other for the egoic lotus.

131. Chúng ta được cho hiểu rằng đơn vị hạ trí và “Ngọc trong Hoa Sen” là hai nhân tố kết dính, một cho thể trí thấp và một cho hoa sen chân ngã.

6. Astral plane liquid plane.

6. Cõi cảm dục cõi lỏng.

7. Physical gross.

7. Hồng trần thô đặc.

132. This listing is fairly familiar and seems to have been repeated in various ways throughout TCF.

132. Bảng liệt kê này khá quen thuộc và dường như đã được lặp lại theo nhiều cách khác nhau xuyên suốt TCF.

2. The seven differentiations in terms of fiery energy are:

a. Plane of divine life Father Sea of fire.

b. Plane of monadic life Son Akasha.

133. We are given seven terms: "Sea of fire"," Akasha", "Aether", two elements—"Air" and "Fire", and also "Astral Light", and "Ether". In this context, we are to understand them *all* as expressions of fiery energy.

134. To think of the monadic plane as the plane of the "Son" is also arresting. Usually, when praying to "Our Father, Who art in heaven", the Monad is meant (at least if this prayer is interpreted occultly).

135. The Monad does, as we have seen, have its *second aspect* associations, and here is another.

c. Plane of atma Holy Ghost Aether.

136. Brahma and the Holy Ghost are, from one perspective, interchangeable. We may wish to include one of the expressions of Fohat here as well.

d. Plane of buddhi, intuition. Central Air.

137. To consider the buddhic plane as "central" is important. From this perspective, since man's primary expression is to be upon the buddhic plane, man, too, is "central".

e. Plane of mind Fire.

2. Bảy sự biến phân theo phương diện năng lượng lửa là:

a. Cõi của sự sống thiêng liêng Cha Biển lửa.

b. Cõi của sự sống chân thần Con Akasha.

133. Chúng ta được cho bảy thuật ngữ: "Biển lửa", "Akasha", "Aether", hai nguyên tố —"Khí" và "Lửa", và cả "Ánh sáng Cảm dục", cùng "Dĩ thái". Trong ngữ cảnh này, chúng ta phải hiểu *tất cả* chúng như những biểu hiện của năng lượng lửa.

134. Việc nghĩ về cõi chân thần như cõi của "Con" cũng thật đáng chú ý. Thông thường, khi cầu nguyện "Lạy Cha chúng con ở trên trời", điều được ngụ ý là chân thần (ít nhất nếu lời cầu nguyện này được diễn giải theo huyền bí học).

135. Như chúng ta đã thấy, chân thần quả thực có những liên hệ với *phương diện thứ hai* của nó, và đây là một liên hệ khác.

c. Cõi atma Chúa Thánh Thần Aether.

136. Brahma và Chúa Thánh Thần, từ một viễn tượng, có thể thay thế cho nhau. Chúng ta cũng có thể muốn đưa vào đây một trong những biểu hiện của Fohat.

d. Cõi Bồ đề, trực giác. Trung tâm Khí.

137. Việc xem cõi Bồ đề là "trung tâm" là điều quan trọng. Từ viễn tượng này, vì biểu hiện chủ yếu của con người là ở trên cõi Bồ đề, nên con người cũng là "trung tâm".

e. Cõi trí Lửa.

f. Plane of desire Astral Light.

138. “Water” and “Astral Light” are necessarily closely related.

139. The question arises: “Is that which is reflected in the “Astral Light” (as it would be reflected in “Water”) accurate?

g. Plane of physical Ether

140. “Ether” and “Earth” are necessarily closely related. The lowest chakra (for which the symbol is the same as that for the Earth) is related to *ether* rather than dense physicality.

Thought … … Thoughtforms … … Materialisation.

141. Here we have a three step process with thought as the least material energy of the three. Thought becomes thoughtforms and thoughtforms tend to materialize.

Microcosm … … … Macrocosm.

3. Planes of logoic evolution the seven planes.

142. The Solar Logos is etherically ‘positioned’ on the logoic plane. His evolution includes seven planes.

143. It is significant that Sanat Kumara is focussed on the logoic plane and is a Representative and Disciple of the Solar Logos.

f. Cõi dục vọng Ánh sáng Cảm dục.

138. “Nước” và “Ánh sáng Cảm dục” tất yếu có liên hệ rất mật thiết.

139. Câu hỏi được đặt ra: “Điều được phản chiếu trong “Ánh sáng Cảm dục” (như nó sẽ được phản chiếu trong “Nước”) có chính xác không?

g. Cõi hồng trần Dĩ thái

140. “Dĩ thái” và “Đất” tất yếu có liên hệ rất mật thiết. Luân xa thấp nhất (mà biểu tượng của nó giống với biểu tượng của Trái Đất) liên hệ với *dĩ thái* hơn là với tính hồng trần đậm đặc.

Tư tưởng … … Hình tư tưởng … … Hiện hình.

141. Ở đây chúng ta có một tiến trình ba bước, với tư tưởng là năng lượng ít vật chất nhất trong ba thứ. Tư tưởng trở thành hình tư tưởng và hình tư tưởng có khuynh hướng hiện hình.

Tiểu thiên địa … … … Đại thiên địa.

3. Các cõi của sự tiến hoá logoic bảy cõi.

142. Thái dương Thượng đế được ‘định vị’ về mặt dĩ thái trên cõi logoic. Sự tiến hoá của Ngài bao gồm bảy cõi.

143. Điều có ý nghĩa là Đức Sanat Kumara tập trung trên cõi logoic và là một Đấng Đại Diện và Đệ tử của Thái dương Thượng đế.

Planes of Son's evolution the six planes.

144. From this perspective, the "Son" includes all Monads and evolves on six planes. Monads, then, are aspects of the "Son"—at least from the *logoic* perspective. From the perspective of the Planetary Logos, Monads are representatives of the "Father" for the "Father" aspect of the Planetary Logos is found on the monadic plane.

145. It is also possible to consider the "Son" as the "Prodigal Son" who goes forth from the monadic plane.

146. From another perspective, if Aries is the "Father", then Leo is the "Son". Can the "Son" (since it is ruled by Leo) be 'positioned' on the logoic sub-plane of the cosmic physical plane, since on that sub-plane a Creative Hierarchy ruled by Leo is found expressing?

Planes of monadic evolution the five planes.

147. The Monad stands 'above' the five planes of Brahma and evolves through those planets.

148. If this is the case, should the "Son" stand 'above' the six planes through which it evolves? In the set up being presented, the "Son" is positioned on the sixth plane and His field of evolution includes six planes.

149. The Solar Logos considered as the "Divine Son" and manifesting through His causal body on cosmic mental planes will have a close connection to the Monad—through the factor of "Sonship". The human Monad (as a ray two/ray one center of force) may be considered as related to the Heart of

Các cõi của sự tiến hoá của Con sáu cõi.

144. Từ viễn tượng này, "Con" bao gồm tất cả các chân thần và tiến hoá trên sáu cõi. Vậy thì, các chân thần là các phương diện của "Con"—ít nhất từ viễn tượng *logoic*. Từ viễn tượng của Hành Tinh Thượng Đế, các chân thần là các đại diện của "Cha" vì phương diện "Cha" của Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên cõi chân thần.

145. Cũng có thể xem "Con" như "Đứa Con Hoang Đàng" đi ra từ cõi chân thần.

146. Từ một viễn tượng khác, nếu Bạch Dương là "Cha", thì Sư Tử là "Con". Phải chăng "Con" (vì được Sư Tử cai quản) có thể được 'định vị' trên cõi phụ logoic của cõi hồng trần vũ trụ, vì trên cõi phụ ấy có một Huyền Giai Sáng Tạo do Sư Tử cai quản đang biểu hiện?

Các cõi của sự tiến hoá chân thần năm cõi.

147. Chân thần đứng 'trên' năm cõi của Brahma và tiến hoá xuyên qua những hành tinh ấy.

148. Nếu đúng như vậy, thì "Con" có nên đứng 'trên' sáu cõi mà qua đó nó tiến hoá không? Trong cách trình bày đang được đưa ra, "Con" được định vị trên cõi thứ sáu và trường tiến hoá của Ngài bao gồm sáu cõi.

149. Thái dương Thượng đế được xem như "Thiêng Tử" và biểu hiện qua thể nguyên nhân của Ngài trên các cõi trí tuệ vũ trụ sẽ có một liên hệ mật thiết với chân thần—qua yếu tố "tính Con". Chân thần nhân loại (như một trung tâm mãnh lực cung hai/cung một) có thể được xem là liên hệ với Trái Tim

the Sun but its relation to the Central Spiritual Sun cannot be denied.

của Mặt Trời nhưng mối liên hệ của nó với Mặt trời Tinh thần Trung Ương không thể bị phủ nhận.

Planes of human evolution the three worlds.

Các cõi của sự tiến hoá nhân loại ba cõi thấp.

150. The temporary 'home' of the human being is 'above' the three lower worlds. The causal body is usually located on subplane nineteen or twenty (counting from below). Whether the microcosmic causal body can ever be 'located' on sub-plane twenty-one remains to be seen.

150. 'Ngôi nhà' tạm thời của con người ở 'trên' ba cõi thấp. Thể nguyên nhân thường nằm trên cõi phụ mười chín hoặc hai mươi (đếm từ dưới lên). Liệu thể nguyên nhân vi mô có bao giờ có thể được 'định vị' trên cõi phụ hai mươi mốt hay không vẫn còn phải chờ xem.

151. The evolution of the "Son" is distinct from the other two evolutions, for the "Son" lives on the monadic plane and counts the monadic plane as one of the six planes through which it expresses.

151. Sự tiến hoá của "Con" khác biệt với hai sự tiến hoá kia, vì "Con" sống trên cõi chân thần và tính cõi chân thần là một trong sáu cõi mà qua đó Ngài biểu hiện.

152. We can see that both the logoic and monadic sub-planes, can be considered fields of expression for both the "Father" and the "Son", depending on whether we are considering solar logoic expression or planetary logoic expression.

152. Chúng ta có thể thấy rằng cả cõi phụ logoic lẫn cõi phụ chân thần đều có thể được xem là các trường biểu hiện cho cả "Cha" lẫn "Con", tùy theo việc chúng ta đang xét biểu hiện logoic thái dương hay biểu hiện logoic hành tinh.

153. Perhaps the statement, "I and my Father are One" should be brought forward to assist with interpretation.

153. Có lẽ nên đưa ra câu nói, "Ta và Cha ta là Một" để hỗ trợ cho việc diễn giải.

Seven is the number of the totality of manifestation.

Bảy là con số của toàn thể biểu hiện.

154. We have to consider the relation of the seven to the ten. The totality of manifestation, it seems, should include a supernal three. Perhaps these three are considered existent but unmanifest.

154. Chúng ta phải xét mối liên hệ của bảy với mười. Toàn thể biểu hiện, dường như, phải bao gồm một bộ ba thiên thượng. Có lẽ ba điều này được xem là hiện hữu nhưng không biểu hiện.

Three is the number of consciousness.

Ba là con số của tâm thức.

155. If *three* can be expanded to become *nine*, then we will have agreement with other references in the Teaching.

156. However, to have consciousness, we must have the Perceiver, the Perceived and the Perceiving (the Thinker, the Thought and That which is the Means of Thought). This is a *three.*

One is the number of Life or Spirit.

157. This is, perhaps, the greatest of all truisms. Yet it is of little value to repeat it. It must be experienced.

4. Electric fire Solar fire Fire by friction.

Father Son Holy Ghost.

Spirit Consciousness Matter.

158. We note that the Holy Ghost is to correspond with Matter. However, from another perspective, the Holy Ghost hovers 'above' Matter or Mother. Some systems of cosmogony simply divide the Holy Ghost from the Mother Who is considered to be Matter.

159. Otherwise, the divisions are familiar to us all.

160. We realize, however, that we will have to consider the logoic plane as the home of electric fire, and the monadic plane as the home of solar fire, not to mention the association of the atmic plane with fire by friction.

155. Nếu *ba* có thể được mở rộng để trở thành *chín*, thì chúng ta sẽ có sự phù hợp với những tham chiếu khác trong Giáo Huấn.

156. Tuy nhiên, để có tâm thức, chúng ta phải có Đấng Tri Giác, điều được tri giác và sự tri giác (Người Tư Tưởng, Tư Tưởng và Cái là Phương Tiện của Tư Tưởng). Đây là một *bộ ba.*

Một là con số của Sự sống hay Tinh thần.

157. Đây có lẽ là chân lý hiển nhiên lớn nhất trong mọi chân lý hiển nhiên. Tuy nhiên, việc lặp lại nó ít có giá trị. Nó phải được chứng nghiệm.

4. Lửa Điện Lửa Thái dương Lửa ma sát.

Cha Con Chúa Thánh Thần.

Tinh thần Tâm thức Vật chất.

158. Chúng ta lưu ý rằng Chúa Thánh Thần tương ứng với Vật chất. Tuy nhiên, từ một viễn tượng khác, Chúa Thánh Thần lơ lửng 'trên' Vật chất hay Mẹ. Một số hệ thống vũ trụ luận đơn giản tách Chúa Thánh Thần khỏi Mẹ, Đấng được xem là Vật chất.

159. Ngoài ra, các phân chia này đều quen thuộc với tất cả chúng ta.

160. Tuy nhiên, chúng ta nhận ra rằng sẽ phải xem cõi logoic là nơi cư ngụ của Lửa Điện, cõi chân thần là nơi cư ngụ của Lửa Thái dương, chưa kể sự liên hệ của cõi atma với Lửa ma sát.

161. Ordinarily, from the perspective of the Monad, we consider the monadic plane in relation to electric fire, the higher mental plane in relation to solar fire and the lower eighteen system sub-planes in relation to fire by friction.

161. Thông thường, từ viễn tượng của chân thần, chúng ta xem cõi chân thần trong liên hệ với Lửa Điện, Cõi thượng trí trong liên hệ với Lửa Thái dương, và mười tám cõi phụ hệ thống thấp hơn trong liên hệ với Lửa ma sát.

162. From a higher perspective, the planes of the spiritual triad can all be considered in relation to solar fire.

162. Từ một viễn tượng cao hơn, các cõi của Tam nguyên tinh thần đều có thể được xem trong liên hệ với Lửa Thái dương.

In the solar system we have:

Trong hệ mặt trời chúng ta có:

First, the three higher planes, which have been rightly called the planes of the three aspects;

Thứ nhất, ba cõi cao hơn, vốn đã được gọi đúng là các cõi của ba phương diện;

163. The Rays of Aspect are directly connected with these higher three planes.

163. Các Cung Trạng Thái liên hệ trực tiếp với ba cõi cao hơn này.

second, the seventh logoic principle is on the first plane, and we can consider it as the impulse in physical matter which produced His body of objectivity.

thứ hai, nguyên khí logoic thứ bảy ở trên cõi thứ nhất, và chúng ta có thể xem nó như xung lực trong vật chất hồng trần đã tạo ra thể khách quan của Ngài.

164. From our study of the correspondence of the permanent atom with the seventh principle of any sheath, we will want to consider the relationship between the permanent atom of the cosmic physical plane and the “seventh logoic principle”.

164. Từ việc nghiên cứu sự tương ứng của nguyên tử trường tồn với nguyên khí thứ bảy của bất kỳ vỏ bọc nào, chúng ta sẽ muốn xem xét mối liên hệ giữa nguyên tử trường tồn của cõi hồng trần vũ trụ và “nguyên khí logoic thứ bảy”.

165. For man, the seventh principle is found upon the *atmic* plane. For the Solar Logos, the seventh principle (of His etheric/physical body only) is found upon the logoic plane. Are we to search for the Planetary Logos’ seventh principle (i.e., His etheric/physical seventh principle) upon the monadic plane?

165. Đối với con người, nguyên khí thứ bảy được tìm thấy trên cõi *atma*. Đối với Thái dương Thượng đế, nguyên khí thứ bảy (chỉ của thể dĩ thái/hồng trần của Ngài) được tìm thấy trên cõi logoic. Chúng ta có phải tìm kiếm nguyên khí thứ bảy của Hành Tinh Thượng Đế (tức nguyên khí thứ bảy của thể dĩ thái/hồng trần của Ngài) trên cõi chân thần chăng?

166. We are *not* searching for the seventh logoic principle which involves the higher *cosmic* planes. We would do this if we began to analogize with exactitude from the human or microcosmic pattern in which case the seventh principle of the Solar Logos might have its home upon the *cosmic atmic plane* (just as man's seventh principle is on the *systemic atmic* plane), and the seventh principle of the Planetary Logos upon *which* plane?—the cosmic buddhic?

166. Chúng ta *không* tìm kiếm nguyên khí logoic thứ bảy vốn liên quan đến các cõi *vũ trụ* cao hơn. Chúng ta sẽ làm như vậy nếu bắt đầu suy luận theo phép tương đồng một cách chính xác từ mô hình nhân loại hay vi mô, trong trường hợp đó nguyên khí thứ bảy của Thái dương Thượng đế có thể có nơi cư ngụ trên *cõi atma vũ trụ* (cũng như nguyên khí thứ bảy của con người ở trên *cõi atma hệ thống*), còn nguyên khí thứ bảy của Hành Tinh Thượng Đế thì trên cõi *nào*?—cõi Bồ đề vũ trụ chăng?

167. Instead we seem to be analogizing from the permanent atom which has its 'home' on the highest sub-plane of the plane to which it belongs. For man, the permanent atom considered as the seventh principle of his etheric/physical body is found upon the systemic atomic ether. For the Solar Logos, the physical permanent atom considered as the seventh principle of His etheric/physical body is found upon the *cosmic* atomic ether.

167. Thay vào đó, dường như chúng ta đang suy luận theo phép tương đồng từ nguyên tử trường tồn vốn có 'nơi cư ngụ' trên cõi phụ cao nhất của cõi mà nó thuộc về. Đối với con người, nguyên tử trường tồn được xem như nguyên khí thứ bảy của thể dĩ thái/hồng trần của y được tìm thấy trên dĩ thái nguyên tử hệ thống. Đối với Thái dương Thượng đế, nguyên tử trường tồn hồng trần được xem như nguyên khí thứ bảy của thể dĩ thái/ hồng trần của Ngài được tìm thấy trên dĩ thái nguyên tử *vũ trụ*.

On the second plane are found the seven Heavenly Men, Who are **His principal centres of force.**

Trên cõi thứ hai được tìm thấy bảy Đấng Thiên Nhân, là **các trung tâm mãnh lực chính yếu của Ngài.**

168. What does it mean that the "seven Heavenly Men" are "found" on the second or monadic plane?

168. Điều đó có nghĩa gì khi "bảy Đấng Thiên Nhân" được "tìm thấy" trên cõi thứ hai hay cõi chân thần?

169. Where are the physical permanent atoms of the *Planetary* Logoi to be found? Are such physical permanent atoms what are meant by the "principal centres of force" of the Solar Logos? The matter is intricate.

169. Các nguyên tử trường tồn hồng trần của các *Hành Tinh* Thượng Đế được tìm thấy ở đâu? Phải chăng những nguyên tử trường tồn hồng trần như vậy là điều được ngụ ý bởi "các trung tâm mãnh lực chính yếu" của Thái dương Thượng đế? Vấn đề này thật phức tạp.

170. Perhaps we could say that the highest *etheric* expression of the Heavenly Men is found on the second plane. If They express on the logoic plane, we might be hard pressed to call such an expression *etheric*. We recall what might be called 'the relativity of etheric expression' when contrasting the etheric expression of a Solar Logos and the etheric expression of a Planetary Logos.

170. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng biểu hiện *dĩ thái* cao nhất của các Đấng Thiên Nhân được tìm thấy trên cõi thứ hai. Nếu Các Ngài biểu hiện trên cõi logoic, chúng ta có thể khó mà gọi một biểu hiện như vậy là *dĩ thái*. Chúng ta nhớ lại điều có thể được gọi là 'tính tương đối của biểu hiện dĩ thái' khi đối chiếu biểu hiện dĩ thái của một Thái dương Thượng đế và biểu hiện dĩ thái của một Hành Tinh Thượng Đế.

171. Yet if these Planetary Logoi are to serve as etheric expressions of the Solar Logos, at least *some* of Them must also be found expressing etherically on the buddhic plane or fourth cosmic ether. If the analogy between man and the Solar Logos holds good, at least some of the chakras (the lower ones) are found on the fourth ether—the fourth systemic ether for man and the fourth cosmic ether for the Solar Logos.

171. Tuy nhiên, nếu các Hành Tinh Thượng Đế này phải phụng sự như những biểu hiện dĩ thái của Thái dương Thượng đế, thì ít nhất *một số* trong Các Ngài cũng phải được tìm thấy đang biểu hiện một cách dĩ thái trên cõi Bồ đề hay dĩ thái vũ trụ thứ tư. Nếu phép tương đồng giữa con người và Thái dương Thượng đế là đúng, thì ít nhất một số luân xa (các luân xa thấp) được tìm thấy trên dĩ thái thứ tư—dĩ thái hệ thống thứ tư đối với con người và dĩ thái vũ trụ thứ tư đối với Thái dương Thượng đế.

172. The Planetary Logos has centers of force on the higher mental plane, the buddhic plane and probably on the atmic as well—ashramic centers, among other types of centers. We do not know if the centers in such beings as Globe-Lords or Chain-Lords are found on the atmic and buddhic planes, or higher mental plane, but we may infer so.

172. Hành Tinh Thượng Đế có các trung tâm mãnh lực trên Cõi thượng trí, cõi Bồ đề và có lẽ cả trên cõi atma nữa—các trung tâm ashram, trong số những loại trung tâm khác. Chúng ta không biết liệu các trung tâm trong những hữu thể như các Chúa Tể của Bầu Hành Tinh hay các Chúa Tể của Dãy có được tìm thấy trên các cõi atma và Bồ đề, hay trên Cõi thượng trí hay không, nhưng chúng ta có thể suy ra như vậy.

173. From a larger perspective we may think that the Solar Logos also has centers on the buddhic and atmic planes (though none on the higher mental plane); the aggregations of ashramic groups forming etheric centers in the etheric body of the Solar Logos would simply have to be larger than the aggregations of ashramic groups forming etheric centers in the cosmic etheric body of

173. Từ một viễn cảnh rộng lớn hơn, chúng ta có thể nghĩ rằng Thái dương Thượng đế cũng có các trung tâm trên cõi Bồ đề và cõi atma (dù không có trung tâm nào trên Cõi thượng trí); các tập hợp những nhóm ashram tạo thành các trung tâm dĩ thái trong thể dĩ thái của Thái dương Thượng đế hẳn đơn giản phải lớn hơn các tập hợp những nhóm ashram tạo thành các trung

a Planetary Logos. The Solar Logos would also have (on the logoic plane) some kind of etheric centers, and the Planetary Logoi would have none. The focus of the Three Logoi (cf. Chart Vehicle, TCF 344) on the logoic plane seem to have something to do with the potentially highest solar logoic centers, just as the "principal centres" of a Solar Logos have to do with the Planetary Logoi.

tâm dĩ thái trong thể dĩ thái vũ trụ của một Đức Hành Tinh Thượng Đế. Thái dương Thượng đế cũng sẽ có (trên cõi logoic) một loại trung tâm dĩ thái nào đó, còn các Hành Tinh Thượng Đế thì không có. Tiêu điểm của Ba Thượng đế (xem Biểu đồ Vehicle, TCF 344) trên cõi logoic dường như có liên hệ nào đó với các trung tâm logoic thái dương cao nhất tiềm tàng, cũng như các "trung tâm chính yếu" của một Thái dương Thượng đế có liên hệ với các Hành Tinh Thượng Đế.

174. However, the "principal centres" of the Solar Logos are on the *monadic plane.* The highest etheric expression of the Heavenly Men *are* those centers and to a lesser extent, monadic groupings within the centers of these Heavenly Men would also be centers within a Solar Logos—though more *minor* centers.

174. Tuy nhiên, các "trung tâm chính yếu" của Thái dương Thượng đế nằm trên *cõi chân thần.* Biểu hiện dĩ thái cao nhất của các Đấng Thiên Nhân *là* những trung tâm ấy, và ở mức độ thấp hơn, các nhóm chân thần bên trong các trung tâm của những Đấng Thiên Nhân này cũng sẽ là các trung tâm bên trong một Thái dương Thượng đế—dù là những trung tâm *thứ yếu* hơn.

175. Human Monads, as we usually consider them, are cosmic etheric expressions. May we consider them as expressions upon the highest cosmic ether of the Planetary Logoi (though not the highest cosmic ether of the Solar Logos)?

175. Các Chân thần nhân loại, như chúng ta thường xét đến, là những biểu hiện dĩ thái vũ trụ. Chúng ta có thể xem chúng là những biểu hiện trên dĩ thái vũ trụ cao nhất của các Hành Tinh Thượng Đế chăng (dù không phải dĩ thái vũ trụ cao nhất của Thái dương Thượng đế)?

There are others, but we are not here concerned with Them.

Còn có những vị khác nữa, nhưng ở đây chúng ta không quan tâm đến Các Ngài.

176. Perhaps we are speaking of other kinds of Planetary Logoi of lesser scope than the seven major ones. They would *also* be centers of force in a Solar Logos.

176. Có lẽ chúng ta đang nói đến những loại Hành Tinh Thượng Đế khác có phạm vi nhỏ hơn bảy vị chính yếu. Các Ngài *cũng* sẽ là những trung tâm mãnh lực trong một Thái dương Thượng đế.

177. Chain Lords or Globe Lords might also be considered centers of force in a Solar Logos, but definitely *lesser* centers of force.

177. Các Chúa Tể Dãy hay các Chúa Tể Bầu hành tinh cũng có thể được xem là những trung tâm mãnh lực trong một Thái dương

Thượng đế, nhưng chắc chắn là những trung tâm mãnh lực *thấp hơn*.

These latter have achieved a certain specific goal, and are the [Page 520] embodiment of centres which are now quiescent or out of manifestation, **the logoic kundalini having turned its attention elsewhere.**

Những vị sau này đã đạt được một mục tiêu chuyên biệt nào đó, và là [Page 520] hiện thân của những trung tâm hiện đang tĩnh lặng hoặc ra ngoài biểu hiện, **vì kundalini logoic đã chuyển sự chú ý của nó sang nơi khác.**

178. These centers might or might not be non-sacred Planetary Logoi. It is possible that they are 'old' centers which, yes, are not sacred, but are unlike other non-sacred planets, because (unlike the non-sacred planets of which we are presently aware) they *not* presently going through a developmental cycle.

178. Những trung tâm này có thể là hoặc không là các Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng. Có thể chúng là những trung tâm 'cổ xưa' mà đúng vậy, không thiêng liêng, nhưng khác với các hành tinh không thiêng liêng khác, bởi vì (không giống các hành tinh không thiêng liêng mà hiện nay chúng ta biết đến) hiện tại chúng *không* trải qua một chu kỳ phát triển.

179. We can understand "logoic kundalini" as a kind of 'developmental finger of God'. What it touches is stimulated and develops.

179. Chúng ta có thể hiểu "kundalini logoic" như một loại 'ngón tay phát triển của Thượng đế'. Điều gì nó chạm đến thì được kích thích và phát triển.

180. Logoic kundalini observes the time-space schedule of the Solar Logos. It moves according to the Divine Plan for this solar system.

180. Kundalini logoic tuân theo thời biểu không-thời gian của Thái dương Thượng đế. Nó vận động theo Thiên Cơ dành cho hệ mặt trời này.

Under another enumeration they make the ten of the esoteric life, and can also be enumerated as twelve, thus forming the twelve-petalled Lotus, or the heart centre in the Body of the ONE ABOUT WHOM NOUGHT MAY BE SAID.

Theo một cách liệt kê khác, chúng tạo thành số mười của sự sống huyền bí, và cũng có thể được liệt kê thành mười hai, do đó hình thành Hoa sen mười hai cánh, hay trung tâm tim trong Thể của Đấng Bất Khả Tư Nghị.

181. We have somewhat covered this idea a little earlier in earlier comments.

181. Chúng ta đã phần nào đề cập đến ý tưởng này sớm hơn một chút trong các bình luận trước.

182. We are learning that planetary centers on the second or monadic plane can be

182. Chúng ta đang học rằng các trung tâm hành tinh trên cõi thứ hai hay cõi chân thần

numbered in various ways. One mode of numbering produces an esoteric ten, and another a twelve (which would correspond to the twelve petals in the heart center of a Cosmic Logos).

có thể được đếm theo nhiều cách khác nhau. Một cách đếm tạo ra số mười huyền bí, và một cách khác tạo ra số mười hai (tương ứng với mười hai cánh trong trung tâm tim của một Thượng đế Vũ Trụ).

183. If numbers can change in this way, it means that (perhaps in several instances) two or more of the twelve Planetary Logoi have to be counted as *one unit,* and (in other instances) no longer thus counted (depending on the perspective taken). We have to reckon with the perspectives which 'see' the Planetary Logoi as seven, as ten and as twelve.

183. Nếu các con số có thể thay đổi theo cách này, điều đó có nghĩa là (có lẽ trong một số trường hợp) hai hay nhiều hơn trong mười hai Hành Tinh Thượng Đế phải được tính là *một đơn vị,* và (trong những trường hợp khác) không còn được tính như vậy nữa (tùy theo viễn cảnh được chọn). Chúng ta phải lưu ý đến những viễn cảnh 'thấy' các Hành Tinh Thượng Đế là bảy, là mười và là mười hai.

184. It is obvious that to produce a ten or twelve upon the monadic plane, Planetary Logoi which are other than the present sacred planets will have to be included.

184. Rõ ràng là để tạo ra số mười hay mười hai trên cõi chân thần, các Hành Tinh Thượng Đế khác với các hành tinh thiêng liêng hiện tại sẽ phải được bao gồm.

185. The particular One About Whom Naught May Be Said referenced in this context is definitely a Cosmic Logos and not a Super-Cosmic Logos.

185. Đấng Bất Khả Tư Nghị đặc thù được nhắc đến trong ngữ cảnh này chắc chắn là một Thượng đế Vũ Trụ chứ không phải một Thượng đế Siêu Vũ Trụ.

186. To learn the mysteries of 'occult counting', we must learn the manner in which the Masters group different kinds of entities—sometimes considering them with others and sometimes alone.

186. Để học các huyền nhiệm của 'sự đếm huyền bí', chúng ta phải học cách các Chân sư nhóm các loại thực thể khác nhau—đôi khi xét chúng cùng với những thực thể khác và đôi khi xét riêng lẻ.

187. It will be noted (as we continue to read below) that we have skipped the atmic plane. It would seem that it is not legitimate to do so and that, in some manner, we are being deliberately blinded.

187. Cần lưu ý rằng (khi chúng ta tiếp tục đọc bên dưới) chúng ta đã bỏ qua cõi atma. Dường như làm như vậy là không chính đáng và rằng, theo một cách nào đó, chúng ta đang bị cố ý làm cho mù lòa.

188. If one checks Chart V, TCF 344, we shall see that the cosmic atmic plane is *also* skipped. There is purpose to this. It is not that there is a breach in continuity.

188. Nếu kiểm tra Biểu đồ V, TCF 344, chúng ta sẽ thấy rằng cõi atma vũ trụ *cũng* bị bỏ qua. Có chủ đích trong điều này. Không phải là có một sự đứt đoạn trong tính liên tục.

On the fourth cosmic ether the buddhic plane, are found the etheric centres of the Logos.

Trên dĩ thái vũ trụ thứ tư, cõi Bồ đề, có các trung tâm dĩ thái của Thượng đế.

189. These are distinct from what, 'above', are called His "principal centres of force". There should be a correspondence to a solar logoic etheric heart center found on the monadic plane along with what are called the Solar Logos' "principal centers of force".

189. Những trung tâm này khác với điều mà, ở 'phía trên', được gọi là các "trung tâm mãnh lực chính yếu" của Ngài. Phải có một sự tương ứng với một trung tâm tim dĩ thái logoic thái dương được tìm thấy trên cõi chân thần cùng với điều được gọi là các "trung tâm mãnh lực chính yếu" của Thái dương Thượng đế.

190. There seems to be some way in which the Planetary Logoi (twelve of them, it would seem) participate (together) in the heart center of a *Cosmic* Logos and other, lower, ways in which they simply represent etheric centers of the *Solar* Logos.

190. Dường như có một cách nào đó mà các Hành Tinh Thượng Đế (có vẻ là mười hai vị) cùng tham dự vào trung tâm tim của một Thượng đế *Vũ Trụ* và những cách khác, thấp hơn, theo đó các Ngài đơn giản biểu hiện các trung tâm dĩ thái của Thái dương Thượng đế *Thái dương*.

191. We have, however, breached the analogy implied on TCF 817. The Solar Logos should have centers of force on the atmic plane (a correspondence to the throat center), monadic plane (a correspondence to the heart center), and logoic plane (a correspondence to the head center).

191. Tuy nhiên, chúng ta đã phá vỡ phép tương đồng được hàm ý trong TCF 817. Thái dương Thượng đế phải có các trung tâm mãnh lực trên cõi atma (một tương ứng với trung tâm cổ họng), cõi chân thần (một tương ứng với trung tâm tim), và cõi logoic (một tương ứng với trung tâm đầu).

192. Could it be that the solar logoic centers on the higher two cosmic etheric sub-planes could be considered as etheric *head centers.* If so, there would be three head centers (the Three Logoi) on the systemic logoic plane, and seven head centers (the seven Planetary Logoi—when grouped as seven) on the systemic monadic plane.

192. Có thể chăng các trung tâm logoic thái dương trên hai cõi phụ dĩ thái vũ trụ cao hơn có thể được xem là các *trung tâm đầu* dĩ thái. Nếu vậy, sẽ có ba trung tâm đầu (Ba Thượng đế) trên cõi logoic của hệ, và bảy trung tâm đầu (bảy Hành Tinh Thượng Đế—khi được nhóm thành bảy) trên cõi chân thần của hệ.

193. The great head center of man has *many* parts. Are all of them on the first systemic ether, or are some of them on the second systemic ether. Perhaps the quality and rays of Vulcan will one day disclose the mystery,

193. Trung tâm đầu lớn của con người có *nhiều* phần. Tất cả chúng đều ở trên dĩ thái thứ nhất của hệ, hay một số ở trên dĩ thái thứ hai của hệ? Có lẽ phẩm tính và các cung của Vulcan một ngày nào đó sẽ tiết lộ huyền

for Vulcan, though a planet of will (governing, we infer, the seven head centers of man) is also a planet associated with the Heart of the Sun, and thus with the number two and, perhaps, the second systemic ether.

nhiệm này, vì Vulcan, dù là một hành tinh của ý chí (mà chúng ta suy ra là cai quản bảy trung tâm đầu của con người), cũng là một hành tinh liên kết với Trái Tim của Mặt Trời, và do đó với số hai và, có lẽ, dĩ thái thứ hai của hệ.

There are to be found the esoteric planets and the Sun, viewed as the centre of the buddhic principles, and from thence the Logos animates His dense physical manifestation.

Ở đó có thể tìm thấy các hành tinh huyền bí và Mặt Trời, được xem như trung tâm của các nguyên khí Bồ đề, và từ đó Thượng đế tiếp sinh lực cho biểu hiện hồng trần đậm đặc của Ngài.

194. Here we have another most occult statement. What are "the esoteric planets"? We are told that there are many etheric planets in our solar system. Is *this* what is meant by "esoteric planets"? Can they be named "esoteric" because they cannot presently be seen?

194. Ở đây chúng ta có một phát biểu huyền bí khác hết sức thâm sâu. "Các hành tinh huyền bí" là gì? Chúng ta được cho biết rằng có nhiều hành tinh dĩ thái trong hệ mặt trời của chúng ta. *Đây* có phải là điều được hàm ý bởi "các hành tinh huyền bí" không? Chúng có thể được gọi là "huyền bí" vì hiện nay chưa thể được nhìn thấy chăng?

195. We must watch closely: we are not speaking of the "buddhic principle" but of the "buddhic principles"—plural. Are the potencies of the buddhic sub-planes meant? Do different "esoteric planets" express different buddhic principles or buddhic-plane potencies?

195. Chúng ta phải quan sát kỹ: chúng ta không nói về "nguyên khí Bồ đề" mà về "các nguyên khí Bồ đề"—số nhiều. Có phải các tiềm lực của các cõi phụ Bồ đề được hàm ý không? Các "hành tinh huyền bí" khác nhau có biểu hiện các nguyên khí Bồ đề khác nhau hay các tiềm lực của cõi Bồ đề khác nhau chăng?

196. The Sun is greater than all the Planetary Logoi. How is it, then, that the Sun is "found" upon the buddhic plane? Do we mean that on the buddhic plane there is a cosmic physical 'reflection' of the Heart of the Sun? This would be reasonable.

196. Mặt Trời lớn hơn tất cả các Hành Tinh Thượng Đế. Vậy thì làm sao Mặt Trời lại được "tìm thấy" trên cõi Bồ đề? Có phải chúng ta muốn nói rằng trên cõi Bồ đề có một 'phản chiếu' hồng trần vũ trụ của Trái Tim của Mặt Trời? Điều này có vẻ hợp lý.

197. The Heart of the Sun, solar fire and the buddhic principles are all allied.

197. Trái Tim của Mặt Trời, Lửa Thái dương và các nguyên khí Bồ đề đều liên hệ mật thiết với nhau.

198. The "Sun" or Solar Logos is a very *buddhic* Entity and can be considered as the central factor within and behind all buddhic demonstration.

198. "Mặt Trời" hay Thái dương Thượng đế là một Thực Thể rất *Bồ đề* và có thể được xem là nhân tố trung tâm ở bên trong và phía sau mọi biểu hiện Bồ đề.

199. Thus it would be the "Sun" as the sustainer of all buddhic demonstration that would be "found" upon the buddhic plane.

199. Vì vậy, chính "Mặt Trời" như đấng duy trì mọi biểu hiện Bồ đề sẽ được "tìm thấy" trên cõi Bồ đề.

200. The term "esoteric" for "esoteric planets" probably does not indicate the advancement of the Planetary Logoi involved but only their occulted nature.

200. Thuật ngữ "huyền bí" trong "các hành tinh huyền bí" có lẽ không chỉ sự tiến bộ của các Hành Tinh Thượng Đế liên hệ mà chỉ bản chất bị che khuất của chúng.

201. Or, DK may be considering the esoteric, subjective or buddhically responsive aspect of the usual planets.

201. Hoặc, Chân sư DK có thể đang xét phương diện huyền bí, chủ quan hay buddhi đáp ứng của các hành tinh thông thường.

202. The meaning of the term "esoteric" in relation to the term "planets" cannot presently be resolved with certainty.

202. Ý nghĩa của thuật ngữ "huyền bí" liên hệ với thuật ngữ "các hành tinh" hiện nay chưa thể được giải quyết một cách chắc chắn.

203. Finally, it is always clear that from the buddhic plane *animation* of the lower planes arises. Analogously, from the fourth systemic ether (the correspondence on the physical plane to the buddhic plane) animation of the lower three sub-planes of the physical plane arises.

203. Sau hết, luôn luôn rõ ràng rằng từ cõi Bồ đề, sự *tiếp sinh lực* cho các cõi thấp phát sinh. Theo phép tương đồng, từ dĩ thái thứ tư của hệ (tương ứng trên cõi hồng trần với cõi Bồ đề), sự tiếp sinh lực cho ba cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần phát sinh.

Finally, on the three lower planes we have His gaseous, liquid, and dense bodies or sheaths, forming in themselves a unity in one peculiar sense;

Sau hết, trên ba cõi thấp, chúng ta có các thể hay các vỏ khí, lỏng và đậm đặc của Ngài, tự chúng tạo thành một hợp nhất theo một ý nghĩa đặc thù;

204. We remember that we are still, principally, speaking of the Solar Logos.

204. Chúng ta nhớ rằng về cơ bản, chúng ta vẫn đang nói về Thái dương Thượng đế.

205. These three form a unity of *unprincipled* substance—unprincipled in relation to the Solar Logos.

205. Ba cõi này tạo thành một hợp nhất của chất liệu *không nguyên khí*—không nguyên

khí trong tương quan với Thái dương Thượng đế.

they are as much a coherent whole as the three higher planes form a unified triple expression of the three persons of the Trinity.

chúng là một toàn thể cố kết cũng nhiều như ba cõi cao hơn tạo thành một biểu hiện tam phân hợp nhất của ba ngôi của Tam Vị.

206. Where shall we look for the three persons of the Logoic Trinity? On the three highest sub-planes of the cosmic physical plane.

206. Chúng ta sẽ tìm ba ngôi của Tam Vị Logoic ở đâu? Trên ba cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

207. The threefold solar logoic "Dweller" (from one limited point of view) can be found on the twenty-one lower sub-planes of the systemic planes.

207. "Kẻ Chận Ngõ" tam phân của Thái dương Thượng đế (xét từ một quan điểm hạn hẹp) có thể được tìm thấy trên hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn của các cõi trong hệ.

208. From the planetary logoic standpoint, the human personality is a "Dweller". From the solar logoic standpoint, the human personality *and* egoic lotus, together, form a "Dweller".

208. Từ quan điểm hành tinh logoic, phàm ngã con người là một "Kẻ Chận Ngõ". Từ quan điểm thái dương logoic, phàm ngã con người *và* Hoa Sen Chân Ngã, cùng nhau, tạo thành một "Kẻ Chận Ngõ".

We have a similar analogy in the subplanes of each plane in the system, and this will become ever more apparent as man achieves a greater clarity of vision, and can consciously ascertain for himself the truth about the subjective life.

Chúng ta có một phép tương đồng tương tự trong các cõi phụ của mỗi cõi trong hệ, và điều này sẽ ngày càng trở nên hiển nhiên hơn khi con người đạt được sự sáng tỏ lớn hơn về tầm nhìn, và có thể một cách hữu thức tự mình xác định chân lý về sự sống chủ quan.

209. Whatever we can say about the systemic *planes* we can say about the systemic *sub-planes*.

209. Bất cứ điều gì chúng ta có thể nói về các *cõi* trong hệ, chúng ta cũng có thể nói về các *cõi phụ* trong hệ.

210. One good way of clarifying one's conceptions concerning planes and sub-planes is constantly to compare the dynamics occurring on each.

210. Một cách tốt để làm sáng tỏ các quan niệm của mình về các cõi và các cõi phụ là không ngừng so sánh các động lực diễn ra trên mỗi cõi.

211. The three higher sub-planes of any systemic plane are always the planes of a

211. Ba cõi phụ cao hơn của bất kỳ cõi nào trong hệ luôn luôn là các cõi của một *tam vị*

lesser *trinity,* involving the analogies to the Father, Son and Holy Ghost. They are the correspondences to the logoic, monadic and atmic planes. From the perspective of the entire cosmic physical plane, the "Father" is found upon the systemic logoic plane, the "Son" upon the systemic monadic plane and the "Holy Ghost" upon the systemic atmic plane

nhỏ hơn, bao hàm các phép tương đồng với Cha, Con và Chúa Thánh Thần. Chúng là các tương ứng với cõi logoic, cõi chân thần và cõi atma. Từ viễn cảnh của toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ, "Cha" được tìm thấy trên cõi logoic của hệ, "Con" trên cõi chân thần của hệ và "Chúa Thánh Thần" trên cõi atma của hệ

212. Because the heart center is always found on the monadic plane correspondence (sub-plane two), it is impossible to separate monadic expression from heart expression.

212. Bởi vì trung tâm tim luôn luôn được tìm thấy trên tương ứng của cõi chân thần (cõi phụ thứ hai), nên không thể tách rời biểu hiện chân thần khỏi biểu hiện tim.

213. We remember in this regard that the "life aspect" is centered in the *heart.*

213. Về phương diện này, chúng ta nhớ rằng "phương diện sự sống" được tập trung trong *tim.*

214. Perhaps we can associate the Monad with the heart in the head center, and some other structure on the logoic plane with the very center of the head center—the central jewel.

214. Có lẽ chúng ta có thể liên kết chân thần với tim trong trung tâm đầu, và một cấu trúc nào khác trên cõi logoic với chính trung tâm của trung tâm đầu—viên ngọc trung tâm.

215. Further, it would seem likely that the seventh principle in the form of a permanent atom would have a direct connection with the first aspect of every chakra—its central jewel.

215. Hơn nữa, có vẻ như nguyên khí thứ bảy dưới hình thức một Nguyên tử trường tồn sẽ có một liên hệ trực tiếp với phương diện thứ nhất của mọi luân xa—viên ngọc trung tâm của nó.

Let us briefly take these planes and study the life or force manifestation on each, laying the emphasis upon the lower four, and not so much upon the planes which do not concern man so closely.

Chúng ta hãy ngắn gọn xét các cõi này và nghiên cứu biểu hiện của sự sống hay mãnh lực trên mỗi cõi, nhấn mạnh vào bốn cõi thấp, và không quá nhiều vào những cõi không liên hệ mật thiết với con người.

216. DK is saying that the atmic, monadic and logoic systemic planes do not concern man as closely as the planes below. He is including the buddhic plane as a plane which concerns man closely. This is reasonable as full expression upon the

216. Chân sư DK đang nói rằng các cõi atma, chân thần và logoic của hệ không liên hệ mật thiết với con người bằng các cõi bên dưới. Ngài bao gồm cõi Bồ đề như một cõi liên hệ mật thiết với con người. Điều này hợp

buddhic plane is the objective of the members of the Fourth Creative Hierarchy.

The Logoic Plane. The first, the second, and the third subplanes of the first cosmic ether respond specifically to the vibration of one of the three aspects, **or to those cosmic Entities Whose influence reaches the matter of the planes from without the system altogether.**

217. DK is speaking of cosmic influences to which the highest three sub-planes of the logoic plane respond.

218. Even the Brahma, Vishnu and Shiva of our solar system are *intra*-systemic Beings, although They, like the Solar Logos are sometimes called "cosmic".

219. If, however, we are considering the solar system to be only the etheric-physical nature of the Solar Logos, then streams of influence from the cosmic astral plane or cosmic mental plane would be considered to originate "from without the system altogether".

220. So it is possible that, rather than look for these Sources as Cosmic Logoi, they could be the Brahma, Vishnu and Shiva of our solar system (cf. TCF 1238)

221. Our Solar Logos is a cosmic Being and so are His Three Logoi. Is it of Them that we speak?

222. On the other hand, we could be speaking of some Entities Who are not at all part of the Solar Logos—such as, for instance, that Solar Logos Who expresses the first ray within the Seven Solar Systems

lý vì biểu hiện trọn vẹn trên cõi Bồ đề là mục tiêu của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

Cõi Logoic. Ba cõi phụ thứ nhất, thứ hai và thứ ba của dĩ thái vũ trụ thứ nhất đáp ứng một cách chuyên biệt với rung động của một trong ba phương diện, **hoặc với những Thực Thể vũ trụ mà ảnh hưởng của Các Ngài vươn tới vật chất của các cõi từ hoàn toàn bên ngoài hệ.**

217. Chân sư DK đang nói về những ảnh hưởng vũ trụ mà ba cõi phụ cao nhất của cõi logoic đáp ứng.

218. Ngay cả Brahma, Vishnu và Shiva của hệ mặt trời chúng ta cũng là những Đấng *nội*-hệ, dù Các Ngài, cũng như Thái dương Thượng đế, đôi khi được gọi là "vũ trụ".

219. Tuy nhiên, nếu chúng ta xem hệ mặt trời chỉ là bản chất dĩ thái-hồng trần của Thái dương Thượng đế, thì các luồng ảnh hưởng từ cõi cảm dục vũ trụ hay cõi trí vũ trụ sẽ được xem là phát sinh "từ hoàn toàn bên ngoài hệ".

220. Vì vậy có thể là, thay vì tìm các Nguồn này như những Thượng đế Vũ Trụ, chúng có thể là Brahma, Vishnu và Shiva của hệ mặt trời chúng ta (xem TCF 1238)

221. Thái dương Thượng đế của chúng ta là một Đấng vũ trụ và Ba Thượng đế của Ngài cũng vậy. Có phải chúng ta đang nói về Các Ngài chăng?

222. Mặt khác, chúng ta có thể đang nói về một số Thực Thể hoàn toàn không thuộc về Thái dương Thượng đế—chẳng hạn như Thái dương Thượng đế biểu hiện cung một trong Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là

of Which Ours is One, and of two other Solar Logoi Who express the second and third rays within that constellation of which our Solar Logos and His Sun are a part.

một, và hai Thái dương Thượng đế khác biểu hiện cung hai và cung ba trong chòm sao mà Thái dương Thượng đế của chúng ta và Mặt Trời của Ngài là một phần của nó.

223. Or, perhaps, the influence of the Great Bear (as a whole) could affect the first logoic sub-plane; the Little Bear might affect the second, and the "Seven Sisters" of the Pleiades, the third sub-plane.

223. Hoặc, có lẽ ảnh hưởng của Đại Hùng Tinh (như một toàn thể) có thể tác động đến cõi phụ logoic thứ nhất; Tiểu Hùng Tinh có thể tác động đến cõi phụ thứ hai, và "Bảy Chị Em" của chòm Pleiades tác động đến cõi phụ thứ ba.

On the fourth subplane comes a primary blending of the three fiery Lives,

Trên cõi phụ thứ tư xuất hiện một sự dung hợp sơ khởi của ba Sự Sống rực lửa,

224. We are still speaking of the sub-planes of the systemic logoic plane.

224. Chúng ta vẫn đang nói về các cõi phụ của cõi logoic của hệ.

producing archetypally that force manifestation of electricity which eventually causes the blazing forth of the Sons of Light on the next plane.

tạo ra theo nguyên mẫu biểu hiện mãnh lực điện ấy, vốn cuối cùng gây nên sự bừng cháy của các Con của Ánh Sáng trên cõi kế tiếp.

225. The "Sons of Light" are Heavenly Men, so it would seem.

225. "Các Con của Ánh Sáng" dường như là các Đấng Thiên Nhân.

226. If the Three Logoi (considered as "three fiery Lives") had Their forces blended on the fourth sub-plane of the logoic plane, it is They (greater than any Planetary Logos) Who could facilitate the blazing forth of the Sons of Light on the monadic plane.

226. Nếu Ba Thượng đế (được xem như "ba Sự Sống rực lửa") có các mãnh lực của Các Ngài được dung hợp trên cõi phụ thứ tư của cõi logoic, thì chính Các Ngài (vĩ đại hơn bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào) có thể tạo điều kiện cho sự bừng cháy của các Con của Ánh Sáng trên cõi chân thần.

227. It must be obvious that the information now being imparted is extremely occult and deep.

227. Hiển nhiên là thông tin hiện đang được truyền đạt cực kỳ huyền bí và sâu xa.

228. It is also clear that the fourth sub-plane of the systemic logoic plane is a kind of higher correspondence to the systemic buddhic plane as a whole.

228. Cũng rõ ràng rằng cõi phụ thứ tư của cõi logoic của hệ là một loại tương ứng cao hơn với toàn bộ cõi Bồ đề của hệ.

In this electrical connotation we have the three higher planes ever embodying the threefold Spirit aspect, the lower [Page 521] three embodying the threefold substance aspect, and then a plane of at-one-ment whereon an approximation is made which, on the path of return, marks the moment of achievement, and the point of triumph.

Trong hàm ý điện này, chúng ta có ba cõi cao hơn luôn luôn hiện thân cho phương diện Tinh thần tam phân, ba cõi thấp hơn [Page 521] hiện thân cho phương diện chất liệu tam phân, và rồi một cõi của sự hợp nhất, nơi diễn ra một sự tiếp cận mà, trên Con Đường Trở Về, đánh dấu khoảnh khắc thành tựu, và điểm chiến thắng.

229. We are being presented with an archetypal arrangement which holds through for all manner of planes and sub-planes. In the section of text above we are no longer speaking strictly of the systemic logoic plane.

229. Chúng ta đang được trình bày một sự sắp xếp nguyên mẫu có giá trị xuyên suốt đối với mọi loại cõi và cõi phụ. Trong đoạn văn trên, chúng ta không còn nói một cách nghiêm ngặt chỉ về cõi logoic của hệ nữa.

230. The term "approximation" as here used means the alignment or interplay of the energy of the highest three with the energy of the lowest three.

230. Thuật ngữ "sự tiếp cận" như được dùng ở đây có nghĩa là sự chỉnh hợp hay tương tác của năng lượng của ba cõi cao nhất với năng lượng của ba cõi thấp nhất.

231. It is interesting that the "fourth great cycle of attainment", at which point the focus of consciousness is found upon the buddhic plane, is considered a "point of triumph".

231. Thật thú vị khi "chu kỳ thành tựu lớn thứ tư", tại đó tiêu điểm của tâm thức được tìm thấy trên cõi Bồ đề, lại được xem là một "điểm chiến thắng".

232. We think of Scorpio and the fourth ray: "Warrior I am and from the battle I emerge triumphant". The triumph of humanity is related to the fourth ray, the fourth initiation and to the buddhic plane—all naturally involving the potency of Scorpio. The triumph of Scorpio actually occurs because of an infusion of buddhic consciousness.

232. Chúng ta nghĩ đến Hổ Cáp và cung bốn: "Tôi là chiến binh, và từ trận chiến Tôi bước ra trong chiến thắng.". Chiến thắng của nhân loại liên hệ với cung bốn, lần điểm đạo thứ tư và cõi Bồ đề—tất cả tự nhiên đều bao hàm tiềm lực của Hổ Cáp. Chiến thắng của Hổ Cáp thực sự xảy ra do một sự truyền nhập của tâm thức Bồ đề.

233. There are a number of ways to divide the seven planes: here we are speaking of 3—1—3.

233. Có một số cách để phân chia bảy cõi: ở đây chúng ta đang nói đến 3—1—3.

234. The Spirit is threefold. In this system of division, the first three planes are home to

234. Tinh thần là tam phân. Trong hệ thống phân chia này, ba cõi đầu là nơi cư ngụ của

the three aspects of Spirit. From another perspective, the three aspects of the Monad on the monadic plane represent the three aspects of Spirit.

ba phương diện của Tinh thần. Từ một viễn cảnh khác, ba phương diện của chân thần trên cõi chân thần biểu hiện ba phương diện của Tinh thần.

235. Is it possible that each aspect of Spirit is threefold, making a ninefold division on the first three planes of any sevenfold system?

235. Có thể chăng mỗi phương diện của Tinh thần đều là tam phân, tạo thành một phân chia cửu phân trên ba cõi đầu của bất kỳ hệ thống thất phân nào?

This is succeeded by obscuration.

Tiếp theo đó là sự che mờ.

236. Approximation and at-one-ment on the central plane of the seven is succeeded by obscuration. Can we then regard the buddhic plane as the plane of synthesis in the threefold sequence: synthesis, obscuration, absorption?

236. Sau sự tiếp cận và hợp nhất trên cõi trung tâm của bảy cõi là sự che mờ. Vậy chúng ta có thể xem cõi Bồ đề là cõi của tổng hợp trong chuỗi tam phân: tổng hợp, che mờ, hấp thu chăng?

237. The activity which occurs on the buddhic plane is *succeeded* by obscuration which may involve the atmic plane.

237. Hoạt động diễn ra trên cõi Bồ đề được *tiếp nối* bởi sự che mờ, điều này có thể bao hàm cõi atma.

Hence on every plane in the solar system we have a fourth plane whereon the struggle for perfect illumination, and subsequent liberation takes place, the battle ground, the Kurukshetra.

Do đó trên mọi cõi trong hệ mặt trời, chúng ta có một cõi thứ tư nơi diễn ra cuộc đấu tranh để đạt sự soi sáng hoàn hảo, và tiếp theo là giải thoát, bãi chiến trường, Kurukshetra.

238. The number *four* is always related to battle and, thus, to Kurukshetra.

238. Con số *bốn* luôn luôn liên hệ với chiến đấu và do đó với Kurukshetra.

239. We remember that in the fivefold sequence of meditation, Scorpio (the premier fourth ray constellation) is related to the meditative phase called "Illumination".

239. Chúng ta nhớ rằng trong chuỗi tham thiền ngũ phân, Hổ Cáp (chòm sao cung bốn hàng đầu) liên hệ với giai đoạn tham thiền được gọi là "Soi sáng".

240. Both Taurus and Scorpio (each related to illumination in a different way) are signs through which the fourth ray predominantly expresses.

240. Cả Kim Ngưu lẫn Hổ Cáp (mỗi dấu hiệu liên hệ với sự soi sáng theo một cách khác nhau) đều là những dấu hiệu mà qua đó cung bốn biểu hiện một cách nổi trội.

241. Who was the Krishna Who appeared to Arjuna during that ancient battle some four million years ago? It seems too long ago to have been the One we now call the Christ, and yet, perhaps at that time, He was focussed on the fourth ray in His soul nature.

241. Krishna đã hiện ra với Arjuna trong trận chiến cổ xưa ấy khoảng bốn triệu năm trước là ai? Dường như quá xa xưa để là Đấng mà hiện nay chúng ta gọi là Đức Christ, nhưng có lẽ vào thời đó, Ngài tập trung trên cung bốn trong bản chất linh hồn của Ngài.

242. Illumination is usually considered a mental unfoldment. Here we learn that on the buddhic plane we may "struggle for perfect illumination". The rulership of the buddhic plane by Mercury makes this seem reasonable. Mercury has been called the "Star of Conflict". Since Mercury restores sight to the blind, it is clearly a planet to be associated with illumination.

242. Sự soi sáng thường được xem là một sự khai mở trí tuệ. Ở đây chúng ta học rằng trên cõi Bồ đề, chúng ta có thể "đấu tranh để đạt sự soi sáng hoàn hảo". Việc Sao Thủy cai quản cõi Bồ đề khiến điều này có vẻ hợp lý. Sao Thủy đã được gọi là "Ngôi Sao của Xung Đột". Vì Sao Thủy phục hồi thị giác cho người mù, rõ ràng đó là một hành tinh cần được liên kết với sự soi sáng.

243. Can we think that the struggle to be found upon the buddhic plane prepares the initiate for that illumination which comes with Mastership at the Initiation of "Revelation"?

243. Chúng ta có thể nghĩ rằng cuộc đấu tranh được tìm thấy trên cõi Bồ đề chuẩn bị cho điểm đạo đồ đạt đến sự soi sáng đến cùng với Chân sư quả ở cuộc Điểm Đạo "Mặc Khải" chăng?

244. DK said that we have this struggle "on every plane in the solar system". He did not say, 'on every sub-plane of this solar system", and yet planes from one perspective are but sub-planes from another.

244. Chân sư DK nói rằng chúng ta có cuộc đấu tranh này "trên mọi cõi trong hệ mặt trời". Ngài không nói, 'trên mọi cõi phụ của hệ mặt trời này", tuy nhiên các cõi từ một viễn cảnh chỉ là các cõi phụ từ một viễn cảnh khác.

245. Is it reasonable to conceive of the fourth sub-plane of every systemic plane to be a sub-plane of struggle? Can we penetrate any deeper? What of struggle within the sub-planes themselves? Our Teaching does not go into sub-plane dynamics so minutely.

245. Có hợp lý không khi quan niệm cõi phụ thứ tư của mọi cõi trong hệ là một cõi phụ của đấu tranh? Chúng ta có thể thâm nhập sâu hơn nữa không? Còn đấu tranh bên trong chính các cõi phụ thì sao? Giáo Huấn của chúng ta không đi vào động lực của cõi phụ một cách chi li đến thế.

246. In all this discussion of the relation of the fourth ray to illumination, we should not forget the following:

246. Trong toàn bộ cuộc thảo luận này về mối liên hệ của cung bốn với sự soi sáng, chúng ta không nên quên điều sau đây:

This has been called the "ray of struggle" for on this ray the qualities of rajas (activity) and tamas (inertia) are so strangely equal in proportion that the nature of the fourth ray man is torn with their combat, and the outcome, when satisfactory, is spoken of as the "Birth of Horus," of the Christ, born from the throes of constant pain and suffering. (EP I 206)

Điều này đã được gọi là "cung của đấu tranh" vì trên cung này các phẩm tính của rajas (hoạt động) và tamas (Quán tính) lại kỳ lạ cân bằng về tỉ lệ đến mức bản chất của người cung bốn bị xé rách bởi cuộc chiến của chúng, và kết quả, khi thỏa đáng, được nói đến như là "Sự Giáng Sinh của Horus," của Đức Christ, được sinh ra từ những cơn quặn thắt của đau đớn và khổ đau liên tục. (EP I 206)

247. Horus is the symbol both of the “Son” and of the “Sun God”.

247. Horus là biểu tượng vừa của “Con” vừa của “Thần Mặt Trời”.

Though for man the fourth plane, the buddhic, is the place of triumph, and the goal of his endeavour, for the Heavenly Man it is the battle-ground, while for the solar Logos it is the burning-ground.

Dù đối với con người, cõi thứ tư, cõi Bồ đề, là nơi chiến thắng, và là mục tiêu của nỗ lực của y, nhưng đối với Đấng Thiên Nhân, đó là bãi chiến trường, còn đối với Thái dương Thượng đế, đó là vùng đất cháy.

248. Man reaches the buddhic plane in triumph. He has become a higher demonstration of the fourth ray planet Mercury. He is illumined by buddhi, the intuition.

248. Con người đạt đến cõi Bồ đề trong chiến thắng. Y đã trở thành một biểu hiện cao hơn của hành tinh cung bốn là Sao Thủy. Y được soi sáng bởi buddhi, trực giác.

249. When DK speaks of the fourth plane, does He speak *only* of the fourth sub-plane of the cosmic *physical* plane? This is asked because we are told that the Planetary Logos has been struggling upon the fourth sub-plane of the cosmic *astral* plane. He is doing this to achieve systemic dispassion, for, compared with some of the other Planetary Logoi, He is ‘passionate’.

249. Khi Chân sư DK nói về cõi thứ tư, Ngài có nói *chỉ* về cõi phụ thứ tư của cõi *hồng trần* vũ trụ không? Điều này được hỏi vì chúng ta được cho biết rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế đã đấu tranh trên cõi phụ thứ tư của cõi *cảm dục* vũ trụ. Ngài làm điều này để đạt đến sự vô dục của hệ, vì so với một số Hành Tinh Thượng Đế khác, Ngài là ‘đầy cảm tính’.

250. Is the fourth *systemic* ether a battle ground for some men and a burning ground for others? We might say so, and thereby be able to save the analogy.

250. Dĩ thái thứ tư của *hệ* có phải là bãi chiến trường đối với một số người và là vùng đất cháy đối với những người khác không? Chúng ta có thể nói như vậy, và nhờ đó có thể giữ được phép tương đồng.

251. If the fourth ether is a "battle-ground" for some types of men, there is occurring a conflict between the etheric body and physical body of man. Man is attempting to focus etherically and to control the physical elemental, but the physical elemental keeps pulling him back.

251. Nếu dĩ thái thứ tư là một "bãi chiến trường" đối với một số loại người, thì đang diễn ra một xung đột giữa thể dĩ thái và thể xác của con người. Con người đang cố gắng tập trung một cách dĩ thái và kiểm soát tinh linh thể xác, nhưng tinh linh thể xác cứ kéo y trở lại.

252. If the fourth ether is a "burning-ground", then the man in question is reaching a kind of liberation and is prepared for some degree of continuity of consciousness. He is becoming an initiate of some kind.

252. Nếu dĩ thái thứ tư là một "vùng đất cháy", thì người được nói đến đang đạt đến một loại giải thoát nào đó và được chuẩn bị cho một mức độ liên tục tâm thức nào đó. Y đang trở thành một điểm đạo đồ thuộc loại nào đó.

253. So let us look at the systemic buddhic plane. For a Planetary Logos (according to the statements above) there is raging a battle, between unprincipled substance and principled substance. He is in danger of being pulled back if He does not win the battle.

253. Vậy hãy nhìn vào cõi Bồ đề của hệ. Đối với một Đức Hành Tinh Thượng Đế (theo các phát biểu trên), đang có một trận chiến dữ dội giữa chất liệu không nguyên khí và chất liệu nguyên khí. Ngài có nguy cơ bị kéo lùi lại nếu Ngài không thắng trận chiến ấy.

254. But what, for a Planetary Logos, *is* the fourth ether? From one perspective, it is actually the higher mental plane. Yet it does not seem to be the higher mental plane which is here referenced. Rather it is the fourth plane which for a Planetary Logos is the focus of the third aspect.

254. Nhưng đối với một Đức Hành Tinh Thượng Đế, dĩ thái thứ tư *là* gì? Từ một viễn cảnh, đó thực ra là Cõi thượng trí. Tuy nhiên, dường như không phải Cõi thượng trí được nhắc đến ở đây. Đúng hơn, đó là cõi thứ tư, vốn đối với một Đức Hành Tinh Thượng Đế là tiêu điểm của phương diện thứ ba.

255. Are the Ashrams within the ring-pass-not of the Planetary Logos engaged in battle? So it would seem.

255. Các ashram bên trong vòng-giới-hạn của Đức Hành Tinh Thượng Đế có đang tham dự vào trận chiến không? Có vẻ là như vậy.

256. For the Solar Logos, the buddhic plane is a burning ground, we are told. What type of liberation or initiation is the Solar Logos achieving through the assembled groups to be found upon the buddhic plane? What will be the consequences if the Solar Logos is freed entirely from the backward pull of the

256. Đối với Thái dương Thượng đế, cõi Bồ đề là một vùng đất cháy, như chúng ta được cho biết. Thái dương Thượng đế đang đạt được loại giải thoát hay điểm đạo nào qua các nhóm tập hợp được tìm thấy trên cõi Bồ đề? Hậu quả sẽ là gì nếu Thái dương Thượng đế được giải thoát hoàn toàn khỏi lực kéo lùi

three lower sub-planes of the cosmic physical plane—the systemic physical-etheric plane, the systemic astral plane and the *entire* systemic mental plane? Freed from the backward pull of the energy of the first solar system?

của ba cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ—cõi hồng trần-dĩ thái của hệ, cõi cảm dục của hệ và toàn bộ cõi trí của hệ? Được giải thoát khỏi lực kéo lùi của năng lượng của hệ mặt trời thứ nhất?

257. What is happening to the Ashrams on the buddhic plane as a result of the buddhic burning-ground which the Solar Logos is experiencing? Are they being liberated through a process of group initiation? It would seem so.

257. Điều gì đang xảy ra với các ashram trên cõi Bồ đề do vùng đất cháy Bồ đề mà Thái dương Thượng đế đang trải qua? Có phải chúng đang được giải thoát qua một tiến trình điểm đạo nhóm không? Dường như là như vậy.

258. Following the Law of Analogy in these instances is difficult but revelatory.

258. Theo sát định luật tương đồng trong những trường hợp này là điều khó khăn nhưng đầy mặc khải.

259. If we keep a strict analogy between man and the Solar Logos, then the cosmic buddhic plane is the plane of *triumph* for the Solar Logos.

259. Nếu chúng ta giữ một phép tương đồng nghiêm ngặt giữa con người và Thái dương Thượng đế, thì cõi Bồ đề vũ trụ là cõi của *chiến thắng* đối với Thái dương Thượng đế.

260. But what is the place of triumph for the Planetary Logos? Is it the cosmic buddhic plane, or holding strictly to the concept of 'plane relativity' is it the higher sub-planes of the cosmic mental plane?

260. Nhưng đâu là nơi chiến thắng đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế? Có phải là cõi Bồ đề vũ trụ không, hay nếu giữ nghiêm ngặt khái niệm 'tính tương đối của cõi' thì đó là các cõi phụ cao hơn của cõi trí vũ trụ?

261. More practically, we can ask ourselves whether we (as human beings) are passing through battle-grounds or burning-grounds and what the difference may be.

261. Thực tế hơn, chúng ta có thể tự hỏi liệu chúng ta (với tư cách con người) đang đi qua các bãi chiến trường hay các vùng đất cháy, và sự khác biệt có thể là gì.

262. When the burning really beings, the battle is almost won.

262. Khi sự thiêu đốt thực sự bắt đầu, trận chiến hầu như đã thắng.

This differentiation of the subplanes of the systemic planes *into a higher three, a lower three, and a central plane of harmony is only so from the standpoint of electrical phenomena, and not from the standpoint of either pure Spirit, or pure substance, viewed*

Sự biến phân này của các cõi phụ thuộc các cõi của hệ thống *thành ba cõi trên, ba cõi dưới, và một cõi trung tâm của sự hài hòa chỉ là như thế từ quan điểm của các hiện tượng điện, chứ không phải từ quan điểm của tinh thần thuần túy hay chất liệu thuần túy, khi*

apart from each other. It concerns the mystery of electricity, and the production of light.

263. This section is placed in italics so it must be of considerable importance.

264. Electrical phenomena depend upon the interplay between dualities. In fact, electricity may be defined as the 'interplay between dualities'.

265. One can wonder whether pure Spirit and pure substance can *ever* be viewed apart from each other.

266. The differentiation of a systemic plane into the divisions 3—1—3 suggest that an interplay between Spirit and matter is in process and that, under the terms of this type of division, they are not to be considered separately.

267. It is clear that, symbolically, the Sun belongs to the buddhic plane because on that plane the light born of the interaction between Spirit and matter appears.

The three higher planes concern the central Forces or Lives, the three lower concern the lesser Forces or Lives.

268. We notice that there is very little difference between the terms "higher" and "central". In occultism, "deep" is "high".

We must bear this carefully in mind, remembering that to the occultist there is no such thing as substance, but only Force in varying degrees, only Energy of differentiated quality, only Lives emanating from different sources, each distinctive and

được xét tách rời nhau. Điều này liên quan đến huyền nhiệm của điện và sự tạo ra ánh sáng.

263. Phần này được in nghiêng nên hẳn phải có tầm quan trọng đáng kể.

264. Các hiện tượng điện tùy thuộc vào sự tương tác giữa các nhị nguyên. Thật vậy, điện có thể được định nghĩa là "sự tương tác giữa các nhị nguyên".

265. Người ta có thể tự hỏi liệu tinh thần thuần túy và chất liệu thuần túy có *bao giờ* có thể được xem xét tách rời nhau hay không.

266. Sự biến phân của một cõi hệ thống thành các phân khu 3—1—3 gợi ý rằng một sự tương tác giữa tinh thần và vật chất đang diễn ra và rằng, theo các điều kiện của loại phân chia này, chúng không được xem là tách biệt.

267. Rõ ràng là, về mặt biểu tượng, Mặt Trời thuộc về cõi Bồ đề vì trên cõi ấy xuất hiện ánh sáng sinh ra từ sự tương tác giữa tinh thần và vật chất.

Ba cõi trên liên quan đến các Mãnh Lực hay các Sự Sống trung tâm, ba cõi dưới liên quan đến các Mãnh Lực hay các Sự Sống nhỏ hơn.

268. Chúng ta nhận thấy rằng có rất ít khác biệt giữa các thuật ngữ "cao hơn" và "trung tâm". Trong huyền bí học, "sâu" là "cao".

Chúng ta phải ghi nhớ điều này một cách cẩn trọng, nhớ rằng đối với nhà huyền bí học không hề có cái gọi là chất liệu, mà chỉ có Mãnh lực ở những cấp độ khác nhau, chỉ có Năng lượng với phẩm tính được biến phân, chỉ có các Sự Sống phát xạ từ những

apart, **and only Consciousness producing intelligent effect through the medium of space.**

nguồn khác nhau, mỗi sự sống đều đặc thù và riêng biệt, **và chỉ có Tâm thức tạo ra hiệu quả thông minh qua môi trường của không gian.**

269. Let us tabulate that which the occultist understands:

269. Chúng ta hãy lập bảng điều mà nhà huyền bí học hiểu:

a. There is no such thing as substance

a. Không hề có cái gọi là chất liệu

b. There is only Force in varying degrees

b. Chỉ có Mãnh lực ở những cấp độ khác nhau

c. There is only Energy of differentiated quality

c. Chỉ có Năng lượng với phẩm tính được biến phân

d. There are only Lives emanating from different sources

d. Chỉ có các Sự Sống phát xạ từ những nguồn khác nhau

e. There is only Consciousness producing intelligent effect through the medium of space

e. Chỉ có Tâm thức tạo ra hiệu quả thông minh qua môi trường của không gian

270. The occultist is not deceived by the glamor of materiality. He recognizes "substance" as "force", "energy" and "life".

270. Nhà huyền bí học không bị đánh lừa bởi ảo cảm của tính vật chất. Y nhận ra "chất liệu" là "mãnh lực", "năng lượng" và "sự sống".

271. If the occultist uses the term "substance", he does not think of it as 'stuff'.

271. Nếu nhà huyền bí học dùng thuật ngữ "chất liệu", y không nghĩ về nó như một thứ "vật chất thô".

272. Force has "varying degrees" of application.

272. Mãnh lực có những "cấp độ khác nhau" của sự ứng dụng.

273. Energies have differentiated qualities but are not necessarily *applied* forces.

273. Các năng lượng có những phẩm tính được biến phân nhưng không nhất thiết là những mãnh lực được *áp dụng*.

274. All that we usually call "substance" is defined in a manner most occult: "only Consciousness producing intelligent effect through the medium of space". If He had

274. Tất cả những gì chúng ta thường gọi là "chất liệu" được định nghĩa theo một cách hết sức huyền bí: "chỉ có Tâm thức tạo ra hiệu quả thông minh qua môi trường của

said “through the medium of substance” the mind would think the interpretation easier, but “space” is the “medium”.

không gian”. Nếu Ngài đã nói “qua môi trường của chất liệu” thì trí tuệ sẽ nghĩ rằng cách giải thích dễ hơn, nhưng “không gian” mới là “môi trường”.

275. If by “space” we mean the “field of consciousness” or the “field of perception” perhaps we can grasp something of the meaning.

275. Nếu bởi “không gian” chúng ta muốn nói đến “trường tâm thức” hay “trường tri giác” thì có lẽ chúng ta có thể nắm bắt được phần nào ý nghĩa.

276. “Space” and “Consciousness” are inseparable. Without consciousness there would be no space (at least intra-cosmic space). Space is the ‘sphere of consciousness’. Within this sphere there are only forces, energies (i.e., *lives*) at work.

276. “Không gian” và “Tâm thức” là bất khả phân ly. Không có tâm thức thì sẽ không có không gian (ít nhất là không gian nội vũ trụ). Không gian là “khối cầu của tâm thức”. Trong khối cầu này chỉ có các mãnh lực, các năng lượng (tức là các *sự sống*) đang hoạt động.

277. There is consciousness; there is the sphere of consciousness; there is the intelligent effect produced within the sphere of consciousness.

277. Có tâm thức; có khối cầu của tâm thức; có hiệu quả thông minh được tạo ra trong khối cầu của tâm thức.

278. Matter is that which is created through an act of Self-perception. Matter/substance isn’t even ‘there’ before there is perception. Matter/substance is the registration of lives that live within ‘One’s-Self’. To fathom this will require deep pondering.

278. Vật chất là cái được tạo ra qua một hành vi tự tri giác. Vật chất/chất liệu thậm chí còn không “ở đó” trước khi có tri giác. Vật chất/chất liệu là sự ghi nhận các sự sống đang sống bên trong “Chính Mình”. Muốn thấu suốt điều này sẽ cần sự suy tư sâu xa.

I would point out that the Lord Agni shows forth His fiery life on the atomic subplane of each plane;

Tôi xin chỉ ra rằng Chúa Agni biểu lộ sự sống rực lửa của Ngài trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi;

279. This links Lord Agni with the first ray.

279. Điều này liên kết Chúa Agni với cung một.

280. Who is Lord Agni? The following will be of value:

280. Chúa Agni là ai? Điều sau đây sẽ có giá trị:

He is not the solar Logos on the cosmic mental plane, for the egoic consciousness of the Logos is more than His physical

Ngài không phải là Thái dương Thượng đế trên cõi trí vũ trụ, vì tâm thức chân ngã của Thượng đế còn hơn cả sự biểu hiện hồng

manifestation, but **Agni is the sumtotal of that portion of the logoic Ego which is reflected down into His physical vehicle**; He is the life of the logoic Personality, with all that is included in that expression. He is to the solar Logos on His own plane what the coherent personality of a human being is to his Ego in the causal body. (TCF 603)

trần của Ngài, nhưng **Agni là tổng thể của phần Chân ngã logoic được phản chiếu xuống hiện thể hồng trần của Ngài**; Ngài là sự sống của Phàm ngã logoic, cùng với tất cả những gì bao hàm trong cách diễn đạt ấy. Đối với Thái dương Thượng đế trên cõi riêng của Ngài, Ngài cũng như phàm ngã kết hợp chặt chẽ của một con người đối với chân ngã của y trong thể nguyên nhân. (TCF 603)

281. We find that Lord Agni is a comprehensive Deity, including as His sphere of manifestation eighteen *cosmic* sub-planes. He demonstrates on all those planes, but in different ways. Fire electric, solar fire and fire by friction are included within Him.

281. Chúng ta thấy rằng Chúa Agni là một Thượng đế bao quát, gồm trong khối cầu biểu hiện của Ngài mười tám cõi phụ *vũ trụ*. Ngài biểu lộ trên tất cả các cõi ấy, nhưng theo những cách khác nhau. Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát đều được bao hàm trong Ngài.

He shows forth as solar fire on the second, third and fourth, and as 'fire by friction' on the fifth, sixth and seventh.

Ngài biểu lộ như Lửa Thái dương trên cõi thứ hai, thứ ba và thứ tư, và như "Lửa ma sát" trên cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy.

282. It has sometimes been enquired —"Where shall *solar* fire be found?" "Shall it be found in the realm of the triad as well as within the realm of the Ego when that Ego is considered as manifesting on the higher mental plane"?

282. Đôi khi người ta đã hỏi—"Lửa *Thái dương* sẽ được tìm thấy ở đâu?" "Nó có được tìm thấy trong lĩnh vực của tam nguyên tinh thần cũng như trong lĩnh vực của chân ngã khi chân ngã ấy được xét như đang biểu hiện trên Cõi thượng trí hay không"?

283. Here we have an answer. Solar fire is to be found on the monadic, atmic and buddhic planes. This triplicity represents a triad which is greater than the usual scope of the spiritual triad, for the spiritual triad includes the higher mental plane and the triad given here does not.

283. Ở đây chúng ta có một câu trả lời. Lửa Thái dương được tìm thấy trên các cõi chân thần, atma và Bồ đề. Bộ ba này biểu thị một tam nguyên lớn hơn phạm vi thông thường của Tam Nguyên Tinh Thần, vì Tam Nguyên Tinh Thần bao gồm Cõi thượng trí còn tam nguyên được nêu ở đây thì không.

284. In any case, the egoic ray manifesting through solar fire will certainly be found active on the buddhic and atmic planes as well as on the three sub-planes of higher mind. Further, are we to find the egoic ray

284. Dù sao đi nữa, cung chân ngã biểu hiện qua Lửa Thái dương chắc chắn sẽ được thấy hoạt động trên các cõi Bồ đề và atma cũng như trên ba cõi phụ của thượng trí. Hơn nữa, liệu chúng ta có thấy cung chân ngã cũng hoạt động ở cấp độ của chân thần, cõi thứ

also active on the level of the Monad, the second plane? This must be questioned.

285. When considering solar fire in relation to the Monad, it must be a solar fire that embraces the monadic ray. Is the monadic ray an expression only of electric fire? Probably not, as in our solar system and on the cosmic physical plane, electric fire is to be considered a sub-category of a larger type of solar fire—the solar fire which is more purely an expression of our particular Solar Logos.

286. What we begin to see is that with solar fire manifesting on such high levels, the ray which represents solar fire must not simply disappear when the causal body disappears.

287. If the spiritual triad remains, then solar fire remains.

288. If the Monad remains expressive on the monadic plane (for it could be expressive in a less encumbered form on the logoic plane) then a higher form of solar fire remains.

289. Really, the solar fire of our second ray Solar Logos pervades His expression on the twenty-one *lower* cosmic sub-planes.

290. We must think in terms of greater and lesser intensities of solar fire.

From the point of view of the microcosm, the Spark in the Flame,

hai hay không? Điều này cần được đặt thành câu hỏi.

285. Khi xét Lửa Thái dương trong liên hệ với chân thần, đó phải là một Lửa Thái dương bao gồm cung chân thần. Cung chân thần có phải chỉ là một biểu hiện của Lửa Điện hay không? Có lẽ không, vì trong hệ mặt trời của chúng ta và trên cõi hồng trần vũ trụ, Lửa Điện phải được xem là một phân loại phụ của một loại Lửa Thái dương lớn hơn—Lửa Thái dương vốn thuần túy hơn như một biểu hiện của Thái dương Thượng đế đặc thù của chúng ta.

286. Điều chúng ta bắt đầu thấy là khi Lửa Thái dương biểu hiện trên những cấp độ cao như thế, cung biểu thị Lửa Thái dương không thể đơn giản biến mất khi thể nguyên nhân biến mất.

287. Nếu Tam Nguyên Tinh Thần còn tồn tại, thì Lửa Thái dương còn tồn tại.

288. Nếu chân thần vẫn còn biểu hiện trên cõi chân thần (vì nó có thể biểu hiện dưới một hình thức ít bị cản trở hơn trên cõi logoic) thì một hình thức cao hơn của Lửa Thái dương vẫn còn tồn tại.

289. Thật ra, Lửa Thái dương của Thái dương Thượng đế cung hai của chúng ta thấm khắp biểu hiện của Ngài trên hai mươi mốt cõi phụ vũ trụ *thấp hơn*.

290. Chúng ta phải suy nghĩ theo những mức độ cường độ lớn hơn và nhỏ hơn của Lửa Thái dương.

Từ quan điểm của tiểu thiên địa, Tia Lửa trong Ngọn Lửa,

291. The Monad is the "Spark in the Flame" and the human Monad is (in this context) the microcosm.

291. Chân thần là "Tia Lửa trong Ngọn Lửa" và chân thần nhân loại là (trong bối cảnh này) tiểu thiên địa.

man demonstrates as electric fire on the second plane, or the second cosmic ether;

con người biểu lộ như Lửa Điện trên cõi thứ hai, hay dĩ thái vũ trụ thứ hai;

292. The Monad is, for practical purposes, a demonstration of electric fire, but the showing forth of Agni as solar fire on the *second*, third and fourth systemic planes brings the *solar fire* effect to the human Monad as suggested above.

292. Chân thần, trên thực tế, là một biểu hiện của Lửa Điện, nhưng sự biểu lộ của Agni như Lửa Thái dương trên các cõi hệ thống *thứ hai*, thứ ba và thứ tư mang hiệu quả của *Lửa Thái dương* đến cho chân thần nhân loại như đã gợi ý ở trên.

as solar fire on the third, fourth and the three higher subplanes of the fifth [Page 522] plane, and as fire by friction on the lower subplanes of the fifth, on the sixth, and seventh planes.

như Lửa Thái dương trên cõi thứ ba, thứ tư và ba cõi phụ cao hơn của cõi thứ năm [Page 522], và như Lửa ma sát trên các cõi phụ thấp hơn của cõi thứ năm, trên cõi thứ sáu và thứ bảy.

293. Here is the confirmation that upon all planes of the spiritual triad, an expression of solar fire is to be found. The importance of this is that the true (unsheathed, unshrouded) soul is the Ego or spiritual triad on the atmic, buddhic and higher manasic levels and that the soul ray expresses through the true Ego or spiritual triad.

293. Đây là sự xác nhận rằng trên mọi cõi của Tam Nguyên Tinh Thần đều có thể tìm thấy một biểu hiện của Lửa Thái dương. Tầm quan trọng của điều này là linh hồn đích thực (không vỏ bọc, không màn che) là chân ngã hay Tam Nguyên Tinh Thần trên các cấp độ atma, Bồ đề và manas cao, và cung linh hồn biểu hiện qua chân ngã đích thực hay Tam Nguyên Tinh Thần.

294. Between Agni (as the personality of the Solar Logos) and the human Monad, we would find the Planetary Logos. How does He demonstrate? There seems no 'room' to interpolate this great Entity in this discussion of the demonstration of the fires on various planes and sub-planes.

294. Giữa Agni (như phàm ngã của Thái dương Thượng đế) và chân thần nhân loại, chúng ta sẽ thấy Đức Hành Tinh Thượng Đế. Ngài biểu lộ như thế nào? Dường như không có "chỗ" nào để xen Thực Thể vĩ đại này vào trong cuộc bàn luận về sự biểu lộ của các ngọn lửa trên những cõi và cõi phụ khác nhau.

c. The Planes and the Three Fires. On every plane we have, relatively speaking:

c. Các Cõi và Ba Ngọn Lửa. Trên mỗi cõi, nói một cách tương đối, chúng ta có:

295. We note the term "relatively speaking", as there are many ways to divide planes: 1—6; 1—1—5; 2—5; 4—3; 3—4; 3—1—3; 5—2; 6—1; etc.

a. Electric fire demonstrating as the prime condition on the higher three.

b. Fire by friction as the most significant factor on the lower three.

c. Solar fire, showing forth as the blaze produced by union on the central plane.

296. Solar fire always shows forth as a *central* blaze, so much depends upon what is considered to be "central".

In the solar system this is to be seen in connection with a Heavenly Man on the buddhic plane, where They blaze forth through Their etheric centres.

297. For a Heavenly Man the central plane is considered to be the buddhic. Yet for a Solar Logos, the central plane would also be considered the buddhic.

298. From another perspective, the higher mental plane could be considered, for a Heavenly Man, the central plane. Before the majority of Ashrams refocused on the buddhic plane, the higher mental plane was of greater or more "central" importance to the Planetary Logos.

299. We remember above that the "esoteric planets" were found on the buddhic plane along with the "Sun". Here we read that the Heavenly Men, in general, blaze forth on the buddhic plane.

295. Chúng ta lưu ý cụm từ "nói một cách tương đối", vì có nhiều cách để phân chia các cõi: 1—6; 1—1—5; 2—5; 4—3; 3—4; 3—1—3; 5—2; 6—1; v.v.

a. Lửa Điện biểu lộ như điều kiện chủ yếu trên ba cõi trên.

b. Lửa ma sát như yếu tố có ý nghĩa nhất trên ba cõi dưới.

c. Lửa Thái dương, biểu lộ như ngọn lửa rực sinh ra bởi sự hợp nhất trên cõi trung tâm.

296. Lửa Thái dương luôn biểu lộ như một ngọn lửa rực *trung tâm*, nên rất nhiều điều tùy thuộc vào cái gì được xem là "trung tâm".

Trong hệ mặt trời, điều này được thấy liên hệ với một Đấng Thiên Nhân trên cõi Bồ đề, nơi Các Ngài bừng cháy qua các trung tâm dĩ thái của Các Ngài.

297. Đối với một Đấng Thiên Nhân, cõi trung tâm được xem là cõi Bồ đề. Tuy nhiên đối với một Thái dương Thượng đế, cõi trung tâm cũng sẽ được xem là cõi Bồ đề.

298. Từ một góc nhìn khác, Cõi thượng trí có thể được xem là, đối với một Đấng Thiên Nhân, cõi trung tâm. Trước khi đa số các ashram tái tập trung trên cõi Bồ đề, Cõi thượng trí có tầm quan trọng lớn hơn hay "trung tâm" hơn đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế.

299. Chúng ta nhớ ở trên rằng các "hành tinh huyền bí" được tìm thấy trên cõi Bồ đề cùng với "Mặt Trời". Ở đây chúng ta đọc thấy rằng các Đấng Thiên Nhân, nói chung, bừng cháy trên cõi Bồ đề.

300. Perhaps the term “esoteric planets” suggests a certain *subjective* way of considering the normal planets.

300. Có lẽ thuật ngữ “các hành tinh huyền bí” gợi ý một cách xem xét *chủ quan* nào đó đối với các hành tinh thông thường.

In connection with man on the mental plane, we have a similar condition: the three higher subplanes concern the Spirit aspect in the causal body,

Liên hệ với con người trên cõi trí, chúng ta có một điều kiện tương tự: ba cõi phụ cao hơn liên quan đến phương diện tinh thần trong thể nguyên nhân,

301. This “Spirit aspect” is represented by the "Jewel in the Lotus".

301. “Phương diện tinh thần” này được biểu thị bởi “Ngọc trong Hoa Sen”.

302. Again, we have the implication that the causal body *can* be found on the highest of the sub-planes of the mental plane, whereas other references point to its destruction on the second sub-plane of the higher mental plane.

302. Một lần nữa, chúng ta có hàm ý rằng thể nguyên nhân *có thể* được tìm thấy trên cõi phụ cao nhất của cõi trí, trong khi những dẫn chiếu khác lại chỉ đến sự hủy diệt của nó trên cõi phụ thứ hai của Cõi thượng trí.

the three lower subplanes concern primarily the mental sheath, or fire by friction;

ba cõi phụ thấp hơn chủ yếu liên quan đến thể trí, hay Lửa ma sát;

303. This is reasonable.

303. Điều này là hợp lý.

the fourth subplane is that on which the force centres of the mental body are to be found.

cõi phụ thứ tư là cõi trên đó các trung tâm mãnh lực của thể trí được tìm thấy.

304. There are four force centers portrayed in the diagram on TCF 815. The higher centers (head, heart and throat—such as are found on the higher three astral and etheric sub-planes) are expressed probably as ‘tier structures’ in the causal body.

304. Có bốn trung tâm mãnh lực được mô tả trong biểu đồ ở TCF 815. Các trung tâm cao hơn (đầu, tim và cổ họng—như được thấy trên ba cõi phụ cao hơn của cõi cảm dục và cõi dĩ thái) có lẽ được biểu hiện như những “cấu trúc tầng bậc” trong thể nguyên nhân.

305. As a Master has thirty-five force vortices, one wonder whether after the fourth initiation is taken, three chakric vortices establish themselves on the higher mental plane.

305. Vì một Chân sư có ba mươi lăm xoáy mãnh lực, người ta tự hỏi liệu sau khi lần điểm đạo thứ tư được tiếp nhận, ba xoáy luân xa có tự thiết lập trên Cõi thượng trí hay không.

306. There is a very big question about what happens to the manasic vehicle (presumably built around the manasic permanent atom) after the fourth initiation.

306. Có một câu hỏi rất lớn về điều gì xảy ra với vận cụ manas (có lẽ được xây dựng quanh nguyên tử trường tồn manas) sau lần điểm đạo thứ tư.

So it is on the physical plane for man—**his etheric centres being located in matter of the fourth ether.**

Cũng vậy trên cõi hồng trần đối với con người—**các trung tâm dĩ thái của y được định vị trong vật chất của dĩ thái thứ tư.**

307. It seems only *partially* true that the etheric centers of man are located in the fourth ether. *Some* of them are, but the charts seem to contradict this (cf. Chart VIII, TCF, 817). In this chart the throat, heart and head centers are located on the third, second and first ethers respectively.

307. Điều này dường như chỉ đúng *một phần* rằng các trung tâm dĩ thái của con người được định vị trong dĩ thái thứ tư. *Một số* trong đó là như vậy, nhưng các biểu đồ dường như mâu thuẫn với điều này (xem Biểu đồ VIII, TCF, 817). Trong biểu đồ này, các trung tâm cổ họng, tim và đầu lần lượt được định vị trên dĩ thái thứ ba, thứ hai và thứ nhất.

Each of the three Persons of the Trinity manifests equally as does a man, as Spirit, Soul or Ego, and Substance.

Mỗi một trong Ba Ngôi/Tam Vị đều biểu hiện bình đẳng như con người, như tinh thần, linh hồn hay chân ngã, và chất liệu.

308. All E/entities seem to have this threefold mode of manifestation. The question is: "Upon which plane or planes does this manifestation occur?"

308. Mọi Thực thể dường như đều có phương thức biểu hiện tam phân này. Câu hỏi là: "Sự biểu hiện này xảy ra trên cõi hay các cõi nào?"

309. Do the Three Persons of the Logoic Trinity manifest on the same cosmic physical sub-planes as does the Solar Logos (considered as a whole)? Perhaps the answer is, "yes", as the causal bodies of these Three Persons are, like the causal body of the Solar Logos, found upon the highest sub-plane of the cosmic mental plane.

309. Ba Ngôi/Tam Vị của Tam Vị Logoic có biểu hiện trên cùng các cõi phụ hồng trần vũ trụ như Thái dương Thượng đế (được xét như một toàn thể) hay không? Có lẽ câu trả lời là "có", vì các thể nguyên nhân của Ba Ngôi này, cũng như thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế, đều được tìm thấy trên cõi phụ cao nhất của cõi trí vũ trụ.

In connection with Brahma, we have the Spirit aspect animating the three higher subplanes of every plane, or the first fire aspect. His soul aspect is found on the fourth subplane of each plane whereon are

Liên hệ với Brahma, chúng ta có phương diện tinh thần làm sinh động ba cõi phụ cao hơn của mỗi cõi, hay phương diện lửa thứ nhất. Phương diện linh hồn của Ngài được tìm thấy trên cõi phụ thứ tư của mỗi cõi, nơi

situated the etheric centres of all manifested entities.

tọa lạc các trung tâm dĩ thái của mọi thực thể biểu hiện.

310. We may consider Brahma as the third aspect of the Solar Logos, but to interpret accurately the section above, we must know with certainty what the Tibetan means by "Brahma".

310. Chúng ta có thể xem Brahma như phương diện thứ ba của Thái dương Thượng đế, nhưng để giải thích chính xác đoạn trên, chúng ta phải biết chắc Chân sư Tây Tạng muốn nói gì bởi "Brahma".

311. It is difficult to know why DK continues to repeat the thought that the fourth sub-plane is that on which "are situated the etheric centres of all manifested entities". From other things that He has said, this assertion can only be partially correct.

311. Thật khó hiểu vì sao Chân sư DK tiếp tục lặp lại ý tưởng rằng cõi phụ thứ tư là cõi trên đó "tọa lạc các trung tâm dĩ thái của mọi thực thể biểu hiện". Từ những điều khác Ngài đã nói, khẳng định này chỉ có thể đúng một phần.

312. If that Person (called Brahma) of the Logoic Trinity is thus situated, what of Vishnu and Shiva (the other Persons of that Trinity)?

312. Nếu Ngôi Vị ấy (được gọi là Brahma) của Tam Vị Logoic được định vị như vậy, thì Vishnu và Shiva (hai Ngôi Vị kia của Tam Vị ấy) ra sao?

313. Or are we referring to Brahma (and not Vishnu or Shiva) because we are speaking primarily of expression upon the cosmic physical plane?

313. Hay chúng ta đang nói đến Brahma (chứ không phải Vishnu hay Shiva) vì chúng ta đang nói chủ yếu về sự biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ?

His substance aspect is primarily contacted on the three lower subplanes.

Phương diện chất liệu của Ngài chủ yếu được tiếp xúc trên ba cõi phụ thấp hơn.

314. Yet, according to His positioning, He still works through the middle and higher sub-planes of the cosmic physical plane.

314. Tuy vậy, theo vị trí của Ngài, Ngài vẫn hoạt động qua các cõi phụ trung gian và cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ.

315. Still, it does make sense that the substance aspect of Brahma would primarily be contacted on the three lower sub-planes.

315. Tuy nhiên, quả thật hợp lý khi phương diện chất liệu của Brahma chủ yếu được tiếp xúc trên ba cõi phụ thấp hơn.

316. Since, Brahma, is a great God, He naturally has a soul and Spirit aspect—even though He is primarily associated with materiality and intelligence.

316. Vì Brahma là một Thượng đế vĩ đại, nên dĩ nhiên Ngài có phương diện linh hồn và tinh thần—dù Ngài chủ yếu được liên kết với tính vật chất và trí tuệ.

Hence we have the forty-nine fires of matter,

Do đó chúng ta có bốn mươi chín ngọn lửa của vật chất,

317. Presumably, we would have one fire for each of the forty-nine sub-planes.

317. Có lẽ chúng ta sẽ có một ngọn lửa cho mỗi một trong bốn mươi chín cõi phụ.

318. There are "Seven Sons of Fohat". Each of these "Seven Sons" can be divided into seven. Fohat is, from one point of view, Brahma.

318. Có "Bảy Con của Fohat". Mỗi một trong "Bảy Con" này có thể được chia thành bảy. Fohat, từ một quan điểm, là Brahma.

or the seven fires of each plane,

hay bảy ngọn lửa của mỗi cõi,

319. Again—one on each sub-plane…

319. Một lần nữa—một ngọn trên mỗi cõi phụ…

the union of the higher three and the lower three producing that blaze which we call the wheels of fire or the centres on the fourth subplane of each plane.

sự hợp nhất của ba cõi trên và ba cõi dưới tạo ra ngọn lửa rực mà chúng ta gọi là các bánh xe lửa hay các trung tâm trên cõi phụ thứ tư của mỗi cõi.

320. Here we have the fires of Brahma implicated in producing the chakric blaze found on the fourth sub-plane of each plane.

320. Ở đây chúng ta có các ngọn lửa của Brahma được hàm ý là tham gia vào việc tạo ra ngọn lửa luân xa được tìm thấy trên cõi phụ thứ tư của mỗi cõi.

321. This is particularly true in relation to the cosmic physical plane. Would Vishnu be implicated in the production of 'etheric' chakras on the cosmic astral plane, and Shiva in producing the set of chakras which must, by analogical necessity, be found upon the fourth level of the cosmic mental plane?

321. Điều này đặc biệt đúng trong liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ. Liệu Vishnu có tham gia vào việc tạo ra các luân xa "dĩ thái" trên cõi cảm dục vũ trụ, và Shiva trong việc tạo ra tập hợp luân xa mà, theo sự tất yếu của định luật tương đồng, phải được tìm thấy trên cấp độ thứ tư của cõi trí vũ trụ hay không?

322. Presumably this blaze is to be found on *every* fourth sub-plane of each of the seven planes. The inference is that chakras of some kind are to be found on *each* of the seven systemic planes.

322. Có lẽ ngọn lửa rực này được tìm thấy trên *mọi* cõi phụ thứ tư của mỗi một trong bảy cõi. Suy luận là các luân xa thuộc một loại nào đó được tìm thấy trên *mỗi* một trong bảy cõi hệ thống.

In connection with the second aspect there is a similar [Page 523] condition.

323. Is the distribution similar—3—1—3?

324. Below there seem to be some modifications.

325. It would seem that we are now dealing with the Vishnu aspect just as in the previous example, it was the Brahma aspect.

Solar fire blazes forth in its electrical aspect on the second plane, and demonstrates thus also on the third and fourth planes,

326. The same idea has been stated above:

I would point out that the Lord Agni shows forth His fiery life on the atomic subplane of each plane; He shows forth as solar fire on the second, third and fourth,…

327. We should note that the second plane is a combination of the expression of the first and second rays. The second ray is primary and the first ray secondary.

328. In what is stated below, it should be remembered that Lord Brahma is 'older' (in terms of manifestation) than Lord Vishnu.

329. For Brahma, electric fire blazed forth on the first three systemic sub-planes.

330. For the second aspect or Vishnu aspect, the electrical aspect of solar fire blazed forth principally on the second plane but also on the third and fourth.

Liên hệ với phương diện thứ hai cũng có một [Page 523] điều kiện tương tự.

323. Sự phân bố có tương tự—3—1—3 hay không?

324. Ở dưới dường như có một vài sửa đổi.

325. Dường như giờ đây chúng ta đang bàn đến phương diện Vishnu cũng như trong ví dụ trước đó là phương diện Brahma.

Lửa Thái dương bừng cháy trong phương diện điện của nó trên cõi thứ hai, và do đó cũng biểu lộ trên cõi thứ ba và thứ tư,

326. Cùng một ý tưởng này đã được nêu ở trên:

Tôi xin chỉ ra rằng Chúa Agni biểu lộ sự sống rực lửa của Ngài trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi; Ngài biểu lộ như Lửa Thái dương trên cõi thứ hai, thứ ba và thứ tư,…

327. Chúng ta nên lưu ý rằng cõi thứ hai là một sự kết hợp của biểu hiện cung một và cung hai. Cung hai là chính yếu và cung một là thứ yếu.

328. Trong điều được nêu dưới đây, cần nhớ rằng Chúa Brahma "cổ xưa" hơn (xét theo biểu hiện) Chúa Vishnu.

329. Đối với Brahma, Lửa Điện bừng cháy trên ba cõi phụ hệ thống đầu tiên.

330. Đối với phương diện thứ hai hay phương diện Vishnu, phương diện điện của Lửa Thái dương bừng cháy chủ yếu trên cõi

thứ hai nhưng cũng trên cõi thứ ba và thứ tư.

but finds its central demonstration on manasic levels,

nhưng tìm thấy sự biểu lộ trung tâm của nó trên các cấp độ manas,

331. Whereas the central demonstration for Brahma was on the buddhic plane, the central demonstration for the second aspect (let us call it the "Vishnu aspect") demonstrates on the higher mental plane.

331. Trong khi sự biểu lộ trung tâm của Brahma là trên cõi Bồ đề, thì sự biểu lộ trung tâm của phương diện thứ hai (chúng ta hãy gọi là "phương diện Vishnu") biểu lộ trên Cõi thượng trí.

332. This is reasonable as the demonstration of the Vishnu aspect began one plane lower than that of the Brahma aspect.

332. Điều này là hợp lý vì sự biểu lộ của phương diện Vishnu bắt đầu thấp hơn một cõi so với phương diện Brahma.

333. Why should the Brahma aspect be more elevated than the second or Vishnu aspect? Perhaps because Vishnu began the process *later* than Brahma, and because the Primordial Ray is 'older' than the Divine Ray.

333. Tại sao phương diện Brahma lại cao hơn phương diện thứ hai hay phương diện Vishnu? Có lẽ vì Vishnu bắt đầu tiến trình *muộn hơn* Brahma, và vì Cung Nguyên Sơ "cổ xưa" hơn Cung Thiêng Liêng.

shining through the causal vehicles of the egoic groups.

chiếu sáng qua các vận cụ nguyên nhân của các nhóm chân ngã.

334. The relation of the second aspect to the causal groups is given. The Vishnu aspect shines through the causal vehicles of the egoic groups.

334. Mối liên hệ của phương diện thứ hai với các nhóm nguyên nhân đã được nêu ra. Phương diện Vishnu chiếu sáng qua các vận cụ nguyên nhân của các nhóm chân ngã.

335. We could wonder whether the Solar Angels can be considered aspects of the Vishnu aspect.

335. Chúng ta có thể tự hỏi liệu các Thái dương Thiên Thần có thể được xem là các phương diện của phương diện Vishnu hay không.

336. We must bear in mind that all Three Persons of the Logoic Trinity have *three* aspects. There is a tendency to think of them mono-dimensionally instead of 'tri-dimensionally'.

336. Chúng ta phải ghi nhớ rằng cả Ba Ngôi/Tam Vị của Tam Vị Logoic đều có *ba* phương diện. Có một khuynh hướng nghĩ về Các Ngài theo một chiều thay vì theo "ba chiều".

Only two and a half planes then remain through which the fire by friction aspect may manifest,

Khi ấy chỉ còn lại hai cõi rưỡi mà qua đó phương diện Lửa ma sát có thể biểu lộ,

337. The fire by friction aspect of the Vishnu aspect is meant. Each of the major divine aspect has its electric fire, solar fire and fire by friction aspects.

337. Ở đây muốn nói đến phương diện Lửa ma sát của phương diện Vishnu. Mỗi phương diện thiêng liêng lớn đều có các phương diện Lửa Điện, Lửa Thái dương và Lửa ma sát của riêng nó.

eighteen subplanes in all which concern the third aspect of the **second Person of the logoic Trinity.**

tổng cộng là mười tám cõi phụ liên quan đến phương diện thứ ba của **Ngôi Vị thứ hai của Tam Vị logoic.**

338. We are definitely speaking of the "second Person of the logoic Trinity".

338. Chúng ta rõ ràng đang nói về "Ngôi Vị thứ hai của Tam Vị logoic".

339. Eighteen systemic sub-planes represent the "second Person of the logoic Trinity" whereas twenty-one sub-planes represent the "third Person of the logoic Trinity", Brahma—the oldest in terms of manifestation.

339. Mười tám cõi phụ hệ thống biểu thị "Ngôi Vị thứ hai của Tam Vị logoic", trong khi hai mươi mốt cõi phụ biểu thị "Ngôi Vị thứ ba của Tam Vị logoic", Brahma—Đấng cổ xưa nhất xét theo biểu hiện.

340. Given the different ways of expression for Brahma and Vishnu, it is easy to associate Brahma closely with the Solar Logos (as a whole) and Vishnu with the Planetary Logoi Who are Dragons of Wisdom—'Dragons of Love'.

340. Với những cách biểu hiện khác nhau của Brahma và Vishnu, thật dễ liên kết Brahma chặt chẽ với Thái dương Thượng đế (như một toàn thể) và Vishnu với các Hành Tinh Thượng Đế là những Rồng Minh Triết —"Rồng Bác Ái".

341. Yet, of course, from another perspective, the Solar Logos, as a whole, is Vishnu in a larger context—so identified is He with the principle of Love.

341. Tuy nhiên, dĩ nhiên, từ một góc nhìn khác, Thái dương Thượng đế, như một toàn thể, là Vishnu trong một bối cảnh lớn hơn—Ngài đồng hoá với nguyên khí Bác ái đến mức như thế.

For man, the microcosm, a similar differentiation is possible;

Đối với con người, tiểu thiên địa, một sự biến phân tương tự cũng có thể có;

342. DK has apparently skipped the planar manifestation of the Shiva aspect.

342. Chân sư DK dường như đã bỏ qua sự biểu hiện theo cõi của phương diện Shiva.

343. We can question whether that Person of the Logoic Trinity is even manifesting, as yet, in any way noticeable.

343. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu Ngôi Vị ấy của Tam Vị Logoic có đang biểu hiện, cho đến nay, theo bất kỳ cách nào đáng chú ý hay không.

344. It He were, His central point of manifestation might be even 'lower' than that of Vishnu. Would it be upon the systemic astral plane, as Shiva carries the Trident (Neptune) and Neptune is the premier planet of the astral plane—Neptune, "God of the Waters".

344. Nếu Ngài có, điểm trung tâm biểu hiện của Ngài có thể còn "thấp" hơn cả của Vishnu. Liệu nó có ở trên cõi cảm dục hệ thống hay không, vì Shiva mang Cây Đinh Ba (Sao Hải Vương) và Sao Hải Vương là hành tinh hàng đầu của cõi cảm dục—Sao Hải Vương, "Thượng đế của Nước".

His Monad can be studied in its threefold essence on its own plane,

Chân thần của y có thể được nghiên cứu trong tinh túy tam phân của nó trên cõi riêng của nó,

345. We are speaking of Will, Wisdom and Activity represented conventionally by an equilateral triangle on some charts.

345. Chúng ta đang nói đến Ý Chí, Minh triết và Hoạt động, được biểu thị theo quy ước bằng một tam giác đều trên một số biểu đồ.

his egoic aspect likewise,

phương diện chân ngã của y cũng vậy,

346. Here we speak of two triplicities:

346. Ở đây chúng ta nói đến hai bộ ba:

a. If the "egoic aspect" is considered the spiritual triad, we have atma, buddhi and manas

a. Nếu "phương diện chân ngã" được xem là Tam Nguyên Tinh Thần, chúng ta có atma, Bồ đề và manas

b. If the "egoic aspect" is more confined and considered to occupy only the sub-planes of the higher mental plane, we shall have the sacrifice petals, the love petals and the knowledge petals

b. Nếu "phương diện chân ngã" bị giới hạn hơn và được xem là chỉ chiếm các cõi phụ của Cõi thượng trí, chúng ta sẽ có các cánh hoa hi sinh, các cánh hoa bác ái và các cánh hoa tri thức

and the Brahma aspect of the Ego is found within the permanent atoms.

và phương diện Brahma của chân ngã được tìm thấy trong các nguyên tử trường tồn.

347. We are speaking of the lower permanent atoms or the two lowest permanent atom and the mental unit.

347. Chúng ta đang nói đến các nguyên tử trường tồn thấp hơn hay hai nguyên tử trường tồn thấp nhất và đơn vị hạ trí.

348. We always seem to witness a sevenfold or ninefold demonstration of any E/entity.

348. Chúng ta dường như luôn chứng kiến một sự biểu lộ thất phân hay cửu phân của bất kỳ Thực thể nào.

349. We should be aware that a wonderful exposition of the planar expression of the Grand Heavenly Man, the Heavenly Man and man has been offered in the foregoing sections of text.

349. Chúng ta nên nhận thức rằng một sự trình bày tuyệt vời về biểu hiện theo cõi của Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, Đấng Thiên Nhân và con người đã được cống hiến trong các phần văn bản vừa qua.

Students should therefore study with care:

Vì vậy, các đạo sinh nên nghiên cứu cẩn trọng:

1. ***The Planes.*** The manifestation of Brahma, the third or substance aspect, and should apply to this Entity the same triple constitution as is apparent in the other two.

1. ***Các Cõi.*** Sự biểu hiện của Brahma, phương diện thứ ba hay phương diện chất liệu, và nên áp dụng cho Thực thể này cùng một cấu tạo tam phân như điều hiển nhiên nơi hai Ngôi Vị kia.

350. The importance of the *nine* when considering the Three Persons of the Logoic Trinity is suggested.

350. Tầm quan trọng của con số *chín* khi xét Ba Ngôi/Tam Vị của Tam Vị Logoic được gợi ra.

The planes of electric fire, the planes of his lower nature, and the point of blazing forth or conflagration for him (the etheric centres) must be carefully studied. **Brahma is the positive life of matter; He is the revelation of substance and the blaze that can be seen.**

Các cõi của Lửa Điện, các cõi của bản chất thấp của ngài, và điểm bừng cháy hay bốc lửa của ngài (các trung tâm dĩ thái) phải được nghiên cứu cẩn trọng. **Brahma là sự sống dương của vật chất; Ngài là sự mặc khải của chất liệu và ngọn lửa rực có thể được nhìn thấy.**

351. Brahma has a “triple constitution” as do the other two Persons of the Logoic Trinity.

351. Brahma có một “cấu tạo tam phân” như hai Ngôi Vị kia của Tam Vị Logoic.

352. His three planes of electric fire are the logoic, monadic and atmic sub-planes.

352. Ba cõi Lửa Điện của Ngài là các cõi phụ logoic, chân thần và atma.

353. The lower three planes are the planes of His lower nature

353. Ba cõi thấp hơn là các cõi của bản chất thấp của Ngài

354. The buddhic plane is the plane of His blazing forth as a conflagration.

354. Cõi Bồ đề là cõi của sự bùng phát rực cháy của Ngài như một đám đại hỏa hoạn.

355. Here are excellent and unusual definitions of Brahma:

355. Ở đây có những định nghĩa tuyệt hảo và khác thường về Brahma:

a. Brahma is the positive life of matter

a. Brahma là sự sống dương của vật chất

b. Brahma is the revelation of substance

b. Brahma là sự mặc khải của chất liệu

c. Brahma is the blaze that can be seen

c. Brahma là ngọn lửa rực có thể được nhìn thấy

356. Light is associated not only with the second aspect of divinity but with the third. In this case, Brahma is the blaze of light.

356. Ánh sáng không chỉ liên kết với phương diện thứ hai của thiên tính mà còn với phương diện thứ ba. Trong trường hợp này, Brahma là ngọn lửa rực của ánh sáng.

357. We note that Brahma is not matter *per se,* but is the positive "life of matter". The Holy Spirit is the "positive life of matter".

357. Chúng ta lưu ý rằng Brahma không phải là vật chất *per se,* mà là "sự sống dương của vật chất". Chúa Thánh Thần là "sự sống dương của vật chất".

358. Brahma's life may be particularly connected with the seven or forty-nine planes but Vishnu (or the second Person) also manifests through the planes—through beginning with a lower plane.

358. Sự sống của Brahma có thể đặc biệt liên hệ với bảy hay bốn mươi chín cõi, nhưng Vishnu (hay Ngôi thứ hai) cũng biểu hiện qua các cõi—khởi đầu qua một cõi thấp hơn.

2. Vibration. The manifestation of the second aspect.

2. Rung động. Sự biểu hiện của phương diện thứ hai.

359. How interesting that the second aspect or Person of the Logoic Trinity should be associated with *vibration*! In every vibration there is an oscillation and hence, a duality corresponding to the number two of the second aspect.

359. Thật thú vị biết bao khi phương diện hay Ngôi thứ hai của Tam Vị Logoic lại được liên kết với *rung động*! Trong mọi rung động đều có một sự dao động và do đó, có một nhị nguyên tính tương ứng với số hai của phương diện thứ hai.

360. That Fundamental of the Secret Doctrine called the Law of Periodicity is, if we think about it, akin to the Law of Vibration.

360. Điều Căn Bản trong Giáo Lý Bí Nhiệm được gọi là Định luật Chu Kỳ, nếu chúng ta suy nghĩ về nó, thì tương cận với Định luật Rung Động.

361. Vulcan is connected with the Law of Vibration. Vulcan is not only a first ray planet, but still more deeply may be connected with the second ray and with the "Heart of the Sun".

361. Vulcan có liên hệ với Định luật Rung Động. Vulcan không chỉ là một hành tinh cung một, mà sâu xa hơn nữa còn có thể liên hệ với cung hai và với "Trái Tim của Mặt Trời".

These **vibrations of consciousness** are the major three words which are the sumtotal of egoic life, the minor three which govern the third aspect of the Ego, and the chord of at-one-ment which is that which is sounding forth now.

Những **rung động của tâm thức** này là ba linh từ chính yếu, là tổng thể của sự sống chân ngã, ba linh từ phụ chi phối phương diện thứ ba của Chân ngã, và hợp âm của sự hợp nhất, tức điều hiện đang được xướng lên.

362. That which is given above is again of a very occult nature.

362. Điều được nêu ở trên lại mang bản chất rất huyền bí.

363. Always the second aspect is associated with the Word or with words in general (although the speaking of words is associated with the third aspect). We have been told of six words (three which are major and three minor). They all seem to be confined within the Ego—even the final "chord of at-one-ment".

363. Phương diện thứ hai luôn luôn được liên kết với Linh từ hay với các từ nói chung (mặc dù việc nói ra các từ lại liên hệ với phương diện thứ ba). Chúng ta đã được cho biết về sáu từ (ba từ chính yếu và ba từ phụ). Tất cả dường như đều bị giới hạn trong Chân ngã—ngay cả "hợp âm của sự hợp nhất" sau cùng.

364. The "chord of at-one-ment" sounding forth in the Ego is a reflection of the buddhic energy, for the buddhic plane is the "plane of harmony", and buddhi is the at-one-ing energy.

364. "Hợp âm của sự hợp nhất" đang vang lên trong Chân ngã là một phản ánh của năng lượng Bồ đề, vì cõi Bồ đề là "cõi của hòa điệu", và buddhi là năng lượng hợp nhất.

365. What really, are "vibrations of consciousness"? Does consciousness vibrate? Or do vibrations within the substance aspect of divinity provide for the reception of different kinds of consciousness?

365. Thực sự thì "rung động của tâm thức" là gì? Tâm thức có rung động chăng? Hay các rung động bên trong phương diện chất liệu của thiên tính tạo điều kiện cho việc tiếp nhận những loại tâm thức khác nhau?

366. Words, of course, are formed of differing kinds of vibrations and have a profound effect within substance. Different words open portals for the reception of various qualities and into spheres of consciousness.

366. Dĩ nhiên, các từ được cấu thành từ những loại rung động khác nhau và có một tác động sâu xa bên trong chất liệu. Những từ khác nhau mở ra các cánh cổng để tiếp nhận những phẩm tính khác nhau và đi vào các khối cầu tâm thức.

367. The soul has sixteen potencies. Sixteen reduces to seven and so these sixteen may be expressed as seven words. The number sixteen relates to the throat center (of sixteen petals) through which words are sounded—with magical effect (hence the seven).

367. Linh hồn có mười sáu tiềm năng. Mười sáu quy về bảy, và vì thế mười sáu tiềm năng này có thể được biểu đạt thành bảy từ. Số mười sáu liên hệ với trung tâm cổ họng (gồm mười sáu cánh hoa), qua đó các từ được xướng lên—với hiệu quả huyền thuật (do đó là số bảy).

The three aspects of Spirit as they are seen can only be expressed in terms of the other two in this solar system, and of their nature extra-systemically nought can profitably be said at this stage of cognition.

Ba phương diện của tinh thần như chúng được thấy chỉ có thể được diễn tả bằng các thuật ngữ của hai phương diện kia trong hệ mặt trời này, và về bản chất của chúng ngoài hệ thì ở giai đoạn nhận thức này không thể nói gì một cách hữu ích.

368. We might have wondered about the planar expression of the "first Person of the Logoic Trinity", but DK tells us that we cannot locate that expression, since the first aspect expresses, at this time, *through* the other two.

368. Chúng ta có thể đã tự hỏi về sự biểu đạt theo cõi của "Ngôi thứ nhất của Tam Vị Logoic", nhưng Chân sư DK cho chúng ta biết rằng chúng ta không thể định vị sự biểu đạt đó, vì phương diện thứ nhất hiện nay biểu hiện *qua* hai phương diện kia.

369. If we look for the extra-systemic source of the highest aspect we shall also not detect it. Perhaps one of the great constellations in the One About Whom Naught May Be Said would be the source. It is not important to have these answers at this point in our development.

369. Nếu chúng ta tìm kiếm nguồn gốc ngoài hệ của phương diện cao nhất, chúng ta cũng sẽ không phát hiện được nó. Có lẽ một trong những chòm sao lớn trong Đấng Bất Khả Tư Nghị sẽ là nguồn gốc. Ở điểm này trong sự phát triển của chúng ta, có được những câu trả lời ấy không phải là điều quan trọng.

370. However, two possible Sources of this Spirit or Shiva energy are that particular Solar Logos in the Seven Solar Systems of Which Ours is One, Who expresses the first ray, and that constellation in the One About Whom Naught May Be Said through which

370. Tuy nhiên, hai Nguồn có thể có của năng lượng Tinh thần hay Shiva này là Thái dương Thượng đế đặc biệt ấy trong Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một, Đấng biểu hiện cung một, và chòm sao trong Đấng Bất Khả Tư Nghị qua đó cung một biểu hiện

the first ray expresses—probably the Great Bear, considered in its entirety.

—có lẽ là Đại Hùng Tinh, được xét trong toàn thể của nó.

The above thoughts upon the planes, and the ninefold nature of all that is, take one into regions as yet almost beyond the grasp of man;

Những tư tưởng trên về các cõi, và về bản chất cửu phân của mọi sự hiện hữu, đưa con người vào những miền mà hiện còn gần như vượt ngoài tầm nắm bắt của con người;

371. With this we can agree!

371. Về điều này chúng ta có thể đồng ý!

372. We have taken note, have we not, of the Tibetan's attempt to clarify the "ninefold nature of all that it"? Every triplicity is subdivisible into three sections of threes. The matter is complicated (especially as we begin to sense the relativity of planes and sub-planes through which the nine divisions may express), but there is no use evading acknowledgment of the complexity.

372. Chúng ta đã lưu ý, phải không, đến nỗ lực của Chân sư Tây Tạng nhằm làm sáng tỏ "bản chất cửu phân của mọi sự hiện hữu"? Mỗi bộ ba đều có thể được phân chia thành ba phần của ba. Vấn đề này phức tạp (đặc biệt khi chúng ta bắt đầu cảm nhận tính tương đối của các cõi và cõi phụ qua đó chín phân bộ có thể biểu hiện), nhưng không ích gì khi né tránh việc thừa nhận sự phức tạp ấy.

373. The Three Persons of the Logoic Trinity are ever active and it would be well for us to understand the fields or dimensions through which they express, affecting as they do the microcosm.

373. Ba Ngôi của Tam Vị Logoic luôn luôn hoạt động, và sẽ là điều tốt cho chúng ta nếu thấu hiểu các trường hay các chiều kích qua đó các Ngài biểu hiện, vì các Ngài tác động đến tiểu thiên địa.

yet only when the substance [Page 524] aspect is studied by the scientist in its triple nature will truth be approximated, and the true nature of electrical phenomena be comprehended;

nhưng chỉ khi phương diện [Page 524] chất liệu được nhà khoa học nghiên cứu trong bản chất tam phân của nó thì chân lý mới được tiếp cận, và bản chất đích thực của các hiện tượng điện mới được thấu hiểu;

374. We recall that in order to understand electrical phenomena, the seven planes must be subdivided into three parts according to the model, 3—1—3.

374. Chúng ta nhớ rằng để hiểu các hiện tượng điện, bảy cõi phải được phân chia thành ba phần theo mô hình 3—1—3.

375. Electrical phenomena arise from an essential cosmic division which is in process of attempting to reunite. This attempted reunion is the cause of all electrical interplay.

375. Các hiện tượng điện phát sinh từ một sự phân chia vũ trụ cốt yếu đang trong tiến trình cố gắng tái hợp nhất. Chính nỗ lực tái hợp này là nguyên nhân của mọi tương tác điện.

376. It is quite astonishing to realize how closely electrical phenomena are related to the second ray—the ray which under the Law of Attraction reunites the apparently separated poles.

376. Thật hết sức đáng kinh ngạc khi nhận ra các hiện tượng điện liên hệ chặt chẽ đến mức nào với cung hai—cung mà dưới Định luật Hấp Dẫn tái hợp nhất các cực dường như bị tách rời.

then and only then will electricity be harnessed and utilised by man as a unity, and not just in one of its aspects as at present;

khi đó và chỉ khi đó điện mới được con người chế ngự và sử dụng như một nhất thể, chứ không chỉ trong một phương diện của nó như hiện nay;

377. The aspect presently utilized is the third aspect related to fire by friction.

377. Phương diện hiện đang được sử dụng là phương diện thứ ba liên hệ với lửa ma sát.

the negative electricity of the planet is all that is as yet contacted for commercial purposes.

điện âm của hành tinh là tất cả những gì cho đến nay được tiếp xúc vì các mục đích thương mại.

378. We see how far we have to go. However, developments concerning radioactive substances have begun to make the result of positive electricity available for commercial use. The many atomic power plants which generate electricity have expanded man's use of electricity.

378. Chúng ta thấy mình còn phải đi xa đến đâu. Tuy nhiên, những phát triển liên quan đến các chất phóng xạ đã bắt đầu làm cho kết quả của điện dương trở nên khả dụng cho việc sử dụng thương mại. Nhiều nhà máy điện nguyên tử phát điện đã mở rộng việc sử dụng điện của con người.

379. As the Tibetan has stated however, that aspect of electricity which relates to solar fire or "mental fire" is still not understood or utilized, nor will it be for a long time.

379. Tuy nhiên, như Chân sư Tây Tạng đã nói, phương diện điện liên hệ với Lửa Thái dương hay "lửa của trí tuệ" vẫn chưa được hiểu hay sử dụng, và còn lâu nữa mới được như vậy.

It must be remembered that this term is used in the sense of negative in relation to solar electricity.

Cần nhớ rằng thuật ngữ này được dùng theo nghĩa âm tính trong tương quan với điện mặt trời.

380. There is, apparently a type of electricity based on solar fire about which DK has said just a little. With the emergence of the soul of humanity some fuller idea of this type of electricity will probably also emerge.

When man has found out how to contact and utilise positive solar electricity in combination with negative planetary electricity, we shall have a very dangerous condition brought about, and one of the factors which will eventually manifest in the destruction of the fifth root race by fire.

380. Hiển nhiên có một loại điện dựa trên Lửa Thái dương mà Chân sư DK chỉ nói rất ít. Cùng với sự xuất hiện của linh hồn của nhân loại, có lẽ một ý niệm đầy đủ hơn về loại điện này cũng sẽ xuất hiện.

Khi con người đã khám phá ra cách tiếp xúc và sử dụng điện mặt trời dương kết hợp với điện hành tinh âm, chúng ta sẽ có một tình trạng hết sức nguy hiểm được tạo ra, và đó sẽ là một trong những yếu tố cuối cùng biểu hiện trong sự hủy diệt giống dân gốc thứ năm bằng lửa.

381. At one point we are told that there will be an "attempt" to destroy the fifth root race by fire:

Those who seek to evoke the Shamballa force are approaching close to the energy of fire. Fire is the symbol and the quality of the mental plane. Fire is an aspect of the divine nature. Fire was an outstanding aspect [Page 587] of the war. Fire is produced by physical means and the aid of the mineral kingdom and this was the great menacing and chosen means of destruction in this war. **This is a fulfilment of the ancient prophecy that the attempt to destroy the Aryan race will be by means of fire**, just as ancient Atlantis was destroyed by water. But, fiery goodwill and the conscious focussed use of the Shamballa force can counter fire by fire and this must be done. (TCF 586-587)

381. Ở một chỗ chúng ta được cho biết rằng sẽ có một "nỗ lực" nhằm hủy diệt giống dân gốc thứ năm bằng lửa:

Những ai tìm cách gợi lên lực Shamballa đang tiến rất gần đến năng lượng của lửa. Lửa là biểu tượng và phẩm tính của cõi trí. Lửa là một phương diện của bản chất thiêng liêng. Lửa là một phương diện nổi bật [Page 587] của chiến tranh. Lửa được tạo ra bằng các phương tiện hồng trần và với sự trợ giúp của giới kim thạch, và đây là phương tiện hủy diệt lớn lao, đe dọa và được chọn trong cuộc chiến này. **Đây là sự ứng nghiệm của lời tiên tri cổ xưa rằng nỗ lực hủy diệt nhân loại Arya sẽ được thực hiện bằng lửa**, cũng như Atlantis xưa đã bị hủy diệt bởi nước. Nhưng, thiện chí rực lửa và việc sử dụng có ý thức, tập trung lực Shamballa có thể lấy lửa chống lửa, và điều này phải được thực hiện. (TCF 586-587)

382. We must determine whether this "attempt" has already occurred in relation to the combined first and second world wars or whether a further "attempt" is yet to come. We must realize that as TCF was published

382. Chúng ta phải xác định xem "nỗ lực" này đã xảy ra rồi liên hệ đến sự kết hợp của Thế chiến thứ nhất và thứ hai hay chưa, hay một "nỗ lực" khác vẫn còn ở phía trước. Chúng ta phải nhận ra rằng vì TCF được xuất bản năm 1925, nên lời dẫn chiếu "trong cuộc

in 1925, the reference, “in this war” must have signified the First World War.

chiến này” hẳn phải có nghĩa là Thế chiến thứ nhất.

383. It would obviously be better for humanity if the “attempt” had already passed—unsuccessfully.

383. Hiển nhiên sẽ tốt hơn cho nhân loại nếu “nỗ lực” ấy đã qua đi—mà không thành công.

384. Will the fifth root race be destroyed by fire? From the statements above it certainly seems so. Will this occur any time soon? It is probable that the sixth root race must be well into its development before any such destruction will occur.

384. Giống dân gốc thứ năm có bị hủy diệt bởi lửa không? Từ những phát biểu trên, điều đó chắc chắn dường như là vậy. Điều này có xảy ra sớm không? Có lẽ giống dân gốc thứ sáu phải tiến khá xa trong sự phát triển của nó trước khi bất kỳ sự hủy diệt nào như thế xảy ra.

385. In relation to this destruction we cannot be talking about the "Judgment Day" because that is to occur in the middle of the *next* round which will possess an entirely new root race structure.

385. Liên hệ đến sự hủy diệt này, chúng ta không thể đang nói về “Ngày Phán Xét”, vì điều đó sẽ xảy ra vào giữa cuộc tuần hoàn *kế tiếp*, cuộc tuần hoàn sẽ có một cấu trúc giống dân gốc hoàn toàn mới.

386. What is the nature of “positive solar electricity”? It does not seem that DK means solar fire. Could He mean a type of solar fire by friction which relates to the prana and the etheric planes? Would we tend to call this “positive solar electricity” by the name “electric fire”? Clearly there is some obscurity around the matter and we are in no position to lift the veil.

386. Bản chất của “điện mặt trời dương” là gì? Dường như Chân sư DK không có ý nói Lửa Thái dương. Liệu Ngài có thể muốn nói đến một loại lửa ma sát mặt trời liên hệ với prana và các cõi dĩ thái chăng? Chúng ta có xu hướng gọi “điện mặt trời dương” này bằng tên “Lửa Điện” chăng? Rõ ràng có một sự mơ hồ nào đó quanh vấn đề này và chúng ta không ở vị thế để vén màn.

387. Is the danger DK is referring to related to the harnessing of ever greater power from the Sun?

387. Mối nguy mà Chân sư DK đang nói đến có liên hệ với việc khai thác ngày càng nhiều quyền năng từ Mặt Trời chăng?

388. We might think of the role of “fiery goodwill” in relation to the dangerous union of “positive solar fire” and “negative planetary electricity”.

388. Chúng ta có thể nghĩ đến vai trò của “thiện chí rực lửa” liên hệ với sự kết hợp nguy hiểm giữa “lửa mặt trời dương” và “điện hành tinh âm”.

At that great cataclysm—as the Bible says "the Heavens will melt with fervent heat."[70] [Bible. II Peter, 3:10.]

389. We learn from what follows that this melting will occur at the end of the fifth root race of the present round.

This will be seen in a still greater degree in the next round, and will cause that destruction by fire of the forms of the men who have failed, which will liberate the lives on a stupendous scale, and thus temporarily 'purify' the Earth from elements which would tend to hinder the evolutionary process.

390. We have been told that two-fifths of humanity will go into a temporary pralaya at that time and later be transferred to another planet.

391. Here we hear that the destruction of their forms will facilitate that entry into pralaya.

392. The lesser destruction at the end of the fifth root race of this fourth round will be the anticipatory prelude to a far greater destruction of forms at the "Judgment Day".

393. Those who are not “on the Path” at the time of the "Judgment Day" in the next round will have failed.

As the cycles pass away, the balancing of these fiery currents will be gradually brought about, and will result in a planetary condition of harmony, and of esoteric equality, which will provide ideal environment for harmonious man.

Vào đại biến động ấy—như Kinh Thánh nói “các tầng trời sẽ tan chảy vì sức nóng dữ dội.”70 [Bible. II Peter, 3:10.]

389. Từ điều tiếp theo, chúng ta biết rằng sự tan chảy này sẽ xảy ra vào cuối giống dân gốc thứ năm của cuộc tuần hoàn hiện tại.

Điều này sẽ còn được thấy ở một mức độ lớn hơn nữa trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, và sẽ gây ra sự hủy diệt bằng lửa đối với các hình tướng của những người đã thất bại, điều sẽ giải thoát các sự sống trên một quy mô khổng lồ, và như thế tạm thời “thanh lọc” Trái Đất khỏi những yếu tố có xu hướng cản trở tiến trình tiến hoá.

390. Chúng ta đã được cho biết rằng hai phần năm nhân loại sẽ đi vào một giai kỳ qui nguyên tạm thời vào lúc đó và sau này được chuyển sang một hành tinh khác.

391. Ở đây chúng ta nghe rằng sự hủy diệt các hình tướng của họ sẽ tạo điều kiện cho việc đi vào giai kỳ qui nguyên ấy.

392. Sự hủy diệt nhỏ hơn vào cuối giống dân gốc thứ năm của cuộc tuần hoàn thứ tư này sẽ là khúc dạo đầu báo trước cho một sự hủy diệt hình tướng lớn lao hơn nhiều vào “Ngày Phán Xét”.

393. Những ai không “ở trên Con Đường” vào thời điểm “Ngày Phán Xét” trong cuộc tuần hoàn kế tiếp sẽ là những kẻ đã thất bại.

Khi các chu kỳ trôi qua, sự quân bình của các dòng lửa này sẽ dần dần được thực hiện, và sẽ dẫn đến một tình trạng hành tinh của hòa điệu, và của sự bình đẳng huyền bí, điều sẽ cung cấp môi trường lý tưởng cho con người hài hòa.

394. We have been told of the great development in humanity which will occur following the "Judgment Day". It would seem that the buddhic quality will emerge in strength bringing with it the quality of harmony.

394. Chúng ta đã được cho biết về sự phát triển lớn lao trong nhân loại sẽ xảy ra sau "Ngày Phán Xét". Dường như phẩm tính Bồ đề sẽ xuất hiện mạnh mẽ, mang theo phẩm tính hòa điệu.

395. It is important to realize the connection of the number five with *fire.* Usually it is the first ray which is associated with fire, but the fifth ray is a primary conduit into the first ray.

395. Điều quan trọng là nhận ra mối liên hệ của số năm với *lửa.* Thông thường cung một được liên kết với lửa, nhưng cung năm là một kênh dẫn chính yếu đi vào cung một.

396. The production of "harmonious man" would seem to relate to the emergence in power of the buddhic principle (the *sixth* principle) after the "Judgment Day" in the fifth round.

396. Việc tạo ra "con người hài hòa" dường như liên hệ với sự xuất hiện đầy quyền năng của nguyên khí Bồ đề (nguyên khí *thứ sáu*) sau "Ngày Phán Xét" trong cuộc tuần hoàn thứ năm.

397. Yet, even in our fourth round (and before so very long, due to the coming in the fourth ray in its monadic aspect) a period of planetary "peace" is predicted. This will be a anticipatory 'reflection' of the greater peace to follow the "Judgment Day" in the fifth round.

397. Tuy nhiên, ngay cả trong cuộc tuần hoàn thứ tư của chúng ta (và không còn quá lâu nữa, do sự xuất hiện của cung bốn trong phương diện chân thần của nó), một thời kỳ "hòa bình" hành tinh đã được tiên đoán. Đây sẽ là một "phản ánh" báo trước của nền hòa bình lớn hơn sẽ theo sau "Ngày Phán Xét" trong cuộc tuần hoàn thứ năm.

Only when the soul aspect is studied by the psychologist in its threefold essential nature will the mystery of consciousness become apparent, and the nature of **the three magnetic groups,** in their various subdivisions with their consequent effectual radiation become a factor in the public life.

Chỉ khi phương diện linh hồn được nhà tâm lý học nghiên cứu trong bản chất cốt yếu tam phân của nó thì huyền nhiệm của tâm thức mới trở nên hiển nhiên, và bản chất của **ba nhóm từ tính,** trong các phân bộ khác nhau của chúng cùng với sự bức xạ hữu hiệu kéo theo, mới trở thành một yếu tố trong đời sống công cộng.

398. We have turned our focus to man's psyche. DK seems to be speaking of the study of three main groups of human beings characterized by the three Rays of Aspect. These, it would seem, are the three magnetic groups.

398. Chúng ta đã chuyển trọng tâm sang tâm lý con người. Chân sư DK dường như đang nói về việc nghiên cứu ba nhóm người chính được đặc trưng bởi Ba Cung Trạng Thái. Dường như đây là ba nhóm từ tính.

399. This section deals with the necessity for the balancing of forces and for the union of three types of electricity: positive, negative and neutral.

399. Phần này bàn đến sự cần thiết của việc quân bình các mãnh lực và sự hợp nhất của ba loại điện: dương, âm và trung hòa.

400. Obviously, when considering electricity in terms of microcosmic development, an understanding of the three major types of human being and the magnetic conditions which characterize them will be of great value.

400. Hiển nhiên, khi xem xét điện theo phương diện phát triển tiểu thiên địa, sự thấu hiểu ba loại người chính và các điều kiện từ tính đặc trưng cho họ sẽ có giá trị lớn.

This concerns itself with the definite development of the psyche under law, with the scientific expansion of the consciousness, and will eventually bring about conditions wherein the work, preliminary to the first initiation, will be purely exoteric, and no longer[Page 525] part of an esoteric process.

Điều này liên quan đến sự phát triển xác định của tâm lý dưới định luật, đến sự mở rộng tâm thức một cách khoa học, và cuối cùng sẽ mang lại những điều kiện trong đó công việc chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ nhất sẽ hoàn toàn là ngoại môn, và không còn[Page 525] là một phần của tiến trình nội môn nữa.

401. We are moving into just such a period—one in which the work preliminary to the first initiation is on the verge of becoming exoterically revealed.

401. Chúng ta đang tiến vào đúng một thời kỳ như thế—một thời kỳ trong đó công việc chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ nhất đang ở ngưỡng được tiết lộ một cách ngoại môn.

402. This possibility will represent a considerable deepening in humanity's understanding of the human psyche, especially in relation to its potential spiritual dimensions.

402. Khả năng này sẽ biểu thị một sự đào sâu đáng kể trong sự hiểu biết của nhân loại về tâm lý con người, đặc biệt liên hệ đến các chiều kích tinh thần tiềm tàng của nó.

403. Yet, we could question here, whether by the term "first initiation" DK really means the third, for the work preceding the third initiation is really an "esoteric process" and

403. Tuy nhiên, ở đây chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu với thuật ngữ "lần điểm đạo thứ nhất", Chân sư DK có thực sự muốn nói đến lần điểm đạo thứ ba hay không, vì công việc

that preceding the planetary first initiation may not be considered truly esoteric.

đi trước lần điểm đạo thứ ba thực sự là một "tiến trình nội môn", còn công việc đi trước lần điểm đạo thứ nhất của hành tinh có thể không được xem là thực sự nội môn.

404. Of course there is all manner of *subjective* work preceding even the first *planetary* initiation, and it may be to such work that DK is referring.

404. Dĩ nhiên có đủ mọi loại công việc *chủ quan* đi trước ngay cả lần điểm đạo thứ nhất *của hành tinh*, và có thể Chân sư DK đang nói đến chính loại công việc ấy.

In due course of time, it will be found that **the self-induced efforts whereby a man consciously prepares his centres for the application of the Rod of Initiation at the first Initiation, will be the subject of books, and of lectures, and form part of the ordinary thought of the masses.**

Đến đúng thời điểm, người ta sẽ phát hiện rằng **những nỗ lực do chính mình khởi phát, nhờ đó một người chuẩn bị các trung tâm của mình một cách có ý thức cho việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo vào lần điểm đạo thứ nhất, sẽ là đề tài của sách vở, của các bài giảng, và sẽ trở thành một phần của tư tưởng thông thường của quần chúng.**

405. Here, the inference is that the "first initiation" under discussion is, indeed, the *planetary* first initiation.

405. Ở đây, hàm ý là "lần điểm đạo thứ nhất" đang được bàn đến quả thực là lần điểm đạo thứ nhất *của hành tinh*.

406. May we expect that this will occur during the Aquarian Age? The possibility seems definite, as the intensifying Aquarian and seventh ray energies may well put the Christ (Who is the Initiator for the first two initiations) in a position to administer these initiations exoterically.

406. Chúng ta có thể mong đợi điều này xảy ra trong Kỷ Nguyên Bảo Bình chăng? Khả năng ấy dường như rõ rệt, vì các năng lượng Bảo Bình và cung bảy đang tăng cường rất có thể đặt Đức Christ (Đấng là Đấng Điểm đạo cho hai lần điểm đạo đầu) vào vị thế có thể ban các lần điểm đạo này một cách ngoại môn.

407. We note again that the necessary preparations are to be "self-induced". This puts the whole matter of preparation in the hands of the potential candidate and reduces the attitude of spiritual dependency.

407. Chúng ta lại lưu ý rằng những chuẩn bị cần thiết phải là "do chính mình khởi phát". Điều này đặt toàn bộ vấn đề chuẩn bị vào tay ứng viên tiềm năng và làm giảm thái độ lệ thuộc tinh thần.

This again will eventuate in a cleavage between the two groups in the middle of the fifth round.

Điều này một lần nữa sẽ dẫn đến một sự phân rẽ giữa hai nhóm vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm.

408. Now, we have jumped very far head—as if millions of years in the space between two sentences.

409. We do know that a major line of demarcation in the fifth round will concern the attitude of the members of these two groups to the Path.

It must be remembered that this cleavage will be part of a natural process, and not a drastic ruling, imposed upon an unwilling people.

410. Such a ruling would never work. Only that which grows out of man in a natural manner has any chance of enduring. Arbitrary rulings, even if they are well intended, are often overthrown.

411. The Masters cannot impose salvation upon man.

The KNOWERS and the students of the Knowledge—actuated by group consciousness, and working consciously—will separate themselves in group formation <u>from those who know not, and from those who care not.</u>

412. In the fifth round group consciousness will be a factual demonstration—not just a theory as so often it is today.

413. Here, more is said than elsewhere about the consciousness and psychological *attitude* of those who will go into pralaya in the middle of the fifth round

<u>This cleavage will be self-induced, and a natural outgrowth of the group life;</u>

408. Giờ đây, chúng ta đã nhảy vọt rất xa về phía trước—như thể hàng triệu năm nằm trong khoảng giữa hai câu.

409. Chúng ta quả thật biết rằng một ranh giới phân định lớn trong cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ liên quan đến thái độ của các thành viên thuộc hai nhóm này đối với Con Đường.

Cần nhớ rằng sự phân rẽ này sẽ là một phần của một tiến trình tự nhiên, chứ không phải một phán quyết khắc nghiệt áp đặt lên một dân chúng không tự nguyện.

410. Một phán quyết như thế sẽ không bao giờ có hiệu quả. Chỉ điều gì phát triển ra từ con người một cách tự nhiên mới có cơ may bền vững. Những phán quyết độc đoán, dù có thiện ý, thường vẫn bị lật đổ.

411. Các Chân sư không thể áp đặt sự cứu rỗi lên con người.

Các THỨC GIẢ và các đạo sinh của Minh triết—được thúc đẩy bởi tâm thức nhóm và làm việc một cách có ý thức—sẽ tự tách mình ra trong sự hình thành nhóm <u>khỏi những người không biết, và khỏi những người không quan tâm.</u>

412. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, tâm thức nhóm sẽ là một sự chứng minh thực tế—chứ không chỉ là một lý thuyết như ngày nay thường vẫn vậy.

413. Ở đây, nhiều điều được nói hơn ở nơi khác về tâm thức và *thái độ* tâm lý của những người sẽ đi vào giai kỳ qui nguyên vào giữa cuộc tuần hoàn thứ năm

Sự phân rẽ này sẽ do chính họ tạo ra, và là một sự tăng trưởng tự nhiên của đời sống nhóm;

414. We are speaking of an emerging discriminative cleavage. We must remember that the fifth ray rules the Law of Cleavages.

414. Chúng ta đang nói về một sự phân rẽ phân biện đang nổi lên. Chúng ta phải nhớ rằng cung năm cai quản Định luật của các Sự Phân Rẽ.

415. During the fifth round the fifth ray will naturally be extremely potent.

415. Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, cung năm đương nhiên sẽ cực kỳ mạnh.

416. May we judge that the “middle of the fifth round” (at which time the "Judgment Day" is to occur) will refer to some kind of fifth root race extant on our globe at that time?

416. Chúng ta có thể phán đoán rằng “giữa cuộc tuần hoàn thứ năm” (thời điểm “Ngày Phán Xét” sẽ xảy ra) sẽ chỉ đến một loại giống dân gốc thứ năm nào đó đang hiện hữu trên bầu hành tinh của chúng ta vào lúc ấy chăng?

it will in itself be of a temporary nature for the fundamental aim in view will be the bringing about of an eventual closer merging;

bản thân nó sẽ chỉ có tính chất tạm thời vì mục tiêu căn bản được nhắm đến sẽ là việc cuối cùng đưa đến một sự hòa nhập gần gũi hơn;

417. Those who through developed group process will promote this cleavage will have no selfishness in them. They would be glad for the opportunity to bridge the cleavage that will be caused (to the extent that it would be possible). Yet, we know from the prophecies, that it *will not* be *fully* possible.

417. Những ai, thông qua tiến trình nhóm đã phát triển, sẽ thúc đẩy sự phân rẽ này sẽ không có chút ích kỷ nào trong họ. Họ sẽ vui mừng vì có cơ hội bắt cầu qua sự phân rẽ sẽ được gây ra (trong chừng mực điều đó có thể). Tuy nhiên, chúng ta biết từ các lời tiên tri rằng điều đó *sẽ không* thể *hoàn toàn* thực hiện được.

418. Those units who cannot respond to the soul impulse and who are not even incipiently group conscious will not have the opportunity to endure on Earth in perpetuity. The destruction of their forms (so we are told) will come about and they will be transferred—into pralaya and eventually to another planet for continued development.

418. Những đơn vị không thể đáp ứng với xung lực linh hồn và thậm chí chưa có tâm thức nhóm ở giai đoạn sơ khởi sẽ không có cơ hội tồn tại trên Trái Đất vĩnh viễn. Sự hủy diệt các hình tướng của họ (như chúng ta được cho biết) sẽ xảy ra và họ sẽ được chuyển đi—vào giai kỳ qui nguyên và cuối cùng đến một hành tinh khác để tiếp tục phát triển.

it will mark primarily the line of demarcation between the lower four Rays of consciousness, and the higher three.

419. This is a very interesting statement. We understand that the higher three rays are closer to the soul state and the lower four rays closer to the states of form.

420. Those who will be retained upon the Earth will be merging into the state of soul, characteristic of those upon the Path. Some of the others (some of the remaining two fifths) may be intelligent, but they will not be spiritual.

421. DK has told us elsewhere that the cleavage and the destruction will be considered at that time a great disaster by those who do not know better.

It is also a mystery hid in the relationship between the four exoteric Kumaras,[71] [S. D., I, 116, 493; II, 112, 149] and the esoteric three, and from the point of view of man separates **those who are developing the consciousness of the Triad from those who as yet are living the life of the Quaternary.**

422. Right now only the four exoteric Kumaras are active in relation to the world process (at least in any ways we can hope to understand). All this may change by the time the middle of the fifth round arrives.

423. We have yet to establish whether the three esoteric Kumaras are really 'higher' than the four exoteric Kumaras, or whether the positions of the exoteric and esoteric kumaras constantly rotate depending upon which rays are to be drawn forth into

trước hết nó sẽ đánh dấu ranh giới phân định giữa bốn Cung tâm thức thấp hơn và ba Cung cao hơn.

419. Đây là một phát biểu rất thú vị. Chúng ta hiểu rằng ba cung cao hơn gần với trạng thái linh hồn hơn và bốn cung thấp hơn gần với các trạng thái của hình tướng hơn.

420. Những ai sẽ được giữ lại trên Trái Đất sẽ đang hòa nhập vào trạng thái linh hồn, đặc trưng cho những người ở trên Con Đường. Một số người khác (một số trong hai phần năm còn lại) có thể thông minh, nhưng họ sẽ không tinh thần.

421. Chân sư DK đã nói với chúng ta ở nơi khác rằng sự phân rẽ và sự hủy diệt ấy vào lúc đó sẽ bị những người không hiểu biết xem là một đại thảm họa.

Đó cũng là một huyền nhiệm ẩn giấu trong mối liên hệ giữa bốn Kumaras ngoại môn,71 [S. D., I, 116, 493; II, 112, 149] và ba Kumaras nội môn, và từ quan điểm của con người, phân tách **những ai đang phát triển tâm thức của Tam nguyên tinh thần khỏi những ai cho đến nay vẫn đang sống đời sống của Bộ Tứ.**

422. Hiện nay chỉ có bốn Kumaras ngoại môn là đang hoạt động liên hệ đến tiến trình thế giới (ít nhất theo bất kỳ cách nào mà chúng ta có thể hy vọng hiểu được). Tất cả điều này có thể thay đổi vào lúc giữa cuộc tuần hoàn thứ năm đến nơi.

423. Chúng ta vẫn còn phải xác lập xem ba Kumaras nội môn có thực sự "cao hơn" bốn Kumaras ngoại môn hay không, hay các vị trí của các Kumaras ngoại môn và nội môn liên tục xoay vòng tùy theo những cung nào

expression in our planetary scheme or parts of it.

424. Here we do seem to be speaking of *planetary* Kumaras rather than systemic Kumaras manifesting as Planetary Logoi.

425. Above we are given the basis on which the great cleavage shall occur. Those who are developing responsiveness to the life of the spiritual triad will be cloven from those who are still thoroughly invested in the quaternary.

426. The three Rays of Aspect naturally correlate with triadal responsiveness and the four Rays of Attribute with the "life of the Quaternary".

It concerns those who respond to the solar Lords, distinguishing them from those who recognise as yet only the control of the lunar Lords.

427. The distinction is clear. "Let the applicant see to it that the solar angel dims the light of the lunar angels remaining the sole luminary in the microcosmic sky." (Rule V for Applicants—IHS)

In terms of Fire: those who warm themselves by means of fire by friction and respond not to the heat of solar fire remain within the cavern, thus living in the dark; whilst those whose being is irradiated by the Sun of Wisdom, and who bask in the rays of solar heat dwell in the light, and enjoy an ever increasing freedom, and vital existence.

sẽ được rút ra để biểu hiện trong hệ hành tinh của chúng ta hay trong các phần của nó.

424. Ở đây quả thực dường như chúng ta đang nói về các Kumaras *hành tinh* hơn là các Kumaras hệ thống biểu hiện như các Hành Tinh Thượng Đế.

425. Ở trên, chúng ta được cho cơ sở trên đó sự phân rẽ lớn sẽ xảy ra. Những ai đang phát triển khả năng đáp ứng với đời sống của Tam Nguyên Tinh Thần sẽ được tách ra khỏi những ai vẫn còn hoàn toàn gắn chặt vào bộ tứ.

426. Ba Cung Trạng Thái tự nhiên tương quan với khả năng đáp ứng tam nguyên, còn bốn Cung Thuộc Tính thì tương quan với "đời sống của Bộ Tứ".

Điều này liên quan đến những ai đáp ứng với các nhật tinh quân, phân biệt họ với những ai chỉ mới nhận biết sự kiểm soát của các nguyệt tinh quân.

427. Sự phân biệt này rất rõ. "Hãy để người thỉnh cầu bảo đảm rằng thái dương Thiên Thần làm mờ ánh sáng của các thiên thần thái âm, và vẫn là nguồn sáng duy nhất trên bầu trời tiểu thiên địa." (Quy luật V cho Người Thỉnh Cầu—IHS)

Xét theo Lửa: những ai tự sưởi ấmbằng lửa ma sát và không đáp ứng với nhiệt của Lửa Thái dương thì vẫn ở trong hang động, do đó sống trong bóng tối; còn những ai mà bản thể được Mặt Trời Minh Triết chiếu rọi, và tắm mình trong các tia của nhiệt mặt trời thì sống trong ánh sáng, và hưởng một tự do cùng sự sống thiết yếu ngày càng tăng.

428. These words have the ring of the Old Commentary. When thinking of "positive solar electricity" perhaps we *do* have to think in terms of solar fire!

428. Những lời này mang âm hưởng của Cổ Luận. Khi nghĩ về "điện mặt trời dương", có lẽ chúng ta *quả thật* phải nghĩ theo thuật ngữ của Lửa Thái dương!

429. We must determine whether "solar electricity" and "solar fire" are the same.

429. Chúng ta phải xác định xem "điện mặt trời" và "Lửa Thái dương" có phải là một hay không.

430. The great and coming battle (first in the fourth round—and probably, imminently—and later in the fifth) concerns the ongoing conflict between the Sun and the Moon. This will discriminate the developing white magicians from the 'black' (even if the 'black magicians' are *unconsciously* black).

430. Trận chiến lớn lao và sắp đến (trước hết trong cuộc tuần hoàn thứ tư—và có lẽ là sắp xảy ra—và sau đó trong cuộc tuần hoàn thứ năm) liên quan đến cuộc xung đột đang tiếp diễn giữa Mặt Trời và Mặt Trăng. Điều này sẽ phân biệt các nhà huyền thuật chánh đạo đang phát triển với những kẻ 'đen' (ngay cả nếu các "nhà hắc thuật" ấy là đen một cách *vô thức*).

431. It would seem that by the time the middle of the fifth round is reached, the Black Lodge will suffer a considerable defeat upon our planet—with three fifths of humanity upon the Path, and only those three fifths remaining for development on our planet.

431. Dường như đến lúc giữa cuộc tuần hoàn thứ năm, Hắc đoàn sẽ chịu một thất bại đáng kể trên hành tinh chúng ta—với ba phần năm nhân loại ở trên Con Đường, và chỉ ba phần năm ấy còn lại để phát triển trên hành tinh chúng ta.

The true significance of the three aspects of Spirit is only becoming apparent to the initiate of high degree,

Ý nghĩa đích thực của ba phương diện của tinh thần chỉ mới trở nên hiển nhiên đối với điểm đạo đồ cấp cao,

432. By the "three aspects of Spirit" do we mean, Will, Wisdom and Activity?

432. Bởi "ba phương diện của tinh thần", chúng ta có ý nói Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động chăng?

[Page 526] and cannot be expressed in words, nor comprehended by man before he has passed out of the human kingdom into the spiritual.

[Page 526] và không thể được diễn tả bằng lời, cũng không thể được con người thấu hiểu trước khi y đã vượt ra khỏi giới nhân loại để đi vào giới tinh thần.

433. This would signify passage into the fifth kingdom of nature. Probably we are

433. Điều này sẽ có nghĩa là đi vào giới thứ năm của thiên nhiên. Có lẽ chúng ta đang

speaking of the state of those who are well-established within the fifth kingdom. A third degree initiate would be well established.

nói đến trạng thái của những ai đã được thiết lập vững chắc trong giới thứ năm. Một điểm đạo đồ cấp ba sẽ được thiết lập vững chắc.

Therefore, it is needless for us to pause here to consider it at greater length.

Vì vậy, chúng ta không cần dừng lại ở đây để xem xét điều đó dài hơn nữa.

We might sum up the matter in terms of the Old Commentary from which source H. P. B. quoted so often:

Chúng ta có thể tóm lược vấn đề theo thuật ngữ của Cổ Luận, nguồn mà H. P. B. đã trích dẫn rất thường xuyên:

"The Blessed Ones hide Their threefold nature, but reveal Their triple essence by means of the three great groups of atoms. Three are the atoms, and threefold the radiation. The inner core of fire hides itself and is known only through radiation and that which radiates. Only after the blaze dies out and the heat is no longer felt can the fire be known."

"Các Đấng Chân Phúc che giấu bản chất tam phân của Các Ngài, nhưng mặc khải tinh túy bộ ba của Các Ngài bằng ba nhóm nguyên tử lớn. Ba là các nguyên tử, và sự bức xạ cũng tam phân. Lõi lửa bên trong tự ẩn mình và chỉ được biết qua sự bức xạ và điều đang bức xạ. Chỉ sau khi ngọn lửa rực tắt đi và sức nóng không còn được cảm nhận nữa thì lửa mới có thể được biết."

434. Who are the “Blessed Ones”? When we studied Esoteric Psychology, Volume II, we determined that a “Blessed One” was a Monad.

434. “Các Đấng Chân Phúc” là ai? Khi chúng ta nghiên cứu Tâm Lý Học Nội Môn, Tập II, chúng ta đã xác định rằng một “Đấng Chân Phúc” là một chân thần.

435. We are speaking about a search for an “inner core of fire”. This is the fire of the “central positive life” which is only revealed after the consummatory conflagration which, in man, signifies the fourth initiation.

435. Chúng ta đang nói về một cuộc tìm kiếm “lõi lửa bên trong”. Đây là lửa của “sự sống dương trung tâm”, chỉ được mặc khải sau cuộc đại hỏa hoạn hoàn tất, mà nơi con người, điều này biểu thị lần điểm đạo thứ tư.

436. We could be speaking of the Three Persons of the Logoic Trinity as Blessed Ones.

436. Chúng ta có thể đang nói về Ba Ngôi của Tam Vị Logoic như những Đấng Chân Phúc.

437. It may also be wise to include the Three Buddha of Activity in our consideration. Certainly They are three “Blessed Ones”.

437. Cũng có thể là khôn ngoan khi đưa Ba Đức Phật Hoạt Động vào sự xem xét của chúng ta. Chắc chắn Các Ngài là ba “Đấng Chân Phúc”.

438. We could also be speaking of the three aspects of the Monad which express through three different types of human beings considered as “atoms”.

438. Chúng ta cũng có thể đang nói về ba phương diện của chân thần, vốn biểu lộ qua ba loại người khác nhau được xem như những “nguyên tử”.

439. In Rule XIII for Applicants we are to learn the “laws of that which radiates”. In the context of that Rule, “that which radiates” is reasonably the Monad. The "Jewel in the Lotus", as the representative of the Monad (and the Monad, itself, is sometimes considered a “Jewel”) can also be considered as a “that which radiates”.

439. Trong Quy luật XIII dành cho những người chí nguyện, chúng ta phải học “các định luật của cái phát xạ”. Trong ngữ cảnh của quy luật ấy, “cái phát xạ” có lý là chân thần. “Viên Ngọc trong Hoa Sen”, với tư cách là đại diện của chân thần (và bản thân chân thần đôi khi cũng được xem là một “Viên Ngọc”), cũng có thể được xem là một “cái phát xạ”.

440. We might also be differentiating the three types of atoms (the members of the atomic triangle, for instance) that are found within any greater atom and how they all interplay during the process of release. Eventually, after the conflagration, the “inner core of fire” reveals itself.

440. Chúng ta cũng có thể đang phân biệt ba loại nguyên tử (chẳng hạn các thành viên của tam giác nguyên tử) được tìm thấy trong bất kỳ nguyên tử lớn hơn nào và cách chúng cùng tương tác trong tiến trình giải thoát. Cuối cùng, sau cuộc đại hỏa hoạn, “lõi lửa bên trong” tự bộc lộ.

441. The “inner core of fire” may be considered the "Jewel in the Lotus" in whatever type of atom is passing through the process of destruction.

441. “Lõi lửa bên trong” có thể được xem là “Viên Ngọc trong Hoa Sen” trong bất kỳ loại nguyên tử nào đang đi qua tiến trình hủy diệt.

442. The foregoing sections have not been easy of apprehension. It has seemed that DK has skipped about and has changed His perspective often—from macrocosmic to microcosmic and back again. This must mean that He has had something to convey which cannot be explicitly stated and which must rely upon the intuition for revelation.

442. Những phần trên đây không dễ lĩnh hội. Có vẻ như Chân sư DK đã nhảy từ điểm này sang điểm khác và thường xuyên thay đổi phối cảnh của Ngài—từ đại thiên địa sang tiểu thiên địa rồi trở lại. Điều này hẳn có nghĩa là Ngài có điều gì đó cần truyền đạt mà không thể phát biểu minh nhiên và phải dựa vào trực giác để được mặc khải.

443. Let us ponder.

443. Chúng ta hãy suy ngẫm.

TCF 526-536: S5S8

15-30 July 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

We can now resume our consideration of the mystery of the mental unit, and note wherein it differs from the other permanent atoms;

1. We realize from reading the conclusion of Section 7 that we have been on quite an extensive digression.

2. The mental unit is *not* a permanent atom in all respects.

we might then briefly summarise a mass of esoteric information anent the permanent atoms, which will suffice for many years to come as the basis of investigation for occult students. The permanent atoms, and their internal economy, will remain a mystery for a long time, and only a few general indications can here be given.

15-30 tháng 7 năm 2007

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và chính cách trình bày cô đọng trong sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

Giờ đây chúng ta có thể tiếp tục việc xem xét huyền nhiệm của đơn vị hạ trí, và lưu ý nó khác với các nguyên tử trường tồn khác ở điểm nào;

1. Từ việc đọc phần kết của Tiết 7, chúng ta nhận ra rằng chúng ta đã đi vào một sự lạc đề khá rộng.

2. Đơn vị hạ trí *không* phải là một nguyên tử trường tồn về mọi phương diện.

khi ấy chúng ta có thể ngắn gọn tóm lược một khối lượng thông tin huyền bí liên quan đến các nguyên tử trường tồn, đủ để làm nền tảng khảo cứu cho các đạo sinh huyền bí học trong nhiều năm tới. Các nguyên tử trường tồn, và cơ cấu nội tại của chúng, sẽ còn là một huyền nhiệm trong một thời gian dài, và ở đây chỉ có thể đưa ra một vài chỉ dẫn tổng quát.

3. It is necessary that they so remain, as the secrets of the manipulation of matter are concealed in them, and for this knowledge humanity is not ready.

3. Cần phải để chúng vẫn như vậy, vì các bí mật của việc vận dụng vật chất được che giấu trong chúng, và nhân loại chưa sẵn sàng cho tri thức này.

4. Humanity is to place its emphasis upon the *qualitative* aspect—the second aspect, and not upon the material aspect.

4. Nhân loại phải đặt trọng tâm vào phương diện *phẩm tính* —phương diện thứ hai, chứ không phải phương diện vật chất.

The fundamental difference between the mental unit and the other two atoms consists in the fact that **it contains only four spirillae instead of seven.** This is brought about by the very facts of evolution itself, for the mental unit is the first aspect of the personality triad, or of man functioning, in the human kingdom on the three lower planes.

Sự khác biệt căn bản giữa đơn vị hạ trí và hai nguyên tử kia nằm ở sự kiện rằng **nó chỉ chứa bốn loa tuyến thay vì bảy.** Điều này được tạo ra bởi chính các sự kiện của tiến hoá, vì đơn vị hạ trí là phương diện thứ nhất của tam phân phàm ngã, hay của con người đang hoạt động trong giới nhân loại trên ba cõi thấp.

5. The fourfoldness of the permanent atom is related to the fourfoldness of the fourth or human kingdom.

5. Tính tứ phân của nguyên tử trường tồn có liên hệ với tính tứ phân của giới thứ tư hay giới nhân loại.

6. As the mental unit represents the first aspect of the personality triad it transmits also something of the will.

6. Vì đơn vị hạ trí đại diện cho phương diện thứ nhất của tam phân phàm ngã, nó cũng truyền dẫn một phần nào ý chí.

At his transference into the spiritual kingdom,

Khi y chuyển dịch vào giới tinh thần,

7. The transference begins at the first initiation and is completed by the fifth degree, or even the fourth.

7. Sự chuyển dịch bắt đầu từ lần điểm đạo thứ nhất và hoàn tất vào cấp thứ năm, hoặc thậm chí cấp thứ tư.

these three aspects—the mental body, the astral body, and the physical body—are synthesised into the higher by a dual process:

ba phương diện này—thể trí, thể cảm dục, và thể xác—được tổng hợp vào cái cao hơn bằng một tiến trình kép:

1. His polarisation shifts from out of the lower three atoms into the Triadal atoms.

1. Sự phân cực của y chuyển từ ba nguyên tử thấp sang các nguyên tử Tam Nguyên Tinh Thần.

8. By polarisation, we mean focus and a sustained point of tension.

8. Bởi sự phân cực, chúng ta muốn nói đến tiêu điểm và một điểm tập trung nhất tâm được duy trì.

9. The lower vehicles fade from attention and the triadal vehicles serve now as the field of his consciousness.

9. Các vận cụ thấp mờ dần khỏi sự chú ý và các vận cụ tam nguyên tinh thần giờ đây phục vụ như trường tâm thức của y.

2. The force which these atoms generate and embody is merged and blended into the higher force points. [Page 527]

2. Mãnh lực mà các nguyên tử này tạo ra và thể hiện được sáp nhập và hòa trộn vào các điểm mãnh lực cao hơn. [Page 527]

10. Because of this process, nothing stored, remembered or transmuted by the lower permanent atoms and mental unit is lost.

10. Vì tiến trình này, không điều gì được các nguyên tử trường tồn thấp và đơn vị hạ trí lưu giữ, ghi nhớ hay chuyển hoá bị mất đi.

11. The greater can always subsume the lower; how this is done, of course, is to present day humanity a great mystery.

11. Cái lớn hơn luôn có thể bao hàm cái thấp hơn; dĩ nhiên, cách điều này được thực hiện vẫn là một huyền nhiệm lớn đối với nhân loại ngày nay.

12. We gather than in an understanding of the 'sublimation of force' the secret of the merging and blending will be revealed.

12. Chúng ta hiểu rằng trong sự thấu hiểu về "sự thăng hoa của mãnh lực", bí mật của sự sáp nhập và hòa trộn sẽ được mặc khải.

A permanent atom is the positive nucleus or germ substance to the sheath wherein it is found.

Một nguyên tử trường tồn là hạt nhân dương tính hay chất liệu mầm đối với lớp vỏ nơi nó được tìm thấy.

13. "Germ substance" can either grow or cause growth.

13. "Chất liệu mầm" hoặc có thể tăng trưởng hoặc có thể gây ra sự tăng trưởng.

14. All things grow from something. The vehicles of man are created or gathered by the functions of the permanent atoms.

14. Mọi sự đều tăng trưởng từ một cái gì đó. Các vận cụ của con người được tạo ra hoặc được tập hợp bởi các chức năng của những nguyên tử trường tồn.

15. We remember that the permanent atom serves in relation to its sheath the function of the *seventh* principle. This means that it is likened to atma (usually considered the seventh principle in man) and, therefore, transmits the will. Essentially, it conveys a given monadic principle to its sheath.

15. Chúng ta nhớ rằng nguyên tử trường tồn, trong liên hệ với lớp vỏ của nó, đảm nhiệm chức năng của nguyên khí thứ *bảy*. Điều này có nghĩa là nó được ví với atma (thường được xem là nguyên khí thứ bảy trong con người) và do đó truyền dẫn ý chí. Về bản chất, nó chuyển tải một nguyên khí chân thần nhất định đến lớp vỏ của nó.

It is that which is the basis of form-building, and it is literally a vibrant point of force, emanating from the second aspect of the Monad,

Nó là cái làm nền tảng cho việc kiến tạo hình tướng, và theo nghĩa đen nó là một điểm mãnh lực rung động, phátxạ từ phương diện thứ hai của chân thần,

16. We remember that the permanent atom was created by the Monad at the *Second* Outpouring.

16. Chúng ta nhớ rằng nguyên tử trường tồn được chân thần tạo ra trong lần Tuôn Đổ thứ *Hai*.

17. Given that the Monad has for its three aspects Will, Wisdom and Activity, we can correlate the permanent atoms with the *Wisdom* aspect.

17. Vì chân thần có ba phương diện là Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động, chúng ta có thể tương liên các nguyên tử trường tồn với phương diện *Minh Triết*.

which aggregates to itself, and subsequently builds into form, the negative or third aspect.

cái tự tập hợp quanh mình, rồi sau đó kiến tạo thành hình tướng, phương diện âm tính hay phương diện thứ ba.

18. The permanent atom thus possesses the power of attraction (since it emanates from the *second* aspect of the Monad).

18. Do đó nguyên tử trường tồn sở hữu quyền năng hấp dẫn (vì nó phát xạ từ phương diện *thứ hai* của chân thần).

19. The second aspect is the form-building aspect. We see that the permanent atom is a form-builder (as well as form director and manipulator). It is as if the three major aspects of divinity pass through the permanent atom in relation to the sheath for which it stands at the apex of influence.

19. Phương diện thứ hai là phương diện kiến tạo hình tướng. Chúng ta thấy rằng nguyên tử trường tồn là một đấng kiến tạo hình tướng (cũng như là kẻ chỉ đạo và vận dụng hình tướng). Dường như ba phương diện chính của thiên tính đi qua nguyên tử trường tồn trong liên hệ với lớp vỏ mà nó đứng ở đỉnh ảnh hưởng đối với lớp vỏ ấy.

But it must here be remembered that this second aspect is itself dual, and that in

Nhưng ở đây phải nhớ rằng chính phương diện thứ hai này tự nó là nhị phân, và rằng

considering the permanent atoms **we are dealing with the feminine aspect of the second Person.**

20. This is an important reminder. We can consider all the major three aspects as dual or even triple, but the duality of the second aspect is most frequently emphasized. For instance, we live in a *dual* second ray solar system, expressing the principles of both Love and Wisdom.

21. The three aspects of the Monad are most frequently called Will, Wisdom and Activity, but why should they not be called Will, Love-Wisdom and Activity.

22. When comparing Love and Wisdom which holds place as representative of the second aspect? May we with justification say "Love". We recall that when dividing the type of second ray souls, souls on the Wisdom line go to Shamballa, while the *second* type of second ray soul is associated with Love.

The spirillae therefore are but streams of force, or second aspect vitality which circulates geometrically within the circumscribing wall of substance, composed of third aspect force or substance.

23. Here is a clear, succinct definition of the spirillae and should be remembered.

24. Vitality is that which causes animation of a kind directly related to the quality which the vitality represents.

khi xem xét các nguyên tử trường tồn **chúng ta đang đề cập đến phương diện nữ tính của Ngôi thứ hai.**

20. Đây là một lời nhắc nhở quan trọng. Chúng ta có thể xem cả ba phương diện chính đều là nhị phân hay thậm chí tam phân, nhưng tính nhị nguyên của phương diện thứ hai được nhấn mạnh thường xuyên nhất. Chẳng hạn, chúng ta sống trong một hệ mặt trời cung hai *kép*, biểu lộ cả hai nguyên khí Bác ái và Minh Triết.

21. Ba phương diện của chân thần thường được gọi là Ý Chí, Minh Triết và Hoạt Động, nhưng tại sao chúng không thể được gọi là Ý Chí, Bác Ái – Minh Triết và Hoạt Động.

22. Khi so sánh Bác ái và Minh Triết, cái nào giữ vị trí đại diện cho phương diện thứ hai? Chúng ta có thể có cơ sở để nói là "Bác ái". Chúng ta nhớ rằng khi phân chia loại linh hồn cung hai, các linh hồn trên tuyến Minh Triết đi đến Shamballa, trong khi loại linh hồn cung hai *thứ hai* gắn liền với Bác ái.

Do đó các loa tuyến chỉ là những dòng mãnh lực, hay sinh lực của phương diện thứ hai lưu chuyển theo hình học bên trong bức tường bao quanh của chất liệu, được cấu thành bởi mãnh lực hay chất liệu của phương diện thứ ba.

23. Đây là một định nghĩa rõ ràng, súc tích về các loa tuyến và cần được ghi nhớ.

24. Sinh lực là cái gây ra một loại hoạt động trực tiếp liên hệ với phẩm tính mà sinh lực ấy đại diện.

25. This type of vitality presumably forces the atom to cohere in a certain geometrical configuration.

25. Loại sinh lực này hẳn là buộc nguyên tử phải kết dính trong một cấu hình hình học nhất định.

26. We note that the streams of vitality circulate "within the circumscribing wall of substance"; they are bound or 'self-bounding'.

26. Chúng ta lưu ý rằng các dòng sinh lực lưu chuyển "bên trong bức tường bao quanh của chất liệu"; chúng bị ràng buộc hay 'tự giới hạn'.

27. We may draw the conclusion that this type of vitality (at least) is a force for coherence holding all constituents of any system in relationship.

27. Chúng ta có thể rút ra kết luận rằng loại sinh lực này (ít nhất là vậy) là một mãnh lực kết dính, giữ mọi thành phần của bất kỳ hệ thống nào trong tương quan với nhau.

What has been said of objectivity, or of the cosmic atom can be equally well predicated of the permanent atom of man the microcosm:

Điều đã được nói về tính khách quan, hay về nguyên tử vũ trụ, cũng có thể được áp dụng tương tự cho nguyên tử trường tồn của con người, tiểu thiên địa:

28. There is an analogy between the structure of all atoms and what is said of the spirillae in one type of atom has parallels in relation to other types of atoms.

28. Có một sự tương đồng giữa cấu trúc của mọi nguyên tử, và điều được nói về các loa tuyến trong một loại nguyên tử có những song hành liên hệ với các loại nguyên tử khác.

"The primordial ray is the vehicle of the divine Ray."[72] [S.D., I, 108]

"Tia nguyên sơ là vận cụ của Tia thiêng liêng."72 [S.D., I, 108]

29. The "Primordial Ray", we remember, is the *third* ray and the "Divine Ray" the second.

29. Chúng ta nhớ rằng "Tia Nguyên Sơ" là cung *ba* và "Tia Thiêng Liêng" là cung hai.

Negative force forms a receptacle for positive force. Atoms are but force centres, and the centres as we know of them are but aggregates of force points which have reached a specific point in evolution, and are responding to the first great aspect in some degree, or to electric fire.

Mãnh lực âm tính tạo thành một vật chứa cho mãnh lực dương tính. Các nguyên tử chỉ là những trung tâm mãnh lực, và các trung tâm như chúng ta biết chỉ là những tập hợp các điểm mãnh lực đã đạt đến một điểm tiến hoá nhất định, và đang đáp ứng với phương diện lớn thứ nhất ở một mức độ nào đó, hay với Lửa Điện.

30. Here we have an important definition.

30. Ở đây chúng ta có một định nghĩa quan trọng.

31. There is a distinction here between the "force centres" defined as atoms and the "centres" which are the chakras. The chakras are "aggregates of force points". They are, of course, much larger than atoms. In a way, the force points within center *are* atoms.

31. Ở đây có một sự phân biệt giữa "các trung tâm mãnh lực" được định nghĩa là các nguyên tử và "các trung tâm" là các luân xa. Các luân xa là những "tập hợp các điểm mãnh lực". Dĩ nhiên, chúng lớn hơn các nguyên tử rất nhiều. Theo một nghĩa nào đó, các điểm mãnh lực bên trong trung tâm *là* các nguyên tử.

32. There are also force points within atoms. In relation to the atoms of the cosmic physical plane, these force points have been called "bubbles in the koilon".

32. Cũng có những điểm mãnh lực bên trong các nguyên tử. Liên hệ với các nguyên tử của cõi hồng trần vũ trụ, các điểm mãnh lực này đã được gọi là "những bong bóng trong koilon".

33. The force points within the chakras, having reached a specific point of evolution (for atoms evolve) define the degree of evolution or unfoldment of the chakra.

33. Các điểm mãnh lực bên trong các luân xa, sau khi đã đạt đến một điểm tiến hoá nhất định (vì các nguyên tử tiến hoá), xác định mức độ tiến hoá hay sự khai mở của luân xa.

34. The evolution of the chakra depends upon the degree of evolution of its constituent force points and also upon type of geometrical relationship of those force points within the chakra.

34. Sự tiến hoá của luân xa tùy thuộc vào mức độ tiến hoá của các điểm mãnh lực cấu thành nó và cũng tùy thuộc vào loại tương quan hình học của các điểm mãnh lực ấy bên trong luân xa.

35. We recall that the chakras are really generated from the Monad and by monadic fire. It is no surprise to, then, to see that the atoms which comprise the force centres called chakras are responding in some measure to electric fire.

35. Chúng ta nhớ rằng các luân xa thực sự được phát sinh từ chân thần và bởi lửa chân thần. Vì vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi các nguyên tử cấu thành các trung tâm mãnh lực gọi là luân xa đáp ứng ở một mức độ nào đó với Lửa Điện.

36. Earlier "second aspect vitality" was mentioned. Are we to suppose that each aspect of divinity expresses its own type of vitality? Can we consider vitality as the energy which carries out the purpose of any of the divine aspects?

36. Trước đó đã nhắc đến "sinh lực của phương diện thứ hai". Chúng ta có nên giả định rằng mỗi phương diện của thiên tính biểu lộ loại sinh lực riêng của nó không? Chúng ta có thể xem sinh lực là năng lượng

thực hiện mục đích của bất kỳ phương diện thiêng liêng nào không?

This sentence, is one to be **seriously pondered,** for it holds hid much information for the student, and **when duly comprehended will result in the light of knowledge being shed upon the problems of manifestation.**

Câu này là một câu cần được **suy ngẫm nghiêm túc,** vì nó ẩn chứa nhiều thông tin cho đạo sinh, và **khi được thấu hiểu đúng mức sẽ khiến ánh sáng tri thức được rọi chiếu lên các vấn đề của sự biểu hiện.**

37. The Tibetan has the rare ability to compress much information into a few words.

37. Chân sư Tây Tạng có khả năng hiếm có là nén rất nhiều thông tin vào trong ít lời.

38. In order for the manifestation of form to occur, the tiny force points called atoms must be brought into a specific relationship and forced to cohere in that relationship.

38. Để sự biểu hiện của hình tướng có thể xảy ra, những điểm mãnh lực nhỏ bé gọi là nguyên tử phải được đưa vào một tương quan nhất định và bị buộc phải kết dính trong tương quan ấy.

39. Can we say then that there is no manifestation without geometrization?

39. Vậy chúng ta có thể nói rằng không có biểu hiện nào mà không có sự hình học hóa chăng?

40. The tiniest unit in this 'manifestational geometrization' is the bubble in the koilon.

40. Đơn vị nhỏ nhất trong "sự hình học hóa của biểu hiện" này là bong bóng trong koilon.

It concerns the secret of the position of the different kingdoms of nature within the logoic body, and their place and part, for all depends upon the type of force which animates, upon the interplay of that force in substance, upon the dual, triple, or united aspect of force, and upon its septenary demonstration in form-building.

Điều này liên quan đến bí mật về vị trí của các giới khác nhau trong thiên nhiên bên trong thân thể của Thượng đế hành tinh, và về chỗ đứng cùng vai trò của chúng, vì tất cả đều tùy thuộc vào loại mãnh lực làm sinh động, vào sự tương tác của mãnh lực ấy trong chất liệu, vào phương diện nhị phân, tam phân, hay hợp nhất của mãnh lực, và vào sự biểu lộ thất phân của nó trong việc kiến tạo hình tướng.

41. We have here a remarkably synthetic sentence.

41. Ở đây chúng ta có một câu mang tính tổng hợp đáng chú ý.

42. We might say that the higher the kingdom, the greater the tendency of the aggregated force points in any chakra to respond to electric fire.

42. Chúng ta có thể nói rằng giới càng cao thì xu hướng của các điểm mãnh lực được tập hợp trong bất kỳ luân xa nào đáp ứng với Lửa Điện càng lớn.

43. For clarity, let us tabulate that which the sentence under discussion concerns:

43. Để rõ ràng, chúng ta hãy lập bảng về điều mà câu đang được bàn đến liên quan tới:

a. It concerns the secret of the position of the different kingdoms of nature within the logoic body

a. Nó liên quan đến bí mật về vị trí của các giới khác nhau trong thiên nhiên bên trong thân thể của Thượng đế hành tinh

b. It concerns the place and part of these kingdoms within the logoic body

b. Nó liên quan đến chỗ đứng và vai trò của các giới này bên trong thân thể của Thượng đế hành tinh

44. We are being told that position, place and part all depend upon:

44. Chúng ta được cho biết rằng vị trí, chỗ đứng và vai trò đều tùy thuộc vào:

a. The type of force which animates

a. Loại mãnh lực làm sinh động

b. The interplay of that force in substance

b. Sự tương tác của mãnh lực ấy trong chất liệu

c. The dual, triple or united aspect of force

c. Phương diện nhị phân, tam phân hay hợp nhất của mãnh lực

d. Upon the septenary demonstration of force in form building

d. Sự biểu lộ thất phân của mãnh lực trong việc kiến tạo hình tướng

45. Kingdoms are as chakras or complex force centers. Every form of life is as a wheel or sphere. Kingdoms, too, are as chakras. The differences between the kingdoms depend upon their internal organization and their internal organization depends upon the organization of the force points with constitute them.

45. Các giới cũng như các luân xa hay các trung tâm mãnh lực phức hợp. Mọi hình thái sự sống đều như một bánh xe hay một khối cầu. Các giới cũng vậy, cũng như các luân xa. Những khác biệt giữa các giới tùy thuộc vào tổ chức nội tại của chúng, và tổ chức nội tại ấy tùy thuộc vào sự tổ chức của các điểm mãnh lực cấu thành chúng.

46. In any kingdom (or in any chakra) three types of force animate, but they animate in different proportions depending upon the

46. Trong bất kỳ giới nào (hay trong bất kỳ luân xa nào), ba loại mãnh lực làm sinh động, nhưng chúng làm sinh động theo

position, place, or part to be played by that kingdom.

những tỷ lệ khác nhau tùy thuộc vào vị trí, chỗ đứng hay vai trò mà giới ấy phải đảm nhiệm.

47. We might say that in all of creation there is nothing but spheres of life variously organized.

47. Chúng ta có thể nói rằng trong toàn thể sáng tạo không có gì ngoài những khối cầu sự sống được tổ chức theo nhiều cách khác nhau.

48. We also note a focus on two types of forces: animating force and substantial force, for substance, too is force—*substantial* force.

48. Chúng ta cũng lưu ý đến sự tập trung vào hai loại mãnh lực: mãnh lực làm sinh động và mãnh lực chất liệu, vì chất liệu cũng là mãnh lực—mãnh lực *chất liệu*.

Every atom is a focal point of force, the force of substance itself, the life or vitality of the third aspect, the [Page 528] life of that cosmic Entity Who is to the Logos the negative aspect of electricity.

Mỗi nguyên tử là một tiêu điểm của mãnh lực, mãnh lực của chính chất liệu, sự sống hay sinh lực của phương diện thứ ba, sự [Page 528] sống của Thực Thể vũ trụ mà đối với Thượng đế thì là phương diện âm tính của điện lực.

39. We seem to be speaking again only of the tiny atoms of substance.

39. Dường như ở đây chúng ta lại chỉ đang nói về những nguyên tử nhỏ bé của chất liệu.

40. The important point to be gathered is that atoms are not so much 'things' as *points of force.*

40. Điểm quan trọng cần nắm là các nguyên tử không phải là những 'vật' cho bằng là những *điểm mãnh lực.*

41. We might define force as 'the presence of a god'. Vitality is the power to effect change. "Force" and "vitality" are such commonly used words that we need to be clear about the definition of these terms; and, yet, this is not easy, for they stand for deep occult processes about which we really have very little idea.

41. Chúng ta có thể định nghĩa mãnh lực là 'sự hiện diện của một vị thần'. Sinh lực là quyền năng tạo ra sự thay đổi. "Mãnh lực" và "sinh lực" là những từ được dùng rất phổ biến đến mức chúng ta cần phải rõ về định nghĩa của các thuật ngữ này; tuy nhiên điều đó không dễ, vì chúng tượng trưng cho những tiến trình huyền bí sâu xa mà thực sự chúng ta biết rất ít.

42. From the statements in this section of text it is confirmed that every aspect of divinity has its *own* form of vitality.

42. Từ các phát biểu trong phần văn bản này, điều được xác nhận là mỗi phương diện của thiên tính đều có hình thức sinh lực *riêng* của nó.

43. Substance *is* force—force of a certain kind.

43. Chất liệu *là* mãnh lực—mãnh lực của một loại nhất định.

44. Through every atom of substance the life of a great Entity is potently present.

44. Qua mỗi nguyên tử của chất liệu, sự sống của một Thực Thể vĩ đại hiện diện một cách mạnh mẽ.

45. In this case, that great Entity is Brahma, embodying (in relation to the Logos) the *negative* aspect of electricity.

45. Trong trường hợp này, Thực Thể vĩ đại ấy là Brahma, hiện thân (trong liên hệ với Thượng đế) của phương diện *âm tính* của điện lực.

46. That which is negative is attracted to that which is positive. That which is negative is more *acted upon* than *acting*.

46. Cái âm tính bị hút về cái dương tính. Cái âm tính bị *tác động* nhiều hơn là *tác động lên*.

Every form[73] and aggregate of atoms, **is simply a force centre** produced by the action of positive force and its interaction with negative **energy**.

Mọi hình tướng73 và mọi tập hợp nguyên tử, **đơn giản chỉ là một trung tâm mãnh lực** được tạo ra bởi tác động của mãnh lực dương tính và sự tươngtác của nó với năng lượng **âm tính**.

49. It is important to grasp that every form is simply an aggregate of atoms and must be considered as a "force center"

49. Điều quan trọng cần nắm là mọi hình tướng chỉ đơn giản là một tập hợp các nguyên tử và phải được xem như một "trung tâm mãnh lực"

50. A form cannot exist unless positive force has interplayed with negative energy. No form can come into existence unless this interplay has occurred.

50. Một hình tướng không thể tồn tại trừ khi mãnh lực dương tính đã tương tác với năng lượng âm tính. Không hình tướng nào có thể xuất hiện nếu sự tương tác này chưa xảy ra.

51. Here DK reverse His usual method of utilizing terms. Usually "force" is considered negative in relation to "energy". But the use of these terms is not entirely consistent, and here "force" is deemed positive and "energy" negative.

51. Ở đây Chân sư DK đảo ngược phương pháp dùng thuật ngữ thông thường của Ngài. Thông thường "mãnh lực" được xem là âm tính so với "năng lượng". Nhưng việc dùng các thuật ngữ này không hoàn toàn nhất quán, và ở đây "mãnh lực" được xem là dương tính còn "năng lượng" là âm tính.

52. When attempting, in general, to distinguish between the uses of the terms

52. Khi cố gắng, nói chung, phân biệt cách dùng các thuật ngữ "mãnh lực" và "năng

"force" and "energy", "energy" is usually 'higher' and "force" is the specific, focused application of "energy". But as said, no entire consistency in the use of these terms is easy to discern.

lượng", "năng lượng" thường là cái 'cao hơn' còn "mãnh lực" là sự áp dụng chuyên biệt, tập trung của "năng lượng". Nhưng như đã nói, không dễ nhận ra một sự nhất quán hoàn toàn trong việc dùng các thuật ngữ này.

53. The point to grasp in all this is that the formation of all forms depends upon the interaction of positive and negative electricity. Form arises through the process of "birth" (generally considered) and all birth presupposed this positive/negative interplay.

53. Điểm cần nắm trong tất cả điều này là sự hình thành của mọi hình tướng tùy thuộc vào sự tương tác của điện lực dương tính và âm tính. Hình tướng phát sinh qua tiến trình "sinh ra" (theo nghĩa thông thường), và mọi sự sinh ra đều giả định trước sự tương tác dương/âm này.

It is the **vitality of the second aspect** working in conjunction with the third,

Đó là **sinh lực của phương diện thứ hai** hoạt động kết hợp với phương diện thứ ba,

54. A form exists when the vitality of the second aspect (the producer of coherence) works in conjunction with the third aspect (the force of negative electricity).

54. Một hình tướng tồn tại khi sinh lực của phương diện thứ hai (cái tạo ra sự kết dính) hoạt động kết hợp với phương diện thứ ba (mãnh lực của điện lực âm tính).

55. We might say that in order for the vitality of the second aspect to engage with the third aspect, impulsion from the first aspect is necessary.

55. Chúng ta có thể nói rằng để sinh lực của phương diện thứ hai gắn kết với phương diện thứ ba, cần có sự thúc đẩy từ phương diện thứ nhất.

56. Clearly, we are dealing (in the simplest terms) with the fundamental mysteries of creation and manifestation.

56. Rõ ràng, chúng ta đang đề cập đến (theo những thuật ngữ đơn giản nhất) các huyền nhiệm căn bản của sáng tạo và biểu hiện.

and producing—in time and space—that illusion or maya which temporarily blazes forth,

và tạo ra—trong thời gian và không gian—ảo tưởng hay ảo lực ấy, cái tạm thời bùng cháy lên,

57. An 'appearance' is a temporary blazing forth.

57. Một 'sắc tướng' là một sự bùng cháy lên tạm thời.

58. Forms are illusions or mayas.

58. Các hình tướng là những ảo tưởng hay ảo lực.

59. We remember that the deva aspect is particularly associated with form-building, and devic manifestation is particularly a combination of third and second aspect forces.

59. Chúng ta nhớ rằng phương diện thiên thần đặc biệt gắn liền với việc kiến tạo hình tướng, và sự biểu hiện thiên thần đặc biệt là sự kết hợp của các mãnh lực phương diện thứ ba và thứ hai.

and attracts attention,

và thu hút sự chú ý,

60. Consciousness notices this temporary blazing forth.

60. Tâm thức nhận biết sự bùng cháy lên tạm thời này.

creating the impression that matter is a concrete something.

tạo ra ấn tượng rằng vật chất là một cái gì đó cụ thể.

61. DK is trying to convey to us how the illusion of concrete form (very real to our usual type of consciousness) arises.

61. Chân sư DK đang cố truyền đạt cho chúng ta cách mà ảo tưởng về hình tướng cụ thể (rất thực đối với loại tâm thức thông thường của chúng ta) phát sinh.

62. The impression in consciousness of which we are speaking is an *illusion.* There is no "concrete something", only a *seeming* that there is.

62. Ấn tượng trong tâm thức mà chúng ta đang nói đến là một *ảo tưởng.* Không có "một cái gì đó cụ thể", chỉ có *vẻ như* là có.

63. DK is here dealing with important philosophical, metaphysical points.

63. Ở đây Chân sư DK đang đề cập đến những điểm triết học, siêu hình học quan trọng.

There is no such thing as concretion in reality;

Trong thực tại không có cái gọi là sự kết đặc;

64. This is a vital statement. We live constantly amidst impressions-in-consciousness that are 'concretions'. These impressions are phenomena of consciousness, caused by the temporary aggregations of formative forces appearing to consciousness in a manner other than they *really* are (i.e., other than they would appear to a consciousness able clearly to detect the minute processes responsible for formation).

64. Đây là một phát biểu thiết yếu. Chúng ta sống liên tục giữa những ấn tượng-trong-tâm thức vốn là những 'sự kết đặc'. Những ấn tượng này là các hiện tượng của tâm thức, do những tập hợp tạm thời của các mãnh lực tạo hình gây ra, xuất hiện trước tâm thức theo một cách khác với điều chúng *thực sự* là (tức là khác với cách chúng sẽ xuất hiện trước một tâm thức có thể nhận ra rõ ràng các tiến trình vi tế chịu trách nhiệm cho sự tạo thành).

[Page 529] **there is only force of different kinds, and the effect produced on consciousness by their interplay.**

[Page 529] **chỉ có mãnh lực thuộc những loại khác nhau, và hiệu quả được tạo ra trên tâmthức bởi sự tương tác của chúng.**

47. This is a profound statement concerning the nature of reality. What *is* there? What is there *not*? That which is conceived as real is not real. Reality is something other.

47. Đây là một phát biểu sâu sắc liên quan đến bản chất của thực tại. Có cái gì *là* ở đó? Có cái gì *không* ở đó? Điều được quan niệm là thực thì không thực. Thực tại là một cái gì khác.

48. Below we have a number of fundamental statements concerning Spirit, form and matter. In general they concern the process of creation or manifestation.

48. Dưới đây chúng ta có một số phát biểu căn bản liên quan đến Tinh thần, hình tướng và vật chất. Nói chung, chúng liên quan đến tiến trình sáng tạo hay biểu hiện.

FOOTNOTE 73

CHÚ THÍCH 73

Forms.

Các hình tướng.

1. Divine ideation passes from the abstract to the concrete or visible form.

1. Ý niệm thiêng liêng đi từ trừu tượng đến hình tướng cụ thể hay khả kiến.

49. Apparent concretions are ideas (or thoughts) in manifestation. What we call the various macrocosms in which we live and move and have our being are caused by divine ideation.

49. Những sự kết đặc biểu kiến là các ý tưởng (hay tư tưởng) trong biểu hiện. Điều mà chúng ta gọi là các đại thiên địa khác nhau, trong đó chúng ta sống, vận động và hiện hữu, đều do ý niệm thiêng liêng gây ra.

a. The objective is an emanation of the subjective.—S. D., I, 407.

50. We live in a world of effects.

b. Impulse is spirit energy causing objectivity.—S. D., I, 349; S. D., I, 683.

51. “Being descends to manifest.”(cf. the Six Formulas which are the “seed of all philosophies”, DINA II 284)

c. The Logos renders objective a concealed thought.—S. D., II, 28.

52. This is true of every type of self-cons creator including man.

2. Three things required before any form of energy can become objective.—S. D., I, 89.

1. Privation Separation. Initial impulse. Energy. Will.

2. Form Quality or shape. Nature. Love.

3. Matter Objective sphere. Intelligent activity.

See S. D., III, 561.

53. We note the important distinction between form and matter. Form pertains to the second aspect and matter to the third.

a. Cái khách quan là một phát xạ của cái chủ quan.—S. D., I, 407.

50. Chúng ta sống trong một thế giới của các hiệu quả.

b. Xung lực là năng lượng tinh thần gây ra tính khách quan.—S. D., I, 349; S. D., I, 683.

51. “Bản thể giáng xuống để biểu hiện.” (xem Sáu Công Thức là “hạt giống của mọi triết học”, DINA II 284)

c. Thượng đế làm cho một tư tưởng ẩn kín trở nên khách quan.—S. D., II, 28.

52. Điều này đúng với mọi loại đấng sáng tạo có ngã thức, kể cả con người.

2. Cần có ba điều trước khi bất kỳ hình thức năng lượng nào có thể trở nên khách quan.—S. D., I, 89.

1. Sự thiếu vắng Sự tách biệt. Xung lực ban đầu. Năng lượng. Ý chí.

2. Hình tướng Phẩm tính hay hình dạng. Bản chất. Bác ái.

3. Vật chất Lĩnh vực khách quan. Hoạt động thông tuệ.

Xem S. D., III, 561.

53. Chúng ta lưu ý sự phân biệt quan trọng giữa hình tướng và vật chất. Hình tướng thuộc về phương diện thứ hai và vật chất thuộc về phương diện thứ ba.

54. Idea is related to purpose and to the form which embodies it.

54. Ý tưởng liên hệ với mục đích và với hình tướng thể hiện nó.

55. The first aspect is represented by (apparently) formless impulse, yet the 'idea of form' must be inherent to the impulse.

55. Phương diện thứ nhất được biểu hiện bằng xung lực vô tướng (dường như vậy), tuy nhiên "ý tưởng về hình tướng" hẳn phải vốn có trong xung lực ấy.

3. Life precedes form.--S. D., I, 242.

3. Sự sống có trước hình tướng.--S. D., I, 242.

56. This is a fundamental statement in occultism.

56. Đây là một phát biểu nền tảng trong huyền bí học.

a. The Thinker ever remains.—S. D., II, 28.

a. Đấng Tư Tưởng luôn luôn còn lại.—S. D., II, 28.

57. This is, perhaps, a relative statement. For practical purposes the statement stands.

57. Có lẽ đây là một phát biểu tương đối. Vì những mục đích thực tiễn, phát biểu này vẫn đứng vững.

58. It is saying that the 'conceiving life' behind the form conceived existed before the form was created and will endure after the form is dissipated. The form-creator pre-exists and outlives the form created.

58. Điều này nói rằng "sự sống thụ thai" đằng sau hình tướng được thụ thai đã hiện hữu trước khi hình tướng được tạo ra và sẽ tồn tại sau khi hình tướng bị làm tiêu tan. Đấng tạo hình có trước và sống lâu hơn hình tướng được tạo ra.

b. Force of life is the transformation into energy of the thought of the Logos.—See S. D., III, 179.

b. Mãnh lực của sự sống là sự chuyển đổi thành năng lượng của tư tưởng của Hành Tinh Thượng Đế.—Xem S. D., III, 179.

59. That which on our level we call "force" or "force of life" originated with "the thought of the Logos" or with "divine ideation".

59. Điều mà ở cấp độ của chúng ta chúng ta gọi là "mãnh lực" hay "mãnh lực của sự sống" bắt nguồn từ "tư tưởng của Hành Tinh Thượng Đế" hay từ "ý niệm thiêng liêng".

60. We must ask the question, 'How did divine ideation originate?'

60. Chúng ta phải đặt câu hỏi, "Ý niệm thiêng liêng đã phát sinh như thế nào?"

61. Trong phát biểu này, "mãnh lực của sự sống" và "năng lượng" không hoàn toàn

61. In this statement, “force of life” and “energy” are not exactly the same. “Energy” pre-exists “force of life”.

giống nhau. “Năng lượng” có trước “mãnh lực của sự sống”.

62. The hierarchy is somewhat as follows:

62. Hệ cấp phần nào như sau:

a. The thought of the Logos

a. Tư tưởng của Hành Tinh Thượng Đế

b. Energy

b. Năng lượng

c. Force of Life

c. Mãnh lực của Sự sống

63. In another way “force of life” is being called an “energy”.

63. Theo một cách khác, “mãnh lực của sự sống” đang được gọi là một “năng lượng”.

4. Spirit evolves through form and out of form.--S. D., I, 680.

4. Tinh thần tiến hoá qua hình tướng và ra khỏi hình tướng.--S. D., I, 680.

a. Spirit has to acquire full self-consciousness.—S. D., I, 215.

a. Tinh thần phải đạt được ngã thức trọn vẹn.—S. D., I, 215.

64. We might call this the acquisition of partial consciousness or multiple forms of differentiated consciousness. Spirit already has consciousness of Wholeness (i.e., of itself as a whole). What is lacks is a specified *reduction* of itself.

64. Chúng ta có thể gọi đây là sự đạt được tâm thức bộ phận hay nhiều hình thức tâm thức biến phân. Tinh thần đã có sẵn tâm thức về Toàn Thể (tức là, về chính nó như một toàn thể). Điều nó thiếu là một sự *giảm thiểu* được xác định của chính nó.

b. Form imprisons spirit.—S. D., II, 775.

b. Hình tướng giam hãm tinh thần.—S. D., II, 775.

65. Yet it is the will of Spirit that this be so. Form could not exist without the purposeful impulsion of Spirit.

65. Tuy nhiên, đó là ý chí của Tinh thần khiến điều này là như vậy. Hình tướng không thể tồn tại nếu không có xung lực có mục đích của Tinh thần.

66. Form *is* Spirit. Spirit willingly imprisons itself in that which seems to be less than itself but, *essentially*, is not.

66. Hình tướng *là* Tinh thần. Tinh thần tự nguyện giam hãm chính nó trong điều dường như thấp kém hơn chính nó nhưng, *về bản chất*, thì không phải vậy.

c. The principle of limitation is form.—S. D., III, 561.

67. In our solar system, form, therefore, must be directly related to the planet Saturn which is the planet of limitation.

68. Form is incomplete focus. It is divine consciousness beholding but a *fragment* of itself. Form cannot exist independently of an act of perception—really *Self*-perception.

69. Spirit is always more than that part of itself it perceives as form.

d. Spirit informs all sheaths.—S. D., I, 669 note.

70. Spirit is never elsewhere but always present. It is the Presence.

e. Spirit passes through the cycle of Being.—S. D., I, 160.

71. Should we cal this the "cycle of Existence"? Being and Existence should, perhaps, be differentiated.

5. The devas are the origin of form.--S. D., I, 488.

72. The devas are that aspect of divinity which provides objectivity.

They exist in two great groups:

a. The Ahhi are the vehicle of divine thought.—S. D., I, 70.

c. Nguyên khí của sự giới hạn là hình tướng. —S. D., III, 561.

67. Vì vậy, trong hệ mặt trời của chúng ta, hình tướng hẳn phải liên hệ trực tiếp với hành tinh Sao Thổ, là hành tinh của sự giới hạn.

68. Hình tướng là sự tập trung không trọn vẹn. Nó là tâm thức thiêng liêng chỉ nhìn thấy một *mảnh đoạn* của chính nó. Hình tướng không thể tồn tại độc lập với một hành vi tri giác—thật ra là sự tri giác về *Bản Ngã*.

69. Tinh thần luôn luôn lớn hơn phần của chính nó mà nó tri giác như hình tướng.

d. Tinh thần thấm nhuần mọi thể.—S. D., I, 669 ghi chú.

70. Tinh thần không bao giờ ở nơi khác mà luôn luôn hiện diện. Nó là Hiện Diện.

e. Tinh thần đi qua chu kỳ của Bản Thể.—S. D., I, 160.

71. Chúng ta có nên gọi đây là "chu kỳ của Hiện Hữu" không? Có lẽ nên phân biệt giữa Bản Thể và Hiện Hữu.

5. Các thiên thần là nguồn gốc của hình tướng.--S. D., I, 488.

72. Các thiên thần là phương diện của thiên tính cung cấp tính khách quan.

Các vị tồn tại trong hai nhóm lớn:

a. Các Ahhi là vận cụ của tư tưởng thiêng liêng.—S. D., I, 70.

73. The Ahhi are of a higher order than the Army of the Voice. The Ahhi are those great energy streams which impress upon lesser substance the possibility that divine thought may be embodied in that lesser substance.

73. Các Ahhi thuộc một trật tự cao hơn Đạo Quân của Tiếng Nói. Các Ahhi là những dòng năng lượng lớn lao áp đặt lên chất liệu thấp hơn khả năng để tư tưởng thiêng liêng có thể được thể hiện trong chất liệu thấp hơn ấy.

b. The Army of the Voice.—S. D., I, 124.

b. Đạo Quân của Tiếng Nói.—S. D., I, 124.

74. Yet the Army of the Voice exists also in its higher expression and conveys the Divine Will.

74. Tuy nhiên, Đạo Quân của Tiếng Nói cũng tồn tại trong biểu hiện cao hơn của nó và chuyển tải Ý Chí thiêng liêng.

75. It may be that we should relate the Army of the Voice more to the third aspect of divinity (as it is influence by the first) and the Ahhi to the second aspect.

75. Có thể là chúng ta nên liên hệ Đạo Quân của Tiếng Nói nhiều hơn với phương diện thứ ba của thiên tính (vì nó chịu ảnh hưởng của phương diện thứ nhất) và Ahhi với phương diện thứ hai.

They are the sum-total of the **substance** of the four higher planes and of the three lower.

Các vị là tổng thể của **chất liệu** của bốn cõi cao và của ba cõi thấp.

76. The Tibetan's description of the location and focus of the Army of the Voice differs somewhat from this statement, and positions certain members of the Army on the cosmic ethers.

76. Mô tả của Chân sư Tây Tạng về vị trí và tiêu điểm của Đạo Quân của Tiếng Nói có phần khác với phát biểu này, và đặt một số thành viên của Đạo Quân trên các dĩ thái vũ trụ.

77. The following is that statement of the Tibetan's which seems to differ from that which is here stated from the *Secret Doctrine*:

77. Sau đây là phát biểu của Chân sư Tây Tạng dường như khác với điều được nêu ở đây từ *Giáo Lý Bí Nhiệm*:

These particular devas in "their serried ranks" are the directive agents of the divine energy which implements the purposes of Deity upon the physical plane. **They work only on etheric levels—either upon our physical plane or on the cosmic etheric levels. They are therefore active in the realm of maya, which is the etheric plane as we usually understand it, or upon the**

Những thiên thần đặc biệt này trong "hàng ngũ dày đặc" của các vị là các tác nhân chỉ đạo của năng lượng thiêng liêng, năng lượng thực hiện các mục đích của Thượng đế trên cõi hồng trần. **Các vị chỉ hoạt động trên các cấp độ dĩ thái—hoặc trên cõi hồng trần của chúng ta hoặc trên các cấp độ dĩ thái vũ trụ. Vì vậy, các vị hoạt động trong lĩnh vực của ảo lực, tức là cõi dĩ thái như chúng ta**

planes of the Spiritual Triad. They are not active on the three gross physical levels or upon the astral or mental planes, nor are they active upon the highest or logoic plane. **There they are implicit or latent but not active.** They are the great "impulsive factors" in manifestation, organising substance, directing the multiplicity of lives and beings who constitute the forms through which God expresses divinity. **In a peculiar sense, they are the embodiment of the divine purpose upon the planes of the Monad and of the Triad,** just as the aggregate of energies in man's etheric body is the result of his inner direction and the cause of his outer manifestation. To understand more fully the function of the deva forces, a man must arrive at some understanding of the forces in his etheric body which, in their turn, are the consequence of his point of attainment—an attainment demonstrated by his astral (emotional) and mental natures and activities. These indicate his point of development. (R&I 179)

thường hiểu, hoặc trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần. Các vị không hoạt động trên ba cấp độ hồng trần thô nặng, cũng không trên các cõi cảm dục hay trí tuệ, và cũng không hoạt động trên cõi cao nhất hay cõi logoic. **Tại đó các vị hàm ẩn hay tiềm tàng nhưng không hoạt động.** Các vị là những "nhân tố xung động" lớn lao trong biểu hiện, tổ chức chất liệu, chỉ đạo vô số sự sống và hữu thể cấu thành các hình tướng qua đó Thượng đế biểu lộ thiên tính. **Theo một ý nghĩa đặc biệt, các vị là hiện thân của mục đích thiêng liêng trên các cõi của chân thần và của Tam nguyên tinh thần,** cũng như tổng thể các năng lượng trong thể dĩ thái của con người là kết quả của sự chỉ đạo bên trong của y và là nguyên nhân của biểu hiện bên ngoài của y. Muốn hiểu đầy đủ hơn chức năng của các mãnh lực thiên thần, con người phải đạt đến một mức thấu hiểu nào đó về các mãnh lực trong thể dĩ thái của mình; đến lượt chúng, các mãnh lực ấy là hệ quả của điểm thành tựu của y—một thành tựu được chứng tỏ bởi bản chất và hoạt động cảm dục (cảm xúc) và trí tuệ của y. Những điều này cho thấy điểm phát triển của y. (R&I 179)

78. The *Secret Doctrine* seems to suggest that the Army of the Voice are active as substance on *all* the seven planes.

78. *Giáo Lý Bí Nhiệm* dường như gợi ý rằng Đạo Quân của Tiếng Nói hoạt động như chất liệu trên *mọi* cõi trong bảy cõi.

79. Are the Ahhi not to be considered substantial but, rather, only *vital*—i.e., animating Carriers of life and purpose.

79. Chẳng lẽ Ahhi không nên được xem là có tính chất liệu mà đúng hơn chỉ là *sinh động* —tức là, những Đấng Mang sự sống và mục đích có tính linh hoạt?

80. Whether these two categories of devas are active on cosmic planes higher than the cosmic physical plane we are in no position to know (but we may infer by analogy that their higher correspondences are).

80. Liệu hai loại thiên thần này có hoạt động trên các cõi vũ trụ cao hơn cõi hồng trần vũ trụ hay không thì chúng ta không ở vị thế để biết (nhưng theo định luật tương đồng, chúng ta có thể suy ra rằng các đối ứng cao hơn của chúng là có).

6. There is a form which combines all forms. —S. D., I, 118.

See S. D., I, 77.

81. This is the great Form of God which was beheld by Arjuna under the inspiration of Krishna in the Bhagavad Gita.

This Form is the sum-total of all that is manifested, or the entire solar sphere or system.

82. The solar system is for *practical* purposes the "form which combines all forms", though this is naturally a limited idea. The one and only Universe (whatever it really is) is really that Form.

83. Below we are looking at all the many forms contained within the one greater Form.

This contains:

a. The ten planetary schemes and all that is therein.

84. The enumeration here must be questioned. There are also (from a quite common perspective) *twelve* planetary schemes and, really, many more, but in terms of a fundamental perfection, all the many may be considered combined into ten. These ten would be comprised of the three synthesizing schemes and seven others.

85. We realize that enumerations relating to a given system are always changing, depending upon the point of view from which that system is regarded.

6. Có một hình tướng kết hợp mọi hình tướng.—S. D., I, 118.

Xem S. D., I, 77.

81. Đây là Đại Hình Tướng của Thượng đế mà Arjuna đã chiêm ngưỡng dưới cảm hứng của Krishna trong Bhagavad Gita.

Hình Tướng này là tổng thể của tất cả những gì được biểu hiện, hay toàn bộ khối cầu thái dương hoặc hệ thống thái dương.

82. Vì những mục đích *thực tiễn*, hệ mặt trời là "hình tướng kết hợp mọi hình tướng", dù dĩ nhiên đây là một ý tưởng có giới hạn. Vũ trụ duy nhất và độc nhất (dù thực sự nó là gì) mới thật sự là Hình Tướng ấy.

83. Dưới đây chúng ta đang xem xét tất cả nhiều hình tướng được chứa trong một Đại Hình Tướng.

Điều này bao gồm:

a. Mười hệ hành tinh và mọi sự trong đó.

84. Sự liệt kê ở đây cần được đặt vấn đề. Cũng có (từ một quan điểm khá thông thường) *mười hai* hệ hành tinh và, thật ra, còn nhiều hơn nữa, nhưng xét theo một sự toàn hảo căn bản, tất cả số nhiều ấy có thể được xem là kết hợp thành mười. Mười hệ này sẽ gồm ba hệ tổng hợp và bảy hệ khác.

85. Chúng ta nhận ra rằng các sự liệt kê liên quan đến một hệ thống nhất định luôn thay đổi, tùy thuộc vào quan điểm từ đó hệ thống ấy được nhìn nhận.

b. All the lesser interplanetary bodies.

86. By the use of the word “interplanetary” there is the implication that such bodies occur ‘between’ the major planets. Asteroids are among these, but so may be planetoids and moons which revolve around the greater bodies.

c. The deva and human evolutions.

87. These are parallel evolutions found throughout the solar system.

d. The kingdoms of nature everywhere.

88. We remember that such kingdoms occur throughout the solar system and are not confined to our planet alone. Kingdoms are aspects of solar logoic expression.

e. The involutionary and evolutionary Gods.

89. We remember that God and the gods are imminent in all forms of life, whether evolutionary or involutionary. An electron has been defined as a god entering manifestation.

90. The many gods within the One God are at different involutionary and evolutionary stages in the Universal Process.

f. Every atom of substance on every plane.

91. Presumably, this would also include the tiniest particles within such atoms.

b. Tất cả các thiên thể liên hành tinh nhỏ hơn.

86. Việc dùng từ “liên hành tinh” hàm ý rằng các thiên thể như vậy xuất hiện ‘giữa’ các hành tinh lớn. Các tiểu hành tinh nằm trong số này, nhưng cũng có thể là các planetoid và các mặt trăng quay quanh các thiên thể lớn hơn.

c. Các tiến hoá thiên thần và nhân loại.

87. Đây là những tiến hoá song song được tìm thấy khắp hệ mặt trời.

d. Các giới của bản chất ở khắp nơi.

88. Chúng ta nhớ rằng các giới như vậy xuất hiện khắp hệ mặt trời và không chỉ giới hạn nơi hành tinh của chúng ta. Các giới là những phương diện của sự biểu lộ của Thái dương Thượng đế.

e. Các Thượng đế giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá.

89. Chúng ta nhớ rằng Thượng đế và các thượng đế nội tại trong mọi hình thức sự sống, dù là thăng thượng tiến hoá hay giáng hạ tiến hoá. Một electron đã được định nghĩa là một vị thần đi vào biểu hiện.

90. Nhiều vị thần trong Một Thượng đế đang ở những giai đoạn giáng hạ tiến hoá và thăng thượng tiến hoá khác nhau trong Tiến Trình Vũ Trụ.

f. Mọi nguyên tử của chất liệu trên mọi cõi.

91. Có lẽ điều này cũng sẽ bao gồm cả những hạt nhỏ nhất bên trong các nguyên tử ấy.

7. All forms are destroyed periodically.

Read carefully S. D., I, 397-401.

92. That which has been born must die. That which has arisen through aggregation must de-aggregate.

Back of all forms and of all substances

93. Form is not substance and substance is not form.

(as yet but little contacted and realised) lies **a third type of force,** which utilises these two other factors to produce eventual harmony, **and which is itself on its own plane the sumtotal of the second.**

94. We have spoken of form as the combination of second and third aspect vitality. In a way there is naught but vitality because vitality is *life.*

95. Now, we speak of that aspect of divinity which lies behind or within the other two.

96. We notice that the objective of Spirit is the production of *harmony*. This, in itself, is interesting, as we would usually think of the second aspect of divinity related to the buddhic plane (the plane of harmony) as the producer of harmony. In the language of the rays, the first ray is related to the fourth.

97. DK is presenting the identity of the Spirit aspect in some ways which may be less familiar than the usual presentations.

7. Mọi hình tướng đều bị hủy diệt theo chu kỳ.

Hãy đọc cẩn thận S. D., I, 397-401.

92. Điều gì đã sinh ra thì phải chết. Điều gì đã phát sinh qua sự kết tụ thì phải tan rã khỏi sự kết tụ.

Đằng sau mọi hình tướng và mọi chất liệu

93. Hình tướng không phải là chất liệu và chất liệu không phải là hình tướng.

(cho đến nay mới chỉ được tiếp xúc và chứng nghiệm rất ít) có **một loại mãnh lực thứ ba,** loại mãnh lực sử dụng hai yếu tố kia để tạo ra sự hài hòa tối hậu, **và chính nó, trên cõi riêng của mình, là tổng thể của yếu tố thứ hai.**

94. Chúng ta đã nói về hình tướng như sự kết hợp của sinh lực phương diện thứ hai và thứ ba. Theo một nghĩa nào đó, không có gì ngoài sinh lực vì sinh lực là *sự sống.*

95. Giờ đây, chúng ta nói đến phương diện của thiên tính nằm đằng sau hay bên trong hai phương diện kia.

96. Chúng ta nhận thấy rằng mục tiêu của Tinh thần là tạo ra *sự hài hòa*. Điều này tự nó đã thú vị, vì thông thường chúng ta sẽ nghĩ phương diện thứ hai của thiên tính liên hệ với cõi Bồ đề (cõi của sự hài hòa) là tác nhân tạo ra sự hài hòa. Trong ngôn ngữ của các cung, cung một liên hệ với cung bốn.

97. Chân sư DK đang trình bày bản sắc của phương diện Tinh thần theo một số cách có

thể ít quen thuộc hơn những cách trình bày thông thường.

98. What is the plane of that aspect here under discussion? Shall we say the *logoic* plane?

98. Cõi của phương diện đang được bàn đến ở đây là gì? Chúng ta có nên nói là cõi *logoic* không?

99. What is the "second" of which Spirit is the sumtotal? Is the "second" of the two aspects mentioned in this sentence of text the *matter* aspect, *form* being the first aspect mentioned? Is this enigmatical statement another way of saying that Spirit is Matter and Matter is Spirit?

99. "Yếu tố thứ hai" mà Tinh thần là tổng thể của nó là gì? Phải chăng "yếu tố thứ hai" trong hai phương diện được nhắc đến trong câu này của bản văn là phương diện *vật chất*, còn *hình tướng* là phương diện thứ nhất được nhắc đến? Phải chăng phát biểu bí ẩn này là một cách khác để nói rằng Tinh thần là Vật chất và Vật chất là Tinh thần?

100. Is the Force of Spirit the sumtotal of the Matter aspect? May we say that Spirit subsumes within itself all that we call Matter?

100. Phải chăng Mãnh lực của Tinh thần là tổng thể của phương diện Vật chất? Chúng ta có thể nói rằng Tinh thần bao hàm trong chính nó tất cả những gì chúng ta gọi là Vật chất không?

It can be called:

Nó có thể được gọi là:

a. The one synthesising Life.

a. Sự sống tổng hợp duy nhất.

b. Electric fire.

b. Lửa Điện.

c. The point of equilibrium.

c. Điểm quân bình.

d. Unity or harmony.

d. Hợp nhất hay hài hòa.

e. Pure Spirit.

e. Tinh thần thuần túy.

f. Dynamic Will.

f. Ý Chí năng động.

g. Existence.

g. Hiện Hữu.

101. Here are some quite amazing synonyms and we could wonder how to make them all equivalent.

101. Đây là một số từ đồng nghĩa thật đáng kinh ngạc và chúng ta có thể tự hỏi làm sao khiến tất cả chúng tương đương nhau.

102. “Unity or harmony” accords with “the point of equilibrium” and is related to “the one synthesizing Life”.

103. The term “Being” is not mentioned here, but “Existence” is. Although the distinction is subtle, it is reasonable to think of “Existence” as a category lower than “Being”.

104. If we introduce the concept of “Peaceful Silent Will” it will be easier to find accord between all these seven.

105. We notice that there are seven terms. We may ask whether each of these terms should be related to Spirit considered in one of seven aspects. The first four terms seem to relate well to the first four aspects:

a. First aspect: the One Synthesizing Life

b. Second aspect: Electric Fire. We recall that there can be no electricity without duality

c. Third aspect: the Point of Equilibrium. We remember the relation of Libra, the triangle and the third ray to the factor of equilibrium.

d. Fourth aspect: Unity or Harmony

106. A case can be made for the other three aspects (or rays) and their possible relation to the last three terms.

It is a Force, working through a dual manifestation of differentiated force,

102. “Hợp nhất hay hài hòa” phù hợp với “điểm quân bình” và liên hệ với “Sự sống tổng hợp duy nhất”.

103. Thuật ngữ “Bản Thể” không được nhắc đến ở đây, nhưng “Hiện Hữu” thì có. Dù sự phân biệt này rất tinh tế, vẫn hợp lý khi nghĩ “Hiện Hữu” là một phạm trù thấp hơn “Bản Thể”.

104. Nếu chúng ta đưa vào khái niệm “Ý Chí Tĩnh Lặng An Bình” thì sẽ dễ tìm được sự hòa hợp giữa cả bảy điều này hơn.

105. Chúng ta nhận thấy có bảy thuật ngữ. Chúng ta có thể hỏi liệu mỗi thuật ngữ này có nên được liên hệ với Tinh thần được xét trong một trong bảy phương diện hay không. Bốn thuật ngữ đầu dường như liên hệ tốt với bốn phương diện đầu:

a. Phương diện thứ nhất: Sự sống Tổng hợp Duy nhất

b. Phương diện thứ hai: Lửa Điện. Chúng ta nhớ rằng không thể có điện nếu không có nhị nguyên tính

c. Phương diện thứ ba: Điểm Quân Bình. Chúng ta nhớ mối liên hệ của Thiên Bình, tam giác và cung ba với yếu tố quân bình.

d. Phương diện thứ tư: Hợp nhất hay Hài hòa

106. Có thể lập luận cho ba phương diện (hay cung) còn lại và mối liên hệ khả dĩ của chúng với ba thuật ngữ cuối.

Đó là một Mãnh lực, hoạt động qua một biểu hiện nhị phân của mãnh lực biến phân,

107. We mean by this “dual manifestation” the combination of the second and third aspects representing the Divine Ray and the Primordial Ray.

107. Bởi “biểu hiện nhị phân” này, chúng ta muốn nói đến sự kết hợp của phương diện thứ hai và thứ ba, tượng trưng cho Cung Thiêng Liêng và Cung Nguyên Sơ.

108. Each of the major three aspects can be thought of as a “Force”.

108. Mỗi một trong ba phương diện chính có thể được nghĩ đến như một “Mãnh lực”.

through the energy of matter, the coherency of forms, through force centres, and force points.

qua năng lượng của vật chất, sự cố kết của các hình tướng, qua các trung tâm lực, và các điểm lực.

109. We can divide the four terms above into two categories:

109. Chúng ta có thể chia bốn thuật ngữ trên thành hai loại:

110. Under the second aspect we have “the coherency of forms” and “through force centers”.

110. Dưới phương diện thứ hai, chúng ta có “sự cố kết của các hình tướng” và “qua các trung tâm lực”.

111. Under the third aspect we have “the energy of matter” and “force points”.

111. Dưới phương diện thứ ba, chúng ta có “năng lượng của vật chất” và “các điểm lực”.

112. Through these four there works that which we call Spirit or: the One Synthesizing Life, Electric Fire,

112. Qua bốn điều này hoạt động điều mà chúng ta gọi là Tinh thần hay: Sự sống Tổng hợp Duy nhất, Lửa Điện,

It is FOHAT in triple demonstration, of which the final or third is as yet unknown and inconceivable.

Đó là FOHAT trong sự biểu hiện tam phân, trong đó biểu hiện cuối cùng hay thứ ba cho đến nay vẫn chưa được biết và không thể quan niệm được.

113. Is DK saying that we are dealing with a great inclusive force called FOHAT which demonstrates through what we normally call the Three Divine Aspects?

113. Phải chăng Chân sư DK đang nói rằng chúng ta đang xử lý một mãnh lực bao gồm vĩ đại gọi là FOHAT, biểu hiện qua điều mà bình thường chúng ta gọi là Ba Phương Diện Thiêng Liêng?

114. If He is so saying, we would understand that Fohat is inclusive of the above mentioned synthesis expressed as a “Force working through a dual manifestation of differentiated force, through the energy of

114. Nếu Ngài đang nói như vậy, chúng ta sẽ hiểu rằng Fohat bao gồm sự tổng hợp được nhắc đến ở trên, được diễn tả như một “Mãnh lực hoạt động qua một biểu hiện nhị phân của mãnh lực biến phân, qua năng

matter, the coherency of forms, through force centres, and force points." This synthetic statement includes *all* aspects of divinity—all the three Logoi as They manifest on the cosmic physical plane.

lượng của vật chất, sự cố kết của các hình tướng, qua các trung tâm lực, và các điểm lực." Phát biểu tổng hợp này bao gồm *mọi* phương diện của thiên tính—cả ba Thượng đế khi Các Ngài biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ.

115. Or is He relating FOHAT strictly to the first aspect?

115. Hay là Ngài đang liên hệ FOHAT một cách nghiêm ngặt với phương diện thứ nhất?

116. FOHAT or "Cosmic Electricity" seems related to Agni or to the threefold personality demonstration of the Solar Logos.

116. FOHAT hay "Điện Vũ Trụ" dường như liên hệ với Agni hay với biểu hiện phàm ngã tam phân của Thái dương Thượng đế.

117. It is illuminating to think of FOHAT as inclusive of the three aspects of divinity as they manifest (as aspects of Agni) on the lower eighteen *cosmic sub-planes,* and also as they manifest on the cosmic physical plane.

117. Thật soi sáng khi nghĩ về FOHAT như bao gồm ba phương diện của thiên tính khi chúng biểu hiện (như các phương diện của Agni) trên mười tám *cõi phụ vũ trụ* thấp hơn, và cũng như chúng biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ.

This brings me to the consideration of the fact earlier stated that the mental unit possesses but four of the streams of force.

Điều này đưa tôi đến việc xem xét sự kiện đã được nêu trước đó rằng đơn vị hạ trí chỉ sở hữu bốn dòng mãnh lực.

118. It would seem that we have been participating in a lengthy amplification.

118. Có vẻ như chúng ta đã tham gia vào một sự khai triển dài dòng.

Each of the streams of force in the permanent atoms **vibrates to the note** of a particular subplane, and serves as the medium for the vitalisation of the matter of the subplane, which is built into any particular body around a permanent atom.

Mỗi dòng mãnh lực trong các nguyên tử trường tồn **rung động theo âm điệu** của một cõi phụ đặc biệt, và phục vụ như trung gian cho sự tiếp sinh lực của vật chất của cõi phụ ấy, vốn được xây dựng vào bất kỳ thể đặc biệt nào quanh một nguyên tử trường tồn.

119. Again, we have *a most important statement* which should tell us much about the relation of spirillae to subplanes and to keynotes.

119. Một lần nữa, chúng ta có *một phát biểu hết sức quan trọng*, phát biểu này hẳn sẽ cho chúng ta biết nhiều về mối liên hệ của các loa tuyến với các cõi phụ và với các chủ âm.

120. Each sub-plane has a musical *note,* and each spirilla (or stream of second aspect

120. Mỗi cõi phụ có một *âm điệu* âm nhạc, và mỗi loa tuyến (hay dòng sinh lực phương

vitality) vibrates to the note of one sub-plane and, thus, can be associated with the control and manipulation of the type of matter of that sub-plane.

121. We may be saying that the points of force which are organized by second aspect vitality vibrate to different frequencies depending upon the sub-plane with which they are associated.

122. The spirilla vitalizes the matter of a sub-plane. We might say that second aspect vitality vitalizes third aspect substance. Yet substance, too, is but vitality—third aspect vitality. All is Life in differentiated modes.

123. We can see that vitalization proceeds through musical sound—i.e., through "notes".

124. We see that the different sub-planes of the body built around any permanent atom are vitalized by the different spirillae within the permanent atom.

125. The whole matter is extremely complex and humanity's science has not yet given us any way to conceive of such things with any accuracy.

126. Yet there is law and order in all these relations and the methods of subduing chaos are firmly in place.

diện thứ hai) rung động theo âm điệu của một cõi phụ, và do đó có thể được liên hệ với sự kiểm soát và vận dụng loại vật chất của cõi phụ ấy.

121. Có thể chúng ta đang nói rằng các điểm lực được tổ chức bởi sinh lực phương diện thứ hai rung động ở những tần số khác nhau tùy theo cõi phụ mà chúng liên hệ.

122. Loa tuyến tiếp sinh lực cho vật chất của một cõi phụ. Chúng ta có thể nói rằng sinh lực phương diện thứ hai tiếp sinh lực cho chất liệu phương diện thứ ba. Tuy nhiên, chính chất liệu cũng chỉ là sinh lực—sinh lực phương diện thứ ba. Tất cả đều là Sự sống trong những phương thức biến phân.

123. Chúng ta có thể thấy rằng sự tiếp sinh lực diễn ra qua âm thanh âm nhạc—tức là, qua các "âm điệu".

124. Chúng ta thấy rằng các cõi phụ khác nhau của thể được xây dựng quanh bất kỳ nguyên tử trường tồn nào đều được tiếp sinh lực bởi các loa tuyến khác nhau bên trong nguyên tử trường tồn ấy.

125. Toàn bộ vấn đề này cực kỳ phức tạp và khoa học của nhân loại vẫn chưa cho chúng ta bất kỳ cách nào để quan niệm những điều như thế với độ chính xác nào đó.

126. Tuy nhiên, có định luật và trật tự trong tất cả những mối liên hệ này, và các phương pháp chế ngự hỗn mang đã được thiết lập vững chắc.

It is the force of the Heavenly Man as it animates the cells of His form, and holds them as a coherent unity.

Nó là mãnh lực của Đấng Thiên Nhân khi mãnh lực ấy phú linh các tế bào của hình tướng của Ngài, và giữ chúng như một hợp nhất cố kết.

127. Are we still speaking of the Force of the first aspect? Sometimes the use of the word "it" leaves us without knowledge of that to which "it" is meant to refer.

127. Chúng ta vẫn đang nói về Mãnh lực của phương diện thứ nhất chăng? Đôi khi việc dùng từ "nó" khiến chúng ta không biết điều mà "nó" được dùng để chỉ là gì.

128. If we are speaking of spirillae we are speaking of *second aspect vitality.*

128. Nếu chúng ta đang nói về các loa tuyến thì chúng ta đang nói về *sinh lực phương diện thứ hai.*

129. To interpret the section of text immediately above, we must know whether DK is referencing first or second aspect energy. Or is He referencing first aspect energy as is *manifests through* second aspect energy—since first aspect energy cannot manifest on its own (in this solar system, at least).

129. Muốn giải thích đoạn văn ngay trên, chúng ta phải biết liệu Chân sư DK đang quy chiếu đến năng lượng phương diện thứ nhất hay thứ hai. Hay là Ngài đang quy chiếu đến năng lượng phương diện thứ nhất như nó *biểu hiện qua* năng lượng phương diện thứ hai—vì năng lượng phương diện thứ nhất không thể tự biểu hiện (ít nhất là trong hệ mặt trời này).

130. It would seem that we are speaking of the "streams of force in the permanent atoms" and consider them to be an "it"—namely, as that which "animates the cells of His form".

130. Có vẻ như chúng ta đang nói về "các dòng mãnh lực trong các nguyên tử trường tồn" và xem chúng như một "nó"—tức là, như điều "phú linh các tế bào của hình tướng của Ngài".

131. The cells in the body of a Heavenly Man are like the points of third aspect force which were held in coherence by streams of second aspect vitality.

131. Các tế bào trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân giống như các điểm mãnh lực phương diện thứ ba được giữ trong sự cố kết bởi các dòng sinh lực phương diện thứ hai.

Here it must be remembered that, from the point of view of the microcosm, the aspect of pure Spirit or of Electric Fire remains in this solar system as an abstraction.

Ở đây cần nhớ rằng, từ quan điểm của tiểu thiên địa, phương diện của Tinh thần thuần túy hay của Lửa Điện vẫn còn là một sự trừu tượng trong hệ mặt trời này.

132. The fire of "pure Spirit" or Electric Fire does not express autonomously, but only

132. Lửa của "Tinh thần thuần túy" hay Lửa Điện không tự biểu lộ một cách độc lập, mà

through the other two aspects. It is not possible to 'concretize' the first fire, per se (in this solar system).

chỉ qua hai phương diện kia. Không thể "cụ thể hóa" ngọn lửa thứ nhất, chính nó, trong hệ mặt trời này.

A man can attain group consciousness; he can vibrate to the note of the Heavenly Man in Whose body he is a cell;

Con người có thể đạt được tâm thức nhóm; y có thể rung động theo âm điệu của Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài y là một tế bào;

133. When group consciousness is attained, the man is vibrating to the note of the second aspect.

133. Khi tâm thức nhóm được đạt đến, con người đang rung động theo âm điệu của phương diện thứ hai.

he can demonstrate in relative perfection fire by friction and solar fire, but it remains for a later mahamanvantara to reveal [Page 530] the true nature of Spirit.

y có thể biểu hiện một cách tương đối hoàn hảo lửa ma sát và Lửa Thái dương, nhưng phải đợi đến một Đại giai kỳ sinh hóa sau này mới mặc khải [Page 530] bản chất chân thực của Tinh thần.

134. It is evident that the Spirit aspect of our Heavenly Man will not emerge in this solar system.

134. Hiển nhiên là phương diện Tinh thần của Đấng Thiên Nhân của chúng ta sẽ không xuất hiện trong hệ mặt trời này.

135. If this is the case, and if it likely that we must wait until a future mahamanvantara "to reveal the true nature of Spirit" on our planet, can it be possible that our Heavenly Man will take a third cosmic initiation in this solar system?

135. Nếu đúng như vậy, và nếu có khả năng là chúng ta phải chờ đến một Đại giai kỳ sinh hóa tương lai mới "mặc khải bản chất chân thực của Tinh thần" trên hành tinh của chúng ta, thì liệu có thể nào Đấng Thiên Nhân của chúng ta sẽ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ ba trong hệ mặt trời này không?

136. At which cosmic initiation is the true nature of Spirit revealed through a Heavenly Man?

136. Ở lần điểm đạo vũ trụ nào thì bản chất chân thực của Tinh thần được mặc khải qua một Đấng Thiên Nhân?

137. Even at the fourth initiation the Spirit aspect is *still* revealed *through* solar fire (i.e., through the second aspect).

137. Ngay cả ở lần điểm đạo thứ tư, phương diện Tinh thần *vẫn* được mặc khải *qua* Lửa Thái dương (tức là, qua phương diện thứ hai).

138. And, yet, if our Solar Logos is to take the fifth cosmic initiation in this solar system (as some references indicate as likely), then

138. Tuy nhiên, nếu Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ năm trong hệ mặt trời này (như một số

the Earth (which is related to His base of the spine center) must be in the position to demonstrate first ray energy (and that energy, as far as the Earth is concerned, can come only from Earth's first ray Monad).

dẫn chiếu cho thấy là có khả năng), thì Trái Đất (vốn liên hệ với trung tâm đáy cột sống của Ngài) phải ở vị thế biểu hiện năng lượng cung một (và năng lượng ấy, xét theo Trái Đất, chỉ có thể đến từ chân thần cung một của Trái Đất).

139. When DK speaks of "a later mahamanvantara" does He mean the next solar system which, presumably, is the last solar system (for our Solar Logos and His Planetary Logoi) in a series of *six*? It would seem so.

139. Khi Chân sư DK nói về một "Đại giai kỳ sinh hóa về sau", liệu Ngài có muốn nói đến hệ mặt trời kế tiếp, mà có lẽ là hệ mặt trời cuối cùng (đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta và các Hành Tinh Thượng Đế của Ngài) trong một chuỗi gồm *sáu* hệ hay không? Có vẻ là như vậy.

140. If we are talking about the revelation of the "true nature of Spirit" on a solar systemic level, then, perhaps it makes sense that it will be necessary to wait until the next mahamanvantara, for only then will the Solar Logos be in a position to take His sixth cosmic initiation, at which point Spirit or Monad is revealed untrammeled by the lower five planes. In this case we are probably speaking of *cosmic* planes and not systemic planes.

140. Nếu chúng ta đang nói về sự mặc khải "bản chất đích thực của tinh thần" ở cấp độ hệ mặt trời, thì có lẽ việc phải chờ đến Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp là điều hợp lý; vì chỉ khi đó Thái dương Thượng đế mới ở vào vị thế tiếp nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ sáu của Ngài, tại điểm ấy Tinh thần hay Chân thần được mặc khải mà không bị năm cõi thấp trói buộc. Trong trường hợp này, có lẽ chúng ta đang nói đến các cõi *vũ trụ* chứ không phải các cõi của hệ.

141. There is an implication in all this reasoning—namely, that even an initiate of the fifth degree is not demonstrating the "true nature of Spirit". This would hold for the human initiate, the planetary logoic Initiate and the solar logoic Initiate.

141. Trong toàn bộ lối suy luận này có một hàm ý—đó là ngay cả một điểm đạo đồ bậc năm cũng chưa biểu lộ "bản chất đích thực của tinh thần". Điều này đúng đối với điểm đạo đồ nhân loại, điểm đạo đồ hành tinh logoic và điểm đạo đồ thái dương logoic.

Therefore in man, functioning in the human family, this fact is apparent and the correspondence to be seen. Until he passes out of the three worlds, and until he becomes a Master of the Wisdom, he has this truth concealed in these three aspects.

Vì vậy, nơi con người, hoạt động trong gia đình nhân loại, sự kiện này là hiển nhiên và có thể thấy được sự tương ứng. Cho đến khi y vượt ra khỏi ba cõi giới, và cho đến khi y trở thành một Chân sư Minh triết, chân lý này vẫn bị che giấu đối với y trong ba phương diện này.

142. When shall pure Spirit be revealed? There is no possibility for this revelation

142. Khi nào tinh thần thuần túy sẽ được mặc khải? Không có khả năng nào cho sự

until a man becomes a Master of the Wisdom. Even then, He may have to wait for Chohanship before the complete revelation becomes possible. A Master is still, technically considered, a "man". A Chohan is not.

mặc khải này cho đến khi một người trở thành một Chân sư Minh triết. Ngay cả khi ấy, Ngài có thể còn phải chờ đến Chohanship trước khi sự mặc khải trọn vẹn trở nên khả hữu. Về mặt kỹ thuật, một Chân sư vẫn còn được xem là một "con người". Một Chohan thì không.

The mental [unit] is not a septenary permanent atom, but only responds to four types of force, and not to the entire range of vibrations.

Đơn vị hạ trí [unit] không phải là một nguyên tử trường tồn thất phân, mà chỉ đáp ứng với bốn loại mãnh lực, chứ không phải với toàn bộ phạm vi rung động.

143. DK is speaking of the limitations of the mental unit.

143. Chân sư DK đang nói về những giới hạn của đơn vị hạ trí.

Herein lies a reason for tolerance.

Chính trong đây có một lý do cho sự khoan dung.

144. The limitations of man *because* he is a member of the *fourth* kingdom are evident. He cannot possibly respond rightly to the full range of vibrations impinging upon him.

144. Những giới hạn của con người *bởi vì* y là một thành viên của *giới thứ tư* là điều hiển nhiên. Y không thể nào đáp ứng đúng đắn với toàn bộ phạm vi rung động tác động vào mình.

Until a man is coming consciously under the control of the Ego and is beginning to sense the vibration of the manasic permanent atom, it is useless to expect him to respond to certain ideals, or to grasp certain aspects of truth.

Cho đến khi một người bắt đầu một cách hữu thức ở dưới sự kiểm soát của Chân ngã và bắt đầu cảm nhận rung động của nguyên tử trường tồn manas, thì thật vô ích khi mong đợi y đáp ứng với một số lý tưởng nào đó, hoặc nắm bắt một số phương diện nào đó của chân lý.

145. The manasic permanent atom, on the other hand, has a much greater responsive capacity than the mental unit.

145. Mặt khác, nguyên tử trường tồn manas có năng lực đáp ứng lớn hơn nhiều so với đơn vị hạ trí.

146. It may be gathered that when a man does begin to come until the control of the Ego in the causal body, he is also in a position to begin sensing the vibration of the manasic permanent atom. Presumably the antahkarana does not have to be fully

146. Có thể suy ra rằng khi một người thực sự bắt đầu đi đến dưới sự kiểm soát của Chân ngã trong thể nguyên nhân, thì y cũng ở vào vị thế có thể bắt đầu cảm nhận rung động của nguyên tử trường tồn manas. Có lẽ antahkarana không nhất thiết phải được xây

built before this sensing (at least) becomes possible.

147. We remember that the antahkarana is a *triangle* and not just a *line.* That line of energy which connects the center of the egoic lotus to the manasic permanent atom is also considered to be part of the antahkarana.

148. The line of energy connecting the personality with the egoic lotus (probably, again, the *center* of the egoic lotus) is also an aspect of the antahkarana.

The mental unit suffices for his need, and no bridge exists between it and the manasic permanent atom.

149. DK is speaking of the strictly personality stage of human development. The preliminary bridge to higher possibilities does not yet exist.

150. Let us reemphasize that there are really two bridges and even three.

a. One bridge exists between the mental unit and the Ego on the higher mental plane (and Ego usually located at the time of initial bridge-building on the second sub-plane of the higher mental plane).

b. Another bridge exists between the mental unit and the manasic permanent atom.

c. Still another gap which must be bridged lies between the causal body on the second sub-plane of the mental plane and the manasic permanent atom which if found upon the first sub-plane. This is built

dựng hoàn toàn trước khi sự cảm nhận này (ít nhất là ở mức đó) trở nên khả hữu.

147. Chúng ta nhớ rằng antahkarana là một *tam giác* chứ không chỉ là một *đường thẳng.* Đường năng lượng nối trung tâm của hoa sen chân ngã với nguyên tử trường tồn manas cũng được xem là một phần của antahkarana.

148. Đường năng lượng nối phàm ngã với hoa sen chân ngã (có lẽ, một lần nữa, là *trung tâm* của hoa sen chân ngã) cũng là một phương diện của antahkarana.

Đơn vị hạ trí là đủ cho nhu cầu của y, và không có cây cầu nào tồn tại giữa nó với nguyên tử trường tồn manas.

149. Chân sư DK đang nói về giai đoạn phát triển nhân loại thuần túy của phàm ngã. Cây cầu sơ khởi dẫn đến những khả năng cao hơn vẫn chưa tồn tại.

150. Chúng ta hãy nhấn mạnh lại rằng thực sự có hai cây cầu và thậm chí là ba.

a. Một cây cầu tồn tại giữa đơn vị hạ trí và Chân ngã trên Cõi thượng trí (và Chân ngã thường tọa lạc vào thời điểm bắt đầu xây cầu trên cõi phụ thứ hai của Cõi thượng trí).

b. Một cây cầu khác tồn tại giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas.

c. Còn một khoảng cách khác phải được bắt cầu nằm giữa thể nguyên nhân trên cõi phụ thứ hai của cõi trí và nguyên tử trường tồn manas vốn được tìm thấy trên cõi phụ thứ nhất. Điều này được xây dựng thông qua

through the growing capacity for abstract thought.

năng lực ngày càng tăng đối với tư duy trừu tượng.

Two and a half planes are concerned with the evolution of man, per se, in the fourth kingdom,

Hai cõi rưỡi liên quan đến sự tiến hoá của chính con người trong giới thứ tư,

151. This equates to eighteen sub-planes. From one perspective, eighteen is the number of the Moon.

151. Điều này tương đương với mười tám cõi phụ. Từ một góc nhìn, mười tám là con số của Mặt Trăng.

and he only begins to transcend them as he nears the Path and treads it.

và y chỉ bắt đầu vượt lên trên chúng khi y tiến gần đến Con Đường và bước đi trên đó.

152. The beginning of the process of treading the Path signals the possibility of transcending the eighteen sub-planes.

152. Sự khởi đầu của tiến trình bước đi trên Con Đường báo hiệu khả năng vượt lên trên mười tám cõi phụ.

153. "Let the group see that all the eighteen fires die down..." (Rule IV for Disciples and Initiates).

153. "Hãy để nhóm thấy rằng tất cả mười tám ngọn lửa đều lắng xuống..." (Quy luật IV dành cho các đệ tử và điểm đạo đồ).

154. The Path is essentially *solar* and the nineteenth sub-plane (and those sub-planes beyond) are related to solar expressions.

154. Con Đường về bản chất là *thái dương* và cõi phụ thứ mười chín (cùng những cõi phụ vượt lên trên đó) có liên hệ với các biểu hiện thái dương.

155. We recall the interesting fact that the eighteenth Tarot card is the "Moon" and the nineteenth is the "Sun".

155. Chúng ta nhớ lại sự kiện thú vị rằng lá bài Tarot thứ mười tám là "Mặt Trăng" và lá thứ mười chín là "Mặt Trời".

From the standpoint of average man in physical incarnation, the egoic consciousness, within the causal periphery, is as abstract as is the Logos viewed as the Dweller within the system.

Từ quan điểm của con người trung bình đang lâm phàm trên cõi hồng trần, tâm thức chân ngã, bên trong chu vi nhân thể, trừu tượng cũng như Thượng đế được nhìn như Kẻ Chận Ngõ bên trong hệ vậy.

156. This is a sobering thought and reminds us of the limitations under which most human beings labor.

156. Đây là một ý nghĩ khiến người ta tỉnh táo và nhắc chúng ta về những giới hạn mà phần lớn con người phải lao nhọc dưới đó.

157. There are different kinds of *dwellers.* The kind of "Dweller" here indicated is an inherent, substanding Life which '*in*-dwells' and pervades lives, forms and substances within the solar system. It is not at all an obstructive Dweller such as the "Dweller on the Threshold".

157. Có những loại *kẻ chận ngõ* khác nhau. Loại "Kẻ Chận Ngõ" được chỉ ra ở đây là một Sự sống nội tại, nền tảng, substanding 'nội trú' và thấm khắp các sự sống, các hình tướng và các chất liệu bên trong hệ mặt trời. Nó hoàn toàn không phải là một Kẻ Chận Ngõ có tính cản trở như "Kẻ Chận Ngõ".

158. DK is telling us that the egoic consciousness is something that is just not registered by the average man. He seems to be saying that the average man has as much possibility of registering the Ego as he would of registering the presence of the Solar Logos within His solar system.

158. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng tâm thức chân ngã là điều mà con người trung bình đơn giản không ghi nhận được. Dường như Ngài muốn nói rằng con người trung bình có khả năng ghi nhận Chân ngã cũng ít như khả năng y ghi nhận sự hiện diện của Thái dương Thượng đế bên trong hệ mặt trời của Ngài.

159. Is DK suggesting that for the average man *outside* of physical incarnation the chance of registering egoic consciousness increases? Perhaps, because unobstructed by the physical brain and body?

159. Liệu Chân sư DK có gợi ý rằng đối với con người trung bình *bên ngoài* sự lâm phàm trên cõi hồng trần, cơ hội ghi nhận tâm thức chân ngã tăng lên không? Có lẽ vậy, vì không bị bộ não và thể xác hồng trần ngăn trở chăng?

These two and a half planes are of peculiar interest to the Logos, as they embody:

Hai cõi rưỡi này đặc biệt đáng quan tâm đối với Thượng đế, vì chúng thể hiện:

160. Of which Logos is DK speaking? He seemed to be speaking of the *Solar* Logos but when speaking of two and half planes, perhaps the emphasis is now shifting to the *Planetary* Logos.

160. Chân sư DK đang nói về Thượng đế nào? Dường như Ngài đang nói về Thái dương Thượng đế nhưng khi nói về hai cõi rưỡi, có lẽ trọng tâm giờ đây đang chuyển sang Hành Tinh Thượng Đế.

That which, for Him, lies below the threshold of consciousness.

Điều mà, đối với Ngài, nằm dưới ngưỡng tâm thức.

161. These eighteen sub-planes function, for the *Planetary* Logos, unconsciously. He need not attend to them, just as man need not, under normal circumstances, attend to the automatic biological processes which keep his physical body functioning.

161. Mười tám cõi phụ này vận hành, đối với Hành Tinh Thượng Đế, một cách vô thức. Ngài không cần chú ý đến chúng, cũng như con người, trong những hoàn cảnh bình thường, không cần chú ý đến các tiến trình

sinh học tự động giữ cho thể xác của mình hoạt động.

162. For the Solar Logos, *twenty-one* sub-planes lie below the threshold of consciousness.

162. Đối với Thái dương Thượng đế, *hai mươi mốt* cõi phụ nằm dưới ngưỡng tâm thức.

Those centres from which logoic kundalini is turning.

Những trung tâm mà từ đó kundalini logoic đang quay đi.

163. Kundalini is poised to animate other and higher aspects of the planetary logoic nature.

163. Kundalini đang sẵn sàng tiếp sinh lực cho những phương diện khác và cao hơn của bản chất hành tinh logoic.

164. Solar logoic kundalini is also turning from certain centers.

164. Kundalini thái dương logoic cũng đang quay khỏi một số trung tâm nhất định.

That which is not considered a principle.

Điều không được xem là một nguyên khí.

165. These eighteen sub-planes relate to the previous solar system. They are not among the energy-patterns which the Planetary Logos is presently cultivating.

165. Mười tám cõi phụ này liên hệ với hệ mặt trời trước. Chúng không nằm trong số những mô hình năng lượng mà Hành Tinh Thượng Đế hiện đang vun bồi.

166. For the Solar Logos, twenty-one sub-planes are not considered as embodying a principle. For Him they are strictly physical sub-planes—not etheric.

166. Đối với Thái dương Thượng đế, hai mươi mốt cõi phụ không được xem là thể hiện một nguyên khí. Đối với Ngài, chúng hoàn toàn là các cõi phụ hồng trần—không phải dĩ thái.

That which is gradually passing into obscuration.

Điều đang dần dần đi vào sự che khuất.

167. Etherealization is slowly in process. The attention of the Planetary Logos has turned from the eighteen lower sub-planes and with this turning, these sub-planes will gradually no longer remain in incarnation.

167. Tiến trình dĩ thái hóa đang chậm rãi diễn ra. Sự chú ý của Hành Tinh Thượng Đế đã quay khỏi mười tám cõi phụ thấp, và cùng với sự quay đi này, các cõi phụ ấy sẽ dần dần không còn tiếp tục lâm phàm nữa.

It is impossible to enlarge further upon this mystery.

Không thể khai triển thêm về huyền nhiệm này.

168. If is has not been apparent (due to the abstruseness of the material) we are dealing with a “mystery”.

169. The mystery concerns the relationship between that which is principled and unprincipled in the life demonstration of any E/entity.

4. Summary.

Before proceeding further, however, it might be well to sum up some of the facts anent the spirillae and the atom, and then we can take up the subject of the causal body and man, the individual. [Page 531]

170. This will be a most important section to be used in stabilizing our understanding of the subject of the permanent atoms and the spirillae.

1. The four lower spirillae are definitely under the influence of the personality Ray.

171. This is predictable numerologically. The fourth spirilla is correlated specifically with the fourth, or human, kingdom.

172. Since the mental unit has only four spirillae, this entire center of force refers only to the personality or to what has been called the “lower quaternary”.

2. The fifth and sixth spirillae are more specifically under the egoic Ray, whatever that Ray may be.

173. We might expect that only the *fifth* spirilla would be connected with the “egoic Ray”. The *fifth* kingdom is that in which the

168. Nếu điều đó chưa rõ ràng (do tính khó hiểu của tài liệu), thì chúng ta đang xử lý một “huyền nhiệm”.

169. Huyền nhiệm này liên quan đến mối liên hệ giữa điều có nguyên khí và điều không có nguyên khí trong sự biểu lộ sự sống của bất kỳ Thực thể/thực thể nào.

4. Tóm tắt.

Tuy nhiên, trước khi đi xa hơn, có lẽ nên tóm lược một số sự kiện liên quan đến các loa tuyến và nguyên tử, rồi sau đó chúng ta có thể bàn đến chủ đề thể nguyên nhân và con người, cá nhân biệt ngã. [Page 531]

170. Đây sẽ là một phần hết sức quan trọng để dùng vào việc ổn định sự thấu hiểu của chúng ta về chủ đề các nguyên tử trường tồn và các loa tuyến.

1. Bốn loa tuyến thấp chắc chắn ở dưới ảnh hưởng của cung phàm ngã.

171. Điều này có thể dự đoán được về mặt số học huyền bí. Loa tuyến thứ tư được tương quan đặc biệt với giới thứ tư, hay giới nhân loại.

172. Vì đơn vị hạ trí chỉ có bốn loa tuyến, nên toàn bộ trung tâm mãnh lực này chỉ quy chiếu đến phàm ngã hoặc đến điều đã được gọi là “bộ tứ thấp”.

2. Loa tuyến thứ năm và thứ sáu đặc biệt hơn ở dưới cung chân ngã, bất kể cung ấy là cung nào.

173. Chúng ta có thể mong đợi rằng chỉ loa tuyến *thứ năm* mới được nối kết với “cung chân ngã”. *Giới thứ năm* là giới trong đó cung

egoic ray principally demonstrates. We would then expect the sixth spirilla to be connected with the sixth kingdom of Planetary Lives. Yet, it must be as the Tibetan so definitively states, and for this there must be a reason.

chân ngã biểu lộ chủ yếu. Khi ấy chúng ta sẽ mong đợi loa tuyến thứ sáu được nối kết với giới thứ sáu của Các Sự Sống Hành tinh. Tuy nhiên, sự việc hẳn phải như Chân sư Tây Tạng đã khẳng định dứt khoát, và hẳn phải có một lý do cho điều đó.

174. Perhaps the sixth spirilla is connected specifically with the functioning of the spiritual triad—the three of the triad and the six of the spirilla being arithmetically related.

174. Có lẽ loa tuyến thứ sáu được nối kết đặc biệt với sự hoạt động của Tam Nguyên Tinh Thần—ba của tam nguyên và sáu của loa tuyến có liên hệ với nhau về mặt số học.

175. Both the Ego within the causal body and the Ego liberated and demonstrating as the spiritual triad are associated with the egoic ray. The rays of the permanent atoms of the spiritual triad are the same as the rays of the Ego within the causal body.

175. Cả Chân ngã trong thể nguyên nhân lẫn Chân ngã đã được giải thoát và biểu lộ như Tam Nguyên Tinh Thần đều gắn liền với cung chân ngã. Các cung của những nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần cũng giống như các cung của Chân ngã trong thể nguyên nhân.

176. We note that no matter what the egoic ray may be, it influences both the fifth and sixth spirillae.

176. Chúng ta lưu ý rằng bất kể cung chân ngã là cung nào, nó đều ảnh hưởng đến cả loa tuyến thứ năm lẫn thứ sáu.

3. The fifth spirilla has a peculiar value inasmuch as it synthesises the lower four.

3. Loa tuyến thứ năm có một giá trị đặc biệt vì nó synthesises bốn loa tuyến thấp.

177. In this respect the fifth spirilla has a *brahmic* function—the fifth as the one synthesizing the lower four (just as the Brahma Aspect synthesizes the Rays of Attribute_.

177. Về phương diện này, loa tuyến thứ năm có một chức năng *brahmic*—thứ năm là cái tổng hợp bốn cái thấp (cũng như Phương diện Brahma tổng hợp Các Cung Thuộc Tính_.

178. We are now at the point of human evolution when the fifth spirilla is undergoing wide stimulation. Humanity is preparing to enter the fifth kingdom.

178. Hiện nay chúng ta đang ở vào điểm của tiến hoá nhân loại khi loa tuyến thứ năm đang chịu một sự kích thích rộng khắp. Nhân loại đang chuẩn bị bước vào giới thứ năm.

It is the third when counting the streams of spiral force from the standpoint of the atomic pole. It vibrates to five types of force.

Nó là thứ ba khi đếm các dòng mãnh lực xoắn ốc từ quan điểm của cực nguyên tử. Nó rung động với năm loại mãnh lực.

179. From what is said, it seems that every spirilla vibrates to a certain number of forces, the same number as the number of the spirilla.

179. Từ điều được nói ra, có vẻ như mỗi loa tuyến rung động với một số lượng mãnh lực nhất định, con số ấy trùng với số của loa tuyến.

180. This would mean that the fifth spirilla would vibrate to five types of force, the fourth to four, the third to three, etc.

180. Điều này có nghĩa là loa tuyến thứ năm sẽ rung động với năm loại mãnh lực, loa tuyến thứ tư với bốn loại, loa tuyến thứ ba với ba loại, v.v.

181. For seven spirillae we would have: 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 =28. We will recognize 28 as an important number—the number of the OM.

181. Với bảy loa tuyến, chúng ta sẽ có: 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 = 28. Chúng ta sẽ nhận ra 28 là một con số quan trọng—con số của OM.

4. **The spirillae are literally ten in number, three major and seven minor.** But from the unity point of view, they are the four and the major three, the remaining lesser three being counted as one with their major, inasmuch as they are direct reflections.

4. **Các loa tuyến theo nghĩa đen có số lượng là mười, ba lớn và bảy nhỏ.** Nhưng từ quan điểm hợp nhất, chúng là bốn và ba lớn, ba nhỏ còn lại được tính là một với cái lớn của chúng, vì chúng là những phản chiếu trực tiếp.

182. The *literal* perspective is important: 3 + 7. This is a perspective which correlates with the pattern of the Tree of Life and with the structure of the planetary schemes (three synthesizing schemes and seven others, including three non-sacred schemes). One wonders if the three non-sacred planets are, in some manner, reflections of the three synthesizing planets.

182. Quan điểm *theo nghĩa đen* là quan trọng: 3 + 7. Đây là một quan điểm tương quan với mô hình của Cây Sự Sống và với cấu trúc của các hệ hành tinh (ba hệ tổng hợp và bảy hệ khác, kể cả ba hệ không thiêng liêng). Người ta tự hỏi liệu ba hành tinh không thiêng liêng có phải, theo một cách nào đó, là những phản chiếu của ba hành tinh tổng hợp hay không.

183. We find the lower spirillae not even counted as they directly reflect the higher three.

183. Chúng ta thấy các loa tuyến thấp thậm chí không được tính đến vì chúng phản chiếu trực tiếp ba loa tuyến cao hơn.

184. Could there be a kind of absorption of the lower three into the higher three

184. Liệu có thể có một loại hấp thụ ba loa tuyến thấp vào ba loa tuyến cao theo cách

similarly to the way the lower ethers are absorbed into or subsumed by the higher?

tương tự như các dĩ thái thấp được hấp thụ vào hay được bao hàm trong các dĩ thái cao hơn chăng?

185. This way of treating the *ten* so they become a *seven* has applicability in other contexts.

185. Cách xử lý *mười* để chúng trở thành *bảy* này có thể áp dụng trong những bối cảnh khác.

5. The permanent atoms are not heart-shaped as portrayed in certain books. A certain number of atoms are of that type but they are not the permanent atoms which are more definitely spheroidal and are slightly flattened at the top, where the correspondence to the polar depression may be found, and equally flattened at the under surface.

5. Các nguyên tử trường tồn không có hình trái tim như được mô tả trong một số sách. Một số nguyên tử nhất định thuộc loại đó nhưng chúng không phải là các nguyên tử trường tồn, vốn có hình cầu rõ rệt hơn và hơi dẹt ở phía trên, nơi có thể tìm thấy sự tương ứng với chỗ lõm cực, và cũng dẹt tương tự ở mặt dưới.

186. DK has to correct certain misconceptions.

186. Chân sư DK phải sửa lại một số ngộ nhận.

187. The general picture of permanent atoms is as spheroidal and somewhat flattened at both poles.

187. Hình ảnh tổng quát của các nguyên tử trường tồn là hình cầu và hơi dẹt ở cả hai cực.

6. The arrangement of the spirillae within the permanent atoms varies on each plane and the ones most frequently described are those of the physical plane.

6. Sự sắp xếp của các loa tuyến bên trong các nguyên tử trường tồn thay đổi trên mỗi cõi, và những loại được mô tả thường xuyên nhất là những loại của cõi hồng trần.

188. The best known atom, occultly described, is "Babbitt's Atom" which is clearly an etheric atom. Is it a permanent atom? This has not been specified.

188. Nguyên tử được biết đến nhiều nhất, được mô tả theo huyền bí học, là "Nguyên tử của Babbitt", rõ ràng là một nguyên tử dĩ thái. Liệu nó có phải là một nguyên tử trường tồn không? Điều này chưa được xác định.

The arrangement of these tiny force vortices

Sự sắp xếp của những xoáy mãnh lực nhỏ bé này

189. Here we are speaking of spirillae…

189. Ở đây chúng ta đang nói về các loa tuyến…

and their internal economy

và sự kinh tế nội tại của chúng

190. By this, we mean the manner in which force is expressed through them and distributed by them…

190. Bởi điều này, chúng ta muốn nói đến cách thức mà mãnh lực được biểu lộ qua chúng và được chúng phân phối…

on each plane is one of the secrets of initiation and may not be revealed.

trên mỗi cõi là một trong những bí mật của điểm đạo và không thể được tiết lộ.

191. Probably for each type of atom there is a different arrangement.

191. Có lẽ đối với mỗi loại nguyên tử lại có một sự sắp xếp khác nhau.

One hint only may be given to guide the student: **The astral permanent atom has its internal streams of force arranged so that the spirals do approach quite closely the conformation of a heart,** though the pointed end is eliminated.

Chỉ có thể đưa ra một gợi ý để hướng dẫn đạo sinh: **Nguyên tử trường tồn cảm dục có các dòng mãnh lực nội tại được sắp xếp sao cho các đường xoắn tiến đến khá gần cấu dạng của một trái tim,** dù đầu nhọn đã bị loại bỏ.

192. We presume that the where one would expect a pointed end, there is a polar flattening.

192. Chúng ta giả định rằng ở chỗ người ta mong đợi có một đầu nhọn, lại có một sự dẹt cực.

193. The astral plane is ruled by the systemic Law of Love. As well, it is on the 2—4—6 line of force. The shape of a heart seems somehow appropriate.

193. Cõi cảm dục được cai quản bởi Định luật Tình thương của hệ. Đồng thời, nó nằm trên tuyến mãnh lực 2—4—6. Hình dạng trái tim dường như bằng cách nào đó là thích hợp.

The buddhic permanent atom has its spirillae arranged so as to form approximately a figure eight with a central stream bisecting the double spiral.

Nguyên tử trường tồn Bồ đề có các loa tuyến được sắp xếp sao cho hình thành gần đúng một hình số tám với một dòng trung tâm chia đôi đường xoắn kép.

194. The buddhic plane is related to Mercury Who is the “Guardian at the Eighth Gate”. The antahkarana, which is a Mercurial structure, is also said to be composed of lines of force arranged in figure eights.

194. Cõi Bồ đề có liên hệ với Sao Thủy, Đấng là “Người Canh Giữ tại Cổng Thứ Tám”. Antahkarana, vốn là một cấu trúc thuộc Sao Thủy, cũng được nói là được cấu tạo bằng những đường mãnh lực sắp xếp theo hình số tám.

195. We are alerted to the possibility that the permanent atoms of the various planes

195. Chúng ta được cảnh báo về khả năng rằng các nguyên tử trường tồn của những

may be arranged in symbolic form. The heart is symbolically related to the love and desire of the astral level, and the figure eight to the buddhic plane. What other types of symbols could serve in relation to the mental plane, for instance, or to the atmic? We would expect a distinctive geometry.

cõi khác nhau có thể được sắp xếp theo hình thức biểu tượng. Trái tim có liên hệ biểu tượng với tình thương và dục vọng của cấp độ cảm dục, còn hình số tám với cõi Bồ đề. Chẳng hạn, những loại biểu tượng nào khác có thể dùng trong liên hệ với cõi trí, hoặc với cõi atma? Chúng ta sẽ mong đợi một hình học đặc thù.

7. The closer the approach to reality the simpler will be found the arrangement of the spirilla.

7. Càng tiến gần đến thực tại, sự sắp xếp của các loa tuyến càng được thấy là đơn giản hơn.

196. Is it possible that as we approach the atmic plane, some threefold arrangement would emerge? Would monadic permanent atoms (as they must necessarily exist for certain higher beings—cf. TCF 533-534) have a twofold structure, and would logoic permanent atoms be unitary?

196. Liệu có thể chăng rằng khi chúng ta tiến gần đến cõi atma, một sự sắp xếp tam phân nào đó sẽ xuất hiện? Liệu các nguyên tử trường tồn chân thần (vì chúng hẳn phải tất yếu tồn tại đối với một số hữu thể cao hơn—xem TCF 533-534) có một cấu trúc nhị phân, và liệu các nguyên tử trường tồn logoic có tính đơn nhất chăng?

These streams of force show a septenary arrangement in the [Page 532] lower three permanent atoms of man, while the higher three contain but three spirillae—the major three.

Các dòng mãnh lực này cho thấy một sự sắp xếp thất phân trong [Page 532] ba nguyên tử trường tồn thấp của con người, trong khi ba nguyên tử cao hơn chỉ chứa ba loa tuyến—ba loa tuyến lớn.

197. We recall from TCF 177 the ninefold choice of rays for the "Ego" considered as the spiritual triad. The three permanent atoms times three spirillae would give the requisite nine.

197. Chúng ta nhớ từ TCF 177 sự lựa chọn cung cửu phân dành cho "Chân ngã" được xét như Tam Nguyên Tinh Thần. Ba nguyên tử trường tồn nhân với ba loa tuyến sẽ cho ra con số chín cần thiết.

198. If we look closely, however, we will find an apparent contraction in the section of text just reviewed.

198. Tuy nhiên, nếu xem xét kỹ, chúng ta sẽ thấy có một sự co rút biểu kiến trong phần văn bản vừa được khảo sát.

199. The lower *two* permanent atoms may well have a septenary arrangement, but what of the mental unit? That has only four spirillae we are told.

199. Hai nguyên tử trường tồn thấp *thì có thể* có một sự sắp xếp thất phân, nhưng còn đơn vị hạ trí thì sao? Chúng ta được bảo rằng nó chỉ có bốn loa tuyến.

200. And is not the manasic permanent atom one of the higher three permanent atoms of man? From what has been said, we would expect the manasic permanent atom, the buddhic permanent atom and he atmic permanent atom each to have a threefold structure.

200. Và chẳng phải nguyên tử trường tồn manas là một trong ba nguyên tử trường tồn cao hơn của con người sao? Từ những gì đã được nói, chúng ta sẽ mong đợi nguyên tử trường tồn manas, nguyên tử trường tồn Bồ đề và nguyên tử trường tồn atma mỗi cái đều có một cấu trúc tam phân.

201. Which atoms, really, are the lower three and the higher three?

201. Thực sự thì những nguyên tử nào là ba thấp và ba cao?

202. Perhaps we could say of the mental unit that it *would* have a sevenfold structure if it were complete.

202. Có lẽ chúng ta có thể nói về đơn vị hạ trí rằng nó *sẽ* có một cấu trúc thất phân nếu nó hoàn chỉnh.

203. May we expect that there are actually *ten* spirillae in the physical and astral permanent atoms, but only three (the major three) in the permanent atoms of the spiritual triad?

203. Liệu chúng ta có thể mong đợi rằng thực sự có *mười* loa tuyến trong nguyên tử trường tồn hồng trần và cảm dục, nhưng chỉ có ba (ba loa tuyến lớn) trong các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần chăng?

204. If the spirillae structure of the physical and astral permanent atoms is really tenfold, will the mental unit remain only fourfold?

204. Nếu cấu trúc loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần và cảm dục thực sự là thập phân, liệu đơn vị hạ trí có vẫn chỉ là tứ phân không?

205. For the moment we will have to leave the mental unit out of consideration as its case is indeterminate.

205. Tạm thời chúng ta sẽ phải gác đơn vị hạ trí ra ngoài sự xem xét vì trường hợp của nó chưa xác định.

8. It should be noted that there are but six permanent atoms connected with human evolution, while a Heavenly Man has but five, and even then only one in the solar system.

8. Cần lưu ý rằng chỉ có sáu nguyên tử trường tồn liên hệ với sự tiến hoá của con người, trong khi một Đấng Thiên Nhân chỉ có năm, và ngay cả khi ấy cũng chỉ một cái trong hệ mặt trời.

206. This point is of real importance. Among the six so-called permanent atoms of the human being, it would seem that the mental unit (which is not a full permanent atom) is counted. Yet if the two lower permanent

206. Điểm này thực sự quan trọng. Trong số sáu cái gọi là nguyên tử trường tồn của con người, có vẻ như đơn vị hạ trí (vốn không phải là một nguyên tử trường tồn trọn vẹn) được tính vào. Tuy nhiên, nếu hai nguyên tử

atoms have seven spirillae (or ten) and the three higher have three, then the number of permanent atoms in the mental unit can be considered transitional between seven (or ten) and three.

trường tồn thấp có bảy loa tuyến (hoặc mười) và ba nguyên tử cao có ba loa tuyến, thì số lượng nguyên tử trường tồn trong đơn vị hạ trí có thể được xem là chuyển tiếp giữa bảy (hoặc mười) và ba.

207. But what of the monadic auric egg? As a sheath (for it *is* a sheath) it is not 'created' by a permanent atom? Is not every vehicle created by a permanent atom (except the causal body which was created by the divine intervention of the Solar Angels)?

207. Nhưng còn noãn hào quang chân thần thì sao? Với tư cách là một vỏ bọc (vì nó *là* một vỏ bọc) nó không được 'tạo ra' bởi một nguyên tử trường tồn sao? Chẳng phải mọi vận cụ đều được tạo ra bởi một nguyên tử trường tồn sao (ngoại trừ thể nguyên nhân vốn được tạo ra bởi sự can thiệp thiêng liêng của các Thái dương Thiên Thần)?

208. It has long been questioned whether a Heavenly Man has a mental unit? Or whether *our* particular Heavenly Man has a mental unit? From what is here said it would seem that there is no room for a mental unit in the compliment of permanent atoms in the energy system of a Heavenly Man.

208. Từ lâu người ta đã đặt câu hỏi liệu một Đấng Thiên Nhân có một đơn vị hạ trí hay không? Hoặc liệu *Đấng Thiên Nhân riêng biệt* của chúng ta có một đơn vị hạ trí hay không? Từ điều được nói ở đây, có vẻ như không có chỗ cho một đơn vị hạ trí trong tổng số các nguyên tử trường tồn trong hệ thống năng lượng của một Đấng Thiên Nhân.

209. Again, the solar system exists only on the cosmic physical plane, and so we see that the Heavenly Man has only one permanent atom on the cosmic physical plane.

209. Một lần nữa, hệ mặt trời chỉ tồn tại trên cõi hồng trần vũ trụ, và vì thế chúng ta thấy rằng Đấng Thiên Nhân chỉ có một nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ.

(The mystery of a planet and its central life has not yet been revealed. It is connected with another manifestation of which as yet nought is known.)

(Huyền nhiệm của một hành tinh và sự sống trung tâm của nó vẫn chưa được mặc khải. Nó có liên hệ với một biểu hiện khác mà hiện nay chưa biết gì cả.)

210. We may question whether our Planetary Logos is like all others or whether some special case has existed upon which provides its Logos with a mental unit?

210. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có giống tất cả các vị khác hay không, hay đã có một trường hợp đặc biệt nào đó khiến Thượng đế của Ngài có một đơn vị hạ trí?

211. Perhaps even our Solar Logos has within it the correspondence to a mental unit?

211. Có lẽ ngay cả Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng có trong chính Ngài sự tương ứng với một đơn vị hạ trí?

212. The following quotation directs our thought to such a speculation:

212. Đoạn trích dẫn sau đây hướng tư tưởng của chúng ta đến một sự suy đoán như thế:

The coming of the Lords of Flame to the Earth was all under law and not just an accidental and fortunate happening; **it was a planetary matter which finds its correspondence in the connection between the mental unit and the manasic permanent atom.** [Notice, it is not said, in relation to what type of B/being.] Again, as the antaskarana is built by individual man between these two points, so—again in a planetary sense—is a channel being built by collective man on this planet to its primary, Venus. (TCF 297)

Sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Lửa đến Trái Đất hoàn toàn ở dưới định luật chứ không chỉ là một biến cố ngẫu nhiên và may mắn; **đó là một vấn đề hành tinh, tìm thấy sự tương ứng của nó trong mối liên hệ giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas.** [Lưu ý, không nói rằng, trong liên hệ với loại Hữu thể/hữu thể nào.] Một lần nữa, cũng như antaskarana được con người cá nhân xây dựng giữa hai điểm này, thì—một lần nữa theo ý nghĩa hành tinh—một kênh dẫn đang được con người tập thể trên hành tinh này xây dựng đến nguyên mẫu chính của nó là Sao Kim. (TCF 297)

213. As for the "central life" of a planet, we may assume it to be its monadic nature. Of such things we know very little if anything.

213. Còn về "sự sống trung tâm" của một hành tinh, chúng ta có thể giả định đó là bản chất chân thần của nó. Về những điều như thế, chúng ta biết rất ít, nếu không muốn nói là không biết gì.

214. We only know that Heavenly Men are Monads, that these Monads have a ray, and that the Monads of some Heavenly Men are occultly ineffective because the Heavenly Men are not yet "sacred".

214. Chúng ta chỉ biết rằng các Đấng Thiên Nhân là các Chân thần, rằng các Chân thần này có một cung, và rằng các Chân thần của một số Đấng Thiên Nhân thì không hữu hiệu về mặt huyền bí vì các Đấng Thiên Nhân ấy chưa "thiêng liêng".

215. We can perhaps relate the section of text above to the idea that the Solar Logos has a mental unit. Earth would stand for this mental unit and Venus (at this time) for the manasic permanent atom of the Solar Logos.

215. Có lẽ chúng ta có thể liên hệ phần văn bản trên với ý tưởng rằng Thái dương Thượng đế có một đơn vị hạ trí. Trái Đất sẽ tượng trưng cho đơn vị hạ trí này và Sao Kim (vào thời điểm này) tượng trưng cho nguyên tử trường tồn manas của Thái dương Thượng đế.

216. There is much occultism to be learned from the relation between the six and the five. Usually we are told that the six must be transformed into the five. We can understand this in relation to the permanent atoms of man, for his six permanent atoms (including the mental unit) must become five. The mental unit does not last, yet neither do the physical permanent atom and the astral permanent atom. However, when a mayavirupa is made, the points of force around which physical substance can be gathered in the lower three worlds are provided by some extension of the higher three permanent atoms. A point of force equivalent to the mental unit is not generated. The mental body in a mayavirupa is an wholeness and is not subdivided as in the case of unliberated man.

216. Có nhiều huyền bí học cần được học từ mối liên hệ giữa sáu và năm. Thông thường chúng ta được bảo rằng sáu phải được chuyển hoá thành năm. Chúng ta có thể hiểu điều này trong liên hệ với các nguyên tử trường tồn của con người, vì sáu nguyên tử trường tồn của y (kể cả đơn vị hạ trí) phải trở thành năm. Đơn vị hạ trí không tồn tại lâu dài, nhưng nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục cũng vậy. Tuy nhiên, khi một mayavirupa được tạo ra, những điểm mãnh lực mà quanh đó chất liệu hồng trần có thể được tập hợp trong ba cõi thấp được cung cấp bởi một sự mở rộng nào đó của ba nguyên tử trường tồn cao hơn. Một điểm mãnh lực tương đương với đơn vị hạ trí không được tạo ra. Thể trí trong một mayavirupa là một toàn thể và không bị phân chia nhỏ như trong trường hợp con người chưa được giải thoát.

9. It should be remembered that we are dealing with a physical incarnation of these great Entities and that Their permanent atoms, with the exception of the physical, are extra-systemic.

9. Cần nhớ rằng chúng ta đang xử lý một sự lâm phàm hồng trần của các Thực Thể vĩ đại này và rằng các nguyên tử trường tồn của Các Ngài, ngoại trừ nguyên tử hồng trần, đều ở ngoài hệ.

217. By “extra-systemic”, in this context, we mean ‘above the cosmic physical plane’. The permanent atoms of the various Planetary Logoi will be found upon the highest levels of the cosmic astral plane, the cosmic mental plane, and on cosmic planes still higher.

217. Bởi “ngoài hệ”, trong bối cảnh này, chúng ta muốn nói là ‘ở trên cõi hồng trần vũ trụ’. Các nguyên tử trường tồn của những Hành Tinh Thượng Đế khác nhau sẽ được tìm thấy trên những cấp độ cao nhất của cõi cảm dục vũ trụ, cõi trí vũ trụ, và trên những cõi vũ trụ còn cao hơn nữa.

10. The causal body of the Heavenly Men is upon the third subplane of the cosmic mental plane, while that of the solar Logos and those of the three Persons of the logoic Trinity are upon the first subplane.

10. Thể nguyên nhân của các Đấng Thiên Nhân ở trên cõi phụ thứ ba của cõi trí vũ trụ, trong khi thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế và của ba Ngôi Vị của Tam Vị logoic thì ở trên cõi phụ thứ nhất.

218. We are told the causal bodies of the Heavenly Men are to be found on the third

218. Chúng ta được bảo rằng các thể nguyên nhân của các Đấng Thiên Nhân được tìm

sub-plane of the cosmic mental plane, but one wonders if this statement refers to *all* Planetary Logoi or, principally, the non-sacred Planetary Logoi.

thấy trên cõi phụ thứ ba của cõi trí vũ trụ, nhưng người ta tự hỏi liệu phát biểu này có quy chiếu đến *tất cả* các Hành Tinh Thượng Đế hay chủ yếu là các Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng.

219. There appears to be a gap. Is there no great Entity Whose causal body is to be found on the *second* sub-plane of the cosmic mental plane, for instance, just as human beings who are advanced or initiate have causal bodies upon the *second* sub-plane of the systemic mental plane?

219. Dường như có một khoảng trống. Chẳng lẽ không có một Thực Thể vĩ đại nào mà thể nguyên nhân của Ngài được tìm thấy trên cõi phụ *thứ hai* của cõi trí vũ trụ, chẳng hạn, cũng như những con người đã tiến bộ hay các điểm đạo đồ có các thể nguyên nhân trên cõi phụ *thứ hai* của cõi trí hệ thống hay sao?

220. A proposal may be offered (later to be verified or refuted) that the causal bodies of the Logoi of sacred planets will be found on the second sub-plane of the cosmic mental plane while those of the non-sacred Planetary Logoi will remain on the third.

220. Có thể đưa ra một giả thuyết (để sau này được kiểm chứng hoặc bác bỏ) rằng các thể nguyên nhân của các Thượng đế của những hành tinh thiêng liêng sẽ được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai của cõi trí vũ trụ, trong khi các thể nguyên nhân của các Đức Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng sẽ vẫn ở trên cõi phụ thứ ba.

221. As well, there are Entities Who form a part of the Heavenly Men. They are called Chain Lords and Globe Lords and may, under certain circumstances, be called “Heavenly Men.” May it be that Their causal bodies are also found on the third sub-plane of the cosmic mental plane?

221. Ngoài ra, còn có những Thực Thể tạo thành một phần của các Đấng Thiên Nhân. Các Ngài được gọi là các Chúa Tể của Dãy và các Chúa Tể của bầu hành tinh, và trong một số hoàn cảnh nhất định, có thể được gọi là “Đấng Thiên Nhân”. Có thể chăng các thể nguyên nhân của Các Ngài cũng được tìm thấy trên cõi phụ thứ ba của cõi trí vũ trụ?

222. Nature does not tolerate such discontinuities and we must find the way to bridge them. Wherever (when studying the Teaching) a discontinuity appears, we may suppose ourselves to be in the presence of an “occult blind” or that certain information has been deliberately excluded.

222. Bản chất không dung thứ những sự gián đoạn như thế, và chúng ta phải tìm ra cách bắt cầu chúng. Bất cứ nơi nào (khi nghiên cứu Giáo Huấn) một sự gián đoạn xuất hiện, chúng ta có thể giả định rằng mình đang đứng trước một “bức màn huyền bí”, hoặc rằng một số thông tin nào đó đã bị cố ý loại bỏ.

11. The permanent atoms of men are upon the atomic subplane of each plane, with the one exception of the mental unit.

11. Các nguyên tử trường tồn của con người nằm trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi, ngoại trừ duy nhất đơn vị hạ trí.

223. The implication here is that the mental unit is considered as a kind of permanent atom.

223. Hàm ý ở đây là đơn vị hạ trí được xem như một loại nguyên tử trường tồn.

Those of the animal groups are upon the second subplane; those of the vegetable groups are upon the third subplane; those of the mineral groups are upon the fourth subplane.

Các nguyên tử trường tồn của các nhóm động vật nằm trên cõi phụ thứ hai; của các nhóm thực vật nằm trên cõi phụ thứ ba; của các nhóm khoáng vật nằm trên cõi phụ thứ tư.

224. These correspondences are important and should be held in mind when seeking to link the lower kingdoms to the human.

224. Những tương ứng này rất quan trọng và cần được ghi nhớ khi tìm cách liên kết các giới thấp với giới nhân loại.

225. It is also important to realize that the lives in the lower kingdoms all have permanent atoms.

225. Cũng quan trọng không kém là phải chứng nghiệm rằng các sự sống trong các giới thấp đều có các nguyên tử trường tồn.

226. Through this distribution the following emerges:

226. Qua sự phân bố này, điều sau đây xuất hiện:

a. The fourth kingdom is linked to the number one

a. giới thứ tư được liên kết với số một

b. The third kingdom is linked to the number two

b. giới thứ ba được liên kết với số hai

c. The second kingdom is linked to the number three

c. giới thứ hai được liên kết với số ba

d. The first kingdom is linked to the number four

d. giới thứ nhất được liên kết với số bốn

227. It becomes clear that the mental unit of the human being has some link with the mineral kingdom since both it and the

227. Rõ ràng là đơn vị hạ trí của con người có một mối liên hệ nào đó với giới kim thạch, vì cả nó lẫn nguyên tử trường tồn trong nhóm

permanent atom in the mineral group are found upon a fourth sub-plane.

khoáng vật đều được tìm thấy trên một cõi phụ thứ tư.

There is, therefore, a close analogy between these focal points of force of the group—human or otherwise—and a chain, a globe, and a round, and in their due application comes enlightenment.

Do đó, có một sự tương đồng chặt chẽ giữa những tiêu điểm mãnh lực này của nhóm—nhân loại hay nhóm khác—với một dãy, một bầu hành tinh và một cuộc tuần hoàn, và trong sự áp dụng đúng đắn của chúng có sự giác ngộ.

228. We are being given some potential analogies to expand.

228. Chúng ta đang được trao cho một số tương đồng tiềm năng để mở rộng.

229. The permanent atoms are names "focal points of force".

229. Các nguyên tử trường tồn được gọi là những "tiêu điểm mãnh lực".

230. The chains, globes and rounds are numbered and the permanent atoms are numbered. DK seems to be suggesting the correlating of these numbers.

230. Các dãy, các bầu hành tinh và các cuộc tuần hoàn được đánh số, và các nguyên tử trường tồn cũng được đánh số. Chân sư DK dường như đang gợi ý việc đối chiếu các con số này.

231. The first kingdom can be, for instance correlated with the first chain, globe or round; the second kingdom with the second chain, globe or round; etc.

231. Chẳng hạn, giới thứ nhất có thể được tương liên với dãy, bầu hành tinh hay cuộc tuần hoàn thứ nhất; giới thứ hai với dãy, bầu hành tinh hay cuộc tuần hoàn thứ hai; v.v.

232. For the *mineral* in relation to the first chain, globe or round, the *fourth* sub-plane will be focal through the mineral permanent atom. For the *vegetable* in relation to the second chain, globe or round the *third* sub-plane will be focal through the vegetable permanent atom. And so, correspondingly, for the animal, and later man.

232. Đối với *giới kim thạch* trong liên hệ với dãy, bầu hành tinh hay cuộc tuần hoàn thứ nhất, cõi phụ *thứ tư* sẽ là tiêu điểm thông qua nguyên tử trường tồn khoáng vật. Đối với *giới thực vật* trong liên hệ với dãy, bầu hành tinh hay cuộc tuần hoàn thứ hai, cõi phụ *thứ ba* sẽ là tiêu điểm thông qua nguyên tử trường tồn thực vật. Và tương ứng như vậy đối với động vật, và sau đó là con người.

233. As the chains, globes or rounds increase in number, the sub-planes on which the permanent atoms are found decrease in number.

233. Khi số lượng các dãy, các bầu hành tinh hay các cuộc tuần hoàn tăng lên, thì số thứ tự của các cõi phụ nơi các nguyên tử trường tồn được tìm thấy lại giảm xuống.

234. What of permanent atoms for the members of the fifth, sixth and seventh kingdoms. We can go no higher than the atomic sub-plane.

234. Còn các nguyên tử trường tồn của các thành viên thuộc giới thứ năm, thứ sáu và thứ bảy thì sao? Chúng ta không thể đi cao hơn cõi phụ nguyên tử.

235. Since, however, this is the fourth round, we have been told that the present human physical form is adequate for the expression of the higher kingdoms. In other words, one can be expressing through the fifth, sixth or even seventh kingdoms of nature and still be utilizing a human form—generated by permanent atoms on the atomic levels of the various systemic planes involved.

235. Tuy nhiên, vì đây là cuộc tuần hoàn thứ tư, chúng ta đã được cho biết rằng hình thể hồng trần hiện nay của con người là thích hợp cho sự biểu lộ của các giới cao hơn. Nói cách khác, người ta có thể đang biểu lộ qua giới thứ năm, thứ sáu hay thậm chí thứ bảy của bản chất mà vẫn sử dụng một hình thể người—được tạo ra bởi các nguyên tử trường tồn trên các mức nguyên tử của những cõi hệ thống liên quan.

236. It would be an intricate study, but I think we see how it could be pursued and DK promises enlightenment after "due application".

236. Đây sẽ là một nghiên cứu phức tạp, nhưng tôi nghĩ chúng ta thấy được cách nó có thể được theo đuổi, và Chân sư DK hứa hẹn sự giác ngộ sau "sự áp dụng đúng đắn".

The sumtotal of the permanent atoms of any particular kingdom form the streams of force or spirillae in the greater atoms of solar entities or of lunar entities,

Tổng số các nguyên tử trường tồn của bất kỳ giới đặc thù nào tạo thành các dòng mãnh lực hay các loa tuyến trong các nguyên tử lớn hơn của các thực thể thái dương hoặc của các thực thể thái âm,

237. Many permanent atoms (within any of the three lower kingdoms) form spirillae or streams of force in the greater atoms of solar and lunar entities.

237. Nhiều nguyên tử trường tồn (trong bất kỳ giới nào thuộc ba giới thấp) tạo thành các loa tuyến hay các dòng mãnh lực trong các nguyên tử lớn hơn của các thực thể thái dương và thái âm.

238. Lesser entities are as forces in the energy-economy of greater Entities.

238. Các thực thể nhỏ hơn là những mãnh lực trong nền kinh tế năng lượng của các Thực Thể lớn hơn.

239. It is possible that the fourth kingdom as a strictly human kingdom may be included in this enumeration (as in the next text reference, the "spiritual kingdom" is mentioned).

239. Có thể giới thứ tư với tư cách là một giới thuần nhân loại được bao gồm trong sự liệt kê này (vì trong đoạn tham chiếu kế tiếp, "giới tinh thần" được nhắc đến).

240. The Lords of the Kingdoms of Nature are *solar* entities. We do not know of what "lunar entities" DK could be speaking, but it might be well to remind ourselves that Jehovah (a god related to the Moon-chain) was/is a lunar Entity.

240. Các Chúa Tể của các Giới trong Thiên Nhiên là các thực thể *thái dương*. Chúng ta không biết Chân sư DK có thể đang nói đến những "thực thể thái âm" nào, nhưng có lẽ nên tự nhắc mình rằng Jehovah (một vị thần liên hệ với Dãy Mặt Trăng) đã/đang là một Thực Thể thái âm.

241. Permanent atoms are focal points of force so it is not difficult to see how the combination of many of them could form "streams of force" or spirillae.

241. Các nguyên tử trường tồn là những tiêu điểm mãnh lực, vì thế không khó để thấy rằng sự kết hợp của nhiều nguyên tử như vậy có thể tạo thành các "dòng mãnh lực" hay các loa tuyến.

242. There is analogy: just as the bubbles in the koilon or utterly simple points of force (simple from the perspective of the cosmic physical plane) are gathered together to form spirillae in the tiny atoms of substance, so the permanent atoms themselves can be gathered together to form spirillae or streams of force in much greater atoms—the "greater atoms of solar entities or of lunar entities".

242. Có một sự tương đồng: cũng như các bọt trong koilon hay những điểm mãnh lực hoàn toàn đơn giản (đơn giản theo quan điểm của cõi hồng trần vũ trụ) được tập hợp lại để tạo thành các loa tuyến trong những nguyên tử cực nhỏ của chất liệu, thì chính các nguyên tử trường tồn cũng có thể được tập hợp lại để tạo thành các loa tuyến hay các dòng mãnh lực trong những nguyên tử lớn hơn rất nhiều—"các nguyên tử lớn hơn của các thực thể thái dương hoặc của các thực thể thái âm".

while the sumtotal of **the permanent atoms of man in the spiritual kingdom** (the three triadal atoms, atma-buddhi-manas) form the spiral streams of force within certain centres.

trong khi tổng số các **nguyên tử trường tồn của con người trong giới tinh thần** (ba nguyên tử tam nguyên tinh thần, atma-buddhi-manas) tạo thành các dòng xoắn ốc của mãnh lực bên trong một số trung tâm nhất định.

243. Again—a most occult and veiled reference. We are not told which centers they are, but they are likely to be in Entities/ Centers higher than those formed by the permanent atoms of the lower kingdoms.

243. Một lần nữa—đây là một tham chiếu hết sức huyền bí và che giấu. Chúng ta không được cho biết đó là những trung tâm nào, nhưng có lẽ chúng nằm trong các Thực Thể/Trung tâm cao hơn những trung tâm được hình thành bởi các nguyên tử trường tồn của các giới thấp.

244. If we check TCF 844 we shall see that the type of Life listed as immediately superior to the Lives which inform the kingdoms of nature are "the informing [lives] of a planetary globe". Is it possible that that the permanent atoms of "man in the spiritual kingdom" (thus the higher permanent atoms to be found in the triad) form the spirillae of the Globe Lords considered as planetary centers?

244. Nếu chúng ta kiểm tra TCF 844, chúng ta sẽ thấy rằng loại Sự sống được liệt kê là cao hơn trực tiếp các Sự sống phú linh cho các giới trong thiên nhiên là "các [sự sống] phú linh của một bầu hành tinh". Có thể chăng các nguyên tử trường tồn của "con người trong giới tinh thần" (do đó là các nguyên tử trường tồn cao hơn được tìm thấy trong tam nguyên tinh thần) tạo thành các loa tuyến của các Chúa Tể bầu hành tinh được xem như các trung tâm hành tinh?

245. We do note another of those discontinuities in the tabulation on TCF 844, for the 'Informing Lives of a Planetary Chain" are not discussed

245. Chúng ta lại lưu ý một sự gián đoạn khác trong bảng liệt kê ở TCF 844, vì "Các Sự sống Phú linh của một Dãy Hành Tinh" không được bàn đến

246. The permanent atoms of man-as-man should be contrasted, I think, with the permanent atoms of "man in the spiritual kingdom". The two sets of permanent atoms will be different.

246. Theo tôi nghĩ, các nguyên tử trường tồn của con người-với-tư-cách-con-người nên được đối chiếu với các nguyên tử trường tồn của "con người trong giới tinh thần". Hai bộ nguyên tử trường tồn này sẽ khác nhau.

12. As the permanent atoms become radioactive in due course of evolution, the result within the centre is a marked increase of vibration.

12. Khi các nguyên tử trường tồn trở nên phóng xạ theo tiến trình tiến hoá thích đáng, kết quả bên trong trung tâm là một sự gia tăng rung động rõ rệt.

247. Centers are chakras are E/entities and they evolve. The time for the initiation of a particular center, chakra or E/entity coincides with the growing radioactivity of the permanent atoms found within that center, chakra or E/entity.

247. Các trung tâm là các luân xa, là các thực thể, và chúng tiến hoá. Thời điểm điểm đạo của một trung tâm, luân xa hay thực thể đặc thù trùng hợp với tính phóng xạ ngày càng tăng của các nguyên tử trường tồn được tìm thấy bên trong trung tâm, luân xa hay thực thể ấy.

248. Each chakra or center is multilayered and has a number of vehicles comprising it. Each one of these vehicles has its own permanent atom.

248. Mỗi luân xa hay trung tâm đều có nhiều lớp và gồm một số vận cụ cấu thành nó. Mỗi vận cụ trong số này đều có nguyên tử trường tồn riêng của nó.

249. As man becomes radioactive (and this indicates that his *permanent atoms* are

249. Khi con người trở nên phóng xạ (và điều này cho thấy rằng các *nguyên tử trường*

becoming radioactive), the greater centers of which he and his permanent atoms are a part show a “marked increase of vibration”.

250. The radioactivity of the permanent atoms begins to occur when a certain number of spirillae have been activated.

251. The lower permanent atoms of man cannot become radioactive when only four spirillae are activated, but when the fifth spirilla is activated, a state of radioactivity is in process. This is even more the case when the higher, major or permanent spirillae are activated.

13. The permanent atoms concern solar entities when they are found on or above the higher mental. They [Page 533] concern lunar entities on the lower mental, the astral and the physical planes.

252. This is a really important statement.

253. We have just read:

The sumtotal of the permanent atoms of any particular kingdom form the streams of force or spirillae in the greater atoms of solar entities or of lunar entities.

254. Now we discover the occult ‘location’ of those permanent atoms which concern *solar* entities and those which concern *lunar* entities.

tồn của y đang trở nên phóng xạ), thì các trung tâm lớn hơn mà y và các nguyên tử trường tồn của y là một phần trong đó biểu lộ một “sự gia tăng rung động rõ rệt”.

250. Tính phóng xạ của các nguyên tử trường tồn bắt đầu xuất hiện khi một số lượng nhất định các loa tuyến đã được hoạt hóa.

251. Các nguyên tử trường tồn thấp của con người không thể trở nên phóng xạ khi chỉ có bốn loa tuyến được hoạt hóa, nhưng khi loa tuyến thứ năm được hoạt hóa, một trạng thái phóng xạ đang diễn ra. Điều này càng đúng hơn nữa khi các loa tuyến cao hơn, chính yếu hay trường tồn được hoạt hóa.

13. Các nguyên tử trường tồn liên quan đến các thực thể thái dương khi chúng được tìm thấy trên hoặc cao hơn cõi thượng trí. Chúng [Page 533] liên quan đến các thực thể thái âm trên cõi hạ trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần.

252. Đây thực sự là một phát biểu rất quan trọng.

253. Chúng ta vừa đọc:

Tổng số các nguyên tử trường tồn của bất kỳ giới đặc thù nào tạo thành các dòng mãnh lực hay các loa tuyến trong các nguyên tử lớn hơn của các thực thể thái dương hoặc của các thực thể thái âm.

254. Giờ đây chúng ta khám phá ra “vị trí” huyền bí của những nguyên tử trường tồn liên quan đến các thực thể *thái dương* và những nguyên tử liên quan đến các thực thể *thái âm*.

255. It is also suggested that solar entities work through the higher permanent atoms and lunar entities through the lower.

255. Điều này cũng gợi ý rằng các thực thể thái dương hoạt động thông qua các nguyên tử trường tồn cao hơn và các thực thể thái âm thông qua các nguyên tử thấp hơn.

256. It becomes clear that through various aspects of our constitution we participate in the lives of various kinds of Entities greater than ourselves (some solar and some lunar).

256. Rõ ràng là thông qua nhiều phương diện khác nhau của cấu tạo chúng ta, chúng ta tham dự vào sự sống của nhiều loại Thực Thể lớn hơn chính mình (một số là thái dương và một số là thái âm).

257. As man evolves, the lower permanent atoms (so it may be conjectured) become increasingly responsive to solar entities. This would occur as the substance of the sheaths controlled by the permanent atoms becomes increasingly *atomic.*

257. Khi con người tiến hoá, các nguyên tử trường tồn thấp hơn (có thể phỏng đoán như vậy) ngày càng đáp ứng với các thực thể thái dương. Điều này sẽ xảy ra khi chất liệu của các thể do các nguyên tử trường tồn kiểm soát ngày càng trở nên *nguyên tử.*

258. Man (and his permanent atoms), then, would participate less and less in the life of Entities that are lunar—for there are great lunar Entities as well as great solar Entities. Eventually, man will participate not at all in the life of lunar Entities.

258. Khi ấy, con người (và các nguyên tử trường tồn của y) sẽ ngày càng ít tham dự vào sự sống của những Thực Thể là thái âm —vì có những Thực Thể thái âm vĩ đại cũng như những Thực Thể thái dương vĩ đại. Cuối cùng, con người sẽ hoàn toàn không còn tham dự vào sự sống của các Thực Thể thái âm nữa.

14. It should be noted that in this solar system the following entities manifest through:

14. Cần lưu ý rằng trong hệ mặt trời này, các thực thể sau đây biểu lộ thông qua:

I. One permanent atom... the physical.

I. Một nguyên tử trường tồn... nguyên tử hồng trần.

1. A solar Logos.

1. Một Thái dương Thượng đế.

2. The three major Rays, or Lords of Aspect.

2. Ba Cung chính yếu, hay các Chúa Tể của Các Cung Trạng Thái.

259. These Beings can be called the Three Persons of the Logoic Trinity.

259. Những Đấng này có thể được gọi là Ba Ngôi của Tam Vị Thượng đế.

3. The seven Heavenly Men.

260. Presumably, all the Heavenly Men would be in this category as even Chain Lords have but one permanent atom on the cosmic physical plane.

4. The forty-nine Regents of the planetary chains.

261. There is a great difference between the scope of these Beings.

262. They all share a similarity—having but one permanent atom on the cosmic physical plane.

263. Permanent atoms are, in the case of man, found on the highest or atomic level of the plane to which they belong. Do we have any assurance that, though these Beings have a permanent atom probably on the logoic plane, that it in all cases it is found on the same sub-plane of the logoic plane?

264. Just as we were told that man has his permanent atoms on the atomic level, animals on the sub-atomic level, plants on the super-etheric level and minerals on the etheric level, could it be so with respect to these four types of Beings (Who are listed in descending order of potency and consciousness—Solar Logoi, the Lord of the Three Major Rays, the seven Heavenly Men and the Forty-Nine Regents of the Planetary Chains)?

265. **Such questions would point towards details which are probably secrets of**

3. Bảy Đấng Thiên Nhân.

260. Có lẽ tất cả các Đấng Thiên Nhân đều thuộc loại này, vì ngay cả các Chúa Tể của Dãy cũng chỉ có một nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ.

4. Bốn mươi chín Đấng Nhiếp Chính của các dãy hành tinh.

261. Có một sự khác biệt lớn giữa phạm vi của những Đấng này.

262. Tất cả các Ngài đều có chung một điểm tương đồng—chỉ có một nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ.

263. Trong trường hợp con người, các nguyên tử trường tồn được tìm thấy trên mức cao nhất hay mức nguyên tử của cõi mà chúng thuộc về. Liệu chúng ta có bất kỳ bảo đảm nào rằng, dù những Đấng này có một nguyên tử trường tồn có lẽ trên cõi logoic, thì trong mọi trường hợp nó đều được tìm thấy trên cùng một cõi phụ của cõi logoic hay không?

264. Cũng như chúng ta đã được cho biết rằng con người có các nguyên tử trường tồn của mình trên mức nguyên tử, động vật trên mức dưới nguyên tử, thực vật trên mức siêu dĩ thái và khoáng vật trên mức dĩ thái, liệu điều đó có thể cũng đúng đối với bốn loại Đấng này chăng (những Đấng được liệt kê theo thứ tự giảm dần về quyền năng và tâm thức—các Thái dương Thượng đế, Chúa Tể của Ba Cung Chính Yếu, bảy Đấng Thiên Nhân và Bốn Mươi Chín Đấng Nhiếp Chính của các Dãy Hành Tinh)?

265. **Những câu hỏi như thế sẽ hướng đến những chi tiết có lẽ là các bí mật của điểm**

initiation which cannot be conferred upon us.

II. Two permanent atoms... the physical and the astral.

266. When there are two permanent atoms on the cosmic physical plane, it can be assumed that the physical permanent atom for the Entity concerned is located on a plane lower than the astral permanent atom.

267. We cannot reasonably descend, however, to that which man calls the physical plane or the astral plane to locate the physical and astral permanent atom of the four beings listed below.

268. We shall *perhaps* find that physical permanent atom on the systemic monadic plane and the astral permanent atom on the systemic logoic plane. While this is, perhaps, a reasonable hypothesis, we cannot know for certain the point on the cosmic physical plane at which such permanent atoms are positioned. We have a number of sub-planes to choose from.

269. If this is true (that, for a given E/entity, when two or more permanent atoms exist on the cosmic physical plane, they will be found numbered from the logoic plane), it opens up some far-reading speculations. It means that what a plane *is* (in relation to the constitution of any E/entity) depends not so much on what a plane *is inherently,* but on what a plane *means* in relation to the E/entity demonstrating through it.

270. An example of this is the contrast between the meanings of the systemic buddhic plane to a man and to a Solar Logos.

đạo, những điều không thể được truyền cho chúng ta.

II. Hai nguyên tử trường tồn... hồng trần và cảm dục.

266. Khi có hai nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ, có thể giả định rằng nguyên tử trường tồn hồng trần của Thực Thể liên hệ nằm trên một cõi thấp hơn nguyên tử trường tồn cảm dục.

267. Tuy nhiên, chúng ta không thể hợp lý mà hạ xuống đến điều mà con người gọi là cõi hồng trần hay cõi cảm dục để xác định vị trí nguyên tử trường tồn hồng trần và cảm dục của bốn đấng được liệt kê dưới đây.

268. Có lẽ chúng ta sẽ tìm thấy nguyên tử trường tồn hồng trần ấy trên cõi chân thần hệ thống và nguyên tử trường tồn cảm dục trên cõi logoic hệ thống. Tuy đây có lẽ là một giả thuyết hợp lý, chúng ta không thể biết chắc điểm nào trên cõi hồng trần vũ trụ mà các nguyên tử trường tồn như thế được đặt vào. Chúng ta có một số cõi phụ để lựa chọn.

269. Nếu điều này là đúng (rằng, đối với một thực thể nhất định, khi có hai hay nhiều nguyên tử trường tồn tồn tại trên cõi hồng trần vũ trụ, chúng sẽ được tìm thấy được đánh số từ cõi logoic), thì điều đó mở ra một số suy đoán sâu rộng. Điều đó có nghĩa là một cõi *là* gì (trong liên hệ với cấu tạo của bất kỳ thực thể nào) không phụ thuộc nhiều vào việc một cõi *là* gì *một cách cố hữu,* mà phụ thuộc vào điều một cõi *hàm ý* trong liên hệ với thực thể đang biểu lộ qua nó.

270. Một ví dụ về điều này là sự tương phản giữa ý nghĩa của cõi Bồ đề hệ thống đối với con người và đối với một Thái dương

To a Solar Logos the buddhic plane is almost material—His densest etheric level. To a man, it represents his spiritual goal and is far from what he considers materiality.

Thượng đế. Đối với một Thái dương Thượng đế, cõi Bồ đề gần như là vật chất—mức dĩ thái đậm đặc nhất của Ngài. Đối với con người, nó tượng trưng cho mục tiêu tinh thần của y và rất xa với điều y xem là tính vật chất.

1. The seven Lords of the globes in every chain.

1. Bảy Chúa Tể của các bầu hành tinh trong mỗi dãy.

271. It is important to realize that the Chain-Lords were grouped with the Solar Logoi and Planetary Logoi, but that the Globe-Lords are not.

271. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng các Chúa Tể của Dãy đã được xếp cùng nhóm với các Thái dương Thượng đế và các Đức Hành Tinh Thượng Đế, nhưng các Chúa Tể bầu hành tinh thì không.

272. We remember that there may be more than seven globes in a chain depending upon the mode of counting and the time of counting. The same of course is true of planetary chains.

272. Chúng ta nhớ rằng có thể có hơn bảy bầu hành tinh trong một dãy tùy theo cách đếm và thời điểm đếm. Dĩ nhiên điều tương tự cũng đúng đối với các dãy hành tinh.

2. The forty-nine Root Manus.

2. Bốn mươi chín Đức Manu Gốc.

273. Considering Manus as they are usually considered (as Initiates one stage beyond a Master), then presumably such Manus must be at least Chohans. There would be one Manu for each root race found on each of the seven globes.

273. Xét các Đức Manu theo cách chúng ta thường xét (như các Điểm đạo đồ ở một giai đoạn vượt quá một Chân sư), thì có lẽ các Đức Manu như thế ít nhất phải là các Chohan. Sẽ có một Đức Manu cho mỗi giống dân gốc được tìm thấy trên mỗi một trong bảy bầu hành tinh.

274. But perhaps we are speaking of still greater Manus—one Manu for each of forty-nine globes in a planetary scheme. This could make more sense.

274. Nhưng có lẽ chúng ta đang nói đến những Đức Manu còn vĩ đại hơn—một Đức Manu cho mỗi một trong bốn mươi chín bầu hành tinh trong một hệ hành tinh. Điều này có thể hợp lý hơn.

275. Such a Manu would be (in rank) just below a Globe Lord (and hence, such a Being would fit well in this tabulation).

275. Một Đức Manu như thế sẽ ở ngay dưới một Chúa Tể bầu hành tinh về cấp bậc (và do đó, một Đấng như thế sẽ phù hợp với bảng liệt kê này).

276. If, however, the Root Manu were more like a human-like Chohan and related to root races rather than to an entire globe, then at the sixth initiation it would seem that that Chohan would have to drop His lesser permanent atoms—from the atmic permanent atom to those below. Will He, however, adopt other permanent atoms before this occurs? And if so, how so? In order to fit into the category under discussion, He would have to have two permanent atoms on the cosmic physical plane, presumably on the monadic and logoic systemic planes. Is it reasonable to assume that the status of His permanent atoms would change so dramatically as He becomes a Chohan capable of being a Manu?

276. Tuy nhiên, nếu Đức Manu Gốc giống một Chohan mang tính nhân loại hơn và liên hệ với các giống dân gốc hơn là với toàn bộ một bầu hành tinh, thì ở lần điểm đạo thứ sáu, dường như Chohan ấy sẽ phải từ bỏ các nguyên tử trường tồn thấp hơn của Ngài—từ nguyên tử trường tồn atma trở xuống. Tuy nhiên, liệu Ngài có tiếp nhận các nguyên tử trường tồn khác trước khi điều này xảy ra không? Và nếu có, bằng cách nào? Để phù hợp với loại đang được bàn đến, Ngài sẽ phải có hai nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ, có lẽ là trên các cõi chân thần và logoic hệ thống. Có hợp lý không khi giả định rằng trạng thái các nguyên tử trường tồn của Ngài sẽ thay đổi mạnh mẽ đến thế khi Ngài trở thành một Chohan có khả năng là một Đức Manu?

277. It begins to look more and more as if we are speaking of Manus of globes and not of root races.

277. Càng lúc càng có vẻ như chúng ta đang nói về các Đức Manu của các bầu hành tinh chứ không phải của các giống dân gốc.

3. The seventy-seven Embodiers of form—a group of solar Lords Who are concerned with form building, working primarily on the first ray.

3. Bảy mươi bảy Đấng Hiện Thân của hình tướng—một nhóm các Chúa Tể thái dương quan tâm đến việc xây dựng hình tướng, hoạt động chủ yếu trên cung một.

278. This category of Beings is important simply as a notification to us that They exist!

278. Loại Đấng này quan trọng đơn giản vì như một thông báo cho chúng ta rằng Các Ngài hiện hữu!

279. Why seventy-seven? The number reminds us of 777. The first and more material cycle of 700 would be dropped and only seventy-seven remain.

279. Tại sao lại là bảy mươi bảy? Con số này gợi cho chúng ta nhớ đến 777. Chu kỳ đầu tiên và vật chất hơn là 700 sẽ bị loại bỏ và chỉ còn lại bảy mươi bảy.

280. We might arrive at seventy-seven by considering a sevenfold activity on every one of ten globes, with an overarching seven for synthesis.

280. Chúng ta có thể đi đến con số bảy mươi bảy bằng cách xét một hoạt động thất phân trên mỗi một trong mười bầu hành tinh, với một số bảy bao trùm để tổng hợp.

281. We note that these Beings are still called "solar Lords".

281. Chúng ta lưu ý rằng những Đấng này vẫn được gọi là các Chúa Tể "thái dương".

282. We note also that, although on the Ray of the Destroyer, these Lords are working constructively at "form building". We remember that the Manu's department works no only with the destruction of forms but with their construction.

282. Chúng ta cũng lưu ý rằng, mặc dù ở trên Cung của Đấng Hủy Diệt, các Chúa Tể này đang hoạt động một cách xây dựng trong việc "xây dựng hình tướng". Chúng ta nhớ rằng ban của Đức Manu không chỉ hoạt động với sự hủy diệt các hình tướng mà còn với việc kiến tạo chúng.

283. The first ray (under Vulcan) does have a *constructive* side to its nature and is a planet closely connected with the Manu's Department (He Who superintends the building, preservation and destruction of human racial forms).

283. Cung một (dưới Vulcan) quả thực có một phương diện *xây dựng* trong bản chất của nó và là một hành tinh gắn bó chặt chẽ với Ban của Đức Manu (Đấng giám sát việc xây dựng, bảo tồn và hủy diệt các hình tướng chủng tộc nhân loại).

4. Certain of the Avatars, Who are selected by the Logos to carry a certain type of force at stated intervals and thus further the evolution of the psyche.

4. Một số Đấng Hoá Thân nhất định, được Thượng đế tuyển chọn để mang một loại mãnh lực nào đó vào những chu kỳ đã định và nhờ đó thúc đẩy sự tiến hoá của tâm thần.

284. These are Beings Who are greater than "Racial Avatars"

284. Đây là những Đấng vĩ đại hơn các "Đấng Hoá Thân Chủng Tộc"

285. As well, They seem to work in connection with the consciousness aspect.

285. Ngoài ra, Các Ngài dường như hoạt động trong liên hệ với phương diện tâm thức.

286. The interplanetary Avatars (of Whom the Avatar of Synthesis is one) would seem to be greater than the Avatars here mentioned.

286. Các Đấng Hoá Thân liên hành tinh (mà Đấng Hoá Thân Tổng Hợp là một trong số đó) dường như vĩ đại hơn các Đấng Hoá Thân được nhắc đến ở đây.

287. Those Beings referenced as having only one permanent atom on the cosmic physical plane may be hypothesized as upholding a generically *first ray* function on the cosmic physical plane, and those with two permanent atoms on the cosmic physical plane, a *second ray* function.

287. Có thể giả định rằng những Đấng được nói đến như chỉ có một nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ đang duy trì một chức năng *cung một* có tính tổng quát trên cõi hồng trần vũ trụ, còn những Đấng có hai nguyên tử trường tồn trên cõi hồng

trần vũ trụ thì duy trì một chức năng *cung hai.*

III. Three permanent atoms... physical, astral, and mental.

III. Ba nguyên tử trường tồn... hồng trần, cảm dục và trí tuệ.

288. We could continue our method of distributing the atoms, with the highest atom hypothesized as being on the logoic plane and the other permanent atoms 'below' it, descending in position systematically through the planes.

288. Chúng ta có thể tiếp tục phương pháp phân bố các nguyên tử của mình, với nguyên tử cao nhất được giả định là ở trên cõi logoic và các nguyên tử trường tồn khác ở "bên dưới" nó, hạ dần vị trí một cách có hệ thống qua các cõi.

289. In this case the manasic permanent atom would be upon the logoic plane, the astral permanent atom upon the monadic and the physical permanent atom upon the atmic.

289. Trong trường hợp này, nguyên tử trường tồn manas sẽ ở trên cõi logoic, nguyên tử trường tồn cảm dục ở trên cõi chân thần và nguyên tử trường tồn hồng trần ở trên cõi atma.

290. We can have no definite idea whether this is *actually* the case. We could start the manasic permanent atom at the monadic plane or the atmic with the others position still farther 'below', but this would present a problem, because the Beings we are talking about definitely live on planes greater than the cosmic physical plane, and usually, in the apportioning of permanent atoms, such atoms are found continuously, progressing up or down from plane to plane.

290. Chúng ta không thể có một ý niệm xác định nào về việc liệu điều này *thực sự* có đúng hay không. Chúng ta có thể bắt đầu nguyên tử trường tồn manas ở cõi chân thần hoặc cõi atma, với các nguyên tử khác vẫn ở những vị trí "thấp hơn" nữa, nhưng điều này sẽ tạo ra một vấn đề, bởi vì những Đấng mà chúng ta đang nói đến chắc chắn sống trên những cõi cao hơn cõi hồng trần vũ trụ, và thông thường, trong việc phân bố các nguyên tử trường tồn, những nguyên tử như thế được tìm thấy một cách liên tục, tiến lên hay đi xuống từ cõi này sang cõi khác.

291. Think of the case of man. In the positioning of his permanent atoms, no plane on which man functions is skipped.

291. Hãy nghĩ đến trường hợp của con người. Trong việc định vị các nguyên tử trường tồn của y, không có cõi nào mà con người hoạt động trên đó bị bỏ qua.

292. I think we cannot understand the exact permanent atom 'map' for any of these Beings. What we can do is try to understand who and/or what They are, and how They

292. Tôi nghĩ chúng ta không thể hiểu được chính xác "bản đồ" nguyên tử trường tồn của bất kỳ Đấng nào trong số này. Điều chúng ta có thể làm là cố gắng hiểu Các Ngài là ai và/hoặc là gì, và Các Ngài có thể hoạt

might function relative to the cosmic physical plane.

1. The Lords of the third Kingdom, the animal. They are seven Entities whose bodies are made up of animal souls just as the Heavenly Men embody for man the Buddhic principle, so these lords embody for the animal kingdom the manasic principle, which is the goal of the evolutionary process for them.

293. The number *three* fits well with the animal or *third* kingdom.

294. It would seem that the Heavenly Men *supply* human beings with the presence of buddhic energy. Similarly, these "seven Entities" related to the animal kingdom could supply animals with what manas they can access and will develop. Although self-consciousness is absent from the members of the animal kingdom, manas is not.

295. These Beings are apparently not that Being Who informs the entire animal kingdom. He would be called the "Lord" (singular) of the animal kingdom. Could we say that They inform seven great divisions of the animal kingdom?

296. When there is a goal, the energy for the achievement of that goal must be 'held'. As the Heavenly Men hold or embody buddhi for the human beings who strive after it, so do these "seven Entities" hold or embody manas for the animals who, albeit unconsciously, strive after it.

2. Certain great entities who **embody a whole range of existences *upon five of the planets,*** of which the earth is not one, but

động như thế nào trong tương quan với cõi hồng trần vũ trụ.

1. Các Chúa Tể của giới thứ ba, giới động vật. Các Ngài là bảy Thực Thể mà các thể của Các Ngài được cấu thành bởi các hồn động vật; cũng như các Đấng Thiên Nhân hiện thân nguyên khí Bồ đề cho con người, thì các chúa tể này hiện thân nguyên khí manas cho giới động vật, vốn là mục tiêu của tiến trình tiến hoá đối với chúng.

293. Con số *ba* rất phù hợp với giới động vật hay giới *thứ ba*.

294. Dường như các Đấng Thiên Nhân *cung cấp* cho con người sự hiện diện của năng lượng Bồ đề. Tương tự như vậy, bảy "Thực Thể" này liên hệ với giới động vật có thể cung cấp cho động vật phần manas mà chúng có thể tiếp cận và sẽ phát triển. Dù ngã thức vắng mặt nơi các thành viên của giới động vật, manas thì không.

295. Những Đấng này rõ ràng không phải là Đấng phú linh cho toàn bộ giới động vật. Ngài sẽ được gọi là "Chúa Tể" (số ít) của giới động vật. Chúng ta có thể nói rằng Các Ngài phú linh cho bảy phân bộ lớn của giới động vật chăng?

296. Khi có một mục tiêu, năng lượng để đạt được mục tiêu ấy phải được "giữ". Cũng như các Đấng Thiên Nhân giữ hay hiện thân buddhi cho những con người đang phấn đấu hướng đến nó, thì bảy "Thực Thể" này cũng giữ hay hiện thân manas cho các loài động vật, dù vô thức, vẫn đang phấn đấu hướng đến nó.

2. Một số thực thể vĩ đại nhất định **hiện thân cho cả một phạm vi hiện hữu *trên năm hành tinh,*** trong đó Trái Đất không phải là một,

who in due course of time will come to be recognised as having a powerful effect upon man on the earth, via the three Buddhas of Activity.

nhưng theo thời gian sẽ được nhận biết là có một ảnh hưởng mạnh mẽ lên con người trên Trái Đất, thông qua ba Đức Phật Hoạt Động.

297. The number five is brought forth and it is a *brahmic* number.

297. Con số năm được nêu ra, và đó là một con số *brahmic*.

298. If Earth is not one of these planets, one may surmise that they are *sacred* planets.

298. Nếu Trái Đất không phải là một trong những hành tinh này, người ta có thể suy đoán rằng chúng là những hành tinh *thiêng liêng*.

299. The implication to be gathered is that, eventually, Earth will host these type of existences—probably when it becomes a sacred planet.

299. Hàm ý cần rút ra là, cuối cùng, Trái Đất sẽ là nơi tiếp nhận loại hiện hữu này—có lẽ khi nó trở thành một hành tinh thiêng liêng.

300. In line with this section of text, we must remember that according to our present hypothesis, the atmic plane would hold the physical permanent atom of such Beings.

300. Phù hợp với phần văn bản này, chúng ta phải nhớ rằng theo giả thuyết hiện tại của chúng ta, cõi atma sẽ giữ nguyên tử trường tồn hồng trần của những Đấng như thế.

301. These must be rather great Entities if they work *through* or *via* the Three Buddhas of Activity. We may remember that the Buddhas of Activity usually referenced are active with respect to our Earth-globe and not in relation to the entire chain or the entire scheme. This would be a significant consideration when comparing the descending scale of these E/entities listed according the number of permanent atoms through which they express on the cosmic physical plane.

301. Đây hẳn phải là những Thực Thể khá vĩ đại nếu Các Ngài hoạt động *qua* hay *thông qua* Ba Đức Phật Hoạt Động. Chúng ta có thể nhớ rằng các Đức Phật Hoạt Động thường được nhắc đến là hoạt động đối với bầu Địa Cầu của chúng ta chứ không phải trong liên hệ với toàn bộ dãy hay toàn bộ hệ hành tinh. Đây sẽ là một cân nhắc quan trọng khi so sánh thang bậc đi xuống của các thực thể này được liệt kê theo số lượng nguyên tử trường tồn mà qua đó chúng biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ.

A hint as to this esoteric influence comes to man in the close connection existing between the Earth and Mercury. As yet it is not possible to enlarge further.

Một gợi ý về ảnh hưởng huyền bí này đến với con người trong mối liên hệ chặt chẽ hiện hữu giữa Trái Đất và Sao Thủy. Hiện nay chưa thể nói rộng thêm.

302. The number *three* is strongly involved. There are *three* Buddhas of Activity and the third ray may well be the *major* monadic ray of Mercury (with the fifth as the sub-monadic ray). The third ray is, we know, important for the Earth as its personality ray.

302. Con số *ba* được liên hệ rất mạnh. Có *ba* Đức Phật Hoạt Động, và cung ba rất có thể là cung chân thần *chính yếu* của Sao Thủy (với cung năm là cung dưới chân thần). Như chúng ta biết, cung ba rất quan trọng đối với Trái Đất với tư cách là cung phàm ngã của nó.

303. Mercury (whose number, monadically, is also thought to be *five*) must be very involved in sponsoring this type of Entity and with transferring the influence of such Entities to the Earth.

303. Sao Thủy (mà con số của nó, xét theo chân thần, cũng được cho là *năm*) hẳn phải rất liên quan trong việc bảo trợ loại Thực Thể này và trong việc chuyển giao ảnh hưởng của các Thực Thể như thế đến Trái Đất.

3. The entities who are the sumtotal of those group souls who contain definite permanent triads. **Nine triads constitute the body of one of these entities.**

3. Những thực thể là tổng thể của những hồn nhóm ấy, những hồn nhóm chứa đựng những tam nguyên trường tồn xác định. **Chín tam nguyên cấu thành thể của một trong các thực thể này.**

304. Are “permanent triads” different from “higher triads”?

304. “Tam nguyên trường tồn” có khác với “Tam Nguyên Tinh Thần” không?

305. Perhaps the following reference will throw light on this question:

305. Có lẽ đoạn tham chiếu sau đây sẽ soi sáng cho câu hỏi này:

"A Group-soul is a collection of permanent Triads in a triple envelope of monadic essence. **The permanent Triads are a reflection upon the lower planes of the spiritual Triads on the higher.** This description is true of all group-souls functioning on the physical plane, but gives no idea of the extreme complexity of the subject."—From A Study in Consciousness, by Annie Besant. (TCF 335)

“Một Hồn nhóm là một tập hợp các Tam nguyên trường tồn trong một lớp bao bọc tam phân bằng tinh chất chân thần. **Các Tam nguyên trường tồn là một sự phản chiếu trên các cõi thấp của các Tam Nguyên Tinh Thần ở các cõi cao.** Mô tả này đúng với mọi hồn nhóm hoạt động trên cõi hồng trần, nhưng không cho thấy được tính cực kỳ phức tạp của đề tài này.” — Trích A Study in Consciousness, của Annie Besant. (TCF 335)

306. We may judge that a permanent triad consists of three factors—the physical permanent atom, the astral permanent atom and the mental unit. Even a mineral would have such a triad, though the astral

306. Chúng ta có thể phán đoán rằng một tam nguyên trường tồn gồm ba yếu tố—nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí. Ngay cả một khoáng vật cũng sẽ có một tam nguyên

permanent atom or mental unit would latent and not active. A vegetable would have a physical permanent atom and some astral permanent atom activation, but no activation of the mental unit. There is a question of when and how the mental unit appears from within the animal kingdom. It may be a factor in the more intelligent animals but much less so (though perhaps present) in animals of lesser intelligence.

như thế, dù nguyên tử trường tồn cảm dục hay đơn vị hạ trí sẽ tiềm ẩn chứ không hoạt động. Một thực vật sẽ có nguyên tử trường tồn hồng trần và một mức hoạt hóa nào đó của nguyên tử trường tồn cảm dục, nhưng không có sự hoạt hóa của đơn vị hạ trí. Có một câu hỏi về việc khi nào và bằng cách nào đơn vị hạ trí xuất hiện từ bên trong giới động vật. Nó có thể là một yếu tố nơi những động vật thông minh hơn nhưng ít hơn nhiều (dù có lẽ vẫn hiện diện) nơi những động vật kém thông minh hơn.

307. Are we speaking of animal group souls or also of the group soul phenomenon as it affects the two still lower kingdoms? Entities connected with the vegetable kingdom are listed below in the fourth point under Category V.

307. Chúng ta đang nói về các hồn nhóm động vật hay cũng nói về hiện tượng hồn nhóm khi nó ảnh hưởng đến hai giới còn thấp hơn? Các thực thể liên hệ với giới thực vật được liệt kê bên dưới ở điểm thứ tư trong Loại V.

308. If there is connection specifically to the animal kingdom, we find an amazing example of how members of the animal kingdom work in groups of *nine.* Occult groups of human beings are also to work in *nines.* We might also take this ninefoldness down into the vegetable and mineral kingdoms, but it would be very difficult to imagine such life forms expressing in groups of nine.

308. Nếu có sự liên hệ đặc biệt với giới động vật, chúng ta thấy một ví dụ đáng kinh ngạc về cách các thành viên của giới động vật hoạt động theo những nhóm *chín.* Các nhóm huyền bí của con người cũng phải hoạt động theo những nhóm *chín.* Chúng ta cũng có thể đưa tính cửu phân này xuống giới thực vật và giới kim thạch, nhưng sẽ rất khó hình dung những hình thái sự sống như thế biểu lộ trong các nhóm chín.

309. We remember that *nine* is the number of the third ray, and we are speaking of the *third* kingdom.

309. Chúng ta nhớ rằng *chín* là con số của cung ba, và chúng ta đang nói về giới *thứ ba*.

310. We may often have asked ourselves, 'How big is an animal group soul?' This section of text seems to set a limit upon the size of such a group-soul organism. Many, many of these Beings (each containing nine triads) would be required to service the entire animal kingdom (and even more to service the vegetable and mineral kingdoms).

311. It is nevertheless important to assure ourselves that in speaking of "definite permanent triads" we are not speaking of *spiritual* triads.

312. Here (in this third heading of our tabulation) we do not have *four* types of entities but rather, *three*.

IV. Through four permanent atoms... physical, astral, mental and buddhic.

313. Following the pattern we have been using, we can propose the buddhic permanent atom of these Entities would be found on logoic levels, the manasic permanent atom on monadic levels, the astral permanent atom on atmic levels and the physical permanent atom on buddhic levels.

314. Of course other possibilities exist, but we have no way of entering into them.

315. This peculiar method of distributing permanent atoms on planes which are not usually correlated with the type of permanent atom demonstrating, stems from the idea that the one permanent atom of, for instance, the Solar Logos, will *not* be found on the *systemic physical* level. Nor will the physical permanent atom of one of the

310. Chúng ta có lẽ thường tự hỏi, 'Một hồn nhóm động vật lớn đến mức nào?' Đoạn văn này dường như đặt ra một giới hạn cho quy mô của một cơ thể hồn nhóm như thế. Rất nhiều, rất nhiều Hữu thể này (mỗi hữu thể chứa chín tam nguyên) sẽ cần thiết để phục vụ toàn bộ giới động vật (và còn nhiều hơn nữa để phục vụ giới thực vật và giới kim thạch).

311. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải tự bảo đảm rằng khi nói đến "những tam nguyên trường tồn xác định", chúng ta không nói đến các tam nguyên *tinh thần*.

312. Ở đây (trong tiêu đề thứ ba này của bảng liệt kê của chúng ta), chúng ta không có *bốn* loại thực thể mà đúng hơn là *ba*.

IV. Qua bốn nguyên tử trường tồn... hồng trần, cảm dục, trí tuệ và Bồ đề.

313. Theo mô hình chúng ta đã sử dụng, chúng ta có thể đề nghị rằng nguyên tử trường tồn Bồ đề của các Thực thể này sẽ được tìm thấy trên các cấp độ logoic, nguyên tử trường tồn manas trên các cấp độ chân thần, nguyên tử trường tồn cảm dục trên các cấp độ atma và nguyên tử trường tồn hồng trần trên các cấp độ Bồ đề.

314. Dĩ nhiên còn có những khả thể khác, nhưng chúng ta không có cách nào đi vào chúng.

315. Phương pháp đặc biệt này trong việc phân bố các nguyên tử trường tồn trên những cõi vốn thường không tương ứng với loại nguyên tử trường tồn đang biểu lộ, bắt nguồn từ ý tưởng rằng nguyên tử trường tồn duy nhất của, chẳng hạn, Thái dương Thượng đế sẽ *không* được tìm thấy trên cấp độ *hệ thống hồng trần*. Nguyên tử trường tồn

Three Persons, nor of a Planetary Logos, nor of a Chain Lord.

316. This can probably be said of the next lower category of Entity in this tabulation—which though lesser than the first four is still very great when compared to man.

317. Then, at what point would the permanent atoms begin to accord with the plane *usually* associated with them. In other words, as what point does the apportionment of the permanent atoms to planes become *systemic* rather than *cosmic*?

318. There is no easy way to know this. Perhaps it happens when the Monads of such Entities begin to belong to the cosmic physical plane rather than to higher planes. In other words, when the Monads of an Entity are on the cosmic physical plane, we will assign the permanent atoms to the plane for which these permanent atoms are named, but not otherwise.

319. We know that by the time we reach man, the atmic permanent atom is found on the atmic plane, the buddhic permanent atom on the buddhic, and so forth. The apportionment has definitely become *systemic* rather than cosmic.

320. This problem of assigning permanent atoms to their proper planar level (whether systemic or cosmic) is involved in what we might call the 'relativity of the planes'. Buddhic means buddhic for man, but for greater Beings buddhic might mean something different and indicate some other plane.

hồng trần của một trong Ba Ngôi, hay của một Đức Hành Tinh Thượng Đế, hay của một Chúa Tể Dãy cũng sẽ không như vậy.

316. Điều này có lẽ cũng có thể được nói về loại Thực thể thấp hơn kế tiếp trong bảng liệt kê này—loại tuy thấp hơn bốn loại đầu nhưng vẫn rất vĩ đại khi so với con người.

317. Vậy thì, ở điểm nào các nguyên tử trường tồn sẽ bắt đầu phù hợp với cõi *thường* gắn liền với chúng? Nói cách khác, ở điểm nào sự phân bổ các nguyên tử trường tồn cho các cõi trở thành *hệ thống* thay vì *vũ trụ*?

318. Không có cách dễ dàng nào để biết điều này. Có lẽ điều đó xảy ra khi các chân thần của những Thực thể như thế bắt đầu thuộc về cõi hồng trần vũ trụ thay vì các cõi cao hơn. Nói cách khác, khi các chân thần của một Thực thể ở trên cõi hồng trần vũ trụ, chúng ta sẽ gán các nguyên tử trường tồn cho cõi mà các nguyên tử trường tồn ấy được gọi tên, còn nếu không thì không.

319. Chúng ta biết rằng vào lúc đạt đến con người, nguyên tử trường tồn atma được tìm thấy trên cõi atma, nguyên tử trường tồn Bồ đề trên cõi Bồ đề, v.v. Sự phân bổ ấy rõ ràng đã trở thành *hệ thống* chứ không phải vũ trụ.

320. Vấn đề gán các nguyên tử trường tồn cho cấp độ cõi thích hợp của chúng (dù là hệ thống hay vũ trụ) có liên quan đến điều mà chúng ta có thể gọi là "tính tương đối của các cõi". Bồ đề có nghĩa là Bồ đề đối với con người, nhưng đối với các Hữu thể lớn hơn, Bồ đề có thể mang một ý nghĩa khác và chỉ một cõi khác.

321. So, then, do these Beings who have four permanent atoms demonstrating on the cosmic physical plane have a *systemic* apportionment or one that is more *cosmic*?

1. Eight groups of solar Entities Who form the subjective life of the seven centres in the body of Brahma, viewing Him as a separate cosmic Entity, [Page 534] dissociated from His two brothers. **They are the seven Sons of Fohat, with the eighth Son included, and They are the final differentiation of the forty-nine fires, prior to Their union with the fire of Eros.** Thus is it expressed by H. P. B.[74]

S. D., I, 139, 144.

322. The occultism gets deeper and deeper.

323. These Beings are sounding as if they have rather cosmic connections. So, then, are the four permanent atoms (buddhic, mental, astral and physical) to be apportioned *systemically* or *cosmically*?

324. If cosmically, then the buddhic permanent atom will begin on the logoic plane and the physical permanent atom will find its place on the buddhic.

325. If systemically, the permanent atoms will accord with the planes for which they are named.

326. The Beings here discussed are the ones Who will absorb (in groups of seven) the forty-nine fires of Brahma.

327. The Seven Sons correlate with the Seven Rays. The Seven Sons are substantial

321. Vậy thì, những Hữu thể có bốn nguyên tử trường tồn biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ này có một sự phân bổ *hệ thống* hay một sự phân bổ mang tính *vũ trụ* hơn?

1. Tám nhóm Thực thể thái dương tạo thành sự sống chủ quan của bảy trung tâm trong thể của Brahma, khi xem Ngài như một Thực thể vũ trụ riêng biệt, [Page 534] tách rời khỏi hai Huynh đệ của Ngài. **Họ là bảy Con của Fohat, kể cả người Con thứ tám, và Họ là sự biến phân cuối cùng của bốn mươi chín ngọn lửa, trước khi Họ hợp nhất với lửa của Eros.** H. P. B. đã diễn đạt như thế.74

S. D., I, 139, 144.

322. Huyền bí học ngày càng sâu hơn.

323. Những Hữu thể này nghe như thể có những liên hệ khá vũ trụ. Vậy thì, bốn nguyên tử trường tồn (Bồ đề, trí tuệ, cảm dục và hồng trần) phải được phân bổ theo cách *hệ thống* hay *vũ trụ*?

324. Nếu theo cách vũ trụ, thì nguyên tử trường tồn Bồ đề sẽ bắt đầu trên cõi logoic và nguyên tử trường tồn hồng trần sẽ tìm thấy vị trí của nó trên cõi Bồ đề.

325. Nếu theo cách hệ thống, các nguyên tử trường tồn sẽ phù hợp với các cõi mà chúng được gọi tên.

326. Những Hữu thể được bàn đến ở đây là những Đấng sẽ hấp thu (theo các nhóm bảy) bốn mươi chín ngọn lửa của Brahma.

327. Bảy Người Con tương ứng với Bảy Cung. Bảy Người Con là mãnh lực có chất liệu còn Bảy Cung là bảy phương thức của tâm thức.

force and the Seven Rays are seven modes of consciousness.

328. We may hypothesize that the eighth Son synthesizes the seven into one.

329. Now, if these Entities are *solar* Entities, then they are more related to the levels of the spiritual triad than to the lower three sub-planes of the cosmic physical plane. This fact (mentioned earlier when describing which permanent atoms formed the spirillae of solar Entities and which of lunar Entities) makes it seem that the apportionment of permanent atoms should be *cosmic* and should not include the systemic physical, astral and lower mental planes.

2. That Entity Who works through the FORM of a planetary occult Hierarchy, using it as His body of manifestation, and regarding it as the centre through which His force can flow. It should be remembered that all such groups on every planet form a vehicle for the life of a great Individual Who gives to that Hierarchy its distinctive colouring and its unique keynote.

330. What is considered the *form* aspect of our Spiritual Hierarchy, for instance? Are the triadal levels of the gathered Masters considered an aspect of form? Perhaps.

331. This must still be a very great Entity. And if this Entity is listed under the "Eight groups of solar Entities", then the Entities in those "eight groups" must be even greater—thus less likely to have permanent atoms on the lowest systemic planes.

328. Chúng ta có thể giả thuyết rằng người Con thứ tám tổng hợp bảy thành một.

329. Giờ đây, nếu các Thực thể này là các Thực thể *thái dương*, thì chúng liên hệ với các cấp độ của Tam Nguyên Tinh Thần nhiều hơn là với ba cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ. Sự kiện này (đã được nhắc đến trước đó khi mô tả những nguyên tử trường tồn nào tạo thành các loa tuyến của các Thực thể thái dương và những nguyên tử nào của các thực thể thái âm) khiến có vẻ như sự phân bổ các nguyên tử trường tồn nên mang tính *vũ trụ* và không nên bao gồm các cõi hồng trần, cảm dục và hạ trí của hệ thống.

2. Thực thể ấy hoạt động qua HÌNH TƯỚNG của một Thánh Đoàn huyền bí hành tinh, dùng nó như thể biểu lộ của Ngài, và xem nó như trung tâm qua đó mãnh lực của Ngài có thể tuôn chảy. Cần nhớ rằng mọi nhóm như thế trên mỗi hành tinh đều tạo thành một vận cụ cho sự sống của một Cá thể vĩ đại, Đấng ban cho Thánh Đoàn ấy sắc thái đặc thù và chủ âm độc nhất của nó.

330. Chẳng hạn, điều gì được xem là phương diện *hình tướng* của Thánh đoàn tinh thần của chúng ta? Các cấp độ tam nguyên của các Chân sư đã tập hợp có được xem là một phương diện của hình tướng không? Có lẽ vậy.

331. Đây hẳn vẫn phải là một Thực thể rất vĩ đại. Và nếu Thực thể này được liệt kê dưới "Tám nhóm Thực thể thái dương", thì các Thực thể trong "tám nhóm" ấy hẳn còn lớn hơn nữa—do đó càng ít có khả năng có các

nguyên tử trường tồn trên những cõi thấp nhất của hệ thống.

332. We are told that the Spiritual Hierarchy is the Ashram of Sanat Kumara, yet Sanat Kumara seems too great a Being to work through four permanent atoms on the cosmic physical plane, for sometimes Sanat Kumara is considered the Planetary Logos, Himself—a Being with only *one* permanent atom on the cosmic physical plane.

332. Chúng ta được bảo rằng Thánh đoàn tinh thần là Ashram của Đức Sanat Kumara, tuy nhiên Đức Sanat Kumara dường như là một Hữu thể quá vĩ đại để hoạt động qua bốn nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ, vì đôi khi Đức Sanat Kumara được xem là chính Đức Hành Tinh Thượng Đế—một Hữu thể chỉ có *một* nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ.

333. This Being, too, seems like a *Solar* Lord as the Hierarchy is such a *solar* organism.

333. Hữu thể này cũng dường như là một Chúa Tể *Thái dương* vì Thánh Đoàn là một cơ thể *thái dương* như thế.

334. The fact that the Entities in group *three* (below) are still *solar* Beings suggests that these Entities in group *two* are certainly so.

334. Sự kiện rằng các Thực thể trong nhóm *ba* (bên dưới) vẫn là các Hữu thể *thái dương* cho thấy rằng các Thực thể trong nhóm *hai* này chắc chắn cũng như vậy.

335. The Members of the Hierarchy would not need the usual physical, astral, or mental permanent atoms as, after the fourth initiation, They would have dispensed with them.

335. Các Thành viên của Thánh Đoàn sẽ không cần các nguyên tử trường tồn hồng trần, cảm dục hay trí tuệ thông thường, vì sau lần điểm đạo thứ tư, Các Ngài đã loại bỏ chúng.

336. So the apportionment of permanent atoms is probably more *cosmic*, with the apportionment of permanent atoms fitting to planes other than the ones for which they are usually named.

336. Vì vậy sự phân bổ các nguyên tử trường tồn có lẽ mang tính *vũ trụ* hơn, với sự phân bổ các nguyên tử trường tồn phù hợp với những cõi khác hơn là những cõi mà chúng thường được gọi tên.

337. Still, we cannot tell definitively whether the highest of the permanent atoms on the cosmic physical plane should begin with the logoic level—except for the tendency in nature towards *continuity.*

337. Tuy nhiên, chúng ta vẫn không thể xác định dứt khoát liệu nguyên tử trường tồn cao nhất trên cõi hồng trần vũ trụ có nên bắt đầu với cấp độ logoic hay không—ngoại trừ khuynh hướng trong bản chất hướng đến *tính liên tục.*

3. A number of solar Deities Who are the radiators of solar magnetism, and the life of form.

3. Một số Thượng đế thái dương là những đấng phát xạ từ điện thái dương và là sự sống của hình tướng.

338. These Beings are called “Deities”. They seem to belong to the deva kingdom.

338. Những Hữu thể này được gọi là “Thượng đế”. Chúng dường như thuộc về giới thiên thần.

339. We remember a discussion of white and gold devic entities who were particularly association with the mediation of prana to certain areas of the Earth.

339. Chúng ta nhớ một cuộc thảo luận về những thực thể thiên thần màu trắng và vàng đặc biệt liên hệ với việc trung gian prana đến một số khu vực nhất định của Trái Đất.

340. Would such “Deities”, if they work in the ethers, need a systemic physical permanent atom? If so, the apportionment would begin with the buddhic plane for the buddhic permanent atom, and end with the physical permanent atom on the etheric plane. Much depends on what is meant by “solar magnetism” and the plane to which it pertains.

340. Những “Thượng đế” như thế, nếu hoạt động trong các cõi dĩ thái, có cần một nguyên tử trường tồn hồng trần của hệ thống không? Nếu có, sự phân bổ sẽ bắt đầu với nguyên tử trường tồn Bồ đề trên cõi Bồ đề, và kết thúc với nguyên tử trường tồn hồng trần trên cõi dĩ thái. Nhiều điều tùy thuộc vào ý nghĩa của “từ điện thái dương” và cõi mà nó liên hệ.

4. A peculiar group of Beings connected with a certain constellation and the lesser Dragon,

4. Một nhóm Hữu thể đặc biệt liên hệ với một chòm sao nào đó và Con Rồng nhỏ,

341. The “Greater Dragon” is Draco. Sometimes our Earth has been referred to in terms of a “Dragon”.

341. “Con Rồng Lớn” là Draco. Đôi khi Trái Đất của chúng ta đã được nhắc đến theo nghĩa một “Con Rồng”.

who have their habitat on Neptune and work with the sixth principle in the solar system.

có nơi cư ngụ trên Sao Hải Vương và hoạt động với nguyên khí thứ sáu trong hệ mặt trời.

342. If these beings work with the sixth principle in the solar system, they will need something that stands for an astral permanent atom.

342. Nếu những hữu thể này hoạt động với nguyên khí thứ sáu trong hệ mặt trời, chúng sẽ cần một cái gì đó đại diện cho một nguyên tử trường tồn cảm dục.

343. Could they work from buddhic levels and affect the astral? It is possible. If their buddhic permanent atom began on the monadic plane, then their astral permanent atom would be on the buddhic and their physical permanent atom on the mental. His, however, would disrupt the necessary continuity, for the logoic permanent atoms would have no permanent atom, otherwise such an Entity would work through *five* permanent atoms on the cosmic physical plane instead of four, as given.

343. Liệu chúng có thể hoạt động từ các cấp độ Bồ đề và ảnh hưởng đến cõi cảm dục không? Điều đó có thể. Nếu nguyên tử trường tồn Bồ đề của chúng bắt đầu trên cõi chân thần, thì nguyên tử trường tồn cảm dục của chúng sẽ ở trên cõi Bồ đề và nguyên tử trường tồn hồng trần của chúng trên cõi trí. Tuy nhiên, điều này sẽ phá vỡ tính liên tục cần thiết, vì các nguyên tử trường tồn logoic sẽ không có nguyên tử trường tồn nào; nếu không, một Thực thể như thế sẽ hoạt động qua *năm* nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ thay vì bốn như đã nêu.

344. Naturally, these thoughts must be regarded as speculative. How can we at our stage of evolution (having just heart for the first time that such Entities exist) very much (if anything at all) about them.

344. Đương nhiên, những suy nghĩ này phải được xem là có tính suy đoán. Làm sao ở giai đoạn tiến hoá của chúng ta (vừa mới lần đầu nghe rằng những Thực thể như thế tồn tại) chúng ta có thể biết nhiều điều về các Ngài, nếu quả có biết gì đi nữa.

345. DK has expanded our consciousness considerably, introducing us to thoughts which surely would not have risen above the horizon of our consciousness without His assistance.

345. Chân sư DK đã mở rộng tâm thức của chúng ta đáng kể, giới thiệu cho chúng ta những tư tưởng chắc chắn đã không thể vượt lên đường chân trời tâm thức của chúng ta nếu không có sự trợ giúp của Ngài.

346. The wisest course of action seems to be to carefully note that which is newly presented, and await greater knowledge of the whole in order to understand the nature and place of the newly presented E/entities more fully.

346. Đường lối hành động khôn ngoan nhất dường như là cẩn thận ghi nhận điều mới được trình bày, và chờ đợi tri thức lớn hơn về toàn thể để thấu hiểu đầy đủ hơn bản chất và vị trí của những thực thể E/entities mới được trình bày.

They take physical form, animated by purified desire, controlled by mind, and are the dispensers of love-wisdom by means of certain of the "Halls of Wisdom" on the various planets.

Các hữu thể này mang lấy hình tướng hồng trần, được sinh động bởi dục vọng đã được thanh luyện, được trí tuệ kiểm soát, và là những đấng phân phối Bác Ái – Minh Triết thông qua một số “Phòng Minh triết” trên các hành tinh khác nhau.

347. If, however, they “take physical form” they will need a physical permanent atom expressive on the etheric-physical plane. From this point of view, it would be likely that the four permanent atoms would begin on the buddhic plane and work their way down to the physical.

347. Tuy nhiên, nếu các hữu thể này “mang lấy hình tướng hồng trần” thì chúng sẽ cần một nguyên tử trường tồn hồng trần biểu lộ trên cõi dĩ thái-hồng trần. Từ quan điểm này, có khả năng là bốn nguyên tử trường tồn sẽ bắt đầu trên cõi Bồ đề và đi xuống đến cõi hồng trần.

348. However, what do we mean by “physical form”. To man, physical form is one thing and to greater Beings another. So still, it will be necessary to reserve judgment.

348. Tuy nhiên, chúng ta muốn nói gì bởi “hình tướng hồng trần”? Đối với con người, hình tướng hồng trần là một điều, còn đối với các Hữu thể lớn hơn lại là điều khác. Vì vậy, vẫn cần phải bảo lưu phán đoán.

The words "Halls of Wisdom" in their esoteric significance describe a stage of consciousness not a location.

Những từ “Phòng Minh triết” trong ý nghĩa huyền bí của chúng mô tả một giai đoạn tâm thức chứ không phải một địa điểm.

349. As Neptune is equivalent to Vishnu and the Christ, these Beings will have a strongly buddhic energy associated with Them.

349. Vì Sao Hải Vương tương đương với Vishnu và Đức Christ, những Hữu thể này sẽ có một năng lượng Bồ đề mạnh mẽ gắn liền với Các Ngài.

350. We are going to remain alert to that moment when we transfer the apportionment from the a more cosmic frame of reference to one that is systemic.

350. Chúng ta sẽ tiếp tục tỉnh táo trước thời điểm khi chúng ta chuyển sự phân bổ từ một khung quy chiếu mang tính vũ trụ hơn sang một khung mang tính hệ thống.

351. One thing we know. We cannot give the first group in this tabulation (which has only one permanent atom on the cosmic physical plane) a *systemic* apportionment, nor can we give man (whose permanent atoms are exactly correlated with the planes for which they are named) a *cosmic* apportionment (his permanent atoms being definitely on the cosmic physical plane). Between these two we must, perhaps, work with some degree of flexibility when trying to discover on which sub-planes of the cosmic physical plane the permanent atoms are to be found.

351. Có một điều chúng ta biết. Chúng ta không thể gán cho nhóm đầu tiên trong bảng liệt kê này (nhóm chỉ có một nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ) một sự phân bổ *hệ thống*, cũng không thể gán cho con người (mà các nguyên tử trường tồn của y tương ứng chính xác với các cõi mà chúng được gọi tên) một sự phân bổ *vũ trụ* (các nguyên tử trường tồn của y rõ ràng ở trên cõi hồng trần vũ trụ). Giữa hai cực này, có lẽ chúng ta phải làm việc với một mức độ linh hoạt nào đó khi cố khám phá xem các nguyên tử trường tồn được tìm thấy trên những cõi phụ nào của cõi hồng trần vũ trụ.

V. Through five permanent atoms... physical, astral, mental, buddhic and atmic.

1. The Lords of certain subplanes who work under the Raja-Lord of a plane and who are themselves vibration and activity.

352. Only *certain* sub-planes are mentioned. Are all systemic planes involved and then only certain sub-planes of those systemic planes?

353. If *all* systemic planes are involved, then a systemic physical permanent atom will be needed, and the apportionment of the five permanent atoms will begin with the systemic atmic plane.

354. With this type of Being, we seem to be very much in the World of Brahma (a fivefold world beginning with the atmic plane and working down to the physical). Therefore, a one-to-one assignment of the permanent atoms with the corresponding planes which correlate with the names of the permanent atoms is certainly possible.

2. The lesser Heavenly Men on the buddhic level, Who reflect Their higher prototypes on the second plane of the system.

355. We might pause to realize that we are having a number of the apparently 'empty rungs' on the "Ladder of Evolution" filled in for us.

356. These Beings are higher than man, but lower than certain Beings Who express on the monadic plane.

V. Qua năm nguyên tử trường tồn... hồng trần, cảm dục, trí tuệ, Bồ đề và atma.

1. Các Đấng Chúa Tể của một số cõi phụ nhất định hoạt động dưới quyền Raja-Lord của một cõi và chính Các Ngài là rung động và hoạt động.

352. Chỉ có *một số* cõi phụ được nhắc đến. Có phải mọi cõi của hệ thống đều được bao gồm và rồi chỉ một số cõi phụ của những cõi hệ thống ấy thôi không?

353. Nếu *mọi* cõi của hệ thống đều được bao gồm, thì sẽ cần một nguyên tử trường tồn hồng trần của hệ thống, và sự phân bổ của năm nguyên tử trường tồn sẽ bắt đầu với cõi atma của hệ thống.

354. Với loại Hữu thể này, dường như chúng ta đang ở rất nhiều trong Thế giới của Brahma (một thế giới ngũ phân bắt đầu với cõi atma và đi xuống đến cõi hồng trần). Do đó, một sự gán một-một các nguyên tử trường tồn với những cõi tương ứng với tên gọi của các nguyên tử trường tồn ấy chắc chắn là điều có thể.

2. Những Đấng Thiên Nhân nhỏ hơn trên cấp độ Bồ đề, Các Ngài phản chiếu những nguyên mẫu cao hơn của mình trên cõi thứ hai của hệ thống.

355. Chúng ta có thể dừng lại để nhận ra rằng một số "nấc thang" có vẻ trống trên "Thang Tiến Hoá" đang được lấp đầy cho chúng ta.

356. Những Hữu thể này cao hơn con người, nhưng thấp hơn một số Hữu thể biểu lộ trên cõi chân thần.

357. If there are Beings Who express through the *form* of a Spiritual Hierarchy, are there Beings Who express through the form of Ashrams and lesser Ashrams. If so, this may be the type of Being under discussion.

357. Nếu có những Hữu thể biểu lộ qua *hình tướng* của một Thánh đoàn tinh thần, thì có những Hữu thể biểu lộ qua hình tướng của các Ashram và các ashram nhỏ hơn không? Nếu có, đây có thể là loại Hữu thể đang được bàn đến.

358. We may call such "lesser Heavenly Men" by the name, 'Embodiers of Buddhic Groupings.

358. Chúng ta có thể gọi những "Đấng Thiên Nhân nhỏ hơn" như thế bằng tên, 'những Hiện thân của các Tập hợp Bồ đề'.

359. Our task will be to understand what sorts of buddhic groupings there are which might be embodied.

359. Nhiệm vụ của chúng ta sẽ là hiểu xem có những loại tập hợp Bồ đề nào có thể được hiện thân.

360. If the members of the Fourth Creative Hierarchy are meant to express on the buddhic level (as the Table of Creative Hierarchy, EA 35, seems to show), then perhaps grouping of members of the Fourth Creative Hierarchy are considered as "lesser Heavenly Men".

360. Nếu các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư được dự định biểu lộ trên cấp độ Bồ đề (như Bảng Huyền Giai Sáng Tạo, EA 35, dường như cho thấy), thì có lẽ các nhóm thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Tư được xem là những "Đấng Thiên Nhân nhỏ hơn".

361. The Entities we have just considered focus on the buddhic plane. The ones immediately below focus on the higher mental.

361. Những Thực thể chúng ta vừa xem xét tập trung trên cõi Bồ đề. Những thực thể ngay bên dưới tập trung trên cõi thượng trí.

3. The entities who are the sum-total of group consciousness on egoic levels, remembering that these groups are differentiated and are formed of aggregates of seven, until there are formed forty-nine groups of seven egoic vehicles forming one group which is the body of this lesser solar Deity.

3. Những thực thể là tổng thể của tâm thức nhóm trên các cấp độ chân ngã, nhớ rằng các nhóm này được biến phân và được tạo thành từ những tập hợp bảy, cho đến khi có bốn mươi chín nhóm bảy vận cụ chân ngã được hình thành tạo thành một nhóm là thể của vị Thượng đế thái dương nhỏ hơn này.

362. It seems that on the egoic levels there are groupings of seven which combine into forty-nine such groups.

362. Dường như trên các cấp độ chân ngã có những nhóm bảy kết hợp thành bốn mươi chín nhóm như thế.

363. Forty-nine times seven equals 343. Such a lesser "solar Deity" apparently has 343 causal bodies or egoic lotuses to compose it. There would have to be a great number of such "solar Deities" to account for the large number of human beings—all of whom have causal bodies on the higher mental plane.

363. Bốn mươi chín nhân bảy bằng 343. Một "Thượng đế thái dương" nhỏ hơn như thế rõ ràng có 343 thể nguyên nhân hay Hoa Sen Chân Ngã để cấu thành nó. Sẽ phải có một số lượng rất lớn những "Thượng đế thái dương" như thế để giải thích cho số lượng lớn con người—tất cả đều có thể nguyên nhân trên cõi thượng trí.

364. These lesser solar Deities are, of course, greater beings than man, because They contain within them many men (expressing through the causal bodies of men).

364. Dĩ nhiên, những Thượng đế thái dương nhỏ hơn này là những hữu thể lớn hơn con người, vì Các Ngài chứa trong mình nhiều con người (biểu lộ qua các thể nguyên nhân của con người).

365. Do they express any 'lower' than the higher mental plane? Well, it seems that groups of greater Entities listed before them expressed 'lower' and so, *perhaps*, do they.

365. Các Ngài có biểu lộ "thấp" hơn cõi thượng trí không? Có vẻ như những nhóm Thực thể lớn hơn được liệt kê trước các Ngài đã biểu lộ "thấp" hơn và vì vậy, *có lẽ*, các Ngài cũng thế.

366. If they expressed no lower than the higher mental plane, the permanent atoms of these Entities would begin on the logoic plane and end on the manasic (where the physical permanent atom would be found).

366. Nếu các Ngài không biểu lộ thấp hơn cõi thượng trí, thì các nguyên tử trường tồn của những Thực thể này sẽ bắt đầu trên cõi logoic và kết thúc trên cõi manas (nơi nguyên tử trường tồn hồng trần sẽ được tìm thấy).

There is a multiplicity of these groups of forty-nine.

Có rất nhiều những nhóm bốn mươi chín này.

367. Forty-nine sevens let us remember. We have a multiplicity times 343.

367. Xin nhớ là bốn mươi chín nhóm bảy. Chúng ta có một số lượng nhiều lần 343.

This has been somewhat stated before when it has been [Page 535] announced that a Master with His particular band of disciples and initiates form a group or force centre.

Điều này đã phần nào được nêu trước đây khi đã [Page 535] công bố rằng một Chân sư cùng với nhóm đệ tử và điểm đạo đồ đặc thù của Ngài tạo thành một nhóm hay trung tâm lực.

368. How many groups of causal bodies can be found in an Ashram or in a Master's

368. Có thể tìm thấy bao nhiêu nhóm thể nguyên nhân trong một ashram hay trong

particular “band of disciples”? Perhaps the numbers in a “band of disciples” is actually greater than the numbers in an Ashram, per se.

“nhóm đệ tử” đặc thù của một Chân sư? Có lẽ số lượng trong một “nhóm đệ tử” thực ra lớn hơn số lượng trong chính một ashram.

369. There is a reference (not yet relocated) which states that sixty-three is the maximum number to be found in an ashram. This would give us nine groups of sevens. This multiplied by seven would give us the grouping of forty-nine sevens.

369. Có một tham chiếu (chưa được định vị lại) nói rằng sáu mươi ba là con số tối đa được tìm thấy trong một ashram. Điều này sẽ cho chúng ta chín nhóm bảy. Nhân với bảy, điều này sẽ cho chúng ta tập hợp bốn mươi chín nhóm bảy.

These groups have their permanent atoms as do all lives seeking objective expression.

Những nhóm này có các nguyên tử trường tồn của chúng như mọi sự sống đang tìm kiếm sự biểu lộ khách quan đều có.

370. So much depends on what we mean by “objective expression”. Entities expressing on the cosmic astral plane and cosmic mental plane are also in “objective expression” from the *cosmic* point of view.

370. Rất nhiều điều tùy thuộc vào điều chúng ta muốn nói bởi “sự biểu lộ khách quan”. Các Thực thể biểu lộ trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ cũng ở trong “sự biểu lộ khách quan” từ quan điểm *vũ trụ*.

371. The permanent atoms of these groups must control the combined sheaths of the members. The formation of these permanent atoms would be a matter of great interest. They probably have not been created as have the permanent atoms of an individual human being at the Second Outpouring when the Monad reached forth to magnetize an atom on the atomic sub-plane of each plane on which it would, in the future, manifest.

371. Các nguyên tử trường tồn của những nhóm này phải kiểm soát các thể kết hợp của các thành viên. Sự hình thành các nguyên tử trường tồn này sẽ là một vấn đề rất đáng quan tâm. Có lẽ chúng đã không được tạo ra như các nguyên tử trường tồn của một cá nhân con người vào Lần Tuôn Đổ Thứ Hai khi chân thần vươn ra để từ hóa một nguyên tử trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi mà trong tương lai nó sẽ biểu lộ.

4. The entities who are the sumtotal of the vegetable kingdom in its diversity of manifestation in different globes, chains and schemes.

4. Những thực thể là tổng thể của giới thực vật trong tính đa dạng biểu lộ của nó trên các bầu hành tinh, các Dãy và các hệ hành tinh khác nhau.

372. We have already encountered (apparently) the Entities which have been composed souls (i.e., triads) in the animal

372. Chúng ta đã gặp (rõ ràng là vậy) những Thực thể được cấu thành từ các linh hồn hợp thành (tức là các tam nguyên) trong giới

kingdom. Now the same is presented for the vegetable kingdom.

373. As the vegetable kingdom has such a pronounced manifestation on the physical plane, we would expect that a physical permanent atom would be required on this plane, which would place the atmic permanent atom on the atmic plane. This would be, therefore, a *systemic* allotment of permanent atoms.

374. But we could question why the Entities related to the animal kingdom have only *three* permanent atoms. We could ask, if for the Entities Who ensoul the animal kingdom (in groups) the allotment should, in fact, be *systemic*, because the animals, too, just like plants, definitely require a *physical plane apparatus*, and thus a physical permanent atom on the etheric-physical plane.

375. Maybe, in speaking of those Entities with only three permanent atoms (Entities related to the animal kingdom—Category III, Section 1., 533) we were speaking of Entities Who expressed through the higher aspects of that which, 'below', manifests as an animal.

VI. Through six permanent atoms... physical, astral, two mental, buddhic and atmic.

MAN.

376. Now we have arrived at the point where the type of permanent atom *definitely* accords with the plane for which it is named.

động vật. Giờ đây điều tương tự được trình bày đối với giới thực vật.

373. Vì giới thực vật có một sự biểu lộ rất rõ nét trên cõi hồng trần, chúng ta sẽ mong đợi rằng một nguyên tử trường tồn hồng trần sẽ được đòi hỏi trên cõi này, điều này sẽ đặt nguyên tử trường tồn atma trên cõi atma. Do đó, đây sẽ là một sự phân bổ các nguyên tử trường tồn mang tính *hệ thống*.

374. Nhưng chúng ta có thể đặt câu hỏi vì sao các Thực thể liên hệ với giới động vật chỉ có *ba* nguyên tử trường tồn. Chúng ta có thể hỏi liệu đối với các Thực thể phú linh giới động vật (theo nhóm), sự phân bổ ấy trên thực tế có nên là *hệ thống* hay không, bởi vì động vật cũng vậy, giống như thực vật, rõ ràng cần một *bộ máy cõi hồng trần*, và do đó cần một nguyên tử trường tồn hồng trần trên cõi dĩ thái-hồng trần.

375. Có lẽ, khi nói về những Thực thể chỉ có ba nguyên tử trường tồn ấy (những Thực thể liên hệ với giới động vật—Loại III, Mục 1., 533), chúng ta đang nói về những Thực thể biểu lộ qua các phương diện cao hơn của cái mà, "bên dưới", biểu lộ như một con vật.

VI. Qua sáu nguyên tử trường tồn... hồng trần, cảm dục, hai trí tuệ, Bồ đề và atma.

CON NGƯỜI.

376. Giờ đây chúng ta đã đến điểm mà loại nguyên tử trường tồn *rõ ràng* phù hợp với cõi mà nó được gọi tên.

377. We may assume that all the Entities listed before this point, are entities greater than man.

377. Chúng ta có thể giả định rằng mọi Thực thể được liệt kê trước điểm này đều là những thực thể lớn hơn con người.

378. The fewer the permanent atoms on the cosmic physical plane, the greater the Entity.

378. Càng có ít nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ, Thực thể càng vĩ đại.

379. This has been an amazing section. Probably, many of us have received word of E/entities the existence of which we did not suspect. On the Ladder of Evolution there are many E/entities unknown to man. Until they are named and understood, there will necessarily be gaps in our understanding of Entity-relationship within the ring-pass-not of the Solar Logos (and beyond).

379. Đây là một phần thật đáng kinh ngạc. Có lẽ nhiều người trong chúng ta đã được biết đến những thực thể mà sự hiện hữu của chúng ta chưa từng ngờ tới. Trên Thang Tiến Hoá có nhiều thực thể mà con người chưa biết. Cho đến khi chúng được gọi tên và được thấu hiểu, tất yếu sẽ có những khoảng trống trong sự hiểu biết của chúng ta về mối liên hệ giữa các thực thể bên trong vòng-giới-hạn của Thái dương Thượng đế (và vượt ra ngoài).

380. The Tibetan is not explicit in describing the nature and work of these E/entities, but He does give us enough so that we may, hopefully, form a few intelligent conjectures.

380. Chân sư Tây Tạng không nói rõ khi mô tả bản chất và công việc của những thực thể này, nhưng Ngài có cho chúng ta đủ để chúng ta có thể, hy vọng như vậy, hình thành một vài giả thuyết thông minh.

381. There are two main problems in such a tabulation as has just been presented:

381. Có hai vấn đề chính trong một bảng liệt kê như bảng vừa được trình bày:

a. What is the true nature and function of each E/entity involved?

a. Bản chất và chức năng đích thực của mỗi thực thể liên hệ là gì?

b. Which E/entities are superior and inferior to which?

b. Những thực thể nào cao hơn và thấp hơn những thực thể nào?

c. On what sub-planes point of focus the cosmic physical plane (since in this tabulation we are dealing only with the cosmic physical plane) do the permanent atoms of the E/entities manifest? Does the allotment of permanent atoms follow the more *cosmic* model or the more *systemic* model?

c. Trên những cõi phụ nào là điểm tập trung của cõi hồng trần vũ trụ (vì trong bảng liệt kê này chúng ta chỉ đang bàn đến cõi hồng trần vũ trụ) mà các nguyên tử trường tồn của các thực thể biểu lộ? Sự phân bổ các nguyên tử trường tồn có theo mô hình *vũ trụ* hơn hay mô hình *hệ thống* hơn?

d. In each grouping of E/entities (i.e., those with the same number of permanent atoms on the cosmic physical plane) are there some that follow the *cosmic* model and others that follow the *systemic* model, or do all E/entities in such groupings follow the *same* model. This is a tricky question and not easy to resolve.

d. Trong mỗi nhóm thực thể (tức là những thực thể có cùng số nguyên tử trường tồn trên cõi hồng trần vũ trụ), có phải một số theo mô hình *vũ trụ* còn những thực thể khác theo mô hình *hệ thống*, hay mọi thực thể trong những nhóm như thế đều theo *cùng một* mô hình. Đây là một câu hỏi khó và không dễ giải quyết.

382. Just for the sake of clarity:

382. Chỉ để cho rõ ràng:

a. The more cosmic model allots permanent atoms to planes which do not have the same name as the permanent atoms. For instance, for a Solar Logos, the logoic systemic plane may (from the cosmic angle) be considered the highest of the *cosmic* etheric sub-planes, and the *physical permanent atom* of the Solar Logos will be found upon this sub-plane. His astral permanent atom will be found upon the cosmic astral plane and his manasic permanent atom on the cosmic mental, and so forth.

a. Mô hình có tính vũ trụ hơn phân bổ các nguyên tử trường tồn cho những cõi không mang cùng tên với các nguyên tử trường tồn. Chẳng hạn, đối với một Thái dương Thượng đế, cõi logoic hệ thống có thể (xét từ góc độ vũ trụ) được xem là cõi phụ dĩ thái *vũ trụ* cao nhất, và *nguyên tử trường tồn hồng trần* của Thái dương Thượng đế sẽ được tìm thấy trên cõi phụ này. Nguyên tử trường tồn cảm dục của Ngài sẽ được tìm thấy trên cõi cảm dục vũ trụ và nguyên tử trường tồn manas của Ngài trên cõi trí vũ trụ, v.v.

b. In the more systemic model, a permanent atom will be found on the systemic plane for which the permanent atom is named. For instance, the astral permanent atom will be found on the *systemic* astral plane and the physical permanent atom will be found on the etheric part of the *systemic* etheric-physical plane.

b. Trong mô hình có tính hệ thống hơn, một nguyên tử trường tồn sẽ được tìm thấy trên cõi hệ thống mà nguyên tử trường tồn ấy được gọi tên theo đó. Chẳng hạn, nguyên tử trường tồn cảm dục sẽ được tìm thấy trên cõi cảm dục *hệ thống* và nguyên tử trường tồn hồng trần sẽ được tìm thấy trên phần dĩ thái của cõi dĩ thái-hồng trần *hệ thống*.

c. There may be some allotments which are partially cosmic and partially systemic. The seven cosmic planes are paralleled exactly by the seven systemic planes, but there are some E/entities Whose permanent atoms will not be placed either purely cosmically or purely systemically. For instance, they may have some permanent atoms on systemic planes and some on a cosmic plane or planes higher than the cosmic physical plane.

c. Có thể có một số sự phân bổ vừa mang tính vũ trụ vừa mang tính hệ thống. Bảy cõi vũ trụ song hành chính xác với bảy cõi hệ thống, nhưng có một số Thực thể mà các nguyên tử trường tồn của Các Ngài sẽ không được đặt theo cách thuần túy vũ trụ hay thuần túy hệ thống. Chẳng hạn, Các Ngài có thể có một số nguyên tử trường tồn trên các cõi hệ thống và một số trên một hay nhiều cõi vũ trụ cao hơn cõi hồng trần vũ trụ.

d. For instance, we would not expect that the permanent atoms of a Globe Lord would be *all* placed upon the cosmic physical plane. Some of them very probably are on the cosmic astral plane or even cosmic mental, but we would not expect that the span of allotment of permanent atoms for at Globe Lord would reach quite as 'high' on the cosmic planes as the span of allotment for a Solar Logos, or a Person of the logoic Trinity, or a Planetary Logos. Is the principle clear?

d. Chẳng hạn, chúng ta sẽ không mong đợi rằng các nguyên tử trường tồn của một Chúa Tể của một Bầu Hành Tinh đều *được* đặt trên cõi hồng trần vũ trụ. Một số trong đó rất có thể ở trên cõi cảm dục vũ trụ hay thậm chí cõi trí vũ trụ, nhưng chúng ta sẽ không mong đợi rằng tầm mức phân bổ các nguyên tử trường tồn của một Chúa Tể của một Bầu Hành Tinh lại vươn cao trên các cõi vũ trụ đến mức như tầm mức phân bổ của một Thái dương Thượng đế, hay một Ngôi Vị của Tam Vị logoic, hay một Hành Tinh Thượng Đế. Nguyên lý ấy có rõ không?

All that is here stated is an enlargement of the data given about the "Army of the Voice,"[75] [S. D., I, 121] and an endeavour to show that many diverse lives (all embodying lesser lives, or embodied in greater ones themselves) are to be found within the various schemes.

Tất cả những gì được trình bày ở đây là sự mở rộng của dữ kiện đã được đưa ra về "Đạo Quân của Tiếng Nói,"75 [S. D., I, 121] và là một nỗ lực nhằm cho thấy rằng nhiều sự sống đa dạng (tất cả đều hiện thân các sự sống nhỏ hơn, hoặc chính chúng được hiện thân trong những sự sống lớn hơn) được tìm thấy trong các hệ hành tinh khác nhau.

383. DK speaks of "many diverse lives". It seems evident that He has listed only a few of the many.

383. Chân sư DK nói về "nhiều sự sống đa dạng". Hiển nhiên là Ngài chỉ liệt kê một ít trong số rất nhiều sự sống ấy.

384. We have a picture of lives within lives. Man is a composite being but so are many other types of beings.

384. Chúng ta có một bức tranh về những sự sống bên trong những sự sống. Con người là một hữu thể tổng hợp, nhưng nhiều loại hữu thể khác cũng vậy.

385. The picture of the Army of the Voice here presented seems far greater than that usually considered.

385. Bức tranh về Đạo Quân của Tiếng Nói được trình bày ở đây dường như rộng lớn hơn nhiều so với điều thường được xét đến.

386. It all depends which “Voice” we are discussing. If the "Army of the Voice" can be found on systemic sub-planes and on a number of systemic planes (i.e., sub-planes of the cosmic physical plane), why should it not be found on cosmic planes as well?

386. Tất cả tùy thuộc vào việc chúng ta đang bàn đến “Tiếng Nói” nào. Nếu "Đạo Quân của Tiếng Nói" có thể được tìm thấy trên các cõi phụ hệ thống và trên một số cõi hệ thống (tức là các cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ), thì tại sao nó lại không thể được tìm thấy trên các cõi vũ trụ nữa?

We have dealt only with those likewise which are superhuman or human, with those who have been or are MEN. We have not dealt with the subhuman, or with the lunar lords or lesser pitris, for their day is not yet, and they progress as the tide of evolution progresses, unconsciously and not self-consciously.

Chúng ta chỉ bàn đến những vị cũng là siêu nhân loại hoặc nhân loại, những vị đã từng là hoặc đang là NGƯỜI. Chúng ta chưa bàn đến hạ nhân loại, hay các nguyệt tinh quân hoặc các thái âm tổ phụ nhỏ hơn, vì ngày của họ chưa đến, và họ tiến bộ khi làn sóng tiến hoá tiến lên, một cách vô thức chứ không phải bằng ngã thức.

387. These lesser lives also have permanent atoms, but they do not form the focus of our present discussion.

387. Những sự sống nhỏ hơn này cũng có các nguyên tử trường tồn, nhưng chúng không tạo thành trọng tâm của cuộc bàn luận hiện tại của chúng ta.

388. We gather that all superhuman entities have been or are “MEN” of some kind.

388. Chúng ta hiểu rằng mọi thực thể siêu nhân loại đều đã từng là hoặc đang là “NGƯỜI” theo một nghĩa nào đó.

389. There are certain methods of deva individualization which do not seem to entail passage through the human kingdom. Can devic lives brought to self-consciousness in this way (through intensity of feeling) ever become “superhuman” in the sense here discussed? Perhaps this possibility should not be ruled out.

389. Có những phương pháp biệt ngã hóa nhất định của thiên thần dường như không đòi hỏi phải đi qua giới nhân loại. Liệu những sự sống thiên thần được đưa đến ngã thức theo cách này (qua cường độ cảm xúc) có bao giờ có thể trở thành “siêu nhân loại” theo nghĩa đang được bàn ở đây không? Có lẽ không nên loại trừ khả năng này.

We have dealt with these entities and their permanent atoms in connection with their manifestation in a solar system, and have not carried it beyond the solar ring-pass-not.

Chúng ta đã bàn đến các thực thể này và các nguyên tử trường tồn của họ trong liên hệ với sự biểu hiện của họ trong một hệ mặt trời, và chưa đưa việc ấy vượt ra ngoài vòng-giới-hạn mặt trời.

390. Surely, some of these E/entities have permanent atoms *beyond* the "solar ring-pass-not".

390. Chắc chắn, một số Thực thể này có các nguyên tử trường tồn *vượt ra ngoài* "vòng-giới-hạn mặt trời".

All the permanent atoms concern physical matter and manifestation.

Tất cả các nguyên tử trường tồn đều liên quan đến vật chất hồng trần và sự biểu hiện.

391. Yes—for all the permanent atoms mentioned, but many do not.

391. Đúng—đối với tất cả các nguyên tử trường tồn đã được nhắc đến, nhưng còn nhiều nguyên tử khác thì không phải vậy.

392. As all Beings in cosmos have seven major principles, permanent atoms to serve as conduits for those principles must exist. Thus, when Beings are mentioned with only one, two or three permanent atoms to be found on the cosmic physical plane, we must ask where the *other* permanent atoms will be located or allocated? The only answer for us will be, "on one or more of the higher cosmic planes".

392. Vì mọi Hữu Thể trong vũ trụ đều có bảy nguyên khí chính, nên các nguyên tử trường tồn để làm các ống dẫn cho những nguyên khí ấy phải tồn tại. Do đó, khi các Hữu Thể được nhắc đến mà chỉ có một, hai hoặc ba nguyên tử trường tồn được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ, chúng ta phải hỏi rằng các nguyên tử trường tồn *khác* sẽ được đặt hay phân bổ ở đâu? Câu trả lời duy nhất đối với chúng ta sẽ là, "trên một hay nhiều cõi vũ trụ cao hơn".

The highest permanent atom of man, the atmic, is, after all, an atom of the third cosmic ether, and this should be pondered upon and studied.

Nguyên tử trường tồn cao nhất của con người, nguyên tử atma, rốt cuộc vẫn là một nguyên tử của dĩ thái vũ trụ thứ ba, và điều này cần được suy gẫm và nghiên cứu.

393. The third systemic ether is not considered "esoteric" and so we may infer the same of the third *cosmic* ether.

393. Dĩ thái hệ thống thứ ba không được xem là "huyền bí", và vì thế chúng ta có thể suy ra điều tương tự đối với dĩ thái *vũ trụ* thứ ba.

394. On the third systemic ether, the throat center of the human being is located. We know that humanity is largely the throat center to be found within the chakra system of Sanat Kumara. The atmic plane (on which is found the atmic permanent atom) is ruled by Saturn (a third ray Monad) which is the ruler of the throat center of advanced humanity and disciples.

394. Trên dĩ thái hệ thống thứ ba, trung tâm cổ họng của con người tọa lạc. Chúng ta biết rằng nhân loại phần lớn là trung tâm cổ họng được tìm thấy trong hệ thống luân xa của Đức Sanat Kumara. Cõi atma (nơi nguyên tử trường tồn atma được tìm thấy) do Sao Thổ cai quản (một chân thần cung ba), và Sao Thổ là chủ tinh của trung tâm cổ họng của nhân loại tiến hóa cao và các đệ tử.

395. It would seem there is much about the highest permanent atom of the members of the human family to suggest the throat center function of humanity and also the fact that humanity is not yet sacred but still functioning very much within the *brahmic* aspect of the Solar Logos.

395. Dường như có nhiều điều nơi nguyên tử trường tồn cao nhất của các thành viên trong gia đình nhân loại gợi ra chức năng trung tâm cổ họng của nhân loại, và cũng gợi ra sự kiện rằng nhân loại chưa thiêng liêng mà vẫn còn hoạt động rất nhiều trong phương diện *brahmic* của Thái dương Thượng đế.

We have considered these various personalities (and the word 'personality' is chosen deliberately, for what are They but personalities, or Beings, in physical incarnation?) from the standpoint of Their lowest force point first.

Chúng ta đã xét các phàm ngã khác nhau này (và từ 'phàm ngã' được chọn một cách có chủ ý, vì Các Ngài là gì nếu không phải là các phàm ngã, hay các Hữu Thể, đang lâm phàm hồng trần?) trước hết từ quan điểm của điểm mãnh lực thấp nhất của Các Ngài.

396. It is the lowest "force point" or permanent atom that allows beings to incarnate on the systemic physical plane.

396. Chính "điểm mãnh lực" thấp nhất hay nguyên tử trường tồn cho phép các hữu thể nhập thể trên cõi hồng trần hệ thống.

397. DK is telling us that "personalities" are to be considered "Beings, in physical incarnation".

397. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng "các phàm ngã" phải được xem là "các Hữu Thể, đang lâm phàm hồng trần".

398. There is, as we have been told, a close connection between the personality and its ray, and the physical body (just as the Ego and its ray are connected with the astral body and the Monad and its ray with the mental body).

398. Như chúng ta đã được cho biết, có một mối liên hệ chặt chẽ giữa phàm ngã và cung của nó, với thể xác (cũng như chân ngã và cung của nó liên hệ với thể cảm dục, và chân thần cùng cung của nó liên hệ với thể trí).

399. In all this list of E/entities in relation to some of their permanent atoms, we have been talking largely about how the E/entities manifest on the cosmic physical plane. From the cosmic perspective, *all of them* are in physical incarnation, and some of them are in *systemic*-physical incarnation (such as man, the animals, the vegetables and the minerals).

399. Trong toàn bộ danh sách các Thực thể này liên hệ với một số nguyên tử trường tồn của các Ngài, phần lớn chúng ta đã nói về cách các Thực thể ấy biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ. Từ quan điểm vũ trụ, *tất cả các Ngài* đều đang lâm phàm hồng trần, và một số trong các Ngài đang lâm phàm *hồng trần-hệ thống* (như con người, động vật, thực vật và khoáng vật).

We have discussed **the permanent atom as a point of contact with the force** of a plane, of

Chúng ta đã bàn về **nguyên tử trường tồn như một điểm tiếp xúc với mãnh lực** của

a planet, of a chain, of a scheme, or of a system. This should ever be borne in mind.

một cõi, một hành tinh, một dãy, một hệ hành tinh, hay một hệ thống. Điều này cần luôn được ghi nhớ.

400. This particular definition of a permanent atom as a "point of contact" should be impressed upon us. The 'Principles of Spirit' (of which there are usually numbered *seven*) work through these "points of contact", thus bringing the influence of the Monad into the substance of the sheaths through which it (the Monad) expresses.

400. Định nghĩa đặc biệt này về nguyên tử trường tồn như một "điểm tiếp xúc" cần được khắc sâu nơi chúng ta. Các 'Nguyên Khí của Tinh thần' (thường được đếm là *bảy*) hoạt động qua những "điểm tiếp xúc" này, nhờ đó mang ảnh hưởng của chân thần vào chất liệu của các thể mà qua đó nó (chân thần) biểu lộ.

401. It is *also* evident that the Monad (initially via the egoic lotus) expresses in a differentiated way in every sheath through the seven major chakras of that sheath.

401. *Cũng* hiển nhiên rằng chân thần (ban đầu qua hoa sen chân ngã) biểu lộ một cách biến phân trong mỗi thể qua bảy luân xa chính của thể ấy.

It is to be recognised that much that is written above [Page 536] may seem incomprehensible, but when scientists come to understand and regulate force, that which is written here will become plainer;

Cần nhận ra rằng nhiều điều được viết ở trên [Page 536] có thể dường như không thể hiểu nổi, nhưng khi các nhà khoa học đi đến chỗ thấu hiểu và điều chỉnh mãnh lực, điều được viết ở đây sẽ trở nên sáng tỏ hơn;

402. We are a long way from this regulation, but TCF is book for centuries to come (at least if its hints are recognized and wisely followed)

402. Chúng ta còn cách rất xa sự điều chỉnh này, nhưng TCF là cuốn sách cho nhiều thế kỷ sắp tới (ít nhất nếu các gợi ý của nó được nhận ra và được noi theo một cách minh triết)

it will be seen that we have dealt with the **positive force in all negative forms** above, and including the human kingdom.

người ta sẽ thấy rằng chúng ta đã bàn đến **mãnh lực dương trong mọi hình tướng âm** ở trên và bao gồm cả giới nhân loại.

403. The permanent atoms are the "positive force in all negative forms"—the seventh principle—one significant way of mediating the *life principle* to the sheaths. The seven chakras in each vehicle are another such way.

403. Các nguyên tử trường tồn là "mãnh lực dương trong mọi hình tướng âm"—nguyên khí thứ bảy—một phương cách quan trọng để trung gian *nguyên khí sự sống* đến các thể. Bảy luân xa trong mỗi vận cụ là một phương cách khác như vậy.

404. In this way the permanent atoms stand within the *line of will,* as will be evident from the fact that (within the economy of the sheaths) they stand for the seventh principle—corresponding to spiritual will or atma.

404. Theo cách này, các nguyên tử trường tồn đứng trong *đường lối của ý chí,* như sẽ hiển nhiên từ sự kiện rằng (trong kinh tế của các thể) chúng tượng trưng cho nguyên khí thứ bảy—tương ứng với ý chí tinh thần hay atma.

TCF 536-549: S5S9

30 July - 13 August 2007

30 July - 13 August 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với cuốn *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. We begin on a subject of the utmost psycho-spiritual importance. Perhaps we shall learn more about our development as human beings and disciples by studying the egoic lotus than in any other way.

1. Chúng ta bắt đầu với một chủ đề có tầm quan trọng tâm lý-tinh thần tối cao. Có lẽ chúng ta sẽ học được nhiều hơn về sự phát triển của mình với tư cách con người và đệ tử bằng cách nghiên cứu Hoa Sen Chân Ngã hơn bất kỳ cách nào khác.

III. THE EGOIC LOTUS [76]

III. HOA SEN CHÂN NGÃ 76

FOOTNOTE [76]: The Egoic Lotus "...the laws of karma are adjusted, the clue being found in the mastery of the sixteen rays of the Ego, for which sixteen rays sixteen mantras or words are given, the real pronunciation

CƯỚC CHÚ 76: Hoa Sen Chân Ngã "...các định luật nghiệp quả được điều chỉnh, đầu mối được tìm thấy trong sự làm chủ mười sáu cung của Chân ngã, mà đối với mười sáu cung ấy có mười sáu mantram hay linh từ được ban ra, tuy nhiên cách phát âm thực sự

being however reserved for initiates only."—Kali Upanishad.

chỉ dành riêng cho các điểm đạo đồ mà thôi."—Kali Upanishad.

2. We do not know how the sixteen rays of the Ego have been derived in the Upanishads, but in our own Teaching we can find ways to support this numbering.

2. Chúng ta không biết mười sáu cung của Chân ngã đã được suy ra như thế nào trong các Upanishad, nhưng trong Giáo Huấn của chính chúng ta, chúng ta có thể tìm thấy những cách để hỗ trợ cách đánh số này.

3. If we number the part of the egoic lotus as following we shall arrive at the number sixteen:

3. Nếu chúng ta đánh số các phần của hoa sen chân ngã như sau, chúng ta sẽ đạt đến con số mười sáu:

a. One "Jewel in the Lotus"

a. Một "Bảo Châu trong Hoa Sen"

b. Three synthesizing petals

b. Ba cánh hoa tổng hợp

c. Three sacrifice petals

c. Ba cánh hoa hi sinh

d. Three love petals

d. Ba cánh hoa bác ái

e. Three knowledge petals

e. Ba cánh hoa tri thức

f. Three constituents of the atomic triangle

f. Ba thành phần của tam giác nguyên tử

4. From the number sixteen it is clear that the egoic lotus is associated with the throat center in which there are sixteen petals.

4. Từ con số mười sáu, rõ ràng là hoa sen chân ngã liên kết với trung tâm cổ họng, nơi có mười sáu cánh hoa.

5. There are yogic mantra for the sixteen petals of the throat center and we can wonder whether there would be a relation to the sixteen rays of the Ego and their respective mantra.

5. Có những mantra yoga dành cho mười sáu cánh hoa của trung tâm cổ họng, và chúng ta có thể tự hỏi liệu có mối liên hệ nào với mười sáu cung của Chân ngã và các mantra tương ứng của chúng hay không.

6. The number sixteen sums to seven which tells of its importance in the act of manifestation.

6. Con số mười sáu cộng lại thành bảy, điều này cho biết tầm quan trọng của nó trong hành vi biểu hiện.

7. Words are produce through the throat center and the “Word” issues from the soul

7. Các linh từ được tạo ra qua trung tâm cổ họng, và “Linh từ” phát ra từ phương diện

aspect of which the sixteenfold egoic lotus is for man the representative.

linh hồn mà hoa sen chân ngã thất phân là đại diện cho con người.

8. In the egoic lotus all three aspects are represented—through the "Jewel in the Lotus" (first aspect), the petals of the egoic lotus (second aspect) and the atomic triangle (third aspect).

8. Trong hoa sen chân ngã, cả ba phương diện đều được biểu hiện—qua "Bảo Châu trong Hoa Sen" (phương diện thứ nhất), các cánh hoa của hoa sen chân ngã (phương diện thứ hai), và tam giác nguyên tử (phương diện thứ ba).

9. In general we have the second aspect represented in the egoic lotus because the lotus is the vehicle of the middle principle, the soul principle. The third aspect is represented by its connection to the throat center and by its connection with the mental plane and the fifth ray.

9. Nói chung, chúng ta có phương diện thứ hai được biểu hiện trong hoa sen chân ngã vì hoa sen là vận cụ của nguyên khí trung gian, nguyên khí linh hồn. Phương diện thứ ba được biểu hiện bởi mối liên hệ của nó với trung tâm cổ họng và bởi mối liên hệ của nó với cõi trí và cung năm.

10. The knowledge petals represent the third sub-aspect of the second aspect and the sacrifice petals the first sub-aspect of the second aspect.

10. Các cánh hoa tri thức biểu hiện tiểu phương diện thứ ba của phương diện thứ hai, và các cánh hoa hi sinh biểu hiện tiểu phương diện thứ nhất của phương diện thứ hai.

11. Five is a potent number of manas, and we shall find this number represented by the egoic lotus (revealing its manasic function) if we count as follows:

11. Năm là một con số đầy mãnh lực của manas, và chúng ta sẽ thấy con số này được biểu hiện bởi hoa sen chân ngã (bộc lộ chức năng manas của nó) nếu chúng ta đếm như sau:

a. The three constituents of the atomic triangle considered as one

a. Ba thành phần của tam giác nguyên tử được xem là một

b. The three knowledge petals considered as one

b. Ba cánh hoa tri thức được xem là một

c. The three love petals considered as one

c. Ba cánh hoa bác ái được xem là một

d. The three sacrifice petals considered as one

d. Ba cánh hoa hi sinh được xem là một

e. The central bud of three synthesizing petals and the "Jewel in the Lotus" considered as one.

e. Nụ trung tâm gồm ba cánh hoa tổng hợp và "Bảo Châu trong Hoa Sen" được xem là một.

12. If we wish to correlate the egoic lotus with the number six we shall simply consider the three synthesizing petals as one and the "Jewel in the Lotus" as yet another one.

12. Nếu chúng ta muốn tương quan hoa sen chân ngã với con số sáu, chúng ta chỉ cần xem ba cánh hoa tổng hợp là một và "Bảo Châu trong Hoa Sen" là một đơn vị khác nữa.

13. The number twenty-two also can emerge as representative of the egoic lotus as follows:

13. Con số hai mươi hai cũng có thể xuất hiện như đại diện của hoa sen chân ngã như sau:

a. The three members of the atomic triangle and their radiation

a. Ba thành viên của tam giác nguyên tử và sự bức xạ của chúng

b. The three knowledge petals and their radiation

b. Ba cánh hoa tri thức và sự bức xạ của chúng

c. The three love petals and their radiation

c. Ba cánh hoa bác ái và sự bức xạ của chúng

d. The three sacrifice petals and their radiation

d. Ba cánh hoa hi sinh và sự bức xạ của chúng

e. The three synthesizing petals and their radiation

e. Ba cánh hoa tổng hợp và sự bức xạ của chúng

f. The seven radiations of the "Jewel in the Lotus". Sometimes there are considered to be seven and sometimes eight.

f. Bảy bức xạ của "Bảo Châu trong Hoa Sen". Đôi khi chúng được xem là bảy và đôi khi là tám.

It should be remembered in this connection that there is a jewel at the heart of every atom. Every jewel has seven facets which are the seven doorways to the seven Paths. (TCF 1245)

Cần nhớ trong mối liên hệ này rằng có một bảo châu ở trung tâm của mỗi nguyên tử. Mỗi bảo châu có bảy mặt, là bảy cửa ngõ dẫn đến bảy Con Đường. (TCF 1245)

At the heart of the sphere is a central blaze of light, emitting these rays are given as seven in number, and play upon these points or circles (analogous to the electrons in the

Tại trung tâm của khối cầu là một ngọn lửa sáng trung tâm, phát ra những tia này được cho là có số lượng bảy, và tác động lên những điểm hay vòng tròn này (tương tự như các

atoms of science) and *at this stage* produce most effect upon the astral permanent atom. (TCF 513-514)

electron trong các nguyên tử của khoa học) và *ở giai đoạn này* tạo ra ảnh hưởng lớn nhất lên nguyên tử trường tồn cảm dục. (TCF 513-514)

The Jewel itself remains occultly static, and does not circulate. It is a point of peace; it pulsates rhythmically as does the heart of man, **and from it ray forth eight streams of living fire which extend to the tips of the four love petals and the four sacrifice petals. This eight-fold energy is atma-buddhi.** (TCF 1118-1119)

Bản thân Bảo Châu vẫn bất động một cách huyền bí, và không tuần hoàn. Nó là một điểm bình an; nó đập theo nhịp điệu như trái tim con người, **và từ đó phóng ra tám dòng lửa sống động kéo dài đến tận chóp của bốn cánh hoa bác ái và bốn cánh hoa hi sinh. Năng lượng bát phân này là atma-buddhi.** (TCF 1118-1119)

14. The first aspect motion is association with pulsation and the heart (although associated qualitatively with the second aspect) is the home of the first aspect. Thus the "Jewel in the Lotus" (representing the first aspect) *pulsates.* This reminds one of one of the names of the First Ray Lord—"The Power that touches and withdraws" (EP I 64)

14. Chuyển động của phương diện thứ nhất gắn liền với sự đập nhịp, và trái tim (dù gắn với phương diện thứ hai về mặt phẩm tính) là nơi cư ngụ của phương diện thứ nhất. Do đó "Bảo Châu trong Hoa Sen" (đại diện cho phương diện thứ nhất) *đập nhịp.* Điều này gợi nhớ đến một trong những danh xưng của Đấng Chúa Tể Cung một—"Quyền Năng chạm đến rồi rút lui" (EP I 64)

15. If we wish the "Jewel in the Lotus" to represent Shamballa, the number of which is twenty-four, we shall do it this way:

15. Nếu chúng ta muốn "Bảo Châu trong Hoa Sen" đại diện cho Shamballa, con số của nó là hai mươi bốn, chúng ta sẽ làm theo cách này:

a. The three members of the atomic triangle and their radiation

a. Ba thành viên của tam giác nguyên tử và sự bức xạ của chúng

b. The three knowledge petals and their radiation

b. Ba cánh hoa tri thức và sự bức xạ của chúng

c. The three love petals and their radiation

c. Ba cánh hoa bác ái và sự bức xạ của chúng

d. The three sacrifice petals and their radiation

d. Ba cánh hoa hi sinh và sự bức xạ của chúng

e. The three synthesizing petals and their radiation

e. Ba cánh hoa tổng hợp và sự bức xạ của chúng

f. The *eight* radiations of the "Jewel in the Lotus".

f. *Tám* bức xạ của "Bảo Châu trong Hoa Sen".

g. The radiation of the entirety of the egoic lotus and all its parts taken as a unit, making the twenty-fourth unit

g. Sự bức xạ của toàn thể hoa sen chân ngã và mọi phần của nó được lấy như một đơn vị, tạo thành đơn vị thứ hai mươi bốn

"The mystery of the sixteen rays of the Ego will be revealed when the force of the Sacred Tetraktys is merged with that of the Holy Twelve."—The Old Commentary.

"Bí nhiệm của mười sáu cung của Chân ngã sẽ được mặc khải khi mãnh lực của Tetraktys Thiêng Liêng được hòa nhập với mãnh lực của Mười Hai Thiêng Liêng."—Cổ Luận.

16. We have quite a difficult statement here. What are we talking about?

16. Ở đây chúng ta có một phát biểu khá khó. Chúng ta đang nói về điều gì?

a. The sixteen rays of the ego (summing to seven—and we have no trouble justifying the seven emanations of the sevenfold "Jewel in the Lotus") may have their origin as specified in the sixteen parts of the lotus.

a. Mười sáu cung của chân ngã (cộng lại thành bảy—và chúng ta không gặp khó khăn gì khi biện minh cho bảy phát xạ của "Bảo Châu trong Hoa Sen" thất phân) có thể có nguồn gốc như được xác định trong mười sáu phần của hoa sen.

b. There are ten parts to the Sacred Tetraktys, but when we examine the number of “rows” we find only *four*. Thus the Tetraktys is a *four* as well as a *ten.*

b. Có mười phần trong Tetraktys Thiêng Liêng, nhưng khi chúng ta khảo sát số “hàng”, chúng ta chỉ thấy có *bốn*. Do đó Tetraktys vừa là một *bốn* vừa là một *mười.*

c. The “Holy Twelve” can be any of the many twelvefold structures. The zodiac is one of the principal such.

c. “Mười Hai Thiêng Liêng” có thể là bất kỳ cấu trúc mười hai phân nào. Hoàng đạo là một trong những cấu trúc chính như thế.

d. The “Holy Twelve” can also represent the heart center which is the chakra representative of the heart center.

d. “Mười Hai Thiêng Liêng” cũng có thể đại diện cho trung tâm tim, là luân xa đại diện của trung tâm tim.

e. Obviously the four and the twelve sum to sixteen, but *which* four and *which* twelve?

e. Hiển nhiên bốn và mười hai cộng lại thành mười sáu, nhưng đó là *bốn* nào và *mười hai* nào?

17. The Tetraktys, of course, can mean many things. In its structure, a tenfold constitution of man is indicated. It includes

17. Dĩ nhiên, Tetraktys có thể mang nhiều ý nghĩa. Trong cấu trúc của nó, một hiến pháp thập phân của con người được chỉ ra. Nó bao

all the principles usually associated with man:

a. The first dot: the Monad

b. The two dots in the second row: atma-buddhi

c. The three dots in the third row of the wheel: three minds—abstract mind (manas), Son of Mind (within the causal body) and lower mind

d. The four dots in the fourth row: kama-manas, kama, prana, the etheric body.

18. We can also look at egoic structure as follows:

a. The first dot in the first row of the Tetraktys represents the "Jewel in the Lotus" and the first ray

b. The two dots of the second row of the Tetraktys represent the three synthesis petals produced by buddhic energy (hence the number two)

c. The three dots of the third row of the Tetraktys represent the ninefold structure on the higher mental plane. Often the egoic lotus is referred to as wheel with nine spokes or a nine-petalled lotus.

d. The four dots of the fourth row of the Tetraktys represent the three members of the atomic triangle which precipitate the *fourfold* personality.

19. From another perspective we may be talking about merging the twelve of the heart center with the sixteen of the throat

gồm tất cả các nguyên khí thường gắn với con người:

a. Điểm thứ nhất: chân thần

b. Hai điểm ở hàng thứ hai: atma-buddhi

c. Ba điểm ở hàng thứ ba của bánh xe: ba trí —trí trừu tượng (manas), Con của Trí Tuệ (bên trong thể nguyên nhân) và hạ trí

d. Bốn điểm ở hàng thứ tư: trí-cảm, kama, prana, thể dĩ thái.

18. Chúng ta cũng có thể nhìn cấu trúc chân ngã như sau:

a. Điểm thứ nhất ở hàng thứ nhất của Tetraktys đại diện cho "Bảo Châu trong Hoa Sen" và cung một

b. Hai điểm của hàng thứ hai của Tetraktys đại diện cho ba cánh hoa tổng hợp được tạo ra bởi năng lượng Bồ đề (do đó là số hai)

c. Ba điểm của hàng thứ ba của Tetraktys đại diện cho cấu trúc cửu phân trên Cõi thượng trí. Hoa sen chân ngã thường được gọi là bánh xe có chín nan hoa hay một hoa sen chín cánh.

d. Bốn điểm của hàng thứ tư của Tetraktys đại diện cho ba thành viên của tam giác nguyên tử, những thành viên này ngưng tụ nên phàm ngã *tứ phân*.

19. Từ một góc nhìn khác, có thể chúng ta đang nói về việc hòa nhập mười hai của trung tâm tim với mười sáu của trung tâm

center. This is another way of saying the merging of soul (twelve and the heart) with personality (sixteen and the throat).

20. There may even be a twelveness to be seen in relation to the Monad. The twelfth sign Pisces "I leave the Father's Home and turning back I save", is certainly connected with the Monad. There must necessarily be a connection between the Monad and the major twelve petals of the head center.

21. Another perspective shows that the "Holy Twelve" when added to the Tetraktys (not considering it as a ten but as a four) yield sixteen—the number we have been looking for.

22. There is much more to be said here and pondering will be required to determine *which* twelve and *which* four must be summed to yield the sixteen rays of the egoic lotus.

The Primordial is the Ray and the direct emanation of the first Sacred Four.—S. D., I, 115, 116.

The Sacred Four are:—

Father Spirit. Existence. Unity.

The Son Soul. Love-Wisdom. Duality.

Mother Matter. The trinity.

and their united manifestation making

cổ họng. Đây là một cách khác để nói về sự hòa nhập của linh hồn (mười hai và tim) với phàm ngã (mười sáu và cổ họng).

20. Thậm chí có thể có một tính mười hai phân được thấy trong liên hệ với chân thần. Dấu hiệu hoàng đạo thứ mười hai Song Ngư "Tôi rời Nhà Cha, và khi quay lại, Tôi cứu rỗi.", chắc chắn có liên hệ với chân thần. Tất yếu phải có một mối liên hệ giữa chân thần và mười hai cánh hoa chính của trung tâm đầu.

21. Một góc nhìn khác cho thấy rằng "Mười Hai Thiêng Liêng" khi cộng với Tetraktys (không xét nó như một mười mà như một bốn) sẽ cho ra mười sáu—con số mà chúng ta đang tìm kiếm.

22. Còn nhiều điều hơn nữa cần được nói ở đây, và sẽ cần suy gẫm để xác định *mười hai* nào và *bốn* nào phải được cộng lại để cho ra mười sáu cung của hoa sen chân ngã.

Nguyên Sơ là cung và là phát xạ trực tiếp của Bốn Thiêng Liêng đầu tiên.—S. D., I, 115, 116.

Bốn Thiêng Liêng là:—

Cha Tinh thần. Hiện hữu. Hợp nhất.

Con Linh hồn. Bác Ái – Minh Triết. Nhị nguyên tính.

Mẹ Vật chất. Tam Vị.

và sự biểu hiện hợp nhất của các Ngài tạo thành

The active evolving solar system, the logoic ring-pass-not.

This is the Macrocosm.

23. In this tabulation the Holy Sprit is not differentiated from the “Mother”, “Matter”

24. “Mother” is so often the fourth term.

25. In this case, the fourth is created by summing the first three and considering their unity as another unit.

26. The term “Unity” can be associated with either the second ray and aspect or the first ray and aspect.

27. Unity is oneness, hence its association with the first aspect.

28. Unification is that towards which the second ray and second aspect strive through the Will-to-Unify (the second ray aspect of the will).

29. We are reminded that, for our purposes, the Solar Logos is the Macrocosm.

30. The statement in the text is interesting. The Primordial Ray is, when considering our Solar Logos, the *third ray* expression of Brahma. One of the principal numbers of Brahma is *five.*

31. If we sum the Primordial Ray *and* the “direct emanation of the first Sacred Four” we shall have the requisite *five* of Brahma.

hệ mặt trời hoạt động đang tiến hoá, vòng-giới-hạn logoic.

Đây là Đại thiên địa.

23. Trong bảng liệt kê này, Chúa Thánh Thần không được phân biệt với “Mẹ”, “Vật chất”

24. “Mẹ” rất thường là thuật ngữ thứ tư.

25. Trong trường hợp này, cái thứ tư được tạo ra bằng cách cộng ba cái đầu và xem sự hợp nhất của chúng như một đơn vị khác.

26. Thuật ngữ “Hợp nhất” có thể được liên kết với hoặc cung hai và phương diện thứ hai, hoặc cung một và phương diện thứ nhất.

27. Hợp nhất là nhất thể, do đó có sự liên hệ của nó với phương diện thứ nhất.

28. Sự hợp nhất hóa là điều mà cung hai và phương diện thứ hai hướng đến qua Ý Chí-hợp nhất (phương diện cung hai của ý chí).

29. Chúng ta được nhắc nhở rằng, đối với mục đích của chúng ta, Thái dương Thượng đế là Đại thiên địa.

30. Phát biểu trong văn bản thật thú vị. Cung Nguyên Sơ là, khi xét Thái dương Thượng đế của chúng ta, biểu hiện *cung ba* của Brahma. Một trong những con số chính của Brahma là *năm.*

31. Nếu chúng ta cộng Cung Nguyên Sơ *và* “phát xạ trực tiếp của Bốn Thiêng Liêng đầu tiên” thì chúng ta sẽ có con số *năm* cần thiết của Brahma.

We must now deal with the subject of the causal body on its own plane from the point of view of FIRE.

Giờ đây chúng ta phải bàn đến chủ đề thể nguyên nhân trên chính cõi của nó từ quan điểm của LỬA.

32. This will mean that we are studying the causal body from the perspective of the first aspect.

32. Điều này sẽ có nghĩa là chúng ta đang nghiên cứu thể nguyên nhân từ góc độ của phương diện thứ nhất.

We have studied it briefly from the more ordinary angle, and in materialistic terms, considering it as a vehicle of rarefied substance, **containing within itself the seventh principle of each of the two lower sheaths of the microcosm, and the mental unit.**

Chúng ta đã nghiên cứu nó một cách ngắn gọn từ góc độ thông thường hơn, và theo thuật ngữ duy vật, xem nó như một vận cụ bằng chất liệu được tinh luyện, **chứa trong chính nó nguyên khí thứ bảy của mỗi một trong hai thể thấp của tiểu thiên địa, và đơn vị hạ trí.**

33. The astral and physical permanent atoms are considered the seventh principle respectively of the astral body and the physical body.

33. Nguyên tử trường tồn cảm dục và hồng trần lần lượt được xem là nguyên khí thứ bảy của thể cảm dục và thể xác.

34. It is clear that the mental unit cannot easily be considered the seventh principle of the mental body. This distinction would be reserved to the manasic permanent atom.

34. Rõ ràng là đơn vị hạ trí không thể dễ dàng được xem là nguyên khí thứ bảy của thể trí. Sự phân biệt này sẽ được dành cho nguyên tử trường tồn manas.

35. To study in terms of *substance* is to study in "materialistic terms". To study in terms of *fire* is not.

35. Nghiên cứu theo phương diện *chất liệu* là nghiên cứu theo "thuật ngữ duy vật". Nghiên cứu theo phương diện *lửa* thì không phải vậy.

This latter is that which embodies the first aspect in manifestation, and which is analogous to the first logoic aspect—one that in this solar system does not come to full demonstration.

Phương diện sau này là điều thể hiện phương diện thứ nhất trong sự biểu hiện, và tương tự với phương diện logoic thứ nhất—một phương diện mà trong hệ mặt trời này không đi đến sự biểu lộ trọn vẹn.

36. The mental unit is not a *complete* permanent atom and so signifies (in the realm of *personality* manifestation) the *first* aspect which in this second ray solar system will not come to full demonstration.

36. Đơn vị hạ trí không phải là một nguyên tử trường tồn *hoàn chỉnh* và vì thế biểu thị (trong lĩnh vực biểu hiện của *phàm ngã*) phương diện *thứ nhất* mà trong hệ mặt trời

cung hai này sẽ không đi đến sự biểu lộ trọn vẹn.

37. The general principle to realize is that mind is a conduit for will.

37. Nguyên lý tổng quát cần chứng nghiệm là trí tuệ là một ống dẫn cho ý chí.

I would like to point out here that in studying the solar system as the physical manifestation of a solar Logos, we are investigating:

Tôi muốn chỉ ra ở đây rằng khi nghiên cứu hệ mặt trời như sự biểu hiện hồng trần của một Thái dương Thượng đế, chúng ta đang khảo cứu:

a. The physical permanent atom of a solar Logos as contained within the logoic causal body on its own plane.

a. Nguyên tử trường tồn hồng trần của một Thái dương Thượng đế như được chứa trong thể nguyên nhân logoic trên cõi riêng của Ngài.

38. Although the physical permanent atom of the Solar Logos can be said to be "contained within the logoic causal body" on the higher mental plane, it is composed of substance of the logoic plane, the first cosmic ether.

38. Mặc dù có thể nói rằng nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế được "chứa trong thể nguyên nhân logoic" trên Cõi thượng trí, nó lại được cấu thành bằng chất liệu của cõi logoic, tức dĩ thái vũ trụ thứ nhất.

39. This is analogous to the idea that although the human physical permanent atom is contained within the human causal body on the systemic mental plane, that permanent atom is composed of etheric substance of the systemic atomic etheric plane.

39. Điều này tương tự với ý niệm rằng mặc dù nguyên tử trường tồn hồng trần của con người được chứa trong thể nguyên nhân của con người trên cõi trí của hệ, nguyên tử trường tồn ấy lại được cấu thành bằng chất liệu dĩ thái của cõi dĩ thái nguyên tử hồng trần của hệ.

40. It is the *expanse* of the two types of causal bodies which makes it correct to say at the members of the atomic triangle (if the Solar Logos has a mental unit!) are *contained* within the periphery of the causal body. *Substantially* the material composition of the physical permanent atoms in either case, is not of *causal substance*—i.e., substance of the higher mental plane—either the systemic higher mental plane or the cosmic higher mental plane.

40. Chính *phạm vi* của hai loại thể nguyên nhân khiến cho việc nói rằng các thành viên của tam giác nguyên tử (nếu Thái dương Thượng đế có một đơn vị hạ trí!) được *chứa* trong chu vi của thể nguyên nhân là đúng đắn. *Về mặt chất liệu,* thành phần vật chất của các nguyên tử trường tồn hồng trần trong cả hai trường hợp không phải là *chất liệu nguyên nhân*— tức chất liệu của Cõi thượng trí—dù là Cõi thượng trí của hệ hay Cõi thượng trí vũ trụ.

b. The seven types of force, or the seven logoic spirillae within that permanent atom. **This, if realised, [Page 537] gives a new outlook upon the subject of plane vibration.**

41. We shall find that those states of vibration we call the seven systemic planes are the vibrations of the seven spirillae within the physical permanent atom of the Solar Logos.

42. The same could be said in relation to the astral permanent atom of the Solar Logos and the cosmic astral plane.

43. Since Saturn is a correspondence to the physical permanent atom of the Solar Logos, there must be a strong connection between Saturn and the "seven logoic spirillae".

Uranus and Neptune are reflections of the logoic astral and mental permanent atoms. Saturn is in fact the correspondence to the logoic physical permanent atom. This is an occult mystery and must not be separated from its allied truth in the cosmic scheme. (TCF 406)

c. **The close correspondence between the planes and the seven spirillae in the permanent atom of a solar Logos.**

44. Effort should be made to imagine this.

45. We will have to establish whether the seven systemic planes are only *correspondences* to the seven spirillae in the physical permanent atom of the Solar Logos or whether the seven planes *are* the seven

b. Bảy loại mãnh lực, hay bảy loa tuyến logoic trong nguyên tử trường tồn ấy. **Điều này, nếu được chứng nghiệm, [Page 537]sẽ đem lại một nhãn quan mới về chủ đề rung động của các cõi.**

41. Chúng ta sẽ thấy rằng những trạng thái rung động mà chúng ta gọi là bảy cõi của hệ chính là những rung động của bảy loa tuyến trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế.

42. Điều tương tự cũng có thể được nói liên hệ đến nguyên tử trường tồn cảm dục của Thái dương Thượng đế và cõi cảm dục vũ trụ.

43. Vì Sao Thổ là một tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế, ắt phải có một mối liên hệ mạnh mẽ giữa Sao Thổ và "bảy loa tuyến logoic".

Thiên Vương Tinh và Hải Vương Tinh là những phản chiếu của các nguyên tử trường tồn cảm dục và trí tuệ logoic. Thực ra, Sao Thổ là tương ứng với nguyên tử trường tồn hồng trần logoic. Đây là một huyền bí học nội môn và không được tách rời khỏi chân lý liên hệ của nó trong hệ vũ trụ. (TCF 406)

c. **Sự tương ứng chặt chẽ giữa các cõi và bảy loa tuyến trong nguyên tử trường tồn của một Thái dương Thượng đế.**

44. Cần nỗ lực để hình dung điều này.

45. Chúng ta sẽ phải xác định liệu bảy cõi của hệ chỉ là những *tương ứng* với bảy loa tuyến trong nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế hay liệu bảy cõi *chính là* bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần logoic.

spirillae of the logoic physical permanent atom.

through the medium of the planes which are the correspondences to the seven spirillae of the physical permanent atom of a human being. (TCF 1180)

thông qua trung gian của các cõi là những tương ứng với bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần của một con người. (TCF 1180)

We have touched upon these spirillae and their function very briefly, and can now approach the question of the egoic Ray and the fire of mind from the subjective point of view, or in terms of fire.

Chúng ta đã chạm đến các loa tuyến này và chức năng của chúng rất ngắn gọn, và giờ đây có thể tiếp cận vấn đề cung chân ngã và lửa của trí tuệ từ quan điểm chủ quan, hay theo phương diện lửa.

46. Work in the realm of *fire* is always subjective work.

46. Công việc trong lĩnh vực *lửa* luôn luôn là công việc chủ quan.

47. Fire is God and God is subjectivity.

47. Lửa là Thượng đế và Thượng đế là tính chủ quan.

1. Centres or Wheels of Energy.

1. Các trung tâm hay các bánh xe năng lượng.

a. Centres of force. We shall again reach the clarity of vision desirable if we study the subject of monadic development from the angle of vision of the human unit.

a. Các trung tâm mãnh lực. Chúng ta sẽ lại đạt đến sự sáng tỏ của tầm nhìn đáng mong muốn nếu nghiên cứu chủ đề phát triển chân thần từ góc nhìn của đơn vị nhân loại.

48. We study the microcosm as a practical measure. From there we may be able to generalize meaningfully to larger contexts.

48. Chúng ta nghiên cứu tiểu thiên địa như một biện pháp thực tiễn. Từ đó chúng ta có thể khái quát hóa một cách có ý nghĩa sang những bối cảnh lớn hơn.

It has been taught in many occult text books that man has seven centres of force (or ten, according to some calculations);

Trong nhiều sách giáo khoa huyền bí học đã dạy rằng con người có bảy trung tâm mãnh lực (hoặc mười, theo một số cách tính);

49. The tenfold calculation must be considered carefully as it applies to the number of planetary schemes in a solar system, the number of chains in a planetary scheme and, perhaps, the number of globes in a planetary chain.

49. Cách tính thập phân phải được xem xét cẩn thận vì nó áp dụng cho số lượng các hệ hành tinh trong một hệ mặt trời, số lượng các dãy trong một hệ hành tinh và, có lẽ, số lượng các bầu hành tinh trong một dãy hành tinh.

50. We have also been taught how in a permanent atom, which has ten parts, three superior and seven inferior, the ten may be transformed into a seven by considering the lower three simply as reflections of the higher three.

50. Chúng ta cũng đã được dạy rằng trong một nguyên tử trường tồn, vốn có mười phần, ba phần cao và bảy phần thấp, mười có thể được chuyển thành bảy bằng cách xem ba phần thấp chỉ đơn giản là những phản chiếu của ba phần cao.

that three of these centres are paramount, and eventually **synthesise** the other four, or absorb their force or energy.

rằng ba trong các trung tâm này là tối quan trọng, và cuối cùng **tổng hợp** bốn trung tâm kia, hay hấp thu mãnh lực hoặc năng lượng của chúng.

51. The synthesizing centers have usually been considered the head, heart and throat.

51. Các trung tâm tổng hợp thường được xem là đầu, tim và cổ họng.

52. The three major centers in the head can also, from another perspective, be considered synthesizers.

52. Ba trung tâm chính trong đầu cũng có thể, từ một góc nhìn khác, được xem là những trung tâm tổng hợp.

This produces their eventual **obscuration**, or their passing out of manifestation; they occultly 'die.'

Điều này tạo ra sự **mờ khuất** sau cùng của chúng, hay việc chúng rời khỏi sự biểu hiện; về mặt huyền bí học, chúng "chết".

53. We see that the process of synthesis precedes that of obscuration. This has sometimes been questioned.

53. Chúng ta thấy rằng tiến trình tổng hợp đi trước tiến trình mờ khuất. Điều này đôi khi đã bị nghi vấn.

54. The stage of absorption has also to be factored into this sequence. Shall absorption be considered a part of synthesis, or shall absorption (with its sense of finality) follow obscuration?

54. Giai đoạn hấp thu cũng phải được tính đến trong chuỗi này. Liệu hấp thu nên được xem là một phần của tổng hợp, hay hấp thu (với ý nghĩa chung cuộc của nó) sẽ theo sau sự mờ khuất?

55. The sequence we have been using is: synthesis → obscuration → absorption, but we may not be justified in making these terms utterly distinct.

55. Chuỗi mà chúng ta đã sử dụng là: tổng hợp → mờ khuất → hấp thu, nhưng có lẽ chúng ta không có cơ sở để làm cho các thuật ngữ này hoàn toàn tách biệt.

This is paralleled in the logoic centres, the planetary schemes, which also in due course of time pass into obscuration, and transmit their energy to the major three schemes.

Điều này song hành trong các trung tâm logoic, tức các hệ hành tinh, vốn cũng theo thời gian đi vào sự mờ khuất, và truyền năng lượng của chúng cho ba hệ chính.

56. It would seem that in this transmission following obscuration, we have what we might call absorption.

56. Có vẻ như trong sự truyền đạt này sau khi mờ khuất, chúng ta có điều mà có thể gọi là hấp thu.

57. The major three schemes, as we should well-know by now, are Saturn, Neptune and Uranus, with a double emphasis given to the Saturn-scheme (which can, from one perspective, simply be considered a normal planetary scheme or, in a larger sense, can be considered the entirety of all schemes to be absorbed into the third aspect). The Chart on TCF 373 can help clarify this.

57. Ba hệ chính, như đến nay chúng ta hẳn đã biết rõ, là Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương, với một sự nhấn mạnh kép dành cho hệ Sao Thổ (từ một góc nhìn có thể đơn giản được xem là một hệ hành tinh bình thường hoặc, theo nghĩa rộng hơn, có thể được xem là toàn thể mọi hệ sẽ được hấp thu vào phương diện thứ ba). Biểu đồ ở TCF 373 có thể giúp làm sáng tỏ điều này.

The three main centres in the Microcosm are the Head, the Heart and the Throat.

Ba trung tâm chính trong Tiểu thiên địa là Đầu, Tim và Cổ họng.

1. The Head centre The Monad Will Spirit.

1. Trung tâm đầu Chân thần Ý chí Tinh thần.

2. The Heart centre The Ego Love Consciousness.

2. Trung tâm tim Chân ngã Bác ái Tâm thức.

3. The Throat centre The Personality Activity Matter.

3. Trung tâm cổ họng Phàm ngã Hoạt động Vật chất.

58. We are well familiar with this tabulation.

58. Chúng ta đã rất quen thuộc với bảng liệt kê này.

59. In the disciplic microcosm, the throat is ruled by Saturn, the heart by Jupiter and the head by Vulcan. (cf. EA 517)

59. Trong tiểu thiên địa của đệ tử, cổ họng do Sao Thổ cai quản, tim do Sao Mộc cai quản và đầu do Vulcan cai quản. (xem EA 517)

60. Between the first and third initiation (which should include the stage of discipleship) the head center is ruled by Uranus, and can we say that Neptune ("repository of the 'solar flames' "—TCF

60. Giữa lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ ba (điều này nên bao gồm giai đoạn địa vị đệ tử), trung tâm đầu do Sao Thiên Vương cai quản, và liệu chúng ta có thể nói rằng Sao Hải Vương ("kho chứa của 'các

1154) gains increasing influence over the heart center. Uranus is also prominent at the throat.

ngọn lửa thái dương' "—TCF 1154) ngày càng có ảnh hưởng lớn hơn trên trung tâm tim hay không. Sao Thiên Vương cũng nổi bật tại cổ họng.

a. The throat centre is ruled by Saturn just as the two head centres are ruled respectively by Uranus (ruling the head centre) and Mercury (ruling the ajna centre). This is only where the disciple is concerned; the rulership changes after the third initiation or before the first. (EA 151)

a. Trung tâm cổ họng do Sao Thổ cai quản cũng như hai trung tâm đầu lần lượt do Sao Thiên Vương (cai quản trung tâm đầu) và Sao Thủy (cai quản trung tâm ajna) cai quản. Điều này chỉ đúng khi liên hệ đến đệ tử; sự cai quản thay đổi sau lần điểm đạo thứ ba hoặc trước lần điểm đạo thứ nhất. (EA 151)

It will, therefore, be apparent that just as in man these centres are related to the threefold spiritual man in his total development, so **the three types of centres—microcosmic or macrocosmic—come gradually more and more under the vitalising power of one of the three aspects of the Logos.**

Do đó, sẽ rõ ràng rằng cũng như nơi con người các trung tâm này liên hệ với con người tinh thần tam phân trong toàn bộ sự phát triển của y, thì **ba loại trung tâm—vi mô hay vĩ mô—dần dần ngày càng nằm dưới quyền năng tiếp sinh lực của một trong ba phương diện của Thượng đế.**

61. We have been told that by the time the first initiation is taken, one of the three major centers comes into greater prominence depending upon the monadic ray of the microcosm (as the monadic ray has much to do with chakra dynamics).

61. Chúng ta đã được cho biết rằng vào lúc lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận, một trong ba trung tâm chính trở nên nổi bật hơn tùy theo cung chân thần của tiểu thiên địa (vì cung chân thần có liên hệ nhiều đến động lực học luân xa).

This is effected definitely at the first Initiation when the polarisation becomes fixed in one or other of the three higher centres,—which centre being dependent upon a man's ray. (TCF 124)

Điều này được thực hiện một cách xác định vào lần điểm đạo thứ nhất khi sự phân cực trở nên cố định trong một hay trung tâm cao hơn khác trong ba trung tâm,—trung tâm nào tùy thuộc vào cung của một người. (TCF 124)

62. If the monadic ray is the third, the throat center will receive extra vitalization; it the second ray, then the heart center; if the first ray, then the head center.

62. Nếu cung chân thần là cung ba, trung tâm cổ họng sẽ nhận được sự tiếp sinh lực bổ sung; nếu là cung hai, thì trung tâm tim; nếu là cung một, thì trung tâm đầu.

These centres are recognised also as focal points of active force, manifesting to the

Các trung tâm này cũng được nhận biết như những tiêu điểm của mãnh lực hoạt động,

vision [Page 538] of the clairvoyant as fiery wheels or the flaming petals of a lotus.

63. The wheel and the lotus are two ways which in which the Solar Angel appears to the candidate passing through the first four initiation ceremonies. An angelic appearance is also conferred, we are told.

64. It is important to realize that the petals are as "flaming petals". The chakras are manifestations of different fires.

65. From a deeper perspective, substance is fire and not material.

b. The causal body... monadic heart centre.

66. Because the causal body is the monadic *heart* center, the number twelve must be prominently associated with it. All heart centers with which we are familiar are twelvefold.

67. Viewing the causal body as twelvefold can be accomplished if the "Jewel in the Lotus" which represents the first aspect and the three units in the atomic triangle representing the third aspect are eliminated.

68. Twelve petals would remain and petals always emphasize the second aspect.

In studying the egoic body it should be remembered that the causal body is the correspondence in the monadic manifestation to the heart centre. It is a

biểu hiện trước linh thị [Page 538] của nhà thông nhãn như những bánh xe lửa hay những cánh hoa rực lửa của một hoa sen.

63. Bánh xe và hoa sen là hai cách mà Thái dương Thiên Thần xuất hiện trước ứng viên đang trải qua bốn nghi lễ điểm đạo đầu tiên. Chúng ta cũng được cho biết rằng một sắc tướng thiên thần cũng được ban cho.

64. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng các cánh hoa là những cánh hoa "rực lửa". Các luân xa là những biểu hiện của các loại lửa khác nhau.

65. Từ một góc nhìn sâu hơn, chất liệu là lửa chứ không phải vật chất.

b. Thể nguyên nhân... trung tâm tim chân thần.

66. Bởi vì thể nguyên nhân là trung tâm *tim* của chân thần, con số mười hai phải được liên kết nổi bật với nó. Mọi trung tâm tim mà chúng ta quen thuộc đều là thập nhị phân.

67. Việc xem thể nguyên nhân là thập nhị phân có thể thực hiện được nếu "Ngọc trong Hoa Sen", vốn biểu thị phương diện thứ nhất, và ba đơn vị trong tam giác nguyên tử biểu thị phương diện thứ ba, được loại bỏ.

68. Khi ấy sẽ còn lại mười hai cánh hoa, và các cánh hoa luôn nhấn mạnh phương diện thứ hai.

Khi nghiên cứu thể chân ngã, cần nhớ rằng thể nguyên nhân là sự tương ứng trong biểu hiện chân thần với trung tâm tim. Nó là một bánh xe lửa rực cháy trong noãn hào quang chân thần,

flaming wheel of fire within the monadic auric egg,

69. Again, the causal body is within the *periphery* of the monadic auric egg, but is not co-substantial (of the same substance) as the monadic auric egg.

69. Một lần nữa, thể nguyên nhân nằm trong *chu vi* của noãn hào quang chân thần, nhưng không đồng chất liệu (cùng một chất liệu) với noãn hào quang chân thần.

70. In gaining some clear idea about the 'anatomy' of man's inner vehicles, location of a factor within another factor may not depend upon the co-substantiality of the first factor with the second. The members of the atomic triangle are located 'within' the causal body but are not co-substantial with any part of it; the causal body is located 'within' the monadic auric egg but is not co-substantial with it.

70. Khi đạt được một ý niệm rõ ràng nào đó về "giải phẫu học" của các vận cụ bên trong của con người, vị trí của một yếu tố bên trong một yếu tố khác có thể không tùy thuộc vào sự đồng chất liệu của yếu tố thứ nhất với yếu tố thứ hai. Các thành viên của tam giác nguyên tử nằm "trong" thể nguyên nhân nhưng không đồng chất liệu với bất kỳ phần nào của nó; thể nguyên nhân nằm "trong" noãn hào quang chân thần nhưng không đồng chất liệu với nó.

which embraces the five planes of monadic manifestation;

vốn bao trùm năm cõi của biểu hiện chân thần;

71. The five planes of monadic manifestation are the atmic, buddhic, manasic, astral and etheric-physical.

71. Năm cõi của biểu hiện chân thần là cõi atma, cõi Bồ đề, cõi manas, cõi cảm dục và cõi dĩ thái-hồng trần.

72. The monadic auric egg includes within its periphery the sheaths to be found all the five brahmic planes, including the buddhic and atmic sheaths as they become organized or coordinated.

72. Noãn hào quang chân thần bao gồm trong chu vi của nó các thể được tìm thấy trên cả năm cõi brahmic, kể cả các thể Bồ đề và atma khi chúng trở nên được tổ chức hay phối hợp.

73. On the surface this text statement seems straightforward, but there could be problems associated with it. Much depends on how we read the previous two sections of text.

73. Trên bề mặt, phát biểu này của bản văn có vẻ thẳng thắn, nhưng có thể có những vấn đề gắn liền với nó. Nhiều điều tùy thuộc vào cách chúng ta đọc hai phần văn bản trước đó.

74. We can easily fathom that the monadic auric egg would embrace the five planes of monadic manifestation.

74. Chúng ta có thể dễ dàng hiểu rằng noãn hào quang chân thần sẽ bao trùm năm cõi của biểu hiện chân thần.

75. It would be much more difficult to justify that the causal body would embrace these five planes, which could be one interpretation (not the best, really)

75. Sẽ khó biện minh hơn nhiều nếu cho rằng thể nguyên nhân bao trùm năm cõi này, điều có thể là một cách diễn giải (thực ra không phải cách tốt nhất)

76. Atmic substance and buddhic substance are *not* co-substantial with the higher manasic matter out of which the causal body is composed. So in what matter could the causal body *embrace* the five planes of the monadic plane?

76. Chất liệu atma và chất liệu Bồ đề *không* đồng chất liệu với vật chất manas cao mà từ đó thể nguyên nhân được cấu thành. Vậy thì trong loại vật chất nào thể nguyên nhân có thể *bao trùm* năm cõi của cõi chân thần?

77. Perhaps we can say that the *force* of atma and buddhi makes its way into the causal body via the petals of the causal body. As we can see from Chart VIII, TCF 817, atma influences the three sacrifice petals and buddhi the three love petals. Probably each of them influences one of the synthesizing petals as well.

77. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng *mãnh lực* của atma và Bồ đề đi vào thể nguyên nhân qua các cánh hoa của thể nguyên nhân. Như chúng ta có thể thấy từ Biểu đồ VIII, TCF 817, atma ảnh hưởng đến ba cánh hoa hi sinh và Bồ đề ảnh hưởng đến ba cánh hoa bác ái. Có lẽ mỗi loại cũng ảnh hưởng đến một trong các cánh hoa tổng hợp.

78. We have sometimes seen within the causal periphery a triangle representing atma, buddhi and manas. Certainly the *energy* of the spiritual triad is playing through or translated into the egoic lotus.

78. Đôi khi chúng ta đã thấy trong chu vi nhân thể một tam giác biểu thị atma, Bồ đề và manas. Chắc chắn *năng lượng* của Tam Nguyên Tinh Thần đang vận hành xuyên qua hay được chuyển dịch vào Hoa Sen Chân Ngã.

79. From this perspective, then, it would be possible to say that the causal body *embraces* or *encompasses,* (if not the five planes of monadic manifestation, then,) at least three of the brahmic planes (etheric physical, astral and mental planes) and two additional energies pertaining to the two highest planes of monadic manifestation.

79. Từ góc nhìn này, khi ấy có thể nói rằng thể nguyên nhân *bao trùm* hay *bao gồm,* (nếu không phải năm cõi của biểu hiện chân thần, thì) ít nhất ba cõi brahmic (cõi dĩ thái hồng trần, cõi cảm dục và cõi trí) và hai năng lượng bổ sung thuộc về hai cõi cao nhất của biểu hiện chân thần.

80. The preferred reading, however, is that it is the monadic auric egg embraces the five planes of monadic manifestation.

80. Tuy nhiên, cách đọc được ưa chuộng hơn là chính noãn hào quang chân thần bao trùm năm cõi của biểu hiện chân thần.

it is also seen as the twelve-petalled Lotus.

nó cũng được thấy như Hoa sen mười hai cánh.

81. This is the way it is most frequently depicted and preserves its heart-center association.

81. Đây là cách nó được mô tả thường xuyên nhất và bảo tồn sự liên hệ của nó với trung tâm tim.

Of these twelve petals, the innermost three are unrevealed, or are embryonic, and hence **the causal body is frequently considered as a nine-petalled Lotus**, or as a wheel of fire with only nine spokes or whorls.

Trong mười hai cánh hoa này, ba cánh trong cùng chưa được hiển lộ, hay còn ở trạng thái phôi thai, và vì thế **thể nguyên nhân thường được xem là một Hoa sen chín cánh**, hay như một bánh xe lửa chỉ có chín nan hay chín vòng xoáy.

82. This is a good explanation and suggests how the lotus can be considered *both* twelvefold and ninefold.

82. Đây là một lời giải thích tốt và gợi ra cách mà hoa sen có thể được xem là *vừa* thập nhị phân vừa cửu phân.

83. The innermost three petals are no longer embryonic for one who has begun to tread the Path of Planetary Initiation

83. Ba cánh hoa trong cùng không còn ở trạng thái phôi thai đối với người đã bắt đầu bước trên Con Đường Điểm Đạo Hành Tinh

This is essentially true as regards the evolutionary process, but when a man has succeeded in awakening or unfolding the nine petals, or in arousing the fire of the nine spokes or whorls (which is practically consummated at the three major Initiations) **the inner three are revealed.**

Điều này về căn bản là đúng đối với tiến trình tiến hoá, nhưng khi một người đã thành công trong việc đánh thức hay khai mở chín cánh hoa, hay trong việc khơi dậy lửa của chín nan hay chín vòng xoáy (điều này thực tế được hoàn tất vào ba lần Điểm Đạo chính) **thì ba cánh bên trong được hiển lộ.**

84. The majority of the evolutionary process involves nine petals, spokes or whorls.

84. Phần lớn tiến trình tiến hoá liên quan đến chín cánh hoa, chín nan hay chín vòng xoáy.

85. DK tells us that the unfoldment of the nine is "practically consummated at the three major initiations". Does this mean that the unfoldment of all the nine is *completely* consummated by the time the third initiation is taken or *almost* so? It would seem that some small degree of unfoldment of the last tier of the nine remains to be

85. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng sự khai mở của chín cánh là "thực tế được hoàn tất vào ba lần điểm đạo chính". Điều này có nghĩa là sự khai mở của cả chín cánh được hoàn tất *hoàn toàn* vào lúc lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận hay chỉ *gần như* vậy? Có vẻ như một mức độ khai mở nhỏ nào đó của tầng cuối cùng trong chín cánh vẫn còn phải

accomplished between the third and fourth initiations.

86. The inner three petals are called synthesis petals and when they are in process of unfoldment, the consciousness of the initiate is in process of achieving a relatively complete synthesis (at least in terms of the human kingdom) in knowledge, love and power. The many items of knowledge he has experienced through his long evolutionary journey are being synthesized into what we might call 'knowledge of wisdom'; the many loves are being synthesized into the love of the divine; the many skills, faculties or powers are being synthesized into a great adequacy when facing the normal conditions of human living and his ability to wield spiritual will is becoming 'consummate'—at least with respect to his development within the fourth kingdom (which is rapidly leaving behind).

They respond to the monadic vibration, to the aspect of pure Spirit;

87. Since the greatest stimulation of these synthesizing petals occurs at and between the third and fourth initiations, it is reasonable to think of them as stimulated by and responsive to monadic vibration which becomes conscious and focal at and following the third initiation.

88. Chart VIII (TCF 817) shows a line of monadic power descending to stimulate the "Jewel in the Lotus" and probably, as well, the three synthesizing petals which are drawn around the central jewel.

được hoàn thành giữa lần điểm đạo thứ ba và lần điểm đạo thứ tư.

86. Ba cánh hoa bên trong được gọi là các cánh hoa tổng hợp, và khi chúng đang trong tiến trình khai mở, tâm thức của điểm đạo đồ đang trong tiến trình đạt đến một sự tổng hợp tương đối hoàn chỉnh (ít nhất theo phương diện giới nhân loại) về tri thức, bác ái và quyền năng. Nhiều hạng mục tri thức mà y đã kinh nghiệm qua cuộc hành trình tiến hoá lâu dài của mình đang được tổng hợp thành điều mà chúng ta có thể gọi là 'tri thức của minh triết'; nhiều tình thương đang được tổng hợp thành tình thương của thiêng liêng; nhiều kỹ năng, năng lực hay quyền năng đang được tổng hợp thành một sự đầy đủ lớn lao khi đối diện với những điều kiện bình thường của đời sống con người, và khả năng vận dụng ý chí tinh thần của y đang trở nên 'viên mãn'—ít nhất là đối với sự phát triển của y trong giới thứ tư (mà y đang nhanh chóng bỏ lại phía sau).

Chúng đáp ứng với rung động chân thần, với phương diện của Tinh thần thuần túy;

87. Vì sự kích thích lớn nhất của các cánh hoa tổng hợp này xảy ra tại và giữa lần điểm đạo thứ ba và lần điểm đạo thứ tư, thật hợp lý khi nghĩ về chúng như được kích thích bởi và đáp ứng với rung động chân thần, vốn trở nên hữu thức và có tiêu điểm tại và sau lần điểm đạo thứ ba.

88. Biểu đồ VIII (TCF 817) cho thấy một đường quyền năng chân thần giáng xuống để kích thích "Ngọc trong Hoa Sen" và có lẽ cả ba cánh hoa tổng hợp được vẽ quanh viên ngọc trung tâm.

89. Mỗi một trong ba cánh hoa tổng hợp có thể được quan niệm là tương quan với một

89. Each of the three synthesizing petals can be conceived as correlated to one of the aspects of the spiritual triad.

trong các phương diện của Tam Nguyên Tinh Thần.

90. The three inner petals as a whole arose as a result of buddhic stimulation. (cf. TCF 709)

90. Ba cánh hoa bên trong như một toàn thể đã phát sinh như kết quả của sự kích thích Bồ đề. (xem TCF 709)

91. The "Jewel in the Lotus" would seem to be directly responsive to the Monad and to atma as the principle of man closest in nature to the monadic nature.

91. "Ngọc trong Hoa Sen" dường như đáp ứng trực tiếp với Chân thần và với atma như nguyên khí của con người gần nhất về bản chất với bản chất chân thần.

it is the stimulation or revelation of these inner petals, by the One Initiator **at the third and fourth Initiations** which brings about the final conflagration and the blazing up of the causal body with the subsequent liberation of the central positive Life or Fire.

chính là sự kích thích hay mặc khải của các cánh hoa bên trong này, bởi Đấng Điểm đạo Duy Nhất **vào lần điểm đạo thứ ba và thứ tư**, mang lại cuộc bùng cháy cuối cùng và sự bốc cháy rực rỡ của thể nguyên nhân cùng với sự giải thoát tiếp theo của Sự sống hay Lửa dương tính trung tâm.

92. We are, we will recognize, speaking of the alchemical liberation of the "central positive Life or Fire".

92. Chúng ta, như sẽ nhận ra, đang nói về sự giải phóng theo thuật luyện kim của "Sự sống hay Lửa dương tính trung tâm".

93. Between the third and fourth initiation the Jewel is revealed, and it is the opening of the synthesizing petals that reveals the Jewel. As the Jewel is progressively revealed its power is unleashed in the act of destroying the causal body.

93. Giữa lần điểm đạo thứ ba và lần điểm đạo thứ tư, Ngọc được hiển lộ, và chính sự mở ra của các cánh hoa tổng hợp làm hiển lộ Ngọc. Khi Ngọc dần dần được hiển lộ, quyền năng của nó được giải phóng trong hành động hủy diệt thể nguyên nhân.

94. The causal body is destroyed in a number of ways and from different agencies. Among them are:

94. Thể nguyên nhân bị hủy diệt theo nhiều cách và từ những tác nhân khác nhau. Trong số đó có:

a. From the touch of the Rod of the Initiator

a. Từ sự chạm của Thần Trượng Điểm đạo của Đấng Điểm đạo

b. From triadal and monadic impulse

b. Từ xung động tam nguyên tinh thần và chân thần

c. From 'below' as a result of the intensely heated activity of the atomic triangle

c. Từ "bên dưới" như kết quả của hoạt động nung nóng mãnh liệt của tam giác nguyên tử

95. The stage of synthesis (achieved from the time of the third to the fourth initiation) signals impending destruction.

95. Giai đoạn tổng hợp (đạt được từ lần điểm đạo thứ ba đến lần điểm đạo thứ tư) báo hiệu sự hủy diệt sắp đến.

96. We realize that the Christ as Initiator is not so much involved with the stimulation of these central petals; this is the task of Sanat Kumara as the One Initiator.

96. Chúng ta nhận ra rằng Đức Christ với tư cách Đấng Điểm đạo không can dự nhiều đến sự kích thích các cánh hoa trung tâm này; đây là nhiệm vụ của Đức Sanat Kumara với tư cách Đấng Điểm đạo Duy Nhất.

2. The Twelve-Petalled Egoic Lotus

2. Hoa Sen Chân Ngã Mười Hai Cánh

Solar Fire is dual. It is the fire of matter or substance and the fire of mind blended.

Lửa Thái dương là nhị nguyên. Nó là lửa của vật chất hay chất liệu và lửa của trí tuệ được hòa trộn.

97. This is an interesting statement. Very often solar fire is simply called the fire of mind.

97. Đây là một phát biểu thú vị. Rất thường khi lửa thái dương đơn giản được gọi là lửa của trí tuệ.

98. When we speak here of "matter or substance", we have to decide whether the lower substances are involved (i.e., the substance-fires of the personality) *or only the matter/substance-fires of the higher mental plane.*

98. Khi ở đây chúng ta nói về "vật chất hay chất liệu", chúng ta phải quyết định liệu các chất liệu thấp có được bao hàm hay không (tức các lửa chất liệu của phàm ngã) *hay chỉ các lửa vật chất/chất liệu của Cõi thượng trí.*

99. It does not seem accurate to consider the matter/substance of the planes of personality when considering solar fire, so we discuss the fires of matter/substance primarily in relation to the higher mental plane.

99. Có vẻ không chính xác khi xét đến vật chất/chất liệu của các cõi của phàm ngã khi xem xét lửa thái dương, vì vậy chúng ta bàn đến các lửa của vật chất/chất liệu chủ yếu trong liên hệ với Cõi thượng trí.

100. Solar fire, however, is also, we have earlier established, active on the triadal levels and so the "substance" there found

100. Tuy nhiên, như trước đây chúng ta đã xác lập, lửa thái dương cũng hoạt động trên các cấp độ tam nguyên tinh thần, và vì vậy

will also be involved in the expression of solar fire.

“chất liệu” được tìm thấy ở đó cũng sẽ được bao hàm trong sự biểu lộ của lửa thái dương.

Man demonstrates as electric fire on the second plane, or the second cosmic ether; **as solar fire on the third, fourth and the three higher subplanes of the fifth plane,** and as fire by friction on the lower subplanes of the fifth, on the sixth, and seventh planes. (TCF 521-522)

Con người biểu lộ như Lửa Điện trên cõi thứ hai, hay dĩ thái vũ trụ thứ hai; **như Lửa Thái dương trên cõi thứ ba, thứ tư và ba cõi phụ cao hơn của cõi thứ năm,** và như Lửa ma sát trên các cõi phụ thấp hơn của cõi thứ năm, trên cõi thứ sáu và thứ bảy. (TCF 521-522)

101. We do not have to address this complication in this context.

101. Chúng ta không cần đề cập đến sự phức tạp này trong bối cảnh hiện tại.

This makes man the six-pointed Star of Light, for each of these fires is triple.

Điều này làm cho con người trở thành Ngôi Sao Ánh Sáng sáu cánh, vì mỗi một trong các lửa này đều là tam phân.

102. DK is telling us that the fire of mind is triple and that the fire of matter/substance is also triple. The two together make the *dual* solar fire.

102. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng lửa của trí tuệ là tam phân và lửa của vật chất/chất liệu cũng là tam phân. Hai loại cùng nhau tạo thành lửa thái dương *nhị nguyên*.

103. From one perspective, it is the three fires of matter/substance (fire by friction considered as a triple fire) and the three fires called “the fire of mind” which make the Star of Light.

103. Từ một góc nhìn, chính ba lửa của vật chất/chất liệu (Lửa ma sát được xem như một lửa tam phân) và ba lửa được gọi là “lửa của trí tuệ” tạo nên Ngôi Sao Ánh Sáng.

104. There are number of ways to render the fires of matter/substance into a triplicity. We will try to keep things simple by focusing on the higher mental plane and stating that the three fires of matter/substance here discussed are related to the three higher sub-planes of the mental plane.

104. Có nhiều cách để diễn đạt các lửa của vật chất/chất liệu thành một bộ ba. Chúng ta sẽ cố giữ cho mọi việc đơn giản bằng cách tập trung vào Cõi thượng trí và nói rằng ba lửa của vật chất/chất liệu đang được bàn đến ở đây liên hệ với ba cõi phụ cao hơn của cõi trí.

105. We will also affirm that the fires of matter/substance (even matter/substance of the higher mental plane) are not the same as the fires of mind.

105. Chúng ta cũng sẽ khẳng định rằng các lửa của vật chất/chất liệu (ngay cả vật chất/chất liệu của Cõi thượng trí) không giống với các lửa của trí tuệ.

106. The fires of matter/substance and of mind can also be seen as both dual and triple.

106. Các lửa của vật chất/chất liệu và của trí tuệ cũng có thể được xem là vừa nhị phân vừa tam phân.

107. In fact, we must say of both these kinds of fires—i.e., of matter/substance and of mind

107. Thực ra, chúng ta phải nói về cả hai loại lửa này—tức của vật chất/chất liệu và của trí tuệ

a. They are unitary

a. Chúng là nhất nguyên

b. They express through duality

b. Chúng biểu lộ qua nhị nguyên tính

c. They express through triplicity

c. Chúng biểu lộ qua bộ ba

108. Generally, probably one of the best ways to view the fires of matter/substance as triple is as follows:

108. Nói chung, có lẽ một trong những cách tốt nhất để nhìn các lửa của vật chất/chất liệu như là tam phân là như sau:

The internal fires of the system, of the planet, and of man are threefold:

Các lửa nội tại của hệ thống, của hành tinh, và của con người là tam phân:

1. Interior fire at the centre of the sphere, those inner furnaces which produce warmth. This is latent fire.

1. Lửa bên trong tại trung tâm của khối cầu, những lò lửa bên trong tạo ra hơi ấm. Đây là lửa tiềm tàng.

2. Radiatory fire. This type of fire might be expressed in terms of physical plane electricity, of light rays, and of etheric energy. This is active fire.

2. Lửa bức xạ. Loại lửa này có thể được diễn tả theo điện năng cõi hồng trần, các tia sáng, và năng lượng dĩ thái. Đây là lửa hoạt động.

3. Essential fire, or the fire elementals who are themselves the essence of fire. They are mainly divided into two groups:

3. Lửa bản chất, hay các hành khí của lửa vốn chính là tinh túy của lửa. Chúng chủ yếu được chia thành hai nhóm:

a. Fire devas or evolutionary entities.

a. Các thiên thần lửa hay các thực thể thăng thượng tiến hoá.

b. Fire elementals or involutionary entities. (TCF 52)

b. Các hành khí của lửa hay các thực thể giáng hạ tiến hoá. (TCF 52)

109. This threefold division of fire is usually used in relation to the eighteen lower sub-planes—the planes of the personality.

109. Sự phân chia tam phân này của lửa thường được dùng trong liên hệ với mười tám cõi phụ thấp—các cõi của phàm ngã.

110. If we try to apply the triple division to the three levels of the higher mental plane, then interior fire would be analogically associated with the third sub-plane, radiatory fire with the second and essential fire with the first.

110. Nếu chúng ta cố áp dụng sự phân chia tam phân vào ba cấp độ của Cõi thượng trí, thì theo phép tương đồng, lửa bên trong sẽ được liên kết với cõi phụ thứ ba, lửa bức xạ với cõi phụ thứ hai và lửa bản chất với cõi phụ thứ nhất.

111. It sounds as if solar fire (described above as a *dual* fire) is formed by the triple fires of mind each blending with one of the *three fires of higher mental substance.*

111. Có vẻ như Lửa Thái dương (được mô tả ở trên như một lửa *kép*) được hình thành bởi các lửa tam phân của trí tuệ, mỗi lửa hòa trộn với một trong *ba lửa của chất liệu thượng trí.*

112. The six-pointed star is a very generic figure in occultism and can be formed in many ways; blending substance and mental fire is one.

112. Ngôi sao sáu cánh là một hình tượng rất tổng quát trong huyền bí học và có thể được tạo thành theo nhiều cách; sự hòa trộn chất liệu và lửa trí tuệ là một trong số đó.

113. When we read all this, we can only agree with the Tibetan when He states:

113. Khi đọc tất cả điều này, chúng ta chỉ có thể đồng ý với Chân sư Tây Tạng khi Ngài phát biểu:

It is, therefore, obvious that this matter of fire is as complex as that of the rays. (TCF 59)

Vì vậy, hiển nhiên là vấn đề lửa này cũng phức tạp như vấn đề các cung. (TCF 59)

The fire of mind is **also** in essence dual, bringing in another triplicity, thus making the nine.

Lửa của trí tuệ **cũng** về bản chất là kép, đưa vào một bộ ba khác, do đó tạo thành chín.

114. If the fire of mind is essentially dual, then each member of this duality can be divided into a triplicity.

114. Nếu lửa của trí tuệ về bản chất là kép, thì mỗi thành phần của nhị nguyên tính này có thể được chia thành một bộ ba.

115. Examining the fire demonstration on the higher mental plane we would have:

115. Khi khảo sát sự biểu hiện của lửa trên Cõi thượng trí, chúng ta sẽ có:

a. The threefold fire of substance/matter relating to the three sub-planes of the higher mental plane

a. Lửa tam phân của chất liệu/vật chất liên hệ với ba cõi phụ của Cõi thượng trí

b. The threefold fire of *one* division of the fire of mind

b. Lửa tam phân của *một* phân bộ của lửa trí tuệ

c. The threefold division of the *other* division of the fire of mind

c. Sự phân chia tam phân của *phân bộ* kia của lửa trí tuệ

116. How shall we understand the duality of the fire of mind?

116. Chúng ta phải hiểu nhị nguyên tính của lửa trí tuệ như thế nào?

117. One easy way is to think of the fire of concrete mind and the fire of higher mind.

117. Một cách dễ dàng là nghĩ đến lửa của trí cụ thể và lửa của thượng trí.

118. But when dealing with solar fire, we are thinking of fire upon the higher mental plane and not of the elemental fires of concrete mind, so our division of the fire of mind into a duality must occur in relation to the higher mental plane.

118. Nhưng khi bàn đến Lửa Thái dương, chúng ta đang nghĩ đến lửa trên Cõi thượng trí chứ không phải các lửa hành khí của trí cụ thể, nên sự phân chia lửa trí tuệ thành một nhị nguyên tính phải xảy ra trong liên hệ với Cõi thượng trí.

119. If we concentrate upon developments upon the higher mental plane and seek to divide the fire of mind there found into a duality, we can have:

119. Nếu chúng ta tập trung vào các phát triển trên Cõi thượng trí và tìm cách chia lửa trí tuệ được tìm thấy ở đó thành một nhị nguyên tính, chúng ta có thể có:

a. The fire which animates the normal nine petals of the egoic lotus

a. Lửa làm sinh động chín cánh hoa bình thường của Hoa Sen Chân Ngã

b. The fire which animates the "Jewel in the Lotus" and the three inner petals of the egoic lotus

b. Lửa làm sinh động “Ngọc trong Hoa Sen” và ba cánh hoa bên trong của Hoa Sen Chân Ngã

120. It would appear that each member of the triplicity of fires which animate the three tiers of petals of the egoic lotus is further divisible into a triplicity, because each tier of the egoic lotus has *three* petals.

120. Có vẻ như mỗi thành phần trong bộ ba các lửa làm sinh động ba tầng cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã còn có thể chia tiếp thành một bộ ba, bởi vì mỗi tầng của Hoa Sen Chân Ngã có *ba* cánh hoa.

121. We have to remember that even though the inner petals are buddhically derived and the "Jewel in the Lotus" is monadically (and probably atmically) derived—these energy structures are, *nevertheless* found upon the higher mental plane, and, thus, are necessarily related to the energy of the higher mental plane. In this case, it is probably the manasic permanent atom which is that particular energy of the higher mental plane which is related to the *inner structure* of the egoic lotus.

121. Chúng ta phải nhớ rằng mặc dù các cánh hoa bên trong có nguồn gốc Bồ đề và "Ngọc trong Hoa Sen" có nguồn gốc chân thần (và có lẽ là atma)—những cấu trúc năng lượng này *tuy nhiên* vẫn được tìm thấy trên Cõi thượng trí, và do đó tất yếu có liên hệ với năng lượng của Cõi thượng trí. Trong trường hợp này, có lẽ chính nguyên tử trường tồn manas là năng lượng đặc thù ấy của Cõi thượng trí có liên hệ với *cấu trúc bên trong* của Hoa Sen Chân Ngã.

122. We can begin to wonder about the 'substantial positioning' of the "Jewel in the Lotus" and the inner or synthesis petals. Are they *ever* located on the third and second sub-planes of the higher mental plane, or are they always to be found upon the first sub-plane even when the other aspects of the egoic lotus may be focussed on the third sub-plane or second sub-plane.

122. Chúng ta có thể bắt đầu tự hỏi về "vị trí theo chất liệu" của "Ngọc trong Hoa Sen" và các cánh hoa bên trong hay cánh hoa tổng hợp. Liệu chúng có *bao giờ* nằm trên cõi phụ thứ ba và thứ hai của Cõi thượng trí hay không, hay chúng luôn luôn được tìm thấy trên cõi phụ thứ nhất ngay cả khi các phương diện khác của Hoa Sen Chân Ngã có thể được tập trung trên cõi phụ thứ ba hoặc cõi phụ thứ hai.

123. We can see how much intricacy there is in these considerations and how little of a truly technical nature is known.

123. Chúng ta có thể thấy có biết bao nhiêu sự phức tạp trong những xem xét này và biết ít đến mức nào về bản chất thực sự kỹ thuật của chúng.

124. Confining ourselves to the higher mental plane in this discussion of the fires of the egoic lotus, we can suppose (whether correctly or incorrectly remains to be seen) that the essential dualism of the fire of mind mentioned in the section of text above refers to a fire focussed in relation to the third and second sub-planes of the higher mental plane and another fire focused in relation to the first sub-plane.

124. Giới hạn mình trong Cõi thượng trí trong cuộc thảo luận này về các lửa của Hoa Sen Chân Ngã, chúng ta có thể giả định (đúng hay sai còn phải chờ xem) rằng tính nhị nguyên cốt yếu của lửa trí tuệ được nhắc đến trong đoạn văn trên ám chỉ một lửa được tập trung trong liên hệ với cõi phụ thứ ba và thứ hai của Cõi thượng trí, và một lửa khác được tập trung trong liên hệ với cõi phụ thứ nhất.

125. The mental fire focussed in relation to the third and second sub-planes is

125. Lửa trí tuệ được tập trung trong liên hệ với cõi phụ thứ ba và thứ hai là

a. First triple, because it has to animate three tiers of petals of the egoic lotus

a. Trước hết là tam phân, vì nó phải làm sinh động ba tầng cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã

b. And then, ninefold, because each of the tiers is triple

b. Và rồi là cửu phân, vì mỗi tầng là tam phân

126. The higher of the divisions of that portion of the fire of mind confined to the higher mental plane, is the division we will associate with the manasic permanent atom and all that that point of force animates. This fire is, in a way, the representative of the threefold fire of the triad. Since the spiritual triad is expressing within the 'World of Brahma', its three fires are, in a way, mental or manasic.

126. Phân bộ cao hơn của phần lửa trí tuệ bị giới hạn trong Cõi thượng trí là phân bộ mà chúng ta sẽ liên kết với nguyên tử trường tồn manas và tất cả những gì điểm mãnh lực ấy làm sinh động. Theo một cách nào đó, lửa này là đại diện của lửa tam phân của Tam Nguyên Tinh Thần. Vì Tam Nguyên Tinh Thần đang biểu lộ trong 'Thế giới của Brahma', nên ba lửa của nó, theo một nghĩa nào đó, là trí tuệ hay manas.

127. This whole question of divisions and sub-divisions into dualities and triplicities is not easy to understand. It would be easy to gloss over the inherent difficulties in these first few sentences on "The Twelve-Petalled Egoic Lotus", but we must not allow ourselves to do so.

127. Toàn bộ vấn đề này về các phân chia và phân chia phụ thành các nhị nguyên tính và bộ ba không dễ hiểu. Sẽ rất dễ lướt qua những khó khăn cố hữu trong vài câu đầu tiên này về "Hoa Sen Chân Ngã Mười Hai Cánh", nhưng chúng ta không được cho phép mình làm như vậy.

128. Triplicities evolve out of dualities. One member of an original duality divides again, and thus a triplicity is formed.

128. Các bộ ba tiến hoá ra từ các nhị nguyên tính. Một thành phần của một nhị nguyên tính nguyên thủy lại phân chia lần nữa, và như thế một bộ ba được hình thành.

129. From a psychological point of view this method of division can be seen in relation to how from the second type of second ray soul, a third type is created through subdivision, yielding, in all, *three* major subtypes of second ray soul. (cf. DINA II 518)

129. Từ quan điểm tâm lý học, phương pháp phân chia này có thể được thấy trong liên hệ với cách mà từ loại linh hồn cung hai thứ hai, một loại thứ ba được tạo ra qua sự phân chia phụ, tạo ra tổng cộng *ba* phân loại phụ chính của linh hồn cung hai. (x. DINA II 518)

When a man has awakened the nine fires, and has unfolded the nine petals,

Khi con người đã đánh thức chín lửa, và đã khai mở chín cánh hoa,

130. If we tabulate the nine fires (at least according to the present hypothesis) we will have:

a. Three fires of matter/substance relating to the matter/substance of the three highest sub-planes of the mental plane

b. A type of mental fire (in three and nine divisions) which animates the three tiers and nine petals of the egoic lotus

c. A higher type of mental fire which is associated with the three synthesis petals (and, in some manner difficult to determine) with the "Jewel in the Lotus".

131. If we remember that solar fire expresses through the spiritual triad as well as through the higher mental plane, we can relate the three higher mental fires connected with the manasic permanent atom to the spiritual triad. Atma, buddhi and manas are *all manasic*! They express in the 'World of Brahma' and Brahma is *manas* —from the perspective of the greater Logoi.

a. Atma expresses on the third systemic plane and is thus a blend of mind and will

b. Buddhi is called "transcendental mind"

c. The fire associated with the manasic permanent atom is obviously manasic

130. Nếu chúng ta lập bảng chín lửa (ít nhất theo giả thuyết hiện tại), chúng ta sẽ có:

a. Ba lửa của vật chất/chất liệu liên hệ với vật chất/chất liệu của ba cõi phụ cao nhất của cõi trí

b. Một loại lửa trí tuệ (trong ba và chín phân bộ) làm sinh động ba tầng và chín cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã

c. Một loại lửa trí tuệ cao hơn có liên hệ với ba cánh hoa tổng hợp (và, theo một cách nào đó khó xác định, với "Ngọc trong Hoa Sen").

131. Nếu chúng ta nhớ rằng Lửa Thái dương biểu lộ qua Tam Nguyên Tinh Thần cũng như qua Cõi thượng trí, chúng ta có thể liên hệ ba lửa thượng trí cao hơn gắn với nguyên tử trường tồn manas với Tam Nguyên Tinh Thần. Atma, Bồ đề và manas đều *là manas*! Chúng biểu lộ trong 'Thế giới của Brahma' và Brahma là *manas*—từ quan điểm của các Thượng đế lớn hơn.

a. Atma biểu lộ trên cõi hệ thống thứ ba và do đó là một sự hòa trộn của trí tuệ và ý chí

b. Bồ đề được gọi là "trí tuệ siêu việt"

c. Lửa gắn với nguyên tử trường tồn manas hiển nhiên là manas

132. We should be cautious in realizing that the nine fires (which have been discussed) do not have a one-to-one correspondence with each of the nine petals, but that the interplay of these nine fires (three fires each divided into three) ensures that the nine petals will be opened.

132. Chúng ta nên thận trọng khi chứng nghiệm rằng chín lửa (đã được bàn đến) không có sự tương ứng một-một với từng cánh hoa trong chín cánh hoa, mà chính sự tương tác của chín lửa này (ba lửa, mỗi lửa chia thành ba) bảo đảm rằng chín cánh hoa sẽ được mở ra.

and when he has received the stimulus which is imparted at initiation, through being brought into *conscious* contact **with the electric spark of his own particular Heavenly Man,** they all blend and merge.

và khi y đã nhận được sự kích thích được truyền đạt vào lúc điểm đạo, qua việc được đưa vào tiếp xúc *hữu thức* **với tia lửa điện của chính Đấng Thiên Nhân riêng biệt của y,** tất cả chúng đều hòa trộn và hợp nhất.

133. The human Monad is an electric spark of a particular Heavenly Man.

133. Chân thần con người là một tia lửa điện của một Đấng Thiên Nhân riêng biệt nào đó.

134. In one way we are speaking of the Heavenly Man of the Earth-scheme, but in another, each Monad may be *particularly* related to one of the other Heavenly Men—a Heavenly Man Who expresses through a different planetary scheme.

134. Theo một cách, chúng ta đang nói về Đấng Thiên Nhân của hệ hành tinh Địa Cầu, nhưng theo một cách khác, mỗi chân thần có thể *đặc biệt* có liên hệ với một trong các Đấng Thiên Nhân khác—một Đấng Thiên Nhân biểu lộ qua một hệ hành tinh khác.

135. Because the manasic permanent atom is the highest structure to be found upon the mental plane, it will be analogically related to the Monad (considering the Monad as the highest of the three aspects of man's constitution).

135. Bởi vì nguyên tử trường tồn manas là cấu trúc cao nhất được tìm thấy trên cõi trí, nên theo phép tương đồng nó sẽ có liên hệ với chân thần (xét chân thần như là phương diện cao nhất trong ba phương diện của cấu tạo con người).

136. One analogy would be as follows: Monad, soul and personality correspond respectively to manasic permanent atom, the fires which animate the nine petals of the egoic lotus, and, then, the mental unit.

136. Một sự tương đồng sẽ như sau: chân thần, linh hồn và phàm ngã lần lượt tương ứng với nguyên tử trường tồn manas, các lửa làm sinh động chín cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã, và rồi đơn vị hạ trí.

137. We are being told that at the third initiation the initiate is brought into conscious contact with the electric spark of his own particular Heavenly Man.

137. Chúng ta được cho biết rằng vào lần điểm đạo thứ ba, điểm đạo đồ được đưa vào tiếp xúc hữu thức với tia lửa điện của chính Đấng Thiên Nhân riêng biệt của y.

138. The third initiation, therefore, is one in which electric fire is definitely involved. Some references tell us that the third initiation is taken on the ray of the Monad.

138. Vì vậy, lần điểm đạo thứ ba là một lần điểm đạo trong đó Lửa Điện chắc chắn có liên quan. Một số trích dẫn cho chúng ta biết rằng lần điểm đạo thứ ba được thực hiện trên cung của chân thần.

139. At the moment of climax (in this case the third degree) there is a blending and merging of nine fires, with the energy of the “electric spark” via the "Jewel in the Lotus"—though not the entirety of that energy, for still more is released at the fourth initiation.

139. Vào thời điểm cao trào (trong trường hợp này là bậc thứ ba) có một sự hòa trộn và hợp nhất của chín lửa, với năng lượng của “tia lửa điện” qua “Ngọc trong Hoa Sen”—dù không phải toàn bộ năng lượng ấy, vì còn nhiều hơn nữa được giải phóng ở lần điểm đạo thứ tư.

140. In this respect, the third initiation is characterized by the number *ten.* To the degree that the energy of the three synthesizing petals are involved in the fusion of the nine-fires of the egoic lotus at the third initiation, such energy is considered one with the energy of the "Jewel in the Lotus" through which the energy of the “electric spark of his own particular Heavenly Man” reaches the initiate.

140. Về phương diện này, lần điểm đạo thứ ba được đặc trưng bởi con số *mười.* Trong chừng mực năng lượng của ba cánh hoa tổng hợp có liên quan đến sự dung hợp của chín lửa của Hoa Sen Chân Ngã ở lần điểm đạo thứ ba, năng lượng ấy được xem là một với năng lượng của “Ngọc trong Hoa Sen”, qua đó năng lượng của “tia lửa điện của chính Đấng Thiên Nhân riêng biệt của y” đến với điểm đạo đồ.

141. The number *ten* is appropriate in the context of the third initiation, considering that the *tenth* sign, Capricorn, is the sign archetypally associated with the third initiation.

141. Con số *mười* là thích hợp trong bối cảnh của lần điểm đạo thứ ba, xét rằng dấu hiệu hoàng đạo *thứ mười*, Ma Kết, là dấu hiệu được liên kết nguyên mẫu với lần điểm đạo thứ ba.

142. Another enumeration of ten can be conceived in relation to the fourth initiation:

142. Một cách liệt kê khác thành mười có thể được hình dung trong liên hệ với lần điểm đạo thứ tư:

a. The destruction of the *three* members of the atomic triangle

a. Sự hủy diệt của *ba* thành phần của tam giác nguyên tử

b. The destruction of the *three* tiers of petals (each of them threefold)

b. Sự hủy diệt của *ba* tầng cánh hoa (mỗi tầng đều tam phân)

c. The destruction of the *three* inner or synthesis petals

c. Sự hủy diệt của *ba* cánh hoa bên trong hay cánh hoa tổng hợp

d. The destruction or translation of the *one* "Jewel in the Lotus"

d. Sự hủy diệt hay chuyển dịch của *một* "Ngọc trong Hoa Sen"

143. It would seem that the *manasic* aspect of the "electric spark" (of the Monad) reaches the third degree initiate (via the "Jewel in the Lotus"), and the aspect related to *love-wisdom* at the fourth degree.

143. Có vẻ như phương diện *manas* của "tia lửa điện" (của chân thần) đến với điểm đạo đồ bậc ba (qua "Ngọc trong Hoa Sen"), và phương diện liên hệ với *Bác Ái – Minh Triết* đến ở bậc bốn.

The [Page 539] inner three [petals] which complete the twelve, and which are concerned with the final, and essentially spiritual stages, of his evolution, are really related more intimately to the evolution of the Heavenly Man,

Ba [Page 539] [petals] bên trong hoàn tất số mười hai, và có liên hệ với các giai đoạn cuối cùng, và về bản chất là tinh thần, trong tiến hoá của y, thực sự có liên hệ mật thiết hơn với sự tiến hoá của Đấng Thiên Nhân,

144. That which is "spiritual" pertains to the *spiritual* triad. In the initiation process, the initiations which specifically pertain to the focal influence spiritual triad begin at the third.

144. Điều được gọi là "tinh thần" thuộc về Tam Nguyên Tinh Thần. Trong tiến trình điểm đạo, các lần điểm đạo đặc biệt thuộc về ảnh hưởng tiêu điểm của Tam Nguyên Tinh Thần bắt đầu từ lần thứ ba.

145. Once the third initiation is reached one has entered more consciously, more intimately, into the evolution of the Heavenly Man.

145. Một khi lần điểm đạo thứ ba đạt được, người ta đã đi vào một cách hữu thức hơn, mật thiết hơn, trong sự tiến hoá của Đấng Thiên Nhân.

and are connected with the stimulus which He receives Himself in contacting the logoic electric spark, or the pure Spirit aspect of the Logos.

và được nối kết với sự kích thích mà chính Ngài nhận được khi tiếp xúc với tia lửa điện logoic, hay phương diện Tinh thần thuần túy của Logos.

146. When the term "Logos" is used here, it suggests the *Solar* Logos.

146. Khi thuật ngữ "Logos" được dùng ở đây, nó gợi ý *Thái dương* Thượng đế.

147. We have a parallel process. The human being when reaching the third initiation contacts the "electric spark" of his own particular Heavenly Man, and when the

147. Chúng ta có một tiến trình song hành. Con người khi đạt đến lần điểm đạo thứ ba tiếp xúc với "tia lửa điện" của chính Đấng Thiên Nhân riêng biệt của mình, và khi các

synthesis petals of the man are stimulated it reflects the stimulation which the Heavenly Man receives from contacting the Spirit aspect or "electric spark" of the Solar Logos.

cánh hoa tổng hợp của con người được kích thích thì điều đó phản ánh sự kích thích mà Đấng Thiên Nhân nhận được từ việc tiếp xúc với phương diện Tinh thần hay "tia lửa điện" của Thái dương Thượng đế.

148. We could question to what degree different Heavenly Men contact the Spirit aspect of the Logos, as some of them are not even cosmic initiates of the second degree, but apparently it does happen.

148. Chúng ta có thể đặt câu hỏi các Đấng Thiên Nhân khác nhau tiếp xúc với phương diện Tinh thần của Logos đến mức nào, vì một số trong Các Ngài thậm chí còn chưa là điểm đạo đồ vũ trụ bậc hai, nhưng hiển nhiên điều đó vẫn xảy ra.

It should here be noted that this ninefold development is hinted at *in the Secret Doctrine* in the various places where H. P. B. deals with the Kumaras[77] or the Heavenly Men, of Whom the microcosm is a reflection.

Cần lưu ý rằng sự phát triển cửu phân này được gợi ý *trong Giáo Lý Bí Nhiệm* ở nhiều chỗ khác nhau nơi H. P. B. bàn đến các Kumara77 hay các Đấng Thiên Nhân, mà tiểu thiên địa là một phản ánh của Các Ngài.

149. The term "Heavenly Men" can mean many things. Here the Kumaras are called "Heavenly Men". If They are the systemic Kumaras, one can understand this, for the systemic Kumaras are Planetary Logoi. There are also intra-planetary Kumaras, and perhaps They are to be called Heavenly Men as well.

149. Thuật ngữ "các Đấng Thiên Nhân" có thể mang nhiều nghĩa. Ở đây các Kumara được gọi là "các Đấng Thiên Nhân". Nếu Các Ngài là các Kumara hệ thống, người ta có thể hiểu điều này, vì các Kumara hệ thống là các Hành Tinh Thượng Đế. Cũng có các Kumara nội hành tinh, và có lẽ Các Ngài cũng phải được gọi là các Đấng Thiên Nhân.

150. In any case, we can say that the microcosm, man, is a reflection of a Heavenly Man. Perhaps it is even more true to say that the microcosm is a reflection of the Solar Logos.

150. Dù sao đi nữa, chúng ta có thể nói rằng tiểu thiên địa, con người, là một phản ánh của một Đấng Thiên Nhân. Có lẽ còn đúng hơn khi nói rằng tiểu thiên địa là một phản ánh của Thái dương Thượng đế.

She calls Them the Lords of Knowledge, the Lords of Love and the Lords of Sacrifice.

Bà gọi Các Ngài là các Đấng Chúa Tể của Tri Thức, các Đấng Chúa Tể của Bác Ái và các Đấng Chúa Tể của Hi Sinh.

151. It appears that the Heavenly Men considered as Kumaras (according to HPB) come in three categories: Lords of Knowledge, Love and Sacrifice.

151. Có vẻ như các Đấng Thiên Nhân được xét như các Kumara (theo HPB) thuộc ba loại: các Đấng Chúa Tể của Tri Thức, Bác Ái và Hi Sinh.

152. The categorization may well depend upon not only on Their rays, but on the degree of unfoldment of the tiers of their egoic lotus. Some of these Lords are more "sacred" than others. Their degree of spiritual maturity and of unfoldment is unequal.

152. Sự phân loại này rất có thể không chỉ tùy thuộc vào các cung của Các Ngài, mà còn vào mức độ khai mở của các tầng trong Hoa Sen Chân Ngã của Các Ngài. Một số các Đấng Chúa Tể này "thiêng liêng" hơn những vị khác. Mức độ trưởng thành tinh thần và khai mở của Các Ngài không đồng đều.

Each of Them is a nine-petalled Lotus in the logoic body.

Mỗi Vị trong Các Ngài là một Hoa sen chín cánh trong thể logoic.

153. As in the case of man, perhaps they are nine-petalled from one perspective and twelve-petalled from a more advanced perspective.

153. Cũng như trong trường hợp con người, có lẽ từ một góc nhìn chúng là chín cánh, và từ một góc nhìn tiến bộ hơn chúng là mười hai cánh.

154. We have another issue which surfaces. In the human being each chakra has a different number of petals. The Planetary Logoi (as Kumaras) are chakras within the energy system of the Solar Logos. Here it would seem that they each can be represented as a nine-petalled lotus and perhaps a twelve-petalled lotus. Why do each of Them not have a distinctive number of petals? Or *do* They, when viewed from a different perspective?

154. Chúng ta có một vấn đề khác nổi lên. Trong con người, mỗi luân xa có một số cánh hoa khác nhau. Các Hành Tinh Thượng Đế (với tư cách các Kumara) là các luân xa trong hệ thống năng lượng của Thái dương Thượng đế. Ở đây có vẻ như mỗi Vị có thể được biểu hiện như một hoa sen chín cánh và có lẽ là một hoa sen mười hai cánh. Tại sao mỗi Vị lại không có một số cánh hoa đặc thù? Hay *có*, khi được nhìn từ một góc nhìn khác?

155. Perhaps we can solve this question by thinking of Their causal nature as numerically uniform (consisting of nine, three and one), even though the numbers of petals in Their Chakras (found upon the cosmic ethers, as well as upon that part of the cosmic astral and cosmic mental planes which accord with the cosmic ethers) may vary.

155. Có lẽ chúng ta có thể giải quyết câu hỏi này bằng cách nghĩ đến bản chất nguyên nhân của Các Ngài như đồng nhất về mặt số lượng (gồm chín, ba và một), mặc dù số cánh hoa trong các Luân xa của Các Ngài (được tìm thấy trên các dĩ thái vũ trụ, cũng như trên phần của cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ tương ứng với các dĩ thái vũ trụ) có thể thay đổi.

156. In any case, we seem to be given a hint concerning the structure of the egoic lotuses of the Planetary Logoi.

156. Dù sao đi nữa, dường như chúng ta được trao cho một gợi ý liên quan đến cấu trúc của các Hoa Sen Chân Ngã của các Hành Tinh Thượng Đế.

They are the flaming Wheels,

157. The "Wheel" is the other way of viewing chakras. So these great Kumaras are lotuses, wheels and (may it be said?) Angels —in fact "Archangels".

158. It is important to realize that not only are Planetary Logoi called "Heavenly *Men*", but, according to HPB, They are Angels (Archangels) as well.

159. The causal body of man upon the higher mental plane can also be seen as a lotus, a wheel and an Angel (in this case the Solar Angel). (cf. IHS 115-116)

160. It is as if the Solar Angel associated with a human being is a reflection of a Heavenly Man (Who is an Archangel). But, perhaps, it is in their *soul nature* that the Planetary Logoi are Archangels.

161. We can infer that just as there are great Solar Angels associated with the causal bodies of the Solar Logos, so this must be the case in relation to the causal bodies of the Planetary Logoi.

162. Along this line of thought, we do know that Solar Angels (in groups) endeavor to become Heavenly Men.

and in Their various names, as found in the Secret Doctrine, may be discovered the clue to the mystery.

Chúng là các Bánh Xe rực lửa,

157. "Bánh Xe" là cách khác để nhìn các luân xa. Vì vậy các Kumara vĩ đại này là các hoa sen, các bánh xe và (có thể nói chăng?) các Thiên Thần—thực ra là "Tổng Thiên Thần".

158. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng không chỉ các Hành Tinh Thượng Đế được gọi là "các Đấng Thiên *Nhân*", mà theo HPB, Các Ngài còn là các Thiên Thần (Tổng Thiên Thần) nữa.

159. Thể nguyên nhân của con người trên Cõi thượng trí cũng có thể được xem như một hoa sen, một bánh xe và một Thiên Thần (trong trường hợp này là Thái dương Thiên Thần). (x. IHS 115-116)

160. Dường như Thái dương Thiên Thần gắn với một con người là một phản ánh của một Đấng Thiên Nhân (Đấng là một Tổng Thiên Thần). Nhưng có lẽ chính trong *bản chất linh hồn* của Các Ngài mà các Hành Tinh Thượng Đế là các Tổng Thiên Thần.

161. Chúng ta có thể suy ra rằng cũng như có những Thái dương Thiên Thần vĩ đại gắn với các thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế, thì điều này hẳn cũng đúng trong liên hệ với các thể nguyên nhân của các Hành Tinh Thượng Đế.

162. Theo đường lối tư tưởng này, chúng ta biết rằng các Thái dương Thiên Thần (theo nhóm) nỗ lực trở thành các Đấng Thiên Nhân.

và trong các danh xưng khác nhau của Các Ngài, như được tìm thấy trong Giáo Lý Bí Nhiệm, có thể khám phá ra đầu mối cho huyền nhiệm.

163. Of what “names” are we speaking? Here are a number of them which should reveal some “clue to the mystery”.

1. The seven Rays,

2. The seven Spirits before the Throne,

3. The seven planetary Logoi,

4. The seven great Lords,

5. The seven Aeons,

6. The seven Emanations,

7. The seven Prajapatis, (LOS 268)

a. The seven planetary Logoi or Spirits.

b. The Prajapatis.

c. The seven Lords of the Rays.

d. The Dhyan Chohans.

e. The seven Spirits before the Throne.

f. The seven Archangels.

g. The seven Logoi.

h. The seven Builders. (TCF 233, note)

The Divine Manasaputras

"The Manasaputras, the Prajapatis, the Kumaras, the Primordial Seven, the Rudras,

163. Chúng ta đang nói đến những “danh xưng” nào? Dưới đây là một số danh xưng trong đó hẳn sẽ bộc lộ một vài “đầu mối cho huyền nhiệm”.

1. Bảy cung,

2. Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai,

3. Bảy Hành Tinh Thượng Đế,

4. Bảy Đấng Chúa Tể vĩ đại,

5. Bảy Aeon,

6. Bảy Xuất lộ,

7. Bảy Prajapati, (LOS 268)

a. Bảy Hành Tinh Thượng Đế hay các Thánh Linh.

b. Các Prajapati.

c. Bảy Đấng Chúa Tể của các cung.

d. Các Dhyan Chohan.

e. Bảy Thánh Linh trước Thánh Ngai.

f. Bảy Tổng Thiên Thần.

g. Bảy Thượng đế.

h. Bảy đấng kiến tạo. (TCF 233, note)

Các Manasaputra Thiêng liêng

“Các Manasaputra, các Prajapati, các Kumara, Bảy Đấng Nguyên Sơ, các Rudra, các

the Heavenly Men, the Rishis, the Spirits before the Throne. (TCF 270)

Đấng Thiên Nhân, các Rishi, các Thánh Linh trước Thánh Ngai. (TCF 270)

164. Sometimes They are said to be seven, but sometimes ten. They are also called the Rishis. (cf. TCF 743)

164. Đôi khi Các Ngài được nói là bảy, nhưng đôi khi là mười. Các Ngài cũng được gọi là các Rishi. (x. TCF 743)

165. With so many names given to the Heavenly Men, a number of valuable hints regarding Their nature can be gathered.

165. Với rất nhiều danh xưng được trao cho các Đấng Thiên Nhân, có thể thu thập được một số gợi ý quý giá liên quan đến bản chất của Các Ngài.

Let us realise this clearly, nevertheless, as regards the microcosm, and later extend the idea to the Heavenly Men.

Tuy nhiên, chúng ta hãy chứng nghiệm điều này một cách rõ ràng đối với tiểu thiên địa trước, rồi sau đó mở rộng ý tưởng ấy đến các Đấng Thiên Nhân.

166. That which is now stated pertains to man, the microcosm.

166. Điều hiện đang được phát biểu liên quan đến con người, tiểu thiên địa.

Let us picture the nine-petalled egoic lotus, the heart centre in the monadic consciousness,

Hãy hình dung Hoa Sen Chân Ngã chín cánh, trung tâm tim trong tâm thức chân thần,

167. DK speaks of the egoic lotus as a nine-petalled lotus, even though it is a *heart* center in the monadic consciousness. Behind this thought, as previously stated, is that fact that it is also, more essentially, a twelve-petalled lotus.

167. Chân sư DK nói về Hoa Sen Chân Ngã như một hoa sen chín cánh, mặc dù nó là một trung tâm *tim* trong tâm thức chân thần. Đằng sau tư tưởng này, như đã nói trước đây, là sự kiện rằng về bản chất hơn, nó cũng là một hoa sen mười hai cánh.

unfolding each of its petals in groups of three **upon the three subplanes of the higher mental.**

khai mở từng cánh hoa của nó thành các nhóm ba **trên ba cõi phụ của cõi thượng trí.**

168. This statement is one to which we have carefully to attend. Usually, it is conceived that the causal body is located *only* on subplanes three and two of the higher mental plane. But here the unfoldment of the petals seems to occur on *all* three subplanes.

168. Đây là một phát biểu mà chúng ta phải hết sức chú ý. Thông thường, người ta quan niệm rằng thể nguyên nhân *chỉ* nằm trên cõi phụ thứ ba và thứ hai của Cõi thượng trí. Nhưng ở đây sự khai mở của các cánh hoa dường như xảy ra trên *cả* ba cõi phụ.

169. It is hard to imagine *when* this would occur, as there is reason to believe that so advanced an initiation as the fourth is taken with the causal body *still* upon the second sub-plane.

169. Thật khó hình dung *khi nào* điều này sẽ xảy ra, vì có lý do để tin rằng một lần điểm đạo cao như lần thứ tư được thực hiện khi thể nguyên nhân *vẫn* còn ở trên cõi phụ thứ hai.

170. The following makes this clear:

170. Điều sau đây làm rõ điều này:

The causal body of the average man is **on** the third subplane, and as a man becomes fit for the merging into the Triad, that causal body has to be discarded and done away with. **Under the Law of Sacrifice and Death, the disintegration is begun on the third level and is consummated on the second, when the man merges with the Triad,** preparatory to the final merging with the Monad. (TCF 581-582)

Thể nguyên nhân của người trung bình **ở** cõi phụ thứ ba, và khi một người trở nên thích hợp để hòa nhập vào Tam nguyên tinh thần, thể nguyên nhân ấy phải bị loại bỏ và tiêu tan. **Dưới Định luật Hi Sinh và Chết, sự tan rã bắt đầu trên cấp độ thứ ba và được hoàn tất trên cấp độ thứ hai, khi con người hòa nhập với Tam nguyên tinh thần,** để chuẩn bị cho sự hòa nhập cuối cùng với chân thần. (TCF 581-582)

171. We may recall a question posed a little earlier in this commentary: "Might the synthesis petals of the egoic lotus and the 'Jewel in the Lotus' be 'located' on the highest mental sub-plane regardless of where the rest of the causal body was focussed"?

171. Chúng ta có thể nhớ lại một câu hỏi được nêu ra sớm hơn một chút trong phần bình giải này: "Liệu các cánh hoa tổng hợp của Hoa Sen Chân Ngã và 'Ngọc trong Hoa Sen' có thể được 'định vị' trên cõi phụ trí tuệ cao nhất bất kể phần còn lại của thể nguyên nhân được tập trung ở đâu chăng"?

172. This may not be as strange as it seems when we think of the fact that the chakras in the human etheric system are located on different etheric sub-planes. Four chakras on the lowest ether, the throat center on the super-etheric, the heart chakra on the sub-atomic and the head chakra on the atomic etheric level. Yet they are all part of the *same* chakra system and they all work together simultaneously even though expressing through different etheric levels.

172. Điều này có thể không lạ như có vẻ khi chúng ta nghĩ đến sự kiện rằng các luân xa trong hệ dĩ thái của con người được định vị trên các cõi phụ dĩ thái khác nhau. Bốn luân xa trên dĩ thái thấp nhất, trung tâm cổ họng trên siêu dĩ thái, luân xa tim trên cõi phụ nguyên tử và luân xa đầu trên cấp độ dĩ thái nguyên tử. Tuy vậy, tất cả chúng đều là một phần của *cùng một* hệ thống luân xa và tất cả cùng hoạt động đồng thời mặc dù biểu lộ qua các cấp độ dĩ thái khác nhau.

173. Analogously, various parts of the egoic lotus could be focussed on different sub-planes of the higher mental plane and,

173. Theo phép tương đồng, các phần khác nhau của Hoa Sen Chân Ngã có thể được tập trung trên các cõi phụ khác nhau của Cõi

nevertheless, still be part of the *same* egoic lotus system.

174. So we are asking, “are *all* parts of the causal body/egoic lotus always focussed together on the *same* sub-plane of the higher mental plane?”, or “are there parts of the causal body (the synthesis petals and "Jewel in the Lotus", for instance) which may be focussed, for instance, on the highest of the sub-planes of the higher mental plane while other parts (the knowledge petals, for instance) may be focussed simultaneously on the lowest of the three sub-planes of the higher mental plane”?

175. This brings us to a very fundamental question: “What does it really mean that a causal body is focussed on one sub-plane or another?”

Their unfoldment [i.e., the unfoldment of the petals] is worked out through the evolutionary process, undergone on the three planes in the three worlds, or within the three Halls of Ignorance, of Learning, and of Wisdom.

176. We are speaking of a very gradual unfoldment.

177. We might say that the Hall of Ignorance is associated with the tier of knowledge petals; the Hall of Learning with the love petals; and the Hall of Wisdom with the sacrifice petals.

178. Of course, there is some degree of overlap, nor is experience within the Hall of Wisdom *consummated* when all the nine petals are unfolded. We might say that a Master is still very much in the Hall of

thượng trí và, tuy nhiên, vẫn là một phần của *cùng một* hệ thống Hoa Sen Chân Ngã.

174. Vì vậy, chúng ta đang hỏi, “phải chăng *mọi* phần của thể nguyên nhân/Hoa Sen Chân Ngã luôn luôn được tập trung cùng nhau trên *cùng một* cõi phụ của Cõi thượng trí?”, hay “có những phần của thể nguyên nhân (chẳng hạn như các cánh hoa tổng hợp và ‘Ngọc trong Hoa Sen’) có thể được tập trung, chẳng hạn, trên cõi phụ cao nhất của Cõi thượng trí trong khi những phần khác (chẳng hạn như các cánh hoa tri thức) đồng thời có thể được tập trung trên cõi phụ thấp nhất trong ba cõi phụ của Cõi thượng trí hay không”?

175. Điều này đưa chúng ta đến một câu hỏi rất căn bản: “Thực sự có nghĩa là gì khi nói một thể nguyên nhân được tập trung trên cõi phụ này hay cõi phụ khác?”

Sự khai mở của chúng [tức là, sự khai mở của các cánh hoa] được thực hiện qua tiến trình tiến hoá, diễn ra trên ba cõi trong ba cõi thấp, hay trong ba Phòng Vô Minh, Phòng Hiểu Biết và Phòng Minh triết.

176. Chúng ta đang nói đến một sự khai mở hết sức tiệm tiến.

177. Chúng ta có thể nói rằng Phòng Vô Minh gắn liền với tầng các cánh hoa tri thức; Phòng Hiểu Biết gắn liền với các cánh hoa bác ái; và Phòng Minh triết gắn liền với các cánh hoa hi sinh.

178. Dĩ nhiên, có một mức độ chồng lấn nào đó, và kinh nghiệm trong Phòng Minh triết cũng chưa *viên mãn* khi cả chín cánh hoa đều đã khai mở. Chúng ta có thể nói rằng một Chân sư vẫn còn rất nhiều ở trong Phòng

Wisdom and a Master has dropped (or 'translated') the energy of causal body and its petals.

Minh triết, và một Chân sư đã buông bỏ (hay 'chuyển dịch') năng lượng của thể nguyên nhân và các cánh hoa của nó.

179. The following material will be linked with that found from TCF 820-823. Taken together we will have much information on the meaning of the petals in the egoic lotus and their process of unfoldment.

179. Tài liệu sau đây sẽ được liên kết với phần tìm thấy trong Luận về Lửa Vũ Trụ 820-823. Gộp lại, chúng ta sẽ có nhiều thông tin về ý nghĩa của các cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã và tiến trình khai mở của chúng.

180. For now quite a bit of rayological and astrological information will be given along with information touching on psychological processes.

180. Hiện giờ, khá nhiều thông tin về cung học và chiêm tinh học sẽ được trình bày cùng với thông tin liên quan đến các tiến trình tâm lý học.

a. First Group of Petals—Knowledge Petals:

a. Nhóm Cánh Hoa Thứ Nhất—Các Cánh Hoa Tri Thức:

1. The Petal of Knowledge for the physical plane.

1. Cánh Hoa Tri Thức cho cõi hồng trần.

181. This can be viewed as the first petal in the knowledge tier.

181. Có thể xem đây là cánh hoa thứ nhất trong tầng tri thức.

182. Since there are twelve petals the twelve signs of the zodiac are naturally related to them.

182. Vì có mười hai cánh hoa nên mười hai dấu hiệu hoàng đạo tự nhiên có liên hệ với chúng.

183. We can associate this petal with the astrological sign Aries or possibly with Pisces (if we choose to use the method of travelling clockwise through the zodiac.

183. Chúng ta có thể liên kết cánh hoa này với dấu hiệu chiêm tinh Aries hoặc có thể với Pisces (nếu chúng ta chọn dùng phương pháp di chuyển theo chiều kim đồng hồ qua vòng hoàng đạo).

184. Much can be learned by choosing Pisces ("Go forth into matter") as the first petal, but it is preferable to choose Aries because the clockwise method of proceeding would not correlate optimally with those petals involved in the initiation process (presumably after the "reversal of the wheel". The anti-clockwise method of

184. Có thể học được nhiều điều khi chọn Pisces ("Hãy đi vào vật chất") làm cánh hoa thứ nhất, nhưng tốt hơn nên chọn Aries vì phương pháp tiến hành theo chiều kim đồng hồ sẽ không tương ứng tối ưu với những cánh hoa liên quan đến tiến trình điểm đạo (có lẽ là sau "sự đảo ngược bánh xe"). Phương pháp tiến triển ngược chiều kim đồng hồ

progression is truly progressive and leading to the initiation process.

mới thực sự là tiến bộ và dẫn đến tiến trình điểm đạo.

185. Laying the zodiac out on the petals can work for either assignment (beginning counter-clockwise with Aries or clock-wise with Pisces) as there are advanced and more primitive ways of interpreting all signs. The interpretation related to primitive response to the zodiacal energies can be used in relation to the earlier petals and the more advanced modes of interpreting the zodiacal energies to the later petals.

185. Việc đặt vòng hoàng đạo lên các cánh hoa có thể hiệu quả với cả hai cách gán (bắt đầu ngược chiều kim đồng hồ với Aries hoặc theo chiều kim đồng hồ với Pisces), vì có những cách diễn giải cao hơn và nguyên sơ hơn đối với mọi dấu hiệu. Cách diễn giải liên hệ với sự đáp ứng nguyên sơ đối với các năng lượng hoàng đạo có thể được dùng cho các cánh hoa đầu, còn những phương thức diễn giải cao hơn về các năng lượng hoàng đạo thì dành cho các cánh hoa sau.

186. It is also possible to start with Aries, and move counter-clockwise as DK seem to be in His *Esoteric Astrology* book.

186. Cũng có thể bắt đầu với Aries, rồi di chuyển ngược chiều kim đồng hồ như Chân sư DK dường như đã làm trong sách *Chiêm Tinh Học Nội Môn* của Ngài.

187. When different signs are assigned to various petals much is learned about the potential of the petals.

187. Khi các dấu hiệu khác nhau được gán cho những cánh hoa khác nhau, người ta học được nhiều điều về tiềm năng của các cánh hoa.

188. This first petal of the knowledge tier of petals represents the third subdivision or aspect of the third aspect. It is the most deeply material petal.

188. Cánh hoa đầu tiên này của tầng cánh hoa tri thức tượng trưng cho phân bộ thứ ba hay phương diện thứ ba của phương diện thứ ba. Đây là cánh hoa vật chất sâu đậm nhất.

Through the breaking of the Law and the ensuing suffering the price of ignorance is paid and knowledge is achieved.

Qua việc phá vỡ Định luật và nỗi đau khổ tiếp theo, cái giá của vô minh được trả và tri thức đạt được.

189. Zodiacally, the breaking of the Law comes under Aries (in which the planet of law, Saturn, falls) and the ensuing suffering under the sign Pisces. We can begin either way.

189. Về mặt hoàng đạo, việc phá vỡ Định luật thuộc về Aries (trong đó hành tinh của định luật là Saturn bị suy yếu) và nỗi đau khổ tiếp theo thuộc về dấu hiệu Pisces. Chúng ta có thể bắt đầu theo cách nào cũng được.

190. The earliest human experiences are lived under this petal. The mantrams “Go forth into matter”, and “Let form again be sought” are both apt.

190. Những kinh nghiệm sớm nhất của con người được sống dưới cánh hoa này. Hai mantram “Hãy đi vào vật chất”, và “Hãy lại tìm kiếm hình tướng” đều thích hợp.

191. It is also possible to assign the different elements to the three tiers of petals. Earth signs could be assigned to the knowledge tier; water signs to the love tier; fire signs to the sacrifice tier; and air signs to the synthesis tier (remembering that this inner tier was produced by buddhic energy and that the element of “air” is associated with the buddhic plane.

191. Cũng có thể gán các nguyên tố khác nhau cho ba tầng cánh hoa. Các dấu hiệu hành thổ có thể được gán cho tầng tri thức; các dấu hiệu hành thủy cho tầng bác ái; các dấu hiệu hành hỏa cho tầng hi sinh; và các dấu hiệu hành khí cho tầng tổng hợp (ghi nhớ rằng tầng bên trong này được tạo ra bởi năng lượng Bồ đề và nguyên tố “khí” gắn với cõi Bồ đề).

192. From this perspective, we would be dealing with the three earth signs of the knowledge tier—Capricorn, Taurus and Virgo, in that order (which is the natural order—Cardinal, Fixed and Mutable—the order in which occurs progress through the signs beginning with Aries).

192. Từ góc nhìn này, chúng ta sẽ đề cập đến ba dấu hiệu hành thổ của tầng tri thức—Capricorn, Taurus và Virgo, theo thứ tự đó (đó là trật tự tự nhiên—Chủ Yếu, Cố Định và Biến đổi—trật tự trong đó sự tiến triển qua các dấu hiệu diễn ra khi bắt đầu với Aries).

193. We will assign Capricorn (a strongly karmic sign) to the first petal.

193. Chúng ta sẽ gán Capricorn (một dấu hiệu mang tính nghiệp quả mạnh) cho cánh hoa thứ nhất.

194. Capricorn, we have been told, represents the best and worst in human nature. It represents sublime heights and supernal light as well as the depths of matter. We can see how the idea of the ‘depths of matter’ would correlate with the first petal.

194. Như chúng ta đã được cho biết, Capricorn tượng trưng cho điều tốt đẹp nhất và tệ hại nhất trong bản chất con người. Nó tượng trưng cho những đỉnh cao siêu tuyệt và ánh sáng thiên thượng cũng như những vực sâu của vật chất. Chúng ta có thể thấy ý niệm về ‘những vực sâu của vật chất’ tương ứng như thế nào với cánh hoa thứ nhất.

195. Capricorn also represents the Law which is broken during first petal processes.

195. Capricorn cũng tượng trưng cho Định luật vốn bị phá vỡ trong các tiến trình của cánh hoa thứ nhất.

196. Interestingly, the two planets most associated with the first petal (Mars and Saturn) are, respectively, exalted in

196. Điều thú vị là hai hành tinh gắn nhiều nhất với cánh hoa thứ nhất (Mars và Saturn)

Capricorn and the exoteric ruler of Capricorn.

197. Capricorn is the hardest and most materialistic of the signs—again fitting with first petal processes. The hardness of ignorance must be broken. The depths of lightless gloom must be penetrated by some degree of knowledge.

198. Capricorn represents the "earthbound soul", a perfect description to the individual who is still limited by first petal possibilities.

199. One more sign should be considered—Libra, the sign of karma and the sign opposite to Aries. In as much as some knowledge of karma is gained during the development of the first petal and, to a small degree, consequences of actions are understood, Libra can be seen as related or involved.

200. Saturn is also very strong in Libra and Saturn, as will be seen, is very prominent at the opening of this first petal.

201. The sign opposite Capricorn is Cancer and it rules *the very first incarnation of the human being* and probably is extremely prominent. Man lived in a 'darkened house' which Cancer *initially* rules even as it rules the "lighted house" which appears when man begins to awaken.

202. Cancer distributes the third and seventh rays, which are described below as important to first petal processes.

lần lượt được tôn vinh trong Capricorn và là chủ tinh ngoại môn của Capricorn.

197. Capricorn là dấu hiệu cứng rắn nhất và duy vật nhất trong các dấu hiệu—một lần nữa phù hợp với các tiến trình của cánh hoa thứ nhất. Sự cứng rắn của vô minh phải bị phá vỡ. Những vực sâu tăm tối không ánh sáng phải được xuyên thấu bằng một mức độ tri thức nào đó.

198. Capricorn tượng trưng cho "linh hồn bị trói buộc vào đất", một mô tả hoàn hảo về cá nhân vẫn còn bị giới hạn bởi các khả năng của cánh hoa thứ nhất.

199. Cần xét thêm một dấu hiệu nữa—Libra, dấu hiệu của nghiệp quả và là dấu hiệu đối diện với Aries. Vì trong quá trình phát triển của cánh hoa thứ nhất có đạt được một ít hiểu biết về nghiệp quả và ở một mức nhỏ nào đó các hậu quả của hành động được hiểu ra, nên Libra có thể được xem là có liên hệ hay có tham dự.

200. Saturn cũng rất mạnh trong Libra, và Saturn, như sẽ thấy, rất nổi bật vào lúc cánh hoa thứ nhất này mở ra.

201. Dấu hiệu đối diện Capricorn là Cancer và nó cai quản *lần lâm phàm đầu tiên của con người* và có lẽ cực kỳ nổi bật. Con người sống trong một 'ngôi nhà tối tăm' mà Cancer *ban đầu* cai quản, cũng như nó cai quản "ngôi nhà được soi sáng" xuất hiện khi con người bắt đầu thức tỉnh.

202. Cancer phân phối cung ba và cung bảy, là những cung được mô tả dưới đây là quan trọng đối với các tiến trình của cánh hoa thứ nhất.

203. Cancer, as well, is a deeply instinctual sign (the Moon, its ruler, represents instinct), and rules, from one perspective, the deepest immersion of the Spirit. It shares this rulership with Capricorn.

203. Cancer cũng là một dấu hiệu mang tính bản năng sâu đậm (Mặt Trăng, chủ tinh của nó, tượng trưng cho bản năng), và từ một góc nhìn nào đó, cai quản sự chìm đắm sâu nhất của tinh thần. Nó chia sẻ quyền cai quản này với Capricorn.

204. Cancer probably has much to do with the strictly physical elemental as this elemental is so closely associated with the Moon. The Moon, we are told in *Esoteric Astrology,* rules the dense physical body.

204. Có lẽ Cancer liên hệ rất nhiều với tinh linh thể xác thuần túy vì tinh linh này gắn bó rất chặt với Mặt Trăng. Như chúng ta được cho biết trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn,* Mặt Trăng cai quản thể xác đậm đặc.

205. The Law is broken because the primitive human being is *blind.* Cancer produces a groping kind of behavior impulsed by instinct but not by conscious intelligence. Of the primitive Cancer individual it is said: "The blind unit is lost." The Leo influence will have to grow stronger before intelligence begins to show itself noticeably.

205. Định luật bị phá vỡ vì con người nguyên thủy thì *mù quáng.* Cancer tạo ra một loại hành vi dò dẫm được thúc đẩy bởi bản năng chứ không phải bởi trí tuệ hữu thức. Về cá nhân Cancer nguyên thủy, người ta nói: "Đơn vị mù quáng bị lạc lối." Ảnh hưởng của Leo sẽ phải mạnh lên trước khi trí tuệ bắt đầu biểu lộ rõ rệt.

206. During the immense period of time during which the first petal is stimulated, organized, unfolded and fully opened, the man will be born over and over again *in all* the signs of the zodiac and *under* them all. *Each* of the twelve signs will have something of significance to contribute to the development of the human being at the first petal stage, and the same could be said for development undertaken as a number of the petals unfold (though perhaps not the final two petals of the nine).

206. Trong khoảng thời gian mênh mông mà trong đó cánh hoa thứ nhất được kích thích, tổ chức, khai mở và mở hoàn toàn, con người sẽ tái sinh hết lần này đến lần khác *trong mọi* dấu hiệu hoàng đạo và *dưới* tất cả các dấu hiệu ấy. *Mỗi* một trong mười hai dấu hiệu sẽ có điều gì đó mang thâm nghĩa để đóng góp cho sự phát triển của con người ở giai đoạn cánh hoa thứ nhất, và điều tương tự cũng có thể nói về sự phát triển được đảm nhận khi một số cánh hoa khai mở (dù có lẽ không phải hai cánh hoa cuối trong chín cánh).

207. There may arise an opportunity to develop the idea of how *each* sign of the zodiac contributes to the opening of each petal. The study of the earliest petals in this regard may prove interesting historically, while the study of petals four to nine may

207. Có thể sẽ xuất hiện cơ hội để phát triển ý tưởng về cách *mỗi* dấu hiệu hoàng đạo đóng góp vào việc mở ra mỗi cánh hoa. Việc nghiên cứu các cánh hoa sớm nhất theo phương diện này có thể tỏ ra thú vị về mặt lịch sử, trong khi việc nghiên cứu các cánh

hold much interest for the student who is focussed on understanding the manner in which he presently expresses.

208. Mars (with Earth, for Earth is one of the 'planet of rebellion') is, in early days, a 'lawbreaker'. Mars particularly rules the physical body to which this most material petal of the knowledge tier refers.

209. The Law comes under Saturn (the 'planet of Law and karma') and paying the price of ignorance is definitely Saturnian.

210. Some degree of knowledge of the consequences of action is learned under the regime of this first petal knowledge petal.

211. Saturn is also a manasic plane associated very much with the third ray, and should be associated with the "knowledge achieved" as a result of paying the price of ignorance.

212. The fifth ray is new to the newly individualized man, and this petal is concerned with overcoming the densest ignorance.

213. Mars is associated with the fifth ray because it rules the five senses as well as concrete science, and hence the crudest aspects of the concrete mind.

214. So we have both Mars and Saturn as planets of concrete manas. They are called the two "malefic" planets (though, really, they are not. They simply rule the "school of hard knocks" and, certainly, this first petal is involved in hard experience. We recall the 'hardness' of Capricorn with which we are hypothetically associating this petal.

hoa từ bốn đến chín có thể rất đáng quan tâm đối với đạo sinh đang tập trung vào việc thấu hiểu cách y hiện đang biểu lộ.

208. Mars (cùng với Earth, vì Earth là một trong những 'hành tinh của sự phản loạn') trong thời kỳ đầu là một 'kẻ phá luật'. Mars đặc biệt cai quản thể xác mà cánh hoa vật chất nhất này của tầng tri thức đề cập đến.

209. Định luật thuộc về Saturn (hành tinh của Định luật và nghiệp quả) và việc trả cái giá của vô minh chắc chắn mang tính Saturn.

210. Một mức độ hiểu biết nào đó về hậu quả của hành động được học dưới sự chi phối của cánh hoa tri thức thứ nhất này.

211. Saturn cũng là một hành tinh manas gắn rất nhiều với cung ba, và nên được liên kết với "tri thức đạt được" như là kết quả của việc trả cái giá của vô minh.

212. Cung năm là điều mới mẻ đối với con người vừa được biệt ngã hóa, và cánh hoa này liên quan đến việc vượt qua sự vô minh đậm đặc nhất.

213. Mars gắn với cung năm vì nó cai quản năm giác quan cũng như khoa học cụ thể, và do đó cai quản những phương diện thô sơ nhất của trí cụ thể.

214. Vì vậy, chúng ta có cả Mars lẫn Saturn như những hành tinh của manas cụ thể. Chúng được gọi là hai hành tinh "hung" (dù thật ra không phải vậy. Chúng chỉ đơn giản cai quản "trường học của những va đập đau đớn", và chắc chắn cánh hoa thứ nhất này có liên quan đến kinh nghiệm khắc nghiệt. Chúng ta nhớ đến sự 'cứng rắn' của

Capricorn mà chúng ta đang giả định liên kết với cánh hoa này.

215. Interestingly, both Saturn and Mars are closely associated with dense physical plane on which this petal focuses.

215. Điều thú vị là cả Saturn lẫn Mars đều gắn chặt với cõi hồng trần đậm đặc mà cánh hoa này tập trung vào.

216. From the chakric perspective, both the base of the spine and sacral center are involved. The sacral center is Martian, for Mars rules sex and the physical body. Mars also rules "kundalini latent" which is the basic heat at the based of spine involved in warming the physical frame. Mars, however, is closely related to the "fight or flight" response of the adrenal glands (which are the glands which are the external, physical expressions of the base of the spine).

216. Từ góc nhìn luân xa, cả đáy cột sống lẫn trung tâm xương cùng đều có liên quan. Trung tâm xương cùng mang tính Martian, vì Mars cai quản tính dục và thể xác. Mars cũng cai quản "kundalini tiềm ẩn", tức nhiệt cơ bản ở đáy cột sống liên quan đến việc làm ấm khung thể xác. Tuy nhiên, Mars cũng liên hệ chặt với phản ứng "chiến đấu hay bỏ chạy" của các tuyến thượng thận (là những tuyến vốn là biểu hiện hồng trần bên ngoài của đáy cột sống).

217. As for Saturn, it is also a planet of physical survival and survival, and the intelligence needed for survival is one of the main issues concerning the process of three-world living which go to the opening of the first petal.

217. Còn về Saturn, nó cũng là một hành tinh của sự sinh tồn hồng trần, và trí tuệ cần thiết cho sự sinh tồn là một trong những vấn đề chính liên quan đến tiến trình sống trong ba cõi giới, vốn góp phần vào việc mở cánh hoa thứ nhất.

218. Saturn is also a very material planet involved in 'grounding' the primitive man. For this reason it is associated with the base of the spine and the first petal.

218. Saturn cũng là một hành tinh rất vật chất, liên quan đến việc 'neo' con người nguyên thủy xuống đất. Vì lý do này, nó được liên kết với đáy cột sống và cánh hoa thứ nhất.

219. In a strange way, it may also be associated with the sacral center, because it is the action of this center which produces the concrete (Saturn) physical (Saturn) form (Saturn).

219. Theo một cách kỳ lạ, nó cũng có thể được liên kết với trung tâm xương cùng, vì chính hoạt động của trung tâm này tạo ra hình tướng hồng trần cụ thể (Saturn) (Saturn) (Saturn).

220. We cannot forget the influence of the Earth itself. In all the first three petals, especially petals one and two, Earth will be prominent.

220. Chúng ta không thể quên ảnh hưởng của chính Trái Đất. Trong cả ba cánh hoa đầu tiên, đặc biệt là cánh hoa một và hai, Earth sẽ nổi bật.

221. Earth also is found ruling the base of the spine center which is so important for the first petal.

221. Earth cũng được thấy là cai quản trung tâm đáy cột sống vốn rất quan trọng đối với cánh hoa thứ nhất.

222. Earth represents physical weight and earthiness and captivation by instinctual life.

222. Earth tượng trưng cho sức nặng hồng trần, tính chất đất và sự bị cuốn hút bởi đời sống bản năng.

223. Some degree of etheric response will begin to come through here. We are told that the first initiation for humanity involved the union of the etheric and physical body. It is not the case that initiates would be produced during first petal processes, but the struggle to unite etheric and physical nature would have its rudimentary beginnings.

223. Một mức độ đáp ứng dĩ thái nào đó sẽ bắt đầu xuất hiện ở đây. Chúng ta được cho biết rằng lần điểm đạo thứ nhất đối với nhân loại liên quan đến sự hợp nhất của thể dĩ thái và thể xác. Không phải là các điểm đạo đồ sẽ được tạo ra trong các tiến trình của cánh hoa thứ nhất, nhưng cuộc đấu tranh để hợp nhất bản chất dĩ thái và hồng trần sẽ có những khởi đầu sơ khai của nó.

224. The planet Vulcan, although a sacred planet, also has its place in first petal processes. Vulcan represents the 'stubborn' obduracy of matter and its 'instinctual insistence'. It is, in a way, the 'will of matter' to be exactly what it is and do what it is instinctually inclined to do.

224. Hành tinh Vulcan, dù là một hành tinh thiêng liêng, cũng có vị trí của nó trong các tiến trình của cánh hoa thứ nhất. Vulcan tượng trưng cho sự ngoan cố 'cứng đầu' của vật chất và 'sự khăng khăng theo bản năng' của nó. Theo một nghĩa nào đó, đó là 'ý chí của vật chất' muốn đúng là cái nó là và làm điều mà theo bản năng nó có khuynh hướng làm.

225. Vulcan (with Capricorn) signal the 'hardness' of this lengthy period and the strictly earthbound physical processes which characterize it.

225. Vulcan (cùng với Capricorn) báo hiệu sự 'cứng rắn' của giai đoạn dài lâu này và những tiến trình hồng trần thuần túy gắn chặt với đất vốn đặc trưng cho nó.

226. The Moon which rules the physical body and which corresponds to the influence of Cancer must also be mentioned as inevitably prominent. The Moon was a great power in those early, primitive, physical days. The rhythms of the Moon correlate with a number of aspects of the instinctual nature which was so prominent at the time.

226. Mặt Trăng, vốn cai quản thể xác và tương ứng với ảnh hưởng của Cancer, cũng phải được nhắc đến như một yếu tố tất yếu nổi bật. Mặt Trăng là một quyền lực lớn trong những ngày đầu nguyên thủy và hồng trần ấy. Các nhịp điệu của Mặt Trăng tương ứng với một số phương diện của bản chất bản năng vốn rất nổi bật vào thời đó.

227. From the ray perspective, the first, third, fifth, and seventh rays would all be prominent.

227. Từ góc nhìn cung, cung một, cung ba, cung năm và cung bảy đều sẽ nổi bật.

228. The first and third rays can only be involved *astrologically* because at this stage of development, none of the Rays of Aspect can form a part of 'ray chart' (such as it might be) for the primitive man.

228. Cung một và cung ba chỉ có thể tham dự *về mặt chiêm tinh học* vì ở giai đoạn phát triển này, không Cung Trạng Thái nào có thể tạo thành một phần của 'biểu đồ cung' (nếu có thể gọi như vậy) của con người nguyên thủy.

229. Ray one has to with survival and the base of the spine. The instinct to prevail over adversaries will be highly developed, and there will be an inherent, instinctual selfishness which can only be associated with ray one.

229. Cung một liên quan đến sự sinh tồn và đáy cột sống. Bản năng thắng vượt đối thủ sẽ rất phát triển, và sẽ có một tính ích kỷ cố hữu, mang tính bản năng, chỉ có thể gắn với cung một.

230. The third ray will show itself as animal cunning and the ability to begin to learn about the environment, circumstance and consequence. This ray is associated with both Capricorn and Libra (both of which have a role to play in first petal processes). We must also remember the numerology—this first petal of the knowledge tier represents the *third* aspect of a tier representing the *third* aspect. The number three (though hardly related to abstract thought) is inescapable.

230. Cung ba sẽ biểu lộ như sự xảo quyệt của loài vật và khả năng bắt đầu học hỏi về môi trường, hoàn cảnh và hậu quả. Cung này gắn với cả Capricorn lẫn Libra (cả hai đều có vai trò trong các tiến trình của cánh hoa thứ nhất). Chúng ta cũng phải nhớ đến số học—cánh hoa thứ nhất này của tầng tri thức tượng trưng cho phương diện *thứ ba* của một tầng tượng trưng cho phương diện *thứ ba*. Con số ba (dù hầu như không liên hệ với tư duy trừu tượng) là điều không thể tránh khỏi.

231. The fifth ray is that of concrete mind, and we have during first petal processes the gradual unfoldment of intelligence, as instinct slowly gives way to dim mental realization—very dim.

231. Cung năm là cung của trí cụ thể, và trong các tiến trình của cánh hoa thứ nhất, chúng ta có sự khai mở dần dần của trí tuệ, khi bản năng chậm chạp nhường chỗ cho sự chứng nghiệm trí tuệ mờ nhạt—rất mờ nhạt.

232. This is the period of early Lemurian man. The third root race is connected with the third ray, obviously, but also with the fifth, as individualization has occurred under Leo, Venus (a fifth ray planet) and the fifth ray in general—and under the

232. Đây là thời kỳ của con người Lemuria sơ khai. Giống dân gốc thứ ba hiển nhiên gắn với cung ba, nhưng cũng gắn với cung năm, vì sự biệt ngã hóa đã xảy ra dưới Leo, Venus (một hành tinh cung năm) và cung năm nói chung—và dưới sự giám sát của Huyền Giai

supervision of the Fifth Creative Hierarchy. So many fives necessarily make first petal processes very dependent upon the nascent development of the fifth ray which reveals, among other things, the true nature of cause and effect, and hence the consequences of actions. Libra (a karmic sign, which teaches consequences) has for its exoteric ruler Venus which transmits the fifth ray and sheds light upon the results of actions (initiated blindly in Aries and in relation to Mars).

Sáng Tạo Thứ Năm. Quá nhiều số năm như thế tất yếu khiến các tiến trình của cánh hoa thứ nhất phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển mới chớm của cung năm, vốn mặc khải, trong những điều khác, bản chất thật của nhân và quả, và do đó là hậu quả của các hành động. Libra (một dấu hiệu nghiệp quả, dạy về hậu quả) có chủ tinh ngoại môn là Venus, hành tinh truyền dẫn cung năm và soi sáng kết quả của các hành động (được khởi phát một cách mù quáng trong Aries và liên hệ với Mars).

233. As for the seventh ray, the primitive rituals of the bodily cycles control the man. Natural rhythms (the seventh ray rules rhythms) are expressed, and life is lived to fulfill the cravings of rhythmic appetites—the appetites for food and procreativity being paramount.

233. Còn về cung bảy, các nghi thức nguyên thủy của những chu kỳ thể xác kiểm soát con người. Những nhịp điệu tự nhiên (cung bảy cai quản các nhịp điệu) được biểu lộ, và đời sống được sống để thỏa mãn những ham muốn có tính nhịp điệu—trong đó ham muốn ăn uống và sinh sản là tối quan trọng.

234. Again, these petals of the first tier open up over such a long period of time that *all the rays* (either working out in the ray chart of the individual or, at this stage, almost exclusively through astrological influences, would have their part to play).

234. Một lần nữa, những cánh hoa của tầng thứ nhất này mở ra trong một khoảng thời gian dài đến mức *mọi cung* (hoặc biểu hiện trong biểu đồ cung của cá nhân, hoặc ở giai đoạn này gần như hoàn toàn qua các ảnh hưởng chiêm tinh) đều có phần của mình để đóng góp).

235. Rays two, four and six, however are related to subjective life and particularly to the development (at first) of the astral plane. There is not much astral development during the unfoldment of the first petal. Man is pretty much a *physical* being and such emotion as there might be is very much tied up with physical processes. So the emphasis is not on the soft line of development.

235. Tuy nhiên, cung hai, cung bốn và cung sáu liên hệ với đời sống chủ quan và đặc biệt với sự phát triển (lúc đầu) của cõi cảm dục. Không có nhiều sự phát triển cảm dục trong thời gian khai mở cánh hoa thứ nhất. Con người phần lớn là một hữu thể *hồng trần* và cảm xúc nào có thể có thì cũng gắn chặt với các tiến trình hồng trần. Vì vậy, trọng tâm không nằm trên đường phát triển mềm mại.

236. We will discuss the color references to these petals some three hundred pages further into the book.

236. Chúng ta sẽ bàn đến các tham chiếu màu sắc của những cánh hoa này ở khoảng ba trăm trang sau trong sách.

This unfoldment is brought about through physical plane experience.

Sự khai mở này được mang lại qua kinh nghiệm cõi hồng trần.

237. This sentence of text supports what has just been discussed. There is no petal more associated with physical plane experience and instinctive living.

237. Câu này trong bản văn xác nhận điều vừa được bàn đến. Không có cánh hoa nào gắn với kinh nghiệm cõi hồng trần và đời sống bản năng nhiều hơn cánh hoa này.

238. For the processes of this petal, the desires of Mars are tied to physical plane instincts and appetites. The life of desire does not have a life independent of the promptings of the physical body. We will have to wait until the Atlantean period for this independence to arise.

238. Đối với các tiến trình của cánh hoa này, những ham muốn của Mars gắn với các bản năng và dục vọng của cõi hồng trần. Đời sống ham muốn không có một đời sống độc lập với những thúc đẩy của thể xác. Chúng ta sẽ phải chờ đến thời Atlantis thì sự độc lập này mới xuất hiện.

239. Those egoic lotuses with one petal unfolded are said to be "Brahmic lotuses", and those in whom "the second petal is showing signs of opening" are called "Lotuses of Brahman".

239. Những Hoa Sen Chân Ngã có một cánh hoa đã khai mở được gọi là "Hoa sen Brahmic", và những hoa sen nơi đó "cánh hoa thứ hai đang cho thấy dấu hiệu mở ra" được gọi là "Hoa Sen của Brahman".

240. There is so much that could be said of each petal. A book is planned to include what can be said (given the scope of our present knowledge). What is said here will go to the content of the book and will give indications of how the subject can be developed.

240. Có quá nhiều điều có thể nói về mỗi cánh hoa. Một cuốn sách đang được dự định để bao gồm những gì có thể nói ra (xét theo phạm vi tri thức hiện nay của chúng ta). Những gì được nói ở đây sẽ góp phần vào nội dung của cuốn sách ấy và sẽ đưa ra những chỉ dẫn về cách chủ đề này có thể được phát triển.

2. The Petal of Love for the physical plane.

2. Cánh Hoa Bác Ái cho cõi hồng trần.

241. When the word "love" is used in this context, it, of course, means "desire". There is no true love (which is ever, minimally, *soul* love) expressed through grossly physical man at this early point in human unfoldment.

241. Khi từ "bác ái" được dùng trong ngữ cảnh này, dĩ nhiên nó có nghĩa là "ham muốn". Không có bác ái đích thực nào (vốn luôn luôn, tối thiểu, là bác ái của *linh hồn*) được biểu lộ qua con người thô nặng về hồng trần ở điểm sớm này trong sự khai mở của con người.

242. The “love” involved here is *instinctual* love, and is closely associated with sacral center processes.

242. “Bác ái” liên quan ở đây là bác ái *bản năng*, và gắn rất chặt với các tiến trình của trung tâm xương cùng.

243. Some degree of creativity may also show forth during this very lengthy stage.

243. Một mức độ sáng tạo nào đó cũng có thể biểu lộ trong giai đoạn rất dài này.

244. The opening of the first three petals takes, by far, the longest time—millions of years compared to the much more rapid opening of the later petals. This should be constantly held in mind and there should come a realization of the great diversity of experiences which the human unit will experience during the immense time taken to open the first, second or third petal.

244. Việc mở ba cánh hoa đầu tiên chiếm thời gian lâu nhất—hàng triệu năm so với việc mở nhanh hơn nhiều của các cánh hoa sau. Điều này cần luôn luôn được ghi nhớ, và cần có sự chứng nghiệm về tính đa dạng to lớn của các kinh nghiệm mà đơn vị nhân loại sẽ trải qua trong khoảng thời gian mênh mông cần để mở cánh hoa thứ nhất, thứ hai hay thứ ba.

Unfolds through physical relationships,

Khai mở qua các quan hệ hồng trần,

245. We are speaking of sacral center relationships which produce family and tribal relationship. We may also be speaking of relationships which form to ensure survival.

245. Chúng ta đang nói đến các quan hệ của trung tâm xương cùng, vốn tạo ra quan hệ gia đình và bộ lạc. Chúng ta cũng có thể đang nói đến những quan hệ được hình thành để bảo đảm sự sinh tồn.

246. When considering the customary or counter clockwise progression of the signs, the sign Taurus will be assigned to this petal.

246. Khi xét sự tiến triển thông thường hay ngược chiều kim đồng hồ của các dấu hiệu, dấu hiệu Taurus sẽ được gán cho cánh hoa này.

247. Taurus is a very earthy sign having much to do with the sacral center.

247. Taurus là một dấu hiệu rất mang tính đất, liên hệ nhiều đến trung tâm xương cùng.

248. It is a sign in which physical/animal magnetism takes on a large significance.

248. Đây là một dấu hiệu trong đó từ điện hồng trần/thú vật mang một ý nghĩa lớn lao.

249. On the clockwise wheel, the sign Aquarius would be prominent emphasizing its more primitive mantram, “Let desire in form be ruler.” This early Aquarian tendency (with primitive, sexual Taurus) would

249. Trên bánh xe theo chiều kim đồng hồ, dấu hiệu Aquarius sẽ nổi bật, nhấn mạnh mantram nguyên sơ hơn của nó, “Hãy để ham muốn trong hình tướng cai quản.” Khuynh hướng Aquarius sơ khai này (cùng

contribute to the sexual promiscuity to be expected at this stage of development.

250. At this point we must refer to the idea (offered by the Tibetan) that early man does not respond to the signs Aquarius and Pisces —that these signs only enter his consciousness when he is more fully developed. It should be said that Pisces and Aquarius will be active *unconsciously*. There are twelve petals and twelve signs are necessarily involved, even though man cannot respond to the higher possibilities of these signs.

251. The mantram "Go forth into matter" (the more material mantram for Pisces) relates precisely to the experiences of the first petal, as "Let desire in form be ruler" does to second petal unfoldments.

252. If we begin the clockwise wheel with Aries, then Pisces becomes the sign in question, with its emphasis upon desire and attachment, and the initial cultivation of the emotional nature. Pisces is a water sign and hence its association with astrality, desire and emotion.

253. From the earth-sign perspective (remembering that we assigned the three earth-signs to the three petals of the knowledge tier), again it is Taurus (a sign with much more animal magnetism in it than Capricorn, the proposed elemental-ruler of the first petal.

254. The ruler of Taurus, orthodoxly (as esoteric rulers do not count at this stage) is Venus. This time Venus would emphasize the lower, attractive and sexual impulses,

với Taurus tính dục nguyên thủy) sẽ góp phần vào sự phóng túng tình dục có thể được chờ đợi ở giai đoạn phát triển này.

250. Ở điểm này, chúng ta phải nhắc đến ý tưởng (do Chân sư Tây Tạng đưa ra) rằng con người sơ khai không đáp ứng với các dấu hiệu Aquarius và Pisces—rằng những dấu hiệu này chỉ đi vào tâm thức của y khi y phát triển đầy đủ hơn. Cần nói rằng Pisces và Aquarius sẽ hoạt động *một cách vô thức*. Có mười hai cánh hoa và tất yếu có mười hai dấu hiệu tham dự, dù con người không thể đáp ứng với những khả năng cao hơn của các dấu hiệu này.

251. Mantram "Hãy đi vào vật chất" (mantram vật chất hơn của Pisces) liên hệ chính xác với các kinh nghiệm của cánh hoa thứ nhất, cũng như "Hãy để ham muốn trong hình tướng cai quản" liên hệ với các sự khai mở của cánh hoa thứ hai.

252. Nếu chúng ta bắt đầu bánh xe theo chiều kim đồng hồ với Aries, thì Pisces trở thành dấu hiệu được xét đến, với sự nhấn mạnh của nó vào ham muốn và sự dính mắc, cùng sự vun bồi ban đầu của bản chất cảm xúc. Pisces là một dấu hiệu hành thủy và do đó có liên hệ với tính cảm dục, ham muốn và cảm xúc.

253. Từ góc nhìn các dấu hiệu hành thổ (ghi nhớ rằng chúng ta đã gán ba dấu hiệu hành thổ cho ba cánh hoa của tầng tri thức), một lần nữa đó là Taurus (một dấu hiệu chứa nhiều từ điện thú vật hơn Capricorn, dấu hiệu nguyên tố-chủ quản được đề nghị cho cánh hoa thứ nhất).

254. Chủ tinh của Taurus, theo ngoại môn (vì các chủ tinh nội môn không được tính ở giai đoạn này) là Venus. Lần này Venus sẽ nhấn mạnh các xung lực thấp, hấp dẫn và

drawing human beings together on the basis of physical desire. Some appreciation of what is seen as 'beauty' and creativity would also begin to be present.

tính dục, kéo con người lại với nhau trên cơ sở ham muốn hồng trần. Một ít cảm nhận về điều được xem là 'cái đẹp' và về tính sáng tạo cũng sẽ bắt đầu hiện diện.

255. We cannot forget the power of Aries and Libra, both of which initiate physical relationship. Regarding the early expression of the Libras energy, we are given the phrase: "unbalanced fiery passion". The fiery aspect is a reflection of the polar opposite Aries and of the ruler of Aries, Mars.

255. Chúng ta không thể quên quyền năng của Aries và Libra, cả hai đều khởi phát quan hệ hồng trần. Liên quan đến biểu hiện sớm của năng lượng Libra, chúng ta được cho cụm từ: "đam mê lửa mất quân bình". Phương diện lửa là sự phản chiếu của cực đối diện Aries và của chủ tinh Aries là Mars.

and the gradual growth of love from love of self to love of others. [Page 540]

và sự tăng trưởng dần dần của bác ái từ tình yêu bản thân đến tình yêu người khác. [Page 540]

256. This signifies that "love of self" characterized first petal processes completely, and probably most of second petal processes. But the animal magnetism of Taurus and the power of attraction characteristic of this sign can begin to reorient desire so that it is not so entirely bound to the instinctual nature. The 'other' can be experienced as having 'value' in itself. (We remember the relation of Taurus and Venus to the experience of *value*.)

256. Điều này biểu thị rằng "tình yêu bản thân" đặc trưng hoàn toàn cho các tiến trình của cánh hoa thứ nhất, và có lẽ cho phần lớn các tiến trình của cánh hoa thứ hai. Nhưng từ điện thú vật của Taurus và quyền năng hấp dẫn đặc trưng của dấu hiệu này có thể bắt đầu tái định hướng ham muốn để nó không còn hoàn toàn bị trói buộc vào bản chất bản năng nữa. 'Người khác' có thể được trải nghiệm như có 'giá trị' tự thân. (Chúng ta nhớ mối liên hệ của Taurus và Venus với kinh nghiệm về *giá trị*.)

257. As an interpolation, when we speak of "love of self" we cannot omit the early influence of Leo (the sign of 'self-love') and of the Sun, which, in early 'ahamkaric' days, tends to contribute to the glorification of the lower self. We recall that in the Atlantean period, the most materialistic of all signs, Leo, must have been intensely prominent, for the self-love of some powerful, intelligent and wicked individuals rose to unparalleled heights and brought on a great war between the forces of light and of darkness.

257. Nhân tiện chen vào, khi chúng ta nói về "tình yêu bản thân", chúng ta không thể bỏ qua ảnh hưởng sớm của Leo (dấu hiệu của 'tự ái') và của Mặt Trời, vốn trong những ngày 'ahamkaric' đầu tiên có khuynh hướng góp phần vào sự tôn vinh phàm ngã. Chúng ta nhớ rằng trong thời Atlantis, dấu hiệu duy vật nhất trong mọi dấu hiệu là Leo hẳn đã cực kỳ nổi bật, vì lòng tự ái của một số cá nhân quyền lực, thông minh và độc ác đã dâng lên đến những đỉnh cao chưa từng có và gây ra một cuộc đại chiến giữa các lực lượng ánh sáng và bóng tối.

258. It is said that such individuals erected stupendous statues of themselves as part of the cult of self-adulation (Leo). Of course the individuals capable of doing such things were more highly advanced than the individual working through two petals. The Leo power they used could easily have related to the fifth petal in the second tier.

258. Người ta nói rằng những cá nhân như thế đã dựng lên những pho tượng khổng lồ của chính họ như một phần của sự sùng bái tự tôn thờ (Leo). Dĩ nhiên, những cá nhân có khả năng làm những việc như vậy đã tiến hóa cao hơn cá nhân đang hoạt động qua hai cánh hoa. Quyền năng Leo mà họ sử dụng có thể dễ dàng liên hệ với cánh hoa thứ năm trong tầng thứ hai.

259. The movement from love of self to love of others is a movement from Leo to Libra and from the Sun to Venus.

259. Sự chuyển động từ tình yêu bản thân đến tình yêu người khác là một sự chuyển động từ Leo sang Libra và từ Mặt Trời sang Venus.

260. Let us remember that all these zodiacal and planetary factors have energies which can be utilized at many strata of development. So one energy can express in a great variety of ways—some very low expressions and some on the very highest end of the spectrum.

260. Chúng ta hãy nhớ rằng tất cả những yếu tố hoàng đạo và hành tinh này đều có những năng lượng có thể được sử dụng ở nhiều tầng mức phát triển. Vì vậy, một năng lượng có thể biểu lộ theo rất nhiều cách—một số biểu hiện rất thấp và một số ở đầu cao nhất của phổ.

261. Since desire becomes an issue in this second petal, the *water* signs must have something significant to do with it.

261. Vì ham muốn trở thành một vấn đề trong cánh hoa thứ hai này, nên các dấu hiệu *hành thủy* hẳn phải có điều gì đó quan trọng liên quan đến nó.

262. We have already mentioned Pisces, but what of Cancer and Scorpio?

262. Chúng ta đã nhắc đến Pisces, nhưng còn Cancer và Hổ Cáp thì sao?

263. Cancer would give the instinctual tendency to cling to that which is desired, to that which is seen to be of value.

263. Cancer sẽ đem lại khuynh hướng bản năng bám chặt vào điều được ham muốn, vào điều được thấy là có giá trị.

264. Scorpio would feed the connection between desire and sexuality.

264. Hổ Cáp sẽ nuôi mạnh mối liên hệ giữa ham muốn và tính dục.

265. We remember than man did not respond to *all* the signs of the zodiac in those early days—at least his response could not have been a high or conscious response.

265. Chúng ta nhớ rằng con người đã không đáp ứng với *mọi* dấu hiệu hoàng đạo trong những ngày đầu ấy—ít nhất sự đáp ứng của

y không thể là một đáp ứng cao hay hữu thức.

266. Zodiacs of eight signs, of ten signs or eleven signs are perhaps something of an enigma to us today. They are based, I believe, not on the appearance and disappearance of certain constellations (and their vehicles of expression, the signs), but on man's *power to respond* to various influences.

266. Những vòng hoàng đạo tám dấu hiệu, mười dấu hiệu hay mười một dấu hiệu có lẽ là điều gì đó bí ẩn đối với chúng ta ngày nay. Theo tôi, chúng không dựa trên sự xuất hiện và biến mất của một số chòm sao nào đó (và các vận cụ biểu lộ của chúng là các dấu hiệu), mà dựa trên *năng lực đáp ứng* của con người đối với các ảnh hưởng khác nhau.

267. Returning to Taurus, we know Taurus is one of the paramount signs of desire and so this petal is surely a *desire* petal—physical desire.

267. Trở lại với Taurus, chúng ta biết Taurus là một trong những dấu hiệu tối quan trọng của ham muốn, vì vậy cánh hoa này chắc chắn là một cánh hoa của *ham muốn*—ham muốn hồng trần.

268. Venus, as the ruler of Taurus, emphasizes in terms of second petal processes not so much the fifth ray but the sixth and second (both expressed by Venus on one level or another).

268. Venus, với tư cách chủ tinh của Taurus, trong các tiến trình của cánh hoa thứ hai nhấn mạnh không nhiều đến cung năm bằng cung sáu và cung hai (cả hai đều được Venus biểu lộ ở cấp độ này hay cấp độ khác).

269. Mars, of course, is the planet of sexuality and a non-sacred planet much associated with deeply material processes. It is extensively involved in second petal processes, for the love of others is largely the *desire* for others (sexually especially)—though it is expected that the influence of Mars would gradually give way to some Venusian process as unfoldment continued.

269. Dĩ nhiên, Mars là hành tinh của tính dục và là một hành tinh không thiêng liêng, gắn nhiều với các tiến trình vật chất sâu đậm. Nó tham dự rất nhiều vào các tiến trình của cánh hoa thứ hai, vì tình yêu người khác phần lớn là *ham muốn* đối với người khác (đặc biệt là về tính dục)—dù người ta kỳ vọng rằng ảnh hưởng của Mars sẽ dần dần nhường chỗ cho một số tiến trình mang tính Venus khi sự khai mở tiếp tục.

270. We might say that magnetic Venus would make possible some of the first human groupings. They would come to be valued as fulfilling primitive community needs. People need other people (even if only to fulfill instinctual needs) and magnetic Venus would induce this gathering together in relative harmony.

270. Chúng ta có thể nói rằng Venus từ tính làm cho một số sự tụ họp đầu tiên của con người trở nên khả hữu. Chúng sẽ được xem là có giá trị vì đáp ứng những nhu cầu cộng đồng nguyên thủy. Con người cần những con người khác (dù chỉ để thỏa mãn những nhu cầu bản năng) và Venus từ tính sẽ tạo ra sự tụ họp này trong sự hài hòa tương đối.

271. Venus' relation to Libra is related to the formation of primitive community, with emphasis upon the possibility of harmony and cooperation in community and not merely Martian aggressiveness and competition.

271. Mối liên hệ của Venus với Libra gắn với sự hình thành cộng đồng nguyên thủy, nhấn mạnh khả năng hài hòa và hợp tác trong cộng đồng chứ không chỉ là tính hiếu chiến và cạnh tranh kiểu Martian.

272. Earth as a planet closely associated with Taurus continues to be emphasized, for the desires of second petal individuals (especially during the early part of the unfoldment of this petal) is for that which is earthy, obvious, tangible (i.e., sensorily revealed) and close at hand. During later stages of unfoldment, it can be hypothesized that *astrality* became of importance and that desire shifted away (to a degree) from that which is revealed by the outer senses.

272. Earth, như một hành tinh gắn chặt với Taurus, tiếp tục được nhấn mạnh, vì những ham muốn của các cá nhân cánh hoa thứ hai (đặc biệt trong phần đầu của sự khai mở cánh hoa này) là đối với điều gì đó mang tính đất, hiển nhiên, hữu hình (tức được các giác quan mặc khải) và ở gần trong tầm tay. Trong các giai đoạn khai mở sau, có thể giả thuyết rằng *tính cảm dục* trở nên quan trọng và ham muốn chuyển dịch ra xa (ở một mức độ nào đó) khỏi điều được mặc khải bởi các giác quan bên ngoài.

273. It seems important to note that there are still many people on our planet who have not yet fully unfolded the second petal (the unfoldment of which covers what we loosely call the "Atlantean" period of human development). So we must not conceive of second petal processes as being entirely primitive.

273. Dường như điều quan trọng cần lưu ý là vẫn còn nhiều người trên hành tinh chúng ta chưa khai mở hoàn toàn cánh hoa thứ hai (sự khai mở của nó bao trùm điều mà chúng ta gọi một cách khái quát là thời kỳ "Atlantis" trong sự phát triển của nhân loại). Vì vậy, chúng ta không được hình dung các tiến trình của cánh hoa thứ hai là hoàn toàn nguyên thủy.

274. Desire does become more refined as the second petal continues to open and Venus shows her truer colors.

274. Quả thật, dục vọng trở nên tinh luyện hơn khi cánh hoa thứ hai tiếp tục khai mở và Sao Kim biểu lộ những sắc thái chân thực hơn của nó.

275. From this perspective, the sign Sagittarius enters, *reorienting* desire from a strictly physical preoccupation to higher and wider possibilities.

275. Từ góc nhìn này, dấu hiệu hoàng đạo Nhân Mã xuất hiện, *định hướng lại* dục vọng từ một mối bận tâm thuần túy hồng trần sang những khả năng cao hơn và rộng lớn hơn.

276. Sagittarius (indicating the Centaur), we remember, can be very much a sign of

276. Chúng ta nhớ rằng Nhân Mã (biểu thị Nhân Mã) có thể rất là một dấu hiệu hoàng

animal man, but by the time the true Atlantean period is reached, the human being is 'lifting his sites' and envisioning that which is more than the physical body can provide.

đạo của người thú, nhưng đến khi thời kỳ Atlantis đích thực đạt tới, con người đang "nâng tầm ngắm của mình lên" và hình dung điều gì đó vượt quá những gì thể xác có thể cung cấp.

277. Let us examine the rays which would have been prominent in times when physical relationships were so important and when the love of self (i.e., desire for the fulfillment of one's own desires) was beginning to be transformed into the love of others.

277. Chúng ta hãy khảo sát các cung hẳn đã nổi trội trong những thời kỳ mà các quan hệ hồng trần quan trọng đến thế và khi tình yêu bản thân (tức là dục vọng muốn thỏa mãn những ham muốn riêng của mình) đang bắt đầu được chuyển đổi thành tình yêu đối với người khác.

278. Certainly, the sixth ray begins to come into prominence, for it is ray that rules the astral body, and during the huge expanse over which this petal is opened, the astral body becomes an important center of focus.

278. Chắc chắn, cung sáu bắt đầu trở nên nổi bật, vì đó là cung cai quản thể cảm dục, và trong suốt khoảng thời gian vô cùng rộng lớn mà cánh hoa này được khai mở, thể cảm dục trở thành một trung tâm tập chú quan trọng.

279. In relation to this petal, we cannot reasonably say that kama manas comes into very full expression because the manasic aspect of the man is relatively quiescent.

279. Liên quan đến cánh hoa này, chúng ta không thể nói một cách hợp lý rằng trí-cảm đi vào biểu lộ thật đầy đủ, bởi vì phương diện manas của con người còn tương đối tĩnh lặng.

280. We would, however, find the man beginning to desire something other than his own physical satisfaction and beginning to love something other than himself.

280. Tuy nhiên, chúng ta sẽ thấy con người bắt đầu ham muốn điều gì đó ngoài sự thỏa mãn hồng trần của riêng mình và bắt đầu yêu điều gì đó ngoài chính mình.

281. Taurus, we know brings in the fourth ray and so we would find the beginning of the struggle between opposing desires of which the fourth ray is the representative.

281. Chúng ta biết rằng Kim Ngưu mang vào cung bốn, và vì thế chúng ta sẽ thấy sự khởi đầu của cuộc đấu tranh giữa những dục vọng đối nghịch mà cung bốn là đại diện.

282. We are speaking of the *second* petal and so, to some small extent (because of numerical affinity) the *second* ray must be involved—at least in a general sense. We have already noted that it is not possible for an individual before the stage of spiritual

282. Chúng ta đang nói về cánh hoa *thứ hai*, và vì vậy, ở một mức độ nhỏ nào đó (do sự tương hợp về số), cung *hai* hẳn phải có liên quan—ít nhất theo nghĩa tổng quát. Chúng ta đã lưu ý rằng một cá nhân trước giai đoạn người chí nguyện tinh thần thì không thể có

aspirant to have a personality on the second ray, but then, at this period, there would be no personality in expression (though it is suggested that in a latent and interior sense, the personal ray would, at least, *exist*).

phàm ngã thuộc cung hai, nhưng vào thời kỳ này sẽ không có phàm ngã nào đang biểu lộ (dù có gợi ý rằng theo nghĩa tiềm ẩn và nội tại, cung phàm ngã ít nhất vẫn *tồn tại*).

283. Yet the Law of Attraction comes under the second ray, and it is at this point that the Law of Attraction begins to work through a more intense manner through the astral body.

283. Tuy nhiên, Định luật Hấp Dẫn thuộc cung hai, và chính tại điểm này Định luật Hấp Dẫn bắt đầu hoạt động mãnh liệt hơn qua thể cảm dục.

284. With regard to the chakras involved in second petal functioning, the emphasis upon the base of the spine continues, but there is extra emphasis upon the sacral center (physical desire between human beings) and also on the solar plexus center (the seat of the desire life).

284. Về các luân xa liên quan đến hoạt động của cánh hoa thứ hai, sự nhấn mạnh vào đáy cột sống vẫn tiếp tục, nhưng có thêm sự nhấn mạnh vào trung tâm xương cùng (dục vọng hồng trần giữa con người) và cả trung tâm tùng thái dương (nơi ngự của đời sống dục vọng).

285. We know to what extent Taurus (in its more primitive expressions) is associated with sexual expression and with the desire nature (both before this desire nature has developed into the aspirational nature and afterwards).

285. Chúng ta biết Kim Ngưu, trong những biểu lộ nguyên thủy hơn của nó, gắn liền đến mức nào với sự biểu lộ tính dục và với bản chất dục vọng (cả trước khi bản chất dục vọng này phát triển thành bản chất chí nguyện lẫn sau đó).

286. Those egoic lotuses with two petals open are said to be “Lotuses of Passion and Desire”.

286. Những Hoa Sen Chân Ngã có hai cánh hoa mở được gọi là “Hoa Sen của Đam Mê và Dục Vọng”.

287.

287.

3. The Petal of Sacrifice for the physical plane.

3. Cánh Hoa Hi Sinh cho cõi hồng trần.

288. This is the third petal of the third or knowledge tier. It relates to first ray just as the first petal relates to the third ray and the second to the second ray. All of these rays are to be considered as subrays of the third ray which rules the third tier as a whole.

288. Đây là cánh hoa thứ ba của vòng ba hay vòng tri thức. Nó liên hệ với cung một cũng như cánh hoa thứ nhất liên hệ với cung ba và cánh hoa thứ hai với cung hai. Tất cả các cung này phải được xem là những cung phụ của cung ba, cung cai quản toàn bộ vòng ba.

289. We should recall at this point that Mars, generically, rules all three knowledge petals, as Venus rules all three love petals and Mercury all three sacrifice petals.

289. Tại điểm này, chúng ta nên nhớ rằng Sao Hỏa, theo nghĩa tổng quát, cai quản cả ba cánh hoa tri thức, cũng như Sao Kim cai quản cả ba cánh hoa bác ái và Sao Thủy cai quản cả ba cánh hoa hi sinh.

290. From the perspective of the synthesizing planets, we could say that Saturn generically rules the tier of knowledge petals, Neptune the tier of love petals and Uranus the tier of sacrifice petals. When we speak of this kind of rulership, we are not speaking of the expression of the very highest characteristics of these synthesizing planets.

290. Từ góc nhìn của các hành tinh tổng hợp, chúng ta có thể nói rằng Sao Thổ, theo nghĩa tổng quát, cai quản vòng cánh hoa tri thức, Sao Hải Vương cai quản vòng cánh hoa bác ái, và Sao Thiên Vương cai quản vòng cánh hoa hi sinh. Khi nói về loại quyền cai quản này, chúng ta không nói đến sự biểu lộ của những đặc tính cao nhất của các hành tinh tổng hợp này.

291. There is no hard and fast rule here and always there are overlaps. All of the signs and planets are contributing their energy to every process in the development of man over his very long history. The emphasis changes, however, at different points in the developmental process.

291. Ở đây không có quy luật cứng nhắc nào, và luôn luôn có sự chồng lấn. Mọi dấu hiệu hoàng đạo và hành tinh đều đang đóng góp năng lượng của chúng vào mọi tiến trình trong sự phát triển của con người suốt lịch sử rất dài của y. Tuy nhiên, sự nhấn mạnh thay đổi tại những điểm khác nhau trong tiến trình phát triển.

This unfoldment is brought about through the driving force of circumstances, and not of free will.

Sự khai mở này được mang lại nhờ mãnh lực thúc đẩy của hoàn cảnh, chứ không phải của ý chí tự do.

292. What energies come to mind when one thinks of the "driving force of circumstance"? Saturn is certain, as Saturn with its strong third ray represents circumstance (that which 'stands around', i.e., is peripheral as the third ray suggests) and the "driving force" of the first ray (correlated with the sacrifice petals in general, since the first ray is always associated with the *sacrificial* aspect of divinity).

292. Những năng lượng nào xuất hiện trong tâm trí khi người ta nghĩ đến "mãnh lực thúc đẩy của hoàn cảnh"? Chắc chắn là Sao Thổ, vì Sao Thổ với cung ba mạnh mẽ của nó tượng trưng cho hoàn cảnh (điều "đứng quanh", tức là ở ngoại vi như cung ba gợi ý) và "mãnh lực thúc đẩy" của cung một (tương quan với các cánh hoa hi sinh nói chung, vì cung một luôn gắn với phương diện *hi sinh* của thiên tính).

293. We are looking for the forces of compulsion (since free will is not involved)

293. Chúng ta đang tìm những mãnh lực cưỡng bách (vì ý chí tự do không can dự), và

and our thought centers on both Saturn and Pluto (planets through which the first ray in its *forcing* or *compelling* aspect is expressed).

tư tưởng của chúng ta tập trung vào cả Sao Thổ lẫn Sao Diêm Vương (những hành tinh qua đó cung một được biểu lộ trong phương diện *cưỡng ép* hay *cưỡng bách* của nó).

294. In a moment we will be more systematic about the energies involved in third petal processes, but for the moment we will simply list what comes to mind as related.

294. Chỉ trong chốc lát nữa, chúng ta sẽ có hệ thống hơn về các năng lượng liên quan đến những tiến trình của cánh hoa thứ ba, nhưng hiện giờ chúng ta chỉ đơn giản liệt kê những gì xuất hiện trong tâm trí như có liên hệ.

It is the offering up of the physical body upon the altar of desire—low desire to begin with, but aspiration towards the end, though still desire.

Đó là sự dâng hiến thể xác lên bàn thờ của dục vọng—lúc đầu là dục vọng thấp, nhưng về cuối là khát vọng, dù vẫn còn là dục vọng.

295. The development of the second petal takes place over millions of years, so the words "to begin with" and "towards the end" can be separated by a vast span of time.

295. Sự phát triển của cánh hoa thứ hai diễn ra qua hàng triệu năm, vì vậy những từ "lúc đầu" và "về cuối" có thể cách nhau bởi một khoảng thời gian mênh mông.

296. The physical body is represented principally by Mars and the Moon. Under the processes of Saturn, both tendencies (Martian and Lunar) and the physical body they represent are sacrificed to a larger process.

296. Thể xác được biểu trưng chủ yếu bởi Sao Hỏa và Mặt Trăng. Dưới các tiến trình của Sao Thổ, cả hai khuynh hướng (Hỏa tinh và Nguyệt tinh) cùng thể xác mà chúng biểu trưng đều được hi sinh cho một tiến trình lớn lao hơn.

297. The higher part of Mars is involved here as Mars can generate aspiration, especially after its objectives have been adjusted through exposure to the refining aspect of Venus, experienced in second petal processes.

297. Phần cao hơn của Sao Hỏa có liên quan ở đây, vì Sao Hỏa có thể tạo ra khát vọng, đặc biệt sau khi các mục tiêu của nó đã được điều chỉnh nhờ tiếp xúc với phương diện tinh luyện của Sao Kim, được kinh nghiệm trong các tiến trình của cánh hoa thứ hai.

298. We are being reminded that in third petal processes desire is not yet transcended; it has not yet become real love in any significant sense.

298. Chúng ta được nhắc rằng trong các tiến trình của cánh hoa thứ ba, dục vọng vẫn chưa được siêu vượt; nó vẫn chưa trở thành tình yêu đích thực theo bất kỳ nghĩa đáng kể nào.

299. There is a constellation called “The Altar”. This constellation is found in Sagittarius and is reasonably associated with its second decanate of that sign. In the “Picture Book of the Heavens”, an offering is being placed upon the Altar; it is the speared form of Lupus the Wolf. This offering suggests the physical body.

299. Có một chòm sao gọi là “Bàn Thờ”. Chòm sao này nằm trong Nhân Mã và hợp lý mà nói có liên hệ với thập độ thứ hai của dấu hiệu hoàng đạo ấy. Trong “Picture Book of the Heavens”, một lễ vật đang được đặt lên Bàn Thờ; đó là hình thể bị đâm của Lupus, Con Sói. Lễ vật này gợi ý thể xác.

300. DK is suggesting that although selfish love may have characterized life as very much focussed on the systemic physical plane, by the time the third petal is developing, some degree of aspiration is in process. The quality of desires is being elevated and there is aspiration towards mental development and acquisition.

300. Chân sư DK đang gợi ý rằng mặc dù tình yêu ích kỷ có thể đã đặc trưng cho đời sống vốn rất tập trung vào cõi hồng trần của hệ mặt trời, nhưng đến khi cánh hoa thứ ba đang phát triển, một mức độ khát vọng nào đó đã bắt đầu. Phẩm tính của các dục vọng đang được nâng cao, và có khát vọng hướng tới sự phát triển và thủ đắc trí tuệ.

301. We must not suppose that simply because the first petal accords with the physical-etheric body, the second with the astral body and the third with the mental body, that physical development stops when astral development begins or that astral development stops when mental development begins. The lower vehicle continues to be developed even as the process for developing the next higher vehicle is set in motion. The principal of overlap is operative in all evolutionary processes.

301. Chúng ta không được giả định rằng chỉ vì cánh hoa thứ nhất tương ứng với thể xác-dĩ thái, cánh hoa thứ hai với thể cảm dục và cánh hoa thứ ba với thể trí, mà sự phát triển hồng trần dừng lại khi sự phát triển cảm dục bắt đầu, hay sự phát triển cảm dục dừng lại khi sự phát triển trí tuệ bắt đầu. Vận cụ thấp hơn vẫn tiếp tục được phát triển ngay cả khi tiến trình phát triển vận cụ cao hơn kế tiếp được khởi động. Nguyên lý chồng lấn hoạt động trong mọi tiến trình tiến hoá.

As man in the early stages of his evolution is polarised on the physical, much of this is undergone unconsciously and without any realisation of what is being consummated,

Vì con người trong những giai đoạn đầu của sự tiến hoá của y phân cực trên phương diện hồng trần, phần lớn điều này được trải qua một cách vô thức và không có bất kỳ sự chứng nghiệm nào về điều đang được hoàn tất,

302. We are reminded that the polarization of consciousness during first tier stages of development is still largely physical. (It is the third tier numbering from the center to

302. Chúng ta được nhắc rằng sự phân cực của tâm thức trong những giai đoạn phát triển của vòng thứ nhất vẫn phần lớn là hồng trần. (Đó là vòng thứ ba nếu đếm từ

the periphery and the first tier if we number from the periphery to the center.) Some degree of astral polarization enters as well during second petal processes. But it is only very much later in the developmental process (even though third petal processes focuses to a degree on the mind) that we can say that polarisation has really become *mental*. In fact, true mental polarisation is said to occur only between the second and third initiations. This mean that many actively mental people are not considered (from the occult perspective) "mentally polarized".

trung tâm ra ngoại vi, và là vòng thứ nhất nếu đếm từ ngoại vi vào trung tâm.) Một mức độ phân cực cảm dục nào đó cũng đi vào trong các tiến trình của cánh hoa thứ hai. Nhưng chỉ rất lâu về sau trong tiến trình phát triển (dù các tiến trình của cánh hoa thứ ba có tập trung phần nào vào trí tuệ) chúng ta mới có thể nói rằng sự phân cực thực sự đã trở thành *trí tuệ*. Thật ra, sự phân cực trí tuệ đích thực được nói là chỉ xảy ra giữa lần điểm đạo thứ hai và lần điểm đạo thứ ba. Điều này có nghĩa là nhiều người hoạt động trí tuệ tích cực không được xem là "phân cực trí tuệ" theo quan điểm huyền bí học.

but the result in the causal body is seen in a twofold increase of heat or of activity:

nhưng kết quả trong thể nguyên nhân được thấy trong sự gia tăng nhiệt hay hoạt động theo nhị phân:

303. While the personality is unfolding, so is the causal body—through its petals and through the members of the atomic triangle which are contained within the periphery of the causal body.

303. Trong khi phàm ngã đang khai mở, thể nguyên nhân cũng vậy—qua các cánh hoa của nó và qua các thành phần của tam giác nguyên tử nằm trong chu vi nhân thể.

304. DK must be speaking of a time of consummation when the *twofold* increase in heat can be noticed.

304. Chân sư DK hẳn đang nói về một thời điểm hoàn tất khi sự gia tăng nhiệt *nhị phân* có thể được nhận thấy.

The physical permanent atom becomes radioactive or a radiant point of fire.

Nguyên tử trường tồn hồng trần trở nên phóng xạ hay thành một điểm lửa rực sáng.

305. It is clear that the petals in the first tier are tied to or associated with principally the physical permanent atom. There may be further development of the physical permanent atom as the remainder of the petals unfold, but by the time the third petal of the knowledge tier has unfolded, the physical permanent atom is highly stimulated.

305. Rõ ràng là các cánh hoa trong vòng thứ nhất gắn liền hay liên kết chủ yếu với nguyên tử trường tồn hồng trần. Có thể có sự phát triển thêm của nguyên tử trường tồn hồng trần khi các cánh hoa còn lại khai mở, nhưng đến khi cánh hoa thứ ba của vòng tri thức đã khai mở, nguyên tử trường tồn hồng trần được kích thích rất mạnh.

The lower three petals become vibrant and begin to unfold until fully developed.

306. Unfoldment precedes full development:

307. We may look at the process of the opening of the petals as followed:

a. Stimulation

b. Organization

c. Unfoldment/opening

d. Openness or full development

308. Following the counter clockwise mode of assigning zodiacal signs to the petals, the sign to be studied is Gemini. Gemini always signifies duality and, so often, mentality. There is no mental process (in fact) unless there is a dualism in consciousness—in fact a triplicity: the thinker, the thought and that which is the means of thought.

309. The third petal signifies the power to begin developing the concrete mind. When this petal opens we have the man who can think. He would have moved out of the category of "Lotuses of passion and desire"—those in which the second petal is in full flower and whose attention is turned to the third.

310. During the unfoldment of the third petal, the individual may still be largely under the sway of kama-manas, but its power will be lessening at that petal becomes more fully open. Much, however, will depend upon the personality ray (and

Ba cánh hoa thấp trở nên rung động và bắt đầu khai mở cho đến khi phát triển đầy đủ.

306. Sự khai mở đi trước sự phát triển đầy đủ:

307. Chúng ta có thể nhìn tiến trình mở các cánh hoa như sau:

a. Kích thích

b. Tổ chức

c. Khai mở/mở ra

d. Sự mở trọn hay phát triển đầy đủ

308. Theo cách gán các dấu hiệu hoàng đạo cho các cánh hoa theo chiều ngược kim đồng hồ, dấu hiệu hoàng đạo cần được nghiên cứu là Song Tử. Song Tử luôn luôn biểu thị nhị nguyên tính và rất thường là trí tuệ. Thực ra, không có tiến trình trí tuệ nào nếu không có một tính nhị nguyên trong tâm thức—thật ra là một bộ ba: người tư tưởng, tư tưởng và cái là phương tiện của tư tưởng.

309. Cánh hoa thứ ba biểu thị năng lực bắt đầu phát triển trí cụ thể. Khi cánh hoa này mở ra, chúng ta có con người có thể suy nghĩ. Y hẳn đã ra khỏi loại "Hoa Sen của đam mê và dục vọng"—những người mà cánh hoa thứ hai đang nở trọn và sự chú ý của họ hướng về cánh hoa thứ ba.

310. Trong thời gian khai mở cánh hoa thứ ba, cá nhân vẫn có thể phần lớn còn dưới sự chi phối của trí-cảm, nhưng quyền lực của nó sẽ giảm dần khi cánh hoa ấy mở đầy đủ hơn. Tuy nhiên, nhiều điều sẽ tùy thuộc vào cung phàm ngã (và đặc biệt là cung linh

especially, the soul ray) of the individual. These rays guide processes unconsciously to the man possessing them.

hồn) của cá nhân. Những cung này hướng dẫn các tiến trình một cách vô thức đối với con người sở hữu chúng.

311. Since mentality and astrality are so minimal in first petal processes, individuals focussed in first petal unfoldment cannot be considered kama-manasic. Those passing through the experience of the first part of the second petal are largely *kamic,* but those passing through the experience of the later part of the second petal can be considered to express kama-manasically. Mind began to enter in the Atlantean period (and the second petal correlates with the Atlantean phase of consciousness).

311. Vì trí tuệ và cảm dục quá ít ỏi trong các tiến trình của cánh hoa thứ nhất, những cá nhân tập trung trong sự khai mở cánh hoa thứ nhất không thể được xem là trí-cảm. Những người đang đi qua kinh nghiệm của phần đầu cánh hoa thứ hai phần lớn là *cảm dục,* nhưng những người đi qua kinh nghiệm của phần sau cánh hoa thứ hai có thể được xem là biểu lộ theo cách trí-cảm. Trí tuệ bắt đầu đi vào trong thời kỳ Atlantis (và cánh hoa thứ hai tương quan với pha tâm thức Atlantis).

312. If we consider the zodiacally clockwise manner of understanding the petals, the sign Capricorn would be assigned to the third petal of the knowledge tier or, should we being with Aries, then Aquarius.

312. Nếu chúng ta xét theo cách hiểu các cánh hoa theo chiều kim đồng hồ của hoàng đạo, thì dấu hiệu hoàng đạo Ma Kết sẽ được gán cho cánh hoa thứ ba của vòng tri thức, hoặc nếu chúng ta bắt đầu với Bạch Dương, thì là Bảo Bình.

313. Capricorn with its ruler Saturn is much associated with the concrete mind and with the process of sacrifice—especially *compulsory* sacrifice under the Law. We all know of the forcing, regimenting qualities found in the Capricorn individual. We might say that a measure of Capricornian reality (which depends upon the power to think—at least to a degree—is entering the consciousness).

313. Ma Kết với chủ tinh của nó là Sao Thổ gắn rất nhiều với trí cụ thể và với tiến trình hi sinh—đặc biệt là sự hi sinh *bắt buộc* dưới Định luật. Tất cả chúng ta đều biết những phẩm tính cưỡng ép, khuôn phép nơi cá nhân Ma Kết. Chúng ta có thể nói rằng một mức độ thực tại Ma Kết (phụ thuộc vào năng lực suy nghĩ—ít nhất ở một mức độ nào đó) đang đi vào tâm thức.

314. Should Aquarius characterize this petal (as would be the case if we began with Aries), Aquarius is an *air* sign and is easily associated with mentality. The higher Aquarian qualities would not be in evidence, but the beginning of the ability to 'put things together in the mind' would demonstrate.

314. Nếu Bảo Bình đặc trưng cho cánh hoa này (như sẽ là trường hợp nếu chúng ta bắt đầu với Bạch Dương), thì Bảo Bình là một dấu hiệu *hành khí* và dễ dàng được liên kết với trí tuệ. Những phẩm tính Bảo Bình cao hơn sẽ chưa biểu lộ, nhưng sự khởi đầu của khả năng "ghép nối mọi thứ lại trong trí" sẽ được chứng tỏ.

315. The kind of sacrifice experienced is not self-originated but "at the mercy of circumstance", and very much the result of *group* pressure. In this way, Aquarius could be seen as somewhat involved in the process.

315. Loại hi sinh được kinh nghiệm không phải do tự thân khởi phát mà là "phó mặc cho hoàn cảnh", và phần lớn là kết quả của áp lực *nhóm*. Theo cách này, Bảo Bình có thể được xem là phần nào có liên quan đến tiến trình ấy.

316. We recall that the earth signs can be reasonably associated with the knowledge tier, since this tier concerns consciousness upon the physical plane (even if that consciousness is at times emotionally driven) and, also, the physical permanent atom. Even in relation to the process for the *mental* petal of the knowledge tier, there is an offering up of the *physical* body.

316. Chúng ta nhớ rằng các dấu hiệu hành thổ có thể được liên kết hợp lý với vòng tri thức, vì vòng này liên quan đến tâm thức trên cõi hồng trần (dù tâm thức ấy đôi khi bị cảm xúc thúc đẩy) và cũng liên quan đến nguyên tử trường tồn hồng trần. Ngay cả trong liên hệ với tiến trình dành cho cánh hoa *trí tuệ* của vòng tri thức, vẫn có sự dâng hiến thể *xác*.

317. Capricorn was associated with the first petal (the most physical), Taurus with the second petal (in which desire and emotion become significant developmental factors) and now Virgo will be assigned to the third petal.

317. Ma Kết được liên kết với cánh hoa thứ nhất (mang tính hồng trần nhất), Kim Ngưu với cánh hoa thứ hai (trong đó dục vọng và cảm xúc trở thành những yếu tố phát triển quan trọng), và giờ đây Xử Nữ sẽ được gán cho cánh hoa thứ ba.

318. Virgo (in the early stages of human development) is experienced as a very materialistic sign but also hold much promise for the development of mentality. The rays of Virgo in relation to the previous solar system are hypothesized as the third and the seventh.

318. Xử Nữ (trong những giai đoạn đầu của sự phát triển nhân loại) được kinh nghiệm như một dấu hiệu hoàng đạo rất duy vật nhưng cũng chứa đựng nhiều hứa hẹn cho sự phát triển trí tuệ. Các cung của Xử Nữ trong liên hệ với hệ mặt trời trước được giả định là cung ba và cung bảy.

319. The beginning of mental discrimination is therefore to be expected in the process of third petal development. We remember that Virgo is ruled by the very mental planet, Mercury.

319. Vì vậy, sự khởi đầu của phân biện trí tuệ là điều có thể chờ đợi trong tiến trình phát triển cánh hoa thứ ba. Chúng ta nhớ rằng Xử Nữ được cai quản bởi hành tinh rất trí tuệ là Sao Thủy.

320. With Virgo enters the possibility of the manipulation of the environment and the possibility of distancing oneself, somewhat, from the imperative urges of driving desire.

320. Cùng với Xử Nữ đi vào khả năng thao tác môi trường và khả năng phần nào tách rời chính mình khỏi những thôi thúc mệnh lệnh của dục vọng thúc bách.

321. From the planetary perspective, Mars and Saturn are constants throughout the unfoldment of the first tier of petals.

321. Từ góc nhìn hành tinh, Sao Hỏa và Sao Thổ là những hằng số xuyên suốt sự khai mở của vòng cánh hoa thứ nhất.

322. When we speak of the "driving force of circumstances", Mars and Saturn feature strongly, for Mars *drives,* and circumstance (and the fate arising from its pressures) pertain to Saturn.

322. Khi chúng ta nói về "mãnh lực thúc đẩy của hoàn cảnh", Sao Hỏa và Sao Thổ nổi bật mạnh mẽ, vì Sao Hỏa *thúc đẩy,* còn hoàn cảnh (và số phận phát sinh từ các áp lực của nó) thuộc về Sao Thổ.

323. If there is a sacrifice of the physical body, then the planet of death (Pluto) will be somewhat involved.

323. Nếu có sự hi sinh của thể xác, thì hành tinh của cái chết (Sao Diêm Vương) sẽ phần nào có liên quan.

324. Probably, in relation to all the sacrifice petals and the sacrifice tier altogether, Pisces, the sign of sacrifice should be considered as present.

324. Có lẽ, liên quan đến tất cả các cánh hoa hi sinh và toàn bộ vòng hi sinh, Song Ngư, dấu hiệu hoàng đạo của sự hi sinh, nên được xem là hiện diện.

325. Pluto, of course, is the esoteric and hierarchical ruler of Pisces.

325. Dĩ nhiên, Sao Diêm Vương là chủ tinh nội môn và huyền giai của Song Ngư.

326. We cannot forget Mercury as the exoteric ruler of both Gemini and Virgo (two signs reasonably associated with petal three of the knowledge tier).

326. Chúng ta không thể quên Sao Thủy như chủ tinh ngoại môn của cả Song Tử lẫn Xử Nữ (hai dấu hiệu hoàng đạo được liên kết hợp lý với cánh hoa thứ ba của vòng tri thức).

327. In this instance, Mercury is the planet of the *concrete* mind and gives new understanding and control over the environment (the quite *material* environment with which the individual of growing intelligence, finds himself surrounded).

327. Trong trường hợp này, Sao Thủy là hành tinh của trí *cụ thể* và mang lại sự thấu hiểu mới cùng sự kiểm soát đối với môi trường (môi trường khá *vật chất* mà cá nhân có trí thông minh đang tăng trưởng thấy mình bị bao quanh).

328. What of the role of Venus? We cannot dismiss it from the developmental processes of *any* of the petals of the first tier (even though its association with the second tier is definite). Venus was instrumental in the individualization process; first tier

328. Còn vai trò của Sao Kim thì sao? Chúng ta không thể gạt nó ra khỏi các tiến trình phát triển của *bất kỳ* cánh hoa nào của vòng thứ nhất (dù sự liên kết của nó với vòng thứ hai là xác định). Sao Kim đã đóng vai trò công cụ trong tiến trình biệt ngã hóa; những

developments followed immediately upon individualization. Venus contributes to the heightening sense of values (promoted by the second petal) when physical self-centeredness became desire for other things. The magnetic attraction to "people, places and things" of greater or lesser values contributes to a growing sense of discrimination which will eventually become the *mental* discrimination of the third petal. In relation to the third petal, Venus is very must the bestower of the fifth ray with its relation to the concrete mind. The development of the concrete mentality is Venusian as well as Mercurian (and Saturnian and Martian). Through Venus the mind begins to be magnetized by and select objectives of a more refined nature.

phát triển của vòng thứ nhất theo ngay sau sự biệt ngã hóa. Sao Kim góp phần vào việc nâng cao ý thức về giá trị (được cánh hoa thứ hai thúc đẩy) khi sự tập trung vào bản thân về mặt hồng trần trở thành dục vọng đối với những điều khác. Sự hấp dẫn từ tính đối với "người, nơi chốn và sự vật" có giá trị lớn hay nhỏ góp phần vào một ý thức phân biện đang tăng trưởng, cuối cùng sẽ trở thành sự phân biện *trí tuệ* của cánh hoa thứ ba. Liên quan đến cánh hoa thứ ba, Sao Kim rất đúng là đấng ban phát cung năm với mối liên hệ của nó với trí cụ thể. Sự phát triển của trí tuệ cụ thể vừa mang tính Kim tinh vừa mang tính Thủy tinh (và cả Thổ tinh lẫn Hỏa tinh). Qua Sao Kim, trí bắt đầu bị từ hóa bởi và chọn lựa những mục tiêu có bản chất tinh luyện hơn.

329. From the ray perspective we will always have the first ray where a sacrifice petal is found, but since it is the third petal and has to do with the development of mentality, the third ray must be included as must the fifth ray of concrete mind. Mercury in its lower aspect is closely associated with the third ray and in its higher aspects, with the fifth (as well as the third—in a very high sense).

329. Từ góc nhìn cung, chúng ta sẽ luôn có cung một ở nơi nào có một cánh hoa hi sinh, nhưng vì đây là cánh hoa thứ ba và liên quan đến sự phát triển trí tuệ, cung ba phải được bao gồm, cũng như cung năm của trí cụ thể. Sao Thủy trong phương diện thấp của nó gắn chặt với cung ba, và trong các phương diện cao hơn, với cung năm (cũng như cung ba—theo một nghĩa rất cao).

330. We also recall the following, which hints at a ray important for third petal processes.

330. Chúng ta cũng nhớ điều sau đây, điều gợi ý về một cung quan trọng đối với các tiến trình của cánh hoa thứ ba.

It is the offering up of the physical body upon the altar of desire—low desire to begin with, but aspiration towards the end, though still desire.

Đó là sự dâng hiến thể xác lên bàn thờ của dục vọng—lúc đầu là dục vọng thấp, nhưng về cuối là khát vọng, dù vẫn còn là dục vọng.

331. The sixth ray is associated directly with desire and is the ray of Mars (at least exoterically). Ara the Altar is in the second decanate of Sagittarius (as we have noted)—a decanate, interestingly, ruled by Mars. There is a sacrificial aspect of Mars related to

331. Cung sáu gắn trực tiếp với dục vọng và là cung của Sao Hỏa (ít nhất theo ngoại môn). Ara, Bàn Thờ, nằm trong thập độ thứ hai của Nhân Mã (như chúng ta đã lưu ý)—một thập độ, điều thú vị là, do Sao Hỏa cai quản. Có một phương diện hi sinh của Sao

high courage. At this stage of development, the sacrifice may be relatively unconscious, but it represents a preparation for the type of sacrifice which will be both conscious and willing.

Hỏa liên hệ với lòng can đảm cao cả. Ở giai đoạn phát triển này, sự hi sinh có thể tương đối vô thức, nhưng nó tượng trưng cho một sự chuẩn bị cho loại hi sinh sẽ vừa có ý thức vừa tự nguyện.

332. From the chakric perspective we have the sacral center as the seat of the mental elemental (EP I 304). The sacral center is, in once sense (since it provides for the birth (i.e., manifestation) of the physical body) a peculiarly earthy chakra, and will naturally be associated with *all* the petals of the knowledge tier (which, we recall, we have associated with *earth* signs.)

332. Từ góc nhìn luân xa, chúng ta có trung tâm xương cùng là nơi ngự của hành khí trí tuệ (EP I 304). Trung tâm xương cùng, theo một nghĩa nào đó (vì nó cung cấp cho sự sinh ra, tức là sự biểu hiện, của thể xác), là một luân xa mang tính thổ đặc biệt, và tự nhiên sẽ được liên kết với *mọi* cánh hoa của vòng tri thức (mà chúng ta nhớ là đã liên kết với các dấu hiệu *hành thổ*.)

333. The sacral center is related to developing mentality; mentality increases in its development as sacral energies are elevated to the throat center.

333. Trung tâm xương cùng liên hệ với trí tuệ đang phát triển; trí tuệ gia tăng trong sự phát triển của nó khi các năng lượng xương cùng được nâng lên trung tâm cổ họng.

334. We must naturally include the solar plexus center in relation to the third petal since desire (and even aspiration) is prominent in the third petal of the knowledge tier. The physical body is offered up on the altar of desire. This means that the man begins to care more for what he desires (or for that towards which he aspires) than for the fate of the physical body per se.

334. Dĩ nhiên, chúng ta phải bao gồm trung tâm tùng thái dương trong liên hệ với cánh hoa thứ ba, vì dục vọng (và ngay cả khát vọng) nổi bật trong cánh hoa thứ ba của vòng tri thức. Thể xác được dâng lên bàn thờ của dục vọng. Điều này có nghĩa là con người bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến điều y ham muốn (hay điều mà y khát vọng hướng tới) hơn là số phận của chính thể xác ấy.

335. We can see that some of the sacrifices entailed in the process of war relate to this third petal.

335. Chúng ta có thể thấy rằng một số sự hi sinh bao hàm trong tiến trình chiến tranh có liên hệ với cánh hoa thứ ba này.

336. One more center has some initial development here and that is the throat center which can be closely related to both Mercury and Saturn (and to the Earth as well).

336. Còn một trung tâm nữa có sự phát triển ban đầu ở đây, đó là trung tâm cổ họng, có thể được liên hệ chặt chẽ với cả Sao Thủy lẫn Sao Thổ (và cả Trái Đất nữa).

337. “Primary Lotuses” (cf. TCF 841) are those largely from another planet, who have

337. “Những Hoa Sen Sơ Cấp” (x. TCF 841) là những người phần lớn đến từ một hành tinh

come to Earth for development of the second petal. They already have the third petal developed (*and* they are *intelligent*). A number or the intelligent but emotionally unresponsive scientists are found in their ranks. This substantiates that considerable development can accompany the unfoldment of the third petal.

khác, đã đến Trái Đất để phát triển cánh hoa thứ hai. Họ đã có cánh hoa thứ ba phát triển (*và* họ *thông minh*). Một số nhà khoa học thông minh nhưng không đáp ứng về mặt cảm xúc được tìm thấy trong hàng ngũ của họ. Điều này xác nhận rằng sự phát triển đáng kể có thể đi kèm với sự khai mở của cánh hoa thứ ba.

338. If there is growing and even considerable intelligence, then the throat center must also be unfolded. Mercury (prominent through Gemini and Virgo) and Saturn (prominent through Capricorn—with its initial emphasis upon concrete mentality) are both planets related to the throat center. Earth is, for average man, the throat center ruler(cf. EA 517). Earth is somehow connected with *all* the Earth signs, for all of them emphasize materiality (as does the Earth).

338. Nếu có trí thông minh đang tăng trưởng và thậm chí đáng kể, thì trung tâm cổ họng cũng hẳn phải được khai mở. Sao Thủy (nổi bật qua Song Tử và Xử Nữ) và Sao Thổ (nổi bật qua Ma Kết—với sự nhấn mạnh ban đầu vào trí tuệ cụ thể) đều là những hành tinh liên hệ với trung tâm cổ họng. Đối với con người trung bình, Trái Đất là chủ tinh của trung tâm cổ họng (x. EA 517). Trái Đất bằng cách nào đó có liên hệ với *mọi* dấu hiệu hành thổ, vì tất cả chúng đều nhấn mạnh tính vật chất (như Trái Đất vậy).

339. The mind provides a degree of detachment and vision. It is possible to abstract to a degree from the kama-manasic mind as the third petal continues to unfold and, on the basis of this abstraction, sacrifice becomes possible (even if the larger spiritual reasons for the sacrifice are not known by the human unit who is more *sacrificed* than *sacrificing*).

339. Trí mang lại một mức độ tách rời và tầm nhìn. Có thể trừu xuất ở một mức độ nào đó khỏi trí-cảm khi cánh hoa thứ ba tiếp tục khai mở, và trên cơ sở sự trừu xuất này, sự hi sinh trở nên khả hữu (dù những lý do tinh thần lớn lao hơn cho sự hi sinh không được đơn vị nhân loại biết đến, kẻ *bị hi sinh* nhiều hơn là *đang hi sinh*).

340. We can see that many human units are caught up in this type of sacrifice. Circumstance forces the sacrifice, and the units who are sacrificed do not fully understand the reason. “Ours is not to reason why, ours is but to do or die.”

340. Chúng ta có thể thấy rằng nhiều đơn vị nhân loại bị cuốn vào loại hi sinh này. Hoàn cảnh cưỡng bách sự hi sinh, và những đơn vị bị hi sinh không hoàn toàn hiểu lý do. “Việc của chúng ta không phải là lý giải tại sao, việc của chúng ta chỉ là hành động hoặc chết.”

341. In any case, when one a superior principle or aspect of the human constitution (for instance kama or desire) is expressed with sufficient intensity, it always

341. Dù sao đi nữa, khi một nguyên khí hay phương diện cao hơn của cấu tạo con người (chẳng hạn kama hay dục vọng) được biểu lộ với cường độ đủ mạnh, điều đó luôn dẫn đến

results in the sacrifice of a lesser principle or aspect of the human constitution (for instance the physical-etheric body and prana).

342. Later the mind, when intensely exercised, will lead to the sacrifice of emotionality and later still, the intuition when exercised will see the mentality sacrificed.

343. When pondering these thoughts we should remember that "sacrifice" means to "make sacred", so the sacrifice of the lower principle is not necessarily its elimination, but rather its elevation through sacredization. Of course, some habitual patterns associated with the principle to be sacrificed will be eliminated.

344. All aspects of man find their true position through this process of sacrifice of the lesser to the greater. From another perspective the opposite process is also true and there comes a time with the greater is sacrificed for the elevation of the lesser. As the Church would have it (somewhat distorting the truth), "Christ died for our sins."

345. We now leave the knowledge tier of petals temporarily, to consider a more advanced tier—the tier love petals.

b. Second Group of Petals—Love Petals:

346. We remarked earlier that although these petals are called *love* petals, they have much more to do with *desire* than love.

sự hi sinh của một nguyên khí hay phương diện thấp hơn của cấu tạo con người (chẳng hạn thể xác-dĩ thái và prana).

342. Về sau, trí, khi được vận dụng mãnh liệt, sẽ dẫn đến sự hi sinh của tính cảm xúc, và về sau nữa, trực giác khi được vận dụng sẽ khiến trí tuệ bị hi sinh.

343. Khi suy ngẫm những tư tưởng này, chúng ta nên nhớ rằng "hi sinh" có nghĩa là "làm cho thiêng liêng", vì vậy sự hi sinh nguyên khí thấp hơn không nhất thiết là sự loại bỏ nó, mà đúng hơn là sự nâng cao nó qua sự thiêng liêng hóa. Dĩ nhiên, một số mô hình thói quen gắn với nguyên khí cần được hi sinh sẽ bị loại bỏ.

344. Mọi phương diện của con người đều tìm được vị trí chân chính của chúng qua tiến trình hi sinh cái nhỏ hơn cho cái lớn hơn này. Từ một góc nhìn khác, tiến trình ngược lại cũng đúng, và sẽ đến lúc cái lớn hơn được hi sinh để nâng cao cái nhỏ hơn. Theo cách Giáo hội trình bày (có phần bóp méo chân lý), "Đức Christ đã chết vì tội lỗi của chúng ta."

345. Giờ đây, chúng ta tạm rời vòng cánh hoa tri thức để xét đến một vòng tiến bộ hơn —vòng cánh hoa bác ái.

b. Nhóm Cánh Hoa Thứ Hai—Các Cánh Hoa Bác Ái:

346. Trước đây, chúng ta đã nhận xét rằng mặc dù các cánh hoa này được gọi là cánh hoa *bác ái*, chúng liên quan đến *dục vọng* nhiều hơn là bác ái.

347. Whereas the knowledge petals open under the symbolic influence of the number 700, the love petals open under the influence of 70.

347. Trong khi các cánh hoa tri thức khai mở dưới ảnh hưởng tượng trưng của số 700, thì các cánh hoa bác ái khai mở dưới ảnh hưởng của số 70.

348. Can we say then that the love petals open ten times faster than the knowledge petals?

348. Vậy chúng ta có thể nói rằng các cánh hoa bác ái khai mở nhanh hơn các cánh hoa tri thức mười lần chăng?

349. And can the sacrifice petals, symbolically associated with the number 7, be said to open ten times faster than the love petals and, thus, one hundred times faster than the knowledge petals.

349. Và liệu các cánh hoa hi sinh, được liên kết tượng trưng với số 7, có thể được nói là khai mở nhanh hơn các cánh hoa bác ái mười lần, và như vậy nhanh hơn các cánh hoa tri thức một trăm lần chăng.

350. It would be convenient if one could make this case, but the proportion will be, I think, found too small. At least this will be the case for the sacrifice petals which could open, perhaps, 3000 times faster than the knowledge petals. This figure is highly speculative and extremely approximative, and based on the idea that perhaps thirty lives can be found between the first and third initiations (less are possible) and perhaps 6000 years (a high figure) is required to make this progress. We remember that (symbolically at least) thirty years separated the birth of the Initiate Jesus from the time the Christ demonstrated (through Him) the meaning of the second initiation. The second, third and fourth initiations were taken within three years. Each year can be considered, symbolically, as a life time. There is much that can be learned from these particular figures, but the learning must be indicative and symbolic rather than be taken literally.

350. Sẽ thật thuận tiện nếu có thể lập luận như vậy, nhưng theo tôi, tỉ lệ ấy sẽ được thấy là quá nhỏ. Ít nhất điều này sẽ đúng đối với các cánh hoa hi sinh, vốn có thể khai mở nhanh hơn các cánh hoa tri thức khoảng 3000 lần. Con số này mang tính suy đoán rất cao và cực kỳ gần đúng, dựa trên ý tưởng rằng có lẽ có thể tìm thấy khoảng ba mươi kiếp sống giữa lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ ba (ít hơn cũng có thể), và có lẽ cần khoảng 6000 năm (một con số cao) để đạt được sự tiến bộ này. Chúng ta nhớ rằng (ít nhất theo nghĩa tượng trưng) ba mươi năm đã cách biệt sự ra đời của điểm đạo đồ Jesus với thời điểm Đức Christ chứng minh (qua Ông) ý nghĩa của lần điểm đạo thứ hai. Lần điểm đạo thứ hai, thứ ba và thứ tư đã được tiếp nhận trong vòng ba năm. Mỗi năm có thể được xem, theo nghĩa tượng trưng, như một đời người. Có nhiều điều có thể học được từ những con số đặc thù này, nhưng sự học hỏi ấy phải mang tính chỉ dẫn và tượng trưng hơn là được hiểu theo nghĩa đen.

351. If the six thousand year figure is taken, then the individual living some thirty lives between the first and second initiation (and some ‘three’ lives between the second and

351. Nếu lấy con số sáu nghìn năm, thì cá nhân sống khoảng ba mươi kiếp giữa lần điểm đạo thứ nhất và lần điểm đạo thứ hai (và khoảng “ba” kiếp giữa lần điểm đạo thứ

fourth) would incarnate, on the average every two hundred years.

hai và lần điểm đạo thứ tư) sẽ lâm phàm trung bình mỗi hai trăm năm một lần.

352. A rough division of 18,000,000 yrs/ 6000 yrs = 3000. Does it make any sense to say that the sacrifice tier opens some three thousand times faster than the knowledge tier?

352. Một phép chia gần đúng 18.000.000 năm/6000 năm = 3000. Có hợp lý không khi nói rằng vòng hi sinh khai mở nhanh hơn vòng tri thức khoảng ba nghìn lần?

353. How long does it take for the first tier to open? Eighteen million years have passed since the individualization of man on the Earth-chain and still there are many who have not opened it. Others have moved faster. So, in dividing eighteen million by six thousand (a very speculative period required for the opening of sacrifice tier) a comparison is begin set up which can reveal (however crudely) the degree to which the time required for the knowledge tier to open is greater than the time required for the sacrifice tier to open.

353. Vòng thứ nhất mất bao lâu để khai mở? Mười tám triệu năm đã trôi qua kể từ sự biệt ngã hóa của con người trên Dãy Địa Cầu mà vẫn còn nhiều người chưa khai mở nó. Những người khác đã tiến nhanh hơn. Vì vậy, khi chia mười tám triệu cho sáu nghìn (một giai đoạn rất suy đoán cần cho sự khai mở của vòng hi sinh), một sự so sánh đang được thiết lập, có thể cho thấy (dù rất thô sơ) mức độ mà thời gian cần để vòng tri thức khai mở lớn hơn thời gian cần để vòng hi sinh khai mở.

354. Even if these figures prove to be erroneous (and they almost certainly are—intended only to be indicative of a very general proportion), I think it will be found that the sacrifice petals open much, *very much*, faster than the knowledge petals and considerably faster than the love petals.

354. Ngay cả nếu những con số này hóa ra sai lầm (và gần như chắc chắn là vậy—chỉ nhằm chỉ ra một tỉ lệ rất tổng quát), tôi nghĩ người ta sẽ thấy rằng các cánh hoa hi sinh khai mở nhanh hơn các cánh hoa tri thức rất, *rất nhiều*, và nhanh hơn đáng kể so với các cánh hoa bác ái.

1. The Petal of Knowledge, for the astral plane;

1. Cánh Hoa Tri Thức, dành cho cõi cảm dục;

355. This sentence (mentioning the astral plane) confirms that the love petals are petals in which the principle of desire plays a very significant role.

355. Câu này (nhắc đến cõi cảm dục) xác nhận rằng các cánh hoa bác ái là những cánh hoa trong đó nguyên khí dục vọng giữ một vai trò rất đáng kể.

356. We are dealing here with the fourth petal over all.

356. Ở đây, chúng ta đang xét cánh hoa thứ tư tính chung.

357. We will deal first with energies which the words of description bring to mind and later will attempt to be more systematic.

357. Trước hết, chúng ta sẽ bàn đến những năng lượng mà các từ mô tả gợi lên trong tâm trí, rồi sau đó sẽ cố gắng có hệ thống hơn.

unfoldment is brought about by the conscious balancing of the pairs of opposites,

sự khai mở được mang lại nhờ sự có ý thức quân bình các cặp đối cực,

358. Dualism is suggested and the work of the constellation Libra in relation to the astral plane.

358. Ở đây gợi ra tính nhị nguyên và công việc của chòm sao Thiên Bình trong liên hệ với cõi cảm dục.

359. The power of the conscious mind is also suggested because the balancing is not just a feeling process (which of course is one way to achieve balance), but seems to suggest the application of mentality.

359. Quyền năng của trí có ý thức cũng được gợi ra, bởi vì sự quân bình không chỉ là một tiến trình cảm nhận (dĩ nhiên đó là một cách để đạt quân bình), mà dường như gợi ý việc áp dụng trí tuệ.

360. We remember that a significant degree of mentality has been built with the opening of the third petal, even if the unfoldment of the fourth petal begins before the third petal is completely opened.

360. Chúng ta nhớ rằng một mức độ trí tuệ đáng kể đã được xây dựng cùng với sự mở ra của cánh hoa thứ ba, dù sự khai mở của cánh hoa thứ tư bắt đầu trước khi cánh hoa thứ ba hoàn toàn mở ra.

and the gradual utilisation of the Law of Attraction and Repulsion.

và sự vận dụng dần dần Định luật Hấp Dẫn và Định luật Đẩy Lùi.

361. Here we have the second aspect of divinity in demonstration as it is related to the second cosmic law: The Law of Attraction and Repulsion.

361. Ở đây, chúng ta có phương diện thứ hai của thiên tính đang được biểu lộ khi nó liên hệ với định luật vũ trụ thứ hai: Định luật Hấp Dẫn và Định luật Đẩy Lùi.

362. Since this petal is the fourth we would expect to find much conflict between the dualities.

362. Vì cánh hoa này là cánh thứ tư nên chúng ta sẽ chờ đợi thấy nhiều xung đột giữa các nhị nguyên tính.

363. Numerologically the numbers two and four are resonant.

363. Về mặt số học, các số hai và bốn cộng hưởng với nhau.

The man passes out of the Hall of Ignorance where, from the egoic point of view, he works blindly

Con người đi ra khỏi Phòng Vô Minh, nơi mà, từ quan điểm chân ngã, y hoạt động một cách mù quáng

364. The implication is that throughout his experience within the three knowledge petals, the evolving man has been passing through the Hall of Ignorance.

364. Hàm ý ở đây là trong suốt kinh nghiệm của y bên trong ba cánh hoa tri thức, con người đang tiến hoá đã đi xuyên qua Phòng Vô Minh.

and begins to appreciate the **effects** of his physical plane life; by a realisation of his **essential duality** he begins to comprehend causes.

và bắt đầu trân trọng **các hiệu quả** của đời sống cõi hồng trần của y; nhờ chứng nghiệm về **nhị nguyên tính cốt yếu** của mình, y bắt đầu thấu hiểu các nguyên nhân.

365. What is the essential duality of the man? Will it not be his personality and soul? It would seem that at this point in his development, he begins to realize (probably faintly and towards the end of fourth petal development) that he has an inner, higher or soul nature.

365. Nhị nguyên tính cốt yếu của con người là gì? Chẳng phải đó sẽ là phàm ngã và linh hồn của y sao? Có vẻ như ở điểm này trong sự phát triển của mình, y bắt đầu nhận ra (có lẽ còn mơ hồ và về cuối giai đoạn phát triển cánh hoa thứ tư) rằng y có một bản chất nội tại, cao hơn hay bản chất linh hồn.

366. From another perspective, the mentality seems accentuated in this petal. The causes which the man begins to appreciate are not simply those which are at work between things in the world of effects, but which originate from a world beyond the world of effects.

366. Từ một góc nhìn khác, trí tuệ dường như được nhấn mạnh trong cánh hoa này. Những nguyên nhân mà con người bắt đầu trân trọng không chỉ đơn giản là những nguyên nhân đang vận hành giữa các sự vật trong thế giới của các hiệu quả, mà còn là những nguyên nhân phát sinh từ một thế giới vượt ngoài thế giới của các hiệu quả.

367. Immediately, the fourth ray, Mercury, the fifth ray, Venus and Libra come to mind, and we will elaborate below their significance in relation to the fourth petal.

367. Ngay lập tức, cung bốn, Sao Thủy, cung năm, Sao Kim và Thiên Bình hiện lên trong tâm trí, và dưới đây chúng ta sẽ khai triển ý nghĩa của chúng liên hệ với cánh hoa thứ tư.

368. Using the counter clockwise method of assigning zodiacal signs to the petals, the fourth sign Cancer appears in relation to the fourth petal.

368. Dùng phương pháp gán các dấu hiệu hoàng đạo cho các cánh hoa theo chiều ngược kim đồng hồ, dấu hiệu thứ tư là Cự Giải xuất hiện trong liên hệ với cánh hoa thứ tư.

369. Cancer, like all water signs, may be considered one of the rulers of the astral plane, the plane on which dual forces are found in conflict under the influence of the Law of Attraction and Repulsion.

369. Cự Giải, như mọi dấu hiệu hành thủy, có thể được xem là một trong những chủ tinh của cõi cảm dục, cõi mà trên đó các mãnh lực nhị nguyên được thấy đang xung đột dưới ảnh hưởng của Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi.

370. Cancer is also much associated with incarnation upon the physical plane (for it is the fourth sign and the dense physical plane is the fourth or lowest vibratory level among the four vibratory strata of the personality).

370. Cự Giải cũng gắn bó nhiều với việc lâm phàm trên cõi hồng trần (vì đó là dấu hiệu thứ tư và cõi hồng trần đậm đặc là cấp độ rung động thứ tư hay thấp nhất trong bốn tầng rung động của phàm ngã).

371. Cancer is ruled by the Moon which is directly correlated with the dense physical body (which is not a principle).

371. Cự Giải được cai quản bởi Mặt Trăng, vốn tương quan trực tiếp với thể xác đậm đặc (vốn không phải là một nguyên khí).

372. In any case, it is suggested that the man begins to appreciate the nature of incarnated life, with all its limitations and its distinction from something higher and more subtle.

372. Dù sao đi nữa, điều được gợi ý là con người bắt đầu trân trọng bản chất của đời sống lâm phàm, với tất cả những giới hạn của nó và sự khác biệt của nó với một điều gì đó cao hơn và tinh tế hơn.

373. The number four is also a number particular associated with man, and the human kingdom, the fourth kingdom. Man as personality (something more than man as merely mind) begins to emerge here through fourth petal processes. The process of blending and fusing his many aspects is set in motion. The fourth petal does not represent the full integration-*in-power* of the fifth petal, but it is the beginning of making of man an integrated being.

373. Số bốn cũng là một con số đặc biệt gắn với con người, và với giới nhân loại, giới thứ tư. Con người như phàm ngã (một điều gì đó hơn là con người chỉ như trí tuệ đơn thuần) bắt đầu xuất hiện ở đây qua các tiến trình của cánh hoa thứ tư. Tiến trình pha trộn và dung hợp nhiều phương diện của y được khởi động. Cánh hoa thứ tư không biểu thị sự tích hợp trọn vẹn—*trong quyền năng* của cánh hoa thứ năm, nhưng nó là sự khởi đầu của việc làm cho con người trở thành một hữu thể tích hợp.

374. We remember that it takes intelligence to engage in the integration process. Fourth petal processes are based on intelligence and utilize intelligence.

374. Chúng ta nhớ rằng cần có trí thông minh để tham gia vào tiến trình tích hợp. Các tiến trình của cánh hoa thứ tư dựa trên trí thông minh và sử dụng trí thông minh.

375. One of the rays coming through Cancer is the third Ray of Active Intelligence.

375. Một trong các cung đi qua Cự Giải là cung ba của Trí Tuệ Hoạt Động.

376. If we begin with Pisces on the clockwise wheel we shall have Sagittarius representing the fourth petal. Sagittarius is also a sign of integration, making of many the one, especially through the process of alignment. The "straight arrow" of Sagittarius symbolizes the 'straight alignment' which must be achieved.

376. Nếu chúng ta bắt đầu với Song Ngư trên bánh xe theo chiều kim đồng hồ, chúng ta sẽ có Nhân Mã biểu thị cánh hoa thứ tư. Nhân Mã cũng là một dấu hiệu của sự tích hợp, làm cho cái nhiều thành cái một, đặc biệt qua tiến trình chỉnh hợp. "Mũi tên thẳng" của Nhân Mã tượng trưng cho "sự chỉnh hợp thẳng" phải được đạt tới.

377. In this sign we find the reorientation of desire, in this case towards something more subtle than material effects.

377. Trong dấu hiệu này, chúng ta thấy sự tái định hướng của dục vọng, trong trường hợp này hướng về một điều gì đó tinh tế hơn các hiệu quả vật chất.

378. The two signs Cancer and Sagittarius are intimately associated with the Creative Hierarchy of Lunar Lords. The personality, itself, is a fourfold elemental lord, and this particular petal has much to do with the emergence of these four elementals as forces to be reckoned with.

378. Hai dấu hiệu Cự Giải và Nhân Mã gắn bó mật thiết với Huyền Giai Sáng Tạo của các nguyệt tinh quân. Bản thân phàm ngã là một tinh quân hành khí tứ phân, và cánh hoa đặc biệt này liên hệ rất nhiều đến sự xuất hiện của bốn hành khí này như những mãnh lực cần được tính đến.

379. The number *four,* we remember, can be a very material number. Four represents the *square*, of the foundational, material basis of life.

379. Chúng ta nhớ rằng số *bốn,* có thể là một con số rất vật chất. Bốn biểu thị *hình vuông*, của nền tảng vật chất căn bản của đời sống.

380. If we begin the clockwise wheel with Aries, we shall arrive at Capricorn, the polar opposite of Cancer, and also a sign of structural integration. Under the sway of logical, realistic Capricorn, the effects of life upon the physical plane can increasingly be appreciated.

380. Nếu chúng ta bắt đầu bánh xe theo chiều kim đồng hồ với Bạch Dương, chúng ta sẽ đến Ma Kết, cực đối nghịch của Cự Giải, và cũng là một dấu hiệu của sự tích hợp cấu trúc. Dưới ảnh hưởng của Ma Kết logic và thực tế, các hiệu quả của đời sống trên cõi hồng trần có thể ngày càng được trân trọng.

381. Water is definitely associated with emotionality and fire can also be thus associated—to a degree. It is harder to associate an earth sign like Capricorn with the love petals, but water imagery can

381. Nước chắc chắn gắn với tính cảm xúc và lửa cũng có thể được gắn như vậy—ở một mức độ nào đó. Khó hơn để gắn một dấu hiệu hành thổ như Ma Kết với các cánh hoa bác ái, nhưng hình tượng nước chắc chắn có

definitely be associated with Capricorn the "Sea Goat"—the goat with the tail of a fish.

382. Capricorn is also the "one who crosses the water", and is thus moving into greater mentality—a process required as the personality becomes integrated.

383. From the Capricornian perspective, the man passing through fourth petal processes is no longer the "earth-bound soul" (cf. EA 333), but has begun to climb toward the pinnacle or summit of personality integration (a partially Capricornian task).

384. Continuing our zodiacal associations with the fourth petal, we have already mentioned Libra—the sign through which the "pairs of opposites" are balanced. We might say that the forces of the mental plane are balanced against those of the astral plane. The mental life will tend towards the apprehension of a factor deeper within the human being while the astral life is still full of desire (though also of aspiration for elevation). And yet it may be assumed that the power of Neptune associated with Cancer will begin to refine the astral life so that it becomes more integrated within the personality and more serviceable to the personality objective.

385. In order to be balanced, the pairs of opposites have to be *recognized*. This is the function of the sign Gemini which can reasonably be thought to have influence here.

386. According to our theory, the three water signs are to be associated with the three love petals just as the three earth signs were associated with the three knowledge petals. Again, Cancer seems that one of the water signs which has the best fit with

thể gắn với Ma Kết, "Dê Biển"—con dê có đuôi cá.

382. Ma Kết cũng là "kẻ vượt qua nước", và do đó đang tiến vào trí tuệ lớn hơn—một tiến trình cần thiết khi phàm ngã trở nên tích hợp.

383. Từ góc nhìn Ma Kết, con người đi qua các tiến trình của cánh hoa thứ tư không còn là "linh hồn bị trói buộc vào đất" (x. EA 333), mà đã bắt đầu leo lên hướng tới đỉnh cao hay chóp đỉnh của sự tích hợp phàm ngã (một nhiệm vụ phần nào mang tính Ma Kết).

384. Tiếp tục các liên hệ hoàng đạo của chúng ta với cánh hoa thứ tư, chúng ta đã nhắc đến Thiên Bình—dấu hiệu mà qua đó "các cặp đối nghịch" được quân bình. Chúng ta có thể nói rằng các mãnh lực của cõi trí được quân bình với các mãnh lực của cõi cảm dục. Đời sống trí tuệ sẽ có xu hướng hướng tới sự nắm bắt một yếu tố sâu hơn bên trong con người trong khi đời sống cảm dục vẫn còn đầy dục vọng (dù cũng có khát vọng vươn lên). Tuy nhiên, có thể giả định rằng quyền năng của Sao Hải Vương gắn với Cự Giải sẽ bắt đầu tinh luyện đời sống cảm dục để nó trở nên tích hợp hơn bên trong phàm ngã và hữu dụng hơn cho mục tiêu của phàm ngã.

385. Để được quân bình, các cặp đối nghịch phải được *nhận biết*. Đây là chức năng của dấu hiệu Song Tử, dấu hiệu có thể được xem là có ảnh hưởng ở đây một cách hợp lý.

386. Theo lý thuyết của chúng ta, ba dấu hiệu hành thủy được gắn với ba cánh hoa bác ái cũng như ba dấu hiệu hành thổ đã được gắn với ba cánh hoa tri thức. Một lần nữa, Cự Giải dường như là dấu hiệu hành thủy phù hợp nhất với các tiến trình của

fourth petal processes. We recall that in earlier times (earlier than fourth petal developmental processes) it was said of the undeveloped Cancerian human being, "the blind unit is lost". At this point of development, however, some of the blindness is lifted. The man has entered the Hall of Learning. We remember the strong mental focus of the previous petal, the third.

cánh hoa thứ tư. Chúng ta nhớ rằng vào những thời kỳ trước đây (sớm hơn các tiến trình phát triển của cánh hoa thứ tư), người ta đã nói về con người Cự Giải chưa phát triển rằng, "đơn vị mù lòa bị lạc mất". Tuy nhiên, ở điểm phát triển này, một phần sự mù lòa được cất bỏ. Con người đã bước vào Phòng Hiểu Biết. Chúng ta nhớ sự tập trung trí tuệ mạnh mẽ của cánh hoa trước đó, cánh thứ ba.

387. It is not that mentality is dropped when entering fourth petal processes. If anything, it is enhanced. We may remember that mental Mercury is not only to be associated with the third ray but very much with the fourth. The fourth petal, the fourth ray and Mercury are all allied, and contribute to the recognition of and balancing of the pairs of opposites.

387. Không phải là trí tuệ bị bỏ lại khi bước vào các tiến trình của cánh hoa thứ tư. Nếu có gì, nó còn được tăng cường. Chúng ta có thể nhớ rằng Sao Thủy trí tuệ không chỉ được gắn với cung ba mà còn rất nhiều với cung bốn. Cánh hoa thứ tư, cung bốn và Sao Thủy đều liên minh với nhau, và góp phần vào việc nhận biết và quân bình các cặp đối nghịch.

388. Mercury (a fourth ray planet from the *soul* perspective) is a planet of *discrimination.* Interestingly, the faculty of *discrimination* is associated with the *fourth* level of the mental plane; four is definitely a *mental* number.

388. Sao Thủy (một hành tinh cung bốn từ góc nhìn của *linh hồn*) là một hành tinh của *sự phân biện.* Điều thú vị là năng lực *phân biện* được gắn với cấp độ *thứ tư* của cõi trí; bốn chắc chắn là một con số *trí tuệ.*

389. We would expect a degree of harmonization to occur in relation to this petal, as a number of factors are to be "brought under one roof" (Cancer) and reconciled (fourth ray, through Mercury). Fourth ray forces work through the Moon (ruler of Cancer) to reconcile the various forces gathered by Cancer.

389. Chúng ta sẽ chờ đợi một mức độ hài hoà hoá xảy ra liên hệ với cánh hoa này, vì một số yếu tố phải được "đưa về dưới một mái nhà" (Cự Giải) và được hoà giải (cung bốn, qua Sao Thủy). Các mãnh lực cung bốn hoạt động qua Mặt Trăng (chủ tinh của Cự Giải) để hoà giải các mãnh lực khác nhau được Cự Giải tập hợp lại.

390. From the planetary perspective, Mercury is very important. Mercury is a significant planet of integration bringing the factors to be integrated (gathered by Cancer) into relationship and contributing to their harmonization.

390. Từ góc nhìn hành tinh, Sao Thủy rất quan trọng. Sao Thủy là một hành tinh tích hợp có ý nghĩa, đưa các yếu tố cần được tích hợp (được Cự Giải tập hợp) vào tương quan và góp phần vào sự hài hoà hoá của chúng.

391. The appreciation of the effects of physical plane life is facilitated, as well, by Mercury. Venus is the paramount planet of "appreciation" and contributes to the ability to evaluate and assess.

391. Việc trân trọng các hiệu quả của đời sống cõi hồng trần cũng được Sao Thủy tạo điều kiện. Sao Kim là hành tinh tối quan trọng của "sự trân trọng" và góp phần vào khả năng đánh giá và thẩm định.

392. The fourth ray Moon as ruler of Cancer and symbol of the fourfold personality is to be contrasted with fourth ray Mercury. Mercury represents is the intelligent fourfold personality and the Moon represents the instinctual tendencies within the personality which are recognized at this point as pulling in a direction different from that of mentality and greater "light". The gradually integrating personality (subject in its higher aspects to the sense of a growing inner light) is working against the strictly lunar tendencies.

392. Mặt Trăng cung bốn với tư cách chủ tinh của Cự Giải và biểu tượng của phàm ngã tứ phân cần được đối chiếu với Sao Thủy cung bốn. Sao Thủy biểu thị phàm ngã tứ phân thông minh còn Mặt Trăng biểu thị các khuynh hướng bản năng bên trong phàm ngã, những khuynh hướng ở điểm này được nhận ra là đang kéo theo một hướng khác với hướng của trí tuệ và của "ánh sáng" lớn hơn. Phàm ngã đang dần tích hợp (trong các phương diện cao hơn của nó, chịu sự chi phối của cảm nhận về một nội quang đang tăng trưởng) đang hoạt động chống lại các khuynh hướng thuần nguyệt.

393. We might say that the fourth petal is the *last* of the petals to be associated more with the Moon than with the Sun. Interestingly (in the ninefold structure of petals) we have a division between four below (petal one to four) and five above (petal five to nine). Four in this respect is a *lunar* number, and five a *solar* number (associated with the fifth kingdom—a significantly 'solar' kingdom, associated with the 'Sun-bearing' Solar Angels).

393. Chúng ta có thể nói rằng cánh hoa thứ tư là cánh *cuối cùng* trong các cánh hoa còn được gắn nhiều hơn với Mặt Trăng hơn là với Mặt Trời. Điều thú vị là (trong cấu trúc chín cánh hoa) chúng ta có một sự phân chia giữa bốn ở dưới (cánh một đến bốn) và năm ở trên (cánh năm đến chín). Xét theo phương diện này, bốn là một con số *nguyệt*, và năm là một con số *thái dương* (gắn với giới thứ năm—một giới có ý nghĩa "thái dương", gắn với các Thái dương Thiên Thần "mang Mặt Trời").

394. Whenever the process of balancing is found, the planet Saturn (foremost ruler of Libra) is also implicated. We recall that there is a way to associate Capricorn with the fourth petal and so Saturn is doubly emphasized.

394. Bất cứ khi nào tiến trình quân bình được tìm thấy, hành tinh Sao Thổ (chủ tinh hàng đầu của Thiên Bình) cũng có liên can. Chúng ta nhớ rằng có một cách để gắn Ma Kết với cánh hoa thứ tư và vì vậy Sao Thổ được nhấn mạnh gấp đôi.

395. From a certain perspective, third ray Saturn facilitates the integration of the four personality elementals. Just as Cancer draws

395. Từ một góc nhìn nào đó, Sao Thổ cung ba tạo điều kiện cho sự tích hợp của bốn hành khí phàm ngã. Cũng như Cự Giải vạch

a kind of ring-pass-not around the forces of the personality so does ringed Saturn—the planet of the ring-pass-not.

ra một loại vòng-giới-hạn quanh các mãnh lực của phàm ngã, Sao Thổ có vành đai cũng làm như vậy—hành tinh của vòng-giới-hạn.

396. From the glyph of Saturn we see that the glyph of the Moon is part of its construction. Saturn can represent the limited, materialistic personality but also the increasingly intelligent, purposeful and constructive personality.

396. Từ phù hiệu của Sao Thổ, chúng ta thấy phù hiệu của Mặt Trăng là một phần trong cấu tạo của nó. Sao Thổ có thể biểu thị phàm ngã giới hạn, duy vật, nhưng cũng biểu thị phàm ngã ngày càng thông minh, có mục đích và có tính kiến tạo.

397. If, in third petal processes, a relatively high degree of intelligence could be reached, how much more so under the influence of the fourth petal. But the intelligence associated with the fourth petal is not yet *solar* as is the intelligence of the fifth.

397. Nếu trong các tiến trình của cánh hoa thứ ba, một mức độ trí thông minh tương đối cao có thể đạt được, thì dưới ảnh hưởng của cánh hoa thứ tư điều đó còn hơn thế nữa. Nhưng trí thông minh gắn với cánh hoa thứ tư vẫn chưa *thái dương* như trí thông minh của cánh thứ năm.

398. The third ray is the "Builder of the Foundation" and there is no question that in this fourth petal phase, the personality (the square—based on the number four) is built. Because the fourth petal individual can appreciate "the effects of his physical plane life" that building can occur intelligently.

398. Cung ba là "Đấng Kiến Tạo của Nền Móng" và không còn nghi ngờ gì rằng trong giai đoạn cánh hoa thứ tư này, phàm ngã (hình vuông—dựa trên số bốn) được xây dựng. Bởi vì cá nhân ở cánh hoa thứ tư có thể trân trọng "các hiệu quả của đời sống cõi hồng trần của y", việc xây dựng đó có thể diễn ra một cách thông minh.

399. The building process connected with the fourth petal and Cancer is further strengthened by the seven ray of Organization and Magic which also expresses through Cancer.

399. Tiến trình xây dựng gắn với cánh hoa thứ tư và Cự Giải còn được tăng cường thêm bởi cung bảy của Tổ Chức và huyền thuật, vốn cũng biểu lộ qua Cự Giải.

400. Just as Mars is one of the general rulers of the first tier of petals (and Saturn as well) so Venus is one of the general rulers of the love petals (and Neptune is part of the process).

400. Cũng như Sao Hỏa là một trong các chủ tinh tổng quát của tầng cánh hoa thứ nhất (và cả Sao Thổ nữa), thì Sao Kim là một trong các chủ tinh tổng quát của các cánh hoa bác ái (và Sao Hải Vương là một phần của tiến trình).

401. Perhaps Neptune is closely related to the fourth petal (as one of the rulers of

401. Có lẽ Sao Hải Vương liên hệ chặt chẽ với cánh hoa thứ tư (như một trong các chủ tinh

Cancer). Probably, during this fourth petal phase new levels of astral sensitivity are reached. Neptune is quintessentially the planet of fusion; the fusion of the various constituents of personality as part of the integration process occurs during fourth petal processes.

của Cự Giải). Có lẽ trong giai đoạn cánh hoa thứ tư này, những cấp độ nhạy cảm cảm dục mới được đạt tới. Sao Hải Vương là hành tinh điển hình của sự dung hợp; sự dung hợp các thành phần khác nhau của phàm ngã như một phần của tiến trình tích hợp xảy ra trong các tiến trình của cánh hoa thứ tư.

402. The light continues to grow as man opens one petal after another. As we enter the second tier we are dealing with those petals through the processes of which man will become definitely oriented towards the soul—that spiritual 'something' in his nature which promises escape from lunar, material, sense-bound living. In this respect, the influence of Venus makes itself felt. If the fifth ray (analyzing cause and effect) is significant in fourth petal processes, then Venus is as well.

402. Ánh sáng tiếp tục tăng trưởng khi con người mở hết cánh hoa này đến cánh hoa khác. Khi chúng ta bước vào tầng thứ hai, chúng ta đang đề cập đến những cánh hoa mà qua các tiến trình của chúng con người sẽ trở nên được định hướng rõ rệt về phía linh hồn—"một cái gì đó" tinh thần trong bản chất của y hứa hẹn sự thoát khỏi đời sống nguyệt, vật chất, bị trói buộc vào giác quan. Về phương diện này, ảnh hưởng của Sao Kim tự làm cho mình được cảm nhận. Nếu cung năm (phân tích nguyên nhân và hiệu quả) có ý nghĩa trong các tiến trình của cánh hoa thứ tư, thì Sao Kim cũng vậy.

403. From the ray perspective, the fourth ray has been mentioned—focusing upon the conflict between the constituents of the personality and contributing to the necessity of their harmonization. We recall that the fourth ray is expressed through both Mercury and the Moon.

403. Từ góc nhìn cung, cung bốn đã được nhắc đến—tập trung vào xung đột giữa các thành phần của phàm ngã và góp phần vào sự cần thiết phải hài hoà hoá chúng. Chúng ta nhớ rằng cung bốn được biểu lộ qua cả Sao Thủy lẫn Mặt Trăng.

404. The fourth ray will surely contribute to the fourth petal process called "realization of [one's] essential duality". One way of looking at this essential duality is the contrast between solar and lunar life.

404. Cung bốn chắc chắn sẽ góp phần vào tiến trình cánh hoa thứ tư được gọi là "chứng nghiệm về nhị nguyên tính cốt yếu [của mình]". Một cách nhìn nhị nguyên tính cốt yếu này là sự tương phản giữa đời sống thái dương và đời sống nguyệt.

405. Interestingly, in the Labor of Hercules related to the sign Cancer, the Sun (expressing partially through Diana, though more fully through Apollo) and the Moon (expressing through Artemis) are at war.

405. Điều thú vị là trong Công Trình của Hercules liên hệ với dấu hiệu Cự Giải, Mặt Trời (biểu lộ phần nào qua Diana, dù đầy đủ hơn qua Apollo) và Mặt Trăng (biểu lộ qua Artemis) đang giao chiến.

406. We might presume that the fifth ray continues to develop through the *appreciation* of the effects of physical plane life.

406. Chúng ta có thể giả định rằng cung năm tiếp tục phát triển qua sự *trân trọng* các hiệu quả của đời sống cõi hồng trần.

407. Because Cancer is a strong influence in relation to this petal, the sixth ray of Neptune will be prominent alongside the fourth ray.

407. Bởi vì Cự Giải là một ảnh hưởng mạnh liên hệ với cánh hoa này, cung sáu của Sao Hải Vương sẽ nổi bật bên cạnh cung bốn.

408. Another aspect of Cancer related to the Law of Attraction and Repulsion is what we might call the 'Law of Affiliation'. The fourth petal (so closely related to *family* and the human family as a whole) has to preside over the processes of 'human grouping'. Group formation is accomplished very much through attraction and repulsion—functioning at this point on a quite *personal* level. Advances in social living can be presumed at this point of development.

408. Một phương diện khác của Cự Giải liên hệ với Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi là điều chúng ta có thể gọi là "Định luật Liên Thuộc". Cánh hoa thứ tư (gắn bó chặt chẽ với *gia đình* và với toàn thể gia đình nhân loại) phải chủ trì các tiến trình của "sự tụ nhóm nhân loại". Sự hình thành nhóm được hoàn thành rất nhiều qua hấp dẫn và đẩy lùi—đang hoạt động ở điểm này trên một cấp độ khá *cá nhân*. Có thể giả định những tiến bộ trong đời sống xã hội ở điểm phát triển này.

409. We are still, however, somewhat in the realm of "mass consciousness" associated with Cancer. Those with this unfoldment proceeding are not yet true *individuals*—the self-determining individual who really thinks for himself instead of being standardized (Cancer expressing the regimenting seventh ray) emerges through fifth petal processes.

409. Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn phần nào ở trong lĩnh vực của "tâm thức quần chúng" gắn với Cự Giải. Những người có sự khai mở này đang tiến hành vẫn chưa phải là những *cá nhân*—cá nhân tự quyết thực sự tự suy nghĩ cho mình thay vì bị tiêu chuẩn hoá (Cự Giải biểu lộ cung bảy có tính kỷ luật hoá) xuất hiện qua các tiến trình của cánh hoa thứ năm.

410. Because the fourth petal is the *knowledge* petal of the love tier, the rays associated with knowledge must be significant. We have already pointed to the fifth ray, and also to the third which must be important (since it is so closely associated with the sign Cancer as well). The third ray will contribute to the gathering and blending of forces and to the intelligent fusion of the persona.

410. Bởi vì cánh hoa thứ tư là cánh hoa *tri thức* của tầng bác ái, các cung gắn với tri thức hẳn phải có ý nghĩa. Chúng ta đã chỉ ra cung năm, và cả cung ba nữa, vốn hẳn phải quan trọng (vì nó cũng gắn rất chặt với dấu hiệu Cự Giải). Cung ba sẽ góp phần vào việc tập hợp và pha trộn các mãnh lực và vào sự dung hợp thông minh của phàm ngã.

411. We have been told that the third ray cannot really express (as a factor independent from its astrological expression) until the human being has reached the stage of real intelligence. In relation to the fourth petal, this is happening.

411. Chúng ta đã được cho biết rằng cung ba không thể thực sự biểu lộ (như một yếu tố độc lập với biểu lộ chiêm tinh của nó) cho đến khi con người đã đạt tới giai đoạn trí thông minh thực sự. Liên hệ với cánh hoa thứ tư, điều này đang xảy ra.

412. The number four is related to 'grounding' upon the fourth plane of personality, the dense physical plane. It is related to all things that stand foursquare. The number seven, as well, is related to establishment upon the physical plane as is the fourth sign Cancer through which the seventh ray is expressed. Seven is a number of integration and the fourth petal is a petal of integration (even if that which is integrated is only the lunar aspect of the personality). There is a solar aspect to the personality; it is ruled by the Sun and confers a strong sense of "I-ness" or ahamkara. This aspect will emerge with the activation of the fifth petal.

412. Số bốn liên hệ với việc "đặt nền" trên cõi thứ tư của phàm ngã, cõi hồng trần đậm đặc. Nó liên hệ với mọi thứ đứng vững bốn góc. Số bảy cũng vậy, liên hệ với sự thiết lập trên cõi hồng trần, cũng như dấu hiệu thứ tư là Cự Giải, qua đó cung bảy được biểu lộ. Bảy là một con số của sự tích hợp và cánh hoa thứ tư là một cánh hoa của sự tích hợp (dù điều được tích hợp chỉ là phương diện nguyệt của phàm ngã). Có một phương diện thái dương đối với phàm ngã; nó được cai quản bởi Mặt Trời và ban cho một cảm thức mạnh mẽ về "tính Tôi" hay ahamkara. Phương diện này sẽ xuất hiện với sự hoạt hoá của cánh hoa thứ năm.

413. From the chakric perspective the solar plexus center will continue to be important through all love petals, especially if, as proposed, these petals are related to water signs. The astral plane is the plane of water and access to this plane is controlled by the solar plexus center.

413. Từ góc nhìn luân xa, trung tâm tùng thái dương sẽ tiếp tục quan trọng xuyên suốt mọi cánh hoa bác ái, đặc biệt nếu, như đã đề nghị, các cánh hoa này liên hệ với các dấu hiệu hành thủy. Cõi cảm dục là cõi của nước và sự tiếp cận cõi này được kiểm soát bởi trung tâm tùng thái dương.

414. Within fourth petal processes there is some transcendence of the sacral and base of the spine centers (in relation to their lower functions). The predominantly third ray throat center (which promotes integration of the personality) is becoming influential. The strength of Mercury would signal this, as would the strength of third ray Earth and third ray Saturn.

414. Trong các tiến trình của cánh hoa thứ tư có một phần siêu vượt trung tâm xương cùng và trung tâm đáy cột sống (liên hệ với các chức năng thấp của chúng). Trung tâm cổ họng chủ yếu thuộc cung ba (thúc đẩy sự tích hợp của phàm ngã) đang trở nên có ảnh hưởng. Sức mạnh của Sao Thủy sẽ báo hiệu điều này, cũng như sức mạnh của Trái Đất cung ba và Sao Thổ cung ba.

415. The throat center (of the three major centers) is particularly associated with personality, and through fourth petal processes the elementals of the personality are brought into an increasingly harmonized, integrated and fused state. Intelligent processes are at work, and let us not forget that Libra, so important in the balancing of the pairs of opposites, distributes (almost exclusively) the third ray —a ray which is also associated with Gemini by numerical affinity.

415. Trung tâm cổ họng (trong ba trung tâm chính) đặc biệt gắn với phàm ngã, và qua các tiến trình của cánh hoa thứ tư, các hành khí của phàm ngã được đưa vào một trạng thái ngày càng hài hoà, tích hợp và dung hợp. Các tiến trình thông minh đang hoạt động, và chúng ta đừng quên rằng Thiên Bình, rất quan trọng trong việc quân bình các cặp đối nghịch, phân phối (gần như độc quyền) cung ba—một cung cũng gắn với Song Tử bởi sự tương hợp số học.

416. We cannot really say that the heart center has become active in fourth petal processes. The attention is on the growth of personality even if that personality has not yet become dominant and masterful as it well may through fifth petal processes.

416. Chúng ta không thể thực sự nói rằng trung tâm tim đã trở nên hoạt động trong các tiến trình của cánh hoa thứ tư. Sự chú ý đặt vào sự tăng trưởng của phàm ngã dù phàm ngã ấy vẫn chưa trở nên trội vượt và đầy quyền năng như nó rất có thể sẽ trở nên qua các tiến trình của cánh hoa thứ năm.

417. Heart is solar and in relation to the fourth petal, we are still very much in a world dominated by lunar considerations. But at least the sense of essential duality is increasing. Man is beginning to sense something that lies beyond lunar living even if he is not especially oriented in that direction.

417. Tim là thái dương và liên hệ với cánh hoa thứ tư, chúng ta vẫn còn rất nhiều trong một thế giới bị chi phối bởi các cân nhắc nguyệt. Nhưng ít nhất cảm thức về nhị nguyên tính cốt yếu đang gia tăng. Con người đang bắt đầu cảm nhận một điều gì đó nằm vượt ngoài đời sống nguyệt dù y chưa đặc biệt được định hướng theo hướng ấy.

2. The Petal of Love for the astral plane;

2. Cánh Hoa Bác Ái cho cõi cảm dục;

418. Here we have a double emphasis upon the soft line rays. This is one of the most important petals of the nine and may be considered the first of the *solar* petals.

418. Ở đây chúng ta có một sự nhấn mạnh kép vào các cung thuộc đường mềm. Đây là một trong những cánh hoa quan trọng nhất trong chín cánh và có thể được xem là cánh hoa *thái dương* đầu tiên.

419. We will think first of general impressions.

419. Trước hết chúng ta sẽ nghĩ đến những ấn tượng tổng quát.

unfoldment is brought about through the process of gradually transmuting the love of the subjective nature or of the Self within.

420. This is perhaps a strange sentence. In occultism, the subjective nature is the soul nature and it is definitely mentioned. It is too early to be speaking of Spirit; the "Self within" must indicate the soul.

421. With fourth petal processes the man began to understand that he was an essential duality. Through fifth petal processes he actually begins to know himself as an inner Self, as soul.

422. The sentence of text is worded in an unusual manner. Of what sort of transmutation are we speaking? Usually it is the *lower* nature that needs transmuting not the higher, and yet here the man is to transmute "the love of the subjective nature or of the Self within". Is he (as it were) to 'transmute downwardly'. Is his task similar to that in Rule IV for Applicants—"Let the disciple tend the evocation of the fire and thus keep the wheel revolving"? Is this act of transmutation really a kind of evocation which brings the fire of the inner Self into contact with the gradually integrating personality? This is certainly a possibility and it is hard to imagine what else might be indicated.

423. Or, if we look for an 'upward' transmutation, can the love of the "subjective nature" be the love of the *subtle* nature? Can we be speaking of the transmutation of the human psyche and its customary 'loves' into something higher? This, of course, must be done, but it is not

sự khai mở được mang lại qua tiến trình dần dần chuyển hoá tình thương đối với bản chất chủ quan hay đối với Bản Ngã bên trong.

420. Đây có lẽ là một câu lạ. Trong huyền bí học, bản chất chủ quan là bản chất linh hồn và nó chắc chắn được nhắc đến. Còn quá sớm để nói về tinh thần; "Bản Ngã bên trong" hẳn phải chỉ linh hồn.

421. Với các tiến trình của cánh hoa thứ tư, con người bắt đầu hiểu rằng y là một nhị nguyên tính cốt yếu. Qua các tiến trình của cánh hoa thứ năm, y thực sự bắt đầu biết mình như một Bản Ngã nội tại, như linh hồn.

422. Câu trong bản văn được diễn đạt theo một cách khác thường. Chúng ta đang nói đến loại chuyển hoá nào? Thông thường, chính bản chất *thấp* cần được chuyển hoá chứ không phải bản chất cao, thế mà ở đây con người lại phải chuyển hoá "tình thương đối với bản chất chủ quan hay đối với Bản Ngã bên trong". Có phải y (nói như vậy) phải "chuyển hoá theo hướng đi xuống" chăng? Nhiệm vụ của y có tương tự như trong quy luật IV cho những người thỉnh cầu—"Hãy để đệ tử chăm lo việc gợi lên lửa và như thế giữ cho bánh xe quay" không? Hành động chuyển hoá này có thực sự là một loại gợi lên, đưa lửa của Bản Ngã bên trong tiếp xúc với phàm ngã đang dần tích hợp không? Đây chắc chắn là một khả năng và khó hình dung còn điều gì khác có thể được hàm ý.

423. Hoặc, nếu chúng ta tìm một sự chuyển hoá "đi lên", thì tình thương đối với "bản chất chủ quan" có thể là tình thương đối với bản chất *vi tế* chăng? Có phải chúng ta đang nói đến sự chuyển hoá tâm lý con người và những "tình yêu" quen thuộc của nó thành một điều gì đó cao hơn chăng? Dĩ nhiên, điều

certain that the wording warrants this type of interpretation.

này phải được thực hiện, nhưng không chắc rằng cách diễn đạt ấy cho phép kiểu giải thích này.

424. If we are simply speaking of the orientation of the inner self (whether towards the personality or the soul) the fifth petal process can easily be understood.

424. Nếu chúng ta chỉ đang nói về sự định hướng của bản ngã bên trong (dù hướng về phàm ngã hay linh hồn) thì tiến trình của cánh hoa thứ năm có thể dễ dàng được hiểu.

This has a dual effect and works through on to the physical plane in many lives of turmoil,

Điều này có một hiệu quả kép và tác động xuyên xuống cõi hồng trần trong nhiều kiếp sống đầy xáo trộn,

425. When the influence of the Higher Self is brought into contact with the personality, many lives of turmoil are possible. Symbolically, the Sun and the Moon are passing through their first intensive clash.

425. Khi ảnh hưởng của Bản Ngã Cao Siêu được đưa vào tiếp xúc với phàm nhân, nhiều kiếp sống đầy xáo trộn là điều có thể xảy ra. Về mặt biểu tượng, Mặt Trời và Mặt Trăng đang đi qua cuộc va chạm mãnh liệt đầu tiên của chúng.

426. From another perspective, when the inner, subtle self begins to approach the soul or Higher Self in earnest, turmoil results.

426. Từ một góc nhìn khác, khi bản ngã nội tại, vi tế bắt đầu tiến gần linh hồn hay Bản Ngã Cao Siêu một cách nghiêm túc, xáo trộn sẽ phát sinh.

of endeavour and of failure as a man strives to turn his attention to the love of the Real.

của nỗ lực và của thất bại khi con người cố gắng hướng sự chú ý của mình đến tình thương đối với Cái Thực.

427. From the wording of the section of text immediately above, it would seem that the orientation of the inner man who “strives to turn his attention to the love of the Real” is a definite consideration in fifth petal processes. This means that in relation to fifth petal processes is not only a question of how the Higher Self intervenes in the life of the lower man, but how the lower man orients himself towards the soul.

427. Từ cách diễn đạt của đoạn văn ngay trên, có vẻ như sự định hướng của con người nội tại, kẻ “cố gắng hướng sự chú ý của mình đến tình thương đối với Cái Thực”, là một điều được cân nhắc rõ rệt trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm. Điều này có nghĩa là liên hệ với các tiến trình của cánh hoa thứ năm, không chỉ là vấn đề Bản Ngã Cao Siêu can thiệp vào đời sống của phàm nhân như thế nào, mà còn là phàm nhân tự định hướng mình về phía linh hồn như thế nào.

428. Through fifth petal processes man is attempting to “turn his attention to the love of the Real”. He is not only recognizing the Real (which he may have begun to do during the later part of fourth petal processes, but he is attempting to *love* the Real).

428. Qua các tiến trình của cánh hoa thứ năm, con người đang cố gắng “hướng sự chú ý của mình đến tình thương đối với Cái Thực”. Y không chỉ nhận biết Cái Thực (điều mà y có thể đã bắt đầu làm trong phần sau của các tiến trình cánh hoa thứ tư), mà y còn đang cố gắng *yêu mến* Cái Thực).

429. So during fifth petal processes, the Real has become a significant factor in his inner life. A major reorientation has taken place and a process of redemption has begun.

429. Vì vậy, trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm, Cái Thực đã trở thành một yếu tố có ý nghĩa trong đời sống nội tâm của y. Một sự tái định hướng lớn đã diễn ra và một tiến trình cứu chuộc đã bắt đầu.

430. From one point of view this is a kind of “reversal of the wheel”, even though there is a later kind (a *final* kind) which pertains to the processes which occur between the second and third initiation.

430. Từ một quan điểm, đây là một loại “đảo ngược bánh xe”, dù vẫn còn một loại về sau (một loại *chung cuộc*) liên hệ đến các tiến trình xảy ra giữa lần điểm đạo thứ hai và lần điểm đạo thứ ba.

431. The energies and forces symbolized by the Sun and Moon struggle, and the Sun begins to prevail.

431. Các năng lượng và mãnh lực được biểu tượng hoá bởi Mặt Trời và Mặt Trăng đấu tranh, và Mặt Trời bắt đầu thắng thế.

432. It is during the opening of this fifth petal that the Solar Angel gives its first really conscious attention to the struggling personality. From this point, spiritual evolution can be consciously hastened if the man (the personality) acts correctly and orients himself properly to the “downward gazing soul”. (cf. DINA I 714)

432. Chính trong lúc cánh hoa thứ năm này mở ra mà Thái dương Thiên Thần lần đầu tiên dành sự chú ý thực sự có ý thức của mình cho phàm ngã đang đấu tranh. Từ điểm này, tiến hoá tinh thần có thể được đẩy nhanh một cách có ý thức nếu con người (phàm ngã) hành động đúng đắn và tự định hướng mình đúng cách đối với “linh hồn đang nhìn xuống”. (x. DINA I 714)

433. We are also told that a man can express as a “genius” once the two petals of the love tier are open.

433. Chúng ta cũng được cho biết rằng một người có thể biểu lộ như một “thiên tài” một khi hai cánh hoa của tầng bác ái đã mở.

Creative work can be carried forward when two of the "knowledge petals" of the egoic lotus are unfolded. The man can produce, through knowledge and creative energy, something upon the physical plane which

Công việc sáng tạo có thể được tiếp tục khi hai “cánh hoa tri thức” của hoa sen chân ngã đã khai mở. Con người có thể tạo ra, qua tri thức và năng lượng sáng tạo, một điều gì đó trên cõi hồng trần sẽ biểu lộ quyền năng

will be expressive of the soul's creative power. **When two of the "love petals" are also unfolded, then a genius makes his appearance.** This is a technical piece of information for those students who are studying the science of the Ageless Wisdom, but it is of no value to those who do not recognise symbology, or the fact of the higher ego or soul. (ENA 18)

sáng tạo của linh hồn. **Khi hai "cánh hoa bác ái" cũng đã khai mở, thì một thiên tài xuất hiện.** Đây là một mẩu thông tin kỹ thuật dành cho những đạo sinh đang nghiên cứu khoa học của Minh Triết Ngàn Đời, nhưng nó không có giá trị gì đối với những ai không nhận ra tính biểu tượng, hay sự kiện về chân ngã cao hơn hay linh hồn. (ENA 18)

434. It is clear that "genius" involves the expression of the "higher ego or soul" and where that expression is missing or insufficient there can be nothing of that which the world recognizes as genius.

434. Rõ ràng là "thiên tài" bao hàm sự biểu lộ của "chân ngã cao hơn hay linh hồn", và ở đâu sự biểu lộ ấy vắng mặt hoặc không đủ thì không thể có điều mà thế gian công nhận là thiên tài.

435. We might call the fifth petal the 'pivotal petal' in human development. It is the *fifth* petal and signifies (at a certain point in the many lives of turmoil) a genuine reorientation towards the *fifth* kingdom of nature, the Kingdom of Souls.

435. Chúng ta có thể gọi cánh hoa thứ năm là "cánh hoa bản lề" trong sự phát triển của con người. Nó là cánh hoa *thứ năm* và biểu thị (ở một điểm nào đó trong nhiều kiếp sống đầy xáo trộn) một sự tái định hướng chân thực về phía giới *thứ năm* của bản chất, Thiên Giới của các linh hồn.

436. From an astrological perspective, zodiacally considered, and in relation to the counter clockwise wheel (the wheel of consciousness), the fifth petal is a Leo petal. This fits remarkably well considering—

436. Từ góc nhìn chiêm tinh, xét theo hoàng đạo, và liên hệ với bánh xe ngược chiều kim đồng hồ (bánh xe của tâm thức), cánh hoa thứ năm là một cánh hoa Sư Tử. Điều này phù hợp một cách đáng chú ý nếu xét rằng—

a. That at the particular point in evolution under discussion the fifth kingdom of nature is coming into view. The Light of the Soul" is the particular kind of light which comes to the human kingdom through the sign Leo.

a. Ở điểm tiến hoá đặc biệt đang được bàn đến, giới thứ năm của bản chất đang hiện ra trong tầm nhìn. "Ánh Sáng của Linh Hồn" là loại ánh sáng đặc biệt đến với giới nhân loại qua dấu hiệu Sư Tử.

b. That the Solar Angel becomes "interested" in personality development. Leo is closely related to these Solar Angels and the individualization process which occurred under the impulsion of the Solar Angels

b. Thái dương Thiên Thần trở nên "quan tâm" đến sự phát triển của phàm ngã. Sư Tử gắn rất chặt với các Thái dương Thiên Thần này và tiến trình biệt ngã hóa xảy ra dưới xung lực của các Thái dương Thiên Thần đã

occurred in Leo (along with Sagittarius and Gemini).

diễn ra trong Sư Tử (cùng với Nhân Mã và Song Tử).

c. That the stage of dominant personality is reached under the influence of Leo. The fact that a powerful, dominant personality is forming during fifth petal processes is the reason for the many lives of turmoil. There is a struggle between a powerful personality and an increasingly *insistent* soul.

c. Giai đoạn phàm ngã trội vượt được đạt tới dưới ảnh hưởng của Sư Tử. Sự kiện một phàm ngã mạnh mẽ, trội vượt đang hình thành trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm là lý do của nhiều kiếp sống đầy xáo trộn. Có một cuộc đấu tranh giữa một phàm ngã mạnh mẽ và một linh hồn ngày càng *khẩn thiết*.

d. Leo is said to be the "most human sign of all" (EA 161). It is during the fifth petal processes that the human personality steps forth in all its glory, and yet with the potential for resisting the lighted, solar, spiritual impulses which are also closely associated with Leo.

d. Sư Tử được nói là "dấu hiệu nhân loại nhất trong tất cả" (EA 161). Chính trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm mà phàm ngã con người bước ra trong toàn bộ vinh quang của nó, nhưng đồng thời cũng với tiềm năng chống lại các xung lực tinh thần thái dương, được soi sáng, vốn cũng gắn rất chặt với Sư Tử.

437. From the clockwise perspective, we may consider the fifth petal either a Scorpio petal or a Libra petal depending upon whether we begin with Aries or Pisces.

437. Từ góc nhìn theo chiều kim đồng hồ, chúng ta có thể xem cánh hoa thứ năm hoặc là một cánh hoa Hổ Cáp hoặc là một cánh hoa Thiên Bình tùy theo việc chúng ta bắt đầu với Bạch Dương hay Song Ngư.

438. Interestingly, both these signs are related to Uranus (which rules Libra esoterically and which is exalted in Scorpio) and Uranus is directly implicated in the "reversal of the wheel".

438. Điều thú vị là cả hai dấu hiệu này đều liên hệ với Sao Thiên Vương (vốn cai quản Thiên Bình một cách huyền bí và được tôn vinh trong Hổ Cáp), và Sao Thiên Vương có liên can trực tiếp trong "sự đảo ngược bánh xe".

439. In the same way the fifth petal represents the transition from lunar to more solar living, so it represents the transition from limited Saturnian living (in the lower sense of Saturn) to a greater capacity for Uranian living.

439. Cũng như cánh hoa thứ năm biểu thị sự chuyển tiếp từ đời sống nguyệt sang đời sống thái dương hơn, nó cũng biểu thị sự chuyển tiếp từ đời sống giới hạn kiểu Sao Thổ (theo nghĩa thấp của Sao Thổ) sang một năng lực lớn hơn cho đời sống kiểu Sao Thiên Vương.

440. Libra is the balance between solar and lunar life. The idea is that, during fifth petal processes, the balance will be tipped in favor of the soul.

440. Thiên Bình là sự quân bình giữa đời sống thái dương và đời sống nguyệt. Ý tưởng là trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm, sự quân bình sẽ nghiêng về phía linh hồn.

441. Scorpio clearly represents struggle and the will to dominate the Hydra. The will to dominate is also strongly associated with Leo.

441. Hổ Cáp rõ ràng biểu thị sự đấu tranh và ý chí thống trị Hydra. Ý chí thống trị cũng gắn rất mạnh với Sư Tử.

442. The struggles of Hercules are intense during fifth petal processes, and interestingly the two "labours" for which Hercules was best known were the slaying of the Nemean Lion in Leo and the conquest of the Lernean Hydra in Scorpio.

442. Những cuộc đấu tranh của Hercules rất mãnh liệt trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm, và điều thú vị là hai "công trình" mà Hercules nổi tiếng nhất là việc giết Sư Tử Nemea trong Sư Tử và chinh phục Hydra Lernaean trong Hổ Cáp.

443. From another perspective, when comparing Leo and Scorpio, it is said that "Scorpio stages the release of Leo". To some extent (and later at the second initiation which involves the eighth petal) we can see this process working out at the fifth petal unfolds. By orienting rightly towards the Leonian Higher Self the consciousness is being released from the lower expression of Leo which emphasizes the personal ego.

443. Từ một góc nhìn khác, khi so sánh Sư Tử và Hổ Cáp, người ta nói rằng "Hổ Cáp dàn dựng sự giải thoát của Sư Tử". Ở một mức độ nào đó (và về sau ở lần điểm đạo thứ hai vốn liên hệ đến cánh hoa thứ tám), chúng ta có thể thấy tiến trình này diễn ra khi cánh hoa thứ năm khai mở. Bằng cách định hướng đúng đắn về phía Bản Ngã Cao Siêu kiểu Sư Tử, tâm thức đang được giải thoát khỏi biểu lộ thấp của Sư Tử vốn nhấn mạnh phàm ngã cá nhân.

444. Scorpio is one of the transmutative signs and so is Virgo (the glyphs of both signs suggesting the "M" of Matter). Under the influence of the soul the quality of matter in the vehicles of the substance is gradually improved and the consciousness beings to be released from preoccupation with the form. This is even more the case in relation to the sixth petal which is a Virgo petal if one begins counter-clockwise numbering with Aries, and a Scorpio petal if one numbers clockwise beginning also with Aries.

444. Hổ Cáp là một trong những dấu hiệu chuyển hoá và Xử Nữ cũng vậy (phù hiệu của cả hai dấu hiệu đều gợi chữ "M" của Vật chất). Dưới ảnh hưởng của linh hồn, phẩm tính của vật chất trong các vận cụ của chất liệu dần dần được cải thiện và tâm thức bắt đầu được giải thoát khỏi sự bận tâm với hình tướng. Điều này còn đúng hơn nữa liên hệ với cánh hoa thứ sáu, vốn là một cánh hoa Xử Nữ nếu bắt đầu đánh số ngược chiều kim đồng hồ từ Bạch Dương, và là một cánh hoa Hổ Cáp nếu đánh số theo chiều kim đồng hồ cũng bắt đầu từ Bạch Dương.

445. We remember that the water signs in general (according to our hypothesis) are related to the love tier. We related Cancer to the fourth petal and will relate Scorpio to the fifth. This gives Scorpio a kind of double emphasis at the fifth petal.

445. Chúng ta nhớ rằng các dấu hiệu hành thủy nói chung (theo giả thuyết của chúng ta) liên hệ với tầng bác ái. Chúng ta đã gắn Cự Giải với cánh hoa thứ tư và sẽ gắn Hổ Cáp với cánh hoa thứ năm. Điều này tạo cho Hổ Cáp một loại nhấn mạnh kép ở cánh hoa thứ năm.

446. For the first two tiers our progression through the triplicities has been: cardinal, fixed, mutable: Capricorn—Taurus—Virgo; Cancer—Scorpio—Pisces. It remains to be seen whether this sequence beginning with a cardinal sign can be applied with the same confidence to the sacrifice petals and the synthesis petals.

446. Đối với hai tầng đầu tiên, sự tiến triển của chúng ta qua các bộ ba là: chủ yếu, cố định, biến đổi: Ma Kết—Kim Ngưu—Xử Nữ; Cự Giải—Hổ Cáp—Song Ngư. Còn phải xem liệu chuỗi này bắt đầu bằng một dấu hiệu chủ yếu có thể được áp dụng với cùng mức độ tin cậy cho các cánh hoa hi sinh và các cánh hoa tổng hợp hay không.

447. Because the fifth petal marks a point of reorientation, we could say that Aries (opposite Libra) is also involved. There is a kind of "fresh start" in the human developmental process as the man turns towards his soul nature and becomes increasingly aware of the Solar Angel (although he may not know it is the Solar Angel, but may simply call it a "Higher Power".

447. Bởi vì cánh hoa thứ năm đánh dấu một điểm tái định hướng, chúng ta có thể nói rằng Bạch Dương (đối diện với Thiên Bình) cũng có liên quan. Có một loại "khởi đầu mới" trong tiến trình phát triển của con người khi con người quay về phía bản chất linh hồn của mình và ngày càng ý thức hơn về Thái dương Thiên Thần (dù y có thể không biết đó là Thái dương Thiên Thần, mà chỉ đơn giản gọi đó là một "Quyền Năng Cao Hơn".

448. When we count clockwise beginning with Aries, Sagittarius is assigned to the fifth petal. The 'arrow of the consciousness', the direction in which it is turned, must be oriented towards the soul.

448. Khi chúng ta đếm theo chiều kim đồng hồ bắt đầu từ Bạch Dương, Nhân Mã được gán cho cánh hoa thứ năm. "Mũi tên của tâm thức", phương hướng mà nó quay về, phải được định hướng về phía linh hồn.

449. From a planetary perspective, this is obviously a very *solar* petal. The Sun rules Leo. The Sun stands of the dominant personality. The Sun stands also for the Higher Self, now emerging into greater prominence. The Sun is a distributor of the second ray which obviously becomes

449. Từ góc độ hành tinh, đây hiển nhiên là một cánh hoa rất *thái dương*. Mặt Trời cai quản Sư Tử. Mặt Trời tượng trưng cho phàm ngã trội vượt. Mặt Trời cũng tượng trưng cho Bản Ngã Cao Siêu, nay đang nổi bật hơn. Mặt Trời là một đấng phân phối cung hai, điều hiển nhiên trở nên quan trọng khi Thái

important when the Solar Angel is exerting its influence.

450. The planet Venus should also be associated with the fifth petal because Venus represents the Solar Angel which becomes an increasingly magnetically influential factor during fifth petal processes. Venus expresses the *fifth* ray and we are dealing with the unfoldment of the *fifth* petal.

451. Mercury, the planet of the fourth ray (at least in the *soul* nature of this planet) represents the conflict and turmoil experienced by the individual passing through fifth petal processes. Mercury also has much to do with the fifth ray and this is the fifth petal.

452. Mercury is also the hierarchical ruler of Scorpio which features strongly in relation to the fifth petal. Mercury assists here is overcoming some of the earlier stages of illusion. Since there is an attempt during fifth petal processes to love the "Real", discriminative Mercury is necessarily involved as the man makes the effort to discriminate between the Real and the unreal.

453. Two ancient mantrams begin to become meaningful during fifth petal processes: "Lead us from darkness to Light". "Lead us from the unreal to the Real".

454. Some theorists have suggested the value of Jupiter in relation to this petal. The regime of 'limited, *materialistic* Saturn' is in process of concluding and second ray Jupiter, representing the soul is growing in strength. Also, Jupiter is the ruler of Sagittarius, which can be associated with

dương Thiên Thần đang phát huy ảnh hưởng của nó.

450. Hành tinh Kim Tinh cũng nên được liên kết với cánh hoa thứ năm vì Kim Tinh tượng trưng cho Thái dương Thiên Thần, vốn đang trở thành một yếu tố ngày càng có ảnh hưởng từ tính trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm. Kim Tinh biểu lộ cung *năm* và chúng ta đang bàn đến sự khai mở của cánh hoa thứ *năm*.

451. Sao Thủy, hành tinh của cung bốn (ít nhất là trong bản chất *linh hồn* của hành tinh này) tượng trưng cho xung đột và hỗn loạn mà cá nhân trải qua khi đi qua các tiến trình của cánh hoa thứ năm. Sao Thủy cũng liên hệ rất nhiều với cung năm và đây là cánh hoa thứ năm.

452. Sao Thủy cũng là chủ tinh huyền môn của Hổ Cáp, dấu hiệu nổi bật mạnh mẽ liên hệ với cánh hoa thứ năm. Sao Thủy trợ giúp ở đây trong việc vượt qua một số giai đoạn ảo tưởng trước đó. Vì trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm có một nỗ lực yêu mến "Cái Thực", nên Sao Thủy có tính phân biện tất yếu phải tham dự khi con người nỗ lực phân biện giữa Cái Thực và cái không thực.

453. Hai mantram cổ xưa bắt đầu trở nên có ý nghĩa trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm: "Dẫn dắt chúng con từ bóng tối đến Ánh sáng". "Dẫn dắt chúng con từ cái không thực đến Cái Thực".

454. Một số nhà lý thuyết đã gợi ý giá trị của Sao Mộc liên hệ với cánh hoa này. Chế độ của 'Thổ Tinh giới hạn, *duy vật*' đang trong tiến trình kết thúc và Sao Mộc cung hai, tượng trưng cho linh hồn, đang tăng trưởng sức mạnh. Ngoài ra, Sao Mộc là chủ tinh của Nhân Mã, có thể được liên kết với cánh hoa

this petal if we begin counting clockwise with Pisces.

455. The power of Uranus (involved in the "reversal of the wheel") is definitely implicated. Let us remember that the fifth petal is a petal of transmutation and seventh ray Uranus is the great Alchemist.

456. Both Jupiter and Uranus seem to take over from Saturn (when Saturn represents form, limitation and materialism). We remember that Jupiter with Uranus suggest "beneficent organization" (cf. EA 71), the emergence of a new and better order—the 'order of the soul'.

457. On the solar side of the equation we have the Sun, Venus, Jupiter and Uranus and during fifth petal processes, they struggle against Mars (ruler of Scorpio) and Saturn (in its materialistic expression) representing all that holds the soul a prisoner of form.

458. Neptune also has some influence at this petal as the man attempts to move into an increasingly subjective world, *sensitively* (for Leo is the sign of "sensitivity") reaching from the dominant personality under Leo to the Higher Self, also under Leo (and representative of the Heart of the Sun and of the "Real").

459. There is definitely a heart emphasis at this petal. The heart is the middle chakra and the fifth petal is the middle of nine petals. Neptune, as "repository of the solar flames" is involved in awakening the heart's expression of solar fire—the fire of the soul,

này nếu chúng ta bắt đầu đếm theo chiều kim đồng hồ từ Song Ngư.

455. Quyền năng của Sao Thiên Vương (liên hệ với "sự đảo ngược bánh xe") chắc chắn có dính líu. Chúng ta hãy nhớ rằng cánh hoa thứ năm là một cánh hoa chuyển hoá và Sao Thiên Vương cung bảy là Nhà Luyện Kim vĩ đại.

456. Cả Sao Mộc lẫn Sao Thiên Vương dường như tiếp quản từ Thổ Tinh (khi Thổ Tinh tượng trưng cho hình tướng, giới hạn và chủ nghĩa duy vật). Chúng ta nhớ rằng Sao Mộc cùng với Sao Thiên Vương gợi ý "sự tổ chức từ thiện" (x. EA 71), sự xuất hiện của một trật tự mới và tốt đẹp hơn—'trật tự của linh hồn'.

457. Ở phía thái dương của phương trình, chúng ta có Mặt Trời, Kim Tinh, Sao Mộc và Sao Thiên Vương, và trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm, chúng đấu tranh chống lại Sao Hỏa (chủ tinh của Hổ Cáp) và Thổ Tinh (trong biểu hiện duy vật của nó), tượng trưng cho tất cả những gì giam cầm linh hồn làm tù nhân của hình tướng.

458. Sao Hải Vương cũng có một số ảnh hưởng tại cánh hoa này khi con người cố gắng tiến vào một thế giới ngày càng chủ quan hơn, một cách *nhạy cảm* (vì Sư Tử là dấu hiệu của "tính nhạy cảm"), vươn từ phàm ngã trội vượt dưới Sư Tử đến Bản Ngã Cao Siêu, cũng dưới Sư Tử (và tượng trưng cho Trái Tim của Mặt Trời và cho "Cái Thực").

459. Chắc chắn có một sự nhấn mạnh vào tim tại cánh hoa này. Tim là luân xa ở giữa và cánh hoa thứ năm là trung tâm của chín cánh hoa. Sao Hải Vương, như "kho chứa các ngọn lửa thái dương", có liên quan đến việc đánh thức sự biểu lộ của tim đối với lửa thái

really experienced for the first time during fifth petal processes.

460. As Scorpio is so important at this petal, Pluto will also be found playing its part, contributing to a general catharsis arising from the conflict between the Sun and the Moon and which sometimes manifests as a dramatic, Leonian expressivity. It is Pluto which applies the powers of death to bring the regime of strictly lunar living to an end as the capacity for solar living increases in strength.

461. From a ray perspective, this is a petal of *struggle* and so the fourth ray will be prominent. The fourth ray is the ray expressing most powerfully through Scorpio —a sign doubly prominent at the fifth petal.

462. Because the soul aspect (representing the Real) is coming into increased prominence, the second ray so distinctly correlated with the Higher Ego and with the Solar Angel will be of importance here. The "love of the Real" is a distinctly second ray tendency.

463. Because this petal will see the emergence of many dominant personalities, we cannot ignore the potent influence of the first ray. The constellation Leo is expressive of the first ray. The first ray also expresses powerfully through Scorpio, not only through one of its rulers, Pluto, but implicitly through the constellation itself.

464. Some sixth ray may be present in the Neptunian yearning to move from focus upon the personal self to engagement with the Higher Self, the "Real".

dương—lửa của linh hồn, thực sự được kinh nghiệm lần đầu tiên trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm.

460. Vì Hổ Cáp rất quan trọng tại cánh hoa này, Sao Diêm Vương cũng sẽ được thấy đang đóng vai trò của nó, góp phần vào một sự thanh lọc tổng quát phát sinh từ xung đột giữa Mặt Trời và Mặt Trăng, và đôi khi biểu lộ như một tính biểu cảm đầy kịch tính kiểu Sư Tử. Chính Sao Diêm Vương vận dụng các quyền năng của cái chết để chấm dứt chế độ sống thuần túy nguyệt tính khi năng lực sống thái dương ngày càng mạnh hơn.

461. Từ góc độ cung, đây là một cánh hoa của *sự đấu tranh* và vì thế cung bốn sẽ nổi bật. Cung bốn là cung biểu lộ mạnh mẽ nhất qua Hổ Cáp—một dấu hiệu nổi bật gấp đôi tại cánh hoa thứ năm.

462. Bởi vì phương diện linh hồn (tượng trưng cho Cái Thực) đang ngày càng nổi bật, cung hai vốn tương quan rất rõ với Chân ngã Cao Siêu và với Thái dương Thiên Thần sẽ có tầm quan trọng ở đây. "Tình yêu đối với Cái Thực" là một khuynh hướng rõ rệt của cung hai.

463. Bởi vì cánh hoa này sẽ chứng kiến sự xuất hiện của nhiều phàm ngã trội vượt, chúng ta không thể bỏ qua ảnh hưởng mạnh mẽ của cung một. Chòm sao Sư Tử biểu lộ cung một. Cung một cũng biểu lộ mạnh mẽ qua Hổ Cáp, không chỉ qua một trong các chủ tinh của nó là Sao Diêm Vương, mà còn hàm ẩn qua chính chòm sao ấy.

464. Một ít cung sáu có thể hiện diện trong khát vọng kiểu Hải Vương muốn chuyển từ sự tập trung vào phàm ngã sang sự gắn kết với Bản Ngã Cao Siêu, "Cái Thực".

465. The fifth petal is *not* expressive of the third ray (except that the personality in general is expressive of the third ray and this is the petal of the integrated, dominant personality—integrated in its own nature but not yet integrated with the soul).

465. Cánh hoa thứ năm *không* biểu lộ cung ba (ngoại trừ việc phàm ngã nói chung biểu lộ cung ba và đây là cánh hoa của phàm ngã tích hợp, trội vượt—được tích hợp trong bản chất riêng của nó nhưng chưa được tích hợp với linh hồn).

466. If anything, the third ray (associated as it is with all things lunar) is in process of being overcome—at least by those who utilize the spiritual opportunity the fifth petal presents.

466. Nếu có gì, thì cung ba (vốn liên hệ với mọi sự nguyệt tính) đang trong tiến trình bị vượt thắng—ít nhất là bởi những ai tận dụng cơ hội tinh thần mà cánh hoa thứ năm mang lại.

467. The *fifth* ray is of importance in *fifth* petal processes because it introduces the presence of the *fifth* kingdom of souls. The luminous mind is important at the fifth petal stage, but even more important is the emerging presence of the Venusian Higher Self.

467. Cung *năm* có tầm quan trọng trong các tiến trình của cánh hoa thứ *năm* vì nó đưa vào sự hiện diện của giới thứ *năm* là giới các linh hồn. Trí tuệ sáng rực là điều quan trọng ở giai đoạn cánh hoa thứ năm, nhưng còn quan trọng hơn là sự hiện diện đang nổi lên của Bản Ngã Cao Siêu kiểu Kim Tinh.

468. It seems that we have listed almost all the rays and probably, even the seventh ray could be justified as important. Over the many lives required for the unfoldment of the five petals we have thus far discussed, *all* the rays have a particular significance. Probably there is a way of listing the rays (or any astrological factor) in some relative order of importance for the processes of each petal. This would be a difficult achievement and somewhat arbitrary, but would, at least, give some idea of the most important energies in any petal process.

468. Có vẻ như chúng ta đã liệt kê gần như tất cả các cung và có lẽ ngay cả cung bảy cũng có thể được biện minh là quan trọng. Trong nhiều kiếp sống cần thiết cho sự khai mở của năm cánh hoa mà cho đến nay chúng ta đã bàn đến, *tất cả* các cung đều có một ý nghĩa đặc biệt. Có lẽ có một cách liệt kê các cung (hay bất kỳ yếu tố chiêm tinh nào) theo một trật tự tương đối về tầm quan trọng đối với các tiến trình của mỗi cánh hoa. Đây sẽ là một thành tựu khó khăn và phần nào tùy tiện, nhưng ít nhất cũng cho một ý niệm về những năng lượng quan trọng nhất trong bất kỳ tiến trình cánh hoa nào.

469. The lists could be made in the two following general categories:

469. Các danh sách có thể được lập theo hai phạm trù tổng quát sau đây:

a. These energies *particularly*

a. Những năng lượng này *đặc biệt*

b. These energies *in addition.*

470. From the chakric perspective, the fifth petal is certainly a *heart* petal. The Ego is the heart of the monadic system. Contact with the soul (considered as the Real) requires the heart.

471. The heart is related to the numbers two, four and one—the numbers of the rays which we have considered prominent in fifth petal processes.

472. The battle at the fifth petal is between the heart representing the Sun and the solar energies and the solar plexus center (a sub-diaphragmatic center which is the synthesis of all the sub-diaphragmatic centers) representing the Moon and the lunar forces. Along this line, the fifth petal represents a kind of "dividing line" between an emphasis which focuses below the diaphragm and one that focuses above. As we reach the fifth petal the emphasis is *super*-diaphragmatic, which does not mean that the centers below the diaphragm have yet been completely regulated and subdued.

473. One other center would be of considerable importance here—the ajna center, correlated with Venus and Mercury and with the fifth and fourth rays.

474. The dominant personality found at this petal requires a strong expression of the directing ajna center. Admittedly, this is not its *highest* expression but the ajna is definitely involved in personality integration and personality assertion.

b. Những năng lượng này *bổ sung thêm.*

470. Từ góc độ luân xa, cánh hoa thứ năm chắc chắn là một cánh hoa *tim.* Chân ngã là tim của hệ chân thần. Tiếp xúc với linh hồn (được xem là Cái Thực) đòi hỏi tim.

471. Tim liên hệ với các số hai, bốn và một—các con số của những cung mà chúng ta đã xem là nổi bật trong các tiến trình của cánh hoa thứ năm.

472. Cuộc chiến tại cánh hoa thứ năm là giữa tim tượng trưng cho Mặt Trời và các năng lượng thái dương, với trung tâm tùng thái dương (một trung tâm dưới cơ hoành, là tổng hợp của mọi trung tâm dưới cơ hoành) tượng trưng cho Mặt Trăng và các lực nguyệt tính. Theo đường hướng này, cánh hoa thứ năm tượng trưng cho một loại "ranh giới phân chia" giữa một sự nhấn mạnh tập trung dưới cơ hoành và một sự nhấn mạnh tập trung phía trên. Khi chúng ta đạt đến cánh hoa thứ năm, sự nhấn mạnh là *trên*-cơ hoành, điều này không có nghĩa là các trung tâm dưới cơ hoành đã được điều hòa và chế ngự hoàn toàn.

473. Một trung tâm khác cũng có tầm quan trọng đáng kể ở đây—trung tâm ajna, tương quan với Kim Tinh và Sao Thủy, và với cung năm cùng cung bốn.

474. Phàm ngã trội vượt được tìm thấy tại cánh hoa này đòi hỏi một sự biểu lộ mạnh mẽ của trung tâm ajna chỉ đạo. Phải thừa nhận rằng đây không phải là biểu lộ *cao nhất* của nó, nhưng ajna chắc chắn có liên quan đến sự tích hợp phàm ngã và sự khẳng định phàm ngã.

475. The individual who is achieving unfoldment of the fifth petal has the power to integrate the personality and direct himself forward—whether more deeply into the world of form or towards the world of the Real.

475. Cá nhân đang đạt đến sự khai mở của cánh hoa thứ năm có năng lực tích hợp phàm ngã và tự hướng mình tiến lên—hoặc sâu hơn vào thế giới hình tướng, hoặc hướng về thế giới của Cái Thực.

476. The number *four* is associated with the ajna (given the four colours which express through it). The integrated personality is *fourfold.*

476. Con số *bốn* được liên kết với ajna (xét theo bốn màu sắc biểu lộ qua nó). Phàm ngã tích hợp là *tứ phân.*

477. There are a number of chakric triangles associated with the expression of human life at various stages of unfoldment. The processes involved with each petal implicate a particular triangle or triangles.

477. Có một số tam giác luân xa liên hệ với sự biểu lộ của đời sống con người ở các giai đoạn khai mở khác nhau. Các tiến trình liên hệ với mỗi cánh hoa đều hàm ý một tam giác hay nhiều tam giác đặc thù.

478. The fifth petal for instance can reasonably be associated with the ajna/heart/solar plexus or the ajna/heart/throat.

478. Chẳng hạn, cánh hoa thứ năm có thể được liên kết một cách hợp lý với ajna/tim/tùng thái dương hoặc ajna/tim/trung tâm cổ họng.

479. In the fifth petal we have the energetic focus during which the white magic of the soul begins to emerge, consciously, in human living.

479. Trong cánh hoa thứ năm, chúng ta có tiêu điểm năng lượng trong đó Chánh Thuật của linh hồn bắt đầu xuất hiện một cách có ý thức trong đời sống con người.

3. The Petal of Sacrifice for the astral plane;

3. Cánh hoa Hi sinh cho cõi cảm dục;

480. We remind ourselves that every knowledge petal relates to the third ray, every love petal to the second, and every petal of sacrifice to the first.

480. Chúng ta tự nhắc mình rằng mỗi cánh hoa tri thức liên hệ với cung ba, mỗi cánh hoa bác ái với cung hai, và mỗi cánh hoa hi sinh với cung một.

481. The petal under discussion can be considered the *sixth* petal, overall. By numerical affinity, it would be associated with the sixth ray, the first ray, and with the second ray because all love petals are associated generically with the second ray.

481. Cánh hoa đang được bàn đến có thể được xem là cánh hoa thứ *sáu*, xét tổng thể. Theo sự tương hợp số học, nó sẽ được liên kết với cung sáu, cung một, và với cung hai vì mọi cánh hoa bác ái đều được liên kết một cách tổng quát với cung hai.

482. We will first consider general impressions.

482. Trước hết chúng ta sẽ xem xét những ấn tượng tổng quát.

unfoldment is brought about by the attitude of man as he [Page 541] consciously endeavours to give up his own desires for the sake of his group.

sự khai mở được mang lại bởi thái độ của con người khi y [Page 541] một cách có ý thức nỗ lực từ bỏ những ham muốn riêng của mình vì lợi ích của nhóm mình.

483. We see that those passing through sixth petal processes have a definitely spiritual orientation, even if they are unconscious of the actual spiritual realities.

483. Chúng ta thấy rằng những ai đang đi qua các tiến trình của cánh hoa thứ sáu có một định hướng rõ rệt về tinh thần, dù họ chưa ý thức về các thực tại tinh thần thực sự.

484. The early stages of group consciousness are appearing. It may not be a *spiritual* group consciousness of the kind we study in the Ageless Wisdom Teaching, but it promotes the relinquishment of selfishness and the attempt to advance the welfare of *others.*

484. Những giai đoạn đầu của tâm thức nhóm đang xuất hiện. Có thể đó chưa phải là một tâm thức nhóm *tinh thần* theo loại mà chúng ta nghiên cứu trong giáo huấn Minh Triết Ngàn Đời, nhưng nó thúc đẩy sự từ bỏ tính ích kỷ và nỗ lực thăng tiến phúc lợi của *người khác.*

485. In the ongoing battle between heart and solar plexus, the heart is gaining the upper hand.

485. Trong cuộc chiến đang tiếp diễn giữa tim và tùng thái dương, tim đang chiếm ưu thế.

His motive is still somewhat a blind one, and still coloured by the desire for a return of that which he gives and for love from those he seeks to serve,

Động cơ của y vẫn còn phần nào mù quáng, và vẫn nhuốm màu bởi ham muốn được đền đáp cho điều mình cho đi và được yêu thương từ những người mà y tìm cách phụng sự,

486. This means that the man (although oriented towards something higher and more spiritual) is still subject to personality energy. This will mean that in relation to this sixth petal the center through which the sixth ray pours, the solar plexus center (expressive of personality) will still be very active. The “desire for a return of that which he gives” and “for love from those he seeks to serve” is a solar plexus desire.

486. Điều này có nghĩa là con người (dù được định hướng về một điều gì cao hơn và tinh thần hơn) vẫn còn chịu ảnh hưởng của năng lượng phàm ngã. Điều này sẽ có nghĩa rằng liên hệ với cánh hoa thứ sáu này, trung tâm mà cung sáu tuôn đổ qua, tức trung tâm tùng thái dương (biểu lộ phàm ngã), vẫn sẽ rất hoạt động. “Ham muốn được đền đáp cho điều mình cho đi” và “được yêu thương từ những người mà y tìm cách phụng sự” là một ham muốn của tùng thái dương.

487. We notice that (because we are dealing with a *sacrifice* petal) the man is relinquishing something, giving up something of lesser value for something of greater value, even though pain may be involved in the process.

487. Chúng ta lưu ý rằng (vì chúng ta đang bàn đến một cánh hoa *hi sinh*) con người đang từ bỏ một điều gì đó, buông bỏ một điều có giá trị thấp hơn để đổi lấy một điều có giá trị cao hơn, dù đau đớn có thể liên quan đến tiến trình này.

but it is of a much higher order than the blind sacrifice to which a man is driven by circumstances as is the case in the earlier unfoldment.

nhưng đó là một loại ở cấp độ cao hơn nhiều so với sự hi sinh mù quáng mà một người bị hoàn cảnh thúc ép phải thực hiện như trường hợp trong sự khaimở sớm hơn.

488. We are contrasting the approach to sacrifice as expressed through two petals—the sacrifice petal of the knowledge tier and the sacrifice petal of the love tier. The sixth petal process is much more *conscious.*

488. Chúng ta đang đối chiếu cách tiếp cận đối với sự hi sinh như được biểu lộ qua hai cánh hoa—cánh hoa hi sinh của tầng tri thức và cánh hoa hi sinh của tầng bác ái. Tiến trình của cánh hoa thứ sáu có tính *ý thức* hơn nhiều.

489. To be driven by circumstance to sacrifice is of a lower order than to consciously *choose* sacrifice for the sake of others. Saturn as a planet of choice is active at the sixth petal and as a planet of compulsion and fate, at the third petal.

489. Bị hoàn cảnh thúc ép phải hi sinh là ở một cấp thấp hơn so với việc một cách có ý thức *chọn lựa* hi sinh vì lợi ích của người khác. Thổ Tinh như một hành tinh của sự chọn lựa hoạt động tại cánh hoa thứ sáu, và như một hành tinh của sự cưỡng bách và số mệnh, tại cánh hoa thứ ba.

As this threefold enlightenment or unfoldment proceeds, again a dual result is seen:

Khi sự giác ngộ hay khai mở tam phân này tiến triển, một lần nữa một kết quả nhị phân được thấy:

490. The unfolding of the three love petals is called a “threefold enlightenment”.

490. Sự khai mở của ba cánh hoa bác ái được gọi là một “sự giác ngộ tam phân”.

491. Whenever we have passed through the unfoldment of three petals in the same tier, the Tibetan offers us a summary of the process.

491. Bất cứ khi nào chúng ta đã đi qua sự khai mở của ba cánh hoa trong cùng một tầng, Chân sư Tây Tạng đều đưa ra cho chúng ta một bản tóm lược của tiến trình.

The astral permanent atom comes into full activity and radiance, as regards five of its

Nguyên tử trường tồn cảm dục đi vào hoạt động và bức xạ trọn vẹn, xét theo năm loa

spirillae, and the two atoms of the physical and the astral planes are equally vibrant.

492. Here we have an important hint. We recall that the activation of the fifth and sixth spirilla related to egoic development. We are clearly in the process of egoic unfoldment but we have not reached that point in the process which occurs once the initiatory process has begun.

The fifth and sixth spirillae are more specifically under the egoic Ray, whatever that Ray may be. (TCF 531)

493. This means that the fifth spirilla is activated during the process which sees the unfolding of the love petals and that the sixth spirilla is activated during the initiatory process when the Planetary Logos is stimulating spiritual group consciousness.

494. We are learning that egoic unfoldment is definitely a part of the unfoldment of the love petals (probably the unfoldment of the latter part of the fifth and all of the sixth), but that such unfoldment is not sufficient to indicate that the stage of initiation, per se, has begun (a stage which commences, so it seems, with the development or unfoldment of seventh petal).

The three petals of the central ring of the egoic lotus come also into full unfoldment, and the heart centre of the Monad is seen as a wheel of fire with six of its spokes in full display of energy and rapidly rotating.

495. When two tiers and six petals are fully unfolded, the human being stands on the periphery of the process of initiation, per se.

tuyến của nó, và hai nguyên tử của cõi hồng trần và cõi cảm dục rung động ngang nhau.

492. Ở đây chúng ta có một gợi ý quan trọng. Chúng ta nhớ rằng sự hoạt hóa loa tuyến thứ năm và thứ sáu liên hệ với sự phát triển chân ngã. Chúng ta rõ ràng đang ở trong tiến trình khai mở chân ngã nhưng chưa đạt đến điểm trong tiến trình xảy ra một khi tiến trình điểm đạo đã bắt đầu.

Các loa tuyến thứ năm và thứ sáu đặc biệt nằm dưới cung chân ngã, bất kể cung ấy là cung nào. (TCF 531)

493. Điều này có nghĩa là loa tuyến thứ năm được hoạt hóa trong tiến trình chứng kiến sự khai mở của các cánh hoa bác ái và loa tuyến thứ sáu được hoạt hóa trong tiến trình điểm đạo khi Đức Hành Tinh Thượng Đế đang kích thích tâm thức nhóm tinh thần.

494. Chúng ta đang học rằng sự khai mở chân ngã chắc chắn là một phần của sự khai mở các cánh hoa bác ái (có lẽ là sự khai mở của phần sau của cánh hoa thứ năm và toàn bộ cánh hoa thứ sáu), nhưng sự khai mở như thế chưa đủ để chỉ ra rằng giai đoạn điểm đạo, chính nó, đã bắt đầu (một giai đoạn mà dường như khởi sự với sự phát triển hay khai mở của cánh hoa thứ bảy).

Ba cánh hoa của vòng trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã cũng đi vào sự khai mở trọn vẹn, và trung tâm tim của chân thần được thấy như một bánh xe lửa với sáu nan hoa của nó phô bày trọn vẹn năng lượng và quay rất nhanh.

495. Khi hai tầng và sáu cánh hoa được khai mở hoàn toàn, con người đứng trên chu vi của tiến trình điểm đạo, chính nó.

496. The view of the egoic lotus as a “wheel” is here put forward. This wheel is in increasingly rapid rotation as the evolutionary process advances.

496. Ở đây quan niệm về Hoa Sen Chân Ngã như một “bánh xe” được đưa ra. Bánh xe này quay ngày càng nhanh khi tiến trình tiến hoá tiến triển.

497. We are reminded of an important consideration: the egoic lotus is the “heart centre of the Monad”.

497. Chúng ta được nhắc về một điểm cân nhắc quan trọng: Hoa Sen Chân Ngã là “trung tâm tim của chân thần”.

498. From the counter clockwise perspective of the zodiacal signs, beginning with Aries, the sixth petal is ruled by the sixth sign, Virgo. We know that in Virgo, the Christ Consciousness is deliberately cultivated and that man begins to learn consciously to serve a will higher than his own. Virgo (like Pisces) is a sacrificial sign. In Virgo one learns (often because one has little choice in the matter) to put others first. Significant lessons in humility are brought home.

498. Từ góc nhìn ngược chiều kim đồng hồ của các dấu hiệu hoàng đạo, bắt đầu với Bạch Dương, cánh hoa thứ sáu được cai quản bởi dấu hiệu thứ sáu, Xử Nữ. Chúng ta biết rằng trong Xử Nữ, Tâm thức Christ được nuôi dưỡng một cách có chủ ý và con người bắt đầu học một cách có ý thức để phụng sự một ý chí cao hơn ý chí của riêng mình. Xử Nữ (giống như Song Ngư) là một dấu hiệu hi sinh. Trong Xử Nữ người ta học (thường vì người ta ít có lựa chọn trong vấn đề này) cách đặt người khác lên trước. Những bài học quan trọng về đức khiêm nhường được khắc sâu.

499. From the clockwise perspective we have Scorpio if we begin with Aries and Libra is we begin with Pisces.

499. Từ góc nhìn theo chiều kim đồng hồ, chúng ta có Hổ Cáp nếu bắt đầu với Bạch Dương và có Thiên Bình nếu bắt đầu với Song Ngư.

500. Scorpio (a sign of sacrifice and relinquishment) fits well with this particular sacrifice petal in which the man finds himself slowly and painstakingly winning the battle with selfishness.

500. Hổ Cáp (một dấu hiệu của hi sinh và từ bỏ) rất phù hợp với cánh hoa hi sinh đặc thù này, trong đó con người thấy mình đang chậm rãi và nhọc nhằn chiến thắng cuộc chiến với tính ích kỷ.

501. Libra accords well with processes which place the group and its needs before the individual and his desires.

501. Thiên Bình rất phù hợp với những tiến trình đặt nhóm và các nhu cầu của nhóm lên trước cá nhân và các ham muốn của y.

502. We might also say that the unfoldment processes of this sixth petal see the beginning of Aquarian attitudes. The words “for the sake of the group” are important

502. Chúng ta cũng có thể nói rằng các tiến trình khai mở của cánh hoa thứ sáu này chứng kiến sự khởi đầu của các thái độ Bảo Bình. Những lời “vì lợi ích của nhóm” là

here. Libra also brings forth altruism which is required for the development of true group consciousness.

quan trọng ở đây. Thiên Bình cũng làm phát sinh lòng vị tha vốn cần thiết cho sự phát triển của tâm thức nhóm chân chính.

503. Remembering that the water signs have been hypothesized as related to the love tier, we will assign Pisces (a sign of service, relinquishment and sacrifice, and opposite to Virgo) to this sixth petal. Pisces is a sign most useful in overcoming selfishness and introducing the dynamic of "self-effacement" (later to be developed in great measure).

503. Ghi nhớ rằng các dấu hiệu hành thủy đã được giả thuyết là có liên hệ với tầng bác ái, chúng ta sẽ gán Song Ngư (một dấu hiệu của phụng sự, từ bỏ và hi sinh, và đối diện với Xử Nữ) cho cánh hoa thứ sáu này. Song Ngư là một dấu hiệu rất hữu ích trong việc vượt thắng tính ích kỷ và đưa vào động lực của "sự xóa mình" (về sau sẽ được phát triển ở mức độ lớn).

504. Pisces is also a sign critical in the aspirant's movement from the Mutable Cross to the Fixed Cross, and we may hypothesize that the sixth petal is the area of activity in which this transition is made. Life upon the Fixed Cross begins with the first initiation, which is the province of the seventh petal.

504. Song Ngư cũng là một dấu hiệu then chốt trong sự chuyển động của người chí nguyện từ Thập Giá Biến đổi sang Thập Giá Cố Định, và chúng ta có thể giả thuyết rằng cánh hoa thứ sáu là lĩnh vực hoạt động trong đó sự chuyển tiếp này được thực hiện. Đời sống trên Thập Giá Cố Định bắt đầu với lần điểm đạo thứ nhất, vốn thuộc phạm vi của cánh hoa thứ bảy.

Then the second series of petals are opened, during a period of time covering his participation intelligently in world affairs **until he enters the spiritual kingdom at the first Initiation**; and a final and briefer period wherein the three higher or inner ring of petals are developed and opened. (TCF 543)

Khi đó loạt cánh hoa thứ hai được mở ra, trong một khoảng thời gian bao trùm sự tham gia một cách thông minh của y vào các công việc thế gian **cho đến khi y bước vào giới tinh thần trong lần điểm đạo thứ nhất**; và một giai đoạn cuối cùng ngắn hơn trong đó ba cánh hoa cao hơn hay vòng trong được phát triển và mở ra. (TCF 543)

505. We should be reminded that both Virgo and Pisces are associated with the process of *service*—and it is in relation to this sixth petal that the human being is learning *conscious service*—not the enforced servitude which prepares the way for later service. Further, Pisces, is the sign associated particularly with the Law of Service—the third Law of the Soul.

505. Chúng ta nên được nhắc rằng cả Xử Nữ lẫn Song Ngư đều liên hệ với tiến trình *phụng sự*—và chính liên hệ với cánh hoa thứ sáu này mà con người đang học *sự phụng sự có ý thức*—không phải sự phục dịch bị cưỡng bách vốn chuẩn bị con đường cho sự phụng sự về sau. Hơn nữa, Song Ngư là dấu hiệu đặc biệt liên hệ với Định luật Phụng sự—Định luật thứ ba của linh hồn.

506. From a planetary perspective, that which the Moon (esoteric ruler of Virgo) represents (i.e., the lunar vehicles) is continually purified, and the personal tendencies induces by Mars (the planet of selfishness) are overcome.

506. Từ góc độ hành tinh, điều mà Mặt Trăng (chủ tinh huyền môn của Xử Nữ) tượng trưng cho (tức các vận cụ nguyệt tính) liên tục được thanh lọc, và các khuynh hướng cá nhân do Sao Hỏa gây ra (hành tinh của tính ích kỷ) được vượt thắng.

507. Neptune is a sacrificial planet and is one of the rulers of Virgo (veiled by the Moon). The giving up of one's own desires is Neptunian. Neptune, in this respect, 'opposes' Mars—both of them planets of the sixth ray and related to the astral body, but related to different dynamics in the astral body (selfish dynamics and selfless dynamics).

507. Sao Hải Vương là một hành tinh hi sinh và là một trong các chủ tinh của Xử Nữ (được Mặt Trăng che giấu). Việc từ bỏ những ham muốn riêng của mình là tính Hải Vương. Về phương diện này, Sao Hải Vương 'đối lập' với Sao Hỏa—cả hai đều là những hành tinh của cung sáu và liên hệ với thể cảm dục, nhưng liên hệ với những động lực khác nhau trong thể cảm dục (động lực ích kỷ và động lực vô ngã).

508. In the ongoing drama between the solar plexus center and the heart center, the heart is beginning to win. This will signify the emergence of the power of Jupiter (ruler of the heart center for advanced human beings, aspirants and disciples, and also the hierarchical ruler of Virgo). Somewhere during sixth petal processes, the individual is definitely becoming an aspirant. He aspires to that unfoldment which will be consummated at the first initiation—the "Birth of the Christ in the Cave of the Heart". Sixth petal processes, therefore, as spiritually 'pre-natal'.

508. Trong vở kịch đang tiếp diễn giữa trung tâm tùng thái dương và trung tâm tim, tim đang bắt đầu chiến thắng. Điều này sẽ biểu thị sự xuất hiện của quyền năng Sao Mộc (chủ tinh của trung tâm tim đối với những con người tiến hóa cao, những người chí nguyện và các đệ tử, và cũng là chủ tinh huyền giai của Xử Nữ). Ở một điểm nào đó trong các tiến trình của cánh hoa thứ sáu, cá nhân chắc chắn đang trở thành một người chí nguyện. Y khát vọng đến sự khai mở sẽ được hoàn tất trong lần điểm đạo thứ nhất —"Sự Giáng Sinh của Đức Christ trong Hang Động của Tim". Vì vậy, các tiến trình của cánh hoa thứ sáu mang tính 'tiền sinh' về mặt tinh thần.

509. The influence of the Solar Angel continues to grow. That Angel has 'looked down' with attentiveness from the time the fifth petal has been the individual's focus and is now gaining a greater grip upon the personality. This will signify the continued importance of the planet Venus, which

509. Ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần tiếp tục tăng trưởng. Thiên Thần ấy đã 'nhìn xuống' với sự chú tâm từ khi cánh hoa thứ năm là tiêu điểm của cá nhân và nay đang nắm giữ phàm ngã mạnh hơn. Điều này sẽ biểu thị tầm quan trọng tiếp tục của hành tinh Kim Tinh, vốn hoạt động chống lại tính ích kỷ của phàm ngã (do Sao Hỏa cai quản).

works against the selfishness of the personality (ruled by Mars).

510. The soul's grip upon the personality is represented by Vulcan (also a ruler of Virgo —veiled by the Moon).

511. Pluto, the esoteric ruler of Pisces and a ruler of Scorpio (both of them signs associated with this petal) cuts the ties between the Mutable Cross and the Fixed Cross. The man is preparing to leave behind (Pluto) the life of the personality. Pluto, needless to say, is also a planet of sacrifice.

512. The influence of Saturn must also be discussed. Saturn (in its higher expression as duty and responsibility) is the opponent of the selfishness of Mars. Where the man consciously disciplines himself to give up that which stands in the way of the welfare of the group, Saturn is involved. Saturn is also one of the rulers of Aquarius the energy of which begins to have some importance because the group begins to be is considered of more importance than the individual. Saturn is doubly potent in Libra, the sign of altruism. The needs of the aspirants "brother" are not yet of "greater moment than his own", but those two forms of need are being balanced and the trend is in the direction of altruism. In this case, Saturn compels the altruistic response.

513. The sixth petal is definitely a petal of preparation—preparation for initiation and the disciplic treading of the Path. There is a growing intelligence indicated by Mercury regarding those adaptations which are demanded in the personality nature if it is to

510. Sự nắm giữ của linh hồn đối với phàm ngã được tượng trưng bởi Vulcan (cũng là một chủ tinh của Xử Nữ—được Mặt Trăng che giấu).

511. Sao Diêm Vương, chủ tinh huyền môn của Song Ngư và là một chủ tinh của Hổ Cáp (cả hai đều là những dấu hiệu liên hệ với cánh hoa này) cắt đứt các mối ràng buộc giữa Thập Giá Biến đổi và Thập Giá Cố Định. Con người đang chuẩn bị bỏ lại phía sau (Sao Diêm Vương) đời sống của phàm ngã. Không cần phải nói, Sao Diêm Vương cũng là một hành tinh của hi sinh.

512. Ảnh hưởng của Thổ Tinh cũng phải được bàn đến. Thổ Tinh (trong biểu lộ cao hơn của nó như bổn phận và trách nhiệm) là đối thủ của tính ích kỷ của Sao Hỏa. Ở đâu con người một cách có ý thức tự kỷ luật mình để từ bỏ điều gì cản trở phúc lợi của nhóm, ở đó Thổ Tinh có liên quan. Thổ Tinh cũng là một trong các chủ tinh của Bảo Bình, năng lượng của dấu hiệu này bắt đầu có một số tầm quan trọng vì nhóm bắt đầu được xem là quan trọng hơn cá nhân. Thổ Tinh có uy lực gấp đôi trong Thiên Bình, dấu hiệu của lòng vị tha. Nhu cầu của "huynh đệ" của người chí nguyện chưa phải là "quan trọng hơn nhu cầu của chính y", nhưng hai hình thức nhu cầu ấy đang được quân bình và xu hướng đang theo hướng vị tha. Trong trường hợp này, Thổ Tinh cưỡng bách sự đáp ứng vị tha.

513. Cánh hoa thứ sáu chắc chắn là một cánh hoa chuẩn bị—chuẩn bị cho điểm đạo và cho việc bước đi trên Con Đường Đệ Tử. Có một trí tuệ ngày càng tăng được Sao Thủy biểu thị liên quan đến những sự thích nghi được đòi hỏi trong bản chất phàm ngã nếu

fit itself to respond as required to the Higher Self. Intelligence is needed for purification and Mercury provides that intelligence. We note that Mercury is the orthodox ruler of Virgo (the sign most prominently associated with this sixth petal).

nó muốn tự làm cho mình thích hợp để đáp ứng như được yêu cầu đối với Bản Ngã Cao Siêu. Trí tuệ là cần thiết cho sự thanh lọc và Sao Thủy cung cấp trí tuệ ấy. Chúng ta lưu ý rằng Sao Thủy là chủ tinh ngoại môn của Xử Nữ (dấu hiệu liên hệ nổi bật nhất với cánh hoa thứ sáu này).

514. From the ray perspective, we have a growing second ray as the soul looms as a factor increasingly *real*. The second ray is associated with Virgo, Pisces and even Libra (esoterically)—all signs we have associated with sixth petal processes.

514. Từ góc độ cung, chúng ta có một cung hai đang tăng trưởng khi linh hồn hiện ra như một yếu tố ngày càng *thực*. Cung hai liên hệ với Xử Nữ, Song Ngư và ngay cả Thiên Bình (một cách huyền bí)—tất cả đều là những dấu hiệu mà chúng ta đã liên kết với các tiến trình của cánh hoa thứ sáu.

515. Because the sixth petal is a petal of sacrifice and purification, the sixth ray is necessarily involved, along with the aspirational aspect of Mars (not its selfish aspect). Each of the sacrifice petals is a kind of "burning ground" which anticipates entry into the next higher tier. The sixth ray (related to fiery Mars) is always part of burning ground processes (at least the earlier ones, as later Uranus is involved with the "*final* burning ground").

515. Bởi vì cánh hoa thứ sáu là một cánh hoa hi sinh và thanh lọc, cung sáu tất yếu có liên quan, cùng với phương diện khát vọng của Sao Hỏa (không phải phương diện ích kỷ của nó). Mỗi cánh hoa hi sinh là một loại "vùng đất cháy" báo trước việc bước vào tầng cao hơn kế tiếp. Cung sáu (liên hệ với Sao Hỏa rực lửa) luôn là một phần của các tiến trình vùng đất cháy (ít nhất là những tiến trình sớm hơn, vì về sau Sao Thiên Vương có liên quan đến "vùng đất cháy *cuối cùng*").

516. All sacrifice petals involve the first ray in some manner of expression. The first ray is involved with destroying the past and entering the future. Sacrifice is the process in which the past is relinquished and the future penetrated. In this respect the sacrifice petals of the knowledge and love tier are both transitional and involve such relinquishment and penetration. The *entire sacrifice tier* is transitional and prepares for entry into the buddhic plane.

516. Mọi cánh hoa hi sinh đều liên quan đến cung một theo một cách biểu lộ nào đó. Cung một liên quan đến việc hủy diệt quá khứ và bước vào tương lai. Hi sinh là tiến trình trong đó quá khứ được từ bỏ và tương lai được xuyên nhập. Về phương diện này, các cánh hoa hi sinh của tầng tri thức và tầng bác ái đều có tính chuyển tiếp và liên quan đến sự từ bỏ cùng sự xuyên nhập như thế. *Toàn bộ tầng hi sinh* có tính chuyển tiếp và chuẩn bị cho việc bước vào cõi Bồ đề.

517. In general, the third ray must be mentioned. This sixth petal is the third petal of the second tier, and the numbers six and three are closely related. We recall that much

517. Nói chung, cung ba phải được nhắc đến. Cánh hoa thứ sáu này là cánh hoa thứ ba của tầng thứ hai, và các số sáu và ba có liên hệ chặt chẽ. Chúng ta nhớ rằng nhiều sự chuẩn

preparation for the first initiation occurs on the third ray, and petal six sees such processes of preparation instituted.

bị cho lần điểm đạo thứ nhất diễn ra trên cung ba, và cánh hoa thứ sáu chứng kiến những tiến trình chuẩn bị như thế được khởi sự.

518. From the chakric perspective, we have a growing emphasis upon the heart and upon the solar plexus center in its aspirational aspect. We might say that the higher solar plexus related to Neptune is stimulated in its reach towards the heart center.

518. Từ góc độ luân xa, chúng ta có một sự nhấn mạnh ngày càng tăng vào tim và vào trung tâm tùng thái dương trong phương diện khát vọng của nó. Chúng ta có thể nói rằng tùng thái dương cao hơn liên hệ với Sao Hải Vương được kích thích trong sự vươn tới trung tâm tim.

519. The main interplay is between solar plexus and heart—negating the lower solar plexus and stimulating the higher. The two signs Virgo and Pisces *both* emphasize the heart and solar plexus through the second and sixth rays which express through them.

519. Sự tương tác chính là giữa tùng thái dương và tim—phủ định tùng thái dương thấp hơn và kích thích tùng thái dương cao hơn. Hai dấu hiệu Xử Nữ và Song Ngư *đều* nhấn mạnh tim và tùng thái dương qua cung hai và cung sáu biểu lộ qua chúng.

520. Naturally there will be a growing intelligence as the third aspect (with the assistance of the throat center) is integrated and prepared for submission to the soul and a growing sense of spiritual direction through the ajna center as the personality continues its reach towards the Higher Self.

520. Một cách tự nhiên sẽ có một trí tuệ ngày càng tăng khi phương diện ba (với sự trợ giúp của trung tâm cổ họng) được tích hợp và chuẩn bị để quy phục linh hồn, cùng một cảm nhận ngày càng tăng về định hướng tinh thần qua trung tâm ajna khi phàm ngã tiếp tục vươn tới Bản Ngã Cao Siêu.

521. It is important to realize that all chakras are active to a specific degree at all times. Ours is the task of discerning the chakric emphases and relationships at any particular time.

521. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng mọi luân xa đều hoạt động ở một mức độ nhất định vào mọi lúc. Nhiệm vụ của chúng ta là phân biện những sự nhấn mạnh và những mối liên hệ luân xa vào bất kỳ thời điểm đặc thù nào.

c. Third Group of Petals—Sacrifice Petals:

c. Nhóm Cánh hoa Thứ ba—Các Cánh hoa Hi sinh:

522. It must be increasingly obvious that the entire evolutionary unfoldment of the human being is greatly illuminated by a close study of the egoic lotus—its energy/force associations and unfoldments.

522. Hẳn phải ngày càng hiển nhiên rằng toàn bộ sự khai mở tiến hoá của con người được soi sáng rất nhiều nhờ một nghiên cứu chặt chẽ về Hoa Sen Chân Ngã—các liên kết

năng lượng/mãnh lực và các sự khai mở của nó.

523. The unfolding 'subjective flower' reveals to the astute eye (the eye of the initiate) the exact condition of the evolving human individual. If we can understand with a degree of detachment exactly where we stand on the "ladder of evolution" we can do something constructive about improving our position.

523. "Đóa hoa chủ quan" đang khai mở tiết lộ cho con mắt tinh tường (con mắt của điểm đạo đồ) tình trạng chính xác của cá nhân nhân loại đang tiến hoá. Nếu chúng ta có thể thấu hiểu với một mức độ tách rời chính xác mình đang đứng ở đâu trên "nấc thang tiến hoá" thì chúng ta có thể làm điều gì đó có tính xây dựng để cải thiện vị trí của mình.

524. We are now entering a study of those petals which have specifically to do with the process of initiation—the first through third initiations.

524. Giờ đây chúng ta đang bước vào một nghiên cứu về những cánh hoa có liên hệ đặc biệt với tiến trình điểm đạo—từ lần điểm đạo thứ nhất đến lần điểm đạo thứ ba.

525. If the knowledge tier can be considered the Lemurian Petals and the love tier the Atlantean, then the sacrifice petals are to be correlated with the Aryan stage of development. Naturally, this cannot be a hard and fast division, but is reasonably indicative.

525. Nếu tầng tri thức có thể được xem là các Cánh hoa Lemuria và tầng bác ái là các Cánh hoa Atlantis, thì các cánh hoa hi sinh phải được tương quan với giai đoạn phát triển Arya. Dĩ nhiên, đây không thể là một sự phân chia cứng nhắc và tuyệt đối, nhưng khá có tính chỉ dẫn.

526. The knowledge tier is associated with the physical-etheric plane; the love tier with the astral plane; the sacrifice tier with the mental plane.

526. Tầng tri thức liên hệ với cõi hồng trần-dĩ thái; tầng bác ái với cõi cảm dục; tầng hi sinh với cõi trí.

527. The great initiations which we commonly study are the *manasic* initiations —the initiations of manas or of man.

527. Những điểm đạo lớn mà chúng ta thường nghiên cứu là các điểm đạo *manas*—các điểm đạo của manas hay của con người.

528. We will first offer general impressions before becoming specific in terms of astrological, rayological and chakric factors.

528. Trước hết chúng ta sẽ đưa ra những ấn tượng tổng quát trước khi đi vào chi tiết theo các yếu tố chiêm tinh, cung học và luân xa.

1. The Petal of Knowledge for the mental plane;

1. Cánh hoa Tri thức cho cõi trí;

529. It will be obvious that the third and fifth rays will be important here.

529. Hiển nhiên là cung ba và cung năm sẽ quan trọng ở đây.

530. From another perspective, there is a numerical ray progression which should be observed as we move from petal to petal. Since this is the seventh petal, we shall have to explore the meaning of the seventh ray in relation to it. This applies to all the foregoing petals, beginning even with the first, in relation to which the first ray (however primitive its expression) must be important.

530. Từ một góc nhìn khác, có một sự tiến triển số học của các cung cần được lưu ý khi chúng ta chuyển từ cánh hoa này sang cánh hoa khác. Vì đây là cánh hoa thứ bảy, chúng ta sẽ phải khảo sát ý nghĩa của cung bảy liên hệ với nó. Điều này áp dụng cho tất cả các cánh hoa đã bàn trước đây, bắt đầu ngay cả với cánh hoa thứ nhất, liên hệ với cánh hoa ấy cung một (dù biểu lộ của nó còn nguyên sơ đến đâu) cũng phải quan trọng.

its unfoldment marks the period wherein the man consciously utilizes all that he has gained or is gaining under the law for the definite benefit of humanity.

sự khai mở của nó đánh dấu giai đoạn trong đó con người một cách có ý thức sử dụng tất cả những gì y đã đạt được hay đang đạt được dưới định luật vì lợi ích xác định của nhân loại.

531. The factor of utilization (with the implication of practicality) suggests both the third and seventh rays. The third ray expresses what has been called "the process of the utilisation of the many for the use of the one".

531. Yếu tố sử dụng hữu hiệu (với hàm ý tính thực tiễn) gợi ra cả cung ba lẫn cung bảy. Cung ba biểu lộ điều đã được gọi là "tiến trình sử dụng cái nhiều cho công dụng của cái một".

When the egoic ray is the third or Activity-adaptability Ray, the method is somewhat different. Not so much the driving forward, not so much the gradual expansion as the systematic adaptation of all knowledge and of all means to the end in view. It is in fact **the process of the utilisation of the many for the use of the one;** (LOM 16)

Khi cung chân ngã là cung ba hay Cung Hoạt Động-Thích Nghi, phương pháp có phần khác biệt. Không phải là sự thúc đẩy tiến lên nhiều đến thế, cũng không phải là sự mở rộng dần dần nhiều đến thế, mà là sự thích nghi có hệ thống của mọi tri thức và mọi phương tiện với mục đích được nhắm đến. Thực ra, đó là **tiến trình sử dụng số nhiều cho công dụng của số một;** (LOM 16)

532. The thought of "gain" or "acquisition" is again to be related to the third ray. Those egoically upon the third ray destroy the causal body through systematic acquisition leading to an excessive fulness.

532. Tư tưởng về "thu đạt" hay "thâu đắc" lại phải được liên hệ với cung ba. Những ai về mặt chân ngã thuộc cung ba phá hủy thể nguyên nhân qua sự thâu đắc có hệ thống dẫn đến một sự viên mãn quá mức.

533. The orientation is definitely towards service and much intelligence is involved in expressing that service. We remember that the Law of Service is the *third* law of the Seven Soul Laws.

533. Sự định hướng rõ rệt là hướng về phụng sự và có rất nhiều trí tuệ được bao hàm trong việc biểu lộ sự phụng sự ấy. Chúng ta nhớ rằng Định luật Phụng sự là định luật *thứ ba* trong Bảy Định luật Linh hồn.

Each of the groups of petals is distinguished by **a predominant colouring**; Knowledge, on the physical plane, with the colouring of the other two subsidiary; Love, on the astral plane, with the light of sacrifice weaker in tone than the other two, which practically show forth in equal brilliancy.

Mỗi nhóm cánh hoa được phân biệt bởi **một sắc thái nổi trội**; Tri thức, trên cõi hồng trần, với sắc thái của hai cánh phụ kia; Bác ái, trên cõi cảm dục, với ánh sáng của hi sinh yếu sắc hơn hai cánh kia, vốn hầu như biểu lộ với độ rực sáng ngang nhau.

534. During the unfoldment of the love tier, DK is telling us that knowledge and love show forth with equal brilliancy. Only sacrifice is weaker.

534. Trong khi tầng bác ái khai mở, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng tri thức và bác ái biểu lộ với độ rực sáng ngang nhau. Chỉ có hi sinh là yếu hơn.

535. During the unfoldment of the knowledge petals, knowledge is strongest. Love and sacrifice are present but to a subsidiary extent.

535. Trong khi các cánh hoa tri thức khai mở, tri thức là mạnh nhất. Bác ái và hi sinh hiện diện nhưng ở mức phụ thuộc.

536. May we infer that when the sacrifice tier unfolds, knowledge, love and sacrifice will demonstrate more or less equally?

536. Chúng ta có thể suy ra rằng khi tầng hi sinh khai mở, tri thức, bác ái và hi sinh sẽ biểu lộ ít nhiều ngang nhau chăng?

537. Knowledge and love are called "colouring(s)". They are the divine qualities which qualify the first and second tiers.

537. Tri thức và bác ái được gọi là những "sắc thái". Chúng là những phẩm tính thiêng liêng làm định tính cho tầng thứ nhất và thứ hai.

On the mental plane, the light of sacrifice comes to its full display, and all that is seen is coloured by that light.

Trên cõi trí, ánh sáng của hi sinh đạt đến sự biểu lộ trọn vẹn, và mọi điều được thấy đều được nhuốm màu bởi ánh sáng ấy.

538. It is interesting to consider the "light of sacrifice" (just as we can consider the "light of knowledge" and the "light of love").

538. Thật thú vị khi suy xét về "ánh sáng của hi sinh" (cũng như chúng ta có thể suy xét về "ánh sáng của tri thức" và "ánh sáng của bác ái").

539. When thinking of the "light" of sacrifice, the mind turns to Mercury, expressing the fourth ray—the ray ruling the first Law of the Soul—the Law of Sacrifice.

539. Khi nghĩ về "ánh sáng" của hi sinh, trí tuệ hướng đến Sao Thủy, biểu lộ cung bốn—cung cai quản Định luật đầu tiên của linh hồn—Định luật Hi Sinh.

540. Light always reveals. Light brings forth the emergence into consciousness of that which had been concealed. It is obvious that the light of knowledge brings forth still more knowledge. Love however is also a great revealer and there are many important things that can only be *seen* by those who love.

540. Ánh sáng luôn luôn mặc khải. Ánh sáng đem ra sự xuất hiện vào tâm thức của điều vốn đã bị che giấu. Hiển nhiên là ánh sáng của tri thức đem lại thêm nhiều tri thức hơn nữa. Tuy nhiên, bác ái cũng là một đấng mặc khải vĩ đại và có nhiều điều quan trọng chỉ có thể được *thấy* bởi những ai yêu thương.

541. Carrying the idea further, sacrifice is the same. Sacrifice has its own revealing light and there are many important revelations which will only come to those who sacrifice. We might say, 'sacrifice and you will understand' just as we have said, 'love and you will understand'. We have been told that "those who do the will of God (i.e., those who sacrifice) shall know".

541. Tiếp tục ý tưởng ấy, hi sinh cũng vậy. Hi sinh có ánh sáng mặc khải riêng của nó và có nhiều mặc khải quan trọng chỉ đến với những ai hi sinh. Chúng ta có thể nói, 'hãy hi sinh và các bạn sẽ thấu hiểu' cũng như chúng ta đã nói, 'hãy yêu thương và các bạn sẽ thấu hiểu'. Chúng ta đã được bảo rằng "những ai làm theo Ý Chí của Thượng Đế (tức là, những ai hi sinh) sẽ biết".

542. The light of sacrifice is, from one perspective, *yellow,* and associated with both Mercury (yellow) and with the fourth ray (yellow). The fourth ray, as stated above, rules the Law of Sacrifice.

542. Từ một góc nhìn, ánh sáng của hi sinh là *màu vàng,* và gắn liền với cả Sao Thủy (vàng) lẫn cung bốn (vàng). Cung bốn, như đã nói ở trên, cai quản Định luật Hi Sinh.

543. The knowledge petal in the sacrifice tier is the seventh petal, overall.

543. Cánh hoa tri thức trong tầng hi sinh là cánh hoa thứ bảy, xét toàn bộ.

544. Following our usual method of assigning a petal to a sign of the zodiac, we will have Libra, the seventh sign, associated with this seventh petal (considering a counter clockwise zodiacal progression beginning with Aries).

544. Theo phương pháp thường dùng của chúng ta khi gán một cánh hoa cho một dấu hiệu hoàng đạo, chúng ta sẽ có Thiên Bình, dấu hiệu thứ bảy, được liên kết với cánh hoa thứ bảy này (xét một tiến trình hoàng đạo ngược chiều kim đồng hồ bắt đầu từ Bạch Dương).

545. Libra is the "Hub of the Wheel" and signifies a synthetic process in which the gains of the first six signs are gathered together.

545. Thiên Bình là "Trục của Bánh Xe" và biểu thị một tiến trình tổng hợp trong đó các thu hoạch của sáu dấu hiệu đầu tiên được gom lại.

546. We noted the strong third ray emphasis in relation to this seventh petal. We realize that Libra (at this time) is said to transmit only the Third Ray of Active Intelligence, so the correspondence applies. We might consider Libra a sign promoting skillful manipulation. It also has its altruistic tendencies, so the manipulation is accomplished on behalf of those who are served—in the case of the seventh petal, a growing number of beings.

546. Chúng ta đã lưu ý sự nhấn mạnh mạnh mẽ của cung ba liên hệ với cánh hoa thứ bảy này. Chúng ta nhận ra rằng Thiên Bình (vào lúc này) được nói là chỉ truyền dẫn cung ba của Trí Tuệ Hoạt Động, nên sự tương ứng này được áp dụng. Chúng ta có thể xem Thiên Bình là một dấu hiệu thúc đẩy sự vận dụng khéo léo. Nó cũng có những khuynh hướng vị tha, nên sự vận dụng ấy được thực hiện thay mặt cho những người được phụng sự—trong trường hợp của cánh hoa thứ bảy, là một số lượng hữu thể ngày càng tăng.

547. From the counter-clockwise perspective, beginning with Aries, we have Libra again, contributing to a double Libran emphasis.

547. Từ góc nhìn ngược chiều kim đồng hồ, bắt đầu với Bạch Dương, chúng ta lại có Thiên Bình, góp phần tạo nên một sự nhấn mạnh kép của Thiên Bình.

548. When we begin with Pisces (working clockwise), the sign is Virgo, signifying the purificatory processes related to the first initiation, and the self-denying disciplines of discipleship.

548. Khi chúng ta bắt đầu với Song Ngư (theo chiều kim đồng hồ), dấu hiệu là Xử Nữ, biểu thị các tiến trình thanh luyện liên hệ với lần điểm đạo thứ nhất, và các kỷ luật tự khước từ của địa vị đệ tử.

549. With regard to the three petals of the sacrifice tier, we can apportion the seventh petal to the first initiation, the eighth to the second initiation and the ninth to the third. There is much hidden complexity in this assignment, but in general it will serve to indicate a necessary truth.

549. Đối với ba cánh hoa của tầng hi sinh, chúng ta có thể phân cánh hoa thứ bảy cho lần điểm đạo thứ nhất, cánh thứ tám cho lần điểm đạo thứ hai và cánh thứ chín cho lần điểm đạo thứ ba. Có nhiều phức tạp ẩn kín trong sự phân định này, nhưng nhìn chung nó sẽ giúp chỉ ra một chân lý cần thiết.

550. Just as we assigned earth signs to the three petals of the knowledge tier and water signs to the petals of the love tier, so it is reasonable to assign *fire* signs to the mental or sacrificial tier. In some astrological systems, air is associated with mentality and

550. Cũng như chúng ta đã gán các dấu hiệu hành thổ cho ba cánh hoa của tầng tri thức và các dấu hiệu hành thủy cho các cánh hoa của tầng bác ái, thì cũng hợp lý khi gán các dấu hiệu *hành hỏa* cho tầng trí tuệ hay tầng hi sinh. Trong một số hệ thống chiêm tinh,

there is justification for this assignment, but in occultism, the realm of air is more specifically associated with the faculty of intuition. The association of fire with mind is also explicit.

551. Shall we continue, however, with listing the cardinal sign first and the mutable sign last as we have in relation to the two earlier tiers? There are qualities of Aries which seem to fit seventh petal processes but the fit is not exact. Aries is mental and synthetic, but also extremely wilful.

552. Sagittarius might be a better fit as with Sagittarius there is a definite association with the higher mind and with a broad expanse of application.

553. While Aries can be associated with the first initiation (because one is, as it were, 'breaking into' the Kingdom of God), Sagittarius is associated with the aspiration necessary for first and second degree processes.

"Intuition governing aspiration—Sagittarius. Soul consciousness in the early stages. Initiation 1 and 2. I vision". (EA 178)

554. It might be better to use the progression—Mutable, Fixed, Cardinal (Sagittarius—Leo—Aries) than the sequence we have been using when looking at the tiers from the perspective of the four elements.

555. The utilization of Aries in relation to the ninth petal and the third initiation seems correspondentially accurate as the third initiation involves a realization of pure being, to which realization Aries is related.

khí được liên hệ với trí tuệ và có cơ sở cho sự gán định này, nhưng trong huyền bí học, cõi của khí được liên hệ chuyên biệt hơn với năng lực trực giác. Sự liên hệ của lửa với trí tuệ cũng được nêu rõ.

551. Tuy nhiên, chúng ta có nên tiếp tục liệt kê dấu hiệu chủ yếu trước và dấu hiệu biến đổi sau cùng như đã làm đối với hai tầng trước không? Có những phẩm tính của Bạch Dương dường như phù hợp với các tiến trình của cánh hoa thứ bảy nhưng sự phù hợp không hoàn toàn chính xác. Bạch Dương có tính trí tuệ và tổng hợp, nhưng cũng cực kỳ ý chí.

552. Nhân Mã có thể phù hợp hơn vì với Nhân Mã có một liên hệ rõ rệt với thượng trí và với một phạm vi ứng dụng rộng lớn.

553. Trong khi Bạch Dương có thể được liên hệ với lần điểm đạo thứ nhất (vì người ta, có thể nói như vậy, đang 'đột nhập vào' Thiên Giới), thì Nhân Mã được liên hệ với khát vọng cần thiết cho các tiến trình bậc một và bậc hai.

"Trực giác chi phối khát vọng—Nhân Mã. Tâm thức linh hồn trong các giai đoạn đầu. Điểm đạo 1 và 2. Tôi linh thị". (EA 178)

554. Có lẽ tốt hơn là dùng tiến trình—Biến đổi, Cố định, Chủ yếu (Nhân Mã—Sư Tử—Bạch Dương) thay vì chuỗi mà chúng ta đã dùng khi xem các tầng từ góc nhìn của bốn nguyên tố.

555. Việc dùng Bạch Dương liên hệ với cánh hoa thứ chín và lần điểm đạo thứ ba dường như xét theo tương ứng là chính xác, vì lần điểm đạo thứ ba bao hàm một sự chứng

nghiệm về bản thể thuần túy, mà Bạch Dương có liên hệ với sự chứng nghiệm ấy.

1. The secret of Aries is the secret of beginnings, of cycles and of emerging opportunity. At the third initiation, the initiate begins to understand the life of the spirit or the highest aspect; until that time, he has expressed first the life of the form and then the life of the soul within that form. This experience is of so high a nature that only those who have passed through it could in any way comprehend anything I might say. (EA 387-388)

1. Bí mật của Bạch Dương là bí mật của những khởi đầu, của các chu kỳ và của cơ hội đang xuất hiện. Ở lần điểm đạo thứ ba, điểm đạo đồ bắt đầu thấu hiểu sự sống của tinh thần hay phương diện cao nhất; cho đến lúc đó, y trước hết đã biểu lộ sự sống của hình tướng rồi sau đó là sự sống của linh hồn bên trong hình tướng ấy. Kinh nghiệm này có bản chất cao siêu đến mức chỉ những ai đã đi qua nó mới có thể phần nào hiểu được bất cứ điều gì tôi có thể nói. (EA 387-388)

556. The assignment of Leo to the central petal seems secure.

556. Việc gán Sư Tử cho cánh hoa trung tâm dường như vững chắc.

557. It cannot be denied that the energies of Gemini and Aquarius can also be reasonably associated with the seventh petal.

557. Không thể phủ nhận rằng các năng lượng của Song Tử và Bảo Bình cũng có thể được liên hệ một cách hợp lý với cánh hoa thứ bảy.

558. For one thing, Gemini is directly related to the Secret of the First Initiation to which seventh petal processes admit.

558. Trước hết, Song Tử liên hệ trực tiếp với Bí Mật của lần điểm đạo thứ nhất mà các tiến trình của cánh hoa thứ bảy dẫn vào.

3. The secret of Gemini has to be grasped at the first initiation because it is the mystery of the relation of Father, Mother and Child. The birth of the Christ-child upon the physical plane is the consummating glory of the Gemini force. (EA 388)

3. Bí mật của Song Tử phải được nắm bắt ở lần điểm đạo thứ nhất vì đó là huyền nhiệm của mối liên hệ giữa Cha, Mẹ và Con. Sự ra đời của Hài Nhi Christ trên cõi hồng trần là vinh quang viên mãn của lực Song Tử. (EA 388)

559. Since, in general, we are dealing with the process of initiation, the sign of initiation, Capricorn must be included—not only in relation to this first petal in the sacrifice tier but in relation to all three, and beyond.

559. Vì nhìn chung chúng ta đang bàn đến tiến trình điểm đạo, nên Ma Kết, dấu hiệu của điểm đạo, phải được bao gồm—không chỉ liên hệ với cánh hoa đầu tiên này trong tầng hi sinh mà còn liên hệ với cả ba cánh, và hơn thế nữa.

560. From the planetary perspective, the entire sacrifice tier is ruled by Mercury or by

560. Từ góc nhìn hành tinh, toàn bộ tầng hi sinh được cai quản bởi Sao Thủy hoặc bởi

Uranus (depending on whether we are considering rulership of the tiers in relation to the triangle Mars—Venus—Mercury, or to the synthesizing triad Saturn—Neptune—Uranus).

561. Because the process of initiation is ruled, in general, by Venus (representing the Solar Angels), Venus will naturally be important in relation to this seventh petal which indicates the first initiation.

562. Jupiter rules the expansion of consciousness equated with entry into causal consciousness (which initiation signifies). Jupiter, a second ray planet will contribute to that considerable expansion of conscious which the first initiation represents—the *sight* (and Jupiter is a planet associated with sight) within the "chamber of initiation" of the Solar Angel.

563. If we associate the three synthesizing planets with the three sacrifice petals, Saturn (the major ruler of Libra) will be connected with the seventh petal. Saturn is also a third ray planet representing the use of gathered resources on behalf of the Divine Plan. Saturn is at once a planet of "gain" or "accumulation" and definitely a planet of utilization—utilitarianism.

564. Since the first petal (the knowledge petal) in the sacrifice tier is a *mental* petal the third ray will naturally be important.

565. Saturn is also a planet through which the first ray expresses (as in the triangle Leo/Saturn/Shamballa. We are dealing with the first initiation and the first ray of commencement is naturally important.

Sao Thiên Vương (tùy theo chúng ta đang xét quyền cai quản của các tầng liên hệ với tam giác Sao Hỏa—Sao Kim—Sao Thủy, hay với tam nguyên tổng hợp Sao Thổ—Sao Hải Vương—Sao Thiên Vương).

561. Bởi vì tiến trình điểm đạo nhìn chung được cai quản bởi Sao Kim (đại diện cho các Thái dương Thiên Thần), nên Sao Kim tự nhiên sẽ quan trọng liên hệ với cánh hoa thứ bảy này, vốn chỉ ra lần điểm đạo thứ nhất.

562. Sao Mộc cai quản sự mở rộng của tâm thức tương đương với việc đi vào tâm thức nguyên nhân (điều mà điểm đạo biểu thị). Sao Mộc, một hành tinh cung hai, sẽ góp phần vào sự mở rộng đáng kể của tâm thức mà lần điểm đạo thứ nhất tượng trưng—sự *thấy* (và Sao Mộc là một hành tinh liên hệ với thị giác) bên trong "phòng điểm đạo" của Thái dương Thiên Thần.

563. Nếu chúng ta liên hệ ba hành tinh tổng hợp với ba cánh hoa hi sinh, thì Sao Thổ (chủ tinh chính của Thiên Bình) sẽ được nối với cánh hoa thứ bảy. Sao Thổ cũng là một hành tinh cung ba, đại diện cho việc sử dụng các tài nguyên đã thu góp để phụng sự Thiên Cơ. Sao Thổ đồng thời là một hành tinh của "thu đạt" hay "tích lũy" và chắc chắn là một hành tinh của sự sử dụng—tính công dụng.

564. Vì cánh hoa đầu tiên (cánh hoa tri thức) trong tầng hi sinh là một cánh hoa *trí tuệ* nên cung ba tự nhiên sẽ quan trọng.

565. Sao Thổ cũng là một hành tinh qua đó cung một biểu lộ (như trong tam giác Sư Tử/Sao Thổ/Shamballa). Chúng ta đang bàn đến lần điểm đạo thứ nhất và cung một của sự khởi đầu tự nhiên là quan trọng.

566. A significant transformation begins with initiation. For all of the initiations Uranus is important, but especially for the first and third initiations more than for the second. Uranus is expressive of the seventh ray (prominent at the first degree because the etheric body must at that time demonstrate considerable control over the physical elemental) and is the ruler of the sacral center (which must be transformed at the first initiation). (cf. EA 517)

566. Một sự chuyển đổi quan trọng bắt đầu với điểm đạo. Đối với mọi lần điểm đạo, Sao Thiên Vương đều quan trọng, nhưng đặc biệt đối với lần điểm đạo thứ nhất và thứ ba hơn là lần thứ hai. Sao Thiên Vương biểu lộ cung bảy (nổi bật ở bậc thứ nhất vì thể dĩ thái lúc ấy phải chứng tỏ sự kiểm soát đáng kể đối với tinh linh thể xác) và là chủ tinh của trung tâm xương cùng (trung tâm này phải được chuyển hoá ở lần điểm đạo thứ nhất). (x. EA 517)

567. Mercury in relation to the first sacrifice petal suggests the knowledge accumulated and to be shared.

567. Sao Thủy liên hệ với cánh hoa hi sinh thứ nhất gợi ra tri thức đã được tích lũy và sẽ được chia sẻ.

568. Vulcan represents the increasing control of the personality by the soul. This begins in earnest at the first degree and, hence, during seventh petal processes.

568. Vulcan tượng trưng cho sự kiểm soát ngày càng tăng của linh hồn đối với phàm ngã. Điều này bắt đầu một cách nghiêm túc ở bậc thứ nhất và do đó trong các tiến trình của cánh hoa thứ bảy.

569. From the ray perspective, we have already spoken of the third and seventh rays.

569. Từ góc nhìn cung, chúng ta đã nói đến cung ba và cung bảy.

570. The process of initiation signifies that the second ray (generically the ray of the soul) is beginning to dominate the ray of the personality (generically the third). So the second ray through Jupiter and Venus will be prominent at this petal and increasingly so as the causal body gains in scope and brilliance.

570. Tiến trình điểm đạo biểu thị rằng cung hai (nói chung là cung của linh hồn) đang bắt đầu chi phối cung của phàm ngã (nói chung là cung ba). Vì vậy cung hai qua Sao Mộc và Sao Kim sẽ nổi bật ở cánh hoa này và ngày càng như thế khi thể nguyên nhân tăng trưởng về phạm vi và độ rực sáng.

571. Because the first initiation is the *first,* the first ray will be important in relation to it (at least in terms of preparation). Thus Vulcan and Pluto (both first ray planets) are prominent in the preparation period preceding the first degree. As stated, Saturn has its first ray component and Uranus is a deeply first ray planet.

571. Bởi vì lần điểm đạo thứ nhất là lần *thứ nhất,* nên cung một sẽ quan trọng liên hệ với nó (ít nhất là về phương diện chuẩn bị). Do đó Vulcan và Sao Diêm Vương (đều là các hành tinh cung một) nổi bật trong thời kỳ chuẩn bị trước bậc thứ nhất. Như đã nói, Sao Thổ có thành phần cung một của nó và Sao Thiên Vương là một hành tinh mang tính cung một sâu sắc.

572. Sixth ray aspiration naturally continues, building towards the second degree.

572. Khát vọng cung sáu tự nhiên vẫn tiếp tục, xây dựng hướng đến bậc thứ hai.

573. Initiation is taken through the power of the fifth ray and Venus, so the light of the fifth ray (coming through Venus, ruler of Libra) has much to do with the growth of the first petal.

573. Điểm đạo được tiếp nhận qua quyền năng của cung năm và Sao Kim, nên ánh sáng của cung năm (đến qua Sao Kim, chủ tinh của Thiên Bình) có liên hệ rất nhiều với sự tăng trưởng của cánh hoa thứ nhất.

574. The seventh petal is not so much one in which the fourth ray will be prominent except for the general processes of conflict and the attempt to harmonize that conflict which is the lot of all disciples.

574. Cánh hoa thứ bảy không hẳn là cánh mà cung bốn sẽ nổi bật, ngoại trừ các tiến trình chung của xung đột và nỗ lực hài hòa xung đột ấy, vốn là số phận của mọi đệ tử.

575. From the chakric perspective, both the sacral and throat centers are strongly involved. The goal of the first initiation is the transfer of sacral energy to the throat. Both of these centers have correlation with both the seventh and third rays (both prominent in seventh petal processes).

575. Từ góc nhìn luân xa, cả trung tâm xương cùng lẫn trung tâm cổ họng đều can dự mạnh mẽ. Mục tiêu của lần điểm đạo thứ nhất là sự chuyển dịch năng lượng xương cùng lên cổ họng. Cả hai trung tâm này đều có tương quan với cả cung bảy lẫn cung ba (đều nổi bật trong các tiến trình của cánh hoa thứ bảy).

576. The heart center, also, is especially stimulated during the unfoldment of the seventh petal.

576. Trung tâm tim cũng đặc biệt được kích thích trong khi cánh hoa thứ bảy khai mở.

577. A major question arises here: must the seventh petal be *completely* unfolded before the first initiation occurs, or does the

577. Ở đây nảy sinh một câu hỏi lớn: cánh hoa thứ bảy có phải được khai mở *hoàn toàn* trước khi lần điểm đạo thứ nhất xảy ra không, hay sự khai mở của cánh hoa ấy gợi

unfolding of that petal suggest the period between the first and second initiation?

578. If we work backwards, we will realize that the *completely* unfolded ninth petal represents the completion of the third initiation. Thus, the *completely* unfolded eighth petal would represent the completion of the second initiation.

579. If we work analogically, then the *completely* unfolded seventh petal would represent the completion of the first initiation. This is possible, but is not ascertained.

580. Using inference then, we would understand the unfolding seventh petal to indicate a process of preparation for the first initiation.

581. We are told of the seventh petal that "its unfoldment marks the period wherein the man consciously utilizes all that he has gained or is gaining under the law for the definite benefit of humanity." This does not mean that its *stimulation* represents this conscious utilization, nor does its *organization*, but only its *unfoldment*. It seems to be the case that the first initiation takes place sometime during the "unfoldment" of the seventh petal and not during the earlier phases of stimulation/ vivification or organization.

582. If the second petal of the sacrifice tier achieves complete unfoldment only once the second initiation is taken, then the stimulation, organization and unfoldment of the second petal must take much longer than the same process in relation to the third petal. The third petal can complete its

ra giai đoạn giữa lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai?

578. Nếu chúng ta suy ngược lại, chúng ta sẽ nhận ra rằng cánh hoa thứ chín được khai mở *hoàn toàn* tượng trưng cho sự hoàn tất của lần điểm đạo thứ ba. Như vậy, cánh hoa thứ tám được khai mở *hoàn toàn* sẽ tượng trưng cho sự hoàn tất của lần điểm đạo thứ hai.

579. Nếu chúng ta làm việc theo định luật tương đồng, thì cánh hoa thứ bảy được khai mở *hoàn toàn* sẽ tượng trưng cho sự hoàn tất của lần điểm đạo thứ nhất. Điều này có thể, nhưng chưa được xác định.

580. Khi đó, dùng phép suy luận, chúng ta sẽ hiểu cánh hoa thứ bảy đang khai mở là chỉ ra một tiến trình chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ nhất.

581. Chúng ta được nói về cánh hoa thứ bảy rằng "sự khai mở của nó đánh dấu giai đoạn trong đó con người hữu thức sử dụng tất cả những gì y đã thu đạt hay đang thu đạt dưới định luật vì lợi ích xác định của nhân loại." Điều này không có nghĩa rằng sự *kích thích* của nó tượng trưng cho sự sử dụng hữu thức này, cũng không phải sự *tổ chức* của nó, mà chỉ là sự *khai mở* của nó. Dường như trường hợp là lần điểm đạo thứ nhất diễn ra vào một lúc nào đó trong khi cánh hoa thứ bảy đang "khai mở" chứ không phải trong các giai đoạn sớm hơn của kích thích/tiếp sinh lực hay tổ chức.

582. Nếu cánh hoa thứ hai của tầng hi sinh chỉ đạt đến sự khai mở hoàn toàn một khi lần điểm đạo thứ hai được tiếp nhận, thì sự kích thích, tổ chức và khai mở của cánh hoa thứ hai hẳn phải kéo dài lâu hơn nhiều so với cùng tiến trình liên hệ với cánh hoa thứ ba. Cánh hoa thứ ba có thể hoàn tất sự khai mở

unfoldment in one life as the second and third initiations are commonly taken in the same life. But the first and second initiations are *not* taken in the same life—usually quite a number of lives separate them.

583. It is clear (considering the principal of overlapping development) that when the first petal achieves complete unfoldment and is completely open, the second petal is already stimulated, organized and perhaps in process of unfoldment. When the second petal achieves complete unfoldment and is completely open, then the third petal of the sacrifice tier is already simulated, organized and probably in process of unfoldment.

584. It is hard to match exactly the degree of unfoldment to the moment of initiation; working backwards, however it seem that the third degree marks the point of full unfoldment of the sacrifice tier, and thus we would not expect that the first initiation would be taken when the seventh petal is only beginning to be opened. And yet…

585. Yet the picture is not clear. The main problem is this one:

a. Does initiation occur following the organization of the petal and before the process of unfoldment is fully matured?--

b. OR, does initiation occur only once the petal which corresponds to that initiation is completely unfolded?

586. From the following statement, one could think that initiation occurs when the petal is organized and about to unfold:

của nó trong một kiếp sống vì lần điểm đạo thứ hai và thứ ba thường được tiếp nhận trong cùng một kiếp sống. Nhưng lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai *không* được tiếp nhận trong cùng một kiếp sống—thường có khá nhiều kiếp sống ngăn cách chúng.

583. Rõ ràng (xét nguyên lý phát triển chồng lấn) rằng khi cánh hoa thứ nhất đạt đến sự khai mở hoàn toàn và hoàn toàn mở ra, cánh hoa thứ hai đã được kích thích, được tổ chức và có lẽ đang trong tiến trình khai mở. Khi cánh hoa thứ hai đạt đến sự khai mở hoàn toàn và hoàn toàn mở ra, thì cánh hoa thứ ba của tầng hi sinh đã được kích thích, được tổ chức và có lẽ đang trong tiến trình khai mở.

584. Thật khó ghép chính xác mức độ khai mở với khoảnh khắc điểm đạo; tuy nhiên, khi suy ngược lại, dường như bậc thứ ba đánh dấu điểm khai mở trọn vẹn của tầng hi sinh, và do đó chúng ta sẽ không mong đợi rằng lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận khi cánh hoa thứ bảy chỉ mới bắt đầu mở ra. Tuy vậy…

585. Tuy vậy, bức tranh không rõ ràng. Vấn đề chính là điều này:

a. Điểm đạo có xảy ra sau khi cánh hoa được tổ chức và trước khi tiến trình khai mở trưởng thành trọn vẹn không?--

b. HAY, điểm đạo chỉ xảy ra một khi cánh hoa tương ứng với lần điểm đạo ấy đã được khai mở hoàn toàn?

586. Từ phát biểu sau đây, người ta có thể nghĩ rằng điểm đạo xảy ra khi cánh hoa đã được tổ chức và sắp khai mở:

In this fashion the work of the disciple is carried forward, and his testing and training carried out until the two circles of petals are unfolded, **and the third is organised**. **Thus he is brought, through right direction of energy and wise manipulation of force currents, to the Portal of Initiation, and graduates out of the Hall of Learning[76] into the great Hall of Wisdom—that Hall wherein he gradually becomes "aware" of forces, and powers, latent in his own Ego and egoic group. (TCF 867)**

Theo cách này, công việc của đệ tử được tiếp tục, và sự thử thách cùng huấn luyện của y được thực hiện cho đến khi hai vòng cánh hoa được khai mở, **và vòng thứ ba được tổ chức**. **Như thế y được đưa, qua sự định hướng đúng đắn của năng lượng và sự vận dụng khôn ngoan các dòng mãnh lực, đến Cổng Điểm Đạo, và tốt nghiệp ra khỏi Phòng Hiểu Biết76 để bước vào Phòng Minh triết vĩ đại—Phòng mà trong đó y dần dần trở nên "nhận biết" các mãnh lực và quyền năng tiềm ẩn trong chính Chân ngã của y và trong nhóm chân ngã của y. (TCF 867)**

587. If this is the case the Rod of Initiation would stimulate the unfoldment and would not be the seal of certification that the petals had been unfolded.

587. Nếu đúng như vậy thì Thần Trượng Điểm đạo sẽ kích thích sự khai mở và sẽ không phải là dấu ấn chứng nhận rằng các cánh hoa đã được khai mở.

588. When the third tier is organized, in general, we might ask "to what extent is the seventh petal in the process of opening?"

588. Khi tầng thứ ba được tổ chức, nhìn chung, chúng ta có thể hỏi "cánh hoa thứ bảy đang trong tiến trình mở ra đến mức nào?"

589. The unfoldment of the third petal of the sacrifice tier is probably a very rapid affair, possibly occurring in part of one life-cycle. Is the Rod of Initiation applied by the Lord of the World as the ninth petal is about to unfold, while it is unfolding or only after it has unfolded completely? Whichever is the correct answer we have such references as the following to guide us:

589. Sự khai mở của cánh hoa thứ ba trong tầng hi sinh có lẽ là một việc diễn ra rất nhanh, có thể xảy ra trong một phần của một chu kỳ đời sống. Thần Trượng Điểm đạo có được Đức Chúa Tể Thế Giới sử dụng khi cánh hoa thứ chín sắp khai mở, đang khai mở hay chỉ sau khi nó đã khai mở hoàn toàn? Dù câu trả lời đúng là gì, chúng ta vẫn có những đoạn như sau để hướng dẫn:

By the time the third Initiation is reached, a wondrous transformation has transpired. The outer sphere is palpitating with every colour in the rainbow, and is of wide radius; the streams of electrical energy circulating in it are so powerful that they are escaping beyond the periphery of the circle, resembling the rays of the sun. **The nine petals are fully unfolded,** forming a

Vào lúc lần Điểm Đạo thứ ba đạt đến, một sự chuyển đổi kỳ diệu đã xảy ra. Khối cầu bên ngoài rung động với mọi màu sắc trong cầu vồng, và có bán kính rộng; các dòng năng lượng điện lưu chuyển trong đó mạnh đến mức chúng đang thoát ra ngoài chu vi của vòng tròn, giống như các tia mặt trời. **Chín cánh hoa đã hoàn toàn khai mở,** tạo

gracious setting for the central jewel,...(TCF 763)

thành một khung cảnh duyên dáng cho viên ngọc trung tâm,...(TCF 763)

By the time the third Initiation is taken, **the inner circle of petals is opened and the full-blown lotus in all its beauty can be seen**. At the fourth Initiation the i**nner bud bursts [fully] open** through the effect of the electrical force of the Rod, which brings in the power of the synthetic ray of the solar system itself; the inner jewel is thus revealed. (TCF 830)

Vào lúc lần Điểm Đạo thứ ba được tiếp nhận, **vòng cánh hoa bên trong được mở ra và hoa sen nở trọn trong toàn bộ vẻ đẹp của nó có thể được thấy**. Ở lần Điểm Đạo thứ tư, nụ b**ên trong bừng [hoàn toàn] mở ra** do tác động của lực điện từ Thần Trượng, vốn đem vào quyền năng của cung tổng hợp của chính hệ mặt trời; nhờ đó viên ngọc bên trong được mặc khải. (TCF 830)

590. It is suggested that the "inner circles of petals" is opened are we speaking of the sacrifice tier (it seems so) and are these petals *fully* opened? From the reference on TCF 763, it seems so again.

590. Có điều được gợi ý rằng "các vòng cánh hoa bên trong" được mở ra—phải chăng chúng ta đang nói về tầng hi sinh (dường như là vậy) và các cánh hoa này có được *hoàn toàn* mở ra không? Từ đoạn dẫn ở TCF 763, dường như lại là như vậy.

591. One can wonder whether the Rod of the Bodhisattva *starts* the unfoldment going for both the first and second initiation, and whether the Rod of the One Initiator *confirms* the resultant opening of the ninth petal and the third tier rather than inaugurating this opening.

591. Người ta có thể tự hỏi liệu Thần Trượng của Đức Bồ Tát có *khởi sự* tiến trình khai mở cho cả lần điểm đạo thứ nhất lẫn thứ hai hay không, và liệu Thần Trượng của Đấng Điểm đạo có *xác nhận* sự mở ra kết quả của cánh hoa thứ chín và tầng thứ ba hơn là khai mở sự mở ra này hay không.

592. Were this the case, the Bodhisattva would stimulate the opening of the first petal of the sacrifice tier (which would take a very long time), and would stimulate the opening of the second petal of sacrifice tier which, comparatively, might not take long at all. The third petal of the sacrifice tier would already be vitalized, organized and partially unfolded. Then, perhaps, the Rod of the One Initiator would be applied towards the end of the ninth petal's unfoldment. It is only with reference to the third initiation that we have text confirming the complete unfoldment of the petal associated with it.

592. Nếu đúng như vậy, Đức Bồ Tát sẽ kích thích sự mở ra của cánh hoa thứ nhất trong tầng hi sinh (điều này sẽ mất rất lâu), và sẽ kích thích sự mở ra của cánh hoa thứ hai trong tầng hi sinh, điều mà xét tương đối có thể sẽ không mất lâu lắm. Cánh hoa thứ ba của tầng hi sinh đã được tiếp sinh lực, được tổ chức và khai mở một phần. Khi đó, có lẽ Thần Trượng của Đấng Điểm đạo sẽ được sử dụng vào gần cuối tiến trình khai mở của cánh hoa thứ chín. Chỉ liên hệ với lần điểm đạo thứ ba mà chúng ta mới có văn bản xác nhận sự khai mở hoàn toàn của cánh hoa gắn với nó.

593. Importantly, we might also consider that the Rod of Initiation is applied when a given petal is open *to a sufficient degree* to prove some mastery of the requirements associated with that petal, and that the application of the Rod promotes further and rapid unfoldment until the petal is *completely* open. Let us keep this in mind as we examine some contrasting possibilities.

593. Điều quan trọng là, chúng ta cũng có thể xét rằng Thần Trượng Điểm đạo được sử dụng khi một cánh hoa nhất định mở ra *đến mức đủ* để chứng tỏ một mức làm chủ nào đó đối với các đòi hỏi gắn với cánh hoa ấy, và rằng việc sử dụng Thần Trượng thúc đẩy sự khai mở thêm nữa và nhanh chóng cho đến khi cánh hoa *hoàn toàn* mở ra. Chúng ta hãy ghi nhớ điều này khi khảo sát một số khả năng tương phản.

594. We have somewhat contradictory references under consideration and perhaps they can be reconciled by considering that there are—

594. Chúng ta đang xem xét những đoạn dẫn có phần mâu thuẫn và có lẽ chúng có thể được dung hòa bằng cách xét rằng có—

a. Two orders of initiation here—one supervised by the Bodhisattva and the other by the One Initiator

a. Hai trật tự điểm đạo ở đây—một do Đức Bồ Tát giám sát và trật tự kia do Đấng Điểm đạo giám sát

b. The intervals between the second and third, the third and fourth and the fourth and fifth are much shorter than that between the first and second. Perhaps the third, fourth and fifth initiations (administered by Sanat Kumara) function according to other 'rules'.

b. Các khoảng cách giữa lần thứ hai và thứ ba, thứ ba và thứ tư, và thứ tư và thứ năm ngắn hơn nhiều so với khoảng cách giữa lần thứ nhất và thứ hai. Có lẽ các lần điểm đạo thứ ba, thứ tư và thứ năm (do Đức Sanat Kumara ban truyền) vận hành theo những 'quy luật' khác.

595. Yet, we cannot forget that, essentially, the initiate is *initiate* before he is *initiated,* and that, therefore, 'initiation is confirmation'.

595. Tuy vậy, chúng ta không thể quên rằng, về bản chất, điểm đạo đồ là *điểm đạo đồ* trước khi y được *điểm đạo,* và do đó, 'điểm đạo là sự xác nhận'.

596. Yet, as a balancing thought, initiation is also 'commencement'.

596. Tuy vậy, như một ý tưởng cân bằng, điểm đạo cũng là 'sự khởi đầu'.

597. Or as we have suggested, maybe there is a "middle road" in this consideration, with the Rod of Power being applied well after unfoldment has commenced but somewhat before it is complete. In this case initiation would not only be *confirmation* but a gift, a

597. Hoặc như chúng ta đã gợi ý, có thể có một "con đường trung đạo" trong sự xem xét này, với Quyền năng Trượng được sử dụng khá lâu sau khi sự khai mở đã bắt đầu nhưng sớm hơn đôi chút trước khi nó hoàn tất. Trong trường hợp này, điểm đạo sẽ không chỉ là sự *xác nhận* mà còn là một ân tặng,

bestowal and addition, rapidly stimulating unfoldment until unfoldment is *complete.*

598. We are probably dealing with the fact that the exact moment the Rod of Initiation can be applied is a highly technical and secret matter. The degree of petal unfoldment may not be exactly the same for each candidate, as other factors of timing (astrological, for instance) have to be considered.

599. However, let us summarize the pertinent questions in the line of speculation we have been following. Could it make sense that the Bodhisattva gives (through the first and second initiations) the impulse towards unfoldment whereas the Lord of the World (in relation to the third, fourth and fifth initiations) sets the seal of confirmation?

600. The matter is not easy to solve. If the first initiation comes only when the unfoldment of the seventh petal is complete; if the second initiation comes only when the unfoldment of the eighth petal is complete—then the unfoldment of the eight petal will take a *very long time*, for there is a long interval between the first and second initiations.

601. If the first and second initiations are given *before* the first and second petals are completely unfolded (and perhaps when they are organized and about to unfold or somewhat unfolded), then it will be the unfoldment of the seventh petal which takes a very long time when compared to the unfoldment of the eighth and ninth petals, but not in relation to the unfoldment of petals earlier than the seventh.

một sự ban cho và bổ sung, nhanh chóng kích thích sự khai mở cho đến khi sự khai mở *hoàn tất.*

598. Có lẽ chúng ta đang đối diện với sự kiện rằng khoảnh khắc chính xác khi Thần Trượng Điểm đạo có thể được sử dụng là một vấn đề có tính kỹ thuật cao và bí mật. Mức độ khai mở của cánh hoa có thể không hoàn toàn giống nhau đối với mỗi ứng viên, vì các yếu tố thời điểm khác (chẳng hạn chiêm tinh) phải được xét đến.

599. Tuy nhiên, chúng ta hãy tóm lược những câu hỏi thích đáng trong đường suy đoán mà chúng ta đã theo đuổi. Có hợp lý chăng khi Đức Bồ Tát ban (qua lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai) xung lực hướng đến sự khai mở, trong khi Đức Chúa Tể Thế Giới (liên hệ với lần điểm đạo thứ ba, thứ tư và thứ năm) đặt dấu ấn xác nhận?

600. Vấn đề này không dễ giải quyết. Nếu lần điểm đạo thứ nhất chỉ đến khi sự khai mở của cánh hoa thứ bảy hoàn tất; nếu lần điểm đạo thứ hai chỉ đến khi sự khai mở của cánh hoa thứ tám hoàn tất—thì sự khai mở của cánh hoa thứ tám sẽ mất một *thời gian rất dài*, vì có một khoảng cách dài giữa lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai.

601. Nếu lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai được ban *trước khi* cánh hoa thứ nhất và thứ hai được khai mở hoàn toàn (và có lẽ khi chúng đã được tổ chức và sắp khai mở hoặc đã khai mở phần nào), thì chính sự khai mở của cánh hoa thứ bảy sẽ mất một thời gian rất dài khi so với sự khai mở của cánh hoa thứ tám và thứ chín, nhưng không phải khi so với sự khai mở của các cánh trước cánh thứ bảy.

602. This latter solution seems the most appealing to the intuition even though some references might seem to contraindicate the possibility.

602. Giải pháp sau này dường như hấp dẫn trực giác nhất mặc dù một số đoạn dẫn có vẻ như chống lại khả năng ấy.

603. Probably each initiation has a number of steps in it, and these steps correspond with the various stages of the unfoldment of a given petal.

603. Có lẽ mỗi lần điểm đạo có một số bước trong đó, và các bước này tương ứng với những giai đoạn khác nhau của sự khai mở của một cánh hoa nhất định.

604. We are presented only the most symbolic picture. First hand, reliable, clairvoyant observation will be required to correlate the degree of petal unfoldment with steps in the initiation process.

604. Chúng ta chỉ được trình bày bức tranh mang tính biểu tượng nhất. Sự quan sát trực tiếp, đáng tin cậy, bằng thông nhãn sẽ cần thiết để đối chiếu mức độ khai mở của cánh hoa với các bước trong tiến trình điểm đạo.

605. We can summarize very generally by saying that the seventh, eighth and ninth petals (i.e., the three petals of the sacrifice tier) are associated with the first, second and third initiations, respectively. At some time in the unfoldment of these petals (either earlier or later or upon almost complete or complete unfoldment) the Rod of Initiation is applied.

605. Chúng ta có thể tóm lược rất khái quát bằng cách nói rằng cánh hoa thứ bảy, thứ tám và thứ chín (tức ba cánh hoa của tầng hi sinh) lần lượt được liên hệ với lần điểm đạo thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Vào một thời điểm nào đó trong sự khai mở của các cánh hoa này (hoặc sớm hơn hoặc muộn hơn hoặc khi gần hoàn toàn hay hoàn toàn khai mở), Thần Trượng Điểm đạo được sử dụng.

606. I would suggest that we continue to ponder the matter and see if the intuition can confirm the moment in the process of petal unfoldment when the Rod of Power is applied.

606. Tôi xin gợi ý rằng chúng ta tiếp tục suy ngẫm về vấn đề này và xem liệu trực giác có thể xác nhận khoảnh khắc trong tiến trình khai mở cánh hoa khi Quyền năng Trượng được sử dụng hay không.

607. Continuing with chakric unfoldment, we would imagine the ajna center to continue developing from the first to third degree. At the third degree it will be fully functioning for that degree is ruled by the fifth ray which expresses through the ajna center and the ajna center is the chakra directly associated with the third degree.

607. Tiếp tục với sự khai mở luân xa, chúng ta sẽ hình dung trung tâm ajna tiếp tục phát triển từ bậc thứ nhất đến bậc thứ ba. Ở bậc thứ ba nó sẽ hoạt động trọn vẹn vì bậc ấy được cai quản bởi cung năm, cung biểu lộ qua trung tâm ajna, và trung tâm ajna là luân xa trực tiếp liên hệ với bậc thứ ba.

608. If there are five of the seven head centers functioning at the time of the first

608. Nếu có năm trong bảy trung tâm đầu hoạt động vào lúc lần điểm đạo thứ nhất (x.

initiation (cf. TCF 170), then these four will be correlated with seventh petal processes. The unfoldment of all seven head centers will be complete (or relatively complete—because the fourth initiation (ruled by Vulcan, just as the seven head centers are) looms ahead—by the time the third degree is taken.

TCF 170), thì bốn trung tâm này sẽ tương quan với các tiến trình của cánh hoa thứ bảy. Sự khai mở của cả bảy trung tâm đầu sẽ hoàn tất (hoặc tương đối hoàn tất—vì lần điểm đạo thứ tư, do Vulcan cai quản, cũng như bảy trung tâm đầu, đang ở phía trước) vào lúc bậc thứ ba được tiếp nhận.

609. In all occult processes the highest head center is to a degree active. We can expect the growth of crown center stimulation as the initiatory process moves from the first through the third initiations and beyond.

609. Trong mọi tiến trình huyền bí, trung tâm đầu cao nhất đều hoạt động ở một mức độ nào đó. Chúng ta có thể mong đợi sự tăng trưởng của kích thích trung tâm đỉnh đầu khi tiến trình điểm đạo chuyển từ lần điểm đạo thứ nhất qua lần thứ ba và xa hơn nữa.

610. We will not expect crown center stimulation to any significant extent before the first degree, and we must expect it to a considerable extent *at* the third degree.

610. Chúng ta sẽ không mong đợi kích thích trung tâm đỉnh đầu ở mức đáng kể nào trước bậc thứ nhất, và chúng ta phải mong đợi nó ở mức đáng kể *ở* bậc thứ ba.

611. This is fitting as the crown is the *seventh* chakra and the first initiation is associated with the *seventh* petal.

611. Điều này là thích hợp vì đỉnh đầu là luân xa *thứ bảy* và lần điểm đạo thứ nhất được liên hệ với cánh hoa *thứ bảy*.

612. We now continue with the unfoldment of the second petal of love, the eighth petal, overall.

612. Giờ đây chúng ta tiếp tục với sự khai mở của cánh hoa bác ái thứ hai, tức cánh hoa thứ tám xét toàn bộ.

2. The Petal of Love on the mental plane is unfolded [Page 542] **through the conscious steady application of all the powers of the soul to the service of humanity with no thought of return nor any desire for reward for the immense sacrifice involved.**

2. Cánh Hoa Bác Ái trên cõi trí được khai mở [Page 542] **qua sự áp dụng hữu thức và kiên định mọi quyền năng của linh hồn vào việc phụng sự nhân loại mà không nghĩ đến sự đền đáp hay bất kỳ ham muốn phần thưởng nào cho sự hi sinh to lớn được bao hàm.**

613. This is the eighth petal, the second petal in the sacrifice tier.

613. Đây là cánh hoa thứ tám, cánh hoa thứ hai trong tầng hi sinh.

614. The level of sacrifice is intensified compared to that which exists in seventh petal processes.

614. Mức độ hi sinh được tăng cường so với mức tồn tại trong các tiến trình của cánh hoa thứ bảy.

615. We note the steadiness required. The zodiacal energy of Scorpio is suggested by the "steadiness" of the application of the powers of the soul. This steadiness also suggests the influence of the planetary potencies of Vulcan and Saturn.

615. Chúng ta lưu ý sự kiên định được đòi hỏi. Năng lượng hoàng đạo của Hổ Cáp được gợi ra bởi sự "kiên định" trong việc áp dụng các quyền năng của linh hồn. Sự kiên định này cũng gợi ra ảnh hưởng của các tiềm lực hành tinh của Vulcan và Sao Thổ.

616. If would seem that by the time this second petal is unfolded, a considerable degree of selflessness is achieved, and the demands of the lower ego have been greatly reduced in significance, for there is "no thought of return nor any desire for reward for the immense sacrifice involved". We certainly notice the contrast with the expectation of reward as it exists in sixth petal processes.

616. Dường như đến khi cánh hoa thứ hai này khai mở, một mức độ vô ngã đáng kể đã đạt được, và những đòi hỏi của phàm ngã đã giảm đi rất nhiều về thâm nghĩa, vì "không có ý nghĩ quay về cũng không có ham muốn phần thưởng nào cho sự hi sinh to lớn liên hệ". Chúng ta chắc chắn nhận thấy sự tương phản với sự mong đợi phần thưởng như tồn tại trong các tiến trình của cánh hoa thứ sáu.

617. From the zodiacal perspective on the counter clockwise we have the fitting application of Scorpio to this eighth petal. Scorpio is a power sign and in eighth petal processes we have "the conscious steady application of all the powers of the soul to the service of humanity". This sounds very much like the attitude of one who is achieving or has achieved the second degree.

617. Từ góc độ hoàng đạo theo chiều ngược kim đồng hồ, chúng ta có sự áp dụng thích hợp của Hổ Cáp cho cánh hoa thứ tám này. Hổ Cáp là một dấu hiệu đầy quyền năng, và trong các tiến trình của cánh hoa thứ tám, chúng ta có "sự vận dụng hữu thức và vững bền mọi quyền năng của linh hồn vào việc phụng sự nhân loại". Điều này nghe rất giống thái độ của một người đang đạt tới hoặc đã đạt tới lần điểm đạo thứ hai.

618. It is obvious that the powers of the will have been sufficiently developed to hold the application of powers *steady.* Scorpio is a sign of the will, with much expression of the first ray implied (constellationally).

618. Hiển nhiên là các quyền năng của ý chí đã được phát triển đầy đủ để giữ cho việc vận dụng các quyền năng được *vững bền.* Hổ Cáp là một dấu hiệu của ý chí, với nhiều biểu hiện của cung một được hàm ý (về mặt chòm sao).

619. Scorpio, ruled by Pluto, is also a sign of death and sacrifice. This fits with the requirements of eighth petal expression.

619. Hổ Cáp, do Sao Diêm Vương cai quản, cũng là một dấu hiệu của cái chết và sự hi sinh. Điều này phù hợp với các đòi hỏi của sự biểu lộ nơi cánh hoa thứ tám.

620. This seems the place to mention Leo, the second of the fire signs (since we are

620. Đây dường như là chỗ để nhắc đến Sư Tử, dấu hiệu thứ hai trong các dấu hiệu hành

applying the fire signs to the sacrifice tier). Leo represents the lower ego which is negated by the powers of Scorpio (staging the release of Leo—cf. EA 333). Leo also represents the powers of the Heart of the Sun which promote love and selflessness in the astral body.

hỏa (vì chúng ta đang áp dụng các dấu hiệu hành hỏa cho tầng hi sinh). Sư Tử tượng trưng cho phàm ngã, vốn bị phủ định bởi các quyền năng của Hổ Cáp (dàn dựng sự giải thoát của Sư Tử—x. EA 333). Sư Tử cũng tượng trưng cho các quyền năng của Trái Tim Mặt Trời, vốn thúc đẩy tình thương và tính vô ngã trong thể cảm dục.

621. The "death of desire" is achieved in relation to the eighth petal. Scorpio supervises this death, and the Leonian Higher Self inspires a more heart-filled astral response.

621. "Cái chết của ham muốn" được đạt tới trong liên hệ với cánh hoa thứ tám. Hổ Cáp giám sát cái chết này, và Bản Ngã Cao Siêu kiểu Sư Tử truyền cảm hứng cho một đáp ứng cảm dục chan chứa trái tim hơn.

622. Using the clockwise wheel and beginning with Aries, the eighth petal will be assigned to Virgo, contributing to the development of selflessness and the emergence of the energy of love and wisdom.

622. Dùng bánh xe theo chiều kim đồng hồ và bắt đầu với Bạch Dương, cánh hoa thứ tám sẽ được gán cho Xử Nữ, góp phần vào sự phát triển của tính vô ngã và sự xuất hiện của năng lượng bác ái và minh triết.

623. Using the clockwise wheel and beginning with Pisces, again we have the Leo emphasis, emphasizing the sense of ahamkara (working through the astral nature) which must be negated. The 'feeling' of being a lower self must give way to the 'feeling' of being a Higher Self.

623. Dùng bánh xe theo chiều kim đồng hồ và bắt đầu với Song Ngư, một lần nữa chúng ta có sự nhấn mạnh của Sư Tử, nhấn mạnh cảm thức ahamkara (hoạt động qua bản chất cảm dục) vốn phải bị phủ định. 'Cảm giác' là một phàm ngã phải nhường chỗ cho 'cảm giác' là một Bản Ngã Cao Siêu.

624. Again the power of Capricorn (ruler of the five major initiations) must be applied to the eighth petal *generically* just as it was to petal seven and will be to petal nine.

624. Một lần nữa, quyền năng của Ma Kết (chủ tinh của năm cuộc điểm đạo lớn) phải được áp dụng vào cánh hoa thứ tám *một cách tổng quát* cũng như đã được áp dụng vào cánh hoa thứ bảy và sẽ được áp dụng vào cánh hoa thứ chín.

625. All initiates are distributors of that which they have received, and so the generic application of Aquarius is also required, pouring forth in selflessness.

625. Mọi điểm đạo đồ đều là những người phân phối điều mình đã nhận được, và vì thế sự áp dụng tổng quát của Bảo Bình cũng được đòi hỏi, tuôn đổ ra trong tính vô ngã.

626. The following is important in relation to both Leo and Aquarius in relation to the eighth petal:

"5. Aquarius-Leo.—Personality interests as an expression of the individual are submerged in the good of the whole. Selfish individual man becomes the world server. Heights of noted service are then reached in both signs." (EA 339)

627. Pisces is a sign of great sacrifice, and given the descriptions attached to the eighth and ninth petals, the application of the Pisces energy seems fitting.

628. It can be assumed that a second degree initiate is a confirmed server. Having passed through a great purification, there is little in the way to stop the outflow of serving energy. Aquarius and Leo represent this great outpouring from the Heart of the Sun (and both of these signs can reasonably be associated with the second initiation). The astral body has been transformed and is now a vehicle for the outflow of the energy of love to a needy world.

629. From the planetary perspective, Neptune, associated with self-abnegation, the astral plane and the sixth ray will play an important role. This is the petal implicated in the processes of the second initiation for which Neptune is a planet of considerable importance. Neptune, at this stage, is a sixth ray planet, and the second initiation is ruled generically by the sixth ray. The sacrificial nature of the eighth petal processes calls forth the sacrificial nature of Neptune.

626. Điều sau đây là quan trọng liên hệ đến cả Sư Tử lẫn Bảo Bình trong liên hệ với cánh hoa thứ tám:

"5. Bảo Bình-Sư Tử.—Những lợi ích của phàm ngã như một biểu hiện của cá nhân bị nhấn chìm trong thiện ích của toàn thể. Con người cá nhân ích kỷ trở thành Người Phụng Sự Thế Gian. Khi ấy những đỉnh cao phụng sự đáng kể được đạt tới trong cả hai dấu hiệu." (EA 339)

627. Song Ngư là một dấu hiệu của sự hi sinh lớn lao, và xét theo các mô tả gắn với cánh hoa thứ tám và thứ chín, việc áp dụng năng lượng Song Ngư dường như là thích hợp.

628. Có thể giả định rằng một điểm đạo đồ cấp hai là một người phụng sự đã được xác lập. Sau khi đã trải qua một sự thanh luyện lớn lao, hầu như không còn gì trên đường để ngăn chặn dòng tuôn đổ của năng lượng phụng sự. Bảo Bình và Sư Tử tượng trưng cho lần tuôn đổ lớn lao này từ Trái Tim Mặt Trời (và cả hai dấu hiệu này đều có thể được liên kết một cách hợp lý với lần điểm đạo thứ hai). Thể cảm dục đã được chuyển đổi và nay là một vận cụ cho sự tuôn đổ của năng lượng bác ái đến một thế giới đang cần giúp đỡ.

629. Từ góc độ hành tinh, Sao Hải Vương, gắn liền với sự tự xả bỏ, cõi cảm dục và cung sáu, sẽ đóng một vai trò quan trọng. Đây là cánh hoa được hàm ý trong các tiến trình của lần điểm đạo thứ hai, mà đối với nó Sao Hải Vương là một hành tinh có tầm quan trọng đáng kể. Ở giai đoạn này, Sao Hải Vương là một hành tinh cung sáu, và lần điểm đạo thứ hai được cai quản một cách tổng quát bởi cung sáu. Bản chất hi sinh của các tiến trình nơi cánh hoa thứ tám gọi ra bản chất hi sinh của Sao Hải Vương.

630. Jupiter, also active at the second degree, reflects the heart and the Heart of the Sun. A lovingly expansive expression of emotion is to be expected.

630. Sao Mộc, cũng hoạt động ở cấp hai, phản ánh trái tim và Trái Tim Mặt Trời. Có thể chờ đợi một biểu hiện cảm xúc mở rộng đầy yêu thương.

631. Venus, too, figures prominently at the second degree. Mental illumination and spiritual intelligence are two requirements for the second degree. We can see their correlation with the nature of Venus. As well, the astral body must be submitted to the light and love of the soul, represented by Venus. Venus also has its correlation with the "Heart of the Sun".

631. Sao Kim cũng nổi bật ở cấp hai. Soi sáng trí tuệ và trí tuệ tinh thần là hai đòi hỏi cho cấp hai. Chúng ta có thể thấy sự tương quan của chúng với bản chất của Sao Kim. Ngoài ra, thể cảm dục phải được đặt dưới ánh sáng và tình thương của linh hồn, được tượng trưng bởi Sao Kim. Sao Kim cũng có sự tương quan với "Trái Tim Mặt Trời".

632. If glamor is finally to be overcome (and it must be to a considerable extent at the second degree) the power of Venus will contribute significantly to this overcoming.

632. Nếu ảo cảm rốt cuộc phải được vượt qua (và ở cấp hai điều đó phải được thực hiện ở một mức độ đáng kể) thì quyền năng của Sao Kim sẽ góp phần đáng kể vào sự vượt thắng này.

633. The power of Pluto is active here as the death of desire is required. We will find a considerable cutting from attachment to lesser things in preparation for the powerful and sustained outpouring in service.

633. Quyền năng của Sao Diêm Vương hoạt động ở đây vì cái chết của ham muốn là điều được đòi hỏi. Chúng ta sẽ thấy có một sự cắt đứt đáng kể khỏi sự quyến luyến với những điều nhỏ bé để chuẩn bị cho sự tuôn đổ mạnh mẽ và bền vững trong phụng sự.

634. As previously stated, the willful steadiness in the application of all the powers of the soul suggests the presence of Vulcan.

634. Như đã nói trước đây, sự vững bền đầy ý chí trong việc vận dụng mọi quyền năng của linh hồn gợi ý sự hiện diện của Vulcan.

635. Mercury acts powerfully in relation to Scorpio to achieve mental polarization and the control of the astral nature. Intuitive response also opens rendering the astral vehicle responsive to the power of buddhi.

635. Sao Thủy hoạt động mạnh mẽ trong liên hệ với Hổ Cáp để đạt tới sự phân cực trí tuệ và sự kiểm soát bản chất cảm dục. Đáp ứng trực giác cũng mở ra, khiến vận cụ cảm dục đáp ứng với quyền năng của Bồ đề.

636. This is also a petal in which the soul is "by-passed" (cf. R&I 216). Symbolically, the Sun (ruler of Leo) is by-passed by Mercury

636. Đây cũng là một cánh hoa trong đó linh hồn bị "vượt qua" (x. R&I 216). Về mặt biểu tượng, Mặt Trời (chủ tinh của Sư Tử) bị Sao

(which, hierarchically, is so closely related to Scorpio).

637. We are told that the antahkarana can be successfully commenced at or preceding the period of the second initiation. The *full* building of the bridge, however, takes longer.

638. The power of Mars has been harnessed here and is subdued at the second initiation; selfishness is dealt a mortal blow.

639. When speaking of "immense sacrifice" (and at this point the *promise* of sacrifice even more immense than can be experienced through eighth petal processes) the power of Saturn must be invoked. Saturn and sacrifice are inseparable.

640. Interestingly, the power of the Lord of the World is invoked following the second initiation. The Lord of the World is, symbolically, Uranus—the Hierophant.

Eventually (after the second Initiation) the Lord of the World comes in as a factor,—the Lord of world power, fully expressing itself in love. (TCF 870-871)

641. As stated earlier, we can find a way to involve *all* the planets in all initiatory processes, but as we ascend towards more synthetic states involving the later and higher petals, it is much easier to see the place for all planets.

642. From the ray perspective, the first ray is entering through powerful and steady

Thủy vượt qua (hành tinh mà, về mặt huyền giai, có liên hệ rất mật thiết với Hổ Cáp).

637. Chúng ta được cho biết rằng antahkarana có thể được khởi sự thành công vào hoặc trước giai đoạn của lần điểm đạo thứ hai. Tuy nhiên, việc xây dựng *trọn vẹn* cây cầu đòi hỏi thời gian lâu hơn.

638. Quyền năng của Sao Hỏa đã được chế ngự ở đây và được làm dịu đi trong lần điểm đạo thứ hai; tính ích kỷ bị giáng một đòn chí tử.

639. Khi nói về "sự hi sinh to lớn" (và ở điểm này là *lời hứa* về một sự hi sinh còn to lớn hơn nhiều so với điều có thể được kinh nghiệm qua các tiến trình của cánh hoa thứ tám), quyền năng của Sao Thổ phải được khẩn cầu. Sao Thổ và sự hi sinh là không thể tách rời.

640. Điều thú vị là quyền năng của Đức Chúa Tể Thế Giới được khẩn cầu sau lần điểm đạo thứ hai. Đức Chúa Tể Thế Giới, về mặt biểu tượng, là Sao Thiên Vương—Đấng Điểm đạo.

Rốt cuộc (sau lần điểm đạo thứ hai) Đức Chúa Tể Thế Giới xuất hiện như một yếu tố, —Đức Chúa Tể của quyền năng thế gian, tự biểu lộ trọn vẹn trong tình thương. (TCF 870-871)

641. Như đã nói trước đây, chúng ta có thể tìm ra một cách để bao gồm *mọi* hành tinh trong mọi tiến trình điểm đạo, nhưng khi chúng ta thăng lên những trạng thái tổng hợp hơn liên hệ đến các cánh hoa về sau và cao hơn, thì việc thấy chỗ đứng của mọi hành tinh trở nên dễ dàng hơn nhiều.

642. Từ góc độ cung, cung một đang đi vào qua sự vận dụng mạnh mẽ và vững bền mọi

application of all *powers* of the soul in service. The first ray also contributes to the necessary self-abnegation—to *willingly* relinquish so much yet ask for nothing in return.

quyền năng của linh hồn trong phụng sự. Cung một cũng góp phần vào sự tự xả bỏ cần thiết—để *tự nguyện* từ bỏ quá nhiều mà vẫn không đòi hỏi gì đáp lại.

643. We can see how this eighth petal approach is in contrast to the description of the approach for the sixth petal, in which process something in return was still expected.

643. Chúng ta có thể thấy cách tiếp cận của cánh hoa thứ tám này tương phản với mô tả về cách tiếp cận của cánh hoa thứ sáu, trong đó tiến trình vẫn còn mong đợi một điều gì đó đáp lại.

644. The second ray continues to grow as the Ego (embodying the second principle, generically) becomes ever more powerful in the personality life.

644. Cung hai tiếp tục tăng trưởng khi Chân ngã (hiện thân của nguyên khí thứ hai, một cách tổng quát) ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn trong đời sống phàm ngã.

645. The third and fifth rays are involved in the establishment of mental illumination and spiritual intelligence.

645. Cung ba và cung năm được bao hàm trong việc thiết lập sự soi sáng trí tuệ và trí tuệ tinh thần.

646. The fourth ray represents the disciple's contest with himself, as an increasingly sacrificial attitude is required.

646. Cung bốn tượng trưng cho cuộc tranh đấu của đệ tử với chính mình, vì một thái độ ngày càng hi sinh hơn là điều được đòi hỏi.

647. The sixth ray (its simulation and then its harnessing or overcoming) is definitely involved in second initiation processes. The sixth ray is expressed through Mars (orthodox and esoteric ruler of Scorpio) and thus would be strongly represented in a petal conditioned by Scorpio.

647. Cung sáu (sự mô phỏng của nó rồi đến sự chế ngự hoặc vượt thắng nó) chắc chắn được bao hàm trong các tiến trình của lần điểm đạo thứ hai. Cung sáu được biểu lộ qua Sao Hỏa (chủ tinh ngoại môn và nội môn của Hổ Cáp) và do đó sẽ được thể hiện mạnh mẽ trong một cánh hoa được Hổ Cáp tác động.

648. From the chakric perspective, the integrating and force-directing power of the ajna center will continue to grow.

648. Từ góc độ luân xa, quyền năng tích hợp và định hướng mãnh lực của trung tâm ajna sẽ tiếp tục tăng trưởng.

649. The power of the heart is what will give strength to undertake the necessary sacrifices.

649. Chính quyền năng của tim sẽ ban sức mạnh để đảm nhận những sự hi sinh cần thiết.

650. The solar plexus is definitely rendered subservient to the heart center.

650. Tùng thái dương chắc chắn được đặt vào vị thế phụ thuộc đối với trung tâm tim.

651. More than five of the seven head centers are awakening. Perhaps the emphasis is on the sixth head center just as during ninth petal processes the emphasis would be on the seventh and at the first initiation (when the fifth kingdom of nature is entered) upon the fifth.

651. Hơn năm trong bảy trung tâm đầu đang thức tỉnh. Có lẽ sự nhấn mạnh đặt trên trung tâm đầu thứ sáu, cũng như trong các tiến trình của cánh hoa thứ chín sự nhấn mạnh sẽ đặt trên trung tâm thứ bảy, và ở lần điểm đạo thứ nhất (khi giới thứ năm của bản chất được đi vào) thì đặt trên trung tâm thứ năm.

652. The subtleties of the Hindu chakra system must be consulted. Certain head centers not specifically named by the Tibetan are there names and their nature specified. It is these chakras which are receiving stimulation as the sacrifice petals are being opened.

652. Những tinh tế của hệ thống luân xa Ấn giáo phải được tham khảo. Một số trung tâm đầu không được Chân sư Tây Tạng nêu tên một cách chuyên biệt thì ở đó tên gọi và bản chất của chúng được xác định. Chính các luân xa này đang nhận sự kích thích khi các cánh hoa hi sinh đang được khai mở.

653. The crown center receiving occult power is definitely activated.

653. Trung tâm đỉnh đầu tiếp nhận quyền năng huyền bí chắc chắn được hoạt hóa.

654. As the integration of soul and personality continues there will be an increasing interplay between crown and ajna. The alta major center will be fully involved by the time the next initiation is taken.

654. Khi sự tích hợp của linh hồn và phàm ngã tiếp tục, sẽ có một sự tương tác ngày càng tăng giữa đỉnh đầu và ajna. Trung tâm alta major sẽ được bao hàm trọn vẹn vào lúc lần điểm đạo kế tiếp được tiếp nhận.

655. The next petal is the final petal in the sacrifice tier—the ninth petal.

655. Cánh hoa kế tiếp là cánh hoa cuối cùng trong tầng hi sinh—cánh hoa thứ chín.

656. Its full (or penultimately full) unfoldment will take us to the point of the third initiation. Perhaps it continues to unfold into some final or ultimate state in the period between the third and fourth degrees. This thought regarding the continuing unfoldment of a chakra after initiation is taken should be pondered.

656. Sự khai mở trọn vẹn của nó (hoặc gần như trọn vẹn) sẽ đưa chúng ta đến điểm của lần điểm đạo thứ ba. Có lẽ nó tiếp tục khai mở đến một trạng thái cuối cùng hay tối hậu nào đó trong giai đoạn giữa cấp ba và cấp bốn. Ý nghĩ này liên quan đến sự khai mở tiếp tục của một luân xa sau khi điểm đạo đã được tiếp nhận cần được suy ngẫm.

657. Does the third initiation happen “all at once” or are there different phases in the process? This may be the case. Saul of Tarsus was blinded during one phase of the third degree process, but for years afterwards he seemed to continue within that third process of unfoldment, reaching out towards the light when he was writing the Letters to the Hebrews.

657. Lần điểm đạo thứ ba có xảy ra “tức khắc” hay có những giai đoạn khác nhau trong tiến trình không? Điều này có thể đúng. Saul xứ Tarsus đã bị làm mù trong một giai đoạn của tiến trình cấp ba, nhưng nhiều năm sau đó ông dường như vẫn tiếp tục ở trong tiến trình khai mở thứ ba ấy, vươn tới ánh sáng khi ông viết Thư gửi người Do Thái.

658. We are told of Paul:

658. Chúng ta được cho biết về Paul:

“…he was brought to the feet of the Initiator through the effect of love,…(R&I 193-194)

“…ông đã được đưa đến dưới chân Đấng Điểm đạo nhờ hiệu quả của tình thương,… (R&I 193-194)

659. But when he was blinded on the Road to Damascus, he was not pushing forward on the basis of love! So his being brought to the feet of the Initiator must have occurred after the blinding.

659. Nhưng khi ông bị làm mù trên Con Đường đến Damascus, ông không tiến lên trên cơ sở của tình thương! Vì thế việc ông được đưa đến dưới chân Đấng Điểm đạo hẳn phải xảy ra sau sự làm mù đó.

660. These considerations are of relevance when we consider whether one meets the One Initiator before the ninth petal is completely unfolded or only afterwards.

660. Những xem xét này có liên quan khi chúng ta cân nhắc liệu một người có gặp Đấng Điểm đạo Duy Nhất trước khi cánh hoa thứ chín hoàn toàn khai mở hay chỉ sau đó.

3. The Petal of Sacrifice for the mental plane: demonstrates as the predominant bias of the soul as seen in a series of many lives spent by the initiate prior to his final emancipation. He becomes in his sphere the "Great Sacrifice."

3. Cánh hoa Hi sinh dành cho cõi trí: biểulộ như thiên hướng nổi trội của linh hồn như được thấy trong một chuỗi nhiều kiếp sống do điểm đạo đồ trải qua trước khi y được giải thoát sau cùng. Y trở thành trong phạm vi của mình “Sự Hi sinh Vĩ Đại”.

661. Throughout his development during the unfoldment especially of the sacrifice petals, the bias of the evolving man has been increasingly towards service and sacrifice.

661. Suốt quá trình phát triển của y trong thời kỳ khai mở, đặc biệt là các cánh hoa hi sinh, thiên hướng của con người đang tiến hoá ngày càng hướng về phụng sự và hi sinh.

662. The implication in this section of text is that this “predominant bias of the soul” is

662. Hàm ý trong đoạn văn này là “thiên hướng nổi trội của linh hồn” này được biểu lộ trong sự biểu hiện của cánh hoa thứ chín.

demonstrated in the expression of the ninth petal.

663. He becomes in his sphere the "Great Sacrifice". He stands as a reflection of Sanat Kumara.

664. From another perspective, he is Aries, the "Sacrificial Lamb". Aries, we shall see, is a sign fittingly associated with the ninth petal.

665. We may wish to ask whether his demonstration as the "Great Sacrifice" is really complete at the third initiation, or only established to a degree. It would seem that in the processes following the third initiation, the sacrificial process would gain momentum and would culminate in the "Great Renunciation"—for the sake of service.

This stage can be seen objectively to the eye of the clairvoyant as dual in effect:

a. The mental unit becomes a radiant point of light; its four spirillae transmit force with intense rapidity.

666. We remember that following the completion of the knowledge tier process, the physical permanent atom became a radiant point of light. Following the completion of the love tier process, it was the astral permanent atom that became radiant. In both instances, five of their spirillae were strongly stimulated.

663. Y trở thành trong phạm vi của mình "Sự Hi sinh Vĩ Đại". Y đứng như một phản ánh của Đức Sanat Kumara.

664. Từ một góc độ khác, y là Bạch Dương, "Con Cừu Hi sinh". Như chúng ta sẽ thấy, Bạch Dương là một dấu hiệu được liên kết thích hợp với cánh hoa thứ chín.

665. Chúng ta có thể muốn hỏi liệu sự biểu lộ của y như "Sự Hi sinh Vĩ Đại" có thật sự hoàn tất ở lần điểm đạo thứ ba hay chỉ mới được thiết lập đến một mức độ nào đó. Dường như trong các tiến trình tiếp theo lần điểm đạo thứ ba, tiến trình hi sinh sẽ tăng đà và sẽ lên đến cực điểm trong "Sự Từ Bỏ Vĩ Đại"—vì mục đích phụng sự.

Giai đoạn này có thể được thấy một cách khách quan đối với mắt của nhà thông nhãn như có hiệu quả nhị phân:

a. Đơn vị hạ trí trở thành một điểm sáng rực rỡ; bốn loa tuyến của nó truyền dẫn mãnh lực với tốc độ mãnh liệt.

666. Chúng ta nhớ rằng sau khi hoàn tất tiến trình của tầng tri thức, nguyên tử trường tồn hồng trần đã trở thành một điểm sáng rực rỡ. Sau khi hoàn tất tiến trình của tầng bác ái, chính nguyên tử trường tồn cảm dục đã trở nên rực sáng. Trong cả hai trường hợp, năm loa tuyến của chúng đã được kích thích mạnh mẽ.

667. Now, following the completion of the sacrifice tier process, it is the mental unit (with its *four* spirillae) that becomes a radiant point of light.

667. Giờ đây, sau khi hoàn tất tiến trình của tầng hi sinh, chính đơn vị hạ trí (với *bốn* loa tuyến của nó) trở thành một điểm sáng rực rỡ.

668. When the spirillae are stimulated (whether the spirillae of the physical permanent atom, the astral permanent atom, or the mental unit) these spirillae "transmit force with intense rapidity".

668. Khi các loa tuyến được kích thích (dù là các loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục, hay của đơn vị hạ trí) thì các loa tuyến này "truyền dẫn mãnh lực với tốc độ mãnh liệt".

b. The three higher petals unfold, and **the nine-petalled lotus is seen perfected.**

b. Ba cánh hoa cao hơn khai mở, và **hoa sen chín cánh được thấy là hoàn hảo.**

669. We have the perfecting of the *nine*-petalled lotus but not yet of the twelve, though the innermost petals are said to be visible (either unfolding) or revealed in bud-form surrounding the central Jewel.

669. Chúng ta có sự hoàn thiện của hoa sen *chín* cánh nhưng chưa phải của hoa sen mười hai cánh, dù các cánh hoa trong cùng được nói là có thể nhìn thấy (đang khai mở) hoặc được mặc khải trong dạng nụ bao quanh Viên Ngọc trung tâm.

670. Before continuing with a description of this relative consummation we will consider the energy and chakra relationships which may concern the ninth petal.

670. Trước khi tiếp tục với mô tả về sự viên mãn tương đối này, chúng ta sẽ xem xét các mối liên hệ năng lượng và luân xa có thể liên quan đến cánh hoa thứ chín.

671. From the zodiacal perspective considered counter clockwise, the ninth petal will be ruled by the ninth sign, Sagittarius.

671. Từ góc độ hoàng đạo xét theo chiều ngược kim đồng hồ, cánh hoa thứ chín sẽ được cai quản bởi dấu hiệu thứ chín, Nhân Mã.

672. Sagittarius here will indicate the completely one-pointed, soul-infused personality. Sagittarius points its arrow towards the still higher consummation at the fourth degree.

672. Ở đây Nhân Mã sẽ chỉ ra phàm ngã được linh hồn thấm nhuần hoàn toàn nhất tâm. Nhân Mã hướng mũi tên của mình về phía sự viên mãn còn cao hơn ở cấp bốn.

673. We must also remember the relation of Sagittarius to the mentally-completed antahkarana and, thus, to the abstract mind. The bypassing of the egoic lotus is complete.

673. Chúng ta cũng phải nhớ mối liên hệ của Nhân Mã với antahkarana đã hoàn tất về mặt trí tuệ và, do đó, với trí trừu tượng. Sự vượt qua hoa sen chân ngã đã hoàn tất. "Cuộc phiêu lưu lớn" kiểu Nhân Mã liên quan

The Sagittarian 'great adventure' involving the antahkarana has made this possible.

674. From the clockwise perspective beginning with Aries, we have Leo. The Sun-god shines for in resplendent glory at the Transfiguration initiation.

675. From the clockwise perspective beginning with Pisces, we have Cancer. The "Whole is seen as One". One great unit of evolutionary development is complete. A fusion occurs.

676. Capricorn, as the ruler of all initiations, has a particular association with this ninth petal, for Capricorn rules especially the third initiation with which the ninth petal is closely associated.

677. Aquarius also is frequently associated with the third initiation. The third degree initiates pours forth all he has for the helping of the world, revealing the *Unity* he has seen in the realization of Oneness achieved. This Universality, this Oneness, is understood by the highly developed Aquarian.

678. The predominant bias towards *sacrifice* is represented by Pisces, which sign continues to power as the fourth initiation is reached. Pisces is a sign of consummation, and certainly one type of consummation is reached at the third degree; another is reached at the fourth.

679. If fire signs can be associated with the mental or sacrifice petals, then Aries will be placed in relation to the ninth petal.

đến antahkarana đã làm cho điều này trở nên khả hữu.

674. Từ góc độ theo chiều kim đồng hồ bắt đầu với Bạch Dương, chúng ta có Sư Tử. Vị thần Mặt Trời chiếu sáng trong vinh quang rực rỡ tại cuộc điểm đạo Biến hình.

675. Từ góc độ theo chiều kim đồng hồ bắt đầu với Song Ngư, chúng ta có Cự Giải. "Toàn Thể được thấy là Một". Một đơn vị lớn của sự phát triển tiến hoá đã hoàn tất. Một sự dung hợp xảy ra.

676. Ma Kết, với tư cách là chủ tinh của mọi cuộc điểm đạo, có một liên hệ đặc biệt với cánh hoa thứ chín này, vì Ma Kết cai quản đặc biệt lần điểm đạo thứ ba mà cánh hoa thứ chín có liên hệ mật thiết.

677. Bảo Bình cũng thường được liên kết với lần điểm đạo thứ ba. Điểm đạo đồ cấp ba tuôn đổ mọi điều y có để giúp đỡ thế giới, bộc lộ *Hợp Nhất* mà y đã thấy trong sự chứng nghiệm Nhất Thể đã đạt được. Tính phổ quát này, Nhất Thể này, được người Bảo Bình phát triển cao thấu hiểu.

678. Thiên hướng nổi trội hướng về *hi sinh* được tượng trưng bởi Song Ngư, dấu hiệu tiếp tục tăng quyền năng khi lần điểm đạo thứ tư được đạt tới. Song Ngư là một dấu hiệu của sự viên mãn, và chắc chắn một loại viên mãn được đạt tới ở cấp ba; một loại khác được đạt tới ở cấp bốn.

679. Nếu các dấu hiệu hành hỏa có thể được liên kết với các cánh hoa trí tuệ hay hi sinh, thì Bạch Dương sẽ được đặt trong liên hệ với cánh hoa thứ chín.

680. We have already reviewed the association of Aries with pure being, with the first ray and hence with the Monad. Aries and Pisces are like one sign (the Alpha and Omega), and thus they are found at this point of relative consummation.

680. Chúng ta đã xem xét mối liên hệ của Bạch Dương với bản thể thuần túy, với cung một và do đó với chân thần. Bạch Dương và Song Ngư giống như một dấu hiệu (Alpha và Omega), và vì thế chúng được tìm thấy tại điểm viên mãn tương đối này.

681. The third initiation introduces the man to the World of Spirit with which Aries has a special affinity.

681. Lần điểm đạo thứ ba đưa con người vào Thế Giới của tinh thần mà Bạch Dương có một sự tương hợp đặc biệt.

682. We cannot forget the relation of Scorpio to the first three initiations (even if it is most related to the second initiation).

682. Chúng ta không thể quên mối liên hệ của Hổ Cáp với ba lần điểm đạo đầu tiên (dù nó liên hệ nhiều nhất với lần điểm đạo thứ hai).

683. From the planetary perspective, it is hard to conceive how any of the planets could be eliminated from this point of synthetic development.

683. Từ góc độ hành tinh, thật khó hình dung làm sao bất kỳ hành tinh nào có thể bị loại bỏ khỏi điểm phát triển tổng hợp này.

684. Vulcan offers the blinding light of the Transfiguration. Vulcan represents the impact of the Monad which is to be expected at this degree. This impact comes via the "Jewel in the Lotus", the crown center with its jewel and also via the seven head centers which Vulcan is hypothesized to rule.

684. Vulcan cống hiến ánh sáng chói lòa của cuộc Biến hình. Vulcan tượng trưng cho tác động của chân thần, điều được chờ đợi ở cấp này. Tác động này đến qua "Viên Ngọc trong Hoa Sen", trung tâm đỉnh đầu với viên ngọc của nó và cũng qua bảy trung tâm đầu mà Vulcan được giả thuyết là cai quản.

685. At the third degree, there is a new capacity to work with the spiritual will. Vulcan is one of the planets representing this will.

685. Ở cấp ba, có một năng lực mới để làm việc với ý chí tinh thần. Vulcan là một trong những hành tinh tượng trưng cho ý chí này.

686. Mercury offers an extremely high point of mental illumination which is translated into intuitive perception and pure reason. The abstract mind becomes the buddhic "transcendental mind".

686. Sao Thủy cống hiến một đỉnh cao cực kỳ lớn của sự soi sáng trí tuệ, được chuyển dịch thành tri giác trực giác và lý trí thuần túy. Trí trừu tượng trở thành "trí tuệ siêu việt" Bồ đề.

687. Venus reaches one of her highest points of expression as the hierarchical ruler of

687. Sao Kim đạt tới một trong những đỉnh cao biểu hiện của mình với tư cách là chủ

Capricorn, the sign most associated with the third initiation. The soul now dominates the personality through the power of love-wisdom.

tinh huyền giai của Ma Kết, dấu hiệu gắn liền nhất với lần điểm đạo thứ ba. Linh hồn nay thống trị phàm ngã qua quyền năng của Bác Ái – Minh Triết.

688. The Earth (symbolizing the candidate for initiation) is uplifted and transfigured.

688. Trái Đất (tượng trưng cho ứng viên điểm đạo) được nâng lên và biến hình.

689. Mars achieves its exaltation in Capricorn; now His energies are thoroughly committed to the expression of the Divine Plan and of the oneness achieved.

689. Sao Hỏa đạt sự tôn vinh của mình trong Ma Kết; giờ đây các năng lượng của Ngài hoàn toàn được hiến dâng cho sự biểu lộ của Thiên Cơ và của nhất thể đã đạt được.

690. From the mountain top (Olympus) Jupiter has conferred expansive revelation. The Vision of Sagittarius has become the realization of Reality in Capricorn.

690. Từ đỉnh núi (Olympus), Sao Mộc đã ban cho sự mặc khải mở rộng. Linh ảnh của Nhân Mã đã trở thành sự chứng nghiệm Thực Tại trong Ma Kết.

691. Saturn represents the fact that the mountain of personal karma is under foot, and that the initiate, through the abstract mind and spiritual will, is equipped to work with the Divine Plan (to which Saturn is closely related). There is a strong atmic component to the third initiation and the atmic plane is ruled by Saturn. Nine is also the number of the third ray, and so the unfoldment of nine petals indicates a kind of third aspect consummation.

691. Sao Thổ tượng trưng cho sự kiện rằng ngọn núi nghiệp quả cá nhân đã ở dưới chân, và rằng điểm đạo đồ, qua trí trừu tượng và ý chí tinh thần, được trang bị để làm việc với Thiên Cơ (mà Sao Thổ có liên hệ mật thiết). Có một thành phần atma mạnh mẽ trong lần điểm đạo thứ ba và cõi atma được Sao Thổ cai quản. Chín cũng là con số của cung ba, và vì thế sự khai mở của chín cánh hoa chỉ ra một loại viên mãn phương diện thứ ba.

692. From another perspective, Time and Space (both ruled by Saturn) have been negated in a consciousness for which the most frequently presented aspects of the Great Illusion have been overcome.

692. Từ một góc độ khác, Thời Gian và Không Gian (cả hai đều do Sao Thổ cai quản) đã bị phủ định trong một tâm thức mà đối với nó những phương diện thường được trình bày nhất của Đại Ảo Tưởng đã được vượt qua.

693. Uranus is the Hierophant Who one meets at the third initiation.

693. Sao Thiên Vương là Đấng Điểm đạo mà người ta gặp ở lần điểm đạo thứ ba.

694. Uranus is also the energy which conquers the illusions over which Saturn (in its lower expression) presides. Uranus is the

694. Sao Thiên Vương cũng là năng lượng chinh phục những ảo tưởng mà Sao Thổ (trong biểu hiện thấp của nó) chủ trì. Sao

planet by means of which Time and Space (considered as illusions) are overcome.

Thiên Vương là hành tinh nhờ đó Thời Gian và Không Gian (được xem như những ảo tưởng) được vượt qua.

695. As for Neptune, the third initiation signifies the ability to enter the buddhic plane and to prepare for buddhic polarization to be achieved at the fourth initiation.

695. Còn về Sao Hải Vương, lần điểm đạo thứ ba biểu thị khả năng đi vào cõi Bồ đề và chuẩn bị cho sự phân cực Bồ đề sẽ đạt được ở lần điểm đạo thứ tư.

696. Pluto is an non-sacred yet "esoteric planet" signifying the cutting free from illusion and the leaving behind of the 'world of form and figure'

696. Sao Diêm Vương là một hành tinh không thiêng liêng nhưng lại là một "hành tinh nội môn", biểu thị sự cắt đứt khỏi ảo tưởng và sự bỏ lại phía sau 'thế giới của hình tướng và hình thể'

697. From the ray perspective, the fifth ray rules the third initiation. The power of Venus in relation to Capricorn correlates with the power of the fifth ray at this initiation.

697. Từ góc độ cung, cung năm cai quản lần điểm đạo thứ ba. Quyền năng của Sao Kim trong liên hệ với Ma Kết tương quan với quyền năng của cung năm tại lần điểm đạo này.

698. The second ray is powerful in relation to the ninth petal as the third initiation represents a significant triumph for the second or soul aspect.

698. Cung hai rất mạnh trong liên hệ với cánh hoa thứ chín vì lần điểm đạo thứ ba tượng trưng cho một chiến thắng đáng kể của phương diện thứ hai hay phương diện linh hồn.

699. The first ray plays is role as representative of the Monad (no matter what the Monad's ray) at the time of its first *conscious* apprehension by the soul-infused personality.

699. Cung một đóng vai trò của nó như đại diện của chân thần (bất kể chân thần thuộc cung nào) vào lúc nó lần đầu tiên được phàm ngã được linh hồn thấm nhuần lĩnh hội một cách *hữu thức*.

700. The third ray will naturally correlate with the third initiation. Usually the third ray is prone to illusion, but the intuitive light conferred at this degree, makes the third ray not the victim but increasingly the master of the formerly perceived illusions of time and space. The third ray confers at this point of configuration "the acute energy of divine mental perception".

700. Cung ba tự nhiên sẽ tương quan với lần điểm đạo thứ ba. Thông thường cung ba dễ nghiêng về ảo tưởng, nhưng ánh sáng trực giác được ban ở cấp này khiến cung ba không còn là nạn nhân mà ngày càng là chủ nhân của những ảo tưởng về thời gian và không gian trước đây từng được tri giác. Ở điểm cấu hình này, cung ba ban cho "năng

lượng sắc bén của tri giác trí tuệ thiêng liêng".

701. The fourth ray suggests the growing influence of the buddhic plane now that three minds have *united*.

701. Cung bốn gợi ý ảnh hưởng ngày càng tăng của cõi Bồ đề giờ đây khi ba trí đã *hợp nhất*.

702. While the sixth ray is not so potent at this degree, the seventh ray can well represent the synthesis of the Spirit, soul and physical aspects of the human being. The brain is definitely impacted by Spirit-soul. The "Highest and the Lowest" have met significantly.

702. Dù cung sáu không quá mạnh ở cấp này, cung bảy có thể tượng trưng rất tốt cho sự tổng hợp của các phương diện tinh thần, linh hồn và hồng trần của con người. Bộ não chắc chắn chịu tác động của Tinh thần-linh hồn. "Cao Nhất và Thấp Nhất" đã gặp nhau một cách đáng kể.

703. From the chakric perspective, the highest head center is stimulated in a manner more potent than ever before.

703. Từ góc độ luân xa, trung tâm đầu cao nhất được kích thích theo một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

704. The seven head centers are also highly stimulated and are all of them operative though not necessarily *completely* unfolded. The fourth degree ruled by Vulcan (which rules these seven head centers) looms ahead.

704. Bảy trung tâm đầu cũng được kích thích mạnh mẽ và tất cả đều hoạt động, dù chưa nhất thiết *hoàn toàn* khai mở. Cấp bốn do Vulcan cai quản (hành tinh cai quản bảy trung tâm đầu này) đang hiện ra phía trước.

705. The ajna center (expressing the fifth ray under Venus and fourth ray under Mercury) is the representative center of this initiation.

705. Trung tâm ajna (biểu lộ cung năm dưới Sao Kim và cung bốn dưới Sao Thủy) là trung tâm đại diện của lần điểm đạo này.

706. The throat center (as intelligence) reaches a climaxing point and begins to give way to the intuition. The knowledge tier of petals ruled by the third ray generically, begin the process of disintegration.

706. Trung tâm cổ họng (như trí tuệ) đạt đến một điểm cực đỉnh và bắt đầu nhường chỗ cho trực giác. Tầng tri thức của các cánh hoa, được cai quản một cách tổng quát bởi cung ba, bắt đầu tiến trình tan rã.

707. The heart center is open to the reception of buddhi and perceives or realizes the Unity that Is.

707. Trung tâm tim mở ra để tiếp nhận Bồ đề và tri giác hay chứng nghiệm Hợp Nhất vốn Hiện Hữu.

708. The lower centers are held in their place and their energies are used to feed the higher chakras.

708. Các trung tâm thấp được giữ đúng chỗ của chúng và các năng lượng của chúng

được dùng để nuôi dưỡng các luân xa cao hơn.

709. The base of the spine center begins a new relationship to the crown center as the curriculum of the *will* is undertaken in earnest.

709. Trung tâm đáy cột sống bắt đầu một mối liên hệ mới với trung tâm đỉnh đầu khi giáo trình của *ý chí* được đảm nhận một cách nghiêm túc.

710. Many energy-relationships have been discussed as we have assessed the petals and their interrelationships, and this is just the beginning. There is much more in TCF which needs to be correlated with what is here found in order that a more complete picture to emerge.

710. Nhiều mối liên hệ năng lượng đã được bàn đến khi chúng ta đánh giá các cánh hoa và những tương liên của chúng, và đây mới chỉ là khởi đầu. Còn nhiều điều hơn nữa trong Luận về Lửa Vũ Trụ cần được tương quan với những gì được tìm thấy ở đây để một bức tranh đầy đủ hơn xuất hiện.

711. The whole question of *colour* has yet to be considered in relation to the nine or twelve petals, as do the various kinds of egoic lotuses, the various crises of the soul, the various stage of adaptation to soul life, the stages of human unfoldment as described in other tabulations—these among other pieces of information which must be correlated with petal unfoldment.

711. Toàn bộ vấn đề về *màu sắc* vẫn còn phải được xem xét trong liên hệ với chín hay mười hai cánh hoa, cũng như các loại hoa sen chân ngã khác nhau, các cuộc khủng hoảng khác nhau của linh hồn, các giai đoạn khác nhau của sự thích nghi với đời sống linh hồn, các giai đoạn khai mở của con người như được mô tả trong những bảng biểu khác—đó là những mảnh thông tin khác nhau cần được tương quan với sự khai mở của các cánh hoa.

712. We will now continue in our analysis of text. The proportion of commentary to text will be less expanded.

712. Giờ đây chúng ta sẽ tiếp tục trong việc phân tích văn bản. Tỷ lệ phần bình giải so với văn bản sẽ bớt mở rộng hơn.

The causal body is then (expressed in terms of fire) a blazing centre of heat, radiating to its group warmth and vitality.

Khi ấy thể nguyên nhân (được diễn tả theo lửa) là một trung tâm nhiệt cháy rực, bức xạ đến nhóm của nó sự ấm áp và sinh lực.

713. We are speaking here of the interchange between causal bodies. We remember that causal bodies occur in groups seven and in seven groups of seven informed by the life of certain solar beings who express through these groups.

713. Ở đây chúng ta đang nói về sự trao đổi giữa các thể nguyên nhân. Chúng ta nhớ rằng các thể nguyên nhân xuất hiện trong các nhóm bảy và trong bảy nhóm của bảy, được thấm nhuần bởi sự sống của một số hữu thể thái dương biểu lộ qua các nhóm này.

714. When the nine petals have been fully opened, the causal body becomes “a blazing centre of heat”.

714. Khi chín cánh hoa đã hoàn toàn khai mở, thể nguyên nhân trở thành “một trung tâm nhiệt cháy rực”.

715. The warmth and vitality represent the solar fire which is now fully infusing the causal body.

715. Sự ấm áp và sinh lực tượng trưng cho Lửa Thái dương hiện đang thấm nhuần trọn vẹn thể nguyên nhân.

Within the periphery of the egoic wheel can be seen the nine spokes rotating with intense rapidity

Trong chu vi của bánh xe chân ngã có thể thấy chín nan hoa quay với tốc độ mãnh liệt

716. The causal body is a wheel in rapid rotation. We can see that the powers of the petals are being blended and fused by this rotation.

716. Thể nguyên nhân là một bánh xe quay nhanh. Chúng ta có thể thấy rằng các quyền năng của các cánh hoa đang được hòa trộn và dung hợp bởi sự quay này.

and — after the third Initiation — becoming fourth dimensional, or the wheels "turn upon" themselves.[78]

và — sau lần điểm đạo thứ ba — trở thành bốn chiều, hay các bánh xe “tự quay trên” chính chúng.78

717. We have previously discussed the fourth dimensionality of the chakras of different vehicles preceding certain initiations. Now we speak of the fourth dimensionality of the wheel(s) found within the egoic lotus.

717. Trước đây chúng ta đã bàn về tính bốn chiều của các luân xa thuộc những vận cụ khác nhau trước một số cuộc điểm đạo nhất định. Giờ đây chúng ta nói đến tính bốn chiều của (các) bánh xe được tìm thấy bên trong hoa sen chân ngã.

718. Such fourth dimensional rotation is always a prelude to a state of ascension.

718. Sự quay bốn chiều như thế luôn luôn là khúc dạo đầu cho một trạng thái thăng lên.

In the midst forming a certain geometrical triangle (differing according to the ray of the Monad) can be seen three points of fire,

Ở giữa, tạo thành một tam giác hình học nhất định (khác nhau tùy theo cung của chân thần) có thể thấy ba điểm lửa,

719. Here we have an example of the extraordinary symbolizing power of Nature.

719. Ở đây chúng ta có một ví dụ về quyền năng biểu tượng phi thường của Bản chất.

720. It has been suggested that the triangle for the first ray Monad will be equilateral; that for the second ray Monad isosceles; that

720. Có ý kiến cho rằng tam giác của chân thần cung một sẽ là tam giác đều; của chân

for the third ray Monad, the 3—4—5 triangle of Pythagoras.

721. It is the members of the atomic triangle which form the three types of triangles.

or the permanent atoms and the mental unit, in all their glory;

722. We are speaking of a time which *follows* the third initiation. Judging from the glorious display, we are approaching the fourth degree.

at the centre can be seen **a central blaze of glory** growing in intensity as the three inner petals respond to the stimulation.

723. The three inner petals are likened to a "central blaze of glory". The response of the three synthesizing petals to such stimulation occurs *after* the third initiation.

724. The term "glory" suggests a great display of light, heat and magnetism.

When the fire of matter, of "fire by friction," becomes sufficiently intense; when the fire of mind of solar fire (which vitalises the nine petals) becomes equally fierce, and when the electric spark at the innermost centre blazes out and can be seen, ***the [Page 543] entire causal body becomes radioactive.***

725. We have here a brilliant description of the radioactivation of the causal body preceding its destruction.

thần cung hai là tam giác cân; của chân thần cung ba là tam giác 3—4—5 của Pythagoras.

721. Chính các thành viên của tam giác nguyên tử tạo thành ba loại tam giác ấy.

hay các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí, trong toàn bộ vinh quang của chúng;

722. Chúng ta đang nói về một thời điểm *tiếp sau* lần điểm đạo thứ ba. Xét theo sự hiển lộ huy hoàng này, chúng ta đang tiến gần cấp bốn.

ở trung tâm có thể thấy **một ngọn lửa vinh quang trung tâm** gia tăng cường độ khi ba cánh hoa bên trong đáp ứng với sự kích thích.

723. Ba cánh hoa bên trong được ví như "một ngọn lửa vinh quang trung tâm". Sự đáp ứng của ba cánh hoa tổng hợp đối với sự kích thích như thế xảy ra *sau* lần điểm đạo thứ ba.

724. Thuật ngữ "vinh quang" gợi ý một sự hiển lộ lớn lao của ánh sáng, nhiệt và từ điện.

Khi lửa của vật chất, của "Lửa ma sát," trở nên đủ mãnh liệt; khi lửa của trí tuệ của lửa thái dương (vốn tiếp sinh lực cho chín cánh hoa) trở nên dữ dội tương đương, và khi tia lửa điện ở trung tâm sâu kín nhất bùng cháy và có thể được nhìn thấy, ***thì [Page 543] toàn bộ thể nguyên nhân trở nên có tính phóng xạ.***

725. Ở đây chúng ta có một mô tả rực rỡ về sự phóng xạ của thể nguyên nhân trước khi nó bị hủy diệt.

726. There are three requirements which we will tabulate for emphasis:

726. Có ba điều kiện mà chúng ta sẽ liệt kê thành bảng để nhấn mạnh:

c. The fire of matter—fire by friction—must become sufficiently intense. This refers to the burning of the atomic triangle

c. Lửa của vật chất—Lửa ma sát—phải trở nên đủ mãnh liệt. Điều này nói đến sự thiêu đốt của tam giác nguyên tử

d. The fire of mind or solar fire must become “equally fierce”. We note that it is solar fire that vitalizes the nine petals.

d. Lửa của trí tuệ hay Lửa Thái dương phải trở nên “mãnh liệt ngang nhau”. Chúng ta lưu ý rằng chính Lửa Thái dương tiếp sinh lực cho chín cánh hoa.

e. The electric spark at the innermost center (i.e., the Monad’s influence through the "Jewel in the Lotus") must blaze out visibly.

e. Tia lửa điện ở trung tâm nội tại nhất (tức ảnh hưởng của chân thần qua "Jewel in the Lotus") phải bùng cháy ra một cách hữu hình.

727. We can assume that the radioactivity of the causal body precedes its destruction.

727. Chúng ta có thể giả định rằng tính phóng xạ của thể nguyên nhân đi trước sự hủy diệt của nó.

Then the fires of substance (the vitality of the permanent atoms) escape from the atomic spheres, **and add their quota to the great sphere in which they are contained;**

Khi đó các ngọn lửa của chất liệu (sinh lực của các nguyên tử trường tồn) thoát ra khỏi các khối cầu nguyên tử, **và góp phần của chúng vào khối cầu lớn trong đó chúng được chứađựng;**

728. We are speaking here of an occult process by which the energy of the lesser permanent atoms and mental unit is absorbed by triadal permanent atoms. This will happen eventually.

728. Ở đây chúng ta đang nói về một tiến trình huyền bí nhờ đó năng lượng của các nguyên tử trường tồn thấp hơn và đơn vị hạ trí được hấp thu bởi các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần. Điều này rốt cuộc sẽ xảy ra.

729. Our task is to understand whether “The great sphere in which they are contained” is the egoic body or the three triadal bodies.

729. Nhiệm vụ của chúng ta là hiểu xem “Khối cầu lớn trong đó chúng được chứa đựng” là thể chân ngã hay ba thể của Tam nguyên tinh thần.

730. Given the nature of the liberation and the fact that fire at the center of the "Jewel in the Lotus" must be transferred into the triad,

730. Xét theo bản chất của sự giải thoát và sự kiện rằng ngọn lửa ở trung tâm của "Jewel in the Lotus" phải được chuyển dịch vào Tam

one would be led to suspect that the “great sphere” is (eventually, at least) the triadal sphere. There may be a mediated transfer of the fire/vitality of the permanent atoms—first, in general, to the sphere of the causal body and then, as that causal body is destroyed to the permanent atoms of the spiritual triad.

nguyên tinh thần, người ta sẽ có khuynh hướng nghi ngờ rằng “khối cầu lớn” ấy là (ít nhất là rốt cuộc) khối cầu tam nguyên tinh thần. Có thể có một sự chuyển giao trung gian của lửa/sinh lực của các nguyên tử trường tồn—trước hết, nói chung, vào khối cầu của thể nguyên nhân rồi sau đó, khi thể nguyên nhân ấy bị hủy diệt, vào các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần.

the fire of mind blends with its emanating source, and the central life escapes.

lửa của trí tuệ hòa nhập với nguồn phát xạ của nó, và Sự sống trung tâm thoát ra.

731. If the “fire of mind” is considered solar fire, then the Solar Angel is the emanating source of that fire. The Solar Angel, too, must return to its emanating Source.

731. Nếu “lửa của trí tuệ” được xem là Lửa Thái dương, thì Thái dương Thiên Thần là nguồn phát xạ của ngọn lửa ấy. Thái dương Thiên Thần cũng phải trở về Nguồn phát xạ của chính nó.

732. The “central life” which “escapes” is the fire at the center of the "Jewel in the Lotus". It is the fire of the Monad which may not immediately return to the Monad, but which may be first absorbed by the spiritual triad.

732. “Sự sống trung tâm” vốn “thoát ra” là ngọn lửa ở trung tâm của "Jewel in the Lotus". Đó là lửa của chân thần, có thể không lập tức trở về với chân thần, mà trước hết có thể được hấp thu bởi Tam nguyên tinh thần.

733. It would seem that the initiate now living focussed within the spiritual triad (and not yet focussed within the Monad) has need of the experience gathered in the incarnational process, and so the central life which has been confined within the causal body would (in a mediated manner) be temporarily confined within the spheres of the spiritual triad.

733. Có vẻ như điểm đạo đồ hiện đang sống với tiêu điểm đặt trong Tam nguyên tinh thần (và chưa đặt trong chân thần) vẫn cần đến kinh nghiệm được thu thập trong tiến trình nhập thể, và vì vậy sự sống trung tâm vốn bị giam giữ trong thể nguyên nhân sẽ (theo một cách trung gian) tạm thời bị giam giữ trong các khối cầu của Tam nguyên tinh thần.

734. The escape of the “central life” (we remember) is an alchemical, transmutative process.

734. Sự thoát ra của “Sự sống trung tâm” (chúng ta nhớ điều này) là một tiến trình luyện kim, chuyển hoá.

This is the great liberation.

Đây là sự giải thoát lớn lao.

735. This is liberation as it is achieved at the fourth degree.

735. Đây là sự giải thoát như được đạt tới ở lần điểm đạo thứ tư.

The man, **in terms of human endeavour,** has achieved his goal.

Con người, **xét theo nỗ lực của nhân loại,** đã đạt được mục tiêu của y.

736. The temporary goal of the *fourth* kingdom (the human) is the *fourth* initiation.

736. Mục tiêu tạm thời của giới thứ *tư* (giới nhân loại) là lần điểm đạo thứ *tư*.

He has passed through the three Halls and in each has transferred that which he gained therein to the content of his consciousness;

Y đã đi qua ba Phòng và trong mỗi Phòng đã chuyển điều mà y đạt được ở đó vào nội dung tâm thức của mình;

737. The three Halls are correlated with the three tiers of petals: the Hall of Ignorance with the knowledge tier; the Hall of Learning with the love tier; the Hall of Wisdom with the sacrifice tier. We might say that the Hall of Wisdom continues even to the fifth initiation, for a Master is a Master of the *Wisdom*.

737. Ba Phòng tương ứng với ba tầng cánh hoa: Phòng Vô Minh với tầng tri thức; Hall of Learning với tầng bác ái; Phòng Minh triết với tầng hi sinh. Chúng ta có thể nói rằng Phòng Minh triết còn tiếp tục cho đến lần điểm đạo thứ năm, vì một Chân sư là bậc Chân sư của *Minh triết*.

he has in ordered sequence developed and opened the petals of the lotus—first opening the lower three, which involves a process covering a vast period of time.

y đã theo một trình tự có trật tự mà phát triển và khai mở các cánh hoa của hoa sen—trước hết khai mở ba cánh hoa thấp, điều này bao hàm một tiến trình kéo dài trong một thời kỳ vô cùng rộng lớn.

738. The sequence is "ordered" but there are necessarily overlaps and sometimes anomalies and irregularities.

738. Trình tự ấy là "có trật tự" nhưng tất yếu có những chồng lấn và đôi khi có những dị thường và bất quy tắc.

739. The opening of the first three petals can take, perhaps, ninety percent of the time allotted to human evolution. It is a process covering many millions of years.

739. Việc khai mở ba cánh hoa đầu tiên có thể chiếm đến chín mươi phần trăm thời gian được dành cho tiến hoá nhân loại. Đó là một tiến trình kéo dài nhiều triệu năm.

Then the second series of petals are opened, during a period of time covering his participation intelligently in world affairs

Sau đó loạt cánh hoa thứ hai được khai mở, trong một thời kỳ bao trùm sự tham dự một cách thông minh của y vào các công việc thế

until he enters the spiritual kingdom at the first Initiation;

740. The processes connected with the opening of the second series of petals are *intelligent.* This opening also assumes of man that he is the participant in world affairs.

741. The entry of the "spiritual kingdom", the Kingdom of Souls occurs at the first initiation. This is the mounting of the Fixed Cross and the beginning of true discipleship.

742. The opening of the first six petals take us to the point at which the first initiation can be taken. Before the first initiation is taken, it is necessary that the seventh petal be at least vitalized and *organized.* To what degree it must be unfolded, we do not know.

743. Once there is entry into the spiritual kingdom a period of abstraction has slowly begun.

and a final and briefer period wherein the three higher or inner ring of petals are developed and opened.

744. In this case the "inner ring of petals" is the sacrifice tier and not the innermost tier —the synthesizing tier.

745. This "final and briefer period" is really, *much* briefer, even than the period during which the central three petals in the love tier opened.

gian **cho đến khi y bước vào giới tinh thần ở lần Điểm đạo thứ nhất;**

740. Các tiến trình liên hệ với việc khai mở loạt cánh hoa thứ hai là *thông minh.* Sự khai mở này cũng giả định nơi con người rằng y là người tham dự vào các công việc thế gian.

741. Sự bước vào "giới tinh thần", Thiên Giới của các linh hồn, xảy ra ở lần điểm đạo thứ nhất. Đây là việc bước lên Thập Giá Cố Định và là sự khởi đầu của địa vị đệ tử chân chính.

742. Sự khai mở sáu cánh hoa đầu tiên đưa chúng ta đến điểm mà tại đó lần điểm đạo thứ nhất có thể được tiếp nhận. Trước khi lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận, điều cần thiết là cánh hoa thứ bảy ít nhất phải được tiếp sinh lực và *tổ chức.* Chúng ta không biết nó phải được khai mở đến mức độ nào.

743. Một khi đã có sự bước vào giới tinh thần thì một thời kỳ trừu xuất đã chậm rãi bắt đầu.

và một thời kỳ cuối cùng ngắn hơn trong đó ba cánh hoa cao hơn hay vòng trong được phát triển và khai mở.

744. Trong trường hợp này "vòng trong của các cánh hoa" là tầng hi sinh chứ không phải tầng nội tại nhất—tầng tổng hợp.

745. "Thời kỳ cuối cùng và ngắn hơn" này thực sự *ngắn hơn* rất nhiều, ngay cả so với thời kỳ trong đó ba cánh hoa trung tâm của tầng bác ái được khai mở.

746. We tried to suggest that its opening could occur a few thousand times faster than the opening of the knowledge tier.

746. Chúng ta đã cố gợi ý rằng sự khai mở của nó có thể xảy ra nhanh hơn vài nghìn lần so với sự khai mở của tầng tri thức.

In closing what may be said on this subject of the egoic Ray and fire of mind, I would request the student to bear the following points in mind:

Để kết thúc những gì có thể được nói về chủ đề cung chân ngã và lửa của trí tuệ này, tôi muốn yêu cầu đạo sinh ghi nhớ những điểm sau:

747. We remind ourselves (amidst all the detail) that we have been talking about the "egoic Ray and the fire of mind".

747. Chúng ta tự nhắc mình (giữa mọi chi tiết) rằng chúng ta đã nói về "cung chân ngã và lửa của trí tuệ".

First. That the order of the development of the petals and the stimulation of the fires depends upon the Ray of the Monad, and the subray upon which the causal body finds itself.

Thứ nhất. Rằng trật tự phát triển của các cánh hoa và sự kích thích các ngọn lửa tùy thuộc vào cung của chân thần, và cung phụ mà trên đó thể nguyên nhân tự thấy mình ở đó.

748. The ray of the Monad is the chief factor and, secondarily, the egoic ray—i.e., "the subray upon which the causal body finds itself". Both rays, we are told, contribute to the order of development of the petals.

748. Cung của chân thần là yếu tố chính và, thứ yếu, là cung chân ngã—tức "cung phụ mà trên đó thể nguyên nhân tự thấy mình ở đó". Chúng ta được cho biết rằng cả hai cung đều góp phần vào trật tự phát triển của các cánh hoa.

749. We can remind ourselves that this subray is the same as the ray (or, really, subray) upon which the spiritual triad finds itself (i.e., the ray which qualifies the permanent atoms of the spiritual triad).

749. Chúng ta có thể tự nhắc rằng cung phụ này cũng chính là cung (hay đúng hơn là cung phụ) mà trên đó Tam nguyên tinh thần tự thấy mình ở đó (tức cung tạo phẩm tính cho các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần).

This thought would bear expansion, and would prove a fruitful source of study to the occult investigator.

Tư tưởng này đáng được khai triển thêm, và sẽ chứng tỏ là một nguồn nghiên cứu phong phú cho nhà huyền bí học khảo cứu.

750. During the course of these commentaries we have speculated upon the order of activation of the different points in chakric triangles according to the ray of the

750. Trong tiến trình của các phần bình luận này, chúng ta đã suy đoán về trật tự hoạt hóa các điểm khác nhau trong các tam giác luân xa theo cung của chân thần. Cung của Chân ngã sẽ làm biến đổi trật tự hoạt hóa này.

Monad. The ray of the Ego will modify this order of activation.

751. For instance if a first ray Monad would tend to stimulate only as a last resort the triangular point in a triangle representing love, then a first ray Monad *with a second ray Ego* would hasten the stimulation of that love-related point of the triangle.

751. Chẳng hạn, nếu một chân thần cung một có khuynh hướng chỉ kích thích như một biện pháp cuối cùng điểm tam giác trong một tam giác biểu thị bác ái, thì một chân thần cung một *với một Chân ngã cung hai* sẽ thúc đẩy nhanh sự kích thích điểm của tam giác liên hệ đến bác ái ấy.

Second. That this unfoldment proceeds slowly in the early stages, and only proceeds with rapidity as the man himself works at it with conscious effort.

Thứ hai. Rằng sự khai mở này tiến hành chậm chạp trong các giai đoạn đầu, và chỉ tiến hành nhanh chóng khi chính con người làm việc với nó bằng nỗ lực hữu thức.

752. Conscious application adds to the speed of unfoldment. One can rely solely upon the natural process, but intelligent attentiveness to process hastens the process.

752. Sự vận dụng hữu thức làm tăng tốc độ khai mở. Người ta có thể chỉ dựa vào tiến trình tự nhiên, nhưng sự chú tâm thông minh vào tiến trình sẽ đẩy nhanh tiến trình.

The Ego takes no active interest in the development until the second petal in the second series is beginning to open.

Chân ngã không có sự quan tâm tích cực nào đến sự phát triển cho đến khi cánh hoa thứ hai trong loạt thứ hai bắt đầu khai mở.

753. While the Ego is responsible for the overall progress of the process, its individual interest is not piqued until its personality has made sufficient progress.

753. Dù Chân ngã chịu trách nhiệm về sự tiến bộ tổng quát của tiến trình, sự quan tâm cá biệt của nó không bị khơi dậy cho đến khi phàm ngã của nó đã đạt đủ tiến bộ.

754. This fact tells us much about the solar fifth petal and its relationship to the great second aspect.

754. Sự kiện này cho chúng ta biết nhiều điều về cánh hoa thứ năm thái dương và mối liên hệ của nó với phương diện thứ hai vĩ đại.

755. We note that the Ego's interest occurs at the *beginning* of the opening of the fifth (or second) petal in the second series.

755. Chúng ta lưu ý rằng sự quan tâm của Chân ngã xảy ra vào *lúc bắt đầu* của sự khai mở cánh hoa thứ năm (hay thứ hai) trong loạt thứ hai.

756. We can assume that for most individuals this interest occurred well within the last million years (and perhaps much closer to our present time). Given the

756. Chúng ta có thể giả định rằng đối với phần lớn cá nhân, sự quan tâm này đã xảy ra khá sâu trong một triệu năm gần đây nhất (và có lẽ còn gần thời đại hiện nay của chúng

long expanse of human development over many millions of years, the Ego, we may presume, has been 'standing by' awaiting its proper moment for engagement.

757. We note that as the term "Ego" is used here, it appears to be equivalent to the "Solar Angel". One must closely examine the meaning of the term "Ego" as it can mean different things in different contexts. Sometimes it refers directly to the Solar Angel and at other times it carries a meaning more related to the inner spiritual life of the human being, per se.

Before that time, the work proceeds under the [Page 544] law of its being and through the **inherent life of the second Logos which is the life of the petals of the lotus.**

758. Not only does the Ego take no active interest in the development of its personality until a certain point of development has been reached, but, as well, no interest in the unfoldment of the petals of the egoic lotus!

759. It is of interest to note that it is the life of the "second Logos" which is responsible for the sustainment of the causal body.

760. We must compare the thought that the second Logos "is the life of the petals of the lotus" to the idea that manasadevas are involved with each petal. This comparison will be important.

It is of interest to note here that, as the petal substance is deva substance and as the energy of the petals is the energy of

ta hơn nữa). Xét theo khoảng thời gian dài của sự phát triển nhân loại qua nhiều triệu năm, chúng ta có thể cho rằng Chân ngã đã "đứng chờ" đợi đúng thời điểm để tham gia.

757. Chúng ta lưu ý rằng khi thuật ngữ "Chân ngã" được dùng ở đây, nó dường như tương đương với "Thái dương Thiên Thần". Người ta phải khảo sát kỹ ý nghĩa của thuật ngữ "Chân ngã" vì nó có thể mang những nghĩa khác nhau trong những ngữ cảnh khác nhau. Đôi khi nó chỉ trực tiếp Thái dương Thiên Thần và những lúc khác nó mang một ý nghĩa liên hệ nhiều hơn đến đời sống tinh thần bên trong của con người, chính nó.

Trước thời điểm đó, công việc tiến hành dưới [Page 544] định luật của bản thể nó và thông qua **sự sống cố hữu của Thượng đế thứ hai, vốn là sự sống của các cánh hoa của hoa sen.**

758. Điều đáng chú ý là không những Chân ngã không có sự quan tâm tích cực đến sự phát triển của phàm ngã của nó cho đến khi đạt tới một điểm phát triển nhất định, mà còn không quan tâm đến sự khai mở của các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã nữa!

759. Điều đáng lưu ý là chính sự sống của "Thượng đế thứ hai" chịu trách nhiệm duy trì thể nguyên nhân.

760. Chúng ta phải so sánh tư tưởng rằng Thượng đế thứ hai "là sự sống của các cánh hoa của hoa sen" với ý tưởng rằng manasadevas có liên hệ với mỗi cánh hoa. Sự so sánh này sẽ quan trọng.

Điều đáng lưu ý ở đây là, vì chất liệu của cánh hoa là chất liệu thiên thần và vì năng lượng của các cánh hoa là năng lượng của

certain manasadevas (one of the three higher orders of Agnishvattas) the initiate is overshadowed (the word is not entirely satisfactory in explaining the type of deva service here necessitated, but it must suffice) by a great deva who represents the equilibrium of substantial vibration which is brought about by the efforts of the initiate, aided by the adepts who present him, and who each represent one of the two polarities of force. This is temporarily stabilised by the Initiator. (TCF 884)

một số manasadevas (một trong ba cấp cao hơn của các Agnishvatta), điểm đạo đồ được phủ bóng (từ này không hoàn toàn thỏa đáng để giải thích loại phụng sự thiên thần cần thiết ở đây, nhưng phải tạm dùng vậy) bởi một thiên thần vĩ đại, vị này biểu hiện sự quân bình của rung động chất liệu được tạo ra bởi những nỗ lực của điểm đạo đồ, được trợ giúp bởi các chân sư giới thiệu y, và mỗi vị trong các Ngài biểu hiện một trong hai cực tính của mãnh lực. Điều này được Đấng Điểm đạo tạm thời ổn định. (TCF 884)

The life of the first Logos, working through the SELF (**who dwells in a form built by the life or energy of the second Logos out of force-substance animated by the life of the third Logos**) only responds to opportunity when the above mentioned stage is reached.

Sự sống của Thượng đế thứ nhất, hoạt động qua BẢN NGÃ (**Đấng ngự trong một hình tướng được xây dựng bởi sự sống hay năng lượng của Thượng đế thứ hai từ chất liệu-mãnh lực được sự sống của Thượng đế thứ ba làm cho sinh động**) chỉ đáp ứng với cơ hội khi giai đoạn được nhắc đến ở trên đã đạt tới.

761. The work of the second and third Logoi must precede the work of the first.

761. Công việc của Thượng đế thứ hai và thứ ba phải đi trước công việc của Thượng đế thứ nhất.

762. Since the causal body was build at a time relatively recent in planetary history, we could say that the work of the Second Logos was not completed at the Second Outpouring, but continued and continues until the present time.

762. Vì thể nguyên nhân được xây dựng vào một thời kỳ tương đối gần trong lịch sử hành tinh, chúng ta có thể nói rằng công việc của Thượng đế thứ hai đã không hoàn tất ở Lần tuôn đổ thứ hai, mà đã tiếp tục và vẫn tiếp tục cho đến hiện nay.

763. The Second Logos is the form builder while the Third Logos is the substance 'animator'.

763. Thượng đế thứ hai là đấng kiến tạo hình tướng còn Thượng đế thứ ba là đấng "làm sinh động" chất liệu.

Finally: The ceremony of initiation is only undergone when the causal body is in a condition to respond to the Will aspect of the Heavenly Man (the first aspect) and to do this through the glad co-operation of the fully conscious self.

Sau cùng: Nghi lễ điểm đạo chỉ được trải qua khi thể nguyên nhân ở trong một tình trạng có thể đáp ứng với phương diện Ý Chí của Đấng Thiên Nhân (phương diện thứ nhất) và làm điều này qua sự hợp tác hoan hỉ của bản ngã hoàn toàn hữu thức.

764. We may presume that the "fully conscious self" here referenced is the soul-infused human being.

764. Chúng ta có thể giả định rằng "bản ngã hoàn toàn hữu thức" được nhắc đến ở đây là con người được linh hồn thấm nhuần.

765. Our work in building the antahkarana is allowing us to access the will aspect of the Heavenly Man more rapidly.

765. Công việc của chúng ta trong việc xây dựng antahkarana đang cho phép chúng ta tiếp cận phương diện ý chí của Đấng Thiên Nhân nhanh hơn.

766. We are not told which initiation is here under discussion, but it may well be initiations one through four. Even at the first initiation, the Monad influences the causal body.

766. Chúng ta không được cho biết ở đây đang bàn đến lần điểm đạo nào, nhưng rất có thể là các lần điểm đạo từ một đến bốn. Ngay cả ở lần điểm đạo thứ nhất, chân thần cũng ảnh hưởng đến thể nguyên nhân.

767. When the man mounts the Fixed Cross, we can say that the causal body has arrived at a condition sufficient to respond to the Will aspect of the Heavenly Man.

767. Khi con người bước lên Thập Giá Cố Định, chúng ta có thể nói rằng thể nguyên nhân đã đạt tới một tình trạng đủ để đáp ứng với phương diện Ý Chí của Đấng Thiên Nhân.

More on this is not now possible, but enough has here been indicated to open up various lines of study. These, if followed, will lead the student to much of practical value and application.

Hiện giờ không thể nói thêm về điều này, nhưng ở đây đã chỉ ra đủ để mở ra nhiều đường nghiên cứu khác nhau. Nếu được theo đuổi, những đường ấy sẽ dẫn đạo sinh đến nhiều điều có giá trị và ứng dụng thực tiễn.

768. The Tibetan has given us much—so much more than we *know* for ourselves. How will we avail ourselves of the treasure bestowed?

768. Chân sư Tây Tạng đã ban cho chúng ta rất nhiều—nhiều hơn rất nhiều so với điều chính chúng ta *biết* cho bản thân mình. Chúng ta sẽ tận dụng kho tàng được ban tặng ấy như thế nào?

3. Summary.

3. Tóm lược.

Our next subject concerns itself with the elementals of the mental plane, with the thought forms they animate, and with the consideration of them as force centres, capable of producing results—constructive, if rightly directed; destructive, if left blindly to follow their own course.

Chủ đề kế tiếp của chúng ta bàn đến các hành khí của cõi trí, các hình tư tưởng mà chúng làm sinh động, và việc xem xét chúng như những trung tâm mãnh lực, có khả năng tạo ra những kết quả—xây dựng, nếu được định hướng đúng; hủy diệt, nếu bị bỏ

mặc mù quáng đi theo tiến trình riêng của chúng.

769. In speaking of these begins we are not speaking of Agnishvattas who express solar fire. We are speaking of the fires of lower mind.

769. Khi nói về những hành khí này, chúng ta không nói về các Agnishvatta vốn biểu lộ Lửa Thái dương. Chúng ta đang nói về các ngọn lửa của hạ trí.

770. Either constructive or destructive results may eventuate from such elementals depending upon how they are directed.

770. Những kết quả hoặc xây dựng hoặc hủy diệt có thể phát sinh từ các hành khí như thế tùy theo cách chúng được định hướng.

771. A large question remains: are these mental elementals related to the Creative Hierarchy called Makara or are only Agnishvattas related to the Makara?

771. Một câu hỏi lớn vẫn còn đó: các hành khí trí tuệ này có liên hệ với Huyền Giai Sáng Tạo được gọi là Makara hay chỉ các Agnishvatta mới liên hệ với Makara?

Before taking up this matter, however, I want to gather together some threads of thought in connection with the matter just dealt with.

Tuy nhiên, trước khi bàn đến vấn đề này, tôi muốn gom lại một số mạch tư tưởng liên quan đến vấn đề vừa được bàn đến.

772. In this gathering together we deal with Mercury and the third ray. The attempt at cohesion pertains to the second ray.

772. Trong việc gom lại này, chúng ta bàn đến Sao Thủy và cung ba. Nỗ lực kết dính thuộc về cung hai.

773. The Tibetan is attempting to leave as few 'loose ends' as possible.

773. Chân sư Tây Tạng đang cố gắng để lại càng ít "đầu mối lỏng lẻo" càng tốt.

If we have carefully followed the data given about the egoic manifestation on its own plane, and the fires of the causal body, **we shall have noted the close resemblance between that egoic body, viewed as a force centre, and certain aspects of logoic manifestation.**

Nếu chúng ta đã cẩn thận theo dõi dữ liệu được đưa ra về sự biểu hiện chân ngã trên cõi riêng của nó, và các ngọn lửa của thể nguyên nhân, **chúng ta hẳn đã lưu ý đến sự tương đồng chặt chẽ giữa thể chân ngã ấy, khi được xem như một trung tâm mãnh lực, và một số phương diện của sự biểu hiện logoi.**

774. The idea here is that if we study the egoic vehicle we shall learn much about the life of the Planetary Logos and/or Solar Logos.

774. Ý ở đây là nếu chúng ta nghiên cứu vận cụ chân ngã, chúng ta sẽ học được nhiều điều về sự sống của Đức Hành Tinh Thượng Đế và/hoặc Thái dương Thượng đế.

775. Both the Heavenly Man and the Solar Logos are in possession of a causal body which can be presumed to function in a relatively similar manner to the egoic lotus of the human being.

775. Cả Đấng Thiên Nhân lẫn Thái dương Thượng đế đều sở hữu một thể nguyên nhân mà có thể giả định là hoạt động theo cách tương đối tương tự với Hoa Sen Chân Ngã của con người.

The causal body has been seen as a wheel of fire, containing within its periphery three focal points of energy, the permanent atoms.

Thể nguyên nhân đã được thấy như một bánh xe lửa, chứa trong chu vi của nó ba tiêu điểm năng lượng, là các nguyên tử trường tồn.

776. Literally, the atomic triangle with the two lower permanent atoms plus the mental unit…

776. Theo nghĩa đen, đó là tam giác nguyên tử với hai nguyên tử trường tồn thấp hơn cộng với đơn vị hạ trí…

They are analogous, as earlier pointed out, **to the seventh principle of each of the three aspects**—will or power, love-wisdom, and active intelligence.

Như đã được chỉ ra trước đây, chúng tương đồng **với nguyên khí thứ bảy của mỗi một trong ba phương diện**—ý chí hay quyền năng, bác ái-minh triết, và trí tuệ linh hoạt.

777. As these aspects express within the personal sphere…

777. Khi các phương diện này biểu lộ trong phạm vi cá nhân…

778. The permanent atoms are not inconsequential. They have a high rank among the forces of substance. They are conduits for the highest of the seven principles in relation to the substantial sheaths.

778. Các nguyên tử trường tồn không phải là những yếu tố không đáng kể. Chúng giữ một địa vị cao trong các mãnh lực của chất liệu. Chúng là những ống dẫn cho nguyên khí cao nhất trong bảy nguyên khí liên hệ với các thể bọc bằng chất liệu.

779. Holding their place upon the atomic sub-plane of each of the five planes on which they manifest, this high (and directive) position would be expected.

779. Giữ vị trí của mình trên cõi phụ nguyên tử của mỗi một trong năm cõi mà chúng biểu hiện, địa vị cao này (và có tính chỉ đạo) là điều có thể chờ đợi.

[Page 545] Each of these focal points has its own internal economy, as seen in the spirillae, which are essentially streams of force, responding to stimulation and vibration, aroused within and without their limiting ring-pass-not.

[Page 545] Mỗi tiêu điểm này có sự kinh tế nội tại riêng của nó, như được thấy trong các loa tuyến, vốn về bản chất là những dòng mãnh lực, đáp ứng với kích thích và rung động, được khơi dậy từ bên trong và bên ngoài vòng-giới-hạn của chúng.

780. Spirillae are not so much structures as they are "streams of force"—*responsive* streams, responding to inner and outer stimulations.

780. Các loa tuyến không hẳn là những cấu trúc cho bằng là những "dòng mãnh lực"—những dòng *đáp ứng*, đáp ứng với các kích thích bên trong và bên ngoài.

The internal life of the permanent atom, and that which animates and produces its activity, is the life of the third aspect; the force playing upon it and through it is the life of the second aspect.

Sự sống nội tại của nguyên tử trường tồn, và điều làm sinh động nó và tạo ra hoạt động của nó, là sự sống của phương diện thứ ba; mãnh lực tác động lên nó và xuyên qua nó là sự sống của phương diện thứ hai.

781. We recall that the deva kingdom is largely a combination of third and second aspect forces.

781. Chúng ta nhớ rằng giới thiên thần phần lớn là sự kết hợp của các mãnh lực phương diện thứ ba và thứ hai.

782. This is true also for the permanent atoms.

782. Điều này cũng đúng đối với các nguyên tử trường tồn.

783. The internal life of the permanent atom derives from the third aspect; the external force playing upon it derives, we are told, from the second aspect.

783. Sự sống nội tại của nguyên tử trường tồn phát sinh từ phương diện thứ ba; còn mãnh lực bên ngoài tác động lên nó, như chúng ta được cho biết, phát sinh từ phương diện thứ hai.

As evolution proceeds the intensity of the life forces from within and those which affect it from without,

Khi tiến hoá tiếp diễn, cường độ của các lực sự sống từ bên trong và những lực tác động lên nó từ bên ngoài,

784. We are speaking of the third and second aspects respectively.

784. Chúng ta đang nói lần lượt về phương diện thứ ba và thứ hai.

grows gradually stronger and stronger, and the light of the permanent atoms increases, the petals of the lotus unfold, and the spokes of the radiatory fire come into action.

dần dần trở nên mạnh hơn và mạnh hơn, và ánh sáng của các nguyên tử trường tồn gia tăng, các cánh hoa của hoa sen khai mở, và các nan hoa của lửa phóng xạ đi vào hoạt động.

785. Parallel processes are under discussion. One process concerns the permanent atoms and their increasing light. The unfoldment of the petals of the egoic lotus parallels the increasing light of the permanent atoms.

785. Ở đây đang bàn đến những tiến trình song song. Một tiến trình liên quan đến các nguyên tử trường tồn và ánh sáng ngày càng tăng của chúng. Sự khai mở các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã song hành với ánh sáng

ngày càng tăng của các nguyên tử trường tồn.

786. As the petals are stimulated, their dynamic aspect as “spokes of radiatory fire” makes its appearance.

786. Khi các cánh hoa được kích thích, phương diện năng động của chúng như “các nan hoa của lửa phóng xạ” xuất hiện.

Bear in mind here, that the permanent atoms are concerned with the substance aspect of Existence or Becoming, while the petals of the lotus, or the fiery spokes of the wheel, deal specifically with the psychical aspect, or the development of consciousness; the central nucleus, or the three inner petals, embodies the aspect of pure Spirit.

Hãy ghi nhớ ở đây rằng các nguyên tử trường tồn liên hệ với phương diện chất liệu của Hiện Hữu hay Trở Thành, trong khi các cánh hoa của hoa sen, hay các nan hoa rực lửa của bánh xe, đặc biệt liên hệ với phương diện thông linh, hay sự phát triển của tâm thức; còn hạt nhân trung tâm, hay ba cánh hoa bên trong, thể hiện phương diện tinh thần thuần túy.

787. Here is one of those important synthetic statements. DK wants us to keep the three aspects clearly in mind:

787. Đây là một trong những phát biểu tổng hợp quan trọng ấy. Chân sư DK muốn chúng ta ghi nhớ rõ ba phương diện:

a. Permanent atoms are not concerned with psyche or Spirit.

a. Các nguyên tử trường tồn không liên hệ với tâm linh hay tinh thần.

b. The petals of the lotus or the fiery spokes of the wheel are not concerned with substance or Spirit

b. Các cánh hoa của hoa sen hay các nan hoa rực lửa của bánh xe không liên hệ với chất liệu hay tinh thần

c. The central nucleus (the three inner petals, plus, presumably, the Jewel) is not concerned with substance of psyche.

c. Hạt nhân trung tâm (ba cánh hoa bên trong, cộng thêm, có lẽ, Viên Ngọc) không liên hệ với chất liệu hay tâm linh.

All three lines of evolution are proceeding simultaneously, and have a reflex action the one upon the other;

Cả ba đường tiến hoá đều đang tiến hành đồng thời, và có tác động phản chiếu lẫn nhau;

788. The focus of each is clear but they do affect one another by reflex action.

788. Tiêu điểm của mỗi đường đều rõ ràng nhưng chúng quả thực ảnh hưởng lẫn nhau bằng tác động phản chiếu.

789. When a triangle representing the three aspects goes into rapid rotation, the interplay of the three aspects is indicated.

789. Khi một tam giác biểu thị ba phương diện đi vào sự quay nhanh, sự tương tác của ba phương diện được biểu thị.

it is this which produces the consequent perfection of unfoldment.

790. If there is to be perfection or unfoldment the three aspects must enter into dynamic interplay.

It is neither possible nor desirable to follow each line of this threefold evolution separately, nor to consider them as dissociated from each other.

791. Their constant interplay (obvious and otherwise) is too great.

The interplay is too accurate, and the mutual stimulation too important to be neglected by the student of egoic evolution.

792. We see that the interplay is not casual or 'happenstantial'.

793. We have to learn to *think relationally*—not just as regards one level of divine expression, but in terms, especially, of the three principle levels—Spirit, soul and matter.

It is, as stated elsewhere, through the permanent atoms that the Ego comes en rapport with his objective world;

794. The permanent atoms are the instruments of the Ego. They are its method of influencing the objective world and of transmuting the experience gathered in the three worlds into something useful to the Ego.

he works upon and through his environment successfully or blindly just in so far as he can energise his permanent

chính điều này tạo ra sự hoàn thiện tiếp theo của sự khai mở.

790. Nếu muốn có sự hoàn thiện hay sự khai mở thì ba phương diện phải đi vào sự tương tác năng động.

Không thể cũng không nên theo dõi riêng rẽ từng đường của sự tiến hoá tam phân này, cũng không nên xem chúng như tách rời nhau.

791. Sự tương tác liên tục của chúng (hiển nhiên và không hiển nhiên) là quá lớn.

Sự tương tác ấy quá chính xác, và sự kích thích hỗ tương quá quan trọng để bị đạo sinh của sự tiến hoá chân ngã bỏ qua.

792. Chúng ta thấy rằng sự tương tác này không phải là ngẫu nhiên hay "tình cờ".

793. Chúng ta phải học cách *tư duy theo tương quan*—không chỉ đối với một cấp độ biểu hiện thiêng liêng, mà đặc biệt theo ba cấp độ nguyên khí—tinh thần, linh hồn và vật chất.

Như đã nói ở nơi khác, chính qua các nguyên tử trường tồn mà Chân ngã tiếp xúc với thế giới khách quan của y;

794. Các nguyên tử trường tồn là những công cụ của Chân ngã. Chúng là phương pháp của nó để ảnh hưởng đến thế giới khách quan và để chuyển hoá kinh nghiệm thu thập trong ba cõi thấp thành điều gì đó hữu ích cho Chân ngã.

y tác động lên và xuyên qua môi trường của mình một cách thành công hay mù quáng đúng theo mức độ y có thể tiếp năng lượng

atoms, and bring the spirillae out of latency into potency.

795. We must be aware of the importance of what is being said. The permanent atoms are the *bridge* between the Ego and the objective worlds.

796. Of course the Ego's relationship with the permanent atoms is, in a way, 'its own business'. With this process we cannot interfere nor should we.

797. We should pause: does the term "Ego" as here used, still mean what it meant a little earlier in the text—i.e., the "Solar Angel"?

This only becomes possible as he unfolds the petals of the lotus.

798. The Ego's increasingly effective relationship with its permanent atoms is indicated and assisted by the unfoldment of the petals of the egoic lotus.

799. Apparently such unfoldment makes it possible for the Ego to energize the permanent atoms and bring the spirillae from latency to potency.

cho các nguyên tử trường tồn của mình, và đưa các loa tuyến từ trạng thái tiềm ẩn vào trạng thái hữu hiệu.

795. Chúng ta phải ý thức tầm quan trọng của điều đang được nói. Các nguyên tử trường tồn là *cây cầu* giữa Chân ngã và các thế giới khách quan.

796. Dĩ nhiên mối liên hệ của Chân ngã với các nguyên tử trường tồn, theo một nghĩa nào đó, là "việc riêng của nó". Chúng ta không thể can thiệp vào tiến trình này, và cũng không nên.

797. Chúng ta nên dừng lại: thuật ngữ "Chân ngã" được dùng ở đây có còn mang nghĩa như nó đã mang sớm hơn một chút trong bản văn—tức "Thái dương Thiên Thần"—hay không?

Điều này chỉ trở nên có thể khi y khai mở các cánh hoa của hoa sen.

798. Mối liên hệ ngày càng hữu hiệu của Chân ngã với các nguyên tử trường tồn của nó được biểu thị và được hỗ trợ bởi sự khai mở các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã.

799. Rõ ràng sự khai mở như thế làm cho Chân ngã có thể tiếp năng lượng cho các nguyên tử trường tồn và đưa các loa tuyến từ trạng thái tiềm ẩn sang trạng thái hữu hiệu.

It must be remembered that the three lower petals when fully unfolded affect, through [Page 546] their vitality, **the three major spirillae in the physical permanent atom**. As the second ring of petals gradually opens, the astral permanent atom undergoes a similar process, leading up to the full arousing of the spirillae within the mental unit.

Cần nhớ rằng ba cánh hoa thấp khi được khai mở hoàn toàn sẽ ảnh hưởng, qua sinh lực của chúng, đến [Page 546] **ba loa tuyến chính trong nguyên tử trường tồn hồng trần**. Khi vòng cánh hoa thứ hai dần dần khai mở, nguyên tử trường tồn cảm dục trải qua một tiến trình tương tự, dẫn đến sự khơi dậy trọn vẹn các loa tuyến trong đơn vị hạ trí.

800. The correspondence is what we might expect.

800. Sự tương ứng này đúng như điều chúng ta có thể chờ đợi.

801. Have we noticed, however, that the three knowledge petals influence the three *major* spirillae in the physical permanent atom (and not, principally, all the others). This seems to be the case for the love petals —that they would affect the three *major* spirillae in the astral permanent atom.

801. Tuy nhiên, chúng ta có nhận thấy rằng ba cánh hoa tri thức ảnh hưởng đến ba loa tuyến *chính* trong nguyên tử trường tồn hồng trần (chứ không chủ yếu đến tất cả các loa tuyến khác) hay không. Điều này dường như cũng đúng đối với các cánh hoa bác ái— rằng chúng sẽ ảnh hưởng đến ba loa tuyến *chính* trong nguyên tử trường tồn cảm dục.

802. There are no "three major spirillae" in the mental unit. If we follow the analogy, however, we would expect the three sacrifice petals to be connected in some way with the manasic permanent atom and perhaps with its three major spirillae (the only ones it has).

802. Không có "ba loa tuyến chính" trong đơn vị hạ trí. Tuy nhiên, nếu chúng ta theo phép loại suy, chúng ta sẽ chờ đợi ba cánh hoa hi sinh có liên hệ theo cách nào đó với nguyên tử trường tồn manas và có lẽ với ba loa tuyến chính của nó (là những loa tuyến duy nhất mà nó có).

7. The closer the approach to reality the simpler will be found the arrangement of the spirilla. These streams of force show a septenary arrangement in the lower three permanent atoms of man, **while the higher three contain but three spirillae—the major three.** (TCF 531-532)

7. Càng đến gần thực tại hơn, sự sắp xếp của các loa tuyến sẽ được thấy là càng đơn giản hơn. Những dòng mãnh lực này biểu lộ một sự sắp xếp thất phân trong ba nguyên tử trường tồn thấp của con người, **trong khi ba nguyên tử cao hơn chỉ chứa ba loa tuyến— ba loa tuyến chính.** (TCF 531-532)

803. The manasic permanent atom, however, *may* be on a plane higher than that on which the three sacrifice petals are found. The sub-plane 'placement' of the various

803. Tuy nhiên, nguyên tử trường tồn manas *có thể* ở trên một cõi cao hơn cõi mà trên đó ba cánh hoa hi sinh được tìm thấy. Vị trí cõi phụ của các yếu tố khác nhau trong thể nguyên nhân cần được nghiên cứu thêm.

factors in the causal body has to be further studied.

Here I would point out that there is a slight difference in the case of the mental unit, for **the four spirillae of the mental unit are aroused to full activity when the knowledge petal of the final three opens.**

804. Here is the explanation. The power of the knowledge petal of the sacrifice tier is sufficient to arouse the four spirillae of the mental unit to full activity.

805. To what degree does this opening correspond to the achievement of mental polarization? Or would true mental polarization appear later—only as the ninth petal was opening?

806. We can see a definite connection here between the first initiation (related to the opening of the knowledge petal of the sacrifice tier) and the arousal to full activity of the four spirillae of the mental unit.

The opening of the remaining two reveal the glowing threefold flower which lies at the centre of egoic manifestation.

807. Here we have an amazing piece of occult information.

808. It has been suggested that at the third initiation the bud surrounding the "Jewel in the Lotus" is revealed, but a more gradual form of revelation of the three innermost petals is also suggested in the section of text immediately above.

809. In the reference below it is suggested that at each of the first three initiations, one

Ở đây tôi muốn chỉ ra rằng có một khác biệt nhỏ trong trường hợp của đơn vị hạ trí, vì **bốn loa tuyến của đơn vị hạ trí được khơi dậy đến hoạt động trọn vẹn khi cánh hoa tri thức của bộ ba cuối cùng khai mở.**

804. Đây là lời giải thích. Quyền năng của cánh hoa tri thức thuộc tầng hi sinh đủ để khơi dậy bốn loa tuyến của đơn vị hạ trí đến hoạt động trọn vẹn.

805. Sự khai mở này tương ứng đến mức nào với việc đạt được sự phân cực trí tuệ? Hay sự phân cực trí tuệ chân chính sẽ xuất hiện muộn hơn—chỉ khi cánh hoa thứ chín đang khai mở?

806. Ở đây chúng ta có thể thấy một mối liên hệ rõ rệt giữa lần điểm đạo thứ nhất (liên hệ với sự khai mở cánh hoa tri thức của tầng hi sinh) và sự đánh thức đến hoạt động trọn vẹn của bốn loa tuyến của đơn vị hạ trí.

Sự khai mở của hai cánh còn lại làm lộ ra đóa hoa tam phân rực sáng nằm ở trung tâm của sự biểu hiện chân ngã.

807. Ở đây chúng ta có một mẩu thông tin huyền bí đáng kinh ngạc.

808. Người ta đã gợi ý rằng vào lần điểm đạo thứ ba, nụ bao quanh "Bảo Châu trong Hoa Sen" được hé lộ, nhưng một hình thức mặc khải dần dần hơn về ba cánh hoa nội tâm nhất cũng được gợi ý trong đoạn văn ngay bên trên.

809. Trong đoạn trích dẫn dưới đây, người ta gợi ý rằng ở mỗi một trong ba lần điểm đạo

of the petals of the inner three is opened as follows:

At the first, the second, and the third Initiations, one of the three petals opens up, permitting an ever freer display of the central electric point. At the fourth Initiation, the jewel (being completely revealed) through its blazing light, its intense radiatory heat, and its terrific outflow of force, produces the disintegration of the surrounding form, the shattering of the causal body, the destruction of the Temple of Solomon, and the dissolution of the lotus flower. (TCF 883)

810. These two thoughts seem slightly contradictory. In one, the first synthesis petal opens with the first initiation and is somewhat displayed, and in the other, the opening of the eighth and ninth petal reveal "the glowing threefold flower". Then there is the thought that only at the third initiation is the central tier of petals revealed.

811. There can be no doubt that "ever freer display" suggests that from the time of the first initiation the innermost petals are progressively revealed.

812. Perhaps the seventh petal was somewhat opened at the first initiation but not sufficiently open to reveal very much of the "glowing threefold flower".

813. The indications are ambiguous.

It would be wise to sound a note of warning here in connection with this question of egoic unfoldment. **What has been said here has been but the formulation of the general plan of egoic unfoldment as**

đầu tiên, một trong ba cánh hoa nội tâm được khai mở như sau:

Ở lần điểm đạo thứ nhất, thứ hai và thứ ba, một trong ba cánh hoa mở ra, cho phép điểm điện trung tâm biểu lộ ngày càng tự do hơn. Ở lần điểm đạo thứ tư, bảo châu (được hiển lộ hoàn toàn), nhờ ánh sáng rực cháy của nó, nhiệt bức xạ mãnh liệt của nó, và dòng mãnh lực tuôn ra khủng khiếp của nó, tạo ra sự tan rã của hình tướng bao quanh, sự vỡ nát của thể nguyên nhân, sự phá hủy Đền thờ Solomon, và sự tan biến của hoa sen. (TCF 883)

810. Hai ý tưởng này dường như hơi mâu thuẫn nhau. Trong một ý, cánh hoa tổng hợp thứ nhất mở ra cùng với lần điểm đạo thứ nhất và phần nào được biểu lộ, còn trong ý kia, sự khai mở của cánh hoa thứ tám và thứ chín làm lộ ra "đóa hoa tam phân rực sáng". Rồi lại có ý tưởng rằng chỉ đến lần điểm đạo thứ ba thì tầng cánh hoa trung tâm mới được hé lộ.

811. Không thể nghi ngờ rằng cụm từ "biểu lộ ngày càng tự do hơn" gợi ý rằng từ thời điểm lần điểm đạo thứ nhất, các cánh hoa nội tâm nhất được hé lộ dần dần.

812. Có lẽ cánh hoa thứ bảy đã phần nào được khai mở ở lần điểm đạo thứ nhất nhưng chưa đủ mở để làm lộ ra nhiều về "đóa hoa tam phân rực sáng".

813. Các dấu hiệu thì mơ hồ.

Sẽ là khôn ngoan nếu xướng lên một âm điệu cảnh báo ở đây liênquan đến vấn đề khai mở chân ngã này. **Điều đã được nói ở đây chỉ là sự phát biểu của kế hoạch tổng quát về sự**

interpreted in terms of consciousness or of fire.

814. That which is a "general plan" may admit of many modifications in specific instances.

In studying the subject with due personal application, the student should bear in mind the following facts:

First, that according to the Ray of the Monad, so will the petals unfold.

815. But we do recall in previous text that the subray of the Monad (i.e., the egoic ray) also had *some* influence on when the petals would open.

For instance, if the Ray of the Monad is the second Ray, the knowledge petal will be the first to open, but the second petal of love will almost parallel its development, being for that particular type of Ego the line of easiest unfoldment; the knowledge petal will be for it the most difficult to open.

816. We have discussed this process in previous Commentaries.

817. One wonders why the Tibetan switches from plural to singular—first discussing the opening of the *petals* and then of the *petal* only.

818. In this commentary we have speculated on the relationship between the moment of the application of the Rod and the degree of unfoldment of the seventh, eighth or ninth petal when the Rod is applied. Now we see there is a complication. The Ray of the Monad will also influence the rapidity (or lack thereof) of petal unfoldment and thus

khai mở chân ngã như được diễn giải theo thuật ngữ của tâm thức hay của lửa.

814. Điều vốn là một "kế hoạch tổng quát" có thể chấp nhận nhiều biến đổi trong những trường hợp cụ thể.

Khi nghiên cứu chủ đề này với sự áp dụng cá nhân thích đáng, đạo sinh nên ghi nhớ các sự kiện sau đây:

Thứ nhất, rằng tùy theo cung của chân thần, các cánh hoa sẽ khai mở như vậy.

815. Nhưng chúng ta nhớ lại trong đoạn văn trước rằng cung phụ của chân thần (tức cung chân ngã) cũng có *một vài* ảnh hưởng đối với thời điểm các cánh hoa sẽ khai mở.

Chẳng hạn, nếu cung của chân thần là cung hai, cánh hoa tri thức sẽ là cánh đầu tiên mở ra, nhưng cánh hoa bác ái thứ hai sẽ gần như song hành với sự phát triển của nó, vì đối với loại Chân ngã đặc biệt ấy, đó là đường khai mở dễ dàng nhất; cánh hoa tri thức sẽ là cánh khó mở nhất đối với nó.

816. Chúng ta đã bàn về tiến trình này trong các Bản Bình Luận trước.

817. Người ta tự hỏi vì sao Chân sư Tây Tạng chuyển từ số nhiều sang số ít—trước hết bàn về sự khai mở của các *cánh hoa* rồi sau đó chỉ của một *cánh hoa* mà thôi.

818. Trong bản bình luận này, chúng ta đã suy đoán về mối liên hệ giữa thời điểm áp dụng Thần Trượng Điểm đạo và mức độ khai mở của cánh hoa thứ bảy, thứ tám hay thứ chín khi Thần Trượng được áp dụng. Giờ đây chúng ta thấy có một sự phức tạp. Cung của chân thần cũng sẽ ảnh hưởng đến tốc độ (hay sự thiếu tốc độ) của sự khai mở cánh

will influence the moment when the Rod is to be applied.

hoa và do đó sẽ ảnh hưởng đến thời điểm khi Thần Trượng được áp dụng.

819. For the first ray type, the love petal is hardest to open and the will type the easiest, even if (due to normal procedure) the knowledge petal will be the first to open. DK tells us how difficult it is for the first ray Monad to be loving.

819. Đối với người cung một, cánh hoa bác ái là khó mở nhất và cánh hoa ý chí là dễ nhất, mặc dù (do thủ tục thông thường) cánh hoa tri thức sẽ là cánh đầu tiên mở ra. Chân sư DK cho chúng ta biết chân thần cung một khó trở nên đầy bác ái đến mức nào.

The Monads of power have a much greater struggle, and hence the fact so often apparent that people on what we term the power Ray, have so often a hard time, and are so frequently unlovable. They have to build in on all the six planes the love aspect, which is not prominent in their development. (TCF 578-579)

Các chân thần của quyền năng có một cuộc đấu tranh lớn hơn nhiều, và do đó có sự kiện thường thấy là những người thuộc điều chúng ta gọi là cung quyền năng thường gặp rất nhiều khó khăn, và rất thường là khó mến. Họ phải xây dựng phương diện bác ái trên cả sáu cõi, phương diện vốn không nổi trội trong sự phát triển của họ. (TCF 578-579)

820. For the second ray type, the knowledge petal is the hardest to open (even though it will be the first to open) and the love petal the easiest.

820. Đối với người cung hai, cánh hoa tri thức là khó mở nhất (dù nó sẽ là cánh đầu tiên mở ra) và cánh hoa bác ái là dễ nhất.

821. For the third ray type, the will petal will be the hardest to open and the knowledge petal the easiest. This is an inference.

821. Đối với người cung ba, cánh hoa ý chí sẽ là khó mở nhất và cánh hoa tri thức là dễ nhất. Đây là một suy luận.

Second, that the effects of one circle of petals opening will be felt within the next circle at an early stage and will cause a vibratory response, hence the greater rapidity of the later stages of unfoldment as compared with the first.

Thứ hai, rằng các hiệu quả của việc một vòng cánh hoa khai mở sẽ được cảm nhận trong vòng kế tiếp ở một giai đoạn sớm và sẽ gây ra một đáp ứng rung động, do đó các giai đoạn khai mở về sau diễn ra nhanh hơn so với giai đoạn đầu.

822. An opening tier will stimulate the next tier and hasten the opening of that stimulated tier.

822. Một tầng đang mở sẽ kích thích tầng kế tiếp và thúc đẩy sự khai mở của tầng được kích thích ấy.

823. We see that the opening of the tiers has an exponential quality.

823. Chúng ta thấy rằng sự khai mở của các tầng có một phẩm tính theo cấp số nhân.

824. Each tier of petals opens faster than the previous tier. The rate of opening of a succeeding tier is actually *very much faster.*

824. Mỗi tầng cánh hoa mở nhanh hơn tầng trước đó. Tốc độ khai mở của một tầng tiếp theo thực sự *nhanh hơn rất nhiều.*

Third, that there exist many cases of uneven or unequal unfoldment.

Thứ ba, rằng có nhiều trường hợp khai mở không đồng đều hoặc không cân xứng.

825. Hence the danger of generalization when it comes to specific cases.

825. Do đó có nguy cơ khái quát hóa khi xét đến các trường hợp cụ thể.

Quite frequently people are found with perhaps two petals unfolded in the first circle and one still in latency, while a petal within the central or second ring may be in full development.

Khá thường xuyên người ta thấy có những người có lẽ đã khai mở hai cánh hoa trong vòng thứ nhất và một cánh vẫn còn tiềm ẩn, trong khi một cánh hoa trong vòng trung tâm hay vòng thứ hai có thể đang phát triển đầy đủ.

826. What comes to mind is the unfoldment of the first and second petal with the fifth petal unfolded. This type might be found upon the soft-line rays and might tend to avoid mental development.

826. Điều xuất hiện trong tâm trí là sự khai mở của cánh hoa thứ nhất và thứ hai cùng với cánh hoa thứ năm đã khai mở. Loại này có thể được tìm thấy trên các cung mềm và có thể có khuynh hướng tránh sự phát triển trí tuệ.

This is the explanation frequently of the power in service along [Page 547] certain lines displayed by some, coupled with a comparatively low stage of development or of consciousness (egoically speaking).

Đây thường là lời giải thích cho quyền năng trong phụng sự theo [Page 547] một số đường lối nhất định được một số người biểu lộ, đi kèm với một giai đoạn phát triển hay tâm thức tương đối thấp (xét theo chân ngã).

827. High powers can be accessed by people who are not very well rounded out. They are highly developed along one specific line of expression and have arrested development along more normal lines.

827. Những quyền năng cao có thể được tiếp cận bởi những người không thật sự phát triển cân đối. Họ phát triển cao theo một đường biểu lộ chuyên biệt và bị đình trệ phát triển theo những đường bình thường hơn.

828. Some time for rounding out will probably have to be provided. To perpetuate a lopsided development is ultimately dangerous to the integrity of the individual.

828. Có lẽ sẽ phải dành ra một thời gian để phát triển cho cân đối. Duy trì một sự phát triển lệch lạc rốt cuộc là nguy hiểm đối với tính toàn vẹn của cá nhân.

This is due to varying causes, such as the karma of the Monad itself on its high plane and the strength of the monadic grip upon the ego;

Điều này là do nhiều nguyên nhân khác nhau, chẳng hạn như nghiệp quả của chính chân thần trên cõi cao của nó và sức mạnh của sự nắm giữ của chân thần đối với chân ngã;

829. DK proposes some rather occult causes for such developments.

829. Chân sư DK nêu ra một số nguyên nhân khá huyền bí cho những sự phát triển như vậy.

830. It is important to note that Monads do, indeed, have *karma.* Some people think that when they reach the high consciousness of the Monad they will be "beyond karma".

830. Điều quan trọng là phải lưu ý rằng các chân thần quả thực có *nghiệp quả.* Một số người nghĩ rằng khi họ đạt đến tâm thức cao của chân thần thì họ sẽ "vượt ngoài nghiệp quả".

831. These factors are beyond our understanding, but interesting nevertheless.

831. Những yếu tố này vượt ngoài sự thấu hiểu của chúng ta, nhưng dù sao vẫn rất thú vị.

many lives given to a particular line of action, resulting in the setting up of a strong vibration—one so strong that it renders the development of response to subsidiary vibrations difficult of attainment;

nhiều kiếp sống được dành cho một đường hành động đặc biệt, dẫn đến việc thiết lập một rung động mạnh—mạnh đến mức khiến cho sự phát triển khả năng đáp ứng đối với các rung động phụ trở nên khó đạt được;

832. Excessive focus in a particular direction makes a more rounded out development difficult. We all prefer to use a well established function than go through the pain of cultivating an underused function.

832. Sự tập trung quá mức theo một hướng đặc biệt khiến cho sự phát triển cân đối hơn trở nên khó khăn. Tất cả chúng ta đều thích sử dụng một chức năng đã được thiết lập vững chắc hơn là trải qua nỗi đau của việc vun bồi một chức năng ít được dùng đến.

833. It strikes one that the dark brothers have exactly this difficulty. They do not want to go through the pain of developing the vastly underused vibration of *love.*

833. Người ta cảm thấy rằng các huynh đệ bóng tối có đúng chính khó khăn này. Họ không muốn trải qua nỗi đau của việc phát triển rung động *bác ái* vốn bị sử dụng quá ít.

certain peculiar conditions hidden in the evolution of any particular Lord of a Ray,

những điều kiện đặc thù nào đó ẩn giấu trong sự tiến hoá của bất kỳ một Đấng Chúa

and the effect of that condition upon a particular group of cells;

Tể Cung nào, và ảnh hưởng của điều kiện ấy lên một nhóm tế bào đặc biệt;

834. The cause may lie with the "Lord of a Ray" Himself. One might not expect the problem to exist in relation to the more abstract rays which are more inclusive.

834. Nguyên nhân có thể nằm nơi chính "Đấng Chúa Tể của một Cung". Người ta có thể không mong đợi vấn đề này tồn tại trong liên hệ với các cung trừu tượng hơn, vốn bao gồm hơn.

the group karma of a collection or congery of causal bodies, and their mutual interplay. Every egoic unit or monadic force centre has a definite effect upon the group or community of Egos in which it may have a place, and as the interaction proceeds results are sometimes produced of a temporarily unexpected nature.

nghiệp quả nhóm của một tập hợp hay đám tụ các thể nguyên nhân, và sự tương tác lẫn nhau của chúng. Mỗi đơn vị chân ngã hay trung tâm mãnh lực chân thần đều có một ảnh hưởng xác định lên nhóm hay cộng đồng các Chân ngã mà nó có thể có một vị trí trong đó, và khi sự tương tác tiến hành, đôi khi tạo ra những kết quả có tính chất tạm thời bất ngờ.

835. For the sake of clarity let us tabulate the reasons given for uneven development of the petals in the egoic lotus:

835. Để cho rõ ràng, chúng ta hãy lập bảng các lý do được nêu ra cho sự phát triển không đồng đều của các cánh hoa trong Hoa Sen Chân Ngã:

a. The karma of the Monad on its own high plane

a. Nghiệp quả của chân thần trên cõi cao riêng của nó

b. The grip of the Monad upon its Ego

b. Sự nắm giữ của chân thần đối với Chân ngã của nó

c. Many lives given along a particular line of action

c. Nhiều kiếp sống được dành cho một đường hành động đặc biệt

d. Peculiar conditions in the evolution of a particular Ray Lord

d. Những điều kiện đặc thù trong sự tiến hoá của một Đấng Chúa Tể Cung đặc biệt

e. The group karma of a collection or congery of causal bodies.

e. Nghiệp quả nhóm của một tập hợp hay đám tụ các thể nguyên nhân.

f. Unexpected results cause by egoic interplay within a community of Egos.

f. Những kết quả bất ngờ do sự tương tác chân ngã trong một cộng đồng các Chân ngã gây ra.

836. It is probably best to reserve judgment on many matters concerning the apparently even or uneven development of those we encounter. We know too little.

836. Có lẽ tốt nhất là nên dè dặt phán đoán về nhiều vấn đề liên quan đến sự phát triển có vẻ đồng đều hay không đồng đều của những người chúng ta gặp. Chúng ta biết quá ít.

These points should be carefully borne in mind by the student of egoic evolution.

Những điểm này nên được đạo sinh nghiên cứu sự tiến hoá chân ngã ghi nhớ cẩn thận.

837. Are we that? Students of "egoic evolution"? One can see what an incredibly fascinating subject it is!

837. Chúng ta có phải là như thế không? Những đạo sinh của "sự tiến hoá chân ngã"? Người ta có thể thấy đây là một chủ đề hấp dẫn đến khó tin như thế nào!

This whole subject is of interest in that it is the next step ahead for the students of occult psychology.

Toàn bộ chủ đề này đáng quan tâm vì đó là bước kế tiếp phía trước dành cho các đạo sinh của tâm lý học huyền bí.

838. We are reminded that *A Treatise on Cosmic Fire* is essentially a psychology text. I think we can see how much a clear knowledge of the developmental phases of the egoic lotus would add to our understanding of many human beings who might be seeking our assistance.

838. Chúng ta được nhắc rằng *Luận về Lửa Vũ Trụ* về bản chất là một văn bản tâm lý học. Tôi nghĩ chúng ta có thể thấy tri thức rõ ràng về các giai đoạn phát triển của Hoa Sen Chân Ngã sẽ bổ sung biết bao cho sự thấu hiểu của chúng ta về nhiều con người có thể đang tìm kiếm sự trợ giúp của chúng ta.

Much will be eventually ascertained which will throw new light upon the possibility of work upon the physical plane for man.

Rốt cuộc sẽ xác định được nhiều điều, và những điều ấy sẽ soi rọi ánh sáng mới lên khả năng làm việc trên cõi hồng trần cho con người.

839. We seem to be dealing with an occult form of vocational guidance—finding the right mode of expression for the human being considered as a soul.

839. Dường như chúng ta đang đề cập đến một hình thức hướng nghiệp huyền bí—tìm ra phương thức biểu lộ đúng đắn cho con người được xét như một linh hồn.

The whole secret of success in any endeavour or enterprise is primarily based on two things:

Toàn bộ bí mật của thành công trong bất kỳ nỗ lực hay công việc nào trước hết dựa trên hai điều:

First, the ability of the Ego to work through the personality, using it simply as the medium of expression.

840. We recall the recently mentioned importance of the permanent atoms as the instruments through which the Ego can reach and influence the objective planes.

Second, the karma of the egoic group as it becomes more apparent on the physical plane. Hitherto, much has been said and taught about individual karma. Group karma in the future will slowly assume its rightful place in the thought of students, and this will lead to more intelligent co-operation, to a more sympathetic understanding of group responsibilities, and to a more adequate solution of group problems. [Page 548]

841. Perhaps we do not think as often as we should about the karma of the egoic group to which we belong.

842. Our own individual success is of far less importance than the success of our egoic group.

843. Groups, too, can succeed or fail. The dynamics leading to group success or group failure often evade understanding. But this will change as we move into the group Age—the Age of Aquarius.

844. Let us tabulate the results of a deeper understanding of group karma:

a. a more intelligent co-operation,

Thứ nhất, khả năng của Chân ngã làm việc thông qua phàm ngã, chỉ sử dụng nó như phương tiện biểu lộ.

840. Chúng ta nhớ lại tầm quan trọng vừa được nhắc đến của các nguyên tử trường tồn như những công cụ qua đó Chân ngã có thể vươn tới và ảnh hưởng các cõi khách quan.

Thứ hai, nghiệp quả của nhóm chân ngã khi nó trở nên hiển nhiên hơn trên cõi hồng trần. Cho đến nay, nhiều điều đã được nói và dạy về nghiệp quả cá nhân. Trong tương lai, nghiệp quả nhóm sẽ từ từ đảm nhận vị trí đúng đắn của nó trong tư tưởng của các đạo sinh, và điều này sẽ dẫn đến sự hợp tác thông minh hơn, đến sự thấu hiểu đầy cảm thông hơn về các trách nhiệm nhóm, và đến một giải pháp thích đáng hơn cho các vấn đề nhóm. [Page 548]

841. Có lẽ chúng ta không nghĩ thường xuyên như đáng lẽ phải nghĩ về nghiệp quả của nhóm chân ngã mà chúng ta thuộc về.

842. Thành công cá nhân riêng của chúng ta kém quan trọng hơn rất nhiều so với thành công của nhóm chân ngã của chúng ta.

843. Các nhóm cũng có thể thành công hoặc thất bại. Những động lực dẫn đến thành công hay thất bại của nhóm thường vượt khỏi sự thấu hiểu. Nhưng điều này sẽ thay đổi khi chúng ta tiến vào Kỷ nguyên nhóm—Kỷ nguyên Bảo Bình.

844. Chúng ta hãy lập bảng các kết quả của sự thấu hiểu sâu hơn về nghiệp quả nhóm:

a. sự hợp tác thông minh hơn,

b. a more sympathetic understanding of group responsibilities,

b. sự thấu hiểu đầy cảm thông hơn về các trách nhiệm nhóm,

c. a more adequate solution of group problems

c. một giải pháp thích đáng hơn cho các vấn đề nhóm

The study of occult psychology involves a true conception of the nature of the Ego, or the arousing of the Ego to full activity in manifestation;

Việc nghiên cứu tâm lý học huyền bí bao hàm một quan niệm chân thực về bản chất của Chân ngã, hay sự đánh thức Chân ngã đến hoạt động trọn vẹn trong biểu hiện;

845. How shall the Ego be studied? How shall the Ego be aroused to full activity in manifestation?

845. Chân ngã sẽ được nghiên cứu như thế nào? Chân ngã sẽ được đánh thức đến hoạt động trọn vẹn trong biểu hiện như thế nào?

846. We are speaking of the rightful expression of the Ego upon the physical plane.

846. Chúng ta đang nói về sự biểu lộ đúng đắn của Chân ngã trên cõi hồng trần.

847. The Tibetan has offered us much concerning esoteric psychology in His two books entitled by that name. The energetic underpinnings of the study, however, are given in *A Treatise on Cosmic Fire.*

847. Chân sư Tây Tạng đã cống hiến cho chúng ta rất nhiều điều về Tâm Lý Học Nội Môn trong hai quyển sách của Ngài mang tên ấy. Tuy nhiên, các nền tảng năng lượng của sự nghiên cứu này lại được trình bày trong *Luận về Lửa Vũ Trụ.*

848. Following are a number of avenues necessary to the study and understanding of true occult psychology.

848. Sau đây là một số con đường cần thiết cho việc nghiên cứu và thấu hiểu tâm lý học huyền bí chân chính.

it will necessitate the sound formulation of the laws of egoic unfoldment, of the methods whereby, petal by petal, the lotus may be brought to perfection, and of the triple nature of its evolution;

nó sẽ đòi hỏi sự phát biểu vững chắc các định luật của sự khai mở chân ngã, của những phương pháp nhờ đó, từng cánh hoa một, hoa sen có thể được đưa đến hoàn thiện, và của bản chất tam phân trong sự tiến hoá của nó;

849. Some of the laws of egoic unfoldment have been presented to us in the Seven Laws of the Soul. Also, the Rules for Inducing Soul Control, also found in *Esoteric Psychology* Vol. II, will be of value.

849. Một số định luật của sự khai mở chân ngã đã được trình bày cho chúng ta trong Bảy Định luật của Linh hồn. Ngoài ra, các Quy luật để Gây ra Sự Kiểm Soát của Linh

hồn, cũng được tìm thấy trong *Tâm Lý Học Nội Môn* Tập II, sẽ có giá trị.

850. We note that specificity of the proposed methods—"petal by petal".

850. Chúng ta lưu ý đến tính đặc thù của các phương pháp được đề nghị—"từng cánh hoa một".

851. Each petal will have its own curriculum and close attention will be paid to the necessary process.

851. Mỗi cánh hoa sẽ có chương trình huấn luyện riêng của nó và sự chú ý sát sao sẽ được dành cho tiến trình cần thiết.

852. We are only in the earliest stages of setting up such a program of achievement.

852. Chúng ta mới chỉ ở trong những giai đoạn sớm nhất của việc thiết lập một chương trình thành tựu như vậy.

it will bring about an eventual apprehension of the true meaning of force, and of energy in its dual aspect—internal vibration and external radiation;

nó sẽ dẫn đến sự nắm bắt rốt cuộc về ý nghĩa chân thực của mãnh lực, và của năng lượng trong phương diện kép của nó—rung động nội tại và bức xạ bên ngoài;

853. Already, in the study of the more subtle forms of psychology, this distinction is meaningful. "Is what I am experiencing coming from within me, or from without?" The question seems easy but discernment is often lacking.

853. Ngay từ bây giờ, trong việc nghiên cứu những hình thức tâm lý học tinh tế hơn, sự phân biệt này đã có ý nghĩa. "Điều tôi đang trải nghiệm đến từ bên trong tôi, hay từ bên ngoài?" Câu hỏi có vẻ dễ nhưng sự phân biện thường lại thiếu vắng.

it will produce the centering of the attention of all advanced students upon the centres—in this case not the physical centres on etheric levels but upon the psychical centres, such as the Ego in the causal body and egoic groups.

nó sẽ tạo ra sự tập trung chú ý của tất cả các đạo sinh tiến bộ vào các trung tâm—trong trường hợp này không phải các trung tâm hồng trần trên các cấp dĩ thái mà là các trung tâm thông linh, chẳng hạn như Chân ngã trong thể nguyên nhân và các nhóm chân ngã.

854. The instructions are clear: we are to center our attention not so much within the etheric centers as within centers which are etheric for our Planetary Logos or Solar Logos.

854. Chỉ dẫn thì rõ ràng: chúng ta phải tập trung chú ý không nhiều vào các trung tâm dĩ thái cho bằng vào các trung tâm vốn là dĩ thái đối với Đức Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế của chúng ta.

855. Nếu chúng ta đạt được sự tập trung ashram, sự hoạt hóa đúng đắn các trung tâm

855. If we achieve ashramic focus, the correct activation of our etheric, astral and mental centers will occur correctly.

dĩ thái, cảm dục và trí tuệ của chúng ta sẽ diễn ra đúng đắn.

This will produce later a better comprehension of the effect of one consciousness upon another consciousness on the physical plane, and this knowledge will be scientifically utilised to produce specific results in group evolution, and thus some of the world problems will find solution.

Điều này về sau sẽ tạo ra một sự thấu hiểu tốt hơn về ảnh hưởng của một tâm thức lên một tâm thức khác trên cõi hồng trần, và tri thức này sẽ được sử dụng một cách khoa học để tạo ra những kết quả chuyên biệt trong sự tiến hoá nhóm, và nhờ đó một số vấn đề của thế giới sẽ tìm được lời giải.

856. How does one consciousness affect another? What type of consciousness could best be brought into relation with another type to produce the best results?

856. Một tâm thức ảnh hưởng đến một tâm thức khác như thế nào? Loại tâm thức nào có thể được đưa vào liên hệ với một loại khác một cách tốt nhất để tạo ra những kết quả tốt nhất?

857. We are dealing here with a form of 'psychic chemistry' which presently is little understood in any factual way, though people may have 'feelings' about how to handle such influences.

857. Ở đây chúng ta đang đề cập đến một hình thức "hóa học thông linh" mà hiện nay hầu như chưa được hiểu theo bất kỳ cách thức thực chứng nào, dù người ta có thể có những "cảm giác" về cách xử lý các ảnh hưởng như thế.

Finally, the laws of fire will be studied, the nature of heat, of radiation and of flame will be occultly investigated, and the action of one fire upon another fire, the result of radiation from one conscious sphere to another will be realised; the method of arousing consciousness on the different planes by action upon the fires of the causal body and their stimulation will be gradually revealed.

Sau cùng, các định luật của lửa sẽ được nghiên cứu, bản chất của nhiệt, của bức xạ và của ngọn lửa sẽ được khảo sát một cách huyền bí, và tác động của một lửa lên một lửa khác, kết quả của bức xạ từ một khối cầu có tâm thức này sang một khối cầu có tâm thức khác sẽ được chứng nghiệm; phương pháp đánh thức tâm thức trên các cõi khác nhau bằng tác động lên các lửa của thể nguyên nhân và sự kích thích chúng sẽ dần dần được mặc khải.

858. This is a most occult promise. Let us tabulate:

858. Đây là một lời hứa hết sức huyền bí. Chúng ta hãy lập bảng:

a. The laws of fire will be studied

a. Các định luật của lửa sẽ được nghiên cứu

b. The nature of heat will be studied

b. Bản chất của nhiệt sẽ được nghiên cứu

c. The nature of radiation will be occultly investigated

c. Bản chất của bức xạ sẽ được khảo sát một cách huyền bí

d. The nature of flame will be occultly investigated

d. Bản chất của ngọn lửa sẽ được khảo sát một cách huyền bí

e. The action of one fire upon another fire will be realized

e. Tác động của một lửa lên một lửa khác sẽ được chứng nghiệm

f. The result of radiation from one conscious sphere to another will be realized

f. Kết quả của bức xạ từ một khối cầu có tâm thức này sang một khối cầu có tâm thức khác sẽ được chứng nghiệm

g. The methods of arousing consciousness on the different planes by action upon the fires of the causal body and their stimulation will be revealed.

g. Các phương pháp đánh thức tâm thức trên các cõi khác nhau bằng tác động lên các lửa của thể nguyên nhân và sự kích thích chúng sẽ được mặc khải.

859. All these are the technical developments of the future and they hold for humanity presently incredible possibilities.

859. Tất cả những điều này là các phát triển kỹ thuật của tương lai và hiện nay chúng chứa đựng đối với nhân loại những khả năng khó tin.

The whole question is slowly, very slowly, coming to the fore in human thought (even though this is little realised) **through the study of vocational education, business efficiency, and the place of the human unit in any trade or enterprise.** Men are being spoken of and considered in terms of potential force factors, and this is a step in the right direction.

Toàn bộ vấn đề này đang từ từ, rất từ từ, nổi lên trong tư tưởng nhân loại (dù điều này ít được chứng nghiệm) **thông qua việc nghiên cứu giáo dục hướng nghiệp, hiệu quả kinh doanh, và vị trí của đơn vị con người trong bất kỳ nghề nghiệp hay công việc nào.** Con người đang được nói đến và được xem xét theo thuật ngữ của các yếu tố mãnh lực tiềm năng, và đây là một bước đi đúng hướng.

860. Even today occult psychology is making its appearance in rather mundane settings.

860. Ngay cả ngày nay tâm lý học huyền bí cũng đang xuất hiện trong những bối cảnh khá thế tục.

861. People are being understood in terms of energy and force and this is the correct approach.

861. Con người đang được thấu hiểu theo thuật ngữ của năng lượng và mãnh lực, và đó là cách tiếp cận đúng đắn.

862. We can feel the hand of the Manu in all this, seeking that individual human units (and group units) will find themselves doing the right thing (for which they are ideally suited) in the right place and at the right time.

862. Chúng ta có thể cảm nhận bàn tay của Đức Manu trong tất cả điều này, tìm cách để các đơn vị con người cá nhân (và các đơn vị nhóm) thấy mình đang làm đúng việc (điều mà họ đặc biệt thích hợp) ở đúng chỗ và đúng lúc.

Approaching the same question from the personality standpoint and not the egoic, t**he time is fast approaching when the emphasis will be laid in education upon [Page 549] how best the young can be taught to contact their own ego or higher energy;** how best they can be led to appropriate the knowledge and ability of their higher self for use on the physical plane; how best they can ascertain their group formation, and thus work along with their group, and in unison with the total energy of that group; **how best their threefold lower self—physical, astral, and mental—can be brought into direct alignment with their higher centre of force, and thus draw down a continuous supply of energy for the strengthening of their three vehicles, and their wise manipulation**; how best the various spirillae can be awakened and the energy within their own cells released for action.

Tiếp cận cùng một vấn đề từ quan điểm của phàm ngã chứ không phải của chân ngã, t**hời điểm đang nhanh chóng đến khi trọng tâm trong giáo dục sẽ được đặt vào [Page 549] cách tốt nhất để người trẻ được dạy tiếp xúc với chân ngã hay năng lượng cao hơn của chính họ;** cách tốt nhất để họ có thể được dẫn dắt chiếm hữu tri thức và khả năng của bản ngã cao siêu của họ để sử dụng trên cõi hồng trần; cách tốt nhất để họ có thể xác định sự hình thành nhóm của mình, và nhờ đó làm việc cùng với nhóm của mình, và đồng nhất với tổng năng lượng của nhóm ấy; **cách tốt nhất để phàm ngã tam phân của họ—hồng trần, cảm dục và trí tuệ—có thể được đưa vào chỉnh hợp trực tiếp với trung tâm mãnh lực cao hơn của họ, và nhờ đó kéo xuống một nguồn cung năng lượng liên tục để tăng cường ba vận cụ của họ, và sự vận dụng khôn ngoan chúng**; cách tốt nhất để các loa tuyến khác nhau có thể được đánh thức và năng lượng trong chính các tế bào của họ được giải phóng cho hành động.

863. Here are promising possibilities. Some of them have already been developed.

863. Ở đây có những khả năng đầy hứa hẹn. Một số trong đó đã được phát triển rồi.

864. Some of these unfolding possibilities are quite technical, but others have been the very substance of the modern human-potential movement.

864. Một số khả năng đang khai mở này khá kỹ thuật, nhưng những khả năng khác lại chính là thực chất của phong trào hiện đại về tiềm năng con người.

865. Let us tabulate. The education of the future will emphasize:

a. Contact with one's own Ego or higher energy

b. Appropriation of the knowledge of the Higher Self for use upon the physical plane

c. The ascertainment of one's group formation

d. How best to work along with one's group

e. How best to work with the total energy of one's group

f. How best to create alignment of the threefold lower self with the higher center of force

g. How best to draw down a continuous supply of egoic force for the strengthening of the three lower vehicles and their wise manipulation

h. How best the various spirillae can be awakened and their energy best released

866. There is an all-powerful source of energy within every one of us; it is the true source of our nourishment, strength and confidence. It is imperative that we learn how it may be contacted and utilized.

867. In occult psychology lies one of the great hopes for humanity.

865. Chúng ta hãy lập bảng. Nền giáo dục của tương lai sẽ nhấn mạnh:

a. Sự tiếp xúc với Chân ngã hay năng lượng cao hơn của chính mình

b. Sự chiếm hữu tri thức của Bản Ngã Cao Siêu để sử dụng trên cõi hồng trần

c. Sự xác định sự hình thành nhóm của mình

d. Cách tốt nhất để làm việc cùng với nhóm của mình

e. Cách tốt nhất để làm việc với tổng năng lượng của nhóm mình

f. Cách tốt nhất để tạo ra sự chỉnh hợp của phàm ngã tam phân với trung tâm mãnh lực cao hơn

g. Cách tốt nhất để kéo xuống một nguồn cung mãnh lực chân ngã liên tục nhằm tăng cường ba vận cụ thấp và sự vận dụng khôn ngoan chúng

h. Cách tốt nhất để các loa tuyến khác nhau có thể được đánh thức và năng lượng của chúng được giải phóng một cách tốt nhất

866. Có một nguồn năng lượng toàn năng trong mỗi chúng ta; đó là nguồn đích thực của sự nuôi dưỡng, sức mạnh và sự tự tin của chúng ta. Điều tối quan trọng là chúng ta phải học cách tiếp xúc và sử dụng nó.

867. Trong tâm lý học huyền bí có một trong những niềm hy vọng lớn lao của nhân loại.

All this will be a thing of gradual evolution, but I have here outlined the trend of the future study, **as in the formulation of possibility lies its eventual realisation**. Such a process must necessarily be slow. **The powers of the ego are stupendous and if released now through the agency of an unready personality would lead to dire disaster.**

Tất cả điều này sẽ là một việc của sự tiến hoá dần dần, nhưng ở đây tôi đã phác họa xu hướng của sự nghiên cứu tương lai, **vì chính trong sự phát biểu khả năng có sự chứng nghiệm rốt cuộc của nó**. Một tiến trình như thế tất yếu phải chậm. **Các quyền năng của chân ngã là vô cùng to lớn và nếu được giải phóng ngay bây giờ qua trung gian của một phàm ngã chưa sẵn sàng thì sẽ dẫn đến thảm họa nghiêm trọng.**

868. By this we may mean the powers of man himself (upon the higher mental plane) and stimulated by the power of the Solar Angel.

868. Qua điều này, chúng ta có thể muốn nói đến các quyền năng của chính con người (trên Cõi thượng trí) và được kích thích bởi quyền năng của Thái dương Thiên Thần.

869. Or we may mean, the powers of the Solar Angel considered as the Ego.

869. Hoặc chúng ta có thể muốn nói đến các quyền năng của Thái dương Thiên Thần được xét như Chân ngã.

870. We can see the need for personality preparation. Humanity must enter a great period of purification leading to the building of bodies which can withstand the "powers of the ego".

870. Chúng ta có thể thấy nhu cầu chuẩn bị phàm ngã. Nhân loại phải bước vào một thời kỳ thanh luyện lớn lao dẫn đến việc xây dựng những thể có thể chịu đựng được "các quyền năng của chân ngã".

But the time will come, and in the meantime a due apprehension of inherent capacity will profit all who have the intuition to recognise the goal.

Nhưng thời điểm ấy sẽ đến, và trong lúc này, một sự nắm bắt thích đáng về năng lực cố hữu sẽ mang lại lợi ích cho tất cả những ai có trực giác để nhận ra mục tiêu.

871. There is tremendous optimism in the thought that within our very natures we have that which will strengthen, sustain and lead to undreamt achievements.

871. Có một sự lạc quan to lớn trong ý nghĩ rằng ngay trong chính bản chất của chúng ta, chúng ta có điều sẽ tăng cường, nâng đỡ và dẫn đến những thành tựu chưa từng mơ tưởng.

872. In dark times we need constantly to remind ourselves of our inherent possibilities.

872. Trong những thời kỳ đen tối, chúng ta cần liên tục nhắc nhở mình về những khả năng cố hữu của mình.

TCF 550-563: S5S11

28 August 2007 – 12 September 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

1. We now begin Division D of Section Two, the Fire of Mind, Solar Fire.

2. Semester 5; Section 10 was a review section.

DIVISION D - THOUGHT ELEMENTALS AND FIRE ELEMENTALS [Page 550]

I. THOUGHT FORMS

3. It seems of importance to bear in mind the function of something we create and use every day—thoughtforms.

1. Their function.

a. To respond to vibration.

28 tháng 8 năm 2007 – 12 tháng 9 năm 2007

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Người ta gợi ý rằng Bản Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn.

1. Giờ đây chúng ta bắt đầu Phân khu D của Phần Hai, Lửa của Trí Tuệ, Lửa Thái dương.

2. Học kỳ 5; Phần 10 là phần ôn tập.

PHÂN KHU D - CÁC HÀNH KHÍ TƯ TƯỞNG VÀ CÁC HÀNH KHÍ CỦA LỬA [Page 550]

I. CÁC HÌNH TƯ TƯỞNG

3. Dường như điều quan trọng là phải ghi nhớ chức năng của một điều gì đó mà chúng ta tạo ra và sử dụng mỗi ngày—các hình tư tưởng.

1. Chức năng của chúng.

a. Đáp ứng với rung động.

b. To provide the vehicle for an idea.

4. This is a thought of critical importance.

c. To carry out specific purpose.

2. The Laws of Thought.

a. Three cosmic laws.

b. Seven systemic laws.

II. THOUGHT ELEMENTALS AND DEVAS

1. The Ruler of Fire... Agni.

5. We will have under discussion a Being to Whom many meanings have been assigned. We shall have to understand Him in relation to occultism and not so much in relation to popular Hindu Mythology.

6. The varied meanings are somewhat intricate. Agni seems to appear in many guises.

a. Agni and the solar Logos.

b. Agni and the mental plane.

c. Agni and the three Fires.

2. The Fire Devas... the Greater Builders.

a. Introductory statements.

b. The functions of the devas.

b. Cung cấp vận cụ cho một ý tưởng.

4. Đây là một tư tưởng có tầm quan trọng then chốt.

c. Thực hiện mục đích cụ thể.

2. Các Định luật của Tư tưởng.

a. Ba định luật vũ trụ.

b. Bảy định luật hệ thống.

II. CÁC HÀNH KHÍ TƯ TƯỞNG VÀ THIÊN THẦN

1. Đấng cai quản Lửa... Agni.

5. Chúng ta sẽ bàn đến một Đấng mà nhiều ý nghĩa đã được gán cho Ngài. Chúng ta sẽ phải thấu hiểu Ngài trong liên hệ với huyền bí học chứ không quá nhiều trong liên hệ với thần thoại Ấn Độ phổ thông.

6. Những ý nghĩa đa dạng ấy phần nào phức tạp. Agni dường như xuất hiện dưới nhiều dạng thức.

a. Agni và Thái dương Thượng đế.

b. Agni và cõi trí.

c. Agni và ba Lửa.

2. Các thiên thần Lửa... các đấng đại kiến tạo.

a. Những phát biểu nhập đề.

b. Các chức năng của thiên thần.

c. The devas and the planes.

3. The Solar Angels... the Agnishvattas.

7. It is clear that we are discriminating the Greater Builders from the Agnishvattas (presumably the Solar Angels), though the Fifth Creative Hierarchy is a *dual* Hierarchy and this problem must be solved.

8. Yet, as will be seen, there are contexts in which the Solar Angels are precisely called "Greater Builders", which they are when compared with the unconscious devas and elemental lives.

Introductory remarks.

a. On the fifth Principle.

b. On Individualisation.

c. On Incarnation.

d. On the Building of the Causal Body.

4. The Fire Elementals... the Lesser Builders.

a. Introductory.

b. Physical plane elementals.

c. Elementals of the ethers.

d. Elementals and the Microcosm. [Page 551]

III. MAN, AS A CREATOR IN MENTAL MATTER

c. Thiên thần và các cõi.

3. Các Thái dương Thiên Thần... các Agnishvatta.

7. Rõ ràng là chúng ta đang phân biện các đấng đại kiến tạo với các Agnishvatta (có lẽ là các Thái dương Thiên Thần), dù Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm là một Huyền Giai *Kép* và vấn đề này phải được giải quyết.

8. Tuy nhiên, như sẽ thấy, có những ngữ cảnh trong đó các Thái dương Thiên Thần chính xác được gọi là "các đấng đại kiến tạo", điều mà các vị ấy là như vậy khi so với các thiên thần vô thức và các sự sống hành khí.

Nhận xét nhập đề.

a. Về nguyên khí thứ năm.

b. Về biệt ngã hóa.

c. Về sự lâm phàm.

d. Về việc xây dựng thể nguyên nhân.

4. Các hành khí của lửa... các vị tiểu kiến tạo.

a. Nhập đề.

b. Các hành khí cõi hồng trần.

c. Các hành khí của các dĩ thái.

d. Các hành khí và Tiểu thiên địa. [Page 551]

III. CON NGƯỜI, NHƯ MỘT ĐẤNG SÁNG TẠO TRONG CHẤT LIỆU TRÍ TUỆ

1. The creation of thought forms.

2. The process of thought form building.

IV. MAN AND THE FIRE SPIRITS

1. The Will aspect and creation.

a. The condition of the magician.

b. Construction of thought forms.

c. The occult significance of speech.

2. The nature of Magic.

9. Here we will have the root material on which *A Treatise on White Magic* was formulated. Both presentations are necessary and supplementary. The Tibetan did not repeat Himself when writing TWM.

a. Black magicians and white.

b. The source of black magic.

c. Conditions for white magic.

3. Fifteen rules for Magic.

10. These are always worth memorizing and pondering. They cannot yet be fully lived because the ancient formulas have not been restored to the consciousness of the average student (and far less so to the average human consciousness).

a. Six rules for the mental plane.

1. Sự tạo ra các hình tư tưởng.

2. Tiến trình xây dựng hình tư tưởng.

IV. CON NGƯỜI VÀ CÁC TINH LINH CỦA LỬA

1. Phương diện Ý chí và sự sáng tạo.

a. Tình trạng của nhà huyền thuật.

b. Sự kiến tạo các hình tư tưởng.

c. Ý nghĩa huyền bí của lời nói.

2. Bản chất của huyền thuật.

9. Ở đây chúng ta sẽ có chất liệu gốc trên đó *Luận về Chánh Thuật* đã được hình thành. Cả hai cách trình bày đều cần thiết và bổ sung cho nhau. Chân sư Tây Tạng đã không lặp lại chính mình khi viết TWM.

a. Các nhà hắc thuật và các nhà huyền thuật chánh đạo.

b. Nguồn gốc của Hắc thuật.

c. Các điều kiện cho Chánh Thuật.

3. Mười lăm quy luật cho huyền thuật.

10. Những điều này luôn đáng để ghi nhớ và suy ngẫm. Chúng chưa thể được sống trọn vẹn, vì các công thức cổ xưa chưa được phục hồi vào tâm thức của đạo sinh trung bình (và càng ít hơn nữa vào tâm thức nhân loại trung bình).

a. Sáu quy luật cho cõi trí.

b. Five rules for the astral plane.

c. Four rules for the physical plane.

Under this division we shall briefly give an outline of the study which we will undertake upon this vast and stupendous subject, for, as it definitely concerns the evolution of man and his power eventually to create, it will be wise for us to take up the matter in some detail.

11. Man, coming largely under the fourth ray, is, essentially a Creator animated by the fourth Rule for Inducing Soul Control—the "urge to creative life through the divine faculty of imagination"

This section is not intended to give interesting bits of information anent the devas;

12. DK knows too well the tendency of the untrained and irresponsible human mind.

I only seek to deal with the matter in its practical application to man, and to give as much of the necessary knowledge as will enable a man to control and build his own system, to understand the method of creation and to comprehend somewhat the lesser lives and the paralleling deva evolution with which he may be concerned.

13. In these many pages, DK intends to do the following.

b. Năm quy luật cho cõi cảm dục.

c. Bốn quy luật cho cõi hồng trần.

Dưới phần này, chúng ta sẽ vắn tắt phác ra đề cương của cuộc nghiên cứu mà chúng ta sẽ thực hiện về chủ đề bao la và kỳ vĩ này, vì, như nó rõ ràng liên quan đến sự tiến hoá của con người và quyền năng cuối cùng của y để sáng tạo, nên sẽ là khôn ngoan nếu chúng ta khảo sát vấn đề này với một mức độ chi tiết nào đó.

11. Con người, phần lớn thuộc cung bốn, về bản chất là một Đấng Sáng Tạo được sinh động bởi Quy luật thứ tư để Gây ra Sự Kiểm Soát của Linh Hồn—"thúc lực hướng đến đời sống sáng tạo qua năng lực thiêng liêng của sự tưởng tượng"

Phần này không nhằm đưa ra những mẩu thông tin thú vị liên quan đến các thiên thần;

12. Chân sư DK biết quá rõ khuynh hướng của trí tuệ nhân loại chưa được huấn luyện và vô trách nhiệm.

Tôi chỉ tìm cách đề cập đến vấn đề này trong sự áp dụng thực tiễn của nó đối với con người, và trao càng nhiều tri thức cần thiết càng tốt để giúp con người kiểm soát và xây dựng hệ thống riêng của mình, thấu hiểu phương pháp sáng tạo và phần nào hiểu được các sự sống nhỏ hơn cùng sự tiến hoá song hành của thiên thần mà y có thể liên hệ đến.

13. Trong nhiều trang này, Chân sư DK dự định làm những điều sau.

a. Give man knowledge so that he can control his system

a. Trao cho con người tri thức để y có thể kiểm soát hệ thống của mình

b. Give man knowledge so that he can build his system

b. Trao cho con người tri thức để y có thể xây dựng hệ thống của mình

c. Give man knowledge so that he can understand the method of creation

c. Trao cho con người tri thức để y có thể thấu hiểu phương pháp sáng tạo

d. Give man knowledge so that he can comprehend somewhat the lesser lives and paralleling deva evolution

d. Trao cho con người tri thức để y có thể phần nào hiểu được các sự sống nhỏ hơn và sự tiến hoá song hành của thiên thần

14. Obviously, the process will be a long one and many details will not be presented. For all the voluminosity of His writings, DK has presented only the ABC's of scientific occultism.

14. Hiển nhiên, tiến trình này sẽ kéo dài và nhiều chi tiết sẽ không được trình bày. Dù các trước tác của Ngài đồ sộ đến đâu, Chân sư DK cũng chỉ trình bày những ABC của huyền bí học khoa học mà thôi.

I. THOUGHT FORMS

I. CÁC HÌNH TƯ TƯỞNG

1. Their Function.

1. Chức năng của chúng.

It will be noted that in studying this matter we have not started with that which is most apparent, the exoteric form in mental matter, but with the inner life or Idea within the form and with the Laws that govern the creative [Page 552] aspect.

Cần lưu ý rằng khi nghiên cứu vấn đề này, chúng ta đã không bắt đầu với điều hiển nhiên nhất, tức hình tướng ngoại môn trong chất liệu trí tuệ, mà với sự sống bên trong hay Ý tưởng ở trong hình tướng và với các Định luật chi phối phương diện sáng tạo [Page 552].

15. DK is calling our attention to the fact that His initial approach is not concrete and strictly exoteric

15. Chân sư DK đang thu hút sự chú ý của chúng ta đến sự kiện rằng cách tiếp cận ban đầu của Ngài không cụ thể và không hoàn toàn ngoại môn

16. We begin with:

16. Chúng ta bắt đầu với:

b. The inner life or idea within the thoughtform

b. Sự sống bên trong hay ý tưởng ở trong hình tư tưởng

c. The Laws that govern the creative aspect

c. Các Định luật chi phối phương diện sáng tạo

17. Increasingly, it will be necessary for us to discriminate between thoughtforms and their impelling, living idea.

17. Ngày càng nhiều, chúng ta sẽ cần phân biện giữa các hình tư tưởng và ý tưởng sống động, thúc đẩy chúng.

This function of every thought form is threefold:

Chức năng này của mọi hình tư tưởng là tam phân:

To respond to vibration

Đáp ứng với rung động

18. This will render the thoughtform a medium of reception.

18. Điều này sẽ khiến hình tư tưởng trở thành một trung gian tiếp nhận.

19. The human being, itself, is a thoughtform and responds to a wide range of vibrations.

19. Bản thân con người cũng là một hình tư tưởng và đáp ứng với một phạm vi rộng lớn các rung động.

To provide a body for an idea

Cung cấp một thể cho một ý tưởng

20. This will make of the thoughtform a medium for the implementation of the creative process and an instrument for communication between the higher and lower planes.

20. Điều này sẽ khiến hình tư tưởng trở thành một trung gian cho việc thực thi tiến trình sáng tạo và một công cụ truyền thông giữa các cõi cao và thấp.

21. The Divine Purpose is to be embodied; this occurs via thoughtforms.

21. Thiên Ý phải được nhập thể; điều này xảy ra thông qua các hình tư tưởng.

To carry out specific purpose.

Thực hiện mục đích cụ thể.

22. This will render the thoughtform an agent of its creator. Presumably, we are speaking of thoughtforms which have beneficent intent.

22. Điều này sẽ khiến hình tư tưởng trở thành một tác nhân của đấng sáng tạo ra nó. Có lẽ chúng ta đang nói đến những hình tư tưởng có ý định thiện lành.

Let us first study the logoic thought form and then turn our attention to the thought forms fabricated by the Thinker from the

Trước hết, chúng ta hãy nghiên cứu hình tư tưởng logoic rồi sau đó hướng sự chú ý đến các hình tư tưởng do Đấng Tư Tưởng chế tạo

systemic mental planes and in mental matter.

23. Our method is the occult one, beginning from a large and encompassing perspective and moving to a more confined and specific point of view.

24. The "logoic thoughtform" is fabricated by a Thinker on the *cosmic* mental plane.

We have to note that, in the case of the Logos, all upon which **we have to base our conclusions are His physical manifestation,** and His quality, psychic nature, aroma, emanation or magnetism, as we see it working out through the form. Hence we are very much handicapped.

18. We do not come into contact with very much of our Logos' true nature. We only contact that which is confined to the cosmic physical plane.

19. Even His quality is not contacted directly, but only through its physical expression.

20. This is even true for those great souls who are known as Chohans.

21. DK lists that which we *can* contact, albeit through the physical-etheric form:

a. The quality of the Logos

b. The psychic nature of the Logos

c. The aroma of the Logos

từ các cõi trí của hệ thống và trong chất liệu trí tuệ.

23. Phương pháp của chúng ta là phương pháp huyền bí, bắt đầu từ một viễn cảnh lớn lao và bao quát rồi chuyển đến một quan điểm hạn hẹp và chuyên biệt hơn.

24. "Hình tư tưởng logoic" được chế tạo bởi một Đấng Tư Tưởng trên cõi trí *vũ trụ*.

Chúng ta phải lưu ý rằng, trong trường hợp của Thượng đế, tất cả những gì **chúng ta phải dựa vào để rút ra kết luận là biểu hiện hồng trần của Ngài,** và phẩm tính, bản chất thông linh, hương thơm, phát xạ hay từ điện của Ngài, như chúng ta thấy nó biểu lộ qua hình tướng. Vì thế chúng ta bị hạn chế rất nhiều.

18. Chúng ta không tiếp xúc được bao nhiêu với bản chất chân thực của Thượng đế của chúng ta. Chúng ta chỉ tiếp xúc với điều bị giới hạn trong cõi hồng trần vũ trụ.

19. Ngay cả phẩm tính của Ngài cũng không được tiếp xúc trực tiếp, mà chỉ qua biểu hiện hồng trần của nó.

20. Điều này thậm chí cũng đúng đối với những linh hồn vĩ đại được biết đến như các Chohan.

21. Chân sư DK liệt kê những gì chúng ta *có thể* tiếp xúc, dù là qua hình tướng hồng trần-dĩ thái:

a. Phẩm tính của Thượng đế

b. Bản chất thông linh của Thượng đế

c. Hương thơm của Thượng đế

d. The emanation of the Logos

e. The magnetism of the Logos

22. Contact, we realize, is made through the five senses and their numerous extensions, which we studied earlier in TCF.

23. Do we have some idea concerning all of these logoic expressions or only some? Or any?

24. At least we gather that our Logos is an unfathomably (to us) stupendous Life.

a. Response to Vibration. It is always recognised in occult circles that the whole object of human evolution is to enable the Thinker to respond to every contact fully and consciously, and thus to utilise his material sheath, or sheaths, as adequate transmitter of such contact.

25. There is no occultism without sensitive and accurate response to vibration.

26. The condition of our sheaths, however, veils many possible contacts. This is all part of the "veiling" process as it is discussed in esoteric astrology.

27. Contact received is to be appropriately transmitted; this, too, depends upon the condition and conditioning of the sheaths.

d. Phát xạ của Thượng đế

e. Từ điện của Thượng đế

22. Chúng ta nhận ra rằng sự tiếp xúc được thực hiện qua năm giác quan và nhiều phần mở rộng của chúng, mà trước đây chúng ta đã nghiên cứu trong TCF.

23. Chúng ta có một ý niệm nào đó về tất cả những biểu hiện logoic này hay chỉ về một số? Hay có gì chăng?

24. Ít nhất chúng ta cũng hiểu rằng Thượng đế của chúng ta là một Sự sống kỳ vĩ, lớn lao đến mức chúng ta không thể dò thấu.

a. Đáp ứng với Rung động. Trong các giới huyền bí, người ta luôn thừa nhận rằng toàn bộ mục tiêu của sự tiến hoá nhân loại là giúp Đấng Tư Tưởng đáp ứng trọn vẹn và hữu thức với mọi tiếp xúc, và nhờ đó sử dụng vỏ bọc vật chất hay các vỏ bọc của mình như những bộ truyền dẫn thích đáng cho sự tiếp xúc ấy.

25. Không có huyền bí học nếu không có sự đáp ứng nhạy bén và chính xác với rung động.

26. Tuy nhiên, tình trạng của các vỏ bọc của chúng ta che khuất nhiều tiếp xúc khả hữu. Tất cả điều này đều là một phần của tiến trình "che phủ" như được bàn đến trong Chiêm Tinh Học Nội Môn.

27. Sự tiếp xúc đã nhận được phải được truyền đạt một cách thích đáng; điều này cũng tùy thuộc vào tình trạng và sự tác động định hình của các vỏ bọc.

The most easily studied human thought-form is the one the Ego creates through which to function. He builds his sheaths by the power of thought, and **the dense physical body is the best sheath that—at any particular stage of evolution—he can at the time manufacture.**

Hình tư tưởng của con người dễ nghiên cứu nhất là hình tư tưởng mà chân ngã tạo ra để hoạt động qua đó. Y xây dựng các vỏ bọc của mình bằng quyền năng của tư tưởng, và **thể xác đậm đặc là vỏ bọc tốt nhất mà—ở bất kỳ giai đoạn tiến hoá đặc thù nào—y có thể chế tạo vào lúc ấy.**

28. We are speaking of the creative process as it concerns the creation of man's vehicles of expression. The Ego creates them all through the agency of the permanent atoms.

28. Chúng ta đang nói về tiến trình sáng tạo trong chừng mực nó liên quan đến việc tạo ra các vận cụ biểu lộ của con người. Chân ngã tạo ra tất cả chúng qua trung gian của các Nguyên tử trường tồn.

29. We may be saying that any creator does as well as he can at any particular point in the evolutionary process to manufacture a physical body which is as responsive as possible.

29. Có thể chúng ta đang nói rằng bất kỳ đấng sáng tạo nào cũng làm tốt nhất có thể ở bất kỳ điểm đặc thù nào trong tiến trình tiến hoá để chế tạo một thể xác đáp ứng được nhiều nhất có thể.

30. Obviously, the physical bodies of human beings will show increasing refinement as the soul grows in experience and maturity. The creating Ego is limited in His creation by the vibratory potential that is stored in the permanent atoms and also by the karma which previous personalities have incurred.

30. Hiển nhiên, thể xác của con người sẽ cho thấy sự tinh luyện ngày càng tăng khi linh hồn lớn lên trong kinh nghiệm và sự trưởng thành. Chân ngã sáng tạo bị giới hạn trong sự sáng tạo của mình bởi tiềm năng rung động được tích trữ trong các Nguyên tử trường tồn và cả bởi nghiệp quả mà các phàm ngã trước đây đã tạo ra.

The same can be predicated of the solar Logos. He builds by the power of thought a body which can respond to that group of vibrations which are concerned with the cosmic physical plane (the only one we can study). It is not yet adequate, and does not fully express the logoic Thinker.

Điều tương tự cũng có thể được nói về Thái dương Thượng đế. Ngài xây dựng bằng quyền năng của tư tưởng một thể có thể đáp ứng với nhóm rung động liên quan đến cõi hồng trần vũ trụ (cõi duy nhất chúng ta có thể nghiên cứu). Nó chưa thích đáng, và không biểu lộ trọn vẹn Đấng Tư Tưởng logoic.

25. Just as the logoic physical body (including the etheric, presumably) is not yet adequate to fully "express the logoic Thinker", the same can be said of the physical-etheric body manufactured by the

25. Cũng như thể hồng trần logoic (có lẽ bao gồm cả dĩ thái) chưa đủ thích đáng để biểu lộ trọn vẹn "Đấng Tư Tưởng logoic", điều tương tự có thể nói về thể hồng trần-dĩ thái do chân ngã con người chế tạo, chân ngã ấy đối

human Ego, who is as the Logos to his own microcosmic system.

với hệ thống vi mô của riêng mình cũng như Thượng đế đối với hệ thống của Ngài.

26. We might say (for both the macrocosm and microcosm) that the physical-etheric body built is inadequate in *both* response and expression.

26. Chúng ta có thể nói (đối với cả đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa) rằng thể hồng trần-dĩ thái được xây dựng là không thích đáng trong *cả* đáp ứng lẫn biểu lộ.

27. If the physical-etheric is, thus far, the best sheath that the Thinker can create, and it is inadequate to express the intention of the Thinker, this must be even more the case for the astral and lower mental vehicles.

27. Nếu hồng trần-dĩ thái, cho đến nay, là vỏ bọc tốt nhất mà Đấng Tư Tưởng có thể tạo ra, và nó lại không thích đáng để biểu lộ ý định của Đấng Tư Tưởng, thì điều này hẳn còn đúng hơn nữa đối với các vận cụ cảm dục và hạ trí.

The vibrations to which the systemic thought-form must respond are many in number, but for our purposes might be enumerated as mainly seven:

Các rung động mà hình tư tưởng hệ thống phải đáp ứng thì rất nhiều, nhưng vì mục đích của chúng ta có thể được liệt kê chủ yếu là bảy:

31. Master DK knows much more than He has time to express, nor would a complete compendium of all He knows serve His limited educational objectives. A Master, though above time/space in his consciousness, is still subject to time and space when attempting to do His part in manifesting the Divine Plan.

31. Chân sư DK biết nhiều hơn rất nhiều so với những gì Ngài có thời gian để diễn đạt, và một bản tổng tập đầy đủ mọi điều Ngài biết cũng sẽ không phục vụ các mục tiêu giáo dục hữu hạn của Ngài. Một Chân sư, dù vượt lên trên thời gian/không gian trong tâm thức của mình, vẫn còn chịu sự chi phối của thời gian và không gian khi cố gắng thực hiện phần việc của Ngài trong việc biểu lộ Thiên Cơ.

1. The vibrations of the cosmic physical plane, viewing it as **all the matter of that plane which exists [Page 553] outside the logoic ring-pass-not**. It concerns the pranic and akashic fluids and currents.

1. Các rung động của cõi hồng trần vũ trụ, xét nó như **toàn bộ vật chất của cõi ấy hiện hữu [Page 553] bên ngoài vòng-giới-hạn logoic**. Điều này liên quan đến các lưu chất và dòng prana cùng akasha.

28. The physical-etheric ring-pass-not of the Solar Logos exists within the vast cosmic etheric-physical plane. These influences (pranic and akashic) flow throughout the cosmic etheric-physical plane (i.e., simply, the cosmic physical plane) and encounter

28. Vòng-giới-hạn hồng trần-dĩ thái của Thái dương Thượng đế tồn tại bên trong cõi dĩ thái-hồng trần vũ trụ bao la. Những ảnh hưởng này (prana và akasha) lưu chuyển khắp cõi dĩ thái-hồng trần vũ trụ (tức đơn giản là cõi hồng trần vũ trụ) và gặp phần cõi

that portion of the cosmic physical plane which has been appropriated by the Solar Logos as His etheric-physical vehicle.

hồng trần vũ trụ đã được Thái dương Thượng đế chiếm dụng làm vận cụ dĩ thái-hồng trần của Ngài.

29. Obviously our relatively tiny Logos does not respond to *all* vibrations transmitted through the *universal* cosmic etheric planes. Limitations apply.

29. Hiển nhiên, Thượng đế tương đối nhỏ bé của chúng ta không đáp ứng với *mọi* rung động được truyền qua các cõi dĩ thái vũ trụ *phổ quát*. Những giới hạn vẫn áp dụng.

30. This type of vibration is strictly cosmic etheric? As well as a *type* of vibration is it also an *order* or vibration?

30. Loại rung động này hoàn toàn là dĩ thái vũ trụ chăng? Ngoài việc là một *loại* rung động, nó cũng là một *cấp bậc* rung động chăng?

2. The vibrations of the cosmic astral plane as they affect the physical form of divine manifestation. This involves cosmically the action upon our solar Logos of the emotional quality of other cosmic entities, and concerns the magnetic effect upon Him of their psychic emanation. **This, in view of the fact that His dense physical body is not a principle, is of a more potent nature than the first set of vibrations, as is the case also in man's evolution.**

2. Các rung động của cõi cảm dục vũ trụ khi chúng tác động đến hình tướng hồng trần của biểu hiện thiêng liêng. Về mặt vũ trụ, điều này bao hàm tác động lên Thái dương Thượng đế của chúng ta bởi phẩm tính cảm xúc của các thực thể vũ trụ khác, và liên quan đến hiệu quả từ tính tác động lên Ngài bởi phát xạ thông linh của họ. **Xét theo sự kiện rằng thể xác đậm đặc của Ngài không phải là một nguyên khí, điều này có bản chất mạnh mẽ hơn nhóm rung động thứ nhất, cũng như trường hợp trong sự tiến hoá của con người.**

31. Here we are discussing cosmic astral vibrations. Not only does the Logos respond to the energies and forces of His own astral body, but to the "emotional quality of other cosmic entities". He is magnetically and psychically affected by other great Beings, just as man is affected by the emotional quality, magnetism and psychic emanation of others of his kind—i.e., other human individuals.

31. Ở đây chúng ta đang bàn về các rung động cảm dục vũ trụ. Thượng đế không chỉ đáp ứng với các năng lượng và mãnh lực của chính thể cảm dục của Ngài, mà còn với "phẩm tính cảm xúc của các thực thể vũ trụ khác". Ngài bị tác động về mặt từ tính và thông linh bởi các Đấng vĩ đại khác, cũng như con người bị tác động bởi phẩm tính cảm xúc, từ điện và phát xạ thông linh của những kẻ cùng loại với mình—tức các cá nhân nhân loại khác.

32. We live in an astral-buddhic solar system. Our Solar Logos is largely astrally

32. Chúng ta sống trong một hệ mặt trời cảm dục-Bồ đề. Thái dương Thượng đế của chúng ta phần lớn phân cực cảm xúc (như chúng ta

polarized (we are told) hence the importance of this kind of cosmic influence.

33. Man, too, is *largely* astrally polarized (even though he represents the throat center of Sanat Kumara), and so the emotional impacts from other human beings are more important than the strictly physical impacts.

34. Some of the cosmic entities which most affect our Solar Logos (whether etherically or emotionally) are the six other major members of the Seven Solar Systems of Which Ours is One, and also the quality of the twelve zodiacal constellations. All these interchanges are occurring within the energy system of the Great Being known as the One About Whom Naught May Be Said.

35. This second type of vibration to which the Solar Logos responds has its origin on the cosmic astral plane? Is this second type also a second *order* of vibration, indicating that the orders of vibration to which the Solar Logos responds relate to a pattern of ascent from one cosmic plane to the next?

3. Vibrations from that which, within the logoic consciousness, is recognised as the logoic Higher Self, or His emanating source. **This brings the solar system within the vibratory radius of certain constellations which have a position of profound importance in the general evolution of the system.**

36. Here we speak of the "logoic Higher Self", focussed, presumably, on the first level of the cosmic higher mental plane. This would be the Egoic Lotus or causal body of the Solar Logos.

được cho biết), do đó tầm quan trọng của loại ảnh hưởng vũ trụ này.

33. Con người cũng *phần lớn* phân cực cảm xúc (dù y đại diện cho trung tâm cổ họng của Đức Sanat Kumara), và vì thế các tác động cảm xúc từ những con người khác quan trọng hơn các tác động thuần hồng trần.

34. Một số thực thể vũ trụ ảnh hưởng nhiều nhất đến Thái dương Thượng đế của chúng ta (dù theo cách dĩ thái hay cảm xúc) là sáu thành viên lớn khác của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong đó, và cả phẩm tính của mười hai chòm sao hoàng đạo. Tất cả những trao đổi này đang diễn ra trong hệ thống năng lượng của Đấng Vĩ Đại được biết đến như Đấng Bất Khả Tư Nghị.

35. Loại rung động thứ hai mà Thái dương Thượng đế đáp ứng có nguồn gốc trên cõi cảm dục vũ trụ chăng? Loại thứ hai này cũng là cấp bậc rung động thứ hai chăng, cho thấy rằng các cấp bậc rung động mà Thái dương Thượng đế đáp ứng liên hệ đến một mô hình thăng lên từ cõi vũ trụ này sang cõi vũ trụ kế tiếp?

3. Các rung động từ điều mà, trong tâm thức logoic, được nhận biết như là Bản Ngã Cao Siêu logoic, hay nguồn phát xạ của Ngài. **Điều này đưa hệ mặt trời vào trong bán kính rung động của một số chòm sao có vị trí vô cùng quan trọng trong sự tiến hoá tổng quát của hệ thống.**

36. Ở đây chúng ta nói đến "Bản Ngã Cao Siêu logoic", có lẽ được tập chú trên cấp độ thứ nhất của cõi thượng trí vũ trụ. Đây sẽ là Hoa Sen Chân Ngã hay thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế.

37. This vibration may also involve Solar Angels of a cosmic order just as the vibrations of the Higher Self of man involves the influence of the Solar Angel Who is training that man.

37. Rung động này cũng có thể bao hàm các Thái dương Thiên Thần thuộc một cấp vũ trụ, cũng như các rung động của Bản Ngã Cao Siêu của con người bao hàm ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần đang huấn luyện con người ấy.

38. Interestingly, in this tabulations of influences to which a Solar Logos must respond, the influence of the lower sub-planes of the cosmic mental plane is not mentioned.

38. Điều đáng chú ý là, trong bảng liệt kê các ảnh hưởng mà một Thái dương Thượng đế phải đáp ứng này, ảnh hưởng của các cõi phụ thấp của cõi trí vũ trụ không được nhắc đến.

39. DK speaks of the influence of "certain constellations" which are profoundly important to the general evolution of the system (presumably our system). This influence may be mentioned in a section discussing the solar logoic causal body because the influences are mediated via that causal body.

39. Chân sư DK nói đến ảnh hưởng của "một số chòm sao" vốn vô cùng quan trọng đối với sự tiến hoá tổng quát của hệ thống (có lẽ là hệ của chúng ta). Ảnh hưởng này có thể được nhắc đến trong một phần bàn về thể nguyên nhân thái dương logoic vì các ảnh hưởng ấy được trung giới qua thể nguyên nhân đó.

40. There are three great constellations about which we read in *Esoteric Astrology.* Certainly the Great Bear, the Pleiades, Sirius, Capricorn, Draco, etc., have a profound influence on the evolution of our Solar Logos and His solar system.

40. Có ba chòm sao lớn mà chúng ta đọc thấy trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn.* Chắc chắn Đại Hùng Tinh, Pleiades, Sirius, Ma Kết, Draco, v.v. có ảnh hưởng sâu xa lên sự tiến hoá của Thái dương Thượng đế của chúng ta và hệ mặt trời của Ngài.

41. We have read in *Esoteric Astrology* that the soul nature of man is very receptive to the twelve zodiacal constellations as is his monadic nature. No doubt there are parallels when dealing with the causal body of the Solar Logos.

41. Chúng ta đã đọc trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn* rằng bản chất linh hồn của con người rất dễ tiếp nhận mười hai chòm sao hoàng đạo, cũng như bản chất chân thần của y. Hẳn là có những tương đồng khi bàn đến thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế.

42. There are certain systemic influences which influence the causal body of man (affecting primarily the man's soul nature) and are meditated to his physical body through the general causal influence.

42. Có những ảnh hưởng hệ thống nhất định tác động đến thể nguyên nhân của con người (chủ yếu ảnh hưởng đến bản chất linh hồn của con người) và được trung giới đến thể xác của y qua ảnh hưởng nguyên nhân tổng quát.

43. This third type of vibration to which the Solar Logos responds relates to the cosmic mental plane, for that is where the logoic Higher Self is located.

43. Loại rung động thứ ba mà Thái dương Thượng đế đáp ứng liên hệ đến cõi trí vũ trụ, vì đó là nơi Bản Ngã Cao Siêu logoic tọa lạc.

44. So far, in discussing types of vibrations to which the Solar Logos responds in His etheric body, we have been ascending through the cosmic planes.

44. Cho đến nay, khi bàn về các loại rung động mà Thái dương Thượng đế đáp ứng trong thể dĩ thái của Ngài, chúng ta đã đi lên qua các cõi vũ trụ.

4. Vibrations from Sirius via the cosmic mental plane.

4. Các rung động từ Sirius qua cõi trí vũ trụ.

45. The Sirian vibration is largely cosmic mental. The causal body of the Solar Logos is focussed on the cosmic mental plane.

45. Rung động Sirian phần lớn là trí tuệ vũ trụ. Thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế được tập chú trên cõi trí vũ trụ.

46. DK seems to be saying that the Sirian influence reaches our solar system (the etheric-physical body of our Solar Logos) via the Egoic Lotus of the Solar Logos on the cosmic mental plane.

46. Chân sư DK dường như đang nói rằng ảnh hưởng Sirian đến hệ mặt trời của chúng ta (thể dĩ thái-hồng trần của Thái dương Thượng đế của chúng ta) qua Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế trên cõi trí vũ trụ.

47. The cosmic astral of the Sirian Logos cannot be overlooked.

47. Cõi cảm dục vũ trụ của Sirian Logos không thể bị bỏ qua.

48. This is the fourth type of vibration to which our Logos responds, but our ascent through the cosmic planes has stopped. The third type of vibration *also* related to the cosmic mental plane. If this fourth type of vibration is the same as a fourth order of vibration, then the third type/order and the

48. Đây là loại rung động thứ tư mà Thượng đế của chúng ta đáp ứng, nhưng sự đi lên của chúng ta qua các cõi vũ trụ đã dừng lại. Loại rung động thứ ba *cũng* liên hệ đến cõi trí vũ trụ. Nếu loại rung động thứ tư này cũng là cấp bậc rung động thứ tư, thì loại/cấp thứ ba và loại/cấp thứ tư *đều* liên hệ đến cùng một cõi vũ trụ.

fourth/type order *both* relate to the same cosmic plane.

5. Vibrations from the seven Rishis of the Great Bear, and primarily from those two Who are the Prototypes of the Lords of the seventh and fifth Rays. This is a most important point, and finds its microcosmic correspondence in the place which the seventh Ray has in the building of a thoughtform, and the use of the fifth Ray in the work of concretion.

5. Các rung động từ bảy Rishi của Đại Hùng Tinh, và chủ yếu từ hai Đấng là các Nguyên Mẫu của các Đấng Chúa Tể cung bảy và cung năm. Đây là một điểm vô cùng quan trọng, và tìm thấy sự tương ứng vi mô của nó trong vị trí mà cung bảy giữ trong việc xây dựng một hình tư tưởng, và việc sử dụng cung năm trong công việc làm cho cụ thể.

32. It would seem that *all* the energies of the Seven Rishis reach our Solar Logos, but the ones which have the most important influence on His etheric-physical vehicle are the energies of the fifth and seventh rays because these rays are most in line with the ethero-physicality of our Solar Logos.

32. Có vẻ như *mọi* năng lượng của Bảy Rishi đều đến với Thái dương Thượng đế của chúng ta, nhưng những năng lượng có ảnh hưởng quan trọng nhất lên vận cụ dĩ thái-hồng trần của Ngài là các năng lượng của cung năm và cung bảy vì các cung này phù hợp nhất với tính dĩ thái-hồng trần của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

33. The seventh ray is the most etheric and physical of the seven and is also the "builder"—in this case the builder of the logoic thoughtform we call the solar system. The fifth ray deals with that factor of organization which produces the relationship we call "concretion".

33. Cung bảy là cung dĩ thái và hồng trần nhất trong bảy cung và cũng là "đấng kiến tạo"—trong trường hợp này là đấng kiến tạo hình tư tưởng logoic mà chúng ta gọi là hệ mặt trời. Cung năm xử lý yếu tố tổ chức tạo ra mối liên hệ mà chúng ta gọi là "sự cụ thể hóa".

34. We have been alerted to the fact that the fifth and seventh rays often work closely with each other as do the representatives of these rays.

34. Chúng ta đã được báo trước về sự kiện rằng cung năm và cung bảy thường làm việc chặt chẽ với nhau, cũng như các đại diện của các cung này.

35. When we speak of the fifth and seventh rays we immediately think of the planet Uranus and its influence. We also think of Masters R. and H. and Their etheric-physical skill and effectiveness.

35. Khi nói đến cung năm và cung bảy, chúng ta lập tức nghĩ đến hành tinh Uranus và ảnh hưởng của nó. Chúng ta cũng nghĩ đến các Chân sư R. và H. cùng kỹ năng và hiệu quả dĩ thái-hồng trần của Các Ngài.

36. All the extra-systemic influences tabulated above, whether specifically etheric

36. Tất cả các ảnh hưởng ngoài hệ thống được liệt kê ở trên, dù đặc biệt là dĩ thái hay

or originating on higher planes, eventually reach the etheric level on which our Solar Logos functions.

phát sinh trên các cõi cao hơn, cuối cùng đều đến cấp độ dĩ thái nơi Thái dương Thượng đế của chúng ta hoạt động.

37. This fifth type of vibration may relate to the cosmic buddhic plane. In Chart V we notice that the Seven Rishis are portrayed upon the cosmic buddhic plane. However, there is reason to believe that they really belong on the cosmic atmic plane, in which case the fifth type of vibration would correspond to a fifth *order* or vibration.

37. Loại rung động thứ năm này có thể liên hệ đến cõi Bồ đề vũ trụ. Trong Biểu đồ V, chúng ta nhận thấy Bảy Rishi được mô tả trên cõi Bồ đề vũ trụ. Tuy nhiên, có lý do để tin rằng các Ngài thực sự thuộc về cõi atma vũ trụ, trong trường hợp đó loại rung động thứ năm sẽ tương ứng với cấp bậc rung động thứ năm.

38. We are looking to see whether there is a correspondence between: the seven types of vibrations here listed; seven orders of vibration; and seven cosmic planes. We shall not find such an easy fit.

38. Chúng ta đang tìm xem liệu có một sự tương ứng giữa: bảy loại rung động được liệt kê ở đây; bảy cấp bậc rung động; và bảy cõi vũ trụ hay không. Chúng ta sẽ không tìm thấy một sự khớp nối dễ dàng như thế.

All magicians who work with matter and who are occupied with form-building (either consciously or unconsciously) call in these two types of force or energy.

Mọi nhà huyền thuật làm việc với vật chất và bận tâm đến việc xây dựng hình tướng (dù hữu thức hay vô thức) đều gọi vào hai loại mãnh lực hay năng lượng này.

49. DK is telling us something important about energies which, in the future, will be necessary to engage in magical processes and produce magical results.

49. Chân sư DK đang nói với chúng ta điều gì đó quan trọng về các năng lượng mà trong tương lai sẽ cần thiết để tham gia vào các tiến trình huyền thuật và tạo ra các kết quả huyền thuật.

50. Magicians call in the energies and forces of the fifth and seventh rays.

50. Các nhà huyền thuật gọi vào các năng lượng và mãnh lực của cung năm và cung bảy.

6. Certain very remote vibrations, as yet no more appreciable in the logoic Body than is monadic influence in that of average man, from the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, that cosmic [Page 554] Existence Who is expressing Himself through seven centres of force, of which our solar system is one.

6. Một số rung động rất xa xôi, hiện vẫn chưa được cảm nhận rõ trong Thể của Thượng đế như ảnh hưởng chân thần trong thân thể của con người trung bình, phát ra từ ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, Đấng Hiện Hữu vũ trụ ấy được cảm nhận [Page 554] đang biểu lộ Chính Ngài qua bảy trung tâm mãnh lực, trong đó hệ mặt trời của chúng ta là một.

51. We are given some scale for greater understanding. The One About Whom Naught May Be Said is as remote from the consciousness of the Solar Logos as the Monad is from the consciousness of man. This, at least, gives a sense of proportion.

51. Chúng ta được cho một thước đo nào đó để thấu hiểu nhiều hơn. Đấng Bất Khả Tư Nghị xa đối với tâm thức của Thái dương Thượng đế cũng như chân thần xa đối với tâm thức của con người. Ít nhất, điều này đem lại Ý thức về tỉ lệ.

52. We gather from this that no human being (no matter how exalted his consciousness relatively) will be registering impressions from this Super-Constellational Logos.

52. Từ đây chúng ta rút ra rằng không một con người nào (dù tâm thức của y có cao siêu đến đâu về mặt tương đối) sẽ ghi nhận được các ấn tượng từ Thượng đế Siêu Chòm Sao này.

53. We have to question, however, what type of One About Whom Naught May Be Said is meant? There is a kind of One About Whom Naught May Be Said Who has solar systems for chakras. There is another and greater kind of One About Whom Naught May Be Said (the One, I think, most often referenced) Who has *constellations* for chakras.

53. Tuy nhiên, chúng ta phải đặt câu hỏi: loại Đấng Bất Khả Tư Nghị nào được hàm ý ở đây? Có một loại Đấng Bất Khả Tư Nghị lấy các hệ mặt trời làm các luân xa. Có một loại Đấng Bất Khả Tư Nghị khác và vĩ đại hơn (theo tôi nghĩ, là Đấng thường được nhắc đến nhất) lấy các *chòm sao* làm các luân xa.

54. We may remember that the term “solar system” can be a *generic blind*. It can refer simply to a normal solar system (which has one or two suns at its center—for most systems are actually binaries), OR it can refer to a *system of stars*—i.e., to a constellation. If the latter reference is meant, the “our solar system” is really the system of a Cosmic Logos (a great Being for Whom suns are chakras).

54. Chúng ta có thể nhớ rằng thuật ngữ “hệ mặt trời” có thể là một *màn che khái quát*. Nó có thể chỉ đơn giản một hệ mặt trời thông thường (có một hay hai mặt trời ở trung tâm —vì phần lớn các hệ thực ra là hệ đôi), HOẶC nó có thể chỉ một *hệ sao*—tức là, một chòm sao. Nếu cách quy chiếu sau được hàm ý, thì “hệ mặt trời của chúng ta” thực ra là hệ của một Thượng đế Vũ trụ (một Hữu Thể Vĩ Đại mà đối với Ngài, các mặt trời là các luân xa).

55. Whichever One About Whom Naught May Be Said is meant, we can understand that it is remote from the consciousness of our Solar Logos and incredibly remote from the consciousness of man.

55. Dù Đấng Bất Khả Tư Nghị nào được hàm ý, chúng ta vẫn có thể hiểu rằng Đấng ấy xa đối với tâm thức của Thái dương Thượng đế của chúng ta, và xa đến mức khó thể tưởng tượng đối với tâm thức con người.

56. Continuing our search for the possible correlation between types of vibration, orders of vibration and cosmic planes

56. Tiếp tục tìm kiếm mối tương quan khả hữu giữa các loại rung động, các cấp bậc rung động và các cõi vũ trụ tương ứng với số

correlated to the number of these types and orders, it is interesting to note that (one Chart V, TCF 344) that which we call a One About Whom Naught May Be Said, is hypothetically 'located' on the *sixth* cosmic plane—the cosmic monadic plane—so this category of vibration does, indeed, correlate with ascent through the cosmic planes.

lượng các loại và cấp bậc ấy, thật thú vị khi lưu ý rằng (trong một Biểu đồ V, TCF 344), điều mà chúng ta gọi là một Đấng Bất Khả Tư Nghị, theo giả thuyết, được "định vị" trên cõi vũ trụ *thứ sáu*—cõi chân thần vũ trụ—vì vậy loại rung động này quả thực có tương quan với sự thăng lên qua các cõi vũ trụ.

57. After this, however, the correlation breaks down when considering the seventh type of vibration to which the Solar Logos responds in His etheric body.

57. Tuy nhiên, sau điểm này, mối tương quan ấy không còn đứng vững khi xét đến loại rung động thứ bảy mà Thái dương Thượng đế đáp ứng trong thể dĩ thái của Ngài.

7. A series of vibrations which will become more potent as our Logos nears that period which is occultly called "Divine Maturity," **which emanate from that constellation in the Heavens which embodies His polar opposite.** This is a deep mystery and concerns the cosmic marriage of the Logos.

7. Một chuỗi rung động sẽ trở nên mạnh hơn khi Thượng đế của chúng ta tiến gần đến giai đoạn mà huyền bí học gọi là "Sự Trưởng Thành Thiêng Liêng", **phát ra từ chòm sao trên trời vốn là hiện thân của cực đối nghịch của Ngài.** Đây là một huyền nhiệm sâu xa và liên quan đến cuộc hôn phối vũ trụ của Thượng đế.

58. We are considering the solar system as a logoic thoughtform and we are considering the receptive capacity of that thoughtform.

58. Chúng ta đang xét hệ mặt trời như một Hình tư tưởng của Thượng đế và đang xét năng lực tiếp nhận của hình tư tưởng ấy.

59. The term "constellation" can also be blinded. It may not mean a group of stars, but is sometimes used to indicate only that which we call a solar system.

59. Thuật ngữ "chòm sao" cũng có thể được dùng như một màn che. Nó có thể không có nghĩa là một nhóm sao, mà đôi khi chỉ được dùng để chỉ điều mà chúng ta gọi là một hệ mặt trời.

60. We can imagine that the polar opposite of our Logos is also a Solar Logos. Is it the Logos of Sirius? Is the Logos of a star still closer than Sirius—namely Alpha Centauri?

60. Chúng ta có thể hình dung rằng cực đối nghịch của Thượng đế của chúng ta cũng là một Thái dương Thượng đế. Đó có phải là Thượng đế của Sirius chăng? Hay là Thượng đế của một ngôi sao còn gần hơn Sirius—tức Alpha Centauri?

61. It is that the there a "constellation in the Heavens which embodies His polar

61. Có nói rằng có một "chòm sao trên trời vốn là hiện thân của cực đối nghịch của

opposite". Does this mean that that constellation *contains* the Solar Logos Who is His polar opposite, or that the entire constellation is the embodiment of the Logos Who is the polar opposite of our Logos? Perhaps the latter. But it is not reasonably conceivable that an entire constellation should be the polar opposite of a single star. So we have an issue of proportion. If we wish to evade the difficulty, we must imagine that the word "constellation" is used in a blinded manner and indicates a solar system rather than a constellation of stars.

Ngài". Điều này có nghĩa là chòm sao ấy *chứa* Thái dương Thượng đế là cực đối nghịch của Ngài, hay toàn bộ chòm sao ấy là hiện thân của Thượng đế vốn là cực đối nghịch của Thượng đế chúng ta? Có lẽ là trường hợp sau. Nhưng khó có thể quan niệm hợp lý rằng toàn bộ một chòm sao lại là cực đối nghịch của một ngôi sao đơn lẻ. Vì vậy, ở đây có một vấn đề về tỉ lệ. Nếu muốn tránh khó khăn này, chúng ta phải hình dung rằng từ "chòm sao" được dùng theo lối che giấu và chỉ một hệ mặt trời hơn là một chòm sao.

62. Sometime the star Sirius (because it has a companion star and also, probably, a dark star called Sirius "C") may be called a constellation. But influences from Sirius have already been mentioned in this listing, so why mention them again?

62. Đôi khi sao Sirius (vì nó có một sao đồng hành và cũng có lẽ có một sao tối gọi là Sirius "C") có thể được gọi là một chòm sao. Nhưng các ảnh hưởng từ Sirius đã được nhắc đến trong bảng liệt kê này rồi, vậy tại sao lại nhắc lại nữa?

63. If our solar system is as a heart center, what is the polar opposite of a heart center? Is it a solar plexus center, in which case we might have to consider a star such as Fomalhaut (which some have assigned to the solar plexus center of the Seven Solar Systems of Which Ours is One).

63. Nếu hệ mặt trời của chúng ta giống như một trung tâm tim, thì cực đối nghịch của trung tâm tim là gì? Có phải là một trung tâm tùng thái dương không, trong trường hợp đó chúng ta có thể phải xét đến một ngôi sao như Fomalhaut (mà một số người đã gán cho trung tâm tùng thái dương của Bảy Hệ Mặt Trời mà hệ của chúng ta là một trong số đó).

64. Or is the opposite of the heart center the *head* center, in which case Sirius might be suitable.

64. Hay cực đối nghịch của trung tâm tim là trung tâm *đầu*, trong trường hợp đó Sirius có thể thích hợp.

65. Or if Sirius is not the head center of the seven systems, might the star Vega be? We are told that our solar system is moving in the direction of Vega.

65. Hoặc nếu Sirius không phải là trung tâm đầu của bảy hệ, thì có thể sao Vega là như vậy chăng? Chúng ta được cho biết rằng hệ mặt trời của chúng ta đang chuyển động theo hướng Vega.

66. It would seem that a star which was a solar plexus center or a head center would be

66. Có vẻ như một ngôi sao là trung tâm tùng thái dương hay trung tâm đầu sẽ thích

most suitable for a "marriage" with out Solar Logos, but there can be no certainty about how to assign relatively local stars to the chakric system of the Logos of the Seven Solar Systems.

hợp nhất cho một "cuộc hôn phối" với Thái dương Thượng đế của chúng ta, nhưng không thể có sự chắc chắn nào về cách gán các ngôi sao tương đối gần vào hệ thống luân xa của Thượng đế của Bảy Hệ Mặt Trời.

67. We can see why the Tibetan said this is a very deep mystery.

67. Chúng ta có thể thấy vì sao Chân sư Tây Tạng nói rằng đây là một huyền nhiệm rất sâu xa.

It will be apparent, therefore, how little can as yet be predicated anent the future of the solar system until the vibrations of the sixth and seventh order become more powerful, and their effects can consequently be studied more easily.

Do đó, hiển nhiên là hiện nay rất ít điều có thể được tiên đoán liên quan đến tương lai của hệ mặt trời cho đến khi các rung động của cấp thứ sáu và thứ bảy trở nên mạnh hơn, và vì thế các hiệu quả của chúng có thể được nghiên cứu dễ dàng hơn.

68. We are told that vibrations of the sixth and seventh order have to become more powerful, but more powerful *for whom*? For man? So that he can fathom these great mysteries?

68. Chúng ta được bảo rằng các rung động của cấp thứ sáu và thứ bảy phải trở nên mạnh hơn, nhưng mạnh hơn *đối với ai*? Đối với con người chăng? Để y có thể dò thấu những huyền nhiệm lớn lao này chăng?

69. Vibrations of the sixth and seventh order may refer to solar logoic spirillae and, thus, indicate the vibrations of the monadic and logoic planes—the sixth and seventh systemic planes, respectively.

69. Các rung động của cấp thứ sáu và thứ bảy có thể chỉ các loa tuyến của Thượng đế mặt trời và do đó chỉ các rung động của cõi chân thần và cõi thượng đế—tương ứng là cõi hệ thống thứ sáu và thứ bảy.

70. If the fourth or fifth cosmic initiations are taken by our Solar Logos in this our major second (or fifth) solar system, then the next solar system will concern the solar logoic Monad and will naturally involve the sixth and seventh planes—the plane which is presently the plane of the Monad and the plane which may be home to the 'disembodied Monad'—the 'liberated' Monad.

70. Nếu lần điểm đạo vũ trụ thứ tư hay thứ năm được Thái dương Thượng đế của chúng ta tiếp nhận trong hệ mặt trời lớn thứ hai (hay thứ năm) này của chúng ta, thì hệ mặt trời kế tiếp sẽ liên quan đến chân thần của Thượng đế mặt trời và tự nhiên sẽ bao hàm cõi thứ sáu và thứ bảy—cõi hiện nay là cõi của chân thần và cõi có thể là nơi cư ngụ của "chân thần không nhập thể"—chân thần "được giải thoát".

71. If we wish to expand the vision, we could say that vibrations of the sixth and seventh order pertain to the *cosmic* monadic

71. Nếu muốn mở rộng tầm nhìn, chúng ta có thể nói rằng các rung động của cấp thứ sáu và thứ bảy liên quan đến cõi chân thần

plane and the *cosmic* logoic, and would be reflected in the physical vehicle of the Solar Logos through the sixth and seventh systemic planes.

72. Our Solar Logos is a Logos of the "fourth order", so could the Tibetan be speaking of the reception of vibrations from stars of the sixth and seventh order which are related to our Logos?

73. However, the term "order" seems to be used differently in this context than when describing the status of our Logos.

74. In this context, types of vibrations seem to be *orders* of vibrations.

It is not possible here to do more than indicate the seven types of vibrations to which our solar Logos (functioning in a material body) will in due course of time consciously, and fully, respond. He responds to vibrations of the first, second, third and fourth order quite fully at this time,

75. This response pattern probably indicates the development of His spirillae. That He is an astral-buddhic Logos probably has something to do with the fact that he responds to four *orders* of vibration.

76. From a larger perspective, responses of the first, second, third and fourth orders would include cosmic buddhic responses.

77. Is it then possible that the seven types of *vibrations* to which our Solar Logos is either now responding or to which He will respond are, in fact, *orders* of vibrations. A close study of the seven sources indicates that something of this nature may be operative,

vũ trụ và cõi thượng đế *vũ trụ*, và sẽ được phản chiếu trong vận cụ hồng trần của Thái dương Thượng đế qua cõi hệ thống thứ sáu và thứ bảy.

72. Thái dương Thượng đế của chúng ta là một Thượng đế thuộc "cấp thứ tư", vậy có thể Chân sư Tây Tạng đang nói đến việc tiếp nhận các rung động từ những ngôi sao thuộc cấp thứ sáu và thứ bảy có liên hệ với Thượng đế của chúng ta chăng?

73. Tuy nhiên, thuật ngữ "cấp" dường như được dùng khác đi trong ngữ cảnh này so với khi mô tả địa vị của Thượng đế chúng ta.

74. Trong ngữ cảnh này, các loại rung động dường như là các *cấp* của rung động.

Ở đây không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ ra bảy loại rung động mà Thái dương Thượng đế của chúng ta (đang hoạt động trong một thể vật chất) theo thời gian sẽ đáp ứng một cách hữu thức và trọn vẹn. Hiện nay Ngài đáp ứng khá trọn vẹn với các rung động của cấp thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư,

75. Mô hình đáp ứng này có lẽ cho thấy sự phát triển các loa tuyến của Ngài. Việc Ngài là một Thượng đế cảm dục-Bồ đề có lẽ có liên hệ nào đó với sự kiện Ngài đáp ứng với bốn *cấp* rung động.

76. Từ một viễn tượng rộng lớn hơn, các đáp ứng của cấp thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư sẽ bao gồm các đáp ứng Bồ đề vũ trụ.

77. Vậy có thể chăng rằng bảy loại *rung động* mà Thái dương Thượng đế của chúng ta hiện đang đáp ứng hoặc sẽ đáp ứng thực ra là các *cấp* rung động. Một nghiên cứu kỹ bảy nguồn cho thấy điều gì đó thuộc loại này có thể đang vận hành, nhưng có một sự không

but there is an unevenness in the tabulation which seems to cause problems with this interpretation. For instance, the sixth type of vibration to which He responds is the incredibly elevated vibration of the One About Whom Naught May Be Said. The seventh type, however, is merely the vibration of His polar opposite.

đồng đều trong bảng liệt kê dường như gây khó khăn cho cách giải thích này. Chẳng hạn, loại rung động thứ sáu mà Ngài đáp ứng là rung động vô cùng cao siêu của Đấng Bất Khả Tư Nghị. Tuy nhiên, loại thứ bảy chỉ đơn thuần là rung động của cực đối nghịch của Ngài.

but as yet (though responding) cannot fully, and consciously, utilise these types of energy.

nhưng hiện nay (dù đang đáp ứng) Ngài vẫn chưa thể một cách trọn vẹn và hữu thức sử dụng các loại năng lượng này.

78. Response is not the same as utilization. If the orders simply related to the first four systemic planes, a very limited range of energies would be indicated and there would be no reason why the Solar Logos could not "utilise these types of energy".

78. Đáp ứng không đồng nghĩa với sử dụng. Nếu các cấp chỉ đơn giản liên hệ đến bốn cõi hệ thống đầu tiên, thì một phạm vi năng lượng rất hạn hẹp sẽ được chỉ ra và sẽ không có lý do gì khiến Thái dương Thượng đế không thể "sử dụng các loại năng lượng này".

79. So perhaps, it is best to think of the term "orders" as related to the vibrations of the various *cosmic* planes.

79. Vì vậy, có lẽ tốt nhất là nghĩ rằng thuật ngữ "cấp" liên hệ đến các rung động của các cõi *vũ trụ* khác nhau.

80. There might be other ways to count cosmic "orders" other than one order per cosmic plane. Perhaps the orders relate to *cosmic principles*, and therefore the first four orders *might* only concern the personality levels of Beings who express upon the cosmic planes.

80. Có thể có những cách khác để đếm các "cấp" vũ trụ ngoài cách một cấp cho mỗi cõi vũ trụ. Có lẽ các cấp liên hệ đến các *nguyên khí vũ trụ*, và do đó bốn cấp đầu tiên *có thể* chỉ liên quan đến các cấp độ phàm ngã của những Hữu thể biểu lộ trên các cõi vũ trụ.

81. We have explored the matter from several perspectives.

81. Chúng ta đã khảo sát vấn đề này từ nhiều góc độ.

The vibration of the fifth order is recognised by Him, particularly in three of His centres, but is not as yet fully under His control.

Rung động của cấp thứ năm được nhận biết bởi Ngài, đặc biệt trong ba trung tâm của Ngài, nhưng hiện chưa hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của Ngài.

82. It may be that the Logos of Sirius is of the fifth order, counting from below, because

82. Có thể Thượng đế của Sirius thuộc cấp thứ năm, tính từ dưới lên, bởi vì Sirius, như

Sirius, we are often told, is focussed on the cosmic mental plane. Also Sirius is involved with the wielding of the cosmic fifth principle.

chúng ta thường được cho biết, được tập trung trên cõi trí vũ trụ. Ngoài ra Sirius còn liên hệ đến việc vận dụng nguyên khí vũ trụ thứ năm.

83. We might question which three of His "centres" or planetary schemes respond to vibrations of the fifth order. Would it be the three synthesizing schemes? Or would a planet such as Venus which has so much of the fifth principle involve in its expression, be a likely candidate? If so, perhaps, Mercury would also be involved.

83. Chúng ta có thể đặt câu hỏi ba "trung tâm" hay ba hệ hành tinh nào của Ngài đáp ứng với các rung động của cấp thứ năm. Có phải là ba hệ tổng hợp chăng? Hay một hành tinh như Sao Kim, vốn có rất nhiều nguyên khí thứ năm tham dự vào sự biểu lộ của nó, sẽ là một ứng viên có khả năng? Nếu vậy, có lẽ Sao Thủy cũng sẽ liên quan.

84. We may infer but we cannot yet know.

84. Chúng ta có thể suy ra nhưng chưa thể biết.

85. In any case "the vibration of the fifth order" seems to correlate well with a Sirian vibration.

85. Dù sao đi nữa, "rung động của cấp thứ năm" dường như tương quan khá tốt với một rung động Sirian.

86. However, Sirius is definitely not located on the fifth cosmic plane counting from below, so if we decide to correlate Sirius with vibrations of the fifth order, we will have to abandon the idea of ascent through the cosmic planes as indicating "orders" of vibration.

86. Tuy nhiên, Sirius chắc chắn không nằm trên cõi vũ trụ thứ năm nếu tính từ dưới lên, vì thế nếu chúng ta quyết định tương quan Sirius với các rung động của cấp thứ năm, chúng ta sẽ phải từ bỏ ý niệm về sự thăng lên qua các cõi vũ trụ như là dấu hiệu của các "cấp" rung động.

87. On the other hand, it might be well to consider the vibrations relating to the Great Bear, and especially to two of the stars, as being of the fifth order. We have already discussed the possible relationship of the Great Bear to the fifth cosmic plane, the cosmic atmic plane.

87. Mặt khác, có lẽ nên xét các rung động liên hệ đến Đại Hùng Tinh, và đặc biệt đến hai ngôi sao trong đó, như thuộc cấp thứ năm. Chúng ta đã bàn về mối liên hệ khả hữu của Đại Hùng Tinh với cõi vũ trụ thứ năm, cõi atma vũ trụ.

88. Further Sirius is already mentioned in relation to the cosmic mental plane.

88. Hơn nữa Sirius đã được nhắc đến liên hệ với cõi trí vũ trụ.

89. Interestingly, the Pleiades as transmitters of cosmic buddhi, are not mentioned.

89. Điều thú vị là Pleiades, với tư cách là các đấng truyền dẫn Bồ đề vũ trụ, lại không được nhắc đến.

The other two are sensed, and felt, but so remotely as to be almost outside the range of His consciousness.

Hai loại còn lại được cảm nhận và cảm thấy, nhưng xa đến mức gần như nằm ngoài phạm vi tâm thức của Ngài.

90. We human beings are beginning to come in touch with influences of the lower fifth order through the Solar Angels and through the fifth kingdom. When it comes to finding rapport with members of the sixth and seventh kingdoms, it can be said of us that such vibrations are "almost outside the range of [our] consciousness".

90. Chúng ta, những con người, đang bắt đầu tiếp xúc với các ảnh hưởng của cấp thứ năm thấp hơn qua các Thái dương Thiên Thần và qua giới thứ năm. Khi nói đến việc tìm sự tương thông với các thành viên của giới thứ sáu và thứ bảy, có thể nói về chúng ta rằng các rung động ấy "gần như nằm ngoài phạm vi tâm thức [của chúng ta]".

91. Just as there are *systemic* kingdoms so there are *cosmic* kingdoms. Perhaps the orders we are here discussing represent a kind of ascent through *cosmic* kingdoms.

91. Cũng như có các giới *hệ thống* thì cũng có các giới *vũ trụ*. Có lẽ các cấp mà chúng ta đang bàn ở đây biểu thị một loại thăng tiến qua các giới *vũ trụ*.

92. The term "order" is definitely used in different ways. In the present context, vibrations of the second order are lower than vibrations of the fourth or fifth. But elsewhere in the book, Betelgeuse is said to be a Logos the "second order", and Sol (our Logos) a Logos of the fourth order. Betelgeuse is, obviously, a much greater Logos than Sol! So the lower the number or the order (in this way of using the term) the higher the Being.

92. Thuật ngữ "cấp" chắc chắn được dùng theo những cách khác nhau. Trong ngữ cảnh hiện tại, các rung động của cấp thứ hai thấp hơn các rung động của cấp thứ tư hay thứ năm. Nhưng ở nơi khác trong sách, Betelgeuse được nói là một Thượng đế thuộc "cấp thứ hai", còn Sol (Thượng đế của chúng ta) là một Thượng đế thuộc cấp thứ tư. Hiển nhiên Betelgeuse là một Thượng đế vĩ đại hơn Sol rất nhiều! Vì vậy, số hay cấp càng thấp (theo cách dùng thuật ngữ này) thì Hữu thể càng cao.

93. In the present context, the higher the order the higher the vibration.

93. Trong ngữ cảnh hiện tại, cấp càng cao thì rung động càng cao.

In carrying out these ideas in connection with man and the thought forms which he fabricates (such as his material sheaths),

Khi triển khai các ý tưởng này liên hệ với con người và các hình tư tưởng mà y tạo ra (chẳng hạn như các vỏ bọc vật chất của y),

94. Man *as a soul* or Ego fabricates his sheaths. In this context, sheaths are called thoughtforms.

94. Con người *như một linh hồn* hay chân ngã tạo ra các vỏ bọc của mình. Trong ngữ cảnh này, các vỏ bọc được gọi là các hình tư tưởng.

the correspondence can be worked out within the system, and from the point of view of the planetary schemes in which man has his place. **The work of man as he builds in mental thought matter and constructs forms extraneous to himself, we shall deal with later.**

sự tương ứng có thể được triển khai trong hệ thống, và từ quan điểm của các hệ hành tinh mà trong đó con người có vị trí của mình. **Công việc của con người khi y kiến tạo trong chất liệu tư tưởng trí tuệ và cấu tạo các hình tướng ở ngoài chính mình, chúng ta sẽ bàn đến sau.**

95. Thus far we are dealing with the fundamental forms of Creation—the vehicles of the Solar Logos, the Planetary Logos and man. We are not yet focussed on the construction of extraneous thoughtforms—the thoughtforms which are not vehicles for the principles of these B/beings.

95. Cho đến nay chúng ta đang bàn đến các hình tướng căn bản của Sáng Tạo—các vận cụ của Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và con người. Chúng ta chưa tập trung vào việc cấu tạo các hình tư tưởng ngoại tại—những hình tư tưởng không phải là vận cụ cho các nguyên khí của các H/hữu thể này.

The **methods whereby vibratory response is brought about** might be enumerated as follows:

Các **phương pháp nhờ đó sự đáp ứng rung động được tạo ra** có thể được liệt kê như sau:

[Page 555]

[Page 555]

Through the factor of time in evolution.

Qua yếu tố thời gian trong tiến hoá.

96. Over time during the evolutionary process, responsiveness increases. Vehicles are refined over time.

96. Theo thời gian trong tiến trình tiến hoá, tính đáp ứng gia tăng. Các vận cụ được tinh luyện theo thời gian.

Through extra-systemic stimulation and intensive training, whether for a Logos or a man.

Qua sự kích thích ngoài hệ thống và sự huấn luyện chuyên sâu, dù là đối với một Thượng đế hay một con người.

97. The impacts of vibrations from without any system, and training in the manner of reception, will bring about increasing response to vibration.

97. Các tác động của những rung động từ bên ngoài bất kỳ hệ thống nào, và sự huấn luyện về cách tiếp nhận, sẽ tạo ra sự đáp ứng ngày càng tăng đối với rung động.

Through the process of Initiation, and the application of the Rods of Initiation.

Qua tiến trình Điểm đạo, và việc áp dụng các Thần Trượng Điểm đạo.

98. The application of the rod is intended to increase sensitivity and response capacity. Heightened vibration leads to heightened response-ability. The Rod of Initiation definitely heightens vibration.

98. Việc áp dụng thần trượng nhằm gia tăng tính nhạy cảm và năng lực đáp ứng. Rung động được nâng cao dẫn đến khả năng đáp ứng được nâng cao. Thần Trượng Điểm đạo chắc chắn nâng cao rung động.

99. We have listed four means of enhancing vibratory response:

99. Chúng ta đã liệt kê bốn phương tiện để tăng cường sự đáp ứng rung động:

a. The factor of time

a. Yếu tố thời gian

b. Extra-systemic stimulation, including:

b. Sự kích thích ngoài hệ thống, bao gồm:

i. Group stimulation (listed below)

i. Sự kích thích nhóm (liệt kê bên dưới)

ii. Stimulation from a more advanced "Kingdom in Nature" (listed below)

ii. Sự kích thích từ một "Giới trong Thiên Nhiên" tiến hoá hơn (liệt kê bên dưới)

c. Intensive training

c. Sự huấn luyện chuyên sâu

d. The process of initiation and, with it, the application of the Rod of Initiation.

d. Tiến trình điểm đạo và cùng với nó là việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo.

The factor of evolution is recognised and studied by many schools of thought, esoteric or exoteric.

Yếu tố tiến hoá được nhận biết và nghiên cứu bởi nhiều trường phái tư tưởng, huyền bí hay ngoại môn.

100. The key thought is that the processes of evolution promote sensitization and, thus, response to vibration.

100. Tư tưởng chủ chốt là các tiến trình tiến hoá thúc đẩy sự nhạy cảm hóa và do đó thúc đẩy sự đáp ứng với rung động.

The extra-systemic stimulation involves a large number of factors, but the main two to be remembered are that this stimulation will be applied:

Sự kích thích ngoài hệ thống bao hàm một số lượng lớn các yếu tố, nhưng hai yếu tố chính cần ghi nhớ là sự kích thích này sẽ được áp dụng:

Through the group to the unit.

Qua nhóm đến đơn vị.

Through a more evolved "Kingdom of Nature" to a less evolved.

Qua một “Giới trong Thiên Nhiên” tiến hoá hơn đến một giới kém tiến hoá hơn.

101. The group in which a unit finds itself can be considered a source of stimulation. The Ashram is an example of such a group. It stimulates those who form part of it. The group of Solar Logoi to which our Solar Logos belongs will also be such a group—though on a cosmic level.

101. Nhóm mà trong đó một đơn vị thấy mình hiện diện có thể được xem là một nguồn kích thích. Ashram là một ví dụ về loại nhóm như vậy. Nó kích thích những ai tạo thành một phần của nó. Nhóm các Thái dương Thượng đế mà Thái dương Thượng đế của chúng ta thuộc về cũng sẽ là một nhóm như thế—dù ở cấp độ vũ trụ.

102. The influence of a superior “Kingdom of Nature” will, of course, promote sensitization and increasing responsiveness.

102. Ảnh hưởng của một “Giới trong Thiên Nhiên” cao hơn dĩ nhiên sẽ thúc đẩy sự nhạy cảm hóa và tính đáp ứng ngày càng tăng.

As regards the third factor of Initiation, it must be borne in mind that we are here considering only the great initiations, and not the numerous expansions of consciousness which can be traced through all kingdoms and all manifestations.

Về yếu tố thứ ba là Điểm đạo, cần ghi nhớ rằng ở đây chúng ta chỉ đang xét các cuộc điểm đạo lớn, chứ không phải vô số sự mở rộng tâm thức có thể được truy ra qua mọi giới và mọi biểu lộ.

103. Expansion of consciousness occurs continuously, but DK is speaking (as regards humanity) of the “great manasic initiations” administered by the Hierophant with Members of the Hierarchy in attendance.

103. Sự mở rộng tâm thức diễn ra liên tục, nhưng Chân sư DK đang nói (liên quan đến nhân loại) về các “cuộc điểm đạo manas lớn” do Đấng Điểm đạo chủ trì với các Thành viên của Thánh đoàn hiện diện.

In connection with what we have considered above, anent the primary function of a thought-form (the power to respond to vibration)

Liên hệ với điều chúng ta đã xét ở trên, về chức năng sơ yếu của một hình tư tưởng (quyền năng đáp ứng với rung động)

104. We note that DK has given a few functions of a thoughtform but considers as *primary* the thoughtform’s ability to respond to vibration.

104. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đã nêu ra một vài chức năng của hình tư tưởng nhưng xem là *sơ yếu* khả năng đáp ứng với rung động của hình tư tưởng.

I would emphasise the necessity of remembering that, and that it will then through a complex reflex action, bring about

Tôi muốn nhấn mạnh sự cần thiết phải ghi nhớ điều đó, và rằng khi ấy nó sẽ, qua một

response from the material sheath which veils it.

105. From one perspective a thoughtform is veiled by a material sheath and the response of that material sheath is brought about by means of the responsiveness of the thoughtform which the material sheath veils.

106. But another question arises: Is it the thoughtform, per se, which responds or the "inner embodied idea" which responds?

107. DK indicates that it is the "inner embodied idea that must respond". Man, himself, or any *being* is an "inner embodied idea".

108. The definition of an *idea* (and let us see to what extent it applied to man) is as follows:

"An idea is a being incorporeal, which has no subsistence by itself, but gives figure and form unto shapeless matter, and becomes the cause of the manifestation." (COA 55)

109. We are dealing with the interplay between three factors:

a. An inner embodied idea

b. A thoughtform which represents that inner embodied idea

c. A material sheath that veils the thoughtform

110. Perhaps we can say that man is an *idea* in the Mind of the Universal Logos.

tác động phản xạ phức tạp, tạo ra sự đáp ứng từ vỏ bọc vật chất che phủ nó.

105. Từ một góc nhìn, một hình tư tưởng được che phủ bởi một vỏ bọc vật chất, và sự đáp ứng của vỏ bọc vật chất ấy được tạo ra nhờ tính đáp ứng của hình tư tưởng mà vỏ bọc vật chất che phủ.

106. Nhưng một câu hỏi khác nảy sinh: có phải chính hình tư tưởng đáp ứng, hay "ý tưởng nội tại được hiện thân" đáp ứng?

107. Chân sư DK chỉ ra rằng chính "ý tưởng nội tại được hiện thân phải đáp ứng". Bản thân con người, hay bất kỳ *hữu thể* nào, đều là một "ý tưởng nội tại được hiện thân".

108. Định nghĩa về một *ý tưởng* (và hãy xem nó áp dụng cho con người đến mức nào) như sau:

"Một ý tưởng là một hữu thể vô hình thể, không tự mình có sự tồn tại, nhưng ban hình dáng và hình tướng cho vật chất vô tướng, và trở thành nguyên nhân của sự biểu lộ." (COA 55)

109. Chúng ta đang bàn đến sự tương tác giữa ba yếu tố:

a. Một ý tưởng nội tại được hiện thân

b. Một hình tư tưởng biểu hiện cho ý tưởng nội tại được hiện thân ấy

c. Một vỏ bọc vật chất che phủ hình tư tưởng

110. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng con người là một *ý tưởng* trong Trí của Thượng đế Vũ Trụ.

111. Ultimately, it is the *being* that responds, and ideas are really *beings.*

111. Rốt cuộc, chính *hữu thể* đáp ứng, và các ý tưởng thực sự là các *hữu thể.*

Vibration is the result of subjective impulse, and makes its appeal to the subjective consciousness through impact upon whatever may be understood as substance;

Rung động là kết quả của xung lực chủ quan, và hướng sự kêu gọi của nó đến tâm thức chủ quan qua sự tác động lên bất cứ điều gì có thể được hiểu là chất liệu;

112. The subjective consciousness becomes aware of the impact on substance, and through that impact comes en rapport with the original "subjective impulse" and the vibration resulting from it.

112. Tâm thức chủ quan trở nên nhận biết sự tác động lên chất liệu, và qua sự tác động ấy đi vào tương thông với "xung lực chủ quan" nguyên thủy và với rung động phát sinh từ đó.

113. In this respect, vibration is mediatory. Response to vibration in substance makes a subjective consciousness aware of another subjective consciousness which sent the vibration forth.

113. Về phương diện này, rung động có tính trung gian. Sự đáp ứng với rung động trong chất liệu làm cho một tâm thức chủ quan nhận biết một tâm thức chủ quan khác đã phát ra rung động ấy.

114. What form does "subjective impulse" take? Is it a vibratory form or not? Are all things that *are,* characterized by vibration or are some things that *are,* not derived from vibration?

114. "Xung lực chủ quan" mang hình thức gì? Nó có phải là một hình thức rung động hay không? Mọi sự vật *hiện hữu,* đều được đặc trưng bởi rung động chăng, hay có những sự vật *hiện hữu,* không phát sinh từ rung động?

this impact is transmitted direct to the inner life, and in due turn is retransmitted to substance in the form of recognition or realisation.

sự tác động này được truyền trực tiếp đến sự sống bên trong, và đến lượt mình lại được truyền trở lại vào chất liệu dưới hình thức của sự nhận biết hay (sự)chứng nghiệm.

115. The sequence under discussion seems to be as follows:

115. Trình tự đang được bàn đến dường như như sau:

a. Subjective impulse

a. Xung lực chủ quan

b. Vibration

c. Impact upon substance

d. Direct transmission from impacted substance to the recipient inner life

e. Re-transmission from the recipient inner life to substance. This re-transmission appears in the form of recognition of realization.

116. We are speaking of the modus operandi of transmission from subjective life to subjective life. One might wonder if there were a *direct* means of transmission between subjective consciousnesses—one that did not involve vibration and substance.

An analogous process may be studied in the nerve reactions of the physical frame, and their alliance with the brain consciousness.

117. In general we are dealing with the process of invocation and evocation.

118. There are centers of consciousness and agents of those centers which allow the centers to communicate with other centers.

As will be seen in the three worlds of man's emprise, man will work as a Creator and will follow a similar procedure. [Page 556] His thought forms will be constructed of mental matter, **chosen specifically because it vibrates to the same type of vibration as the Idea seeking embodiment**, and these forms will persist—as does the logoic thought form, the solar system—for just as

b. Rung động

c. Sự tác động lên chất liệu

d. Sự truyền trực tiếp từ chất liệu bị tác động đến sự sống bên trong của bên tiếp nhận

e. Sự truyền trở lại từ sự sống bên trong của bên tiếp nhận đến chất liệu. Sự truyền trở lại này xuất hiện dưới hình thức của sự nhận biết hay (sự)chứng nghiệm.

116. Chúng ta đang nói về phương thức vận hành của sự truyền từ sự sống chủ quan sang sự sống chủ quan. Người ta có thể tự hỏi liệu có một phương tiện truyền đạt *trực tiếp* nào giữa các tâm thức chủ quan—một phương tiện không liên quan đến rung động và chất liệu—hay không.

Một tiến trình tương tự có thể được nghiên cứu trong các phản ứng thần kinh của khung thể hồng trần, và sự liên kết của chúng với tâm thức bộ não.

117. Nói chung, chúng ta đang bàn đến tiến trình Khẩn Cầu và Gợi Lên.

118. Có những trung tâm tâm thức và những tác nhân của các trung tâm ấy cho phép các trung tâm giao tiếp với các trung tâm khác.

Như sẽ thấy trong ba cõi thấp thuộc phạm vi hoạt động của con người, con người sẽ hoạt động như một Đấng Sáng Tạo và sẽ theo một thủ tục tương tự. [Page 556] Các hình tư tưởng của y sẽ được cấu tạo bằng chất liệu trí tuệ, **được chọn riêng vì nó rung động theo cùng loại rung động với Ý tưởng đang tìm cách hiện thân**, và các hình tướng này sẽ tồn tại—cũng như Hình tư tưởng của Thượng

long as the factor of Will, or dynamic vitality, continues to hold it together.

119. A created thoughtform is sustained by *will.*

120. It seems that another definition of will is being offered—will as "dynamic vitality".

121. We are introduced to an important idea. Thought forms must be constructed of that type of mental matter which "vibrates to the same type of vibration as the Idea seeking embodiment".

122. If a high Idea is embodied in substance that is too low, the idea will not be fully or properly expressed.

123. Is it also possible to embody a 'low' idea in mental matter which is vibratorily higher than necessary? In polite discourse and diplomacy this seems to happen all the time.

124. Thus far we have considered thoughtforms as sheaths which are instruments by means of which an entity can respond to vibration (and transmit vibration).

This brings us to our next point:

b. To Provide a Body for an Idea. In this statement we have latent the basic principle of incarnation, and of activity, even of existence itself.

125. In other words, incarnation is the provision of a body for an idea.

đế, hệ mặt trời—chừng nào yếu tố Ý Chí, hay quyền năng thiết yếu năng động, còn tiếp tục giữ chúng lại với nhau.

119. Một hình tư tưởng được tạo ra được duy trì bởi *ý chí.*

120. Dường như ở đây một định nghĩa khác về ý chí đang được đưa ra—ý chí như "quyền năng thiết yếu năng động".

121. Chúng ta được giới thiệu một ý tưởng quan trọng. Các hình tư tưởng phải được cấu tạo bằng loại chất liệu trí tuệ "rung động theo cùng loại rung động với Ý tưởng đang tìm cách hiện thân".

122. Nếu một Ý tưởng cao được hiện thân trong chất liệu quá thấp, ý tưởng ấy sẽ không được biểu lộ đầy đủ hay đúng đắn.

123. Có thể chăng cũng hiện thân một ý tưởng "thấp" trong chất liệu trí tuệ có rung động cao hơn mức cần thiết? Trong diễn ngôn lịch sự và ngoại giao, điều này dường như xảy ra mọi lúc.

124. Cho đến nay chúng ta đã xét các hình tư tưởng như những vỏ bọc là các công cụ nhờ đó một thực thể có thể đáp ứng với rung động (và truyền rung động).

Điều này đưa chúng ta đến điểm kế tiếp:

b. Cung Cấp Một Thể cho Một Ý Tưởng. Trong phát biểu này tiềm ẩn nguyên lý căn bản của sự nhập thể, của hoạt động, và thậm chí của chính sự hiện hữu.

125. Nói cách khác, nhập thể là việc cung cấp một thể cho một ý tưởng.

126. The entirety of Creation is naught but a hierarchy of embodied ideas within a great Embodied Idea. The Universal Logos (the God of the entire Universe) is an Idea borne of the FOUNT OF ALL IDEATION.

126. Toàn thể Sáng Tạo không là gì khác ngoài một huyền giai các ý tưởng được hiện thân bên trong một Ý Tưởng được Hiện Thân vĩ đại. Thượng đế Vũ Trụ (Thượng đế của toàn thể Vũ Trụ) là một Ý Tưởng được sinh ra từ NGUỒN MẠCH CỦA MỌI SỰ TƯỞNG NIỆM.

127. The One Universal Existence, which we are calling the Universal Logos, is the Ultimate Universal Idea seeking embodiment

127. Đấng Hiện Hữu Vũ Trụ Duy Nhất, mà chúng ta gọi là Thượng đế Vũ Trụ, là Ý Tưởng Vũ Trụ Tối Hậu đang tìm cách hiện thân

128. DK is saying that the statement that 'the purpose of incarnation is to provide a body for an idea' is, itself, an *idea.*

128. Chân sư DK đang nói rằng phát biểu cho rằng "mục đích của sự nhập thể là cung cấp một thể cho một ý tưởng" tự nó là một *ý tưởng.*

It involves the expansion of our idea to include the cosmic mental plane as we consider the Logos, and as the creative faculty of man is studied we are taken to the mental plane of the solar system.

Điều này bao hàm việc mở rộng ý tưởng của chúng ta để bao gồm cõi trí vũ trụ khi chúng ta xét đến Thượng đế, và khi năng lực sáng tạo của con người được nghiên cứu, chúng ta được đưa lên cõi trí của hệ mặt trời.

129. On the mental plane (whether cosmic or systemic) we find the first embodiments of ideas.

129. Trên cõi trí (dù là vũ trụ hay hệ thống), chúng ta tìm thấy những sự thể hiện đầu tiên của các ý tưởng.

One fundamental thought must here be given and. pondered upon: *This creative impulse, this tendency towards the concretion of the abstract, this inherent ability to "take form" has its fullest expression as yet in physical matter. The "raison d'être" is that—for man—all substances with which he creates, all forms which he builds, and all processes of concretion which he carries on, are created, built and carried on within the physical body of the Logos.*

Ở đây phải nêu ra và suy ngẫm về một tư tưởng nền tảng: *Xung lực sáng tạo này, khuynh hướng hướng tới sự kết tinh của cái trừu tượng này, khả năng cố hữu này để "mang lấy hình tướng", cho đến nay có sự biểu lộ đầy đủ nhất của nó trong vật chất hồng trần. "Raison d'être" là ở chỗ—đối với con người—mọi chất liệu mà y sáng tạo bằng đó, mọi hình tướng mà y xây dựng, và mọi tiến trình kết tinh mà y tiến hành, đều được sáng tạo, xây dựng và tiến hành bên trong thể xác của Thượng đế.*

130. We have a fundamental statement. Eventually, in other types of matter, there

130. Chúng ta có một phát biểu nền tảng. Rốt cuộc, trong những loại vật chất khác, sẽ

will be a full expression of the tendency towards the concretion of the abstract. Thus far, and at this time, the fullest expression of this tendency occurs within physical matter. For the Solar Logos, physical matter is found on the cosmic physical plane—our seven systemic planes within which proceeds all spiritual evolution possible for man at this time

có một sự biểu lộ đầy đủ của khuynh hướng hướng tới sự kết tinh của cái trừu tượng. Cho đến nay, và vào lúc này, sự biểu lộ đầy đủ nhất của khuynh hướng này xảy ra trong vật chất hồng trần. Đối với Thái dương Thượng đế, vật chất hồng trần được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ—bảy cõi hệ thống của chúng ta, bên trong đó diễn ra mọi tiến hoá tinh thần có thể có đối với con người vào lúc này

131. DK continually emphasizes the fact that all the creating, building and concretizing which man performs takes place upon the cosmic physical plane. This ever preserves for us a sense of proportion.

131. Chân sư DK liên tục nhấn mạnh sự kiện rằng mọi việc sáng tạo, xây dựng và kết tinh mà con người thực hiện đều diễn ra trên cõi hồng trần vũ trụ. Điều này luôn giữ cho chúng ta một Ý thức về tỉ lệ.

Herein can be found the reason for the emphasis laid in nature on the sex aspect, and on that of physical reproduction; it can be seen in all the kingdoms of nature, with the exception of the first and fifth. This is a most significant point and the exceptions should be studied in their widest connotation, for they contain the basic mystery of sex on the involutionary path, and on the evolutionary. In them we have the two extremes.

Chính trong đây có thể tìm thấy lý do cho sự nhấn mạnh được đặt trong bản chất lên phương diện tính dục, và lên phương diện sinh sản hồng trần; điều đó có thể được thấy trong mọi giới trong bản chất, ngoại trừ giới thứ nhất và giới thứ năm. Đây là một điểm hết sức quan trọng, và các ngoại lệ ấy cần được nghiên cứu theo ý nghĩa rộng nhất của chúng, vì chúng chứa đựng huyền nhiệm căn bản của tính dục trên con đường giáng hạ tiến hoá cũng như trên con đường thăng thượng tiến hoá. Trong chúng ta có hai cực điểm.

132. By the first kingdom, DK means presumably, the mineral kingdom.

132. Bởi giới thứ nhất, Chân sư DK hẳn là muốn nói đến giới kim thạch.

133. When He speaks of the "kingdoms in nature", does He include the sixth and seventh? It would hard to conceive that sex and physical reproduction do not occur in the fifth kingdom, but *do* occur in kingdoms above that kingdom. Perhaps, when discussing man, DK considers the Fifth Kingdom—the Kingdom of Souls—to be the limit of that which can concern man as man.

133. Khi Ngài nói về "các giới trong bản chất", liệu Ngài có bao gồm giới thứ sáu và thứ bảy không? Thật khó hình dung rằng tính dục và sinh sản hồng trần lại không xảy ra trong giới thứ năm, nhưng *quả thật* lại xảy ra trong các giới cao hơn giới đó. Có lẽ, khi bàn đến con người, Chân sư DK xem giới thứ năm—Thiên Giới của các linh hồn—là giới hạn của điều có thể liên quan đến con người với tư cách là con người.

134. As man enters the fifth kingdom, the Kingdom of Souls, there is a tendency towards a spiritual hermaphroditism which eventually transforms the six-pointed star into the five-pointed star, thus eliminating the factor of physical plane sex.

134. Khi con người bước vào giới thứ năm, Thiên Giới của các linh hồn, có một khuynh hướng hướng tới tính lưỡng tính tinh thần, rốt cuộc chuyển đổi ngôi sao sáu cánh thành ngôi sao năm cánh, nhờ đó loại bỏ yếu tố tính dục trên cõi hồng trần.

135. We are told in the *Secret Doctrine* that Narada, the great Exponent of the fifth kingdom, counseled human beings against reproduction of their own kind and, instead, sought to make of them continent yogis.

135. Chúng ta được bảo trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng Narada, Đấng Đại Biểu của giới thứ năm, đã khuyên con người không sinh sản đồng loại của mình, và thay vào đó tìm cách làm cho họ trở thành những yogi tiết dục.

It will have been noted that as the idea that the solar system is the physical vehicle of the Logos and His body of manifestation is grasped, many problems become elucidated, and two points especially will gradually be apprehended by the student, if he meditates and studies:

Cần lưu ý rằng khi ý tưởng cho rằng hệ mặt trời là vận cụ hồng trần của Thượng đế và là thể biểu hiện của Ngài được nắm bắt, nhiều vấn đề trở nên sáng tỏ, và đặc biệt có hai điểm sẽ dần dần được đạo sinh lĩnh hội, nếu y tham thiền và nghiên cứu:

136. Again, it is necessary to emphasize that, when speaking of the physical body of the Logos, we are speaking of the etheric-physical vehicle of the Logos—both the ethers and the dense aspects are included.

136. Một lần nữa, cần nhấn mạnh rằng, khi nói về thể xác của Thượng đế, chúng ta đang nói về vận cụ dĩ thái-hồng trần của Thượng đế—cả các dĩ thái lẫn các phương diện đậm đặc đều được bao gồm.

First. That in due course of time, as the Logos [Page 557] achieves liberation from the trammels of physical matter, the whole objective system will come to be regarded as

Thứ nhất. Rằng đến đúng thời điểm, khi Thượng đế [Page 557] đạt được sự giải thoát khỏi những ràng buộc của vật chất hồng trần, toàn bộ hệ thống khách quan sẽ được

an idea or concept, clothed in a veil or sheath of subtler matter than the physical, and the logoic body will be viewed as the product of will and desire, **and physical matter in any of its grades will not enter into its composition;** it will simply be a desire body. This will bring about a condition of affairs inconceivable to us, and only to be somewhat apprehended by the man who can function upon the systemic buddhic plane the fourth cosmic ether.

xem như một ý tưởng hay khái niệm, được khoác trong một bức màn hay một vỏ bọc bằng chất liệu vi tế hơn vật chất hồng trần, và thân thể của Thượng đế sẽ được nhìn như sản phẩm của ý chí và dục vọng, **và vật chất hồng trần trong bất kỳ cấp độ nào của nó sẽ không đi vào thành phần cấu tạo của thể ấy;** nó đơn giản sẽ chỉ là một thể dục vọng. Điều này sẽ mang lại một tình trạng không thể quan niệm nổi đối với chúng ta, và chỉ có thể được phần nào lĩnh hội bởi người có thể hoạt động trên cõi Bồ đề hệ thống, tức dĩ thái vũ trụ thứ tư.

137. DK prophesies.

137. Chân sư DK đang tiên tri.

138. Our Solar Logos intends (or is intended) to take at least the fourth cosmic initiation in this particular solar system and perhaps the fifth. A mode of living far more *etheric* than the one He pursues at present will supervene. Even that which is etheric will appear as dense and unnecessary.

138. Thái dương Thượng đế của chúng ta dự định (hoặc được định cho) sẽ nhận ít nhất lần điểm đạo vũ trụ thứ tư trong hệ mặt trời đặc biệt này và có lẽ là lần thứ năm. Một phương thức sống còn *dĩ thái* hơn rất nhiều so với phương thức mà Ngài hiện đang theo đuổi sẽ xuất hiện. Ngay cả điều vốn là dĩ thái cũng sẽ có vẻ đậm đặc và không cần thiết.

139. When we look at a physical form and see, instead of a form, an embodied idea, we shall have some idea of the concept DK is trying to convey.

139. Khi chúng ta nhìn vào một hình tướng hồng trần và thấy, thay vì một hình tướng, một ý tưởng được thể hiện, chúng ta sẽ có phần nào ý niệm về khái niệm mà Chân sư DK đang cố truyền đạt.

140. It is easy to see how the logoic body can come to be viewed as a "product of will and desire", but what do we mean by "physical matter in any of its grades will not enter into its composition"? Do we mean physical matter as the Solar Logos conceives it—i.e., matter of the lowest twenty one systemic sub-planes? Or do we mean dense physical matter (solid, liquid and gas) *systemically* considered? Or, when speaking of solid, liquid and gas, will we also add systemic etheric matter to those vibratory

140. Thật dễ thấy làm sao thân thể của Thượng đế có thể được xem như một "sản phẩm của ý chí và dục vọng", nhưng chúng ta muốn nói gì bởi câu "vật chất hồng trần trong bất kỳ cấp độ nào của nó sẽ không đi vào thành phần cấu tạo của thể ấy"? Chúng ta có muốn nói vật chất hồng trần như Thái dương Thượng đế quan niệm nó—tức vật chất của hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp nhất không? Hay chúng ta muốn nói vật chất hồng trần đậm đặc (rắn, lỏng và khí) được xét một cách *hệ thống*? Hoặc, khi nói đến rắn, lỏng và khí, liệu chúng ta cũng sẽ

dimensions which will not enter into the composition of the logoic body.

thêm vật chất dĩ thái hệ thống vào những chiều kích rung động sẽ không đi vào thành phần cấu tạo của thể Thượng đế chăng.

141. We can easily see how any type of physical vehicle (whether dense of etheric) can be considered a 'desire-form'—i.e., that which has been created as a result of the magnetic power of desire.

141. Chúng ta có thể dễ dàng thấy làm sao bất kỳ loại vận cụ hồng trần nào (dù đậm đặc hay dĩ thái) cũng có thể được xem là một "hình tướng dục vọng"—tức điều đã được tạo ra như kết quả của quyền năng từ tính của dục vọng.

142. If such a state of affairs can only be somewhat apprehended by a man who can function on the buddhic plane (i.e., an Arhat or Master or still higher Initiate), then it may be that no matter of the lower twenty-one systemic sub-planes will go to the composition of the logoic body, because the buddhic plane is within the cosmic etheric vehicle of the Solar Logos and 'above' His dense physical vehicle, *cosmically* considered.

142. Nếu một tình trạng như thế chỉ có thể được phần nào lĩnh hội bởi một người có thể hoạt động trên cõi Bồ đề (tức một A La Hán hay Chân sư hay Điểm đạo đồ còn cao hơn nữa), thì có thể là không có vật chất nào của hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp hơn sẽ đi vào thành phần cấu tạo của thể Thượng đế, bởi vì cõi Bồ đề nằm trong vận cụ dĩ thái vũ trụ của Thái dương Thượng đế và ở "trên" vận cụ hồng trần đậm đặc của Ngài, khi được xét một cách *vũ trụ*.

143. A fourth degree initiate does not need physical or etheric matter for expression. He need no longer take physical incarnation. When his principles are enumerated, the etheric body and prana are dropped from the enumeration and the desire body is the lowest vehicle enumerated.

143. Một điểm đạo đồ cấp bốn không cần vật chất hồng trần hay dĩ thái để biểu hiện. Ngài không còn cần phải nhập thể hồng trần nữa. Khi các nguyên khí của Ngài được liệt kê, thể dĩ thái và prana bị loại khỏi sự liệt kê và thể dục vọng là vận cụ thấp nhất được kể đến.

144. Will this be so for the Solar Logos when He takes His fourth cosmic initiation? Will the entire cosmic physical plane no longer be a necessity, because it is no longer necessary for him to take cosmic physical incarnation?

144. Điều này có đúng với Thái dương Thượng đế khi Ngài nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ tư của Ngài không? Liệu toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ sẽ không còn là một điều cần thiết nữa, bởi vì Ngài không còn cần phải nhập thể hồng trần vũ trụ nữa chăng?

145. Let us tabulate the various possibilities:

145. Chúng ta hãy lập bảng các khả năng khác nhau:

a. Our Solar Logos takes His fourth cosmic initiation and drops all connection with the

a. Thái dương Thượng đế của chúng ta nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ tư của Ngài và cắt bỏ

lower three systemic planes (from His perspective the truly *dense* physical levels), but does retain His cosmic etheric expression.

b. Our Solar Logos takes His fourth cosmic initiation and drops even His cosmic etheric body—his cosmic astral body now being His lowest sheath.

c. One could be tempted analogically to say that once the cosmic fourth initiation was taken, there would be no need for the Logos to have even a cosmic astral body or a cosmic lower mental body, but when plans for the next solar system are discussed (and in that system our Logos will already be a cosmic Initiate of the fourth degree) the systemic mental and monadic planes are definitely involved, hence we must question which vehicles the Solar Logos sheds at His fourth cosmic initiation.

d. That which the Solar Logos drops in one solar system as He passes through increasing phases of obscuration, He may again generate in a future system. The question is, "Will the next solar system be in the nature of a cosmic Mayavirupa", or, given the capability of the Solar Logos to create "Mind-born Sons", are *all* His solar systems "Mind-born" and not at all the result of 'cosmic generation' (involving the 'sexual union') of the kind through which humanity passes?

Bear in mind here that our astral plane is but the sixth subplane of the cosmic physical plane and that this provides us with no real grounds from which to reason concerning the cosmic astral plane.

mọi liên hệ với ba cõi hệ thống thấp hơn (theo quan điểm của Ngài, đó là các cấp độ hồng trần thật sự *đậm đặc*), nhưng vẫn giữ sự biểu hiện dĩ thái vũ trụ của Ngài.

b. Thái dương Thượng đế của chúng ta nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ tư của Ngài và từ bỏ ngay cả thể dĩ thái vũ trụ của Ngài—thể cảm dục vũ trụ của Ngài lúc này trở thành vỏ bọc thấp nhất của Ngài.

c. Người ta có thể bị cám dỗ, theo định luật tương đồng, để nói rằng một khi lần điểm đạo vũ trụ thứ tư đã được nhận, sẽ không cần để Thượng đế có ngay cả một thể cảm dục vũ trụ hay một thể hạ trí vũ trụ, nhưng khi các kế hoạch cho hệ mặt trời kế tiếp được bàn đến (và trong hệ đó Thượng đế của chúng ta đã là một Điểm đạo đồ vũ trụ cấp bốn), các cõi trí và chân thần hệ thống chắc chắn có liên quan, do đó chúng ta phải đặt câu hỏi Thái dương Thượng đế từ bỏ những vận cụ nào ở lần điểm đạo vũ trụ thứ tư của Ngài.

d. Điều mà Thái dương Thượng đế từ bỏ trong một hệ mặt trời khi Ngài đi qua các giai đoạn lu mờ gia tăng, Ngài có thể lại phát sinh trong một hệ tương lai. Câu hỏi là, "Liệu hệ mặt trời kế tiếp có mang bản chất của một Mayavirupa vũ trụ không", hay, xét đến khả năng của Thái dương Thượng đế trong việc tạo ra các "Con sinh bởi Trí Tuệ", phải chăng *mọi* hệ mặt trời của Ngài đều là "sinh bởi Trí Tuệ" và hoàn toàn không phải là kết quả của "sự sinh thành vũ trụ" (bao hàm "sự kết hợp tính dục") thuộc loại mà nhân loại trải qua?

Hãy ghi nhớ ở đây rằng cõi cảm dục của chúng ta chỉ là cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ và điều này không cung cấp cho chúng ta nền tảng thực sự nào để suy luận về cõi cảm dục vũ trụ.

146. The vibratory 'distance' is too great and conditions on our systemic reflection of the cosmic astral plane too different.

146. "Khoảng cách" rung động quá lớn và các điều kiện trên sự phản chiếu hệ thống của chúng ta về cõi cảm dục vũ trụ quá khác biệt.

Only when the astral plane is a calm receiver of buddhic impulse, or a liquid reflector of that plane (**which will not be till the close of the mahamanvantara**) shall we be able to formulate any ideas anent the cosmic astral plane.

Chỉ khi cõi cảm dục là một bộ tiếp nhận bình lặng của xung lực Bồ đề, hay một tấm phản chiếu lưu chất của cõi ấy (**điều này sẽ không xảy ra cho đến lúc kết thúc Đại giai kỳ sinh hóa**) thì chúng ta mới có thể hình thành bất kỳ ý tưởng nào liên quan đến cõi cảm dục vũ trụ.

147. We can gather that the cosmic astral plane is far more 'buddhic' in its nature than anything we usually call "astral".

147. Chúng ta có thể suy ra rằng cõi cảm dục vũ trụ có bản chất "Bồ đề" hơn rất nhiều so với bất cứ điều gì chúng ta thường gọi là "cảm dục".

148. We also need to know what DK means by "the mahamanvantara". He *could* mean an occult century, one hundred years of Brahma, or he could mean a shorter period. These terms are flexible and are frequently applied to longer or shorter cycles.

148. Chúng ta cũng cần biết Chân sư DK muốn nói gì bởi "Đại giai kỳ sinh hóa". Ngài *có thể* muốn nói một thế kỷ huyền bí, một trăm năm của Brahma, hoặc Ngài có thể muốn nói một thời kỳ ngắn hơn. Những thuật ngữ này linh hoạt và thường được áp dụng cho những chu kỳ dài hơn hay ngắn hơn.

149. Can we say that an initiate of the second degree is capable of rendering His astral vehicle "a calm receiver of buddhic impulse, or a liquid reflector of that plane"? Perhaps not, because our Solar Logos has already taken His *second cosmic* initiation and apparently systemic astral conditions in our solar system are not such that we can "formulate any ideas anent the cosmic astral plane".

149. Chúng ta có thể nói rằng một điểm đạo đồ cấp hai có khả năng làm cho vận cụ cảm dục của Ngài trở thành "một bộ tiếp nhận bình lặng của xung lực Bồ đề, hay một tấm phản chiếu lưu chất của cõi ấy" không? Có lẽ không, bởi vì Thái dương Thượng đế của chúng ta đã nhận lần điểm đạo vũ trụ *thứ hai* và dường như các điều kiện cảm dục hệ thống trong hệ mặt trời của chúng ta không đến mức để chúng ta có thể "hình thành bất kỳ ý tưởng nào liên quan đến cõi cảm dục vũ trụ".

150. Out Solar Logos is to take either the fourth or fifth cosmic initiation in this solar system (depending upon which reference

150. Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ nhận hoặc lần điểm đạo vũ trụ thứ tư hoặc thứ năm trong hệ mặt trời này (tùy theo tài

one consults). We might say that at the fourth initiation the astral body (to the extent that it or any of the lower vehicles exist once the fourth initiation has been taken) can, indeed, become a calm receiver and reflector of buddhic energy. As for the astral body of a Master, what is it? It may exist if the fourth and fifth initiations are taken in the same 'incarnation' (as is sometimes the case) but it may, as well, be a *will-created* astral body (part of a Mayavirupa). In such a case, it *certainly* could be considered a calm receiver and reflector.

liệu nào được tham khảo). Chúng ta có thể nói rằng ở lần điểm đạo thứ tư, thể cảm dục (trong chừng mực nó hay bất kỳ vận cụ thấp nào còn tồn tại một khi lần điểm đạo thứ tư đã được nhận) quả thật có thể trở thành một bộ tiếp nhận bình lặng và một tấm phản chiếu của năng lượng Bồ đề. Còn về thể cảm dục của một Chân sư, nó là gì? Nó có thể tồn tại nếu lần điểm đạo thứ tư và thứ năm được nhận trong cùng một "nhập thể" (như đôi khi vẫn xảy ra) nhưng nó cũng có thể là một thể cảm dục *do ý chí tạo ra* (một phần của Mayavirupa). Trong trường hợp như vậy, nó *chắc chắn* có thể được xem là một bộ tiếp nhận và phản chiếu bình lặng.

151. DK seems to be pointing ahead to a time (perhaps at the close of this occult century) when the Solar Logos has taken the fourth and/or fifth cosmic initiation and when (as a result) the astral plane of our solar system will be entirely reconditioned.

151. Chân sư DK dường như đang chỉ về phía trước đến một thời điểm (có lẽ vào cuối thế kỷ huyền bí này) khi Thái dương Thượng đế đã nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ tư và/hoặc thứ năm và khi (như một kết quả) cõi cảm dục của hệ mặt trời chúng ta sẽ được tái định hình hoàn toàn.

Second. That **the entire sex aspect of manifestation**, as we understand it in the different kingdoms of nature, is an expression of the energy of the Logos, as it flows through and stimulates that centre in His body which corresponds to the generative organs.

Thứ hai. Rằng **toàn bộ phương diện tính dục của sự biểu hiện**, như chúng ta hiểu nó trong các giới khác nhau của bản chất, là một biểu hiện của năng lượng của Thượng đế, khi nó tuôn chảy qua và kích thích trung tâm ấy trong thân thể của Ngài, trung tâm tương ứng với các cơ quan sinh dục.

152. This will naturally be His sacral center. It has been speculated that the planetary scheme of Mars is strongly correlated with the solar logoic sacral center.

152. Điều này dĩ nhiên sẽ là trung tâm xương cùng của Ngài. Người ta đã suy đoán rằng hệ hành tinh Sao Hỏa có tương quan mạnh với trung tâm xương cùng thái dương thượng đế.

153. We come to understand that that which we call the sex aspect does not originate with those life-forms through which it demonstrates. Rather it originates within the all-pervading Logos of the solar system Who is the Life of all such forms.

153. Chúng ta đi đến chỗ hiểu rằng điều mà chúng ta gọi là phương diện tính dục không phát sinh từ những hình tướng sự sống qua đó nó biểu lộ. Đúng hơn, nó phát sinh bên trong Thượng đế bao trùm khắp hệ mặt trời,

Đấng là Sự Sống của mọi hình tướng như thế.

154. Will there come a time when the planet Mars is absorbed into the planet Earth (prior to Earth's absorption into Saturn)? Will this (if it happens in this way) signal an end to sexual generation within our solar system?

154. Liệu sẽ đến một thời điểm khi hành tinh Sao Hỏa được hấp thu vào hành tinh Trái Đất (trước khi Trái Đất được hấp thu vào Sao Thổ) không? Liệu điều này (nếu nó xảy ra theo cách ấy) sẽ báo hiệu sự chấm dứt của sự sinh thành tính dục trong hệ mặt trời của chúng ta chăng?

All the creative functions of the vegetable, animal, and human family, viewing them as a whole, **are as yet purely physical, and based on lower desire**.

Mọi chức năng sáng tạo của giới thực vật, giới động vật và gia đình nhân loại, xét chúng như một toàn thể, **cho đến nay đều thuần túy là hồng trần, và dựa trên dục vọng thấp**.

155. DK appears to be speaking of lower *logoic* desire.

155. Chân sư DK dường như đang nói về dục vọng *thượng đế* thấp hơn.

The desire of the Logos for physical incarnation is as yet the dominant note.

Dục vọng của Thượng đế đối với sự nhập thể hồng trần cho đến nay vẫn là âm điệu chi phối.

156. Just as a man will repeatedly seek physical incarnation until the time approaches for his fourth initiation, so it is with the Logos, Who is only a cosmic initiate of the second degree.

156. Cũng như một con người sẽ lặp đi lặp lại việc tìm kiếm sự nhập thể hồng trần cho đến khi thời điểm cho lần điểm đạo thứ tư của y đến gần, thì với Thượng đế cũng vậy, Đấng mới chỉ là một điểm đạo đồ vũ trụ cấp hai.

157. If within the energy system of the Solar Logos, Mars is the planet of physical generation, it must at this time still be very powerful.

157. Nếu trong hệ thống năng lượng của Thái dương Thượng đế, Sao Hỏa là hành tinh của sự sinh thành hồng trần, thì vào lúc này nó hẳn vẫn còn rất mạnh.

158. If analogy holds good, however, an initiate of the second degree has completed, by far, the vast majority of his incarnations in the human kingdom. Is it also true, then, that the Logos has completed (in terms of time elapsed) the greater proportion of His developmental cycle scheduled for this solar

158. Tuy nhiên, nếu định luật tương đồng là đúng, một điểm đạo đồ cấp hai đã hoàn tất phần lớn tuyệt đại đa số các lần nhập thể của y trong giới nhân loại. Vậy có đúng không rằng Thượng đế cũng đã hoàn tất (xét theo thời gian đã trôi qua) phần lớn hơn của chu kỳ phát triển của Ngài được ấn định cho hệ

system? Perhaps yes, perhaps no—we will have to proceed carefully.

159. By analogy, it *could* seem to be necessary, and yet we are told that our Solar Logos is only about half way through His solar systemic process:

By a close scrutiny of chart V, it will be apparent wherein lies the problem of the Logos, and wherein lies the accuracy of the correspondence between Him and His reflection Man.

First. Both are in objective manifestation on the physical plane.

Second. Both are at their point of deepest involution. (TCF 282)

Fourth. Man has to bring down into conscious full control, the God within. Through that control he must dominate circumstance, make his environment his instrument and manipulate matter. On cosmic levels the Logos does likewise. **Both are far from achievement.** (TCF 282)

160. Of our Planetary Logos we are told the following and then the progress of the/a Solar Logos is likened to the progress of the Planetary Logos:

b. **He is midway through His career upon the cosmic Path of Initiation,** and consequently is to take the fourth Initiation in this chain. Well may this globe, therefore, be considered the globe of sorrow and of pain, for through it our planetary Logos is

mặt trời này? Có lẽ có, có lẽ không—chúng ta sẽ phải tiến hành cẩn trọng.

159. Theo định luật tương đồng, điều đó *có thể* dường như là cần thiết, thế nhưng chúng ta được bảo rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta mới chỉ đi được khoảng nửa chặng của tiến trình hệ mặt trời của Ngài:

Qua sự khảo sát kỹ biểu đồ V, sẽ rõ chính trong đâu có vấn đề của Thượng đế, và chính trong đâu có sự chính xác của sự tương ứng giữa Ngài và sự phản chiếu của Ngài là Con Người.

Thứ nhất. Cả hai đều đang ở trong biểu hiện khách quan trên cõi hồng trần.

Thứ hai. Cả hai đều đang ở điểm giáng hạ tiến hoá sâu nhất của mình. (TCF 282)

Thứ tư. Con người phải đưa Thượng đế bên trong xuống dưới sự kiểm soát đầy đủ có ý thức. Qua sự kiểm soát ấy, y phải chế ngự hoàn cảnh, biến môi trường của mình thành công cụ của mình và thao tác vật chất. Trên các cấp độ vũ trụ, Thượng đế cũng làm như vậy. **Cả hai đều còn xa mới đạt thành tựu.** (TCF 282)

160. Về Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, chúng ta được cho biết điều sau đây, và rồi sự tiến bộ của một/vị Thái dương Thượng đế được ví với sự tiến bộ của Đức Hành Tinh Thượng Đế:

b. **Ngài đang ở giữa sự nghiệp của Ngài trên Con Đường Điểm Đạo vũ trụ,** và do đó sẽ nhận lần Điểm đạo thứ tư trong dãy này. Vì vậy, bầu hành tinh này quả có thể được xem là bầu hành tinh của sầu khổ và đau đớn, vì qua nó Đức Hành Tinh Thượng Đế của

undergoing that which the mystic calls "the Crucifixion."

c. The cells in His body—those cells through which He feels, and senses, and experiences, —are, in this world period, rent by pain and suffering, for His is the consciousness at the centre of the Body, and theirs is the capacity to suffer, so that by means of them He may learn the meaning of systemic dispassion, be dissociated from all forms and material substance, and upon the cross of matter eventually find liberation and the freedom of the Spirit.

The same equally can be predicated of a solar Logos (TCF 384)

161. Did our Solar Logos enter this solar system as a cosmic Initiate of the second degree? Perhaps not, as it does not seem that the previous solar system (so mentally and personally based) would have given Him the opportunity to take this initiation. The contact with the solar logoic causal body may not have been sufficient. The contact with the cosmic Solar Angel (working on the cosmic mental plane) may also not have been sufficient.

162. Probably, the second initiation was to be taken in this solar system—and the third, fourth and perhaps the fifth. If we look at man's initiations, we shall find that the span from the first to second can be contrasted with a much shorter span between the second and fifth. This solar system seems to be given to the enactment of those initiations found in this second span.

chúng ta đang trải qua điều mà nhà thần bí gọi là "Sự Đóng Đinh."

c. Những tế bào trong thân thể của Ngài—những tế bào qua đó Ngài cảm nhận, tri giác và kinh nghiệm,—trong thời kỳ thế giới này, bị xé rách bởi đau đớn và khổ đau, vì của Ngài là tâm thức ở trung tâm của Thể, còn của chúng là khả năng chịu đau khổ, để nhờ chúng Ngài có thể học ý nghĩa của sự vô chấp hệ thống, được tách rời khỏi mọi hình tướng và chất liệu vật chất, và trên thập giá của vật chất cuối cùng tìm thấy sự giải thoát và tự do của tinh thần.

Điều tương tự cũng có thể được khẳng định ngang nhau về một Thái dương Thượng đế (TCF 384)

161. Có phải Thái dương Thượng đế của chúng ta đã bước vào hệ mặt trời này như một Điểm đạo đồ vũ trụ cấp hai không? Có lẽ không, vì dường như hệ mặt trời trước (mang nền tảng quá thiên về trí tuệ và phàm ngã) sẽ không cho Ngài cơ hội để nhận lần điểm đạo này. Sự tiếp xúc với thể nguyên nhân thái dương thượng đế có thể đã không đủ. Sự tiếp xúc với Thái dương Thiên Thần vũ trụ (hoạt động trên cõi trí vũ trụ) cũng có thể đã không đủ.

162. Có lẽ lần điểm đạo thứ hai là để được nhận trong hệ mặt trời này—và lần thứ ba, thứ tư và có lẽ cả thứ năm nữa. Nếu chúng ta nhìn vào các lần điểm đạo của con người, chúng ta sẽ thấy rằng khoảng cách từ lần thứ nhất đến lần thứ hai có thể được đối chiếu với một khoảng ngắn hơn nhiều giữa lần thứ hai và thứ năm. Hệ mặt trời này dường như được dành cho việc thực hiện những lần điểm đạo được tìm thấy trong khoảng thứ hai này.

163. Perhaps we are coming closer to the answer to our question: "according to His initiatory schedule for this solar system, should our Solar Logos have already completed the great majority of Brahmic "Years" allotted to Him in a occult century?

163. Có lẽ chúng ta đang đến gần hơn với câu trả lời cho câu hỏi của mình: "theo lịch trình điểm đạo của Ngài cho hệ mặt trời này, phải chăng Thái dương Thượng đế của chúng ta đã hoàn tất phần lớn đại đa số các "Năm" Brahma được phân cho Ngài trong một thế kỷ huyền bí?

164. I think we can come up with an answer that confirms that He is (for this mahamanvantara) at His deepest point of immersion and is only about halfway through His process.

164. Tôi nghĩ chúng ta có thể đưa ra một câu trả lời xác nhận rằng Ngài (đối với Đại giai kỳ sinh hóa này) đang ở điểm chìm sâu nhất của Ngài và mới chỉ đi được khoảng nửa tiến trình của Ngài.

165. DK tells us that the second, third and fourth initiations of the human being can be taken in one incarnation. In various references, He tells us that the second and third initiation can be taken in one life; that the third and fourth initiations can be taken in one life; that the fourth and fifth initiations can be taken in one life.

165. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng lần điểm đạo thứ hai, thứ ba và thứ tư của con người có thể được nhận trong một lần nhập thể. Trong nhiều chỗ khác nhau, Ngài cho biết rằng lần điểm đạo thứ hai và thứ ba có thể được nhận trong một đời; rằng lần điểm đạo thứ ba và thứ tư có thể được nhận trong một đời; rằng lần điểm đạo thứ tư và thứ năm có thể được nhận trong một đời.

166. We have (it would seem) a very short span, therefore, between these initiations—two at the least, with three or four probable or perhaps a few more.

166. Do đó, dường như chúng ta có một khoảng rất ngắn giữa các lần điểm đạo này—ít nhất là hai, với ba hay bốn là có thể, hoặc có lẽ thêm một ít nữa.

167. In any case, if our Solar Logos came in about to take the second cosmic initiation (or just having taken it) and has not taken the third cosmic initiation (His "goal"), then, we can see how (if He is to take the fourth cosmic initiation and if the fourth and fifth can easily be taken in one life) He would be about halfway through the initiatory process *slated for this particular mahamanvantara*.

167. Dù sao đi nữa, nếu Thái dương Thượng đế của chúng ta bước vào khi sắp nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ hai (hoặc vừa mới nhận nó) và chưa nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ ba (mục tiêu của Ngài), thì chúng ta có thể thấy làm sao (nếu Ngài sẽ nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ tư và nếu lần thứ tư và thứ năm có thể dễ dàng được nhận trong một đời) Ngài sẽ ở khoảng nửa chặng của tiến trình điểm đạo *được ấn định cho Đại giai kỳ sinh hóa* đặc biệt này.

168. We know that each succeeding solar system takes a shorter time than the

168. Chúng ta biết rằng mỗi hệ mặt trời kế tiếp mất ít thời gian hơn hệ trước đó. Tất cả

preceding one. They all take an "occult century", but the actual duration of these occult centuries seems somewhat elastic (depending upon cosmic requirements).

đều kéo dài một "thế kỷ huyền bí", nhưng thời lượng thực sự của những thế kỷ huyền bí này dường như có phần co giãn (tùy theo các đòi hỏi vũ trụ).

169. For the moment, our Solar Logos keenly desires physical incarnation through a solar system, and hence the sex impulse is strong throughout our solar system.

169. Hiện nay, Thái dương Thượng đế của chúng ta tha thiết mong muốn sự nhập thể hồng trần qua một hệ mặt trời, và vì thế xung lực tính dục rất mạnh khắp hệ mặt trời của chúng ta.

Later His desire for that will be less and will become transmuted into desire for creation on mental levels only.

Về sau dục vọng của Ngài đối với điều đó sẽ giảm đi và sẽ được chuyển hoá thành dục vọng chỉ sáng tạo trên các cấp độ trí tuệ.

170. Whether or not there is perpetuated a dense physical vehicle for the Logos depends much on His desire nature.

170. Việc một vận cụ hồng trần đậm đặc có được duy trì cho Thượng đế hay không phụ thuộc rất nhiều vào bản chất dục vọng của Ngài.

171. For now, that desire nature may work strongly in alliance with such a sixth ray planet as Mars. Later, there may be a change of emphasis from Mars to another partially sixth ray planet, Neptune. Neptune has an influence which *elevates desire* towards the transcendental.

171. Hiện nay, bản chất dục vọng ấy có thể hoạt động mạnh trong sự liên minh với một hành tinh cung sáu như Sao Hỏa. Về sau, có thể sẽ có một sự chuyển đổi trọng tâm từ Sao Hỏa sang một hành tinh khác cũng phần nào thuộc cung sáu, là Sao Hải Vương. Sao Hải Vương có một ảnh hưởng *nâng dục vọng lên* hướng về siêu việt.

172. There are analogies in human living to the process here described. In the early days of their long evolutionary cycle, human beings tend to be 'procreative', producing large families. Later, as they achieve mental polarization, they incline to be more creative than procreative; if they are married, the size of their families lessens. Their sex impulse may also lessen because much of their sexual energy will be transferred into acts of mental creativity. They may seek to avoid the marriage relation altogether.

172. Có những sự tương đồng trong đời sống con người với tiến trình được mô tả ở đây. Trong những ngày đầu của chu kỳ tiến hoá dài lâu của mình, con người có khuynh hướng "sinh sản", tạo ra những gia đình đông con. Về sau, khi họ đạt được sự phân cực trí tuệ, họ nghiêng về sáng tạo hơn là sinh sản; nếu họ kết hôn, quy mô gia đình của họ giảm xuống. Xung lực tính dục của họ cũng có thể giảm đi vì phần lớn năng lượng tính dục của họ sẽ được chuyển dịch vào những hành vi sáng tạo trí tuệ. Họ có thể tìm cách tránh hẳn quan hệ hôn nhân.

173. Another planetary relationship may describe this process both for the Logos and man. Just as Mars and Neptune could be compared through the sixth ray they share, so Mars and Uranus can be compared because (in man at least) they both have rulership over the sacral center. When Mars rules the sacral center the tendency is to be procreative. But Uranus is the 'alchemical planet' and, perhaps, *the* major planet of *transmutation.* When, later in evolution, Uranus influences the sacral center more strongly, the creative urge supersedes the procreative urge and the life of man changes. These planets may also be involved in the Logos' 'change of life'.

173. Một tương quan hành tinh khác có thể mô tả tiến trình này cho cả Thượng đế lẫn con người. Cũng như Sao Hỏa và Sao Hải Vương có thể được so sánh qua cung sáu mà chúng cùng chia sẻ, thì Sao Hỏa và Sao Thiên Vương cũng có thể được so sánh vì (ít nhất nơi con người) cả hai đều có quyền cai quản trung tâm xương cùng. Khi Sao Hỏa cai quản trung tâm xương cùng, khuynh hướng là sinh sản. Nhưng Sao Thiên Vương là "hành tinh luyện kim" và, có lẽ, là hành tinh chủ yếu của *sự chuyển hoá.* Khi, về sau trong tiến hoá, Sao Thiên Vương ảnh hưởng mạnh hơn đến trung tâm xương cùng, thôi thúc sáng tạo sẽ vượt lên trên thôi thúc sinh sản và đời sống con người thay đổi. Những hành tinh này cũng có thể liên quan đến "thời kỳ biến đổi" của Thượng đế.

This is what brings the Destroyer aspect into activity, leading to eventual obscuration, and the physical "death" of the solar system.

Điều này là cái đưa phương diện Hủy Diệt vào hoạt động, dẫn đến sự lu mờ rốt cuộc, và "cái chết" hồng trần của hệ mặt trời.

174. So, a change in the type of creativity (transferring it from 'procreative' to mentally creative) corresponds with the obscuration of the solar system. This makes sense as it is procreation which creates the physical body of the Logos and it is this physical body which is obscured through the processes of obscuration.

174. Như vậy, một sự thay đổi trong loại hình sáng tạo (chuyển nó từ "sinh sản" sang sáng tạo trí tuệ) tương ứng với sự lu mờ của hệ mặt trời. Điều này hợp lý vì chính sự sinh sản tạo ra thể xác của Thượng đế và chính thể xác này bị làm cho lu mờ qua các tiến trình lu mờ.

175. With this change of creativity, an aspect of the "Destroyer aspect" comes into play. This is true also in the life of man, for when this higher form of creativity supervenes, it may mean that man is approaching his third and then fourth initiations (and after this latter initiation, physical incarnation is no longer necessary). The "Destroyer aspect" emerges and either prevents future physical incarnation or sets

175. Cùng với sự thay đổi về sáng tạo này, một phương diện của "phương diện Hủy Diệt" đi vào hoạt động. Điều này cũng đúng trong đời sống con người, vì khi hình thức sáng tạo cao hơn này xuất hiện, nó có thể có nghĩa là con người đang tiến gần đến lần điểm đạo thứ ba rồi thứ tư của mình (và sau lần điểm đạo sau này, sự nhập thể hồng trần không còn cần thiết nữa). "Phương diện Hủy Diệt" xuất hiện và hoặc ngăn cản sự nhập thể hồng trần trong tương lai hoặc chuẩn bị

the stage for a change in the manner in which such incarnation occurs.

Indication that this aspect is coming into power will be seen when two great events transpire:

176. We are still speaking of the developmental progress of our Solar Logos.

177. We are looking for evidence that the "Destroyer aspect" is coming into power.

[Page 558]

a. The ability of man consciously to create on mental levels, and the consequent transmutation of his lower sex impulses into higher.

178. We must question whether we are considering the *entire solar system* and, thus, man on a number of planets. If we *are* speaking of the Solar Logos, then this broader consideration would be necessary.

179. We may well know what man in our Earth-scheme is doing, but if we are speaking of the "death" of a Solar Logos, we will also have to find evidence of this type of creative development in relation to the humanity which exists in other planetary schemes.

b. The mental vitalisation of another large section of the animal kingdom.

cho một sự thay đổi trong cách thức mà sự nhập thể ấy xảy ra.

Dấu hiệu cho thấy phương diện này đang đi vào quyền lực sẽ được thấy khi hai biến cố lớn xảy ra:

176. Chúng ta vẫn đang nói về sự tiến bộ phát triển của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

177. Chúng ta đang tìm bằng chứng rằng "phương diện Hủy Diệt" đang đi vào quyền lực.

[Page 558]

a. Khả năng của con người trong việc sáng tạo một cách có ý thức trên các cấp độ trí tuệ, và sự chuyển hoá kéo theo của các xung lực tính dục thấp của y thành những xung lực cao hơn.

178. Chúng ta phải đặt câu hỏi liệu chúng ta có đang xét đến *toàn bộ hệ mặt trời* và như vậy là con người trên một số hành tinh hay không. Nếu chúng ta *đang* nói về Thái dương Thượng đế, thì sự xem xét rộng hơn này sẽ là cần thiết.

179. Chúng ta có thể biết khá rõ con người trong hệ Địa Cầu của chúng ta đang làm gì, nhưng nếu chúng ta đang nói về "cái chết" của một Thái dương Thượng đế, chúng ta cũng sẽ phải tìm bằng chứng của loại phát triển sáng tạo này liên hệ với nhân loại tồn tại trong các hệ hành tinh khác.

b. Sự tiếp sinh lực trí tuệ cho một bộ phận lớn khác của giới động vật.

180. Again, are we speaking of a system-wide phenomenon, or only of our particular planetary scheme? If we are not speaking of the entire solar system it is difficult to imagine how we could say that the "Destroyer aspect" is coming into expression in relation to the Solar Logos and not just in relation to one of His chakras.

180. Một lần nữa, chúng ta đang nói về một hiện tượng trên toàn hệ thống, hay chỉ về hệ hành tinh riêng của chúng ta? Nếu chúng ta không nói về toàn bộ hệ mặt trời thì thật khó hình dung làm sao chúng ta có thể nói rằng "phương diện Hủy Diệt" đang đi vào biểu hiện liên hệ với Thái dương Thượng đế chứ không chỉ liên hệ với một trong các luân xa của Ngài.

When these two things can be seen working out in any round, it will be indicative of a decided mental polarisation of the Logos;

Khi hai điều này có thể được thấy đang triển khai trong bất kỳ cuộc tuần hoàn nào, điều đó sẽ là dấu hiệu của một sự phân cực trí tuệ rõ rệt của Thượng đế;

181. For what types of Beings do "rounds" exist? We know with certainty that there are *chain* rounds. We have inferred based on a number of quite explicit references that there are *scheme* rounds.

181. "Các cuộc tuần hoàn" tồn tại đối với những loại Hữu thể nào? Chúng ta biết chắc rằng có các cuộc tuần hoàn của *dãy*. Chúng ta đã suy ra, dựa trên một số dẫn chiếu khá minh nhiên, rằng có các cuộc tuần hoàn của *hệ hành tinh*.

182. Now, it seems evident, from this reference (and a few others) that there are *systemic* rounds.

182. Giờ đây, từ dẫn chiếu này (và một vài dẫn chiếu khác), dường như hiển nhiên rằng có các cuộc tuần hoàn *hệ thống*.

183. A *systemic* round would be a progression of logoic attention from planetary scheme to planetary scheme until the progression has passed through all the planetary schemes.

183. Một cuộc tuần hoàn *hệ thống* sẽ là một sự tiến triển của sự chú ý thượng đế từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác cho đến khi sự tiến triển ấy đã đi qua mọi hệ hành tinh.

184. It does not seem probable that the transmutation of the sex impulse into a higher form of creativity (*if occurring on one planet only*) and the mental vitalization of another large section of the animal kingdom (*if occurring on one planet only*) would be a sufficient indicator of "a decided mental polarisation of the Logos".

184. Dường như không có khả năng rằng sự chuyển hoá xung lực tính dục thành một hình thức sáng tạo cao hơn (*nếu chỉ xảy ra trên một hành tinh*) và sự tiếp sinh lực trí tuệ cho một bộ phận lớn khác của giới động vật (*nếu chỉ xảy ra trên một hành tinh*) lại là một chỉ dấu đủ cho "một sự phân cực trí tuệ rõ rệt của Thượng đế".

185. Such things have *already* occurred on some planets and have yet to occur on

185. Những điều như thế *đã* xảy ra trên một số hành tinh và còn chưa xảy ra trên những

others. And yet there is no mental polarization for the Logos now, even though planetarily (on Venus and perhaps on Mercury) the requirements have been met. Such requirements also are more likely to be met on Earth before they are met on Mars or some of the larger planets which are further behind in their unfoldment.

hành tinh khác. Thế nhưng hiện nay vẫn chưa có sự phân cực trí tuệ đối với Thượng đế, dù xét theo hành tinh (trên Sao Kim và có lẽ trên Sao Thủy) các yêu cầu đã được đáp ứng. Những yêu cầu như thế cũng có nhiều khả năng được đáp ứng trên Trái Đất trước khi chúng được đáp ứng trên Sao Hỏa hay trên một số hành tinh lớn hơn còn tụt lại xa hơn trong sự khai mở của chúng.

186. If, however, we are speaking of a *solar systemic round* in which the general requirements are met, then the process seems more reasonable.

186. Tuy nhiên, nếu chúng ta đang nói về một *cuộc tuần hoàn hệ mặt trời* trong đó các yêu cầu tổng quát được đáp ứng, thì tiến trình ấy có vẻ hợp lý hơn.

187. These are speculations, but it is important to realize that one cannot simply look at a word like "round" and imagine that it must be applied to a chain or scheme merely because the word has previously been used mostly in connection with a chain or scheme.

187. Đây là những suy đoán, nhưng điều quan trọng là phải nhận ra rằng người ta không thể chỉ nhìn vào một từ như "cuộc tuần hoàn" rồi tưởng rằng nó nhất thiết phải được áp dụng cho một dãy hay một hệ hành tinh chỉ vì từ ấy trước đây phần lớn đã được dùng liên hệ với một dãy hay một hệ hành tinh.

188. In general, it would seem that we are still relatively far from the time that our Solar Logos will achieve polarization on the cosmic mental plane—especially upon the *higher* levels of the cosmic mental plane.

188. Nói chung, dường như chúng ta vẫn còn tương đối xa thời điểm mà Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ đạt được sự phân cực trên cõi trí vũ trụ—đặc biệt là trên các cấp độ *cao hơn* của cõi trí vũ trụ.

189. Overall, it seems wise not to take our planet as the touchstone for solar logoic development.

189. Tổng quát mà nói, dường như khôn ngoan hơn là không lấy hành tinh của chúng ta làm chuẩn mực cho sự phát triển thái dương thượng đế.

190. We judge that when there is a "decided mental polarization" for our Logos, the process of obscuration will be progressing.

190. Chúng ta phán đoán rằng khi có một "sự phân cực trí tuệ rõ rệt" đối với Thượng đế của chúng ta, tiến trình lu mờ sẽ đang tiến triển.

we can only become cognisant of this by studying His body of manifestation in its component parts.

chúng ta chỉ có thể trở nên nhận biết điều này bằng cách nghiên cứu thể biểu hiện của Ngài trong các thành phần cấu tạo của nó.

191. We are seeking to learn how we may become cognizant of an achieved cosmic mental polarization of our Logos. We are advised to study "His body of manifestation and its component parts". This means that we shall have to know a lot more about His planetary schemes and their interrelation than we now know.

191. Chúng ta đang tìm cách hiểu làm thế nào chúng ta có thể nhận biết được một sự phân cực trí tuệ vũ trụ đã thành tựu của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Chúng ta được khuyên hãy nghiên cứu "thể biểu hiện của Ngài và các thành phần cấu tạo của nó". Điều này có nghĩa là chúng ta sẽ phải biết nhiều hơn rất nhiều về các hệ hành tinh của Ngài và mối tương quan giữa chúng so với điều chúng ta hiện biết.

192. When studying TCF, many *levels* are involved. DK seems to change His level focus quite frequently and so one must remain alert to these changes.

192. Khi nghiên cứu Luận về Lửa Vũ Trụ, có nhiều *cấp độ* được bao hàm. Chân sư DK dường như thay đổi trọng tâm cấp độ của Ngài khá thường xuyên và vì vậy người ta phải luôn tỉnh táo trước những thay đổi ấy.

What is here predicated anent the logoic thought form can be equally well stated about that of a Heavenly Man, and a planetary scheme.

Điều được khẳng định ở đây liên quan đến hình tư tưởng logoic cũng có thể được phát biểu hoàn toàn tương tự về hình tư tưởng của một Đấng Thiên Nhân, và của một hệ hành tinh.

193. From this it is clear that He *has* been speaking of the Solar Logos, called, simply, "the Logos".

193. Từ đây rõ ràng là Ngài *đã* nói về Thái dương Thượng đế, được gọi đơn giản là "Logos".

As His cosmic polarisation becomes more mental, and as His cosmic desire nature becomes transmuted, the force that plays through His centres will correspondingly be seen to vary in direction;

Khi sự phân cực vũ trụ của Ngài trở nên trí tuệ hơn, và khi bản chất dục vọng vũ trụ của Ngài được chuyển hoá, thì mãnh lực vận hành xuyên qua các trung tâm của Ngài theo đó sẽ được thấy là thay đổi phương hướng;

194. Lower forces will be elevated. Higher chakras will attract the energy one expressed through lower chakras.

194. Các mãnh lực thấp sẽ được nâng lên. Các luân xa cao hơn sẽ thu hút năng lượng vốn được biểu lộ qua các luân xa thấp hơn.

195. Thus it is within the energy system of any type of 'M/man'.

195. Vì vậy, trong hệ thống năng lượng của bất kỳ loại 'người/Người' nào cũng đều như thế.

He will withdraw force from certain of His lower centres and globes;

Ngài sẽ rút mãnh lực khỏi một số trung tâm và các bầu hành tinh thấp của Ngài;

196. The planetary chains are the centers. The globes are lesser centers.

196. Các dãy hành tinh là các trung tâm. Các bầu hành tinh là những trung tâm nhỏ hơn.

197. If this statement had been made of a Solar Logos, it would have read, "He will withdraw force from certain of His lower centers (i.e., planetary schemes) and chains.

197. Nếu phát biểu này được nói về một Thái dương Thượng đế, nó hẳn sẽ là: "Ngài sẽ rút mãnh lực khỏi một số trung tâm thấp của Ngài (tức là, các hệ hành tinh) và các dãy.

He will cease to be interested in physical incarnation, and He will eventually withdraw within Himself.

Ngài sẽ không còn quan tâm đến việc lâm phàm hồng trần nữa, và cuối cùng Ngài sẽ rút vào bên trong chính Ngài.

198. And, thus it is for a man as well.

198. Và con người cũng như vậy.

199. Interest is determining in the process of incarnation and the process of release from incarnation.

199. Sự quan tâm có tính quyết định trong tiến trình lâm phàm và trong tiến trình giải thoát khỏi lâm phàm.

His thought-form will show a gradual diminution of vitality;

Hình tư tưởng của Ngài sẽ cho thấy sự suy giảm sinh lực dần dần;

200. As the Planetary Logos shifts His attention onto cosmic mental levels, His outer form becomes devitalized.

200. Khi Hành Tinh Thượng Đế chuyển sự chú ý của Ngài lên các cấp độ trí tuệ vũ trụ, hình tướng bên ngoài của Ngài trở nên mất sinh lực.

201. This is often the case for a human being unless he takes remedial action to keep his physical form (i.e., the thoughtform created by the soul) in vital condition.

201. Điều này thường cũng đúng với một con người, trừ khi y có hành động khắc phục để giữ hình tướng hồng trần của mình (tức là, hình tư tưởng do linh hồn tạo ra) trong tình trạng đầy sinh lực.

202. Mind is an extension of the will; mental polarization indicates that one has begun to abstract along the will line.

202. Trí tuệ là một sự mở rộng của ý chí; sự phân cực trí tuệ cho thấy người ta đã bắt đầu trừu xuất theo đường lối của ý chí.

the dense physical globe will die and pass out of objectivity, and other globes will

bầu hành tinh hồng trần đậm đặc sẽ chết và ra khỏi tính khách quan, và các bầu hành

temporarily hold His life, though not for long.

203. For the Planetary Logos, it would seem that the Earth-globe will die and pass out of objectivity (and life will be transferred, perhaps, to other etheric globes or perhaps to the etheric levels of the Earth-globe).

204. The life of the Planetary Logos will pass from lesser globes to greater—from globes which have etheric vehicles to those whose lowest sheath is astral, then mental, etc. A study of Chart VII will reveal, due to the size of the globes depicted, that there are lesser globes and greater.

205. We can ask, "if the dense physical globe, our globe, dies, what of the subtle aspects of our globe (for we have well established that our globe *does* have subtle aspects)? Can it be said that these subtle aspects of our globe will only *progressively* die as the life of the Planetary Logos is withdrawn to even higher dimensions?

206. As the life of the Planetary Logos is abstracted, will globes die all at once or will only those portions of globes 'die' which correspond to the dimension from which abstraction is occurring?

207. For instance, if within the planetary scheme there is a general abstraction from the astral level, will that abstraction occur in *all* globe which have an astral dimension, leaving such globes with only dimensions higher than the astral? OR, will those globes

tinh khác sẽ tạm thời giữ sự sống của Ngài, dù không lâu.

203. Đối với Hành Tinh Thượng Đế, dường như bầu Địa Cầu sẽ chết và ra khỏi tính khách quan (và sự sống sẽ được chuyển dịch, có lẽ, sang các bầu dĩ thái khác hoặc có lẽ sang các cấp độ dĩ thái của bầu Địa Cầu).

204. Sự sống của Hành Tinh Thượng Đế sẽ chuyển từ các bầu hành tinh nhỏ hơn sang các bầu hành tinh lớn hơn—từ những bầu hành tinh có các vận cụ dĩ thái sang những bầu hành tinh mà lớp vỏ thấp nhất là cảm dục, rồi trí tuệ, v.v. Việc nghiên cứu Biểu đồ VII sẽ cho thấy, do kích thước của các bầu hành tinh được mô tả, rằng có những bầu hành tinh nhỏ hơn và lớn hơn.

205. Chúng ta có thể hỏi, "nếu bầu hành tinh hồng trần đậm đặc, bầu hành tinh của chúng ta, chết đi, thì các phương diện vi tế của bầu hành tinh chúng ta sẽ ra sao (vì chúng ta đã xác lập rõ rằng bầu hành tinh của chúng ta *quả thực* có các phương diện vi tế)? Có thể nói rằng các phương diện vi tế ấy của bầu hành tinh chúng ta sẽ chỉ *dần dần* chết đi khi sự sống của Hành Tinh Thượng Đế được rút về những chiều kích còn cao hơn nữa chăng?

206. Khi sự sống của Hành Tinh Thượng Đế được trừu xuất, các bầu hành tinh sẽ chết cùng một lúc hay chỉ những phần nào của các bầu hành tinh 'chết' tương ứng với chiều kích mà từ đó sự trừu xuất đang diễn ra?

207. Thí dụ, nếu trong hệ hành tinh có một sự trừu xuất tổng quát khỏi cấp độ cảm dục, thì sự trừu xuất ấy có xảy ra trong *mọi* bầu hành tinh có một chiều kích cảm dục, để lại cho các bầu hành tinh ấy chỉ những chiều kích cao hơn cảm dục hay không? HAY, những bầu hành tinh mà cấp độ cảm dục là

for which the astral level is the lowest sheath simply disappear—relatively quickly?

lớp vỏ thấp nhất của chúng sẽ đơn giản biến mất—tương đối nhanh chóng?

208. There is something more logically appealing about the first possibility.

208. Có điều gì đó hợp lý hơn về mặt luận lý trong khả năng thứ nhất.

In due course of time the entire scheme will be obscured, and He will function only in His cosmic astral body.

Đến đúng thời, toàn bộ hệ hành tinh sẽ bị che khuất, và Ngài sẽ chỉ hoạt động trong thể cảm dục vũ trụ của Ngài.

209. We learn here that all the vehicles of all chains within a planetary scheme rise no higher than the cosmic physical plane. None of them (i.e., the chains and globes with which have gained some academic familiarity) are manifesting on the cosmic astral plane.

209. Ở đây chúng ta biết rằng mọi vận cụ của mọi dãy trong một hệ hành tinh đều không vươn cao hơn cõi hồng trần vũ trụ. Không có cái nào trong số đó (tức là, các dãy và các bầu hành tinh mà chúng ta đã có phần nào quen thuộc về mặt học thuật) đang biểu hiện trên cõi cảm dục vũ trụ.

210. We could wonder, however, whether there are corresponding chakras on the cosmic astral plane, as such chakras would be the higher correspondence to the astral chakras of man. A Planetary Logos necessarily has an astral vehicle made of cosmic astral substance, and every vehicle is directed by a permanent atom and is vitalized by seven chakric whorls. So, in a way, it is impossible for a Planetary Logos to have an astral body (or a mental body) without correspondences to the astral or mental chakras of man.

210. Tuy nhiên, chúng ta có thể tự hỏi liệu có những luân xa tương ứng trên cõi cảm dục vũ trụ hay không, vì những luân xa như thế sẽ là sự tương ứng cao hơn với các luân xa cảm dục của con người. Một Hành Tinh Thượng Đế tất yếu có một vận cụ cảm dục được tạo bằng chất liệu cảm dục vũ trụ, và mọi vận cụ đều được điều khiển bởi một Nguyên tử trường tồn và được tiếp sinh lực bởi bảy vòng xoáy luân xa. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, Hành Tinh Thượng Đế không thể có một thể cảm dục (hay một thể trí) mà không có những tương ứng với các luân xa cảm dục hay trí tuệ của con người.

Such is the case too with a chain and its informing Life, viewing a chain as simply a centre in the body of the planetary Logos, **yet having its own central factor.**

Điều này cũng đúng với một dãy và Sự sống thấm nhuần nó, khi xem một dãy đơn giản như một trung tâm trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế, **nhưng vẫn có yếu tố trung tâm riêng của nó.**

211. Chains die as well (through, we hypothesize, *gradually*, just as globes die gradually—at least this is the hypothesis we are entertaining)..

211. Các dãy cũng chết (theo giả thuyết của chúng ta, là *dần dần*, cũng như các bầu hành tinh chết dần dần—ít nhất đó là giả thuyết chúng ta đang xem xét).

212. We have attempted to establish in these commentaries that there are no strictly *homogenous* globes—i.e., globes made of matter of only one kind without other substantial sheaths.

212. Trong các phần bình giải này, chúng ta đã cố gắng xác lập rằng không có những bầu hành tinh nào hoàn toàn *đồng nhất*—tức là, những bầu hành tinh được tạo bằng vật chất chỉ của một loại duy nhất mà không có các lớp vỏ chất liệu khác.

213. The "central factor" of a chain is a Chain-Lord. The central factor of a globe is a Globe-Lord.

213. "Yếu tố trung tâm" của một dãy là một Chúa Tể của Dãy. Yếu tố trung tâm của một bầu hành tinh là một Chúa Tể của Bầu Hành Tinh.

This can be seen in the Moon in a most interesting way. The desire of its Occupant was no longer for physical manifestation; He therefore withdrew His life.

Điều này có thể được thấy nơi Mặt Trăng theo một cách rất thú vị. Dục vọng của Đấng Cư Ngụ trong nó không còn hướng đến biểu hiện hồng trần nữa; vì thế Ngài đã rút sự sống của Ngài.

214. The "Occupant" of the Moon was, we hypothesize, a Chain-Lord—the "Lord of the Moon-chain"

214. "Đấng Cư Ngụ" của Mặt Trăng, theo giả thuyết của chúng ta, là một Chúa Tể của Dãy —"Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng"

All that is left is the devitalised shell; the two other aspects have gone

Tất cả những gì còn lại là cái vỏ mất sinh lực; hai phương diện kia đã ra đi

215. Gone where? We have been told that the life of the Moon-chain eventually merged with the life of the Earth-chain. This is surely a deep mystery.

215. Đi đâu? Chúng ta đã được cho biết rằng sự sống của Dãy Mặt Trăng cuối cùng đã hòa nhập với sự sống của Dãy Địa Cầu. Đây hẳn là một huyền nhiệm sâu xa.

216. Surely, these two higher aspects must remain inherent in the life of the Planetary Logos. They are simply emanations of that Life.

216. Chắc chắn hai phương diện cao hơn này phải vẫn nội tại trong sự sống của Hành Tinh Thượng Đế. Chúng đơn giản là những phát xạ của Sự sống ấy.

and only the third aspect, the inherent life of matter itself, remains gradually to dissipate also as the centuries elapse.

và chỉ còn lại phương diện thứ ba, sự sống nội tại của chính vật chất, cũng dần dần tiêu tan khi các thế kỷ trôi qua.

217. The higher principles have been withdrawn. The dissipation has been going on for millions of years and will be

217. Các nguyên khí cao hơn đã được rút đi. Sự tiêu tan đã diễn ra trong hàng triệu năm và, như chúng ta được cho biết, sẽ hoàn tất

completed, we are told, by the seventh round (whether of our planetary chain or our planetary scheme—it is not stated).

vào cuộc tuần hoàn thứ bảy (dù là của dãy hành tinh chúng ta hay của hệ hành tinh chúng ta—điều này không được nói rõ).

In connection with man, a similar condition [Page 559] is seen in the gradual disintegration of the physical body after death; the two other aspects are removed, and the form decays.

Liên hệ với con người, một tình trạng tương tự [Page 559] được thấy trong sự tan rã dần dần của thể xác sau khi chết; hai phương diện kia được rút đi, và hình tướng phân huỷ.

218. However, just as the two removed aspects (soul and Spirit) in the case of a man still survive and are not disintegrated, we must imagine that the higher two aspects of the Lord of the Moon-chain have also survived and are still to be considered as part of the Planetary Logos.

218. Tuy nhiên, cũng như hai phương diện đã được rút đi (linh hồn và tinh thần) trong trường hợp con người vẫn còn tồn tại và không bị tan rã, chúng ta phải hình dung rằng hai phương diện cao hơn của Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng cũng đã tồn tại và vẫn phải được xem là một phần của Hành Tinh Thượng Đế.

As these fundamental facts are grasped, and man begins to appreciate his position as Creator, **the entire aspect of the sex question will also change; and emphasis will be laid upon the laws of *mental* creation**, on the formulation of thought-forms in a scientific manner, and the dense physical aspect of creation will be in abeyance.

Khi những sự kiện nền tảng này được nắm bắt, và con người bắt đầu đánh giá vị trí của mình như Đấng Sáng Tạo, **toàn bộ phương diện của vấn đề tính dục cũng sẽ thay đổi; và sự nhấn mạnh sẽ được đặt vào các định luật của sự sáng tạo *trí tuệ*,** vào việc hình thành các hình tư tưởng theo một cách khoa học, và phương diện hồng trần đậm đặc của sự sáng tạo sẽ được đình chỉ.

219. It is required that man's image of himself change.

219. Điều được đòi hỏi là hình ảnh của con người về chính mình phải thay đổi.

220. Let us tabulate the results which will occur when man begins to appreciate his position as Creator:

220. Chúng ta hãy lập bảng các kết quả sẽ xảy ra khi con người bắt đầu đánh giá vị trí của mình như Đấng Sáng Tạo:

a. The entire aspect of the sex question will change

a. Toàn bộ phương diện của vấn đề tính dục sẽ thay đổi

b. Emphasis will be laid upon the laws of *mental* creation

b. Sự nhấn mạnh sẽ được đặt vào các định luật của sự sáng tạo *trí tuệ*

c. Emphasis will be laid upon the formulation of thoughtforms in a scientific manner

c. Sự nhấn mạnh sẽ được đặt vào việc hình thành các hình tư tưởng theo một cách khoa học

d. The dense physical aspect of creation will be in abeyance.

d. Phương diện hồng trần đậm đặc của sự sáng tạo sẽ được đình chỉ.

221. The time will come, we are told, when the creation of physical forms through which the souls of men can express will involve the throat center and, thus, obviously, the *mental* plane.

221. Như chúng ta được cho biết, thời điểm sẽ đến khi việc tạo ra các hình tướng hồng trần mà qua đó linh hồn của con người có thể biểu lộ sẽ liên quan đến trung tâm cổ họng và vì vậy, hiển nhiên, đến cõi *trí*.

222. Creation will then be in line with Purpose and the Law. It will be a far more planned and more rational process.

222. Khi đó sự sáng tạo sẽ phù hợp với Thiên Ý và Định luật. Đó sẽ là một tiến trình được hoạch định hơn nhiều và hợp lý hơn nhiều.

223. The magical methods of precipitating thought will be understood. Precipitation will be an automatic process. The important questions will focus on *what* is to be precipitated.

223. Các phương pháp huyền thuật của việc ngưng tụ tư tưởng sẽ được thấu hiểu. Sự ngưng tụ sẽ là một tiến trình tự động. Những câu hỏi quan trọng sẽ tập trung vào *điều gì* sẽ được ngưng tụ.

When this is so, then will man be coming into his divine right, and the human kingdom be fulfilling its legitimate function.

Khi điều này xảy ra, khi ấy con người sẽ bước vào quyền thiêng liêng của mình, và giới nhân loại sẽ hoàn thành chức năng chính đáng của nó.

224. That function involves *mediation* between the three higher and three lower kingdoms.

224. Chức năng ấy bao hàm sự *trung gian* giữa ba giới cao và ba giới thấp.

225. Man must also learn to function creatively upon the buddhic plane—the chosen field of expression of the Fourth Creative Hierarchy.

225. Con người cũng phải học cách hoạt động một cách sáng tạo trên cõi Bồ đề—lĩnh vực biểu hiện được chọn của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

226. The term "legitimate" suggests 'under the Law' which reflects Purpose and Plan.

226. Từ "chính đáng" gợi ý nghĩa 'dưới Định luật', vốn phản ánh Thiên Ý và Thiên Cơ.

The sex aspect — as at present expressing itself — and the whole process of

Phương diện tính dục—như hiện nay đang biểu lộ—và toàn bộ tiến trình sinh sản là

reproduction is one which man shares with the animal kingdom, and is based upon his animal instincts, and his dense physical nature, which is not a principle.

227. We gather that man is presently prompted by much that arose in the previous solar system. He is, in a way, urged on by the patterns of the past. He has not yet begun to live in a *principled* manner.

228. The whole meaning of the term "principle" takes on greater depth. When that which prompts so much of man's activity is not (in terms of this solar system) even a *principle,* it cannot be expected that humanity (as a whole) will be an expression of *principled* living—in both senses of the term "principled".

When he is totally emancipated from the animal kingdom, and the third and fourth kingdoms stand distinct from each other,

229. Just as the life patterns generated on the Moon-chain and those generated on the Earth-chain must stand distinct from each other…

then the sex nature, and the organs of reproduction will be viewed by the average man in a very different manner than at present.

230. Man is now swayed by these instincts. He does not yet govern them adequately.

điều mà con người chia sẻ với giới động vật, và dựa trên các bản năng động vật của y, cùng bản chất hồng trần đậm đặc của y, vốn không phải là một nguyên khí.

227. Chúng ta hiểu rằng hiện nay con người được thúc đẩy bởi nhiều điều phát sinh trong hệ mặt trời trước. Theo một nghĩa nào đó, y bị thôi thúc bởi các mô hình của quá khứ. Y chưa bắt đầu sống theo một cách *nguyên khí.*

228. Toàn bộ ý nghĩa của từ "nguyên khí" mang chiều sâu lớn hơn. Khi điều thúc đẩy quá nhiều hoạt động của con người thậm chí còn không phải là một *nguyên khí,* (xét theo hệ mặt trời này), thì không thể mong đợi rằng nhân loại (xét như một toàn thể) sẽ là một biểu hiện của sự sống *nguyên khí*—theo cả hai nghĩa của từ "nguyên khí".

Khi y được giải thoát hoàn toàn khỏi giới động vật, và giới thứ ba cùng giới thứ tư đứng tách biệt với nhau,

229. Cũng như các mô hình sự sống được tạo ra trên Dãy Mặt Trăng và những mô hình được tạo ra trên Dãy Địa Cầu phải đứng tách biệt với nhau…

khi ấy bản chất tính dục, và các cơ quan sinh sản sẽ được con người trung bình nhìn nhận theo một cách rất khác hiện nay.

230. Hiện nay con người bị các bản năng này chi phối. Y chưa cai quản chúng một cách đầy đủ.

231. This emancipation from the animal kingdom occurs at the third initiation after a tremendous battle with the energies represented by Mars and the Moon.

231. Sự giải thoát khỏi giới động vật này xảy ra vào lần điểm đạo thứ ba sau một cuộc chiến to lớn với các năng lượng được biểu thị bởi Sao Hỏa và Mặt Trăng.

Creation will eventually be *the result of thought impulses and not desire impulses;* the process will be then (once the initial impulse on the mental plane has been given), as normal, as safe, and as unconscious as the act of breathing is now.

Sự sáng tạo cuối cùng sẽ là *kết quả của các xung lực tư tưởng chứ không phải các xung lực dục vọng;* khi ấy tiến trình sẽ (một khi xung lực ban đầu trên cõi trí đã được trao ra) bình thường, an toàn và vô thức như hành vi hô hấp hiện nay.

232. DK speaks of a process which can only be conceived with difficulty; it is so unlike the present process so much driven by animal instinct and so *unsafe* for both mother and child.

232. Chân sư DK nói về một tiến trình chỉ có thể được hình dung một cách khó khăn; nó quá khác với tiến trình hiện nay vốn bị thúc đẩy quá nhiều bởi bản năng động vật và quá *không an toàn* cho cả mẹ lẫn con.

233. DK is also alluding to the fact that reproduction and death are so closely related. Over the ages, millions upon millions of human beings have died in the act of giving birth. This, He implies, will be a thing of the past.

233. Chân sư DK cũng ám chỉ đến sự kiện rằng sinh sản và cái chết liên hệ chặt chẽ với nhau đến mức nào. Qua các thời đại, hàng triệu triệu con người đã chết trong hành vi sinh nở. Ngài hàm ý rằng điều này sẽ trở thành chuyện của quá khứ.

234. We have a long way to go, but the rulership of the sacral center (and throat center!) by Uranus will take us in the right direction.

234. Chúng ta còn một chặng đường dài phải đi, nhưng sự cai quản của Sao Thiên Vương đối với trung tâm xương cùng (và trung tâm cổ họng!) sẽ đưa chúng ta đi đúng hướng.

When this is so (and the time is a long way ahead), **physical reproduction will still continue**, but **the physical form will be spoken of in terms of concretion and of energy**, and the emphasis will be laid upon that which is to be embodied.

Khi điều này xảy ra (và thời điểm ấy còn rất xa), **sự sinh sản hồng trần vẫn sẽ tiếp tục**, nhưng **hình tướng hồng trần sẽ được nói đến theo các thuật ngữ của sự kết tinh và của năng lượng**, và sự nhấn mạnh sẽ được đặt vào điều sẽ được nhập thể.

235. We can see here a highly mental and purposeful process.

235. Ở đây chúng ta có thể thấy một tiến trình có tính trí tuệ cao và đầy mục đích.

236. The attention will turn to the subjective factor rather than the objective. The

236. Sự chú ý sẽ chuyển sang yếu tố chủ quan hơn là khách quan. Tâm thức của nhân

consciousness of humanity will turn increasingly esoteric; it will be the 'idea' that counts the most, and, only secondarily, the form which is to embody the idea (though this will not be neglected).

loại sẽ ngày càng hướng nội môn; 'ý tưởng' sẽ là điều quan trọng nhất, và chỉ thứ yếu mới là hình tướng sẽ nhập thể ý tưởng ấy (dù điều này sẽ không bị bỏ quên).

This stage will be entered upon when the functions of the etheric body are scientifically grasped and understood and the laws of creative thought are a matter of public knowledge and discussion; it will coincide with a period wherein the animal kingdom will again be under manasic impression, and individualisation will again be permitted.

Giai đoạn này sẽ được bước vào khi các chức năng của thể dĩ thái được nắm bắt và thấu hiểu một cách khoa học, và các định luật của tư tưởng sáng tạo trở thành vấn đề của tri thức và thảo luận công khai; nó sẽ trùng hợp với một thời kỳ trong đó giới động vật lại chịu ấn tượng manas, và biệt ngã hóa lại được cho phép.

237. We are speaking of the emergence of new methods of physical reproduction (the providing of physical vehicles for the incarnating life).

237. Chúng ta đang nói về sự xuất hiện của những phương pháp mới của sự sinh sản hồng trần (việc cung cấp các vận cụ hồng trần cho sự sống đang nhập thể).

238. Let us tabulate regarding the time and requirements for the emergence of these new approaches:

238. Chúng ta hãy lập bảng về thời điểm và các yêu cầu cho sự xuất hiện của những phương pháp mới này:

a. At that time the emotional body will be scientifically understood

a. Vào thời điểm đó thể cảm dục sẽ được thấu hiểu một cách khoa học

b. At that time, the laws of creative thought will be a matter of public knowledge and discussion

b. Vào thời điểm đó, các định luật của tư tưởng sáng tạo sẽ trở thành vấn đề của tri thức và thảo luận công khai

c. At that time the animal kingdom will again be under manasic impression

c. Vào thời điểm đó giới động vật sẽ lại chịu ấn tượng manas

d. At that time individualisation will again be permitted.

d. Vào thời điểm đó biệt ngã hóa sẽ lại được cho phép.

239. While a few members of the animal kingdom may enter the human kingdom in the fourth round, the next wave of animal individualization is to occur in the fifth round. We seem to be speaking of

239. Dù một vài thành viên của giới động vật có thể đi vào giới nhân loại trong cuộc tuần hoàn thứ tư, làn sóng biệt ngã hóa động vật kế tiếp sẽ xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm. Dường như chúng ta đang nói về

developments which will materialize in the fifth round.

240. We might ask, "Will it be that long before the public speaks intelligently of things etheric?" Some speak of these matters now, but they are, over all, a tiny minority. Yet the word is spreading fast…

những phát triển sẽ hiện hình trong cuộc tuần hoàn thứ năm.

240. Chúng ta có thể hỏi, "Liệu phải lâu đến thế trước khi công chúng nói một cách thông minh về những điều dĩ thái chăng?" Hiện nay có một số người nói về những vấn đề này, nhưng nhìn chung họ chỉ là một thiểu số rất nhỏ. Tuy nhiên, linh từ đang lan truyền nhanh chóng…

[Page 560]

[Page 560]

It will be generally recognised at that time that Spirit-matter are two aspects of the one Unity, and the present terminology of Spirit, and material substance, will have given place to the **broader concept of negative and positive energy as the two aspects of the One Energy**.

Khi ấy, người ta sẽ thừa nhận một cách phổ biến rằng Tinh thần-vật chất là hai phương diện của một Hợp Nhất duy nhất, và thuật ngữ hiện nay về Tinh thần và chất liệu vật chất sẽ nhường chỗ cho **khái niệm rộng hơn về năng lượng âm và dương như hai phương diện của Một Năng Lượng**.

241. This way of understanding is common fare for the average student of esotericism or occultism.

241. Cách thấu hiểu này là điều quen thuộc đối với đạo sinh trung bình của huyền bí học hay huyền bí học.

242. We begin to see how far ahead of public thought is the esoteric world view, yet for all that, more rapid assimilation of even this forward-looking perspective is very possible.

242. Chúng ta bắt đầu thấy thế giới quan nội môn đi trước tư tưởng công chúng xa đến mức nào, tuy vậy, việc đồng hoá nhanh hơn ngay cả quan điểm đầy viễn kiến này vẫn hoàn toàn có thể xảy ra.

243. DK is advising us that we should not be thinking so much in terms of Spirit and material substance as in terms of "negative and positive energy as the two aspects of the One Energy".

243. Chân sư DK đang khuyên chúng ta rằng chúng ta không nên suy nghĩ quá nhiều theo các thuật ngữ của Tinh thần và chất liệu vật chất, mà nên theo các thuật ngữ của "năng lượng âm và dương như hai phương diện của Một Năng Lượng".

244. We can see the emergence into practical understanding of the mantram, "Two Merge With One".

244. Chúng ta có thể thấy sự xuất hiện vào trong sự thấu hiểu thực tiễn của mantram, "Hai Hợp Nhất với Một".

All phenomena will then be expressed in force terms, and the sex question—or the union of the male and female, the negative and the positive, on the physical plane—will be redeemed and purified.

Khi ấy mọi hiện tượng sẽ được biểu lộ theo các thuật ngữ của mãnh lực, và vấn đề tính dục—hay sự kết hợp của nam và nữ, âm và dương, trên cõi hồng trần—sẽ được cứu chuộc và thanh lọc.

245. This purification will occur through the application of an illumined mentality. The whole process will be removed from passion, glamor and instinctual compulsion.

245. Sự thanh lọc này sẽ xảy ra nhờ việc áp dụng một trí tuệ được soi sáng. Toàn bộ tiến trình sẽ được đưa ra khỏi đam mê, ảo cảm và sự cưỡng bách bản năng.

246. As this can expected some time in the fifth round, we can see that the power of Venus (a fifth ray planet) will be very much involved in such a transformation.

246. Vì điều này có thể được mong đợi vào một thời điểm nào đó trong cuộc tuần hoàn thứ năm, chúng ta có thể thấy quyền năng của Sao Kim (một hành tinh cung năm) sẽ can dự rất nhiều vào một sự chuyển đổi như thế.

An embodied idea, therefore, is literally a positive impulse, emanating from mental levels, and clothing itself in a veil of negative substance.

Một ý tưởng được nhập thể, vì vậy, theo nghĩa đen là một xung lực dương, phát xạ từ các cấp độ trí tuệ, và khoác lên mình một tấm màn của chất liệu âm.

247. Here the Tibetan speaks in terms of electricity.

247. Ở đây Chân sư Tây Tạng nói theo các thuật ngữ của điện học.

248. We are given a still more advanced definition of an "embodied idea".

248. Chúng ta được trao cho một định nghĩa còn tiến bộ hơn nữa về một "ý tưởng được nhập thể".

249. In this type of embodiment, positive and negative come together as in the production of a human incarnational embodiment.

249. Trong loại nhập thể này, dương và âm đến với nhau như trong việc tạo ra một sự nhập thể lâm phàm của con người.

250. In studying this definition, we can understand something of the mental creativity of the sign Aries. Aries is called "the birthplace of ideas" and certainly it is a sign of great *positivity* in the electrical sense.

250. Khi nghiên cứu định nghĩa này, chúng ta có thể hiểu phần nào về tính sáng tạo trí tuệ của dấu hiệu hoàng đạo Bạch Dương. Bạch Dương được gọi là "nơi sinh ra các ý tưởng" và chắc chắn là một dấu hiệu có tính *dương* rất lớn theo nghĩa điện học.

These two factors in turn will be regarded as emanations from a still greater force centre, which is expressing purpose through them both.

Đến lượt mình, hai yếu tố này sẽ được xem là những phát xạ từ một trung tâm mãnh lực còn lớn hơn nữa, trung tâm đang biểu lộ mục đích qua cả hai.

251. In this manner the pairs of opposites will be transcended. Polarity will be seen to serve a higher unity.

251. Theo cách này, các cặp đối đãi sẽ được siêu vượt. Sự phân cực sẽ được thấy là phụng sự một hợp nhất cao hơn.

A thought form, as constructed by man, is the union of a positive emanation and a negative. These two are the emanations of a Unity, the coherent Thinker.

Một hình tư tưởng, như được con người kiến tạo, là sự kết hợp của một phát xạ dương và một yếu tố âm. Cả hai là những phát xạ của một Hợp Nhất, tức Đấng Tư Tưởng cố kết.

252. Unity almost always represents the middle principle. “The One between comes forth and knows both Time and God”.

252. Hợp Nhất hầu như luôn luôn biểu thị nguyên khí trung gian. “Đấng Duy Nhất ở giữa xuất hiện và biết cả Thời Gian lẫn Thượng đế”.

253. The positive emanation and the negative produce a unity (i.e., the thoughtform) and are the production of a “Unity”.

253. Phát xạ dương và yếu tố âm tạo ra một hợp nhất (tức là, hình tư tưởng) và là sản phẩm của một “Hợp Nhất”.

254. We now consider the third purpose of thoughtforms.

254. Giờ đây chúng ta xét đến mục đích thứ ba của các hình tư tưởng.

c. To Carry Out Specific Purpose. We touch here upon the most vital element in the building of thoughtforms.

c. Để Thực Hiện Mục Đích Cụ Thể. Ở đây chúng ta chạm đến yếu tố thiết yếu nhất trong việc kiến tạo các hình tư tưởng.

255. When DK uses the term “vital” here, He may be linking it to the first aspect of divinity, to which “Purpose” is also linked.

255. Khi Chân sư DK dùng từ “thiết yếu” ở đây, có thể Ngài đang liên kết nó với phương diện thứ nhất của thiên tính, mà “Mục đích” cũng được liên kết với phương diện ấy.

In our first point **we touched upon the aspect of consciousness,** or "response to sensation, or feeling," and thus brought into our study of the building process the second aspect logoic, that of the Ego, or the realisation of essential duality.

Trong điểm thứ nhất của chúng ta, **chúng ta đã chạm đến phương diện tâm thức,** hay “đáp ứng với cảm giác, hay cảm thọ,” và như vậy đã đưa vào việc nghiên cứu tiến trình kiến tạo phương diện logoic thứ hai, tức

phương diện của chân ngã, hay sự chứng nghiệm về nhị nguyên tính cốt yếu.

256. DK is reviewing the divine aspects touched upon in describing the purposes of thoughtforms.

256. Chân sư DK đang điểm lại các phương diện thiêng liêng đã được đề cập khi mô tả các mục đích của hình tư tưởng.

257. The first purpose discussed is linked to the second aspect—the consciousness aspect.

257. Mục đích thứ nhất được bàn đến liên kết với phương diện thứ hai—phương diện tâm thức.

258. Through sensitivity to vibration and the receptivity to vibration the building process goes forward.

258. Nhờ tính nhạy cảm đối với rung động và khả năng tiếp nhận rung động mà tiến trình kiến tạo được tiến hành.

In our second point the more objective aspect was somewhat elaborated, and the tangible form dealt with, thus bringing in the third logoic aspect, that of intelligent substance, or that through which consciousness seeks expression.

Trong điểm thứ hai của chúng ta, phương diện khách quan hơn đã được khai triển phần nào, và hình tướng hữu hình đã được đề cập đến, như vậy đưa vào phương diện logoic thứ ba, tức phương diện của chất liệu thông tuệ, hay điều mà qua đó tâm thức tìm cách biểu lộ.

259. The second point was entitled: "To provide a body for an idea". This purpose corresponded with the third aspect of divinity—"that of intelligent substance, or that through which consciousness seeks expression".

259. Điểm thứ hai có nhan đề: "Để cung cấp một thể cho một ý tưởng". Mục đích này tương ứng với phương diện thứ ba của thiên tính—"phương diện của chất liệu thông tuệ, hay điều mà qua đó tâm thức tìm cách biểu lộ".

260. Embodiment occurs via the third aspect; response to contact, via the second.

260. Sự nhập thể xảy ra qua phương diện thứ ba; sự đáp ứng với tiếp xúc, qua phương diện thứ hai.

Now the will or purpose aspect is to be considered, bringing therefore the first aspect logoic, or the "will-to-be" to the fore.

Giờ đây phương diện ý chí hay mục đích sẽ được xem xét, do đó đưa phương diện logoic thứ nhất lên hàng đầu, hay "ý chí-tồn tại".

261. This is why DK called the purpose entitled, "To Carry Forth a Specific Purpose",

261. Đây là lý do vì sao Chân sư DK gọi mục đích mang tên "Để Thực Hiện Một Mục Đích

the most *vital* element in the building of thoughtforms.

Cụ Thể" là yếu tố *thiết yếu* nhất trong việc kiến tạo các hình tư tưởng.

When this third point is meditated upon with care, it will be noted (as might be expected) that it includes the other two, and synthesises them.

Khi điểm thứ ba này được tham thiền một cách cẩn trọng, cần lưu ý rằng (như có thể chờ đợi) nó bao hàm hai điểm kia, và tổng hợp chúng.

262. The first aspect brings in the factor of synthesis, and includes both responsiveness to vibration and embodiment. All is subsumed within the purpose.

262. Phương diện thứ nhất đưa vào yếu tố tổng hợp, và bao gồm cả sự đáp ứng với rung động lẫn sự nhập thể. Tất cả đều được bao hàm trong mục đích.

263. To fulfill a specific purpose the thoughtform must be receptive and responsive and properly embodied.

263. Để hoàn thành một mục đích cụ thể, hình tư tưởng phải có khả năng tiếp nhận và đáp ứng, đồng thời được nhập thể đúng đắn.

Certain factors must be borne in mind as we consider these words "specific purpose." By their tabulation [Page 561] we shall endeavour to make as clear as may be, this very complex matter. The ideas involved are:

Một số yếu tố phải được ghi nhớ khi chúng ta xem xét những từ "mục đích cụ thể." Qua việc lập bảng chúng [Page 561] ta sẽ cố gắng làm cho vấn đề rất phức tạp này rõ ràng nhất có thể. Các ý tưởng được bao hàm là:

264. The matter of purpose seems simple at first. DK tells us it is complex.

264. Vấn đề mục đích thoạt đầu có vẻ đơn giản. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng nó phức tạp.

265. When dealing with the issue of "specific purpose" there are three ideas or factors involved (at least in this Commentary) and one factor to be taken up in the next Commentary—"The Factor of the Lesser Builders".

265. Khi bàn đến vấn đề "mục đích cụ thể" thì có ba ý tưởng hay yếu tố được bao hàm (ít nhất trong phần Bình Giải này) và một yếu tố sẽ được đề cập trong phần Bình Giải kế tiếp—"Yếu Tố của các vị tiểu kiến tạo".

a. The Factor of Identity

a. Yếu Tố của Bản Sắc

b. The Factor of Time

b. Yếu Tố của Thời Gian

c. The Factor of Karma

c. Yếu Tố của Nghiệp Quả

The Factor of Identity. **Specific purpose is the practical application of the will, or intent,**

Yếu Tố của Bản Sắc. **Mục đích cụ thể là sự áp dụng thực tiễn của ý chí, hay chủ đích, của**

of a conscious intelligent Existence as it shows itself in:

266. The practical application of the will which is here called "purpose" shows itself in—

a. Its source

b. Its mission

c. Its method

d. Its objective.

267. When speaking of any "conscious intelligent Existence" it has a source, a mission, a method and an objective".

268. A thoughtform going forth from such an Existence will also have a source, a mission, a method and an objective. "Mission" may seem similar to "objective" but is broader and more encompassing.

269. In this presentation, purpose is linked to practicality. There is a willed intent, and the specific purpose ensures that this willed intent is practically applied.

270. Sometimes (in other contexts) purpose is considered the envisioned intent.

All these will vary according to the nature of the emanating Identity. **All thought forms** —logoic, planetary, and human—(for no other entities of lesser grade work as mental creators),

một Hiện Hữu hữu thức và thông tuệ như nó biểu lộ trong:

266. Sự áp dụng thực tiễn của ý chí, ở đây được gọi là "mục đích", biểu lộ trong—

a. nguồn gốc của nó

b. sứ mệnh của nó

c. phương pháp của nó

d. mục tiêu của nó.

267. Khi nói về bất kỳ "Hiện Hữu hữu thức và thông tuệ" nào, hiện hữu ấy đều có một nguồn gốc, một sứ mệnh, một phương pháp và một mục tiêu".

268. Một hình tư tưởng phát ra từ một Hiện Hữu như thế cũng sẽ có một nguồn gốc, một sứ mệnh, một phương pháp và một mục tiêu. "Sứ mệnh" có thể có vẻ tương tự "mục tiêu" nhưng rộng hơn và bao quát hơn.

269. Trong cách trình bày này, mục đích được liên kết với tính thực tiễn. Có một chủ đích do ý chí thúc đẩy, và mục đích cụ thể bảo đảm rằng chủ đích do ý chí ấy được áp dụng một cách thực tiễn.

270. Đôi khi (trong những ngữ cảnh khác) mục đích được xem là chủ đích được hình dung trước.

Tất cả những điều này sẽ thay đổi tùy theo bản chất của Bản Sắc phát xạ. **Mọi hình tư tưởng**—logoic, hành tinh, và nhân loại—(vì không có thực thể nào khác thuộc cấp thấp hơn hoạt động như những đấng kiến tạo trí tuệ),

271. Man is the lowest of the "mental creators".

emanate from a mind, are built for the purpose of carrying out some active work, demonstrate under set rules and laws, and have a definite goal, or expected consummation.

272. Let us tabulate the characteristics of an emanated thoughtform

a. They emanate from a mind

b. They are build for the purpose of carrying out some active work

c. They demonstrate under set rules and laws

d. They have a definite goal

e. They have an expected consummation

The Factor of Time.

273. This is the second of the three ideas related to the term "specific purpose".

Specific purpose in the solar system is the gradual evolution of a definite plan originating in the Mind of the Logos, and slowly, and cyclically, achieving consummation.

274. "Time and form agree. Being and Time do not agree".

275. The Divine Purpose pre-exists the Divine Plan which executes in time and

271. Con người là kẻ thấp nhất trong các "đấng kiến tạo trí tuệ".

phát ra từ một trí tuệ, được xây dựng nhằm thực hiện một công việc năng động nào đó, biểu lộ dưới những quy luật và định luật đã định, và có một mục tiêu xác định, hay một sự hoàn tấtđược trông đợi.

272. Chúng ta hãy lập bảng các đặc tính của một hình tư tưởng được phát ra

a. Chúng phát ra từ một trí tuệ

b. Chúng được xây dựng nhằm thực hiện một công việc năng động nào đó

c. Chúng biểu lộ dưới những quy luật và định luật đã định

d. Chúng có một mục tiêu xác định

e. Chúng có một sự hoàn tất được trông đợi

Yếu Tố Thời Gian.

273. Đây là ý tưởng thứ hai trong ba ý tưởng liên hệ với thuật ngữ "mục đích đặc thù".

Mục đích đặc thù trong hệ mặt trời là sự tiến hoá dần dần của một Thiên Cơ xác định, khởi nguồn trong Trí của Thượng đế, và chậm rãi, theo chu kỳ, đạt đến sự hoàn tất.

274. "Thời gian và hình tướng tương hợp. Bản Thể và Thời gian không tương hợp".

275. Thiên Ý có trước Thiên Cơ, là cái thực hiện trong thời gian và không gian (trong

space (in all their different guises) the Divine Purpose.

276. The Divine Plan is strongly conditioned by time whereas the Divine Purpose is not.

Three vast periods of time are consumed in the process:

277. There are a huge number of cycles, but within the many cycles certain great cycles stand out as most prominent.

The period of construction, wherein the form is built.

The period of utilisation, wherein the form is occupied, vitalised by a central Life, and employed.

The period of dissolution, wherein the form is devitalised, destroyed and dissipated.

278. Naturally, these three do not divide the time of total manifestation *equally*. The greatest amount of time is spent during the "period of utilisation". Perhaps there is some parallel between the period of construction and the period of dissolution.

In the first stage, that which concerns the tangible, that which deals with objectivity, is the more emphasised, and of supreme importance.

279. At the outset, the third aspect of divinity is paramount. During early years the physical factors attract most the attention of consciousness.

In the second stage, the life within the form, or the subjective consciousness, comes

mọi dạng thức khác nhau của chúng) Thiên Ý.

276. Thiên Cơ bị thời gian tác động mạnh mẽ, trong khi Thiên Ý thì không.

Ba thời kỳ bao la của thời gian được dùng trong tiến trình này:

277. Có một số lượng chu kỳ rất lớn, nhưng trong nhiều chu kỳ ấy có những chu kỳ lớn nổi bật lên như quan trọng nhất.

Thời kỳ kiến tạo, trong đó hình tướng được xây dựng.

Thời kỳ sử dụng, trong đó hình tướng được cư ngụ, được một Sự sống trung tâm tiếp sinh lực, và được sử dụng.

Thời kỳ tan rã, trong đó hình tướng bị rút sinh lực, bị phá hủy và bị làm tiêu tan.

278. Đương nhiên, ba thời kỳ này không phân chia thời gian của toàn bộ sự biểu hiện một cách *đồng đều*. Lượng thời gian lớn nhất được dành cho "thời kỳ sử dụng". Có lẽ có một sự song hành nào đó giữa thời kỳ kiến tạo và thời kỳ tan rã.

Trong giai đoạn thứ nhất, điều liên quan đến cái hữu hình, điều xử lý tính khách quan, được nhấn mạnh hơn và có tầm quan trọng tối thượng.

279. Lúc ban đầu, phương diện thứ ba của thiên tính là tối quan trọng. Trong những năm đầu, các yếu tố hồng trần thu hút phần lớn sự chú ý của tâm thức.

Trong giai đoạn thứ hai, sự sống bên trong hình tướng, hay tâm thức chủ quan, dần dần

gradually to the fore, and the quality, or the psyche of the thought-form, becomes apparent.

280. The second aspect relates to the psyche, the subjective consciousness. This is the period in which inherent quality is expressed for the purpose of contributing to the development of the whole.

281. When dealing with that thoughtform known as a human being, the qualities inherent in the psyche emerge only slowly as the thoughtform grows from its earliest years to maturity.

In the final stage, the thought form (having performed its mission), separates into its basic duality, and will or energy (which lies, as a unity, back of duality), ceases in intent.

282. The tern "unity" can apply to the first or second aspect. Spirit is an indivisible unity. And yet, soul creates a unification between Spirit and substance.

283. When will ceases in intent, it disengages from substance. The psyche remains vitalized by Spirit; substance loses its internal form (and, hence, its outer form) and disintegrates.

[Page 562]

nổi lên hàng đầu, và phẩm tính, hay tâm lý của hình tư tưởng, trở nên hiển lộ.

280. Phương diện thứ hai liên hệ đến tâm lý, tâm thức chủ quan. Đây là thời kỳ trong đó phẩm tính cố hữu được biểu lộ nhằm góp phần vào sự phát triển của toàn thể.

281. Khi bàn đến hình tư tưởng được biết như một con người, các phẩm tính vốn có trong tâm lý chỉ xuất hiện chậm chạp khi hình tư tưởng ấy tăng trưởng từ những năm đầu tiên đến sự trưởng thành.

Trong giai đoạn cuối cùng, hình tư tưởng (sau khi đã hoàn thành sứ mệnh của nó), tách ra thành nhị nguyên tính căn bản của nó, và ý chí hay năng lượng (vốn nằm, như một hợp nhất, phía sau nhị nguyên tính), chấm dứt ý hướng.

282. Thuật ngữ "hợp nhất" có thể áp dụng cho phương diện thứ nhất hoặc thứ hai. Tinh thần là một hợp nhất bất khả phân. Tuy nhiên, linh hồn tạo nên một sự hợp nhất giữa Tinh thần và chất liệu.

283. Khi ý chí chấm dứt ý hướng, nó tách rời khỏi chất liệu. Tâm lý vẫn được Tinh thần tiếp sinh lực; chất liệu mất hình thức bên trong của nó (và do đó, cả hình thức bên ngoài của nó) và tan rã.

[Page 562]

The objective life (spiritual life where cosmic thought-forms are concerned; manasic life when solar thought-forms are constructed; and elemental life where human thought-forms are built) withdraws and the form dissipates.

Sự sống khách quan (sự sống tinh thần khi liên quan đến các hình tư tưởng vũ trụ; sự sống manas khi các hình tư tưởng thái dương được kiến tạo; và sự sống hành khí khi các hình tư tưởng của con người được xây dựng) rút lui và hình tướng tan biến.

284. The main idea here is that "objective life…withdraws and form dissipates".

284. Ý chính ở đây là "sự sống khách quan… rút lui và hình tướng tan biến".

285. However, we must note the three categories of "objective life"

285. Tuy nhiên, chúng ta phải lưu ý ba loại "sự sống khách quan"

a. Where cosmic thoughtforms are concerned, objective life is "spiritual life".

a. Khi liên quan đến các hình tư tưởng vũ trụ, sự sống khách quan là "sự sống tinh thần".

b. Where solar thoughtforms are concerned, objective life is "manasic life". It is the soul which withdraws.

b. Khi liên quan đến các hình tư tưởng thái dương, sự sống khách quan là "sự sống manas". Chính linh hồn rút lui.

c. Where human thoughtforms are concerned, objective life is "elemental life".

c. Khi liên quan đến các hình tư tưởng của con người, sự sống khách quan là "sự sống hành khí".

286. In this classification, are we saying that man (as manas) is a "solar thought-form", created by a *Solar* Angel?

286. Trong cách phân loại này, có phải chúng ta đang nói rằng con người (như manas) là một "hình tư tưởng thái dương", được tạo ra bởi một Thái dương Thiên Thần?

In all these cases it will be apparent that **only in the study of the development of the quality of the thought-form will its inherent purpose be revealed**;

Trong mọi trường hợp này, sẽ hiển nhiên rằng **chỉ trong việc nghiên cứu sự phát triển của phẩm tính của hình tư tưởng thì mục đích cố hữu của nó mới được mặc khải**;

287. "No man commeth to the Father except through Me." If we study the second aspect of divinity, the *quality* aspect, it will reveal the inherent purpose behind the demonstration of quality and form.

287. "Không ai đến được với Cha ngoại trừ qua Ta." Nếu chúng ta nghiên cứu phương diện thứ hai của thiên tính, phương diện phẩm tính, nó sẽ mặc khải mục đích cố hữu đằng sau sự biểu lộ của phẩm tính và hình tướng.

288. I have often thought that *purpose* is that factor (among will, purpose and intention) which is most related to the *quality* aspect and hence to the second sub-ray of the first ray.

288. Tôi thường nghĩ rằng *mục đích* là yếu tố (trong số ý chí, mục đích và ý hướng) liên hệ nhiều nhất với phương diện *phẩm tính* và do đó với cung phụ thứ hai của cung một.

only as its emanative processes are comprehended will the nature of its mission become recognisable.

chỉ khi các tiến trình phát xạ của nó được thấu hiểu thì bản chất của sứ mệnh của nó mới trở nên có thể nhận biết.

289. A thoughtform comes forth. To what end? Why was it emanated? The answer to these questions reveals its "mission".

289. Một hình tư tưởng xuất hiện. Nhằm mục đích gì? Tại sao nó được phát ra? Câu trả lời cho những câu hỏi này mặc khải "sứ mệnh" của nó.

290. What was/is the mission of the human Monad? May we say that on its long elliptical Pilgrimage, it sets forth to redeem lower lives, all the while gaining experience in lower worlds with which it is unfamiliar? "I leave the Father's Home and turning back, I save".

290. Sứ mệnh của chân thần con người đã là/là gì? Chúng ta có thể nói rằng trên cuộc Hành Hương dài theo hình ellipse của nó, nó lên đường để cứu chuộc các sự sống thấp hơn, đồng thời thu nhận kinh nghiệm trong các cõi thấp mà nó chưa quen thuộc chăng? "Tôi rời Nhà Cha, và khi quay lại, Tôi cứu rỗi.".

This is true fundamentally of all forms. Where the relatively unimportant forms—such as those constructed by man at this time—are concerned, this [the nature of its inherent purpose and mission] can easily be discovered,

Điều này căn bản đúng với mọi hình tướng. Khi liên quan đến những hình tướng tương đối không quan trọng—như những hình tướng do con người kiến tạo vào lúc này—thì điều này [bản chất của mục đích và sứ mệnh cố hữu của nó] có thể dễ dàng được khám phá,

291. Man creates thoughtforms but those thoughtforms are relatively unimportant "at this time". The Tibetan implies that the day will come when the thoughtforms created by man *will* be of some importance. Before that day comes man must learn much more about the Divine Plan and the Divine Purpose.

291. Con người tạo ra các hình tư tưởng nhưng những hình tư tưởng ấy tương đối không quan trọng "vào lúc này". Chân sư Tây Tạng hàm ý rằng sẽ đến ngày những hình tư tưởng do con người tạo ra *sẽ* có tầm quan trọng nào đó. Trước khi ngày ấy đến, con người phải học nhiều hơn nữa về Thiên Cơ và Thiên Ý.

and to the trained clairvoyant each form reveals:

và đối với nhà thông nhãn lão luyện, mỗi hình tướng đều mặc khải:

By its colour,

Qua màu sắc của nó,

292. This is the visual factor. The domain of life to which the thoughtform applies can be discerned.

292. Đây là yếu tố thị giác. Lĩnh vực sự sống mà hình tư tưởng áp dụng vào có thể được phân biện.

By its vibration,

Qua rung động của nó,

293. This is its fundamental energy. Is the vibration high or low and with what other vibrations does it accord or not accord?

293. Đây là năng lượng căn bản của nó. Rung động ấy cao hay thấp và nó hòa hợp hay không hòa hợp với những rung động nào khác?

By its direction,

Qua phương hướng của nó,

294. This is the purposive factor. What life patterns is the thoughtform intended to influence?

294. Đây là yếu tố mục đích. Hình tư tưởng được dự định để ảnh hưởng đến những mô hình sự sống nào?

By its keynote,

Qua chủ âm của nó,

295. This is the *sound* factor. The keynote of a thoughtform suggests the role it plays in cooperating with or disrupting the creation of harmony.

295. Đây là yếu tố *âm thanh*. Chủ âm của một hình tư tưởng gợi ra vai trò mà nó đảm nhiệm trong việc hợp tác với hay phá vỡ sự sáng tạo hài hòa.

the nature of the inner life, the quality of its vibration and the nature of its goal.

bản chất của sự sống bên trong, phẩm tính của rung động của nó và bản chất của mục tiêu của nó.

296. If we are to put these thoughts together we will see that the nature of the inner life of a thoughtform, the quality of it vibration and the nature of its goal are revealed by its colour, its vibration, its direction and its keynote.

296. Nếu chúng ta kết hợp những tư tưởng này lại, chúng ta sẽ thấy rằng bản chất của sự sống bên trong của một hình tư tưởng, phẩm tính của rung động của nó và bản chất của mục tiêu của nó được mặc khải qua màu sắc, rung động, phương hướng và chủ âm của nó.

297. We can see that we have much to study if we wish to understand thoughtforms.

297. Chúng ta có thể thấy rằng còn rất nhiều điều phải nghiên cứu nếu muốn thấu hiểu các hình tư tưởng.

298. Every man (as manifesting in the three worlds) *is* a thoughtform; therefore every man has a colour, a vibration, a direction and a keynote.

298. Mỗi con người (khi biểu hiện trong ba cõi thấp) *là* một hình tư tưởng; do đó mỗi con người đều có một màu sắc, một rung động, một phương hướng và một chủ âm.

299. Right direction places a man rightly within the pattern of his purpose.

299. Phương hướng đúng đặt một con người vào đúng vị trí trong mô hình của mục đích của y.

300. When studying any thoughtform, we have been shown the criteria on which it can be evaluated.

300. Khi nghiên cứu bất kỳ hình tư tưởng nào, chúng ta đã được chỉ cho những tiêu chuẩn dựa trên đó nó có thể được đánh giá.

301. We wish to know the nature of its inner life, the quality of its vibration and the nature of its goal, and, therefore, we study its color, vibration, direction and keynote.

301. Chúng ta muốn biết bản chất của sự sống bên trong của nó, phẩm tính của rung động của nó và bản chất của mục tiêu của nó, và do đó, chúng ta nghiên cứu màu sắc, rung động, phương hướng và chủ âm của nó.

302. We can think of all thoughtforms we may encounter in these terms.

302. Chúng ta có thể nghĩ về mọi hình tư tưởng mà mình có thể gặp theo những phương diện này.

In the summation of all these points will the purpose reveal itself.

Trong sự tổng hợp của tất cả những điểm này, mục đích sẽ tự mặc khải.

303. Purpose is the overarching factor. Many factors must be synthesized before purpose will be correctly revealed.

303. Mục đích là yếu tố bao trùm. Nhiều yếu tố phải được tổng hợp trước khi mục đích được mặc khải một cách đúng đắn.

304. How many of us know or understand our purpose within a larger soul context, or within the context of our globe or chain or scheme?

304. Có bao nhiêu người trong chúng ta biết hay thấu hiểu mục đích của mình trong một bối cảnh linh hồn rộng lớn hơn, hay trong bối cảnh của bầu hành tinh, dãy hay hệ hành tinh của chúng ta?

305. We must fulfil the injunction "Know Thyself" before such extended knowledge will be possible.

305. Chúng ta phải hoàn thành huấn lệnh "Hãy Biết Chính Mình" trước khi loại tri thức mở rộng như thế trở nên khả hữu.

306. The third idea to be taken in relation to "specific purpose" is "The Factor of Karma"

306. Ý tưởng thứ ba cần được xét liên hệ với "mục đích đặc thù" là "Yếu Tố Nghiệp Quả"

The Factor of Karma. Every thought-form comes under the law of Karma through the effect it produces.

Yếu Tố Nghiệp Quả. Mỗi hình tư tưởng đều nằm dưới định luật nghiệp quả qua hiệu quả mà nó tạo ra.

307. Thoughtforms are an effect and produce effects.

307. Các hình tư tưởng là một hiệu quả và tạo ra các hiệu quả.

At this stage in the history of the system—that vast transitional stage between dense physical life and existence in the logoic etheric body—

Ở giai đoạn này trong lịch sử của hệ thống—giai đoạn chuyển tiếp bao la ấy giữa sự sống hồng trần đậm đặc và sự tồn tại trong thể dĩ thái logoic—

308. Here is a most important statement which tells much about the developmental process of man and the Solar Logos.

308. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng, cho biết nhiều điều về tiến trình phát triển của con người và của Thái dương Thượng đế.

309. Man is certainly working largely within the dense sub-planes of the solar logoic dense vehicle. He strives to center himself within the "logoic etheric body" (beginning with the buddhic plane).

309. Chắc chắn con người đang hoạt động phần lớn trong các cõi phụ đậm đặc của vận cụ đậm đặc thái dương logoic. Y nỗ lực định tâm chính mình trong "thể dĩ thái logoic" (bắt đầu với cõi Bồ đề).

310. The Solar Logos too, still desires to be in physical incarnation and hence His twenty-one lower systemic sub-planes will continue to manifest.

310. Thái dương Thượng đế cũng vẫn còn mong muốn ở trong lâm phàm hồng trần và vì thế hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp hơn của Ngài sẽ tiếp tục biểu hiện.

311. When this desire cease, the Solar Logos will focus His life in His cosmic etheric vehicle and the time will come when even this vehicle will be dropped and the logoic astral body will serve as the outermost body of logoic manifestation.

311. Khi ham muốn này chấm dứt, Thái dương Thượng đế sẽ tập trung sự sống của Ngài trong vận cụ dĩ thái vũ trụ của Ngài và sẽ đến lúc ngay cả vận cụ này cũng bị từ bỏ và thể cảm dục logoic sẽ phục vụ như thể ngoài cùng của sự biểu hiện logoic.

it is not easy for us to differentiate between those thought forms which are effects and those which are causes.

312. Such differentiation would require a keen intuition which can only develop when man is focussed buddhically. Right now, he is participating in a process of transition between physical focus and cosmic etheric focus.

It should be remembered here *that only cosmic and solar lords formulate thoughts.* The lunar Lords and all lesser intelligences do not do so.

313. This statement reveals much about the status of man. Since man formulates thought, man must necessarily be a *solar lord.*

314. The Solar Logos, the Planetary Logos, and even the Chain-Lords are *cosmic lords.*

315. Lunar Lords and all lesser intelligences *respond* to thoughts which have been formulated.

316. Before man can think clearly, he is more akin to the deva kingdom than the human; he responds to thoughts which have been created—by *others*.

Therefore, the two above mentioned groups come under karmic law. They only are self-conscious, and therefore responsible. Where self-consciousness is not, there is no responsibility.

chúng ta không dễ phân biệt giữa những hình tư tưởng là hiệu quả và những hình tư tưởng là nguyên nhân.

312. Sự biến phân như thế đòi hỏi một trực giác sắc bén chỉ có thể phát triển khi con người được tập trung một cách Bồ đề. Ngay lúc này, y đang tham dự vào một tiến trình chuyển tiếp giữa sự tập trung hồng trần và sự tập trung dĩ thái vũ trụ.

Ở đây cần ghi nhớ rằng *chỉ các chúa tể vũ trụ và thái dương mới hình thành tư tưởng.* Các nguyệt tinh quân và mọi trí tuệ thấp hơn thì không làm như vậy.

313. Phát biểu này mặc khải nhiều điều về địa vị của con người. Vì con người hình thành tư tưởng, con người tất yếu phải là một *chúa tể thái dương.*

314. Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế, và ngay cả các Chúa Tể Dãy đều là những *chúa tể vũ trụ.*

315. Các nguyệt tinh quân và mọi trí tuệ thấp hơn đều *đáp ứng* với những tư tưởng đã được hình thành.

316. Trước khi con người có thể tư duy rõ ràng, y gần với giới thiên thần hơn là giới nhân loại; y đáp ứng với những tư tưởng đã được tạo ra—bởi *những kẻ khác*.

Do đó, hai nhóm được đề cập ở trên nằm dưới định luật nghiệp quả. Chỉ họ mới có ngã thức, và vì thế mới có trách nhiệm. Nơi nào không có ngã thức, nơi đó không có trách nhiệm.

317. Beings who are not self-consciousness are not yet the authors of their destiny. They respond; they do not originate.

317. Những hữu thể không có ngã thức thì chưa phải là tác giả của số phận mình. Họ đáp ứng; họ không khởi xướng.

318. It is cosmic and solar lords, therefore, who come under karmic law.

318. Vì vậy, chính các chúa tể vũ trụ và thái dương là những vị nằm dưới định luật nghiệp quả.

Hence animals are not held to be responsible, and though they [Page 563] suffer on the physical plane and in their physical vehicles, on the subtler planes they are freed from karma, for they have neither memory nor anticipation;

Do đó, các loài vật không bị xem là có trách nhiệm, và dù chúng [Page 563] chịu đau khổ trên cõi hồng trần và trong các thể hồng trần của chúng, trên các cõi vi tế hơn chúng được giải thoát khỏi nghiệp quả, vì chúng không có ký ức cũng không có sự dự liệu;

319. As has been pointed out, animals do have memory but no center of consciousness to which to relate the memory; they also have at least embryonic anticipation, but again no center of consciousness to which to relate the anticipation. Memory is; anticipation is; but there is no-***one*** who remembers or who anticipates.

319. Như đã được chỉ ra, các loài vật quả có ký ức nhưng không có trung tâm tâm thức để liên hệ ký ức ấy; chúng cũng có ít nhất sự dự liệu ở dạng phôi thai, nhưng một lần nữa không có trung tâm tâm thức để liên hệ sự dự liệu ấy. Ký ức thì có; sự dự liệu thì có; nhưng không có ai nhớ hay dự liệu.

320. Is DK saying that when animals incarnate they do not bring into a particular incarnation any individual karma?

320. Có phải Chân sư DK đang nói rằng khi các loài vật nhập thể, chúng không mang vào một kiếp sống cụ thể nào bất kỳ nghiệp quả cá nhân nào chăng?

321. Do animals live on the subtler planes as well as the physical? Certainly they live emotionally and in an embryonic sense, mentally (at least some of them do).

321. Các loài vật có sống trên các cõi vi tế hơn cũng như trên cõi hồng trần không? Chắc chắn chúng sống về mặt cảm xúc và, theo nghĩa phôi thai, về mặt trí tuệ nữa (ít nhất một số loài là như vậy).

322. In relation to the animal, where does karma reside? Might it reside within that greater intelligence which informs the animal kingdom as a whole, or within lesser but still great intelligences who inform different divisions of the animal kingdom?

322. Liên hệ với loài vật, nghiệp quả nằm ở đâu? Có thể nó nằm trong trí tuệ lớn hơn đang thấm nhuần giới động vật như một toàn thể, hay trong những trí tuệ nhỏ hơn nhưng vẫn lớn lao đang thấm nhuần các phân bộ khác nhau của giới động vật chăng?

they lack the correlating faculty and as the spark of mind is missing, they are held free from the law of retribution, except where the physical body is concerned.

323. It appears that that which animals inflict physically is physically inflicted upon them.

324. In general, the law of retribution is present only when there is self-consciousness and, thus, individual responsibility.

325. We may also gather that the correlating faculty is dependent upon the "spark of mind".

326. Of course, even in our present era some human beings of lower developmental caliber have the correlating faculty but the "spark of mind" was never implanted—the mental unit was merely fanned until it became *as* a spark of mind—at least sufficiently stimulated to sustain a rudimentary self-consciousness.

The reason for the suffering in the animal kingdom is hidden in the mystery of the sin of the mindless,[80] and in that terrible period spoken of in the *Secret Doctrine*, which resulted in abortions and distortions of all kinds. Had this period not occurred, and this particular type of "miscarriage of purpose" not taken place, we should not have **had the fearful karmic relationship which now exists between the third and the fourth kingdom.**

327. Here is an amazing section of text.

328. There was a period in history in which:

chúng thiếu năng lực liên kết và vì tia lửa trí tuệ vắng mặt, chúng được xem là thoát khỏi định luật báo ứng, ngoại trừ khi liên quan đến thể xác.

323. Có vẻ như điều mà các loài vật gây ra về mặt thể xác thì được giáng trở lại lên chúng về mặt thể xác.

324. Nói chung, định luật báo ứng chỉ hiện diện khi có ngã thức và do đó có trách nhiệm cá nhân.

325. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng năng lực liên kết phụ thuộc vào "tia lửa trí tuệ".

326. Dĩ nhiên, ngay trong thời đại hiện nay của chúng ta, một số con người có trình độ phát triển thấp hơn vẫn có năng lực liên kết nhưng "tia lửa trí tuệ" chưa bao giờ được cấy vào—đơn vị hạ trí chỉ được quạt lên cho đến khi nó trở thành *như* một tia lửa trí tuệ—ít nhất được kích thích đủ để duy trì một ngã thức sơ đẳng.

Lý do của đau khổ trong giới động vật được che giấu trong huyền nhiệm về tội lỗi của những kẻ vô trí,80 và trong thời kỳ khủng khiếp được nói đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, thời kỳ đã dẫn đến mọi loại sẩy thai và biến dạng. Nếu thời kỳ ấy đã không xảy ra, và nếu loại "sự sẩy thai của mục đích" đặc biệt này đã không diễn ra, thì chúng ta đã không **có mối quan hệ nghiệp quả đáng sợ hiện đang tồn tại giữa giới thứ ba và giới thứ tư.**

327. Đây là một đoạn văn đáng kinh ngạc.

328. Đã có một thời kỳ trong lịch sử mà trong đó:

a. The sin of the mindless was committed

a. Tội lỗi của những kẻ vô trí đã được phạm phải

b. Abortions and distortions of all kinds resulted

b. Mọi loại sẩy thai và biến dạng đã xảy ra

329. Two results seem to have eventuated from the commission of the sin of the mindless:

329. Dường như đã có hai kết quả phát sinh từ việc phạm tội lỗi của những kẻ vô trí:

a. Suffering in the animal kingdom

a. Đau khổ trong giới động vật

b. A "fearful karmic relationship" between the animal and human kingdoms

b. Một "mối quan hệ nghiệp quả đáng sợ" giữa giới động vật và giới nhân loại

330. The relationship between the animal and human kingdoms is called a "fearful karmic relationship". May we judge, then, that this relationship is characterized by ***fear*** experienced by each of the two kingdoms with respect to the other?

330. Mối quan hệ giữa giới động vật và giới nhân loại được gọi là một "mối quan hệ nghiệp quả đáng sợ". Vậy, chúng ta có thể phán đoán rằng mối quan hệ này được đặc trưng bởi ***sợ hãi*** mà mỗi một trong hai giới trải nghiệm đối với giới kia chăng?

331. Fear is an irrational repulsion. One could expect that animals would have fear in relation to the human kingdom, but the irrational aspect should not be present in humanity.

331. Sợ hãi là một sự đẩy lùi phi lý. Người ta có thể mong đợi rằng các loài vật sẽ có sợ hãi đối với giới nhân loại, nhưng phương diện phi lý ấy không nên hiện diện trong nhân loại.

332. In any case a sustained irrational and debilitating repulsion existing between the two kingdoms is a definite impediment to the establishing of right relations between these kingdoms.

332. Dù sao đi nữa, một sự đẩy lùi phi lý và làm suy nhược kéo dài tồn tại giữa hai giới là một chướng ngại xác định đối với việc thiết lập những quan hệ đúng đắn giữa hai giới này.

80: The sin of the Mindless. See S. D., II, 195, 201. This sin has to do with the period of the Separation of the Sexes in the early third rootrace, the Lemurian. The same historical

80: Tội lỗi của những Kẻ Vô Trí. Xem G. L. B. N., II, 195, 201. Tội lỗi này liên quan đến thời kỳ Phân Ly Giới Tính trong giống dân gốc thứ ba thời kỳ đầu, giống Lemuria. Cùng một

fact is hinted at also in the Bible in Genesis VI, 2:4.

333. How early in the third root race were the sexes separated? Some theorists consider that the separation occurred in the fifth sub-race of the third root race. Can the fifth sub-race be considered "early"?

334. And yet, it is possible that the first two sub-races of the third root race are not counted in the same way. Thus, the human process is considered to begin during the third root race of the third sub-race. In this case the fifth sub-race of the third root race could be considered to have occurred in the "early third root race".

"They (the sexes) had already separated before the ray of divine reason had enlightened the dark region of their hitherto slumbering minds, and had sinned.

335. From this explanation, it would seem that the separation of the sexes occurred *before* individualization or before the fanning of the "fanning of the spark of mind" (TCF 1174) Yet, some serious scholars say that individualization occurred *before* the separation of the sexes, when man was still in the hermaphroditic state.

That is to say, they had committed evil unconsciously by producing an effect which was unnatural."

See also S. D., II, 721, 728.

336. In some texts certain of the great Angels who *should have* either sent the spark of mind to such mindless units (or have

sự kiện lịch sử ấy cũng được ám chỉ trong Kinh Thánh ở Sáng Thế Ký VI, 2:4.

333. Giới tính đã được phân ly sớm đến mức nào trong giống dân gốc thứ ba? Một số nhà lý thuyết cho rằng sự phân ly xảy ra trong giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ ba. Giống dân phụ thứ năm có thể được xem là "sớm" không?

334. Tuy nhiên, có thể là hai giống dân phụ đầu tiên của giống dân gốc thứ ba không được tính theo cùng một cách. Vì thế, tiến trình nhân loại được xem là bắt đầu trong giống dân gốc thứ ba của giống dân phụ thứ ba. Trong trường hợp này, giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ ba có thể được xem là đã xảy ra trong "giống dân gốc thứ ba thời kỳ đầu".

"Chúng (các giới tính) đã phân ly rồi trước khi tia sáng của lý trí thiêng liêng soi sáng vùng tối của những trí tuệ cho đến lúc đó còn đang ngủ mê của chúng, và đã phạm tội.

335. Từ lời giải thích này, dường như sự phân ly giới tính đã xảy ra *trước* biệt ngã hóa hay trước việc quạt lên "sự quạt lên tia lửa trí tuệ" (TCF 1174). Tuy nhiên, một số học giả nghiêm túc nói rằng biệt ngã hóa đã xảy ra *trước* sự phân ly giới tính, khi con người vẫn còn ở trạng thái lưỡng tính.

Nghĩa là, chúng đã vô thức phạm điều ác bằng cách tạo ra một hiệu quả trái tự nhiên."

Xem thêm G. L. B. N., II, 721, 728.

336. Trong một số văn bản, một số Đại Thiên Thần lẽ ra *đã phải* hoặc gửi tia lửa trí tuệ đến những đơn vị vô trí như thế (hoặc đã quạt

fanned the flame) are blamed for this disaster. It is thought that if such relatively mindless animal men had had more light from 'above', the sin of the mindless would not have occurred.

bùng ngọn lửa) bị quy trách cho thảm họa này. Người ta cho rằng nếu những người thú tương đối vô trí ấy đã có nhiều ánh sáng hơn từ 'bên trên', thì tội lỗi của những kẻ vô trí đã không xảy ra.

The effect of the life and persistence of a thought-form, if maleficent and destructive, works out as "evil karma"; if beneficent it works as "good karma" in the group in which the emanator has a place.

Hiệu quả của sự sống và sự dai dẳng của một hình tư tưởng, nếu là ác hại và hủy diệt, sẽ biểu hiện thành "nghiệp xấu"; nếu là thiện lành thì sẽ biểu hiện thành "nghiệp tốt" trong nhóm mà kẻ phát xạ có một vị trí trong đó.

337. One of our tasks is to discriminate between maleficent and beneficent thoughtforms and to be sure that we create the latter.

337. Một trong những nhiệm vụ của chúng ta là phân biện giữa các hình tư tưởng ác hại và thiện lành và bảo đảm rằng chúng ta tạo ra loại sau.

338. We note the *group* effect of generated thoughtforms. Beneficent thoughtforms, for instance, work out as "good karma" *within the group* in which the emanator has a place. We can see that we can affect our group(s) for good or for ill depending upon the nature of the thoughtforms we create.

338. Chúng ta lưu ý hiệu quả *nhóm* của các hình tư tưởng được tạo ra. Chẳng hạn, các hình tư tưởng thiện lành biểu hiện thành "nghiệp tốt" *trong nhóm* mà kẻ phát xạ có một vị trí trong đó. Chúng ta có thể thấy rằng mình có thể ảnh hưởng đến nhóm hay các nhóm của mình theo hướng tốt hoặc xấu tùy theo bản chất của các hình tư tưởng mà mình tạo ra.

This is what is meant by there being no karma attached to the working out of a good and altruistic deed.

Đó là điều được hàm ý khi nói rằng không có nghiệp quả gắn liền với việc biểu hiện của một hành động tốt lành và vị tha.

339. Beneficent thoughtforms tend towards harmony; the working out of karma tends also towards harmony.

339. Các hình tư tưởng thiện lành có khuynh hướng hướng đến hài hòa; sự biểu hiện của nghiệp quả cũng có khuynh hướng hướng đến hài hòa.

340. "Good karma" then is much closer to the balanced condition (which is the goal of all karmic process) than is "evil karma".

340. Vậy thì "nghiệp tốt" gần với trạng thái quân bình (vốn là mục tiêu của mọi tiến trình nghiệp quả) hơn nhiều so với "nghiệp xấu".

TCF 563-567: S5S12

12 September 2007—27 September 2007

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph.

1. We continue from Commentary XI with the subject of "specific purpose".

2. In the previous Commentary we were considering three ideas or factors related to the "specific purpose" of any thoughtform:

a. The Factor of Identity

b. The Factor of Time

c. The Factor of Karma

d. Now we add the Factor of the Lesser Builders

The Factor of the Lesser Builders. Here a most interesting factor comes in upon which we shall enlarge later, when considering the

12 tháng 9 năm 2007—27 tháng 9 năm 2007

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị nên **đọc phần Bình Luận này với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn.

1. Chúng ta tiếp tục từ Bình Luận XI với chủ đề "mục đích đặc thù".

2. Trong phần Bình Luận trước, chúng ta đã xem xét ba ý tưởng hay yếu tố liên hệ với "mục đích đặc thù" của bất kỳ hình tư tưởng nào:

a. Yếu Tố Bản Sắc

b. Yếu Tố Thời Gian

c. Yếu Tố Nghiệp Quả

d. Giờ đây chúng ta thêm vào Yếu Tố của các vị tiểu kiến tạo

*Yếu Tố của các vị tiểu kiến tạo.*Ở đây xuất hiện một yếu tố hết sức thú vị mà chúng ta sẽ khai triển thêm về sau, khi xét đến các hành

elementals. The specific purpose of a thought-form **is connected very closely with the type of deva essence of which it is constructed,** and (in connection with man on the mental plane), **with the type of elemental which he can control, and send forth as the occupier, or vitalising agency of the thoughtform.**

khí. Mục đích đặc thù của một hình tư tưởng **liên hệ rất mật thiết với loại tinh chất thiên thần mà từ đó nó được cấu tạo nên,** và (liên quan đến con người trên cõi trí), **với loại hành khí mà y có thể kiểm soát và phóng ra như kẻ cư ngụ, hay tác nhân tiếp sinh lực của hình tư tưởng.**

3. We are dealing with the specific purpose of a thoughtform.

3. Chúng ta đang bàn đến mục đích đặc thù của một hình tư tưởng.

4. This purpose is dependent upon two factors:

4. Mục đích này tùy thuộc vào hai yếu tố:

a. The type of deva essence of which the thoughtform is constructed

a. Loại tinh chất thiên thần mà từ đó hình tư tưởng được cấu tạo nên

b. The type of elemental which the creator of the thoughtform can control and send forth as the occupier or vitalizing agency of the thoughtform.

b. Loại hành khí mà kẻ sáng tạo hình tư tưởng có thể kiểm soát và phóng ra như kẻ cư ngụ hay tác nhân tiếp sinh lực của hình tư tưởng.

5. It is important for man to recognize that when he creates a thoughtform, he is dealing with an elemental life which is the occupier and vitalizing agency of the thoughtform. If he is to be successful in the creative process, he must learn to control such an elemental.

5. Điều quan trọng là con người phải nhận ra rằng khi y tạo ra một hình tư tưởng, y đang làm việc với một sự sống hành khí là kẻ cư ngụ và tác nhân tiếp sinh lực của hình tư tưởng. Nếu muốn thành công trong tiến trình sáng tạo, y phải học cách kiểm soát một hành khí như thế.

Roughly speaking, a *solar Logos* works only through the **greater Builders**, the Manasaputras in Their [Page 564] various grades on the two higher planes of the solar system.

Nói một cách khái quát, một *Thái dương Thượng đế* chỉ hoạt động qua các **đấng đại kiến tạo**, các Manasaputras trong [Page 564] các cấp bậc khác nhau của Các Ngài trên hai cõi cao hơn của hệ mặt trời.

6. The term "Manasaputra" sometimes means Planetary Logoi.

6. Thuật ngữ "Manasaputra" đôi khi có nghĩa là các Hành Tinh Thượng Đế.

7. Are the Planetary Logoi to be considered as Men or Devas or both?

7. Có nên xem các Hành Tinh Thượng Đế là Người hay thiên thần hay là cả hai chăng?

8. The focus of the Planetary Logoi is primarily upon the second plane of the solar system.

8. Tiêu điểm của các Hành Tinh Thượng Đế chủ yếu ở trên cõi thứ hai của hệ mặt trời.

9. There are also Three Logoi Who are focussed upon the logoic plane, but these are not necessarily the same as the Logoi of the synthesizing planets—i.e., They are probably not *Planetary* Logoi but inclusive of Planetary Logoi (cf. EP II 99)

9. Cũng có Ba Thượng đế được tập trung trên cõi logoi, nhưng các Ngài này không nhất thiết là cùng một với các Thượng đế của những hành tinh tổng hợp—nghĩa là, các Ngài có lẽ không phải là *các Hành Tinh* Thượng Đế mà bao gồm các Hành Tinh Thượng Đế (x. EP II 99)

10. For the moment, it seems best to conclude that the Manasaputras through Whom the Solar Logos works are *not* the Planetary Logoi (even though the term Divine Manasaputra has often meant "Planetary Logos")

10. Hiện thời, dường như tốt nhất là kết luận rằng các Manasaputras mà qua đó Thái dương Thượng đế hoạt động *không* phải là các Hành Tinh Thượng Đế (dù rằng thuật ngữ Manasaputra Thiêng liêng thường có nghĩa là "Hành Tinh Thượng Đế")Manasaputra

11. The "greater Builders" here referenced (and through which the Solar Logos works) are probably the two Creative Hierarchies associated with the first two systemic plane —namely the "Divine Flames" and the "Burning Sons of Desire".

11. Các "đấng đại kiến tạo" được nhắc đến ở đây (và là những vị mà qua đó Thái dương Thượng đế hoạt động) có lẽ là hai Huyền Giai Sáng Tạo gắn liền với hai cõi đầu của hệ thống—cụ thể là "Những Ngọn Lửa Thiêng" và "Những Người Con Rực Cháy của Dục Vọng".

He works through Them, and sends Them forth upon the mission of constructing, and vitalising the systemic thought-form, with a specific purpose in view.

Ngài hoạt động qua Các Ngài, và phóng Các Ngài ra thi hành sứ mạng kiến tạo và tiếp sinh lực cho hình tư tưởng hệ thống, với một mục đích đặc thù được nhắm đến.

12. The Manasaputras, then, (as understood in this context) are the Devas Who construct the systemic thoughtform—i.e., the solar system.

12. Như vậy, các Manasaputras (được hiểu trong ngữ cảnh này) là các thiên thần kiến tạo hình tư tưởng hệ thống—nghĩa là, hệ mặt trời.

13. Next, we discuss the Builders through which the Planetary Logoi work—showing that there is a distinction between the

13. Tiếp theo, chúng ta bàn đến các đấng kiến tạo mà qua đó các Hành Tinh Thượng Đế hoạt động—cho thấy có một sự phân biệt giữa các Thượng đế chỉ đạo (Thái dương hay

directing Logoi (Solar or Planetary) and the Builders through whom They work.

Hành tinh) và các đấng kiến tạo mà qua đó Các Ngài hoạt động.

The *planetary Logoi* work primarily through the Builders of the next three planes (atma-buddhi-manas), who construct and control the work of the planetary schemes.

Các *Hành Tinh Thượng Đế* hoạt động chủ yếu qua các đấng kiến tạo của ba cõi kế tiếp (atma-buddhi-manas), là những vị kiến tạo và kiểm soát công việc của các hệ hành tinh.

14. From this section of text, we can confirm that the Manasaputras through which the Solar Logos works are *not* the Planetary Logoi.

14. Từ phần văn bản này, chúng ta có thể xác nhận rằng các Manasaputras mà qua đó Thái dương Thượng đế hoạt động *không* phải là các Hành Tinh Thượng Đế.

15. The Solar Logoi and Planetary Logoi are considered as "Men" working through D/devas.

15. Các Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế được xem là "Người" hoạt động qua các thiên thần.

16. The "Builders" (are They also "*Greater* Builders") of the atmic, buddhic and manasic systemic planes are utilized by the Planetary Logoi. When compares with the Builders of the first two systemic planes, the Builders of the atmic, buddhic and manasic planes are *lesser* Builders, but they are greater when compared to Builders of still lower planes.

16. Các "đấng kiến tạo" (Các Ngài cũng là các "*đại* kiến tạo" chăng?) của các cõi hệ thống atma, Bồ đề và manas được các Hành Tinh Thượng Đế sử dụng. Khi so với các đấng kiến tạo của hai cõi hệ thống đầu tiên, các đấng kiến tạo của các cõi atma, Bồ đề và manas là các *vị tiểu* kiến tạo, nhưng lại lớn hơn khi so với các đấng kiến tạo của những cõi còn thấp hơn nữa.

17. We must keep constantly in mind that the terms "greater" and "lesser" are entirely relative.

17. Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng các thuật ngữ "lớn hơn" và "nhỏ hơn" hoàn toàn có tính tương đối.

18. These Builders work upon those aspects of the schemes which are found on the atmic, buddhic and manasic planes. Still lesser builders, it seems, work on those aspects of the planetary schemes which are found on the lower eighteen sub-planes.

18. Các đấng kiến tạo này hoạt động trên những phương diện của các hệ hành tinh được tìm thấy trên các cõi atma, Bồ đề và manas. Dường như các vị kiến tạo còn nhỏ hơn nữa hoạt động trên những phương diện của các hệ hành tinh được tìm thấy trên mười tám cõi phụ thấp hơn.

Men work through the builders of the lower mental planes, and the astral plane, for the human thought-forms are kama-manasic;

Con người hoạt động qua các đấng kiến tạo của các cõi hạ trí và cõi cảm dục, vì các hình tư tưởng của con người là trí-cảm;

19. Probably much depends upon the kind of human being that is doing the building.

19. Có lẽ nhiều điều tùy thuộc vào loại người đang thực hiện việc kiến tạo.

20. If the man is highly mentally polarized, the builders of the astral plane may play a smaller role in the construction of his thoughtforms.

20. Nếu con người ấy phân cực trí tuệ cao, các đấng kiến tạo của cõi cảm dục có thể đóng vai trò nhỏ hơn trong việc cấu tạo các hình tư tưởng của y.

21. We may gather that the majority of thoughtforms created by human beings require the participation of both the builders of the lower mental plane and of the astral plane.

21. Chúng ta có thể suy ra rằng đa số các hình tư tưởng do con người tạo ra đều đòi hỏi sự tham dự của cả các đấng kiến tạo của cõi hạ trí lẫn của cõi cảm dục.

the physical plane builders are swept automatically into action by the force of the currents, and energies set up in subtler matter, by the great Builders.

các đấng kiến tạo cõi hồng trần tự động bị cuốn vào hoạt động bởi mãnh lực của các dòng chảy và năng lượng được thiết lập trong chất liệu vi tế hơn, bởi các đại kiến tạo.

14. Is DK including the lower mental builders and the astral builders as "great Builders"? It would seem usual to do so. Usually, the term "Greater Builders" is reserved for *triadal* builders and, in one chart at least, the atmic builders are not included among the "Greater Builders"—only those who build upon the monadic plane.

14. Chân sư DK có bao gồm các đấng kiến tạo hạ trí và các đấng kiến tạo cảm dục trong "các đại kiến tạo" không? Dường như thường là như vậy. Thông thường, thuật ngữ "Các Đại Kiến Tạo" được dành cho các đấng kiến tạo *tam nguyên tinh thần* và, ít nhất trong một biểu đồ, các đấng kiến tạo atma không được kể vào "Các Đại Kiến Tạo"—chỉ những vị kiến tạo trên cõi chân thần mới được kể.

15. The descriptions of the B/builders seem rather relative and caution will be needed if we are to understand the category of B/builder of which we may be speaking.

15. Những mô tả về các đấng kiến tạo dường như khá tương đối và sẽ cần thận trọng nếu chúng ta muốn hiểu loại đấng kiến tạo nào đang được nói đến.

16. Let us tabulate what we have learned in the foregoing section of text:

16. Chúng ta hãy lập bảng những gì đã học được trong phần văn bản trên:

Type of Man	Type of Builder through which the Man Works	Creative Hierarchies which May Be Involved in the Process	The Planes on which the Building Takes Place

Solar Logos	Manasaputras—called here “Greater Builders”	Divine Flames and Burning Sons of Desire	Logoic and Monadic Planes of the Solar System
Planetary Logos	Builders Who are called neither “greater” nor “lesser” in this context. The Triple Flowers of the atmic plane are sometimes called “Lesser Builders” (EA 35)	The Triple Flowers, The Initiates (Lords of Sacrifice), and the Makara	Atmic, Buddhic and Manasic Planes
Solar Angels Who are Greater Builders when compared with the unconscious Lunar Builders	Some self-conscious devas who are directed by the Solar Lords	The Lunar Lords (Sacrificial Fires)	The Higher Mental Plane, the Astral Plane, the Systemic Etheric Plane
Man	Lower Devic and Elemental Lives	The Elemental Lives (The Baskets of Nourishment), and in general monadic and elemental essence	The Eighteen Lower Sub-planes

17. In the Tabulation above, the Solar Angels have been inserted as They, though devic, are definitely directing Builders of the human incarnational process.

17. Trong Bảng trên, các Thái dương Thiên Thần đã được đưa vào vì Các Ngài, tuy thuộc thiên thần giới, rõ ràng là các đấng kiến tạo chỉ đạo của tiến trình nhập thể nhân loại.

18. The proposed Tabulation is relatively simple. The Tabulation below is far deeper in its implications.

18. Bảng đề nghị này tương đối đơn giản. Bảng dưới đây sâu sắc hơn nhiều trong các hàm ý của nó.

The inserted tabulation opposite may make this clear.

Bảng được chèn ở trang đối diện có thể làm điều này rõ ràng.

[Page 565]

[Page 565]

TABULATION IV
THE BUILDING ENTITIES

	Quality	*Entity*	*Centre*	*Personality*	*Kingdom*	
1.	Atma	Logos	Head (Brain)	Grand Heavenly Man	Seventh	Unity
2-3	Buddhi manas	Planetary Logos	Heart and Throat	Heavenly Men	Sixth and Fifth	Duality
4.	Mental	Man	Solar Plexus	Man	Fourth	Triplicity
5.	Astral	Animal	Base of the Spine Generative Organs		Third	Duality
6.	Etheric	Vegetable	Spleen		Second	Transitional
7.	Dense	Mineral	None		First	Unity

19. Listed above are the "Building Entities" found within the entirety of the solar system—itself an expression of the Will, Love and Intelligence of the Solar Logos.

19. Được liệt kê ở trên là các "Thực Thể Kiến Tạo" được tìm thấy trong toàn thể hệ mặt trời—bản thân nó là một biểu hiện của Ý Chí, Tình thương và Trí Tuệ của Thái dương Thượng đế.

20. In this tabulation the Solar Logos and Planetary Logoi are listed as "Building Entities", but so is Man.

20. Trong bảng này, Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế được liệt kê như những "Thực Thể Kiến Tạo", nhưng Con Người cũng vậy.

21. Interestingly, we see that the fifth and sixth kingdoms are listed in the same row. The fifth kingdom is the "Kingdom of Souls" and the sixth the "Kingdom of Planetary Lives". Both of these kingdoms are expressions of the Planetary Logos.

21. Thật thú vị, chúng ta thấy giới thứ năm và giới thứ sáu được liệt kê trên cùng một hàng. Giới thứ năm là "Giới các Linh Hồn" và giới thứ sáu là "Giới các Sự Sống Hành tinh". Cả hai giới này đều là những biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế.

22. We note that there are two more types of "Building Entities" not listed. They are incorporated within the field of expression of the Planetary Logos, but so is "Man" (and Man is listed separately). These two Entities are Chain-Lords and Globe Lords.

22. Chúng ta lưu ý rằng còn có thêm hai loại "Thực Thể Kiến Tạo" nữa không được liệt kê. Chúng được bao hàm trong trường biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế, nhưng "Con Người" cũng vậy (và Con Người được liệt kê riêng). Hai Thực Thể này là các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu Hành Tinh.

23. We notice that building occurs *below* the level of the logoic and monadic planes. Cosmically, the material aspect begins with

23. Chúng ta nhận thấy rằng sự kiến tạo diễn ra *bên dưới* cấp độ của các cõi logoi và chân thần. Về mặt vũ trụ, phương diện vật chất bắt đầu với cõi atma, là cõi đầu tiên của

the atmic plane which is the first planet of Brahma—the God of form aspect.

Brahma—Thượng đế của phương diện hình tướng.

24. Atma may be considered an aspect of the Universal Mind—the Mind of the Logos, and so it is fitting to find the Grand Heavenly Man building upon the atmic plane.

24. Atma có thể được xem là một phương diện của Vũ Trụ Trí—Trí của Thượng đế, và vì thế thật thích hợp khi thấy Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại kiến tạo trên cõi atma.

25. The Solar Logos always seems to work one sub-plane higher than the Planetary Logos. If atma is Universal Mind for the Solar Logos, then buddhic (transcendental mind) is for the Planetary Logos the correspondence to Universal Mind.

25. Thái dương Thượng đế dường như luôn hoạt động cao hơn Hành Tinh Thượng Đế một cõi phụ. Nếu atma là Vũ Trụ Trí đối với Thái dương Thượng đế, thì Bồ đề (trí tuệ siêu việt) là sự tương ứng với Vũ Trụ Trí đối với Hành Tinh Thượng Đế.

26. There are a number of correspondences in this Tabulation which are unusual or of interest or both.

26. Có một số tương ứng trong Bảng này vừa khác thường vừa đáng quan tâm, hoặc cả hai.

a. We see that the Heavenly Men are called the personality aspect of the Planetary Logos. Most often the term "Heavenly Man" means Planetary Logos. In this case, we may be dealing with group entities upon triadal levels through which the Planetary Logos expresses. There are, perhaps, a number of varieties of Heavenly Men which are not the Planetary Logos, per se.

a. Chúng ta thấy rằng các Đấng Thiên Nhân được gọi là phương diện phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế. Thông thường nhất, thuật ngữ "Đấng Thiên Nhân" có nghĩa là Hành Tinh Thượng Đế. Trong trường hợp này, có lẽ chúng ta đang bàn đến các thực thể nhóm trên các cấp độ tam nguyên tinh thần mà qua đó Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ. Có lẽ có một số loại Đấng Thiên Nhân không phải chính là Hành Tinh Thượng Đế.

b. From another perspective, the personality aspect of the Planetary Logos would be found upon the eighteen lower *cosmic* sub-planes (but to include the cosmic planes seems too great a stretch for this particular Tabulation).

b. Từ một góc nhìn khác, phương diện phàm ngã của Hành Tinh Thượng Đế sẽ được tìm thấy trên mười tám cõi phụ *vũ trụ* thấp hơn (nhưng bao gồm các cõi vũ trụ dường như là một sự kéo giãn quá mức đối với riêng Bảng này).

c. We also see that the Grand Heavenly Man is considered the personality aspect of the Solar Logos. Again, we could include the lower cosmic sub-planes as the personality of the Solar Logos and, hence, the proper sphere of expression of this characterization

c. Chúng ta cũng thấy rằng Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại được xem là phương diện phàm ngã của Thái dương Thượng đế. Một lần nữa, chúng ta có thể bao gồm các cõi phụ vũ trụ thấp hơn như phàm ngã của Thái dương Thượng đế và, do đó, là khối cầu biểu hiện

of the Grand Heavenly Man, but to do so might be to broaden the scope of this Tabulation in an unwarranted manner.

thích hợp của đặc tính này nơi Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại, nhưng làm như vậy có thể là mở rộng phạm vi của Bảng này một cách không chính đáng.

d. In what sort of B/being are the centers listed in this tabulation found? We may deduce that the Being is the Solar Logos.

d. Các trung tâm được liệt kê trong bảng này được tìm thấy trong loại Thực Thể nào? Chúng ta có thể suy ra rằng Thực Thể ấy là Thái dương Thượng đế.

e. In this Solar Logos, a Planetary Logos is as a "Head & Throat" center. The Planetary Logoi have mastered manas and are, therefore, "Divine Manasaputras". The Planetary Logoi, generically, are also "Dragons of Wisdom"—great "Hearts of Love".

e. Trong Thái dương Thượng đế này, một Hành Tinh Thượng Đế giống như một trung tâm "Đầu & Cổ họng". Các Hành Tinh Thượng Đế đã làm chủ manas và vì thế là những "Manasaputras Thiêng liêng". Các Hành Tinh Thượng Đế, nói chung, cũng là những "Rồng Minh Triết"—những "Trái Tim của Bác Ái" vĩ đại.

f. Within a Solar Logos, the human kingdom is no longer a throat center as in a Planetary Logos, but occupies a lower center. In this case, it is the solar plexus center.

f. Trong một Thái dương Thượng đế, giới nhân loại không còn là một trung tâm cổ họng như trong một Hành Tinh Thượng Đế nữa, mà chiếm một trung tâm thấp hơn. Trong trường hợp này, đó là trung tâm tùng thái dương.

g. Interestingly, man is also considered a base of the spine center, which likens the human kingdom to the mineral kingdom. We have to ask: "In comparison with what type of Being, is humanity as a base of the spine center?"

g. Thật thú vị, con người cũng được xem là một trung tâm đáy cột sống, điều này làm cho giới nhân loại giống với giới kim thạch. Chúng ta phải hỏi: "So với loại Thực Thể nào mà nhân loại lại như một trung tâm đáy cột sống?"

h. The Earth-globe is characterized by the number *four* as is the human kingdom. The Earth-globe may be, from one perspective, a kind of base of the spine center of the Lord of the Earth-chain. The Earth-chain, from one perspective, may be a kind of base of the spine center for the Lord of the Earth-scheme. Humanity is a throat center for the Planetary Logos and, apparently, a solar plexus center for the Solar Logos. We are speaking of humanity throughout the solar

h. Địa cầu bầu hành tinh được đặc trưng bởi con số *bốn* cũng như giới nhân loại. Từ một góc nhìn, Địa cầu bầu hành tinh có thể là một loại trung tâm đáy cột sống của Chúa Tể của Dãy Địa Cầu. Từ một góc nhìn, Dãy Địa Cầu có thể là một loại trung tâm đáy cột sống đối với Chúa Tể của hệ hành tinh Địa Cầu. Nhân loại là một trung tâm cổ họng đối với Hành Tinh Thượng Đế và, dường như, là một trung tâm tùng thái dương đối với Thái dương Thượng đế. Chúng ta đang nói về

system. It will not do to search the realms of the Cosmic Logoi and Super-Cosmic Logoi. They are too big and humanity too small. What about the star Sirius towards which humanity travels on the Fourth Path on the "Way of Higher Evolution". Could the base of the spine center with its number *four* be related to this Fourth Path?

nhân loại trong toàn thể hệ mặt trời. Sẽ không thích hợp nếu tìm kiếm trong các cõi của các Thượng đế Vũ Trụ và các Thượng đế Siêu Vũ Trụ. Các Ngài quá lớn còn nhân loại thì quá nhỏ. Còn ngôi sao Sirius mà nhân loại tiến về đó trên Con đường thứ Tư của "Con đường Tiến Hóa Cao Siêu" thì sao? Liệu trung tâm đáy cột sống với con số *bốn* có thể liên hệ với Con đường thứ Tư này chăng?

i. We have to pause to reflect a problem: while kingdoms may serve as centers or chakras within a Solar Logos, planetary schemes are *also* centers or chakras within a Solar Logos. We always have to view the scope of the centers or chakras we are discussing. Just as there are major centers or chakras, there are also minor and minute centers. When thinking of man's relationship to a Solar Logos, it is hard to see him as a *major* center or chakra. What we need to determine is the following:

i. Chúng ta phải dừng lại để suy nghĩ về một vấn đề: trong khi các giới có thể đóng vai trò như các trung tâm hay luân xa trong một Thái dương Thượng đế, thì các hệ hành tinh *cũng* là các trung tâm hay luân xa trong một Thái dương Thượng đế. Chúng ta luôn phải xét phạm vi của các trung tâm hay luân xa đang được bàn đến. Cũng như có các trung tâm hay luân xa chính, cũng có các trung tâm nhỏ và cực nhỏ. Khi nghĩ đến mối liên hệ của con người với một Thái dương Thượng đế, thật khó xem y như một trung tâm hay luân xa *chính*. Điều chúng ta cần xác định là điều sau đây:

i. What kind of centers or chakras in a Solar Logos do planetary schemes represent?

i. Các hệ hành tinh biểu hiện loại trung tâm hay luân xa nào trong một Thái dương Thượng đế?

ii. What kind of centers of chakras in a Solar Logos do the Kingdoms of Nature represent?

ii. Các Giới của Tự Nhiên biểu hiện loại trung tâm hay luân xa nào trong một Thái dương Thượng đế?

iii. What kind of centers or chakras in a Solar Logos do planetary chains represent?

iii. Các dãy hành tinh biểu hiện loại trung tâm hay luân xa nào trong một Thái dương Thượng đế?

iv. And so for planetary globes?

iv. Và các bầu hành tinh thì sao?

v. As rays and planes are also *spheres* what kind of spheres of activity do *they* represent within a Solar Logos?

v. Vì các cung và các cõi cũng là những *khối cầu*, nên chúng biểu hiện loại khối cầu hoạt động nào trong một Thái dương Thượng đế?

j. It is not surprising to see the animals (a Martian kingdom) related to the generative organs and the vegetable kingdom linked to the vitality processing spleen.

j. Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy giới động vật (một giới của Sao Hỏa) liên hệ với các cơ quan sinh sản và giới thực vật gắn với lá lách, cơ quan xử lý sinh lực.

k. Man is the only kingdom characterized by "triplicity". The fifth and sixth kingdoms (Souls and Planetary Lives) related to the Heavenly Men are characterized by "duality" as is the animal kingdom. *Both* of these kingdoms have a close relation to the third and sixth rays.

k. Con người là giới duy nhất được đặc trưng bởi "bộ ba". Giới thứ năm và thứ sáu (các Linh Hồn và các Sự Sống Hành tinh) liên hệ với các Đấng Thiên Nhân được đặc trưng bởi "nhị nguyên tính", cũng như giới động vật. *Cả hai* giới này đều có liên hệ mật thiết với cung ba và cung sáu.

l. Is the triplicity of Man related to the "three minds" which must unite upon the mental plane? Mentally, man is triple—lower mind, Son of Mind and abstract mind.

l. Bộ ba của Con Người có liên hệ với "ba trí hợp nhất" vốn phải hợp nhất trên cõi trí chăng? Về mặt trí tuệ, con người là tam phân —hạ trí, Con của Trí Tuệ và trí trừu tượng.

m. The mineral kingdom and the seventh kingdom (related to the Solar Logos) are characterized by "unity". Always in the developmental process, there is a primitive unity at the beginning, and a fully synthesized unity at the end.

m. Giới kim thạch và giới thứ bảy (liên hệ với Thái dương Thượng đế) được đặc trưng bởi "hợp nhất". Trong tiến trình phát triển luôn có một sự hợp nhất nguyên sơ ở lúc khởi đầu, và một sự hợp nhất được tổng hợp trọn vẹn ở lúc kết thúc.

27. We do not know the entire revelatory power of this chart. There are some unusual correspondences and one can only suspect that much is hinted and much, necessarily, overlooked.

27. Chúng ta không biết toàn bộ quyền năng mặc khải của biểu đồ này. Có một số tương ứng khác thường, và người ta chỉ có thể ngờ rằng nhiều điều được gợi ý và nhiều điều, tất yếu, bị bỏ qua.

If the table is carefully studied, it will be seen that the fivefold earlier enumeration concerns the most important kingdoms in nature,

Nếu bảng này được nghiên cứu cẩn thận, sẽ thấy rằng sự liệt kê ngũ phân trước đó liên quan đến những giới quan trọng nhất trong tự nhiên,

28. These would be—

28. Đó sẽ là—

a. The Kingdom of Solar Lives

a. Giới các Sự sống Thái Dương

b. The Kingdom of Planetary Lives

b. Giới các Sự Sống Hành tinh

c. The Kingdom of Souls

d. The Human Kingdom

e. The Animal Kingdom.

whilst the final two are peculiarly interesting in that the mineral kingdom can in no sense be considered a principle, but simply the densest point of concretion of the abstract,

29. The "abstract" (in this context) is the Kingdom of Solar Lives, the seventh kingdom

and that the vegetable kingdom has a peculiar place in the economy of the system as the transmitter of the vital pranic fluid;

30. The principle of vitality is closely associated with vegetable life. This assignment, then, is not surprising.

31. As the etheric body is often excluded from association with the lunar elementals of man, can we associate the Venusian/Solar vegetable kingdom with the etheric body through which, primarily, vital pranic fluid is transmitted from the Sun? From the Tabulation, is seems we can.

32. The mental, astral and physical levels have their elementals; the corresponding kingdoms are the human, the animal and the mineral. The etheric body is excluded and the vegetable kingdom is excluded. Both have a more *solar* meaning.

the vegetable kingdom is definitely a bridge between the conscious and the unconscious.

c. Giới các Linh Hồn

d. Giới Nhân Loại

e. Giới Động Vật.

trong khi hai giới cuối cùng đặc biệt thú vị ở chỗ giới kim thạch tuyệt nhiên không thể được xem là một nguyên khí, mà chỉ đơn giản là điểm cô đặc đậm đặc nhất của cái trừu tượng,

29. "Cái trừu tượng" (trong ngữ cảnh này) là Giới các Sự sống Thái Dương, giới thứ bảy

và rằng giới thực vật có một vị trí đặc biệt trong sự tiết kiệm của hệ thống như là kẻ truyền dẫn lưu chất prana sinh lực;

30. Nguyên khí sinh lực gắn bó chặt chẽ với sự sống thực vật. Vì vậy, sự quy định này không có gì đáng ngạc nhiên.

31. Vì thể dĩ thái thường bị loại khỏi sự liên hệ với các hành khí thái âm của con người, liệu chúng ta có thể liên kết giới thực vật Kim tinh/Thái dương với thể dĩ thái, qua đó lưu chất prana sinh lực chủ yếu được truyền từ Mặt Trời chăng? Từ Bảng này, dường như là có thể.

32. Các cấp độ trí tuệ, cảm dục và hồng trần đều có các hành khí của chúng; các giới tương ứng là giới nhân loại, giới động vật và giới kim thạch. Thể dĩ thái bị loại ra và giới thực vật cũng bị loại ra. Cả hai đều có một ý nghĩa *thái dương* hơn.

giới thực vật rõ ràng là một cây cầu giữa cái có ý thức và cái vô ý thức.

33. This is interesting and is, perhaps, why (in the Tabulation) the vegetable kingdom is said to be "Transitional". The transition is being made from "Unity" to "Duality". The Unity in the case of the mineral kingdom is an unconscious Unity. Duality suggests consciousness, thus, the vegetable kingdom which is characterized by neither unity nor duality represents the transition from unconsciousness to consciousness.

33. Điều này thật thú vị và có lẽ đó là lý do vì sao (trong Bảng) giới thực vật được nói là "Chuyển tiếp". Sự chuyển tiếp đang được thực hiện từ "Hợp nhất" sang "Nhị nguyên tính". Sự Hợp nhất trong trường hợp giới kim thạch là một sự Hợp nhất vô ý thức. Nhị nguyên tính gợi ý tâm thức, vì vậy giới thực vật, vốn không được đặc trưng bởi hợp nhất cũng không bởi nhị nguyên tính, biểu hiện sự chuyển tiếp từ vô ý thức sang tâm thức.

Here I am using these words in their broadest and most general sense. Though it is known that the mineral kingdom has a consciousness of its own, yet *sensation* is more distinctly recognisable in the second kingdom, and the distinction between the consciousness of the mineral and that of the animal is so vast that their respective consciousnesses are basically unlike.

Ở đây tôi đang dùng những từ này theo nghĩa rộng nhất và tổng quát nhất của chúng. Dù người ta biết rằng giới kim thạch có một tâm thức riêng của nó, tuy nhiên *cảm giác* lại được nhậnbiết rõ rệt hơn trong giới thứ hai, và sự khác biệt giữa tâm thức của giới kim thạch và của giới động vật lớn đến mức các tâm thức tương ứng của chúng về cơ bản là không giống nhau.

34. DK is telling us that "sensation" is related to that which we usually think of as consciousness.

34. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng "cảm giác" liên hệ với điều mà chúng ta thường nghĩ là tâm thức.

35. We know little of these lower forms of consciousness. The mineral has nothing that we would call "sensation" as the vegetable kingdom has.

35. Chúng ta biết rất ít về những hình thức tâm thức thấp này. Giới kim thạch không có điều gì mà chúng ta gọi là "cảm giác" như giới thực vật có.

36. Since animal and mineral consciousness are so vastly separated, the vegetable kingdom serves as a "bridge" or transitional kingdom between them.

36. Vì tâm thức động vật và tâm thức kim thạch cách biệt nhau quá lớn, giới thực vật đóng vai trò như một "cây cầu" hay giới chuyển tiếp giữa chúng.

37. There is no place in cosmos where consciousness is not. DK is certainly aware of this, as He states. But the consciousness of the mineral kingdom is so different (and so primitive) compared the consciousness of the other kingdoms that it might as well be called unconsciousness.

37. Không có nơi nào trong vũ trụ mà không có tâm thức. Chân sư DK chắc chắn biết điều này, như Ngài đã nói. Nhưng tâm thức của giới kim thạch khác biệt đến thế (và nguyên sơ đến thế) so với tâm thức của các giới khác đến nỗi nó hầu như có thể được gọi là vô ý thức.

Between these stands the vegetable kingdom, approximating more generally the animal consciousness than the mineral, **and having a most esoteric relationship to the deva evolution.**

Giữa hai giới ấy là giới thực vật, gần đúng hơn với tâm thức động vật nói chung so với tâm thức kim thạch, **và có một mối liên hệ hết sức huyền bí với tiến hoá thiên thần.**

38. Here again, we have some very important information:

38. Ở đây một lần nữa, chúng ta có một số thông tin rất quan trọng:

a. The vegetable consciousness is closer to the animal consciousness than to the mineral.

a. Tâm thức thực vật gần với tâm thức động vật hơn là với tâm thức kim thạch.

b. In terms of the initiations, we could say that the second initiation is much closer in quality to the third than it is to the first (from which it is separated by many lives).

b. Xét theo các lần điểm đạo, chúng ta có thể nói rằng lần điểm đạo thứ hai gần với lần điểm đạo thứ ba về phẩm tính hơn nhiều so với lần điểm đạo thứ nhất (mà nó bị tách xa bởi nhiều kiếp sống).

c. The first initiation can be called the 'mineral initiation'; the second initiation, the 'vegetable initiation'; the third initiation, the 'animal initiation'. After the third initiation (through the defeat of Mars and the Moon) man is no longer to be considered an "animal" but has become truly human.

c. Lần điểm đạo thứ nhất có thể được gọi là 'điểm đạo kim thạch'; lần điểm đạo thứ hai, 'điểm đạo thực vật'; lần điểm đạo thứ ba, 'điểm đạo động vật'. Sau lần điểm đạo thứ ba (qua sự đánh bại Sao Hỏa và Mặt Trăng), con người không còn được xem là một "động vật" nữa mà đã trở nên thực sự nhân loại.

[Page 566]

[Page 566]

All these kingdoms of nature are "forms of thought";

Tất cả các giới này trong tự nhiên đều là "những hình tư tưởng";

39. We should pause to consider kingdoms of nature as thoughtforms. They are sheaths for the expression of the Logos.

39. Chúng ta nên dừng lại để xem xét các giới trong tự nhiên như những hình tư tưởng. Chúng là những vỏ bọc cho sự biểu lộ của Thượng đế.

40. Every discernible structure in the solar system (and more widely, in cosmos) is really a thoughtform.

40. Mọi cấu trúc có thể nhận biết được trong hệ mặt trời (và rộng hơn, trong vũ trụ) thực sự đều là một hình tư tưởng.

all have body, vitality, quality and purpose, and all are sent out by a greater life than their own upon a specific mission; they are sent forth by those who are self-conscious and are a blend of mind, spirit and objective form.

tất cả đều có thể, sinh lực, phẩm tính và mục đích, và tất cả đều được một sự sống lớn hơn chính chúng phóng ra trong một sứ mạng đặc thù; chúng được phóng ra bởi những kẻ có ngã thức và là một sự pha trộn của trí tuệ, tinh thần và hình tướng khách quan.

41. DK is summarizing what He has said of thoughtforms and showing that the kingdoms of nature qualify to be considered as such for they possess the characteristic which typify every thoughtform.

41. Chân sư DK đang tóm lược điều Ngài đã nói về các hình tư tưởng và cho thấy rằng các giới trong tự nhiên đủ điều kiện để được xem như thế vì chúng sở hữu những đặc tính tiêu biểu cho mọi hình tư tưởng.

42. What characterizes thoughtforms—we repeat:

42. Điều gì đặc trưng cho các hình tư tưởng —chúng ta nhắc lại:

a. All have body

a. Tất cả đều có thể

b. All have vitality

b. Tất cả đều có sinh lực

c. All have quality

c. Tất cả đều có phẩm tính

d. All have purpose

d. Tất cả đều có mục đích

e. All have a mission determined by the greater life which sent them forth

e. Tất cả đều có một sứ mạng do sự sống lớn hơn đã phóng chúng ra quyết định

43. Who sends forth thoughtforms?

43. Ai phóng ra các hình tư tưởng?

a. Those who are self-conscious

a. Những kẻ có ngã thức

b. Those who are a blend of mind, spirit and objective form. In this enumeration, “mind” stands for the second aspect.

b. Những kẻ là sự pha trộn của trí tuệ, tinh thần và hình tướng khách quan. Trong sự liệt kê này, “trí tuệ” tượng trưng cho phương diện thứ hai.

44. Even if the members of some kingdoms are not self-conscious, the informing Life of a kingdom is so.

44. Dù các thành viên của một số giới có thể không có ngã thức, Sự Sống thấm nhuần một giới thì có.

Only the self-conscious can create, and only they are capable of purpose, of co-ordination, of direction and control.

Chỉ những kẻ có ngã thức mới có thể sáng tạo, và chỉ họ mới có khả năng có mục đích, phối hợp, chỉ đạo và kiểm soát.

45. The self-conscious are 'behind' and 'within' every kingdom and a self-conscious Life expresses *through* every kingdom.

45. Những kẻ có ngã thức ở 'đằng sau' và 'bên trong' mọi giới, và một Sự Sống có ngã thức biểu lộ *qua* mọi giới.

46. Creativity involves selection and combination. Only the self-conscious can remember and reflect so that material for a creation can be gathered, coordinated, directed and controlled for the sake of executing a particular purpose or plan.

46. Tính sáng tạo bao hàm sự chọn lựa và kết hợp. Chỉ những kẻ có ngã thức mới có thể ghi nhớ và phản tỉnh để chất liệu cho một sáng tạo có thể được thu thập, phối hợp, chỉ đạo và kiểm soát nhằm thực hiện một mục đích hay Thiên Cơ nhất định.

Even though it may seem that much has been left unsaid, yet in due consideration of the above four points in connection with "purpose" in a thought-form, much can be worked out by the student himself.

Dù có vẻ như nhiều điều đã bị bỏ ngỏ, tuy nhiên nếu suy xét đúng mức bốn điểm trên liên quan đến "mục đích" trong một hình tư tưởng, đạo sinh có thể tự mình tìm ra được nhiều điều.

47. We have considered "four points" in relation to the "specific purpose" of any thoughtform.

47. Chúng ta đã xem xét "bốn điểm" liên quan đến "mục đích đặc thù" của bất kỳ hình tư tưởng nào.

48. Let us repeat them for the sake of fixing them in mind:

48. Chúng ta hãy nhắc lại chúng để khắc ghi trong trí:

a. The Factor of Identity, entailing

a. Yếu Tố của Bản Sắc, bao hàm

i. Source

i. Nguồn gốc

ii. Mission

ii. Sứ mạng

iii. Method

iii. Phương pháp

iv. Objective

iv. Mục tiêu

b. The Factor of Time, entailing principally

b. Yếu Tố của Thời Gian, chủ yếu bao hàm

i. The period of construction

ii. The period of utilization

iii. The period of dissolution

c. The Factor of Karma

d. The Factor of the Lesser Builders

49. Many hints have been given and much of further value can be revealed if students care to go more deeply into the matter.

In extending these ideas to a solar Logos, many questions of interest arise which are profitable only in so far as they expand the concept, and widen the horizon of the Thinker.

50. These two factors—the expansion of the concept and the widening of the horizon—have their place and value. The matters addressed by such questions as might arise are not really practical but they are potentially illuminative.

51. For instance, when considering the Solar Logos as a thoughtform:

a. Who, really, *is* our Solar Logos? What is His source, mission, method and objective?

b. How do the three principal time periods in the life of any 'Thoughtform-E/entity' play out in the thoughtform through which the Solar Logos expresses? What was the period of construction of the thoughtform through which He expresses? What was and is the period during which the thoughtform

i. Giai đoạn kiến tạo

ii. Giai đoạn sử dụng

iii. Giai đoạn tan rã

c. Yếu Tố của Nghiệp Quả

d. Yếu Tố của các vị tiểu kiến tạo

49. Nhiều gợi ý đã được đưa ra và còn có thể tiết lộ thêm nhiều điều có giá trị hơn nữa nếu các đạo sinh muốn đi sâu hơn vào vấn đề này.

Khi mở rộng những ý tưởng này đến một Thái dương Thượng đế, nhiều câu hỏi lý thú nảy sinh; chúng chỉ hữu ích trong chừng mực chúng mở rộng khái niệm và nới rộng chân trời của thức giả.

50. Hai yếu tố này—sự mở rộng khái niệm và sự nới rộng chân trời—đều có chỗ đứng và giá trị của chúng. Những vấn đề được nêu ra bởi các câu hỏi như thế thực ra không mang tính thực tiễn, nhưng chúng có khả năng soi sáng.

51. Chẳng hạn, khi xem xét Thái dương Thượng đế như một Hình tư tưởng:

a. Thực sự, ai *là* Thái dương Thượng đế của chúng ta? Nguồn gốc, sứ mệnh, phương pháp và mục tiêu của Ngài là gì?

b. Ba thời kỳ chính trong đời sống của bất kỳ "Hình tư tưởng/Thực thể" nào diễn ra như thế nào trong hình tư tưởng mà qua đó Thái dương Thượng đế biểu lộ? Thời kỳ kiến tạo hình tư tưởng mà qua đó Ngài biểu lộ là gì? Thời kỳ mà trong đó hình tư tưởng mà qua đó Ngài biểu lộ đã và đang được sử dụng là

through which He expresses is utilized? What will be the period of obscuration of the thoughtform through which He expresses?

gì? Thời kỳ che khuất của hình tư tưởng mà qua đó Ngài biểu lộ sẽ là gì?

c. What is the karma of our Solar Logos and with respect to which E/entities is this karma being worked out?

c. Nghiệp quả của Thái dương Thượng đế của chúng ta là gì và nghiệp quả này đang được giải quyết đối với những Thực thể nào?

d. Who are the "Lesser Builders" who have participated in the construction of the thoughtform through which He expresses?

d. Ai là những "vị tiểu kiến tạo" đã tham gia vào việc kiến tạo hình tư tưởng mà qua đó Ngài biểu lộ?

52. The questions above apply to the thoughtform through which the Solar Logos expresses—i.e., His solar system and also His entire Personality which transcends the solar system).

52. Những câu hỏi trên áp dụng cho hình tư tưởng mà qua đó Thái dương Thượng đế biểu lộ—tức là hệ mặt trời của Ngài và cả toàn bộ phàm ngã của Ngài, vốn vượt ngoài hệ mặt trời).

53. One could apply the same kinds of questions to the great variety of thoughtforms which the Solar Logos creates.

53. Người ta có thể áp dụng cùng loại câu hỏi ấy cho vô số hình tư tưởng mà Thái dương Thượng đế tạo ra.

54. The same line of analysis pursued in relation to the Solar Logos can be applied to a Planetary Logos or to any other self-conscious creator. In all such analyses, the Law of Analogy will be found indispensable.

54. Cùng đường lối phân tích được theo đuổi liên hệ với Thái dương Thượng đế cũng có thể được áp dụng cho một Hành Tinh Thượng Đế hay cho bất kỳ đấng sáng tạo tự ngã thức nào khác. Trong mọi phân tích như thế, định luật tương đồng sẽ được thấy là không thể thiếu.

The logoic purpose is not yet comprehensible to man; it does not profit him to meditate thereon,

Thiên Ý của đấng logoi vẫn chưa thể được con người thấu hiểu; việc tham thiền về điều đó không đem lại ích lợi cho y,

55. Something about the second ray nature of the Logos has been given and His function as a heart center within a Cosmic Logos. From this information, some vague, but, hopefully, not misdirected, thought about His Purpose may be inferred though certainly not *known.*

55. Một vài điều về bản chất cung hai của Logos và chức năng của Ngài như một trung tâm tim bên trong một Cosmic Logos đã được trình bày. Từ thông tin này, có thể suy ra một vài tư tưởng mơ hồ nhưng hy vọng không sai hướng về Thiên Ý của Ngài, dù chắc chắn không thể *biết*

yet in the formulation of ideas, and their apprehension by thinkers may come the gradual dawning of a day of recognition, and a subsequent co-operation with that divine purpose.

được. Tuy nhiên, trong việc hình thành các ý tưởng và sự nắm bắt chúng bởi các thức giả, có thể xuất hiện dần dần bình minh của một ngày nhận biết, và tiếp theo là sự hợp tác với thiên ý thiêng liêng ấy.

56. DK holds out to the enquiring individual or group the possibility of learning something (eventually) that will make it possible to cooperate with the Purpose of the Solar Logos.

56. Chân sư DK mở ra cho cá nhân hay nhóm truy cầu khả năng học biết một điều gì đó (rốt cuộc) sẽ khiến cho việc hợp tác với Thiên Ý của Thái dương Thượng đế trở nên khả hữu.

57. Right now, we have enough on our hands to intuit the purpose of the Ashram which we may be approaching and of the Master at its center. The purpose of the Chohans is dark to us as are the purposes of the Great Leaders of Hierarchy. The "The unknown, unseen and unheard purpose of Sanat Kumara" (R&I 241) is darker still and His purpose is not the entirety of the Purpose of our Planetary Logos.

57. Ngay lúc này, chúng ta đã có đủ việc trong tay để trực giác được mục đích của ashram mà chúng ta có thể đang tiến gần đến và của Chân sư ở trung tâm của nó. Mục đích của các Chohan còn tối tăm đối với chúng ta, cũng như các mục đích của những Vị Lãnh Đạo Vĩ Đại của Thánh đoàn. "Mục đích chưa được biết, chưa được thấy và chưa được nghe của Đức Sanat Kumara" (R&I 241) còn tối tăm hơn nữa, và mục đích của Ngài không phải là toàn bộ Thiên Ý của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

58. So it is obvious that we have far to go before the Purpose of the Solar Logos can mean anything real to us.

58. Vì vậy, hiển nhiên là chúng ta còn phải đi rất xa trước khi Thiên Ý của Thái dương Thượng đế có thể mang ý nghĩa thực sự nào đó đối với chúng ta.

59. Yet, if we cultivate Love-Wisdom we will, at least, be aligned with that Unknown Purpose.

59. Tuy nhiên, nếu chúng ta vun bồi Bác Ái – Minh Triết, thì ít nhất chúng ta cũng sẽ được chỉnh hợp với Thiên Ý chưa biết ấy.

Let us, therefore, formulate some of these questions, leaving the future to reveal the answer:

Vậy, chúng ta hãy hình thành một số câu hỏi này, để tương lai tiết lộ câu trả lời:

1. What may be the purpose of the present incarnation of the solar Logos?

1. Mục đích của lần lâm phàm hiện nay của Thái dương Thượng đế có thể là gì?

60. We will not be able to answer these questions but can, perhaps, offer some hints concerning the direction in which the answer should be sought.

60. Chúng ta sẽ không thể trả lời những câu hỏi này, nhưng có lẽ có thể đưa ra một vài gợi ý về phương hướng cần tìm kiếm câu trả lời.

61. The present incarnation of the Solar Logos is His fifth. This is the fifth mahamanvantara from one angle of vision. At this time the Solar Logos functions as a heart center in a Cosmic Logos. He is not yet mentally polarized from the cosmic perspective. He is a Logos of the fourth order and is considered to be astral-buddhic in nature. His goal is the third cosmic initiation and the fourth and *perhaps* the fifth cosmic initiations are to be completed in this present mahamanvantara.

61. Lần lâm phàm hiện nay của Thái dương Thượng đế là lần thứ năm của Ngài. Đây là đại giai kỳ sinh hóa thứ năm xét từ một góc độ tầm nhìn. Hiện nay, Thái dương Thượng đế hoạt động như một trung tâm tim trong một Cosmic Logos. Từ viễn cảnh vũ trụ, Ngài vẫn chưa phân cực trí tuệ. Ngài là một Logos thuộc bậc thứ tư và được xem là có bản chất cảm dục-Bồ đề. Mục tiêu của Ngài là lần điểm đạo vũ trụ thứ ba, và lần điểm đạo vũ trụ thứ tư và mahamanvantara*có lẽ* lần điểm đạo vũ trụ thứ năm sẽ được hoàn tất trong đại giai kỳ sinh hóa hiện tại này.

62. Our Solar Logos is not yet a "sacred" Logos. By this we understand that He is still in the quaternary of the Cosmic Logos of which He forms a part. As is the case for Planetary Logoi, perhaps a "sacred" Solar Logos is one Who has taken a fifth cosmic initiation.

62. Thái dương Thượng đế của chúng ta vẫn chưa là một Logos "thiêng liêng". Qua đó chúng ta hiểu rằng Ngài vẫn còn ở trong bộ tứ của Cosmic Logos mà Ngài là một phần. Cũng như trường hợp của các Hành Tinh Thượng Đế, có lẽ một Thái dương Thượng đế "thiêng liêng" là Đấng đã trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ năm.

63. He is a "God of Love" and a "consuming Fire".

63. Ngài là một "Thượng đế của Tình thương" và một "Lửa thiêu đốt".

64. Just as both man and the Planetary Logos of the Earth have serious redemptive tasks which they are undertaking, so does our Solar Logos. We could say that one of His major tasks is 'redemption through the energy of Love'.

64. Cũng như con người và Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất đều có những nhiệm vụ cứu chuộc nghiêm trọng mà họ đang đảm nhận, Thái dương Thượng đế của chúng ta cũng vậy. Chúng ta có thể nói rằng một trong những nhiệm vụ lớn của Ngài là "cứu chuộc thông qua năng lượng của Tình thương".

65. While in the process of achieving this goal, He is attempting to become increasingly (in relative achievement, if not

65. Trong khi đang trên tiến trình đạt được mục tiêu này, Ngài đang cố gắng ngày càng trở nên giống Logos của Sirius hơn (xét về

in quality) like the Logos of Sirius, just as the Planetary Logos of our Earth-scheme is attempting to become increasingly (in relative achievement, if not in quality) like the Logos of the Venus-scheme.

thành tựu tương đối, nếu không phải về phẩm tính), cũng như Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta đang cố gắng ngày càng trở nên giống Logos của hệ hành tinh Kim Tinh hơn (xét về thành tựu tương đối, nếu không phải về phẩm tính).

66. For our Solar Logos this is the solar system in which soul-infusion is to be achieved and in which the full nature of His second ray soul is to be released.

66. Đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta, đây là hệ mặt trời trong đó sự được linh hồn thấm nhuần phải được đạt tới và trong đó bản chất trọn vẹn của linh hồn cung hai của Ngài phải được giải phóng.

67. From a cosmic perspective, presumably, this will improve the up-ward tending energy of the cosmic logoic solar plexus center of which He is, hypothetically, an aspect.

67. Từ viễn cảnh vũ trụ, có lẽ điều này sẽ cải thiện năng lượng hướng thượng của trung tâm tùng thái dương logoi vũ trụ mà giả thuyết cho rằng Ngài là một phương diện của nó.

2. What is the purpose which may perhaps be working out in our own planetary scheme and what is the basic plan of our planetary Logos?

2. Mục đích nào có thể đang được triển khai trong hệ hành tinh của chính chúng ta và kế hoạch căn bản của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là gì?

68. Again, we cannot answer this, but we can gather some thoughts which will point in the direction of a solution.

68. Một lần nữa, chúng ta không thể trả lời điều này, nhưng có thể tập hợp một số tư tưởng sẽ chỉ ra hướng đi đến lời giải.

69. Our Planetary Logos is passing through a redemptive fourth initiation on the chain level. On the scheme level (cosmically) He is not yet an initiate of the second degree, and so must achieve dispassion and detachment (cosmically considered).

69. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua lần điểm đạo thứ tư có tính cứu chuộc ở cấp độ Dãy. Ở cấp độ hệ hành tinh (xét theo vũ trụ), Ngài vẫn chưa là một điểm đạo đồ bậc hai, và vì thế phải đạt được sự vô cảm và tách rời (xét theo vũ trụ).

70. He is retarded in His development because of the Moon-chain debacle and is also a Logos in whose scheme certain unresolved issues from the previous solar system are being worked out.

70. Ngài bị chậm trễ trong sự phát triển của mình vì thảm họa của Dãy Mặt Trăng, và cũng là một Logos mà trong hệ hành tinh của Ngài, một số vấn đề chưa được giải quyết từ hệ mặt trời trước đang được xử lý.

71. He is to become a great station of light in the solar system. This accords well with His second ray soul which *may* be more along the line of *light* than of *love*—i.e., it may be more on the wisdom aspect of the second ray than on the love aspect (but this cannot be ascertained by the human mind)..

71. Ngài sẽ trở thành một trạm ánh sáng vĩ đại trong hệ mặt trời. Điều này rất phù hợp với linh hồn cung hai của Ngài, vốn *có thể* nghiêng nhiều hơn về đường lối của *ánh sáng* hơn là của *tình thương*—tức là, có thể nghiêng nhiều hơn về phương diện minh triết của cung hai hơn là phương diện bác ái (nhưng điều này không thể được trí tuệ con người xác định)..

72. He appears to be a Logos through Whom great solar systemic experiments are under way. Within the Earth-scheme new forms are being prepared—forms which will allow for the redemption of Moon-chain and first solar system patterns, and the evolution of these forms into patterns which accord with the purposes of the second solar system.

72. Ngài dường như là một Logos mà qua đó những thí nghiệm lớn của hệ mặt trời đang được tiến hành. Trong hệ hành tinh Địa Cầu, những hình tướng mới đang được chuẩn bị —những hình tướng sẽ cho phép sự cứu chuộc các mô hình của Dãy Mặt Trăng và của hệ mặt trời thứ nhất, và sự tiến hoá của những hình tướng này thành các mô hình phù hợp với các mục đích của hệ mặt trời thứ hai.

73. Because our Planetary Logos represents a solar systemic base of the spine center (or one day *will*, in completeness) a great power is growing throughout His vehicle of expression. In His future expression He will become not only a great station of *light* but of *power* as well. This will occur, probably, in the next solar system, when the power of His monadic ray (the first ray) will be released.

73. Bởi vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đại diện cho một trung tâm đáy cột sống của hệ mặt trời (hoặc một ngày nào đó *sẽ* đại diện, trong sự hoàn tất), một quyền năng lớn đang tăng trưởng khắp vận cụ biểu lộ của Ngài. Trong sự biểu lộ tương lai, Ngài sẽ trở thành không chỉ một trạm *ánh sáng* vĩ đại mà còn là một trạm *quyền năng* nữa. Điều này có lẽ sẽ xảy ra trong hệ mặt trời kế tiếp, khi quyền năng của cung chân thần của Ngài (cung một) được giải phóng.

74. If He is to represent the base of the spine center of the Solar Logos, He will become a strong transmitter of solar logoic kundalini and will be a sustaining and purifying source for other Planetary Logoi in the solar systems of our Solar Logos (this solar system and the one ahead).

74. Nếu Ngài phải đại diện cho trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng đế, Ngài sẽ trở thành một bộ truyền dẫn mạnh mẽ của kundalini logoi thái dương và sẽ là một nguồn duy trì và thanh luyện cho các Hành Tinh Thượng Đế khác trong các hệ mặt trời của Thái dương Thượng đế của chúng ta (hệ mặt trời này và hệ tiếp theo).

75. The main work being done throughout the planetary scheme of the Earth is *redemption.* One aspect of His purpose is to assist the Solar Logos to recover from the effects of the previous solar system. The material tendencies there established are, apparently, not entirely redeemed.

75. Công việc chính đang được thực hiện khắp hệ hành tinh của Trái Đất là *sự cứu chuộc.* Một phương diện trong mục đích của Ngài là trợ giúp Thái dương Thượng đế hồi phục khỏi các ảnh hưởng của hệ mặt trời trước. Những khuynh hướng vật chất được thiết lập ở đó dường như vẫn chưa được cứu chuộc hoàn toàn.

3. Wherein does it differ from other planetary schemes?

3. Nó khác với các hệ hành tinh khác ở điểm nào?

76. We have been told that there is more suffering and agony experienced in our Earth-scheme than in any other planetary scheme in our solar system. Conditions on Mars and Saturn have some similarities but such conditions are not as severe as those in the Earth-scheme.

76. Chúng ta đã được cho biết rằng trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta có nhiều đau khổ và thống khổ hơn bất kỳ hệ hành tinh nào khác trong hệ mặt trời của chúng ta. Các điều kiện trên Sao Hỏa và Sao Thổ có vài điểm tương tự, nhưng những điều kiện ấy không nghiêm trọng bằng các điều kiện trong hệ hành tinh Địa Cầu.

77. Our planet also seems to have closer ties to the 'failures' (if we can call them that) of the previous solar system. They were human beings who individualized in that previous solar system, but who did not complete their spiritual development within that system. Saturn is strongly linked to that system but is not so much the 'victim' of its processes as is the Planetary Logos of the Earth.

77. Hành tinh của chúng ta dường như cũng có những liên hệ gần gũi hơn với các "thất bại" (nếu có thể gọi như vậy) của hệ mặt trời trước. Họ là những con người đã biệt ngã hóa trong hệ mặt trời trước đó, nhưng đã không hoàn tất sự phát triển tinh thần của mình trong hệ ấy. Sao Thổ liên kết mạnh với hệ ấy nhưng không phải là "nạn nhân" của các tiến trình của nó nhiều như Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất.

4. What is the purpose lying back of the relation existing between our Earth and Venus?

4. Mục đích nằm sau mối liên hệ hiện hữu giữa Trái Đất của chúng ta và Sao Kim là gì?

78. This purpose, again, appears to be redemptive. These two, like 'twin sisters', participate in dualistic systemic processes.

78. Mục đích này, một lần nữa, dường như mang tính cứu chuộc. Hai hành tinh này, như "hai chị em sinh đôi", tham gia vào các tiến trình nhị nguyên tính của hệ thống.

79. One is reminded of the manner in which the energy of the lower point in the human

79. Điều này gợi nhớ đến cách năng lượng của điểm thấp trong trung tâm tùng thái

solar plexus center is raised to the higher point in that center. Earth would represent the lower point and Venus the higher point.

dương của con người được nâng lên điểm cao hơn trong trung tâm ấy. Trái Đất sẽ đại diện cho điểm thấp và Sao Kim cho điểm cao.

80. One is also reminded of the relationship between the mental unit in the human energy system and the manasic permanent atom. If the Solar Logos has a mental unit (and we cannot be sure of this), then Earth would represent this unit and Venus the manasic permanent atom.

80. Điều này cũng gợi nhớ đến mối liên hệ giữa đơn vị hạ trí trong hệ thống năng lượng con người và nguyên tử trường tồn manas. Nếu Thái dương Thượng đế có một đơn vị hạ trí (và chúng ta không thể chắc chắn về điều này), thì Trái Đất sẽ đại diện cho đơn vị này và Sao Kim cho nguyên tử trường tồn manas.

81. We could say that as Earth is to the personality and to the previous solar system, so Venus is to the soul and to the present solar system.

81. Chúng ta có thể nói rằng Trái Đất đối với phàm ngã và đối với hệ mặt trời trước như thế nào, thì Sao Kim đối với linh hồn và đối với hệ mặt trời hiện tại cũng như thế ấy.

82. Through the agency of Venus, the redemptive processes being carried forth on Earth (and in relation to the Moon-chain and the previous solar system) are greatly facilitated.

82. Thông qua tác nhân của Sao Kim, các tiến trình cứu chuộc đang được tiến hành trên Trái Đất (và liên hệ với Dãy Mặt Trăng cùng hệ mặt trời trước) được tạo điều kiện thuận lợi rất nhiều.

83. The two of them together are helping, it would seem, the Solar Logos achieve victory on the cosmic astral plane. A very difficult 'cosmic-emotional' situation is being worked out through their interplay. The constellation Gemini (for which both Venus and Earth are rulers at different levels) participates in this attempt to achieve victory.

83. Cả hai cùng nhau dường như đang giúp Thái dương Thượng đế đạt được chiến thắng trên cõi cảm dục vũ trụ. Một tình huống "cảm xúc-vũ trụ" rất khó khăn đang được giải quyết thông qua sự tương tác của chúng. Chòm sao Song Tử (mà cả Sao Kim lẫn Trái Đất đều là chủ tinh ở những cấp độ khác nhau) tham gia vào nỗ lực đạt được chiến thắng này.

84. When thinking of *purpose*, there are shorter term purposes and those which are longer term. Anything we might say cannot relate to the longer term purposes which would describe the role of our Solar Logos and His Planetary Logoi in the life and destiny of the Cosmic Logos to which our Solar Logos belongs, and of the still greater One About Whom Naught May Be Said.

84. Khi suy nghĩ về *mục đích*, có những mục đích ngắn hạn và những mục đích dài hạn hơn. Bất cứ điều gì chúng ta có thể nói đều không thể liên hệ đến các mục đích dài hạn hơn, vốn sẽ mô tả vai trò của Thái dương Thượng đế của chúng ta và các Hành Tinh Thượng Đế của Ngài trong sự sống và định mệnh của Cosmic Logos mà Thái dương Thượng đế của chúng ta thuộc về, và của

Đấng còn vĩ đại hơn nữa là Đấng Bất Khả Tư Nghị.

5. Is the purpose of the animal kingdom, as a whole, in any way to be ascertained?

5. Mục đích của giới động vật, xét như một toàn thể, có thể được xác định theo cách nào đó hay không?

85. The tabulation on TCF, 565, shows the animal kingdom in relation to the generative organs of the Solar Logos.

85. Bảng liệt kê trong TCF, 565, cho thấy giới động vật liên hệ với các cơ quan sinh sản của Thái dương Thượng đế.

86. This question applies to the animal kingdom as it may be found throughout the solar system. It is characterized by the principle of locomotion leading through increasing intelligence to self-conscious intelligence.

86. Câu hỏi này áp dụng cho giới động vật như nó có thể được tìm thấy khắp hệ mặt trời. Nó được đặc trưng bởi nguyên khí vận động, dẫn qua trí tuệ ngày càng tăng đến trí tuệ tự ngã thức.

87. Wherever there is locomotion there is interplay (under Mercury). There is something here about the creation of suitable forms for the expression of second solar system purposes. The animal kingdom (under Mars) is, on the whole, aggressive and competitive. These approaches may contribute to the building of forms most suitable for the expression of higher purposes. When we speak of the "survival of the fittest" we have to ask what larger purpose it serves.

87. Ở đâu có vận động, ở đó có tương tác (dưới Sao Thủy). Ở đây có điều gì đó liên quan đến việc tạo ra những hình tướng thích hợp cho sự biểu lộ các mục đích của hệ mặt trời thứ hai. Giới động vật (dưới Sao Hỏa), nhìn chung, có tính hung hăng và cạnh tranh. Những cách tiếp cận này có thể góp phần vào việc xây dựng những hình tướng thích hợp nhất cho sự biểu lộ các mục đích cao hơn. Khi chúng ta nói về "sự sống còn của kẻ thích nghi nhất", chúng ta phải hỏi nó phục vụ mục đích lớn hơn nào.

88. Even in the animal kingdom, however, social development (under Venus) can be witnessed and also contributes greatly to the survival of species.

88. Tuy nhiên, ngay cả trong giới động vật, sự phát triển xã hội (dưới Sao Kim) cũng có thể được chứng kiến và cũng góp phần rất lớn vào sự sống còn của các loài.

89. The animal kingdom represents the acme of creative labor of the Lunar Lords and forms the basis or foundation for the development of *solar* consciousness—the first instance of which is the human (as distinct from the animal consciousness).

89. Giới động vật đại diện cho đỉnh cao của lao động sáng tạo của các nguyệt tinh quân và tạo thành nền tảng hay cơ sở cho sự phát triển của tâm thức *thái dương*—mà trường hợp đầu tiên của nó là tâm thức con người (phân biệt với tâm thức động vật).

6. What is the purpose back of the present root-race evolution? Can we realise it?

6. Mục đích nằm sau sự tiến hoá của giống dân gốc hiện nay là gì? Chúng ta có thể chứng nghiệm nó không?

90. In this case we are not speaking of a specific root race, but of root race evolution in general.

90. Trong trường hợp này, chúng ta không nói về một giống dân gốc cụ thể, mà về sự tiến hoá của giống dân gốc nói chung.

91. Let us apply this question to man as he is found on the Earth-globe and Earth-chain.

91. Chúng ta hãy áp dụng câu hỏi này cho con người như y hiện diện trên Bầu Địa Cầu và Dãy Địa Cầu.

92. There is an archetype (held in the mind of the Planetary Logos) of what humanity should become. As all in nature proceeds gradually, man cannot become that which he is intended to be except "in the fulness of time".

92. Có một nguyên mẫu (được giữ trong trí của Hành Tinh Thượng Đế) về điều mà nhân loại phải trở thành. Vì mọi sự trong bản chất đều tiến triển dần dần, con người không thể trở thành điều mà y được định là phải trở thành ngoại trừ "khi thời gian viên mãn".

93. Through the root races, the human family grows through the gradual incorporation and expression of progressive *divine qualities*—all of which form an integral part in the 'final planetary product'—*Ideal Man.*

93. Thông qua các giống dân gốc, gia đình nhân loại tăng trưởng qua sự kết hợp dần dần và biểu lộ những *phẩm tính thiêng liêng* tiến bộ—tất cả đều tạo thành một phần toàn vẹn trong "sản phẩm hành tinh cuối cùng"—*Con Người Lý Tưởng.*

94. The principal divine quality being developed in the fifth root race is that of *manas.* Through Aryan root race processes, Man is being developed as an *intelligent* cooperator in the Plans of the Planetary Logos.

94. Phẩm tính thiêng liêng chủ yếu đang được phát triển trong giống dân gốc thứ năm là *manas.* Thông qua các tiến trình của giống dân gốc Arya, Con Người đang được phát triển thành một người cộng tác *thông minh* trong các Thiên Cơ của Hành Tinh Thượng Đế.

95. In short, the appearance and expression and, then, disappearance of the root races, lead to the actualization of the *divine archetype* for the fourth kingdom.

95. Tóm lại, sự xuất hiện, biểu lộ, rồi biến mất của các giống dân gốc dẫn đến sự hiện thực hóa *nguyên mẫu thiêng liêng* cho giới thứ tư.

96. Naturally, an ideal humanity will contribute to both planetary and solar systemic development.

96. Dĩ nhiên, một nhân loại lý tưởng sẽ góp phần vào cả sự phát triển hành tinh lẫn sự phát triển của hệ mặt trời.

97. For instance, the development of a more intelligent, loving humanity can be seen as part of the process of helping our Planetary Logos achieve a necessary cosmic dispassion and eventual cosmic mental polarisation followed by a full expression of His second ray soul.

97. Chẳng hạn, sự phát triển của một nhân loại thông minh hơn, bác ái hơn có thể được xem là một phần của tiến trình giúp Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đạt được sự vô cảm vũ trụ cần thiết và cuối cùng là sự phân cực trí tuệ vũ trụ, tiếp theo là sự biểu lộ trọn vẹn của linh hồn cung hai của Ngài.

7. What is the purpose behind the differing national forms?

7. Mục đích nằm sau các hình thức quốc gia khác nhau là gì?

98. Presumably, through nations ruled by differing rays and astrological qualities, the ray qualities and astrological qualities which must be absorbed and expressed by large groups of human beings will be facilitated.

98. Có lẽ, thông qua các quốc gia được cai quản bởi những cung và những phẩm tính chiêm tinh khác nhau, các phẩm tính cung và phẩm tính chiêm tinh mà những nhóm lớn con người phải hấp thụ và biểu lộ sẽ được tạo điều kiện thuận lợi.

99. Nations are as great 'schools' which assist their constituent human beings to be trained in certain modes of consciousness and forms of behavior. Via an ideal national process, this training will proceed far more rapidly than if human beings were trained only individually.

99. Các quốc gia giống như những "trường học" lớn giúp các con người cấu thành của chúng được huấn luyện trong những phương thức tâm thức và những hình thức hành vi nhất định. Qua một tiến trình quốc gia lý tưởng, sự huấn luyện này sẽ tiến hành nhanh hơn nhiều so với khi con người chỉ được huấn luyện riêng lẻ.

100. The national forms also contribute the development of planetary qualities needed in the expression of the Planetary Logos, the pertinent Chain-Lord or pertinent Globe-Lord at any particular phase of development.

100. Các hình thức quốc gia cũng góp phần vào sự phát triển những phẩm tính hành tinh cần thiết trong sự biểu lộ của Hành Tinh Thượng Đế, của Chúa Tể Dãy liên hệ hay của Chúa Tể bầu hành tinh liên hệ trong bất kỳ giai đoạn phát triển cụ thể nào.

101. The Planetary Logos, too, is working on different qualities during different phases of development and the national forms are evidence (on a much larger scale than the individual) of qualities which must emerge in the planetary life.

101. Hành Tinh Thượng Đế cũng đang làm việc trên những phẩm tính khác nhau trong những giai đoạn phát triển khác nhau, và các hình thức quốc gia là bằng chứng (trên quy mô lớn hơn nhiều so với cá nhân) của những phẩm tính phải xuất hiện trong sự sống hành tinh.

102. As well, every precessional Age is intended to offer new avenues of development for the entire planet. The Aquarian energy, for instance, will now be widely available on the planet and will be expressed through all planetary kingdoms. This greater energy must be expressed through all the rays and astrological factors which otherwise qualify humanity. The national forms (marshaling large groups of human beings under a few specific qualities) facilitate the manner in which the precessional energy can merge with the ray and astrological qualities which usually condition the human race.

102. Ngoài ra, mỗi Kỷ nguyên tuế sai đều nhằm cống hiến những con đường phát triển mới cho toàn bộ hành tinh. Chẳng hạn, năng lượng Bảo Bình giờ đây sẽ được phổ biến rộng rãi trên hành tinh và sẽ được biểu lộ qua mọi giới hành tinh. Năng lượng lớn hơn này phải được biểu lộ qua mọi cung và các yếu tố chiêm tinh vốn bằng cách khác vẫn tác động lên nhân loại. Các hình thức quốc gia (tập hợp những nhóm lớn con người dưới một vài phẩm tính cụ thể) tạo điều kiện cho cách thức mà năng lượng tuế sai có thể hòa nhập với các phẩm tính cung và chiêm tinh vốn thường tác động lên nhân loại.

103. In other words, nations and national forms are training grounds for the expeditious absorption and expression of certain qualities which the human race must absorb and express.

103. Nói cách khác, các quốc gia và các hình thức quốc gia là những bãi huấn luyện cho sự hấp thụ và biểu lộ mau lẹ những phẩm tính nhất định mà nhân loại phải hấp thụ và biểu lộ.

[Page 567]

[Page 567]

Let us next bring the whole idea down to a more practical basis, and formulate questions along the following lines:

Tiếp theo, chúng ta hãy đưa toàn bộ ý tưởng này xuống một nền tảng thực tiễn hơn, và hình thành các câu hỏi theo những đường hướng sau:

104. These questions will have to be answered, individually, by each student. Some of the questions require a rather technical understanding of occultism, so pondering will be necessary.

104. Những câu hỏi này sẽ phải được mỗi đạo sinh tự mình trả lời. Một số câu hỏi đòi hỏi sự thấu hiểu khá chuyên môn về huyền bí học, vì thế việc suy ngẫm sẽ là cần thiết.

1. In what type of matter do I usually formulate thoughts?

1. Tôi thường hình thành tư tưởng trong loại vật chất nào?

105. Here the three major areas of the human mind must be considered—the concrete mind, the “Son of Mind” (i.e., the causal body located on the third and second sub-planes of the mental plane), and the

105. Ở đây phải xét đến ba khu vực chính của trí tuệ con người—trí cụ thể, “Con của Trí Tuệ” (tức thể nguyên nhân nằm trên cõi phụ thứ ba và thứ hai của cõi trí), và trí trừu

abstract mind (focussing through the manasic permanent atom).

106. The question concerns the sub-planes of the mental plane, each with its own particular keynote, color and rate of vibration.

107. For this reason (given our present knowledge) the question can only be answered in a general sense.

2. What is the psychic quality of my thought-forms?

108. This is a question concerning, on the one hand, kama-manas. Are my thoughts free from the adhesion of astral energies or are they very much a mixture of kama and manas?

109. From another perspective, we are asking whether the formulated thoughts carry the quality of the *true psyche or soul*. Along this line, we are asking to what extent the ray energy of the psyche or soul characterizes the quality of formulated thought.

3. With what specific purpose do I use mental matter?

110. Here we are speaking of motive, vision and ultimately of purpose. The strength and quality of our spiritual alignment will be up for consideration.

111. If we study our speech patterns we will learn something of our use of mental matter.

tượng (tập trung qua nguyên tử trường tồn manas).

106. Câu hỏi này liên quan đến các cõi phụ của cõi trí, mỗi cõi có chủ âm, màu sắc và tốc độ rung động riêng.

107. Vì lý do này (xét theo tri thức hiện nay của chúng ta), câu hỏi chỉ có thể được trả lời theo nghĩa tổng quát.

2. Phẩm tính thông linh của các hình tư tưởng của tôi là gì?

108. Đây là một câu hỏi liên quan, một mặt, đến trí-cảm. Các tư tưởng của tôi có thoát khỏi sự bám dính của các năng lượng cảm dục hay không, hay chúng là một hỗn hợp rất lớn của kama và manas?

109. Từ một góc nhìn khác, chúng ta đang hỏi liệu các tư tưởng đã được hình thành có mang phẩm tính của *psyche hay linh hồn đích thực* hay không. Theo đường hướng này, chúng ta đang hỏi năng lượng cung của psyche hay linh hồn đặc trưng cho phẩm tính của tư tưởng đã được hình thành đến mức nào.

3. Tôi sử dụng vật chất trí tuệ với mục đích cụ thể nào?

110. Ở đây chúng ta đang nói về động cơ, tầm nhìn và rốt cuộc là mục đích. Sức mạnh và phẩm tính của sự chỉnh hợp tinh thần của chúng ta sẽ được đem ra xem xét.

111. Nếu chúng ta nghiên cứu các khuôn mẫu lời nói của mình, chúng ta sẽ học được điều gì đó về việc sử dụng vật chất trí tuệ của mình.

112. Do our thoughtform-making tendencies have a specific goal or are they casual and desultory? *Why* do I think as I do? What am I building or destroying through my typical use of thought?

112. Các khuynh hướng tạo hình tư tưởng của chúng ta có một mục tiêu cụ thể hay không, hay chúng chỉ ngẫu nhiên và rời rạc? *Tại sao* tôi lại suy nghĩ như tôi vẫn suy nghĩ? Tôi đang xây dựng hay phá hủy điều gì thông qua cách sử dụng tư tưởng điển hình của mình?

4. Do I work in mental matter consciously or unconsciously?

4. Tôi làm việc trong vật chất trí tuệ một cách hữu thức hay vô thức?

113. This will require close observation. One perceptive esoteric wag has wisely said that there is a great difference between thinking and 'thoughting'. To what extent are we involved in an unconscious 'thoughting' process? To what extent are past patterns of thinking replaying themselves in our consciousness without any attention from the Indweller? To what extent is my thinking process under my intelligent, vigilant supervision?

113. Điều này sẽ đòi hỏi sự quan sát chặt chẽ. Một nhà huyền bí học hóm hỉnh và sắc sảo đã khôn ngoan nói rằng có một khác biệt lớn giữa suy nghĩ và "thoughting". Chúng ta tham dự vào một tiến trình "thoughting" vô thức đến mức nào? Những khuôn mẫu suy nghĩ trong quá khứ đang phát lại trong tâm thức của chúng ta đến mức nào mà không có bất kỳ sự chú ý nào từ Đấng Nội Tại? Tiến trình suy nghĩ của tôi nằm dưới sự giám sát thông minh và tỉnh táo của tôi đến mức nào?

5. Do I vitalise my thought-forms with a high or a low order of entity?

5. Tôi có tiếp sinh lực cho các hình tư tưởng của mình bằng một thực thể thuộc bậc cao hay bậc thấp không?

114. Much will depend upon the *purity* of my thought and this will much depend upon the motive for which I engage in thinking.

114. Nhiều điều sẽ tùy thuộc vào *sự thanh khiết* của tư tưởng tôi, và điều này lại phụ thuộc rất nhiều vào động cơ khiến tôi dấn thân vào việc suy nghĩ.

115. Also, if I exert greater care in the building or selection of my thoughts, the quality of the entity by whom they are vitalized will be higher.

115. Ngoài ra, nếu tôi cẩn trọng hơn trong việc xây dựng hay chọn lựa các tư tưởng của mình, thì phẩm tính của thực thể tiếp sinh lực cho chúng sẽ cao hơn.

116. To this end, we must attempt to formulate thoughts and words so that they express exactly what we want to say. We must choose our words with care and not only our words, but our thoughts. This careful, measured approach will help us

116. Vì mục đích này, chúng ta phải cố gắng hình thành tư tưởng và ngôn từ sao cho chúng diễn đạt chính xác điều chúng ta muốn nói. Chúng ta phải chọn lời cẩn thận, và không chỉ lời mà cả tư tưởng nữa. Cách tiếp cận cẩn trọng, chừng mực này sẽ giúp

avoid the involvement of entities of a low order in our thought and speech processes.

chúng ta tránh sự can dự của những thực thể bậc thấp vào các tiến trình tư tưởng và lời nói của mình.

6. Do I study the laws of construction?

6. Tôi có nghiên cứu các quy luật của sự kiến tạo không?

117. These laws entail the study of white magic.

117. Những quy luật này bao hàm việc nghiên cứu chánh thuật.

118. Also the study of syntax will emerge as important. Do I attempt to create beauty in the formulation of my thoughts and words? Do I observe due proportion? Do I select 'thought materials' which fit together well, which harmonize, or do I create thought structures full of unintentional incongruities.

118. Ngoài ra, việc nghiên cứu cú pháp cũng sẽ nổi lên như điều quan trọng. Tôi có cố gắng tạo ra vẻ đẹp trong việc hình thành các tư tưởng và ngôn từ của mình không? Tôi có tuân thủ tỉ lệ thích đáng không? Tôi có chọn những "chất liệu tư tưởng" ăn khớp với nhau, hài hòa với nhau không, hay tôi tạo ra những cấu trúc tư tưởng đầy những điều bất tương xứng ngoài ý muốn.

119. We are dealing here with the selection of 'thought materials' and the manner in which they are combined and stabilized.

119. Ở đây chúng ta đang đề cập đến việc chọn lựa những "chất liệu tư tưởng" và cách thức chúng được kết hợp và ổn định.

120. Concentration, meditation and contemplation play their parts in the recognition and following of these laws.

120. Tập trung, tham thiền và chiêm ngưỡng đều giữ phần việc của chúng trong việc nhận biết và tuân theo các quy luật này.

7. Do I realise the power of the will to vitalise?

7. Tôi có chứng nghiệm quyền năng của ý chí để tiếp sinh lực không?

121. Here a study of Roberto Assagioli's *Act of Will* will be of considerable value.

121. Ở đây, việc nghiên cứu *Act of Will* của Roberto Assagioli sẽ có giá trị đáng kể.

122. Once thought is rightly constructed, the phase of 'thought empowerment' must be addressed. The act of *affirming* the constructed thought brings in the thought-vitalising will.

122. Một khi tư tưởng đã được kiến tạo đúng đắn, giai đoạn "trao quyền cho tư tưởng" phải được đề cập đến. Hành động *khẳng định* tư tưởng đã được kiến tạo sẽ đưa vào ý chí tiếp sinh lực cho tư tưởng.

123. A given thought is affirmed and then introduced into various mental and

123. Một tư tưởng nhất định được khẳng định rồi được đưa vào nhiều bối cảnh trí tuệ

imagined contexts so that its value and potential applications may be more fully understood. We can see that the imagination will be useful in the act of vitalizing thoughts through the power of the will.

và được hình dung khác nhau để giá trị và những ứng dụng tiềm năng của nó có thể được thấu hiểu đầy đủ hơn. Chúng ta có thể thấy rằng sự tưởng tượng sẽ hữu ích trong hành động tiếp sinh lực cho các tư tưởng thông qua quyền năng của ý chí.

124. Each must experiment on his own to determine the best manner of vitalizing a thought through the power of will. It will be discovered, I think, that *repetition* is a great power. Each repetition is like the hammer-blow of Vulcan, a planet of vitalizing will and power.

124. Mỗi người phải tự mình thử nghiệm để xác định cách tốt nhất nhằm tiếp sinh lực cho một tư tưởng thông qua quyền năng của ý chí. Tôi nghĩ người ta sẽ khám phá ra rằng *sự lặp lại* là một quyền năng lớn. Mỗi lần lặp lại giống như một nhát búa của Vulcan, một hành tinh của ý chí tiếp sinh lực và quyền năng.

8. Do I destroy thought-forms when they have accomplished their purpose by a conscious act of the will?

8. Tôi có hủy diệt các hình tư tưởng khi chúng đã hoàn thành mục đích của mình bằng một hành động hữu thức của ý chí không?

125. There may be technical occult means of bringing about this destruction, but one of the best is simply the 'withdrawal of attention'. If energy follows thought, then the removal of thought or attention cuts the flow of energy and brings devitalization and death.

125. Có thể có những phương tiện huyền bí kỹ thuật để đem lại sự hủy diệt này, nhưng một trong những cách tốt nhất đơn giản là "rút sự chú ý lại". Nếu năng lượng đi theo tư tưởng, thì việc loại bỏ tư tưởng hay sự chú ý sẽ cắt đứt dòng năng lượng và đem đến sự mất sinh lực cùng cái chết.

126. The 'feeding power of the attention' must be wisely controlled. Sometimes the attempt to counter an undesirable thought gives it new energy and new life.

126. "Quyền năng nuôi dưỡng của sự chú ý" phải được kiểm soát một cách khôn ngoan. Đôi khi nỗ lực chống lại một tư tưởng không mong muốn lại cho nó năng lượng mới và sự sống mới.

127. As for the occult means of de-aggregating or un-bonding the constituents of a thought which has served its purpose—such means will have to be learned (or re-learned) under the instruction of an advanced magician or Master.

127. Còn về các phương tiện huyền bí để tháo rời hay cởi liên kết các thành phần của một tư tưởng đã phục vụ xong mục đích của nó—những phương tiện như thế sẽ phải được học (hay học lại) dưới sự chỉ dạy của một nhà huyền thuật cao cấp hay một Chân sư.

9. Do I make forms which bring karmic effects, or do I build those which go to the good of the group?

9. Tôi có tạo ra những hình tướng đem lại các hậu quả nghiệp quả, hay tôi xây dựng những hình tướng mang lại lợi ích cho nhóm?

128. Even 'good thoughts' can have a karmic effect. Usually when the word "karma" is used in contexts such as these, "evil karma" is meant.

128. Ngay cả "những tư tưởng tốt" cũng có thể có một hậu quả nghiệp quả. Thông thường khi từ "nghiệp quả" được dùng trong những ngữ cảnh như thế này, người ta muốn nói đến "ác nghiệp".

129. In order to accomplish the building of thoughts which go to the good of the group, an energized heart center will have to be wedded to the throat center. Love and mind must unite before the process of thought-creation is entered.

129. Để hoàn thành việc xây dựng những tư tưởng mang lại lợi ích cho nhóm, một trung tâm tim được năng lượng hóa sẽ phải được kết hợp với trung tâm cổ họng. Tình thương và trí tuệ phải hợp nhất trước khi tiến trình sáng tạo tư tưởng được bắt đầu.

130. DK has pointed out that individuals often respect the welfare of other individuals, but do they respect the welfare of other groups or of the groups of which they may be a part? This is a harder task and, for many, not part of their awareness.

130. Chân sư DK đã chỉ ra rằng các cá nhân thường tôn trọng phúc lợi của các cá nhân khác, nhưng họ có tôn trọng phúc lợi của các nhóm khác hay của những nhóm mà họ có thể là một phần trong đó không? Đây là một nhiệm vụ khó hơn và, đối với nhiều người, không thuộc phạm vi nhận biết của họ.

131. We have to watch our thought and speech closely. We are creating all the time (consciously or unconsciously), *and* we are responsible for our creations.

131. Chúng ta phải theo dõi chặt chẽ tư tưởng và lời nói của mình. Chúng ta đang sáng tạo mọi lúc (một cách hữu thức hay vô thức), *và* chúng ta chịu trách nhiệm về những sáng tạo của mình.

Many such thoughts will arise, and in the study of thought man learns the laws of being.

Nhiều tư tưởng như thế sẽ nảy sinh, và trong việc nghiên cứu tư tưởng, con người học được các định luật của bản thể.

132. It is suggested that we can move from the study of the third aspect to the realization of the first aspect.

132. Có lời gợi ý rằng chúng ta có thể đi từ việc nghiên cứu phương diện thứ ba đến sự chứng ngộ phương diện thứ nhất.

133. It is said that "Being descends to manifest." This is precisely the process

133. Có câu nói rằng "Bản Thể giáng xuống để biểu hiện." Đây chính là tiến trình đang

under discussion. Ultimately, we have to assure ourselves that the thoughts we create and the words we speak embody the energy of *love* and reveal the unity of *being*.

được bàn đến. Rốt cuộc, chúng ta phải tự bảo đảm rằng những tư tưởng chúng ta tạo ra và những lời chúng ta nói ra đều thể hiện năng lượng của *bác ái* và bộc lộ sự hợp nhất của *bản thể*.